"Xua tan bức màn thần thoại... Cuốn tiểu sử hùng tráng này đang dần cởi trói cho những ký ức bị giam cầm"
-*Newsweek*

Giải thưởng
PULITZER
Năm 2001

NHẬT HOÀNG HIROHITO VÀ CÔNG CUỘC KIẾN THIẾT NƯỚC NHẬT HIỆN ĐẠI

tảisáchhay

HERBERT P. BIX

alphabooks

Giải thưởng Hội phê bình Sách Quốc gia Mỹ, năm 2000

nhasach

HERBERT P. BIX

NHẬT HOÀNG HIROHITO VÀ CÔNG CUỘC KIẾN THIẾT NƯỚC NHẬT HIỆN ĐẠI

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI HÀ NỘI - 2010

Dự án 1.000.000 ebook cho thiết bị di động

Phát hành ebook: http://www.taisachhay.com

Tạo ebook: Tô Hải Triều

Ebook thực hiện dành cho những bạn chưa có điều kiện mua sách.

Nếu bạn có khả năng hãy mua sách gốc để ủng hộ tác giả, người dịch và Nhà Xuất Bản

tảisáchhay

MỤC LỤC

NHẬT HOÀNG HIROHITO VÀ CÔNG CUỘC KIẾN THIẾT NƯỚC NHẬT HIỆN ĐẠI 2

Lời nói đầu 4

Lời giới thiệu 6

PHẦN 1. QUÁ TRÌNH HỌC TẬP CỦA HOÀNG TỬ HIROHITO (1901-1921) 19

2. Chân dung Một vị Hoàng đế 42

3. Đối diện với Cuộc sống Hiện thực 58

PHẦN 2. CHÍNH TRỊ VỚI MỤC ĐÍCH TỐT ĐẸP (1922 - 1930) 86

5. Chế độ Quân chủ và Chủ nghĩa Dân tộc Mới 115

6. Một ông Vua Chính trị Xuất hiện 136

PHẦN 3. NHỮNG CUỘC CHIẾN CỦA THIÊN HOÀNG (1931 - 1945) 154

8. Phục hồi và Suy thoái 182

9. Cuộc Chiến tranh Thần thánh 205

10. Bế tắc và Leo thang 230

11. Trước thềm Trận Trân Châu cảng 246

12. Trọng trách của Chỉ huy Tối cao 277

13. Lần lữa trước khi Đầu hàng 306

14. Tái tạo nền Quân chủ 334

15. Phiên tòa Tokyo 365

16. Cứu vớt Không khí Huyền bí của Hoàng đế 391

17. Những năm yên bình và Gia tài của Chiêu Hòa 409

tảisáchhay

Lời nói đầu

Trước hết, tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới Toshie, vợ tôi vì những cống hiến cho cuốn sách này. Cô ấy đã làm việc rất chăm chỉ và mang lại cho tôi nguồn tư liệu vô cùng phong phú, từ đó tôi nghiên cứu và tìm ra phương hướng để viết cuốn sách này.

Tôi cũng xin bày tỏ sự biết ơn đặc biệt tới Sam Hileman, một nghệ sĩ đồng thời từng là biên tập viên, vì những nhận xét hết sức có ý nghĩa của ông cho toàn bộ bản thảo cuốn sách này. Ông không chỉ giúp tôi làm cho từng trang viết trở nên trôi chảy hơn mà ông còn là một kho ý tưởng vô cùng phong phú, một nhà phê bình sắc bén và là một người bạn tốt. Tim Duggam, biên tập viên của nhà xuất bản Harper Collins là một biên tập viên rất tuyệt vời. Ông sắc sảo trong phê bình, kiên nhẫn và sẵn sàng giúp đỡ tôi trên mọi phương diện. Tôi vô cùng biết ơn sự giúp đỡ của ông. Đặc biệt tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn đối với Susan Llewellyn, biên tập viên nhà xuất bản Harper Collins vì đã dụng công cho nội dung toàn bộ cuốn sách này. Tôi cũng xin cảm ơn Susan Rabiner, đại diện xuất bản của tôi, người đã phụ trách việc xuất bản và hỗ trợ tôi trong toàn bộ quá trình viết sách.

John Dower đã cho tôi những lời khuyên sáng suốt; ông cũng có những nhận xét rất tinh tế về bản thảo đầu tiên của hai chương viết về chiến tranh. Hơn mười năm trước, khi đến thăm Sheffield, Anh, một người bạn cũ khác của tôi, Nakamura Masanori đã đưa cho tôi cuốn sách của ông viết về nền quân chủ Nhật Bản thời hậu chiến; cũng trong cùng thời gian đó Glenn Hook, một người sống ở Sheffield đã gửi cho tôi cuốn "Tự bạch" của Nhật Hoàng. Hai tác phẩm này đã thôi thúc tôi bắt tay vào viết cuốn sách này. David Swain đã đưa ra những ý kiến phản hồi vô cùng quan trọng trong giai đoạn đầu tôi bắt tay vào nghiên cứu và viết sách. Martin Sherwin đã có những nhận xét sắc sảo về bản thảo đầu tiên của cuốn sách này, và Mark Selden, người đã giúp đỡ tôi rất nhiều trong những năm tôi viết cuốn sách này, đã đưa ra ý kiến nhận xét cho chương cuối cùng của cuốn sách. Tôi thật sự biết ơn họ rất nhiều, và tôi cũng rất biết ơn Feroz Ahmad Victoria, Ed Friedman và Jon Halliday vì những đóng góp của họ cho cuốn sách. Noam Chomky đã có những góp ý hết sức sáng suốt giúp tôi hoàn thiện hơn các sự kiện quan trọng liên quan đến chiến tranh. Andrew Gordon đã giúp đỡ bằng cách cho phép tôi trở lại giảng dạy một năm tại trường Đại học Havard.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đối với Thư viện Havard-Yenching và Thư viện Đại học Hitotsubashi nơi tôi đã dành thời gian nghiên cứu để viết cuốn sách này; tới Elly Clay vì đã dành thời gian đọc bản thảo đầu tiên của chương 7 cuốn sách; tới Jonathan Dresner và Christine Kim vì đã đáp ứng các đề nghị cung cấp tư liệu của các thư viện Đại học Havard, và tới Kikuchi Nobuteru vì trình độ sử dụng máy vi tính của ông cũng như sự tham gia hữu ích của ông trong khóa giảng dạy của tôi về chế độ quân chủ Chiêu Hoà.

Một nhóm nghiên cứu của Hội đồng Giáo dục Nhật Bản – Hoa Kỳ (Chương trình Fulbright) đã giúp tôi bắt đầu thực hiện nghiên cứu này tại trường Đại học Hitotsubashi, Tokyo năm 1992. Tại đây, tôi đã gặp Yoshida Yutaka và Watanabe Osamu, hai người từng có những bài viết rất sâu sắc và thành công về sự thay đổi của chế độ quân chủ hiện đại. Họ đã trao đổi với tôi những quan điểm về Hirohito và chia sẻ kiến thức sâu rộng về lịch sử quân sự, chính

tảisáchhay

trị và lập hiến của Nhật Bản hiện đại. Trong những năm tôi tiến hành nghiên cứu tại trường Đại học Hitotsubashi tại Tokyo, họ đã giải đáp tất cả các thắc mắc của tôi, luôn thông cảm và giúp đỡ tôi rất nhiệt tình. Awaya Kentaro, một người bạn cũ và rất tốt khác của tôi đã cung cấp cho tôi tư liệu về các vụ xét xử tại Tokyo, không những thế ông còn mang đến cho tôi rất nhiều ý tưởng và đề xuất. Nếu không có họ, chắc chắn rằng cuốn sách này sẽ không được đầy đủ như vậy và tôi cũng đã bỏ sót nhiều tư liệu quan trọng về Nhật Bản. Vào khoảng cuối thập kỷ, tôi đã đến giảng dạy tại Viện Đào tạo Khoa học Xã hội Sau Đại học ở Hitotsubashi và trong môi trường vô cùng lý tưởng đó tôi đã hoàn thành nghiên cứu của mình và viết lại lần cuối bản thảo cuốn sách này.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới Okabe Mako và Yamada Akira vì đã chia sẻ cho tôi những tư liệu của họ và thảo luận với tôi về các vấn đề liên quan. Rất nhiều nhà sử học tên tuổi khác đã giúp tôi hiểu về cuộc đời của Hirohito thông qua các tác phẩm đồ sộ của họ, trong số đó tôi đặc biệt muốn đề cập tới Tanaka Nobumasa, Fujiwara Akira và cả Tanaka Hiromi, người đã cung cấp cho tôi những hồi ký chưa từng xuất bản của Tướng Nara Takeji. Tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn tới Akagawa Hiroaki vì những hỗ trợ của ông và vì những tư liệu mà ông đã cung cấp cho tôi.

Trong hơn 10 năm theo đuổi công trình nghiên cứu này, bố vợ tôi, Shigeaki Watanabe đã chia sẻ với tôi những bộ sưu tập của ông về thời sơ khai của triều đại Chiêu Hoà. Bà Yoshida Ryoko cũng góp phần vào cuốn sách này bằng việc liên tục gửi cho tôi các tài liệu được viết bằng tiếng Nhật.

Các phần của chương 13 được trích từ bài tiểu luận của tôi "Sự đầu hàng chậm trễ của Nhật Bản: Một cách nhìn khác" được đăng tải trên tờ *Lịch Sử Ngoại Giao* (1995); rất nhiều đoạn trong các chương 14 và 16 được trích từ bài "Sáng tạo hình mẫu Quân Chủ tại Nhật Bản" đăng trên *Tập San Nghiên Cứu Nhật Bản* (1995). Tôi xin chân thành cảm ơn hai tờ báo trên vì đã cho phép tôi sử dụng các tư liệu đó.

tảisáchhay

Lời giới thiệu

Vào khoảng cuối mùa đông năm 1946, Hoàng đế 45 tuổi, Hirohito đứng trước áp lực ngày càng tăng cả trong nước lẫn nước ngoài liên quan đến cáo buộc tội phạm chiến tranh. Nếu bị buộc tội, Hoàng đế Hirohito sẽ phải đối mặt với việc bị xét xử vì đã bổ nhiệm Tướng Tojo làm thủ tướng Nhật Bản năm 1941 và vì đã tuyên chiến với Anh và Mỹ thời gian sau đó. Nguy cơ bị chất vấn trước tòa về thời điểm biết được thông tin vụ tấn công đã được lên kế hoạch trước của Nhật Bản tại Trân Châu cảng và về vai trò của ông trong nhiều cuộc họp của Hoàng gia cũng như việc đối xử với tù nhân chiến tranh là rất lớn. Nếu điều đó xảy ra và nếu không tìm ra được sự vô tội của ông trong vụ việc này, ông có thể sẽ bị phế truất và bị trừng phạt theo một số hình thức nào đó. Các thành viên của Hoàng gia kêu gọi ông thoái vị như một cách nhằm tránh việc gánh trách nhiệm chính trị và để bảo vệ nền quân chủ Nhật Bản. Những trí thức lãnh đạo phong trào theo chủ nghĩa tự do của Nhật Bản đã công khai yêu cầu Hirohito rời bỏ ngôi báu để nêu gương sáng cho đất nước.

Đúng lúc đó, những người Mỹ chiếm đóng Nhật Bản đã hoàn thành bản dự thảo hiến pháp theo mô hình của họ. Bản hiến pháp này vừa có thể bảo vệ chế độ quân chủ của Nhật Bản nhưng mặt khác lại tước bỏ tất cả các quyền lực chính trị của quốc vương. Tranh cãi của nghị viện về bản hiến pháp mới và vai trò yếu thế của Hoàng đế theo bản hiến pháp mới đó lập tức nổ ra .1 Hy vọng tiếp tục sử dụng Hoàng đế Hirohito vào mục đích chiếm đóng Nhật Bản nhưng nhận thấy trách nhiệm pháp lý đang đè nặng lên ông, những người Mỹ bảo vệ Hirohito cần phải biết ông cảm nhận như thế nào về cuộc chiến thất bại đã được tiến hành dưới danh nghĩa của ông. Họ đặc biệt mong muốn ông giải thích mâu thuẫn rõ ràng về lý do tại sao nếu ông đã có đủ quyền hành để dâng nộp Đế chế của mình cho quân Đồng Minh vào cuối cuộc chiến tranh, ông lại không đủ có đủ quyền lực tương tự để ngăn chặn cuộc chiến ngay từ ban đầu, theo đó cứu sống sinh mạng của hàng triệu người.

Để ngăn chặn tất cả những mối đe doạ đối với ngai vàng cũng như đối với bản thân, Hirohito đã đưa ra một bản báo cáo bào chữa cho những hành động của mình với tư cách là người đứng đầu nhà nước Nhật Bản trong vòng hơn 20 năm, một hành động mà có thể bảo vệ ông khỏi những cáo buộc mà ông có lẽ chưa bao giờ ông từng phải đối mặt nhưng cũng không có gì đảm bảo rằng ông có thể trốn tránh được trách nhiệm của mình. Và ông đã phải bí mật làm việc đó, một biện pháp cần thiết để tự bảo vệ ông khỏi những trách nhiệm về cuộc chiến cũng như dập tắt các đề tài bàn cãi về lòng trung thành tuyệt đối của ông đối với đất nước. Nếu sự việc được làm sáng tỏ vào thời điểm đó, sợi dây ràng buộc về mặt tinh thần giữa ông và nhân dân Nhật Bản vốn đã suy yếu sẽ lập tức bị tiêu tan, và với họ ông chỉ còn hữu ích cho Tướng Douglas MacArthur.

Vì vậy, vào lúc 10:30 ngày 18 tháng Ba năm 1946, một buổi sáng chủ nhật lạnh giá, Hirohito, mặc dù đang bị cảm đã triệu tập năm trọng thần tin cẩn nhất của mình tới phòng làm việc trong hầm bằng bê tông được xây dựng trên khu đất của cung điện Hoàng gia, nơi ông từng sống trong suốt quá trình và kể từ khi xảy ra cuộc Chiến tranh Thái Bình Dương. Họ đến để lắng nghe những nhận định của ông về các sự kiện đặc biệt xảy ra trong thời gian ông trị vì. Khi bước vào vào phòng, các trọng thần thấy ông ngồi dựa lưng trên chiếc giường

tảisáchhay

của ông đóng theo kiểu phương Tây đã được kê lại theo tính toán của ông cho sự kiện đặc biệt này. Dưới chân giường có bố trí ghế ngồi cho các trọng thần. Nhật Hoàng mặc một bộ pyjamas bằng lụa trắng tinh, gối và chăn của ông cũng được dệt rất tinh xảo từ lụa *babutae* mềm màu trắng. Theo đạo Shinto, tôn giáo mà ông đã từng là một giáo sĩ tối cao, cách ăn mặc như vậy thể hiện sự trong sạch thuần khiết chứ không phải là sự ăn năn hối lỗi. Các trọng thần ngồi xuống và bắt đầu hỏi ông về những mệnh lệnh mà một phần trong số đó là do thư ký quân sự của Tướng MacArthur gợi ý cho họ. Họ lắng nghe những câu trả lời của Hirohito và Inada Shuichi ghi chép lại các câu trả lời của Hoàng đế. Sau này, người ta thấy trong sổ tay của Inada ghi lại: " Đáng lẽ mọi người phải hỏi Hoàng đế về lý do tại sao họ lại vội vã được Hoàng đế triệu tập để lắng nghe báo cáo, tuy nhiên, lúc đó có một số trọng thần lại hỏi ông về trách nhiệm của ông liên quan đến các phiên xét xử tội ác chiến tranh và tôi thấy cần phải nhanh chóng ghi lại những lời bộc bạch của Hoàng đế."3

Bản tóm lược những điều mà Hoàng đế đã nói vào buổi sáng hôm đó cũng như tại năm phiên họp khác trong ba tuần tiếp theo đã được một trong năm trọng thần của ông giao cho thư ký quân sự của MacArthur sau đó. Tuy nhiên, không có chi tiết nào trong bản tóm lược đó được tiết lộ bởi có lẽ những quan chức đứng đầu của Mỹ tại Tổng Hành Dinh (GHQ) đã là những người bảo vệ lớn nhất của Hoàng đế và cũng là những người thần thoại hóa ông. Trong bản gốc bằng tiếng Nhật của cuốn *Tự Bạch*, Hoàng đế đã cố gắng bày tỏ rằng, ngoại trừ hai sự kiện đặc biệt diễn ra sau năm 1928 - một là cuộc nổi loạn quân sự vào năm 1936 và thứ hai là việc chấm dứt chiến tranh vào năm 1945, ông không dính dáng đến chính trị và đã cố gắng không can thiệp trực tiếp vào việc đưa ra các quyết định liên quan đến chính trị. Ông ngụ ý rằng cuộc chiến tranh với Anh và Mỹ chỉ là do không thể tránh được mà thôi. Mặc dù cá nhân ông đã từng phản đối cuộc chiến tranh này nhưng cho đến phút chót ông đã không thể dùng ảnh hưởng của mình để ngăn chặn cuộc chiến đó, một phần vì lo ngại xảy ra nổi loạn ở trong nước nhưng chủ yếu vẫn là những nguyên nhân về mặt thể chế. "Với tư cách là một quốc vương theo hiến pháp dưới sự chỉ đạo của chính phủ lập hiến, tôi không thể tránh được việc phải phê chuẩn quyết định của nội các Tojo vào thời điểm nổ ra chiến sự".4

Khoảng mười ngày sau khi hoàn thành cuốn *Tự Bạch*, Hirohito đã soạn thảo một tài liệu khác bằng tiếng Anh với sự trợ giúp của các trọng thần, tóm tắt những điểm chính biện hộ của mình nhưng nhấn mạnh rằng "Thật sự, tôi hầu như là một tù nhân và chẳng có chút quyền lực nào". Cuốn *Tự Bạch* dài hơn này tiếp tục không được công khai cho đến tận sau khi Hoàng đế Hirohito qua đời vào năm 1989. Bản tiếng Anh đã được rút gọn đáng kể của cuốn sách này miêu tả ông như một con rối vô dụng của "những người theo chủ nghĩa quân phiệt" đã không được tìm ra và được công khai tại Nhật Bản cho đến tận năm 1977. Cả hai cuốn tư liệu là những minh chứng hùng hồn về sự huyền bí, thần thoại và những hiểu lầm hoàn toàn xung quanh cuộc đời của vị Hoàng đế này.

Một trong những sự kiện chính trị hấp dẫn và phức tạp nhất lịch sử Nhật Bản trong thế kỷ XX chính là sự kiện Hirohito lên ngôi vào cuối năm 1926, ngay trước khi xung đột trong quan hệ giữa Nhật Bản và Trung Quốc tiếp tục diễn ra sau một thời gian gián đoạn. Tiếp theo đó là một cuộc chiến tranh kéo dài trong 62 năm, bại trận, Mỹ chiếm đóng, hòa bình và thịnh vượng sau Chiến Tranh Lạnh. Trong suốt 20 năm đầu kể từ khi lên ngôi, ông từng là

tảisáchhay

trung tâm của đời sống chính trị, quân sự và tinh thần của Nhật Bản theo cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Ông sử dụng quyền lực của mình theo cách mà đã được chứng minh là mang lại bất hạnh cho nhân dân Nhật Bản và nhân dân của các quốc gia bị Nhật Bản xâm lược. Thông qua tóm lược về thời gian bành trướng của đế quốc mạnh nhất châu Á này dưới triều đại của ông, chúng ta có thể thấy tiềm lực của đế quốc này to lớn như thế nào. Ông từng là người chủ trì trong các cuộc bành trướng và đã lãnh đạo Nhật Bản thực hiện một cuộc chiến tranh mà cái giá phải trả (theo ước tính chính thức được chính phủ các nước công bố sau năm 1945) là sinh mạng của gần 20 triệu người châu Á , trên 3,1 triệu người Nhật và hơn 60 ngàn người các nước trong khối Đồng Minh Phương Tây.6

Các sự kiện không diễn ra như những gì ông dự liệu và mong đợi. Ngay cả khi ông phải đưa ra những lời giải thích về vai trò của mình trong các sự kiện này và sắp đặt hồ sơ cho có vẻ chân thật, ông và những trọng thần của ông không hề vô tư một chút nào. Họ đã khéo léo tạo ra một cuốn sách nhằm mục đích đi đến kết luận rằng ông luôn là một vị vua theo hiến pháp kiểu Anh và là một người theo chủ nghĩa hòa bình. Hirohito không giải thích việc làm thế nào mà ông và các trọng thần của mình đã làm cho quân đội trở thành một lực lượng chính trị có quyền lực to lớn đến như vậy để có thể đẩy mạnh quá trình bành trướng quân sự. Ông cũng phớt lờ việc nhiều lần ông và các trọng thần đã lợi dụng phương pháp của Nhật Hoàng Minh Trị vào việc điều hành chính phủ bằng cách chủ trương đàn áp quá trình dân chủ, ít mang màu sắc chính trị quân sự. Ông cố tình tránh né các chi tiết về vai trò của mình với tư cách là người chỉ huy quân sự đồng thời là người đứng đầu nhà nước, ông không rõ ràng về các động cơ của mình và làm đảo lộn thời điểm thực hiện các hành động cũng như logic có thể suy diễn về các thời điểm đó. Ông cũng không đề cập đến việc làm thế nào ông, với vai trò như một trung tâm ý thức hệ thật sự của chủ nghĩa dân tộc mới lấy Hoàng đế làm trung tâm đã được xây dựng xung quanh mình, đã vận động thần dân của mình tham gia vào cuộc chiến tranh.

Viên trọng thần viết lời mở đầu cho cuốn *Tự Bạch* đã than phiền rằng Hoàng đế Hirohito đã tự giới hạn bản thân khi trình bày một cách vắn tắt về "những nguyên nhân căn bản và trực tiếp của cuộc Chiến Tranh Đông Á Vĩ Đại, tiến trình của cuộc chiến tranh này và làm thế nào cuộc chiến đó đi đến hồi kết thúc." Điều này cũng không đúng sự thật. Những giải thích của Hirohito không hề đề cập đến các phương pháp mà ông và các cận thần áp dụng để làm mất ổn định hệ thống nội các của các đảng phái đã được xây dựng trong thời kỳ giữa và cuối những năm 1920 bằng cách khăng khăng yêu cầu bổ nhiệm thủ tướng mới và buộc ông này phải thực hiện các vấn đề chính sách - dân tộc theo ý của họ. Ông cũng không bình luận về việc cuộc chiến tranh tại Trung Quốc đã bắt đầu như thế nào, vai trò lãnh đạo trực tiếp của ông trong cuộc bành trướng đó và cách bố trí quân đội Nhật Bản ở trên bộ và trên không. Hirohito cũng giữ im lặng về những sự kiện và sự việc có ảnh hưởng sâu sắc nhất tới cuộc đời ông, các đánh giá của ông đối với những sự kiện và sự việc đó, cũng như các ý tưởng dẫn đến những hành động của ông và khiến ông trở thành một con người như chính ông vậy. Xét về nỗ lực của ông với một ý đồ duy nhất là bảo vệ địa vị của mình, bất chấp cái giá mà những người khác phải trả, thì ông là một trong những người không trung thực nhất trong lịch sử Nhật Bản cận đại từng nắm giữ ngai vàng.

tảisáchhay

Tác phẩm này cố gắng nghiên cứu chính xác các sự kiện và các hệ tư tưởng đã ảnh hưởng đến sự hình thành con người Hirohito, cho dù sâu sắc hay chỉ thoáng qua, với tư cách là Hoàng đế và với tư cách là một con người. Cuốn sách này tập trung vào những tác động đã tạo nên ý nghĩa và hành động của ông cũng như của những trọng thần thân cận trước, trong và sau cuộc Chiến Tranh châu Á – Thái Bình Dương (1931 - 1945). Cuốn sách tập trung mô tả vai trò thật sự của ông trong việc đưa ra chính sách khi ông là trung tâm của các sự kiện. Và theo quan điểm của tôi, cuốn sách cần thiết phải có nhiều phần liên hệ chặt chẽ với nhau, bao gồm các phần viết về nền quân chủ chính thống trên cơ sở thần thánh đã được xây dựng dưới thời Nhật Hoàng Minh Trị, các phần về chế độ quân chủ đã được cải cách, chế độ mà đã khéo léo tách rời khỏi cuộc chiến và những ký ức về nó để tiếp tục tồn tại đến ngày nay. Cuốn sách nói về những ảnh hưởng của nền quân chủ mang màu sắc thần thánh lẫn nền quân chủ hiện thực đến Hirohito, mối quan hệ của ông với các cơ quan khác nhau của nhà nước, và sự biến đổi không ngừng của nền quân chủ đó dưới thời ông trị vì. Về cơ bản, tôi dành nhiều phần viết về toàn bộ cuộc đời của Hirohito, về tầm ảnh hưởng của ông, lớn hơn rất nhiều so với bất kỳ nhân vật lịch sử nào khác của Nhật Bản, người đã mang đến cho Nhật Bản các mối quan hệ rộng lớn hơn với thế giới trong lĩnh vực chính trị và chính phủ - quân sự. Cuộc đời của ông hé lộ cho chúng ta nhiều điều về sự thay đổi trong thái độ chính trị của người dân Nhật Bản trong một thế kỷ qua.

Tuy nhiên, cuốn sách này không phải là một cuốn tiểu sử chính trị chính thống. Hirohito vốn là người thích giao du và thoải mái. Ông có nhiều bạn bè thuộc nhiều tuýp người khác nhau và nhiều người trong số họ thích viết thẳng thắn về ông. Ông là người kín tiếng, đôi khi đối với ông những lời nói hùng hồn nhất chính là không nói gì cả. Là người của công chúng, ông đã học được cách thận trọng trước khi nói về những vấn đề riêng tư của mình. Những tác phẩm có chữ ký của ông mà ông để lại không nhiều. Chúng cho chúng ta thấy được những suy nghĩ của ông và giúp chúng ta hiểu được những phản ứng của ông trước những sự kiện trọng đại mà ông đã trải qua trong đời. Có một sự thật là, trong các dịp quan trọng, ông đã viết các bài thơ waka theo phong cách của ông nội ông, Nhật Hoàng Minh Trị, các bài thơ này có tất cả hơn 860 bài hầu hết được viết sau năm 1945 và đã được xuất bản.7 Nhưng ông không cho xuất bản bất kỳ hồi ký nào của mình và thường chỉ bày tỏ ý kiến hoặc dự định của mình thông qua những người khác, mà những người lại cho rằng thật là bất kính và không thích hợp chút nào nếu một thần dân Nhật Bản lại viết bài chỉ trích Nhật Hoàng của mình.

Ông cũng là một người cô đơn. Người ta nói rằng từ khi mới 11 tuổi ông đã giữ nhật ký của mình rất cẩn thận. Có thể ông đã làm như vậy. Tuy nhiên, cuốn nhật ký đó được Cơ Quan Phụ Trách về Hoàng Gia Nhật Bản lưu giữ. Hiện tại và có thể sẽ chẳng bao giờ các nhà nghiên cứu có thể được tự do tiếp cận với cuốn nhật ký đó. Cơ quan nói trên đang biên soạn một cuốn biên niên sử về triều đại dưới thời Hirohito, tuy nhiên, tác phẩm này bắt đầu với lời tựa "về cơ bản, cuốn sách này sẽ không được công khai…. bởi vì điều đó có thể sẽ tạo thành hành vi xâm phạm đời tư của những người được đề cập và những người có liên quan tới họ"8. Các tư liệu bị cấm khác bao gồm thư từ liên lạc giữa Hirohito và các thành viên của Hoàng thất, toàn bộ "Ghi chép về các Đối thoại của Hoàng đế" *(Seidan baicboroku)* bằng nhiều phiên bản khác nhau, cũng như các tài liệu chưa được xuất bản khác như nhật ký của những người từng phục vụ ông và các tư liệu mà nếu một ngày nào đó được công bố có thể

tảisáchhay

làm sáng tỏ về toàn bộ cuộc đời của Hirohito. Cả chính phủ Hoa Kỳ cũng không công khai tất cả các tài liệu bí mật về Hirohito mà họ đang nắm giữ như các cuộc đàm thoại giữa ông và Tướng Douglas MacArthur và tập tài liệu mang tên ông hiện đang được lưu trữ tại Văn Khố Quốc Gia Hoa Kỳ.9

Nếu một người muốn tìm hiểu về cuộc đời của Hirohito cũng như về động cơ hành động của ông, thì người đó phải dựa vào những tài liệu của các trọng thần đã thực hiện những ghi chép và ghi nhật ký về ông. Họ là những người được làm việc bên cạnh ông do đó họ hiểu ông rất rõ và trên thực tế đã cho xuất bản những ghi chép và nhật ký đó của mình. Người đó cũng phải dựa vào các bản báo cáo của các quan chức quân sự cấp cao và những nhà ngoại giao, những người đã ghi lại những lời phát biểu của ông trong suốt những năm tháng chiến tranh. Gần đây, bằng nỗ lực vô cùng lớn lao, thế hệ học giả mới của Nhật Bản đã cho xuất bản một ấn phẩm gồm hàng trăm tài liệu chưa từng được công bố, nhật ký, hồi ký và các nghiên cứu học thuật liên quan đến Hoàng đế Hirohito trong những năm tháng chiến tranh và hậu chiến, cùng với đánh giá mang tính thay đổi lớn so với trước đây mà người dân Nhật Bản ngày nay dành cho thể chế Hoàng gia. Chúng ta, những người đang sống tại các quốc gia phương Tây và những người đang sống tại Nhật Bản, cuối cùng cũng có cơ hội hiểu thêm những tác động về mặt trí tuệ, đạo đức và xã hội đã ảnh hưởng đến cuộc đời của Hoàng đế Hirohito. Mặc dù còn nhiều khác biệt giữa các nguồn tư liệu, các tư liệu mới này đã kể lại chân thực câu chuyện về Hoàng đế Hirohito trong một thế kỷ đắm chìm trong chiến tranh.

Tác phẩm nêu trên của các học giả Nhật Bản đã giúp chúng ta biết được Hirohito bị cô lập với người dân Nhật Bản như thế nào. Mặc dù ông đã trở thành trung tâm được những người theo chủ nghĩa dân tộc cuồng tín tôn sùng và nhiều người còn chào hỏi ông như một vị thánh sống khi ông thực hiện các chuyến viếng thăm tới các thành phố của Nhật Bản, ông chưa bao giờ được "ngưỡng mộ" theo đúng nghĩa của từ này. Ông ngự trị ngai vàng trong một thể chế quân chủ lập hiến quan liêu và không chỉ được xem là một "bộ phận" của nhà nước hiện đại theo kiểu tập trung quyền lực mà còn như một thực thể có "ý chí" có quyền lực cao hơn tất cả các luật lệ.10 Đặc biệt, các tư liệu mới này giúp chúng ta hiểu được nguyên nhân tại sao Hirohito lại được đề cập đến trong các lập luận trái ngược nhau về sự phát triển của toàn bộ nền chính trị cận đại của Nhật Bản, điều mà không người Nhật nào khác có thể làm được.

Sự phát triển đó được bắt đầu từ triều đại của ông nội Hirohito, Nhật Hoàng Mutsuhito, người được biết đến sau khi chết với tên hiệu Minh Trị, hay "Người vĩ đại". Khi lên ngôi vào năm 1868, Minh Trị được phong Nhật Hoàng để đảm nhiệm vai trò của người dẫn đường trong công cuộc hiện đại hóa đất nước. Rốt cuộc, cách thức xây dựng và thể chế hóa quyền lực của ông trong những năm cuối thế kỷ XIX đã tạo nên những giới hạn về phát triển chính trị của Nhật Bản cho đến tận năm 1945. Triều đình Nhật Bản hoạt động độc lập với chính phủ và được cơ cấu lại theo mô hình của chế độ quân chủ châu Âu. Triều đình Nhật Bản hoạt động tuân thủ theo hiến pháp. Năm 1889, như một "món quà" dành tặng đất nước, ông ban hành một hiến pháp trong đó khẳng định rằng Hoàng đế là người kế vị mang dòng dõi thần thánh, ngôi vị Hoàng đế được truyền theo hình thức cha truyền con nối và chính phủ có quyền lực thấp hơn Hoàng đế trên cơ sở đó.11 Hiến pháp đã mô tả nhật Hoàng như "thần thánh và bất khả xâm phạm", "người đứng đầu của đế chế" *(gensbu)*, tư lệnh tối cao

tảisáchhay

(*daigensui)* của lực lượng vũ trang và là người giám sát tất cả các quyền lực tối cao. Hoàng đế có quyền triệu tập và giải tán Nghị viện Hoàng gia; ban hành các sắc lệnhcủa Hoàng gia thay cho luật; và bổ nhiệm, miễn nhiệm các bộ trưởng, viên chức dân sự, các quan chức quân sự và quyết định lương bổng của họ. Các nhiệm vụ cơ bản của Hoàng đế đó là, với vai trò người ban hành luật lệ, có quyền cao hơn hiến pháp, mục đích của điều đó không phải là tạo ra các giới hạn đối với quyền lực của Hoàng đế mà hoàn toàn ngược lại, để bảo vệ Hoàng đế và tạo ra một cơ chế cho phép Hoàng đế thực thi quyền lực của mình mà không bị cản trở bởi bất kỳ giới hạn nào. Hệ thống chính phủ như vậy có thể được gọi với cái tên chính phủ theo sự chỉ đạo của hiến pháp nhưng không phải là một nền quân chủ theo hiến pháp.12

Đế quốc thực dân Nhật và vị thế mới của Nhật Bản như một cường quốc mạnh nhất trong khu vực có quyền kiểm soát các tài sản cả trong lục địa và ngoài hải đảo là tài sản lớn thứ hai mà Nhật Hoàng Minh Trị truyền lại cho Hirohito. Vào năm 1894, gần một thập kỷ sau khi ra quyết định phải đưa Nhật Bản bắt kịp với các nước tiên tiến phương Tây bằng cách tham gia tranh giành thuộc địa với các nước này tại châu Á , những người đứng đầu Nhật Bản đã tuyên chiến với Trung Quốc nhằm mục đích xâm lược và kiểm soát Hàn Quốc. Trung Quốc đã thua trận, phải nhượng lại Đài Loan và Bán đảo Liêu Đông ở phía nam Mãn Châu và Đảo Pescadore cho Nhật Bản. Trung Quốc nhất trí trả cho Nhật Bản một khoản tiền bồi thường lớn và sau đó ký với Nhật một hiệp ước thương mại bất bình đẳng cho phép các tàu của Nhật Bản đi qua Sông Dương Tử và thương nhân Nhật Bản được phép vận hành các nhà máy trong nội địa cũng như tại các cảng biển được quy định trong hiệp ước (như Thiên Tân, Thượng Hải và Quảng Châu).

Cuộc chiến giành thắng lợi đó đã một lần nữa nâng cao uy tín của Nhật Hoàng Minh Trị. Với vai trò chính là người bảo vệ lợi ích của những người đứng đầu đất nước, khi bước sang tuổi 43, Nhật Hoàng Minh Trị trở thành biểu tượng quốc gia và giành được ảnh hưởng cao gấp hai lần những gì một Hoàng đế bình thường có thể làm được. Ông đạt được điều đó bằng cách sử dụng quyền lực của thần thánh và tham gia vào việc đưa ra các quyết định liên quan đến tất cả các lĩnh vực của đất nước. Một dân tộc mà trong một thời gian dài đã quen với quan niệm chống chủ nghĩa quân phiệt và tôn thờ các chiến binh Samurai xen lẫn với hoài nghi, sợ hãi và khinh bỉ, chiến thắng năm đã thu hút sự ủng hộ của nhân dân đối với lực lượng quân đội được tổ chức theo hình thức gọi nhập ngũ. Nó cũng kích thích chủ nghĩa dân tộc bài ngoại và vun trồng ý thức về tính ưu việt của dân tộc Nhật Bản so với dân tộc các nước Hàn Quốc và Trung Quốc. Sau khi Nhật Bản đánh bại Trung Quốc, tình hình quốc tế tại khu vực Đông Á trở nên phức tạp hơn bao giờ hết. Mối đe doạ từ các nước Đức, Nga, Pháp đã buộc Minh Trị và những người đứng đầu Nhật Bản phải từ Bán đảo Liêu Đông quay trở về Trung Quốc. Ngay lập tức cường quốc này gia tăng đáng kể các nhượng bộ về lãnh thổ và thương mại với chi phí do phía Trung Quốc chịu. Nga giành được quyền thuê bất động sản theo hợp đồng trên Bán đảo Liêu Đông, chuyển quân đến Mãn Châu vào năm 1898 và dùng ảnh hưởng của mình tại Hàn Quốc để kiểm soát Nhật Bản.13 Trong cùng năm đó, Mỹ tiến hành cuộc Chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha, thôn tính Hawaii và chiếm Philippines, Wake, Guam và Midway. Năm 1900, khi các cường quốc phương Tây thành lập đội viễn chinh quốc tế với mục đích đàn áp cuộc khởi nghĩa Nghĩa hòa Đoàn tại Trung Quốc, quân đội Nhật cũng tham gia lực lượng này. Đến năm tiếp theo, Nhật Bản cùng với các cường

tảisáchhay

quốc phương Tây hàng đầu đã ký kết Nghị định thư Nghĩa Hòa Đoàn với Trung Quốc, theo đó họ được nhận các khoản tiền bồi thường chiến tranh và quyền được đóng quân lâu dài tại các thành phố của Trung Quốc do họ chỉ định để bảo vệ công dân và các nhà ngoại giao nước mình.

Ba năm sau kể từ năm 1904, Nhật Bản tiến hành một cuộc tấn công bất ngờ vào hạm đội của Nga tại Cảng Arthur. Cuộc xung đột diễn ra sau đó giữa hai bên đã khiến khoảng 110.000 người Nhật thiệt mạng và kết thúc bằng hòa bình thông qua thương lượng trung gian mà không có bất kỳ khoản bồi thường nào, không có bạo động tại thủ đô và không có dấu hiệu gì về việc một ngày nào đó Nga sẽ tìm cách trả thù. Nhật Hoàng Minh Trị không có vai trò gì trong cuộc tấn công trên, tuy vậy một lần nữa nó lại làm cho tên tuổi ông trở nên lừng lẫy. Sau cuộc tấn công đó, Nhật Bản giành lại từ Nga quyền thuê bất động sản theo hợp đồng vẫn đang còn hiệu lực trên Bán đảo Liêu Đông đối với tuyến đường sắt dài 700 dặm chạy qua phía nam Mãn Châu và bán đảo nam Karafuto (Đảo Shakhalin) tại Biển Okhotsk, và sự kiện này đã được ca ngợi như là thành tích lịch sử của Nhật Hoàng Minh Trị.

Hirohito ra đời vào buổi bình minh của một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của sự đối đầu giữa các đế quốc tại châu Á và Thái Bình Dương, và dưới triều đại của ông, nền chính trị Nhật Bản đã đi đến một kết cục bi thảm trong chiến tranh và thất bại. Chúng ta có thể có được một cái mới về nền chính trị Nhật Bản bằng cách nhìn vào cách người đàn ông này, người luôn đi ngược lại với lợi ích các thần dân của mình, phớt lờ mạng sống của họ, không bao giờ hoàn toàn chắc chắn về việc họ có thật sự ủng hộ mình hay không, người sống sót qua cuộc chiến tranh và tiếp tục trị vì ngôi báu, đồng thời nhìn vào cách ông tiếp tục nắm giữ ngai vàng để duy trì truyền thống tốt đẹp của Hoàng gia cho đến tận nửa sau của thế kỷ XX.

Hirohito và dân tộc Nhật Bản đã tạo dựng nên một nền chính trị dựa trên tình cảm và ý thức hệ, cùng với những ký ức chung về chiến tranh. Nhìn vào cuộc đời ông, chúng ta có thể thấy được tại sao ông và thần dân của ông lại có thể sát cánh bên nhau bằng mối quan hệ cộng sinh sâu sắc đến như vậy, trong đó ông chính là người tạo dựng và cũng chính là người khai thác mối quan hệ đó. Trước, trong và ngay sau khi phải đối mặt với những tổn thương về chiến tranh và thất bại, ông đã thể hiện trước nhân dân như một người cao quý "theo truyền thống", nhìn nhận họ theo cách chỉ đề cao những mặt tốt đẹp chứ không bao giờ đề cập đến các thiếu sót của họ. Người dân Nhật Bản thì làm chỗ dựa cho ông trước nỗi sợ hãi, lo sợ, họ đối với ông như đối với một vị thánh sống và hình mẫu của một người cha lý tưởng. Họ hỗ trợ ông trong việc xây dựng quyền lực và chịu trách nhiệm về việc thực thi quyền lực của ông bởi theo truyền thuyết về xuất thân của mình, ông không thể làm được điều đó. Trước đây, người dân Nhật Bản không bao giờ bàn cãi về việc hình mẫu và nguyên tắc tổ chức đời sống dân tộc của họ có điều gì đó chưa được hoàn hảo. (Tuy nhiên, trong mỗi thời kỳ, một số người Nhật Bản thường xuyên làm điều đó).

Sau khi Hirohito lên ngôi vào năm 1926, đời sống chính trị ở Nhật Bản bắt đầu nóng lên trước những vấn đề liên quan đến chính sách đối nội và đối ngoại. Những người đứng đầu khối chính trị và khối quân sự bắt đầu tranh cãi xung quanh ý nghĩa của chính thể quốc gia hay còn gọi là *quốc thể.* Với việc lấy Hoàng gia là trung tâm, *quốc thể* nghĩa là nguyên tắc tốt nhất của nhà nước và xã hội Nhật Bản. Khi sự bất mãn với xã hội trở nên sâu sắc, nhiều

tảisáchhay

người tin rằng cuộc cải cách có thể đạt được thành công nếu sử dụng quyền lực của Hoàng đế. Trong bối cảnh đó, một chủ nghĩa dân tộc mới và mạnh mẽ với tên gọi "đế quốc cách" hay *kodo* đã ra đời và được truyền bá rộng rãi trên khắp đất nước Nhật Bản. "Đế quốc cách" là một học thuyết chính trị có động cơ thúc đẩy rõ ràng, phát sinh từ tư tưởng coi Hoàng đế như hiện thân cho quá khứ và hiện tại của đất nước Nhật Bản, một kiểu hình mẫu đạo đức ưu tú mà tất cả mọi người cần noi theo. Thuật ngữ này được dùng để chỉ một loại hình đấu tranh tư tưởng nhưng mặt khác còn có nghĩa là một kế hoạch hành động. Học thuyết này được tạo ra nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của các học thuyết có nguồn gốc bên ngoài đối với Nhật Bản như chế độ dân chủ phương Tây, chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa cộng sản. Không bị ảnh hưởng để Nhật vẫn là chính mình, dân tộc Nhật Bản sẽ có thể lấy lại được lòng tự trọng và có thể tiến hành một cuộc chiến tranh tư tưởng "thần thánh" chống lại các học thuyết chính trị phương Tây. Mặc dù từ *kodo* đã xuất hiện từ cuộc khủng hoảng giữa thế kỷ XIX, nó bắt đầu được sử dụng lại vào cuối những năm 1920 và việc thuật ngữ này được chính thức sử dụng trong đời sống ngoại giao của Nhật Bản những năm đầu 1930 đã giúp Nhật Bản sửa chữa được quá khứ, đồng thời lựa chọn chính xác hơn.

"Đế quốc cách" được sử dụng như một phương pháp nhằm loại bỏ sự hứng thú của người dân Nhật Bản trước sự nô dịch hóa về tinh thần và kinh tế của phương Tây. Nó tạo ra lối thoát về mặt ý nghĩ và tình cảm trên mọi lĩnh vực của cuộc sống chứ không chỉ trong lĩnh vực quân sự. Nó được áp dụng để làm cho người dân Nhật Bản trở nên vô tình trước những nỗi đau mà họ gây ra cho những người khác do tính hiếu chiến vô đạo và tự cao tự đại của họ, giống như cách mà Mỹ, đối tác của Nhật Bản - được gọi một cách hoa mỹ là "Thuyết Bành Trướng Do Định Mệnh" từng áp dụng trong một số thời kỳ khi phát động chủ nghĩa dân tộc ở Mỹ. Hầu như chỉ qua một đêm, tinh thần hòa giải quốc tế đã không còn là sự thận trọng và đường hướng trong chính sách ngoại giao của Nhật Bản. Trong phương pháp này người ta thấy xuất hiện cụm từ Shinto được dùng với mục đích thúc đẩy quá trình thanh lọc những ảnh hưởng về văn hóa chính trị của Anh - Mỹ đối với châu Á . Bao trùm trong "đế quốc cách" còn là niềm tin về một thời đại Hoàng kim, điều này nhận được sự chia sẻ của tất cả các tín đồ Phật giáo Nhật Bản nhưng vấp phải sự phản đối kịch liệt của các tín đồ theo đạo Nhật Liên Thánh Nhân, rằng Nhật Bản là một nước có nền quân chủ lập hiến độc đáo, có một sức mạnh phi thường để truyền dạy đạo đức và thống nhất toàn bộ thế giới. Theo nguyên lý thần thánh của "đế quốc cách", "tám phương của thế giới" đều dưới quyền cai trị của Hoàng đế, và "trái tim nhân ái của Hoàng đế" trở thành nơi hội tụ, và được gắn kết với quyết tâm sử dụng sức mạnh để chống lại những ai bác bỏ lòng nhân từ như một người cha của Nhật Hoàng. Trong bối cảnh mà một dân tộc tự cho mình là dân tộc cao quý lấy Nhật Hoàng làm trung tâm, các viên chức thì cho rằng không có một giáo lý nào cao quý hơn giáo lý của đất nước họ, Hirohito và những trọng thần của ông đã tham gia trực tiếp và mang tính quyết định vào việc đưa ra chính sách với vai trò một lực lượng độc lập. Đóng vai trò tích cực phía sau hậu trường, Hirohito đã dùng ảnh hưởng của mình chỉ đạo ba vị thủ tướng đầu tiên trong thời kỳ ông trị vì ngai vàng, đẩy nhanh sự sụp đổ nội các của các đảng phái chính trị và ủng hộ việc chống lại quá trình làm vững mạnh cỗ máy hòa bình của Hội Quốc Liên. Khi lực lượng quân đội công khai xúi giục chống lại sự can thiệp của ông, ông và các trọng thần đã rút lui và nhắm mắt làm ngơ trước hành động xâm lược của quân đội.

tảisáchhay

Từ khi mới lên ngôi, Hirohito đã tỏ ra là một vị Hoàng đế hết sức năng động, nhưng ngược lại, ông cũng là người đề xướng một nền quân chủ thụ động với hình ảnh mang tính phòng vệ. Trong khi phần còn lại của thế giới cho rằng cá nhân ông không có bất kỳ vị trí đáng kể nào trong quá trình đưa ra quyết định và khăng khăng coi ông như một kẻ bù nhìn bất lực thiếu tài năng, trí tuệ mà một người có quyền lực cần phải có, trên thực tế, ông là người thông minh và sắc sảo hơn nhiều so với người ta tưởng, không những thế ông còn là một người đầy nghị lực. Trong trường hợp của Hirohito, có nhiều điều mà chúng ta phải học tập từ ông, đó là không nói những điều mà ông không nói và làm như ông đã làm. Trong suốt 22 năm đầu trị vì ngai vàng, ông đã có một tầm ảnh hưởng rất lớn và hiếm khi thấy ông bất lực khi đã lựa chọn thực hiện một hành động nào đó. Nếu Hirohito không dùng quyền quyết định của mình để chi phối chính sách của chính phủ hoặc để thay đổi một số tiến trình hành động đã được lên kế hoạch sẵn, thì quyết định của ông đã không có tầm quan trọng đến như vậy.

Từ cuối năm 1937 trở đi, Hirohito dần trở thành người chỉ huy chiến tranh thực thụ, chi phối việc lập kế hoạch, lập chiến lược và tiến hành các hoạt động của Nhật Bản tại Trung Quốc cũng như tham gia bổ nhiệm và thăng chức cho các tướng lĩnh và sĩ quan Hải quân cao cấp. Từ cuối năm 1940, khi bộ máy ra quyết định được thay thế bằng một cơ cấu hiệu quả hơn, ông đã có những đóng góp quan trọng trong mỗi giai đoạn xét lại chính sách mà đỉnh điểm là việc châm ngòi cuộc chiến chống lại Mỹ và Anh vào tháng 12 năm 1941. Đồng thời, ông và những trọng thần của ông cũng đóng vai trò như những người dự đoán tâm trạng và làm thay đổi sự thất vọng của những người đứng đầu bộ máy cầm quyền Nhật Bản. Nắm vị trí quan trọng hàng đầu trong quá trình ra quyết định và phải đối phó với những diễn biến mới về tình hình quốc tế, ông tỉnh táo thay đổi những tiền lệ mà ông nội của mình, Nhật Hoàng Minh Trị đã đề ra, đồng thời thay đổi phương hướng trong chính sách đối ngoại. Chậm rãi nhưng chắc chắn, ông đã bắt kịp cơn sốt mở rộng lãnh thổ và chiến tranh.

Sau thất bại trong Chiến tranh Thế giới thứ Hai, cuộc đời của Hirohito bước sang một trang mới. Những ưu tiên trước mắt ông khi đó được chuyển sang việc bảo vệ ngai vàng và tránh khỏi bị kết tội là tội phạm chiến tranh. Trong giai đoạn này, ông tỏ ra là người lão luyện trong nhượng bộ các vấn đề chính trị với người Mỹ, điều mà ông đã từng làm với các tướng lĩnh và sĩ quan cao cấp Hải quân của mình. Những thay đổi do người Mỹ áp đặt đã phá huỷ mối quan hệ ba bên vững chắc giữa nền quân chủ tồn tại tương đối độc lập, chính phủ (đứng đầu là nội các) và nhân dân Nhật Bản. Bị tước mất quyền lực tối cao, Hirohito bị buộc phải trở thành "biểu tượng" của sự thống nhất dân tộc. Tuy nhiên, mặc dù đóng vai trò như một "ông vua bù nhìn" theo hiến pháp mới, ông vẫn tiếp tục hành động như một người tự chủ trước xu thế dân chủ, và âm thầm vận động nhằm đưa Nhật Bản quay trở lại vị trí cân bằng về hệ thống quyền lực chống lại Liên bang Xô Viết dưới sự lãnh đạo hăng hái của Mỹ.

Vào thời điểm chấm dứt quá trình chiếm đóng của Mỹ tại Nhật Bản năm 1952, chế độ quân chủ Nhật Bản quay trở về trạng thái như thời tiền cận đại, gần như không có quyền lực, có hình thức tổ chức kín đáo, bị tước bỏ tất cả các vai trò liên quan đến quân đội và ban hành luật pháp và một lần nữa bị gạt ra bên lề đời sống xã hội. Lần đầu tiên kể từ khi trưởng thành, thực tế về vai trò chính trị của Hirohito xảy ra đồng thời với việc ông nhận thức được về vai trò bù nhìn của mình. Tuy nhiên, việc quay trở lại nắm quyền của những người đứng

tảisáchhay

đầu bảo thủ, những người trước đây từng bị thanh trừng, đã đem đến cho Hirohito hy vọng khôi phục lại phần nào quyền lực đã mất trong quá trình xây dựng lại phạm vi hoạt động cho cuộc đấu tranh chính trị không thành công kéo dài gần một thập kỷ. Sau đó, bản thân chế độ quân chủ đã trải qua thời kỳ suy tàn hơn, nhưng không phải vì những vấn đề về đạo đức và chính trị có nguyên nhân từ việc Hirohito tiếp tục nắm giữ ngai vàng hay là việc người dân Nhật Bản không nghi ngờ sự ủng hộ của họ đối với ông.

Lịch sử nền quân chủ Chiêu Hòa và hệ tư tưởng biện minh cho nó đến tận năm 1945 gắn liền với lịch sử của chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa phát xít Nhật; sau đó nó lại gắn liền với nỗ lực của những người cầm quyền nhằm thay đổi những cải cách đã được thực hiện trong thời gian Nhật bị chiếm đóng, cản trở chủ nghĩa hòa bình của Nhật Bản và khôi phục lại thuộc tính của một cường quốc. Nửa đầu cuộc đời của Hirohito, cũng giống như ông nội mình - Nhật Hoàng Minh Trị, đã phản ánh xu hướng quyền lực quân sự trong mọi chính thể, nhằm mở rộng vị thế khi các thể chế dân chủ không tồn tại hoặc hoạt động không đúng chức năng, tiếng nói của dân thường bị gạt ra khỏi các vấn đề chính trị quốc gia, và sự kiềm chế về mặt thể chế chống lại sự phát triển của chủ nghĩa quân phiệt chỉ là quyền lực giám sát của một vị thủ tướng dễ dãi hoặc chiều theo ý của người khác. Những bài học rút ra từ phần còn lại của cuộc đời ông, khi ông bị lấy đi quyền lực của thần thánh và bị tước mất các quyền lực về mặt hiến pháp không được rõ nét bằng. Hirohito và những cận thần của mình đã tham gia quá trình dàn dựng các phiên tòa xét xử tội ác chiến tranh tại Tokyo, và sau đó là việc trở thành Đồng Minh quân sự với Mỹ. Cách thức mà ông và chế độ quân chủ Nhật Bản đã tiến hành trong và sau khi Nhật Bản bị chiếm đóng cũng hé lộ cho chúng ta quyền lực của ngai vàng đã giúp chế ngự tinh thần giải phóng của người dân Nhật Bản và làm giảm ý thức về quyền lực của họ như thế nào.

Cuốn sách này, do đó đã thách thức quan điểm mang tính chính thống đã được hình thành từ rất lâu trước khi xảy ra cuộc Chiến tranh châu Á – Thái Bình Dương và sau này đã được những người lãnh đạo quân Đồng Minh ủng hộ, rằng Hirohito chỉ là bù nhìn trong khuôn khổ của chế độ đế quốc chuyên quyền độc đoán và là con rối trong tay quân đội. Cuốn sách này cũng thách thức quan niệm cho rằng quân đội là lực lượng chịu trách nhiệm chính về cuộc chiến tranh xâm lược mà Nhật Bản đã tiến hành trong suốt những năm 1930 và đầu những năm 1940, đồng thời chỉ ra vai trò không được chú ý của các quan chức Hải quân cao cấp trong việc vận động chống lại việc tinh giảm quân đội trong những năm 1920, đánh bom những thành phố không có phòng vệ của Trung Quốc trong những năm 1930, và xúc tiến chiến tranh tại khu vực Thái Bình Dương vào đầu những năm 1940. Cuốn sách cũng đưa ra lý lẽ để chứng minh thêm rằng, khởi đầu từ giữa những năm 1920, nội các của các đảng phái và bản thân Hirohito đã tuyên bố cam kết tuân thủ một "bộ luật hòa bình" quốc tế mới (đã được ghi trong Thỏa ước Hội Quốc Liên và Hiệp ước Kellogg – Briand 1982) kết tội chiến tranh xâm lược, nhưng ngược lại, họ lại theo đuổi chính sách chống lại Trung Quốc, vi phạm tinh thần của Nhật Bản tự nguyện tiếp nhận các nghĩa vụ đã thỏa thuận được đề cập trong bộ luật đó.

Thậm chí, vào tháng 8 năm 1945 sau khi nước Nhật đầu hàng quân Đồng Minh, những người đứng đầu chính quyền Nhật Bản vẫn tiếp tục thờ ơ với các nghĩa vụ đã được quy định trong luật pháp quốc tế về các quốc gia có chủ quyền. Lo lắng trước một số hành động mà

tảisáchhay

nhà nước đế quốc đã thực hiện trong thời gian chiến sự, và nhận thấy sự cần thiết phải bảo vệ Hoàng đế, các quan chức nội các đã ra lệnh tiêu hủy nhiều tài liệu có thể được sử dụng làm bằng chứng cho quá trình xét xử tội phạm chiến tranh và truy cứu những hành động trong quá khứ dưới triều đại Chiêu Hoà. Những nỗ lực sau đó của các chính trị gia bảo thủ và các trí thức nhằm biến các phiên tòa xét xử tội phạm chiến tranh tại Tokyo thành những phiên tòa xét xử theo kiểu luật giang hồ, mặc dù điều này xuất phát một phần từ chính những hạn chế của các phiên tòa xét xử, nhưng nó cũng đã được nhen nhóm từ thái độ nêu trên của Nhật Bản đối với luật pháp quốc tế từ trước khi xảy ra chiến tranh.

Trong hơn 20 năm, Hirohito đã được tôi luyện trong một hệ thống phức tạp với sự kiềm chế lẫn nhau giữa quyền lực thật sự và thẩm quyền độc lập của chính phủ và bộ máy quan liêu. Thông thạo về chiến tranh và các tình huống ngoại giao, am hiểu các vấn đề chính trị và quân sự, ông đã tham gia soạn thảo chính sách quốc gia và ban hành các sắc lệnhcủa triều đình để chỉ đạo tướng lĩnh quân đội và các quan chức Hải quân cao cấp. Ông đã đóng một vai trò tích cực trong việc hoạch định chiến lược chiến tranh của Nhật Bản và dẫn dắt việc điều hành các hoạt động của quân đội tại Trung Quốc. Năm 1941, sự kết hợp giữa một bên là Hirohito cùng các trọng thần và một bên là những người đề xướng chiến tranh chống lại Anh và Mỹ thuộc lực quân đội - Hải quân theo đường lối cứng rắn đã gây ra Chiến tranh châu Á – Thái Bình Dương.

Sau hai năm sa lầy vào cuộc chiến tranh đó, Nhật Bản đánh mất thế chủ động và bị buộc phải rơi vào thế phòng vệ, Hirohito và cơ quan đầu não Hoàng gia vẫn cứ ngỡ rằng họ có thể kéo dài thời gian để ngăn cản các cuộc tấn công của Mỹ và khôi phục khả năng chiến đấu để có thể tiếp tục cuộc chiến và chiến thắng trong một trận đánh mang tính quyết định tại một nơi nào đó trên đất Thái Bình Dương. Trong những năm tháng cuối cùng của cuộc chiến, Hirohito tiếp tục có ảnh hưởng trực tiếp, đôi khi kiểm soát các hoạt động của quân đội và thể hiện rõ sự hiện diện mang tính thần thoại của mình vào các trận đánh ở Thái Bình Dương. Chỉ khi cuộc chiến đã đi đến hồi kết, tức là trong nửa đầu năm 1945, ông mới do dự khi đưa ra quyết định tiến hành cuộc chiến đấu mang tính quyết định trên đất nước mình. Đó là lúc ông miễn cưỡng cắt đứt quan hệ với những người đề xướng chủ trương chiến đấu nhằm mục đích tránh cho Nhật Bản không phải đầu hàng sớm.

Mối quan hệ giữa Hirohito và các tướng lĩnh quân đội trong thời gian đó trở nên căng thẳng. Ông thường xuyên trách cứ họ, cản trở các hành động đơn phương của họ và kiểm soát việc thực hiện các quyết định về đường lối hành động của quân đội. Tuy nhiên, trong suốt cuộc đua mở rộng thuộc địa, ông đã luôn sát cánh bên các tướng lĩnh quân đội và sĩ quan Hải quân cao cấp của mình, tha thứ cho các hành động không phục tùng của họ miễn là kết quả của các hành động đó là sự thành công về mặt quân sự. Cách lãnh đạo của ông, với tư cách là người chỉ huy tối cao, và ảnh hưởng mà ông đã áp dụng trong các hoạt động quân sự tiếp tục là một trong những điều ít được nghiên cứu nhất trong số rất nhiều yếu tố góp phần vào sự thất bại cuối cùng của Nhật Bản, và do đó là điều quan trọng nhất cần phải được xem xét lại.

Hirohito không chỉ là một lãnh tụ chính trị và quân sự, ông còn là người có thẩm quyền cao nhất về mặt tinh thần của đất nước Nhật Bản. Ông là người đứng đầu nền quân chủ mang

tảisáchhay

màu sắc tôn giáo mà vào những thời điểm khủng hoảng đã cho phép nhà nước Nhật Bản tự coi mình là nhà nước chính trị thần quyền. Trong căn nhà gỗ được xây dựng ở góc tây nam của Hoàng cung, ông thường xuyên thực hiện các nghi lễ phức tạp hàm ý một cách rõ ràng về sự trung thành của ông đối với dòng dõi thần bí của mình, và tính chất bất khả xâm phạm của nhà nước và dân tộc Nhật Bản. Sự kết hợp trong cùng một con người giữa vai trò lãnh đạo về mặt tôn giáo, chính trị và quân sự đã làm cho việc nghiên cứu về vị Hoàng đế này trở nên hết sức phức tạp. Điều đó càng trở nên phức tạp hơn do từ khi còn rất trẻ ông đã phải sống giữa một nhóm các cận thần luôn có sự thay đổi, những người này gây ảnh hưởng của họ lên những người khác thông qua ông bởi vì họ tác động lên ông khi mà họ luôn theo sát ông từng bước. Cơ cấu của đội ngũ các cận thần luôn có sự biến đổi và các quan niệm của họ cần phải được tính đến trong nỗ lực để có thể hiểu được Hirohito. Tương tự, có khả năng tại những thời điểm quyết định then chốt, sự cạnh tranh của ông với những người em trai của mình ở một số góc độ nào đó cũng có thể có một số ảnh hưởng nhất định đến cung cách cư xử của Hirohito.

Vấn đề quan tâm chủ đạo của cuốn sách này là việc Hirohito không công khai thừa nhận trách nhiệm về đạo đức, chính trị và pháp lý của mình đối với cuộc chiến tranh kéo dài được tiến hành dưới danh nghĩa và sự chỉ đạo tích cực của ông với vai trò là người đứng đầu nhà nước và người chỉ huy quân sự tối cao. Hirohito đã không thoái vị khi thảm họa xảy ra vì ông tin rằng mình là Hoàng đế nhờ vào quyền của thần thánh, và không thể thiếu được của đất nước Nhật Bản. Ông thiếu hẳn ý thức về trách nhiệm cá nhân đối với những gì mà Nhật Bản đã làm ở nước ngoài và chưa từng một lần thừa nhận tội lỗi về cuộc chiến tranh xâm lược kéo dài hơn 13 năm làm thiệt hại không biết bao nhiêu sinh mạng. Cảm thấy mình vẫn còn mắc nợ với tổ tiên, ông quyết định xây dựng lại Đế chế mà chính ông đã đóng góp rất nhiều vào sự sụp đổ của nó. Chính sách của Mỹ và Chiến tranh lạnh đã giúp ông tiếp tục nắm giữ ngai vàng thêm 42 năm nữa, tiếp tục là biểu tượng của quốc gia và dân tộc nhưng ngược lại cũng là đối tượng khơi lại sự thất bại về chính trị của đất nước. Rốt cuộc Hirohito đã trở thành một biểu tượng quan trọng hàng đầu của người dân Nhật Bản nhằm quên đi quá khứ chiến tranh đã qua. Chừng nào họ không truy cứu về vai trò chủ đạo của ông trong cuộc chiến, họ sẽ không phải tự chất vấn chính mình, do đó vấn đề về trách nhiệm của Hirohito đối với cuộc chiến tranh vượt quá khuôn khổ về những năm tháng chiến tranh và sự thất bại. Nó phải được đề cập đến trong một bối cảnh khi nhận thức của người dân Nhật Bản về cuộc chiến tranh thất bại đó, cũng như những đánh giá về việc cuộc chiến tranh đã xảy ra như thế nào và về bản chất thật sự của nó có sự thay đổi.

Trong suốt một nửa thế kỷ qua, các nhà sử học, các nhà báo và nhà văn Nhật Bản đã cố gắng "nghiên cứu kỹ lưỡng" và đặt ra nhiều ý nghĩa khác nhau về dĩ vãng chiến tranh và hậu chiến tranh của Nhật Bản. Một phần vì mong muốn có một nguồn tư liệu thỏa đáng, những cuộc điều tra mang tính quyết định về vai trò của Hirohito trong cuộc chiến tranh mới chỉ được bắt đầu vào những năm 1970 nhưng đã được tiến hành liên tục kể từ thời điểm đó. Bị kích động bởi những nhà nghiên cứu tận tâm, và phản ứng trước những người biện giải cho tôn giáo thuộc đủ loại, những người phủ nhận những hành động tàn bạo và những người làm ra vẻ u mê có chủ tâm về sự thật, nhiều người dân Nhật Bản đã liên tục đánh giá lại quan điểm của họ về Hirohito, chiến tranh, các phiên tòa xét xử tại Tokyo và các sự kiện quan trọng khác về thời gian bị chiếm đóng. Trong nhiều trường hợp chúng ta nên hạn chế

tảisáchhay

họ, nhưng trong nhiều trường hợp khác chúng ta nên nhìn nhận họ một cách khách quan hơn, phê bình và học hỏi từ họ.

Vị Hoàng đế xuất hiện trong tác phẩm này là một con người như những người bình thường khác, ông có thể nhạy cảm, có những khát khao, nỗ lực, bản năng và lỗi lầm như tất cả mọi người, nhưng ông lại có sự từng trải đã được tôi luyện trong một thời gian dài mà có thể không có ai trên thế giới có thể có được ngoại trừ chính bản thân ông. Trong phần lớn cuộc đời mình, ông luôn là trung tâm hoặc gần như là trung tâm của quyền lực, tác nhân đóng vai trò quan trọng trong những mối quan tâm của ông và những người cầm quyền tối cao. Kiến thức mà ông có được cả trên vũ đài chính trị công khai lẫn những mưu đồ che giấu của chính phủ không ai có thể sánh bằng. Khi ông coi sự sống còn của Hoàng gia ngang bằng với sự tồn tại của quốc gia, ông vừa là người đáng kính trọng vừa là người ích kỷ đồng thời cũng là người sai lầm. Cách nghĩ về ông như một con người, mà chính sự tồn tại của con người đó là minh chứng sâu sắc nhất cho tình trạng tiến thoái lưỡng nan của nước Nhật thời cận đại là một cách nghĩ tương đối chính xác. Không phải là một người quỷ quyệt cũng không phải là một kẻ độc tài, ông thật sự là một người tham gia với vai trò lãnh đạo, và là nhân tố then chốt dẫn dắt chúng ta tới hiểu biết về các sự kiện chính trị và quân sự quan trọng của đất nước Nhật Bản trong thế kỷ XX. Tôi tin rằng ông cũng là một con người bình thường với những căng thẳng và rắc rối, người thậm chí lừa dối chính mình còn nhiều hơn những người khác trong sự vật lộn để duy trì thứ bậc và tôn ti trật tự với cái giá là những tư tưởng dân chủ đã được tôn vinh trong hiến pháp của Nhật Bản sau chiến tranh.

tảisáchhay

PHẦN 1. QUÁ TRÌNH HỌC TẬP CỦA HOÀNG TỬ HIROHITO (1901-1921)

1. Hoàng tử, Hoàng gia và những Di sản của Nhật Hoàng Minh Trị

Người cháu trai đầu tiên của Nhật Hoàng Minh Trị chào đời ngày 29 tháng 4 năm 1901 tại Cung điện Aoyama, thủ đô Tokyo. Khoảnh khắc đó là phút giây tràn ngập niềm vui sướng của cả đất nước Nhật Bản, và gần như toàn bộ đất nước đã ăn mừng chào đón sự kiện này, đặc biệt là triều đình Nhật Bản. Nhật Hoàng đương triều đã làm lễ kính cáo với tổ tiên về sự kiện thiêng liêng đó và rằng đứa trẻ dường như rất khỏe mạnh và hoạt bát. Người thừa kế ngai vàng đã ra đời, triều đại có lịch sử lâu đời của Nhật Bản sẽ có thể tiếp tục mà không bị "gián đoạn" trong ít nhất là một vài thế hệ nữa. Các học giả đã đưa ra đủ các loại tên và tên hiệu để đặt cho thái tử. Đứa trẻ, họ tuyên bố, sẽ có tên hiệu là "Hoàng Tử Michi" có nghĩa là một người luôn trau dồi đạo đức, và tên gọi là "Hirohito" được rút gọn từ cách ngôn tiếng Trung có nghĩa là khi một xã hội thịnh vượng, thì nhân dân chính là của cải của xã hội đó.

Hoàng thái tử Yoshihito, người sẽ kế vị ngai vàng, còn trẻ nhưng mắc chứng bệnh đau yếu kinh niên, khi đó mới chỉ 21 tuổi. Công Nương Sadako đang ở thời kỳ xuân sắc mới chỉ có 16. Cuối cùng, công nương đã sinh hạ được cho Hoàng thái tử thêm ba Hoàng tử nữa: Yasuhito vào năm 1902, Nobuhito năm 1905 và Takahito (Hoàng Tử Mikasa) năm 1915. Ông nội của Hoàng tử mới chào đời, Nhật Hoàng Minh Trị, ở tuổi 48 đã trị vì Ngai vàng của Đất nước Mặt trời mọc được 34 năm, và sẽ tiếp tục trị vì thêm 11 năm nữa.

Theo tục lệ, những đứa trẻ của Hoàng gia Nhật Bản được nuôi dưỡng tách rời cha mẹ chúng, dưới sự chăm sóc của một người giám hộ phù hợp. Yoshihito đã được tách khỏi cha mẹ để nuôi dưỡng theo cách thức truyền thống từ khi còn rất nhỏ. Ngay sau khi chào đời năm 1879, Yoshihito đã mắc chứng bệnh viêm màng não. Nhật Hoàng Minh Trị khăng khăng cho rằng Yoshihito cần phải được chữa trị bằng thuốc bắc theo kiểu truyền thống thay vì phương pháp điều trị phương Tây. Thái tử có phản ứng chậm và sau đó phải vật lộn với bệnh tật trong suốt thời thơ ấu đầy khó khăn, đau đớn và thường xuyên nằm liệt giường. Trong nhiều năm, Yoshihito có lúc dường như khá hơn, có lúc lại yếu hơn bình thường, nhưng ngoài những thời gian đó ra thì Yoshihito luôn phải chịu đau đớn khổ sở và không bao giờ khỏe mạnh. Yoshihito phải bỏ học giữa chừng sau khi nỗ lực bằng mọi cách để tốt nghiệp bậc tiểu học của Học Tập Viện (*Gakunshuin)* và hoàn thành một năm trung học cơ sở.

Liệu có phải nguồn gốc căn bệnh của Hoàng thái tử một phần xuất phát từ gen di truyền? Ngoài Hoàng thái tử Yoshihito, Nhật Hoàng Minh Trị có 15 người con nữa với năm người vợ khác nhau, và 11 trong số 15 người con đó đã mất. Yoshihito là con trai thứ ba và cũng là con trai duy nhất của Nhật Hoàng Minh Trị còn sống, và mẹ của Yoshihito lại không phải là Hoàng hậu mà chỉ là một trong số rất nhiều nàng hầu của Nhật Hoàng Minh Trị. Triều đình Nhật Bản nghi ngờ rằng việc kết hôn giữa những người có họ hàng gần gũi trong hàng trăm

tảisáchhay

năm qua chắc chắn đã dẫn đến việc gen di truyền bị lỗi theo một cách nào đó và được thể hiện ngay trên chính thế hệ người nối dõi của Hoàng gia là Yoshihito.

Lẽ dĩ nhiên, Nhật Hoàng Minh Trị và các cận thần của ông đặc biệt quan tâm đến việc lựa chọn vị công nương để kết hôn và sinh con cho Yoshihito. Lựa chọn hàng đầu của họ là Công nương Kujo Sakado, một tiểu thư trẻ đẹp con gái của một trong những gia đình được xếp vào loại danh giá nhất triều đình Nhật Bản. Dòng họ Kujo là một chi của dòng họ Fujiwara cổ, một dòng dõi có nguồn gốc từ cuối thế kỷ XII, ông tổ của dòng họ này khi đó từng giữ chức quan nhiếp chính cho Nhật Hoàng đương triều. Sadako đã được bộ phận phụ trách nữ sinh của Học Tập Viện đánh giá rất cao. Thông minh, xinh xắn, ăn nói lưu loát, cô đặc biệt được ca ngợi là người có tính cách dễ chịu và phong thái đường hoàng tự nhiên. Xét trên mọi khía cạnh thì cô hoàn toàn trái ngược với Yoshihito.

Cặp uyên ương mà người ta chỉ thấy đi cùng nhau trong một vài sự kiện đặc biệt đã thành hôn vào đầu năm 1900. Năm tháng trôi qua, Sadako càng ngày càng trở nên tự tin và chín chắn, và sự khôn ngoan khi đã lựa chọn cô làm vị hôn thê cho con trai mình của Nhật Hoàng Minh Trị ngày càng được mọi người tán tụng.

Nhật Hoàng Minh Trị, sau khi bàn bạc với Yoshihito và Sadako, đã quyết định rằng cháu nội Hiroshihito của ông sẽ do một quân nhân nuôi dạy theo phương pháp hiện đại đã được phê chuẩn. Điều này nghe có vẻ khôn ngoan bởi vì khi một sĩ quan quân đội hoặc Hải quân đã có gia đình đảm nhiệm vai trò thay thế cho cha mẹ Hoàng tử nhỏ, thì ông ta không chỉ mang đến cho đứa trẻ một bầu không khí gia đình ấm cúng mà còn có ảnh hưởng đến đứa trẻ về mặt quân sự. Người đầu tiên được ông lựa chọn, Tướng Oyama Iwao, đã từ chối đảm nhận trách nhiệm nặng nề này. Sau đó, họ hướng sự chú ý tới vị Bá Tước đã lớn tuổi Kawamura Sumiyoshi, một phó đô đốc đã nghỉ hưu và là cựu bộ trưởng Hải quân tại lãnh địa Satsuma trước đây của Nhật Bản (một vùng thái ấp thời phong kiến tương đương với một quốc gia bán chủ quyền), và đề nghị ông này nuôi dạy đứa trẻ như chính cháu ruột của mình. Kawamura, một người theo học đạo Khổng, có thể là người được tin tưởng nhiều hơn bởi vì ông có quan hệ họ hàng xa với mẹ của Yoshihito. Vào ngày 7 tháng 7, 17 ngày sau khi ra đời, Hirohito đã được mang đi khỏi cung điện đến gia đình Kawamura. Tại thời điểm đó, Kawamura quyết định nuôi dạy đứa trẻ trở thành một người có đức tính vị tha, kiên trì khi đối mặt với những khó khăn, tôn trọng quan điểm của người khác, và không sợ hãi. Trừ điều cuối cùng, tất cả những điều còn lại chính là những đặc điểm tính cách nổi bật của Hirohito trong suốt cuộc đời ông.

Khi Hirohito được 14 tháng tuổi, người em trai kế sau - Yasuhito (Hoàng tử Chichibu) đã được đưa đến ở cùng Hirohito trong lâu đài của gia đình Kawamura tại khu Azabu, một khu vực có mật độ dân cư thưa thớt và nhiều đồi núi. Hai đứa trẻ tiếp tục sống với gia đình Kawamura thêm ba năm rưỡi nữa. Trong thời gian đó, ba bác sĩ, một vài vú nuôi và một đội ngũ đông đảo những người hầu đã cẩn thận uốn nắn từng hành động nhỏ của hai Hoàng tử, từ cách ăn thức ăn kiểu Tây đến cách mặc quần áo kiểu Pháp được đặt may riêng cho họ. Sau đó, tháng 11 năm 1904, khi cuộc Chiến tranh Nga - Nhật lên đến đỉnh điểm, Kawamura qua đời ở tuổi 69. Hirohito, lúc đó được ba tuổi, và Chichibu lên hai tuổi đã quay trở về sống với cha mẹ mình. Lúc đầu, họ sống tại lâu đài tráng lệ ở Numazu, quận Shizuoka, sau đó

tảisáchhay

chuyển về Cung điện Koson mới được xây dựng trong một khu đất rộng lớn (200 hecta) có hàng rào bao quanh của Cung điện Aoyama dành riêng cho Hoàng thái tử. Năm 1905, Nobuhito (Hoàng tử Takamatsu) ra đời, và đến cuối năm đó cũng đến sống cùng các anh trai tại Cung điện Koson. Việc chăm sóc các Hoàng tử lúc đầu được giao cho viên thị thần chịu trách nhiệm chính mới được chỉ định tên là Kido Takamasa; sau đó các Hoàng tử được một viên thị thần phụ trách riêng.

Trong giai đoạn đầu đời của Hirohito, một trong những vú nuôi chịu trách nhiệm chăm sóc chính cho Hirohito là Adachi Taka, 22 tuổi, tốt nghiệp Trường sư phạm Tokyo và sau này là vợ của vị thủ tướng cuối cùng của Hirohito trong thời chiến, Auzuki Kantaro. Có thể gọi Taka là người mẹ thứ hai của Hirohito. Sau này khi hồi tưởng lại thời gian đó, Taka đã so sánh sự tương phản giữa tính cách bình tĩnh, thận trọng và các động tác cử chỉ của Hirohito khi còn là một đứa trẻ với tính cách mạnh mẽ, tò mò và thất thường của cậu em trai Chichibu. Quả thực, những người em trai của Hirohito có những xúc cảm rất khác biệt so với Hirohito, cả khi còn là những cậu bé con đến khi trưởng thành. Nhưng cậu bé Hirohito còn quyết đoán hơn Taka tưởng, bởi vì Hirohito - Nhật Hoàng Chiêu hòa khi trưởng thành, là hiện thân của chủ nghĩa quân chủ đầy nghị lực, và là người vững vàng hơn nhiều hơn so với những gì mà vú nuôi Taka từng tiên đoán.

Trong suốt 10 năm đầu đời của Hirohito, Thái tử Yoshihito chỉ ở cách chỗ của Hirohito vài phút đi bộ, trong cùng khu vực có tường bao quanh của Cung điện Koson và hầu như gặp gỡ lũ trẻ hàng ngày. Trong những năm tháng sau này, Chichibu thường nói nhiều và rất thoải mái về cha mình, nhưng rất hiếm khi thấy Chichibu nói về Nhật Hoàng Minh Trị. Trong cuốn hồi ký của Chichibu được công bố đã viết: việc Nhật Hoàng Minh Trị từ chối sự âu yếm của bọn trẻ đã dập tắt mọi cảm giác sùng bái của Chichibu đối với ông. “Tôi chưa bao giờ nhận được tình yêu thương ấm áp, hết mực mà một người ông bình thường dành cho các cháu của mình”, Chichibu viết, “Vì thế tôi không bao giờ có bất kỳ cảm giác kính yêu nào đối với ông nội... Tôi cũng không bao giờ nghe thấy giọng nói của ông ấy”. Trong phần lớn cuốn hồi ký của mình, Hirohito viết những ký ức về người cha và những tình cảm của mình đối với cha, nhưng Hirohito cũng luôn dành những lời lẽ ngưỡng mộ khi nói về ông nội mình. Có thể từ khi còn nhỏ, Hirohito đã có cảm giác rằng hành động của Nhật Hoàng Minh Trị chứa đựng sự kỳ vọng về cậu trong khi hành động của cha cậu thì lại không như vậy.

Nhật Hoàng Minh Trị, theo nhận xét của vú nuôi Taka, cực kỳ dè dặt đối với các cháu nội của mình và hiếm khi gặp cháu trừ vào ngày sinh nhật của chúng. Những cuộc gặp gỡ đó thường chỉ kéo dài trong khoảng 2 đến 3 phút và giống như là yết kiến Hoàng đế hơn là cuộc gặp mặt tình cảm giữa ông và các cháu. Nhật Hoàng Minh Trị, vẫn mặc nguyên sắc phục quân đội đứng yên tại bàn làm việc của mình và gật đầu trong khi những cậu bé cúi chào và đi ra ngay sau đó. Nếu có điều gì đó thể hiện sự yêu mến của ông đối với bọn trẻ thì đó chính là việc gửi đồ chơi cho chúng. Do đó, người ta có cảm giác rằng Hirohito có mối liên hệ với Nhật Hoàng Minh Trị như với một vị Hoàng đế lý tưởng “Minh Trị, vị Hoàng đế vĩ đại” hơn là đối với một người ông thực thụ, người mà sau tất cả, Hirohito chưa bao giờ thật sự hiểu. Được nuôi dưỡng trong một môi trường với những mối xúc cảm khác thường như vậy, tình cảm của Hirohito được thể hiện trong mối quan hệ giữa cậu và cha đẻ của mình, và ở mức độ ít hơn đối với ông nội Minh Trị.

tảisáchhay

Hirohito là một đứa trẻ biết vâng lời. Trong những năm tháng học mẫu giáo, cậu được các vú nuôi và những người thân nuông chiều và quan tâm quá mức. Cũng giống như những đứa trẻ khác thuộc tầng lớp cao quý, Hirohito và các em trai của mình lớn lên với trò chơi đóng kịch về cuộc Chiến tranh Nga - Nhật. Với tư cách là Hoàng đế tương lai, Hirohito - "Michinomiya" bé nhỏ, phải được tôn trọng kể cả khi đóng kịch và không bao giờ phải chịu sự đối xử giận dữ hoặc khó chịu. Thậm chí, ngay cả trong những trò chơi đánh trận giả, Hirohito luôn phải là tổng tư lệnh của phe thắng. Trong hồi ký của Hoàng tử Chichibu viết, một hôm Hoàng tử Chichibu tranh giành đồ chơi với Hirohito, và trong lúc giận dữ cậu đã dùng một nòng pháo đồ chơi để đánh anh trai mình. Một người hầu gái đã ngay lập tức túm lấy Chichibu và lôi cậu xuống nhà nguyện, tại đây bà bắt cậu phải tạ lỗi trước bức hình nữ thần mặt trời Amaterasu Omikami, và bố mẹ cậu - Hoàng thái tử và Công nương. Sau khi khuyên răn vị Hoàng tử nhỏ tuổi, bà hầu gái yêu cầu cậu thề trước các thần thánh sẽ không bao giờ đánh anh trai mình nữa. Tuy nhiên, Chichibu đã nhanh chóng quên mất việc đó và thường xuyên đánh anh trai.

Trong thời gian từ 4 đến 8 tuổi, Hirohito và các em trai của mình thường xuyên được đưa đến thăm các địa điểm ở trung tâm thành phố, nơi lưu giữ những bí mật về lịch sử cận đại của đất nước. Thỉnh thoảng, những người chỉ huy quân sự trong cuộc Chiến tranh Nga - Nhật và những đầu sỏ chính trị của triều đình Minh Trị cũng đến thăm họ tại Cung điện Koson. Để làm cho Hirohito và các em trai cậu có hiểu biết đầy đủ về chủ nghĩa quân phiệt và chiến tranh, bọn trẻ được đưa đi xem các cuộc diễu binh và bảo tàng nơi trưng bày các loại vũ khí thu được trong cuộc Chiến tranh Nga - Nhật. Ba Hoàng tử cũng được đưa đến thăm Căn cứ Hải quân Yokosuka và vào tháng 8 năm 1906, Hirohito và Chichibu đã có một chuyến du ngoạn đặc biệt tới thăm tàu chiến *Katori*

Năm 1907, khi đó Hirohito lên 6 tuổi, Marquis Ito Hirobumi quay trở về Tokyo để báo cáo với Hoàng đế về tình hình chính trị tại Hàn Quốc. Tại đây, với thắng lợi từ cuộc Chiến tranh Nga - Nhật, Nhật Bản đã giành được cơ hội thiết lập quyền bảo hộ đất nước này. Ito từng phục vụ quân đội Nhật Bản tại Hàn Quốc từ tháng 12 năm 1905 với vai trò công sứ toàn quyền đầu tiên của Nhật Bản tại Hàn Quốc. Tháng 12 năm đó, Nhật Hoàng Minh Trị đã ban tặng cho Ito tước vị "công tước", là tước vị cha truyền con nối cao nhất. Đúng vào thời điểm đó, vú nuôi Taka mang Hirohito và các em trai trong trang phục quần áo lính thủy đến cung điện thể thăm ông nội. Bất ngờ họ chạm trán Ito, Yamagata Aritomo và năm đầu sỏ chính trị từ các lãnh địa từ thời phong kiến trước đây là Satsuma và Choshu cũng đến thăm Nhật Hoàng Minh Trị. Các nguyên lão (*genro*) hay các "chính khách cấp cao" theo cách gọi ngày nay, đến cung điện để cảm ơn Hoàng đế vì đã gửi quà cho họ. Khi Hirohito nhìn thấy họ trong phòng đợi, cậu nhìn chằm chằm vào những huân chương trên người Ito, điều này khiến Ito chú ý, ông đến gần và hỏi "Cậu có phải là Hoàng thái tử tương lai không vậy?". Không hề sợ hãi, Hirohito xác nhận cậu đúng là Hoàng thái tử tương lai. "Còn ông là ai?", Hirohito hỏi lại. Ito giải thích cho cậu ông là ai và tại sao lại có mặt ở đó. Trước sự thích thú hết sức của tất cả các *nguyên lão* lớn tuổi, Hirohito hỏi Ito rất chi tiết về các huân chương của ông như thể cậu già dặn hơn nhiều so với tuổi của mình và thường xuyên đặt ra các câu hỏi tương tự.

tảisáchhay

Vào năm 1901, dân số Tokyo đạt mức gần 1,5 triệu người.16 Mặc dù không hoàn toàn hiện đại hơn nhiều so với những thành phố khác trên đất nước Nhật Bản, Tokyo là một thành phố tràn đầy sinh lực. Một minh chứng cho điều này là Nhật Hoàng Minh Trị sống không quá xa so với chỗ ở của Hirohito, trong một cung điện mới xây vẫn còn ngổn ngang bao gồm ba khu, mỗi khu gồm 12 tòa nhà bằng gỗ được nối với nhau bằng một hành lang duy nhất, nơi mà ông không bao giờ cho phép mắc đường dây điện.17 Hoàng cung rộng 240 mẫu của vua Minh Trị, được bao quanh bởi những bức tường đá được xây hào xung quanh, là một khu vực biệt lập được bao phủ bởi màu xanh của cây cối, ít nhà cửa và tĩnh mịch giữa những ồn ào của phố xá. Một bên của Hoàng cung là các khu Marunouchi và Kasumigaseki của Tokyo, nơi tập trung các cơ quan tài chính, thương mại và cơ quan nhà nước quan trọng. Xen giữa những khu thương mại chính trong tương lai này, bao gồm tòa nhà Nghị viện mới xây và trụ sở chính của công ty Mitsubishi, là công viên được xây dựng theo kiểu phương Tây đầu tiên của Nhật Bản - công viên Hibiya. Về phía đông khu đất của Hoàng cung rộng lớn là cửa Vịnh Tokyo, dọc theo hai bên Vịnh là các nhà máy công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng được xây dựng tập trung.

Hirohito đã được giáo dục với niềm tin rằng toàn bộ lịch sử Nhật Bản cận đại đều xoay quanh ông nội cậu và một nhóm nhỏ các quan chức tài giỏi giúp việc cho ông. Hầu như không được biết đến cho đến khi được thừa kế ngai vàng tại Kyoto ở tuổi 15, nhưng vào thời điểm đứa cháu nội đầu tiên của ông ra đời, Nhật Hoàng Minh Trị đã được tôn sùng trên khắp đất nước Nhật Bản. Trong khoảng thời gian từ khi ông lên ngôi đến khi Hirohito ra đời, không chỉ Nhật Hoàng Minh Trị có được những bước tiến đáng kể và giành được quyền lực chính trị, kinh tế và quân sự mà chính nhân dân Nhật Bản cũng hình thành nên một bản sắc dân tộc mới với tư cách là "những thần dân trung thành" của Hoàng đế, hay *shinmin*. Hệ tư tưởng về chủ thể có đạo đức hàm ý về một loại tư cách đạo đức đặc biệt: tuyệt đối trung thành và phục tùng Hoàng đế, coi Hoàng đế như cha mẹ (cả cha và mẹ) trong một gia đình lớn trong đó toàn bộ nhân dân là những "đứa con". toàn bộ gia đình của chủ thể đó đòi hỏi phải cần cù và đấu tranh không biết mệt mỏi cho các giá trị tốt đẹp, tôn trọng những truyền thuyết về nguồn gốc nước Nhật, tán thành nghi lễ đạo Shinto, và đặt trách nhiệm phục vụ đất nước cũng như bổn phận đối với Hoàng đế lên trên lợi ích và lạc thú cá nhân. Hirohito đã được nuôi dạy cùng một học thuyết về quyền lực của Hoàng đế đó, nhưng nhìn từ khía cạnh khác, đối với một người có quyền sở hữu sự trung thành và phụng sự của nhân dân.

Khi Hirohito ra đời, Nhật Hoàng Minh Trị đã giành được sự sùng bái không dễ thay đổi trong lòng nhân dân Nhật Bản. Các quy định pháp luật ngăn chặn việc phát ngôn và viết bài chỉ trích Nhật Hoàng đã được ban hành vào các năm 1983, 1989 và 1900. Các luật về hạn chế xuất bản và báo chí liên quan đến vấn đề này cũng được ban hành ngay sau đó.18 Các phương tiện thông tin đại chúng khi đưa tin về Hoàng đế và Hoàng gia đều theo cách thức trang trọng, sử dụng các từ ngữ đặc biệt thể hiện sự tôn trọng. Cảnh sát cũng có các quy định về cách thức chụp ảnh Hoàng đế.

Trong rất nhiều các di sản mang tính thần thoại cao của thời đại Minh Trị, hệ thống hiến pháp và hệ tư tưởng thống trị mà Nhật Hoàng Minh Trị đã để lại cho Hirohito là các di sản vô cùng quan trọng. Nhờ hiến pháp, Hirohito đã được thừa kế các truyền thống chính trị chuyên quyền độc đoán kết hợp với sự thận trọng trong hành xử. Sau này, khi Hirohito bắt

tảisáchhay

đầu được đào tạo để tiếp quản ngai vàng, ông đã rút ra một điều rằng Hoàng đế không thể đưa ra luật lệ hay sắc lệnhtrừ khi Hoàng đế cho phép mình làm như vậy.19 Triều đình và nội các phối hợp với nhau một cách chính thức thông qua Hoàng đế, Hoàng đế phải là người thống nhất cả hai thế giới này. Nhưng sự phân chia giữa triều đình và chính phủ có thể dễ dẫn tới các vấn đề về giao thiệp. Khi Hirohito trưởng thành hơn, ông sẽ phải kinh qua sự phân hóa này, và sẽ thường xuyên gặp phải khó khăn do nhầm lẫn giữa những thứ bậc cao nhất đã được thể chế hóa theo hiến pháp.20

Mặc dù hiến pháp quy định Hoàng đế phải chia sẻ việc thực thi quyền lực lập pháp với Nghị viện Hoàng gia, Nhật Hoàng Minh Trị và các cận thần của ông lại cho rằng Nghị viện chỉ là bộ phận phản ánh "ý muốn của Hoàng đế", chứ không phải là một nghị viện theo đúng nghĩa của nó. Trong trường hợp xảy ra mâu thuẫn giữa Hoàng đế và Nghị viện, Hoàng đế có quyền phủ quyết bằng cách từ chối không phê chuẩn quyết định của Nghị viện. Thứ bậc theo hiến pháp, được đưa vào luật lệ với cách thức "ban tặng" rất trang trọng, đã có sự thay đổi trong thời gian trước khi Hirohito ra đời. Năm 1900, Ito đã lập nên một đảng phái chính trị mới, đảng Rikken Seiyukai, hay còn gọi là đảng "Những người ủng hộ Chính thể Lập hiến" để triển khai sự hỗ trợ của Nghị viện đối với chính phủ quân chủ và thực thi hiến pháp.

Đảng Seiyukai - chủ yếu đại diện cho số đông các địa chủ và các nhà tư bản công nghiệp - đã trở thành đảng phái chính trị chiếm ưu thế tại Nghị viện. Các *nguyên lão* thuyết phục Nhật Hoàng Minh Trị công nhận đảng phái chính trị mới này, kể cả việc các thành viên của đảng Seiyukai tham gia nội các. Một lần nữa, Ito lại là người đóng vai trò chính trong việc thuyết phục Nhật Hoàng Minh Trị. Tuy nhiên, Nhật Hoàng Minh Trị chỉ đồng ý với điều kiện Ito phải hứa rằng đảng phái mới này của Ito phải để Hoàng đế có toàn quyền quyết định việc bổ nhiệm và miễn nhiệm thủ tướng và các bộ trưởng khác của chính phủ. Bằng việc nhượng bộ ý kiến độc đoán của Hoàng đế, Ito đã phủ nhận nguyên tắc chính của nghị viện đó là nội các phải do người đứng đầu đảng phái chiếm đa số ghế trong hạ viện của Nghị viện lập ra.

Nhìn chung, Nhật Hoàng Minh Trị thật sự là một vị Hoàng đế độc đoán, và hiến pháp đã không thể thay đổi quan điểm của ông về vấn đề này bằng bất cứ cách nào. Ông ủng hộ quân đội trong các tranh chấp diễn ra bên trong nội các. Và các *nguyên lão* tiếp tục khuyên ông hạn chế việc thực thi các quyền lực mang tính chuyên quyền và điều hành đất nước trong khuôn khổ một hệ thống với sự đồng thuận của các đảng phái. Khi Nhật Hoàng Minh Trị có quyền bổ nhiệm và miễn nhiệm thủ tướng và các quan chức cấp cao theo cách mà ông không thể có trước khi hiến pháp ra đời, Ito và các nguyên lão khác tiếp tục có đặc quyền đề cử thủ tướng chính phủ.

Người đứng đầu trong số các cận thần của Hoàng đế cũng đã khéo léo truyền đạt cho Hirohito, thông qua hình tượng Nhật Hoàng Minh Trị, một hệ tư tưởng thống trị trên cơ sở sự kết hợp các kiến thức về tôn giáo và ý thức dân tộc đã được hình thành từ thời cổ xưa. "[Tất cả] các tôn giáo đều không đủ sức mạnh và không tạo nên nền tảng của đất nước", Ito quả quyết. Ngai vàng, do đó, phải đóng vai trò như một vật thay thế, và người nắm giữ ngai vàng phải là người nắm quyền lực của chính phủ. Trong bài Bình luận về Hiến pháp năm 1889 của mình, Ito đã cung cấp cho vị Hoàng đế tương lai theo thể chế chính trị thần quyền một bài hùng biện mang tính kinh điển.

tảisáchhay

"Ngai vàng thiêng liêng" đã được dựng lên vào thời điểm khi trời và đất tách rời nhau (Kojiki). Hoàng đế là con của Thượng đế, thiêng liêng và siêu phàm. Hoàng đế có khả năng vượt trội so với các thần dân của mình. Hoàng đế phải được tôn kính và bất khả xâm phạm. Hoàng đế phải dành sự tôn trọng đúng mực đối với luật pháp, nhưng ngược lại luật pháp lại không có quyền buộc Hoàng đế phải chịu trách nhiệm về luật pháp…Hoàng đế không phải là đối tượng được phép bình phẩm hay một đề tài đưa ra bàn cãi.

Tuy nhiên, hệ tư tưởng về uy quyền của Hoàng đế trong đó tính chất thần thoại mang màu sắc tôn giáo đóng vai trò chủ đạo thực chất không bắt nguồn từ thời cổ xưa. "Nhà nước Shinto", được cho là phi tôn giáo (đối lập với "môn phái Shinto"), được hình thành dưới triều đại Minh Trị xuất phát từ chính niềm tin rằng Nhật Bản là một vương quốc thiêng liêng, được sự bảo vệ của Thượng đế và dưới sự cai trị của một Hoàng đế là con cháu của nữ thần mặt trời. Đại Thánh Đường của đền Ise Jingu, đền thờ chính của đạo Shinto nơi thờ nữ thần mặt trời, là hệ quả tất yếu của việc các nhân tố chính của đạo Shinto được truyền bá rộng rãi trên khắp đất nước Nhật Bản. Đền Ise trở thành biểu tượng chính của đạo Shinto cũng như trung tâm thờ cúng của quốc gia và là đền thờ quan trọng nhất trong số những đền thờ được xây dựng ở các làng mạc và thành phố trên khắp đất nước Nhật Bản.

Năm 1890, Nhật Hoàng Minh Trị ban hành sắc lệnhvề Giáo dục mà không cần bất kỳ bộ trưởng nào tiếp ký. sắc lệnhvề Giáo dục được bắt đầu bằng câu "Kiến thức của bạn, mối quan tâm của chúng tôi", sử dụng một thuật ngữ mới *shinmin* bằng cách ghép các từ lại với nhau để biểu thị cho "sự trung thành – quan chức - trực tiếp - phụ thuộc – vào - Hoàng đế và nhân dân - những người - phục tùng – tuân theo - thứ bậc của mình." Tiếp đó, bản Công bố tiếp tục với những phẩm chất đạo đức của đạo Khổng trong các mối quan hệ của con người, đứng đầu là lòng trung thành đối với tổ quốc, và ghi thêm rằng "trong trường hợp khẩn cấp, dũng cảm xả thân vì đất nước"; và bảo vệ và duy trì sự thịnh vượng cho Ngai vàng Thiêng liêng của Chúng ta để Ngai vàng tồn tại cùng trời đất." Dòng cuối cùng của bản công bố quả quyết rằng tất cả các giáo lý đều xuất phát từ chính các Hoàng đế."

Vào đầu thời kỳ Phục hưng, đạo Khổng và đạo Phật được coi là sự xâm lấn của các giáo lý nước ngoài đối với bản sắc dân tộc của nhân dân Nhật Bản, và do đó cần phải được xóa bỏ. Tuy nhiên, sắc lệnhvề Giáo dục vào cuối thời Minh Trị là một phần trong tiến trình thay đổi hoàn toàn quan niệm kể trên, sử dụng ngôn ngữ đạo Khổng truyền thống, chứ không phải Shinto, để chống lại tư tưởng tiến bộ, dân chủ và gióng lên khái niệm mới về "thần dân trung thành". Bản công bố trên đã tạo nên các thế hệ người dân Nhật Bản với vai trò như những đầy tớ trung thành của nhà nước đứng đầu là Hoàng đế trong đó bản chất của việc cai trị đất nước chính là thực thi chế độ gia trưởng, theo phong cách gia trưởng của những quan chức nhà nước, những người được cho là hiểu được thấu đáo nhất điều gì có lợi cho nhân dân Nhật Bản. Ngoài ra, sắc lệnhvề Giáo dục còn làm cho tất cả người dân Nhật Bản quen với khái niệm rằng đạo đức và văn hóa có quan hệ chặt chẽ với nhà nước và chưa bao giờ mối quan hệ đó lại tốt hơn thế.

Các vấn đề về giáo dục và quân sự, hai lĩnh vực của đời sống quốc gia ảnh hưởng đến tất cả người dân Nhật Bản, đã được đặt dưới sự kiểm soát trực tiếp của Hoàng đế ngoài hiến pháp, biến Hoàng đế thành một nhà mô phạm thiêng liêng có quyền buộc người dân từ bỏ

tảisáchhay

tín ngưỡng của họ cũng như tổng tư lệnh tối cao có quyền ra lệnh cho các lực lượng vũ trang. Nếu không có được sự ủng hộ và hậu thuẫn của Hoàng đế, không nội các hoặc thủ tướng chính phủ nào có thể tồn tại được lâu.

Việc củng cố nền quân chủ thông qua việc ban hành hiến pháp và sắc lệnhvề Giáo dục của Nhật Hoàng Minh Trị đã làm thay đổi hoàn toàn môi trường giáo dục tại Nhật Bản. Trong suốt thời thơ ấu của Hirohito, các thể chế và hệ tư tưởng của nhà nước Minh Trị đã có những bước tiến đáng kể. Nhà nước Shinto và khái niệm về "sự thống nhất của nghi thức và cai trị" được thực hiện thông qua Hoàng đế đã giành được vị thế mới thể hiện ở việc Cục Thờ cúng và Tôn giáo trực thuộc Bộ Nội Vụ được thành lập năm 1900. Chẳng mấy chốc, các thành viên của mỗi gia đình, dù là theo đạo Phật hay đạo Thiên Chúa (chiếm khoảng 1% dân số lúc bấy giờ) phải theo nghi lễ thờ cúng tại một đền thờ địa phương và họ sẽ được các vị thần che chở. Khi các đền thờ địa phương nâng tầm vị thế của mình lên cấp nhà nước bằng cách lựa chọn các tên gọi bắt nguồn từ những thần thoại cổ xưa hoặc những truyền thuyết lịch sử, tất cả các vị thần của các đền thờ này đều có mối liên quan về phả hệ với Nữ Thần mặt trời, tức tổ tiên của Hoàng gia, thần Amaterasu Omikami. Cảm giác tôn kính đối với Nhật Hoàng Minh Trị trở nên ngày một sâu sắc hơn, và nhiều người bắt đầu tưởng tượng ra rằng họ tồn tại trên thế giới này bởi vì có Hoàng đế.

Năm 1908, khi Hirohito bước sang tuổi lên bảy, chính phủ Nhật Bản khẳng định lại chính sách đối ngoại của mình về việc mở rộng lãnh thổ thuộc địa tại lục địa châu Á trong phạm vi những vùng đất chiếm được đang tiếp tục được phân chia với các cường quốc châu Âu và Mỹ. Cũng trong năm đó, Bộ giáo dục Nhật Bản bắt đầu cho viết lại sách giáo khoa mô tả Nhật Bản như một "nhà nước dòng dõi" có hệ thống, hòa hợp dân tộc, có đạo đức và theo chế độ gia trưởng, trong đó tất cả người dân Nhật Bản đều có họ hàng với Hoàng đế. Việc sửa đổi sách giáo khoa là việc cần phải làm bởi vì xã hội đã có những thay đổi nhanh chóng và " sắc lệnhvề Giáo dục" được viết bằng ngôn ngữ tiếng Nhật cổ của Nhật Hoàng Minh Trị cần phải được diễn giải thống nhất. Ngay tức khắc, sắc lệnhvề Giáo dục đã có được ý nghĩa mà nó đã không thể có được vào những năm 1980. Trẻ em tiếp tục được giảng dạy những câu chuyện thần thoại về nguồn gốc của mình, những câu chuyện đó nói rằng chúng là thần dân của Hoàng đế và phải tuân lệnh Hoàng đế như vâng lời bố mẹ. Tuy nhiên, lần đầu tiên khái niệm về nhà nước độc lập với Hoàng đế đã được trình bày như một thực thể tối cao có quyền ưu tiên trên tất cả các giá trị khác. Mối quan hệ của Hoàng gia đối với dân tộc bắt đầu được mô tả như mối quan hệ giữa tổ tiên - "trưởng họ" và các gia đình thuộc các "chi" và trực hệ. Khi công việc sửa đổi sách giáo khoa hoàn thành vào năm 1911, các giả thuyết về sự chuyên chế của chế độ quân chủ đã được đưa vào chương trình giáo dục rộng rãi, và quyền lực của nhà nước, theo lý thuyết, bắt nguồn từ tầm ảnh hưởng lớn lao của gia đình đứng đầu đó.

Tất nhiên, trên thực tế không phải tất cả mọi người dân Nhật Bản đều đứng về phía chính phủ hoặc đồng cảm sâu sắc với Hoàng gia như các cuốn sách giáo khoa đã viết. Đáng kể là trong các năm từ 1910 đến 1911, Nhật Bản đã chứng kiến sự kiện đảo chính quân sự, trong cuộc đảo chính đó một nhóm nhỏ những người theo chủ nghĩa xã hội cực đoan và những người theo chủ nghĩa vô chính phủ bị buộc tội khi quân và hành hình vì bị cho là có âm mưu ám sát Nhật Hoàng Minh Trị. Trong số đó có một linh mục trẻ thuộc giáo phái Soto Zen tên

tảisáchhay

là Uchiyama Gudo, người từng viết và truyền bá rộng rãi bài viết lên án mạnh mẽ toàn bộ hệ thống chính trị, đứng đầu là Hoàng đế:

Kẻ đứng đầu chính phủ hiện tại, Hoàng đế, không phải là con trai của các vị thần như các giáo viên tiểu học và những người khác đã làm cho mọi người lầm tưởng. Tổ tiên của vị Hoàng đế hiện tại xuất thân từ một xó xỉnh của vùng Kyushu, giết hại và cướp đoạt của mọi người. Sau đó, họ tiêu diệt những tên trộm đồng đảng… Khi người ta nói rằng [triều đại Hoàng gia] đã tồn tại 2.500 năm, điều đó nghe có vẻ như thể [Hoàng đế hiện tại] là thần thánh, nhưng qua năm tháng, Hoàng đế đã bị các đối thủ ngoại quốc làm cho đau khổ và bị đối xử như những con rối trong tay các chư hầu của họ… Mặc dù điều này được rất nhiều người biết đến, các giáo sư tại các trường đại học và các sinh viên của họ, những con người yếu đuối, đã từ chối tuyên bố hay bình luận bất cứ điều gì về vấn đề này. Thay vào đó, họ cố gắng lừa dối cả những người khác và chính bản thân mình, mặc dù biết rằng toàn bộ những điều đó chỉ là những lời giả dối.

II

Nếu Hirohito liên hệ toàn bộ lịch sử cận đại của Nhật Bản với ông nội mình và những cận thần trung thành vây quanh ông, Hirohito chắc hẳn đã hiểu được Đế chế mà ông nội Minh Trị đã truyền lại cho mình có ý nghĩa lớn đến thế nào. Hai cuộc chiến tranh lớn được tiến hành dưới danh nghĩa của Nhật Hoàng Minh Trị: cuộc chiến tranh với nhà Thanh, Trung Quốc vào những năm 1894-1895 và cuộc chiến tranh với Nga dưới chế độ Nga Hoàng vào những năm 1904-1905 đã làm thay đổi các điều kiện đời sống quốc gia Nhật Bản và biến đổi môi trường quốc tế trong khu vực lân cận.

Cuộc chiến tranh với Trung Quốc đã làm sâu sắc hơn sự hòa hợp dân tộc và đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi nền quân chủ Nhật Bản sang một cơ cấu kiểm soát khủng hoảng phục vụ cho mục đích cai trị độc tài và chuyên quyền. Đồng thời, nó cũng đẩy nhanh quá trình khơi thông bế tắc, gia tăng quyền lực cho các đảng phái chính trị trong Nghị viện, thông qua đó phổ biến phương pháp tự do hóa nhà nước độc tài. Sau đó, do nền kinh tế Nhật Bản đạt được những phát triển đáng kể, những người đứng đầu quân đội, quan chức, Nghị viện và các công ty lớn thường xuyên thu được lợi tức, điều này khiến nền chính trị trong nước trở nên ngày một khó kiểm soát.

Mười năm sau, cuộc chiến tranh Nga - Nhật nổ ra, theo sau là một thời kỳ sôi động khác trong hoạt động của các đảng phái chính trị cũng như việc tăng quân để đảm bảo quyền lợi đối với các thuộc địa của Nhật Bản tại lục địa châu Á . Vào thời điểm đó, các đội quân của Bộ Tổng Tham Mưu Quân Đội và Hải quân được đặt dưới quyền kiểm soát trực tiếp của Hoàng đế, và quân lính bắt đầu né tránh sự kiểm soát của nội các. Để chống lại mối nguy hiểm này, Ito đã cho sửa đổi các Quy tắc Chính phủ, khôi phục một số quyền lợi đã mất của thủ tướng từ năm 1889. Tuy nhiên, tính độc lập của quân đội đã không bị kiểm soát, và nội các chưa bao giờ trở thành cơ quan tham mưu cao nhất thật sự của Hoàng đế. tháng Ba năm 1907, Bộ trưởng Hải quân đã kêu gọi Hoàng đế bãi bỏ việc làm đó của Ito và Minh Trị đã đồng tình với đề nghị đó.

tảisáchhay

Sáu tháng sau, các Bộ trưởng Quốc phòng và Hải quân đã ban hành sắc lệnhQuân sự Chung số 1, quy định rằng "Các quy định liên quan đến mệnh lệnh của quân đội và Hải quân đã được Hoàng đế trực tiếp quyết định sẽ tự động có hiệu lực như các quy định quân sự (*gunrei)*". Do đó, trong khi thủ tướng có rất ít quyền lực để có thể thống nhất nội các, thì quân đội, với sự hậu thuẫn của Minh Trị đã đưa ra lý lẽ rằng "quyền chỉ huy tối cao" của Hoàng đế là quyền độc lập và không chịu sự kiểm soát của chính phủ.

Trong suốt thời học sinh của Hirohito, kéo dài từ sau khi kết thúc cuộc Chiến tranh Nga - Nhật vào năm 1907 đến ngay trước thềm Chiến tranh Thế giới thứ Nhất, quân đội đã được phép tự cho mình cái quyền mà quân đội không thể có được một cách hợp pháp. Nhật Hoàng Minh Trị đã phê chuẩn việc bảo vệ "các quyền và lợi ích mà Nhật Bản có được tại Mãn Châu và Hàn Quốc với cái giá phải trả là hàng chục nghìn sinh mạng và rất nhiều tiền bạc trong cuộc chiến tranh diễn ra vào những năm 1904-1905" như một nguyên tắc chỉ đạo mới đối với chính sách quốc phòng của Nhật Bản. Những nỗ lực mới này cũng đã được thực hiện nhằm thổi vào các lực lượng vũ trang hệ tư tưởng về Hoàng đế và *võ sĩ đạo (bushido)* (con đường của các chiến binh). Sách huấn luyện và các quy trình đào tạo bộ binh đã được sửa đổi nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của tinh thần trong chiến tranh, tư tưởng sẵn sàng chiến đấu, theo đó mỗi người là một khẩu súng và luôn sát cánh bên nhau trong chiến đấu. Thật bất ngờ, vị trí và quyền lực của các sĩ quan hầu cận của Hoàng đế qua đó cũng được củng cố.

Năm 1907, cuộc chiến tranh kéo dài của Nhật Bản với Triều Tiên nhằm mục đích khuất phục người dân Triều Tiên bằng việc kiểm soát Hoàng gia nước này đã bước sang một giai đoạn mới. Tháng 9 năm đó, Hoàng đế Triều Tiên Kojong đã cử ba công sứ đến tham gia hội nghị về hòa bình được tổ chức tại Hague với mục đích biện hộ rằng Triều Tiên đã bị đặt dưới tình thế bị bảo hộ của Nhật Bản mà không được sự phê chuẩn chính thức của ông. Các cường quốc đã từ chối không công nhận các công sứ đã được Kojong cử đến hội nghị, lấy cớ rằng vì là nước chịu sự bảo hộ của Nhật Bản, Triều Tiên không có quyền hành gì trong chính sách đối ngoại. Sau sự kiện rắc rối đó, Nhật Hoàng Minh Trị đã cử Thái Tử Yoshihito đến Triều Tiên để cải thiện mối quan hệ với Hoàng gia Triều Tiên. Ngay sau khi Yoshihito trở về Nhật Bản vào cuối tháng 10, Minh Trị đã phê chuẩn chính sách của Ito buộc Hoàng đế Kojong thoái vị và đưa người kế tự của ông, lúc đó còn nhỏ tuổi, "Hoàng thái tử" Yi Un tới Tokyo. Bề ngoài là đưa Hoàng thái tử đi đào tạo nhưng thực chất là ngăn chặn những hành động chống đối Nhật Bản tiếp theo của Hoàng gia Triều Tiên. Vào ngày 15 tháng 12 năm 1907, Hoàng tử Yi Un, lúc đó 10 tuổi, nắm tay Ito đi đến Cung điện Koson và được giới thiệu với Hirohito, Chichibu và Takamatsu. Hai năm sau đó, mặc dù những đầu sỏ chính trị Nhật Bản đã đưa ra một quyết định mang tính định mệnh, đó là thay đổi trạng thái của Triều Tiên từ một nước bị bảo hộ thành một nước thuộc địa, thì Nhật Hoàng Minh Trị đã hành động với tư cách là người giám hộ cho Yi Un, dành cho cậu sự quan tâm và quà tặng nhiều hơn so với ông từng làm đối với chính các cháu ruột của mình. Ito hứa sẽ mang Hoàng tử Triều Tiên đến cung điện Koson bất cứ khi nào ông đến thăm Hirohito và các em trai của cậu.

Lần cuối cùng Hirohito gặp Yi Un cùng với sự hiện diện của Ito là vào ngày 14 tháng 9 năm 1909, ngay sau khi Ito thôi không giữ chức công sứ Triều Tiên và đảm nhận chức vụ chủ tịch Hội đồng cơ mật. Sáu tuần sau đó, vào ngày 26 tháng 10, một người theo chủ nghĩa dân

tảisáchhay

tộc Triều Tiên đã ám sát Ito tại Cáp Nhĩ Tân, Mãn Châu, nơi Ito đang trên đường đi đàm phán về mối quan hệ giữa Nga và Nhật Bản. Về phần con tin Yi Un, Tokyo đã trở thành chỗ ở lâu dài của cậu, và cậu không được phép trở về Triều Tiên cho đến tận khi mẹ cậu qua đời năm 1911.

Trong suốt thời thơ ấu của Hirohito và những năm tháng sau đó, Nhật Hoàng Minh Trị được truyền bá như là một chuẩn mực của mọi giá trị đạo đức. Mặc dù Nhật Hoàng Minh Trị được biết đến là một vị vua hiếu chiến, "Tây hóa", là nền tảng và cốt lõi của mọi giá trị đạo đức, con người thật sự của ông khác xa so với những điều người ta đồn thổi. Cá nhân ông là người theo khuynh hướng "chống phương Tây" và mưu mô, xảo quyệt. Tính cách của ông cũng không lấy gì làm dễ chịu. Ông có xu hướng chơi bời phóng đãng và béo phị. Ông dành quá nhiều thời gian để thỏa mãn nhu cầu ăn uống khác thường của mình. Các chứng bệnh làm ông phải khổ sở có thể bắt nguồn từ việc ông đã ăn và đặc biệt là uống quá nhiều, điều cuối cùng đã tàn phá sức khoẻ của ông.

Trong thời gian những người đứng đầu Nhật Bản thổi phồng những giá trị đạo đức như một siêu nhân của Nhật Hoàng Minh Trị, và cho viết lại sách giáo khoa để nâng cao sự sùng bái của nhân dân đối với Hoàng đế, Hirohito bắt đầu học tiểu học tại Học tập viện. Hirohito bắt đầu vào học tại Học tập viện vào mùa xuân năm 1908 khi cậu lên 7 tuổi. Học tập viện được xây dựng tại Yotsuya, Owari-cho, gần cổng chính của cung điện Akasaka cũ (khoảng 20 phút đi bộ từ cung điện Koson) đã được thành lập 30 năm trước, dưới sự che chở của Cơ quan phụ trách về Hoàng gia, với mục đích dạy dỗ những đứa trẻ của Hoàng gia *(kozoku*) và tầng lớp quý tộc triều đình. Sau khi Đạo luật Quý tộc ra đời vào năm 1888, con cái của những quý tộc trẻ mới được phong tước *(kazoku)* cũng có thể theo học, và Học tập viện vì thế đã được mở rộng. Nhật Hoàng Minh Trị đã bổ nhiệm Tướng Nogi, một người anh hùng trong cuộc Chiến tranh Nga - Nhật, làm hiệu trưởng thứ mười của trường và giao cho ông đào tạo người cháu trai trưởng của mình.

Tướng Nogi thích sử dụng phương pháp giáo dục theo phong cách quân sự nghiêm khắc và là người trung thành với đạo Khổng, *võ sĩ đạo* và giáo huấn của Zen. Ông từ chối nuông chiều vị Hoàng tử nhỏ. Theo chỉ đạo của ông, đám học trò bắt buộc phải đi bộ đến trường vào mỗi buổi sáng. Đi theo hộ tống có một người phụ trách việc chăm sóc y tế và hai nhân viên của Cơ quan Phụ trách Hoàng gia. Khi khách qua đường nhìn vào, họ thấy đám trẻ đi nối liền với nhau thành một hàng dài, dẫn đầu luôn là Hirohito, tiếp sau là Chichibu, rồi đến Takamatsu. Vào những ngày mưa, bọn trẻ được phép đi xe ngựa; Hirohito đi một mình trong khi hai cậu em đi cùng một xe ở phía sau - trừ trường hợp một trong hai cậu bị ốm.

Do Hirohito không phải là một đứa trẻ khoẻ mạnh, theo yêu cầu của Nogi, các giáo viên dành nhiều thời gian để giáo dục thể chất và rèn luyện sức khoẻ cho cậu cũng như đối với việc học cách ứng xử và học lý thuyết. Đồng thời, họ cũng tìm cách rèn cho cậu những đức tính và thói quen tốt mà Nogi cho là thích hợp đối với một vị vua tương lai, đó là tiết kiệm, thận trọng, kiên nhẫn, mạnh mẽ, và khả năng tự kiểm soát tốt bản thân trong những điều kiện khó khăn. Theo quan điểm của Nogi, một vị vua lý tưởng cần có sự tận tụy với nhiệm vụ của mình và tình yêu đối với quân đội. Dưới sự dạy dỗ của Nogi, Hirohito sớm nhận thức về thể trạng yếu ớt của mình và sự cần thiết phải vượt qua điều đó bằng việc chăm chỉ

tảisáchhay

luyện tập. Kinh nghiệm có được từ khi còn là một đứa trẻ đã cho Hirohito thấy rằng với sự giáo dục đúng đắn, một người có thể khắc phục được mọi khiếm khuyết của mình.

Nogi biết rằng quân đội của nước Nhật cận đại đã trở thành quân đội của Hoàng đế và rằng họ phải chịu sự chỉ huy trực tiếp của Hoàng đế. Vì đến một ngày nào đó, cậu Hoàng tử nhỏ sẽ phải phụ trách các vấn đề về quân đội Hoàng gia, thực thi đặc quyền chỉ huy tối cao theo cách thức mà ông nội cậu chưa từng được đào tạo, các giáo viên tại Học tập viện đã được yêu cầu "chú ý hướng dẫn Hirohito kỹ lưỡng về các vấn đề quân sự." Năm 1910, Nhật Hoàng Minh Trị ban hành Quy chế Hoàng gia số 17, quy định rằng các thành viên nam của Hoàng gia bắt buộc phải đi lính nghĩa vụ và huấn luyện quân sự. Tuy nhiên, đối với Hoàng tử trẻ Hirohito, các vấn đề quân sự mà cậu được đào tạo trong giai đoạn này chỉ là cưỡi ngựa, một kỹ năng mà cậu bắt đầu được học từ năm lớp 4 hoặc lớp 5, chơi các trò chơi chiến tranh (mô phỏng các trận đánh trong cuộc chiến tranh trước đây) với các em trai và các bạn cùng lớp.

Nogi chắc hẳn không thể quên bài học thất bại trong việc đào tạo cha của Hirohito khi cố gắng đưa vào giáo án hình mẫu về đức tính dũng cảm. Hoàng thái tử Yoshihito từng có rất nhiều gia sư và người giám sát phụ trách việc học hành (bao gồm Ito Hirobumi và Tướng Oyama Iwao) đến nỗi khó có thể nói được ai mới là người chịu trách nhiệm chính phụ trách việc học tập của ông. Tuy nhiên, Nogi, với lợi thế từ hệ thống truyền bá tư tưởng đã được thiết lập và tính cách mạnh mẽ, ông đã làm cho các học trò phải khuất phục. Khi Nogi yêu cầu bọn trẻ phải chào ông vào mỗi buổi sáng bằng câu "Chào Ngài", Hirohito và các em của cậu đều răm rắp làm theo.

Trong suốt những năm tại Học tập viện, Hirohito đã trải qua kỳ học mùa đông và kỳ nghỉ giữa kỳ ở Numazu, quận Shizuoka và những kỳ nghỉ hè tại Ikaho, quận Gumma, và tại Hayama, quận Kanagawa. Ông thường xuyên gặp gỡ các em trai của mình nhưng không nhiều bằng các bạn cùng lớp được ông lựa chọn kết thân đặc biệt - gồm 13 học sinh nam, sau này giảm xuống còn chín. Ông đã được những quý tộc của triều đình - "những người chuyên phục vụ nghi lễ" trong Bộ Hoàng gia - dạy các nghi lễ Shinto. Hirohito sẽ là một linh mục cấp cao của đạo Shinto nhà nước - một ông vua chính trị và sùng đạo. Việc thực hiện những nghi lễ đạo Shinto cũng sớm làm cho ông nhớ đến thờ phụng ông bà, tổ tiên, một việc mà trước đó ông không nghĩ đến. Trong khi ông và các em trai sống tại Cung điện Koson, hàng sáng vào lúc mặt trời mọc, sau khi tắm rửa bằng xà phòng và lấy khăn lau khô người, họ được dạy cầu nguyện trong một phòng nhỏ được trải hai cái chiếu bằng cách quỳ về phía Đền thờ lớn Ise và Hoàng cung. Khi Hirohito trưởng thành hơn, những chuyến viếng thăm đền thờ và các lăng mộ Hoàng đế đã làm cho ông ý thức hơn được tầm quan trọng của tổ tiên. Tín đồ tôn giáo in sâu vào tư tưởng là một trong những thành quả lớn của việc giáo dục trong những năm đầu đời của ông.

Yếu tố chính tạo nên tín đồ tôn giáo này là ý thức cao về nghĩa vụ đạo đức của Hirohito đối với tổ tiên thuộc dòng dõi Hoàng đế, những người đã mang lại sự sống, quyền lực, vận mệnh gia đình của ông, và trên hết là bất kể những gì mà ông và đất nước đang có. Là người đứng đầu tương lai của Hoàng gia, là tộc trưởng nên tín ngưỡng của tổ tiên đã ăn sâu vào Hirohito. Ông có nghĩa vụ học cách thực hiện những nghi lễ uy nghiêm đối với tổ tiên. Sự

tảisáchhay

quan tâm đến tín ngưỡng và nghĩa vụ cốt yếu của ông với công chúng được tóm lại trong từ *koso koso* ("những người khai sinh ra triều đại của chúng ta và những người khai sinh ra tổ tiên của chúng ta"). *Koso* có nghĩa là tổ tiên trong thần thoại, khởi đầu là nữ thần mặt trời, Amaterasu Omikami, và kế tiếp là Hoàng đế Jimmu. *Koso* có nghĩa là "tổ tiên Hoàng đế của chúng ta", hoặc dòng họ Hoàng đế trong lịch sử kế vị ngai vàng. Vì vậy, *Koso koso* đã kết hợp trực tiếp Hirohito với thần thoại đã được hư cấu và tín ngưỡng của Hoàng gia. *Koso koso* là xuất phát điểm trong quan điểm đạo đức của Hirohito và là cơ sở đánh giá về nhà nước của ông sau này. *Koso koso*, gánh nặng thường ngày của ông với công chúng, xác định sự nghiệp mà ông đã cống hiến cả đời: gìn giữ ngai vàng khi ông là người chiếm giữ ngai vàng đó.

Cụm từ hoa mỹ "những người khai sinh ra triều đại của chúng ta và những người khai sinh ra tổ tiên của chúng ta" và "tổ tiên của chúng ta tồn tại liên tục qua một dòng họ kế vị trong nhiều thời đại" [*bansei ikkei no koso*] có ý nghĩa lịch sử sâu sắc. Nó cho thấy nguồn gốc của các triều đại lịch sử chính trị trước đó của Hoàng thất như *Shoku Nihongi* [Biên niên sử của Nhật Bản] ở đầu thế kỷ thứ VIII. Cụm từ đó cũng xuất hiện trong nhiều sắc lệnhcủa Nhật Hoàng Minh Trị, như sắc lệnhnăm 1889, lời mở đầu của hiến pháp trong Hiến pháp của Đại Nhật Bản Đế quốc, Hoàng thất Điển phạm năm 1889 và sắc lệnhvề Giáo dục năm 1890. Nhiều sắc lệnhcủa Hirohito cũng chứa thuật ngữ *koso koso*, như sắc lệnhtrong đó ông đặt vận mệnh gia đình vào việc tuyên chiến với Anh và Hoa Kỳ. Trên hết, *koso koso* thể hiện ý thức của chính ông với vai trò là người cai trị, người kế thừa quyền lực tôn giáo của tổ tiên, và là người có nghĩa vụ đạo đức với tổ tiên hơn là với thần dân, những người xét cho cùng không phải là người nắm quyền lực của ông mà là đối tượng dưới quyền lực của ông. Nhận thức được trách nhiệm đối với tổ tiên ngoài trách nhiệm với "thần dân" là một đặc điểm quan trọng trong tính cách của Hirohito.

Năm 1912, khi Hirohito 11 tuổi, ông trở thành Hoàng thái tử và được phong cấp thiếu úy quân đội và thiếu úy Hải quân53. Cùng năm đó, triều đại lâu đời do người ông nội nổi tiếng của ông đứng đầu cuối cùng cũng chấm dứt, và hoàn cảnh sống của ông cũng thay đổi. Kể từ khi Nhật Hoàng Minh Trị đến tuổi nhận thức được về chính trị, trong những năm 1880, ông là người tập trung quyền lực vào các cơ quan nhà nước, bảo vệ đầu sỏ chính trị để họ không chỉ trích lẫn nhau, và dàn hòa các vụ tranh chấp giữa các đầu sỏ chính trị đã cao tuổi lúc đó và trở thành *nguyên lão*. Những thành tựu đỉnh cao của ông là sự ca ngợi và thần thánh hóa một Đế chế thực tế do các đầu sỏ chính trị bị căm ghét tạo ra. Bằng cách làm như vậy, Nhật Hoàng Minh Trị trở thành biểu tượng sống của chủ nghĩa dân tộc và Đế chế Nhật Bản, cũng như biểu tượng chính thống trong sự cai trị của chính ông. Ông qua đời ở tuổi 61, ngày 30 tháng 7 năm 1912, đánh dấu sự mất đi của hai biểu tượng trên và ngay sau đó, người ta nghi ngờ cách làm việc của một ông vua.

Cha của Hirohito, Hoàng thái tử Yoshihito, đã không thể kế tục di sản của Nhật Hoàng Minh Trị khi ông lên ngôi Hoàng đế ở tuổi 33. Sức khỏe yếu, lười nhác và không có khả năng đưa ra các quyết định về chính trị, Hoàng thái tử Yoshihito hoàn toàn không hiểu biết các vấn đề quân sự, dù khi đó ông là tổng tư lệnh. Gần một tháng sau khi Yoshihito lên ngôi Hoàng đế, mở ra thời kỳ cận đại (1912-1926), báo chí đã viết về việc bổ nhiệm thêm bác sỹ cho triều đình. Tháng 12 năm 1912, Tướng Yamamoto Gonbei đã nói với *nguyên lão* Matsukata Masayoshi rằng khi đề cử người kế vị thủ tướng, Hoàng đế Yoshihito "không có [những

tảisáchhay

phẩm chất] giống như Hoàng đế trước. Theo quan điểm của tôi, trung thành không phải là tuân theo mệnh lệnh của Nhật Hoàng Đại Chính nếu chúng ta thấy mệnh lệnh đó bất lợi cho nhà nước".

Do vậy, việc cha của Hirohito lên ngôi năm 1912 đã trở thành một bước ngoặt quan trọng trong quản lý nhà nước dù không có bất kỳ thay đổi nào về thể chế. Các nguyên lão, đặc biệt là Yamagata, bắt đầu kiểm soát triều đình chặt chẽ hơn, hạn chế ý muốn của vị Hoàng đế mới đầy sức mạnh nhưng luôn thay đổi. Các sắc lệnh đã được thực thi thành luật, và những đầu sỏ chính trị đã dựa vào các sắc lệnhđó để kìm hãm Nghị viện và các bộ trưởng của nhà nước hay tỏ thái độ chống đối, bỗng trở thành một đối tượng tranh cãi gay gắt và làm mất đi một số quyền của họ56. Một cách giải thích mới về hiến pháp đã xuất hiện: "thuyết cơ quan" của Giáo sư Minobe, trong đó nhà nước được coi là tối cao và thậm chí chế độ quân chủ chỉ là một trong vài "cơ quan" phụ thuộc vào nhà nước. Một phong trào mới nổi dậy trong các nhà chính trị thuộc Nghị viện để "bảo vệ hiến pháp" khỏi sự cầm quyền độc đoán của "lãnh chúa vùng Satsuma-Choshu" đã thống trị Nhật Bản dưới sự bảo hộ của Nhật Hoàng Minh Trị. Bởi vì quyền bầu cử đã tăng gấp đôi sau Chiến tranh Nga-Nhật, nhiều nhà chính trị cũng bắt đầu đề nghị thông qua luật bỏ phiếu phổ thông dành cho nam giới.

Các nhà sử học đánh dấu thời kỳ hậu Chiến tranh Nga-Nhật là sự mở đầu phong trào "dân chủ Đại Chính" của Nhật Bản, với đỉnh cao là sự thay đổi chính trị năm 1912. Bằng cách sử dụng thuật ngữ Anh-Mỹ này, các nhà sử học muốn nói đến một loạt các đợt vận động bầu cử công khai được tiến hành chủ yếu bởi các nhà chính trị, nhà báo và các trí thức để yêu cầu quyền bỏ phiếu phổ thông dành cho nam giới, chính phủ nội các được tổ chức bởi người đứng đầu đảng chính trị, những hoạt động chính trị được tiến hành bởi các đảng trong Nghị viện ngoài các nhóm chính trị dựa vào chế độ phong kiến cũ hoạt động tách rời với Nghị viện. Sau Chiến tranh Thế giới thứ Nhất, "dân chủ Đại Chính" cũng bắt đầu truyền bá vào Nhật Bản các sản phẩm chính trị, văn hóa, cách sống của Mỹ và các hệ tư tưởng như chủ nghĩa cá nhân58. Đặc biệt, thế hệ sau đã không thừa nhận rằng nhà nước Minh Trị là nhà nước có năng lực và là tác nhân xác định và thúc đẩy lối sống có đạo đức.

III

Cái chết của ông nội là một bước ngoặt lớn trong cuộc đời Hirohito và các em trai của ông. Đối với Hirohito, nó đánh dấu sự mở đầu một giai đoạn mới trong sự nghiệp huấn luyện của ông. Để chuẩn bị cho Hirohito đảm nhận vị trí tổng tư lệnh tối cao, một viên thị thần mới và một sĩ quan quân đội đã được chỉ định phục vụ ông và cả hai được giám sát bởi một quan chức cấp cao của Bộ Hoàng gia1. Vị quan chức cao cấp này là cựu Bộ trưởng Giáo dục và là chủ tịch lâu năm của Đại học Hoàng gia Tokyo, Hamao Arata, được biết đến như là người quản lý công việc Hoàng gia cho Hoàng thái tử và phụ trách giám sát việc học hành của Hirohito, chỉ dẫn Hirohito các công việc đặc biệt phức tạp của triều đình và nghi thức xã giao xã hội.

Ngoài sự gặp gỡ hàng ngày giữa anh em Hirohito bị hạn chế, cách giáo dục của họ cũng riêng biệt và thầy dạy là người kiểm tra họ cuối cùng. Ngày 10 tháng 9 năm 1912, ba ngày trước đám tang của Nhật Hoàng Minh Trị, Tướng Nogi, 64 tuổi, đến dinh thự của Hirohito,

tảisáchhay

đã đổi tên là Cung điện của Hoàng thái tử. Sau khi thông báo cho Hirohito rằng ông sẽ "không ở đây khi trường học bắt đầu khai giảng", Nogi đề nghị Hirohito nên thận trọng và học hành chăm chỉ. Khi đó, ông đưa cho Hoàng tử hai cuốn sách về lịch sử mà ông yêu thích, một cuốn của nhà nghiên cứu về Khổng Tử đồng thời là nhà chiến lược quân sự thế kỷ XVII, Yamaga Soko, cuốn kia là của Miyake Kanran, người sáng lập và là đại diện chính của trường Mito dạy tư tưởng chủ nghĩa dân tộc ở thời kỳ đầu.

Mở đầu thời kỳ Nhật Hoàng Đại Chính, vào đúng ngày tang lễ của Nhật Hoàng Minh Trị, Tướng Nogi và vợ đã đóng cửa phòng khách trên tầng hai và chuẩn bị kết liễu cuộc đời. Ông đã cởi bỏ bộ đồng phục và mặc bộ đồ lót màu trắng; vợ ông mặc trang tang màu đen. Hai vợ chồng đã quỳ trước di ảnh của Nhật Hoàng Minh Trị và hai con trai của họ đã chết trong cuộc Chiến tranh Nga-Nhật. Khi chuông tang lễ rung lên thì họ bắt đầu tự sát đúng theo nghi lễ. Bà Nogi hành động trước; ông đâm thêm một nhát dao sâu vào cổ của bà và sau đó dùng thanh kiếm tự mổ bụng mình. Người anh hùng của cuộc Chiến tranh Nga-Nhật này để lại mười bức thư riêng và một bài thơ về cái chết đơn độc. (Văn phong của các bài thơ về cái chết là một cách viết khác với tác phẩm cổ xưa của Nhật Bản đã được khơi lại trong thế kỷ XIX). Trong một bức thư, ông đã tạ lỗi về hành động của m với bốn thành viên trong gia đình, kể cả vợ ông và thừa nhận đã có âm mưu tự sát kể từ khi mất quyền chỉ huy trong cuộc chiến tranh năm 1877; ông cũng đề cập đến tuổi tác và sự mất mát các con trai của mình. Trong một thư khác viết cho một bác sỹ quân đội, ông đề nghị hiến xác cho y học. Nogi cũng để lại những bức thư cho Đại uý Ogasawara Naganari và Tướng Tanaka Giichi.

Bài thơ về cái chết của Nogi, dự dịnh được xuất bản công khai, nói về một đất nước mà ông theo hầu nhà vua đến lúc chết - một tục lệ được gọi là *junshi* mà thậm chí Mạc phủ Tokugawa cho là man rợ và phải bị cấm "như thời cổ năm 1663". Những nhà trí thức đảng Bảo thủ là Nitobe Inazo và Miyake Setsurei, thường chỉ trích công khai sự suy yếu về đạo đức truyền thống của Nhật Bản, đã giải thích việc tự sát của Nogi là hành động tiêu biểu cho lòng trung thành của võ sĩ samurai, chứa đựng nhiều bài học tích cực cho đất nước và lực lượng vũ trang. Nantenbo, một thầy giáo theo Phật giáo (Zen) của Nogi đã thích thú hành động uy nghiêm của cậu học trò đến nỗi đã gửi tới đám tang một bức điện chúc mừng gồm ba từ "Muôn năm, muôn năm, muôn năm".Tuy nhiên, tờ Asahi shinbun, đã đăng bài xã luận chỉ trích những người kêu gọi thiết lập một hệ thống giáo lý mới bằng cách gợi lại tư tưởng võ sĩ đạo (bushido) và khẳng định rằng hành động tai hại của Nogi có thể chẳng để lại điều gì cho đất nước. Kiryu Yuyu, tác giả của tờ báo Shinano Mainichi shinbun đã đi xa hơn, không chỉ chỉ trích công khai cái chết của Nogi là "thiếu suy nghĩ" và "vô nghĩa" mà còn cảnh báo rằng "hiểu rằng cái chết là lòng trung thành" là một tư tưởng dân tộc sai lầm mà có thể chỉ "làm khích lệ những tội ác lớn trong những mối quan hệ quốc tế".

Khi được viên thị thần phụ trách giám sát việc giáo dục thông báo về cái chết của "thầy giáo" Nogi, Hirohito là một trong ba anh em trai có cảm xúc: Rơi nước mắt và không nói nên lời. Chắc chắn ông còn quá trẻ để hiểu thực chất hành động của vị tướng chứ chưa nói đến giáo lý cổ hủ của ông về tư tưởng võ sĩ đạo *(bushido*) có thể tác động nguy hại đối với đất nước. Nhưng về cuối đời, Hirohito đã tâm sự với một phóng viên Mỹ, Nogi đã có ảnh hưởng sâu sắc với ông, và có những lời dạy thấm nhuần về tính tiết kiệm, nhẫn nại và những đức tính mà Hirohito luôn tôn trọng. Thầy Nogi dũng cảm là người đưa ra các mệnh lệnh cho

tảisáchhay

Hirohito, ông luôn thực hiện điều mình đã nói và sẵn sàng hy sinh tính mạng cho chủ. Hirohito không chỉ đồng cảm với Nogi mà còn tìm thấy ở thầy Nogi niềm tin rằng ở một mức độ nào đó, quyết tâm mạnh mẽ có thể bù đắp cho sức khỏe yếu . Trong các thần tượng của Hirohito, Nogi được so sánh với một vị anh hùng của ông, Nhật Hoàng Minh Trị.

Hirohito vẫn còn phải học thêm hai năm nữa ở trường tiểu học. Khi đó, ông được giảng dạy trực tiếp bởi hai nhân vật mới: Tổng tư lệnh Hải quân Togo Heihachiro và Đại uý Hải quân Viscount Ogasawara Naganari, con trai cả của vị lãnh chúa cuối cùng của lãnh địa Karatsu nhỏ bé, và là nhà văn viết nhiều truyện về chiến tranh và tiểu thuyết hóa lịch sử quân đội. Sau này, cả hai nhân vật trên đều chống đối mạnh mẽ chính sách quốc phòng đầu tiên của Hirohito.

IV

Từ năm 13 tuổi đến năm 19 tuổi - trong một thập kỷ khi hầu hết sinh viên Nhật Bản vẫn không được dạy quân sự ở trường, và "trường trung học" bình thường kéo dài chỉ năm năm - Hirohito và năm người bạn cùng lớp được Đại uý Ogasawara tuyển chọn từ Học tập viện và được giáo dục về hai mặt (quân sự và khoa học xã hội) tại Togu-Ogakumonjo.

Trường Ogakumonjo là một tòa nhà bằng gỗ sơn màu trắng, thiết kế theo kiểu châu Âu, và đặc biệt được xây dựng để dành riêng cho Hirohito, nằm trong khuôn viên của Cung điện Takanawa.70 Nogi và Ogasawara là người đã lập bản thiết kế mặt bằng của trường; Nhật Hoàng Minh Trị đã phê duyệt thiết kế đó trước khi mất. Tổng tư lệnh Hải quân Togo phụ trách trường Ogakumonjo với tư cách là chủ tịch, trong khi Ogasawara tuyển chọn và giám sát toàn bộ đội ngũ giáo viên giảng dạy của trường. Nguyên nhân cơ bản đằng sau sự lựa chọn đội ngũ giảng viên của Ogasawara, các nguyên lão và triều đình thật đơn giản: Tất cả họ đều cho rằng cách giáo dục tốt nhất một vị vua tương lai là chọn những sĩ quan quân đội nổi bật nhất của đất nước và các học giả hàng đầu của trường Đại học Hoàng gia Tokyo. Bởi vì Ogasawara đã chọn (với chỉ một trường hợp ngoại lệ) những vị trí cao nhất về học vấn, nên những thầy dạy của ông không phải là những tín đồ tôn sùng Hoàng đế cuồng tín, và đây có thể là lý do tại sao Hirohito thường không thoải mái với những người có quan điểm như vậy trong kỷ nguyên của sự độc tài và chiến tranh sau này.

Điểm mạnh của Ogakumonjo là nền tảng quân sự. Ngoài việc huấn luyện cưỡi ngựa và rèn luyện quân sự bởi các sĩ quan quân đội cấp dưới, Hirohito và các bạn cùng lớp còn nghiên cứu cách giải thích một tấm bản đồ và cách lập bản đồ, lịch sử quân đội, các nguyên tắc lãnh đạo, chiến thuật, chiến lược quân sự và đánh cờ.

Những giáo viên quân sự chính quy của Hirohito và các bạn gồm chủ tịch Học tập viện, Tướng Osako Naoharu, một chuyên gia về Chiến tranh Nga-Nhật; hai thiếu tướng Hải quân; và bốn trung tướng đang tại ngũ, phần lớn trong số đó đều là tùy viên Hải quân ở nước ngoài và đã dạy tại Học viện Hải quân. Đầu năm 1919, nhà lý luận và là Đại uý Hải quân Sato Tetsutaro đã giảng giải cho Hirohito lý thuyết của sĩ quan Hải quân cao cấp Mỹ Alfred Thayer Mahan về sức mạnh của biển, trong đó nhấn mạnh rằng việc các chiến hạm lớn kiểm soát các luồng giao thông trên biển là giải pháp cho chính sách ngoại giao thành công của những người theo chủ nghĩa bành trướng. Mahan đã thừa nhận Hải quân Nhật Bản là mối

tảisáchhay

đe dọa trực tiếp đến lợi ích của Hoa Kỳ tại Thái Bình Dương trong tương lai, cho dù người ta vẫn không biết liệu điểm này có được Sato nêu bật trong các bài giảng cho Hirohito hay không. Sato cũng giảng giải về lịch sử quân đội Nhật Bản và phương Tây (bao gồm Hải chiến biển của Nhật Bản, trong đó hạm đội phối hợp dưới sự chỉ huy của Tổng tư lệnh Hải quân Togo phá hủy các tàu chiến hạm đội Baltic của Nga).

Một sĩ quan Hải quân khác giảng dạy tại trường Ogakumonjo là chú ruột của Hirohito, Hoàng tử Fushimi Hiroyasu, một chuyên gia về lý thuyết quân sự Đức. Hoàng tử Fushimi Hiroyasu đã dành phần cuối thời niên thiếu đầy ấn tượng để nghiên cứu về Hoàng gia Đức, và đã tốt nghiệp trường Hải quân Kiel năm 1895. Đối với Đại uý Ogasawara, người đang giám sát trường Ogakumonjo, Hoàng tử Fushimi là cầu nối hữu ích đến Hoàng thất, và do đó là một người bạn cần được giúp đỡ bất kể khi nào Hoàng tử yêu cầu vì sự nghiệp Hải quân của con trai ông. Đối với Hirohito, Fushimi chỉ là người chú họ giám sát giai đoạn đầu khóa huấn luyện Hải quân của ông bắt đầu từ tháng 7 năm 1916 và là một gương mặt quen thuộc từ thời thơ ấu. Những điều Fushimi dạy và những điều Hirohito đã học được từ ông, nếu có, đều không được biết đến.

Những người giảng dạy quân sự cho Hirohito là hai vị tướng đã chỉ huy quân đội tại Trung Quốc trong suốt Chiến tranh Thế giới thứ Nhất là Tướng Ugaki Kazushige và Nara Takeij. Ngoại trừ Nara (người đã ra khỏi Lữ đoàn Pháo binh thuộc Bộ quốc phòng) thì trước kia họ đều là quản lý của Học viện Chiến tranh. Tướng Ugaki tốt nghiệp khóa đầu tiên của Học viện Quân sự đã được cải cách (theo kiểu Đức) (năm 1890) và Học viện Chiến tranh năm 1900. Năm 1917, ông tham gia hoạch định kế hoạch thám hiểm Seberi để ngăn chặn sự lan rộng của cuộc cách mạng Nga và thành lập một nước trung lập ở phía đông Siberi. Tháng 4 năm 1919, Ugaki bắt đầu giảng dạy tại trường Ogakumonjo khi ông 51 tuổi và bắt đầu tham gia các hoạt động chính trị của đảng dưới sự bảo trợ của tướng Tanaka Giichi.

Người có ảnh hưởng quan trọng nhất đến Hirohito trong các vấn đề quân sự là Tướng Nara, một sĩ quan nổi tiếng về tài ngoại giao. Ngày 18 tháng 7 năm 1920, Tướng Nara, 52 tuổi, được chỉ định chỉ dẫn và cố vấn cho Hirohito các vấn đề quân sự và là chỉ huy sĩ quan quân sự của Hirohito cho đến năm 1933. Nara đã chiến đấu trong cuộc Chiến tranh Nga-Nhật, phục vụ tại Đức, chỉ huy đơn vị đồn trú của Nhật tại Thiên Tân, và làm việc tại Bộ Quốc phòng. Ông cũng đã tham dự các hội nghị của Hội Quốc Liên và năm 1920 ông đã chủ trì Ủy ban điều tra cuộc tàn sát hơn 600 nghìn người dân Nhật và các cán bộ quân đội tại Nikolaevsk, trên sông Amur bởi những người ủng hộ Nga.

Nara chỉ tham gia giảng dạy quân sự tại trường Ogakumonjo vào học kỳ cuối cùng của Hoàng tử, bắt đầu từ tháng 9 năm 1920. Theo yêu cầu của *nguyên lão* Yamagata Aritomo, ông đã soạn thảo một cương lĩnh bảy điểm nhằm giáo dục Hoàng tử sau này, trong đó nhấn mạnh rằng Hirohito nên chú trọng đến các công việc quân sự và quan tâm đặc biệt đến chỉ huy quân đội và Hải quân. "Để đạt được mục tiêu này," Nara viết "Hirohito nên tập chỉ huy các đội Thị vệ Hoàng gia". *Nguyên lão* Field Marshal Yamagata đã trích dẫn tình hình lúc Nhật Hoàng Minh Trị còn trẻ để nhấn mạnh điểm này. Những mục tiêu giáo dục khác của Nara là dạy cưỡi ngựa, nuôi dưỡng niềm đam mê vũ khí và truyền kinh nghiệm sử dụng vũ khí cho Hoàng đế. Đầu tháng 10 năm 1920, Nara đã đào một cái hầm bên trong khuôn viên

tảisáchhay

của Hoàng thái tử để Hirohito tập bắn súng máy. "Tôi hướng dẫn Trung úy Kato và đã thực hiện được phần lớn kế hoạch này," Nara viết sau Chiến tranh Thế giới thứ Hai. "Tuy nhiên, quan điểm của triều đình là giết các sinh vật sẽ làm tổn hại đến ý thức đạo đức của Hoàng đế. Rõ ràng những viên thị thần không thích cách tập bắn súng ngắm [của Hoàng tử]."

Chương trình giảng dạy của trường Ogakumonjo được soạn thảo theo chương trình giảng dạy của Học viện Chiến tranh và Học viện Hải quân, nơi những thầy giáo quân sự dạy các bài học chủ yếu được rút ra từ cuộc Chiến tranh Nga-Nhật. Bài học cho toàn bộ các sĩ quan, và đặc biệt là cho tổng tư lệnh tương lai là lợi thế của chiến thuật so với chiến lược. Vì vậy, các quyết định về quân sự đưa ra để chiến đấu và chiến thắng trong cuộc chiến được chú trọng. Việc nghiên cứu chiến tranh là "một yếu tố để lãnh đạo đất nước" – được coi nhẹ hơn việc đưa ra các quyết định liên quan đến việc xuất trận, huy động và phân bố lực lượng để đạt được mục tiêu cuối cùng của cuộc chiến. Những thầy giáo Hải quân của Hirohito đã nhấn mạnh khái niệm rằng trong chiến tranh, mục đích của một cuộc giao chiến Hải quân là lôi kéo một hạm đội lớn và mạnh vào một trận đánh đơn mang tính quyết định như Hải Chiến Biển của Nhật Bản, một trận hải chiến được coi là kiểu đọ sức Hải quân hoàn hảo. Các thầy giáo quân sự dạy Hirohito rằng đơn vị bộ binh là đơn vị chủ chốt trong quân đội. Trận đánh giáp lá cà chứ không phải trận đánh bằng hỏa lực quyết định chiến thắng hay thất bại trong cuộc chiến. Pháo binh và kỵ binh (sau này là xe tăng và máy bay) được triển khai và sử dụng chủ yếu để yểm trợ những cuộc tấn công bằng lưỡi lê của bộ binh.

Công việc hàng ngày của trường được Đại úy Ogasawara và Tổng tư lệnh Hải quân Togo đưa vào khuôn phép chặt chẽ. Công việc này hiếm khi thay đổi, cứ lặp lại từ thứ Hai đến thứ Sáu và nửa ngày thứ Bảy. Năm cậu bé con nhà quý tộc và là bạn cùng lớp của Hirohito được người hầu đánh thức lúc 6 giờ sáng và cùng nhau ăn sáng. Khi Hoàng thái tử, ở trên tầng hai, bên trên chỗ của họ đã xong bữa sáng, ông đi bộ đến một phòng học lớn được trải thảm theo kiểu phương Tây, (gọi là "phòng chuẩn bị cho giờ học") và rung chuông báo hiệu cho các cậu bé nhà quý tộc lên gác và chào Hoàng thái tử. Họ xếp hàng lần lượt vào phòng học trong đó mỗi người được chỉ định một chiếc bàn và một giá sách, họ xếp thành hàng và cúi đầu chào Hoàng tử (người duy nhất của nước Nhật đeo ấn tín hình bông cúc trên mũ). Rồi họ ngồi xuống và đọc trong chốc lát để chuẩn bị cho buổi học kéo dài đến khoảng 7 giờ 45 phút. Đến giờ đó họ tự xin phép Hirohito rồi quay trở về chỗ ngồi của mình để đi giày và thu gọn dụng cụ học tập. Sau đó, họ tập hợp cùng các giáo viên tại cửa phòng học của trường Ogakumonjo đợi Hoàng tử đến, giống như họ đã làm khi Hirohito tham dự Học tập viện.

Thông thường, buổi sáng có bốn tiếng giảng dạy trên lớp và sau đó là giờ nghỉ ăn trưa. Ở phía sau lớp học, các ghế ngồi được đặt ở một bên để dành cho các vị khách đến thăm tại các thời điểm khác nhau. Các vị khách thường là Đại úy Ogasawara, Tổng tư lệnh Hải quân Togo, các sĩ quan hầu cận quân sự khác nhau, các thành viên của Hoàng gia và các viên chức Bộ Hoàng gia.77 Thật dễ hình dung sự căng thẳng của Hirohito khi quan sát ông thực hiện công việc ở trong và ngoài lớp học. Buổi chiều Hoàng tử đáp lễ chào hỏi các bạn cùng lớp xong rồi đi ăn một mình hoặc cùng với một sĩ quan hầu cận. Trong khi Hoàng tử thường ăn theo kiểu Tây là uống một cốc sữa thì các cậu bé kia đến phòng ăn dành riêng cho họ và ăn theo kiểu Nhật. Thỉnh thoảng chỉ có thứ Bảy, một hoặc hai thành viên trong lớp được phép ăn trưa cùng Hoàng tử.

tảisáchhay

Buổi chiều sẽ có một tiếng giảng dạy chính chức, sau đó là tập thể dục và dạy quân sự. Sau đó, các cậu bé tham gia các hoạt động như cưỡi ngựa, chơi tennis, chơi đấu kiếm Nhật hoặc tập bắn súng trúng mục tiêu. Mặc dù Hirohito rất lóng ngóng và chắc chắn là không nổi trội trong bất kỳ môn thể thao nào (kể cả môn võ cổ truyền của Nhật là *sumo*, kiếm đạo *(kendo*), bơi lội mà ông từng học thời mẫu giáo; và đánh golf mà ông tiếp tục chơi sau này), ông kiên trì và rất quyết tâm tập luyện các môn điền kinh nhưng vẫn không giỏi. Nagazumi Torahiko, bạn học cùng ông suốt 13 năm từ tiểu học đến trung học, nhớ là ông hết sức nghiêm túc và chăm chỉ. Khi giờ học buổi chiều kết thúc, các cậu bé lại xếp hàng và cúi chào Hirohito, người mà họ gọi là Hoàng tử (*denka)* ngay cả khi đang chơi, trong khi Hirohito gọi họ bằng tên. Sau giờ học là một chút thời gian dành cho Hoàng tử chơi tự do trong vườn Hoàng gia. Buổi tối, các sĩ quan quân đội đến thăm, xem xét việc học tập của Hoàng tử và dạy Hoàng tử cách đọc bản đồ và chơi các trò chơi về chiến lược chiến tranh với Hoàng tử. Khi Hirohito trưởng thành hơn, sĩ quan Hải quân dạy ông cách đọc kế hoạch quân sự bí mật và đặt câu hỏi về các kế hoạch đó. Đúng 9 giờ 30 tối, ngày học tập kết thúc và các cậu bé được đi ngủ.

Trong học kỳ thứ ba của năm học - trong những tháng mùa đông từ tháng Một đến tháng Ba - cả giáo viên và học sinh đều chuyển đến cung điện ở Numazu, nơi có khí hậu ấm hơn. Lớp học được tổ chức tại những khu vực không được trang trọng lắm xung quanh cung điện. Trong các tháng hè, từ tháng Sáu đến tháng Chín, khi các bạn cùng lớp về thăm gia đình, Hirohito chỉ dành chút ít thời gian ở cùng với bố mẹ. Ông dành phần lớn mùa hè để thực hiện một kế hoạch bận rộn là thăm các doanh trại quân đội, căn cứ Hải quân và các xưởng chế tạo vũ khí và đạn dược lớn của đất nước. Ông cũng đi thăm các học viện quân sự và thường xuyên đến thăm trụ sở Bộ Tổng Tham mưu Quân đội và Hải quân, học hỏi kinh nghiệm điều khiển tàu và thủy thủ trong những chuyến du ngoạn biển bằng tàu chiến và tàu tuần dương, kiểm tra các cuộc thử nghiệm pháo binhvà giám sát các cuộc diễn tập của sư đoàn và trung đoàn.

Các thầy giáo của Hirohito đã cố gắng chuẩn bị cho ông để có thể đảm nhận những vai trò khác nhau của một Hoàng đế giống như Nhật Hoàng Minh Trị, dạy ông những kiến thức về lịch sử đất nước có kết hợp các yếu tố của chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc mang tính thần thoại về dòng dõi thần thánh của ông. Mặc dù là Hoàng thái tử, nhưng ông sống trong một phạm vi đạo đức đòi hỏi không có trách nhiệm cá nhân đối với việc thực thi quyền lực và thẩm quyền, ông được truyền bá trong những câu chuyện thần thoại tương tự và các trường quân sự và trường tiểu học của đất nước. "Hoàng gia" (*kozoku*), đứng ở vị trí đầu tiên trong các hệ thống cấp bậc quốc gia về triều đại cha truyền con nối, và các tước vị quý tộc *(kazoku*), trực tiếp dưới họ, tất cả có thể đều không đồng ý rằng Hoàng thái tử Hirohito là dòng dõi của chúa, nhưng ông hiểu thực tiễn của giáo lý đó. Cuối cùng, thực tiễn của giáo lý đó đã trở thành một phần nhận biết trong công việc của ông.

Hirohito được sinh ra để làm nhà lãnh đạo của một Hoàng gia được quân sự hóa cao cấp (*kozoku*), mà các thành viên nam giới và nữ giới trưởng thành có cùng vai trò về giới trong cuộc sống của người Nhật Bản. *Kozoku* là một nhóm tự trị và đồng nhất gồm chín cấp bậc trong Hoàng tộc, kể cả anh em họ chiếm rất nhiều trong số đó. Các cấp bậc cao hơn bao gồm Hoàng hậu đương triều, con trai cả của Hoàng đế hoặc Hoàng thái tử, Hoàng hậu được quyền thừa kế, Hoàng tử và công chúa của dòng họ và các con của Hoàng tử và công chúa.

tảisáchhay

Các em trai của Hirohito, gọi là *jiki miya*, tạo thành một cấp bậc riêng trong Hoàng tộc. Bất kể tuổi tác cao hơn, họ hoàn toàn được đối xử khác với những Hoàng thất khác. Hoàng đế, luôn là người đứng đầu Hoàng thất, *koshitsu,* theo cách nói cụ thể thì không phải là một "thành viên" của Hoàng gia nhưng trên hết đó là một thủ lĩnh, giám sát chặt chẽ và thống nhất các thành viên trong Hoàng gia. Con trai thứ hai và thứ ba của Hoàng tộc, tùy theo tuổi trưởng thành, sẽ tự động trở thành người kế vị (*kazoku)* và hầu hết được phong chức "bá tước". Thừa hưởng quyền sở hữu đất đai, cổ phần, trái phiếu, dinh thự, người hầu, lương cao của Bộ Hoàng gia, một số người kế vị đã du lịch nước ngoài và sống tự do hơn những người dân thường Nhật Bản. Một số người kế vị cũng có khuynh hướng bộc lộ quan điểm "tự do" mặc dù quan điểm đó chắc chắn không hợp với mẹ, các em trai Chichibu và Takamatsu của Hirohito hoặc chú của ông, Field Marshal Kan'in Kotohito và Tổng tư lệnh Hải quân Fushimi, người sau này được Bộ chỉ huy Quân sự và Hải quân trung ương dùng làm đòn bẩy để gây ảnh hưởng đến ngai vàng.

Những Hoàng tử trưởng thành của dòng họ có thể được Hoàng đế chọn bổ nhiệm trực tiếp vào Thượng nghị viện, một bộ phận cao hơn thuộc Nghị viện có thẩm quyền ngang bằng Hạ nghị viện. Một số người trong số họ cũng đã tham gia - cùng quan ấn trưởng của thượng nghị viện, chủ tịch hội đồng cơ mật, thủ tướng, bộ trưởng tư pháp và chủ tịch Tòa Phá án (tòa phúc thẩm cao nhất) - vào Hội đồng Hoàng gia, được thành lập theo Hoàng Thất Điển Phạm. Hội đồng Hoàng gia hiếm khi được triệu tập và chỉ giải quyết các vấn đề liên quan đến Hoàng thất. Vì theo pháp luật Hoàng thất không được chính thức giúp Hoàng đế với vai trò là các cố vấn chính trị, ảnh hưởng thiết thực của Hoàng thất là nắm giữ các vị trí chỉ huy chiến lược trong lực lượng vũ trang và tiếp cận thường xuyên với Hoàng đế.

Một tầng lớp địa chủ phong lưu đã tham gia các hoạt động của nhà nước như các sĩ quan quân sự, *kozoku* có thể được so sánh với tầng lớp quý tộc Phổ và tư sản hơn là quân đội chuyên nghiệp mặc dù tầng lớp đó không có tư tưởng hẹp hòi và lòng mộ đạo. Sau khi đã được quân sự hóa trong quá trình thúc đẩy nhà nước phong kiến, tuy nhiên, các thành viên nam giới trong Hoàng gia, bất kể có thích hoặc hợp với cuộc sống quân đội hay không, đều được học quân sự, bắt đầu tại Học tập viện. Sau khi trở thành sĩ quan chuyên nghiệp, họ sẽ gia nhập lực lượng vũ trang ở cấp chỉ huy cao nhất và được tạo cơ hội để tiếp tục nghiên cứu quân sự ở nước ngoài. Tầm quan trọng của họ là nhóm phục vụ, tuyên truyền trong lực lượng vũ trang và là người dưới quyền trực tiếp của Hoàng đế, và họ không được đánh giá cao.

Hirohito đã dành bốn năm đầu tiên của tuổi thanh niên tham gia khóa huấn luyện quân sự trong khi thời gian diễn ra Chiến tranh Thế giới lần thứ Nhất, và ba năm cuối tham gia cuộc thám hiểm Siberi. Trong giai đoạn đầu tiên, từ năm 1914 cho đến đầu năm 1918, cuộc chiến tranh châu Âu đã làm cho quân lính giảm sự phấn khích về chiến thắng vinh quang của cuộc chiến tranh Nga-Nhật. Mặc dù Nhật Bản Hội Quốc Liên với Anh và Hoa Kỳ chống lại Đức - một kiểu quân đội chuyên nghiệp của Nhật - quân đội Nhật Bản không hiểu được vai trò quan trọng của các loại vũ khí trong các cuộc chiến tranh. Các sĩ quan của 17 sư đoàn được chia từ quân đội thường trực thời đó thích truyền thống võ sĩ đạo (*bushido*) đã được lý tưởng hóa như mô tả trong cuốn sách cổ "dưới bóng lá" *(hagakure)*, trong đó ca ngợi cái chết và lòng trung thành đến lúc chết là những giá trị cao nhất. Quá trình huấn luyện khắt

tảisáchhay

khe và các hình phạt thường xuyên, chú trọng đến tinh thần quân đội và tăng cường chủ nghĩa địa phương (bằng cách tập hợp những người xuất thân từ cùng một địa phương trong cùng trung đoàn để họ chiến đấu cho vinh quang của địa phương họ) là những đặc điểm chính của quân đội.

Tu luyện võ sĩ đạo và "tinh thần của Nhật Bản"(*Yarmato damashii)*, nghĩa là lòng tự tôn dân tộc và khả năng bất bại được chú ý truyền thụ. Cả hai yếu tố được "kết hợp chặt chẽ" trong chính sách quốc gia của Nhật Bản, hay *quốc thể*, đều tập trung vào Hoàng đế và được nêu rõ trong sắc lệnhđối với Hải quân và Quân đội năm 1882. Những hình phạt hà khắc và sự ức hiếp của những thế lực bên trên ở mọi tầng lớp đã dẫn đến sự sói mòn đạo đức quân đội và bạo lực ngày càng được giới chức sắc sử dụng công khai để duy trì kỷ luật và quản lý quân đội.

Trong ba năm cuối cùng của Hirohito ở trường Ogakumonjo, từ năm 1918 đến đầu năm 1921, việc duy trì kỷ luật quân đội trở thành một nhiệm vụ cấp bách. Đồng thời những giá trị của quân nhân đã thay đổi do thời thế thay đổi. Chiến tranh Thế giới thứ Nhất xảy ra sau cuộc cách mạng Bolshevik ở nước ngoài và cuộc "bạo động gạo" ở trong nước tạo nên tình thế buộc quân đội một lần nữa phải thẩm tra lại tinh thần của mình. Vào mùa hè năm 1918, những cuộc bạo động xảy ra khắp Nhật Bản buộc phải huy động hơn 57 nghìn quân để đàn áp. Những cuộc biểu tình này còn tiếp diễn trong ba năm nữa do những rắc rối liên quan đến tranh chấp giữa tầng lớp lao động với tá điền và chiến dịch bầu cử dành cho nam giới. Những cuộc biểu tình bạo lực nhất trong lịch sử Nhật Bản đều xảy ra ở thời kỳ này: tại Kho chứa vũ khí và đạn dược Tokyo (năm 1919 và năm 1921), tại mỏ sắt Kamaishi (năm 1919), mỏ đồng Ashio (tháng 4 năm 1921), Thép Yawata (năm 1920), và Xưởng đóng tàu Kawasaki Mitsubishi ở Kobe mùa hè năm 1921. Những cuộc đình công ở Kobe, với sự tham gia của hơn 35 nghìn công nhân, cũng phải huy động quân đội đến kiểm soát. Hơn 300 công nhân đã bị thương và khoảng 250 công nhân bị bắt trước khi tình trạng hỗn loạn ở Kobe chấm dứt.87 Do đó quân đội đã trở lại nhiệm vụ ban đầu của mình là duy trì an ninh trật tự trong nước, và vị thế của quân đội trong xã hội Nhật Bản đã bị hạ thấp. Lần thứ hai kể từ khi thành lập - lần đầu là vào những năm 1870 và 1880 - quân đội trở thành mục tiêu chỉ trích công khai, nhưng bị chỉ trích nặng nề nhất là khi quân đội được sử dụng để đàn áp những cuộc biểu tình của nông dân và đình công của người lao động.88

Do quân đội là một hệ thống thu nhỏ của xã hội cũng như là ông chủ lớn của những công nhân trong những xưởng chế tạo vũ khí và đóng tàu khắp cả nước, những thay đổi diễn ra trong cuộc sống của người dân Nhật Bản trong suốt sáu năm từ khi bùng nổ Chiến tranh Thế giới thứ Nhất năm 1914 đến khi kết thúc cuộc chiến năm 1920 cũng đã mở ra một giai đoạn mới trong quan hệ với chế độ quân chủ của quân đội. Lĩnh vực công nghiệp phát triển nhanh hơn và lĩnh vực nông nghiệp đạt năng suất. Những phép tắc Hoàng gia cũng tạo được ảnh hưởng. Giới chính trị đều biết cách hành xử thô bạo của Tổng tư lệnh Nhật Hoàng Đại Chính, sự thất tín hoàn toàn của ông và sự lôi kéo ông một cách trắng trợn của các *nguyên lão*. Sau năm 1918, Nhật Hoàng Đại Chính không thể tham gia những cuộc diễn tập có quy mô lớn của quân đội và Hải quân, tham dự được lễ trao bằng tốt nghiệp của các trường quân sự hoặc thực hiện bất kỳ nhiệm vụ mang tính nghi thức hàng năm nào của ông, kể cả việc triệu tập Nghị viện. Hình ảnh của ông bị lu mờ trước công chúng khi xu hướng hệ tư

tảisáchhay

tưởng gần như thay đổi và quân đội đang tìm cách xóa bỏ sự tách biệt về xã hội. Những diễn biến này đã làm cho việc thuyết phục lính nghĩa vụ tuân theo mệnh lệnh trở nên khó khăn hơn cho dù những mệnh lệnh đó đều được ban trực tiếp từ Hoàng đế.

Quân đội đã tuân thủ thể thức hiện tại, sửa đổi hệ thống giáo dục và bước đầu tỏ thái độ khoan dung đối với nhiều khía cạnh của phong trào dân chủ Đại Chính hơn là tự đối trọng một cách giáo điều theo xu hướng mới về mặt tư tưởng. Một số sĩ quan quân đội bắt đầu nghiên cứu nguyên nhân xã hội dẫn đến mâu thuẫn giữa công nghiệp và nông thôn. Trong một thời gian ngắn, họ bắt đầu đặt ra câu hỏi liệu *quốc thể,* theo truyền thuyết sáng lập, có phải là nguồn sức mạnh tinh thần thích hợp cho đặc tính thể chế hay không. Các bài báo nhanh chóng xuất hiện trên các tờ báo chính thức của quân đội, tờ *Kaikosha Kiji*, hoàn toàn đánh giá thấp tầm quan trọng của Hoàng thất như là biểu tượng của sự thống nhất giữa quân đội và xã hội.

V

Khi Hirohito tốt nghiệp trường Ogakumonjo năm 1921, thời điểm bắt đầu cuộc khủng hoảng của chính quyền đầu sỏ chính trị năm 1912 do thời kỳ quá độ từ Nhật Hoàng Minh Trị sang Nhật Hoàng Đại Chính, đã phát triển ở mức độ nghiêm trọng hơn: khủng hoảng chính trị của chế độ quân chủ ngày càng lớn. Trong khi đó, phong trào chống thực dân ở Triều Tiên và Trung Quốc đã buộc Đế chế phải rời khỏi đất nước, các phong trào của tầng lớp lao động và tá điền xuất hiện và bắt đầu lan rộng chứng tỏ sự bất mãn của quần chúng đối với tình hình trong nước ngày càng tăng. Trong hoàn cảnh mới của thời hậu Chiến tranh Thế giới lần thứ Nhất, với những người dân Nhật Bản, những người cương quyết khẳng định quan điểm riêng của mình đối với *quốc thể* và nghi ngờ về trật tự xã hội bất bình đẳng do tầng lớp quan lại, quân đội, chủ nghĩa tư bản thống trị, thì hình ảnh về một nhà nước - gia đình hòa hợp của cựu Nhật Hoàng Minh Trị khó có thể được duy trì.

Các thầy giáo tại trường trung học của Hirohito không giảng về bất kỳ sự thay đổi nào trong những thay đổi trên. Những lời kêu gọi cải cách xã hội; sự yếu kém trong nhận thức của quân đội Hoàng gia từ sau năm 1918; nhiều nhóm đột nhiên nhận thức được tư tưởng tư lợi thực tế hơn - đều không được đề cập trong chương trình giảng dạy trung học của Hirohito. Mâu thuẫn giữa những điều Hirohito được dạy ở nhà và ở trường về gia đình ông, về thế giới, về chính bản thân ông với những điều đang xảy ra bên ngoài lớp học ngày càng nhiều.

Để hiểu rõ tại sao các nhà giáo dục của Hirohito cảm nhận được vai trò tổng tư lệnh tương lai của ông, thì hai đặc điểm nổi bật khác của quân đội Hoàng gia cần được xem xét. Từ lúc hình thành hai đặc điểm trên, ý tưởng lực lượng vũ trang hiện đại của Nhật Bản sẽ dưới sự chỉ huy của Hoàng đế đã tồn tại. Nguyên tắc về quyền chỉ huy tối cao của Hoàng đế đã được duy trì trong toàn bộ các cuộc chiến tranh thời kỳ Phục Hưng; và một thời gian dài trước khi hiến pháp Minh Trị chỉ định rõ Hoàng đế chỉ huy lực lượng vũ trang, ý tưởng chỉ Hoàng đế mới có tín nhiệm để chỉ huy lực lượng vũ trang đã tồn tại trong quan niệm cổ xưa đến nỗi Hoàng đế được coi như nhân vật trung gian để chúa thực hiện nguyện vọng của mình.

tảisáchhay

Hơn nữa, quyền chỉ huy tối cao lực lượng vũ trang của Hoàng đế được coi là quyền độc lập, có trước hiến pháp và trên cả quyền tối cao của Hoàng đế trong những vấn đề liên quan đến công việc của nhà nước. Đây là điểm khác biệt với các điều khoản trong Hiến pháp Mỹ năm 1787, trong đó chỉ định rõ rằng tổng thống có thẩm quyền như tổng tư lệnh, nhưng chỉ Quốc Hội có "quyền" tuyên chiến và đề ra "các nguyên tắc" của quân đội và Hải quân. Hoàng đế có quyền lực quân sự độc đoán, và theo hiến pháp khi thực thi quyền lực đó thì không cần phải thông báo hoặc xin ý kiến trước của bộ trưởng.

Mặc dù lực lượng vũ trang Hoàng gia tại thời điểm thành lập (trong những năm 1870 và 1880) có phong cách của quân đội hiện đại dựa theo mô hình của châu Âu nhưng lực lượng đó lại lạc hậu về tinh thần và vật chất. Phần lớn tân binh đều xuất thân từ nông dân, những người vẫn chưa được giải phóng khỏi mối quan hệ xã hội phong kiến trong nông nghiệp, sẵn sàng chống lại lệnh của sĩ quan cấp trên, và bày tỏ sự phẫn nộ sâu sắc đối với việc thực hiện nghĩa vụ quân sự bắt buộc đến nỗi cuối cùng những người con trai lớn nhất sẽ được miễn nghĩa vụ quân sự. Giải pháp mà những người sáng lập lực lượng vũ trang độc đoán đặt ra là áp dụng các hình phạt và kỷ luật cực kỳ hà khắc để kiểm soát tình hình, và tạo được uy tín của Hoàng đế trong mối quan hệ cơ bản giữa cấp trên và cấp dưới. Cấp dưới được dạy "coi mệnh lệnh cấp trên của họ là mệnh lệnh được đưa ra trực tiếp từ Hoàng đế". Điều này có nghĩa mệnh lệnh đưa ra là không hề sai và phải tuân thủ tuyệt đối, vô điều kiện.

Ngoài việc đưa ra các mệnh lệnh và kỷ luật quân đội quá dài, chính quyền Minh Trị đã giao cho lực lượng Hoàng gia hai nhiệm vụ không rõ ràng. Quân đội và Hải quân chống lại sự bành trướng của các cường quốc châu Âu; mặt khác, quân đội phải tham gia thực thi pháp luật với vai trò là một công cụ của chính quyền trung ương. Động cơ ban đầu đằng sau sự sắp đặt trên của chính quyền Minh Trị chắc chắn là để làm tan rã những người bảo vệ chủ nghĩa phong kiến, do đó thúc đẩy hiện đại hóa Nhật Bản. Nhưng liệu quân đội tồn tại chủ yếu là để bảo vệ nhân dân khỏi sự xâm lược của nước ngoài hay để bảo vệ chính quyền thực hiện mục đích của mình thì chưa bao giờ được làm rõ trong suốt thời Minh Trị.

Thật tiếc là các thầy dạy của Hirohito không giải thích cho ông về việc thực thi quyền độc lập tối cao trong tương lai của ông một ngày nào đó sẽ làm lu mờ vai trò "quốc vương lập hiến" như thế nào. Các thầy giáo của ông cũng không truyền đạt cho ông về phạm vi ảnh hưởng của quyền chỉ huy tối cao đã mở rộng như thế nào trong suốt thời gian qua, và tạo nên sự rạn nứt giữa bộ tư lệnh tối cao và chính quyền, sự chia rẽ giữa Quân đội và Hải quân Đế quốc Nhật Bản với các bộ tương ứng. Tóm lại, sự giáo dục của ông ở giai đoạn này chỉ cho phép ông thấy được những công việc bên ngoài của hệ thống, chứ không phải chức năng thực chất của nó. Trong thập kỷ thứ ba của cuộc đời, ông mới biết được môn động lực học và bệnh lý học của cơ cấu chính trị chỉ thông qua những kinh nghiệm - khi chế độ chuyên quyền bất chính của chế độ quân chủ ngẩng cao đầu một cách đáng sợ.

tảisáchhay

2. Chân dung Một vị Hoàng đế

Những thầy giáo của Hirohito quan tâm và chú ý nhiều đến khía cạnh giáo dục quân sự cho ông là muốn dạy ông rằng Hoàng thất có mối quan hệ sâu sắc với quân sự hơn bất kỳ thể chế quốc gia nào. Hơn nữa, việc đào tạo Hirohito theo chế độ quân chủ không có gì khác ngoài mục đích xã hội hóa chiến tranh, đồng thời chuẩn bị cho ông tham gia vào việc cai trị và các công việc liên quan đến việc giáo dục cũng như các vấn đề quốc tế. "Việc giáo dục Hoàng đế" *(teioguku)* được tiến hành trong một lớp học chính thức do các nhà giáo và chuyên gia từ Đại học Hoàng gia Tokyo và Học tập viện giảng dạy. Lý do đằng sau là hiến pháp thời Minh Trị đã trao cho Hoàng đế nhiều quyền dân sự với tầm quan trọng như quyền quân sự, và Hoàng đế phải được dạy cách thực thi các quyền đó. Nếu hiến pháp Minh Trị tạo ra một "chế độ dân chủ hiến pháp" hơn là một thứ gì đó gần gũi với chế độ chuyên quyền, thì không cần chú trọng đến giáo dục Hoàng đế, và Hoàng đế có thể vẫn được giáo dục không tốt như bất kỳ vua hoặc Hoàng hậu nào của nước Anh.

Nhiệm vụ "giáo dục Hoàng đế" theo và không theo tôn giáo là hệ tư tưởng chính thức được dạy ở các trường để chống lại tư tưởng dân chủ. Tư tưởng chính trị thần quyền của sự kết hợp nghi thức tôn giáo và chính quyền tôn giáo (*saisei itchi)*, đã tuyên truyền tầm quan trọng của tôn giáo đến các hoạt động của nhà nước trong suốt thời kỳ Phục hưng, yêu cầu Hoàng đế phải được đào tạo để thực hiện các nghi lễ. Từ thời kỳ Phục hưng, quan điểm cốt lõi trong việc giáo dục Hoàng đế là Hoàng đế Nhật phải là "một nhà lãnh đạo chính trị có uy tín, luôn đi đầu và thúc đẩy quá trình văn minh khai hóa." Nếu Hoàng đế tiếp tục theo xu hướng hiện đại hóa và phương Tây hóa, thì Hoàng đế phải được học nhiều môn học thực tiễn cũng như cách tư duy về chính trị, xã hội, và kinh tế. sự kiện nổi bật nhất theo quan điểm trên là năm Hirohito 17 tuổi, ông được nuôi dưỡng trong một môi trường hoàn toàn biệt lập với cuộc sống bình thường của người dân Nhật và thậm chí, ông không được phép tự do tiếp xúc với báo chí.

Ngày 4 tháng 5 năm 1914, ông bắt đầu sự nghiệp học hành và đến cuối tháng 2 năm 1921 ông tốt nghiệp khi còn hai tháng nữa là tròn 21 tuổi, và một vài tuần trước khi trường học đóng cửa vĩnh viễn. Hirohito được dạy tất cả các môn học được coi là có ích đối với việc giáo dục một Hoàng đế tại thời điểm đó: toán học, vật lý học, kinh tế học và luật học, tiếng Pháp (tại thời điểm đó tiếng Pháp còn là ngôn ngữ ngoại giao), tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật, nghệ thuật viết chữ đẹp, dân tộc học và lịch sử học. Chính vì vậy, môn lịch sử đã trở thành một trong những bộ môn được Hirohito yêu thích.

Với việc chú trọng đến vấn đề vệ sinh, thể chất và kiểm soát quyền lực trực tiếp, các nhà giáo dục quân sự của Hirohito đã thể hiện sự chuyển hướng cấp tiến từ thuyết Tokugawa trong nền giáo dục quân chủ Nhật Bản. Trước thời kỳ Phục hưng Minh Trị, nhà vua - với danh tiếng của cha Minh Trị - được học các bộ môn không liên quan đến các vấn đề chính trị hoặc quân sự dưới thời kỳ thống trị của chính quyền Tokugawa. Họ nghiên cứu các vấn đề về triết học Khổng Tử, rèn luyện đạo Shinto, và tránh xa chính trị. Họ chỉ chú tâm đến nghi lễ và cầu nguyện, văn thơ và nghệ thuật.

tảisáchhay

Nhận thức rõ ràng hệ thống các thể chế nhà nước phức tạp tồn tại từ thời Minh Trị, nên các thầy giáo của Hirohito, binh lính và thường dân không quan tâm đến truyền thống Tokugawa mà chỉ chú trọng đến nhu cầu của vua trong việc giáo dục và quản lý công việc nhà nước. Vì vậy, họ đã hành động dựa trên giả thuyết cho rằng dù có kế vị ngôi vua thì quốc vương vẫn phải quan tâm đến các nghi lễ và, hiểu theo nghĩa chính xác thì quốc vương phải tuân theo các quy tắc. Đối với Hoàng đế, người giữ vị trí quyền lực cao nhất, phải hành động với tư cách là trung tâm hợp nhất và chính thống, là yếu tố quyết định để giữ nguyên các thể chế khác của nhà nước: nội các, các bộ riêng rẽ, các Nghị viện, hội đồng, quân sự và các bên.

Những người giáo dục Hirohito trở thành một đức vua phù hợp với các hoạt động trong hệ thống luật pháp này phần lớn theo chủ nghĩa chiết trung từ Đại học Hoàng gia Tokyo và Học tập viện. Họ là sự kết hợp giữa một nước Nhật cũ không thay đổi và một nước Nhật mới, thay đổi ở mọi mặt khi Nhật rụt rè theo con đường hiện đại hóa. Là những người dạy học tôn thờ Nhật Hoàng Minh Trị, họ đã xây dựng được tính chính thống mà một quốc vương lý tưởng phải có và hành động. Họ luôn cố gắng tránh ép buộc Hirohito chọn giữa ảo tưởng xung đột và các chuẩn mực trong hình mẫu đạo đức của Khổng Tử hay một người trị vì yêu chuộng hòa bình và võ sĩ đạo của các chiến binh lý tưởng của Nhật Bản. Cả hai chuẩn mực đều thu hút Hirohito, và ông đã cố gắng hành động theo những cách thức phù hợp với cả hai.

Tóm lại, Hirohito là sản phẩm của một nền giáo dục kết hợp, do đó trên gương mặt nghiêm nghị của ông thường hiện lên sự căng thẳng. Sáng kiến về truyền thống ở cuối thời Minh Trị, được dựa trên nền tảng hệ tư tưởng thời kỳ Phục hưng, đã tạo cho ông sự nhất quán và định hướng cơ bản. Trái với truyền thống đó là kiến thức khoa học hiện đại. Sự căng thẳng giữa hai thế giới quan điểm này được thể hiện trong mọi việc Hirohito đã làm.

I

Khi còn trẻ, Hirohito rất gần gũi với thiên nhiên. Trong thời gian học tại Học tập viện, dưới sự hướng dẫn của một viên thị thần ham mê sưu tập sò biển và côn trùng, Hirohito đã quan tâm đến thế giới tự nhiên. Năm 1913, khi 12 tuổi, ông đã viết một cuốn sách về các loại côn trùng, bướm và ve sầu để minh họa cho mối quan hệ cộng sinh giữa cây cối và côn trùng. Đó là bước khởi đầu cho sự phát triển khả năng đánh giá vật thể một cách nghiêm túc và dựa trên lý lẽ.

Từ năm 1914 đến 1919, khi Hirohito đang học trung học, Giáo sư Hattori Hirotaro là giáo viên môn lịch sử tự nhiên và vật lý của ông. Hattori đã hoạt động trong lĩnh vực khoa học hơn 30 năm, ông đã nuôi dưỡng sự đam mê côn trùng thời thơ ấu của Hirohito và giúp ông phát huy sự say mê mãnh liệt, bền bỉ đối với sinh học biển. Dưới sự hướng dẫn của Hattori, Hirohito đã đọc thuyết tiến hóa của Darwin, được dịch bởi nhà văn nổi tiếng Oka Asajiro, người đã có cuốn sách *Shinkaron kowa* (Các bài giảng về tiến hóa) xuất bản năm 1904. Ông có thể cũng đã đọc bản dịch tiếng Nhật cuốn *Nguồn gốc các loài* của Darwin. Khoảng năm 1927 ông bị ảnh hưởng một phần tư tưởng Darwin để rồi bị ảnh hưởng tư tưởng của Abraham Lincoln và Napoleon Bonaparte.

tảisáchhay

Tháng 9 năm 1925, trong năm thứ tư là nhiếp chính vương, Hirohito đã lập một phòng thí nghiệm sinh học nhỏ, được trang bị đầy đủ thiết bị ở cung điện Akasaka. Ba năm sau, năm thứ hai trị vì của ông, ông đã xây dựng Học viện *Nghiên cứu Sinh vật học Hoàng gia* trong vườn Fukiage, bao gồm một nhà kính và hai phòng thí nghiệm lớn với các phòng đựng mẫu thí nghiệm và thư viện. Hattori đã cộng tác với phòng thí nghiệm này và giảng giải cho Hoàng đế về khoa học cơ bản mỗi tuần một lần trong bốn năm tiếp theo. Cho tới năm 1944 Hattori và các cộng sự khác đã cùng Hirohito đến các phòng nghiên cứu biển riêng của ông tại Hayama ba đến bốn năm một lần. Ở đó, họ sử dụng hai con thuyền và một chiếc tàu đánh cá lớn đã được tu sửa để đánh bắt các sinh vật biển. Nhiều năm sau, Hattori đã biên tập cuốn *Sagamiwan sango erarui zufu* (Các mẫu vật dưới dạng hình ảnh về các sinh vật biển tại Vịnh Sagami) trong khi Sanada Hiroo và Kato Shiro đảm nhiệm phần vẽ tranh minh họa, Baba Kikutaro viết lời bình. Cơ quan Phụ trách Hoàng gia là cơ quan nắm giữ bản quyền của cuốn sách, được cho là công trình nghiên cứu của Hirohito. Tuy nhiên, không thấy tên của vị Hoàng đế này xuất hiện trong bất cứ phần nào của cuốn sách, điều này đặt ra một câu hỏi: Thật sự Hoàng đế đã có những đóng góp gì trong nghiên cứu này?

Bản thân Hirohito luôn tỏ ra rất khiêm tốn về niềm đam mê của mình đối với lĩnh vực sinh vật học. Khi *Sagamiwan sango* được xuất bản, Hattori đã đánh giá về sở thích khoa học từ thời học sinh của Hoàng đế trong một buổi thảo luận được phát trên *Sande Mainichi* ngày 2 tháng 10 năm 1949. Khi được hỏi liệu các nghiên cứu của Hoàng đế có được xem là các nghiên cứu khoa học thật sự hay chỉ là nghiên cứu của một nhà nghiên cứu nghiệp dư, Hattori đã trả lời:

Gần đây Giáo sư Sato Tadao [Trường Đại học Nagoya] đã có bài viết trên báo Nagoya rằng nghiên cứu của Hoàng đế được xếp vào loại công trình nghiên cứu của một nhà nghiên cứu nghiệp dư. Quả thực, theo quan điểm của tô,i điều này tùy thuộc vào cách nhìn nhận vấn đề của từng người. Hoàng đế chưa bao giờ cho xuất bản bất kỳ ấn phẩm nào mang tên mình và việc làm cuối cùng của ông là cung cấp số liệu cho rất nhiều chuyên gia khác nhau. Do đó, có quan điểm cho rằng suy cho cùng ông có thể chỉ là một người thu thập số liệu. Nhưng tôi không cho là như vậy. Ông không chỉ mang đến cho các chuyên gia những tư liệu mà ông đã thu thập. Hơn thế, ông là người đầu tiên tự mình nghiên cứu kỹ lưỡng các tư liệu đó, và xét ở điểm này thì ông không nghiệp dư một chút nào.

Đánh giá của Hattori rất có ý nghĩa. Bộ sưu tập mẫu vật và kết quả nghiên cứu về nguyên tắc phân loại sinh vật biển không còn nghi ngờ gì nữa phù hợp với phương pháp nghiên cứu của Hirohito. Và chắc chắn trong hầu hết những năm tháng làm việc của mình, khi vây quanh ông là vô vàn rối ren, là những vấn đề mà theo đó tất cả các giải pháp đưa ra đều rất khó khăn và không chắc chắn, khoa học đã trở thành một người bạn chung thủy và giúp ông xua tan những căng thẳng trong cuộc sống. Theo quan điểm của Hattori, Hoàng đế đã trở thành một nhà tự nhiên học và là người đỡ đầu cho ngành sinh vật biển, ông đã theo đuổi việc sưu tầm các động thực vật biển như sên biển, sao biển, thủy tức và sứa như là một sở thích của mình.

Là một nhà khoa học tương lai đồng thời là một sinh viên giỏi trong ngành nghiên cứu tiến hóa sinh học của động vật biển trong mấy nghìn năm, Hirohito chắc chắn đã nhận thức

tảisáchhay

được về những bước tiến của Hoàng gia Nhật Bản qua các thời kỳ khác nhau mà theo xác định chính thức đã trải qua 26 thế kỷ. Mặc dù có nghi ngờ rằng nhận thức về sự khác biệt đó đã khiến ông phủ nhận hoàn toàn niềm tin đã in sâu qua nhiều đời của tổ tiên ông vào thần thánh, Hirohito luôn luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến những nguyên lý đã từng in đậm trong ông suốt thời trai trẻ. Và khi đã trưởng thành, ông đã học cách sử dụng hữu hiệu nhất nguyên lý của những ảo ảnh mang màu sắc ý thức hệ trong việc tăng cường sự phục tùng các quy tắc ứng xử chính thống. Đối với ông, mối quan hệ giữa khoa học hiện đại và tầm quan trọng của *quốc thể,* hay nền chính trị quốc gia mà ông đã lĩnh hội được từ các giáo viên khác không có gì mâu thuẫn hay có những trái ngược cố hữu.

Tuy nhiên, có một điểm mang tính khái quát hơn đó là khoa học đã tạo nên những điểm đối lập nhau về khoa học, lý trí của Hirohito: ông ý thức được bản thân mình là một nhà tư tưởng tự do, sẵn sàng tham gia tranh luận và xin được chỉ bảo tùy thuộc vào lý do và bằng chứng mà phía bên kia đưa ra. Nhưng còn có một khía cạnh khác trong con người của Hirohito gắn liền với ý thức đạo đức và nghề nghiệp của ông. Chính khía cạnh này đã giúp ông điều chỉnh giữa sở thích khoa học và hiện thực cuộc sống, trước những mệnh lệnh và quy tắc bắt buộc mà một Hoàng đế cao quý phải tuân thủ. Về điểm này, những ý kiến mà ông đã tiếp thu từ Sugiura Shigetake, Shiratori Kurakichi và Shimizu Toru đã có những ảnh hưởng đáng kể đối với ông vì chính những ý kiến đó đã tạo nền tảng cho suy nghĩ mang đậm lý trí và mục tiêu của ông bén rễ.

II

Sugiura Shigetake, là giáo viên giảng dạy Đạo Khổng, theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan và đã được hưởng nền giáo dục phương Tây khi theo học tại Anh. Sau đó Sugiura Shigetake trở về quê hương và trở thành một sáng lập viên của Hiệp hội Giáo dục Chính Trị, và là cộng tác viên cho tạp chí nổi tiếng *Nibonjin* (người Nhật Bản), "những người có mục đích rõ ràng là giữ gìn bản sắc dân tộc". Cùng với bạn của mình là Toyama Mitsuru, Sigiura tham gia vào hoạt động của những trí thức bảo thủ chống lại phong trào Văn minh khai hóa đã có ảnh hưởng lớn ở Nhật Bản trong một thập kỷ rưỡi đầu sau thời phục hưng Minh Trị. Sau này, ông là cán bộ của Bộ Giáo dục, chuyên trách việc giảng dạy đạo đức. Năm 1892 Sugiura trở thành nhà sáng lập và là hiệu trưởng (cho đến khi ông mất năm 1924) của Trường Trung học cơ sở Nhật Bản. Vào thời điểm Ogasawara đề nghị ông giảng dạy môn dân tộc học cho Hirohito (và sau nay là cho Nagako), nhiều học sinh cũ của ông đã nắm giữ những vị trí quan trọng trong đời sống chính trị và kinh tế Nhật Bản.

Sugiura, nhà lý luận theo chủ nghĩa quân phiệt nổi tiếng nhất, đã giảng giải cho Hirohito về những nguyên tắc hành động của ông khi ông 59 tuổi. Đối với Sugiura, các nguyên tắc này được thể hiện trong ba thần khí của Hoàng gia, bao gồm thanh kiếm, chuỗi hạt và chiếc gương đồng. Theo truyền thuyết, chúng được nữ thần mặt trời, Amaterasu Omikami, ban tặng cho con trai của nàng, Ninigi-no-mikoto, để sử dụng trong việc lập lại hòa bình cho nhân dân Nhật Bản. Ba thần khí đó có ý nghĩa thần thánh lớn là biểu thị ba đức tính mà mọi quốc vương phải có: dũng cảm, thông minh và nhân đức.

tảisáchhay

Hirohito không công khai phản đối bài học này, nhưng ông quan niệm về ba thần khí trên theo cách riêng của mình, đó chính là biểu tượng chủ yếu cho uy tín, đạo đức và chính trị. Do vậy, ba thần khí đó phải được canh giữ liên tục và thỉnh thoảng được trưng bày để đảm bảo sự an toàn của ngai vàng. Hơn nữa, Hirohito không tìm thấy nguồn gốc cơ bản về quyền lực tối cao của ông trong dòng dõi chính thống. Là một hậu duệ của triều đình phía nam thế kỷ thứ mười bốn, nên đường lối phả hệ của ông đã không được các học giả thế kỷ mười chín của "Trường học Quốc gia" hoặc chính quyền Minh Trị coi là đường lối kế thừa chính thống.

Các quy tắc cơ bản khác mà Hirohito được dạy là sự kính trọng được nêu trong tuyên cáo lời thề Ngũ cá Điều ngại Thệ văn (1868) và sắc lệnh về Giáo dục (1890). Các tài liệu này làm tăng thêm quyền lực của Nhật Hoàng Minh Trị, và Sugiura tin rằng những tư tưởng trong tài liệu đó (toàn bộ các nhân vật trong tài liệu đó được cho là sống mãi) phải là chuẩn mực cho Hirohito trong tương lai.

Phương pháp tiếp cận của Sugiura với Ngũ cá Điều ngại Thệ văn tập trung vào sự việc thông thường trong văn kiện không chú trọng đến các biến cố chính trị. Hirohito lại có cách tiếp cận Ngũ cá Điều ngại Thệ văn vượt trội hơn hẳn Sugiura và ông biết đặt văn kiện vào thời đại của nó từ những hiểu biết riêng của ông về lịch sử Nhật Bản thế kỷ 19. Trong lễ "tuyên thệ" (ngày 6 tháng 4 năm 1868), Nhật Hoàng Minh Trị đã thề với nữ thần mặt trời, ông tổ thần thánh của Hoàng gia, và Ngũ Cá Điều Ngại Thệ Văn, chỉ dẫn việc cải cách ở đầu triều đại của ông, là sự nhượng bộ thích hợp với địa chủ phong kiến và quý tộc quấy nhiều triều đình Kyoto. Những người sau này có thể đã phản đối quyền lực của các nhà lãnh đạo nổi dậy samurai (thời kỳ Phục Hưng). Việc tổ chức lễ tuyên thệ đã đánh dấu bước đầu việc thiết lập quyền độc lập trong "di chúc của Hoàng đế". Sau này Hirohito khẳng định rằng Ngũ cá Điều ngại Thệ văn là một văn kiện phi lịch sử và tồn tại mãi với thời gian - một "Đại Hiến chương Magna Carta" của chủ nghĩa tự do Nhật Bản - ngoài ra ông dành hai thập kỷ đầu tiên khi lên ngôi Hoàng đế cố gắng thực hiện "di chúc của Hoàng đế".

Sắc lệnh về Giáo dục (bao gồm những hiểu biết đặc biệt mà Sugiura đã thể hiện trong những ngôn từ chính) cũng gây ấn tượng sâu sắc với Hirohito. Bài giảng đầu tiên của Sugiura về sắc lệnh giáo dục tập trung vào thuật ngữ *koso koso,* xuất hiện nhiều lần trong tài liệu này, để xác định rõ thuật ngữ đó sẽ được giải nghĩa như thế nào. "*Koso koso"*, ông tuyên bố, "ám chỉ tổ tiên của Đức Vua, Hoàng đế và đất nước Nhật Bản. Khi tổ tiên sáng lập ra đất nước này, thì đất nước tồn tại vĩnh cửu cùng với đất trời". Sugiura tiếp tục quan sát xem các Hoàng đế kế nhiệm qua các triều đại tìm cách tiến hành "các công việc còn chưa được hoàn thành của tổ tiên Hoàng đế" như thế nào. Bởi vì Sugiura tin vào ưu điểm về mặt đạo đức của ngai vàng Nhật Bản, các bài giảng tiếp theo của ông về sắc lệnh giáo dục không tránh khỏi việc đề cao nền quân chủ Nhật Bản theo hướng không có lợi cho các nước khác.

Do vậy, Sugiura đã dạy rằng ở nước ngoài, mối quan hệ giữa người cai trị và bị cai trị được xác định bằng quyền lực và giới hạn phục tùng, trái lại ở Nhật, "Hoàng đế cai trị nhân dân không bằng quyền lực. Sự nhân từ đã ăn sâu vào đầu óc nhân dân đến nỗi mối quan hệ giữa người có quyền tối cao và người dân trở nên bền vững. Do vậy, nhân dân vui vẻ phục tùng Hoàng đế. Người ta vẫn hoài nghi liệu Hirohito đã từng chấp thuận khái niệm về sự cai trị "không quyền lực" của Sugiura. Nhưng tư tưởng của Hoàng đế là hiện thân của lòng nhân từ

tảisáchhay

thì vô cùng hấp dẫn với Hirohito, và ông càng chọn hành động với tư cách là quân đội, thì phương cách này càng trở nên hấp dẫn cho ông. Sugiura không chỉ làm nhiễm ý thức đạo đức trong nền quân chủ tương lai, mà ông còn làm tăng sự bất hòa và thất vọng.

Tóm tắt lại mười hai bài giảng mở đầu của Sugiura cho Hirohito và các học sinh trong năm đầu, và những điểm nổi bật trong các bài giảng sau của ông được Nezu Masashi, người viết sử thời kỳ đầu của Hirohito, nêu rõ:

Những bài giảng là về Lễ phục Hoàng gia, cờ hình mặt trời mọc, đất nước, quân đội, ngôi Vua, lúa gạo, thanh kiếm, đồng hồ, nước, núi Phú Sỹ, võ Sumo và những chiếc gương. Chỉ trong năm thứ hai của khóa học dân tộc học, Sugiura đã thật sự làm cho họ hiểu được về những vấn đề trừu tượng như lòng nhân từ, sự ngay thẳng, sửa chữa những việc làm sai, lòng trung thành, sự công bằng và chính trực, cũng như các chủ đề cụ thể như sự lên ngôi Hoàng đế, Uesugi Kenshin (Thượng Sam Khiêm Tín) [một chiến binh samurai cuối thế kỷ thứ mười sáu], một võ sĩ lang thang bốn mươi bảy tuổi của vùng Ako [câu chuyện kinh điển về mối hận thù truyền kiếp của giai cấp phong kiến], và Togukawa Mitsukuni [một nhân vật tiêu biểu về sự trung thành với Hoàng đế và chủ nghĩa dân tộc Đạo Shinto]. Trong năm thứ ba, ông đã giảng giải về George Washington, Columbus, thuyết dân số của Malthus, Peter the Great và Rouseau, và trong năm thứ tư ông đã chọn Kaiser Wilhelm II và Muhammad. Tất cả chỉ có ba mươi nhân vật nước ngoài tiêu biểu. Phần lớn các chủ đề của ông nói về sự truyền đạt kiến thức Khổng Tử và lịch sử các Hoàng đế của Nhật Bản. Sugiura đã thuyết trình bốn lần về sắc lệnhBoshin [năm 1908], năm lần về sắc lệnhđối với Quân dân [năm 1882] và mười một lần sắc lệnhvề Giáo dục [năm 1890]. Nhưng ông chỉ thuyết trình một lần về hiến pháp Minh Trị - biểu hiện việc ông đánh giá khá thấp hiến pháp đó.

Trong các bài thuyết trình, Sugiura có xu hướng hạ thấp các kiến thức khoa học mà Hirohito đang khám phá bằng cách tán dương chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa bành trướng của Nhật Bản. Ông nói về loài hoa cúc – biểu tượng cho ấn tín Hoàng gia – và kết luận rằng "Chúng ta gọi các cường quốc châu Âu là các nước văn minh tiến bộ … [Tuy nhiên] chỉ khi chúng ta có thể nói rằng hoa cúc là loài hoa nổi bật nhất thì Nhật Bản lại không hề nối trội cả về sức mạnh dân tộc lẫn nền văn minh." Ông cũng cố gắng truyền đạt ý thức cạnh tranh giữa các chủng tộc: "Các quốc gia châu Âu và Hoa Kỳ có cùng chủng tộc, chủng tộc người A-ri-an'... Đế chế Nhật Bản của chúng ta phải biết đương đầu với các tộc người A-ri-an bằng chính sức mạnh của chúng ta trong tương lai". Hirohito chưa bao giờ có cảm tình riêng với Sugiura như với Hattori. Nhưng ông cũng chưa bao giờ tách khỏi quan điểm của thuyết Tân Tiến Hóa về trật tự quốc tế của Sugiura. Hirohito cũng không từ bỏ khái niệm của Sugiura, rằng chất lượng đạo đức và tinh thần vượt trội quyết định cơ bản kết quả của cuộc xung đột.

Trong số các nhà lãnh đạo nước ngoài mà cách sống của họ, theo Sugiura cảm nhận, thể hiện những bài học tích cực cho Hirohito, thì Nhật Hoàng Minh Trị thường hay so sánh với hai người. Trong suốt năm năm đầu sau khi Nhật Hoàng Minh Trị qua đời, các nhà báo và viên chức thường xếp các thành tựu của Nhật Hoàng Minh Trị ngang với những người của Nga Hoàng thế kỷ XVII là Peter Đại đế và Wilhelm II của Đức. Trong các bài thuyết trình của ông về Peter năm 1917, Sugiura đã giải thích rằng Nga Hoàng Peter ra nước ngoài khi mới 25 tuổi để nghiên cứu công nghệ và trở về nước đặt nền móng cho Đế chế Nga hiện đại.

tảisáchhay

Nhưng những người kế vị ông lại không vun đắp nền tảng ông đã xây dựng, vì vậy đã góp phần vào sự nổi dậy ở Nga. Khi thuyết trình về Hoàng đế Wilhelm II của Đức, Sugiura đã coi vị Hoàng đế khiếm khuyết và phân biệt chủng tộc này là một người vĩ đại, người không thiếu những cận thần có năng lực, và cũng tán dương số phận may mắn của Nhật Hoàng vì được vây quanh bởi nhiều cận thần xuất sắc.

Mặt khác, ông đã mô tả nhà tư tưởng Pháp thế kỷ XVIII Jean-Jacques Rousseau là một nhân vật vất vưởng, bê tha, người không có công việc ổn định và không đáng ca ngợi. Các học thuyết của Rouseau "đã dẫn đến việc nguyền rủa nhà nước và chính quyền". Ông kết luận, Nhật Bản có thể tránh "thuyết độc hại còn tồn lại của tư tưởng tự do châu Âu" với điều kiện là các nhà lãnh đạo Nhật Bản "chứng tỏ sự nhân từ đối với nhân dân, nhân dân chứng tỏ lòng trung thành với những người trên họ, và mọi người biết vị trí của mình khi phân công nhiệm vụ."

Hirohito chưa bao giờ từ bỏ sự ca ngợi lòng nhân từ và trung thành đối với cấp trên, và địa vị thích hợp của mình. Tuy nhiên, thái độ của ông đối với các tư tưởng nước ngoài mới thực tế hơn tư tưởng của Sugiura. Đối với ông, bất kỳ hệ thống tư tưởng của Tây Âu đều chấp nhận được nếu hệ thống tư tưởng đó được sử dụng để thúc đẩy thành tựu độc lập và sức mạnh quốc gia. Giá trị tuyệt đối duy nhất là nhà nước, cho dù trong thời điểm phản kháng hay thời điểm của hành vi nhận thức tự do, mà ông học từ đầu những năm 20 tuổi để kế vị ngai vàng.

"Yêu sự học hỏi," "tên hèm," "sự phản kháng," "phương sách", "lòng trung thành," và "sự thông minh" là những chủ đề khác trong chương trình giảng dạy của Sugiura. Trong những bài học đạo đức, ông chủ yếu tán dương những Hoàng đế trước đây được mô tả trong lịch sử triều đại Nhật Bản thế kỷ VIII như Cổ Sự ký *(Kojiki)* và Nhật Bản thư kỷ (*Nihon Shoki)* được viết bằng tiếng Trung Quốc. Trong một bài giảng của Sugiura có tiêu đề "Hoa Anh Đào bừng nở, " Hirohito được biết người Nhật Bản giống như hoa anh đào rơi rụng: "Khi đất nước lâm nguy, nhân dân ta xông lên mà không thiết đến tính mạng". Và trong "Nhà Khoa học" Hirohito học được:

"Trong các thời kỳ chiến tranh, nhà khoa học đã chuẩn bị đầy đủ pháo binh, máy bay và tàu chiến, cùng với phương tiện hiện đại khác. Nếu các phương tiện trên được sử dụng cùng với tinh thần trung thành, dũng cảm và công bằng thì điều đầu tiên, chúng ta có thể nói rằng việc chuẩn bị cho cuộc chiến đã hoàn tất. Với sự chuẩn bị như vậy, chúng ta có thể tự hào tuyên bố rằng chúng ta không có kẻ thù trên thế giới. Đây là ý nghĩa của Điều 5 trong Ngũ cá Điều ngại Thệ văn.

Năm 1919, khi vấn đề phân biệt chủng tộc trở thành chủ đề chính tại Hội nghị hòa bình Pari và Bộ Ngoại giao Nhật Bản lên án sự phân biệt chủng tộc đối với người dân Nhật Bản ở các nước, Sugiura đã nhấn mạnh thái độ thù địch đang tồn tại giữa "Chủng tộc da trắng" (được gọi là người da trắng) và "người Mông Cổ" (được gọi là người da vàng), là hai chủng tộc nói chung không thể phân biệt được nếu không xét đến quốc tịch. Đối với ông, đây chỉ là hai (trong số "bảy") nhóm chủng tộc thông thường "tạo nên những nhà nước hùng mạnh và có

tảisáchhay

nền văn minh tiên tiến". Lịch sử về sự tiến bộ của châu Âu tại châu Á từ thời Vasco da Gama ở cuối thế kỷ XV cho đến tận Chiến tranh Thế giới thứ Nhất được thể hiện như sau:

Chủng tộc da trắng cố gắng chế ngự chủng tộc da vàng. Nước Xiêm là một nước độc lập trên danh nghĩa nhưng rõ ràng không có quyền lực thật sự. Mặc dù Trung Quốc là một nước lớn, trải qua nhiều năm tranh chấp nội bộ, người Trung Quốc không có sức mạnh để thống nhất thành một nhà nước, và do vậy hoàn toàn không có khả năng cạnh tranh với lực lượng da trắng. Tại Viễn Đông, riêng Đế chế Nhật Bản có thể ngăn chặn sự xâm lược của phương Tây vào phương Đông.

Ngoài ra, người Mỹ cũng đã .... chấp thuận chủ nghĩa đế quốc và đang dần mở rộng quyền lực của mình vào Thái Bình Dương. Người Mỹ đã chiếm được Hawaii, Phillippines và đang cố gắng mở rộng quyền thương mại của họ ở Trung Quốc và Mãn Châu.

Xét trên phương diện như vậy, lịch sử thế giới là lịch sử của sự ganh đua và bất đồng giữa chủng tộc da trắng và da vàng.... Người da trắng lên án hiểm họa của người da vàng còn chúng ta thì tức giận về hiểm họa của người da trắng.

Trái ngược với từ ngữ về xung đột sắc tộc là những từ ngữ về hòa hợp sắc tộc. Sugiura tiếp tục trong các bài giảng của ông về "Chủng tộc," rằng "Những ý tưởng của nhân loại có thể thực hiện được," nếu các chủng tộc khác nhau trên thế giới hợp tác với nhau và thúc đẩy nền văn minh. Nhưng thật đáng tiếc:

Người châu Âu và người châu Mỹ .... có xu hướng coi thường chủng tộc da vàng với những định kiến. Tôi nghĩ thật khó có thể xóa bỏ định kiến về chủng tộc. Hãy nhìn vào đất nước của chúng ta, sự bình đẳng của con người là nguyên tắc của chúng ta kể từ khi khôi phục các quy tắc Hoàng gia. Nhưng thậm chí đến ngày nay vẫn có khuynh hướng coi thường giai cấp hạ tiện là *uế-đa* và *phi nhân* [mặc dù các nhóm có cấp bậc theo cha truyền con nối] của các thời đại trước đó... Bất kể liệu chúng ta có thể đạt được vị thế của chúng ta để xóa bỏ sự phân biệt chủng tộc, thì điều quan trọng nhất là phải cương quyết duy trì các nguyên tắc riêng của chúng ta. Nếu chúng ta áp dụng sự rộng lượng và công bằng vào thực tiễn, thì người châu Âu và châu Mỹ không thể giúp đỡ chúng ta nhưng họ lại thán phục chúng ta. Nếu chúng ta có thể làm được điều đó, chúng ta sẽ không phải lo lắng việc xóa bỏ định kiến về chủng tộc.

Những bài học đạo đức như vậy tình cờ làm cho Hirohito đặt ra các câu hỏi về bổn phận của ông khi là một ông vua nhân từ.

Các bài giảng của Sugiura nâng cao tư tưởng của Hoàng thất dựa trên đạo Khổng và chủ nghĩa bá quyền Nhật Bản. Những nhà tư tưởng nước ngoài bị tố cáo đã nói về chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa xã hội; và khuyến khích quan điểm xã hội truyền thống theo học thuyết Đác-uyn về các mối quan hệ quốc tế trong cuộc xung đột giữa chủng tộc da trắng, đứng đầu là người châu Âu và châu Mỹ, và chủng tộc da vàng, đứng đầu là Nhật Bản. Về cơ bản, Sugiura dạy rằng uy tín của Hoàng đế có được là do sự dạy dỗ của tổ tiên, trở lại thời kỳ ông tổ thần thánh của dòng họ Hoàng đế. Quan điểm này liên quan đến chủ nghĩa bành trướng Nhật Bản, cũng như sự phân biệt các đại từ chỉ ngôi chúng tôi - họ trong "các

tảisáchhay

mối quan hệ chủng tộc" và quan điểm về nước Nhật Bản - và tinh thần Nhật Bản - cao siêu hơn ở các nước phương Tây và những gì tồn tại ở phương Tây. Có người cho rằng Hoàng đế đặt gánh nặng lên vai người dân là lẽ đương nhiên bởi vì người dân sống không có cách nào khác là phải hy sinh vì Hoàng đế.

III

Một người khác có ảnh hưởng đến cuộc sống của Hirohito khi còn trẻ là Shiratori Kurakichi, người đã làm cho ông hiểu được lịch sử của Nhật Bản và phương Tây. Shiratori từng học tại Đức. Năm 1909 ông có một bài viết trong tạp chí *Toyo jiho* (tạp chí Phương Đông) vạch trần thuyết Khổng Tử của những nhà hiền triết Trung Quốc là Yao, Shun và Yu, qua đó nêu bật tính phi lý của văn hóa truyền thống Trung Quốc. Thái độ của ông đối với Trung Quốc có thể được hiểu là sự kết hợp giữa cách tư duy "thoát khỏi châu Á " nóng vội (cùng với nhà giáo dục nổi danh thời Minh Trị là Fukuzawa Yukichi) và thái độ coi khinh người khác xuất phát từ thế hệ của ông sau Chiến tranh Trung-Nhật. Một sử gia tự do, thực chứng về truyền thống của nước Đức thế kỷ XIX là Leopold von Ranke, và một chuyên gia nổi tiếng về lịch sử châu Á và phương Tây là Shiratori, 50 tuổi, một quan chức của triều đình và phụ trách các công việc chung của trường đồng thời giảng dạy lịch sử tại trường Ogakumonjo.

Để dạy Hoàng thái tử và năm người bạn cùng lớp của ông, Shiratori đã viết "lịch sử đất nước" gồm năm tập, đặt tiêu đề đơn giản là *Quốc sử (Kokushi).* Chương đầu của tập một cuốn *Quốc sử, "*Giới thiệu chung," đề cập đến nguồn gốc chủng tộc của người Nhật Bản và mở đầu bằng cách nêu lên những quan điểm cơ bản của ông về hệ tư tưởng quốc gia:

Hoàng thất đã hợp nhất đất đai và con người và tạo ra đế chế. Hoàng thất không chỉ cai trị với tư cách là người đứng đầu nhà nước, mà Hoàng thất còn hòa hợp với người dân và trở thành người đứng đầu tôn giáo của họ. Do cảm giác thân thuộc khó tả giữa vua và người dân, Hoàng thất có thể tạo ra nền tảng cực kỳ vững chắc cho nhà nước. Tuy nhiên, chỉ khi Hoàng thất là dòng dõi của những Hoàng đế kế vị liên tục và lâu bền trong các thời đại; thì người dân, từ thế hệ này sang thế hệ khác, từ cha đến con, cũng kế tục cho đến tận ngày nay. Và chưa từng có sự thay đổi nào về chủng tộc. Do vậy, chúng ta, những thế hệ sau của người dân, những người đã giúp người sáng lập ở thời kỳ tạo ra nhà nước, thực hiện nguyện vọng của tổ tiên và trở thành những người dân trung thành mãi mãi. Những Hoàng gia kế vị đều yêu quý người dân trung thành với tổ tiên mình và luôn tin tưởng vào sự hợp tác của người dân trong việc thực hiện những kế hoạch lớn. Đây quả thực là điều cốt lõi của cuốn *Quốc sử* .....Thật không sai .... khi nói rằng chúng ta là một chủng tộc đồng nhất từ thời xa xưa.

Bài phát biểu rất rõ ràng của Shiratori về hệ tư tưởng quốc gia được mở đầu bằng tính chất đặc biệt của "chủng tộc" Nhật Bản và kết thúc với chủ đề về sự đồng nhất của chủng tộc đó. Đoạn giữa của bài phát biểu phân tích sâu về nguồn gốc thần thoại và thần thánh. Bài phát biểu nhấn mạnh dòng dõi kế vị Hoàng đế liên tục từ "nữ sáng lập" là thần thánh, ám chỉ rằng Nhật Bản đang dưới sự kiểm soát liên tục của con vua cháu chúa. Tính duy nhất của tổ chức nhà nước là mối liên hệ khó tả giữa Hoàng thất và người dân. Người dân Nhật Bản đã, đang và sẽ tiếp tục "trung thành mãi mãi,", luôn phục vụ các vị Hoàng đế kế vị "trong việc thực hiện các kế hoạch lớn của họ".

tảisáchhay

Shiratori đã gieo vào tâm trí của Hirohito những tư tưởng rất giống nhau về "chính sách quốc gia" mà đã được dạy tại hệ thống trường công kể từ thời Nhật Hoàng Minh Trị, vào đầu những năm 1880, và đã chỉ ra rằng việc giảng dạy lịch sử mở đầu bằng cách nêu lên ý nghĩa của sự sáng lập thần thoại. Bằng cách nêu bật khái niệm về nguồn gốc thần thánh của dòng dõi Hoàng đế, và liên kết khái niệm đó với tính thần thoại về sự tự tôn dân tộc và đồng nhất chủng tộc của Nhật Bản, Shiratori phản đối bất kỳ cuộc tranh luận nào như tranh luận khách quan về lịch sử Nhật Bản. Hai yếu tố quan trọng trong hệ tư tưởng của Hoàng đế trước chiến tranh này là một phần thừa hưởng tri thức quan trọng của Hirohito.

Quốc sử không phân biệt rõ thần thoại và lịch sử. *Quốc sử* kể lại những câu chuyện thần thoại về tính thần thánh của Hoàng đế trên tinh thần của sắc lệnh về Giáo dục - một văn kiện đặt Hoàng đế là trung tâm của đời sống tinh thần dân tộc và chỉ dẫn người dân Nhật Bản tôn sùng như một vị chúa. Trong "*Hoàng đế Jimmu*" Shiratori tiếp tục "câu chuyện" về sự sáng lập nhà nước như đã kể trong *Nhật Bản thư ký* (Nihon shoki). Mặc dù *Nhật Bản thư ký* đã mô tả một "Jimmu" được lý tưởng hóa và hư cấu (người nối dõi trực tiếp Amaterasu Omikami) ngoài sự kiện lịch sử, nhưng Shiratori không chỉ ra được sự khác nhau ở bất kỳ phần nào trong cuốn sách.

[Hoàng đế Jimmu] ... đã tham gia chiến đấu ở nhiều nơi, mặc dù nhiều chiến binh và các em anh trai Hoàng đế đã hy sinh, nhưng chưa bao giờ bại trận. Mỗi lần Hoàng đế gặp khó khăn, ông lại lấy được dũng cảm, trở nên mạnh mẽ hơn .... và cùng chịu khổ với các chiến binh. Với sự che chở thần thánh của tổ tiên Hoàng đế và sự trợ giúp của những người dân trung thành, cuối cùng ông đã đạt được mục đich cao cả của mình. Ngay sau đó ông xây dựng một cung điện trên vùng đất Kashiwara ở phía đông nam của núi Unebi, nơi ông cất giữ thần khí quốc gia và đăng quang Hoàng đế.

Shiratori tiếp tục quan sát xem liệu Jimmu có thể đạt được mục tiêu cao cả của ông vì "tình yêu nhân dân và tình cảm đối với Hoàng thất, sự trung thành và dũng đảm của nhân dân, sự bền trí khi gặp khó khăn cùng với sự hợp tác và trợ giúp giữa Hoàng đế và nhân dân". Sau khi lên ngôi Hoàng đế, Jimmu đã thưởng cho những người đã có công bằng cách bổ nhiệm họ vào vị trí cai quản các địa phương, "và ông cũng đối xử như vậy với nhân dân với tình thương bao la".

Shiratori viết "lịch sử dân tộc" của mình để hòa hợp với "hệ thống Hoàng đế" hiện đại, trong đó ông là một gia nhân trung thành. Ông không áp dụng các kỹ năng viết chủ yếu về nguồn gốc thần kỳ của Nhật Bản hoặc cũng không quả quyết rằng các câu chuyện cổ liên quan đến các sự kiện chưa bao giờ xảy ra nên đã hư cấu thành thần thoại ngoài thực tế. Cuốn sách của ông giúp hình thành sự sáng tạo về tôn giáo của Hoàng đế ở từng đoạn giống như các bài giảng về đạo đức của Sugiura. Chúng ta không thể biết Shiratori đã truyền đạt điều gì cho Hirohito trong các cuộc thảo luận nhưng chắc chắn ông đã không giải thích có rõ ràng hơn về khái niệm thần thánh cho đến tận sau này.

Từng chương trong toàn bộ năm tập của *Quốc sử*, từ Hoàng đế Jimmu trở đi, (như nhà sử học Tokoro Isao ghi lại) đều được lấy tên của một Hoàng đế. Khi viết thể loại truyện kể, Shiratori đã mô tả chiếc gương và thanh kiếm thần được cất giữ một cách trân trọng tại Ise

tảisáchhay

và Atsuta, Hoàng thất bắt những người cai quản địa phương phải nộp lại các đồ vật thần thánh của họ - chiếc gương, chuỗi hạt và thanh kiếm từng là biểu tượng cho quyền lực của họ; và "những thần khí" này trở thành biểu tượng luật pháp của Hoàng thất.

Khi ông xem xét "những đức tính thần thánh" của những Hoàng đế đứng đầu trong lịch sử Nhật Bản, Shiratori (giống như Sugiura) đã tin tưởng khi giảng dạy rằng Hoàng đế thường là người thúc đẩy công cuộc hiện đại hóa đất nước. Tư tưởng của Hoàng đế với vai trò là người khởi xướng đầu thời kỳ Minh Trị và là một khái niệm cơ bản khác của hệ tư tưởng Hoàng đế hiện đại. Tư tưởng này có ý nghĩa là sự khuyến khích tích cực của quốc vương về vật chất và văn hóa tinh thần của dân tộc, không đơn giản chỉ là khái niệm, thông thường đối với tất cả các vị vua, những kẻ càng có quyền cao chức trọng thì càng gánh trách nhiệm nặng nề, hoặc mối lo ngại của vua đối với dân. Đây chính là mặt "hiện đại hóa" trong lãnh đạo của Hoàng đế mà Shiratori muốn nhấn mạnh.

Nghiên cứu lịch sử của Shiratori đã đưa ra nhiều tấm gương của những Hoàng đế tham gia hoạt động chính trị, những người đã liên kết quyền lực và thẩm quyền của chính họ để Hirohito tham khảo. Mặc dù các bài giảng của ông đưa ra nhiều tấm gương của những Hoàng đế thời thượng cổ và trung cổ, những người tiêu biểu cho lòng tốt và lòng nhân từ, Shiratori kết luận rằng một số Hoàng đế thời trung cổ không thể sửa chữa được những sai lầm chính trị tồn tại lâu đời do thói quen của họ và như vậy "sự chịu đựng của con người ngày càng tăng". Thậm chí khi quan nhiếp chính của những Hoàng đế nhỏ tuổi hay đã trưởng thành và những Hoàng đế thoái vị đưa ra sáng kiến, thì bế tắc về kinh tế và chính trị vẫn chưa được giải quyết cho đến khi Nhật Bản bước vào thời kỳ Kamakura (1193-1336), khi Mạc Phủ *(bukufu)* (chính quyền quân sự) kiểm soát đất nước. Sau khi tường thuật thời đại của những chiến binh, Shiratori bắt đầu viết về vai trò quan trọng của Hoàng thất trong chính quyền sau khi giao công việc chính trị và quân sự cho các quan nhiếp chính trong một thời gian dài

Ông cũng đúc kết quan điểm mang tính tích cực về triều đại phía bắc đã bị bỏ mặc kể từ khi thời Minh Trị phục hưng, và Hirohito là người kế vị từ triều đại đó. Chỉ trước đó vài năm, năm 1911, cuộc tranh cãi lịch sử về việc nghi ngờ sự chính đáng của Hoàng đế trong suốt thời kỳ triều đình phía nam và phía bắc (1336-1392) đã được giải quyết khi chính phủ của thủ tướng Katsura Taro "quyết định ủng hộ tính chính đáng của phía nam và ra lệnh từ nay về sau những cuốn sách [lịch sử của tiểu học] phải đề cập đến những năm từ 1336 đến 1392 là ''Thời kỳ của triều đình Yoshino [nghĩa là, phía nam]". Do vậy, tại thời điểm nền giáo dục chung của Nhật Bản nhận thức rõ sự phân ly triều đại lớn trong lịch sử đất nước, sợ có thể ảnh hưởng đến phần lớn lòng tin về quyền lực tối cao của Hoàng đế, Shiratorri đã thừa nhận việc phân ly trên và đồng cảm với dòng họ của Hoàng đế phía nam.

Cuối cùng Shiratori đã xem lại những cuộc chiến tranh ở thời đại Minh Trị, giải thích với Hirohito và các bạn cùng lớp của ông sự kiện Đế chế hiện đại đã chiến thắng trong quá trình tìm kiếm không ngừng "hoà bình ở phương Đông", vì lợi ích của các quốc gia khác, và hành động đối với các nước láng giềng một cách nhân từ và công bằng . Shiratori thừa nhận việc Trung Quốc chống lại sự thực dân hóa của Đài Loan sau cuộc chiến tranh năm 1894-1895, nhưng ông lại không bình luận về sự bất công liên quan đến việc mất chủ quyền của Triều

tảisáchhay

Tiên, khẳng định điều xảy ra là lợi ích không chỉ đối với người Triều Tiên mà còn với "phương Đông" nói chung.

Trong tất cả các nước trên thế giới, chỉ Đế chế của chúng ta mới có thể đảm bảo hòa bình ở phương Đông. Bởi vì Triều Tiên là căn nguyên tại sao Đế chế của chúng ta phải chiến đấu trước đó với Trung Quốc và sau này với Nga, Đế chế đã cố gắng giải quyết tận gốc vấn dề này. Ngay khi cuộc chiến tranh năm 1904-1905 [chống lại Nga] bắt đầu, chúng ta đã buộc Triều Tiên hứa phải nghe theo lời khuyên của chúng ta và ký kết một loại hiệp ước. Đến năm 1905, Đế chế của chúng ta đã ký một hiệp ước mới trong đó Đế chế kiểm soát ngoại giao của Triều Tiên [đó là, tước quyền ngoại giao] lập nên một tổng trú sứ ở Seoul, và buộc tổng trú sứ quản lý các công việc của Triều Tiên.

Sau khi tước quyền ngoại giao của Triều Tiên để "bảo vệ Triều Tiên" không bị "các nước khác mạnh hơn" đe dọa, Nhật Bản đã gặp phải sự cản trở từ tòa án Triều Tiên là "đã quay lưng lại với hiệp định này năm 1907". Việc này dẫn đến một hiệp định mới, qua đó tổng trú sứ có quyền "giám sát hoạt động chính trị trong nước của Triều Tiên" và "Triều Tiên trở thành nước được chúng ta bảo hộ."

Tuy nhiên, hệ thống đã chứng tỏ không đầy đủ để nâng cao những thể chế của Triều Tiên và thúc đẩy hòa bình và sự thịnh vượng của dân tộc đó. Vì vậy, năm 1910, chúng ta đã ký một hiệp định với Triều Tiên và sáp nhập vĩnh viễn với nước đó. Như vậy, gốc rễ của vấn đề ở phương Đông mà đã làm cho Đế chế lo ngại trong nhiều năm qua đã được giải quyết triệt để.

Biểu hiện của Shiratori trong mối quan hệ Nhật-Triều phản ánh tính tự mãn và đạo đức giả của Nhật Bản đối với Triều Tiên tại thời điểm sáp nhập. Ông cũng hàm ý rằng chính kế hoạch của Hoàng đế là hợp lý để nước Triều Tiên mới sáp nhập thiết lập hòa bình trong khu vực và mang lại tiến bộ cho nhân dân Triều Tiên.

Cuối thời đại Minh Trị, Shiratori đã kết luận bằng cách mô tả cực kỳ chi tiết ông nội của Hoàng Thái tử Hirohito, Nhật Hoàng Minh Trị. Từ thời thơ ấu, Nhật Hoàng Minh Trị là đứa trẻ lanh lợi, dũng cảm nhưng lại dịu dàng, có tính kỷ luật tự giác, tiết kiệm, nhân từ, khôn ngoan, và luôn rộng lượng với người dân. Minh Trị hiểu được những lời trách móc của những người tùy tùng của ông và chú ý lắng nghe những người đã thông tin cho ông. Hơn nữa, "Nhật Hoàng rất yêu thích thể thơ *waka (*hoà ca) và ngày đêm ngâm thơ. Nhờ viết thi ca, ông có được một trái tim nhân hậu *[omigokoro*]."

Shiratori đã đạt được mục đích chính là nêu cho Hirohito những tấm gương về đức tính nhân từ của Hoàng đế, giải thích được tiến trình lịch sử Nhật Bản, và khơi dậy sự quan tâm của Hirohito đối với lịch sử nói chung. Trong những năm sau này, Hirohito đã hiểu biết rõ hơn về thời đại Minh Trị khi đọc *Meiji tenno-ki* [Ký sự của Nhật Hoàng Minh Trị], do những viên chức trong Bộ Nội vụ biên tập và hoàn tất năm 1933 nhưng được lưu giữ trong Bộ Nội vụ cho đến lễ kỷ niệm một trăm năm Thời kỳ Phục hưng của Hoàng đế Minh Trị, năm 1968, tập đầu tiên được xuất bản. Thậm chí ngày nay các học giả không được phép nghiên cứu các tài liệu quan trọng được viết dựa trên tài liệu đó.

tảisáchhay

Giáo sư Mizukuri Genpachi cũng giới thiệu cho Hirohito về lịch sử phương Tây và cuốn *Seiyoshi kowa* (các bài giảng về lịch sử phương Tây) của ông trở thành một trong những cuốn sách được Hirohito ưa thích. Hirohito say sưa đọc toàn bộ các tác phẩm lớn của Mizukuri: *Napoleon jidaishi* (Lịch sử triều đại Napoleon), *Furansu daikakumei* shi (Lịch sử đại cách mạng Pháp) (1919, 1920) gồm hai tập, và *Sekai taisenshi* (Lịch sử đại chiến thế giới) (1919) xuất hiện ngay sau cuộc cách mạng Bôn-sê-vích và sự sụp đổ của chế độ quân chủ ở khắp các nước châu Âu. Những cuốn sách này mô tả cuộc cách mạng và chiến tranh là sự đe dọa lớn nhất đối với chế độ quân chủ, và nhấn mạnh tầm quan trọng của tầng lớp trung lưu là lực lượng bảo vệ mạnh mẽ chống lại cách mạng.

Các tác phẩm của Mizukuri đã đưa ra lời giải thích hợp lý cho Hirohito về sự sụp đổ của triều đại Romanov của Nga và triều đại Hohenzollern của vương quốc Phổ. Các tác phẩm này đã làm cho Hirohito quan tâm hơn nữa đến lịch sử và chính trị châu Âu, và nhiều tác phẩm đã giúp ông có được kiến thức rộng hơn về ngôn từ và tìm kiếm các yếu tố liên quan tổng thể trong những trường hợp đặc biệt. Mặt khác, các tác phẩm của Shiratori đã để lại cho Hirohito một kho chuyện kể lịch sử phong phú khi gợi đến thời kỳ thực hiện các quyết định sáng suốt. Nhưng các tác phẩm cũng hạn chế về mặt tri thức tới mức khi các tác phẩm đó theo đường lối chính thức, tạo nỗi ám ảnh của người Nhật về nguồn gốc chủng tộc, và làm cho Hirohito nghĩ các Hoàng đế là người gây dựng nên sức mạnh dân tộc, uy tín và đế chế.

IV

Shimizu Toru, một giáo sư luật của trường Đại học Hoàng gia Tokyo, không nổi tiếng là học giả xuất sắc trong giới tri thức trong trường như Sugiura và Shiratori. Việc chọn Shimizu là thầy giáo dạy luật hiến pháp của Hirohito có thể phản ánh quan điểm đơn giản của Ogasawara và *nguyên lão* là những học giả hàng đầu về hiến pháp thời đó - Hozumi Yatsuka, Uesugi Shinkichi, và Minobe Tatsukichi là thầy giảng dạy cho Hoàng thái tử cũng là vấn đề gây tranh cãi. Shimizu không thuộc trường phái nào, ông giải thích rõ ràng học thuyết về hiến pháp trong một tập sách lớn, xuất bản năm 1904. Năm 1951, Shimizu trở thành một viên chức của Bộ Nội vụ và đảm nhận nhiệm vụ của mình tại trường Ogakumonjo. Khi đó, và sau này tại triều đình, ông đã dạy cho Hirohito về hai đặc điểm nổi trội của hiến pháp Minh Trị trong đó xác định rõ giới hạn của chính quyền lập hiến. Đặc điểm thứ nhất, thuyết cai trị trực tiếp của Hoàng đế Hozumi Yatsuka và Uesugi Shinkichi, đã khẳng định sự chuyên chế và dạy Hoàng đế có trách nhiệm sắp xếp các cơ quan nhà nước và trực tiếp thực thi quyền bổ nhiệm và sa thải các quan chức của mình. Đây là quan điểm được nhiều sĩ quan quân đội và Hải quân ủng hộ (ngoại trừ Tướng Ugaki) như Tổng tư lệnh Hải quân Togo và Thủy sư đô đốc Ogasawara. Một cách giải thích khác là "thuyết cơ quan Hoàng đế" tự do của Minobe, người đã tìm cách kiểm soát quyền lực độc đoán của Hoàng đế bằng cách biến nội các thành cơ quan tư vấn cao nhất của riêng ông và kìm hãm quyền lực của các cơ quan ngoài hiến pháp để cố vấn cho Hoàng đế.

Shimizu, một nhà tư tưởng vừa theo quan điểm chiết trung và quan điểm phản kháng đã né tránh cả hai quan điểm này, mặc dù các tác phẩm của ông nói chung gần gũi hơn với các tác phẩm của Hozumi so với các tác phẩm của Minobe. Shimizu coi vấn đề chính trong giải thích

tảisáchhay

hiến pháp là vị trí có chủ quyền tối cao [*tochiken*], mà ông đã đặt cả Hoàng đế và nhà nước vào vị trí đó. Đối với ông, nhà nước đại diện cho "sự kết hợp bền vững của đất đai, con người và chủ quyền lãnh thổ", trong khi về mặt ý nghĩa pháp luật, đó "là một con người và vấn đề chủ quyền lãnh thổ". Ông tiếp tục: "Tại đất nước của chúng ta, chủ quyền lãnh thổ tập trung vào một thế lực và cùng một thời đại là nhà nước và Hoàng đế. Về điểm này, nhà nước và Hoàng đế là một thế lực. Họ không phải là hai mà là một thế lực. Nói cách khác, Hoàng đế là đối tượng của chủ quyền lãnh thổ."

Trong cuộc tranh luận này, Shimizu hoàn toàn không thể làm rõ mối quan hệ giữa chế độ quân chủ và nhà nước. Học giả về hiến pháp Uesugi, học trò của Hozumi tại khoa luật của trường Đại học Hoàng gia Tokyo, cho rằng Hoàng đế là nhà nước và bất kỳ việc gì Hoàng đế làm và bất kỳ việc phân xử của Hoàng đế như thế nào, đều công bằng. Shimizu coi nhà nước là một đối tượng đạo đức độc lập [*jinkaku*] và cho rằng Hoàng đế luôn xác định hành động vì lợi ích của mình. Hoàng đế và nhà nước không bao giờ mâu thuẫn bởi vì Hoàng đế luôn suy nghĩ và hành động vì lợi ích của nhà nước. Đối với Shimizu, vấn đề về quyền ưu tiên không bao giờ nảy sinh. Về điểm này, Shimizu ủng hộ thuyết của Sugiura rằng về mặt lịch sử, Hoàng đế luôn hành động vì lợi ích của nhà nước.

Bằng cách trích dẫn tính ưu việt của thể chế quốc gia trong hiến pháp, việc mà Minobe cảm thấy không cần thiết, Shimizu bắt đầu đưa ra đánh giá chuẩn mực về các nhà tư tưởng bảo thủ thời kỳ tiền chiến và đầu thời kỳ hậu chiến, những người muốn bảo vệ thể chế quốc gia không bị hủy hoại vì những bất hòa trong dân chúng. Những nhà tư tưởng này lý luận rằng vào thời kỳ khủng hoảng, việc thăng chức cho những quan chức có niềm tin vững chắc vào hệ tư tưởng của Hoàng đế thì quan trọng hơn nhiều so với việc phát triển thể chế chính trị. Các quan chức trung thành, thấm nhuần tư tưởng đó sẽ luôn bảo vệ thể chế quốc gia không bị lật đổ từ bên trong với điều kiện là họ được quyền kiểm soát và có tính cách mạnh mẽ.

Shimizu chưa bao giờ đề cập đến vấn đề của Nghị viện và quyền lực của Nghị viện, hoặc vấn đề của các cơ quan ngoài hiến pháp như Hội đồng Cơ mật hoặc nguyên lão. Về bản chất, ông căm ghét nguyên tắc của chế độ đại nghị và phản đối sự hạn chế quyền lực của bất kỳ cơ quan luật pháp nào thuộc nhà nước trợ giúp Hoàng đế. Shimizu đã truyền cho Hirohito quan điểm đối với Hoàng đế, toàn bộ các cơ quan của nhà nước đều ngang cấp và có cùng phạm vi quyền hạn. Tùy từng trường hợp, Hoàng đế quyết định những vấn đề được các cận thần quan tâm và ông đồng ý với họ. Nhưng không phải lúc nào ông cũng lắng nghe ý kiến của họ, cho dù ý kiến đó được tất cả tán thành hay phản đối.

Điều có ý nghĩa đặc biệt là Shimizu không nêu rõ vấn đề vô trách nhiệm chính trị của Hoàng đế trong những hành động của ông. Mặc dù hiến pháp Minh Trị không nêu rõ sự vô trách nhiệm của Hoàng đế , nhưng nói chung các nhà bình luận đều nhất trí là, từ khi thành lập hiến pháp, thuật ngữ có nghĩa "bất khả xâm phạm" trong Điều 3 ("Hoàng đế phải được sùng kính và bất khả xâm phạm") đã chấp thuận cách giải thích trên.

Do vậy, dù Hoàng đế có hành động trái với luật pháp của đất nước và phạm tội thì ông cũng không bị phạt. Ông cũng không phải chịu trách nhiệm về những hành động của chính quyền nếu chính quyền hành động trái pháp luật, cho dù ông là người đứng đầu nhà nước. Điều

tảisáchhay

duy nhất đảm bảo Hoàng đế không được vi phạm hiến pháp là Điều 55 trong đó quy định các bộ trưởng của nhà nước chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn mà họ đưa ra cho quốc vương.

Nhưng đây thật sự không phải là một bảo đảm cho việc vô trách nhiệm của Hoàng đế, bởi vì các bộ trưởng nội các không được đưa ra ý kiến tư vấn về các quyết định liên quan đến những vấn đề chỉ huy tối cao, Hoàng đế không phải chấp thuận ý kiến tư vấn của bộ trưởng, và không có thủ tục hoặc thể chế nào nêu rõ vấn đề trách nhiệm của Hoàng đế theo hiến pháp. Shimizu muốn biểu lộ tư tưởng của Hoàng đế trong thuật ngữ "bất khả xâm phạm", người có quá nhiều quyền lực chính trị và đạo đức cao hơn và trên cả nền quân chủ thể chế. Cũng trên phương diện đó, Shimizu ủng hộ đường lối của Hozumi Uesugi dù không thật sự tán thành nó.

Shimizu miêu tả nhà nước là cơ thể con người và Hoàng đế là bộ não của con người, ông nêu bật rằng "chức năng của não là lực lượng trung tâm của tổ chức". Hirohito thích phép ẩn dụ - tư tưởng là bộ não của nhà nước - và ông đã gợi lại tư tưởng đó đầu những năm 1930 khi Minobe bị tấn công và phải từ chức. Đó là điều phổ biến trong tư tưởng hiến pháp của Đức cuối thế kỷ XIX, đặc biệt là tư tưởng của Georg Jellinek (1851-1911), một luật gia đã có ảnh hưởng mạnh mẽ với các nhà tư tưởng hiến pháp Nhật Bản. Chính Minobe đã sử dụng tư tưởng đó năm 1912 khi ông nói rằng Hoàng đế giống như cái đầu của cơ thể con người, trừ khi Hoàng đế không nghĩ đến bản thân mà nghĩ về đất nước. Rốt cục, chính sự phỏng đoán và mơ hồ trong tư tưởng của Shimizu lại lôi cuốn Hirohito, người có cùng tư tưởng mặc dù tuyên bố sau này của ông trái với tư tưởng đó.

Cuối cùng, khi sự kiện về Nhật Hoàng Minh Trị vẫn là một phần sống động trong tiểu sử các vị thánh của Nhật Bản, Shimizu đã ủng hộ Sugiura và Shiratori trong việc thần tượng hóa Nhật Hoàng Minh Trị là một quốc vương. Shimizu đã đóng góp vào câu chuyện thần thoại của Hoàng đế Minh Trị bằng cách nhấn mạnh rằng các Hoàng đế không thể hành động tùy tiện nhưng phải thể hiện trước "công luận" cách chỉ đạo các công việc nhà nước của các Hoàng đế đúng như Hoàng đế Minh Trị đã thực hiện Ngũ Cá Điều Ngại Thệ Văn. Cả ba thầy giáo đã kể những câu chuyện thần kỳ về phẩm chất của Nhật Hoàng Minh Trị đã làm cho Nhật Hoàng đạt được sự nghiệp lớn trong việc biến Nhật Bản thành một cường quốc, nhưng rõ ràng là không đề cập đến Nhật Hoàng Đại Chính. Cả ba đều muốn Hirohito lấy lại hình ảnh đã mất của Nhật Hoàng Minh Trị mà họ đã xây dựng và tiểu thuyết hóa bằng những cách khác nhau. Và do vậy họ nhấn mạnh quan điểm rằng Nhật Bản cần một Minh Trị mới, và ông sẽ là người đảm nhận vai trò của ông nội và có tri thức ngang bằng với ông nội.

Bị ảnh hưởng bởi tư tưởng của Sugiura, Shiratori và một Shimizu đối lập tột đỉnh, Hirohito cố gắng phấn đấu bằng ông nội - thần tượng của ông, người không giống ông về tính khí, tính cách và sở thích. Hirohito cũng bắt đầu tin vào tính chất thiêng liêng trong quyền lực của ông, như được nêu rõ trong hiến pháp Minh Trị. Nhưng "thuyết cơ quan" tự do mà Minobe lập ra và được nội các sử dụng trong những năm 1920 thì ông chỉ luôn coi là thuyết học thuật, tốt để dạy trong trường học chứ không phải là học thuyết mà ông dựa vào đó để hành động. Ông cũng không hành động theo cách giải thích thần học chính thể chuyên chế. Trên thực tế, Hirohito không bao giờ là người hâm mộ bất kỳ học thuyết nào của chế độ dân

tảisáchhay

chủ hiến pháp; hiến pháp không phải là chuẩn mực của ông để đưa ra các quyết định quan trọng, vì giống với ông nội mình, ông tin mình là người đứng đầu luật pháp quốc gia. Những hạn chế thực chất trong cách cư xử của ông thừa hưởng từ tính cách của Nhật Hoàng Minh Trị không ảnh hưởng đến đến hiến pháp và thậm chí vẫn được ông thể hiện khi hoàn cảnh ép buộc.

V

Quá trình giáo dục Hirohito không bao giờ kết thúc. Mục tiêu cơ bản của quá trình giáo dục đó là làm cho ông hiểu và đánh giá thực chất những quan điểm và quyết định được đưa ra trong những tài liệu về đường lối chính sách mà chính quyền và tư lệnh tối cao đã trình ông, mặc dù dường như ông đứng ngoài quá trình đấu tranh và sự bất hòa về chính trị được thể hiện trong các tài liệu đó. Một mục tiêu khác của quá trình giáo dục là phục vụ đất nước Nhật Bản - một vùng đất bất bại và thần thánh - bằng cách tạo ra hệ thống kiểm tra, cân bằng và đấu tranh với những bè phái quan liêu để đạt được sự thống nhất và đồng thuận. Hirohito sẽ thực hiện nhiệm vụ này không chỉ qua những kỹ năng thẩm vấn biện chứng và luận chứng lý thuyết, vì các nhà lãnh đạo Nhật Bản dường như không đánh giá cao kết quả tranh luận để làm rõ các vấn đề và giải quyết tranh chấp. Đúng hơn là Hirohito sẽ thực hiện nhiệm vụ đó bằng cách áp dụng những hiểu biết cụ thể về những công việc quân sự và dân sự cùng với quyền lực tối cao của ông để đạt được sự đồng thuận. Nếu ông thực hiện đúng vai trò của mình, thì toàn bộ các nhóm thuộc hệ thống cầm quyền sẽ thấm nhuần những quyết định và ý muốn của ông , điều đó tạo nên sự thống nhất trong toàn bộ hệ thống. Với sức khỏe hạn chế của Hirohito - tầm vóc gầy gò, giọng nói yếu ớt, và trí thông minh ở mức trung bình - vốn giáo dục là điểm tựa để liên kết ông với thực tế, giúp ông chống lại sự cường điệu hóa. Ông cũng là người không nắm bắt vấn đề qua trực giác nhưng ông sẽ tìm hiểu các vấn đề đó một cách nhanh chóng khi cần.

tảisáchhay

3. Đối diện với Cuộc sống Hiện thực

Khi Hoàng thái tử Hirohito sắp kỷ niệm sinh nhật tuổi 18 vào mùa xuân năm 1919, thể chế quân chủ bắt đầu suy yếu dần và bị vùi dập trên mọi phương diện. Quyền lực của Nghị viện và Thủ tướng tăng lên, nhiều đảng chính trị trở nên mạnh hơn. Ở nước ngoài, chế độ quân chủ cũ tồn tại qua nhiều thế kỷ đã sụp đổ chỉ qua một đêm: chế độ Romanovs ở Nga, Hohenzollerns ở Đức, Hapsburgs ở Austria - Hungary và Ottomans ở Anatolia, Balkans và Trung Đông. Chế độ quân chủ cha truyền con nối dường như chưa bao giờ gặp bất ổn, hoặc bị môi trường quốc tế căm ghét đến như vậy. Lúc đó, phái đoàn của Nhật Bản tại Hội nghị hòa bình Pari nhận ra xu hướng quyền lực đối với hòa bình và dân chủ quốc tế lan rộng khắp châu Âu và thế giới sau chiến tranh.

Hoàng đế Đức, người thường được so sánh với Nhật Hoàng Minh Trị, đã thoái vị vào đầu tháng 11 năm 1918. Sau đó không lâu, ông sống lưu vong ở Hà Lan. Khi Hội nghị hòa bình Versailles chính thức triệu tập vào ngày 18 tháng 1 năm 1919, các nước Đồng Minh ngay lập tức thành lập một Ủy ban trách nhiệm để xem xét việc kết tội cựu Hoàng đế Wilhelm trước tòa án quốc tế đặc biệt về vi phạm "đạo đức quốc tế" và tính thiêng liêng của những hiệp ước. Khi công việc của hội nghị tiến hành năm 1919, báo chí Nhật Bản đưa tin về việc các nước Đồng Minh bác bỏ đề nghị của Nhật Bản về sự bình đẳng chủng tộc, và tranh chấp về việc Nhật Bản chiếm tỉnh Shantung (nay là tỉnh Shandong - Sơn Đông) trong thời chiến. Báo chí Nhật rất ít đưa tin về sự đe dọa đến tính bất khả xâm phạm của những quốc vương đã dồn hết tâm sức để đưa một cựu Hoàng đế ra xét xử tội phạm chiến tranh. Tuy nhiên, tại hậu trường cuộc họp, Bộ Ngoại giao cũng như trưởng phái đoàn Nhật Bản, Mikano Nobuaki và Chinda Sutemi đã lo ngại việc xét xử người đứng đầu một nhà nước sẽ ảnh hưởng đến lòng tin của người Nhật trong nước đối với một *quốc thế* thiêng liêng.

Đây là bối cảnh bất lợi đối với lễ kỷ niệm sinh nhật sắp tới của Hirohito và ba năm cuối cùng (1918-1921) trong sự nghiệp giáo dục của ông tại trường Ogakumonjo: nước ngoài thì mất lòng tin vào những phép tắc của chủ nghĩa quân chủ; trong nước thì công chúng ngày càng không chú ý đến ngai vàng, những chỉ trích công khai về hệ thống chính trị và xã hội ngày càng tăng, những yêu cầu cải cách nhà nước lên cao, và hình ảnh một quốc vương có khả năng cai trị trực tiếp bị lu mờ dần. Những phần tử ưu tú cầm quyền có những lý do hợp lý để lo ngại về sự ổn định của ngai vàng và tương lai của một Hoàng thái tử còn trẻ trong những năm này.

Một nguyên nhân đáng lo ngại nữa là tính cách của Hirohito, một vấn đề thường được bỏ qua trong phần lý lịch trong đó không đặt bối cảnh cuộc sống về mọi mặt của ông. Tính cách trầm lặng của Hirohito, giọng nói của ông và ý tưởng mà ông truyền đạt thiếu "tinh thần thượng võ" là những đặc điểm tính cách nổi trội trong suốt thời gian trị vì của ông với vai trò là một Hoàng đế. Và tính nhạy cảm cũng là một đặc điểm nổi trội của ông trong thời gian đó, một trong những ví dụ đầu tiên là bài luận ở trường Hirohito viết năm 1920, khi ông mười chín tuổi, trong đó rõ ràng bắt chước quan điểm của những người lớn tuổi hơn ở xung quanh ông. Chuyến công du Tây Âu của ông từ tháng ba đến tháng chín năm 1921 chứng tỏ sự chín chắn, và sau khi trở về từ chuyến công du đó, ông đã kiên quyết khẳng

tảisáchhay

định chính mình trong các công việc chính trị và chuẩn bị thực hiện các công việc chính trị đó.

I

Sáng sớm ngày 7 tháng 5 năm 1919, một tuần sau khi bước sang tuổi 18, Hirohito rời Cung điện Akasaka trong một chiếc xe ngựa cùng đội kỵ binh thuộc Trung đoàn Vệ binh Hoàng gia đi theo hộ tống. Khi đoàn người tiến vào Hoàng cung qua Nhị Trọng Kiều (cây cầu đá hai nhịp), đám đông những người hâm mộ mộ hò reo chào đón. Thay đồ lễ phục xong, Hirohito làm lễ rửa tội và thực hiện các nghi lễ Shinto tại điện thờ chính của Hoàng cung như một hành động đánh dấu sự trưởng thành. Khi buổi lễ kết thúc, nhiều tiếng súng chào mừng được bắn lên và các hoạt động kỷ niệm đã được tổ chức tại thủ đô và nhiều thành phố trên khắp đất nước.

Vào thời điểm đó, Hirohito đã hoàn thành phần lớn chương trình trung học và đang được đào tạo để trở thành vị Nhật Hoàng kế tiếp của Nhật Bản. Lễ trưởng thành là dịp để Sugiura, Shiratori và các giáo viên Ogakumonjo khác cho đăng tải những thông điệp chúc mừng trên báo chí ca tụng đạo đức của Hirohito. Ogasawara, hiệu trưởng trường trung học nhấn mạnh:

Trước hết, Hoàng thái tử là một người thông minh và học hành rất chăm chỉ. Do đó, Hoàng thái tử đã nắm vững tất cả các môn học. Khi các giáo viên đưa ra các câu hỏi về rất nhiều vấn đề khác nhau, Hoàng thái tử luôn có được những câu trả lời xuất sắc. Tất cả các giáo viên trường chúng tôi đều rất cảm kích trước thành tích học tập của Hoàng thái tử. Hơn thế nữa, đôi khi, trong những bài kiểm tra miệng, chúng tôi còn hết sức ấn tượng trước những ý tưởng tuyệt vời được Hoàng thái tử trình bày bằng một giọng nói rõ ràng và rắn rỏi. Ở trường trung học, Hoàng thái tử được giảng dạy các môn khoa học quân sự, nghệ thuật quân sự và giáo dục thể chất, Hoàng thái tử không những đã lĩnh hội được những kiến thức về quân sự mà còn có được tinh thần thượng võ và thể lực cũng được nâng lên.

Đánh giá của Ogasawara về sự thông minh, siêng năng của Hirohito và về việc Hirohito nắm vững các môn học của mình cũng phù hợp với những điều mà hầu hết những người có quan hệ mật thiết với Hirohito đã viết về ông. Những từ như «hơn thế nữa» hay «cũng» nói lên điều đó. Nếu như Ogasawara dường như đã cố hết sức để thể hiện rằng Hoàng thái tử là người có kỹ năng trả lời vấn đáp tốt và có một «tinh thần thượng võ vững vàng», bài viết của Ogasawara có thể còn xuất phát từ (như nhà sử học Tanaka Hiromi đã nhấn mạnh) mối quan ngại của ông về việc Ogakumonjo bị chỉ trích. Cuối tháng Ba năm 1919, ngay trước khi diễn ra lễ trưởng thành của Hirohito, tờ *Fiji shinbun* đã đưa tin rằng phong cách giao thiệp thận trọng và khép kín của nền giáo dục Ogakumonjo đã làm cho Hoàng thái tử hầu như không bao giờ phát biểu trước công chúng và thiếu tinh thần thượng võ. Tử tước Miura Goro, một người bạn thân của *nguyên lão* Yamagata và Thủ Tướng Hara Kei, cũng kêu gọi cải cách phương pháp giáo dục phức tạp trong trường trung học. Ogasawara, giống như những giáo viên khác của Hirohito, đều biết rằng Hoàng thái tử có tính nhút nhát, không hăng hái và thiếu kỹ năng diễn thuyết. Trên thực thế, sau khi đánh giá về tiến bộ của Hoàng thái tử của Ogasawara được đăng tải trên báo, Nara Takeji, sĩ quan phụ tá quân sự tương lai

tảisáchhay

của Hirohito đã viết trong nhật ký của mình về sự im lặng của Hoàng thái tử tại buổi tiệc được tổ chức vào ngày 8 tháng 5 năm 1919, một phần trong lễ trưởng thành của Hirohito:

Hoàng thái tử chỉ chào khách rồi ngồi im trong suốt buổi tiệc mà không hề nói một lời nào. Thậm chí khi có ai đó nói với Hoàng thái tử, Hoàng thái tử cũng hiếm khi đáp lại. Trong thời gian tạm ngừng buổi lễ, Tử tước Miura Goro, người nổi tiếng cả gan đã kịch liệt công kích người quản lý của Hoàng thái tử, ông nói «Đó là kết quả của việc ông đã bảo vệ Hoàng thái tử một cách quá mức đến nỗi Hoàng thái tử không biết một thứ gì về thế giới bên ngoài.» Có thể điều đó đã dẫn đến cuộc tranh luận giữa nguyên lão Yamagata, Saionji và những người khác xung quanh vấn đề cần phải thay đổi cách giáo dục và dạy dỗ Hoàng thái tử.

Nara sau đó đã ghi lại cuộc nói chuyện giữa ông và Đại Nguyên soái Yamagata. Yamagata đã từng được phép yết kiến Hoàng thái tử và Yamagata nhớ lại khi ông hỏi Hirohito, ông không nhận được bất kỳ câu trả lời nào của Hoàng thái tử. Hoàng thái tử cũng không hỏi ông bất cứ điều gì.

[Hoàng thái tử] giống như một tượng đá vậy. Điều này thật là đáng tiếc và chắc chắn có nguyên nhân từ phương pháp giáo dục bảo vệ quá mức mà Hamao đã áp dụng đối với Hirohito. Từ nay trở đi, chúng ta phải khuyến khích [Hoàng thái tử] năng động hơn và để cho đầu óc thoải mái hơn. Đó là lý do tại sao tôi cảm thấy rằng Hoàng thái tử cần phải đi nước ngoài....Thật không may là Hamao lại chần chừ chưa đưa ra quyết định về vấn đề này.

Nara cũng có thể đã biết rằng chàng thanh niên mới lớn Hirohito không những không thể hiện được bất kỳ "cá tính nào" trước công chúng mà còn hành động vụng về, hơn nữa, Hirohito còn có giọng nói the thé, điều mà không ai trong số các em trai của Hirohito gặp phải. Vậy đâu là nguyên nhân của vẻ trầm lặng đó của Hirohito? Liệu đó có phải do Hirohito thiếu kinh nghiệm và thiếu tự tin hay một phần của điều đó là do những người khác đã làm cho cậu trở nên như vậy, kết quả của việc rèn luyện có ý thức trong quá trình đào tạo trở thành Hoàng đế? Và điều gì đã làm cho Hirohito có giọng nói nghe lạ lùng đến như vậy? Cả điều này nữa cũng là một kiểu uốn nắn tinh vi hay do các hoóc môn trưởng thành của Hirohito phát triển chậm?

Giống như các em trai nhưng ở mức độ nhiều hơn, Hirohito là một người có những xúc cảm mạnh mẽ mà cậu đã rèn luyện để không bao giờ biểu hiện chúng ra bên ngoài. Hirohito cũng là một người cô đơn. Từ thuở mới bước chân vào trường trung học, Hirohito đã tạo cho mình một thoái quen nói chuyện một mình khi gặp chuyện căng thẳng. Hình mẫu về ông nội, người hiếm khi nói chuyện với cậu và là người mà Hirohito mơ ước được giống như vậy có thể đã góp phần làm tăng thêm tính ít nói của cậu. Ngoài ra, Giáo sư Shiratori đã đưa ra cho Hirohito rất nhiều ví dụ về các bậc tổ tiên trong Hoàng tộc, những người xứng đáng với hình ảnh của một vị vua theo đạo Khổng (và đạo Phật), những người nói ít nhưng làm nhiều và sự im lặng của họ được xem là mẫu mực. Hirohito có thể đã nghĩ về tính ít nói như là một sách lược, một cách để bảo vệ mình trước cái nhìn chằm chằm đầy khó chịu của các giáo viên.

Hơn thế nữa, việc hạn chế diễn đạt bằng lời nói cũng là để phù hợp với truyền thống văn hóa và thẩm mĩ của Nhật Bản. Không giống như ông nội của mình, một người chuyên quyền

tảisáchhay

tuyệt đối, Hirohito mong muốn trở thành một vị vua (theo nghĩa hẹp là được bảo vệ) theo hiến pháp thời Minh Trị. Hirohito phải thực hiện nhiều nhiệm vụ theo hiến pháp và khi thực hiện các nghĩa vụ này, cậu phải có khuôn mặt giống như là một chiếc mặt nạ hơn là thể hiện cá tính của mình. Chiếc mặt nạ đó là một phần trong việc tạo ra cho mình một vỏ bọc tâm lý, nó cũng giống như lễ phục vậy, Hirohito cũng mang chiếc mặt nạ đó khi thực hiện các nghĩa vụ tôn giáo và nghi lễ của mình. Và một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất mà Hirohito phải thực hiện là trở thành hiện thân của hệ thống đạo đức Nhật Bản.

Nghịch lý là chiếc mặt nạ của sự im lặng kia đã thu hút được Hirohito và Hirohito coi đó như một việc đáng khen ngợi. Tuy nhiên, khi Hirohito thực hiện các nhiệm vụ chính trị và quân sự của mình, chiếc mặt nạ im lặng đó đôi khi lại gây rắc rối. Những người báo cáo trực tiếp cho Hirohito không chỉ phải hiểu được lời nói của Hirohito, thường ít hơn mức cần thiết, mà còn phải hiểu được sắc mặt của Hirohito hay khi Hirohito có vẻ "bị kích động" thì sắc mặt sẽ như thế nào. Cho rằng Hirohito sẽ nói rất ít kể cả khi vấn đề được đề cập cực kỳ quan trọng đối với chính bản thân Hirohito, họ đã học cách quan sát những biểu hiện trên nét mặt của Hirohito để đoán biết những biểu hiện nhỏ nhất trong suy nghĩ và hành động tiếp theo của ông. Trong một xã hội mà việc tạo ra bộ mặt dưới một lớp mặt nạ im lặng đã trở thành giá trị truyền thống và là hình mẫu trong việc diễn đạt ý nghĩ, mặt nạ im lặng của Hirohito đã tạo ra một tiếng vang đầy ý nghĩa.

Điều tương tự cũng xảy ra với giọng nói của Hirohito. Giọng nói đó khiến nhiều người dân Nhật Bản "thấy" được ý thức về bản sắc dân tộc mình. Trước khi Hirohito bắt đầu thời gian nhiếp chính vào tháng 11 năm 1921, chỉ có ít người trong số những quan chức đứng đầu coi giọng nói của Hirohito là một vấn đề cần phải quan tâm. Chỉ khi những người giám hộ của Hirohito là quan tâm nhiều đến điều đó, Hirohito có nhiều kinh nghiệm hơn trong việc điều hành chính phủ và khi Nhật Bản lún ngày càng sâu hơn vào chiến tranh, người dân Nhật Bản mới bắt đầu tưởng tượng giọng nói đó như là giọng nói của một siêu nhân. Cuộc tranh luận xung quanh vấn đề giọng nói của Hirohito một lần nữa được bàn đến vào thời điểm Nhật Bản đầu hàng quân Đồng Minh tháng 8 năm 1945 và sau này khi Hirohito có chuyến công du toàn quốc trong thời gian Nhật Bản bị chiếm đóng.

Ngoài vấn đề về khả năng ăn nói của Hoàng thái tử trẻ tuổi Hirohito và những cảm nghĩ khác nhau của người dân Nhật Bản về giọng nói của Hirohito, những người đứng đầu chính phủ Nhật Bản sau Chiến tranh Thế giới thứ Nhất còn phải đau đầu không biết phải giải quyết ra sao với người cha ốm yếu mắc chứng bệnh thiểu năng trí tuệ của Hirohito và những thay đổi về mặt xã hội đang làm cho quyền lực của Nhật Hoàng bị giảm sút vào thời điểm phong trào dân chủ đang đang sôi sục ở Nhật Bản. Trước tình hình đó, vấn đề về diện mạo của Hoàng thái tử trở nên vô cùng quan trọng. Tất nhiên, các *nguyên lão* và những người kế vị của họ bắt đầu lo lắng về sự im lặng của Nhật Hoàng Yoshihito, về cậu con trai trông có vẻ ẻo lả của Nhật Hoàng, người không thể thể hiện bất kỳ cá tính nào thông qua cách ăn nói của cậu như công chúng đã từng quen với cách xử sự ấn tượng của Nhật Hoàng Minh Trị. Với cặp kính cận, vóc dáng mảnh khảnh, thân hình hơi gù, thái độ bối rối và giọng nói cứ như còn lâu mới đến tuổi trưởng thành của Hirohito, thật không có gì ngạc nhiên khi cuối cùng báo chí đã nêu lên mối quan ngại của những lãnh tụ chính trị tối cao về "tinh thần thượng võ vững vàng." của Hirohito. Tuy nhiên Hirohito là người thông minh và có một ý

tảisáchhay

chí mạnh mẽ. Hirohito đã rèn luyện cho mình một lối sống thanh đạm và đặt ra tiêu chuẩn cao về thành tựu quân sự với tinh thần sẵn sàng chiến đấu theo phương pháp hiện đại và chuyên nghiệp. Nói một cách khác, sự thực về tính cách của Hirohito về nhiều mặt đi ngược lại với bề ngoài khiêm tốn của cậu.

Hirohito cũng để lại sau lưng một thời thơ ấu khi Hirohito đã rèn cho mình khả năng tự kiềm chế bản thân cùng với một nền giáo dục quân sự đã giúp cho cậu quen với lề thói cứng nhắc. Ông nội Hirohito đã đích thân chỉ huy quân đội và Hải quân trong những cuộc tập trận chống ngoại xâm đặc biệt và hoàn toàn không giống như cha Hirohito, ông rất sốt sắng tham dự lễ tốt nghiệp của các trường quân sự và Hải quân. Tuy nhiên Nhật Hoàng Minh Trị lại không được đào tạo về quân sự và hầu như không biết gì về chiến lược và sách lược quân sự. Quá trình đào tạo quân sự cho Nhật Hoàng Minh Trị chỉ là cho ông tham gia các hoạt động ngoài trời và cải thiện lối sống không có lợi cho sức khỏe của ông. Được giống như Nhật Hoàng Minh Trị, người mà Hirohito coi như hình mẫu của mình là một trong những mong muốn hàng đầu của Hirohito. Mặc dù vậy, điều đó không ngăn cản Hirohito tự do thay đổi những ví dụ về Nhật Hoàng Minh Trị tùy theo hoàn cảnh.. Không giống như ông nội mình, Hirohito thường xuyên có các sĩ quan phụ tá hướng dẫn cách hành xử theo phong cách quân sự và đặc biệt sau khi trở thành Nhật Hoàng vào tháng 12 năm 1926, Hirohito luôn luôn mặc quân phục trừ những dịp lễ hội tôn giáo (khi Hirohito phải mặc trang phục truyền thống của thầy tế Shinto). Thói quen hàng ngày đó đã ảnh hưởng sâu sắc đến biểu hiện bên ngoài của Hirohito.

Một điều cũng không kém phần quan trọng là Hirohito chấp nhận và cảm thấy không có gì phải nghi ngờ về trật tự quyền lực đã được thiết lập sẵn khi Hirohito ra đời. Từ khi còn rất nhỏ, Hirohito đã ý thức rằng cậu là người có quyền quyết định và số phận đã định cậu phải ra quyết định đối với các vấn đề liên quan đến quyền lực chính trị và chỉ huy quân sự. Tuy nhiên, khi Hirohito đến tuổi trưởng thành và tiếp quản các nhiệm vụ của Hoàng đế, Hirohito bắt đầu say mê tìm tòi hệ thống kiến thức về lịch sử, chính trị và đặc biệt là tự nhiên. Những kiến thức và khát vọng đó không cản trở việc Hirohito dành phần lớn thời gian của mình cho những vấn đề quân sự.

Chàng thanh niên trẻ trên đường trở thành ông vua "tuyệt đối" và chỉ huy quân sự tối cao của Nhật Bản cũng dành thời gian cho sở thích khoa học của mình, nhưng dành phần lớn thời gian, và hầu hết các mối quan hệ cá nhân tốt đẹp với các sĩ quan quân đội, những người không phải là các nhà khoa học. Trong hai năm học cuối cùng tại trường Ogakumonjo, Hirohito tỏ ra thân thiện với Tướng Ugaki, một người rất tự tin. Sau này, khi điều hành đất nước cùng với các bộ trưởng, Hirohito đã trang bị thêm cho mình chiếc mặt nạ của một tổng tư lệnh tối cao (*đại nguyên súy*) và bắt đầu thể hiện bản thân nhiều hơn. Những lời nói của Hirohito, được thốt ra theo một phong thái mạnh mẽ, có ảnh hưởng chính trị to lớn. Hirohito thường hoàn toàn tin tưởng vào những quan lại đã được ông bổ nhiệm giữ những vị trí cao. Tuy nhiên Hirohito cũng mến mộ những nhà quân sự tài ba và chống chính trị như hiệu trưởng trường trung học của cậu, Đại tá (sau này là Đô đốc về hưu) Ogasawara, chuyên gia quan hệ công chúng đầu tiên thuộc lực lượng Hải quân Hoàng gia và hiệu trưởng, Thượng tướng Hải quân nổi tiếng Togo.

tảisáchhay

Do đó làm thế nào để một người có thể hiểu được sự tồn tại song song và từng đặc điểm cụ thể trong những tính cách rất khác nhau, chứa đựng nhiều mâu thuẫn của Hirohito bộc lộ qua các giai đoạn khác nhau trong cuộc đời ông? Hirohito đã điều khiển cảm xúc của mình như thế nào để có thể đảm đương quá nhiều vai trò khác nhau đến như vậy, và cái giá mà Hirohito phải trả là gì? Chắc chắn đặc điểm nổi bật cũng là đặc điểm không bao giờ phai nhạt của Hirohito chính là một Hoàng đế có quyền lực siêu phàm. Quá trình học tập của Hirohito là câu chuyện kể về quá trình Hirohito nghĩ mình là một người đưa ra mệnh lệnh, một người tham gia cùng với những người khác trong việc hoạch định chính sách và người lãnh đạo của một quốc gia mang lại sự hiện đại cho châu Á .

Chắc hẳn, Hirohito đã có được những quan điểm về đời sống chính trị làm cho các giáo viên của cậu hài lòng. Chúng ta có thể thấy quan điểm đối với những vấn đề nhân sinh của Hirohito tại thời điểm này thông qua lời kể của Sugiura với Makino Nobuaki -Bộtrưởng Bộ Hoàng gia Nhật Bản, người sau này đã ghi lại điều đó trong nhật ký của ông. Trong bài tiểu luận (dài 2 trang) có tiêu đề "Ấn tượng của tôi sau khi đọc Sắc Ngữ về thiết lập hòa bình" được viết vào tháng 1 năm 1920 sau khi hiệp định hòa bình giữa quân Đồng Minh và Đức có hiệu lực, cậu học trò 19 tuổi Hirohito đã đưa ra nhận định của mình về cái ngày cậu "gánh vác trách nhiệm lớn lao là dẫn dắt các vấn đề chính trị" và trong bài tiểu luận đó Hirohito đã trích lời của "cha tôi, Nhật Hoàng đương triều." Bài tiểu luận này cho thấy mối quan tâm của chàng trai trẻ về "tư tưởng của những người theo chủ nghĩa cực đoan", người ủng hộ tinh thần sẵn sàng chiến đấu của quân đội, nhưng mặt khác cũng mong muốn có được được "Hoà bình vĩnh viễn". Bài tiểu luận của Hirohito bắt đầu bằng:

Lĩnh vực tư tưởng là một cái gì đó hết sức không rõ ràng; tư tưởng cực đoan dường như sắp lan tràn khắp thế giới; và vấn đề lao động hiện đang là vấn đề bị phản đối kịch liệt. Chứng kiến hậu quả bi thảm của chiến tranh, những người dân trên thế giới mong ước hòa bình và sự hòa giải giữa các quốc gia. Chính vì điều này, chúng ta đã được chứng kiến sự ra đời của Hội Quốc Liên và trước đó là việc triệu tập một hội nghị quốc tế về lao động…Nhân dịp đó, như đã được đề cập trong bản sắc ngữ Hoàng gia, nhân dân Nhật Bản phải nỗ lực hết sức và phải luôn áp dụng những phương pháp linh hoạt.

"Tư tưởng của những người theo chủ nghĩa cực đoan" trong hoàn cảnh này có thể được hiểu như là biện pháp ẩn dụ dùng để chỉ những tư tưởng dân chủ, tư tưởng chống chủ nghĩa quân phiệt, tư tưởng chủ nghĩa xã hội và tư tưởng cách mạng cộng sản đã lan rộng trên khắp đất nước Nhật Bản và cả thế giới sau Chiến tranh Thế giới lần thứ Nhất. Từng tuyên bố mối quan tâm về hiện tượng này và dẫn chiếu đến "vấn đề lao động" như một vấn đề đáng quan ngại, Hirohito tiếp tục bài tiểu luận bám sát những từ ngữ được sử dụng trong bản sắc ngữ:

Liên quan đến Hội Quốc Liên nói riêng, bản sắc ngữ có nêu: "Chúng tôi [chin, nghĩa là Nhật Hoàng Yoshihito] thật sự hài lòng và đồng thời cũng cảm thấy gánh nặng ghê gớm của đất nước đè nặng trên vai". Tôi cũng xin chúc mừng sự kiện đất nước chúng ta sắp trở thành một thành viên của Hội Quốc Liên. Tôi sẽ tuân thủ cam kết của Hội và khuyếch trương tinh thần mà Hội đã đề xướng.

tảisáchhay

Không nên nhầm lẫn sự hăng hái chấp nhận Hội Quốc Liên của Hirohito là việc tán thành quan điểm của Anh - Mỹ hay các nguyên tắc "quan hệ ngoại giao mới" được sử dụng làm nền tảng cho quan điểm đó. Đúng hơn, sự khẳng định của Hirohito về tinh thần của Hội Quốc Liên chỉ đơn thuần phản ánh chủ nghĩa lý tưởng và chủ nghĩa lạc quan của tuổi trẻ. Tuy nhiên, ở giai đoạn này, chủ nghĩa lý tưởng trong quan điểm của Hirohito hoàn toàn đối lập với chủ nghĩa hoài nghi của chính phủ Hara với mong muốn trì hoãn việc công nhận Hội Quốc Liên và họ đã chỉ thị cho phái đoàn của Nhật Bản tại Versailles im lặng trước những vấn đề của châu Âu và tập trung vào việc bảo vệ "các quyền và lợi ích" của Nhật Bản tại Trung Quốc.

Tiếp tục với những phân tích, trong dòng tiếp theo của bài tiểu luận Hirohito viết: "Tôi phải hoàn thành nhiệm vụ quan trọng này để mang lại hòa bình vĩnh viễn trên thế giới. Tôi phải làm gì đây để thực thi nhiệm vụ đó?" Câu trả lời của Hirohito với tư cách là một nước đế quốc thực dân hùng mạnh, Nhật Bản phải phối hợp hành động với những nước khác trên cơ sở "các nguyên tắc chung" trong khi ở trong nước phải tránh xa hoa lãng phí. Tiếp đó, Hirohito liên hệ "các hoạt động chuẩn bị quân sự" và sự phát triển cơ sở hạ tầng công nghiệp với "các hoạt động đàm phán ngoại giao mang lại lợi nhuận" và việc Nhật Bản "[đang] bắt kịp với các cường quốc", Hirohito ám chỉ giả thuyết về hành động trong tương lai: "Nếu không có sự chuẩn bị tốt về quân sự, khó có thể thành công trong các cuộc đàm phán ngoại giao với kết quả có lợi". Ngoài ra, Nhật Bản không thể trở thành một quốc gia thịnh vượng trừ khi chúng ta phát triển tốt công nghiệp và giao thông vận tải và nâng cao hiệu suất làm việc của công nhân. Nếu chúng ta không làm được như vậy, chúng ta sẽ không thể bắt kịp được các cường quốc."

Hirohito kết thúc bài tiểu luận bằng cách nhấn mạnh tư tưởng về sự thống nhất toàn dân tộc vì mục đích hoàn thành "vận mệnh của đất nước" khi phải đối mặt với sự cạnh tranh của nước ngoài.

"Lĩnh vực tư tưởng không rõ ràng", "suy nghĩ cực đoan", "sự phung phí", "sự xa hoa", "sự chuẩn bị tốt về quân sự", "Hoà bình vĩnh viễn", cùng với xu thế thời đại, và đạt được sự thống nhất tuyệt đối như một điều kiện tiên quyết để thực hiện vận mệnh của đất nước - những cụm từ nêu trên là các thuật ngữ và khái niệm được những người đứng đầu cầm quyền bảo thủ của Nhật Bản và những người chỉ huy quân sự sử dụng khi mô tả về tình hình của Nhật Bản vào cuối Chiến tranh Thế giới lần thứ Nhất; cả Hoàng tử trẻ Hirohito cũng vậy. Nói một cách khái quát hơn, những thuật ngữ này liên quan tới hệ tư tưởng bảo thủ đã được khuyếch trương nhằm ngăn chặn tình trạng căng thẳng về mặt xã hội đang ngày một gia tăng tại Nhật Bản. Tuy nhiên, những căng thẳng mà nguyên nhân bắt nguồn từ khoảng cách ngày càng lớn về vật chất và quyền lực giữa các tầng lớp khác nhau trong xã hội đòi hỏi cần phải có một cuộc «đại phẫu thuật».

III

Hai thủ tướng của Nhật Bản trong Chiến tranh Thế giới thứ Nhất là Okuma Shigenobu (1914-1916) và Terauchi Masatake (1916-1918), đã cố gắng điều hành chính phủ trong thời gian Nhật Hoàng Đại Chính trị vì ngai vàng và điều hành đất nước. Hara Kei (1918-

tảisáchhay

1921), thủ tướng Nhật Bản sau khi kết thúc Chiến tranh Thế giới thứ Nhất thậm chí còn không thèm ngụy tạo khi phát biểu một cách nghiêm túc rằng Yoshihito thật sự còn hơn là một kẻ bù nhìn - ông chỉ là một Nhật Hoàng trên danh nghĩa không hơn. Hara và các *nguyên lão* lớn tuổi đã hết sức lúng túng trước những xu hướng đang diễn ra: khủng hoảng lương thực bùng nổ trên phạm vi toàn quốc vào năm 1918, tình trạng sức khỏe của Nhật Hoàng trở nên xấu đi, và tái diễn các vụ phạm tội khi quân liên quan đến việc chỉ trích Hoàng gia.

Các vụ phạm tội khi quân trong thời kỳ sau khi kết thúc Chiến tranh Thế giới thứ Nhất là một phần trong những thách thức ngày càng tăng của kỷ nguyên Đại Chính trước vấn đề lòng tôn kính của nhân dân đối với ngai vàng. Tuy nhiên, sau khi Hirohito lên ngôi vào tháng 11 năm 1921, người dân Nhật Bản bị bắt giữ và bị kết tội khi quân đơn giản chỉ vì nói những câu như: «một cậu bé con mà cần đến bao nhiêu người «; hoặc «Thật là quá lắm. Nhật Hoàng chỉ là một đứa trẻ vênh váo. Bất cứ khi nào Nhật Hoàng có dịp đi ngang qua là tất cả các phương tiện giao thông phải dừng lại trước đó vài giờ liền. Một số kẻ ngu ngốc thậm chí còn chờ đợi hàng chục tiếng đồng hồ để chờ xem đám diễu hành đi qua».

Sự tôn kính đối với ngai vàng dần bị hủy hoại không chỉ bởi sự nhận thức ngày càng tăng của công chúng về tình trạng đau ốm kéo dài của Nhật Hoàng mà còn vì những thay đổi trong đời sống kinh tế xã hội và phong trào dân chủ dưới thời Đại Chính với lý lẽ hết sức thuyết phục về quan điểm quyền bầu cử mở rộng hơn. Cho đến lúc đó, chính phủ của thủ tướng Hara và các *nguyên lão* chỉ cho phép sửa đổi luật ở mức độ phải chăng để làm lợi cho tầng lớp cầm quyền nông thôn. Thay vì thực hiện việc hợp thức hóa quyền lực chính trị mang tính cơ bản để phản ánh những thay đổi về mặt xã hội, họ bác bỏ các yêu cầu về việc phải có luật bầu cử chung dành cho nam giới, tìm cách để những nhà quý tộc theo hình thức cha truyền con nối có quyền ưu tiên và Hội đồng Cơ mật không bị ảnh hưởng, và tìm cách bảo vệ ngai vàng, đối phó với phong trào dân chủ thời Đại Chính.

Một trong những vấn đề quan tâm hàng đầu của Hara chính là việc công chúng chỉ trích về sự giàu sang quá mức của Hoàng gia. «Nếu ông có thể làm cho người dân nghĩ rằng sự thịnh vượng của Hoàng gia là sự thịnh vượng của đất nước», Hara nói với Bộ trưởng Bộ Hoàng gia Hatano Takanao, «thì bất kể thu nhập của Hoàng gia như thế nào, sẽ không có ai còn phàn nàn về điều đó». Hara hiểu rằng trong một đất nước mà sự chia rẽ ngày càng tăng do những mâu thuẫn giữa các tầng lớp trong xã hội, ngai vàng đang đứng trước nguy cơ trở thành đề tài tranh cãi. Hơn một triệu người từ những làng nông nghiệp và làng chài, nhưng hầu hết là từ các thị trấn và thành phố trải đều trên khắp 37 quận của Nhật Bản cộng thêm Hokkaido, Tokyo, Osaka và Kyoto đã tham gia vào những cuộc biểu tình quy mô lớn được biết đến như là «cuộc bạo động liên quan đến lương thực». Mặc dù những người tham gia bạo động thể hiện sự giận dữ trước tình trạng giá cả hàng hóa tăng cao, nhưng nguyên nhân cơ bản dẫn đến cuộc bạo động lại bắt nguồn từ hệ thống địa chủ khi những người này yêu cầu người thuê đất phải trả cho họ một lượng lớn hoa lợi như là tiền thuê đất cho phần đất thuê. Hara không hể phủ nhận «thu nhập khổng lồ» của Hoàng gia, bởi vì Hoàng gia chính là chủ sở hữu đất đai lớn nhất tại Nhật Bản, và Hara đã cho áp dụng những biện pháp thận trọng để đảm bảo rằng từ đó trở về sau Hoàng gia sẽ không bị dính líu vào những hoạt động kinh tế dẫn đến việc Hoàng gia phải chịu nhiều thử thách gay go.

tảisáchhay

Nguyên lão Yamagata cũng đồng tình với quan điểm của Hara. Tháng 10 năm 1919, ông cũng cảnh báo Hatano phải ngay lập tức phải bán số cổ phần trong số cổ phiếu mà Nhật Hoàng đang nắm giữ, bán những khu đầm lầy và những cánh đồng thuộc điền trang của Hoàng gia. Tại thời điểm đó, Hoàng gia có thu nhập hàng năm ở mức 6-8 triệu yên, con số này mới chỉ tính riêng thu nhập từ các cánh rừng. Hoàng gia có quyền sở hữu đối với các cung điện, lâu đài, trường học, các khu lăng tẩm, viện bảo tàng tại Kyoto, Nara và Tokyo, và có được thu nhập từ các khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu doanh nghiệp cùng với nguồn ngân sách chính phủ hàng năm trị giá 3 triệu yên. Hoàng gia còn thu được lợi nhuận từ việc mua cổ phiếu từ các ngân hàng và doanh nghiệp tại các nước thuộc địa như Ngân hàng Hàn Quốc và (bắt đầu vào năm 1925) Công ty Đường sắt Nam Mãn Châu. Sự giàu có đó của Hoàng gia, cùng với thu nhập có được từ những khu mỏ trong nước và các nguồn khác đã khiến cho Cục Hoàng Gia phải đảm nhiệm thêm vai trò là bên bảo lãnh và nhận tín thác của một số doanh nghiệp tư bản lớn nhất Nhật Bản - «một tổ chức sáng lập tín dụng và nhận tín thác phục vụ cho sự phát triển của chế độ tư bản ở Nhật Bản.» Do sự giàu có này của Hoàng gia, xếp ngang hàng với các *zaibatsu* lớn nhất Nhật Bản (các định chế tài chính khổng lồ hoặc các nhóm tài phiệt trong đó các công ty của Nhật Bản là các công ty thành viên của các định chế tài chính hoặc nhóm tài phiệt đó trong thời gian trước và trong chiến tranh), Nhật Hoàng đương triều không còn có được mối liên hệ gắn kết với nhân dân như dưới thời Nhật Hoàng Minh Trị. Nếu như Hatano không hiểu được điều này, thì Hara và Yamagata là những người hiểu rất rõ. Họ biết đã đến lúc phải sử dụng tiềm lực tài chính của Hoàng gia để mua chuộc sự tín nhiệm của nhân dân.

Đối lập với bối cảnh đó, sáu tháng cuối năm1920, trước khi Hirohito tốt nghiệp trường Ogakumonjo, một sự kiện diễn ra tại triều đình đã cho thấy nền quân chủ trong kỷ nguyên dân chủ Đại Chính có thể dễ dàng rơi vào tình trạng xung đột chính trị. sự kiện này bắt đầu bằng một cuộc tranh luận giữa những người thuộc tầng lớp cao của giai cấp thống trị xunh quanh mối nghi ngờ về căn bệnh mù màu của gia đình vị hôn thê của Hirohito. Những thắc mắc xung quanh vấn đề giáo dục của Hoàng thái tử Hirohito cũng nảy sinh gần như cùng thời điểm diễn ra lễ đính hôn của ông vào tháng 6 năm 1919, cũng trở thành chủ đề trong cuộc tranh luận này. Nền giáo dục của Hirohito, lễ đính hôn, chuyến công du châu Âu, những vấn đề luôn gắn liền với nhau kể từ khi bắt đầu cuộc tranh luận nhanh chóng thổi bùng lên mâu thuẫn xung quanh việc cuối cùng ai sẽ là người nắm quyền kiểm soát quyền lực kinh tế và chính trị gắn liền với thể chế Hoàng gia.

Nghĩa là: vào năm 1917, một năm sau khi Hirohito chính thức trở thành Hoàng thái tử, Đại tá Hải quân Ogasawara đã trình lên mẹ của mình, Hoàng hậu Sadako (sau này là Hoàng hậu Trinh Minh), danh sách tên của ba công nương mà ông cảm thấy có thể phù hợp làm bạn đời của Hoàng thái tử. Hoàng hậu Sakado đã chọn Công Nương Nagako, con gái của Hoàng thân Kuni Kuniyoshi làm vợ tương lai của Hirohito. Lễ đính hôn của Hoàng thái tử được coi là một sự kiện trọng đại của quốc gia, đòi hỏi rất nhiều công việc chuẩn bị từ trước. Do Hirohito đã từng gặp Công nương Nagako và cũng có cảm tình với cô, và Công nương Nagako sở hữu tất cả các phẩm chất cần thiết để trở thành một Hoàng hậu, Hatano đã gửi thư cho Hoàng thân Kuni thông báo về việc con gái ông đã được lựa chọn làm vị hôn thê của Hoàng thái tử. Ngay sau đó, gia đình Kuni đã thuê Suguira, giáo viên dạy nội quy Hoàng gia, người đã từng là thầy dạy của Hirohito hàng tuần đến giảng dạy nội quy Hoàng gia cho cô.

tảisáchhay

Lễ đính hôn của Hoàng thái tử dự kiến được tổ chức vào cuối năm 1920, nhưng vào tháng 6 năm 1920, Đại Nguyên soái Yamagata, người có thẩm quyền cao nhất trong số các *nguyên lão* còn lại đã nỗ lực để hủy bỏ lễ đính hôn lấy cớ rằng đằng mẹ của Nagako bị mắc căn bệnh mù màu. Ngày 18 tháng 6 Yamagata đã buộc Hatano phải từ chức, bề ngoài là do đã không điều tra kỹ về vấn đề này nhưng thực chất là để xúc tiến việc đưa Hirohito đi công du nước ngoài và đưa tay chân thuộc phái Choshu của ông lên nắm quyền, đứng đầu là Tướng Nakamura Yujiro với chức danh vụ trưởng mới của Bộ Hoàng gia. Ủng hộ Yamagata có Thủ tướng Hara. Thủ tướng Hara cũng đang lo lắng trước khả năng tình trạng ốm yếu kinh niên và bệnh suy nhược thần kinh của Nhật Hoàng Đại Chính có thể bắt nguồn từ việc lỗi gen di truyền trong Hoàng tộc, tuy nhiên ông cũng hy vọng sẽ củng cố được tầm ảnh hưởng của mình trong những vấn đề của triều đình bằng cách thiết lập mối quan hệ tốt với Yamagata. Vì một Hoàng tộc khỏe mạnh trong tương lai chứ không phải vì lợi ích duy trì sự trong sạch cho dòng máu của Hoàng gia, Yamagata đã viết thư cho Hoàng thân Kuni yêu cầu ông «rút lui vì lợi ích của Hoàng gia».

Thay vì phục tùng, Hoàng thân Kuni dứt khoát không lùi bước và bí mật trả đũa với sự đồng tình của Công nương Sadako và Sugiura. Người ta nghi ngờ không biết Hirohito, người cũng tham gia vào việc lựa chọn Nagako, có biết được về tất cả những việc xảy ra sau đó hay không. Sugiura cố gắng vận động các quan chức trong Bộ Hoàng gia bằng cách thuyết phục họ rằng việc phá vỡ hôn ước có thể tạo ra một tiền lệ xấu cho Hoàng tộc và cũng để lại cho Hoàng thái tử một vết thương lòng trong suốt quãng đời còn lại. Khi lý luận về "đạo đức" không thành, Sugiura quay sang vận động những gia đình thuộc tầng lớp quý tộc và những quý tộc có tước vị thuộc dòng họ Shimazu của gia đình Kuni với hy vọng rằng khi những người này tham gia chống lại Yamagata, họ có thể dùng ảnh hưởng của mình để tác động đến các quan chức cấp cao xuất thân từ một nhóm người hầu cận lớn tuổi của vùng thái ấp Satsuma.

Nỗ lực của Sugiura nhằm lôi kéo mạng lưới các gia đình trong cùng phả hệ liên kết phe cánh Satsuma đã không mang lại kết quả. Yamagata và Hara tiếp tục lo lắng cho tương lai của Hoàng gia và mối quan ngại nghe có vẻ hợp lý đó của họ không dễ gì bị xem thường. Lúc bấy giờ Makio Nobuaki, người con trai thứ của Okubo Toshimichi - một lãnh tụ vĩ đại thời kỳ khôi phục chế độ Quân chủ vừa trở về từ Hội thảo hòa bình tổ chức tại Paris và được xem là lãnh tụ của phe Satsuma. Môn đệ của Sugiura là Shirani Takeshi, một quan chức cấp cao và là người đứng đầu ngành thép Nhật Bản, đã mời Makino đến để thảo luận về vấn đề này, Shirani Takeshi sau đó đã thông báo lại cho Suguira rằng Makino "đang rất khó khăn trong việc đưa ra quyết định." Tổng Tư lệnh Hải quân Yamamoto thuộc phái Satsuma cũng không mặn mà trước những lời nài nỉ của Sugiura.

Hết hi vọng có thể thuyết phục được những *nguyên lão* có quyền lực cao nhất, Sugiura quyết định gia tăng cuộc đối đầu với Yamagata bằng cách thông báo cho một học trò cũ khác của mình là Kojima Kazuo, lúc bấy giờ đang là thành viên của Hạ viện và là lãnh tụ Đảng Kukuminto về việc Yamagata cố gắng phá vỡ hôn ước của Hoàng thái tử. Kojima ngay sau đó đã thông báo cho chủ tịch đảng Kokuminto là Inukai Tsuyoshi và không lâu sau Otake Kanichi của Đảng Kenseikai cũng được biết về rắc rối này. Nếu Đảng Kokuminto và Kenseikai, hai đảng phái lớn nhất trong số những đảng phái đối lập với đảng Seiyukai của

tảisáchhay

Hara quyết tâm phá vỡ bầu không khí yên lặng xung quanh vấn đề liên quan đến cuộc sống của các thành viên Hoàng gia, thì họ có thể sẽ sử dụng vấn đề nhạy cảm này để chống lại Hara tại thời điểm khi vấn đề về quyền bầu cử đã được đưa ra ngay trước thềm kỳ họp lần thứ bốn mươi tư của Nghị viện được triệu tập vào ngày 27 tháng 12 năm 1920. Ngoài ra, phương tiện thông tin đại chúng cũng đưa tin về việc Sugiura chính thức từ chức khỏi vị trí của ông trong đảng Ogakumonjo vì lý do sức khoẻ chỉ vài tháng trước khi Hoàng thái tử dự lễ tốt nghiệp. Khi Sugiura, đã trở nên đơn độc hơn, không còn quyền lực và đang trong tình trạng tuyệt vọng càng thông báo cho nhiều người bao nhiêu với nỗ lực nhằm thay đổi tình thế, thì vấn đề này càng ngày càng trở nên mang tính chính trị.

Cuối cùng, Sugiura đã nói với một người bạn cũ của ông là Toyama Mitsuru, lãnh tụ theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan của "cánh hữu cũ" rằng Yamagata ghét Hoàng thân Kuni và đang âm mưu gia tăng quyền lực của mình tại triều đình. Năm 1881, Toyama, cùng với Hiraoka Kotaro đã thành lập Hội Biển đen (Genyosha), một nhóm gây sức ép với chính phủ bao gồm các Đồng Minh trong chính phủ, doanh nghiệp và các trường đại học với mục đích đưa Nhật Bản trở thành trung tâm của Hội Quốc Liên châu Á chống lại chủ nghĩa đế quốc châu Âu. Những người bạn của Toyama tại Hội dòng sông tình yêu (Kokuryukai, được thành lập vào năm 1901), và các thành viên của Hội Masterless Samurai của Uchida Ryohei (Roninkai) ngay lập tức gây khó khăn cho Yamagata. Có một vài lần trong tháng 1 năm 1921, hai người theo phái Liên Á của "cánh hữu mới" là nhà Đông Phương học Okawa Shumei và "chuyên gia" về Trung Quốc và cũng là nhà tư tưởng đạo Phật Nichiren Kita Ikki đã được nghe về nỗ lực nhằm huỷ bỏ hôn lễ của Hoàng thái tử của Yamagata. Okawa, một người theo chủ nghĩa dân tộc, cùng với Giáo Sư Mitsukawa Kametaro của Trường Đại học Takushoku, trước đó không lâu đã thành lập nhóm chống lại chủ nghĩa Mác,Yuzonsha (nghĩa đen là "cây thông và cây hoa hướng dương") mà Kita đã tham gia sau này. Có nhiều tin đồn về âm mưu ám sát Yamagata đã được truyền đi trong hàng ngũ của những người trong nhóm.

Vào đầu tháng 2 năm 1921, khi phiên họp của Nghị viện khóa 44 vẫn còn đang diễn ra và vấn đề về *kukutai* có nguy cơ trở thành một thứ vũ khi trong tay của các đảng đối lập, Thủ tướng Hara đã rút lại sự ủng hộ đối với Yamagata. Lo sợ đánh mất quyền kiểm soát tình hình và bị gán cho tội của một "kẻ phản bội tổ quốc", Yamagata, một trong những nhân vật quyền lực nhất trong giới chính trị Nhật Bản lúc bấy giờ đã nhượng bộ trước sức ép của cánh hữu gồm những đảng phái không thuộc lực lượng vũ trang. Bộ trưởng Bộ Hoàng gia Kakamura, cũng như quan chức triều đình cấp cao Hirata Tosuke - một người ủng hộ khác của Yamagata đã phải chịu phục tùng Sugiura. Trước những tổn thất này và cùng chung mối quan ngại sâu sắc của Hara trước việc hứa hôn của Hoàng thái tử ngày càng trở nên mang tính chính trị (chưa tính đến các hành động của Roninkai và mối đe doạ đối với chính mạng sống của mình), Yamagata đã từ bỏ nỗ lực của mình.

Vào tối ngày 10 tháng 2 năm 1921, các quan chức của Bộ Hoàng gia và Bộ Nội vụ đã đăng thông báo trên các tờ báo tại Tokyo rằng lễ đính hôn của Hoàng thái tử sẽ được tiến hành như dự kiến và Nakamura và phó vụ trưởng Ishihara Kenzo đã từ chức. Ngày 12 tháng 2, tờ *Yomiuri shinbun* đăng tải bài xã luận phê phán kịch liệt Yamagata vì đã tạo nên "một sự kiện nghiêm trọng trong triều đình." Mười ngày sau đó Yamagata đệ đơn từ chức *nguyên lão* và

tảisáchhay

chức chủ tịch Hội đồng Cơ mật và trả lại nhiều huân chương cũng như từ bỏ các tước vị của mình. Yamagata đã ghi lại trong cuốn nhật ký của ông rằng "Bộ Nội vụ và Cục cảnh vệ trung ương ngày nay dường như không thể kiểm soát được [sức mạnh của cánh hữu]"…. Tôi ước là có thể có được khoảng 50 người ủng hộ tích cực để quét sạch tất cả bọn chúng." Hara và triều đình từ chối chấp thuận việc từ chức của Yamagata, tuy nhiên Yamagata rõ ràng đã mất hết quyền lực. Matsukata và Saionji, những *nguyên lão* đã sát cánh bên Yamagata khi phản đối cuộc hôn nhân của Hoàng thái tử cũng bị giảm sút quyền lực đôi chút. Để làm dịu tình hình, các *nguyên lão* đề xuất đưa Makino giữ vai trò quản lý các công việc của triều đình.

Vào ngày 15 tháng 2 năm 1921, nội các của Hara đã yêu cầu Bộ Hoàng gia tuyên bố rằng Hoàng thái tử sẽ khởi hành chuyến công du phương Tây. Đảng cánh tả (do Sugiura và Toyama làm đại diện) đã chiến thắng trong vấn đề hôn nhân của Hirohito nhưng lại thất bại trong vấn đề liên quan đến chuyến công du phương Tây đã được đưa ra khi cuộc tranh cãi về vấn đề hôn nhân của Hoàng thái tử bắt đầu căng thẳng. Hara, các Hoàng thân và tất cả các *nguyên lão* đều ủng hộ chuyến công du này của Hoàng thái tử và coi chuyến công du này, một phần nào đó, như một cách để đối phó với tinh thần hăng hái đòi cải cách dân chủ sau chiến tranh; còn những người theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan thì phản đối điều đó và coi đó như là "một hành động hấp tấp ủng hộ cho tư tưởng ngoại lai".

"Sự kiện quan trọng tại triều đình" cho thấy các vấn đề dễ dàng liên quan đến Hoàng thất có thể gây ra sự bất đồng về chính trị vốn đã gay gắt. Tình tiết có vẻ rất nhỏ này trong lịch sử của Hoàng thất đã làm lộ diện người đầu tiên ủng hộ chính sách khủng bố của phe cánh hữu trong thập kỷ 1930. Về vấn đề hôn nhân của Hirohito, các lực lượng ủng hộ phe cánh hữu đã thành công trong việc làm nản ý chí của *những nguyên lão* và chủ tịch chính đảng mạnh nhất của Nhật Bản, điều này đã tạo nên một thực tế là các nhà lãnh đạo chính thống của chính quyền Minh Trị đã bị gọi là những kẻ phản bội đất nước.

Ở một mức độ khác, tình tiết này cho thấy sự cạnh tranh ngầm giữa một bên là chế độ dân chủ của Nhật Hoàng Đại Chính với một bên là Hoàng thất và các nhóm thuộc phe cánh hữu. Điều này cũng cho thấy toàn bộ đội ngũ chính khách dưới chính quyền thời hậu Nhật Hoàng Đại Chính. Đó là các lực lượng đối lập của đảng Seiyukai và của Nghị viện, nhóm đầu sỏ chính trị và giới chính trị trẻ tuổi, quân đội Satsuma và Choshu (hay còn gọi là các đạo quân chinh phạt), và các phe phái ủng hộ và phản đối Yamagata. Những người bênh vực khác là những người châu Âu và châu Á , những người ủng hộ xu hướng tiếp tục Âu hóa và sửa đổi quy định về nối ngôi; và những người ủng hộ tư tưởng truyền thống về quốc thể dựa trên những câu chuyện hoang đường được cho là có thật. Tất cả những điều này đã khiến cho họ từ vai trò *nguyên lão* phải lùi lại hậu trường và các Hội Quốc Liên chính trị mới bắt đầu hình thành.

Điều đáng chú ý nữa là dân chúng Nhật Bản không hay biết cuộc tranh cãi về việc kết hôn của Hoàng thái tử, trong khi đó, những người lãnh đạo thuộc phe cánh hữu – những người mà đối với họ, việc sử dụng các phương pháp găngxtơ là bản năng thứ hai – đã dễ dàng theo kịp các diễn biến tại đó và phát huy ảnh hưởng ngầm tại buổi thiết triều và cả ở các đảng phái chính trị bảo thủ. Ví dụ, Toyama là cái tên rất quen thuộc với nhiều quan chức triều

tảisáchhay

đình cả trước và rất lâu sau khi xảy ra tình tiết đó. Kita (người mà sau này đóng một vai trò nhỏ trong cuộc nổi dậy ngày 26 tháng 2) đã sử dụng tình tiết này để củng cố các mối quan hệ với các thành viên của Hoàng thất như Hoàng tử Chichibu, người mà Kita đã trình bản kế hoạch nổi tiếng của ông mang tựa đề *"Kế hoạch tái cơ cấu Nhật Bản*." Chương mở đầu của bản kế hoạch này có tựa đề *"Hoàng đế của Dân tộc"* đã kêu gọi quân đội đứng lên nắm quyền trong một cuộc đảo chính và tái cơ cấu nhà nước. Vị Hoàng đế này sẽ là người lên ngôi một cách chính thống và phải gần gũi hơn với dân chúng trong suốt thời gian trị vì đất nước. Năm 1922, Kita bắt đầu gây ảnh hưởng chính trị lên Togo và Ogasaware Naganari ngay khi họ mới bắt đầu sự nghiệp mới với vai trò là người vận động hành lang cho một lực lượng Hải quân hùng hậu. (Ogasawara, người mà đã chuyển sang Phật giáo Nichiren vào khoảng thời gian nổ ra cuộc chiến tranh giữa Nga và Nhật Bản, là một người bạn đặc biệt thân thiết của nhà thuyết giáo Nichiren có tên Tanaka Chigaku).

Sau khi đóng cửa trường học Ogakumonjo, Togo và Ogasawara – hai người đã từng là hiệu trưởng và thành viên của ban giám hiệu trường học – đã thắt chặt mối quan hệ hợp tác với nhau. Togo, khi đó bảy mươi lăm tuổi, chỉ có thể duy trì các hoạt động công cộng thông qua người phát ngôn của mình, Ogasawara. Vào năm 1921, Ogasawara nằm trong danh sách quân dự bị, cách hiệu quả nhất để Ogasawara duy trì mối quan hệ với những người có quyền lực là phải trở nên thân cận với Togo, một tổng tư lệnh Hải quân nằm trong danh sách chính thức và đã tham gia Hội nghị các Thống đốc và Tổng tư lệnh Hải quân, tại đây Togo đã chia sẻ các bí mật hàng đầu về Hải quân. Togo và Ogasawara – hai người có mối quan hệ chặt chẽ về quyền của người theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan rất được tôn sùng – đã sớm trở thành những người ủng hộ mạnh mẽ cho quá trình xây dựng một đội tàu ngầm và một lực lượng không quân, Hải quân. Sau khi ký Hiệp ước [Hạn chế] Hải quân giữa năm cường quốc tại Washington vào tháng 2 năm 1922, họ đã cùng các Đô đốc Kato Kanji và Suetsugu Nobumasa lập nên nòng cốt của một nhóm gây sức ép Hải quân thù địch với lệnh mới của quốc tế và phản đối việc tiếp tục cắt giảm vũ khí.

Makino Nobuaki cũng lên nắm quyền trong các hoạt động chính trị của Nhật Bản trong suốt năm 1921. Makino đã tham gia vào nội các do Saionji đứng đầu và tham dự Hội nghị hòa bình Paris được tổ chức vào năm 1919 với tư cách là nhà lãnh đạo không chính thức của phái đoàn Nhật Bản gồm năm thành viên. Ông trở về nhà và rất lo lắng về sự sụp đổ của chế độ quân chủ tư sản tại châu Âu và cũng lo lắng tìm cách ngăn chặn xu hướng dân chủ đã bắt đầu lan ra thế giới. Sau khi Bộ trưởng Bộ Hoàng gia Nakamura nhận trách nhiệm về cuộc tranh cãi liên quan đến vấn đề kết hôn của Hoàng thái tử và từ nhiệm, với sự ủng hộ của Matsukata, Saionji đã tiến cử Makino làm Bộ trưởng Bộ Hoàng gia mới. Ngày 19 tháng 2 năm 1921, Makino nhậm chức cùng với phó vụ trưởng Sekiya Teizaburo, một quan chức thuộc Bộ Nội vụ có kiến thức chuyên sâu về các vấn đề thuộc địa và cảnh sát.

Các mối quan hệ thân thiết ban đầu của Makino với những sĩ phu lãnh đạo tương lai của "chủ nghĩa phát xít thời đó" kiểu Nhật Bản như Kita Ikki và Okawa Masahiro và các mối quan hệ lâu dài của ông với người thuộc phe hữu ôn hòa Yasuoka Masahiro đã cho thấy ông là một nhân vật quá độ. tháng Ba năm 1925, Makino trở thành chưởng án – trợ lý chính trị quan trọng nhất của Hirohito – chức vụ này ông đã nắm giữ cho đến khi từ nhiệm vào năm 1935, ở tuổi 75.Trong phần lớn thời gian đó, ông liên lạc với Hirohito chủ yếu thông qua

tảisáchhay

thư ký của mình, nhưng thực tế ông chỉ được tiếp kiến Hirohiro khoảng một hoặc hai lần mỗi tháng. Mặc dù các quan chức của Anh và Mỹ đã xem Makino là người lãnh đạo bè phái ủng hộ Anglo – Mỹ trong triều đình và một trong "những người có quan điểm ôn hoà" và "những người theo chủ nghĩa tự do" nổi bật nhất nhưng toàn bộ sự nghiệp của ông đã cho thấy lời nhận xét dễ chịu đó là sai lầm.

Chinda Sutemi, một người theo đạo Cơ đốc được giáo dục tại Hoa Kỳ, cũng gia nhập giới quan chức tòa án tối cao vào cuối năm 1920. Ông đã từng làm đại sứ tại Áo, Đức, Hoa Kỳ và Anh trước khi cùng phái đoàn của Makino tham dự Hội nghị hòa bình Versailles. Việc ông được bổ nhiệm làm quan thị thần của Hoàng thái tử và Hoàng hậu Sakado là một phần trong quá trình cải tổ bộ máy của Bộ Hoàng gia, và chính sự cải tổ này đã quy tụ những nhà ngoại giao và nhà quân sự kỳ cựu có kiến thức chuyên sâu về các nước phương Tây.

Tháng 2 và tháng Ba năm 1921 đã đánh dấu một bước ngoặt trong cuộc đời Hirohito. Trong giai đoạn này, Hirohito chịu ảnh hưởng lớn từ các mối quan hệ cộng đồng được hình thành sớm nhất trong ông – một xã hội đặt triều đình ở vị trí trung tâm và mối quan hệ với các nhân vật từ Học Tập Viện – kết thúc là sự giải thể chính thức trường Ogakumonjo vào ngày 1 tháng Ba năm 1921. Lúc này, ông đã có sự chuẩn bị cơ bản về tinh thần và thể chất để bước vào cuộc sống. Một nhóm mới bao gồm các quan chức tại cung điện mới được bổ nhiệm vào các chức vụ cao hơn dự định xây dựng một triều đình độc lập và không chịu sự kiểm soát của chính phủ. Trong quá trình đó, họ muốn tổ chức lại cuộc sống của Hirohito và xây dựng chế độ dân chủ giống như một lực lượng chính trị độc lập giữa chính phủ và quốc gia. Hai ngày sau, Hirohito đã khởi hành chuyến đi đến châu Âu để tiếp tục sự nghiệp học tập của mình và bước vào giai đoạn của một người trưởng thành và nhằm gạt bỏ nhận thức bấy lâu của dân chúng về sự suy tàn của Hoàng thất.

IV

Hai tháng trước ngày sinh nhật lần thứ 20, Hoàng thái tử Hirohito đã tốt nghiệp trường Ogakumonjo, thời điểm cuộc xung đột chính trị trong nước diễn ra bên ngoài cung điện đã bước vào giai đoạn cao trào. Tại thời điểm đó, chính phủ tìm cách ngăn chặn mối đe dọa đối với nền quân chủ do chịu ảnh hưởng từ các tư tưởng mới thâm nhập vào Nhật Bản – đó là tư tưởng dân chủ nghị viện, chủ nghĩa quân phiệt, chủ nghĩa Mác, và chủ nghĩa cộng sản – kể từ khi Chiến tranh Thế giới thứ Nhất chấm dứt. Đối với Thủ tướng Hara, cách tốt nhất trong hoàn cảnh đó là thu xếp cho thái tử thực hiện chuyến đi "tìm hiểu" Tây Âu, xem đó là cơ hội để thái tử tiếp tục được hưởng nền giáo dục chính thức từ những người đủ trưởng thành như một người cha hoặc người ông của thái tử truyền đạt.

Lý do thực hiện chuyến ra nước ngoài của thái tử được cho là để bày tỏ sự kính trọng của thái tử đối với công tước vùng Connaught (người anh trai của vua George V), người đã đến thăm triều đình Nhật Bản hồi tháng 6 năm 1918, thời kỳ mà nội các Terauchi sắp giải tán. Nhưng đối với Hara và *các nguyên lão* – những người ủng hộ chính cho chuyến đi – thì lý do thật sự là nỗi lo ngại về chính trị và mọi việc cần phải thực hiện là khôi phục quyền hành đang dần mất đi của chế độ quân chủ. Lo sợ cho sự an toàn của Hirohito, Hoàng gia bắt đầu phản đối ý tưởng thực hiện chuyến đi này, các thành viên của Nghị viện như Otake Kanichi

tảisáchhay

thuộc Kokuminto và Oshikawa Masayoshi thuộc Kenseikai, và những người đứng đầu phe cánh hữu như Uchida Ryohei và Toyama Mitsuru cũng phản đối chuyến đi này. Những nhà yêu nước thuộc phe cánh hữu đã phản đối kịch liệt từ nhiều tuần trước khi Hirohito bắt đầu chuyến đi, lý do mà họ đưa ra là, trong khi Hoàng đế đang bị bệnh, chuyến đi của thái tử sẽ được xem là một hành vi bất hiếu và gây ảnh hưởng xấu đến *quốc thể.*

Nhóm cầm quyền bao gồm Saionji, Matsukata, Yamagata, và Hara cho rằng việc Hoàng thái tử thực hiện một "chuyến đi phương Tây" trước khi tổ chức hôn lễ là một vấn đề có "tầm quan trọng sâu sắc đối với quốc gia". Họ đã gửi tấu thư lên Nhật Hoàng Yoshihito vì ông bị bệnh và không thể diễn thuyết trước công chúng. Họ muốn Hirohito gặp gỡ nhiều người hơn, trở nên quen thuộc với việc tham gia vào các vấn đề chính sự và bắt đầu học cách quản lý các vấn đề triều chính.37 Năm 1920, tin đồn về quyền lực trực tiếp của Hoàng đế ngày càng trở nên rõ ràng, do vậy, họ lo lắng hơn bao giờ hết việc đưa Hoàng thái tử là người kế vị ngôi Hoàng đế. Người phản đối chính là mẹ của Hirohito, Hoàng hậu Sadako, người đã không muốn con trai cả của mình ra nước ngoài vì những mối nguy hiểm về sức khoẻ rình rập trong chuyến đi. Nhưng Hara và các *nguyên lão* lo lắng về điều mà họ biết rõ là Hoàng thái tử còn chưa được giáo dục đầy đủ. Vào cuối năm 1920, họ cuối cùng đã thuyết phục được Hoàng hậu cho phép thực hiện chuyến đi vì đó là "một vấn đề chính trị cần thiết". Chuyến đi đến cung điện Versailles phải được thực hiện vì theo như giải thích của *nguyên lão* Matsukata trong một bức thư gửi Hoàng hậu: "Có thể sẽ không có thời điểm nào như thời điểm này để tìm hiểu nguyên nhân của các phong trào quần chúng và sự bất ổn chính trị đang diễn ra ngay trước mắt chúng ta. Đây là một cơ hội lớn để Hoàng thái tử tự quan sát một cách trực tiếp sự tăng, giảm quyền lực của nhiều quốc gia."

Khi Hoàng hậu Sadako không còn phản đối, chính phủ và các quan chức triều đình tiếp tục tranh luận một cách thẳng thắn về các lý do sâu xa đằng sau chuyến đi này. Việc Hirohito sẽ sớm trở thành quan nhiếp chính ngày càng trở nên rõ ràng. Hirohito cần phải xem xét các điều kiện tại nước ngoài để có thể đối phó với những tư tưởng mới của người Nhật.

Các chế độ quân chủ lớn ở lục địa châu Âu đã sụp đổ và cuộc chiến tranh đã làm dấy lên các phong trào hòa bình, dân chủ, giải trừ quân bị và độc lập trên toàn thế giới. Sống trong một thế giới chống quân chủ, là quan nhiếp chính, Hirohito sẽ phải đối phó với các yêu cầu cải tổ xã hội đang dần tập trung các lực lượng ủng hộ tại Nhật Bản. Ông cũng sẽ phải đối phó với xu hướng mới tại Nhật Bản luôn phản đối chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa quân phiệt và nhà nước. Trên hết, Hirohito đại diện cho "thế hệ thứ ba" của triều đại Minh Trị, vì vậy, ông phải là người thành công nếu Hoàng thất muốn tiếp tục tồn tại và thịnh vượng.Do những áp lực bên trong và bên ngoài này, cùng với nỗi lo sợ về tương lai của Hoàng thất và tình trạng ngày càng bị cô lập của Hoàng thất, Hirohito cần phải thực hiện chuyến đi đến phương Tây.

Mặc dù thoạt đầu chỉ là trên một phạm vi nhỏ, nhưng chuyến đi đã trở thành một chuyến công du chính thức. Tại Nhật Bản, chuyến đi đánh dấu bước khởi đầu của một chiến dịch thiết lập mối quan hệ với công chúng, tập trung mọi sự chú ý vào Hoàng thái tử, gạt bỏ suy nghĩ bấy lâu của dân chúng về sự suy tàn của Hoàng thất và sự bất lực hoàn toàn về chính trị và sức khoẻ của Nhật Hoàng Đại Chính. Chiến dịch hoàn toàn chuyển sang việc xây dựng hình ảnh của Hirohito như là một quan nhiếp chính sáng suốt và vĩ đại của "chúng tôi",

tảisáchhay

người đại diện cho "Hoàng thất của Nhật Bản". Makino và những quan chức đứng đầu Bộ Hoàng gia đã nỗ lực chưa từng thấy để dạy cho Hirohito cách cư xử tại nước ngoài và để vận động đoàn phóng viên báo chí tháp tùng chuyến đi này.

Năm tháng trước ngày khởi hành chuyến đi châu Âu, ngày 28 tháng 10 năm 1920, Hara đã nói với Bộ trưởng Bộ Hoàng gia, ngài Nakamura:

Về các thói quen của Hoàng thái tử, chẳng hạn như thói quen thường xuyên đung đưa cơ thể, tôi muốn tất cả những người có mặt bên cạnh Hoàng thái tử uốn nắn cho Hoàng thái tử. Tôi cũng nhận thấy Hoàng thái tử không quen với cách bày biện bàn theo lối phương Tây. Tôi muốn có ai đó chỉ dẫn thật cẩn thận cho Hoàng thái tử về điều này. Vấn đề này đặc biệt quan trọng…

Nói tóm lại, để đảm bảo cho sự thành công của chuyến đi, chuyến đi đã được chuẩn bị chu đáo đến những chi tiết nhỏ nhất. Do bệnh tình hiểm nghèo của Nhật Hoàng Đại Chính, chuyến đi sẽ không được kéo dài. Hoàng thái tử sẽ chỉ có thời gian đến thăm năm nước châu Âu, bao gồm Anh, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Ý cùng với tòa thánh Va-ti-căng. Chính quyền Harding đã có lời mời Hoàng thái tử viếng thăm, nhưng chính quyền Hara đã quyết định bỏ qua Hoa Kỳ trong hành trình của Hoàng thái tử, chủ yếu theo kiến nghị của đại sứ Nhật Bản tại Washington, ngài Shidehara Kijuro. Trong một bức điện báo gửi Bộ Ngoại giao, ngài Shidehara bày tỏ nỗi lo ngại rằng Hoàng thái tử sẽ không thể hóa giải được «sự khác biệt trong cách thức xã giao của Nhật Bản và Hoa Kỳ» và «cách cư xử không mấy lịch thiệp của thường dân Hoa Kỳ», đặc biệt là các phóng viên nhà báo. Shidehara cũng lo lắng về tình trạng bất ổn trong mối quan hệ giữa Nhật Bản - Hoa Kỳ trước thời gian diễn ra hội nghị về cắt giảm vũ khí. Nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong chuyến công du thì điều đó sẽ có ảnh hưởng rất xấu đến dư luận ở cả hai nước. Vì vậy, Hirohito bị ngăn cản thực hiện chuyến viếng thăm Hoa Kỳ.

Ngày 3 tháng Ba năm 1921, Hoàng thái tử Hirohito và đoàn tùy tùng gồm hai mươi tư thành viên do Thái tử Kan'in, Bá tước Chida Sutemi và Trung tướng Nara Takeji dẫn đầu, được sự tháp tùng của Thủ tướng Hara đã đến nhà ga Tokyo để đi tàu hỏa đến cảng Yokohama. Tại đó, họ đã bơi thuyền đến một chiếc tàu chiến mới được sửa chữa *Katori.* Sau khi chào tạm biệt, Hara quay trở lại và hòa cùng hơn năm mươi nghìn người đứng chúc mừng trên bờ, tàu chiến *Katori* đã rời cảng cùng một nhóm tàu tuần tiễu tháp tùng .

Thực hiện chuyến đi châu Âu và lần đầu tiên được trải nghiệm thế giới bên ngoài Nhật Bản, Hirohito rất phấn chấn. Trong suốt sáu tháng tiếp theo của chuyến đi, Hirohito phải theo một lịch học tập và sinh hoạt hàng ngày và không bao giờ được lơ là. Hirohito đã gây được ấn tượng rất mạnh tại Pháp và đặc biệt là tại Anh, một đất nước mà ngay từ đầu đã được ông lên kế hoạch đến thăm chính. Chuyến đi phương Tây là nỗ lực lớn đầu tiên mà nhóm người cầm quyền Nhật Bản dưới triều Nhật Hoàng Đại Chính thực hiện để tô vẽ cho hình ảnh của Hirohito, và những người bảo vệ Hirohito thường viện đó là một thế lực ủng hộ cho cam kết của ông về «chế độ quân chủ lập hiến».

Chuyến ra nước ngoài của Hirohito trên tàu chiến *Katori* đã đưa ông đi xuyên qua các vùng lãnh thổ châu Á và châu Âu thuộc Đế chế Anh, bắt đầu từ Hồng Kông, do lo sợ về những kẻ

tảisáchhay

ám sát Hàn Quốc, Hirohito chỉ lên bờ trong một thời gian rất ngắn. Được tháp tùng bởi toàn quyền Anh quốc và được sự hộ tống của toàn bộ lực lượng cảnh sát Anh quốc trên hòn đảo, đoàn tùy tùng đã dành khoảng bốn mươi phút đi dạo khắp thành phố, sau đó họ dùng bữa trưa trên một tàu chiến của nước Anh. Sau đó, Hirohito đã đến quốc đảo Singapore, được biết đến như một trung tâm thương mại năng động của vùng Đông Nam Á thuộc địa. Trong ba ngày dừng chân tại Singapore (từ 18 đến 21 tháng 3), Hirohito đã dự các buổi tiệc chiêu đãi dành cho khách mời danh dự, đi thăm một đồn điền cao sumột bảo tàng do người Nhật quản lý, và dạo quanh quốc đảo.

Ngày 22 tháng 3, tàu chiến *Katori* khởi hành đến Ceylon (nay là Sri Lanka), hòn đảo lớn thứ hai tại Ấn Độ Dương và là một thuộc địa của Anh, nơi chuyên cung cấp cao su, chè cho các nền kinh tế công nghiệp hóa của phương Tây. Tàu chiến đã đến thủ đô Colombo sáu ngày sau đó. Chẳng có người Nhật hay người Hàn Quốc nào sống trên hòn đảo biệt lập này, thoạt tiên, phái đoàn của Hoàng gia không cảm thấy có bất kỳ mối nguy hiểm nào. Sau năm ngày ở Columbo, ngày 1 tháng 4, tàu chiến *Katori* đã rời đến vùng nước nóng của biển Đỏ trên đường đến kênh đào Suez, nổi tiếng là «đường giao thông huyết mạch» của Đế quốc Anh. Họ đã đến kênh đào Suez vào ngày 15 tháng 4 và một ngày sau đó, họ bắt đầu cuộc hành trình dài một trăm dặm xuyên qua luồng nước có độ sâu bằng mực nước biển, xung quanh là cát sa mạc khô cằn trải dài trên mỗi bờ kênh.

Sau khi cập cảng Said, một cảng dẫn vào kênh đào Suez, ngày 17 tháng 4, họ đến Cairo, thủ đô của Ai Cập cổ đại, đó là năm cuối cùng còn chịu ách đô hộ của Anh. Ngày tiếp theo tại Cairo, Tử tước Allenby – cao ủy của Anh, đại diện cho nước chủ nhà đã thu xếp cho Hirohito đi thăm các kim tự tháp và tượng nhân sư và đến thăm Phó vương Fuad, người không lâu sau đó trở thành vị vua đầu tiên của quốc gia độc lập Ai Cập. Rời Cairo ngày 20 tháng 4, phái đoàn của Hoàng gia đã giong buồm đến biển Địa Trung Hải, hướng về phía thuộc địa của Anh tại Malta, một tiền đồn quân sự bảo vệ tuyến đường dẫn đến kênh đào Suez. Trên đảo quốc Malta, nơi tàu chiến *Katori* thả neo ngày 25 tháng 4, họ đã được các cư dân của Anh chào đón và dẫn đến các ngôi mộ của những lính thủy Nhật Bản bị giết trong Chiến tranh Thế giới thứ Nhất. Họ sẽ được tiếp đón ngoại giao vào ngày 30 tháng 4 tại thuộc địa của Anh tại Gibraltar, nơi mà họ sẽ dừng chân ba ngày trước khi bắt đầu chặng đường cuối cùng của chuyến đi biển dài ngày.

Hirohito vừa mới bước sang tuổi hai mươi tại thời điểm mà tàu chiến *Katori* đến thành phố Portsmouth, Anh quốc, vào ngày 7 tháng 5, và các thủy thủ đứng trang nghiêm trên hàng dãy tàu chiến treo quốc kỳ Anh chào đón Hirohito. Hành trình tiếp theo của Hirohito là trạm dừng chân hai mươi bốn ngày tại Anh, hai mươi sáu ngày tại Pháp, năm ngày tại Bỉ, năm ngày tại Hà Lan và tám ngày tại Ý. Ngoại trừ tại Ý, nơi mà người dân không mấy quan tâm đến vị vua này và chuyến viếng thăm ngắn ngủi trong trạm dừng chân của ông tại cung điện Hoàng gia, các nước dân chủ còn lại đều đón tiếp ông theo nghi thức: ba đêm tại cung điện Hoàng gia dành cho khách mời danh dự, sau đó ông nghỉ lại tại các khách sạn hoặc dinh thự dành cho chính khách.

Tại Anh, các quan chức quân sự cấp cao và các nhà ngoại giao nước này đã thành lập một ban đón tiếp do Hoàng tử xứ Wales đứng đầu. Các thành viên của ủy ban đặc biệt này và các

tảisáchhay

Hoàng thân khác luôn luôn tháp tùng Hirohito trong các cuộc viếng thăm và các nghi lễ chính thức. Trong chuyến viếng thăm Anh lần này, Hirohito đã có trạm dừng chân ba ngày tại Cung điện Buckingham, diễn thuyết tại trường đại học Guildhall, Luân Đôn và nhà của Thị trưởng Luân Đôn, đến thăm rất nhiều căn cứ quân sự của Anh (nơi mà Hirohito đã một vài lần được mặc quân phục của đại tướng Anh), đến thăm hai Viện quốc hội Anh, Bảo tàng của Anh, nhà của thủ tướng Anh tại Chequers, các thị trấn Windsor và Oxford, các trường đại học Oxford, Cambridge và Edinburgh, dừng chân ba ngày tại tòa lâu đài của công tước Atholl tại Scotland, và một chuyến đi thăm thành phố Manchester và vùng công nghiệp tại trung du của nước Anh.

Chặng đường đến Pháp trong chuyến viếng thăm của ông (bắt đầu từ ngày 31 tháng 5 và được chia làm hai giai đoạn gồm 10 ngày và 16 ngày) đã đem lại cho ông cảm giác tự do hơn so với thời gian dừng chân tại quốc gia theo chế độ quân chủ Anh. Trong ngày đầu tiên tại Paris, ông đã đến thăm các cửa hàng và Tháp Eiffel, tại đây ông đã ra lệnh cho Đại úy Yamamoto mua các đồ lưu niệm bằng Tháp Eiffel để làm quà cho vị hôn thê của ông, Công chúa Nagako, và cho những người em trai của ông. Sau đó, ông dạo thăm bảo tàng Louvre và đến thăm tòa nhà quốc hội Pháp, trường đại học Sorbonne, điện Invalides. Ông cũng dành nhiều thời gian nghỉ tại cộng hòa Pháp để dạo thăm các chiến trường, các trường đào tạo quân sự, và quan sát các cuộc thao diễn quân sự của Pháp cùng với sự có mặt của các Thống chế Forch và Joffre, và Thống tướng Pe'tain. Trong chuyến viếng thăm Bỉ (từ ngày 10 đến ngày 15 tháng 6), ông đã đến thăm nhiều đài tưởng niệm anh hùng và các chiến trường trên danh nghĩa là vị khách mời của Vua Albert I. Tại Hà Lan (từ ngày 15 đến 20 tháng 6), ông đã đi thăm thủ đô Amsterdam, trường đại học Hague, và thành phố Rotterdam, tham dự nhiều nghi lễ chính thức và các buổi tiệc mời, bao gồm buổi tiệc mời của Hoàng hậu Wilhelmina, người mà sau đó đã viết cho cha của bà một bức thư kể về chuyến viếng thăm của Hirohito. Trên đường từ Hague đến Paris, ngày 20 tháng 6, chiếc tàu hỏa chở ông dừng lại tại miền đông của Bỉ và ông đã có thể đến thăm thành phố Liege và một chiến trường khác trong Chiến tranh Thế giới thứ Nhất. Hành trình đến Pháp tiếp theo của ông là đến thăm các thành phố tại miền đông và đông nam Pháp, và ngày 8 tháng 7, ông tiếp tục lên tàu chiến *Katori* cập cảng tại Toulon để đến nước Ý.

Hirohito đã đến Ý - một đất nước có nhiều giới quý tộc nhưng là một chế độ quân chủ không an toàn - ngày 10 tháng 7 năm 1921, khoảng mười lăm tháng trước khi Mussolini và phát xít lên nắm quyền. Ông đã dành tám ngày đến thăm các thành phố Naples, Rome, và Pompeii, cùng với sự hướng dẫn thường xuyên của Vua Victor Emmanuel III, người mà không lâu sau đó trở nên rất ngưỡng mộ Mussolini. Ngày 15 và 16 tháng 7, khi dừng chân tại cung điện của Victor Emmanuel, Hirohito đã tháo các quân công bội tinh và huân, huy chương của mình và đã hai lần đến thăm tòa thánh Vatican, tại đây ông đã có buổi chào xã giao Benedict XV, vị giáo Hoàng đã bất thành trong nỗ lực hòa bình tại Chiến tranh Thế giới thứ Nhất và sau đó đã bảo vệ Hoàng đế của nước này trước nguy cơ bị xét xử tội phạm chiến tranh. Chặng đường tiếp theo trong trạm dừng chân tại Ý, Hirohito đã tham dự các nghi lễ thông thường của nước này, đến thăm các đài tưởng niệm anh hùng yêu nước, và theo dõi một giải thi đấu thể thao được tổ chức dưới sự bảo trợ của quân đội Ý, và chính trong thời gian này, ông đã bị ảnh hưởng bởi phong trào phát xít do Mussolini khởi xướng.

tảisáchhay

Trong hành trình trở về Nhật Bản, bắt đầu vào ngày 18 tháng 7, Hirohito dành chút ít thời gian thưởng ngoạn cảnh đẹp khi tàu chiến *Katori* trên đường trở lại kênh đào Suez và Ấn Độ Dương để đến Singapore. Chỉ khi tàu của ông bỏ neo để tiếp than tại vịnh Cam Ranh ở khu vực Đông Dương dưới ách đô hộ của thực dân Pháp, ông lên bờ và đi dạo tại các khu rừng nhiệt đới và sau đó lái xe ô tô dọc theo Quốc lộ 1 mới được xây dựng, đó là quốc lộ chạy song song với tuyến đường sắt nối Hà Nội và Sài Gòn. Ngày 25 tháng 8, tàu chiến *Katori* đã rời vịnh Cam Ranh để đến Tateyama, quận Chiba, và đến nơi vào ngày 2 tháng 9. Ngày hôm sau, tàu chiến *Katori* cập cảng Yokohama, đích thân Thủ tướng Hara đã xuống một chiếc thuyền để chào mừng Hoàng tử trên tàu Katori, trong khi nội các của ông và các thành viên của Hoàng gia đứng chờ trên bờ. Mặc dù Hirohito còn phải báo cáo về chuyến đi cho phụ mẫu và hương linh ông bà, tổ tiên, nhưng ông đã hoàn tất một cách thắng lợi chiến dịch đầu tiên của chính phủ về việc xây dựng hình ảnh trước công chúng nhằm gạt bỏ suy nghĩ bấy lâu của họ về sự suy tàn của Hoàng thất Nhật Bản.

Báo chí Nhật Bản đăng tải về chuyến đi phương Tây này có tầm ảnh hưởng rất lớn và gây được sự chú ý của người dân. Khi Hirohito bắt đầu rời Nhật Bản, tờ nhật báo *Tokyo Asahi* đã viết: "Lá cờ quốc gia hình mặt trời mọc mà Hoàng thái tử mang theo phấp phới bay hướng về phương Tây, đánh dấu ngày 3 tháng Ba vinh quang trong lịch sử của Nhật Bản." Tờ nhật báo *Asahi* và các tờ nhật báo lớn khác đã đưa tin một cách giật gân về chuyến đi châu Âu đầy thắng lợi của "Hoàng thái tử Nhật Bản", trong khi đó, Bộ Nội vụ nới lỏng việc hạn chế in các bức ảnh của Hoàng gia. Ngày 4 tháng 6, các tờ báo này cho đăng hình ảnh Hoàng thái tử đang nở nụ cười trong bộ quân phục. Ngày 24 tháng 6, các tờ báo này đăng hình Hirohito trong chiếc áo choàng cao cổ, tay cầm một chiếc gậy chống. Trước đây, báo chí chỉ được phép chụp hình ông trong một đoàn hộ tống trên đường thực hiện một chuyến thăm chính thức. Tuy nhiên, khi còn ở châu Âu, ông đã được chụp hình trong khi dạo trên phố trong trang phục lịch lãm đời thường. Khi Hirohito đến thăm công tước Atholl tại Scotland, nơi ông có ấn tượng sâu sắc về sự tiếp đón thân mật, nồng hậu của gia đình công tước, báo chí Nhật Bản đã được phép thông báo về tuyên bố chính thức của ông: "Gia đình công tước sống rất đạm bạc và thương yêu dân chúng sâu sắc. Nếu chúng ta có đời sống chính trị như vậy thì không cần phải lo lắng về sự nổi dậy của những kẻ cực đoan." Báo chí cũng cho công bố về nhận xét của ông, ngày 9 tháng 7, về chuyến dạo thăm chiến trường tại thị trấn Verdun, rằng những ai còn ca ngợi chiến tranh thì cần phải "chứng kiến 'cảnh tượng' này."

Một thời gian rất lâu sau khi Hirohito quay trở về Nhật Bản, báo chí tiếp tục đăng tải hình ảnh của ông trong trang phục quân phục và hình ảnh đó xuất hiện thường xuyên hơn so với trang phục lịch lãm đời thường, và đăng tải những lời bình luận của các phóng viên nhà báo Nhật Bản, những người đã tháp tùng ông đến châu Âu. Năm 1922, Nagura Bunichi, tác giả của tờ báo Asahi tiết lộ về việc Hirohito rất kiệm lời trong chuyến đi đó, ông không bao giờ hút thuốc và chỉ uống loại nước có ga (không giống như phụ thân của ông, người bị nghiện rượu nặng và thường xuyên uống rượu). Không mô tả sâu về tính trầm tĩnh và điềm tĩnh của Hirohito, nhưng Nagura thể hiện sự tức giận của mình trước sự thất bại của người Anh đã không thể vượt qua những mẫu rập khuôn đã lỗi thời của người Nhật:

tảisáchhay

Điều thú vị là ở chỗ một tờ báo như tờ *The Times* lại đưa tin và cho đăng tải một bài báo chào mừng Hoàng thái tử. Tất nhiên, Đại sứ quán Nhật Bản đã rót tiền để quảng bá [chuyến đi đó], và vì vậy, tờ báo *The Times* đã cho đăng tải một vấn đề rất đặc biệt của Nhật Bản trong ngày cuối cùng. Nói chung, các bài báo đó còn bộc lộ một số lỗi mà thậm chí cho đến nay họ vẫn nghĩ rằng tất cả người Nhật đều đội mũ lông chim và mặc kimono… Tệ nhất là một bài báo được đăng trong tờ *The Herald*, cơ quan ngôn luận của Đảng Lao Động, đã đăng tin lại từ tờ *Church Times*. Tôi cho rằng vì đó là Đảng Lao Động nên họ phải tỏ thái độ căm ghét chế độ quân phiệt Nhật. Bài báo đó viết rằng, Hoàng đế Nhật Bản đau yếu và Hoàng thái tử, người mà quá bận rộn với các công việc chính sự, cuối cùng đã không thể ra nước ngoài. Bởi vậy, vị Hoàng thái tử thực hiện chuyến viếng thăm đó là một người đóng giả Hoàng thái tử thật, và để che giấu sự thật, những người có thẩm quyền đã tịch thu tất cả các bức ảnh của Hoàng thái tử được trưng bày tại các cửa hàng trong thành phố. Khi đó, họ đã đi quá xa để nói những việc như thế, chúng tôi không còn cười được nữa…Ngày 12 tháng 5, [ông ấy] đến thăm Hạ viện của nước Anh…nhưng phải ngồi trong phòng dành cho các hạ nghị sĩ. Tại thời điểm đó, bà Lady Astor đã bày tỏ sự quan tâm về việc cải tổ Hạ viện…Đến thăm Thượng nghị viện, Hirohito đã được chứng kiến cách thức mà Thượng nghị viện thông qua một đạo luật của Hạ viện. Tại đây, Hirohito đã được ngồi cạnh chủ tịch Thượng nghị viện. Chẳng có ai nói lời chúc mừng Hirohito, và cũng chẳng có ai đứng lên chào hỏi ông. Tôi băn khuăn không biết Hạ viện và Nghị viện Nhật Bản sẽ làm gì khi Hoàng thái tử của nước Anh đến Nhật Bản.

Mitearai Tatsuo, một phóng viên của tờ báo *Hochi*, người ghi chép về chuyến công du đã cho biết rằng chuyến công du phản ánh rất rõ chế độ quân chủ của Nhật Hoàng Đại Chính. Người này đã bắt đầu soi xét về mối quan hệ thân thiết giữa Hoàng đế Nhật Bản và một dân tộc có mối quan hệ thực tế rất gượng gạo và cứng nhắc được phát triển kể từ sau khi Nhật Hoàng Minh Trị băng hà. Ông cho rằng: "Hoàng thất chắc hẳn cũng cảm nhận được như vậy. Nhìn từ lối sống của Hoàng tử Higashikumi, người đang theo học tại Paris, và Hoàng tử Kita Shirakawa, người đang theo học tại Hy Lạp, cách nghĩ của Bộ Hoàng gia rõ ràng là quá cứng nhắc."

Đối với Mitearai, chuyến công du này đã đánh dấu một bước ngoặt vô hình đối với Hoàng thất.

Thành tích lớn nhất mà Hoàng thất đạt được là đã tháo bỏ tấm mạng che giữa Hoàng thái tử và người dân Anh và đã gạt bỏ lối suy nghĩ cứng nhắc của những quan chức Bộ Hoàng gia. Bất cứ nơi nào mà Hoàng thái tử đi đến, Hoàng thái tử đều nhận được sự kích thích thay đổi, đặc biệt là những lời chúc mừng của cả những người có địa vị cao và thấp tại nước Anh, và hơn tất cả, tôi cho rằng Hoàng thái tử đã được chứng kiến mối quan hệ xã hội phức tạp của Hoàng thái tử nước Anh [công tước tương lai của vùng Windsor] và công tước York [người sau này là Vua George VI].

Chuyến công du phương Tây của Hirohito đã giúp quảng bá hình ảnh mới về một vị Hoàng thái tử trẻ, đầy nhiệt huyết của thời đại, rất quan tâm đến cách quản lý thuộc địa kiểu Anh, và sẵn sàng đón nhận sự thay đổi. Đối với những người chứng kiến những gì đang diễn ra tại Nhật Bản như việc kêu gọi cải cách, thì thông điệp đó trở nên rất rõ ràng: Một vị Hoàng

tảisáchhay

đế tương lai đầy nhiệt huyết đã gặp gỡ nhiều nhà lãnh đạo châu Âu và chìm ngập trong những công việc đại sự. Một ngày nào đó, vị Hoàng đế tương lai này sẽ thực hiện tâm nguyện đưa đất nước ngày càng tiến bộ. Chuyến công du này càng cho thấy rõ sự cần thiết phải tiến hành cải tổ chính trị đối với nền dân chủ.

Thủ tướng Hara bày tỏ sự vui mừng trước những bài viết ca ngợi của báo giới dành cho Hirohito tại châu Âu, ông đã ghi trong cuốn nhật ký của mình ngày 6 tháng 7 năm 1921 rằng: "Chuyến công du này thật sự là một sự thành công lớn. Không có điều gì có ích hơn đối với quốc gia và Hoàng thất." Khi Hirohito trở về Nhật Bản, Hara đã rất nóng lòng muốn nghe đoàn tùy tùng báo cáo mọi việc về sự tiến bộ của Hoàng thái tử. Thầy giáo người Pháp dạy dỗ cho Hirohito, đại uý Hải quân Yamamoto Shinjiro, lập tức báo cáo cho Hara về tất cả những tiến bộ mà Hoàng thái tử đã đạt được trong chuyến công du châu Âu:

Như Ngài đã biết, Hoàng thái tử còn rất lạ lẫm về nhiều quốc gia và về mối quan hệ xã hội với mọi người. Bởi vậy, chúng tôi hướng dẫn Hoàng thái tử về cách sắp xếp bàn cũng như mọi động tác và hành động của Hoàng thái tử. Về các nguyên tắc chung, Hoàng tử Kan'in đã ba lần đề cập các nguyên tắc này với Hoàng thái tử, trong khi đó người hầu chính đã thông báo về các vấn đề khác cho Hoàng thái tử. Những người theo hầu trẻ tuổi rất thích các ngài Saionji [Hachiro] và Sawada [Renzo] và đã nói chuyện với họ một cách rất thoải mái.

Khi Hara biết được rằng Hoàng thái tử đã mời hai Hoàng thân khác đến cung điện và đã bảo họ mặc thường phục thay vì mặc triều phục, Hara đã bày tỏ sự vui mừng:

Có nhiều kẻ ganh ghét nói rằng tại nước Anh, mối quan hệ giữa Hoàng gia và người dân là như thế này, như thế khác. Tôi nghĩ rằng mối quan hệ này chẳng phải là vấn đề về lý trí mà hoàn toàn xuất phát từ tình cảm. Mặc dù mối quan hệ giữa Hoàng thất của chúng ta và người dân không thể đem ra so sánh như ở Anh, nhưng thật là sai lầm khi đặt hy vọng vào sự thân mật giữa Hoàng thất và người dân mà chỉ dựa trên lý trí. Chắc chắn là chúng ta phải dựa vào tình cảm. Từ quan điểm này, mỗi chúng ta phải hoan nghênh sự thành công của chuyến công du phương Tây mới đây đã tạo ra hòa hợp giữa những người có địa vị cao và những kẻ có địa vị hèn kém.

Nhưng luồng ý kiến tại Nhật Bản lại không hoàn toàn ủng hộ chuyến công du này, và khi các bài báo và một đoạn phim thời sự cho đăng tải hình ảnh Hoàng thái tử đang đáp lại lời chào mừng của các đám đông đã làm nhen lại sự chống đối của những kẻ theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Hơn nữa, bất chấp ý kiến của Hara, các nhóm cầm quyền không cảm thấy hài lòng với những gì mà Hirohito đã thực hiện tại châu Âu, hoặc họ có những những thái độ mới mà Hara cảm nhận được. Chinda đã không thể hiện sự hăng hái về việc đưa Hoàng thái tử ra nước ngoài, nhưng vì sự thúc giục của Hara, ông đã phải tháp tùng Hoàng thái tử đến châu Âu để trông nom Hoàng thái tử. Ngày 6 tháng 9 năm 1921, bốn ngày sau khi Hirohito trở về Nhật Bản, Chinda đã mô tả cho Makino về cách cư xử của Hoàng thái tử trong chuyến công du châu Âu: «Dường như Hoàng thái tử còn có những khiếm khuyết trong tính cách, đó là sự thiếu bình tĩnh và tính hiếu kỳ."

«Sự thiếu bình tĩnh» và «hay lo lắng» là những khuyết điểm mà nhiều người nhận xét về vị Hoàng tử trẻ tuổi trong giai đoạn này, Hoàng hậu Sadako cũng đã nhận xét như vậy. Trong

tảisáchhay

một buổi tiếp kiến Hoàng hậu ngày 22 tháng 9 năm 1922, Hoàng hậu đã đưa ra lời nhận xét trước Makino rằng con trai của bà không thể tham dự «lễ hội ẩm thực hàng năm» (*kannamesai*) vì «Hoàng thái tử không thể ngồi theo nghi thức quỳ đầu gối». Điều tệ hơn là Hoàng thái tử đã không còn học các lễ nghi tôn giáo và trong thời gian gần đây, Hoàng thái tử đã «rất say mê tập luyện thể chất. Ta muốn Hoàng thái tử phải bình tĩnh và luyện tập trí óc hơn là dành quá nhiều thời gian vào việc luyện tập [thể dục]. Việc Hoàng thái tử dành quá nhiều thời gian luyện tập thể dục có thể gây hại hơn là giúp giảm bớt lo lắng, đây là điểm yếu của Hoàng thái tử».

Nhưng lý do mà Chinda nói rằng Hoàng thái tử thiếu «tính hiếu kỳ» thì còn chưa rõ ràng. Căn cứ vào kết quả học tập của Hoàng thái tử, nhiều người biết về Hoàng thái tử đều có nhận xét rằng Hoàng thái tử là người có trí nhớ tốt và căn cứ vào những lời nhận xét về việc Hoàng thái tử rất say mê nghiên cứu sinh học thì dường như người ta lại thấy điều ngược lại. Việc Chida nhận xét Hoàng thái tử là người không quá sáng dạ chỉ cho thấy sự phức tạp vốn có trong mối quan hệ thầy trò giữa một nhà ngoại giao sáu mươi lăm tuổi rất tận tâm dạy dỗ và một Hoàng thái tử hai mươi tuổi rất sung sướng được hưởng sự tự do ban đầu của cuộc sống. Hoặc đó chỉ có thể là ý kiến chân thật của một vị quan chức cấp cao.

Tuy nhiên, điều này cho thấy rằng những người thân cận nhất với Hirohito, một Hoàng thái tử trẻ tuổi, vẫn chưa yên tâm về khả năng thực hiện những trọng trách to lớn sẽ được đặt lên vai Hoàng thái tử. Họ phải thừa nhận rằng sự thông minh của Hoàng thái tử chỉ ở mức bình thường với trí nhớ đặc biệt tốt, mặc dù vậy họ cũng chưa bao giờ khen ngợi về trí tưởng tượng phong phú hoặc những ý nghĩ độc đáo của Hoàng thái tử. Họ chủ yếu quan tâm đến sức khỏe của Hoàng thái tử, và bởi vì Hoàng thái tử thể hiện sự bất ổn về bản thân ("lo lắng") và sự vụng về trong cách cư xử nên họ thấy lo lắng cho một vị Hoàng đế tương lai, nhưng vẫn tin rằng những khuyết điểm đó có thể được sửa chữa theo thời gian và với sự trợ giúp của đoàn tùy tùng.

V

Tại nước Anh, nhiệm vụ chính của Hoàng thái tử là phải học hỏi Vua George V, một vị vua tài giỏi đã vượt qua thời kỳ cải tổ chính trị mà nước Anh và các nước khác trên thế giới tiến hành kể từ sau Chiến tranh Thế giới thứ Nhất và kéo theo đó là sự sụp đổ của các chế độ quân chủ khắp châu Âu. "Kể từ khi bắt đầu trị vì đất nước [năm 1910].... George đã phải tìm cách đặt lợi ích của nền quân chủ ngang bằng với nhu cầu và ước muốn của những người dân bình thường, nhiều lần đến thăm các trung tâm công nghiệp, tham dự các trận bóng đá, đến tận những quận nghèo ở Luân Đôn để tìm hiểu, và đến tận nhà thăm hỏi những người công nhân và những người thợ mỏ." Sau đó, ông hỗ tham gia thăm dò xu hướng ủng hộ chủ nghĩa hòa bình tại nước Anh và tìm cách nâng cao tinh thần và nhuệ khí của các lực lượng vũ trang của người Anh. Theo người viết tiểu sử chính thức của vua George, ông Harold Nicolson, George đã nhiều lần đến thăm Hạm đội Grand và nhiều căn cứ Hải quân của Anh, duyệt đội ngũ các binh chủng tại Pháp, đến thăm ba trăm bệnh viện, trao hàng chục nghìn huân, huy chương, và nhiều lần đến thăm các khu công nghiệp. George đặc biệt thích đến thăm các khu vực bị chiến tranh tàn phá "và nói chuyện với những chiến sĩ bị thương trong

tảisáchhay

các phòng bệnh. Các vị vua trước đây chưa từng có mối quan hệ cá nhân gần gũi với nhiều đối tượng như vậy."

Ngoài những nỗ lực cho cuộc chiến tranh của Anh, George V cũng đã chú trọng hơn nữa lợi ích quốc gia và củng cố nền dân chủ của Anh thông qua các cuộc bàn thảo với các Hoàng gia khác. Ông đã từ chối việc tìm một nơi an toàn tại nước Anh để giấu người anh em họ bị kết tội, Czar Nicholar II, trong suốt cuộc cách mạng Bolshevik; nhưng vào năm 1919, khi chiến tranh qua đi, ông đã làm cản trở nỗ lực của Lloyd George trong việc đưa người anh em họ Hoàng đế Wilhelm II ra xét xử tội phạm chiến tranh tại Luân Đôn. Khi có được một cơ hội tiếp đón Hoàng thất Nhật Bản, George đã quyết định thông qua cuộc viếng thăm của Hirohito để tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa Anh và Nhật Bản.

Khi đó, George V đã gần bước sang tuổi năm mươi sáu, và ngày 9 tháng 5, ông đã trực tiếp đến nhà ga Victoria để chào đón vị Hoàng thái tử hai mươi tuổi. Ông đã cố gắng tiếp đãi vị Hoàng thái tử như là một vị vua của một cường quốc, và ngày 29 tháng 5, thời điểm mà Hirohito sắp kết thúc chuyến thăm tại Anh, George đã cùng Hoàng hậu Mary và các quan chức cao cấp nhất đến nhà ga Victoria để chào từ biệt Hoàng thái tử. Kế hoạch tiếp đón của vua George là cùng Hirohito du ngoạn trên một chiếc xe mui trần đến Cung điện Buckingham, trong khi đó, các đoàn người đứng reo hò, cổ vũ dọc trên đường đi, điều này đã gây ấn tượng và để lại trong lòng Hoàng thái tử về sự thân thiện của người Anh. Quả thật, tất cả những trải nghiệm của Hirohito tại nước Anh, bao gồm việc được trao các bằng cấp và huy chương đã làm tôn thêm lòng tự hào dân tộc của Hoàng thái tử.

Toàn cảnh chuyến thăm nước Anh của Hirohito cũng gây ấn tượng đối với vị thư ký thứ nhất của Đại sứ quán Nhật Bản tại Luân Đôn, Yoshida Shigeru, được thể hiện trong bức thư mà Yoshida Shigeru gửi cho bố vợ Makino:

Chuyến viếng thăm của Hoàng thái tử đã được nhiệt liệt chào đón tại quốc gia này. Chẳng cần phải nói, chẳng thể mong muốn một cuộc tiếp đón nào thân mật hơn cuộc tiếp đón của Hoàng gia [Anh]. Con rất vui mừng khi thấy Hoàng thái tử được cả những người có địa vị cao và thấp ngưỡng mộ. Con nghĩ rằng Hoàng thái tử của chúng ta đã nhận được sự yêu mến của tất cả mọi người bởi vì Hoàng thái tử thể hiện là một người giản dị, cởi mở và thẳng thắn. Mặc dù các đức tính đó là bẩm sinh, nhưng Hoàng thái tử quả thực là rất khôn khéo và sáng suốt.

Yoshida có thể đã có một vài cơ hội gặp gỡ và quan sát Hoàng thái tử trước khi viết thư cho Makino. Tuy nhiên, có thể thấy rõ sự xúc động sâu sắc của Yoshida khi dõi mắt theo Hirohito và quan sát hình ảnh của một người có nhiều đức tính "bẩm sinh" trong Hoàng thất gắn với một chính thể quốc gia. Dù những điều Yoshida quan sát là hình ảnh về vị Hoàng thái tử đã được ông lý tưởng hóa, hình ảnh xuất hiện trước mắt ông giống như hình ảnh mà nhiều nhóm người Nhật Bản đã trông thấy. Chính sự say mê và lý tưởng hóa của nhiều người giống như Yoshida đã giúp họ tin rằng Hoàng thái tử là biểu tượng của một đất nước Nhật Bản trong tương lai tốt đẹp hơn hiện tại và do đó, người ta buộc phải cho rằng hình ảnh đó là một trong những lý do đem lại sự thành công của chuyến công du phương Tây.

tảisáchhay

Về cuối đời, Hirohito đã phải thốt lên rằng, chính chuyến công du châu Âu đã khiến ông nhận ra rằng ông đã sống như "một con chim bị nhốt trong lồng" và ông cần phải mở lòng với thế giới thật sự. Ông cũng tâm sự rằng chính vua George V đã dạy cho ông cách mà vị vua này đã khuyên răn, động viên, và trong một số trường hợp, cảnh báo các bộ trưởng khi tiến hành các công việc chính trị và quân sự, và ông đã trở nên ngưỡng mộ chế độ quân chủ lập hiến của Anh. Nhưng hình ảnh thật sự mà George muốn đề cập đến là hình ảnh của một vị vua *hoạt động chính trị - xã hội,* người mà đã đánh giá năng lực của những ứng cử viên vào chức thủ tướng và thực thi quyền lực chính trị to lớn *phía sau hậu trường* (tất nhiên là phải thể hiện sự trung lập trước cuộc xung đột chính trị). Nếu một hình mẫu như George đã để lại ấn tượng đối với vị Hoàng thái tử trẻ tuổi, thì hình mẫu đó đã khích lệ ông giành lại những đặc quyền của Hoàng gia mà cha của ông đã không thể thực thi. George thấy rằng nội các cần phải thể hiện chính kiến chính trị của vua trong việc bổ nhiệm nội các, việc cách chức các bộ trưởng, hoặc việc thay đổi các chính sách mà ông không mong muốn, bài học đó đã trở thành động lực khiến Hirohito (và đoàn tùy tùng của ông) muốn giành lại quyền lực của ngai vàng.

Trong phạm vi chịu ảnh hưởng của George V khiến Hirohito thêm tin tưởng rằng một vị Hoàng đế cần phải có các chính kiến riêng của mình, không nên phụ thuộc vào các bộ trưởng. "Các bài học" của George không gì hơn là nhằm vào "chế độ quân chủ lập hiến". Các bài học này cũng không thích hợp với tinh thần của nền dân chủ Taisho mà tại thời điểm đó đang tìm cách làm giảm bớt quyền lực chính trị của Hoàng đế và biến Hoàng đế thành một kẻ bù nhìn. Nếu George thật sự là một mẫu hình của Hirohito như ông công nhận sau đó, thì các bài học mà ông học được từ George đã không thể khiến ông trở thành một đế vương lập hiến thật sự. Không có gì ngạc nhiên khi thấy sự khác biệt sâu sắc giữa các biến thể của chế độ lập hiến Anh và Nhật Bản. Trong thời kỳ trước Chiến tranh Thế giới thứ Hai, hệ thống Hoàng gia, chính trị, tôn giáo và bộ chỉ huy quân sự của Nhật Bản có mối liên kết không thể tách rời, Hoàng đế có quyền độc tài và có nhiều quyền hành lớn. Trong lĩnh vực quân sự, Hoàng đế không cần sự cố vấn của bất kỳ bộ trưởng nào, Hoàng đế sẽ trị vì để hệ thống Hoàng gia hoạt động một cách phù hợp. Nhưng mô hình của nước Anh lại hoàn toàn khác.

Bài học quan trọng nhất mà Hirohito và đoàn tùy tùng học được sau khi quan sát mọi hành động của George V là các mối quan hệ dân chúng và việc sử dụng các nghi lễ lớn và các nghi thức của triều đình để truyền bá tư tưởng quân chủ và củng cố chủ nghĩa dân tộc. George V đã cứu vãn nền quân chủ từ sự phá hoại dưới bàn tay của người Anh do quá trình Anh hóa đột ngột diễn ra trong Chiến tranh Thế giới thứ Nhất, thời điểm đó "người dân kêu gọi Tổng thống Đức quốc xã' phải thoái vị". Bằng việc đổi họ của Hoàng gia từ họ của người Đức và chuyển gia đình đến Windsor và thiết lập chế độ quân chủ theo nghi thức "cổ xưa", George V "đã làm cho gia đình Hoàng gia được trường tồn và tồn tại vững chắc trong nền tảng đạo đức, khiến cho gia đình Hoàng gia có thể bảo vệ hệ thống các đặc quyền của mình một cách hiệu quả". Hirohito và nhóm người giúp việc không có sáng kiến như vua George V, nhưng họ chú ý đến cảm nhận của George về các mối quan hệ dân chúng trong thời đại mới, về phương tiện truyền thông, và về sự khéo léo sử dụng nghi thức triều đình như một chiến lược để duy trì sự ảnh hưởng chính trị của chế độ quân chủ.

tảisáchhay

Ngoài việc dạy cho Hirohito các bài học thực tế về George V, chuyến công du phương Tây đã giúp Hirohito mạnh dạn tiết lộ về tính cách của các thành viên không được nêu tên trong đoàn tùy tùng. Theo cuốn tự truyện chưa xuất bản của một sĩ quan quân đội có tên Nara, một thời gian rất ngắn sau khi Hirohito quay trở về Nhật Bản, Hirohito đã thú nhận về việc hoài nghi nguồn gốc thần thánh trong con người của vua cha và ông bà, tổ tiên của Hoàng gia. Trong cuốn tự truyện của Nara, dường như mặc dù:

Hoàng tử rất có lý trí đã không tin rằng ông bà, tổ tiên của Hoàng thất là các vị thần thật sự và Hoàng đế hiện tại không phải là một vị thánh sống [*hiện nhân thần*]. Một lần tôi đã nghe thấy Hirohito bộc lộ suy nghĩ rằng chúng ta cần phải giữ nguyên hiện trạng, duy trì *quốc thể* như nó vốn có; nhưng dường như Hirohito nghĩ rằng việc tách hoàn toàn vai trò của một Hoàng đế như một vị thần khỏi dân tộc là một việc làm quá khó khăn. Hirohito nghĩ rằng tốt nhất là giữ nguyên hiện trạng của Hoàng thất [giống như của Anh] và mối quan hệ giữa quốc gia và dân chúng sẽ là vua "tại vị chứ không trực trị".

Nara đã hoàn thành cuốn tự truyện vào cuối năm 1956, một thập kỷ kể từ sau khi Hirohito không thừa nhận nguồn gốc thần thánh của mình trong thời kỳ sau chiến tranh. Nhiều người bảo vệ ngai vua vẫn cố gắng tìm cách thanh minh cho việc Hirohito không thừa nhận trách nhiệm chiến tranh và họ đã che giấu một sự thật rằng Hirohito trước đây đã được coi là một đối tượng được tôn sùng của tôn giáo. Nếu Nara đã viết đúng sự thực về tính thẳng thắn của Hirohito thì lúc đó, Hirohito ở tuổi hai mươi đã đưa ra ba điểm đáng chú ý:

Hirohito đã tuyên bố rằng ông không còn tin vào việc ông bà, tổ tiên của mình là các vị thần hoặc cha của mình là một vị thánh sống – một lý do nào đó mà ông không hề bị trách cứ. Thứ hai, ông đã khẳng định quyền của nhà nước là gieo rắc lòng tin đối với người dân Nhật Bản rằng "ông bà, tổ tiên của Hoàng thất là những vị thần thật sự và Hoàng đế hiện tại là một vị thánh sống." Mặt khác, thà bảo vệ những điều mà ông tin tưởng, hoặc tìm cách thay đổi *quốc thể* luôn ngăn cấm việc bàn luận khách quan về lịch sử của Nhật Bản, ông cảm thấy rằng ông nên chấp nhận sự lừa dối và giữ *quốc thể* như "nó vốn có". Việc Hirohito tự nguyện nghe theo những lời giáo huấn của hệ thống Hoàng gia đã dự báo rằng, Hirohito (và đoàn tùy tùng) chấp nhận sự tôn thờ Hoàng đế giống như là việc hủy hoại sự nghiệp trong thời kỳ giữa và cuối những năm 1930. Các hành động của Hoàng thái tử trước công chúng sẽ không bao giờ bị các đức tính cá nhân như lòng tốt, đạo lý và sự chính trực chi phối.

Thứ ba, bằng việc thể hiện sự ưa thích mối quan hệ giữa Hoàng đế và quốc gia theo kiểu của nước Anh, Hirohito vô tình phải vượt qua một nguyên tắc của chế độ quân chủ Nhật Bản. Trong quá trình đó, Hirohito cho biết mình vẫn chưa sẵn sàng trở thành một Hoàng đế.Vì nếu hệ thống các mối quan hệ dân sự và quân sự theo hiến pháp Minh Trị phải hoạt động nhịp nhàng, và Hoàng thất đóng phải vai trò là một lực lượng có ảnh hưởng tích cực đến sự hòa hợp giữa quốc gia và dân tộc, giữa các vấn đề hành chính, dân sự và quân sự, thì khi đó Hoàng đế thật sự phải thực thi quyền hạn to lớn của mình - thực tế là quyền độc tài về chính trị và quân sự. Hơn nữa, chủ nghĩa dân tộc Nhật Bản thời kỳ trước chiến tranh cũng đòi hỏi phải có một vị vua thật sự, người mà trực trị chứ không đơn thuần là người chỉ tại vị.

tảisáchhay

Nhận biết được những đòi hỏi đó, và nhận biết được Hirohito là người dễ bị ảnh hưởng và theo chủ nghĩa duy tâm, Nara cho biết rằng việc Hirohito còn hoài nghi vào sự thần thánh không nghiêm trọng như mọi người nghĩ. Hoàng thái tử chỉ bộc lộ thái độ của những người xung quanh. Hoàng thái tử không thật sự lo lắng về sự hoài nghi của mình. Trên thực tế, Hoàng thái tử không còn nghĩ rằng có «một tia sáng vụt lóe lên trên toàn thế giới sau cuộc đại chiến châu Âu" và chiếu sang Nhật Bản. Về việc này, không chỉ có Hirohito cho là như vậy, Nara tiếp tục:

Thậm chí các *nguyên lão* – đặc biệt là Yamagata và Saionji – cũng bị ảnh hưởng lớn từ lối suy nghĩ mới này. Lối suy nghĩ này tồn tại trong một số lượng khá lớn các quan chức trẻ tuổi của Bộ Hoàng gia và Saionji [Hachiro], Futara [Yosshinori], và Matsudaira [Yoshitami] có lẽ là những người tiên phong. Tôi có thể thấy được sự ảnh hưởng mạnh mẽ của những quan chức trẻ tuổi này của Bộ Hoàng gia, những người mà sau khi chịu ảnh hưởng của *nguyên lão* Saionji và những người khác đã truyền tư tưởng của mình đến Hoàng thái tử…Cách thức đúng đắn để duy trì an ninh và hòa bình của Hoàng thất là phải dần dần làm cho Hoàng thất trở nên gần gũi với quốc gia trong khi vẫn giữ nguyên khái niệm hiện tại về *quốc thể*. Tôi nhận thấy rằng phần lớn các quan chức của Bộ Hoàng gia đều có cảm nhận như tôi. Nhưng…vì Hoàng thất Nhật Bản khác biệt với nước Anh nên chúng ta phải hạn chế nói về những vấn đề như "Hoàng đế chỉ tại vị chứ không trực trị." Về khái niệm quốc thể, tôi rất tin tưởng rằng chẳng có gì là thay đổi so với lối suy nghĩ trước đây. Bởi vậy, tôi sẽ luôn luôn lưu tâm đến sự khó xử của Hoàng thái tử, và mỗi khi có cơ hội, tôi sẽ cố gắng tạo ra không khí để Hoàng thái tử cảm thấy thư giãn.

"Sự khó xử" và sự lo lắng của Hoàng thái tử khi ở độ tuổi còn trẻ cùng với sự tôn sùng thần thánh đối với ông và ông bà, tổ tiên của Hoàng gia – rõ ràng là không nên nói một cách cường điệu. Ở một mức độ nào đó về nhận thức, Hirohito phải tin vào sự thần thánh nhằm thực hiện vai trò là linh mục của đạo Shinto. Sau một thời gian ngắn còn hoài nghi về thần thánh trong những năm 1920, Hirohito đã trình đường lối hoạt động của đảng, vượt qua chủ nghĩa duy tâm của tuổi trẻ, và bớt đi sự hăng hái ban đầu về việc cải tổ triều đình. Cuối cùng, Hirohito đã học được cách hóa giải những hoài nghi của ông về sự thần thánh với niềm tin vào thần thoại *bansei ikkei* - một tư tưởng đã được hình thành trong hiến pháp Minh Trị mà ông được tiếp nối trong một phả hệ gồm các Hoàng đế có quyền lực tối cao được truyền qua dòng họ bên nam, và «không bị phá vỡ» từ khi chúa trời được sinh ra. Câu chuyện hoang đường về lễ phục Hoàng gia - quan niệm cho rằng việc sở hữu lễ phục Hoàng gia đã làm hợp pháp hóa quyền lực và duy trì dòng dõi - thể hiện một vấn đề phiền phức. Có thể thấy rằng Hirohito là người rất mộ đạo, điều này được thể hiện khi ông thực hiện các nghi lễ của đạo Shinto tại triều đình và «báo cáo» các công việc quan trọng của quốc gia với các vị thần. Nhưng những cách thức chính mà Hirohito thể hiện cho thấy ông là người sùng bái việc thờ cúng ông bà, tổ tiên và đền thờ Ise.

Cho đến khi Hirohito trở thành Hoàng đế, ông đã hiểu được giá trị thực của các câu chuyện thần thoại và coi đó là những quan điểm khác về nghệ thuật lãnh đạo đất nước. Khi thấy phù hợp, ông dùng những câu chuyện thần thoại đó để lý giải cho cách cư xử của mình, củng cố quyền lực của Hoàng triều trước các nhóm cầm quyền khác, và tự đặt mình ra ngoài trách nhiệm chính trị và trách nhiệm phi tôn giáo. Đồng thời, Hirohito càng sống trong vai

tảisáchhay

trò là một vị vua «linh thiêng và tuyệt đối» thì ông càng trở nên tin vào tín ngưỡng tôn giáo như là một cơ chế quyền lực và nguồn sức mạnh trong những hoàn cảnh khó khăn.

VI

Ngày 4 tháng 11 năm 1921, hai tháng sau khi Hirohito trở về từ châu Âu, một nhân viên bẻ ghi đường sắt mười chín tuổi tên là Nakaoka Konichi đã đâm chết Thủ tướng Hara. Kẻ ám sát này được cho là cháu của một bậc tôi trung dưới triều đại Minh Trị đến từ vùng trước đây là lãnh địa Tosa. Động cơ giết người của tên này còn chưa rõ ràng nhưng có liên quan chủ yếu tới việc Hara tiếp nhận nhiệm vụ của Bộ trưởng Hải quân một vài tuần trước đó, thời điểm mà Đô đốc đương nhiệm Kato Tomosaburo đang ở Washington và Hara phải bảo vệ Yamagata và quyết định của nội các Seiyukai về việc thực hiện chuyến viếng thăm các nguyên thủ quốc gia châu Âu của Hoàng thái tử. Sự sa sút tinh thần của Yamagata sau khi Hara bị ám sát đã cho thấy quyền lực to lớn bị phá hủy mà có thể được ban phát mỗi khi có một vấn đề liên quan đến Hoàng thất đã trở thành một chủ đề trọng tâm về chính trị. Từ việc Hara qua đời và việc Makino (dưới sự phụ tá của Kekiya và sự chỉ dẫn từ xa của Saionji) kiểm soát các công việc của cung điện, nền quân chủ ở vị thế sẵn sàng bước vào một thời kỳ ngày càng độc lập với nội các.

Ngày tiếp theo, trong lúc báo chí xoay quanh việc kẻ giết người "căm phẫn" trước "sự mục nát của thời đại" đã phần nào thể hiện sự thương cảm đối với kẻ giết người, Bộ trưởng Bộ Hoàng gia Makino thông báo cho Hoàng hậu Sakado về cái chết của Hara. Hoàng hậu không khỏi lo lắng và đã bật khóc khi nói với Makino rằng Hara là "một người rất tốt. Tôi luôn đặt câu hỏi rằng làm thế nào mà ông ấy cân bằng được cuộc sống và ông ấy luôn nở nụ cười ngay cả khi phải giải quyết quá nhiều vấn đề". Hoàng hậu đã cử một công sứ đến nơi an táng của Hara tại Morioka, quận Iwate. Tuy nhiên, đây là thời điểm khó khăn của Hoàng đế Yoshihito, ông đã rất căng thẳng, mệt mỏi và chỉ có thể đóng dấu triện vào các tài liệu và không thể hiểu nổi điều gì đang xảy ra xung quanh mình, điều này khiến Hoàng hậu mất hết can đảm. hoàn cảnh tồi tệ này cùng với cuộc khủng hoảng chính trị sau cái chết của Hara đã thúc đẩy việc phải thành lập một chế độ nhiếp chính.

Trong khi đó, các *nguyên lão* Matsukata và Saionji quyết định rằng những thành viên nội các còn lại của Hara không thể từ chức ngay tại thời điểm nội các chuẩn bị tổ chức một hội nghị quốc tế quan trọng của các cường quốc hàng đầu Thái Bình Dương, dự kiến sẽ được tổ chức vào cuối tháng tại Washington D.C. Không thông qua ý kiến của Hoàng đế Yoshihito, họ đã đề nghị Bộ trưởng Tài chính Takahashi Korekiyo nhậm chức thủ tướng.

Ngày 25 tháng 11 năm 1921, Hirohito trở thành quan nhiếp chính cho cha. Khi tiếp nhận nhiệm vụ của Hoàng đế, Hirohito đã biết được về việc ông sẽ kết hôn với công chúa Nagako và trở thành một vị vua mà Minh Trị mong muốn. Có thể ông cũng đã tin rằng bổn phận của ông là phải bù đắp cho những việc mà vua cha chưa thực hiện được bằng việc thực hiện tất cả mọi nhiệm vụ được yêu cầu để duy trì quyền lực của ngai vàng và bảo vệ Hoàng đế. Tuy nhiên, những mong muốn lớn lao này phụ thuộc vào việc Hirohito giành được tự do hơn trong việc thực hiện quyền hành. Bằng tuổi trẻ, sự giáo dục đặc biệt, sự tôn trọng những

tảisáchhay

người lớn tuổi luôn cận kề bên cạnh và việc coi trọng truyền thống của triều đình, đối với Hirohito, việc này sẽ không hề dễ dàng.

tảisáchhay

PHẦN 2. CHÍNH TRỊ VỚI MỤC ĐÍCH TỐT ĐẸP (1922 - 1930)

4. Chế độ Nhiếp chính và cuộc Khủng hoảng của Nền quân chủ Chiêu Hòa

Khi Hirohito trở thành nhiếp chính, tháng 11 năm 1921, chính phủ bắt đầu quảng bá hình ảnh của một Hoàng thái tử cường tráng, đầy nghị lực, có thể tham gia vào các cuộc diễn tập với quân đội và rất thích hợp để trở thành tổng tư lệnh tối cao của lực lượng quân đội Hoàng gia. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, chính phủ tiếp tục đăng tải hình ảnh của Hoàng thái tử gặp gỡ các quan chức chính phủ và giới chức nước ngoài, triệu tập hai Viện quốc hội, đến nhiều vùng, miền của Nhật Bản để duyệt quân đội và các cuộc thao diễn, thực hiện nhiệm vụ tại các trụ sở quân đội và Hải quân, và đến thăm các thuộc địa. Năm 1922, Hirohito đã cố gắng giải quyết các công việc thường ngày mà đoàn tùy tùng mới của ông đệ trình, và tiếp tục cho rằng ông có thể làm cho phong tục của triều đình gần giống những gì mà ông được chứng kiến tại châu Âu. Tuy nhiên, ông đã dành phần lớn thời gian luyện tập, đi xe và học tiếng Pháp.

Biết được sự lo lắng của các *nguyên lão* và những người đứng đầu chính phủ về sự thiếu kinh nghiệm của Hirohito và những điều mà họ cho là nghiêm trọng, Hirata Tosuke, một người nhiều tuổi (được bổ nhiệm là Bộ trưởng Bộ không bộ một năm trước đó) và Bộ trưởng Bộ Hoàng gia Makino (chính thức nhậm chức vào ngày 20 tháng Ba năm 1925) đã hối thúc Hoàng thái tử làm việc chăm chỉ hơn. Để thực hiện nhiệm vụ của một quan nhiếp chính, họ nói với Hoàng thái tử rằng Hoàng thái tử phải tiếp tục học hành, đặc biệt phải chú trọng đến sự phát triển hành vi đúng đắn và thể hiện sự nghiêm nghị, và cần có hiểu biết tốt hơn về các vấn đề chính trị, kinh tế và quân sự.

Kế hoạch học tập ban đầu mà Hirata và Makino đề ra là nhằm giáo dục Hirohito quan tâm đến các công việc chính sự, điều đó đòi hỏi Hirohito phải tham dự các hội nghị bàn tròn của các quan chức cấp cao Hoàng gia. Sau đó, Hirohito bị đặt các câu hỏi về việc có nắm bắt được các vấn đề đã bàn luận hay không. Nhưng phương pháp này không thể thực hiện được. Hirohito hoàn toàn không quan tâm đến những điều được giảng dạy, trong khi sức khỏe của Hirota ngày một giảm sút. Do sức khỏe ốm yếu không thể tận tâm dạy dỗ quan nhiếp chính, Hirota ngày càng vắng mặt trong các buổi dạy. Cho đến cuối năm 1922, Makino đã dạy Hirohito các quy tắc thành văn và bất thành văn của chế độ quân chủ và các vấn đề chính trị.

Trong khi đó, tình hình tại triều đình đã bắt đầu thay đổi trong năm 1922 do các quan chức cao cấp của Hoàng gia phản ứng trước thất bại trong quan hệ hợp tác trong nước và sự đồng thuận của các nhóm. Sự bất đồng giữa các nhóm cầm quyền về các chính sách trong nước và nước ngoài diễn ra trong suốt Chiến tranh Thế giới thứ Nhất và đã gây ra những tranh cãi kéo dài từ năm 1917 đến năm 1922 về việc thành lập Hội đồng Nghiên cứu Chính sách nước ngoài. Trong suốt thời gian đó, các bên đã kêu gọi rộng rãi đối tượng cử tri ủng hộ cuộc bầu cử và tìm cách phát huy ảnh hưởng của mình đối với các thuộc địa mà cho đến

tảisáchhay

nay là căn cứ đặc biệt của quân đội. Cùng chung quan điểm như Hara Kei, các nhà lãnh đạo chính trị như Takahashi của đảng Seiyukai tin rằng để phát triển kinh tế, Nhật Bản phải lựa chọn các chính sách nhượng bộ lợi ích của Mỹ. Nghĩa vụ cắt giảm vũ khí hạng nặng mà chính phủ Nhật Bản mới thỏa thuận theo hiệp ước Washington phù hợp với quan điểm của Takahashi. Nhưng các nhóm cánh hữu và một số nhà lãnh đạo quân sự lại phản đối gay gắt hiệp ước Washington. Phụ tá của Hirohito, Trung tướng Nara, đã ghi lại giai đoạn này trong cuốn tự truyện của mình rằng: «Chúng tôi vẫn mặc thường phục như là áo đuôi tôm kể từ chuyến công du châu Âu của quan nhiếp chính. Tuy nhiên, bây giờ chúng tôi bắt đầu phải xem xét thái độ của công chúng. Đầu tháng 11 năm 1922, tôi đã hỏi ý kiến Chinda và đã rất cố gắng mặc quân phục, nhưng không nói gì với quan nhiếp chính.»

I

Trong suốt một vài năm sau đó, một hệ thống giảng dạy tốt hơn được đưa vào hoạt động, và Hirohito bắt đầu nghe các bài giảng, hai hoặc ba tiếng một ngày, về tất cả các chủ đề mà Makino, Kaiwa, Nara và Hirohito cho là hữu ích. Điều này rất khác thường. Chỉ từ thời kỳ Minh Trị, Hoàng triều hoạt động theo quy định rằng vua được nối ngôi từ khi mới sinh ra cần tiếp tục được giáo dục để trị vì đất nước. Thông qua việc học tập hàng ngày được các quan chức cao cấp của Bộ Hoàng gia sắp xếp và giám sát chặt chẽ, vua được rèn luyện các kỹ năng, trau dồi đạo đức và sửa chữa các khuyết điểm về nhận thức và rèn luyện thân thể. Nhiều nhà giáo, đô đốc, tướng lĩnh, nhà ngoại giao đặc biệt của triều đình trở về từ nước ngoài, và những người thuộc dòng dõi quý tộc có tước vị được tuyển chọn nhằm mục đích này.

Makino tin rằng, khi ông quy tụ các «tài năng» này, những tiền lệ trong lịch sử giúp các quan chức làm việc trong triều đình tự nhận thấy họ là một bộ phận trong một tổ chức cam kết đóng góp vào quá trình «hình thành nhân cách» của vua trong suốt quãng thời gian mà họ giảng dạy. Trong trí tưởng tượng của cả Makino và Hirohito, nhân vật kinh điển lên ngôi Hoàng đế là một thiếu niên thiếu tự lực, không được giáo dục nhưng sau đó nắm bắt được nghệ thuật cầm quyền thông qua kỷ luật học tập là Nhật Hoàng Minh Trị, một người không hề thích thú việc học hành. Minh Trị được cho là minh chứng về những phép thần diệu mà các cố vấn của triều đình có thể đem lại thông qua việc không ngừng dạy dỗ và ủng hộ những nhu cầu tâm lý của vị Hoàng đế này.

Trong suốt thời gian làm quan nhiếp chính, Hirohito học cách mà quan giữ ấn và bộ trưởng bộ Hoàng gia làm việc với các *nguyên lão* trong suốt Chiến tranh Thế giới thứ Nhất để kiềm chế vua cha tham gia vào các công việc chính trị. Ông bắt đầu nhận thấy tầm quan trọng của việc ngăn cản các thành viên nội các do các nhà lãnh đạo chính đảng đứng đầu giành quyền kiểm soát triều đình. Ông đã chứng kiến cách làm giảm phạm vi ảnh hưởng xuống mức độ nhỏ nhất có thể sự chấp thuận của Hoàng gia để cả Nhật Hoàng và ông không cần phải thể hiện «ý định của Hoàng gia». Ông cũng thấy được các quan chức Hoàng gia ít có tầm ảnh hưởng chính trị như thế nào so với những người đại diện các bộ phận cố vấn khác của Hoàng đế. Hirohito còn trẻ và thiếu kinh nghiệm đã lắng nghe và học hỏi những người tùy tùng khuyến khích ông bảo vệ dứt khoát hơn các đặc quyền của Hoàng gia mà dường như các đặc quyền đó bị de dọa do sự gia tăng số lượng thành viên nội các của đảng. Vì Hirohito

tảisáchhay

muốn trở thành một nhân vật chính trị và giành lại những quyền lực đã mất của ngai vàng, nên Makino và nhiều người đã cố vấn và trợ giúp ông trong khi họ hoàn toàn đứng ngoài cơ cấu lập hiến có ảnh hưởng ngày càng rõ. Họ đều tin rằng, bằng việc gây ảnh hưởng đối với Hirohito, họ có thể thiết lập lại nền quân chủ vững mạnh và độc lập hơn.

Khi bắt đầu làm quan nhiếp chính, ba thái tử - Inoue Katsunosuke là chủ lễ, Kujo Michizane là người đứng đầu nhóm người theo nghi thức chủ nghĩa và Saionji Hachiro, con nuôi của một *nguyên lão* làm việc trong Ban Lễ nghi - bắt đầu dạy Hirohito các nghi thức triều đình, một chủ đề mà mẹ của Hirohito rất muốn con trai học hỏi. Trong khi đó, Makino và các thành viên khác trong đoàn tùy tùng tập trung vào việc xây dựng một chương trình đầy tham vọng để Hirohito có thể tiếp tục việc học tập ở trình độ cao hơn. Bốn giáo sư trường đại học Tokyo được thuê để giảng «các bài giảng thường xuyên». Các bài giảng này được in thành tài liệu, và một số được phát trước cho Hirohito hàng ngày hoặc hàng tuần theo một lịch biểu cố định. Học giả hiến pháp Shimizu Toru, nhà sử học Mikami Sanji, nhà kinh tế Yamazaki Kakujiro, và chuyên gia luật quốc tế Tachi Sakutaro là những nhà thuyết giảng. Bởi vì bốn người này không chỉ là thầy giảng dạy cho Hoàng đế mà còn là các chuyên gia cố vấn cho Makino, Kawai và nhiều thành viên chủ chốt khác của đoàn tùy tùng nên những quan niệm của họ có ảnh hưởng rất lớn.

Người ta ít được biết về các bài giảng kinh tế của Yamazaki và những giáo viên khác, trong đó có Inoue Katsunosuke, chủ tịch ngân hàng Nhật Bản. Thực tế, người ta còn nghi ngờ tầm ảnh hưởng của những người này và các nhà kinh tế khác đối với Hirohito. Nói chung, các quan chức triều đình đều không có hiểu biết về chính sách kinh tế và không được đào tạo để hiểu các nguyên tắc tài chính. Các phương pháp tiết kiệm chi phí thông thường mà Hirohito bắt đầu học năm 1929 sau khi xảy ra cuộc khủng hoảng tài chính Chiêu Hòa đã cho thấy cả Hirohito và nhóm người trong triều đình đều không hiểu biết về kinh tế học cơ bản. Có thể là mối quan tâm chủ yếu của Hirohito đến nền kinh tế xuất phát từ mối quan tâm của ông về luật pháp và trật tự xã hội, sự yên bình trong nước và ổn định quốc tế.

Cũng khó có thể đánh giá được ảnh hưởng của giáo sư luật Shimizu đối với Hirohito nhưng dường như ông có ảnh hưởng nhiều hơn với Yamazaki. Vào thứ ba hàng tuần, ông giảng dạy về hiến pháp Minh Trị và «luật hành chính», một chủ đề được đưa ra bàn thảo trong buổi thảo luận về các sự kiện chính trị đương thời. Vào các ngày thứ sáu, ông sẽ giải thích về Hoàng thất Điển phạm (*koshitsu tenpan*), đó là luật điều chỉnh những vấn đề mà căn cứ vào đó, các sắc lệnh*(koshitsurei*) được ban hành, về việc thiết lập chế độ nhiếp chính, và các nghi lễ chính thức khi lên ngôi Hoàng đế.6 Shimizu luôn thể hiện thái độ ôn hòa đối với các vấn đề về luật hiến pháp và luật dân sự, mặc dù các chủ đề chính xác và các lập trường mà ông đưa ra trong các bài thuyết giảng về những năm tháng xây dựng chế độ nhiếp chính còn chưa rõ ràng.

Mọi người biết nhiều hơn đến giáo sư lịch sử của Hirohito là Mikami Sanji, người đã thuyết giảng cho quan nhiếp chính về lịch sử chính trị của thời kỳ Minh Trị và là người hình thành khuôn mẫu của Minh Trị, «nhân vật vĩ đại». Ngày 14 tháng 1 năm 1924, Mikami nói về một sự kiện nổi tiếng đã xảy ra trong thời kỳ tiền sử của chủ nghĩa đế quốc hiện đại Nhật Bản: cuộc tranh cãi về vấn đề có nên «chinh phục Triều Tiên» hay không, vấn đề này đã gây chia

tảisáchhay

rẽ chính phủ Nhật Bản vào năm 1873. Minh Trị đã rất chăm chú lắng nghe chỉ dẫn của chủ tịch Ủy ban Hành chính, ông Sanjo Sanetomi; sau đó Minh Trị khuyên lãnh đạo tự phong của cuộc viễn chinh Triều Tiên dự định sẽ được tiến hành, ông Saigo Takamori, không nên tiến hành cuộc viễn chinh này trước khi một phái đoàn ngoại giao do ông Iwakura Tomomi dẫn đầu đến các quốc gia Tây Âu trở về Nhật Bản. Bằng cách đó, một dự án nước ngoài tốn kém đã bị hoãn lại cho đến khi Nhật Bản được chuẩn bị tốt hơn để thực hiện. Makino thấy rằng bài thuyết giảng của Mikami là bài học rất tốt đối với Hoàng thái tử trẻ tuổi. «…Hoàng đế [Minh Trị]» đã viết trong cuốn nhật ký của mình rằng Makino «đã đưa ra một quyết định sáng suốt và đó là một sự may mắn đối với đất nước đang trong thời kỳ khó khăn khi tiến hành cuộc cải cách Phục hưng. Việc Hoàng thái tử nghe được những câu chuyện đó sẽ có ảnh hưởng lớn đến việc trau dồi đức tính.» Tuy nhiên, trước tính ít nói của Hirohito thì Makino hoặc bất kỳ ai khác cũng khó có thể chắc chắn rằng Hirohito có phản ứng như thế nào trước những điều mà một nhà thuyết giảng đã trình bày (hoặc không trình bày) về một chủ đề cụ thể.

Các bài thuyết giảng của Mikami dành cho Hirohito tập trung vào khả năng làm việc không mệt mỏi và lòng nhân từ của Minh Trị. Mikami đã nhiều lần nhắc lại chủ đề này vì Nhật Hoàng Đại Chính sắp qua đời và triều đình đã chuẩn bị để Hirohito lên ngôi. Phó Đại nội đại thần Kawai nói rằng, ngày 19 tháng 11 năm 1926, Mikami nói về cách thức mà các nhà lãnh đạo công cuộc Phục hưng đã khích lệ Minh Trị luôn làm những điều tốt và tránh những điều xấu. Makino đã viết trong cuốn nhật ký của mình rằng vào ngày hôm đó Hirohito dường như đã rất xúc động, ông viết tiếp:

Đã có những lời lẽ rõ ràng phản đối cách mà một người cần phải tự mình thể hiện sự rộng lượng, tình thương yêu và sự quý trọng, sự cẩn trọng và lòng tự trọng…Giáo sư Mikami đã lựa chọn những ví dụ trên khắp thế giới và bàn luận rộng hơn về các ví dụ đó. Một bài giảng như vậy rất hợp với thời đại ngày nay. Bởi vậy, ở vào địa vị khác, tôi bày tỏ sự hài lòng đối với giáo sư và đã muốn giáo sư lưu tâm thêm một vài điểm để tham khảo.

Các đức tính của Minh Trị tiếp tục là chủ đề cho các bài giảng trong suốt năm 1926 về tính thanh đạm, sự học hỏi và những dự định giáo dục con cái. Những nỗ lực của những người cố vấn cho Minh Trị nhằm đề cao lòng nhân từ của Minh Trị được nhắc đến trong các bài giảng. Trong buổi nói chuyện cuối cùng của Mikami ngày 3 tháng 12 năm 1926, Mikami nhấn mạnh rằng «Hoàng đế cần phải là người nhân từ và xem dân chúng như là những người yêu quý của mình; Hoàng đế cần bảo vệ sức khỏe của mình…; Hoàng đế cần làm việc để nâng cao sự uy phong và các đức tính cao cả của mình, tuy nhiên cũng cần cố gắng nhẹ nhàng; Hoàng đế cần phải quan tâm nhiều đến các thần dân của mình.»

Các bài giảng của Mikami cũng có ảnh hưởng đến đoàn tùy tùng và đóng góp vào kế hoạch tổ chức một ngày quốc lễ vào năm 1927 để tưởng nhớ Nhật Hoàng Minh Trị và «tâm hồn vĩ đại.» Tư tưởng của Mikami có ảnh hưởng phức tạp hơn đối với Hirohito. Các bài giảng hàng tuần về Minh Trị giống như trong thần thoại có lẽ càng làm nung nấu quyết tâm của Hirohito muốn sống theo lý tưởng của một nhà hoạt động xã hội, một vị vua năng động, thể hiện lòng nhân từ mà Nhật Hoàng Minh Trị được cho là vốn có. Mặt khác, cách nói cường điệu về Minh Trị có thể đã khiến cho «sự lo lắng» và căng thẳng của Hirohito trở nên trầm

tảisáchhay

trọng hơn. Một tiêu chuẩn đạo đức được thổi phồng và phi hiện thực đã được đặt ra để Hirohito phấn đấu đạt được. Và dường như chắc chắn rằng chính áp lực này đã khiến Hirohito lo lắng. Thêm nữa, cùng với việc được yêu cầu phải trở thành một vị vua hiền và nhân từ, Hirohito cũng được giảng giải về khoa học quân sự, kinh tế, luật quốc tế và ngoại giao, những môn học đòi hỏi tính cách hoàn toàn khác, kỷ luật hơn và mạnh mẽ hơn.

Trong những năm này, Hirohito được giảng dạy về các hoạt động mang tính đạo đức mà các nhà cầm quyền cần phải tham gia. Những người giảng dạy đã truyền đạt cho Hirohito học thuyết rằng, khi đưa ra các quyết định về chính sách quốc tế, các quốc gia phải gạt bỏ vấn đề đạo đức và đôi khi phải sử dụng sức mạnh để đạt được lợi ích. Câu hỏi duy nhất được đặt ra là liệu điều đó có mang lại lợi ích cho quốc gia?

Nhiệm vụ của Giáo sư Tachi, một luật sư quốc tế xuất sắc của Nhật Bản là tập trung sự chú ý của Hirohito vào việc theo đuổi lợi ích quốc gia. Trong các bài giảng về lịch sử của ngành ngoại giao, những quy định của luật quốc tế, Tachi đã trả lời câu hỏi về việc điều gì đã tạo nên lợi ích quốc gia. Trước khi vào Trường đại học Hoàng gia Tokyo, Tachi đã học tại Đức, Pháp và Anh từ năm 1900 đến năm 1904. Ông là một thành viên trong các phái đoàn Nhật Bản tham dự Hội nghị hòa bình Paris năm 1919 và Hội nghị Washington năm 1921- 1922. Việc ông thể hiện các quan điểm dân tộc chủ nghĩa trước những câu hỏi về luật quốc tế đã khiến ông được đánh giá cao tại Bộ ngoại giao Nhật Bản cũng như bộ tư lệnh. Không có gì ngạc nhiên khi một học giả được Bộ ngoại giao phong chức lại được lựa chọn giảng dạy luật quốc tế tại triều đình.

Tachi bắt đầu giảng dạy cho Hirohito sau khi Nhật Bản (mặc dù không có Mỹ) ký kết hệ thống thể chế Versailles-Washington mới dựa trên nguyên tắc bình đẳng giữa các quốc gia có chủ quyền, giải quyết xung đột một cách hòa bình và đặt chiến tranh xâm lược ra ngoài vòng pháp luật. Không giống Mikami, Tachi không nói về đạo đức và lòng nhân từ. Ông đã tránh nói về các tiêu chí đạo đức khi giảng giải luật quốc tế. Tachi đã dạy rằng chiến tranh nói chung luôn là hợp pháp chứ không bao giờ là bất hợp pháp; «luật quốc tế được ban hành» để phục vụ lợi ích của các quốc gia; quyền tự vệ trong cuộc chiến bành trướng lãnh thổ hoặc bảo vệ cuộc sống của con người và tài sản cá nhân của những kiều bào trên toàn thế giới. Quan điểm về luật quốc tế trong thế kỷ XIX đã được chấp nhận rộng rãi trước khi hiệp ước Versailles và Thỏa ước Hội Quốc Liên tuyên bố các nguyên tắc mới và thành lập các tổ chức (do người Mỹ khởi xướng) mới để giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia. Tuy nhiên, các nguyên tắc mới đó không gây được ấn tượng với Tachi hoặc Bộ Ngoại giao Nhật Bản dưới sự lãnh đạo của các tướng lĩnh, bao gồm Shidehara, một người theo chủ nghĩa tự do.

Quan điểm dân tộc chủ nghĩa của Tachi về luật quốc tế là quan điểm chính thức của người Nhật mà Hirohito được dạy từ những năm cuối của thập niên 1920 cho đến những năm đầu của thập niên 1930. Như nhà sử học Shinohara Hatsue đã chỉ ra rằng, đây chính là những năm mà Ngoại trưởng Mỹ Henry L. Stimons và nhiều chuyên gia luật quốc tế hàng đầu tại Mỹ - như Quincy Wright của trường đại học Chicago, James T. Shotwell Eagleton của trường đại học Columbia, và Clyde Eagleton của trường đại học New York - xây dựng một thuyết

tảisáchhay

chống đối để tội phạm hóa chiến tranh xâm lược và hủy bỏ nguyên tắc cho rằng những nước tham chiến cần được đối xử một cách công bằng.

Trong quá trình thu nhận kiến thức và học hỏi kinh nghiệm về các công việc chính trị và ngoại giao, Hirohito ngày càng có sáng kiến yêu cầu «các bài giảng đặc biệt» về các vấn đề mà ông thấy cần phải có ý kiến tư vấn của các chuyên gia bên ngoài. Các bài giảng về tình hình chính trị tại Weima (Đức), Liên bang Xô Viết, Trung Quốc, Triều Tiên và Hội Quốc Liên là nhằm giúp Hirohito kịp thời nắm bắt được diễn biến chính trong quan hệ ngoại giao và các thuộc địa của Nhật Bản. Các sĩ quan quân đội cao cấp, các tướng quân đội và Hải quân, và nhiều sĩ quan hậu cần hàng tuần đã có những bài thuyết giảng cho Hirohito về khoa học quân sự, và sau đó, họ tăng cường hướng dẫn thông qua việc đưa Hirohito tham gia các buổi diễn tập quân sự hàng năm và «các buổi thao diễn lớn». Những buổi diễn tập này đã tạo cho Hirohito cơ hội gặp gỡ và trao đổi với những nhân vật có tiếng tăm của nhóm sĩ quan chuyên nghiệp, và là tín hiệu để những người đứng đầu quân đội và Hải quân nhận biết phản ứng của Hirohito trước các yêu cầu chính thức của họ.

II

Kể từ lúc bắt đầu thời kỳ nhiếp chính, chính phủ và các quan chức Bộ Hoàng gia đã thử nghiệm những cách mới để làm cho ngai vàng trở nên thích ứng hơn với xã hội Nhật Bản. Với nỗ lực khôi phục quyền lực đã mất, họ đã nới lỏng các hạn chế của luật pháp về việc ngăn cấm báo chí chụp hình vua từ trước Chiến tranh Thế giới thứ Nhất. Năm 1921, tất cả các ấn phẩm và các phương tiện truyền thông trong thời kỳ này - báo, tạp chí và phim - đều khai thác hình ảnh Hoàng thái tử trở thành vị Hoàng đế được thừa nhận. Các thiết bị chụp ảnh sớm được du nhập vào Nhật Bản trong thế cạnh tranh với việc nhập khẩu các máy móc chạy bằng điện và các loại vải cốt-tông. Một mẩu quảng cáo trong tờ báo *Tokyo Nichi Nichi* sử dụng một bức ảnh chụp chung của nhiếp chính Hirohito và Công chúa Nagako được phép đăng tải mà không gặp trở ngại. Những cuốn sách in các bức hình có bút tích của Hirohito và ấn dấu của Hoàng gia trước đây bị cấm đã được xuất bản mà không gặp rắc rối.

Dưới sự chỉ đạo của Makino, Bộ Hoàng gia đã đưa Hoàng thái tử thực hiện «các chuyến đi thử nghiệm» đầu tiên đến quận Kanagawa và đến đảo Shikoku để chuẩn bị cho một chuyến đi sau đó đến thuộc địa của Đài Loan. Các chuyến đi này không theo tiền lệ mà Minh Trị đã từng thực hiện với sáu cuộc du ngoạn Hoàng gia hàng năm từ năm 1872 đến năm 1877, đó là một thời gian dài trước khi thiết lập hệ thống Hoàng đế. Các chuyến đi của Minh Trị đã mang đến thông điệp rằng Minh Trị là một vị thánh sống tham gia vào công cuộc thống nhất đất nước. Trái lại, các chuyến công du trong nước đầu tiên của Hirohito lại không mang bất kỳ thông điệp tư tưởng nào ngoài mục đích chủ yếu là cho phép các quan chức triều đình thấy được những kết quả mà ông đạt được và đưa ra ý kiến đề xuất để đạt được kết quả tốt hơn. Tuy nhiên, điều thứ hai là người ta hy vọng rằng các chuyến công du đó sẽ giúp cho Hoàng thất trở nên gần gũi hơn với người dân, và bằng cách đó ngăn trở đường lối dân chủ của Nhật Hoàng Đại Chính mà cha của Hirohito đang vô tình ủng hộ một cách bị động, không thực hiện hành động nào và thường bị mất phương hướng.

Makino đã viết rằng:

tảisáchhay

Xe lửa khởi hành lúc 9 giờ 45 sáng để đến buổi thao diễn quân đội lớn. Tôi là người tháp tùng [Hoàng thái tử]. Chúng tôi đã đến Nhà ga Shizuoka lúc 2 giờ 15 chiều và sau đó đến lâu đài Hoàng gia…Hoàng thái tử đã đọc những tài liệu cũ và xem một buổi bắn pháo hoa vào buổi tối.

Tôi sẽ tóm tắt về việc chúng tôi lên kế hoạch viết báo cáo về chuyến công du này sau đó…giải quyết các vấn đề phải được sửa đổi sau khi đã cân nhắc kỹ càng…Chẳng hạn như về dáng vẻ...[và] thái độ [của quan nhiếp chính]…Người thẳng thắn tại Shikoku cần có một thái độ phù hợp. Những mong muốn của họ vốn khác biệt với những người thành thị sống tại những nơi như Hokkaido hay Tokyo. Tại nơi này, người ta tôn thờ Hoàng đế như một người có quyền lực tối cao. [Hoàng đế] không cần phải gật đầu trong mỗi lần chào xã giao. Từ mà tôi được nghe thường xuyên nhất từ những người tiếp đón là ogameta: (Tôi cung kính nhìn ông ấy). Người ta có thể đánh giá thái độ của công chúng chỉ bằng một từ đó.

Sau chuyến đi đến Shikoku, Makino lại nhắc lại một lần nữa (ngày 4 tháng 12 năm 1922), «Chúng tôi thấy Hoàng thái tử đã trở nên tốt hơn. Sự thận trọng và suy nghĩ kỹ càng sẽ giúp Hoàng thái tử có tính cách tốt hơn. Hoàng thái tử dường như đã nhận thức rõ hơn về vai trò của mình và điều đó khiến chúng tôi tự tin hơn vào tương lai.»

Ngày 12 tháng 4 năm 1923, Hirohito khởi hành từ căn cứ Hải quân Yokosuka trên tàu chiến *Kongo* đến Đài Loan, một thuộc địa chịu sự quản lý bên ngoài hiến pháp Minh Trị, nơi mà có rất ít người Nhật sinh sống và môi trường sống, phong tục và quan niệm của người dân ở đây không giống như ở Nhật Bản. Trên chặng đường đi, Hirohito đến một hòn đảo mà trước đó gần bốn năm, nội các đầy quyền lực Hara Kei đã hủy bỏ hệ thống chính quyền thuộc địa bằng việc trao quyền quyết định công việc hàng ngày cho một toàn quyền không làm việc trong quân đội.

Sự thay đổi này được thực hiện một phần là để xoa dịu các phong trào chống thực dân tại các thuộc địa của Nhật Bản và một phần là để cải thiện hình ảnh của Nhật Bản bằng việc đưa Nhật Bản ngang hàng với các chính sách thực dân phương Tây tại châu Á . Tuy nhiên, quân đội tiếp tục cầm quyền tại Đài Loan như tại các thuộc địa khác của Nhật Bản, mặc dù không quá hà khắc như tại Triều Tiên.

Chuyến thăm của Hirohito là nhằm hai mục đích: mục đích đầu tiên và cao nhất là để nhắc nhở người dân Nhật Bản rằng tất cả những thành quả mà Nhật giành được trên thế giới là nhờ Hoàng thất, hiện nay ông là người đại diện; và thứ hai là để khẳng định lại quyền chiếm hữu của Nhật Bản đối với Đài Loan bằng việc đóng dấu triện của Nhật Bản lên di sản thuộc địa mà Minh Trị để lại. Trước tiên, đoàn xe hộ tống của Hoàng gia đến «địa điểm mà lực lượng viễn chinh của Nhật Bản đặt chân đến Đài Loan và là nơi mà Hoàng tử Kita Shirakawa, người chỉ huy của Đơn vị Bảo vệ Hoàng gia, chết vì bệnh sốt rét». Nói cách khác, quan nhiếp chính bắt đầu bằng việc thể hiện sự quan tâm không phải là đối với những người bị thực dân hóa, mà đối với gia đình Hoàng gia, một trong số họ đã bị chết trong cuộc xâm chiếm, và những người mà linh hồn của họ được cất giữ trong mười trong số sáu mươi tám lăng mộ Shinto trên hòn đảo đó. Trong thập niên 1930, Nhật Bản buộc người Đài Loan

tảisáchhay

(và người Triều Tiên) phải thờ cúng tại các lăng mộ đó với lý do theo đuổi chính sách đồng hóa, nhưng trong thời kỳ này, Nhật Bản đã thực hiện một cương lĩnh ít hà khắc hơn.

Ngoài các cuộc viếng thăm lăng mộ, một số căn cứ quân sự và một nhà máy đường của Nhật Bản, Hirohito còn đến thăm mười ba trường học do Nhật Bản xây dựng cho thanh niên tại thuộc địa này. Để thể hiện lòng nhân từ, Hirohito đã giảm án tù cho 535 tù nhân chính trị bị bắt năm 1915 vì đã có âm mưu tiến hành một cuộc nổi dậy vũ trang chống lại luật lệ của Nhật Bản. Tuy nhiên, Hirohito thực hiện chuyến công du này chủ yếu nhằm củng cố lòng tin vào chế độ quân chủ và thể hiện hình ảnh của một con người có đạo đức mẫu mực; và Hirohito đã đạt được mục đích này, ông được đề cao vì cách ông thể hiện và báo chí mô tả hết sức chi tiết về chuyến công du của ông.

Chẳng hạn như khi ông đến trụ sở của ngài toàn quyền tại Đài Bắc, tờ *Tainichi* viết rằng một ban nhạc đã cất lời bài hát «Kimigayo» (bài quốc ca của Nhật Bản) khi tàu hỏa chở ông tiến vào khu vực nhà ga. Người trưởng ga mở cửa tàu và «hình ảnh Hoàng thái tử rạng rỡ, lộng lẫy bước trên sân ga.» Dưới sự hướng dẫn của rất nhiều quan chức cùng với những người hộ tống của họ ở cả trong và ngoài quân đội, mọi người xếp thành một hàng dài phía bên trái sân ga. Hirohito «tiến lên phía trước và chào những người mặc quân phục có gắn huân, huy chương của Hoàng gia, cả đối với người Nhật Bản và Đài Loan. Sau đó, Hirohito cùng một viên đại nội đại thần bước vào trong một chiếc xe ô tô được trang trí bằng một con dấu hình bông cúc vàng sáng chói.» Những người đứng đầu nhóm quân cảnh và cảnh sát bảo vệ Hirohito đứng ở phía trước, trong khi đó, người đứng đầu thuộc địa này dẫn đầu một đoàn xe ô tô hộ tống ở phía sau.

Trật tự mà đoàn tùy tùng Hoàng gia và các quan chức của nước thuộc địa đứng đối diện với Hoàng thái tử tiêu biểu cho tất cả các chức tước trong Hoàng gia chứ không nhằm thể hiện mối quan hệ đặc biệt về thứ bậc khác nhau giữa Nhật Bản và các nước thuộc địa của Nhật Bản. Trật tự này được quy định mà không cần có sự chấp thuận của họ.

Trong tờ tập san của Đài Loan số ra tháng 5 - tháng 6 năm 1923, sau khi Hirohiro rời khỏi Đài Loan, Người phụ trách Hành chính Tổng hợp Kaku Sakataro đã khẳng định tầm quan trọng của quan nhiếp chính Hirohito như một hình mẫu về đạo đức và lòng nhân từ đối với toàn thể Đế chế Nhật Bản. Kaku đã tuyên bố: «Tôi tin»:

các giá trị đạo đức của dân tộc ta bắt nguồn từ Hoàng thất và chuyến viếng thăm của Hoàng thái tử cho thấy rõ điều này. Chúng tôi rất kính phục khi biết rằng Hoàng thái tử đã thể hiện là một mẫu hình đạo đức đối với dân thường. Hoàng thái tử giàu lòng hiếu thảo đối với cha mẹ; Hoàng thái tử rất hòa thuận với các em. Ông cởi mở nhưng điềm tĩnh. Lòng nhân từ và yêu thương con người của Hoàng thái tử còn được thể hiện đối với các động vật. Lối sống nhã nhặn và thanh đạm của Hoàng thái tử là tấm gương đối với tất cả các thần dân. Mọi lời nói và hành động của Hoàng thái tử đều thể hiện tư tưởng đạo đức. Điều khiến tôi đặc biệt xúc động là Hoàng thái tử luôn luôn mỉm cười thân thiện với tất cả mọi người, bất kể họ có tầng lớp, địa vị, giàu sang hay nghèo hèn, .

Chuyến công du của Hirohito đã giúp Kaku có cơ hội tiếp xúc với trong Hoàng thất được xem là hình ảnh về đạo đức của dân tộc và là một vị Hoàng đế tượng trưng cho «mẫu hình

tảisáchhay

đạo đức đối với những người dân thường.» Việc Kaku nhấn mạnh về «lòng hiếu thảo» và sự hòa thuận của Hoàng thái tử «đối với các em» là nhằm thể hiện mong muốn rằng người dân Đài Loan sẽ trở lên cởi mở nếu được đặt trong mối quan hệ gia đình Nho giáo. Tuy nhiên, mọi người hiểu được cách cư xử của quan nhiếp chính Hirohito, lối viết của Kaku nhằm cố gắng thanh minh với người dân Trung Quốc về một trật tự thuộc địa mà đã nhiều người đã đặt câu hỏi, xuất phát từ những yêu cầu ngày một tăng lên về quyền tự quyết của dân tộc và sự tồn tại của một quốc gia.

Ngày 27 tháng 4 năm 1923, Hirohito lên tàu *Kongo* rời cảng Keelung, Đài Loan để trở về Nhật Bản. Hai ngày sau khi trở về đất liền, Hirohito đã tổ chức sinh nhật lần thứ 22. Với những trọng trách ở phía trước, Hirohito buộc phải trì hoãn cuộc hôn nhân vốn đã bị trì hoãn từ lâu với Công chúa Nagako để tiếp tục quá trình học tập tại triều đình và thực hiện thêm nhiều chuyến công du cũng như tiến hành các nghi lễ cần thiết theo chính sách mới nhằm đưa Hoàng thất trở nên gần gũi hơn với người dân.

Trên đường trở về Tokyo, hai sự kiện đã xảy ra và có ảnh hưởng lớn tới cuộc đời sau này của Hirohito. sự kiện thứ nhất là việc phát hiện ra Đảng Cộng sản Nhật mới được thành lập bất hợp pháp vào năm 1923, đây là nhóm đầu tiên trong thời kỳ lịch sử hiện đại của Nhật Bản kêu gọi việc hủy bỏ chế độ quân chủ; sự kiện thứ hai xảy ra sau khi Hirohito được chứng kiến sự thay đổi của nội các là một thiên tai được cho là một trong những thảm họa thiên nhiên tồi tệ nhất trong thế kỷ thứ hai mươi.

Ngày 14 tháng 8 năm 1923, Thủ tướng Kato qua đời, và Đô đốc Yamamoto Gonbei kế nhiệm. Hai tuần sau đó, vào ngày 1 tháng 9, tại thời điểm Yamamoto đang thành lập nội các thì một trận động đất lớn có tên là Kanto đã tàn phá khu vực giữa thành phố Tokyo và Yokohama. Trận động đất kèm theo các ngọn lửa đã làm cho hơn 91.000 người bị chết, 13.000 người bị mất tích, hơn 104.000 người bị thương và hơn 680.000 ngôi nhà tại thành phố Tokyo bị phá hủy. Trong khi các ngọn lửa bùng cháy dữ dội và các cơn dư chấn tiếp tục xảy ra ở cả hai thành phố, các nhóm dân phòng Nhật Bản bị lực lượng cảnh sát và quân đội xúi giục đã tiến hành các cuộc tàn sát đẫm máu đối với những người Triều Tiên và những người thuộc phái tả bị đồn là những kẻ đã tiến hành đốt các đám cháy, cướp bóc của cải và đầu độc các giếng nước. Hơn sáu nghìn người Triều Tiên bị lùng bắt và bị giết ở khắp khu vực Kanto và ở nhiều khu vực khác tại quốc gia này. Đến thời điểm này, Hirohito đã nếm trải kinh nghiệm đầu tiên với tư cách là một vị tổng tư lệnh ban bố các chiếu chỉ khẩn cấp. Hirohito đã đặt thiết quân luật đối với Tokyo và các vùng lân cận vào ngày 3 tháng 9, và sau khi tất cả các mối nguy hiểm từ trận động đất qua đi, ông mặc quân phục cưỡi ngựa đến thị sát một số khu vực của thủ đô bị tàn phá với sự hộ tống của tướng phụ trách tình trạng thiết quân luật Fukuda. Ngày 10 tháng 10, Hirohito có một chuyến thị sát tương tự tại khu vực Yokohama - Yokosuka.

Sau trận động đất Kanto, các vụ tàn sát gia tăng và lên đến cực điểm tại Toranomon, Tokyo đã khiến hôn lễ của Hirohito tiếp tục bị trì hoãn. Ngày 27 tháng 12 năm 1923, một thanh niên theo chủ nghĩa vô chính phủ có tên là Namba Daisuke đã bắn một chiếc súng lục nhỏ vào chiếc xe ngựa của Hirohito khi ông đang trên đường đến Nghị viện để đọc diễn văn khai mạc. Viên đạn trúng viên thị thần nhưng Hirohito không bị thương tích. Namba, con trai của

tảisáchhay

một thành viên Nghị viện, đã sử dụng loại súng thường được dùng để bắn chim. Nếu anh ta không nhằm vào Hoàng thái tử thì anh ta sẽ bị xử nhẹ hơn. Tuy nhiên, do anh ta chủ định làm hại Hoàng đế tương lai nên hành động của anh ta vượt quá các giới hạn và gây ra sự sửng sốt trên toàn đất nước Nhật Bản.

Vụ việc này đã nhanh chóng khiến cho các quan chức cao cấp nhất của Nhật Bản, từ Thủ tướng Yamamoto và toàn bộ nội các của ông đến cảnh sát trưởng Yuasa Kurahei phải đệ đơn xin từ chức. Các cảnh sát tại nơi xảy ra vụ việc đều bị sa thải hàng loạt. Sau đó, kế hoạch bảo vệ Hirohito khi xuất hiện trước công chúng đã được xây dựng lại hoàn toàn.

Một ngày sau vụ việc này, ngày 28 tháng 12, ngàyNghị viện bước vào năm thứ bốn mươi tám, Thượng nghị viện đã tổ chức phiên họp kín. Cuộc thảo luận tập trung vào động cơ của Namba, bối cảnh xã hội và sự cần thiết phải thắt chặt việc kiểm soát các ý đồ. Một thành viên Nghị viện có tên là Nakagawa Yoshinaga đã có nhận xét: «Khi người dân có nhận thức xã hội [về các khiếm khuyết trong xã hội] và [những khiếm khuyết đó] không thể dung thứ, họ sẽ manh nha hành động, và sẽ quá muộn để có thể thực hiện bất kỳ hành động nào về vấn đề đó. Ông đã hối thúc «việc đổi mới những thể chế bất công bằng.» Một thành viên khác tên là Tsuchiya Mitsukane đã nhận xét rằng Namba đã đọc những bài báo được các giáo sư trường đại học quốc gia viết trong các tờ tạp chí như *Kaizo* (Tái thiết) và *Kaiho* (Giải phóng), ông đã hối thúc chính phủ tăng cường kiểm soát những tư tưởng nguy hiểm.

Namba đã bị buộc tội theo bộ luật hình sự và nhanh chóng bị tòa phủ quyết đưa ra xét xử. Chánh án giải quyết vụ việc này là ông Yokota Hideo, người đã cố gắng thuyết phục Namba ăn năn, hối lỗi với hy vọng rằng lời ăn năn, hối lỗi của anh ta sẽ được đăng tải để dân chúng thể hiện sự kính trọng đối với Hoàng thất. Đáp lại một cách chua cay, Namba hỏi rằng liệu ngài chánh án có thật sự tin vào sự thần thánh của Hoàng đế hay chỉ tự nhận là tin tưởng như vậy. Khi Yokota từ chối trả lời, kẻ sát nhân tương lai này đã tuyên bố rằng «Tôi đã chứng tỏ niềm vui sống để chứng minh sự thật. Các ông cứ tiếp tục đi. Hãy treo cổ tôi đi.» Khi tòa tuyên án tử hình vào ngày 13 tháng 11 năm 1924, Namba đã hét lên ba tiếng *banzai* (muôn năm) đối với giai cấp vô sản và Đảng cộng sản Nhật Bản, chủ nghĩa xã hội Liên Xô và Cộng hòa Xô Viết và Chủ nghĩa Cộng sản Quốc tế. Anh ta bị hành hình hai ngày sau đó, và ngày 17 tháng 11 năm 1924, tức là mười một tháng kể từ ngày phạm tội, anh ta được chôn bí mật tại một ngôi mộ vô danh."

Trong cuốn nhật ký được ghi vào ngày xảy ra sự việc tại Toranomon, Makino viết rằng «có một thay đổi lớn trong tư tưởng của người dân thường» đằng sau vụ mưu sát của Namba. Makino nhận xét rằng «Ngay các khái niệm liên quan đến *quốc thể* cũng đã có sự thay đổi đáng ngạc nhiên trong tư tưởng của một số người dân». «Tất nhiên, họ chỉ là một trong số rất ít người, nhưng tôi cũng thấy lo lắng hơn về tương lai khi có một cá thể muốn thể hiện mình và thật sự cố gắng hành động theo các ý nghĩ của mình. Tôi sợ rằng mọi người sẽ mất tâm trí khi chứng kiến một tội khi quân như vậy." Hirohito đã bình tĩnh hơn trước tiếng súng đó; sau này, khi Nara thông báo cho Hirohito về việc hành hình Namba, Hirohito được cho là đã nói với Chinda Sutemi và Đại nội đại thần Irie Tamemori rằng:

tảisáchhay

Tôi nghĩ rằng tại Nhật Bản, mối quan hệ giữa Hoàng đế và thần dân trên nguyên tắc quan hệ Hoàng đế - thần dân, nhưng về tình cảm là mối quan hệ cha - con. Tôi luôn luôn dành tình cảm tốt đẹp đối với dân tộc khi hiểu được điều đó. Nhưng khi chứng kiến sự việc này, tôi thật sự buồn khi một trong những bề tôi trung thành của Hoàng đế lại dám thực hiện một hành động tội lỗi như vậy. Tôi muốn suy nghĩ này của tôi được mọi người hiểu một cách thấu đáo.

Ở tuổi hai mươi ba, Hirohito có sự nhận thức về hệ thống Hoàng gia theo hệ tư tưởng đã ăn sâu từ thời thơ ấu: Hoàng đế phải là một người như là người cha đối với các con. Một điều thú vị là sĩ quan quân đội Nara đã khuyên Hirohito không nên thể hiện tình cảm trước công chúng vì họ sẽ chỉ làm kích động thêm sự bất đồng ý kiến của những người ủng hộ chủ nghĩa xã hội và những người theo chủ nghĩa cộng sản. Cho dù Hirohito có được thuyết phục thay đổi suy nghĩ hay không (hoặc ít có khả năng bị thuyết phục) thì việc đoàn tùy tùng bỏ qua những mong muốn của Hirohito còn chưa rõ ràng; tuy nhiên, người ta chưa từng đưa ra bất kỳ tuyên bố nào của Hoàng thái tử về vụ mưu sát.

Trong khi vụ việc tại Toranomon vẫn đang được bàn tán ở khắp nơi thì có thêm nhiều hành động bất kính được tiến hành vì một số thường dân thể hiện sự đánh giá không cao trước nỗ lực của Hoàng thái tử muốn tạo dựng mối quan hệ gần gũi hơn với họ. Theo sử gia đầu tiên của Hirohito, Nezu Masashi, có ba mươi lăm sự việc như vậy xảy ra trong suốt sáu năm từ năm 1921 đến năm 1927. Những tình tiết này đã gây thêm lo lắng đối với các quan chức chính phủ về sự truyền bá chủ nghĩa cộng sản và «các ý định nguy hiểm» khác." Họ cũng nhận xét về sự yếu kém của Hirohito trong vai trò «Hoàng thái tử trong thời kỳ Hạ nghị viện nắm quyền.»

Tuy nhiên, ý tưởng về việc quảng bá hình ảnh của cả Hoàng thái tử và Hoàng thất vẫn còn tồn tại trong suốt những năm đầu của thời kỳ nhiếp chính. Khi thời điểm tổ chức hôn lễ của Hirohito cuối cùng được ấn định vào đầu năm 1924, Hirohito và những người phụ tá đã quyết định rằng việc tổ chức một hôn lễ Hoàng gia xa hoa tại một thủ đô bị tàn phá và vừa mới bắt đầu được xây dựng lại là không phù hợp. Nhận biết được rằng những thường dân Nhật Bản hướng đến sự ổn định và thịnh vượng trong thời kỳ diễn ra nhiều thay đổi nhanh chóng về kinh tế và xã hội, Hirohito đã cố gắng đáp ứng những mong đợi của họ. Đối với Hirohito, việc tổ chức một hôn lễ không quá phô trương thanh thế của quốc vương và theo phong tục truyền thống của triều đình là quá đủ, và điều đó cũng sẽ khiến cho ông trở nên gần gũi hơn với người dân.

Hoàng thái tử Hirohito và Công chúa Nagako đã tổ chức hôn lễ với rất nhiều nghi lễ chính thức vào ngày 26 tháng 1 năm 1924. Trong truyền thống cổ xưa của thời kỳ Heian, hôn lễ bắt đầu bằng những bài thơ tình được sáng tác và dàn dựng công phu. Một viên thị thần của triều đình trong trang phục đại lễ với chiếc mũ chóp cao đã gửi một bài thơ của Hirohito được gấp kín (được viết trên giấy pơ-luya màu hồng và được đặt trong một chiếc hộp màu trắng làm từ gỗ cây liễu) đến lâu đài của gia đình Kuni, một lâu đài được trang trí rất đặc biệt với cờ trang trí màu đỏ pha trắng. Một vài giờ sau đó, một người hầu đã gửi một chiếc hộp tương tự đựng một bức thư của Công chúa Nagako đến Cung điện Hoàng gia.

tảisáchhay

Vào ngày tổ chức hôn lễ, Công chúa Nagako thức dậy lúc 3 giờ sáng, đến một miếu thờ nhỏ ở trong vườn và cầu khấn ông bà, tổ tiên. Sau khi tắm rửa và ăn điểm tâm, Công chúa dành ba giờ đồng hồ làm tóc theo kiểu Heian và vận lễ phục triều đình. Vào 9 giờ sáng, Công chúa chào toàn thể gia đình và các bạn bè thân thiết rồi lên một chiếc xe ô tô của Hoàng thất đang đợi sẵn. Hirohito thức dậy lúc 5 giờ 30 sáng, cầu khấn ông bà, tổ tiên, dùng bữa điểm tâm rồi mặc một bộ quân phục trung tá. Cả hai đều rời đến Cung điện Hoàng gia trong hai cỗ xe ngựa riêng vào cùng một thời điểm, những người bảo vệ tháp tùng phía trước và phía sau, họ được các đám đông reo hò chúc mừng dọc trên đường đi. Đến cung điện, Hirohito mặc chiếc áo choàng màu vàng nghệ đặc biệt dành cho vị linh mục của đạo Shinto và tiến hành các nghi lễ tôn giáo tại một "Nơi Tôn Nghiêm", nơi họ thông báo với thần thánh về hôn lễ của họ.

Hàng nghìn người đứng thành một hàng bảo vệ cho đám rước sau khi đám rước đi qua cầu Nijubashi (cầu đôi) và vòng đến Cung điện Akasaka. Hirohito và Nagako cúi chào các đám đông reo hò chúc mừng khi bước vào dinh thự của Hoàng thái tử được trang hoàng nhiều cờ sắc đỏ pha trắng, rồi tiến vào cung điện để tiến hành các nghi lễ khác và sau đó, một bữa tối muộn kéo dài đến tận đêm khuya.

Bốn mươi bảy chiếc máy bay quân sự lượn vòng tại thủ đô vào ngày tổ chức hôn lễ và những chiếc dù nhỏ được thả xuống cùng với nhiều lời chúc mừng. 101 phát đại bác được bắn đi từ Tổng hành dinh quân đội và 21 phát đại bác được bắn đi từ chiến hạm *Nagato* đang thả neo tại căn cứ Hải quân Yokosuka. Tờ *Osaka Mainichi* cho biết, Hoàng thất nhân cơ hội này tặng thưởng cho các cá nhân có thành tích xuất sắc, bao gồm 258 người Nhật Bản sinh sống tại các nước thuộc địa có đóng góp cho xã hội. Tờ báo này cũng thông báo về việc Nhật Hoàng Yoshihito đã ân xá và giảm án phạt cho các tội phạm, tài trợ rộng rãi cho các dự án xã hội tại Nhật Bản và nước ngoài, và dành tặng đất của Hoàng gia để xây dựng các công viên và nhà bảo tàng tại Tokyo và Kyoto.

Dưới sự chỉ bảo của Makino và Saionji, cặp vợ chồng trẻ tranh thủ hôn lễ để nhận được sự ủng hộ về chính trị đối với chiếc ngai vàng và để củng cố hình ảnh của chú rể là một Hoàng thái tử độ lượng. Việc Hoàng thất bố thí cho những kẻ nghèo hèn nhân dịp này và nhiều dịp khác là cách để khôi phục quyền hành đang suy yếu dần của Hoàng đế và giúp Hoàng thất trở lên gần gũi hơn với dân chúng. Số tiền thu được từ các khoản lợi tức cổ phiếu doanh nghiệp hiện chiếm phần lớn các khoản tài chính của Hoàng gia, và khi nguồn tài chính dành cho ngai vàng tăng lên, Hirohito tăng cường thực hiện việc cho, tặng tiền của và phát quà nhằm tăng cường các hoạt động ngoại giao. Mặc dù hoạt động nhân đạo là cách các vị vua thường tiến hành để tôn thêm quyền lực, nhưng cho đến nay, người ta vẫn không biết rõ liệu các khoản từ thiện của Hirohito được lấy từ tiền thuế của thần dân hay được từ chính tài sản của Hoàng thất.

Bảy tháng kể từ sau hôn lễ, khi đất nước bắt đầu phục hồi sau trận động đất mạnh, Hirohito và Nagako rời thủ đô để tận hưởng tuần trăng mật kéo dài một tháng tại miền quê. Sau hai đêm nghỉ tại khách sạn Nikko, họ đến Hồ Inawashiro tại quận Fukushima, tại đây họ đã nghỉ tại biệt thự của Hoàng tử Takamatsu. Họ chơi quần vợt, câu cá, leo núi và ngắm trăng.

tảisáchhay

Tháng 12 năm 1925, Hirohito được làm cha. Hirohito đã nhờ Makino thu xếp một loạt bài giảng của triều đình về việc nuôi dạy trẻ và tâm lý học trẻ em cho Hirohito và Nagako. Bốn năm trước, khi trở thành nhiếp chính, Hirohito đã nói với Makino rằng một ngày nào đó, Hirohito và Nagako sẽ nuôi dạy bọn trẻ tại Hoàng cung và sẽ không giao chúng cho người hầu. Hoàng hậu Makino và *nguyên lão* Saionji đã phản đối, nhưng Hirohito đã giải thích rõ ràng với Makino và những người khác rằng mình không có quyền quyết định bằng "gia đình". Hirohito hài lòng khi thấy Nagako nuôi nấng con cái bằng sữa mẹ, bắt đầu là bé gái Teru, và sẽ nuôi nấng chúng cho đến khi chúng được ba tuổi. Và bởi vì hôn lễ được xem là một cơ hội để cải tổ hệ thống cũ nên những người phụ nữ trong nội sảnh sống trong Hoàng cung thay vì chỉ đứng phục vụ trong ngày hôm đó, Nagako không bị bao quanh bởi đám thị tỳ không có học thức mà Hirohito lo sợ rằng họ có thể sẽ gây ảnh hưởng xấu đến Nagako, chưa kể đến việc họ tiết lộ cho những người ngoài những nhận xét không hay mà Hirohito có thể đưa ra.

Bằng cách này, Hirohito bảo đảm được cuộc sống riêng tư. Hirohito đã thực hiện được điều đó cho đến hết thời gian diễn ra hôn lễ và đã cắt giảm được số thị tỳ đi theo. Tuy nhiên, những hành động nói trên đã không làm cho Hirohito trở thành một người cải cách triều đình, những gì Hirohito thể hiện trước công chúng trong thời gian làm quan nhiếp chính đã khiến Hirohito bị gọi là "một đứa trẻ của nền dân chủ Đại Chính." Ngay dù ở tuổi trưởng thành, Hirohito là người bênh vực chủ nghĩa dân tộc và truyền thống trái ngược với nền dân chủ Đại Chính. Điều này cũng trở nên rõ ràng khi Hirohito thể hiện quan điểm trước ba cuộc chiến tranh mà Nhật Bản tham gia kể từ năm 1894. Mặc dù tự hào về những thắng lợi đã đạt được nhưng Hirohito cũng đồng tình với quan điểm của những người tùy tùng tham dự Hội nghị hòa bình Paris khi cuộc Đại chiến kết thúc, và hiểu được những nguy cơ về một cuộc chạy đua Hải quân mới và việc bành trướng lãnh thổ tại Trung Quốc.

III

Trong thời kỳ nhiếp chính, chính sách ngoại giao của Nhật Bản thay đổi dựa trên các hiệp ước đa phương, Hội Quốc Liên, và "bộ luật hòa bình" được thể hiện trong Thỏa ước của Hội Quốc Liên. Để đánh giá cao sự táo bạo của động thái xa rời một trật tự thế giới dựa trên chủ nghĩa quân phiệt, phạm vi lợi ích của người theo chủ nghĩa đế quốc và các hiệp ước song phương, người ta chỉ cần nhớ lại rằng trong suốt Chiến tranh Thế giới thứ Nhất, các nhà lãnh đạo của Nhật Bản đã bí mật đi theo "Thuyết cô lập của châu Á ." Dẫn đầu là lực lượng Hải quân và được sự ủng hộ của Thủ tướng Okuma và Bộ trưởng Ngoại giao thân Anh, Kato Komei, họ đã quyết định tham gia vào cuộc chiến tranh châu Âu bằng việc trục xuất quân đội Đức khỏi Tsingtao, một trong những cảng quan trọng nhất của Trung Quốc, ngay cả trước khi chính phủ Anh yêu cầu họ thực hiện như vậy. Tại nhiều thời điểm khi cuộc Chiến tranh Thế giới thứ Nhất nổ ra, Kato và bộ tư lệnh cấp cao – hành động đối lập với một số *nguyên lão* – đã xây dựng các mục tiêu chiến tranh bí mật và lớn lao với mong muốn thực hiện chiến lược bành trướng của Nhật Bản trong những năm cuối của thập niên 1930: toàn bộ lãnh thổ Trung Quốc sẽ trở thành nước được bảo hộ của Nhật Bản, phạm vi lợi ích của Nga tại phía bắc Mãn Châu sẽ được giành lại, khu vực Đông Ấn Hà Lan (nay là Indonesia) giàu tài nguyên sẽ được giành lại từ sự kiểm soát thuộc địa của hòa Lan, và phương Tây được cảnh báo rằng châu Á sẽ chịu sự kiểm soát của người châu Á (đó là người Nhật Bản).

tảisáchhay

Mặc dù Nhật Bản Hội Quốc Liên với Anh quốc nhưng các nhà chiến lược quân sự Nhật Bản vẫn hy vọng rằng các cường quốc phương Tây sẽ bị suy yếu bởi cuộc đấu tranh mà họ phát động gây tổn thất cho cả hai phía và không thể đối đầu với các mục đích của Nhật Bản tại châu Á thời kỳ sau chiến tranh. Tuy nhiên, Nhật Bản phải duy trì các mục đích chiến tranh này khi Đức bị đánh bại và Hoa Kỳ, một quốc gia mà Nhật Bản phụ thuộc để nhập khẩu tư bản, sắt thép, và các nguyên liệu thô, gây áp lực buộc Đức tôn trọng các quyền và lợi ích của Hoa Kỳ và Đồng Minh tại Trung Quốc. Nhưng những chính sách tương lai mà họ đưa ra là một miếng mồi ngon mà Nhật Bản sẽ thực hiện vào thập niên 1930.

Tại Hội nghị Washington (ngày 12 tháng 11 năm 1921 - ngày 6 tháng 2 năm 1922), Thủ tướng Takahashi của chính quyền Seiyukai đã ký ba hiệp ước nhằm thiết lập một cơ sở mới cho các mối quan hệ của Nhật Bản với các cường quốc lớn của châu Âu và Hoa Kỳ, một quốc gia nổi lên như là một cường quốc được thừa nhận của thế giới. Hiệp ước giữa Bốn Cường quốc đã thay thế Hội Quốc Liên Anglo - Nhật Bản mà từng được xem là sức mạnh trong chính sách ngoại giao của Nhật Bản kể từ sau cuộc Chiến tranh Nga - Nhật Bản; Hiệp ước này cũng bảo đảm lợi ích của các nước ký kết đối với các nước thuộc địa tại Thái Bình Dương, các nước ký kết bao gồm Nhật Bản, Anh quốc, Hoa Kỳ và Pháp. Các cường quốc này cùng với nước Ý đã cam kết trong Hiệp ước Hạn chế Vũ khí Hải quân giữa Năm Cường quốc về việc sẽ cắt giảm các chiến hạm và tàu sân bay chính, trong khi Nhật Bản đồng ý sẽ hạn chế số lượng tàu chỉ huy của nước này xuống bằng 60% tổng số tàu chỉ huy của Hoa Kỳ, hay tỷ lệ 10:6 về lực lượng Hải quân so với Hoa Kỳ.

Các nước ký kết Hiệp ước giữa Chín Cường quốc tuyên bố sẽ tôn trọng sự toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền, và độc lập của Trung Quốc, và tôn trọng chính sách «mở cửa» và «cơ hội bình đẳng» đối với tất cả các cường quốc đô hộ Trung Quốc nhằm khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên và nguồn nhân công rẻ mạt của Trung Quốc. Đây là chính sách công khai của Hoa Kỳ đối với châu Á kể từ khi Ngoại trưởng Hoa Kỳ John Hay ký «Công hàm về Chính sách Mở cửa» năm 1899. Các nghị quyết khác kêu gọi việc triệu tập một hội nghị nhằm khôi phục quyền tự trị thuế quan của Trung Quốc, và việc thành lập một ủy ban chuyên trách để xem xét vấn đề về đặc quyền ngoại giao, theo đó hủy bỏ toàn bộ cơ cấu của các hiệp ước bất bình đẳng với Trung Quốc.

Trong suốt thập niên 1920, Hirohito trẻ tuổi, đoàn tùy tùng và bè phái của Shidehara trong Bộ Ngoại giao đã ủng hộ sự thay đổi thái độ do Hoa Kỳ khởi xướng đối với các mối quan hệ quốc tế, chú trọng vào mối quan hệ với các nước phương Tây đô hộ Trung Quốc, việc cắt giảm vũ khí và hủy bỏ Hội Quốc Liên quân sự trước đây giữa Nhật Bản và Anh quốc. Họ biết rằng một trật tự thế giới thời hậu chiến tranh sẽ khác xa so với hiện tại. Các Siêu cường đã phản đối yêu cầu của Nhật Bản về việc bổ sung một điều khoản bình đẳng dân tộc vào Thỏa ước của Hội Quốc Liên; Hoa Kỳ đã phác thảo các hiệp ước Washington nhằm cản trở các lợi ích của Nhật Bản tại Trung Quốc và giành lại những gì mà Hoa Kỳ đã bỏ ra tại Trung Quốc trong suốt Chiến tranh Thế giới thứ Nhất. Họ vẫn ủng hộ trật tự thế giới mới giống như họ đã ủng hộ Hội Quốc Liên, với hy vọng rằng họ có thể giảm bớt khoản chi mua vũ khí quá mức đang đẩy chính phủ đến bờ vực phá sản. Hơn nữa, mặc dù Hoa Kỳ đã thay đổi luật chơi, nhưng các tổ chức như Hội Quốc Liên và Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) thể hiện nguyên tắc bình đẳng giữa các quốc gia mà Nhật Bản đã rất tán thành tại Paris năm 1919.

tảisáchhay

Trật tự thế giới mới đã công nhận Nhật Bản là một siêu cường (mặc dù không công nhận nguyên tắc bình đẳng dân tộc). Chỉ điều này cũng đủ là lý do để Hirohito và Makino ủng hộ Hội nghị Washington.

Bên cạnh đó, trật tự thế giới mới dường như chỉ lập chứ không làm thay đổi vị thế đặc biệt của Trung Quốc trên trường quốc tế theo hệ thống «hiệp ước bất bình đẳng». Điều này giúp Trung Quốc có thể phát triển thành một quốc gia độc lập theo chủ nghĩa dân tộc, nhưng bảo đảm quyền bá chủ của các cường quốc tham gia «hiệp ước» tại châu Á . Bởi vậy, đối với Nhật Bản, việc hợp tác trong một trật tự Anglo - Hoa Kỳ mới này tuy còn bất công bằng nhưng ít nhất cũng hứa hẹn sự ổn định, và có tư tưởng ủng hộ chế độ dân chủ hơn là phản đối sự rối loạn trật tự liên quan đến Chủ nghĩa Cộng sản Liên Xô chống lại những người theo chủ nghĩa quân chủ, và ảnh hưởng rộng rãi của nó tại Trung Quốc.

Tuy nhiên, Hirohito biết đến sự phân biệt chủng tộc giữa màu da trắng và da vàng gây ra xung đột và cạnh tranh khi còn học trung học và khái niệm này vẫn tồn tại trong nhận thức của ông. Chính niềm tin mãnh liệt cũng được xem là cơ sở cho lối suy nghĩ chiến lược và các mục đích chiến tranh của Nhật Bản trong suốt Chiến tranh Thế giới lần thứ Nhất. Việc Quốc hội Hoa Kỳ thông qua Đạo luật Di trú phân biệt chủng tộc năm 1924 càng làm cho Hirohito nhận thức rõ hơn sự xung đột sắc tộc. Tương tự, Hirohito đã có nhận thức rõ hơn từ những điều mà ông học hỏi được trong những năm đầu của thập niên 1920 từ những nhà thuyết giảng của triều đình như Shimizu Toru, người đã phản đối các yêu cầu cấp thiết về việc cắt giảm vũ khí. Để chống lại tư tưởng chống đối quân đội phát sinh từ Hội nghị Washington, Shimizu nhấn mạnh với Hirohito rằng « Trong tình hình như hiện nay, khi các quốc gia trên thế giới tranh giành lẫn nhau thì mỗi nước phải sở hữu vũ khí nhằm chống lại các mối đe dọa.» Đây là quan điểm của tất cả các thành viên trong đoàn tùy tùng, và cũng là quan điểm của Hirohito.

Việc Hirohito kỳ vọng vào các mục tiêu cắt giảm vũ khí và hòa bình lâu dài mà Hội nghị Washington đề ra cũng cho thấy rằng Hirohito chịu ảnh hưởng chính trị từ Makino, Chinda, và (trong phạm vi chịu ảnh hưởng ít hơn) từ Saionji. Họ cùng với nhà ngoại giao Shidehara đã trực tiếp tham gia vào việc xây dựng cơ cấu tổ chức của Nhật Bản thời hậu chiến tranh và buộc Hoàng triều tham gia vào quá trình hòa giải với phương Tây. Tuy nhiên, không ai trong số họ từng tán thành hoàn toàn, tuyệt đối «bộ luật hòa bình» thời kỳ hậu chiến tranh hoặc khái niệm rằng hòa bình và mối quan hệ hợp tác quốc tế trước sau cũng sẽ đạt được. Nói cách khác, việc Hoàng triều ủng hộ hệ thống hiệp ước Washington là dựa trên các giả định chưa được tuyên bố về chủ nghĩa quốc tế và các lợi ích kinh tế mà Nhật Bản sẽ đạt được từ mối quan hệ ngoại giao với Anh quốc và Hoa Kỳ.

Về cơ bản, đoàn tùy tùng cho rằng một chính sách ngoại giao hòa bình, hợp tác sẽ tồn tại song song với việc bảo vệ lợi ích của Nhật Bản tại các nước thuộc địa, đặc biệt là tại Mãn Châu. Họ cũng tin rằng Nhật Bản có thể tiếp tục phát huy «các quyền và lợi ích» mà quốc gia này đã giành được từ Trung Quốc tại «Mãn Châu-Mongolia» từ những việc đã rồi, và Nhật Bản có thể thực hiện được như vậy bất kể sự tồn tại của chủ nghĩa dân tộc Trung Quốc - một hiện tượng mà các cường quốc tham gia vào hiệp ước Washington tại thời điểm đó không quan tâm hoặc biết nhiều đến. Một giả định khác có chung nhiều quan điểm là Trung

tảisáchhay

Quốc sẽ không rời bỏ khuôn khổ Hội nghị Washington và từ bỏ hệ thống các hiệp ước bất bình đẳng cũ rích đã được xây dựng kể từ khi xảy ra các cuộc Chiến tranh Thuốc phiện.

Đoàn tùy tùng của Hirohito có hai niềm tin khác nhưng không được nhiều người ủng hộ: đó là, các cường quốc đứng đầu phương Tây sẽ không ngăn cản Nhật Bản đứng lên nắm quyền thống trị tại châu Á ; và Nhật Bản sẽ có thể tách bạch các công việc nội bộ của Nhật Bản với chính sách ngoại giao, hợp tác với phương Tây trong khi vẫn theo đuổi các chính sách dân tộc chủ nghĩa hà khắc, kỹ lưỡng tại Nhật Bản. Sau đó, khi một số giả định trên được chứng minh là không đúng, Hirohito và đoàn tùy tùng không còn ủng hộ khuôn khổ hiệp ước Washington, từ bỏ quan hệ hợp tác với các cường quốc khác đang đô hộ tại

Trung Quốc, và thực hiện việc trừng phạt các hành động vi phạm trực tiếp đến Hiệp ước giữa Chín Cường quốc, không đề cập đến các nguyên tắc mà Nhật Bản đã ký kết trong thỏa ước của Hội Quốc Liên.

IV

Trong suốt những năm làm quan nhiếp chính, Hirohito và đoàn tùy tùng đã chấp nhận mà không hề hoài nghi về tính chất Hội Quốc Liên của nội các chế, theo đó quân đội có đặc quyền hơn so với các cơ quan khác của chính phủ. Theo hệ thống này, các tướng quân đội và Hải quân được bổ nhiệm từ danh sách các sĩ quan cao cấp tại nhiệm. Bởi vậy, mỗi nội các cần phải có thành phần «hỗn hợp» - một Hội Quốc Liên bao gồm các quan chức quân đội và ngoài quân đội. Trong bốn mươi hai nội các hỗn hợp cầm quyền tại Nhật Bản từ năm 1888 đến năm 1945, «quân đội được bảo đảm quyền can thiệp hợp pháp vào các vấn đề chính trị,» trong khi các thủ tướng chỉ có thể kiểm soát quân đội thông qua Nhật Hoàng hoặc các tướng quân đội. Vì quan nhiếp chính còn trẻ tuổi và thiếu kinh nghiệm nên các tướng quân đội và các tham mưu trưởng làm việc *trong cùng* nội các để tránh phải chuyển các tranh chấp chưa được giải quyết lên Nhật Hoàng đang đau yếu không thể giải quyết công việc hoặc phải phiền đến quan nhiếp chính còn thiếu kinh nghiệm. Nhưng đã có một vài ngoại lệ quan trọng làm bình phong cho quan nhiếp chính.

Đầu năm 1923, Hirohito phải đương đầu với những thay đổi trong các kế hoạch phòng thủ lâu dài của Nhật Bản bắt nguồn từ Hội nghị Washington. Trước phong trào cách mạng đang lên của Lê Nin tại Liên Bang Xô Viết, việc hủy bỏ Hội Quốc Liên quân sự Anglo - Nhật Bản, và thỏa thuận giải trừ vũ khí Hải quân tại Washington, những người đứng đầu Tổng tham mưu Quân đội và Hải quân đã lập lại các kế hoạch hành động nhằm bảo vệ Đế chế của Nhật Bản. Họ tiếp tục coi Nga là kẻ thù số một kể từ sau Chiến tranh Nga - Nhật. Họ đã nhận rõ hơn vai trò của Trung Quốc và xem Trung Quốc là kẻ thù nguy hiểm số ba, mặc dù vậy họ đã không vạch ra bất kỳ kế hoạch nào đối với cuộc chiến tranh chống lại Trung Quốc. Nhưng đến nay, lần đầu tiên trong lịch sử Nhật Bản, cả hai tham mưu trưởng đều xem Hoa Kỳ là kẻ thù chính thứ hai sau Liên Bang Xô Viết.

Từ đó trở đi, quân đội chuẩn bị cho cuộc chiến tranh tại lục địa châu Á với lực lượng tham chiến từ 40 sư đoàn. Hải quân Hoàng gia sẽ vẫn nằm trong số các lực lượng tuân thủ Hiệp ước cắt giảm vũ khí Hải quân Washington nhưng sẽ tổ chức và đào tạo lực lượng để bảo vệ tổ quốc và duy trì giao thông đường biển để kết giao với lục địa châu Á «ở phía bắc eo biển

tảisáchhay

Đài Loan.» Điều này chủ yếu là nhắm tới các lực lượng Hải quân của Hoa Kỳ. Theo quan điểm của Thủ tướng kiêm Đô đốc Kato Tomosaburo, thử thách mới mà Hải quân đang đối mặt là phải tránh chiến tranh với Hoa Kỳ bằng mọi giá, trong khi vẫn phải tập trung đóng các tàu hỗ trợ. Một số ít người đồng quan điểm với Đô đốc Kato Kanji và Suetsugu Nobumasa cho rằng chiến tranh có thể bùng nổ nếu xung đột lợi ích của Nhật Bản với Hoa Kỳ tại Trung Quốc trở thành một vấn đề lớn về chính trị, và Washington đã phải dùng đến áp lực ngoại giao và quân sự để Nhật Bản phải phục tùng. Hirohito, với tư cách là quan nhiếp chính, đã thừa nhận quan điểm của Đô đốc Kato Tomosaburo và một số tướng Hải quân, những người bị gọi là «bè phái ủng hộ hiệp ước» kể từ đầu thập niên 1930. Hirohito đã chấp thuận sự thay đổi này trong chính sách phòng thủ vào đầu năm 1923, nhưng chỉ sau khi được các tham mưu trưởng giải thích cặn kẽ.

Đầu tiên, vào ngày 17 tháng 2 năm 1923, các tham mưu trưởng đã gửi cho Hirohito các báo cáo chính thức tại lâu đài của ông ở Numazu. Ngày tiếp theo, Hirohito yêu cầu cơ quan cố vấn quân sự cao cấp nhất, Ban Thống chế và Đô đốc, trình bày quan điểm của họ. Ngày 21 tháng 2, Thống chế Oku Yasukata đã báo cáo cho Hirohito tại Numaru, và ngày 25, Hirohito đã cho phép Thủ tướng Kato xem xét dự thảo chính sách phòng thủ đã sửa đổi. Cuối cùng, ngày 28 tháng 2, Hirohito lại triệu hai tham mưu trưởng đến Numazu và ông đã chấp thuận bản dự thảo. Bởi vậy, không hề mù quáng khi đặt con dấu vào bản kế hoạch phòng thủ quốc gia sửa đổi, Hirohito phê duyệt «chỉ sau khi đã hiểu rõ về bản kế hoạch đó.» Hirohito vẫn chưa tán thành cho đến khi được thông báo đầy đủ về thủ tục chính thức sau khi trở thành Nhật Hoàng với các quyền hành trong tay.

Sau khi thông qua kế hoạch phòng thủ quốc gia năm 1923, quân đội bắt đầu thực hiện một trong ba lần cắt giảm nhân sự sẽ được tiến hành từ năm 1922 đến năm 1924. Hải quân ngừng đóng tàu chỉ huy và bắt đầu thải tàu cũ để phát triển một phi đoàn tuần dương hiện đại và một đội tàu ngầm. Và vào năm 1923, nội các trung lập của Thủ tướng Kato (người đã dẫn đầu phái đoàn của Nhật Bản đến tham dự Hội nghị Washington) bắt đầu rút quân đội Nhật Bản khỏi tỉnh Sơn Đông của Trung Quốc. Hai năm sau đó, vào tháng 5 năm 1925, Tướng Ugaki (thuộc phe nội các của Kao Komei) ngừng sử dụng bốn sư đoàn mà dùng chi phí hoạt động của bốn sư đoàn này để bắt đầu quá trình hiện đại hóa và tái tổ chức quân đội nhằm chuẩn bị cho một «cuộc chiến tranh toàn cục» trong tương lai. Kết quả là, chi phí của quân đội và Hải quân được tính bằng tỷ lệ phần trăm của tổng chi phí hàng năm của chính phủ đã giảm đều đặn trong suốt thập kỷ đó.

Việc cắt giảm nhân sự, vũ khí, và chi phí được tiến hành trong khi các quân đoàn cảm thấy tiếc nuối và buộc tội lẫn nhau. Người ta ngày càng cảm thấy rằng Nhật Bản bị tụt hậu về kinh tế, xã hội và chính trị so với các Siêu cường khác. Tuy nhiên, cả quân chủng không quân và Hải quân đều né tránh việc cải tổ cơ cấu trong thập kỷ 1920. Và vì quân đội đã cắt giảm chi phí mặc dù không phải chịu bất kỳ áp lực nào từ quốc tế nên Tướng Ugaki trở thành đối tượng chịu sự chỉ trích khá gay gắt của các sĩ quan bậc trung vì đã đầu hàng trước những mong muốn của các chính trị gia và các nhà tư bản công nghiệp bảo thủ về vấn đề tài chính.

tảisáchhay

Trong khi đó, vi phạm kỷ luật quân đội và đạo đức lại xảy ra trong suốt cuộc chiến tranh không được tuyên bố tại Siberia chống lại những người Bolshevik (năm 1918-1922) tiếp diễn trong suốt thập niên 1920. Việc quân sĩ tuân lệnh cấp trên bị giảm sút trong khi các trường hợp bất tuân lệnh giữa các cấp bậc tăng nhanh. Báo cáo về tư tưởng và hành động của Quân đội hồi hương được chỉ huy của một đơn vị đồn trú gửi đến tướng quân đội vào tháng Ba năm 1919 nêu rằng «do có sự nhận thức ngày càng cao và được giáo dục xã hội từ các tờ báo và tạp chí, cộng với những thay đổi về tư tưởng chung,» các quân sĩ không còn bị coi là «những binh sĩ phục tùng quân lệnh một cách mù quáng». Hai năm sau đó, vào năm 1921, Tướng Tanaka Giichi đã cảnh báo các chỉ huy sư đoàn về tình hình kỷ luật ngày càng yếu kém trong các cấp bậc thấp hơn, «trong những năm gần đây…binh lính trở nên cứng đầu và có thái độ chống đối, và các hành động phạm tội gia tăng, đặc biệt là những vụ binh lính tụ tập thành các nhóm nhỏ và hành động một cách dữ tợn."

Trước những lời cảnh báo đó, các quy tắc và quy định về đời sống của binh lính trong các doanh trại đã được sửa đổi nhằm thiết lập lại kỷ luật quân đội dựa vào các tiêu chí mang chủ nghĩa duy lý hơn, trong khi đó việc giáo dục trong quân đội bắt đầu nhấn mạnh về «giáo dục nhận thức.» Tuy nhiên, những thay đổi này chỉ kéo dài một vài năm. Năm 1924, Tướng Agaki cảnh báo những người chỉ huy sư đoàn phải lưu ý đặc biệt đến thái độ của binh lính trước «sự gia tăng các hành động phạm tội của các sĩ quan cấp dưới» và «ảnh hưởng của tư tưởng xã hội [mới].» Bốn năm sau đó, thời điểm Hirohito bắt đầu trị vì đất nước, thời điểm mà phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân lên cao, các sĩ quan cao cấp lại lên tiếng cảnh báo về số binh lính trong danh trại có thái độ chỉ trích hệ thống của Hoàng gia.

Trước tình hình đó, những người đứng đầu quân đội Nhật Bản phải đặt ra câu hỏi liệu lực lượng vũ trang có nên tiếp tục đại diện cho lực lượng do Nhật Hoàng và chính phủ của ông đứng đầu, hay chuyển sang phục vụ cho quốc gia và trở thành quân đội của nhân dân. Các Tướng Tanaka và Ugaki - hai người ủng hộ vấn đề cắt giảm tài chính và hợp tác với các chính đảng - đã tranh cãi về việc cần phải nhấn mạnh lại «các nguyên tắc nền móng» truyền thống của quân đội: đó là, tất cả…

Tình hình đó buộc những người đứng đầu quân đội Nhật Bản phải đứng trước hai sự lựa chọn hoặc là tiếp tục duy trì quân đội như một lực lượng dưới sự chỉ đạo của Nhật Hoàng và chính phủ do Nhật Hoàng đứng đầu hoặc là đứng về phía nhân dân và trở thành lực lượng quân đội nhân dân. Các Bộ trưởng Quốc phòng của Nhật Bản thời kỳ đó lần lượt là Tanaka và Ugaki - cả hai đều là những người ủng hộ chính sách tiết kiệm chi tiêu và hợp tác với các đảng phái chính trị - cho rằng cần phải nhấn mạnh hơn nữa «các nguyên tắc cơ bản» mang tính truyền thống của quân đội như: mọi người dân Nhật Bản đều là chiến binh; Nhật Hoàng trực tiếp chỉ huy quân đội; quân đội không can dự vào các hoạt động chính trị hoặc để cho các chính trị gia can dự vào những vấn đề quân sự và nhiệm vụ của quân đội là bảo vệ đất nước, đặt nền móng cho sự cai trị của nhật Hoàng. Tuy nhiên, trong những năm đầu và giữa thế kỷ hai mươi, đã có sự chia rẽ trong nội bộ quân đội Nhật Bản. Một số sĩ quan chỉ huy có quan điểm đối lập với những nguyên tắc kể trên; một số khác lại cho rằng quân đội, lực lượng được hình thành từ rất nhiều tầng lớp quần chúng nhân dân, hoàn toàn độc lập với chính quyền trung ương.

tảisáchhay

Cuối cùng, Tướng Araki Sadao, người sau này trở thành bộ trưởng quốc phòng Nhật Bản đồng thời cũng là người dẫn đầu nhóm những người phản đối chính sách cắt giảm chi tiêu của Ugaki, đã dàn xếp mối bất hòa này bằng cách ủng hộ quan điểm «quân đội của nhật Hoàng» (*kogun*). Theo Araki, «quân đội của nhật Hoàng» là lực lượng xuất thân từ tầng lớp công nhân và nông dân làm nhiệm vụ bảo vệ đất nước dưới sự chỉ huy của Nhật Hoàng thay vì là một «lực lượng của giai cấp tư sản» chỉ bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị. Tuy nhiên, trong những năm giữa thế kỷ hai mươi, quân đội Nhật Bản chưa thật sự làm cho binh lính của mình thấm nhuần tư tưởng đó của Araki.

Vào cuối thời kỳ nhiếp chính, Hirohito đã nhận thấy sự bất ổn về cơ chế và nhiệm vụ của quân đội. Tướng Nara đã cho Hirohito biết về những tranh chấp mang tính bè phái ngày càng gia tăng trong nội bộ quân đội và Tướng Ugaki đã có bài thuyết trình trước triều đình tầm quan trọng vô cùng lớn lao mà quân đội có được cùng với «sự độc lập» về quyền chỉ huy tối cao (*tosuiken no dokuritsu)*. Thuật ngữ *quyền chỉ huy tối cao* bao hàm ý nghĩa cả về mặt quân sự lẫn pháp lý và thường xuyên được các quân nhân sử dụng rộng rãi với một ý nghĩa không mấy rõ ràng.*67* Mặc dù quyền chỉ huy quân đội của Nhật Hoàng đã «độc lập» trước khi soạn thảo hiến pháp thời Minh Trị , trên thực tế hiến pháp chưa bao giờ quy định một cách rõ ràng về sự «độc lập» đó. Hiến pháp chỉ quy định rằng «Hoàng đế có *quyền chỉ huy tối cao* đối với lực lượng quân đội và Hải quân» (Điều 11) và «có quyền quyết định về cơ cấu tổ chức và tình trạng không có chiến tranh của lực lượng quân đội và Hải quân» (Điều 12). Ngoài ra, câu mở đầu của Điều 55 quy định rằng «các bộ trưởng liên quan của nhà nước sẽ cố vấn cho Nhật Hoàng và chịu trách nhiệm về sự cố vấn đó», điều này mở ra khả năng "can thiệp" vào quyền chỉ huy tối cao của những người không thuộc lực lượng quân đội.

Trong suốt thời gian nhiếp chính của Hirohito, lần đầu tiên *quyền chỉ huy tối cao* trở thành hệ tư tưởng về sự tự khẳng định cơ cấu và là một công cụ của quân đội trong việc gạt các quan chức dân sự và các chính trị gia của các đảng phái ra bên lề đời sống chính trị. Các quân nhân vẫn còn nhớ việc Nhật Hoàng Minh Trị bước đầu trao quyền cho họ như thế nào. Họ tự hào về cách mà Nhật Hoàng Minh Trị thực thi quyền chỉ huy trực tiếp của ông đối với quân đội và để đáp lại họ đã mang về cho Nhật Bản chiến thắng trước quân đội Nga đông hơn hẳn về mặt số lượng vào năm 1905 do có sự vượt trội về quyền chỉ huy tối cao. Nhưng không phải đến khi Yamagata qua đời vào năm 1922 hay việc gia tăng số lượng các chính phủ dưới sự lãnh đạo của nội các vào năm 1924, mà từ trước đó quân đội đã tôn sùng "quyền chỉ huy tối cao" và phản ứng lại một cách gay gắt trước hành vi can thiệp của bất kỳ chính trị gia hoặc quan chức nhà nước nào đối với việc thực thi quyền chỉ huy tối cao đó của nhật Hoàng.

Trước nguy cơ phải đương đầu với sự chỉ trích ngày càng tăng của quần chúng nhân dân, sự giảm sút lòng tôn kính đối với thể chế do Nhật Hoàng đứng đầu và việc thực hiện chính sách thắt chặt chi tiêu của nội các, quân đội đặc biệt chú trọng vào tính "độc lập" của quyền chỉ huy tối cao. Điều này có ý nghĩa phủ nhận sự tham gia của nội các trong những vấn đề liên quan đến mệnh lệnh quân sự, đồng thời cũng phủ nhận nguyên tắc " quyền kiểm soát dân sự" của lực lượng vũ trang đang có hiệu lực tại thời điểm đó và khẳng định quân đội không lệ thuộc vào bất kỳ quyền dân sự nào. Vấn đề về quyền kiểm soát dân sự bắt đầu nảy sinh

tảisáchhay

vào tháng 10 năm 1920 khi Bộ Trưởng Tài Chính Takahashi có văn bản gửi Thủ tướng Hara đề xuất việc cần phải bãi bỏ Bộ Tổng tham mưu Quân đội và Hải quân và một số tổ chức khác . Sau đó, quân đội bắt đầu tìm cách để bảo vệ mình trước quyền kiểm soát dân sự một cách hiệu quả nhất.Vào ngày 2 tháng 11 năm 1925, Bộ Trưởng Quốc phòng Ugaki đã có một bài diễn thuyết đặc biệt trước Nhật Hoàng nhằm vận động Hirohito phản đối lại quyền kiểm soát dân sự đối với quân đội. Thay vì thay đổi thể chế quân phiệt để phù hợp với lòng dân, Hirohito đã quyết định bác bỏ quan điểm về quyền kiểm soát dân sự đối với quân đội và kiên quyết bảo vệ quan điểm về tính "độc lập" của quyền chỉ huy tối cao trước sự can thiệp của nội các.

Đây rõ ràng không phải là ví dụ về việc tuân thủ truyền thống của Hirohito. Vào giữa những năm 1920, lực lượng quân đội và Hải quân đã có bước khởi đầu mới bằng cách chú trọng hoàn toàn vào sự "độc lập". Theo học thuyết mới này, không chỉ quân đội và Hải quân, thay vì nội các, trực tiếp phụ thuộc vào nhật Hoàng, mà bất kể thứ gì ảnh hưởng đến lợi ích của quân đội mà quân đội có được từ hiến pháp cũng quan trọng hơn nhiều so với số phận của bất kỳ chính phủ cụ thể nào, hay những giới hạn về tài chính của chính phủ đó cũng như không dính dáng gì đến bất kỳ cơ quan nào khác của nhà nước. Những quan chức quân đội bị ảnh hưởng bởi tư tưởng này trở nên khinh nhờn chính quyền dân sự. Khi các đảng phái chính trị tiếp tục giành được quyền lực trong chính phủ, thái độ khinh nhờn này đã dễ dàng khiến cho các quan chức quân đội tin rằng nội các phải chịu trách nhiệm về tất cả những bất bình của xã hội phát sinh trong thời kỳ kinh tế khó khăn cũng như các vấn đề mà Nhật Bản đang phải đương đầu tại Trung Quốc. Tuy nhiên, trong thời gian Hirohito nhiếp chính, các chỉ huy quân sự cấp cao dành mối quan tâm nhiều hơn cho việc củng cố hệ thống do Nhật Hoàng đứng đầu và đưa giáo dục quân sự vào giảng dạy trong hệ thống các trường công lập hơn là việc cải cách nền chính trị của đất nước.

Năm 1925, Bộ trưởng Quốc phòng Ugaki, được sự tán thành của Hirohito, đã cử các sĩ quan tại ngũ vào giảng dạy quân sự tại các trường trung học cơ sở và đại học của Nhật Bản. Động thái này không được các nhà sư phạm ủng hộ và nhanh chóng dẫn đến mâu thuẫn giữa các quan chức dân sự và quan chức quân sự. Nhưng theo quan điểm của phụ tá đứng đầu, Tướng Nara, điều này ít nhất "có tác dụng như một liều thuốc hữu hiệu làm cho quân đội có thái độ hòa nhã." Thật thú vị khi cho rằng Hirohito coi động thái đó như một biện pháp kích thích niềm say mê phục vụ đất nước và phục vụ Nhật Hoàng của học sinh sinh viên thông qua hình thức truyền bá kiến thức quân đội vào nhà trường, tuy nhiên không có tài liệu nào cho thấy suy nghĩ thật sự của Hirohito về vấn đề này.

Năm 1925 cũng là một năm đáng ghi nhớ đối với bản thân Hirohito. Trong năm đó, Hirohito phải đảm nhận thêm các nhiệm vụ quân sự và phải thực hiện các chuyến công du liên quan đến việc thực thi các nhiệm vụ quân sự đó. Đây cũng là năm Hirohito dần dần nhận ra vấn đề bè phái đang diễn ra một cách nghiêm trọng trong nội bộ quân đội. Ngày 10 tháng 8, Hirohito cùng Hoàng tử Takamatsu có chuyến công du nước ngoài trên chiến hạm *Nagato,* đi theo đoàn có bốn tàu khu trục hộ tống. Đoàn khởi hành từ Hayama đi đến cảng Karafuto (nam Sakhalin) trong chuyến công du kéo dài một ngày đến thuộc địa của Nhật Bản tại cực bắc. Khoảng 60.000 người Nhật Bản định cư tại đây đã đến chào mừng Hirohito khi tàu cập cảng Karafuto. Hirohito cùng đoàn xe hộ tống đi kiểm tra một nhà máy sản xuất bột gỗ và

tảisáchhay

một trường học, tuy nhiên phần lớn thời gian tại đây Hirohito dành để xem xét quần thể thực vật bản địa.Khi trở về Tokyo, Hirohito đến thăm cha mẹ lúc đó đang sống tại Nikko. Ngày 11 tháng 10, Hirohito tham dự cuộc tổng duyệt lần cuối cuộc diễn tập quan trọng của quân đội tại vùng Tohoku. Tuy nhiên, sau hai tuần sống tại thao trường, Hirohito đã bị "sốt do chứng táo bón" và buộc phải quay trở về Tokyo. Sau đó không lâu, Hirohito được thăng chức đại tá quân sự và đại tá Hải quân.

Vào thời điểm đó, Hirohito đã biết việc Bộ trưởng Quốc phòng Ugaki đang bị một số nhóm người trong quân đội chống đối. Nara có thể đã nói cho Hirohito biết tâm trạng bất mãn và vô kỷ luật của những sĩ quan trẻ và trung tuổi xuất phát từ phản ứng của họ trước tình hình chống đối quân đội và cắt giảm biên chế diễn ra tại thời điểm đó. Hirohito dường như đón nhận thông tin này một cách bình thản. Ở tuổi 24, Hirohito chưa có đủ kinh nghiệm để có thể tưởng tượng được tình hình bất ổn đó rồi sẽ có kết cục như thế nào. Hirohito cũng không nhận ra bất kỳ mối đe dọa nào tiềm ẩn trong sự bất ổn đó đối với tương lai của mình. Việc Hirohito ủng hộ chủ trương cử các sĩ quan đang tại ngũ vào giảng dạy quân sự tại các trường học vô tình đã củng cố lòng tin vị kỷ của các quan chức quân sự, rằng họ là những người thích hợp nhất trong vai trò dẫn đầu xét về mặt đạo đức xã hội. Trong giai đoạn này, Hirohito đã có một bước tiến quan trọng trong việc chuẩn bị huy động mọi nguồn lực của đất nước trong trường hợp xảy ra chiến tranh.

V

Vào thời điểm khi các thể chế chính trị có uy tín được đề cập dưới đây đang phải đối mặt với sự lỏng lẻo về thể chế và những thách thức chính trị, Hirohito đã có được những kinh nghiệm quân sự cần thiết. Và cũng trong thời gian này, Hirohito tập trung quan sát cách Makino củng cố sự độc lập của triều đình trước sự kiểm soát của nội các chính phủ. Đây chính xác là điều mà Makino và Saionji từng mong muốn sau khi Hara qua đời. Không một ai trong Makino và Saionji tin rằng Hoàng thái tử nhiếp chính lại có đủ chín chắn và kiến thức để có thể sử dụng những đánh giá của riêng mình can thiệp vào các vấn đề chính trị. Chính vì lẽ đó, trong năm lần thay đổi nội các xảy ra vào các năm từ 1921 đến 1926, Hirohito chỉ chứng kiến mà không đưa ra bất kỳ bình luận gì. Hirohito cũng theo dõi các hoạt động của bảy khóa họp thường kỳ của Nghị viện từ khóa 45 đến khóa 52. Ba vị thủ tướng đầu tiên của Nhật Bản trong thời gian Hirohito nhiếp chính là Takashi Korekiyo, Kato Tomosaburo và Yamamoto Gonbei đều do các *nguyên lão* lựa chọn. Tuy nhiên, tháng 7 năm 1924, *nguyên lão* Matsukata Masayoshi qua đời, khi đó chỉ còn lại mình *nguyên lão* Saionji Kinmochi đảm nhiệm vai trò tiến cử thủ tướng cho chính phủ tiếp theo. Khi nội các của thủ tướng Yamamoto từ chức để nhận trách nhiệm về sự kiện Toranomon, Hirohito đã nghe theo lời khuyên của Hoàng thân Saionji (được coi là "người ủng hộ chủ nghĩa lập hiến" có ảnh hưởng lớn) ra lệnh cho Kiyoura Keigo, chủ tịch Hội đồng Cơ mật và là kẻ thù không đội trời chung của nội các, thành lập chính phủ không đảng phái.

«Nội các mang tính siêu việt» này của Kiyoura, với nền tảng là những lãnh đạo đã được bổ nhiệm của Thượng Viện, đã phớt lờ những yêu cầu của Hạ Viện. Rút cuộc, động thái này của nội các Kiyoura đã khiến cho các đảng phái trong Nghị viện phát động một phong trào (được biết đến với tên gọi «phong trào bảo vệ hiến pháp thứ hai») nhằm bảo vệ các quyền

tảisáchhay

lợi chính trị của họ. Trong vòng năm tháng, các đảng phái đã vô hiệu hóa thành công Kiyoura bất chấp việc ông này nhận được sự ủng họ từ phía Hoàng thái tử nhiếp chính. Trong cuộc tổng tuyển cử diễn ra vào ngày 10 tháng 5 năm 1924, «phe Đồng Minh gồm ba phái với mục đích bảo vệ hiến pháp» đã giành thắng lợi áp đảo; và vào ngày 7 tháng 6 năm 1924, Kiyoura đã từ chức. Ngay sau đó, Hirohito đã cử một phái viên đến Saionji, củng cố tình hình tại Tokyo và tiến cử Kato Komei, chủ tịch đảng Kenseikai thay thế vị trí của Kiyoura. Kato ngay lập tức thành lập một nội các Hội Quốc Liên gồm ba đảng phái, báo hiệu thắng lợi lớn của phong trào dân chủ Đại Chính. Tuy nhiên, thắng lợi có được nhờ sự đoàn kết của các đảng phái trước thế lực của các đầu sỏ chính trị và tầng lớp đặc quyền đặc lợi chỉ tồn tại đến mùa hè năm 1925, sau đó xung đột trong nghị viện lại tiếp tục diễn ra với sự xuất hiện của tư tưởng *quốc thể (kukutai)* (nghĩa là nhật Hoàng) như một thứ vũ khí lợi hại được các đảng phái sử dụng để chống lại nhau.

Nhiệm kỳ thủ tướng của Kato kéo dài từ Nghị viện Khóa 49, bắt đầu từ ngày 28 tháng 6 năm 1924 đến hết khóa 51 vào ngày 26 tháng 12 năm 1926. Trong thời kỳ này, công cuộc cải cách quân sự, chính sách không can thiệp vào Trung Quốc được Tướng Ugaki được soạn thảo cùng với Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao Shidehara và dự luật gìn giữ hòa bình mang tính hà khắc cao của Tướng Ugaki đã nhận được sự ủng hộ của Hirohito và triều đình. Theo quan điểm của Saionji, cần phải có dự luật gìn giữ hòa bình mang tính hà khắc cao để giữ cho cánh Tả không giành được ghế trong Nghị viện. Do đó, một «cơ cấu» phù hợp cần phải được duy trì để một ngày nào đó có thể khuyếch trương «chính phủ lập hiến». Saionji không hề lo ngại việc luật an ninh mới, thông qua việc nhấn mạnh vào bản chất thần thánh của quốc thể với nền tảng là Hoàng gia, có thể sẽ khiến cho các đảng phái chính trị sử dụng khái niệm *quốc thể* như một thứ vũ khí chính trị để chống lại các đảng phái đối lập.

Ngày 7 tháng Ba năm 1925, Hạ viện thông qua Luật bảo vệ hòa bình nhằm mục đích ngăn chặn tư tưởng vô chính phủ, cộng sản và dân chủ. Đây là luật đầu tiên sử dụng thuật ngữ *quốc thể* kể từ thời Hội đồng Nhà nước còn tồn tại, (Hội đồng này đã kết thúc hoạt động vào năm 1885). Nghị viện đã tranh cãi xung quanh vấn đề liệu có nên chỉ giới hạn *quốc thể* trong ý nghĩa được dùng để chỉ nhật Hoàng, quyền độc lập tối cao, hay gắn *quốc thể* một cách chặt chẽ với các mối quan hệ của nhân dân và hệ thống gia đình Nhật Bản để *quốc thể* có thể được sử dụng với ý nghĩa mang tính định hướng cho những hoạt động mang tính khái quát hơn. Nội các của thủ tướng Kato và các đảng phái chính trị đứng đầu đưa ra quan điểm rằng *quốc thể* chỉ nên giới hạn trong ý nghĩa về vai trò quản lý của Nhật Hoàng đối với các quyền độc lập tối cao và không nên mở rộng ý nghĩa để bao hàm trật tự xã hội và phạm trù đạo đức. Do đó, các tổ chức chủ trương cải cách nhà nước có thể sẽ nhận được sự khoan dung với điều kiện là họ công khai tuyên bố trung hành với Hoàng gia. Tuy nhiên, ngay sau khi luật an ninh mới có hiệu lực, tình hình bắt đầu có sự thay đổi. Vào cuối năm 1926, quốc thể đã trở thành một thứ vũ khí lợi hại trong các cuộc xung đột giữa các đảng phái chính trị, đúng như nó đã có dấu hiệu bùng phát trong cuộc chiến xung quanh vấn đề hôn nhân của Hirohito.

Các cận thần triều đình trở nên lo sợ trước xung đột ngày một gia tăng giữa các đảng phái bảo thủ, và sự căng thẳng giữa các nhóm người có lợi ích trong chính phủ: những người đã được bầu vào Nghị viện và những người không được bầu vào Hội đồng Cơ mật của Nhật

tảisáchhay

Hoàng và Hạ viện. Sự hợp tác giữa các đảng phái trong Nghị viện bắt đầu tan vỡ vào mùa hè năm 1925 và mâu thuẫn đã trở nên sâu sắc hơn trong năm nhiếp chính cuối cùng của Hirohito và thời kỳ đầu Hirohito đảm nhiệm vai trò nhật Hoàng. Wakatsuki Reijirro (giữ chức thủ tướng Nhật Bản từ ngày 30 tháng 1 năm 1926 đến ngày 20 tháng 4 năm 1927) đã phải chịu đựng những xung đột gay gắt tại Nghị viện, làm cho tình hình chính trị ở Nhật Bản trở nên chao đảo và căng thẳng hơn bao giờ hết. Mặc dù Hirohito theo sát từng bước những xung đột này, Hirohito dường như không nắm bắt được mối hiểm nguy tiềm ẩn trong đó. Các bài giảng của giáo sư Mikami về "lòng nhân từ" của Nhật Hoàng Minh Trị đã khiến cho Hirohito tự hứa sẽ chứng tỏ lòng nhân từ của mình. Trước các hành động của các đảng phái thuộc Nghị viện và tác động của Makino, Hirohito tỏ ra quá tích cực trong việc thể hiện lòng nhân từ của mình phía sau hậu trường đến nỗi đã khiến cho tình hình nhanh chóng trở nên xấu đi.

Đầu tiên là việc đảng Seiyukai, trong Nghị viện khóa 51, đã vạch ra sự thối nát của đảng phái cầm quyền khi buộc tội hai quan chức cấp cao của đảng Kenseikai có dính líu đến một vụ bê bối nhà thổ và kêu gọi Wakatsuki từ chức. Tiếp đó, sau khi có kết luận của Nghị viện khóa 51 về vụ việc nêu trên, vào ngày 29 tháng 7 năm 1926, đảng Seiyukai lại đưa ra vấn đề *quốc thể* bằng cách cho các thành viên Nghị viện xem ảnh của một phụ nữ trẻ Nhật Bản tên là Kaneko Fumiko đang ngồi trong lòng người chồng Hàn Quốc của cô, một người chống đối chính trị tên là Pak Yol trong phòng thẩm vấn của cảnh sát. Cặp vợ chồng này bị bắt vào tháng 9 năm 1923, bị giam giữ trong gần 3 năm và cuối cùng bị kết án có âm mưu ám sát Hoàng thái tử. Vào ngày 5 tháng 4 năm 1926, mười một ngày sau khi bản án xét xử cặp vợ chồng này có hiệu lực, nội các của Wakatsuki đã dùng danh nghĩa Nhật Hoàng giảm hình phạt của cặp vợ chồng này xuống mức tù chung thân. Ngay lập tức xuất hiện một cuốn sách nặc danh kèm theo tấm ảnh nêu trên buộc tội nội các đảng Kenseikai của Wakatsuki và Bộ trưởng Bộ Tư pháp Egi Tasuku thiếu nhận thức về *quốc thể* khi thay đổi bản án xử tử hình cặp vợ chồng này.

Tất nhiên, Hoàng thái tử không bình luận gì về vấn đề này mặc dù chính Hoàng thái tử là người đã giật dây phía sau hậu trường về việc giảm án. Hirohito chỉ đơn giản thông báo cho Chinda rằng ông cảm thấy cặp vợ chồng này đã không làm điều gì để phải chịu một hình phạt tàn nhẫn đến như vậy. Sự chỉ trích ầm ĩ từ các viện của Nghị viện cùng với thái độ của Bộ nội vụ về vấn đề này quả thực đi ngược lại với cam kết của Hirohito về quan niệm lòng nhân từ và lòng trắc ẩn, điều đã đã thúc đẩy Hirohito đi đến hành động như vậy. Tuy nhiên, hậu quả không lường trước xuất phát từ mong muốn cá nhân của Hirohito nhằm chứng tỏ thái độ đúng đắn của Nhật Hoàng thông qua việc cứu sống Pak Yol và Kaneko Fumiko đã làm cho cuộc tranh cãi tại Nghị viện xung quanh vấn đề *quốc thể* trở nên căng thẳng.

Các chính trị gia Ogawa Heikichi, Mori Tsutomo và các lãnh tụ khác của các đảng Seiyukai và Seiyu Honto ủng hộ những lời buộc tội của Nghị viện cho rằng Wakatsuki đã chống lại *quốc thể*. Trong hội nghị toàn thể các thành viên của Nghị viện tổ chức vào tháng 9 năm 1926, chủ tịch đảng Seiyukai Tanaka đã tuyên bố rằng «Vấn đề về [tấm ảnh của Pak Yol] này .... vượt ra khỏi phạm vi đúng - sai của chính sách», đi ngược lại với bản chất của khái niệm *quốc thể*.»Vào tháng 10, trong một cuộc họp của đảng Seiyukai, một lãnh tụ của đảng này đã tuyên bố «Phải nói rằng việc này đã tạo ra một tiền lệ xấu, ảnh hưởng tiêu cực đến

tảisáchhay

quốc thể bởi vì họ [nội các của Wakatsuki] không nghĩ đến tầm quan trọng của đời sống chính trị. Khi Hoàng gia và khái niệm cơ bản về quốc thể không được quan tâm đúng mức, chúng ta không thể chấp nhận một chính phủ cố tình xem nhẹ vấn đề này».

Như vậy, một khi các đảng phái đã đánh bại đối thủ, họ sẽ không tiếp tục sử dụng ngai vàng như một thứ vũ khí chính trị. Trong các cuộc tranh luận của Nghị viện xunh quanh Luật Bảo vệ hòa bình và vấn đề Pak Yol, vấn đề tình cảm gắn liền với việc hợp pháp hóa quyền lực của nhà nước và bản sắc dân tộc Nhật Bản là các vấn đề được đề cập đến nhiều nhất. Trong hoàn cảnh đó, Hirohito và các cận thần nhận thấy rằng việc lún sâu vào cuộc xung đột chính trị là không thể tránh khỏi.

VI

Trong suốt những năm Hirohito nhiếp chính, người dân Nhật Bản thuộc mọi tầng lớp xã hội đã tranh cãi về ý nghĩa của khái niệm *quốc thể*, nhằm tìm ra một số khái niệm thống nhất và có ý nghĩa mang tính cơ bản và bền vững làm chỗ dựa cho Nhật Bản, một đất nước đang trong thời kỳ trải qua những thay đổi rất nhanh chóng về công nghiệp và xã hội. Nếu như sự hiện diện của thái tử nhiếp chính trẻ tuổi, sự gia tăng hoạt động của phong trào dân chủ Đại Chính và sự thay đổi về nền tảng và định hướng trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản trong thời kỳ này có một ý nghĩa nào đó, thì đó chính là việc Nhật Bản phải trải qua quá trình thảo luận và xác định lại ý nghĩa của *quốc thể* trên quy mô toàn quốc. được thể hiện rõ trong các cuộc tranh cãi xunh quanh khái niệm này. Cả Hirohito và Makino hay bất kỳ người nào khác trong triều đình đều không hay biết điều gì đã làm chậm, liên tục làm xói mòn niềm tin của nhân dân Nhật Bản vào hệ tư tưởng đã được thiết lập. Nhằm đối phó với thách thức mà được biểu hiện rõ nhất bên phía phía cánh Tả, triều đình đã nỗ lực củng cố lối giải thích mang tính chính thống về hệ tư tưởng *quốc thể* song song với việc tăng cường quyền lực của Nhật Hoàng bằng cách chuẩn bị đưa Hirohito lên ngôi.

Trong những năm Hirohito nhiếp chính, các cuộc tranh luận về *quốc thể* nổ ra giữa các nhóm cầm quyền và các nhóm không cầm quyền đã cho thấy sự mất niềm tin đáng kể vào chế độ quân chủ, sự suy yếu của sợi dây ràng buộc về mặt tư tưởng của một số bộ phận các nhóm sĩ quan quân đội vào Hoàng gia, và việc mất dần niềm tin vào tư tưởng *quốc thể* chính thống. Vào cuối thời kỳ nhiếp chính của Hirohito, ý nghĩa chính xác của *quốc thể* đã được tách ra khỏi tính chất kỳ diệu mang tính thần thoại của khái niệm này và được hiểu một cách tự do. *Quốc thể* có khuynh hướng được hiểu với ý nghĩa tuỳ thuộc vào mong muốn của bất kỳ người hay nhóm người nào như sửa sai, trừng phạt đối thủ, tăng quyền lực hay chỉ đơn giản là điều chỉnh tầm nhận thức về chính trị của người dân Nhật Bản.

Có thể nói, những năm 1920 là thời kỳ diễn ra xung đột gay gắt về tư tưởng và văn hóa tại Nhật Bản: trong khi chính phủ, Hoàng thái tử nhiếp chính và quần thần trong triều đình trung thành với lối giải thích truyền thống về *quốc thể*, những người có tư tưởng cải cách thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau lại nỗ lực hết sức để làm cho hệ tư tưởng dân tộc của Nhật Bản phù hợp với tư tưởng khoa khọc hiện đại, cũng như xu hướng tiến tới sự cai trị quan liêu. Vấn đề *quốc thể* đã trở thành đề tài tranh cãi không chỉ của các chính trị gia hay các quan chức thuộc lực lượng vũ trang mà còn cả các thầy tế tại các đền thờ và các giáo sư tại

tảisáchhay

các trường đại học. Dù diễn ra tại tầng lớp nào, những cuộc tranh luận này đều tập trung vào tính hợp pháp của sự cai trị của Nhật Hoàng và giá trị đạo đức mà Nhật Hoàng cũng như triều đình đã có hoặc phải có trong xã hội Nhật Bản.

Một số ít những người theo chủ nghĩa tự do lại tìm kiếm sự ủng hộ của Hoàng gia đối với tinh thần và lý luận của nền dân chủ Đại Chính. Trong các cuộc tranh luận chủ đạo về *quốc thể* diễn ra trong giai đoạn này, những người theo chủ nghĩa tự do đã mường tượng ra một hệ thống chính trị tồn tại song song với nền dân chủ nghị viện kiểu phương Tây, và mong muốn bảo vệ Hoàng gia bằng một cách thức hết sức đơn giản là tách Hoàng gia hoàn toàn khỏi đời sống chính trị. Tuy nhiên, hầu hết những tác giả có tư tưởng cải cách chỉ tập trung vào việc làm mới «câu chuyện về nguồn gốc» mà dân tộc Nhật Bản đã sử dụng để giải thích cho đời sống chính trị của đất nước này. Đối lập với quan điểm đó là quan điểm của những người bảo thủ. Những người này khăng khăng cho rằng *quốc thể* bắt nguồn từ sự kế vị trong dòng dõi Hoàng tộc và nhấn mạnh nguyên tắc chỉ có thành viên nam của Hoàng tộc mới được quyền kế vị ngôi Hoàng đế, cũng như nhấn mạnh vào quyền lực chính trị tuyệt đối của nhật Hoàng. Những người theo chủ nghĩa truyền thống thì tỏ ra lo ngại về sự lệ thuộc vào phương Tây của Nhật Bản và không muốn dính líu đến chế độ dân chủ. Theo họ *quốc thể* không thể thay đổi và những ai cố gắng biến Nhật Hoàng đơn thuần chỉ là biểu tượng quốc gia thì người đó đã mắc tội khi quân.

Trong các cuộc tranh luận của những người đứng đầu chính phủ xung quanh vấn đề này, *quốc thể* luôn gắn với vấn đề làm thế nào để kiểm soát được những tư tưởng có hại. Để có được một nền tảng đạo đức ổn định thật sự cho đời sống chính trị tại Nhật Bản, *quốc thể* cần phải được sự chấp nhận của tất cả mọi người. Tuy nhiên, càng bàn cãi, tranh luận và giải thích bao nhiêu, *quốc thể* càng khó có thể trở thành nền tảng đạo đức chung bấy nhiêu. Với mục đích chống lại luồng tư tưởng dân chủ và tăng cường quyền lực đang bị suy yếu của nhật Hoàng, ngày 10 tháng 11 năm 1923, nội các của Kiyoura đã thông qua một «chính sách văn hóa» dựa trên Sắc lệnh về việc tăng cường tinh thần dân tộc của Thái tử nhiếp chính. Sau đó, vào tháng 2 năm 1924, Thủ tướng Kiyoura đã thành lập Hiệp hội các Tổ chức Văn hóa Quốc gia để hưởng ứng lời kêu gọi củng cố tư tưởng và «thức tỉnh tinh thần dân tộc» của Hirohito. Hiệp hội đã mời các đại diện của các tôn giáo như đạo Shinto, Cơ đốc giáo và Phật giáo cũng như các lãnh tụ của Nhật liên tông tham dự hội nghị tôn giáo do hiệp hội tổ chức để thảo luận về một chiến dịch mang tầm cỡ quốc gia chống lại «những tư tưởng độc hại» gắn liền với phong trào lao động và cánh Tả.

Được thành lập từ thế kỷ thứ 19, Nhật liên tông đã trải qua thời kỳ vàng son xét về tầm ảnh hưởng và sự phát triển của phái này. Hai trong số những người đứng đầu của phái Nhật liên tông là Honda Nissho và Tanaka Chigaku đã ngay lập tức nắm lấy chiến dịch «tinh thần dân tộc» để thảo ra một lời thỉnh cầu, đề nghị triều đình ban hành sắc lệnhphong cho Nhật Liên, người sáng lập ra tôn giáo này danh hiệu «Người thầy Vĩ đại đã sáng lập ra chân lý» để họ có thể dùng danh hiệu đó vận động những người thuộc các tôn giáo khác đi theo tôn giáo của họ. Sau khi triều đình ban cho Nhật liên danh hiệu nêu trên, Bộ trưởng Bộ Hoàng gia tuyên bố: «Quyết định này được đưa ra xuất phát từ nhận thức mang đậm tính nhân văn của Nhật Hoàng về tình hình tư tưởng hiện nay tại Nhật Bản. Tình hình đó đòi hỏi phải có sự định hướng tốt hơn bằng một tư tưởng đúng đắn và đặc biệt là đức tin không thay đổi».

tảisáchhay

Trên thực tế, Hoàng gia, dưới sự chỉ đạo của Makino và Hirohito, đã ban cho Nhật liên tông tước hiệu đó bởi họ nhận thấy rằng tình hình xã hội tại thời điểm đó đã tồi tệ đến mức cần phải có sự giúp sức của những tín đồ Nhật liên tông, kẻ thù lớn nhất của phong trào dân chủ Đại Chính. Khi Honda đến Bộ Hoàng gia để nhận quyết định phong tước, ông đã đến gặp Makino và nói với Makino rằng Nhật liên tông «sẽ là ngọn cờ của quân đội trong 'cuộc đấu tranh tư tưởng' thời đại ngày nay». Honda cũng bày tỏ lòng yêu nước của mình và lấy làm kiêu hãnh về bản chất chống chế độ dân chủ và cộng sản của phái Nhật liên tông. Việc đạo Phật (hay sự trung thành của các tín đồ Nhật liên tông, nhiều người trong số đó là các quan chức quân sự cấp cao và những nhà tư tưởng cánh hữu thuộc phe dân sự) được bổ sung vào hệ tư tưởng của Nhật Hoàng cho thấy một tín ngưỡng chính thức không bao giờ có thể tạo lập được một ảnh hưởng mang tầm kiểm soát đối với tất cả các tầng lớp trong xã hội Nhật Bản.

Các lực lượng khác cũng có ảnh hưởng đáng kể trong việc chi phối tư tưởng của người dân Nhật Bản và duy trì *quốc thể* trong thời kỳ đó là lực lượng quân đội, các tổ chức chính trị cánh hữu của các nhà hoạt động chính trị, và «các hiệp hội nghiên cứu» chủ nghĩa dân tộc mới. Hiệp hội Quốc gia *(kokuhonsha)* của Nam tước Hiranuma Kiichiro được thành lập năm 1924 và Học viện Golden Pheasant *(Kinkei Gakuin*) do Yasuoka Masahiro thành lập năm 1927 sau này đã trở thành các tổ chức có ảnh hưởng đến phong trào cải cách chống quan liêu trong những năm 1930. Học viện Golden Pheasant có mối liên hệ trực tiếp với Nhật Hoàng thông qua người bảo trợ của Yasuoka là Makino Nobuaki, người đã thu xếp để Bộ trưởng Bộ Hoàng gia Sekiya Teizaburo tham gia vào các hoạt động giáo dục và tuyên truyền của Học viện với tư cách là người đại diện của nhật Hoàng.

Bất chấp các chiến dịch được sự hậu thuẫn của chính phủ trong việc kiểm soát các cuộc bàn cãi xung quanh vấn đề *quốc thể*, các nỗ lực không chính thức nhằm nâng cao tầm nhận thức chính trị của người dân Nhật Bản thông qua việc giải thích lại ý nghĩa của khái niệm *quốc thể* vẫn tiếp tục được diễn ra. Năm 1921, Thượng nghị sĩ cũng là cựu nhân viên Bộ nội vụ Nagata Shujiro đã viết một cuốn sách bênh vực nhật Hoàng. Theo ông, Nhật Hoàng là biểu tượng quốc gia và cần thiết cho lợi ích xã hội. Ông phản đối quan điểm chính thống về *quốc thể* dựa trên cơ sở thần thoại và bày tỏ sự tin tưởng rằng Hoàng gia có thể giành được tình cảm và sự ủng hộ của người dân nếu Hoàng gia trở thành một «thế lực mang tính tinh thần», đứng ngoài các hoạt động chính trị. Năm 1925, biên tập viên, thư ký của Bộ Hoàng gia, Watanabe Ikujiro đã cho xuất bản cuốn *Koshitsu to shakai mondai* (Những vấn đề về Hoàng gia và xã hội Nhật Bản), một tác phẩm có nội dung khuyến khích các công nhân trẻ và những nhà hoạt động xã hội trong phong trào lao động phối hợp với Hoàng gia để giải quyết các tệ nạn xã hội.

Quan điểm mang tính thần thoại của *quốc thể* cũng gặp phải sự chỉ trích trong giới quân sự. Năm 1923, Đại úy Hải quân Horiki Yuzo đã cho xuất bản một cuốn sách viết về tư tưởng hiện đại và giáo dục quốc phòng. Theo ông «mối đe dọa đối với nhà nước không nằm ở chỗ có sự du nhập của tư tưởng mới mà ở chính ở nỗ lực nhằm duy trì tư tưởng cũ». Ông dự đoán việc làm đó cuối cùng «sẽ dẫn đến hiểu lầm rằng *quốc thể* của chúng ta không hòa hợp được với những tư tưởng mới» Năm 1924, khi Hội Cứu trợ của các Sĩ quan Quân đội *(Kaikoshai*) cho đăng tải các bài viết về vấn đề giáo dục chiến sĩ với chủ đề ''tại sao quốc thể

tảisáchhay

lại được đề cao và có uy tín đến vậy» trên tờ *Kaikosha kiji* của Hội, viên sĩ quan phụ trách việc đánh giá những bài viết này, Thiếu tướng Okudaira Toshizo đã phàn nàn rằng «các sĩ quan trẻ không quá coi trọng vấn đề này».

Các bằng chứng trước đó cho thấy kể từ khoảng cuối Chiến tranh Thế giới thứ Nhất dần dần đã bắt đầu có sự giảm sút trong quan điểm nhận thức chung của người dân Nhật Bản về bản sắc dân tộc: các truyền thuyết đã tạo nên «những nguyên tắc cơ bản về nền tảng của đất nước». Nhiều quan chức quân sự đổ lỗi cho phong trào dân chủ Đại Chính về hiện tượng thiếu niềm tin vào những nguyên tắc cơ bản ngày một gia tăng cứ như thể «nền dân chủ» là nguyên nhân dẫn đến việc suy giảm kỷ luật của các cấp bậc trong lực lượng vũ trang và khoảng cách ngày càng lớn giữa quân đội và nhân dân.

Các cuộc thăm dò về «hình ảnh của nhật Hoàng» được thực hiện trong lực lượng vũ trang trong những thập niên giữa hai cuộc Chiến tranh Thế giới cũng cho thấy sự giảm sút về "tỉ lệ ủng hộ" đối với Hirohito trong hàng ngũ những người được cho là tận tâm nhất, sẵn sàng hy sinh vì Hirohito. Quân đội và Hải quân Hoàng gia đã cho tổ chức các lớp đào tạo sĩ quan dự bị dành cho các thanh thiếu niên tuổi từ 14 đến 15 đã qua tuyển chọn trong thời gian ba năm tại các trường đào tạo sĩ quan. Học viên tốt nghiệp các trường này thường sẽ tiếp tục theo học tại Học viện Quân sự hoặc Học viện Hải quân. Theo kết quả một cuộc điều tra được thực hiện trong thời gian diễn ra và sau khi kết thúc Chiến tranh Thế giới thứ Hai, thông qua các phiếu điều tra và các bản câu hỏi được phát cho hàng nghìn học viên đã tốt nghiệp từ các học viện quân sự và các trường đạo tạo sĩ quan - phần lớn trong số họ giữ các vị trí sĩ quan tham mưu tại Tokyo trong thời gian xảy ra cuộc Chiến tranh châu Á – Thái Bình Dương, Kawano Hitoshi đã đi đến kết luận rằng: trong giai đoạn từ năm 1922 đến 1931, lý do lựa chọn phục vụ trong quân đội vì ý thức được "phục vụ nhật Hoàng" ngày càng giảm sút.

Nhằm ngăn chặn những xu thế này, chính phủ đã phải sử dụng đến phương pháp trấn áp, thu hẹp giới hạn cho phép đối với các cuộc thảo luận mang tính chỉ trích về vấn đề *quốc thể*. Trường hợp mắc tội khi quân của Inoue Tetsujiro xảy ra vào cuối thời kỳ nhiếp chính của Hirohito đã được Kawai và Makino xem xét cẩn thận cho thấy *quốc thể*, khái niệm "hợp pháp hóa" chính phủ Nhật Bản, không chỉ có thể được sử dụng để chia rẽ người dân Nhật Bản mà còn làm đảo lộn các mối quan hệ quyền lực trong xã hội.

Tháng 10 năm 1926, Bộ nội vụ đã chính thức cấm lưu hành một cuốn sách của Inoue (một Thượng nghị sĩ) sau khi Phó đại thần Kawai Yahachi đã đọc và thảo luận nội dung với Huân tước Hội đồng Cơ mật Kakino và sau khi cuốn sách này gặp phải sự phẫn nộ của những người thuộc cánh hữu. Inoue, tác giả bài bình luận chính thức về sắc lệnhGiáo dục và người chỉ trích đạo Cơ đốc thuộc phái bảo thủ, đã phân tích mối quan hệ giữa *quốc thể* và đạo đức dân tộc với mục đích tìm ra cơ sở phù hợp để hợp pháp hóa thể chế Hoàng gia. Nghiên cứu được thực hiện vào năm 1925 của ông phê phán "các câu chuyện thần thoại" liên quan đến ba biểu chương của Hoàng gia và khái niệm dòng dõi Hoàng gia "tồn tại cùng trời đất". Ông cũng cố gắng chứng minh rằng học thuyết chính thống của Nhật Bản, học thuyết chỉ dựa trên "câu chuyện thần thoại" về "dòng dõi không bao giờ bị gián đoạn của Hoàng gia" là không thể chấp nhận được đối với một quốc gia hiện đại. Theo Inoue, tính độc nhất của

tảisáchhay

quốc thể nằm ở chính tính "đạo đức" "nhân văn" và cải lương của khái niệm này. Chính tính chất cải lương của khái niệm này, tính chất đã tạo nên "sự dân chủ" và "sự tự do của giai cấp công nhân" là một phần của tinh thần mang tính truyền thống của Hoàng gia. Với mong muốn xóa bỏ những quan điểm này, Inoue đã nghiêng về tư tưởng dân chủ Đại Chính sau cả sự nghiệp chống lại sự tiến bộ và cải cách chính trị.

Cuốn sách của Inoue đã được các nhân viên kiểm duyệt cho phép xuất bản và được bày bán tại các hiệu sách ởTokyo vào tháng 9 năm 1925. Nhưng sau khi Inoue bị gán cho tội khi quân, cuốn sách này đã bị thu hồi và chính thức bị cấm lưu hành. Cánh hữu đã viết một cuốn sách chỉ trích Inoue (cuốn sách này cũng được gửi cho Bộ Nội vụ và Bộ Hoàng gia) buộc tội Inoue đã phạm tội khi quân khi chống lại ba biểu chương của Hoàng gia và kêu gọi cần phải ban hành lệnh cấm bán và truyền bá cuốn sách này. Tuy nhiên, những người khởi xướng công tác kiểm duyệt chống lại Inoue lại là những đồng nghiệp trước đây của ông tại Daito Bunka Gakuin, trường đại học nơi Inoue là hiệu trưởng. Tức giận trước việc Noble sa thải các giáo sư phản đối các cải cách của ông, họ tổ chức đình công, đóng cửa trường học và xúi giục "lãnh tụ những người yêu nước đáng kính" Toyama Mitsuru và những nhà lý luận cánh hữu soạn thảo một cuốn sách chống lại Inoue nhằm mục đích kiện Inoue vì dám bày tỏ thái độ hoài nghi đối với hệ tư tưởng về quyền lực của Nhật Bản. Rốt cuộc, trường hợp phạm tội khi quân của Inoue và việc Seiyukai đã làm cho vụ Pak Yol trở thành một vụ việc mang tính chính trị là những dấu hiệu cho thấy quá trình tìm kiếm những cơ sở mới nhằm giải thích tính hợp pháp của nhà nước do Nhật Hoàng đứng đầu trong thời đại Đại Chính cuối cùng đã không đem lại kết quả.

Tuy nhiên, dường như các cận thần của Hirohito giám sát vụ việc của Inoue không mấy chú ý đến các luồng tư tưởng phát sinh từ và tồn tại song song với tư tưởng chính thống (ví dụ như một tôn giáo có tên là Omotokyo được hình thành dựa trên tư tưởng đạo Shinto) trong các cuộc tranh cãi và đóng góp vào quá trình tạo nên chủ nghĩa dân tộc "cực đoan" Nhật Bản. Các quan chức triều đình cấp cao do không đoán biết được quan điểm đạo đức của những người bị lôi cuốn trước những tư tưởng của những người tin vào thời đại hoàng kim, đã bỏ qua không ghi lại các quan điểm này trong nhật ký của họ, mặc dù họ có thể đã đọc được tin tức về các tư tưởng này trong các báo cáo của cảnh sát. Hirohito có thể không chú ý đến các tư tưởng này. Nếu chúng có xuất hiện đâu đó trong các câu chuyện của Hirohito, thì đó chỉ bởi vì những tư tưởng này đã ảnh hưởng đến đời sống chính trị Nhật Bản vào cuối thời Đại Chính và chuẩn bị nền tảng cho việc bắt đầu lại nền quân chủ mang đậm tính dân tộc khi bước sang thời đại Thiên Hoà.

Các nhóm theo chủ nghĩa dân tộc thuộc phái Nhật liên tông đã có các bài giảng về một hình thức ảnh hưởng cụ thể của tư tưởng *quốc thể* theo quan điểm của những người tin vào thời đại hoàng kim phát triển mạnh trong những năm 1920 tại Nhật Bản cho những người thuộc tầng lớp trung lưu thành thị. Tanaka Chigaku, lãnh tụ tinh thần của một trong những nhóm này vô cùng căm ghét phong trào dân chủ Đại Chính. Tanaka đã liên hệ Nhật liên tông với sự bành trướng của đế quốc Nhật và làm «sáng tỏ khái niệm về *quốc thể*», đề tài xuyên suốt cuộc đời ông. Là người có niềm tin tuyệt đối vào chủ nghĩa bài ngoại nhưng không phân biệt chủng tộc, Tanaka tìm mọi cách để lấy lòng triều đình và làm cho đức tin đối với Nhật liên tông trở thành quốc giáo của Nhật Bản. Năm 1914, Tanaka đổi tên tổ chức truyền giáo của

tảisáchhay

ông thành «Kokuchukai» (Trụ cột của nhà nước) trong đó «trụ cột» được dùng để biểu thị cho *quốc thể* và có các bài giảng về «sự trong sáng» của cụm từ này. Cũng giống như những người khác thuộc đảng bảo thủ, những người đã coi nền dân chủ như kẻ thù của họ trong những năm 1920 và 1930, Tanaka đã đưa vào các bài giảng của mình lòng căm thù đối với người Do thái và trong quãng đời còn lại tên tuổi ông thường gắn với «Do thái Hiền nhân Nghị định thư, một luật của cảnh sát dưới thời Nga Hoàng ở nước Nga đã trở thành nguồn học thuyết chính của những người Nhật Bản, cũng như nhiều người châu Âu theo chủ nghĩa bài Do thái. Bằng các hoạt động của tổ chức Kokuchukai, những bài giảng và nhiều bài giảng của chính ông kêu gọi nhân dân chung sức với nhà nước do Nhật Hoàng đứng đầu trong một kế hoạch lớn nhằm thống nhất thế giới, Tanaka đã giành được sự yêu mến của nhân dân trong kỷ nguyên Đại Chính.

Trong hàng ngũ của Kokuchukai nổi lên các quan chức quân sự được Hirohito cất nhắc vào những vị trí quan trọng như Ishiwara Kanji, người đã gia nhập tổ chức Kokuchukai vào tháng 4 năm 1920 sau khi tốt nghiệp trường Đại học Chiến tranh và thỉnh thoảng có các bài giảng cho tổ chức này. Ishiwara sau này trở thành người chủ trương tiến hành chiến tranh thế giới và là người chủ mưu trong sự kiện Mãn Châu Lý xảy ra vào năm 1931. Không chỉ lo ngại trước sự đe dọa của Trung Hoa Dân Quốc và Liên Xô đối với các lợi ích của Nhật Bản tại Mãn Châu Lý mà Thiên hi Niên thuyết của tổ chức Kokuchukai của Tanaka cũng là một nguyên nhân khiến cho Ishiwara đi đến hành động như vậy. Honjio Shigeru, đồng nghiệp của Ishiwara và cũng là tư lệnh của đạo quân Quan Đông tại Mãn Châu Lý vào thời điểm đó cũng là một tín đồ của Nhật liên tông. Kita Ikki không có quan hệ trực tiếp với tổ chức Kokuchukai của Tanaka, nhưng do gia đình ông theo phái Nhật liên tông, và nhận thức về tôn giáo của riêng ông đã khiến ông trở thành một tín đồ Nhật liên tông.

Phong trào Nhật liên tông dân tộc chủ nghĩa vì vậy đóng vai trò như một chất xúc tác quan trọng trong quá trình hình thành chủ nghĩa dân tộc cực đoan tại Nhật Bản. Tư tưởng của phái Nhật liên tông không chỉ có ảnh hưởng đến các sĩ quan quân đội, những người tham gia vào đời sống chính trị của đất nước trong thời kỳ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới mà còn trở thành một phần của bối cảnh lịch sử, trong đó tư tưởng cho rằng Nhật Bản có nhiệm vụ thống nhất thế giới tồn tại trong suốt thời gian Hirohito chính thức cai trị ngai vàng.

tảisáchhay

5. Chế độ Quân chủ và Chủ nghĩa Dân tộc Mới

Thời kỳ làm quan nhiếp chính của Hoàng tử Hirohito đã kết thúc khi Nhật Hoàng Đại Chính mất tại Hayama vào lúc 1.25 sáng ngày 25 tháng 12 năm 1926. Ngay lập tức, Hirohito lên nối ngôi. Lễ phục Hoàng gia được trao lại cho Hirohito, và ở tuổi 25, ông trở thành Hoàng đế thứ 124 của Nhật Bản theo quyền lợi của dòng họ, truyền thống, thần thoại và lịch sử, nhưng cũng theo cả quyền trong hiến pháp. Sau đó một nghi lễ ngắn gọn được cử hành vì Điều 1 của hiến pháp quy định "dòng họ Hoàng đế sẽ liên tục trị vì và chi phối Đế chế Nhật Bản qua nhiều triều đại". Đồng thời, Hirohito trở thành Tổng tư lệnh của lực lượng vũ trang, có quyền ban bố mệnh lệnh mà không cần phải hỏi ý kiến của nội các.

Ngay sau đó, Hội đồng Cơ mật đã họp và theo phong tục có từ thời Phục hưng, lập ra chương trình nghị sự dưới sự trị vì của Nhật Hoàng mới. Triều đại và đế hiệu mà ông truyền lại sau này sẽ là "Chiêu Hoà," theo nghĩa văn học là "Sự sáng suốt" và "sự hòa hợp" hoặc "hoà thuận..." - và đế hiệu nàyđã được chính thức công bố ngày 28 tháng 12.

Cùng ngày, Nhật Hoàng mới đã ban bố một loạt chiếu chỉ đối với binh lính và Hải quân, Hoàng tử Kan'in, Thủ tướng Wakatsuki và Hoàng tử Saionji, và cả nước nói chung, nhằm thông báo việc ông nối ngôi và bày tỏ mong muốn tiếp tục nhận được sự trung thành của họ. Thông qua các chiếu chỉ này Hirohito muốn đất nước biết rằng, trong mắt ông, quân đội vẫn được hưởng một vị thế đặc lợi, và *nguyên lão* cuối cùng, Hoàng tử Saionji, sẽ tiếp tục kiểm soát việc bầu thủ tướng kế tiếp. Ông hứa là sẽ hành động theo đúng hiến pháp, "tu dưỡng đức tính của một Nhật Hoàng kế vị và .... giữ gìn nguyên vẹn truyền thống vẻ vang mà ông bà tổ tiên để lại," từ thời "ông nội của chúng ta," trong đó "những tiến bộ về giáo dục" và "những thành tựu về quân sự" của ông đã "nâng cao quyền uy của đế chế."

I

Hirohito tham gia đầy đủ hơn vào đời sống chính trị, say mê thực hiện ý tưởng về quyền lực của ông từ thời trẻ.Những người ủng hộ vững chắc nhưng đồng thời cũng hướng dẫn cho ông là nhóm hoạch định: gồm bảy người đàn ông lịch sự và hòa nhã, tất cả đều nhiều tuổi hơn ông, và gây ảnh hưởng liên tục đối với ông liên tục khi họ có mặt ở triều đình. Tùy từng trường hợp khác nhau, tôi muốn gọi bảy người đàn ông này là "nhóm triều đình", "ban tham mưu" hoặc "những người tùy tùng" trong cung điện. Các thành viên của "nhóm triều đình" giữ những vị trí chính thức vào cuối những năm 1920 là Quan giữ ấn Makino, Đại nội Đại thần Chinda, Bộ trưởng Bộ Hoàng gia Ichiki và Chỉ huy Sĩ quan hầu cận quân đội -Tướng Nara và ba thư ký cao cấp là những người đứng đầu của ban tham mưu.

Ngày 22 tháng 1 năm 1929, sau khi Đại nội Đại thần Chinda mất, Makino đã đưa Đô đốc về hưu Suzuki Kantaro, người ủng hộ việc cắt giảm lực lượng Hải quân, thế vị trí của Chinda. Suzuki đã phục vụ trong Hải quân được bảy năm cho đến khi giải ngũ năm 1926. Trong khi đó, Chỉ huy trưởng sĩ quan quân đội Nara vẫn tiếp tục phục vụ cho đến khi ông nghỉ hưu vào tháng 4 năm 1933. Mặc dù vai trò của Nara trong các vấn đề quân sự cũng giống như

tảisáchhay

vai trò của Makino trong các vấn đề chính trị, nhưng ông ít khi là người của triều đình và ít trọng trách chính trị hơn Mikano.

Ba thư ký cao cấp là Kawai, Sekiya và (trong một thời gian ngắn) Okabe Nagakage. Họ giúp giải quyết những mâu thuẫn trong chính phủ, thu thập thông tin và gây ảnh hưởng chính trị đối với nhật Hoàng. Kawai khởi đầu sự nghiệp của mình là thư ký trong Thượng nghị viện. Mùa hè năm 1926, ông vào Bộ Hoàng gia với vai trò là trợ lý cho Makino, và năm sau ông đảm nhận thêm nhiều nhiệm vụ, trở thành người phục vụ chính cho Hoàng hậu đồng thời là thư ký cao cấp của đại nội đại thần. Kawai đã kiêm những chức vụ này cho đến năm 1932, khi ông trở thành giám đốc của Phòng Kiểm toán Hoàng gia. Ông là người khó tính, cần cù, vẻ mặt buồn, một người luôn ý thức sâu sắc về sứ mệnh phục vụ Hoàng đế, người mà ông rất kính trọng. Trong suốt sự nghiệp của mình tại Hoàng cung, Kawai gần như ngày nào cũng gặp Hirohito, duy trì những cuộc gặp gỡ thân mật với những người đứng đầu cảnh sát chính trị của Bộ Nội vụ, và thông báo cho Hirohito về chiều hướng đất nước thông qua nguồn tin của cảnh sát.

Sekiya khởi đầu là một viên chức của Bộ Nội vụ và có nhiều kinh nghiệm về Đế chế thuộc địa Nhật Bản. Năm 1921, sau một thời gian ngắn là quận trưởng của quận Shizuoka, ông vào Bộ Hoàng gia với vai trò là người nhận và đưa thông tin đáng tin cậy của Makino. Ông tham gia chuyến công du phương Tây của Hirohito và là người lo liệu cho lễ cưới của Hirohito năm 1924. Với kiến thức thực tế về chính quyền thuộc địa, Seikya đã trợ giúp nhóm triều đình khi Bộ Hoàng gia bắt đầu đầu tư lợi nhuận thu được từ việc chiếm hữu đất đai rộng lớn của Nhật Hoàng vào cổ phần trong các doanh nghiệp thuộc địa. Giống như Kawai, Seikya là người cẩn thận, có năng lực và cần cù - đúng kiểu quan chức mà Hirohito thích làm việc cùng. Ông cũng là người tận tâm giống như Makino để giữ cho triều đình luôn là một thế lực độc lập, không bị nội các các đảng phái kiểm soát.

Nhà quý tộc giàu có Viscount Okabe Nagakage, thành viên thứ ba của nhóm triều đình đóng vai trò liên lạc giữa triều đình với các bộ. Tháng 2 năm 1929, Okabe trở thành thư ký cao cấp của Makino, đồng thời nắm giữ vị trí phó chủ trì các nghi lễ. Trong những người có cấp bậc và địa vị xã hội cao hơn Kawai hoặc Sekiya, Okabe vừa có thái độ rất thoải mái với Nhật Hoàng lại vừa tự tin vào đánh giá của mình về những vấn đề chính trị. Ông ít nhiều ủng hộ phe cánh hữu cấp tiến hơn Makino hay Seikya.

Ảnh hưởng tới các quan chức trong cung điện và một phần bối cảnh triều đình, thậm chí ở ngoài cung điện là những người bảo vệ ngai vàng đặc biệt. Người đứng đầu trong số họ là *nguyên lão* cuối cùng, Saionji Kinmochi. Mặc dù Saionji có những nhận xét hợp lý và có nhiều kinh nghiệm, đôi khi ông đưa ra chỉ dẫn quan trọng cho Hirohito và nhóm triều đình, nhưng các nhà sử học lại quá cường điệu về ảnh hưởng của ông trong các hoạt động chính trị vào cuối những năm 1920 và đầu những năm 1930. Sinh năm 1849 trong một gia đình quý tộc thuộc tầng lớp thứ hai từ đời thượng cổ (*kugu*), Saionji có mối quan hệ đặc biệt với các viên chức trong Hoàng cung, những người đã nhờ ông cố vấn cho dù hiếm khi ông cùng quan điểm với họ. Ông cũng là người bảo vệ trung thành lợi ích kinh tế của tập đoàn lớn Sumitomo, mà người đứng đầu tập đoàn là đó là em trai của ông, Baron Sumitomo Kichizaemon.

tảisáchhay

Trong suốt những năm Makino là bộ trưởng bộ Hoàng gia, Saionji được ủy quyền thực hiện đặc quyền của Hoàng đế trong việc tiến cử người kế vị thủ tướng. Đến tháng 5 năm 1932, khi Hirohito tước quyền kiểm soát đó của ông, Saionji vẫn có ảnh hưởng đến sự kế vị ở mọi triều đại. Ông thường nói thẳng ý kiến của mình về việc bổ nhiệm các thành viên vào nhóm triều đình. Tuy nhiên, kể từ năm 1927, bất kể khi nào nhóm triều đình cân nhắc việc bầu thủ tướng mới, họ đều gửi một bức điện đến Saionji ở Kyoto, Odawara, Okitsu hoặc bất kỳ nơi nào ông đang cư trú. Saionji đồng ý với quyết định của nhóm triều đình, và sau đó lại tiếp tục cuộc sống phi chính trị của ông, tránh xa áp lực hàng ngày của triều đình. Saionji cũng chăm chú lắng nghe, thận trọng đưa ra ý kiến, nhưng lại tự hành động trong những tình huống cực đoan, chẳng hạn như những cuộc mưu sát và nổi dậy. Tuy nhiên, bất kể khi nào ông cố gắng hành động thì đều thất bại thảm hại vì chủ nghĩa tự do và chính phủ tại Nhật Bản.

Dẫu sao, trong toàn bộ nhóm triều đình và những người trong triều đình, chỉ Saionji muốn xoá bỏ hệ thống chính trị đa đảng gồm hai nhóm bảo thủ chính -đảng Seiyukai và đảng Kenseikai (sau này là Minseito), đại diện cho lợi ích của địa chủ và doanh nghiệp lớn - sẽ kiểm soát Nghị viện, ủng hộ quan điểm chính thống của *quốc thể,* và vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào ý muốn của Hoàng đế Hirohito hơn là sự tín nhiệm của Nghị viện.

Năm 1929, khi nội các phe phái đảng tiến gần đến đỉnh cao của quyền lực, thì Saionji và nhóm triều đình (gồm cả nhật Hoàng) đã bắt đầu xuất hiện sự chia rẽ gay gắt. Saionji và Makino không biết gì về các hoạt động của đảng chính trị hiện đại và không thích các nguyên tắc của chế độ đại nghị. Nhưng Makino và những người tùy tùng trong Hoàng cung tin rằng những vấn đề chính trị khó khăn chỉ có thể giải quyết được khi có sự can thiệp của nhật Hoàng, Saionji muốn Nhật Hoàng tránh những vụ phân xử về chính trị. Saionji cũng nghi ngờ những quan điểm của phe chính trị cấp tiến. Bởi vì Saionji không tán thành cách thức đưa ra quyết định tại triều đình trong thời kỳ này và sau đó, nên Makino và các thành viên khác trong nhóm tùy tùng thường thuyết phục ông nên tán thành. Thường thì Saionji không biểu hiện công khai sự nghi ngờ của ông và đồng ý với những quyết định đó.

Cuối cùng ba người bảo vệ ngai vàng đặc biệt khác và các thành viên của triều đình được cho là xuất thân từ dòng dõi quý tộc là Baron Harada Kumao, Hoàng tử Konoe Fumimaro, và Marquis Kido Koichi, đều tham gia vào sự kiện năm1930 và ngay lập tức đóng một vai trò tích cực. Trái hẳn với Saionji, họ đều cho rằng Nhật Hoàng phải sử dụng quyền lực để giải quyết các vấn đề chính trị.

Harada là viên chức đặc biệt của Bộ Hoàng gia trong hai năm trước khi trở thành thư ký riêng của Thủ tướng Kato Komei năm 1924. Sau khi từ bỏ vị trí trong chính phủ vào mùa hè năm 1926, Harada là nhân viên của Công ty Sumitomo nhưng ngay sau đó lại rời công ty này để làm thư ký riêng của Saionji, và nắm giữ vị trí này cho đến khi Saionji mất vào tháng 11 năm 1940. Là người đưa, nhận thông tin và là "bộ não" của Saionji, Harada là người trung lập và đưa ra ý kiến về quan điểm của Saionji ở Kyoto và Makino ở Kamakura. Đồng thời, ông là một người thu thập và phân tích tin tức về xu hướng chính trị rất được kính trọng của thư ký cao cấp - Kawai, Sekiya và Okabe - cũng như cho các bạn thân thiết của ông, Hoàng tử Konoe và Marquis Kido.

tảisáchhay

Konoe, sinh năm 1891, xuất thân từ dòng dõi quý tộc và đối lập với Harada và Kido, những người mà địa vị của họ theo cha truyền con nối là sản phẩm của thời phục hưng Minh Trị. Ở đầu thời kỳ Nhật Hoàng Chiêu Hoà, Konoe là ngôi sao mới nổi trong số những thành viên trẻ của đảng bảo thủ và đảng cánh hữu cấp tiến thuộc Thượng nghị viện, nhưng không bao lâu ông trở thành người đứng đầu cơ quan đó, đầu tiên ông là phó chủ tịch năm 1931, sau đó là chủ tịch năm 1933.Tầm nhìn tư tưởng của ông về nền kinh tế châu Á và Trung Quốc dưới sự thống trị của Nhật Bản, và ông đưa ra quan điểm: nhiệm vụ của Nhật Bản là cứu châu Á khỏi sự xâm lược của châu Âu có sức thu hút rộng rãi. Konoe là người có quan hệ cá nhân thân thiết nhất với mọi thành viên chính của nhóm triều đình, kể từ giây phút ông xuất hiện lần đầu trước công chúng trên vũ đài chính trị năm 1921 cho đến khi ông tự sát vào tháng 12 năm 1945.

Konoe là thành viên của phái đoàn Nhật Bản tại Hội nghị hòa bình Versailles. Những việc ông chứng kiến tại Hội nghị hòa bình Versailles, trong các chuyến công du châu Âu và Hoa Kỳ từ đầu thời kỳ hậu chiến tranh đã củng cố niềm tin của ông về việc Nhật Bản sẽ ủng hộ tinh thần của Hội Quốc Liên và hợp tác với các Cường quốc lớn khác để phát triển châu Á . Nhưng Versailles cũng khiến cho ông phải bác bỏ cái mà ông gọi là "chuẩn mực về chủ nghĩa hòa bình của người Mỹ -Anglo." Những thành phần mạnh mẽ của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và chủ nghĩa Liên á đã làm cho tư tưởng của ông trở nên phức tạp và làm cho ông không có niềm tin về trật tự thế giới ở Washington. Về cơ bản, Konoe tin rằng, vì lý do chủng tộc, lịch sử, địa lý, Nhật Bản hoàn toàn có quyền mở rộng lãnh thổ Trung Quốc để đáp ứng nhu cầu dân số ngày càng tăng của nước này.

Mở đầu triều đại của Hirohito, Konoe là thành viên của phe phái đứng đầu trong Thượng nghị viện và là chủ tịch Hiệp hội Văn hóa Cộng đồng Đông Á (Toa Dobunkai), do cha ông sáng lập. Ông đã tỏ thái độ phản đối việc hiệp ước Washington cho phép Hoa Kỳ và Anh cấm những người nhập cư Nhật Bản vào lãnh thổ của họ và hoài nghi ý định của Nhật Bản về lục địa Trung Quốc. Tư tưởng đặc biệt này của ông khác hẳn với Hirohito, người vẫn chấp thuận những hạn chế của hệ thống Washington, nhưng trong một khía cạnh khác, Konoe đứng về lập trường chính trị chung với "những người có quan điểm trung hoà" của Hoàng cung. Thế hệ sau có lẽ không có giấc mộng hòa nhập với Trung Quốc để chống lại chủng tộc người da trắng như Konoe, nhưng họ đều là những người có quan điểm chống cộng sản nham hiểm và có cùng tư tưởng với Konoe là Trung Quốc đương nhiên phải hy sinh vì những nhu cầu công nghiệp và xã hội của Nhật Bản. Cuối cùng, Konoe (và nhóm triều đình nói chung) lo ngại về cách bảo vệ thể chế quân chủ bất ổn trong một thế giới thời hậu thể chế quân chủ. *Quốc thể* phải tiếp tục tồn tại, nhiệm vụ của ông là giúp Nhật Hoàng duy trì *quốc thể* trong khi sử dụng quyền lực của ông để thực hiện cải cách cần thiết.

Kido Koichi, sinh năm 1889 và giống như Konoe, thành viên của thế hệ thứ ba và là thế hệ bất ổn nhất thuộc tầng lớp quý tộc cha truyền con nối, cũng lo sợ rằng ảnh hưởng của cách mạng Nga và xu thế của nền dân chủ Đại Chính sẽ quét sạch tầng lớp đặc quyền của ông. Để đối phó với những xu thế đó, ông đã nghiên cứu các tác phẩm của những người ủng hộ chủ nghĩa xã hội và quý tộc Nga, những người đã tìm cách để tiếp tục nhiệm vụ của Bolshevik. Ông cũng tham gia cùng với các nhà quý tộc Okabe Nagakage và Arima Yoriyasu thành lập và quản lý một trường giáo dục công nhân vào ban đêm; và ông đã thúc đẩy việc cải cách

tảisáchhay

Học tập viện. Trong quá trình hoạt động, Kido và những nhà quý tộc có cùng quan điểm cải cách đã thành lập Juchikai, một nhóm gồm những thành viên mong muốn đi đầu trong việc thúc đẩy thay đổi chính trị và xã hội. Tuy nhiên, vào cuối những năm 1920, Kido lo sợ cuộc cách mạng của phe cánh tả bị suy yếu nên quan tâm nhiều đến cải cách chính phủ.

Kido đã có tư tưởng cải cách nhà nước khi ông rời Bộ công thương để làm thư ký cao cấp của Makino vào cuối năm 1930. Ông nhanh chóng chứng tỏ mình là một cố vấn và một người thu thập thông tin (thông qua Juchikai) không thể thiếu được trong suốt hai năm cuối cùng của nội các các phe phái đảng, 1930-1932. Phối hợp chặt chẽ với Harada Kumao, Kido là người đưa ra sáng kiến tái tổ chức lại cách làm việc của triều đình sau sự nổi dậy của quân đội. Giống như Konoe, về cơ bản ông là "người theo chủ nghĩa đổi mới" của những năm 1930, chưa bao giờ là người theo chủ nghĩa truyền thống. Năm 1937, khi Konoe thành lập nội các đầu tiên, Kido đã rời triều đình để làm bộ trưởng giáo dục và cố vấn cho Konoe. Vào giai đoạn cuối cùng trong sự nghiệp chính trị của Kido, 1940-45, ông đã trở lại Hoàng cung và trở thành cố vấn chính trị quan trọng nhất của Hirohito, phụ trách công việc trợ giúp bầu thủ tướng kế tiếp. Kido làm việc không biết mệt mỏi để đạt được sự đồng thuận giữa triều đình và quân đội, và ông cũng là công cụ liên kết triều đình-quân đội để Nhật có khả năng tuyên chiến với Hoa Kỳ và Anh.

Kể từ khi bắt đầu thời đại Chiêu Hoà, nhóm triều đình nhỏ có quan điểm theo chủ nghĩa thế giới của Hirohito đã cố vấn và trợ giúp ông thiết lập hoàn toàn một thế giới bên ngoài. Đó là một vùng đất đầy đặc quyền và là hạt nhân của nhóm có quyền lực ở Nhật Bản, bao gồm những người thuộc tầng lớp thống trị truyền thống và những nhóm có đặc quyền và giàu có thuộc Minh Trị. Xếp ở vị trí hàng đầu về giai cấp, quyền lực và của cải trong xã hội Nhật, nhóm triều đình đại diện cho lợi ích của tất cả nhóm cầm quyền của Nhật Bản đế quốc, kể cả quân đội. Tuy nhiên, như nhìn nhận bởi các nhà quan sát phương Tây tại thời điểm đó, và các nhà nghiên cứu lịch sử truyền thống thì nhóm triều đình không được thừa nhận nếu nhóm có quan điểm hoàn toàn đối lập với quân đội. Nhóm triều đình cũng không được thừa nhận nếu có quan điểm tách rời Hoàng gia, đặc biệt các em trai của Hirohito, những người thường tiếp xúc nhiều với nhóm này trong của triều đình.

Các thành viên khác nhau của nhóm triều đình thu thập, xử lý và chuyển cho Hirohito các dữ liệu chính trị mà họ đã thu thập từ nhiều nguồn, bao gồm cả dữ liệu của Đại sứ quán Anh và Mỹ. Nhật Hoàng có quyền sở hữu duy nhất các thông tin của họ và một số lượng lớn tin tức tình báo chính trị quân sự do chính phủ cung cấp và những sĩ quan quân đội trực tiếp báo cáo với ông bằng miệng hoặc bằng văn bản. Là người đứng đầu Hoàng gia (*kozoku)*, Hirohito cũng nhận được những báo cáo bí mật về các hoạt động chính trị của em trai ông, Hoàng tử Chichibu từ người phục vụ của Chichibu. Như một con nhện lặng lẽ ở giữa tấm mạng nhện rộng được giăng ra nhiều phía, Hirohito đã đan những sợi tơ của mình vào từng cơ quan của nhà nước, quân đội và Hải quân, tiếp thu và nhớ thông tin được cung cấp bởi những người khác.

Những người tham mưu cho Hirohito cũng có thể giăng tơ trên chiếc mạng nhện đó và cung cấp cho ông thông tin một cách chính xác bởi vì các cơ quan cố vấn của nhà nước Hoàng gia - nội các, Nghị viện, hội đồng cơ mật, Tổng tham mưu Quân đội và Hải quân và các vụ - đều

tảisáchhay

trực thuộc Hoàng đế nhưng lại riêng rẽ và độc lập với nhau. Trong mắt các bộ trưởng nhà nước và tổng tham mưu trưởng, họ tự cho mình là người trực tiếp dưới quyền Hoàng đế; còn dưới mắt Hirohito, tất cả họ đều ngang cấp và ngang quyền, mặc dù Shimizu Toru liên tục nhắc nhở ông về vị thế khác nhau của họ theo quy định trong hiến pháp.

Tư cách thành viên của nhóm triều đình luôn thay đổi cũng như tư tưởng chính trị, những đặc tính và chiến lược hoạt động so với những thế lực khác trong cơ cấu chính trị của Nhật Bản. Những đối với những vấn đề chính trị trong mọi thời đại, họ lại thận trọng để không đi trước nhật Hoàng. Thông thường, nếu không có quốc ấn, Hirohito sẽ đề nghị tùy tùng đưa ý muốn của ông ("ý muốn của nhật Hoàng") vào quá trình chính trị và khi cần sẽ hướng ý muốn của ông vào bất kỳ cơ quan cố vấn nào hoặc người đại diện của cơ quan cố vấn đó. Tóm lại Hirohito "ra lệnh" cho nhóm triều đình không được hành động ngoại trừ trường hợp nhóm này là cầu nối của ông; và theo sự chỉ dẫn của ông nhóm này phổ biến cho hội đồng và cố vấn những điều mà nhóm thay mặt ông được biết, gây ảnh hưởng mạnh mẽ đối với các bộ và bộ trưởng.

Kể từ năm 1927, nhóm triều đình đã cố gắng đưa chế độ quân chủ vào một hình mẫu tư tưởng mới và đồng thời tìm cách xóa bỏ những hạn chế về quyền lực của Nhật Hoàng đã được thực thi gần mười năm năm dưới sự yếu kém của Nhật Hoàng Đại Chính. Vì thế, họ đã hư cấu Nhật Hoàng là "một quốc vương lập hiến". Đương nhiên, trong mắt họ, "quốc vương lập hiến" không bao giờ là công cụ được sử dụng để hạn chế quyền lực mạnh mẽ của Hoàng đế như công cụ được sử dụng ở phương Tây. "Quốc vương lập hiến" vẻ bề ngoài thì bảo vệ nhưng đằng sau vẻ bề ngoài đó ông có thể tự do thực thi quyền lực và thậm chí mở rộng vị thế nếu cần trong khi ông vẫn là một người hoàn toàn vô trách nhiệm. Mục đích chính của nhóm triều đình từ khi mở đầu thời đại Chiêu hòa mới là giúp Hirohito thực hiện việc giám sát thực tế; hành động với tư cách là nhóm bầu cử, giúp ông chọn thủ tướng; và đảm bảo rằng những mục đích của ông đã được đưa vào quyết định của nội các. Nhóm triều đình lập luận rằng tư tưởng "tiến trình chính trị lập hiến bình thường" đòi hỏi ý muốn của nội các phải thể hiện được ý muốn của Hoàng đế.

Sự hội tụ những ý muốn trên sẽ đạt được thông qua quá trình báo cáo liên tục không chính thức (*naiso)* của bộ trưởng, bộ trưởng nội các, quân đội, cùng với cố vấn của Hoàng đế (*gokamon*) trước khi bất kỳ quyết định nào của nội các được chính thức trình ông. Quá trình diễn tập này được tiến hành bí mật để Hoàng đế hài lòng và Hirohito đã thực hiện được mục đích của ông trong việc đưa ra chính sách, bổ nhiệm và thăng chức cán bộ quân đội cao cấp. Đó cũng là cách nhóm triều đình hiểu ý nghĩa của *quốc thể*. Đối với họ, *quốc thể* là một hệ thống chính trị cho phép Hoàng đế sử dụng quyền lực của mình để cai trị, không bao giờ chỉ trị vì đơn thuần.

Tuy nhiên, bằng cách đưa ra các luật lệ Hoàng gia trực tiếp về độ tuổi bầu cử phổ thông, cùng với thủ tướng có vai trò là cố vấn quan trọng nhất của nhật Hoàng, nhóm triều đình có thể thận trọng để ngai vàng không bị lật đổ do sự mâu thuẫn phe phái. Đúng như Quan giữ ấn Makino nói, nguyên tắc chính là "vấn đề phải không bao giờ liên quan đến hoặc gây hại đến Hoàng đế", bất kể vấn đề chính trị nào nảy sinh *(heika ni rui o oyobosazaru koto o daiichini*). Do vậy, kể từ đầu thời đại Chiêu Hoà, nhiệm vụ chính của nhóm triều đình là đảm

tảisáchhay

bảo rằng các nội các trong đảng chấp thuận cả vai trò giám sát của Hirohito và nhu cầu bảo vệ ông không bị mất uy tín hoặc bị khiển trách vì những hành động của ông trong vai trò giám sát đó.

Về cơ bản, nhóm triều đình viện cớ rằng với một người cai trị thật sự theo khuôn mẫu Minh Trị nắm giữ ngai vàng, cách cai trị đúng đắn là ủng hộ thủ tướng để thủ tướng tự hiểu ý định của Hoàng đế, thông qua việc hỏi ý kiến trước hoặc xin ý kiến đầy đủ của ông trên cơ sở không chính thức (đó là naiso), và sau đó hành động để thực hiện ý muốn của Hoàng đế. Trên thực tế, điều này có nghĩa là nhóm triều đình phải phát huy vị thế và mạng lưới, qua đó Hoàng để có thể gây ảnh hưởng và hoàn toàn chấp thuận một giải pháp, vấn đề, chính sách hoặc một đạo luật trong Nghị viện trước khi bất kỳ cố vấn (các bộ trưởng) về hiến pháp nào của ông đệ trình ông một vấn đề bằng báo cáo chính thức. Điều đó đòi hỏi phải tránh những quan điểm chính trị xen vào quan điểm của công chúng. Hoàng đế càng quan tâm nhiều đến việc đưa ra các quyết định dân sự và quân sự, thì ông và các cận thần gần gũi nhất của ông càng lừa dối nhiều hơn, và quyền lợi của họ lớn hơn khi không thừa nhận sự thực.

Vì vậy, dưới thời Nhật Hoàng Chiêu Hoà, điều kiện để thực hiện tốt nhiệm vụ cai trị là phải có là tính bí mật tuyệt đối, khả năng phán đoán chính xác, đạo đức giả, tính gian lận, và nham hiểm đối với những quan chức cấp cao trong Hoàng cung; tính đoàn kết, kín đáo và hết sức khiêm tốn đối với những bộ trưởng nhà nước và người đứng đầu các cơ quan cố vấn của Hoàng đế, một vài người trong số đó mâu thuẫn và nghi ngờ lẫn nhau; và Hoàng đế có cả hai tính cách mà các Hoàng tử và các nhà chính trị đã được rèn luyện từ thời thượng cổ. Để tiếp cận công việc, thủ tướng phải luôn hỏi ý kiến Hoàng đế và lưu tâm đến ý kiến của ông, ngay cả khi họ không đồng ý với ý kiến đó – nhưng vì Hoàng đế là vị thánh sống, và ngược lại điều đó là hợp lý hơn.

II

Nghị viện Hoàng gia lần thứ Năm mươi hai được triệu tập lại ngày 18 tháng 1 năm 1927 sau khi bị hoãn lại do cái chết của Nhật Hoàng Đại Chính. Hirohito và tuỳ tùng không mất thời gian vào việc cố gắng gây ảnh hưởng đến xu hướng chính trị và làm cho giới chính trị biết về sự hiện diện của ông.

Trước tiên, ngày 19 tháng 1 năm 1927, ý tưởng về ngày nghỉ lễ lần thứ tư được đề xuất tại Thượng nghị viện cho dù ý tưởng đó được chính Thượng nghị viện khởi xướng chứ không phải là triều đình. Tuy nhiên, hai ngày trước đó, thư ký của Quan giữ ấn Makino, Kawai, đã đến gặp Hoàng tử Konoe và đề xuất rằng cả Thượng nghị viện và Hạ nghị viện nên xem xét ngày nghỉ để tưởng nhớ đến phẩm chất cao cả của Nhật Hoàng Minh Trị. Chẳng bao lâu sau, Nghị viện phê chuẩn đạo luật lấy ngày 3 tháng 11 là ngày nghỉ của Minh Trị (*Meiji setsu)*, và việc công bố đạo luật được đưa vào sắc lệnhHoàng gia ngày 3 tháng 3.

Ngày 30 tháng 7 năm 1922, lễ kỷ niệm lần thứ mười ngày mất của Nhật Hoàng Minh Trị trở thành ngày lễ bình thường đối với triều đình và dân chúng, ngoại trừ quan nhiếp chính đến thăm các lăng mộ tại Kyoto và Momoyama. Tại sao ngày nghỉ lại là ngày khác? Bởi vì ngày kế vị ngai vàng của Hirohito sắp đến gần, tuỳ tùng của ông cần mọi phương sách nhằm thu

tảisáchhay

hút sự chú ý đến lễ đăng quang của ông và xoá đi hình ảnh của Nhật Hoàng Đại Chính. Hirohito khó có thể được đưa về kịp thời để tham dự chiến thắng vĩ đại khi ông mới chỉ bốn tuổi. Nhưng MinhTrị có thể gây cảm xúc mạnh mẽ với thế hệ và triều đại mới, thông qua ngày nghỉ mới, sự phô trương thích đáng và qua đó Hirohito được chiếu sáng hơn bằng những vầng hào quang.

Do lễ tang chính thức của Nhật Hoàng Đại Chính, lễ kỷ niệm đầu tiên ngày sinh của Nhật Hoàng Minh Trị bị hoãn đến năm sau. Vì vậy sự tôn vinh Minh Trị có thể được thể hiện trong lễ đăng quang và tôn sùng đứa cháu nội, Hirohito, một người không có uy tín mà báo chí đã miêu tả là "hiện thân của Nhật Hoàng Minh Trị". Trước khi hết một năm để tang Nhật Hoàng Đại Chính, dân chúng ngày càng quen với tư tưởng của Hoàng đế được thổi phồng trong lễ đăng quang như là một Minh Trị mới, và là cháu nội, người sẽ hoàn thiện di sản Hoàng gia của ông.

Sau này, nhằm nhắc nhở vị Nhật Hoàng trẻ tuổi về việc trồng trọt lúa gạo vất vả, và cũng để ông biết đến hoàn cảnh của những người nông dân trong thời kỳ suy giảm về sản lượng nông nghiệp, Kawai đã nghĩ ra một nghi lễ mới của triều đình. Ông gợi ý Hirohito trồng trọt lúa gạo trong khuôn viên của cung điện. Hirohito đã đồng ý và một cánh đồng được chuẩn bị trong sân của Cung điện Akasaka để phục vụ mục đích trên. Ngày 14 tháng 6 năm 1927, Hirohito đã nhận được các loại lúa từ những miền khác nhau trên đất nước và tiến hành lễ trồng lúa đầu tiên của ông. Về sau, sau khi lên ngôi, ông đã rời đến sống trong cung điện, và cánh đồng cạn diện tích 70 *tsubo* và cánh đồng nước diện tích 80 *tsubo* (280 và 320 mẫu vuông), được khai hoang vì mục đích trồng lúa kỷ niệm. Những cây dâu tằm nhỏ trồng xung quanh ruộng lúa nước được chuẩn bị để Hoàng hậu Nagako tham gia vào nghề nuôi tằm, qua đó gắn bó Hoàng hậu với mặt Hoàng xuất nhập khẩu quan trọng nhất của Nhật Bản, lụa tơ tằm.

Hirohito và nhóm triều đình lần thứ hai can thiệp chính trị vào việc quản lý Nghị viện của Thủ tướng Wakatsuki. Đầu năm 1927, các nhà lãnh đạo của đảng Seiyukai và đảng Seiyu Honto tiếp tục tấn công nội các của Wakatsuki về những vấn đề liên quan đến vụ bê bối nhà thổ Osaka và công việc của Pak Yol. Tuy nhiên, ngay trước khi đề nghị không chính thức về sự mất lòng tin trong chính phủ được đưa ra tranh luận, Thủ tướng Wakatsuki đã tuyên bố hoãn ba ngày. Sau đó ông bí mật gặp gỡ Tanaka của đảng Seiyuki và Tokonami của đảng Seiyu Honto và yêu cầu chấm dứt cuộc đấu tranh chính trị ngoài sự xem xét để bắt đầu thời kỳ trị vì của Hoàng đế mới.

Thỏa hiệp này được môi giới bởi những nhà lãnh đạo của các phe phái chính trị trong Thượng nghị viện. Đứng sau nó là Quan giữ ấn Makino và Bộ trưởng Bộ Hoàng gia Ichiki Kitokuro, người thấy tiếc việc giải tán Nghị viện và nắm quyền bầu cử ngay từ đầu thời gian trị vì của Hoàng đế mới. Họ muốn các đảng không hạn chế với Hoàng đế mới. Makino và Ichiki đã chỉ dẫn Wakatsuki về các vấn đề chính trị kể từ khi ông là thủ tướng. Họ bảo ông gặp gỡ các nhà lãnh đạo đối lập và giải quyết những mâu thuẫn chính trị trong Nghị viện. Những sự vận động tranh cử không tín nhiệm sẽ được rút lại và ngân sách sẽ được phê duyệt. Bằng cách này, họ có thể trì hoãn cuộc bầu cử dân chủ đầu tiên sẽ được tổ chức theo

tảisáchhay

luật bầu cử phổ thông cho tất cả những người đàn ông đến tuổi trưởng thành được ban hành lại - cuộc bầu cử mà các đảng dự tính sẽ rất tốn kém.

Khi Hạ viện triệu được triệu tập, Wakatsuki bất ngờ hoãn lại, nhóm triều đình đã thắng thế. Những đảng đối lập chính rút lại phiếu bầu không tín nhiệm, cử ra một thành viên không thuộc đảng nào trong Nghị viện để đảm trách rằng hội nghị các nhà lãnh đạo của ba đảng nỗ lực kiểm soát những tranh luận tự do. Mặc dù những tranh cãi về chính trị trong Nghị viện dựa trên những vấn đề của quốc thể đã tạm thời dịu đi, các đảng đã hiểu rằng họ có thể lợi dụng chính trị bằng chi phí của phe đối lập bằng cách "bảo vệ *quốc thể*" hơn là "bảo vệ hiến pháp Minh Trị."

Ba tháng sau, ngày 17 tháng 4 năm 1927, nội các của Wakatsuki bị lật đổ bởi phe đối lập trong Hội đồng Cơ mật chứ không phải là trong Nghị viện. Sự sụp đổ của Wakatsuki là do phe đối lập của Ủy viên Hội đồng Cơ mật là Ito Miyoji và Hiranuma Kiichiro đứng đầu, để xoa dịu chính sách với Trung Quốc của Bộ trưởng Ngoại giao Shidehara, đã từ chối gửi quân đội Nhật Bản đến Trung Quốc sau sự khiêu khích của Trung Quốc đối với người Nhật đang sống tại những khu định cư hải cảng mở. Với Hoàng đế Hirohito và nhóm triều đình, việc Wakatsuki từ chức đã tạo thêm cơ hội đóng vai trò quyết định. Kawai, Chinda,Ichiki và Makino đã hội ý với nhau và sau đó xin ý kiến Hirohito, và quyết định rằng Tướng Tanaka Giichi, chủ tịch của đảng lớn nhất trong Nghị viện, sẽ thành lập nội các kế tiếp. Sau khi tất cả đều nhất trí, họ thông báo cho nguyên lão Saionji và ông đã đồng ý ngay lựa chọn của họ. Về sau, cho đến khi xảy ra vụ mưu sát Inukai Tsuyoshi , năm năm sau đó, các thủ tướng Nhật không chỉ được chọn bởi *nguyên lão* cuối cùng mà còn bởi một hệ thống cố vấn được tập trung vào nội đại thần, cùng với Saionji phê chuẩn lựa chọn của Hirohito và nhóm triều đình sau phê duyệt. Tanaka thành lập nội các của ông ngày 20 tháng 4 năm 1927 - cùng ngày hôm đó, Tướng Chiang Kai-shek cũng thành lập chính quyền theo Chủ nghĩa Dân tộc (Kuomintang) tại Nanking (nay là tỉnh Nam Ninh) và tiếp tục cuộc thám hiểm phía Bắc của ông để thống nhất Trung Quốc. Từ đó, chính sách đối ngoại của Nhật Bản định hướng theo chủ nghĩa can thiệp rõ ràng, vì sự căng thẳng của cuộc nội chiến với Trung Quốc làm tăng khả năng gửi quân đội để bảo vệ cuộc sống và tài sản của người Nhật Bản tại Trung Quốc. Sau khi đóng một vai trò to lớn trong việc lựa chọn Tướng Tanak là thủ tướng, nhóm triều đình cố gắng áp đặt những vấn đề và mục tiêu chính trị của nhóm vào những vấn đề và mục tiêu chính trị của chính phủ lập hiến mới.

Tanaka là thủ tướng đầu tiên phát hiện ra rằng một Hoàng đế có quyết tâm mạnh mẽ, có khả năng đóng vai trò quyết định trong các vấn đề chính trị và có thể làm cho cuộc sống của nhà lãnh đạo một đảng chính trị trở nên cùng cực. Gần như từ lúc Tanaka trở thành thủ tướng, Hirohito và nhóm triều đình trở nên quan tâm sâu sắc đến việc thực hiện công việc của Tanaka và chẳng bao lâu họ tự cảm thấy mình không cần trong hầu hết các hoạt động chính trị của ông. Họ không chấp thuận cách đảng Sieyukai đã mở rộng quyền lực thông qua chính sách tăng cường bổ nhiệm nhân sự. Trong việc giáo dục Đạo Khổng và võ sĩ đạo của mình, Hirohito muốn các quan chức được bổ nhiệm chỉ dựa trên năng lực, không dựa trên các tiêu chí chính trị hoặc mối quan hệ.

tảisáchhay

Ngày 15 tháng 6 năm 1927, Hirohito triệu tập Makino để phàn nàn về các chính sách nhân sự của Tanaka. Makino cũng cảm thấy rằng các đảng chính trị - đặc biệt là đảng Seiyukai - coi thường vị Hoàng đế trẻ tuổi. Makino hứa là sẽ nói chuyện với Tanaka về vấn đề nêu trên. Thật bối rối khi các đảng đang sử dụng *quốc thể* như một công cụ chính trị, và thấy xấu hổ vì hành vi của họ ở Nghị viện, Makino tin rằng sự quan tâm của Hoàng đế đến những vấn đề chính trị là "niềm hạnh phúc lớn nhất đối với nhà nước và Hoàng gia tại thời điểm các công việc quốc gia đang trong tình trạng khó khăn". Ông không thấy điểm gì sai ở một Hoàng đế tích cực về mặt chính trị, và tin rằng "thành tựu" đối với "nhóm tùy tùng của Hoàng gia vì đã góp phần tu dưỡng phẩm chất của Hoàng đế."

Tanaka không thể hiểu được tại sao Hirohito lại không hài lòng với cách xử trí việc bổ nhiệm nhân sự của ông. Rốt cuộc, bằng cách đưa càng nhiều thành viên Đảng Seiyukai vào các vị trí trong bộ máy càng tốt, ông chỉ kế tiếp thông lệ truyền thống trong "chính phủ lập hiến thông thường'", một chính phủ quay lại thời kỳ Hara Kei. "Chúng tôi không tăng số lượng quan chức chúng tôi đã thay thế trong một thời gian ngắn so với thông lệ trước đó," ông báo cáo với Hirohito trong một buổi tiếp kiến vào mùa hè năm 1927 . Nhưng lời nhận xét của Tanaka chỉ làm cho Hirohito bực mình và lại ra lệnh thủ tướng hãy thẳng tay.

III

Trong khi đó, Hirohito và nhóm triều đình lại ngày càng chú ý đến việc nối ngôi sắp tới của ông. Việc tuyên bố quốc tang của Nhật Hoàng Đại Chínhvà chuẩn bị nghi lễ đăng quang cho Hirohito được tiến hành theo nguyên tắc đạo Shinto kết hợp chính trị và tôn giáo, và theo truyền thống riêng của luật triều đình mà ưu tiên hiến pháp. Những nghi lễ của thời khắc quan trọng này không bắt nguồn từ hiến pháp hay luật pháp của quốc hội. Vai trò của Nghị viện Hoàng gia trong những hoạt động này chỉ là đề xuất ngân sách cần thiết.

Nghi lễ, lễ hội và tiệc khắp trong nước mừng Chiêu Hòa đăng quang được dự định chuẩn bị trong điều kiện suy thoái. Dù sao, để tài trợ các hoạt động này ở các cấp chính quyền khác nhau, Nghị viện thứ 55 không nhất trí thông qua ngân sách, được tính bằng đô la Mỹ lúc bấy giờ, một khoản tiền lên đến 7.360.000 USD. Về chi phí, quy mô và số tiền cho việc chuẩn bị trước, số lượng người tham gia, và số lượng cảnh sát được điều động để giám sát họ, thì sự kiện này hoành tráng hơn tất cả những lễ đăng quang trước đây. Nhưng vì thời điểm này không được coi là "bình thường" - Hirohito mới đây là quan nhiếp chính và nói chung, Nhật Hoàng Đại Chính không công khai với công chúng - thành phần ưu tú trong giới đầu sỏ chính trị mà đã quyết định những vấn đề này cần bỏ qua khoảng trống của Đại Chính Thiên Hoàng và liên kết trực tiếp Hirohito với Nhật Hoàng Minh Trị. Việc này đòi hỏi phải phù hợp với toàn bộ thần thoại về chế độ quân chủ. Sau cùng, truyền thống và thần thoại học cùng giúp giữ vững xã hội, mặc dù những mâu thuẫn cơ bản của nó.

Công nghệ cũng được khai thác để làm vẻ vang hơn chế độ quân chủ. Năm 1928, khi năm lên ngôi bắt đầu, Nhật Bản đã bước vào thời đại thông tin đại chúng và văn hóa tiêu dùng đại chúng. Trong gần ba năm, đài phát thanh quốc gia thường lệ đã phản ánh quan điểm và những giá trị của công chúng.

tảisáchhay

Về tượng trưng, việc lên ngôi là sự thực thi quyền lực diễn ra tại thời điểm các hoạt động quân sự của Nhật Bản đối với lục địa châu Á được tiếp tục và việc nhà nước ngày càng tin tưởng vào sự đàn áp chống lại chế độ quân chủ mong manh. Vì vậy, ảnh hưởng của nó có thể được hiểu đúng nhất khi liên quan đến sự nổi dậy phản kháng chính trị tại Nhật. Sự phản kháng này được minh chứng bởi việc nội các của Tanaka liên tục gửi quân đội đến tỉnh Sơn Đông của Trung Quốc, và kể từ năm 1928, số lượng quan chức chuyên về hạn chế tự do tư tưởng gia tăng.

Sau khi sửa đổi Luật gìn giữ hòa bình, chính phủ đã bổ nhiệm toàn bộ các quận trưởng "những người đại diện cho tư tưởng" va "cảnh sát cấp cao đặc biệt". Lực lượng vũ trang thành lập "cảnh sát tư duy quân đội" riêng và các sĩ quan cảnh sát đặc biệt của Bộ Nội vụ được giao nhiệm vụ phát hiện "những âm mưu" chống *quốc thể* của những đảng viên cộng sản và phần tử cấp tiến khác. Do đó, kể từ năm 1928, Hoàng gia đã có thái độ cương quyết với những người chỉ trích nhà nước. Trước tiên, đảng viên cộng sản và các nhà lãnh đạo của tổ chức giáo phái Đạo Shinto là Omotokyo và Tenrikyo đã từ chối công nhận Amaterasu Omikami là vị thần tối cao và phải chịu sự giám sát và kiểm soát ngày càng chặt chẽ của cảnh sát; những trí thức tự do trong nghề báo và các trường đại học cũng tham gia vào việc giám sát đó. Do vậy quá trình hình thành một Hoàng đế mới qua nghi lễ và truyền giáo luôn gắn bó chặt chẽ với sự mở rộng và tuyên truyền của bộ máy kiểm soát tư tưởng.

Ủy ban Kỷ niệm những ngày lễ lớn, do Hoàng tử Kan'in là chủ tịch và Hoàng tử Konoe là giám đốc, phụ trách công việc chuẩn bị lễ đăng quang của Chiêu Hoà. Tham gia phục vụ Ủy ban còn có Đổng lý nội các Hatoyama Ichiro, các quan chức của Bộ Hoàng gia là Sekiya và Kawai, các phó bộ trưởng và thống đốc Kyoto, nơi những lễ kỷ niệm sẽ được tổ chức. Nhiệm vụ của Ủy ban là đảm bảo rằng toàn bộ kịch bản cho các sự kiện và kế hoạch cho lễ kỷ niệm lên ngôi phải được dựng chu đáo để thể hiện được những chủ đề về lòng trung thành và phục vụ Hoàng đế mới. Vì vậy, công việc chính của Ủy ban nói chung sẽ là khâu tổ chức và đưa ra ý tưởng. Kiểm tra quá trình làm sáng tỏ và suy yếu của chế độ quân chủ, kiểm soát mọi thứ có thể kiểm soát được, những ủy viên hội đồng đã giảm sự tự chủ đến mức tối thiểu trong khi tăng cường đến mức có thể, tính cách rõ ràng không có uy tín của Hirohito. Họ cũng có cảm tưởng rằng Nhật Bản là một "vùng đất thánh" nơi quốc vương và chúa là một đồng thời gắn chặt với thần dân giống như "bố mẹ" chung.

Trợ giúp ủy ban đưa ra bình luận về chế độ quân chủ là các phương tiện thông tin đại chúng tương đối độc lập và vẫn còn mới, chủ yếu là đài phát thanh và báo chí nêu những sự kiện đặc biệt là thông báo cho cả nước biết về ý nghĩa của những nghi lễ và lễ kỷ niệm bất thường sẽ được tổ chức. Báo chí Nhật Bản ngày càng được lưu hành rộng rãi và trở thành báo chí của cả nước chứ không phải là của riêng địa phương hay khu vực nào. Những phóng viên của báo đều cố lấy lòng các quan chức trung ương. Những phát thanh viên của đài dựa trên kịch bản được chuẩn bị trước của Bộ Hoàng gia cũng cố gắng đưa tin về quang cảnh lộng lẫy ở Kyoto.

Trong suốt một năm, ngày nào báo và đài đưa tin về những lễ kỷ niệm và nghi lễ ban ngày và cả ban đêm, đến cả những vùng đảo trong nước và thuộc địa của Nhật, vì Hirohito và nhóm tùy tùng vận dụng đúng những bài học thực tế mà họ đã học được từ Vua George V -

tảisáchhay

những bài học không chỉ về sự hạn chế của chủ nghĩa lập hiến mà còn về tầm quan trọng của hình ảnh và nghi lễ nhà nước trong việc nâng cao phẩm giá và quyền lực của vua. Khi mọi việc đã kết thúc, Ủy ban đã hết lời ca tụng báo chí vì đã thực hiện vai trò là kinh thánh mới của nhà nước Nhật Bản. Làm theo những ý muốn của nhà nước, phục tùng khốn khổ những người nổi tiếng đương thời - là những vai trò mà báo chí Nhật Bản hiện đại sẽ tiếp tục thực hiện. Tự kiểm duyệt bất kể khi nào báo chí không được kiểm duyệt bởi cơ quan có thẩm quyền, báo chí không bao giờ được tự do nói thẳng về đất nước Nhật Bản.

Những nghi lễ và lễ kỷ niệm về sự đăng quang, kể từ khi bắt đầu vào tháng 1 đến khi lên đến đỉnh cao vào đầu tháng 12 năm 1928 đã giúp tạo nên một hình ảnh mới của vị Hoàng để trẻ. Nghi lễ bắt đầu với việc cử những sứ thần của Hirohito đến lăng mộ của bốn người tiền nhiệm của ông, và lăng mộ của Hoàng đế Jimmu, thông báo với linh hồn của họ về việc đăng quang sắp tới của ông. Đồng thời kế hoạch những sự kiện kỷ niệm trong suốt một năm diễn ra tại ba khu đền thờ vĩnh cửu trong khuôn viên Hoàng cung được công bố. Kế tiếp, ngày 5 tháng 2, Hoàng đế tham dự những nghi lễ trình diện nữ thần mặt trời, Amaterasu Omikami mà theo bói toán là phải được tổ chức ở những cánh đồng trồng lúa. Suốt mùa xuân, mùa hè và mùa thu các sự kiện được tiến hành nhanh chóng. Sử dụng báo chí, đài phát thanh và diễn thuyết tại nơi công cộng, các quan chức chính phủ và những trí thức nổi tiếng đã cho cả nước biết những chủ đề sống động về hệ tư tưởng của Hoàng đế, mà họ thường thể hiện trái ngược rõ ràng với những quan điểm không chính thống, chẳng hạn như chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa vô chính phủ chống lại tư tưởng *quốc thể* chính thức.

Lễ đăng quang diễn ra cao điểm trong suốt tháng mười một và mười hai năm 1928. Trong tháng mười một, ở những thị trấn và thành phố ở các quận và thủ đô trong suốt đế chế, hàng trăm ngàn người tham dự những bữa tiệc và lễ trao thưởng; hàng triệu học sinh tham gia diễu hành và lễ hội đèn lồng. Trước khi hết năm đó, Hoàng đế đã phân phát hàng triệu yên để biểu hiện lòng nhân từ của Hoàng đế đối với người nghèo, trao tặng huân chương tự do, phong chức tước, và truy tặng huân chương cho những nhân vật lịch sử từ thế kỷ thứ mười ba, mười bốn và mười chín, những nhân vật đa được ghi danh vì lòng trung thành đối với Hoàng đế.35 Và dưới tên của Hoàng đế, chính phủ đã giảm án cho 32.968 tội phạm, bao gồm cả tội ám sát Hara Kei; giảm hình phạt cho 26.684 tù nhân ở những thuộc địa; và ân xá đặc biệt cho 16.878 tù nhân khác.

Những cơ quan có thẩm quyền thuộc thành phố và quận, chính quyền thị trấn và xã khởi công các dự án xây dựng ở mọi cấp và tạo cơ hội cho một số lượng dân thường lớn nhất từ trước đến nay tham gia tích cực vào việc mở ra một triều đại quân chủ mới.

Một ví dụ điển hình là, ở thuộc địa Karafuto, gần như toàn bộ dân số hơn 295.000 (bao gồm cả gần hai nghìn người Ainu và các thổ dân khác) được huy động tham gia vào lễ đăng quang. Khi những lễ kỷ niệm chấm dứt, chính quyền thuộc địa Karafuto được tiếp tục đảm nhận hơn năm trăm công trình kỷ niệm, từ việc xây dựng các công viên công cộng và các trang trại thử nghiệm sản phẩm nông nghiệp cho đến tòa nhà với "một phòng họp lớn dành cho tuổi trẻ, những nơi long trọng để lưu giữ chân dung Hoàng đế, đài tưởng niệm những người đã hy sinh trong cuộc chiến tranh của Nhật Ban, và những tòa nhà văn phòng của chính phủ."

tảisáchhay

Những hoạt động tương tự như những hoạt động ở Karafuto nhưng với quy mô hạn chế hơn nhiều tiếp tục diễn ra ở thuộc địa Triều Tiên, nơi Tổng toàn quyền Saito Makoto đã chứng kiến sự phát triển của báo chí bản địa Triều Tiên như là một phần của "chính sách văn hóa" của Nhật Bản những năm 1920. Chính phủ thuộc địa bắt đầu tháng tổ chức một bữa tiệc trưa ở Cung điện Kyongbok vào Ngày Minh Trị, ngày 3 tháng 11. Học sinh tham dự diễu hành cầm cờ (tức nhiên là cờ Nhật) và đèn lồng. Hoàng đế ôm hôn mọi người; hơn tám trăm người cao tuổi được tặng quà; một bữa tiệc dành cho những người cộng tác theo chỉ định được tổ chức tại đền thờ Hoàng gia của quốc vương Triều Tiên; một nhóm vũ công được tuyển chọn từ cộng đồng người Trung Quốc tại Triều Tiên để biểu diễn trong những cuộc diễu hành trên đường phố. Công ty Phát thanh Keijo (Triều Tiên) mới được thành lập đã đưa tin về những lễ kỷ niệm và nghi lễ nhậm chức trong tháng mười một trong phạm vi cho phép. Và tờ báo chính thức bằng tiếng Triều Tiên của chính phủ thuộc địa với hơn hai mươi hai nghìn người đặt mua dài hạn hoặc chiếm khoảng 22 phần trăm trong số ba nhật báo chính của thuộc địa cũng đưa những tin trên.

Tuy nhiên, dân chúng Triều Tiên nói chung không bị ảnh hưởng bởi ba tờ báo tiếng Triều Tiên của thuộc địa mà đã phản đối những tin tức chính thức bằng những bài viết đầy ấn tượng về chủ nghĩa dân tộc. Những tờ báo đó đã không dành nhiều chỗ mô tả cảnh lộng lẫy của Hoàng gia và trâng tráo bôi nhọ những lễ kỷ niệm bằng cách gạch bỏ những bài kêu gọi sự chú ý đến cuộc đàn áp và bắt giữ của cảnh sát ngày càng tăng đối với người Triều Tiên. Ngày 9 tháng 11, trước lễ tôn sùng của Hirohito, *Tong'a ilbo* (Đông Phương nhật báo) đã nhắc nhở các độc giả về vật thuộc sở hữu duy nhất của Triều Tiên bằng cách phát hành một bài báo nói về thần thoại sáng lập của Tan'gun, vị thần khai sinh ra chủng tộc người Triều Tiên và ngang hàng với Amaterasu Omikami. Và để đảm bảo độc giả không quên, tờ báo còn tiến hành thông cáo về "Ngày của Han'gul", ca ngợi sáng tác của những nhân vật vì viết ngôn ngữ Triều Tiên.

Vì vậy, quang cảnh lộng lẫy hoành tráng và những nghi lễ năm 1928 đã gợi lên những cách đối phó chủ nghĩa dân tộc khác nhau, và ở Triều Tiên đã biểu lộ những căng thẳng sâu sắc xung quanh Hoàng đế. Nhưng tới mức một số lượng lớn dân số Nhật Bản đóng cùng một vai trò trong nhữn sự kiện kỷ niệm và các công trình công cộng kỷ niệm, và cả nước chú ý lắng nghe tin tức mô tả về nghi lễ trên đài phát thanh vào lúc trọng đại nhất là tháng mười một, cũng như lễ diễu binh của quân đội vào đầu tháng mười hai, những hoạt động này đã làm biến mất niềm tin mong manh vào hệ tư tưởng và làm cho mọi người ủng hộ nhà nước hơn.

IV

Những lễ kỷ niệm nhậm ngôi chính thức (gọi là *sokui no rei*), dựa trên thần thoại của Amaterasu Omikami, mở đầu bằng nhóm diễu hành của Hoàng gia từ Tokyo đến Kyoto vào ngày 6 tháng 11 năm 1928, và diễn ra trọng đại nhất tại Kyoto bốn ngày sau, khi Hirohito trở thành người sở hữu ba thần khí Hoàng gia và báo cáo với linh hồn của tổ tiên về việc nhậm chức của mình. Trong một buổi lễ vào chiều ngày 10 tháng 11, với sự tham dự của khoảng 2.700 công dân, sĩ quan quân đội và thành viên Nghị viện, Hirohito đã có bài phát biểu trước dân chúng Nhật Bản như sau:

tảisáchhay

Trong nước, ta thật sự mong muốn mang lại sự hòa thuận cho nhân dân bằng cách hướng họ đến những điều tốt đẹp, bởi vì có như vậy thì mới thúc đẩy hơn nữa sự phồn thịnh của đất nước. Ngoài nước, ta thật sự mong muốn duy trì hòa bình thế giới, bởi vì có như vậy mới góp phần vào việc bảo đảm hạnh phúc của nhân loại. Hỡi các thần dân của ta, hãy cùng hợp tác với nhau, hãy gạt bỏ những lợi ích cá nhân, và hãy đảm nhận công việc phụng sự nhân dân, có như vậy mới cho phép ta phát huy được di sản lớn của tổ tiên thần thánh để lại và đáp lại được lòng nhân từ của tổ tiên.

Sau buổi lễ chính thức, những màn nhảy múa mang tính thần thánh được biểu diễn trước điện thờ di động của Hoàng đế. Hai ngày sau, tức đêm ngày 14 và 15 tháng 11, một "cúng ngọ và cung tiến giác linh" (*daijosai)* được tổ chức tại Kyoto, sau đó là hai ngày tiệc tùng liên tiếp.

Daijosai, là nghi lễ quan trọng và gây ấn tượng sâu sắc nhất trong những sự kiện đăng quang, đánh dấu sự tôn sùng của Hoàng đế và khẳng định "nguồn gốc thần thánh của ông". Tư tưởng thần thánh của những người trị vì là yếu tố cốt lõi trong hệ tư tưởng của Hoàng đế như Nhật Hoàng Minh Trị, và chính tư tưởng đó đã chứng tỏ tính tất yếu đối với sự tồn tại của hệ tư tưởng Hoàng đế giữa thế kỷ thứ hai mươi. Dựa trên sắc lệnhHoàng gia năm 1909, lễ *daijosai* đã xoá bỏ hình thức cổ xưa của nghi lễ tôn giáo đó bằng cách tập trung vào tính thần thoại về nguồn gốc thần thánh của Hoàng đế và liên hệ với những chuyến viếng thăm theo nghi lễ của Hoàng đế đến Đền thờ lớn Ise, lăng mộ của Hoàng đến Jimmu và bốn Hoàng đế trước đó ở cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX sau khi ông đăng quang.

Lễ *daijosai* bắt đầu vào đêm ngày 14 tháng 11 và kéo dài đến tận đầu giờ sáng ngày 15. Trước tiên, những khách mời chính thức ngồi trong một công trình kiến trúc đặc biệt gần khu đa hợp, nơi diễn ra lễ daijosai, trong khi đội danh dự trong trang phục lễ đảm nhận vị trí của họ. Kế tiếp, Nhật Hoàng Chiêu Hoà, mặc bộ trang phục lễ bằng vải lụa thô trắng và được hộ tống bởi những người hầu gái và một người đầu bếp, bước vào khu công trình đa hợp được xây dựng đặc biệt gồm có ba công trình kiến trúc lớn bằng gỗ, tại đây Nhật Hoàng Chiêu Hòa đã biểu diễn tượng trưng nguồn gốc "thần thánh cao quý" trong Đạo Shinto. Sau khi rửa tội với chúa trong phòng đầu tiên, ông và những người hầu cận đi dọc theo hành lang đến hai túp lều tranh kề nhau, gọi là *yukiden* và *sukiden.* Trong cùng các phòng kê những chiếc giường trải chiếu hình chữ nhật – *shinza* và *gyoza* – để ông thực hiện những nghi lễ thiêng liêng trên đó. Shinza được coi là biểu hiện cho linh hồn của Nữ thần Mặt trời, Amaterasu Omikami. Nằm trên gường trong tư thế giống với tư thế của bào thai trong bụng, phủ chăn kín mít, hòa mình với linh hồn của Nữ thần mặt Trời, do đó theo thuyết Đạo Shinto Hoàng đế đã qua đêm "tân hôn" với vị thần của tổ tiên. Sau đó, ngồi trên chiếc *gyoza* hướng về phía Amaterasu Omikami, ông làm lễ cúng ngọ và cung tiến giác linh cho Nữ thần Mặt trời và các vị thần khác đã làm cho quá trình trở thành một vị thánh sống hoặc "hiện nhân thần (arabitogami) của ông được trọn vẹn".

Do vậy, đằng sau bức màn bí mật trong bóng tối, sự kiện trọng đại nhất trong nghi lễ *daijosai* là sự phong thần của Hirohito, theo thỉnh cầu đưa cho ông một vật tượng trưng mà ông còn thiếu với tư cách là một Hoàng đế cho đến thời khắc đó. Những thành viên trong Hoàng gia và các vị khách mời đều không thể theo dõi buổi lễ. Báo chí cảnh báo công chúng

tảisáchhay

không suy đoán dựa trên lý trí về *shinza* và chính báo chí cũng bị ngăn không được theo dõi "nghi lễ cực kỳ huyền bí" này. Mặt khác, báo chí cũng được đề nghị nên ngừng việc chỉ trích số tiền dành cho lễ đăng quang trong khi đất nước đang trong tình trạng suy thoái vì đó là một hành động khi quân. Ít nhất một vài áp phích chỉ trích đã được treo, trên đó có ghi, "Phản đối lễ kỷ niệm đăng quang! Hãy tổ chức kỷ niệm cuộc cách mạng!". Một xu hướng sưu tập những bài thơ "vô sản" thuộc thể thơ *tanka* (đoản ca) được phát hành để tỏ lòng tôn kính đối với Ngày Tháng Năm, 1929, viết rằng: "Những lễ kỷ niệm đăng quang rất vô nghĩa đã tiêu tốn 7.360.000 USD. Những lễ kỷ niệm đó sẽ báo hiệu sự tận cùng của nghèo đói!"

Ngày 2 tháng 12 năm 1928, hai tuần sau khi đã là người của chúa, Hirohito công du đến Yoyogi Parade Ground ở Tokyo để xem cuộc thao diễn sức mạnh quân sự và không quân lớn nhất trong lịch sử Nhật Bản. Trong nhiều giờ, ông theo dõi từ vị trí trên cao hơn 35 nghìn quân, bao gồm 4.500 kỵ binh, diễu hành dưới trời mưa phùn lạnh lẽo. Hai ngày sau ông tiếp tục đến Yokohama để xem Tổng duyệt Hải quân. Tổng cộng ba mươi chín tàu ngầm và 208 tàu thuỷ, bao gồm cả chiến hạm lớn Kaga và Akagi, và khoảng 45.000 thủ thuỷ tham gia vào sự kiện này, cùng với 25.000 thành viên của Hội Cựu chiến binh Hoàng gia , và hàng ngàn quan chức nhỏ khắp cả nước. Hàng trăm ngàn dân thường Nhật Bản tụ tập xem biểu diễn ở Yokohama. Hàng triệu người lắng nghe bình luận trên đài phát thanh về việc tổng tư lệnh tối cao duyệt đội quân của mình trong khi 130 máy bay Hải quân bay lượn trên cảng theo đội hình.

Hai cuộc thao diễn lớn về sức mạnh quân sự này đánh dấu việc hoàn thành lễ đăng quang của Hirohito.Cả hai cuộc thao diễn đều được tường thuật trên đài phát thanh từ Tokyo và phát lại khắp nước Nhật bởi một hệ thống phát thanh đặc biệt đồng nhất trên toàn quốc để mọi người có thể nghe thấy "tiếng đại bác chào mừng Hoàng đế, tiếng nhạc quốc ca, tiếng diễu binh của quân đội, tiếng móng ngựa lóc cóc của đội kỵ binh, và tiếng kêu rền của máy bay".

Trong lịch sử lễ đăng quang hoành tránh của Hoàng đế, Nakajima Michio thừa nhận rằng những cuộc thao diễn quân sự lớn này được tổ chức để cho mọi người biết rằng người cầm quyền cao nhất của họ hiện đã nắm giữ mọi thứ thuộc vị trí của mình và trở thành Hoàng đế thực thụ. Những cuộc thao diễn đó nhấn mạnh rằng trên thực tế, ý niệm trừu tượng, đặc điểm đặc trưng của ông với tư cách là người có quyền tôn giáo cao nhất của đất nước luôn được kết hợp với hình ảnh cụ thể của ông với tư cách là tổng tư lệnh tối cao quân đội. Hai hình ảnh, hai khái niệm - nhưng cùng một nhận thức: một Hoàng đế thực hiện hai vai trò khác biệt nhưng phải kết hợp với nhau và có tầm quan trọng như nhau.

V

Điều đó đã làm tư tưởng sùng bái Hoàng đế ngày càng tăng. Tư tưởng đó đã nâng cao hình ảnh của người cai trị, người trông không được oai nghiêm về mặt hình thể, và cách cư xử không giống với thánh, mặc dù có rất nhiều quyền lực. Tư tưởng đó cũng làm tăng cường sự đoàn kết dân tộc và những quan hệ chủ quan ràng buộc các cá nhân và các nhóm với dân tộc thông qua Hoàng đế. Và nếu tín điều của Hoàng đế đòi hỏi là những hạn chế áp dụng với tư tưởng và tranh luận hợp lý về thể chế quân chủ, thì hãy để cho những hạn chế đó được

tảisáchhay

áp dụng bởi các chính sách đàn áp "tư tưởng không lành mạnh" (đó là bất đồng chính trị") và nâng cao tinh thần thượng võ.

Vào cuối tháng 12 năm 1928, những lễ hội đăng quang kéo dài hàng năm kết thúc. Báo chí ít phản ánh những xúc động của dân tộc cùng với lễ hội. Mặc dù Cung điện Kyoto vẫn mở đón công chúng. Những cuốn sách viết về lễ đăng quang tiếp tục được xuất bản. Các quan chức vẫn tiếp tục tuyên bố rằng Hoàng đế và thần dân gắn bó chặt chẽ thành một thể thống nhất: "một trí óc phối hợp từ đầu đến chân."

Báo chí tiếp tục đưa xã luận về sứ mệnh của "nước Nhật trẻ". "Sự hạn chế về tư tưởng" thúc ép trước công việc bắt cộng sản và những người chống đối khác. Và nhiều người Nhật Bản, do lễ đăng quang, có thể tin tưởng vào sức mạnh đạo đức vốn có của họ như là một dân tộc và một chủng tộc. Tư tưởng đó sẽ nhanh chóng có ảnh hưởng sâu sắc đến các sự kiện chính trị trong những năm 1930, làm suy đồi tính khí của đất nước với niềm tin rằng văn hóa Nhật Bản phải được cứu vãn về mặt tinh thần và buộc phải phục hồi của thế giới, trong khi văn hóa phương Tây, ngược lại, đang bị nhơ bẩn và cần phải làm trong sạch.

Việc tái cơ cấu chính trị này của dân tộc Nhật Bản, với điểm nổi bật mới là quốc gia dân tộc-chủng tộc hơn là các tầng lớp trong một nước, phải được kiểm tra cẩn thận. Khái niệm mới về chủng tộc được hình thành trong bối cảnh điều kiện kinh tế ngày càng tồi tệ và đấu tranh giai cấp ở nông thôn ngày càng căng thẳng, với các tổ chức tá điền thách thức chế độ địa chủ, mà hệ thống Hoàng gia trong nước dựa vào một phần. Những cuộc tranh chấp của tá điền xuất hiện không ngừng, từ 1.866 cuộc năm 1928 lên 3.419 cuộc năm 1931; những cuộc đình công trong ngành công nghiệp cũng tăng, đạt mức cao nhất thời trước chiến tranh là 984 cuộc năm 1931. Và chỉ khi mâu thuẫn xã hội được hâm nóng lên, và đi đến một chế độ chủng tộc trong sạch, êm dịu và thuận lợi để truyền sức mạnh toàn cầu vào chủ nghĩa dân tộc Nhật Bản.

Thời gian qua đi, Hirohito đã giảm bớt tiếp xúc với người dân Nhật. Trong suốt năm 1928 ông thực hiện nhiều chuyến công du và đến thăm các học viện quân sự và Hải quân, tham dự lễ tốt nghiệp, Nghị viện, những khu nhà riêng, người thân và các lăng mộ tổ tiên của ông-toàn bộ những nơi mà mọi người ít có cơ hội tiếp cận ông để trực tiếp nhờ cậy ông giúp đỡ. Từ năm 1928 đến khi bắt đầu Chiến tranh Thế giới thứ Hai, ông tiếp tục những chuyến công du của mình khoảng bốn đến sáu lần mỗi năm với tư cách là Tổng tư lệnh tối cao (*daigensui)* để xem những cuộc thao diễn và diễn tập quân sự đặc biệt; nhưng những chuyến ngoạn dài ngày trong khu vực của ông *(chiojunko)* với tư cách là đấng tối cao siêu phàm đột nhiên giảm dần và ngừng ngay sau chuyến thăm Hokkaido năm 1936. Những chuyến đi của Hoàng đế để duyệt các cuộc thao diễn Hải quân và diễn tập quân sự lớn nhằm động viên đất nước và đồng thời nêu bật hình ảnh siêu phàm và quân phiệt của một vị Hoàng đế, chứ không phải là vị thế thứ yếu của một quốc vương "lập hiến". Thay vì thiết lập mối quan hệ thân thiết với thần dân trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế, sự xuất hiện giả tạo trước công chúng đã làm ông xa cách và không thấu hiểu được cuộc sống hàng ngày của họ.

Vào những dịp hiếm thấy trong hai thập kỷ đầu dưới sự cai trị của Chiêu hòa khi Hoàng đế được coi là một nhân vật thần thánh thực hiện những chuyến kiểm tra dân thường, Bộ Nội

tảisáchhay

vụ và các quan chức cấp quận coi những chuyến đi đó của ông là sự kiện rất quan trọng và cần phải chuẩn bị cẩn thận từ trước và con người không được phép sai lầm. Khi một sai lầm xảy ra, thì kết quả có thể sẽ không tốt. Chẳng hạn, ngày 16 tháng 11 năm 1934, một cảnh sát lái mô tô dẫn đầu đoàn hộ tống Hoàng gia qua thành phố Kiryu, quận Gumma, đáng nhẽ phải rẽ trái ở chỗ giao nhau nhưng cảnh sát đó lại dẫn đoàn đi thẳng và do vậy làm hành trình của chuyến đi hơi bị đảo lộn. Bảy ngày sau, cảnh sát mắc sai lầm đó tự sát, quận trưởng quận Gumma và toàn bộ các quan chức cao cấp tham gia vào việc tổ chức chuyến thăm bị khiển trách, các sĩ quan cảnh sát ở Gumma bị cắt giảm hai tháng lương; và chính Bộ trưởng Bộ Nội vụ bị chất vấn và chỉ trích mạnh mẽ ở Nghị viện Hoàng gia.

Để bảo vệ và chào đón Hoàng đế, đảm bảo đám đông cúi chào trật tự và được kiểm soát, và không điều gì sai sót xảy ra trong khi Hoàng đế đang ở thăm quận đó, các quan chức địa phương đã thành lập những ủy ban đặc biệt, những người phục vụ trong các ủy ban đó sau khi cầu nguyện chúa ban cho sức mạnh và đưa ra chỉ dẫn, giám sát từng phút mọi chi tiết trong chuyến thăm từ thiện của ông. Họ huy động mọi nguồn lực, trải thảm đỏ để Hirohito đi trên đó, quét dọn và trang trí đường phố mà đoàn sẽ đi qua, tẩy uế (theo nghĩa đen) và gột sạch (theo nghi lễ) ô tô mà ông sẽ ngồi, những ô tô tháp tùng, những đầu máy xe lửa dành cho Hoàng đế và thậm chí cả những nhà ga mà ông sẽ dừng chân. Thỉnh thoảng đường ray dọc theo tuyến đường của ông được cọ rửa và phun thuốc tẩy rửa, đặc biệt nơi ông định dừng chân.

Việc dọn sạch con đường mà Hirohito sẽ đi qua để không có một vết bẩn và được sát trùng tuyệt đối là một nhu cầu quá mức và gần như là bệnh hoạn, và sự hiện diện vô hình của ông (vì toàn bộ các con mắt sẽ phải nhìn xuống dưới, không được phép nhìn thẳng vào ông) đã giúp hiểu được những giả định dưới tín ngưỡng Đạo Shinto. Xen vào những nghi lễ đăng quang của Hoàng đế, và những chuyến công du của ông liên quan đến những nghi lễ đó là thuyết nhị nguyên: sạch trái ngược với không sạch, tinh khiết trái ngược với không tinh khiết, cái tôi đối ngược với người khác. Từ sự lưỡng phân về khái niệm và cảm xúc này sẽ tiếp đến sự tiến bộ tự nhiên và chắc chắn trong những năm 1930 và đầu những năm 1940: Chúng ta, những người dân Nhật hãy đương đầu với thế giới với tư cách là một đất nước trong sạch về chủng tộc; vì vậy những cuộc chiến tranh của chúng ta là những cuộc chiến tranh chính đáng và thần thánh, và chiến thắng của chúng ta tạo nên "trật tự mới" ở Đông Á.

Để chứng tỏ Hirohito là hiện thân của thánh, tránh xa những điều xấu xa trong thế giới chính trị, triều đình và xã hội - và là người trong sạch, "thiêng liêng và bất khả xâm phạm" - cần có sương khói, gương soi và các trò ảo thuận khác - hoặc ít nhất là sự che dấu. Ở đây, nhóm triều đình tìm thấy lý do để che dấu công chúng các hành động chính trị của Hirohito trong suốt thời kỳ nội các của Wakatsuki và Tanaka. Nếu họ muốn che đậy những vấn đề chính trị riêng của họ và những vấn đề chính trị của quan nhiếp chính trước lễ đăng quang, thì họ đã che dấu thậm chí nhiều hơn thế nhằm che đậy nhiều vấn đề của Hoàng đế sau lễ đăng quang. Nói một cách chính xác, sự kết hợp giữa âm mưu chính trị được che dấu và sự lừa dối công chúng, chủ nghĩa độc đoán và thiếu nhận thức về trách nhiệm cá nhân là đặc điểm phân biệt của Chiêu Hòa Thiên Hoàng và những người "điềm đạm" phục vụ ông trong triều đình.

tảisáchhay

Những nghi lễ, lễ kỷ niệm và lễ hội đăng quang của Chiêu Hòa năm 1928 đã ảnh hưởng đến văn hóa chính trị Nhật Bản ở mọi tầng lớp nhưng chủ yếu nhằm dụ dỗ những tầng lớp phải có trách nhiệm với công chúng - đặc biệt là các quan chức chính phủ, giáo viên và cảnh sát - trong thần thoại thiêng liêng về nguồn gốc nước Nhật. Sự bất tài của Đại Chính đã dẫn đến sự nổi dậy của nền dân chủ Đại Chính; lễ đăng quang của Hirohito đã nhanh chóng dập tắt nền dân chủ Đại Chính và làm sống lại tư tưởng chính trị thần quyền về sự kết hợp giữa tôn giáo và chính trị. Những nghi lễ và lễ kỷ niệm của Chiêu Hòa một lần nữa lại góp phần làm cho xã hội Nhật Bản tiếp thu tư tưởng mới phương Tây. Trên hết, lễ đăng quang của ông đã tuyên bố rằng Hoàng đế là một vị thánh sống về mặt cai trị cũng như trị vì.

Nhiều người quyền cao chức trọng được mời đến lễ kỷ niệm ở Kyoto để nghe về đề tài tính thần thánh của Hoàng đế trong một đợt phát hành đặc biệt tạp chí kinh doanh nổi tiếng *Fitsugyo no Nihon* vào tháng 11 năm 1928. Fujiyama Raita, chủ tịch Công ty Đường lớn Nhật Bản và là thành viên của Thượng nghị viện, đã biểu lộ cảm xúc về việc đó khi viết: "Chứng kiến lễ kỷ niệm này, tôi thật sự cảm thấy là Hoàng đế của chúng ta xuất thân từ dòng dõi thánh và đất nước của chúng ta luôn có một vị thánh".Người theo nghi thức của triều đình Hoshino Teruoki khẳng định lại:

Lễ đăng quang cho thấy Hoàng đế đã nắm quyền cai trị chính quyền với một trái tim nhân tim nhân hậu của tổ tiên. Bằng cách làm như vậy, ông tiếp tục phát huy danh tiếng từ tinh thần đạo đức của tổ tiên và trở thành nền tảng cơ bản của đức tin mà chúng ta giữ trong tim và trong khối óc trong hàng nghìn năm; cụ thể là Hoàng đế của chúng ta là một vị thần [*kamisama*] và là một vị thánh sống [*ikigami*].

Không có học sinh nào trong lễ đăng quang là không lo lắng khi thông điệp về thần thánh rõ ràng này được công bố, và một số lượng lớn dân thường Nhật Bản rất phấn khởi đón nhận thông điệp đó. Đối với Hirohito, ông chưa bao giờ có ý định làm việc gì công khai, kể cả lúc đó và sau này, để cho mọi người nghi ngờ rằng ông là một "vị thánh sống" hoặc nghi ngờ ý tưởng Nhật Bản là một "đất nước thần thánh" bởi vì ông và nhân dân là «một khối thống nhất».

Phân tích về một bài xã luận của tờ Yokohama dành riêng cho lễ đăng quang từ tháng 1 năm 1928 đến tháng 1 năm 1929, nhà sử học Nakajima Michio đã xác định ba chủ đề nổi bật của lễ đăng quang. Trước tiên, lễ đăng quang được xem như một cơ hội lớn để truyền bá cho mọi người về đạo đức dân tộc, qua đó trợ giúp chiến dịch kiểm soát những tư tưởng nguy hiểm của chính phủ.Với mục đích đó, những người viết xã luận đã yêu cầu chấp thuận "những nguyên tắc Phương Đông" theo "phương thức của cha đẻ và phương thức của mẹ đẻ" *(fudo bodo*), đặt tiền đề trên khái niệm rằng mẹ đẻ là hiện thân của tình yêu, còn cha đẻ là "người mang lại giá trị đạo đức chính". Quan điểm đàn ông - hoặc ít nhất là đàn ông Nhật Bản- xét trên phương diện đạo đức cao hơn phụ nữ - là quan điểm gắn bó với những người theo chủ nghĩa dân chủ của thời đại. Nhưng giá trị quan trọng nhất trong đạo đức dân tộc là sự trung thành với Hoàng đế và sự hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ (*chuko*). Việc Hoàng đế tặng cốc uống rượu cho các cụ trên tám mươi tuổi, và việc chính quyền thị trấn và thị xã tôn vinh những người trên sáu mươi tuổi đã phản ánh cách nghĩ này.

tảisáchhay

Những tài liệu tuyên truyền cho lễ đăng quang cũng nêu bật sự tương thích của *quốc thể* với khoa học hiện đại. Xét cho cùng vị trí chủ đạo trong những cuộc tranh luận về *quốc thể* trước đây đã nhấn mạnh sự tách biệt của *quốc thể* với tư tưởng hiện đại, điều này khẳng định một sự thay đổi đáng chú ý trong cuộc tranh luận. Hiện nay các nhà báo khẳng định rằng "khoa học hiện đại" thật sự làm cho quốc thể có giá trị. Các nghiên cứu khoa học hàng ngày chứng minh rằng "tinh thần tôn trọng các vị thần thánh, kính trọng tổ tiên, hòa hợp giữa đức vua và thần dân, thống nhất giữa những nghi lễ và quyền lực, và đồng nhất giữa lòng trung thành và sự hiếu thảo của con cái với cha mẹ tạo thành nguyên tắc đạo đức cao nhất của con người."

Chủ đề thứ ba của bài xã luận năm 1928 là lễ đăng quang của Nhật Hoàng Chiêu Hòa đã mở ra một kỷ nguyên mới, trong đó nước Nhật trẻ sẽ trở thành trung tâm của thế giới và sẽ gánh vác sứ mệnh dẫn dắt toàn bộ các dân tộc. Một bài xã luận trên tờ *Yokohama Boeki Shimpo* ngày 1 tháng 12 năm 1928 có tiêu đề "Nước Nhật trẻ và sứ mệnh toàn cầu của mình," cho rằng sự trung thành và sự hiếu thảo với cha mẹ tạo thành nguyên tắc lãnh đạo cho toàn thế giới:

Nhật Bản ngày nay quả thực không tự hạn chế trong phạm vi nhỏ của riêng mình. Nhật Bản cũng không còn giữ vị thế của mình ở Phương Tây hoặc tiếp tục chiếm giữ vị trí mà Nhật Bản đang nắm giữ trên thế giới. Đây là một thời đại mà Nhật Bản phải gánh vác một sứ mệnh toàn cầu. Nhật Bản đã trở thành nước trung tâm, nước đứng đầu, nước chỉ huy và đang tiến lên cùng thời đại để dẫn dắt toàn thế giới.

Nakajima đã kết luận bài phân tích của mình trên tờ Yokohama năm 1928 bằng cách nêu bật rằng "Nhật Bản chưa bước vào thời kỳ của chủ nghiã phát xít nhưng những người viết xã luận đang chỉ trích về chủ đề 'tám phương thế giới dưới một vòm trời' (*hakko ichiu*) mà không sử dụng thuật ngữ đó". Tư tưởng trị vì thế giới trong nền hòa bình mà mỗi quốc gia sẽ chiếm một vị trí thích hợp trên mặt trời và thừa nhận khả năng lãnh đạo của Nhật Bản không có tác dụng trong các tác phẩm của các học giả thời kỳ Tokugawa. Trong suốt thời kỳ mở cửa của Nhật Bản trong những năm 1850 và 1860, học thuyết *hakko ichiu* đã được khôi phục lại và kết hợp với một niềm tin mới rằng Hoàng đế Nhật Bản sẽ luôn là "một nhà lãnh đạo chính trị có sức lôi cuốn, người đứng đầu và thúc đẩy quá trình khai sáng". Tư tưởng sau này đã ảnh hưởng đến hình ảnh của Minh Trị trong suốt thời gian trị vì. Khoảng đầu năm 1928, Hirohito và triều đại của ông cùng khám phá lại học thuyết *hakko ichiu*, một niềm tin của chủ nghĩa bành trướng rằng thuyết động lực mới đã được truyền đạt cho chủ nghĩa dân tộc Nhật Bản.

Rõ ràng lễ đăng quang kéo dài vào cuối những năm 1920 đã thu hút và tiêu hao rất nhiều năng lượng và lòng nhiệt tình của dân chúng. Bởi vì lễ kỷ niệm được sánh với những mô tả mang tính văn học và nghệ thuật về chiến thắng của quân đội trước đây trong cuộc Chiến tranh Nga- Nhật – nên đỉnh cao của lễ đăng quang được coi là thắng lợi của cuộc chiến tranh ngoại quốc. Rõ ràng là lễ đăng quang đóng một vai trò to lớn trong việc lôi kéo nhân dân về phía Hoàng đế và nhà nước, và trong việc huy động các cơ quan tự quản như nhóm thanh niên dưới sự bảo trợ của triều đình, Hội Cựu chiến binh Hoàng gia, các hội lân cận, các phe phái cánh tả. Trong khi lễ đăng quang vẫn đang tiếp diễn, lá cờ hình Mặt trời mọc cũng

tảisáchhay

được treo khắp nơi, và Phòng nhiếp ảnh của Bộ Hoàng gia đã chuẩn bị "ban tặng" cho các trường trong nước biểu tượng quan trọng nhất của chủ nghĩa dân tộc mới – bức ảnh thiêng liêng của Nhật Hoàng Hirohito và Hoàng hậu Nagako, Nhật Hoàng trong bộ đồng phục của một tổng tư lệnh tối cao mới, đeo huân chương trên ngực; Hoàng hậu đứng bên cạnh mặc chiếc áo choàng kiểu phương Tây và được tô điểm thêm một chiếc khăn quàng cổ.

Chiến dịch huy động tinh thần dân tộc được tiếp diễn đến sau năm 1928, đẩy niềm tự hào dân tộc của Hirohito và của chính dân tộc lên một tầm cao mới, và làm cho niềm tin về tính thần thánh của ông trở thành tiêu chuẩn đúng đắn về chính trị. Ngày 1 tháng 12 năm 1928, nội các của Tanaka ban hành một Bản Tuyên bố về kim chỉ nam tư tưởng để ủng hộ "việc khuyến khích giáo dục" và "mở mang khái niệm về *quốc thể*." Chín tháng sau nội các phát động một kế hoạch của nhóm triều đình kể từ khi bắt đầu thời kỳ nhiếp chính của Hirohito: một phong trào dân tộc nhằm chỉ đạo đất nước về nguy cơ của những phong trào quần chúng chống sự áp đặt và "cải thiện đời sống kinh tế và nuôi dưỡng sức mạnh dân tộc." Chiến dịch tuyên truyền cũng cố gắng "làm rõ quốc thể và đẩy mạnh tinh thần dân tộc." Với những mục tiêu như trên, sau đó không lâu Bộ Giáo dục đã ban hành một chỉ thị cho tất cả các trường phổ thông và đại học trong cả nước về việc thực hiện cuộc vận động tư tưởng mới.

Bằng cách này chế độ quân chủ Chiêu Hòa trở nên có quyền lực về ý thức hệ thông qua sự tuyên truyền trong dân chúng về tôn giáo của tinh thần Nhật Bản và sự tôn kính sâu sắc - thậm chí là sự sùng bái - đối với người cai trị thần thánh. Một điều không thể bỏ qua là những khuynh hướng của chủ nghĩa dân tộc Nhật Bản này xuất hiện vào cuối những năm 1920, trước khi xảy ra sự suy thoái kinh tế thế giới lớn, khi Chủ nghĩa Phát xít Italia tự thể hiện mình trên bình diện quốc tế và Đảng Nazi bắt đầu phong trào bầu cử ở Đức. Những chủ đề và nổi ám ảnh về chủ nghĩa dân tộc Chiêu Hòa này đầu tiên được bắt nguồn chủ yếu "từ trên" vào nền văn hóa chủ đạo chứ không phải xuất phát từ dân thường. Khi bày tỏ họ lật đổ cơ cấu thể chế Minh Trị trong khi liên kết lại với tính chính thống Đạo Shinto. Lòng nhiệt tình của dân chúng xuất phát từ cuộc chiến tranh và sự xâm lược của chủ nghĩa đế quốc trong suốt năm thứ tư trong thời gian trị vì của Hirohito được bổ sung thêm những yếu tố và động cơ mới dưới đây, và được biến đổi thêm thành mệnh lệnh theo thể chế. Khi Hirohito bắt đầu thời kỳ trị vì, hệ tư tưởng của Hoàng đế đã bị sói mòn một cách rõ ràng và trở thành một gánh nặng tâm lý. Hirohito và nhóm triều đình ngay từ đầu đã cố gắng hết sức để mọi người đón nhận niềm tin không hợp lý gắn với ngôi vua. Họ tích cực khuyến khích mọi người coi Hoàng đế là nguồn giá trị đạo đức của họ - một người cai trị có quyền tuyệt đối về sức mạnh chính trị và quân sự với quyền lực tôn giáo.

Các hoạt động chính trị của Hirohito và nhóm triều đình lại mở ra chế độ quân chủ theo cách đưa hình thức quân phiệt hơn vào chủ nghĩa dân tộc Nhật Bản. Bằng cách tán dương quá khứ của Minh Trị, ca tụng tính cách và "đức tính" của Nhật Hoàng Minh Trị, đồng thời đề cao Chiêu Hòa Thiên Hoàng, họ đã tạo được điểm khởi đầu cho việc thờ cúng của Hoàng đế trong những năm 1930. Hirohito là phương tiện của việc thờ cúng, và với sự động viên tích cực của ông, chiến dịch nhanh chóng chấm dứt và biến thành các hoạt động chính trị mang tính đa nguyên, bất đồng và thô bạo.

tảisáchhay

Hơn nữa, khi các đảng chính trị đang đứng trên đỉnh cao quyền lực, lễ đăng quang và sự tôn sùng thần thánh của Hirohito đã tạo ra cảm xúc và sức mạnh huyền bí đối với hình ảnh vị thánh sống *(arahitogami*) và tổng tư lệnh tối cao của lực lượng vũ trang *(daigensui*) của ông. Những xúc cảm mạnh mẽ từ những nghi lễ này đã trái với "nền dân chủ" và chủ nghĩa hòa bình trong nước và những hành động chống quân phiệt ở nước ngoài. Chỉ sau khi Hirohito và tùy tùng của ông chống lại phong trào dân chủ Đại Chính các sĩ quan quân đội hành động không thỏa mãn với chính phủ đảng bằng cách đàn áp ở Mãn Châu.

Chủ nghĩa dân tộc Chiêu Hòa thời kỳ đầu, đặt trên nền tảng hệ tư tưởng, thần thoại và nghi lễ Hoàng đế, có thể được xem một cách đúng đắn là một phần của hiện tượng "chủ nghĩa phát xít" trên toàn thế giới vẫn còn tranh cãi giữa các nhà sử học. Sự sùng bái cộng đồng chủng tộc dân tộc qua sự hiện thân của một nhân vật là một yếu tố thông thường. Chủ nghĩa quân phiệt, chế độ độc tài, và vinh quang của cuộc chiến tranh cũng như tuổi trẻ, tinh thần, tu dưỡng đạo đức, và sứ mệnh dân tộc chắc chắn là những yếu tố thông thường khác. Và trong khi nước Nhật luôn là chính mình và biệt lập, Hirohito không kích động, quyến rũ, kìm chế Fuhrer hoặc Duce, và Đức và Italia cũng không giống nhau về hệ tưởng và tổ chức. Vì vậy, sau khi cân nhắc kỹ những điểm tương đồng trong hệ tư tưởng giữa những nước dẫn đầu theo chủ nghĩa phát xít trong những năm 1930, những nhà lãnh đạo sùng bái giữ vai trò như nhau về mặt tâm lý cũng như con đường phát triển sau này về mặt lịch sử, tất cả dường như quan trọng hơn những điểm khác nhau rõ ràng của họ.

tảisáchhay

6. Một ông Vua Chính trị Xuất hiện

Bắt đầu năm 1927, những câu chuyện xoay quanh cuộc xung đột với Trung Quốc về Mãn Châu đã lại xuất hiện trên trang nhất của các báo Nhật Bản, Chiêu Hòa đã bắt đầu lo lắng về tài chính, và cả hai cuộc khủng hoảng ngày càng tồi tệ qua mỗi năm. Đồng thời sự chỉ trích chế độ quân chủ và chủ nghĩa tư bản - được những người đưa ra quan điểm gọi là "vấn đề về tư tưởng" - đã lan tràn thậm chí giống như những nghi lễ đăng quang được mở ra xung quanh Hirohito, khắc sâu một hình ảnh mới của ông là một người quyền lực ngang với Minh Trị trong người dân Nhật.

Tương tự để làm xáo trộn Hirohito, các sĩ quan Hải quân hiện trình ông các quan điểm mâu thuẫn về cách tốt nhất đáp ứng các yêu cầu bảo vệ tổ quốc của Hải quân. Đô đốc Kato Kanji, đối thủ hàng đầu của Hiệp ước Hải quân Washington, bắt đầu gây sức ép cho Hirohito để mở rộng phạm vi địa lý đối với quốc phòng. Kato cho rằng "sự an toàn cho tổ quốc của Đế chế yêu cầu phải đương đầu với lực lượng Hải quân Mỹ được triển khai tại phía tây Thái Bình Dương" hơn là ở chỗ nước gần tổ quốc như được quy định trong chính sách năm 1923. Hirohito đã phê duyệt báo cáo của Kato trình ông ngày 27 tháng 11 năm 1929 nhưng vẫn giữ lý lẽ của phe đối lập, những đô đốc "phe hiệp ước". Họ cũng muốn một lực lượng Hải quân lớn và tin tưởng vào lý thuyết để chiến thắng cuộc chiến bằng cách chiến đấu trong một trận lục chiến mang tính quyết định; nhưng họ cương quyết rằng sự khác nhau về sức mạnh dân tộc giữa Nhật Bản và Hoa Kỳ đã bị loại bỏ bất kỳ điều gì, tùy từng thời điểm, ngoài việc bảo vệ tích cực Hoàng đế.

Ngay từ khi bắt đầu thời kỳ trị vì của mình, Hirohito đã tránh đương đầu với bất đồng về tư tưởng quốc phòng đang tiếp diễn trong lực lượng Hải quân. Mặc dù vẫn rất quan tâm đến quân sự trong cuộc sống thường ngày, ông và nhóm tùy tùng thích tập trung vào các vấn đề trong nước hơn. Về điểm đó, họ cho rằng ông sẽ để lại danh tiếng của mình trong thời gian trị vì của các Hoàng đế qua các triều đại. Vì vậy mục tiêu ban đầu và quan trọng hơn cả là đặt "nguyện vong" của Hirohito dưới sự chỉ đạo của chính quyền để khôi phục lại quyền lực của chế độ quân chủ, và củng cố hình ảnh của ông như là một nhân vật có quyền lực ngang với Minh Trị.

Trong những vấn đề với phương Tây, tinh thần hòa giải vẫn được duy trì và được minh chứng bởi hai kế hoạch ngoại giao chính của Nhật Bản trong những năm này: Hiệp ước Briăng - Kelốtgiơ tháng 8 năm 1928, và Hiệp ước Hải quân Luân Đôn tháng 4 năm 1930. Thêm vào đó, những dấu hiệu thay đổi và xu hướng của chủ nghĩa hòa bình và tính công khai của thời đại hậu Chiến tranh Thế giới thứ Nhất bắt đầu xuất hiện ngày càng nhiều. Ngày 20 tháng 2 năm 1928, đại diện của đảng cánh tả, vận động cho sự cải cách tiến bộ, đã mở một mặt trận mới chống lại những thành phần cầm quyền ưu tú bằng cách chiếm tám ghế trong cuộc bầu cử đầu tiên trong cả nước theo luật bầu cử phổ thông mở rộng. Mười bảy ngày sau, ngày 15 tháng 3, chính phủ của Thủ tướng Tanaka đã bắt 1.568 thành viên Đảng Cộng sản và những người hoạt động cho phong trào lao động và nông dân trên phạm vi cả nước. Tháng 4, những giáo sư theo chủ nghĩa Mác bị đuổi khỏi các trường đại học Hoàng gia ở Kyoto, Tokyo và Kyushu.Ngày 29 tháng 6, nội các của Tanaka đình chỉ những

tảisáchhay

thủ tục hiến pháp thông thường và ban hành một sắc lệnhkhẩn cấp để sửa đổi Luật gìn giữ hòa bình năm 1925 liên quan đến tội "sửa đổi *quốc thể*" hiện phải chịu hình phạt đến chết.

Đối với những thành viên Đảng Cộng sản và những trí thức bị ảnh hưởng bởi tư tưởng Mác, một cuộc tổng tuyển cử và cuộc đàn áp sau đó là cơ hội để xác định Hoàng đế mới là kẻ đàn áp và vạch ra những yếu tố quyết định mang tính xã hội của ngai vàng. Đồng thời, nhà nước Hoàng gia đang bắt những người Cộng sản và những người ủng hộ Cộng sản, khẩu hiệu ủng hộ mới "lật đổ hệ thống Hoàng đế mới" được tuyên truyền trong giới trí thức bị ảnh hởng bởi chủ nghĩa Mác. Trong khi đó, ở nước ngoài, ngày 4 tháng 6, đạo quân Quan Đông canh gác khu vực xe lửa phía Nam Mãn Châu đã giết chết một tư lệnh trong nước, Chang Tso-lin. Vào năm sau, năm 1929, Nhật Hoàng trẻ tuổi Hirohito đã bỏ qua tội ác này của đạo quân nên càng khuyến khích các hành động coi thường trong quân đội.

Nhiệm vụ về sự tàn khốc của cuộc chiến tranh của quân đội Nhật trong tương lai đã được sắp đặt nền tảng trong suốt thời kỳ này. Năm 1928, chính phủ Tanaka đã không tán thành một nghị thư quốc tế cấm chiến tranh hóa học và sinh học. Năm sau, để đối phó với sức ép từ quân đội, Hội đồng Cơ mật không thông qua Công ước Geneva về tù nhân chiến tranh được ký hai năm trước đó. Những ủy viên Hội đồng Cơ mật chấp thuận lý lẽ của bộ trưởng quốc phòng, bộ trưởng Lục quân và bộ trưởng ngoại giao rằng điều khoản liên quan đến hiệp định về tù nhân chiến tranh là quá khoan dung và có thể không được thực hiện bởi vì binh lính của Hoàng đế sẽ không bao giờ cho phép mình là tù binh chiến tranh. Đặc biệt, hành động này đã mở đường cho Nhật Bản phủ nhận hiệu lực của các công ước về luật quốc tế trong việc đối xử với tù nhận chiến tranh và quân sự bị thương.

Trong những cuốn nhật ký và hồi ký ghi lại những năm đầu trị vì trọng đại của Hirohito, những cận thần của ông - Makino, Kawai, Nara và Okabe - đã vẽ một chân dung ca ngợi vị Hoàng đế trẻ. Họ muốn Hirohito tỏ ra không thiện chí với các đảng - cứ như thể đó không phải là thể chế Hoàng gia - họ ca ngợi Hirohito về quyết định nắm giữ vai trò giám sát các hoạt động chính trị mà cha ông đã không thể thực hiện được do vấn đề sức khỏe, và họ biểu hiện sự hài lòng vì những kỹ năng cố vấn của họ đã giúp mang lại điều này. Chỉ có bản báo cáo của Tướng Nara đề xuất rằng trong giai đoạn này, Hirohito nên ít quan tâm hơn đến việc kiểm soát lực lượng vũ trang mà ông được pháp luật yêu cầu.

Nhật ký của nhóm tùy tùng đã cho thấy sự quan tâm thường xuyên của Hirohito đến hành động chính trị. Sự bất mãn với cách tra sơ qua một cách thụ động khi lịch sử tiến triển cùng với con đường của mình, ông đã can thiệp vào các quyết định của nội các đảng và hội đồng cơ mật, gián tiếp phân xử những tranh chấp giữa các đảng chính trị đứng đầu, và thậm chí buộc các đảng trong Nghị viện phải dừng những cuộc tranh cãi khi ông thấy cần thiết. Hirohito, bị ảnh hưởng bởi Makino và đội ngũ Hoàng cung, nhanh chóng làm những việc mà Nhật Hoàng Minh Trị chưa bao giờ làm; phê bình, và phạt nặng một thủ tướng, Tướng Tanaka Giichi, chủ tịch của Seiyukai - qua đó vô hiệu hóa thuyết "cơ quan" nhà nước của Minobe mà các đảng chính trị lúc đó dựa vào để hợp lý hóa các hành động của họ.

Sau khi thoát khỏi Tanaka và chính phủ Seiyukai của ông, Hirohito và cận vệ của ông đã ủng hộ hoàn toàn Hamaguchi, chủ tịch của đảng ôn hòa Minseito, và đưa ông vào kế nhiệm

tảisáchhay

Tanaka tháng 7 năm 1929. Tháng 4 năm 1930, vài tháng sau khi Hamaguchi thành lập nội các, Hoàng đế Hirohito, với sự trợ giúp của nhóm tùy tùng và Saionji, không nghe theo lời khuyên của tham mưu trưởng Lục quân và phó tham mưu trưởng Lục quân, Đô đốc Kato và Phó Đô đốc Suetsugu về vấn đề giảm tải trọng tàu Hải quân đang gây tranh cãi. Mặc dù Washington và Luân đôn hàm ý thành lập một Hội Quốc Liên Hải quân chống lại Nhật nếu Nhật không tuân thủ tỷ lệ của tàu chiến được vạch ra tại Hội nghị Washington, Kato và những người ủng hộ ông về Tổng tham mưu Lục quân đã rút lui khỏi thỏa hiệp cuối cùng được đàm phán tại Luân đôn. Họ từ chối chấp thuận "bất kỳ giới hạn nào về tàu tuần dương hạng nặng của Hải quân có tải trọng dưới 70 phần trăm tải trọng riêng của tầu tuần tiễu của Hải quân Anh và Mỹ". Như Kato giải thích với người tán thành hiệp ước, Đô đốc Okada Keisuke thì quan điểm của ông là "vấn đề này liên quan đến số phận của lực lượng Hải quân, và do vậy tôi muốn ông ý thức được rằng nó quan trọng hơn cả số phận của chính phủ."

Tướng Arki, Đô đốc Ogasawa và Togo ủng hộ mạnh mẽ sự can thiệp của Hải quân vào các vấn đề chính trị năm 1930 và coi khinh chính phủ của đảng giống như Kato (và coi khinh cái Kato gọi là "xã hội Do Thái hóa" của Nhật Bản hoặc "kẻ thù người Do Thái trong trái tim chúng ta") là . Cả bốn người duy trì mối quan hệ thân thiết với những nhà tư tưởng thường dân theo chủ nghĩa cực đoan và gây ảnh hưởng với Bộ Hải quân và Quân sự, Nghị viện, Hội đồng Cơ mật và Hoàng cung (thông qua Hoàng tử Fushimi). Tuy nhiên, những nỗ lực của họ không đem lại kết quả vì Hamaguchi phản đối mạnh mẽ Kato, Suetsugu, Togo và chấp thuận tỷ lệ tải trọng của tàu tuần dương trong thỏa hiệp khi các quan chức triều đình đề nghị phải ông chấp thuận. Ngay sau đó, Seiyukai liên kết với quân đội để công khai tấn công Hamaguchi và nhóm tùy tùng của triều đình, kết tội họ đã ký hiệp ước mà không được sự ủng hộ của Tổng tham mưu Lục quân, do vạy vi phạm "quyền chỉ huy tối cao" của Hoàng đế.

Quyết định lật đổ nội các Minseito, không hài lòng với nhóm tùy tùng Hoàng cung vì trước đó đã buuộc Tanaka từ chức, các nhà lãnh đạo đảng Seiyukai đã buộc tội Hamaguchi và "những cận thần xấu xa" xung quanh ngai vua - Makino, Suzuki và Kawai về việc dựa vào hiệp ước hạn chế vũ khí và "sự hợp tác" của Anh và Hoa Kỳ để bảo vệ lợi ích của Nhật Bản ở Trung Quốc. Bằng cách buộc tội đó, Viên Đại thị thần Suzuki đã cản trở tham mưu trưởng của Tổng Tham mưu Hải quân báo cáo chính thức với Hoàng đế, và chính phủ tiếp tục chính sách bảo vệ sai lầm, các chính trị gia đảng Seiyukai đã góp phần vào bầu không khí thúc đẩy chủ nghĩa cực đoan.

Trong khi các sự kiện văn học, nghệ thuật, chính trị và các sự kiện quốc tế cùng được tổ chức để tạo nên một bầu không khí mới ở Nhật Bản. Những sự kiện về thắng lợi của cuộc chiến tranh Nga- Nhật và Trung -Nhật ít được mô tả trong suốt thời kỳ Chiêu Hoà. Tuy nhiên, năm 1930, quân đội đã tổ chức lễ kỷ niệm hai mươi năm năm Chiến tranh Nga-Nhật, sau khi lễ kỷ niệm đã được tổ chức cách đó năm năm. Trong thời gian chuyển tiếp, nhiều bài báo, cuốn sách, chuyện tranh và nhiều vở kịch đầy cảm động xuất hiện và làm rùm beng cả nước về cuộc Chiến tranh Nga-Nhật và "hành động thần thánh" (*kamiwaza*) của đô đốc đã cứu nước Nhật trong cuộc đụng độ với Nga. Những câu chuyện này đề cao "hình mẫu của quân dân" và "những vị thánh của cuộc chiến" đứng đầu (đối lập với những anh hùng nhỏ), Tổng tư lệnh Hải quân Togo, người vẫn còn sống và đang tại ngũ, Chỉ huy Hirose Takeo đã

tảisáchhay

hy sinh năm 1904 trong khi cố gắng khóa chặt cảng Port Arthur trong trận chiến thứ hai. Năm 1930, tại Nhà hát Kabuki ở Tokyo, *Sự sụp đổ của Port Arthur,* trong sự kiện đó Tướng Nogi đã mất hai người con trai, được công diễn. Khi một tướng Nga trong vở kịch bày tỏ sự đồng cảm của mình với Nogi, Nogi đã đáp lại, "tôi có lẽ không thể trở về Tokyo cùng với hai con trai còn sống. Là một người cha, tôi lấy làm hài lòng về cái chết vì Hoàng đế của hai đứa con trai của tôi''. Ở đoạn này, khán giả hoan hô nhiệt liệt.

Nhờ những vở diễn hồi tưởng về các sự kiện cụ thể mang tính văn học, sự im lặng kéo dài về những cuộc chiến tranh cuối thời đại Minh Trị đã chấm dứt. Trẻ em và thanh thiếu niên có bố mẹ tham gia cuộc chiến năm 1904-5 đã nắm được nhiều thông tin về những cuộc chiến tranh đã biến Nhật Bản thành một Đế chế thuộc địa. Do vậy, thập kỷ mở đầu bằng việc chống quân đội đã chấm dứt trong trạng thái tinh thần khác nhau: khẳng định đế chế, đặt niềm hy vọng vào câu chuyện thần thoại về "các vị thánh của cuộc chiến" như Đô đốc Togo và Tướng Nogi, và "đức tính" của vị Hoàng đế trẻ.

Đồng thời, Tổng tham mưu Hải quân, những nhà lãnh đạo Đảng Seiyukai và các thành viên Hội đồng Cơ mật đã kích động dân chúng phản đối Hiệp ước Hải quân Luân Đôn năm 1930 mà Nhật Bản đã ký với Anh và Hoa Kỳ ngày 22 tháng 4 cũng là một trong những sự kiện nổi bật của đất nước. Hiệp ước đã hạn chế số lượng tàu lớn của mỗi nước ký hiệp ước và xác định giới hạn lần đầu tiên số lượng tàu tuần dương và các tàu hỗ trợ khác mà mỗi nước ký hiệp ước sẽ đóng. Phái đoàn Nhật Bản đầu tiên tuyên bố giữ nguyên tỷ lệ 70 phần trăm tất cả các tàu hỗ trợ đối với Hoa Kỳ. Cuối cùng phái đoàn Nhật thỏa hiệp bất đồng với những người Mỹ, chấp thuận tỷ lệ 69 phần trăm cộng với tỷ lệ tải trọng của tàu ngầm, và đồng ý đàm phán lại hiệp ước sau sáu năm.

Hai tháng sau khi thông qua hiệp ước tại Tokyo, ngày 14 tháng 11, trong khi Hirohito đang chỉ huy những cuộc diễn tập quân sự đặc biệt ở quận Okayama, Sagoya Tomeo, một kẻ sát nhân cánh hữu thuộc Ái quốc xã (Aikokusha), một tổ chức do chính trị gia Ogawa Hekichi của đảng Seigukai đứng đầu, đã bắn Thủ tướng Hamaguchi tại ga tàu điện Tokyo khiến ông bị thương nặng. Sau khi nhận được thông tin từ Bộ trưởng Bộ Hoàng gia Ichiki về vụ mưu sát trên và tình hình của Hamaguchi, mối lo ngại trước tiên của Hirohito là "các hoạt động chính trị theo hiến pháp" không được gián đoạn. Quan điểm của ông về chiến dịch tuyên truyền sai lầm đối với hiệp ước do những người hoạt động trong Hải quân khích động và dường như là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc mưu sát trên chưa được xác định rõ, và kết luận, nếu có thì ông rút ra được từ cái chết của Hamaguchi vào tháng tám năm sau, ngay trước khi xảy ra sự kiện Mãn Châu.

Thời kỳ quan hệ thân thiết ngắn ngủi giữa triều đình và một nội các đảng đã qua, chấm dứt bằng cuộc thảm sát chính trị đầu tiên vào những năm 1930. Nội các đảng cuối cùng của Nhật Bản đế quốc được chuẩn bị. Với việc quân đội được trao quyền mới - "quyền chỉ huy tối cao" của quân đội - và sự ủng hộ của dân chúng, một kỷ nguyên mới sắp được mở ra. Bộ trưởng quốc phòng và bộ trưởng Lục quân tiếp tục bất hòa sâu sắc với tổng tham mưu về vấn đề giảm trừ vũ khí. Kỷ luật trong quân đoàn chỉ huy tiếp tục lới lỏng; quân đội với tư cách là một tổ chức đã có dấu hiệu mất dần sự kiểm soát. Kích động sự tôn sùng Hoàng đế đã làm hạ thấp mức tranh cãi chính trị quốc gia, chưa kể đến đạo đức dân chúng.

tảisáchhay

Vì vậy, với sự khinh suất và phi truyền thống, Hirohito và ban tham mưu đã thực thi quyền - phạt Tanaka năm 1929 và sau đó tập trung vào sự đồng thuận trong nước giữa các nhóm hơn là đương đầu với các vấn đề ngoại giao trong các cuộc họp về Hải quân tại Luân đôn - chính vì vậy, họ đã kích động cơn giận dữ của toàn bộ những người không thỏa mãn với điều kiện xã hội và với nền kinh tế của Nhật Bản thời đại Chiêu Hòa trước đó. Từ vị trí cao nhất trong những tổ chức xã hội hàng đầu, nhóm triều đình không bao giờ ngờ rằng họ đang góp phần phá hủy chính quyền đảng. Nhưng để tiếp tục chương trình chính trị riêng của mình Tanaka thỉnh thoảng không để tâm đến nhưng Hamaguchi lại rất quan tâm, nhóm triều đình đã giới thiệu các yếu tố bất ổn không tồn tại trong suốt thời kỳ nhiếp chính. Hirohito càng lạm dụng quyền lực, ông càng bất hòa với những nhóm cầm quyền.

I

Trong khi những lễ kỷ niệm đăng quang lớn được tổ chức cho khán giả và trong và ngoài nước, Hirohito, như là một phần của sự thay đổi trong tính cách của ông, chuẩn bị dời nơi ở và nơi làm việc đến Cung điện của Nhật Hoàng Minh Trị, sau đó được tu sửa cho phù hợp với nhu cầu của ông và gia đình. Cũng trong thời gian đó, các hoạt động chính trị tại Tokyo nổi dậy -quá trình vận động ngầm ngày càng được che đậy kín đáo.

Nghị viện Hoàng gia lần thứ 55, triệu tập từ ngày 23 tháng 4 đến ngày 7 tháng 5 năm 1928, nhóm triều đình và Tanaka tiếp tục mâu thuẫn trong những vấn đề riêng như: việc cải tổ nội các của Tanaka để đưa Kuhara Fusanosuke, một doanh nhân đồng thời là thành viên năm đầu tiên của Nghị viện và được coi là người có quan điểm cực đoan quá khích thuộc cánh hữu, vào nội các; việc quản lý Nghị viện của Tanaka; và việc Hoàng đế đánh giá báo cáo của Tanaka về những vụ kiện bên trong Nghị viện là không đúng sự thật. Hirohito có một mạng lưới tình báo riêng. Ông biết rằng nội các của Tanaka đã bế tắc trong cuộc xung đột với các phe đối lập; việc quản lý Nghị viện của nội các Tanaka không được tiến hành trôi chảy. Hirohito đã vài lần phàn nàn với Makino rằng các báo cáo của Tanaka trình ông là không đầy đủ và "ý muốn Hoàng gia" đang bị lạm dụng. Cuối cùng, Kawai phải nói chuyện với Tanaka về ý muốn của Hoàng đế.

Vì Hirohito muốn tuân theo trình tự trong hiến pháp, Thủ tướng được yêu cầu phải giữ bí mật tuyệt đối về ý muốn của Hoàng đế. Tanaka từ chối chấp thuận điều đó. Ông cố gắng phụ tá Hoàng đế, nhóm triều đình, và *nguyên lão* có những chính sách thuộc đảng Seiyukai của ông, cuối cùng, cho đến ngày 14 tháng 5 năm 1928, một tuần sau khi Nghị viện Thứ Năm Mươi Năm kết thúc và hơn một năm sau khi Tanaka trở thành thủ tướng, thư ký trưởng của Makino là Kawai đã từ bỏ ông và ghi lại trong nhật ký của ông rằng triều đình đã hoàn toàn bất mãn với những việc làm của Tanaka.

Tất cả báo chí buổi sáng ngày hôm nay đều đăng tải nội dung chính mà thủ tướng nói khi thăm Hoàng tử Saionji. Nếu báo chí tường thuật đúng sự thật thì thủ tướng thiếu hiểu biết thông thường khi công bố những điều đó; khả năng xử lý các vấn đề chính trị thế chế của ông cần phải xem xét lại; và người ta phải coi thường sự thiếu suy nghĩ và thiếu chín chắn của ông. Thậm chí, ông không thể hiểu ý định của Hoàng tử Saionji. Vì vậy có khả năng lớn là ông sẽ làm cho đất nước thất vọng.

tảisáchhay

Chẳng bao lâu sau khi Kawai viết những ngôn từ này, chính trị gia Seiyukai và Bộ trưởng giáo dục Mizuno Rentaro, người lãnh đạo chiến dịch không cho Kuhara vào nội các Tanaka, đã đệ trình Hoàng đế đơn từ chức. Ngày hôm sau, để ngăn chặn sự sụp đổ của nội các mới được cải tổ của Tanaka, Hirohito đã gián tiếp bảo Mizuno tiếp tục giữ vị trí của mình. Ngày 23 tháng 5, Mizuno rút đơn xin từ chức và cho biết ông sẽ ở lại bởi vì "những lời nói tốt đẹp của Hoàng đế". Tuyên bố của Mizuno ngay lập tức gây ra một phản ứng chính trị, vì nó được hiểu theo nghĩa là Hoàng đế đã ủng hộ, lợi dụng đảng Seiyukai trong khi ngầm phá đảng Miseito. Đảng phản ứng trước tiên bằng cách tố cáo đảng Seiyukai lợi dụng ý muốn của Hoàng đế để giữ quyền lực, sau đó thành lập Hội đồng giải quyết vấn đề thư tín của Hoàng đế. Hội đồng quyết định tiến hành một chiến dịch lớn trên cả nước nhằm bảo vệ chính phủ thể chế và *quốc thể.* Đảng Minseito trình bày quyết tâm của mình bằng cách nói nước đôi: "Chúng tôi rất muốn lật đổ nội các Tanaka để bảo vệ quốc thể, nền tảng cốt lõi trong Hoàng thất."

Lúc này, nếu Hirohito suy ngẫm về sự việc của Mizuno, thì ông có thể đã nhận ra mâu thuẫn cố hữu hiện tại của mình. Đồng thời, ông cũng có thể nhận thức sâu sắc hơn về sự cần thiết phải che dấu những can thiệp của ông. Nhưng ông vẫn còn trẻ, không có kinh nghiệm, và ít nhất là không biết tự suy nghĩ. Ông sẽ đạt được một trình độ hiểu biết về những tình huống khó xử đúng lúc và với trình độ hiểu biết đó sẽ dẫn đến tính khí nóng nảy của ông trở nên tồi tệ hơn vì sự căng thẳng tâm lý kinh niên của Hirohito bắt đầu khi thành lập thể chế dân chủ thần thánh, và mâu thuẫn đã ăn sâu và được thừa nhận giữa chính bản thân ông và những người dân Nhật.

Do những tranh luận chính trị về các vấn đề *quốc thể* được nhen nhóm, và nhóm triều đình bất hòa với chính phủ Tanaka về một loạt chính sách nên đã xảy ra bốn sự kiện liên tiếp gây ảnh hưởng lâu dài đến quan hệ Trung-Nhật và các hoạt động chính trị của Nhật trong suốt thập kỷ sau. Hirohito đều đóng vai trò trung tâm trong mỗi sự kiện.Những sự kiện nêu trên gồm sự kiện Tsinan (tháng 5 năm 1928), vụ mưu sát Chang Tso-lin bởi các sĩ quan tham mưu của Đạo quân Quan Đông (4 tháng 6 năm 1928), việc ký kết Hiệp định Kellogg-Briand (ngày 27 tháng 8 năm 1928), và giới thiệu tư tưởng ngôi vị và sự tôn sùng Hoàng đế trên võ đài công khai suốt nửa sau năm 1928.

II

Ngày 24 tháng Ba năm 1927, binh lính của Quân đội Cách mạng Chủ nghĩa dân tộc Trung Quốc cướp phá Lãnh sứ quán Nhật Bản ở Nam Kinh và đột kích lãnh sự; binh lính cũng tấn công những tòa nhà nơi đặt Lãnh sự quán Mỹ và Anh. Cùng ngày, tàu chiến của Mỹ và Anh trên sông Yangtze bắn phá thành phố. Báo chí Nhật Bản ngay lập tức đã đưa tin giật gân về sự kiện Nam Kinh, trong đó sáu người phương Tây bị chết, các quyền lợi của Nhật Bản bị xâm phạm, và quân đội Nhật Bản không được điều đến. Để đối phó với tình trạng trên, giữa đám tang chính thức của Nhật Hoàng Đại Chính, Hirohito đã đồng ý cho quân đội Nhật Bản lần đầu tiên can thiệp vào cuộc nội chiến của Trung Quốc. Hai lần, ngày 28 tháng 5 và ngày 8 tháng 7, ông đã chấp thuận điều quân đội đến Tỉnh Sơn Đông của Trung Quốc, bề ngoài là bảo vệ công sứ không bị cướp bóc bởi binh sỹ Kuomintang trên đường phía Bắc đến Bắc Kinh. Chưa đầy một năm sau, ngày 19 tháng 4 năm 1928, ông đồng ý triển khai một đội

tảisáchhay

quân khác, lần này năm ngàn quân của Sư đoàn thứ Sáu, dưới sự chỉ huy của Tướng Fukuda Hikosuke, đến hải cảng Tsingtao (Thanh Đảo), Sơn Đông, một trung tâm dệt của Nhật Bản và đã từng là khu vực bị bảo hộ của Nhật Bản. Ông đã chấp thuận sau khi hỏi ý kiến của Trưởng sĩ quân Hầu cận Quân đội Nara là liệu sự can thiệp đó sẽ dẫn đến một cuộc thảm sát dân Nhật khác như đã xảy ra tại thành phố Nikolaevsk (nay là Pugachev) của Nga năm 1920? Nara nói rằng việc đó sẽ không xảy ra.

Tuy nhiên, khi Tướng Fukuda đến Thanh Đảo (Tsing tao), ngay lập tức ông tự quyết định tiến sâu vào Tế Nam (Tsinan) bằng xe lửa. Ở đó, sau vài ngày, vài trận đụng độ đầu tiên đã diễn ra giữa binh linh Nhật Bản và binh lính Chủ nghĩa Dân tộc. Sau đó, ngày 8 tháng 5, không chút do dự, Hirohito đồng ý tăng cường lực lượng đến Tế Nam để bảo vệ khoảng hai ngàn dân Nhật. Thay vì giải quyết vấn đề Fukada vượt quá quyền hạn cho phép, Hoàng đế ngấm ngầm trút cơn giận lên thủ tướng Tanaka. Vụ việc Tế Nam kéo dài đến tận đầu năm 1929, trong suốt thời gian đó mười bẩy ngàn quân Nhật đã gây nên những nỗi sợ hãi cho người dân Trung Quốc ở thành phố đó và làm mất đi cơ hội cho mối quan hệ hữu nghị Trung Quốc - Nhật Bản. Đối với Hirohito, sự kiện này còn là một ví dụ về sự thiếu năng lực làm thủ tướng của Tanaka.

Chưa đầy một thangsaukhi Hirohito chấp thuận triển khai quân đọi lần thứ tư đến tỉnh Sơn Đông, ngày 4 tháng 6 năm 1928, những sĩ quan tham mưu cao cấp trong Đạo quân Quan Đông của Nhật, dẫn đầu là Đại tá Kômto Daisaku, đã ám sát chỉ huy trưởng và quốc vương địa phương Trung Quốc, Chang Tso-lin, người mà Thủ tướng Tanaka đã dựa vào chính sách của ông về Mãn Châu. sự kiện này (được cho là thủ tướng đã giải quyết không đúng) lôi kéo Mãn Châu vào những rối loạn trong các hoạt động chính trị của Nhật Bản và quốc tế. Đối với vị Hoàng đế trẻ và nhóm tuỳ tùng, sự kiện này là một cơ hội mà họ tìm kiếm đã lâu để cách chức Tanaka và toàn bộ nội các đảng Seiyukai.

Các nhà lãnh đạo đảng Minseito là những người đầu tiên phát hiện rằng những kẻ ám sát là các sĩ quan của Đạo quân Quan Đông chứ không phải là các thành phần lêu lổng của Đội quân phía Bắc của Trung Quốc, như người phát ngôn của Quan Đông đã khẳng định. Vào đầu tháng 9, nhóm tuỳ tùng triều đình cũng đã biết các sĩ quan quân đội Nhật Bản phạm tội và đang đổ tội cho binh lính Trung Quốc. Riêng Thủ tướng Tanaka chậm được tiết lộ sự thật bởi vì các nhà lãnh đạo quân sự hàng đầu muốn Chang Tso-lin bị cách chức và không quan tâm đến việc tiếp tục vấn đề, không vạch trần hoàn toàn sự thật. Tháng 10 năm 1928, khi Tanaka biết sự thật, ông đã quyết định phạt họ và lập lại kỷ luật trong quân đội. Tuy nhiên, các bộ trưởng nội các của ông và quân đội phản đối kịch liệt trách nhiệm đối với kẻ ám sát. Đứng đầu là Bộ trưởng Quốc phòng Shirakawa Yoshinori và Bộ trưởng Đường sắt Ogawa, người có vị trí ngang với phó thủ tướng, nội các đã thành lập một Hội Quốc Liên chống lại Tanaka, cho rằng việc vạch trần tội ác đó sẽ làm tổn hại đến Hoàng thất, làm xấu đi mối quan hệ Trung Quốc - Nhật Bản, và ngầm phá hoại đặc quyền của Nhật Bản ở Trung Quốc. Ngoài ra, nội các không muốn chịu trách nhiệm trong Nghị viện về những sự việc đã xảy ra.

Bị cô lập trong nội các của mình nhưng được Saionji ủng hộ, Tanaka vẫn tiếp tục công việc. Bản báo cáo chính thức của ông trình Hoàng đế vào ngày 24 tháng 12 năm 1928. Ông báo cáo với Hoàng đế rằng ông định đưa những tên tội phạm ra xét xử tại tòa án quân sự, sàng

tảisáchhay

lọc lại quân đội và lập lại kỷ luật. Ngày hôm sau ông cũng báo cáo tương tự với Makino và Chinda với một niềm tin rằng họ sẽ giúp ông. Tuy nhiên, khi nội các biết được báo cáo chính thức của Tanaka, các bộ trưởng đã không tán thành việc đưa vấn đề ra xét xử tại tòa án quân sự và muốn xử lý như một vấn đề hành chính của quân đội. Ngày 28 tháng 12, Shirakawa đã báo cáo Hoàng đế rằng quân đội sẽ điều tra cái chết của Chang Tso-lin nhưng không đề cập đến đưa vụ việc ra xét xử tại tòa án quân sự.

Khi Nghị viện Hoàng gia Thứ Năm Mươi Sáu triệu tập đầu năm 1929, các đảng đối lập đã chặn những sự công kích của mình bằng cách chất vấn chính phủ về sự kiện; họ đã biết hoặc còn hoài nghi về sự thật và không mong muốn vạch trần toàn bộ trong bất kỳ trường hợp nào. Về vấn đề này, đảng Minseito đặc biệt muốn làm theo ý muốn của quân đội vì đảng Minseito cần sự ủng hộ của quân đội để thành lập nội các kế tiếp. Trong khi đó, Hoàng đế và nhóm tham mưu chỉ lo ngại liệu Tanaka có chịu trách nhiệm về những sự việc đã xảy ra.

Ngày 17 tháng 1 năm 1929, Hoàng đế thúc ép Shirakawa điều tra sự việc. Hai ngày sau, Hoàng đề hỏiTanaka về chiến lược quản lý Nghị viện. Ngày 2 tháng 2, ông lại chất vấn Tanaka về quá trình điều tra; thủ tướng nói chính phủ của ông sẽ không chịu trách nhiệm về sự kiện Chang Tso-lin. Một tháng sau, ngày 4 tháng 3, Makino bảo thư ký của mình, Okabe, thông báo cho Saionji rằng Tanaka đã không còn được Hoàng đế tin tưởng và Hoàng đế định cảnh cáo Tanaka vào kỳ báo cáo tới. Lần này, Tanaka biết rằng toàn bộ quân đội đã liên kết để chống lại ông và ông sẽ phải nhượng bộ và không gây cản trở cho quân đội. Ngay sau đó, nội các đồng ý che đậy vụ việc và xử lý hành chính nội bộ đối với quân đội.

Ngày 27 tháng 3, Bộ trưởng Quốc phòng Shirakawa đã báo cáo quyết định của nội các với Hoàng đế. Như Shirakawa giải thích rằng Đại tá Komoto và Chỉ huy Đạo quân Quan Đông Muraoka Chotaro đã phạm tội ác, nhưng thông báo sự thật và trừng phạt nghiêm khắc những người chịu trách nhiệm đến tội giết người này sẽ là một bất lợi lớn cho Nhật Bản. Về điểm này, nếu như không phải trước đó, Hirohito chấp thuận ý kiến của quân đội là nói dối dân chúng về vụ việc đó và chỉ đưa ra hình thức xử phạt hành chính đối với những người liên quan. Vì vậy, Hirohito, Makino và Đô đốc Suzuki đã ủng hộ Shirakawa và những người trong nội các Tanaka muốn bảo vệ danh tiếng của quân đội không bị bôi nhọ. Bằng cách làm như vậy, dù không cố ý, họ đã đương nhiên xúi giục các thế lực âm mưu xâm lược Trung Quốc duy trì quyền lợi và lợi ích của Nhật Bản ở đó.

Nhiều năm sau, trong cuốn "Tự bạch" nổi tiếng của mình, Hirohito đã cho rằng "cách suy nghĩ không thận trọng của tuổi trẻ" đã làm cho ông giận dữ khi nói với Thủ Tướng Tanaka và yêu cầu ông từ chức khi Tanana đến và nói với ông rằng ông muốn giải quyết vụ mưu sát Chang Tso-lin "bằng cách bưng bít sự việc." Lúc đó, ông không giải thích là ông cũng muốn bưng bít vụ giết người đó. Ông cũng không giải thích rằng ông đã nhắc lại cẩn thận với cận thần những điều ông sẽ nói với Tanaka, và rằng ông thật sự không có lý do để trách thủ tướng về cơ sở của bản báo cáo không chính thức lần thứ hai ngày 27 tháng 6 năm 1929. Hirohito hướng sự chú ý vào việc tự trách mình, và sự từ chức sau đó của nội các Tanaka. Bằng cách đó ông đã đánh lạc hướng chú ý đến trách nhiệm của ông theo hiến pháp với tư cách là tổng tư lệnh tối cao về việc trừng trị tội ác của hai sĩ quan trong đó cơ bản là vụ việc quân sự, chứ không phải vụ việc dân sự.

tảisáchhay

Sau khi kể lại cho sĩ quan hầu cận trong "Độc thoại" ông đã làm như thế nào để Tanaka từ chức, Hirohito cố gắng giải thích tại sao mọi chỉ trích lại đổ vào nhóm tùy tùng của ông. Bằng cách làm như vậy, ông đã bộc lộ cảm xúc sâu sắc của ông về sự buộc tội "âm mưu của triều đình" được lan truyền vào thời điểm đó và sau này đã giúp giảm bớt những điều bịa đặt thuận lợi cho việc Hoàng Thất luôn đứng ngoài các hoạt động chính trị. Fuhara Fusanosuke, Bộ trưởng Truyền thông trong nội các đã được cải tổ của Tanaka tháng 5 năm 1928, bị khiển trách - vì đã nói sự thật - và cũng vì lý do đó nên Hirohito ghét ông. Thay vì bảo vệ *quốc thể,* Kuhara, một trong "những người ủng hộ" Tanaka:

đã bịa đặt cụm từ "khối các nhà chính trị gia cao cấp" và cuối cùng lan truyền tin là nội các đã sụp đổ do âm mưu của các chính trị gia cao cấp và triều đình. Vì vậy, việc tin tưởng vào sự thật như ....cụm từ đã được bịa đặt ...đã tạo ra sự oán giận và để lại một di sản thảm khốc tồn tại mãi đến sau này. Vụ việc này đã có ảnh hưởng đáng kể đến sự kiện ngày 26 tháng 2 năm 1936. Sau đó tôi đã quyết định phê chuẩn mọi báo cáo mà nội các đặt trước mặt tôi thậm chí ngay cả khi bản thân tôi có thể có quan điểm đối lập ..... Khi tôi hỏi Tanaka, "Tại sao lại từ chức?" đó là một sự cảnh báo, chứ không phải là "quyền phủ quyết." Tuy nhiên, về sau tôi đã quyết định sẽ nói rõ những quan điểm của mình nhưng chưa bao giờ thực hiện bất kỳ "quyền phủ quyết nào."

Sau khi trừng phạt Tanaka, Hirohito có vẻ thận trọng hơn trong việc lựa chọn thời điểm can thiệp vào chính trị. Nhưng mức giới hạn của ông phụ thuộc vào từng thời điểm và do đó được quyết định dựa theo tình thế (chứ không phải theo hiến pháp). Hơn nữa, Hirohito dường như không bao giờ hiểu được sự oán giận sâu sắc của giới Seiyukai do những việc ông đã làm với Tanaka. Ông cũng không hiểu được rằng những sự công kích chính trị liên tục của quân đội và cánh hữu đối với triều đình, đã đánh dấu sự trị vì của ông kể từ năm 1929, là một cái giá mà ông và những cận thần trong Hoàng cung phải trả vì đã tham gia tích cực vào các hoạt động chính trị và khơi dậy sự tôn sùng ý muốn Hoàng đế là khác biệt cần thiết với ý muốn của nội các. Một "quốc vương lập hiến" thật sự sẽ không tin rằng chế độ quân chủ lập hiến yêu cầu quốc vương phải phê duyệt mọi báo cáo của nội các. Nhưng ý thức về một quốc vương lập hiến của Hirohito rất kém, trống rỗng mọi mặt về ý muốn của quốc gia như được thể hiện qua Hạ viện thuộc Nghị viện.

Bằng cách khiển trách nhiều lần và rồi cuối cùng trừng phạt thủ tướng - Tướng Tanaka, Hoàng đế Hirohito đã ra hiệu cho nhóm chính trị do Đảng Seiyukai đứng đầu nội các đã không đủ năng lực quản lý dưới sự cai trị của ông. Tuy nhiên, ông phản ứng rất khác nhau, trong trường hợp của Minseito, đảng ôn hòa chính yếu, ông đã ban tặng áo choàng của Thủ tướng cho chủ tịch của đảng này là Hamaguchi vào tháng 7 năm 1929.

Hamaguchi, sau khi hiểu được bài học về thất bại của Tanaka, đã báo cáo đầy đủ cho vị Hoàng đế trẻ trước khi thực hiện các biện pháp xử lý. Hơn nữa, giá trị cá nhân của ông, cũng như đường lối về các mục đích quân sự và giảm bớt tài chính được hoàn toàn ủng hộ. Giai đoạn này, nhóm triều đình cũng ghi nhận những cố gắng của Hamaguchi trong việc thỏa thuận với chủ nghĩa dân tộc Trung Quốc bằng cách khôi phục vị trí bộ trưởng ngoại giao cho Shidehara và ký hiệp định về hải quan với Trung Quốc.

tảisáchhay

Thật đáng tiếc, vài tháng sau khi Hamaguchi thành lập nội các, thì hệ thống tài chính quốc tế dựa vào vàng đã bị sụp đổ vào ngày 29 tháng 10 năm 1929 khi thị trường chứng khoán bị khủng hoảng ở Hoa Kỳ, một quốc gia cho vay và là thị trường hàng hóa công nghiệp hàng đầu thế giới . Chẳng bao lâu, toàn bộ nền kinh tế thế giới rơi vào sự suy thoái chưa từng có, ảnh hưởng sâu sắc đến trật tự quốc tế đã được thiết lập. Quyết định của Hoàng đế Hirohito trước đó về việc cho phép nới lỏng kỷ luật quân đội và sa thải thủ tướng, người đã coi ông là một quốc vương lập hiến thực thụ, đã làm cho các sĩ quan quân đội trẻ ở Mãn Châu cảm thấy họ có thể hành động theo ý mình.

Một số nhỏ các sĩ quan quân đội đã hành động như vậy. Một năm đã trôi qua kể từ vụ ám sát Chang Tso-lin vào tháng 6 năm 1928 và việc từ nhiệm của nội các Tanaka vào đầu tháng 7 năm 1929, Đại tá Komoto từ chức sĩ quan tham mưu cao cấp. Người kế nhiệm ông chỉ huy Đạo quân Sơn Đông, Trung tá Ishiwara bắt đầu lập kế hoạch dẫn đến sự kiện Mãn Châu. Các sĩ quan cấp bậc từ hạng trung đến cao cấp đã tham gia vào cuộc cải cách nhà nước nhằm mục đích tiến hành "cuộc chiến tranh tổng thể" tăng cường đoàn kết trong tổ chức và mối quan hệ với các nhóm cánh hữu; trong khi các thành phần của Đảng Seiyukai của Tanaka (do Mori, một người năng nổ dẫn đầu) đã hợp lực với quân đội và cánh hữu.

Ngày 29 tháng 12 năm 1928, con trai đồng thời là người kế nhiệm Chang Tso-lin, Chang Hsueh-laing, tư lệnh của Ba tỉnh phía Đông ("Mãn Châu"), hợp nhất lãnh thổ của mình với lãnh thổ của chính quyền Quốc dân đảng mới ở Nam Kinh. Khi Trung Quốc đã hoàn tất quá trình thống nhất bình thường, thì giai đoạn thống nhất lực lượng xâm lược mới và trung lập hóa những nhóm ủng hộ chính sách hợp tác quốc tế và chính sách thỏa hiệp về Trung Quốc đang được thiết lập tại Nhật Bản. Cả Hoàng đế và tham mưu của ông đều không biết rằng những sự công kích chính trị của quân đội và cánh hữu đối với triều đình đã đánh dấu sự trị vì của ông từ năm 1929 là cái giá mà họ phải trả cho việc truyền bá tôn giáo vào các hoạt động chính trị và giúp tạo ra sự tôn sùng ý muốn Hoàng đế trước nhất.

III

Ngày 27 tháng 8 năm 1928, Nhật Bản tham gia Hiệp ước chấm dứt Chiến tranh, được phương Tây gọi là Hiệp ước Briăng - Kelốtgiơ (hoặc Hiệp ước Pari) và tại Nhật Bản được gọi là Hiệp định Đình chiến. Những nước ký kết hiệp ước đã không thừa nhận chiến tranh là "một công cụ trong chính sách quốc gia" và hứa giải quyết toàn bộ các tranh chấp bằng phương pháp hòa bình. Pháp và Hoa Kỳ đã đệ trình Nhật Bản hiệp ước này như là một kế hoạch khác theo tinh thần hòa giải quốc tế được tán thành tại Hội nghị Washington. Nội các Tanaka đã chấp thuận hiệp ước đó và cử Ủy viên Hội đồng Cơ mật Uchida Kosai đến Pari thực hiện chỉ thị là tận dụng cơ hội ký kết này để thông báo cho Hoa Kỳ và các cường quốc khác về vị trí đặc biệt của Nhật Bản tại Mãn Châu. Tuy nhiên, Uchida không định khơi dậy sự nghi ngờ của nước ngoài về tham vọng lãnh thổ của Nhật Bản bằng cách chỉ ra rằng Mãn Châu sẽ được miễn áp đặt những nghĩa vụ trong hiệp ước.

Tình hình hiệp ước này tại Nhật đã bộc lộ thái độ của nhóm triều đình đối với luật quốc tế. Bằng cách ký Hiệp ước Briăng - Kelốtgiơ, chính phủ Nhật Bản đã chấp thuận khái niệm "chiến tranh xâm lược" là một tội ác được công nhận trong luật quốc tế. Trong hai điều đầu

tảisáchhay

tiên của hiệp ước, các nước ký kết hiệp ước đã cam kết "vì quyền lợi dân tộc của mỗi nước và lên án việc giải quyết mâu thuẫn quốc tế bằng con đường chiến tranh, và không thừa nhận đó là một công cụ của chính sách quốc tế trong các mối quan hệ giữa các nước''. Trong điều thứ hai họ đã đồng ý giải quyết "bằng phương pháp hòa bình .... toàn bộ những tranh chấp hoặc xung đột có bản chất hoặc nguyên nhân tương tự phát sinh giữa các nước đó." Khi chính phủ Tanaka trình Nghị viện Hoàng gia xem xét bản hiệp ước chưa đầy đủ này, cụm từ "vì quyền lợi dân tộc của mỗi nước" ngay lập tức trở thành đối tượng gây tranh cãi.

Tại Hoa Kỳ, nơi phong trào hòa bình thời kỳ hậu chiến đã xuất hiện tư tưởng chiến tranh phạm tội hóa, hiệp ước nhận được sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng tri thức và dân chúng. Nhật Bản có thể cũng nhận được sự đồng thuận tương tự nếu Hoàng đế đặt uy thế của mình sau hiệp ước và biến việc cấm chiến tranh xâm lược thành kế hoạch riêng của ông. Điều này chưa bao giờ xảy ra. Thay vào đó, hiệp ước ngay lập tức dẫn đến một cuộc khủng hoảng tại Mãn Châu và cuộc vận động tài trợ cho chính phủ để thắt chặt mối quan hệ giữa dân chúng với Hoàng đế, vượt qua những đổ vỡ chính trị ngày càng tăng của đất nước, và thúc đẩy tinh thần của quân đội sau một thập kỷ bị chỉ trích.

Cụ thể hơn, nội dung của hiệp ước không rõ ràng do luận điểm về hai vấn đề là quyền tối cao và đặc quyền trong các chính sách đối ngoại của Hoàng đế. Khi Nghị viện Hoàng gia triệu tập đầu năm 1929, Đảng Minseito đối lập đã buộc tội nội các Tanaka vi phạm quyền lực tối cao của nhà nước thuộc về Hoàng đế bởi vì "các quốc gia" trong Điều 1 của Hiệp ước không Chiến tranh đã kêu gọi việc cấm chiến tranh "vì quyền lợi dân tộc của mỗi nước" hơn là vì quyền lợi của Hoàng đế. Mặc dù các chính trị gia Đảng Minseito và Đảng Seiyukai cùng ủng hộ Hiệp ước không Chiến tranh, nhưng những chính trị gia trước đó không thể cố gắng không xóa bỏ quan điểm chống lại đảng cầm quyền bằng cách cho rằng cách diễn đạt trong Điều 1 của hiệp ước đã công nhận nguyên tắc quyền tối cao thuộc về nhân dân chứ không phải thuộc về quốc vương và do vậy trái với *quốc thể*.

Cuộc tranh luận của Nghị viện về hiệp ước đã nêu bật được sự đồng thuận của những thành phần cầm quyền ưu tú trong việc phủ nhận cơ quan đại chúng nào đưa ra chính sách ngoại giao. Đồng thời, Nghị viện đã biểu lộ cách chuyển đổi từ ngữ thâm thúy trong suốt quá trình suy xét một cách thận trọng các vấn đề liên quan đến chính trị: từ không lôi kéo vua vào các hoạt động chính trị đến "đấu tranh ngày đêm bằng cách ám chỉ Hoàng thất" trong cuộc tranh luận chính trị.

Ngoài ra, hiệp ước không Chiến tranh không được ưa chuộng ở Nhật Bản do bản thân Hirohito được thầy giáo dạy cách ngoại giao và luật quốc tế, Tachi Sakutaro cố vấn về vấn đề này. Vào thời điểm Tahchi phản đối mục đích và ý nghĩa của hiệp ước. Hirohito chắc chắn muốn cuộc tranh luận của Nghị viện về quyền lực tối cao của ông chấm dứt và hiệp ước được thông qua, theo đúng tinh thần hòa giải với các cường quốc phương Tây. Vào thời điểm từ tháng Ba đến đầu tháng 6 năm 1929, ông đã chất vấn Thủ tướng Tanaka về tình hình của hiệp ước trong Nghị viện và trong Hội đồng Cơ mật. Nhưng Hirohito không coi hiệp định như là một cam kết để giải quyết bằng phương pháp hòa bình toàn bộ tranh chấp phát sinh

tảisáchhay

với Trung Quốc về quyền thuê đất theo hợp đồng của Nhật Bản tại Mãn Châu (do đã hết hạn trong thời gian trị vì của ông). Đối với ông, những hiệp ước và quyền lợi về Mãn Châu - những hợp đồng đầu tiên đàm phán với triều đại nhà Thanh, ngày càng tăng do những thỏa thuận đạt được bởi quân đội - là một phần trong di sản của ông nội ông. Hiểu theo đúng nghĩa thì những hiệp ước và quyền lợi trên là bất khả xâm phạm và đáng bảo vệ thậm chí ngay cả khi lực lượng vũ trang sử dụng.

Về điểm này, quan điểm của Hirohito thời trẻ về thế giới là không rõ ràng và cứng nhắc giống như Tachi. Những lời chỉ bảo của Tachi là hiệp ước sẽ không ngăn chặn việc không dùng vũ lực của Nhật để bảo vệ lợi ích của mình tại Trung Quốc, và yếu tố đạo đức trong đó lại không quan trọng lắm. Khi đó và về sau, Tachi tập trung phòng vệ từ xa, tìm kiếm "kẽ hở" trong Hiệp ước không Chiến tranh để cho phép Nhật Bản bảo vệ lợi ích và đặc quyền ngoại giao của mình tại Mãn Châu sẽ là một nhu cầu phát sinh trong tương lai đối với sự can thiệp về quân sự ở đó. Hơn nữa, quan điểm của Tachi hoàn toàn phù hợp với quan điểm của nhóm trí thức Nhật Bản tại thời điểm đó, nhưng khác với quan điểm của Mỹ, là hưởng ứng Hiệp ước không Chiến tranh một cách đầy hoài nghi.

Cụ thể là Tachi, giống như nhiều "chủ nghĩa hiện thực" Nhật Bản khác, không thỏa mãn với cách mà nền dân chủ tự do - Anh và Hoa Kỳ - đòi hỏi các quốc gia tôn trọng tiêu chuẩn đạo đức mới là cấm sử dụng chiến tranh là phương tiện để giải quyết xung đột giữa các quốc gia. Ông coi đây là một nỗ lực của các cường quốc Anh-Mỹ để ổn định trật tự quốc tế sau chiến tranh nhằm đem lại lợi ích riêng cho các cường quốc này. Tuy nhiên, nói một cách công khai, ông không bác bỏ hòa bình dân tộc nêu trong luật quốc tế và những tổ chức là biểu tượng cho dân tộc đó, nhưng lại tìm cách phá hoại ngầm cả hai bằng cách khai thác những khe hở và phòng vệ từ xa một cách rộng rãi để gần như chứng minh bất kỳ hành động vũ lực nào là một công cụ giải quyết tranh chấp.

Trong khi cuộc tranh luận về cách diễn đạt từ ngữ của Hiệp định không Chiến tranh diễn ra sôi nổi vào cuối năm 1928 và đầu năm 1929 vẫn tuân thủ tuyệt đối pháp luật, Hirohito và nhóm triều đình đã rút lui. Thay vì khuyến khích tinh thần hòa bình và chủ nghĩa chống quân phiệt mới, nhà nước (nhân danh Hirohito) lúc đó lại cam kết với chủ nghĩa chống quân phiệt bằng một hiệp ước, họ quyết định thổi phồng lễ đăng quang và qua đó khuyến khích xu hướng chủ nghĩa dân tộc sô-vanh. Vào lễ kỷ niệm lần thứ mười ngày ký thỏa thuận đình chiến tại châu Âu kết thúc Chiến tranh Thế giới thứ Nhất, nhóm triều đình đã có một cơ hội lý tưởng để biến chủ nghĩa hòa bình của Hiệp ước không Chiến tranh thành kế hoạch riêng của Hoàng đế, và làm cho nước Nhật hiểu rằng những cuộc chiến tranh xâm lược đã được tiến hành trái với luật pháp. Tuy nhiên, trước khi Hirohito định phê chuẩn chính thức Hiệp ước (ngày 27 tháng 6 năm 1929), những Lễ kỷ niệm đăng quang của ông đã giúp Nhật Bản hướng về chủ nghĩa dân tộc nổi bật và thấy khó có thể rút khỏi chủ nghĩa dân tộc đó.

Tại Giơ-ne-vơ, như nhà sử học Iko Toshiya đã chỉ ra, phái đoàn Nhật Bản tại Hội đồng Hội Quốc Liên không tìm cách cải thiện Hiệp định và thúc đẩy hòa bình. Thay vào đó, dưới sự chỉ đạo của Bộ trưởng ngoại giao Shidehara, phái đoàn đã phản đối việc làm cho Hiệp định tuân thủ hiệp ước cấm chiến tranh xâm lược mới. Cho rằng bộ máy hòa bình của Hội Quốc Liên có thể không hoạt động ở Viễn Đông, phái đoàn nhiều lần phản đối sự hòa giải của các

tảisáchhay

nước thứ ba về những tranh chấp liên quan đến Trung Quốc. Vào đúng thời điểm từ năm 1928 đến năm 1931, các nội các đảng tìm cách mở rộng khả năng thực hiện quyền lực tại Trung Quốc dưới danh nghĩa phòng vệ. Nếu Hirohito, nhóm tùy tùng và Bộ trưởng Ngoại giao không quá phản đối việc tăng cường Hiệp định và ngăn không cho Hội Quốc Liên can thiệp vào các tranh chấp Trung Quốc - Nhật Bản, và nếu những thỏa thuận tập thể mới về an ninh đã được ký khi sự kiện Mãn Châu xảy ra, thì Đạo quân Quan Đông khó có thể biện minh cho việc sử dụng lực lượng quân sự tùy tiện.

IV

Mặc dù đã được Nara, trưởng sĩ quan hầu cận thông báo về sự suy yếu về kỷ luật trong quân đội và Hải quân, nhưng Hoàng đế vẫn tiếp tục bỏ qua những vấn đề về mâu thuẫn giữa các phe phái, sự kình địch giữa những người giúp việc, và sự đổ vỡ ngày càng tăng trong các căn cứ quân sự. Khi những nhà lãnh đạo cao cấp của quân đội buông lỏng kiểm soát những nhóm sĩ quan chuyên nghiệp, thì các sĩ quan ở mọi cấp bắt đầu tố cáo cấp trên của mình và lan truyền tin đồn trong dân chúng rằng các đảng chính trị đang gây tổn hại đến quốc phòng của Nhật Bản. Hirohito đã phản ứng tình hình này bằng cách tránh tranh luận. Ông đổ trách nhiệm giải quyết Tổng Tham mưu Hải quân hay chống đối lên vai của Đại nội đại thần Suzuki, và trách nhiệm giải quyết triệt để sự không tuân lệnh và phục tùng trong quân đội lên Tướng Nara. Ông cũng gây sức ép với Nara về Tổng tư lệnh Hải quân Togo đồng ý việc phê chuẩn Hiệp ước Hải quân Luân đôn.

Đầu năm 1930 Hamaguchi, được sự ủng hộ mạnh mẽ của Hirohito, mâu thuẫn với Tổng tham mưu Hải quân về việc ký kết Hiệp ước Hải quân Luân đôn. Cuộc tranh cãi vừa chấm dứt thì nhiều nhà lãnh đạo Hải quân từ nhiệm, và các đối thủ của hiệp ước đã tiến hành sàng lọc các sĩ quan đã ủng hộ hiệp ước. Sự can thiệp chính trị của Hải quân đã ảnh hưởng đến quân đội và phá hoại ngầm vị trí của Bộ trưởng Quốc phòng Ugaki, người tiếp tục kiểm soát những vị trí quan trọng của quân đội. Đảng Seiyukai ngay lập tức lợi dụng tình hình hỗn loạn trong nước để trả thù Đảng Minseito và nhóm tùy tùng triều đình vì sự can thiệp trước đây của những người sau này.

Cuối cùng cuộc tranh cãi về Hiệp ước Hải quân London đã làm tổn hại nhiều đến hình ảnh của vị Hoàng đế trẻ. Những chính trị gia cánh hữu không bị ảnh hưởng và các sĩ quan quân sự đã coi việc ký kết hiệp ước tháng 9 năm 1930 là sự vi phạm giới hạn đạo đức. Bằng cách vượt qua giới hạn đó, họ đã buộc tội Đảng Minseito đã xâm phạm danh dự nhà nước. Vì họ không thể chỉ trích Hoàng đế, nên họ đổ tội cho tùy tùng triều đình về đã giữ độc quyền ý muốn của ông và tiếp tay cho sự tham nhũng của các đảng. Vào khoảng đầu năm 1929 Hiranuma Kiichiro, một người chủ nghĩa dân tộc cực đoan đứng đầu trong bộ máy tư pháp và là cố vấn cho nhiều nhóm cánh hữu, đã bí mật chí trích Hirohito dựa dẫm quá nhiều vào Makino, và nhiều lần cử sứ thần đến Saionji để biết những ý muốn của *nguyên lão* hoặc để truyền đạt ý muốn riêng của ông. Trong giới cánh hữu cực đoan của Hiranuma, cảm tưởng sai lầm rằng "ý muốn" của Hoàng đế hoàn toàn trong tay của Saionji và tùy tùng triều đình, những người đã chỉ đạo mọi hành động của ông.

tảisáchhay

Những nhà phê bình của Hoàng cung và các đảng đã chỉ trích chủ nghĩa tự do và nền dân chủ mà đã được họ xếp ngang hàng với đạo Do thái và "hội Tam điểm"trong cả thập kỷ. Cái mà họ thật sự muốn phá tan là hệ thống hiệp ước Washington gây trở ngại và được họ coi như là một "chiếc nhẫn thép" Ăng-lô-Xắc-xông để ngăn chặn Nhật Bản mở rộng ra nước ngoài. Đối với họ, Nhật Bản đã từng đệ trình Hoa Kỳ và Anh, những cường quốc da trắng trước đó đã cố gắng kìm hãm sự mở rộng lục địa châu Á trong Chiến tranh Thế giới thứ Nhất. Rút ra kết luận rằng phương Tây không còn thừa nhận Nhật Bản là một cường quốc đầu tiên do sự quả quyết của Anh-Mỹ rằng Nhật Bản chấp thuận tỷ lệ thấp hơn đối với các tàu chiến của các đối thủ của Hiệp ước Hải quân Luân đôn đã cảm nhận sâu sắc cảm giác xa lìa trật tự của hiến pháp Minh Trị. Sự đề cao Chiêu Hòa Thiên Hoàng đem lại cho nhà nước nghị lực và sức mạnh, trong khi thừa nhận các chính sách được thực hiện dưới danh nghĩa của Hoàng đế. Vấn đề mà quân đội không bị ảnh hưởng và một số nhà lãnh đạo chính trị đang phải đương đầu là làm thế nào để đảo lộn các chính sách này. Các hoạt động chính trị trước đó dựa vào các đảng chính trị cực kỳ thối nát, và tùy tùng triều đình cản trở ý muốn của Hoàng đế là những thủ tục được chọn của họ.

Khi Sagoya bắn Thủ tướng Hamaguchi ngày 14 tháng 11 năm 1930, Hirohito tức giận vì vài trò của Hamaguchi trong việc giải quyết Hiệp ước London và cũng muốn thấy sự ra đời của nội các Seiyukai. Điều mà các thành viên không bị ảnh hưởng của Tổng Tham mưu Hải quân đã gây ảnh hưởng đến ông là tin đồn chưa bao giờ chứng minh được.

Vào thời điểm chi phí cho quân đội chỉ nhiều hơn một chút so với thời kỳ đầu của triều đại Chiêu Hoà: gần 29 phần trăm ngân sách hàng năm, hoặc 3,03 phần trăm GNP. Tuy nhiên, Tổng Tham mưu Hải quân và Quân đội mâu thuẫn gay gắt với các bộ trưởng ngoại giao về vấn đề giảm trừ vũ khí liên tiếp và chậm phân bổ quân đội. Báo chí bắt đầu tập trung phản ánh sự ủng hộ của dân chúng đối với "quyền chỉ huy tối cao" của quân sự và quân đội với vai trò là một tổ chức đã cho thấy dấu hiệu vượt khỏi tầm kiểm soát.

Ngay từ đầu năm mới, 1931, những viên chức trong Bộ Tư Pháp và Phó Chủ tịch Hội đồng Cơ mật Hiranuma đã quan sát tình hình tại nước Nhật khi bị ảnh hưởng của suy thoái. Trong gần một thập kỷ Hiranuma đã công kích chủ nghĩa tự do phương Tây, những giá trị của đảng chính trị, và nền dân chủ Nhật Hoàng nói chung. Nay ông thông báo về bước ngoặt giữa chủ nghĩa dân tộc mới và chủ nghĩa quốc tế mà Nhật Bản đã theo đuổi từ năm 1922.

Ngày nay các cường quốc lớn công khai nhấn mạnh Hội Quốc Liên trong khi họ bí mật mở rộng lực lượng vũ trang quân sự của mình. Chúng tôi không thể đơn giản giải tán cuộc họp ngu xuẩn của những kẻ ngốc, những kẻ đã dự đoán sự bùng nổ của cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, sau năm 1936. Đất nước của chúng ta phải được chuẩn bị để chiến đấu dũng cảm trong trường hợp khẩn cấp. Nếu các dân tộc khác [chẳng hạn như người châu Âu và người Mỹ] gây trở ngại với hòa bình thế giới và hạnh phúc của nhân loại, chúng ta phải được chuẩn bị để thể hiện chủ nghĩa dân tộc của chúng ta một cách trang nghiêm, dựa trên tinh thần thành lập nhà nước.

Hỉanuma tiếp tục tuyên bố rằng nếu Nhật Bản định theo đuổi ý tưởng của mình, thì Nhật Bản sẽ phải gây dựng sức mạnh quân đội và là một công việc khó khăn:

tảisáchhay

Sự suy thoái của kinh tế thế giới đã lên đến đỉnh điểm. Thất nghiệp gia tăng hàng ngày. Gia đình ly tán. Những người đói khổ đứng đầy đường phố. Bạn có nghĩ rằng con người thỏa mãn với tình cảnh này? Đây là trách nhiệm của các chính trị gia, những người thống trị dưới sự bảo trợ của ý muốn Hoàng đế. Bỏ qua tình hình này là bỏ qua ý muốn của Hoàng đế. Vì vậy, từ đầu năm mới ... để che dấu thực tế và ngụy tạo rằng mọi việc vẫn bình an sẽ là tột cùng của sự bất trung. Bởi vì tôi tin chắc rằng một người tôn trọng Hoàng thất và yêu tổ quốc sẽ không tán dương tình hình đó, ở đây tôi đang muốn làm rõ bản chất của chủ nghĩa dân tộc.

V

Vào mùa hè năm 1931, người kế nhiệm Hamaguchi đã đe dọa các quan chức triều đình bỏ qua bất đồng chính trị giữa quân đội và chính quyền Minseito của Wakatsuki Reijiro. Ngày 13 tháng 6 năm 1931, Kawai đã ghi chép lại trong cuốn nhật ký của mình rằng:

Các nhà lãnh đạo cao nhất của quân đội đang tiến hành một cuộc vận động đoàn kết, có tổ chức đòi giảm trừ vũ khí, cho rằng chỉ quân đội mới có thể quyết định quy mô của lực lượng vũ trang do vấn đề chỉ huy. *Nguyên lão* [Hoang tử Saionji] nói rằng chúng ta sẽ không coi nhẹ sự tranh cãi về vấn đề điều quân trong trường hợp tình trạng hỗn loạn xảy ra tại Mãn Châu.

Hai tuần sau Kido thông báo Nội đại thần Makino rằng ông đã "nhận được tin của Harada Kumao [người đưa tin cho Saionji và Kỉo] về 'việc quân đội đang chuẩn bị những kế hoạch khá lớn về Mãn Châu."' Khi đó, vào tháng 7, giao tranh xảy ra giữa nông dân Trung Quốc và Triều Tiên tại Wamposhan, vùng biên giới giữa Mãn Châu và Triều Tiên; cuộc giao tranh dẫn đến cuộc bạo loạn chống Trung Quốc và những cuộc tấn công vào người dân Trung Quốc ở khắp bán đảo Triều Tiên. Chính quyền thuộc địa Nhật Bản ở đó không ngăn cản được sự thiệt mạng của 127 người Trung Quốc dưới tay những người Triều Tiên, và hậu quả là người Trung Quốc ở lục địa đã tẩy chay hàng hóa của Nhật Bản. Đối với nhiều người Nhật trải qua cuộc đại suy thoái thế giới, sự tẩy chay này dường như là một âm mưu đã được toan tính của chính quyền Chủ nghĩa dân tộc ở Nam Kinh và chế độ Chang Hsueh-liang tại Mukden nhằm phá hủy lợi ích chiến lược và kinh tế của Nhật Bản tại Trung Quốc.

Cuộc khủng hoảng ở lục địa châu Á càng tồi tệ vào tháng 8, khi quân đội Nhật Bản thông báo sự biến mất của Tướng Nakamura Shintaro của Đạo quan Quan đông tại Mãn Châu. Những tin tức trên báo Nhật tiết lộ rằng Nakamura đã bị binh lính Trung Quốc bắt và sát hại gần biên giới phía bắc Mãn Châu. Ngay lập tức Đảng Seiyukai đã buộc tội người Trung Quốc coi thường Quân đội Hoàng gia. Do sự lợi dụng của các đảng và báo chí, cuộc nổi loạn ở Wanpaoshan và sự kiện Nam Kinh đã làm tăng thêm thái độ thù địch của Nhật Bản đối với Trung Quốc. Đằng sau lý do hữu ích đó Đạo quân Quan Đông đã tăng sức ép với chính quyền Mukden.

Vì xung đột giữa người Trung Quốc và người Nhật Bản đã leo thang nên khủng hoảng chính trị ở Nhật Bản cũng ngày càng sâu sắc. Các quan chức thuộc khóa thứ ba mươi năm của Học viện Quân sự gửi *nguyên lão* Saionji một bản tuyên ngôn mật "khẳng định rằng 'thời đại Phục Hưng Chiêu Hòa có nghĩa là sự lật đổ chính quyền đảng chính trị' và đề nghị đại úy và

tảisáchhay

đại tá trong cả nước là 'người đưa tin chuẩn mực của Thời đại Phục Hưng Chiêu Hoà.'" Điều này ám chỉ đến sự trị vì hiện tại của vị Hoàng đế trẻ Hirohito, nhưng thông điệp này có nghĩa ông sẽ là người một nhà cải cách vĩ đại giống như ông nội của ông, hoặc ít nhất thời đại của ông phải là một thời kỳ cải cách. Đối với các sĩ quan cấp dưới, để đưa ra một lời cảnh cáo như vậy với các *nguyên lão* còn sống là một hành động táo bạo chưa từng có, thể hiện sự suy yếu đang tiếp diễn trong kỷ luật và tôn ti trật tự của quân đội. Đó cũng là tàn dư của các hủ tục của thế hệ trẻ bí mật lôi kéo thành viên duy nhất của thế hệ già đến với Hoàng đế.

Đầu tháng 8, Bộ trưởng quốc phòng Minami Jiro đã phá vỡ tiền lệ của quân đội và tiết lộ với báo chí bài phát biểu của ông tại cuộc họp đặc biệt với các chỉ huy địa phương và chỉ huy sư đoàn. Trong bài phát biểu của mình, Tướng Minami đã lên án những đề nghị giảm trừ vũ khí là "sự phản bội" và đề nghị các sĩ quan của ông phản đối sự cắt giảm quân sự. Theo đó Trưởng Tham mưu Quân sự Kanaya Hanzo và Tướng Suzuki Soroku

đã công khai tuyên bố chống lại việc cắt giảm chi tiêu quân sự nói chung.

Vì những dấu hiệu nguy hiểm này ngày càng tăng, cuối cùng Hirohito và nhóm triều đình bắt đầu suy tính cách đối phó với các nhóm sĩ quan chính trị hóa. Theo lệnh của Hirohito Makino đã thảo luận với Saionji về vấn đề "duy trì kỷ luật quân đội," và các chính trị gia có tuổi được kính trọng đã khuyên ông xử lý tình hình này bằng cách giải quyết trực tiếp với chính quyền quân đội hơn là với Thủ tướng Wakatsukii. Nội các Wakatsuki đã không vượt qua được sự suy thoái kinh tế và bị quân đội xa lánh vì chính sách cắt giảm tài chính. Thêm vào đó, mùa hè năm 1931 Wakatsuki đã lựa chọn cách cắt giảm lương của những viên chức dân sự để bù vào những khoản thâm hụt ngân sách.

Tuy nhiên, mãi cho đến khi Nhật Bản có rất nhiều tin đồn về cuộc chiến tranh sắp tới ở Mãn Châu, đích thân Hirohito mới can thiệp vào. Ngày 10 và 11 tháng 9, ông đã chất vấn Bộ trưởng Hải quân Abo Kiyokazu và Bộ trưởng quân sự Minami về tình trạng kỷ luật trong quân đội. Abo đã trả lời rằng ông vừa yêu cầu tổng tư lệnh Hải quân báo cáo và được biết không có vấn đề. Abo không thông báo cho Hoàng đế biết rằng Hải quân đang rất lo lắng về các hoạt động quân sự tại Mãn Châu, hoặc Hải quân sẽ nhanh chóng thiết lập một "cơ quan đặc biệt" tại Mãn Châu để theo dõi Đạo quân Quan Đông. Abo có thể cũng không biết rằng trước đó hai tháng –"vào tháng 6 hoặc tháng 7" – các sĩ quan cao cấp của Tổng Tham mưu Quân đội đã thông báo cho những người đứng đầu của Tổng Tham Mưu Hải quân về kế hoạch dùng lực lượng chiếm Mãn Châu và đã yêu cầu sự hợp tác của Hải quân; các sĩ quan tham mưu Hải quân không tỏ bất kỳ thái độ phản đối nào đối với kế hoạch mà quân đội định thực hiện.

Tuy nhiên, Minami vẫn còn nằm trong kế hoạch bí mật của Đạo quân Quan Đông để đưa Mãn Châu và Nội Mông dưới sự kiểm soát của lực lượng Nhật, và ông đã thành thật thú nhận với Hoàng đế rằng "các sĩ quan quân đội trẻ tuổi gần đây đã chỉ trích tài ngoại giao của chúng ta quá yếu; những lời lẽ chỉ trích của họ không chính xác và đã làm cho họ hiểu lầm". Tuy nhiên, ông nói thêm ngay rằng "chúng ta không thể cho phép những hành động đó, và cần phải ngăn chặn ngay. Quân đội tin rằng ngoại giao phải được các quan chức Bộ Ngoại

tảisáchhay

giao coi như một chính sách quốc gia và sẽ phải thông báo cho các quan chức cấp cấp dưới thận trọng về cách ngoại giao đó."

Hirohito đã đáp lại rằng tinh thần phe phái chính trị của quân đội đang bị quốc sách can thiệp, và ông ra lệnh cho Minami thắt chặt sự kiểm soát. Bộ trưởng quân sự đã trả lời một cách lật lọng, "Kể từ khi nghe tin đồn đó, tôi đã kiểm soát những vấn đề một cách cẩn thận." Khi đó Hirohito đã triệu tập Đại nội Đại thần Suzuki và bảo ông thông báo với Makino rằng "mặc dù bộ trưởng quân sự đã báo cáo với tôi là ông đã kiểm soát vấn đề chặt chẽ nhằm ngăn chặn những hành động vô kỷ luật quân đội, nhưng tôi vẫn đề nghị ông cần thận trọng hơn nữa."

Minami đã giải thích về thái độ của Hoàng đế đối với những quan chức cao cấp này tại Bộ Quân sự và Tổng hành dinh Quân sự, những người đã bí mật âm mưu - định thời điểm bắt đầu vào cuối tháng 9. Họ quyết định di chuyển một cách thận trọng. Mục tiêu dùng lực lượng để chiếm Mãn Châu từ Trung Quốc của họ không thay đổi, nhưng thái độ của Hoàng đế đã khiến họ ngừng hành động và không chống lại nội các. Minami, vừa mới bị khiển trách nên lan truyền lệnh khiển trách đó trong toàn quân đội.

Ngỳa 15 tháng 9 Bộ trưởng ngoại giao Shidehara nhận được một bức điện tuyệt mật từ tổng lãnh sự tại Mukden, thông báo với ông là Đạo quân Quan Đông chuẩn bị tiến hành một hành động xâm lược với quy mô lớn. Những báo cáo các ngày tiếp theo đó đã thông báo đầy đủ cho Shidehara về âm mưu của Đạo quân Quan Đông. Dù sao, trong suốt mấy tháng đầu xảy ra sự kiện Mãn Châu, Shidehara đóng vai trò là người bảo vệ chính cho Đạo quân Quan Đông trước thế giới phương Tây, cho rằng trừng phạt Nhật Bản chỉ là hành động tự vệ, tán thành sự bất khả xâm phạm của các hiệp ước.

Minami gửi một lá thư cho Tướng Tatekawa Yoshitsugu, trưởng Bộ phận Tình báo của Tổng Tham mưu và bảo ông gửi riêng cho chỉ huy mới được bổ nhiệm của Đạo quân Quan Đông, Tướng Honjo. Tatekawa, người đã tham gia vào vụ mưu sát Chang Tso'lin, được cho là đã có ảnh hưởng trong Đạo quân Quan Đông. Trước khi rời đến Mukden cùng với bức thư đề nghị sự kiên nhẫn và trì hoãn hành động, Tatekawa đã tiết lộ cho Đại tá Hashimoto Kingoro, người lập kế hoạch táo bạo vào đầu tháng 3, về quyết định của các nhà lãnh đạo quân sự cao cấp để trì hoãn hành động chiến tranh đã được hoạch định. Ngay sau khi Hashimoto gửi những bức điện đến Đại tá Itagaki Seishiro, sĩ quan tham mưu cao cấp của Đạo quân Quan Đông tại Mukden, một trong những bức điện đó đề nghị ông nhanh chóng hành động: "Âm mưu đã bị phát hiện. Tatekawa đang đến; xuất kích trước tiên để tránh liên lụy đến ông. Nếu Tatekawa đến, thì hãy hành động trước khi nhận được bức điện của ông". Ba ngày sau, Trung tá Ishiwara Kanji và Đại tá Itagaki thực hiện những kế hoạch của họ.

Chứng cứ gián tiếp cho thấy những biên tập viên cấp cao của tờ Tokyo Asahi và Osak Mainichi, Ogata Taketora và Takaishi Shingoro cũng ủng hộ âm mưu này. Trước đó hai tháng, vào đêm ngày 16 tháng 7 năm 1931, họ đã tham dự một cuộc họp tại Tokyo (có lẽ tại dinh thự của Baron Harada Kumao) để cùng với các quan chức của Bộ Ngoại giao lắng nghe Trưởng văn phòng đặc trách Quân sự, Đại tướng Koiso Kuniaki biện hộ về "độc lập của Mãn

tảisáchhay

Châu" và nói rằng nếu quân đội bắt đầu một cuộc chiến thì người dân Nhật Bản sẽ ủng hộ cuộc chiến đó.

Vì vậy trước trận chiến ở Mukden nhiều người có ảnh hưởng ở Tokyo đã biết hoặc nghi ngờ về việc Đạo quân Quan Đông sắp sửa gây rắc rối. Hirohito và những cận thần đứng đầu trong Hoàng cung - Makino, Suzuki, Sekiya, Kido và Nara - cũng cảm thấy sự bất ổn ngày càng tăng trong quân đội nhưng lại hiểu không đúng tình hình nên phản ứng rất chậm. Tin tưởng rằng họ đã hành động trong một thời gian dài theo sự chỉ bảo của Hoàng gia để làm cho họ bị nản chí, họ chưa bao giờ tưởng tượng Đạo quân Quan Đông sẽ nắm được sáng kiến, lật đổ hoàn toàn các chính sách của nội các Minseito và phá hoại ngầm uy tín của Hoàng đế. Hirohito và các quan chức triều đình đã đánh giá rất thấp chủ nghĩa phe phái và quân đội, Bộ ngoại giao và các đảng chính trị đôi lúc đã tỏ ra bất bình. Nhưng họ cũng không ngăn chặn sự nguy hiểm này bởi vì họ đương nhiên ủng hộ sứ mệnh của quân đội tại Mãn Châu kể từ năm 1905.

tảisáchhay

PHẦN 3. NHỮNG CUỘC CHIẾN CỦA THIÊN HOÀNG (1931 - 1945)

7. Sự kiện Mãn Châu

Đêm 18 tháng 12 năm 1931, các sĩ quan thuộc Quân đoàn Quan Đông cho nổ mìn ở gần tuyến đường hoả xa nam Mãn Châu - tuyến đường nằm dưới sự kiểm soát của Nhật ở Lưu Điểu Kiều (bắc Phụng Thiên) và đỗ lỗi cho binh sĩ của Trương Quốc Lâm và 'thảo khấu' có vũ trang người Trung Quốc. Lấy cớ từ một biến cố tự mình dựng lên cũng như không gây thiệt hại gì cho tuyến hoả xa, Trung tá Itagaki Seishirõ ra lệnh cho Lực lượng Đồn trú Độc lập và Trung đoàn Bộ binh 29 tấn công doanh trại của quân Mãn Châu Trung Quốc đang trấn giữ thành Phụng Thiên. Bị tấn công bất ngờ, quân Trung Quốc lớp bỏ chạy, lớp đầu hàng. Một giờ sau, kẻ đồng mưu với Itagaki là Trung tá Ishiwara Kanji đang đóng quân tại Lữ Thuận (cảng Arthur),đưa ra thông báo giả mạo về Chỉ huy Quân đoàn Quan Đông Honjo Shigeru để rồi sau đó Honjo phát lệnh tấn công mà Ishiwara đã dày công chuẩn bị từ trước. Trong 24 giờ sau, các đơn vị quân Quan Đông tiếp tục tiến ra ngoài vùng lãnh địa tạm mướn và nắm quyền kiểm soát các thị trấn chiến lược dọc theo tuyến hoả xa. Quân Nhật sau đó còn chuẩn bị tiến chiếm các trung tâm dân cư lớn ở miền nam Mãn Châu.

Hôm sau, ngày 19 tháng 9, triều đình được tin về cuộc đụng độ ở Mãn Châu qua tường thuật của báo chí dựa trên giải thích của quân Quan Đông. Theo các phát ngôn viên quân đội thì trách nhiệm thuộc về người Trung Quốc. Chánh phụ tá Nara Takeji tức tốc thông báo với Nhật Hoàng và nói thêm rằng theo ông "biến cố này sẽ không lan rộng." Nara cũng có thể đã đề xuất ngay lúc đó hay một vài giờ sau rằng Hirohito nên triệu tập một buổi thiết triều nhằm kiểm soát tình hình – một ý tưởng mà Makino và Saionji nhanh chóng phủ quyết với lý do "thanh danh của Nhật Hoàng" sẽ "vấy bẩn" nếu các quyết định đưa ra trong buổi nghị triều sau đó không được thực hiện.

Kể từ khi khởi phát, biến cố Mãn Châu đã kéo theo một phản ứng dây truyền các cuộc khủng hoảng quốc tế và quốc nội, tác động và làm thay đổi cơ bản đường hướng phát triển quốc gia của Nhật Bản. Trung Quốc lập tức đòi bồi thường trước Hội Quốc Liên còn Quân đoàn Quan Đông thì vẫn tiếp tục tăng cường lực lượng. Tướng Hayashi Senjuro, chỉ huy tại Triều Tiên, xin chỉ thị thông qua tổng hành dinh quân đội trung ương ở Tokyo cho phép điều quân qua sông Áp Lục vào Mãn Châu. Cho đến ngày 19 tháng 9, chính phủ vẫn bất lực và bị bưng bít. Thủ tướng Wakatsuki cầu viện sự giúp đỡ của Harada Kumao, thư ký của *bậc trưởng bối* Saionji, với lời lẽ như sau:

"Tôi không nhận được thông báo nào của Bộ Ngoại giao hay Bộ Lục quân … Tôi vừa nhắc nhở họ thông qua Chánh Thư ký Văn phòng Kawasaki … Lực lượng quân Trung Quốc ở Mãn Châu và Mông Cổ có tới hơn 20 vạn trong khi chúng ta chỉ có khoảng một vạn. Tôi hỏi Bộ trưởng Lục quân rằng "Ông sẽ làm gì nếu chẳng may hành động của ông dẫn đến tình huống ông không lường trước, tình huống mà ông không thể ngăn chặn được vì bị áp đảo quá lớn về quân số?" Ông bộ trưởng trả lời: "Chúng tôi sẽ điều quân từ Triều Tiên … thực ra, quân

tảisáchhay

đội ở đây có thể đã được điều đến rồi." Tôi đã khiển trách ông ấy: "Làm sao ông dám cho phép điều động binh sĩ từ Triều Tiên khi chưa được chính phủ phê chuẩn?" Ông ấy nói: "Dạ thưa, thì ngay dưới thời chính phủ Tanaka (1927 – 1929), quân đội vẫn được điều động mà không cần triều đình cho phép đấy thôi." Tôi cho rằng ông ấy không hề lường trước bất kỳ vấn đề nào … Trước tình hình này, tôi hoàn toàn bất lực trong việc kiềm chế quân đội. Làm sao quân đội của Thiên Hoàng lại dám hành động mà không có sự phê chuẩn của ngài? Chúng ta có thể làm gì đây? Có lẽ tôi không nên kể những chuyện này với ngài, nhưng liệu ngài có thể làm gì không? … Tôi quả đang gặp khó khăn lớn."

Tối hôm đó, các thành viên trong nhóm triều đình họp mặt tại dinh thự của Harada. Những người tham dự gồm Kido (nhật ký của ông này là một nguồn dẫn chứng); Konoe; Okabe Nagakage, trưởng Phân ban một, Phòng Chính trị Bộ Ngoại giao và một quan chức khác có vai vế. Tất cả những người này đều ở vào độ tuổi 40 và có thiên hướng chỉ trích Saionji và Makino, đồng thời ủng hộ chủ trương của quân đội trong việc giải quyết vấn đề Mãn Châu bằng vũ lực. Họ nhất trí rằng các mệnh lệnh của bộ chỉ huy tối cao đã không được tuân thủ đầy đủ và rằng Nhật Hoàng cũng nhất trí với mong muốn ban đầu của chính phủ là ngăn chặn không để tình hình diễn biến xấu đi cũng như tiếp tục làm ảnh hưởng xấu đến hình ảnh của nước Nhật. Theo như Kido thông báo thì đây là một vấn đề có tính hai mặt. Quân đội tức giận vì các quan cận thần trong triều vì đã xúi giục Nhật Hoàng ra tuyên bố và cả với Saionji, người bị coi là có tư tưởng thù địch. Vì vậy, "tốt nhất là Nhật Hoàng không nên phát biểu gì trừ khi tình hình không còn trong tầm kiểm soát;" đồng thời Saionji không nên đến Tokyo "trừ khi tình thế thay đổi."

Về thực chất, những người tham dự buổi họp ở dinh Harada nhất trí rằng Hirohito phải phê chuẩn hành động của Lục quân, và rằng Saionji và các quan lớn trong triều không được tiếp tục hành vi phạm pháp, lợi dụng quyền lực chỉ huy quân đội của Nhật Hoàng cũng như làm bất cứ điều gì kích động quân đội. Với thái độ này, trong suốt thời kỳ diễn ra cuộc chiến Mãn Châu, nhóm triều đình không lần nào thể hiện được lập trường cứng rắn đối với phía Lục quân.

Ngày 21 tháng 9, Wakatsuki triệu tập phiên họp chính phủ kéo dài 6 giờ đồng hồ liền, quyết định không phê chuẩn việc tăng viện quân từ quốc nội hay từ Triều Tiên và chỉ coi cuộc giao tranh ở Mãn Châu như một "sự kiện" nhằm tránh trình trạng tuyên chiến. Trong khi đó, Quân đoàn Quan Đông đã ba ngày liền gây áp lực với tổng hành dinh quân đội trung ương cho phép Tướng Hayashi, chỉ huy Quân đoàn Triều Tiên, điều thêm quân qua sông Áp Lục vào Mãn Châu. Vào hồi 1:00 chiều, ngày 21 tháng 9, trong khi chính phủ còn đang họp thì Hayashi đã tự ra lệnh cho quân vượt qua biên giới. Ngay sau đó, Tổng tư lệnh Lục quân Kanaya đã trình báo với Nhật Hoàng rằng bất chấp mệnh lệnh trực chiến chờ lệnh, Quân đoàn Hỗn hợp quân đội biên ngoại của Nhật ở Triều Tiên, lấy cớ là tướng ở xa có thể không theo lệnh vua, "đã vượt qua biên giới tiến về Phụng Thiên." Kanaya thừa biết rằng trong trường hợp này thì không có lý do nào có thể biện minh cho hành động tự quyền phạm pháp của Hayashi.

Vậy là Nhật Hoàng Hirohito, lúc này mới 30 tuổi đầu, đứng trước một cơ hội tuyệt vời để hậu thuẫn cho chính phủ của Wakatsuki kiểm soát quân đội và chấm dứt tình hình chiến sự

tảisáchhay

leo thang. Về mặt chính trị, Lục quân vẫn còn yếu thế. Các chủ kiến về sự kiện Mãn Châu còn chia rẽ. Nếu ông muốn cai trị theo lối "quân chủ lập hiến" kiểu Anh thay vì quân chủ chuyên chế núp dưới hiến pháp thì đây chính là cơ hội tốt.

(ảnh)

Mãn Châu, 1931 – 1933

Nhật ký của Nara ghi ngày 22 tháng 9 tả lại những gì Hirohito đã làm trong thời khắc quyết định này:

"Buổi chiều, khi tôi được Nhật Hoàng triệu vời, ngài hỏi tôi có nhắc nhở Tổng tham mưu trưởng (Kanaya) rằng không được tiếp tục hành động hay không. Tôi trả lời: "Bẩm có, thần đã nhắc nhở ông ấy, nhưng cho dù thần không nhắc nhở đi nữa thì ông ấy vẫn phải hiểu rõ cả chủ trương của chính phủ cũng như ý muốn của bệ hạ, đồng thời ông ấy cũng đang dần xử lý vấn đề. Đáng tiếc là các đơn vị Lục quân ngoài biên ải thường hay khinh suất và tự ý hành động" … (Sau đó) Hồi 4:20 chiều, Tổng tham mưu trưởng Kanaya diện kiến Nhật Hoàng tấu trình xin phê chuẩn việc đã rồi là điều động binh đoàn hỗn hợp từ Quân đoàn Triều Tiên. Tôi nghe Hoàng thượng nói rằng tuy lần này không thể làm gì khác nhưng (quân đội) sau này phải cẩn trọng hơn."

Hiểu được sự cần thiết phải tăng viện lực lượng cho các đơn vị tiên phong của Quân đoàn Quan Đông đang bị áp đảo lớn về quân số, Hirohito chấp nhận tình hình như sự đã rồi. Ông không nghiêm khắc phản đối việc quân đội bành trướng. Nếu việc này có bao hàm sự tiếm quyền đối với Thiên Hoàng trong chốc lát thì cũng đành thế - *miễn là chiến dịch thành công*.

Đến ngày 1 tháng 10 năm 1931, hai tuần sau biến cố, phần lớn người Nhật đã bắt đầu ủng hộ quân đội. Hirohito biết biến cố này đã được dàn xếp từ trước. Ông biết ai là người bày mưu, ai ra lệnh và ai thực hiện. Ông hoàn toàn biết rõ rằng chính một số sĩ quan cao cấp đã vi phạm luật hình sự của quân đội vào năm 1908 khi ra lệnh cho quân tiến vào những khu vực nằm ngoài quyền hạn của mình. Tuy nhiên, như đã thấy rõ trong nhật ký của Chánh trợ lý Nara, Hirohito chủ trương chỉ áp dụng những hình phạt nhẹ nhất dành cho Tổng tham mưu trưởng Lục quân và chỉ huy Quân đoàn Quan Đông.

Một tuần sau, Nhật Hoàng lại tiếp tục sự đồng loã với các sĩ quan Lục quân của mình. Cẩm Châu, một thành phố ở phía nam tỉnh Liêu Ninh, nằm trên tuyến đường hoả xa giữa Bắc Kinh và Phụng Thiên là "vết tích cuối cùng của chính quyền Trung Quốc ở Mãn Châu." Cuộc không kích vào thành phố này được Hirohito phê chuẩn và là một trong những đợt tấn công đầu tiên kể từ cuối Chiến tranh Thế giới thứ Nhất. Nara mô tả trong nhật ký của mình ngày 9 tháng 10 như sau:

"Trước khi Phó tổng tham mưu Lục quân Ninomiya (Harushige) rời Hoàng cung, tôi nói với ông ấy rằng Thiên Hoàng muốn biết có phải việc mở rộng giao tranh là không thể tránh được nếu Trương Quốc Lâm bố trí lại quân đội gần Cẩm Châu không. Nếu việc này là cần

tảisáchhay

thiết thì Thiên Hoàng sẽ chuẩn tấu. (Tướng Ninomiya) nói ông sẽ nói chuyện với Tham mưu trưởng và phi báo ngay cho Thiên Hoàng."

Như được lời của Tướng Nara tiếp sức, Ninomiya lập tức ra lệnh chuẩn bị tài liệu họp bàn phương án ném bom Cẩm Châu. Ban Hành quân thuộc văn phòng Bộ tổng tham mưu còn nêu rõ rằng Nhật Hoàng coi chiến dịch ném bom "chỉ là hành động bình thường trước diễn biến tình hình." Nếu hiểu thoángqua những gì ghi trong nhật ký của Nara ngày 9 tháng 10 thì Hirohito rõ ràng đã đổi ý trong một sớm một chiều. Trước đó, ông bày tỏ với Nara rằng ông không chấp thuận việc Tướng Honjo công khai bác bỏ chính quyền Trương Quốc Lâm, trong khi ngày 08 năm 10 ông lại nói với Nara rằng: "quân đội ngoài biên ải và Bộ Ngoại giao đang có mâu thuẫn – quân đội muốn thiết lập một chế độ Mãn Châu – Mông Cổ độc lập và đàm phán với chế độ đó trong khi bên ngoại giao lại cho rằng điều này không có lợi. Trẫm cho rằng vào thời điểm này, phe Lục quân sai. Hãy truyền ý chỉ của trẫm tới tổng hành dinh Lục quân."

Một phiên họp đặc biệt của Hội đồng Hội Quốc Liên được triệu tập tại Geneva để xem xét khiếu nại của Trung Quốc. Buổi họp nhanh chóng ngả theo chiều hướng chống lại Nhật Bản. Ngày 27 năm 10, nhật ký của Nara ghi chép lại sự bất an trong triều đình:

"Sau bữa trưa, tôi đến thăm quan giữ quốc ấn một lúc. Ông nói Thiên Hoàng bảo với ông rằng ngài dự định lệnh cho phó tổng tham mưu Lục quân hỏi các bộ trưởng Lục quân và Hải quân về sự quyết tâm và sẵn sàng của họ nếu chúng ta bị áp đặt cấm vận kinh tế hoặc phải đối mặt với hành động quân sự của các Đại cường quốc."

Đến đầu tháng 11, thái độ của Bộ Ngoại giao và triều đình đã thay đổi. Ngày mùng 6, Bộ trưởng ngoại giao Shidehara tấu lên Nhật Hoàng rằng bộ ngoại giao đã quyết định huỷ bỏ cuộc đàmphán đơn phương với chính phủ Quốc gia của Tưởng Giới Thạch. Tướng Tây Hạ được hậu thuẫn thành lập một chế độ bù nhìn dựa trên tầng lớp địa chủ Trung Quốc ở *miền nam* Mãn Châu. Việc giải quyết vấn đề Mãn Châu và (Nội) Mông Cổ có thể được đàm phán trực tiếp với quan chức của chế độ đó chứ không phải với Trương Quốc Lâm hay Nam Kinh. Sau đó, Shidehara đã tìm kiếm và nhận được sự hậu thuẫn cho kế hoạch của mình từ Makino và Saionji, cũng như của Ugaki, Tổng thủ hiến Triều Tiên.

Sự thay đổi về chính sách này diễn ra khi tổng hành dinh Lục quân ở Tokyo đang ra sức kiềm chế quân đội biên ngoại xâm chiếm *miền bắc* Mãn Châu trước nguy cơ đụng độ với quân Liên Xô. Ngày 05 năm 11, Hirohito ban đặc chỉ ủy quyền cho phép Tổng tham mưu trưởng Kanaya được quyết định các "vấn đề nhỏ" về hành quân và chiến thuật. Trong ba tuần sau đó, trong lúc Quân đoàn Quan Đông di chuyển bằng đường sắt qua miền bắc Mãn Châu, Kanaya đã sử dụng đặc quyền này tới năm lần để kiểm tra hoạt động của quân đội tại thực địa.

Trong khi đó, trước sự thúc giục của Bộ trưởng ngoại giao Mỹ Stimson, hội đồng Hội Quốc Liên đã viện dẫn Hiệp ước Kellogg-Briand để chống lại cả Trung Quốc lẫn Nhật Bản. Trước sự phản đối của phái đoàn Nhật Bản, hội đồng này sau đó đã thông qua một nghị quyết tượng trưng trong đó đề ra thời hạn là ngày 16 năm 11 để Nhật Bản rút quân khỏi các vùng chiếm đóng. Sự chỉ trích của nước ngoài đối với hành động gây hấn ngày càng tăng, trong

tảisáchhay

khi công chúng Nhật, dẫn đầu là các báo, đài, công nghiệp giải trí và Hội Dự bị Lục quân Thiên Hoàng cùng nhau ủng hộ quân Quan Đông và phản đối cả Trung Quốc lẫn phương Tây. Khi Uchida Kosai, chủ tịch Công ty Hoả xa Nam Mãn Châu, tới Tokyo để quảng bá cho sự thành lập của chế độ Trung Hoa mới ở Mãn Châu theo ý tưởng của quân Quan Đông, công chúng đã nhiệt liệt chào đón ông này.

Đối mặt với sự bất tín nhiệm sâu sắc của Quân đoàn Quan Đông đối với chính phủ đa đảng phái và sự quyết tâm không gì lay chuyển nổi của quân đội này nhằm đặt cả miền bắc Mãn Châu và Nội Mông dưới quyền kiểm soát của người Nhật, các tướng lĩnh cấp cao ở Tokyo đã nhượng bộ trước ý muốn của thuộc cấp và ngừng hậu thuẫn chế độ nam Mãn Châu. Trong lúc Thiên Hoàng còn đang tham dự cuộc đại diễu hành ở Kumamoto thì Quân đoàn Quan Đông đã xâm nhập các trung tâm dân cư ở bắc Mãn Châu. Để rồi sau một tuần tiến đánh, quân chủ lực đột nhiên lên xe lửa hướng về phía nam tiến về Cẩm Châu nằm cách xa vùng có đường hoả xa, nơi 115.000 quân Trung Quốc đang đồn trú.

Nhật Hoàng Hirohito giờ đây đã hành động kiên quyết hơn thông qua Tổng tham mưu trưởng Kanaya và Bộ trưởng Lục quân Minami nhằm ngăn cản quân đội viễn chinh tấn công đường bộ vào Cẩm Châu, dù chỉ trong một thời gian ngắn. Tuy nhiên, khi ban chỉ huy cấp cao ở Tokyo phê chuẩn đề xuất của Quân đoàn Quan Đông về việc thành lập các thể chế Trung Quốc "độc lập" ở cả ba tỉnh Mãn Châu để quân đội Nhật có thể trấn giữ phía bắc nhằm ngăn chặn khả năng quân Liên Xô xâm lược thì cả Thiên Hoàng lẫn phe triều đình đều không phản đối gì. Ngày 23 năm 11, Shidehara gửi một thông điệp xuyên tạc tới Báo Liên hiệp Niu-Yook, đổ trách nhiệm hoàn toàn cho phía Trung Quốc về cả việc gây hấn trước lẫn việc chiếm đóng Tề Cáp nhĩ (Tsitsihar) và Cáp Nhĩ Tân ở phía bắc Mãn Châu. Ông này tuyên bố: "Quân đội Nhật có mặt ở các vùng có đường hoả xa không phải để trang trí. Khi quân Trung Quốc tấn công, họ sẽ làm nhiệm vụ đẩy lùi các đợt tấn công và ngăn chặn các đợt tấn công tái diễn."

Sau khi vấn đề Cẩm Châu tạm thời được kiểm soát, phe triều đình chuyển hướng chú ý sang cuộc khủng hoảng chính trị trong nước. Vào tháng 3 năm 1931 và sau đó là tháng 10, các sĩ quan cấp tiến trong bộ tổng tham mưu, thành viên hội bí mật Hoa anh đào của Đại tá Hashimoto Kingoro quyết định đơn giản hóa vấn đề của mình bằng cách lật đổ chính phủ. Âm mưu đảo chính tháng Ba của Hashimoto bị phát hiện và những kẻ âm mưu bị bắt giữ. Khi Nam tước Harada được thông báo về sự kiện tháng Ba này, ông kết luận rằng cuộc khủng hoảng Mãn Châu là "hành động mở đầu cho một cuộc đảo chính quân sự," khiến "một số sĩ quan Lục quân vững tin rằng một khi đã thắng trận ở Mãn Châu thì họ cũng sẽ thành công ở trong nước." Khi giới Lục quân ra công che đậy âm mưu tháng Mười thì Nara, Suzuki và Tổng tham mưu trưởng Kanaya đã bẩm báo sự việc lên Nhật Hoàng. Ngày 2 năm 10, Nara tấu trình lên Hirohito một báo cáo bằng văn bản đầy đủ hơn.Thế nhưng cả Hirohito lẫn các tướng lĩnh cấp cao đều không ra lệnh trừng phạt những kẻ lật đổ và nhờ vậy, những người này đã được khoan hồng tha bổng và tội lỗi của họ nhanh chóng đi vào quên lãng.

Âm mưu lật đổ tháng Mười và phản ứng yếu ớt của Hirohito đã ảnh hưởng xấu tới nỗ lực của chính phủ của Wakatsuki trong việc kiểm soát quân đội. Về phía phe triều đình, họ giờ đây càng tin rằng không có gì diễn ra ở Mãn Châu có thể quan trọng hơn việc ngăn chặn một

tảisáchhay

cuộc khủng hoảng trong nước có nguy cơ lật đổ cả vương triều và toàn bộ thể chế chính trị Minh Trị. Cụ thể hơn, vụ đảo chính tháng 10 làm nảy sinh mâu thuẫn đảng phái rộng khắp giữa hai nhóm Sĩ quan tốt nghiệp đại học. Một là phái Hoàng gia, hay còn gọi là nhóm Kodo-ha, gồm các tướng Araki Sadao, Mazaki Jinzaburo và Obata Toshishiro và những "sĩ quan trẻ" đi theo họ. Người đương đại gọi nhóm đối nghịch của họ - một nhóm khó định hình hơn – là phái Cầm quyền, hay Tosei-ha, gồm các tướng Nagata Tetsuzan, Hayashi Senjuro, Tojo Hideki và các sĩ quan cao cấp khác cùng với những sĩ quan trẻ đi theo. Cả hai phái đều nhắm tới việc thành lập một chế độ "quân sự chuyên chế" *dưới quyền* Thiên Hoàng và tăng cường đối nghịch với ngoại bang. Nhóm Kodo-ha chủ trương sử dụng đảo chính để đạt mục tiêu còn nhóm Tosei-ha, mặc dù không phản đối ám sát và đe doạ lại thiên về cải cách chính phủ bằng luật pháp.

Về học thuyết chiến lược, phái Kodo-ha coi Liên Xô là kẻ thù chính của Nhật Bản. Họ nhấn mạnh "tư tưởng" quân phiệt và dân tộc hơn là sức mạnh thực tế, một nguyên tắc đã trở thành học thuyết quân phiệt sau cuộc Chiến tranh Nga-Nhật. Phái Tosei-ha, mặt khác lại coi trọng hiện đại hóa quân đội và thành lập một "quốc gia phòng vệ dân tộc", một thuật ngữ vay mượn từ Đức Quốc xã. Các sĩ quan Tosei-ha nhận thức được rằng chiến tranh hiện đại đã trở thành cuộc đối đầu của toàn xã hội đòi hỏi sự tính toán về sức mạnh quốc gia tổng thể. Chiến tranh chống lại Mỹ và Liên Xô đòi hỏi phải cải tiến công nghệ cho Lục quân và Hải quân, hiện đại hóa đất nước và động viên ý chí của toàn dân tộc Nhật Bản.

Tình hình Mãn Châu càng lan rộng thì sự xung đột giữa hai phe phái có tổ chức lỏng lẻo này, vốn chỉ khác nhau chủ yếu trên phương tiện chứ không phải mục đích, càng lên cao và trở thành một đặc trưng sâu sắc của nền chính trị Nhật Bản trong suốt những năm 1930.

I

Công bằng mà nói trong suốt năm 1931, đối với các thần dân của mình, Hirohito đã cai trị thì ít mà chủ trì thì nhiều, đồng thời ông cũng thể hiện sự trễ nải, thiếu nhất quán và tự mâu thuẫn. Ở những thời điểm không quan trọng thì ông khẳng định quyền lực của mình trong khi lúc cam go thì ông lại nhượng bộ trước những sĩ quan quân đội bất trị. Hiểu rõ về sự phụ thuộc kinh tế của Nhật Bản vào phương Tây hơn là các sĩ quan tham mưu, những người dựng lên sự kiện Mãn Châu, ông lo lắng trước khả năng bị cô lập về ngoại giao và cấm vận kinh tế nhưng không hề nói ra miệng một lần nào, dù công khai hay kín đáo, rằng hành động ở Mãn Châu của quân đội là sai trái. Thay vào đó, bằng sự độ lượng thái quá, ông đã chấp thuận từng bước việc mở rộng chiến sự trong khi lại nuông chiều và không chịu trừng phạt những sĩ quan cao cấp phạm tội bất tuân. Những sĩ quan trẻ trong toàn bộ Lục quân và Hải quân truyền tai nhau rằng Thiên Hoàng chỉ quan tâm đến việc thành bại còn tuân lệnh bộ chỉ huy trung ương ở Tokyo chỉ là thứ yếu. Với việc phát đi tín hiệu tới những kẻ chủ mưu và đồng loã của trào lưu "khôi phục thời đại Chiêu Hoà" rằng chủ ý của ông không phải lúc nào cũng là chủ ý của các cố vấn, Hirohito chỉ càng khuyến khích những hành vi bất tuân mệnh lệnh trong quân đội - một hệ quả chắc chắn nằm ngoài ý muốn của ông.

Thủ tướng Wakatsuki từ chức ngày 11 tháng 12 năm 1931. Ông đã thất bại trong việc kiểm soát quân đội, kiềm chế cơn Đại suy thoái và quan trọng nhất là duy trì sự hậu thuẫn của

tảisáchhay

phe triều đình. Biến cố Mãn Châu giờ đây đã bước vào giai đoạn hai. Các quan chức triều đình họp bàn và quyết định chỉ định Đảng mang hơi hướng sô-vanh Seiyukai, khi đó còn là một đảng thiểu số trong cả Nghị viện và các hội đồng tỉnh, đứng ra thành lập chính phủ mới. Inukai Tsuyoshi, chủ tịch đảng Seiyukai, đã sát cánh với những người phản đối Hiệp ước Hải quân London 1930 và sau đó đã khẳng định tính hợp pháp của sự kiện Mãn Châu. Ông này cũng công khai phản bác kiến nghị của Hội Quốc Liên về Mãn Châu và tuyên bố (bằng một câu nói được lặp đi lặp lại trong suốt lịch sử ngoại giao Nhật Bản thế kỷ XX) rằng Nhật Bản phải "tự giải thoát khỏi nền ngoại giao xin lỗi" và xây dựng một "hướng đi mới, tự quyết hơn."

Nhận thấy Inukai có ý dung túng Lục quân trong vấn đề Mãn Châu, phe triều đình chỉ thị cho Saionji đến bàn với ông này về điều khoản bổ nhiệm ông, trong đó có việc tránh những thay đổi cấp tiến trong chính sách đối ngoại và kinh tế đối nội. Cuối giờ chiều ngày 12 tháng12, Saionji làm đúng như vậy sau buổi nghị sự với Makino, Suzuki, Ichiki và Nhật Hoàng. Bốn ngày sau, Inukai lĩnh chiếu của Hirohito thành lập một chính phủ với sự tham gia của các đảng phái đối lập, trong đó Mori Tsutomu làm chánh thư ký, Trung tướng Araki làm Bộ trưởng Lục quân và Takahashi, một người thiên về chủ nghĩa tự do, làm bộ trưởng tài chính.

Sau khi trở thành Thủ tướng, Inukai lập tức chấm dứt cam kết của Nhật đối với chế độ hối đoái đảm bảo bằng vàng vốn là cơ sở để hàng hóa và vốn tín dụng được luân chuyển tự do trong phần lớn thập kỷ 1920, sau hai năm tham gia. Bằng hành động này, Nhật Bản cùng với Anh và các cường quốc khác bắt đầu theo đuổi những chính sách phục hồi kinh tế riêng rẽ và phòng bị, những chính sách làm mất đi sự tín nhiệm của quốc tế. Sau đó, Inukai tấu trình Nhật Hoàng xin điều động hai tiểu đoàn tới Thiên Tân và một sư đoàn tới Mãn Châu, địa điểm mà kể từ đầu tháng 12, quân Quan Đông đã tổ chức những đợt tấn công trên bộ ồ ạt vào Cẩm Châu. Ngày 23 tháng 12, khi Hirohito chỉ thị cho Inukai, khi này còn là bộ trưởng ngoại giao, "áp dụng chính sách không tấn công Cẩm Châu" và "duy trì sự tín nhiệm của quốc tế" thì Quân đoàn Quan Đông đã tiến vào thành phố. Mỹ, Anh và Pháp đã cảnh báo Nhật Bản rằng hành động của nước này đã vi phạm Hiệp ước Chín nước. Ngày 27 tháng 12, theo ghi chép của Nara, Nhật Hoàng một lần nữa nhắc Inukai về "ảnh hưởng của sự kiện Cẩm Châu đối với diễn biến quốc tế." Dù vậy, quân Quan Đông vẫn tiến chiếm Cẩm Châu, làm căng thẳng thêm mối quan hệ Nhật – Mỹ.

Tuy vậy, sau khi lá cờ Mặt trời mọc đã phấp phới bay trên cổng thành Cẩm Châu bị chiếm đóng thì Hirohito lại gác sang một bên sự nghi ngại của mình. Ngày 4 tháng 1 năm 1932, nhân kỷ niệm lần thứ năm lễ ban Thánh chỉ Minh Trị tới Lục quân và Hải quân, ông hạ một đạo chỉ dụ của riêng mình kêu gọi toàn thể quân nhân thấm nhuần ý nghĩa của thánh chỉ, thực chất là một cách khiển trách nhẹ nhàng. Bốn ngày sau, có lẽ theo khuyến nghị của Hoàng thân Kan'in, ông hạ chiếu khen ngợi Quân đoàn Quan Đông bất trị vì đã chiến đấu dũng cảm để "tự vệ" chống lại "thảo khấu" Trung Quốc và vì đã "củng cố chủ quyền của quân đội Thiên Hoàng *(kogun)*". Chiếu chỉ này được phổ biến rộng rãi toàn quốc qua báo, đài, qua đó dẹp yên những bất đồng và thúc dục người dân ủng hộ cuộc chiến. Khỏi cần nói cũng biết chiếu chỉ này chẳng giúp ích gì cho Inukai trong việc khôi phục kỷ cương trong quân đội.

tảisáchhay

Hơn thế nữa, trong mấy năm tiếp theo, Hirohito còn ban thưởng và thăng cấp cho gần 3.000 sĩ quan và quan chức dân sự vì đã có công lao trong cuộc chiến tranh Mãn Châu và sự kiện Thượng Hải, hai sự kiện nổi như cồn trong nước nhưng ngoài nước thì ngược lại. Chỉ huy Quân đoàn Quan Đông Honjo, Bộ trưởng Lục quân Araki và Bộ trưởng Hải quân Osumi Mineo được phong nam tước. Sự ủng hộ công khai của Hirohito đối với chiến dịch của Lục quân ở Mãn Châu là sự bổ sung cho việc ông không có biện pháp trừng phạt nào khi quân đội bất tuân.

Từ cuối tháng Giêng đến tháng Ba năm 1932, xung đột Nhật – Trung lan rộng đến Thượng Hải, trong khi làn sóng phản đối Nhật tiếp tục dân cao ở phương Tây. Khi chính phủ bù nhìn Mãn Châu dưới thời Phổ Nghi, Hoàng đế nhà Thanh cuối cùng (1908 – 1912), được thành lập, Inukai đã tự ý không công nhận nhà nước mới này. Là người đứng đầu một nội các có đảng phái chia rẽ, ông này chấp chính với sự trợ giúp của hội đồng quân cơ và dựa vào những chỉ dụ khẩn cấp của triều đình và những biện pháp tài chính khẩn cấp mà hành sự bất chấp thẩm quyền về ngân sách của Nghị viện. Thậm chí sau khi Đảng Seiyukai của ông đã thắng cử áp đảo trong cuộc tổng tuyển cử tháng hai, Inukai vẫn phải đối mặt với sự đối đầu lớn trong việc duy trì nguyên trạng tình hình trong nước như triều đình chỉ thị. Các phần tử cực hữu và khủng bố liên tiếp có những lời lẽ công kích ông này trong khi Mori, người đi đầu về cải cách ngay trong Đảng của ông lại tìm cách phá vỡ cơ cấu hiện tại trong đảng mình và Hội Quốc Liên với Lục quân hòng xây dựng một trật tự chính trị mới độc đoán hơn.

Trong thời gian đầu nhiệm kỳ của Inukai, Lục quân đã củng cố liên kết với dòng dõi Hoàng tộc bằng cách tiến cử Hoàng thân Kan'in, một thành phần cao niên của (đại gia đình) Hoàng tộc, lên chức vụ Tổng tham mưu trưởng Lục quân, qua đó loại bỏ vai trò của Tướng Kanaya, thành viên chính trong phái Ugaki, khỏi ban chỉ huy tối cao. Hải quân phản ứng bằng cách đưa Hoàng thân Fushimi, người vừa chỉ đạo cuộc thanh trừng những kẻ ủng hộ Hiệp ước Hải quân Luân-đôn, lên làm Tổng tham mưu trưởng Hải quân. Động thái của hai phe nhóm cứng rắn này thể hiện rõ sự suy yếu về quyền lực của các bộ trưởng hai bộ. Hai phe cánh đối lập này giờ đây có thể sử dụng "biểu tượng quyền lực" có xuất thân Hoàng tộc của mình để gây thanh thế với Nhật Hoàng và kiểm soát các lực lượng trên lục địa châu Á .

Trong vòng đời vỏn vẹn năm tháng của nội các Inukai, Hirohito bỗng trở thành người tham gia công khai một cách tích cực và tự nguyện vào biến cố dù ông chắc chắn không phải là con người này khi biến cố mới bắt đầu. Ưu tiên chính của ông hồi đầu năm 1932 là duy trì sự độc lập của vương triều đối với các đảng phái chính trị nhưng không phải với phe Lục quân bỗng chốc nổi đình đám, trong khi vẫn động viên sự ủng hộ của công chúng đối với những hành động ở Mãn Châu. Ông còn muốn bảo đảm duy trì cả chính sách và nhân sự tối cao của chính phủ. Chính vì thế mà khi có lần một người yêu nước Triều Tiên định ám sát ông khi đang trên xe ngựa trở về từ một cuộc duyệt binh (sự kiện Sakuradamon, ngày 8 tháng Giêng), Nhật Hoàng đã khẩn thiết yêu cầu nội các tiếp tục tại vị thay vì từ chức hàng loạt như lệ thường. Vào thời điểm đó, Inukai mới nắm quyền được chưa đầy một tháng. Vậy là Hirohito đã xem nhẹ mức độ nghiêm trọng của biến cố này và tránh mọi sự biểu lộ cảm xúc cá nhân trực tiếp và công khai về chủ nghĩa khủng bố theo lời khuyên của Kido. Sự xem

tảisáchhay

nhẹ này còn tiếp tục được gián tiếp thể hiện qua lời tường thuật của báo chí rằng ông đã "ngự ban 3 cân rưỡi cà rốt" cho hai chú ngựa bị thương trong vụ ném mìn.

Trong lúc này, quân Nhật vẫn tiếp tục xâm chiếm Mãn Châu và Nội Mông mà không hề gặp phải sự đối đầu của quân đội Trung Quốc hay Liên Xô. Ngày 31 tháng 12 năm 1931, hết sức bất bình với hành động xâm lược của Nhật tại lãnh thổ gần vùng Viễn Đông Liên Xô, nơi biên giới với miền bắc Mãn Châu còn chưa phân định rõ, chính phủ Liên Xô yêu cầu Nhật ký một hiệp ước không xâm phạm. Không rõ Hirohito phản ứng ra sao với đề nghị này của Liên Xô (hay thậm chí ông có biết gì về đề xuất đó hay không) nhưng nội các Inukai thì tảng lờ như không biết. Liên Xô chính thức phản đối Nhật Bản một năm sau vào tháng 12 năm 1932. Tuy vậy, Xtalin vẫn để ngỏ đề nghị hiệp ước tới tận cuối năm 1933 vì khi đó ông này nhận định rằng mối đe doạ từ Nhật tạm thời đã giảm xuống.

Ngày 16 tháng 2 năm 1932, chỉ huy Quân đoàn Quan Đông tổ chức một cuộc họp các lãnh đạo Trung Quốc hợp tác với Nhật ở Phụng Thiên để lập ra ủy ban Hành chính Đông bắc. Ngay hôm sau, ủy ban này tuyên bố sự độc lập của quốc gia Mãn Châu mới. Ngày 1 tháng 3, Mãn Châu quốc chính thức được tuyên bố thành lập. Tự tin rằng nội các Inukai sẽ triển khai các chính sách của Lục quân, ban chỉ huy quân Quan Đông thúc ép Tokyo công nhận ngay nhà nước mới. Mười một ngày sau, chính phủ Inukai phê chuẩn việc Mãn Châu và Nội Mông tách khỏi Trung Quốc lập nên một quốc gia "độc lập"; tuy nhiên, riêng vấn đề mấu chốt là công nhận sự hợp pháp của chính thể mới thì Inukai lại trì hoãn.

Về vấn đề này, Inukai tỏ ra bất đồng với cả Lục quân, chánh thư ký của mình Mori và những người bên Bộ ngoại giao đang sẵn sàng đề cao trách nhiệm đối với Mãn Châu quốc hơn mọi nghĩa vụ và điều ước quốc tế. Đồng thời, trong khi Inukai đang cố gắng kiềm chế phe cấp tiến trong Lục quân, ông cũng tỏ ra không hài lòng với tình hình quan hệ của Nhật với Mỹ xấu đi, nhất là khi Nhật còn phụ thuộc vào Mỹ về thị trường, công nghệ, vốn và nguyên liệu thô.

Chính quyền của Tổng thống Mỹ Herbert Hoover tỏ thái độ cứng rắn với Nhật ngay sau khi Inukai phê chuẩn sự chiếm đóng của quân đội tại Cẩm Châu. Bộ trưởng ngoại giao Stimson khi đó đã có một bước đi quyết định đến chính sách của Mỹ đối với Nhật Bản trong những năm cuối của thập kỷ 1930. Ngày 7 tháng 1 năm 1932, ông gây thêm áp lực bằng việc gửi công hàm cho Nhật và Trung Quốc tuyên bố chính phủ Mỹ không công nhận tính hợp hiến của bất kỳ thay đổi chính trị nào ở Mãn Châu nếu thay đổi đó được thực hiện bằng vũ lực từ phía Nhật Bản.

II

Nhưng hiệu quả của nguyên tắc không công nhận của Stimson lệ thuộc hoàn toàn vào việc chính quyền Hoover có quyết tâm và có khả năng buộc Nhật Bản từ bỏ Mãn Châu hay không. Ba tuần sau, khi xung đột Trung – Nhật đã lan tới Thượng Hải, nơi mà người Trung Quốc đang tổ chức một đợt tẩy chay rất hiệu quả hàng hóa Nhật Bản, cũng là nơi mà Anh và Mỹ có những lợi ích thương mại lớn thì Oa-sinh-tơn cũng không làm được gì nhiều hơn việc đưa ra những phản đối yếu ớt. Ngay cả khi Stimson, trong một bức thư công khai gửi chủ tịch ủy ban Đối ngoại Thượng viện ngày 23 tháng 2 năm 1932, ám chỉ rằng Mỹ có thể nên

tảisáchhay

bắt đầu củng cố hạm đội của mình nếu Nhật tiếp tục vi phạm nguyên tắc mở cửa ở Trung Quốc thì Tokyo vẫn làm ngơ trước sự đe doạ này. Nhật Hoàng và nội các Inukai biết rõ rằng trước tình hình Đại suy thoái ngày càng diễn biến xấu đi thì cả Oa-sinh-tơn lẫn London sẽ chẳng thể có động thái thật sự nào về Mãn Châu.

Căng thẳng ở Thượng Hải bắt đầu sau khi kiều dân Nhật tỏ ra bất bình vì một bài báo của Trung Quốc đăng ngày 9 tháng 1 dèm pha vụ ám sát bất thành Chiêu Hòa Thiên Hoàng. Chín ngày sau, với hy vọng đánh lạc hướng sự chú ý của nước ngoài đối với hành động của quân đội ở miền bắc Mãn Châu, thiếu tá Lục quân Tanaka Ryukichi đã xúi giục một nhóm xã hội đen Trung Quốc tấn công một đoàn tu sĩ dòng Nichiren Nhật Bản. Hải quân Thiên Hoàng nhận thấy đây là một cơ hội tốt để phô diễn sự thiện chiến của mình đối với phía Lục quân và thế là Hạm đội Thượng Hải nhanh chóng được củng cố và vào 28 tháng 1 năm 1932, thuỷ quân lục chiến dưới quyền Thiếu tướng Hải quân Shiozawa Koichi đã đổ bộ lên đất liền và ngay đêm đó tấn công Binh đoàn Đường 19 của Trung Quốc gồm 33.500 quân đóng gần Khu tô giới Quốc tế nằm dọc mé biển. Trong trận chiến này quân Trung Quốc đã đánh cho thuỷ quân Nhật một trận tơi tả. Do không thể vãn hồi tình thế dù đã tăng viện quân từ hạm đội, Hải quân đành phải cầu viện Lục quân. Inukai thỉnh cầu Nhật Hoàng ban chiếu để điều động thêm quân tới Thượng Hải nhưng quân Trung Quốc vẫn đứng vững và tiếp tục gây nhiều tổn thất cho quân Nhật. Sau đó, ban chỉ huy tối cao ở Tokyo quyết định thành lập hẳn một Lực lượng Viễn chinh Thượng Hải dưới quyền tướng Shirakawa, với hai sư đoàn biên chế đầy đủ được tăng cường thêm. Giao tranh quyết liệt kéo dài, cuối cùng quân Trung Quốc cũng phải rút lui và Nhật tuyên bố ngừng bắn nhằm giữ thể diện, tiếp theo là một thỏa thuận đình chiến với sự tham gia của Anh vào ngày 5 tháng 5 năm 1932, đồng thời đợt tẩy chay của Trung Quốc cũng kết thúc.

Biến cố Thượng Hải hẳn phải cảnh tỉnh Hirohito về sự khinh suất và hiếu chiến của các đô đốc cấp cao của mình, những người mà ông và phe triều đình luôn coi như những sĩ quan hiểu biết, từng trải nhất thế giới. Chỉ vì sự đố kỵ lẫn nhau mà họ đã tự ý quyết định đối đầu với quân Trung Quốc ngay trên đất Trung Quốc, trong khi biết rõ việc này sẽ dẫn đến xích mích với Mỹ và Anh. Biến cố này cũng là một bài học cho cả hai phe quân sự. Cả phía Lục quân lẫn Hải quân đều chưa rút ra kinh nghiệm mới nào từ những tổn thất nặng nề mà họ phải gánh chịu trong trận đánh lớn đầu tiên này với quân đội Trung Quốc hiện đại. Vẫn với nếp cũ, họ khinh thường cả quân đội lẫn người Trung Quốc nói chung, những kẻ mà họ coi là đám tiện dân ngu si, đói khát, không có chút nhận thức giống nòi hay dân tộc gì và có thể dễ dàng đánh bại bằng một đòn chí mạng. Ngay cả Hirohito cũng có suy nghĩ đó nhưng Nhật Hoàng hiểu rõ hơn các tướng lĩnh của mình về nguy cơ của Nhật trước sự bao vây kinh tế. Khác với phương châm thường thấy, ông ra lệnh cho Shirakawa nhanh chóng giải quyết cuộc chiến ở Thượng Hải và trở về Nhật. Với Thượng Hải, Hirohito hành động quyết đoán để kiểm soát tình hình trong khi ở vùng nông thôn Mãn Châu, ông lại bằng lòng ngồi nhìn một cách thụ động sự bành trướng của Đế chế mình.

Cả trong và sau cuộc chiến ở Thượng Hải, các sĩ quan và binh lính Nhật đều đề cao triết lý bệnh hoạn của học thuyết chiến trường sau năm 1905 là không bao giờ đầu hàng. Bị quân Trung Quốc bắt sống vào tháng Hai 1932, Đại uý Kuga Noboru được trao trả về Nhật trong một đợt trao đổi tù binh và người này đã tự sát để chuộc lỗi vì đã để bị bắt sống. Kuga được

tảisáchhay

Bộ trưởng Lục quân Araki ca ngợi vì tinh thần quả cảm và sau đó được tưởng niệm tại Yasukuni. Kể từ đó, những sĩ quan còn sống sau khi bị địch bắt thường phải công khai đối mặt với áp lực tự tử. Hàng loạt sách, phim, kịch được sáng tác ca ngợi những "quả bom người", "đạn người" đã hy sinh trên mặt trận Thượng Hải. Những câu chuyện này nâng cao thanh thế của quân đội Nhật tại quê nhà đồng thời cũng làm tăng sự thần bí đối với nước ngoài.

Mối bất hòa trong nội các của Inukai ngày càng tăng sau đợt giao chiến lần thứ nhất ở Thượng Hải. Nhằm hạn chế việc triển khai quân đội và các hành động quân sự tại Thượng Hải, Inukai chỉ có thể trông chờ sự hậu thuẫn của Nhật Hoàng, cho dù ngài không hề muốn kỷ luật các sĩ quan quân đội của mình bất chấp sự rối ren trong đời sống chính trị mà họ gây nên. Trong khi chiến sự diễn ra ác liệt ở Thượng Hải, cơn sốt chiến tranh ở Nhật cũng tăng cao cũng như dư luận ngày càng công kích chính sách của nội các Seiyukai. Không có gì lạ khi những "hành động trực tiếp" bất chợt đi quá xa và biến thành khủng bố. Hai lãnh đạo doanh nghiệp có thế lực là Inoue Junnosuke, nguyên bộ trưởng tài chính trong chính phủ của Wakatsuki và Nam tước Dan Takuma, chủ tịch tập đoàn Mitsui, bị ám sát vào các ngày 9 tháng 2 và 5 tháng 3. Những kẻ sát nhân đều là dân thường, thành viên của một băng nhóm bí mật mà báo chí gọi là "Đảng Huyết thệ". Trong khi những vụ sát hại này còn đang được điều tra thì Inukai lại thúc giục Lục quân và Hải quân không được mở rộng chiến sự ở khu vực Thượng Hải. Ông còn tranh thủ sụ ủng hộ của Hoàng thân Kan'in để cách chức khoảng 30 sĩ quan nhằm khôi phục kỷ cương. Đây là những diễn biến trước khi một vụ khủng bố kinh hoàng khác kết thúc cuộc đời của chính Inukai và sớm thúc đẩy sự bắt đầu của một cuộc chuyển biến căn bản trong nền chính trị Nhật Bản.

Ngày 15 tháng Ba năm 1932, các sĩ quan Hải quân trẻ sát hại Inukai ngay tại văn phòng của ông này trong khi hai nhóm ám sát khác (thuộc Lục quân, Hải quân và thường dân) ném bom vào trụ sở Đảng Seiyukai, Ngân hàng Nhật Bản, Sở Cảnh sát Đô thành và đáng kể nhất là tư dinh của Quan thủ ấn Makino. Với yêu cầu huỷ bỏ Hiệp ước Hải quân London, những người này "rải truyền đơn kêu gọi thanh lọc triều đình."

Trong diễn biến chính trị rối ren sau đó, Nhật Hoàng và các cận thần quyết định bãi bỏ việc thí điểm nội các đa đảng bắt đầu từ dưới thời Đại chính. Dưới sự hướng dẫn của Kido và Makino, Hirohito đặt sự bảo trợ của mình vào một cơ chế quyết sách mang tính quan liêu hoàn toàn cũng như chính sách chính trị nội các không lệ thuộc vào hai đảng bảo thủ chính trong Nghị viện. Các hoạt động đảng phái trong nghị viện vẫn tiếp diễn nhưng sự thử nghiệm của phe triều đình về chính phủ hợp hiến thông qua nội các một đảng song hành với các đại biểu đắc cử bị bãi bỏ. Hơn nữa, các lãnh đạo Hải quân và Lục quân giờ đây cũng đã tuyên thệ sẽ không tổ chức đảo chính để tranh giành quyền lực chính trị mà quay sang khôi phục kỷ cương trong hàng ngũ của mình. Chính việc giới chỉ huy cao cấp ngừng tham vọng bành trướng quyền lực chính trị này tạo cơ hội cho phe triều đình tự chỉnh đốn và ổn định với một lãnh đạo nội các chống đảo chính.

Một ngày sau khi Inukai bị ám sát, nội các của Inukai từ chức và phe triều đình bắt đầu cân nhắc việc chọn thủ tướng mới. Vẫn như trước đây, họ mời Saionji tới dự thính các sự kiện để ông có thể được coi là người được Nhật Hoàng ủy quyền truyền đạt các quyết định của

tảisáchhay

triều đình. Nếu như trước đây, chính vị *genro* (công thần) mới là người ra quyết định này nhưng giờ đây không còn như vậy nữa. Ngày 19 tháng 5, Quan Thượng thư Suzuki trao cho Saionji một bức thư (được Nhật Hoàng, Makino và Kido thảo ra) trong đó nêu "mong muốn" của Hirohito khi lựa chọn thủ tướng mới.

"Mong muốn" đầu tiên của Hirohito rằng "thủ tướng phải là một người có tính cách, tác phong mạnh mẽ" thể hiện ý tưởng của Makino và cố vấn tri thức của ông, nhà Khổng giáo học Yasuoka Masahiro (Masaatsu). Yasuoka khi đó mới thành lập Hội Tái thiết quốc gia (Kokuikai) nhằm xây dựng giáo lý để đưa những bậc "tân quân tử" vào các vị trí nắm giữ quyền lực chính trị. Theo ông, những quan chức trung thành tin tưởng vào giáo lý của Thiên Hoàng còn quan trọng hơn những thể chế lập nên để thực hiện chủ trương của triều đình. Chỉ có những người trung thành mới có thể ngăn không cho *quốc thể* bị lật đổ bởi những phong trào và phe cánh nội tại. Cách thức để bảo vệ ngai vàng là bồi dưỡng những cá nhân mạnh mẽ trung thành hoàn toàn với Nhật Hoàng. Về mặt này, Hirohito đồng quan điểm với những bậc "tân quân tử" của thập niên 1930.

Điểm thứ hai Hirohito nêu ra là "cải cách những mặt tiêu cực của nền chính trị hiện nay và khôi phục kỷ cương trong quân đội chủ yếu trông cậy vào phẩm chất của thủ tướng", thể hiện quan điểm của ông rằng trách nhiệm xã hội của cương vị tối quan trọng này được đặt trên vai thủ tướng được chọn. Những mong muốn khác của ông thể hiện sự không hài lòng với cung cách xoay vần giữa hai đảng bảo thủ chính cầm quyền mà kết quả luôn là sự biến động trong chính sách. Hirohito quy kết nguyên nhân dẫn đến sự xói mòn quyền lực tổng tư lệnh quân đội của mình cho cơ chế nội các đa đảng chứ không phải ;à các sĩ quan bất trị. Ngờ vực các đảng phái đại diện hơn chính những kẻ nối loạn trong quân đội, ông muốn củng cố quyền lực xung quanh ngai vàng bằng cách làm suy yếu quyền lực của chính phủ đa đảng, và quả thực đây chính là nguyên tắc bất di bất dịch.

Giả sử người đứng đầu nội các "đoàn kết dân tộc" là vị Đô đốc già Saito chứ không phải chủ tịch Đảng Seiyukai Suzuki Kisaburo thì sẽ tập hợp được những quan chức đáng tin cậy với tích cách cứng rắn. Đây sẽ là những "tân quân tử", những người không dính líu gì vào các nhóm chính trị đảng phái, có chung những nguyên tắc và mục tiêu với Nhật Hoàng. Họ sẽ phụng sự đất nước bằng cách phụng sự chính Hirohito, giống như việc Nhật Hoàng và cơ chế quan liêu đã hòa làm một dưới thời Minh Trị. Sự kết hợp này giờ đây phải được khôi phục cũng như những tân quan chức chuyên quyền phải được bổ nhiệm để giúp sức cho Hirohito kiềm chế những lực lượng đang kêu gọi cách tân.

Chính vì vậy mà Hirohito loại trừ "tất cả những người có tư tưởng phát-xít" trong một bức mật chỉ (theo ý kiến của Masuda Tomoko) tại dinh của phó chủ tịch hội đồng quân cơ mới được bổ nhiệm Hiranuma. Là người đứng đầu Kokuhonsha, một nhóm chính trị phản dân chủ cánh hữu nhưng lại nằm trong các nhóm chính trị chính thống, Hiranuma ủng hộ việc thay đổi hiến pháp. Ông này muốn thành lập nội các của riêng mình và được sự hậu thuẫn của Mori.Giới chính trị dân sự cánh hữu trước đây từng vận động để Hiranuma được bổ nhiệm làm quan trong triều đình, đồng thời ông này cũng có nhiều người ủng hộ trong hội đồng quân cơ, quân đội và các tổ chức dân sự cánh hữu. Nhưng Hirohito và các cận thần, chưa kể đến *nguyên lão* Saionji, có nhiều lý do để phản đối Hiranuma.

tảisáchhay

Thế nhưng đối với phần lớn người Nhật vào năm 1932, thuật ngữ "phát-xít" còn mơ hồ, huyền bí và chủ yếu dùng để chỉ nước Ý. Do đó, sự phản bác "chủ nghĩa phát-xít" của Hirohito có thể xuất phát từ niềm tin (giống như phỏng đoán của Masuda) rằng bất cứ ai chỉ trích đám cận thần của ông và muốn thay đổi hiến pháp Minh Trị đều không thích hợp về mặt chính trị. Hirohito cần phải cảm thấy an tâm với thủ tướng của mình. Nếu con người đó tuyệt đối trung thành và ngoan ngoãn thì cho dù ông ta có tư tưởng phát-xít đi nữa cũng chẳng quan trọng gì, vì miễn là còn một nhân vật tiêu biểu của chủ nghĩa phát-xít phản đối sự thay đổi bằng đảo chính lật đổ thì Nhật Hoàng vẫn hài lòng về người đó. Một ví dụ là hai năm sau, Hirohito đã không hề phản đối quan điểm chủ đạo của quân đội về một "quốc gia phòng vệ dân tộc" cho dù những từ ngữ này có nguồn gốc từ nước Đức Quốc xã và ám chỉ một quốc gia được tổ chức theo những đường hướng hoàn toàn khác so với chế độ Minh Trị.

"Bảo vệ hiến pháp Minh Trị", một mong muốn khác của Thiên Hoàng, cho thấy Hirohito hiểu rõ tác dụng phi thường của hiến pháp 1889, một văn bản không hướng dẫn việc thực thi quyền lực cũng không bảo vệ quyền tự do hạn chế của các thần dân Nhật Bản. Tại sao ông phải thay đổi hiến pháp trong khi nó có thể tạo ra một cách hợp pháp, "hợp hiến" hầu như bất kỳ hình thức cai trị nào mà ông và những kẻ cầm quyền muốn.

Mong muốn cuối cùng của Hirohito về một nền ngoại giao dựa trên "Hoà bình quốc tế" không phải là sự khẳng định hệ thống Hiệp ước Washington mà muốn nói đến thực trạng mới thời hậu Mãn Châu quốc, lãnh thổ thành lập bằng sự xâm lược. Mặc dù "Đế chế" vừa thôn tính được thêm lãnh địa mới nhưng về kinh tế nước Nhật vẫn phải phụ thuộc vào những kẻ luôn chỉ trích và đối nghịch với nó, các cường quốc Anh-Mỹ. Trong hoàn cảnh này, rõ ràng Hirohito không muốn gây xích mích với Anh và Mỹ. Vì vậy, sự hợp nhất Mãn Châu quốc phải được tiến hành một cách mạnh mẽ trong "hoà bình".

Mười ngày sau khi Inukai bị ám sát, Hirohito ban chức thủ tướng cho vị Đô đốc già Saito. Nội các "thống nhất dân tộc" do Saito thành lập giờ đây gồm Uchida làm bộ trưởng ngoại giao, Takahashi làm bộ trưởng tài chính, lãnh tụ của nhóm quan lại cách tân Goto Fumio, làm bộ trưởng nông nghiệp, Tướng Araki làm Bộ trưởng Lục quân và Đô đốc Okada Keisuke làm bộ trưởng Hải quân. Nội các này trải qua nhiều sóng gió qua bốn khóa Nghị viện với nhiều thay đổi trong các vị trí nội các trong khoảng thời gian hơn hai năm và cuối cùng tan rã vào năm 1934 trong một vụ bê bối tham nhũng liên quan đến Công ty Tơ nhân tạo Teijin. Trong thời gian này, Saito là người chỉ đạo công cuộc xây dựng Mãn Châu quốc, sự kiện Nhật rút lui khỏi Hội Quốc Liên và việc cơ cấu lại một phần bộ máy chính phủ.

Ngay lập tức, Saito bắt tay vào chuẩn bị công nhận Mãn Châu quốc. Việc này sẽ vi phạm các hiệp ước và đặt những mối quan hệ đã có với Mỹ trước nguy cơ. Cả Hội Quốc Liên, luật pháp quốc tế và phương Tây bắt đầu hứng chịu sự công kích ồ ạt từ các chính trị gia, báo giới, sĩ quan quân đội và giới trí thức Nhật. Các nghị quyết của Hội Quốc Liên về cuộc xung đột Trung – Nhật được so sánh với vụ Can thiệp tay ba 1895 buộc chính phủ Minh Trị phải từ bỏ bán đảo Liêu Đông. Bộ trưởng Lục quân Araki phản đối Hội Quốc Liên vì đã phê chuẩn học thuyết không công nhận của Stimson và vì đã coi những hành động của Nhật là đi

tảisáchhay

ngược với Hiệp ước Kellogg-Briand và Cam kết Hội Quốc Liên. Tướng Araki còn đi sâu vào chủ đề châu Á bị người da trắng phương Tây áp bức.

Bên ngoài, Nhật Bản tuyên bố sự tồn tại của một quốc gia độc lập nhưng thực chất là Nhật muốn thực thi quyền bá chủ đối với thuộc địa. Ngày 25 tháng 8, Bộ trưởng Ngoại giao Uchida thông báo với Nghị viện khóa 63 rằng:

"Các biện pháp chúng ta đã áp dụng đối với Trung Quốc, đặc biệt kể từ khi sự kiện ngày 18 tháng 9 (năm ngoái) nổ ra hầu hết đều đúng đắn và phù hợp. Tôi cho rằng sự thành lập Mãn Châu quốc xuất phát từ nguyện vọng mong muốn tự trị của người dân xứ này, và cũng là kết quả của phong trào ly khai ở Trung Quốc. Sự công nhận quốc gia mới này không có gì mâu thuẫn với Hiệp ước chín nước."

Về vấn đề Mãn Châu quốc: "chính phủ thống nhất hạ quyết tâm không nhượng bộ dẫu cho đất nước này có biến thành một biển lửa."

Khẳng định phát biểu của Uchida, Mori chủ trương rằng "nước Mãn Châu quốc mới là sự tuyên bố với thế giới rằng nền ngoại giao của chúng ta đã trở nên tự trị và độc lập … Hành động này cũng có thể coi là một lời tuyên chiến ngoại giao." Những lời lẽ khoa trương, ngạo mạn về lý tưởng trên rõ ràng thể hiện một quan niệm khác thường rằng chính sách của Nhật không quan tâm tới an ninh và kinh tế quốc gia, ít nhất là trong ngắn hạn.

Ngày 15 tháng 9 năm 1932, nội các của Saito chính thức công nhận Mãn Châu quốc và ký kết Nghị định thư Nhật – Mãn Châu quốc. Nhật Bản tự nhận trách nhiệm về quốc phòng của Mãn Châu quốc và theo điều khoản của một phụ lục bí mật, được quyền làm mọi việc mình muốn.

Được thành lập để điều tra vụ xung đột, ủy ban Lytton của Hội Quốc Liên gửi báo cáo về sự kiện Mãn Châu tới Hội đồng vào ngày 2 tháng 10 nhưng Hội đồng đã hoãn xem xét báo cáo này để chính phủ Nhật Bản có thêm thời gian ổn định các vấn đề quốc nội.

III

Không gì khiến Hirohito lo lắng hơn là khả năng quân Quan Đông mở chiến dịch quân sự ở khu vực Bắc Kinh – Thiên Tân sau cuộc tấn công vào tỉnh Nhiệt Hà. Trước cuộc tấn công này, ban chỉ huy tối cao Lục quân ở Tokyo đã tìm cách giành lại quyền kiểm soát bằng cách thay thế nhiều sĩ quan cao cấp của Quân đoàn Quan Đông và thống nhất các cơ cấu quan lại ở Mãn Châu. Tướng kỳ cựu Muto Nobuyoshi được đề bạt kiêm ba chức vụ là chỉ huy trưởng Quân đoàn Quan Đông, Trưởng đặc mệnh toàn quyền Mãn Châu quốc và thống đốc Quan Đông, những vị trí trước đây từng được chia sẻ cho ba bộ khác nhau. Đồng thời biên chế Quân đoàn Quan Đông cũng bị cắt giảm.

Tháng 11 năm 1932, Hirohito được tin quân Quan Đông đang coi tỉnh Nhiệt Hà (một nguồn thu nhập quan trọng nhờ á phiện) là một phần của Mãn Châu quốc và dự định đánh chiếm tỉnh này vào mùa xuân. Tuy nhiên, đến 23 tháng 12, các đơn vị tiên phong của quân Quan Đông đã tới Sơn hải quan, ga tận cùng phía đông của Vạn lý trường thành và cửa ngõ vào

tảisáchhay

tỉnh Nhiệt Hà. Ở đây, quân Quan Đông đã có những trận đánh nhỏ với quân của Trương Quốc Lâm. Một tuần sau đó, vào ngày 1 tháng 1 năm 1933 đã diễn ra một trận đánh lớn và quân Nhật chiếm được toàn bộ thị trấn. Hirohito nhận thấy những hành động mới nhất của quân đội sẽ làm phức tạp thêm quan hệ với Hội Quốc Liên và nhắc nhở Lục quân (thông qua Nara) rằng không được để chiến sự lan rộng; hai ngày sau, ông nói với Makino rằng nên giải quyết vấn đề bằng cách lâm triều nghị sự. Nhưng do nội bộ triều đình chia rẽ nên đã không có buổi thiết triều nào được triệu tập.

Ngày 14 tháng 1 năm 1933, khi Tổng tham mưu trưởng, Hoàng thân Kan'in tấu trình lên Nhật Hoàng xin điều thêm quân tới Mãn Châu, Hirohito đã nhắc nhở ông này về tình hình ở tỉnh Nhiệt Hà. Theo Makino (với xác nhận của Kido), Hirohito đã nói với Kan'in rằng: "Cho đến giờ, chúng ta đã rất may mắn ở Mãn Châu. Nếu bây giờ mà phạm sai lầm thì thật đáng tiếc. Vậy nên khanh phải cẩn thận ở Nhiệt Hà." Nói cách khác, Nhật Hoàng đã chỉ thị cho Kan'in không được để tình hình vượt quá khả năng kiểm soát. Điều ông lo lắng không phải là bản thân hành động bành trướng lãnh thổ mà là thất bại và nỗi lo về trách nhiệm phải gánh chịu nếu thất bại.

Một vài tuần sau, Hirohito dấn thêm bước nữa khi phong thưởng Trung tướng Tamon Jiro và tướng Yoda Shiro, cựu chỉ huy của Sư đoàn 2 và Tiểu đoàn hỗn hợp 38, Quân đoàn Triều Tiên, những đơn vị tham gia sự kiện ngay từ đầu. Các tướng lĩnh này vừa tới cảng Ushina, tỉnh Hiroshima. Hirohito cử một tuỳ viên mang thư tay đến cho họ. Sau đó ông mời Tamon và Yoda tới dự tiệc trong cung, tại đây họ và các sĩ quan cao cấp khác được tặng những món quà có biểu tượng của triều đình. Những món quà này tuy chỉ là một thủ tục thông thường tại những buổi tiệc của triều đình nhưng trong trường hợp này, chúng cho thấy vị tổng tư lệnh đã tán thành và hài lòng về những sĩ quan cao cấp của mình. Với lối đánh chớp nhoáng và rất ít thương vong cho quân Nhật, họ đã mở rộng được lãnh thổ đô hộ của triều đình Minh Trị.

Mặt khác dù rất hài lòng nhưng Hirohito vẫn có lý do để lo ngại. Sự bành trướng quân sự ra ngoài ranh giới ba tỉnh viễn đông của Trung Quốc tiềm ẩn hai mối nguy, đó là chiến tranh quy mô lớn với Trung Quốc và sự đối đầu với các Đại cường quốc, nhất là Liên Xô. Maxtcơva cho tới lúc này đang tăng cường binh lực cho Quân đoàn Viễn đông, điều động các đơn vị không quân từ vùng lãnh thổ Nga tại châu Âu và bắt đầu tập hợp Hạm đội Thái Bình Dương. Khi thời điểm Hirohito phải phê chuẩn chiến dịch Nhiệt Hà vào ngày 4 tháng 2 năm 1933 đã đến, Hoàng thân Kan'in xin phép Nhật Hoàng cho tái triển khai các đơn vị quân Quan Đông tại Nhiệt Hà. Hirohito không hỏi ý kiến nội các của Saito về cuộc xâm lược này mà chấp thuận ngay với một điều kiện. Đó là việc mở rộng lãnh thổ nhằm củng cố chủ quyền của Nhật ở Mãn Châu quốc được chấp nhận nhưng không được tấn công thẳng vào miền Bắc Trung Quốc. Vậy là ông đã chấp thuận cho quân Quan Đông tiến hành chiến dịch Nhiệt Hà và phán bảo Kan'in: "miễn là quân ta không được vượt qua Vạn lý trường thành."

Bốn ngày sau, vào ngày mùng 8, Thủ tướng Saito bẩm báo với Nhật Hoàng rằng nội các của ông phản đối việc "xâm chiếm Nhiệt Hà vì lo ngại về mối quan hệ với Hội Quốc Liên." Tuy không chịu công khai thừa nhận, nhưng Hirohito nhận ra rằng mình đã hành động quá vội vã nên cố tìm cách ngăn cản cuộc xâm lược. Nara được lệnh nói với Hoàng thân Kan'in rằng

tảisáchhay

ông (Nhật Hoàng) đã quyết định rút lại thánh chỉ ban ra trước đó; Nara chần chừ, lấy cớ rằng Tổng tham mưu trưởng Lục quân theo lịch sẽ được triệu kiến hai ngày sau đó và khi đó Hoàng thượng nên trực tiếp truyền chỉ cho ông này. Hirohito đồng ý. Ngày 10 tháng 2, Hoàng thân Kan'in vào cung, Hirohito truyền đạt lại ý kiến phản đối của nội các Saito và yêu cầu huỷ bỏ chiến dịch Nhiệt Hà.

Các tài liệu cận đại cho thấy Hirohito đã tỏ ra rất bất an trong mấy ngày sau đó. Ngày 11 tháng 2 Joseph C. Grew, Đại sứ Mỹ mới được bổ nhiệm gặp ông trong bữa trưa cùng ngày tại Hoàng cung và ghi chép lại rằng: "Nhật Hoàng có vẻ rất lo lắng và bồn chồn hơn thường ngày." Buổi chiều hôm đó, Saito đến diện kiến Hirohito và tâu rằng Nhật Bản có thể bị trục xuất khỏi Hội Quốc Liên nếu tiến hành xâm chiếm Nhiệt Hà. Ông (Saito) đã cố gắng ngăn chặn "nhưng quân đội một mực cho rằng họ đã nhận được thánh chỉ." Sau đó Saito lui ra; Hirohito triệu vời Nara và bảo ông dự tính ngăn chặn cuộc hành quân bằng cách sử dụng mệnh lệnh trực tiếp của chỉ huy tối cao "trong trạng thái hơi kích động". Nara cho biết trong hồi ký không công bố của mình rằng ông đã đề xuất các phương án khác: "Nếu Nhiệt Hà thật sự nguy hiểm cho chính sách quốc gia thì không có lý gì mà nội các lại không ngăn chặn việc này … Việc ra lệnh huỷ chiến dịch phải do chính nội các thực hiện. Mọi phương án sử dụng mệnh lệnh trực tiếp của Thiên Hoàng sẽ có nguy cơ kích động gây xáo trộn lớn và chính biến nghiêm trọng."

Ngay đêm đó, Hirohito cử một thị thần tới hỏi ý kiến Nara một lần nữa. Nara biết rõ rằng nội các chỉ có thể kiểm soát quân đội thông qua Nhật Hoàng. Thế nhưng ông lại viết thư tấu lại rằng: "bất cứ ai ngoài nội các ra lệnh ngăn chặn chiến dịch đều không phù hợp" và Hirohito ưng thuận. Nội các Saito sau đó phê chuẩn chiến dịch Nhiệt Hà ngày 12 tháng 2 và Hirohito chấp thuận chiến dịch này lần thứ hai với điều kiện rằng họ "không được vượt qua Vạn lý trường thành trong khi triển khai chiến dịch, còn nếu không chịu tuân mệnh thì trẫm sẽ ra lệnh huỷ bỏ. Đây là những lời lẽ của một vị tổng tư lệnh đang rất nóng giận chứ không phải của một người bằng lòng vô điều kiện với những hành động của ban chỉ huy tối cao của mình.

Cuộc xâm lược của Nhật vào Nhiệt Hà, một vùng đất "rộng gần bằng bang Virginia, Maryland và Tây Virginia gộp lại", bắt đầu ngày 23 tháng 2 năm 1933, một ngày trước khi hội đồng Hội Quốc Liên thông qua Báo cáo Lytton phản đối bất kỳ thay đổi chính thể nào ở Mãn Châu. Do không gặp phải sức kháng cự đáng kể nào từ phía quân Trung Quốc, chỉ trong vòng một tuần, lực lượng Nhật gồm hai vạn quân đã hoàn tất chiến dịch.

Nhật Hoàng thật sự đã làm mọi cách để trì hoãn, huỷ bỏ, chỉ thị và hạn chế cuộc xâm chiếm dựa trên phán đoán của mình về tình hình quốc tế. Chánh trợ lý của ông, Tướng Nara cũng đã làm mọi cách để can ngăn ông. Thế nhưng việc can ngăn Nhật Hoàng sử dụng quyền lực tối cao của Hoàng đế cũng là thành công đáng kể cuối cùng của Nara. Không lâu sau đó, Hoàng thân Kan'in bổ nhiệm Honjo, nguyên chỉ huy trưởng Quân đoàn Quan Đông thay thế chức vụ của Nara. Tuy ban đầu tỏ thái độ hơi không bằng lòng với quyết định này nhưng sau đó Hirohito cũng phê chuẩn khi Quan Thượng thư, Đô đốc Suzuki và Hoàng thân Kan'in hối thúc. Sau này, Nhật Hoàng mới có dịp đánh giá con người Honjo và nhận ra ông này thật sự là kẻ hoàn toàn không đáng tin cậy. Nhưng tại thời điểm đó, Hirohito vẫn không hề quyết

tảisáchhay

liệt phản đối vị tướng mà mới vài tháng trước đó ông còn khoản đãi như một vị anh hùng dân tộc.

IV

Đầu năm 1933, phái đoàn Nhật tại Geneva bị cô lập hoàn toàn. Tranh luận diễn ra sục sôi ở Tokyo khi Hội Quốc Liên không chịu tin lời giải thích chính thức của Nhật về các sự kiện. Khi Thủ tướng Uchida báo trước với Nhật Hoàng về khả năng Nhật sẽ rút lui khỏi Hội Quốc Liên , Hirohito chỉ hỏi ông này rằng việc đó sẽ có ảnh hưởng gì tới quyền giám hộ của Nhật đối với những vùng đất từng thuộc sở hữu của Đức ở Liên bang Micronesia. Một tháng sau, ngày 20 tháng 2, nội các của Saito bí mật quyết định chính thức rời bỏ tổ chức Hội Quốc Liên thế giới. Ngày 24, Hội Quốc Liên với 42 phiếu thuận 1 phiếu chống (của Nhật) thông qua báo cáo từ chối công nhận Mãn Châu quốc và gượng nhẹ chỉ trích hành động xâm lược của Nhật. Đây là điều không làm ai ngạc nhiên. Matsuoka Yosuke, Trưởng phái đoàn Nhật và là người thông thạo tiếng Anh đã triệt để tuân thủ kế hoạch rút lui của nội các và bỏ ra ngoài ngay. Ngày 27 tháng 3, chính phủ Nhật chính thức thông báo với Hội Quốc Liên về việc rút lui của mình.

Hirohito đánh dấu sự kiện này bằng một chiếu thư gửi quốc dân. Chiếu thư được Trưởng ban châu Á Bộ Ngoại giao Tani Masayuki soạn thảo, sau khi thỉnh ý Nhật Hoàng và Makino, trong đó có những lời khuyên răn vô cùng yếu ớt rằng "các cơ quan chỉ huy quân đội và các cơ quan chính trị không được can thiệp vào công việc của nhau." Tuy nhiên, gánh nặng thật sự chính là sự khẳng định rằng sự bất đồng chính kiến về vấn đề Mãn Châu đã buộc chính phủ phải rút khỏi tổ chức Hội Quốc Liên. Dù vậy, sự rút lui này không đi ngược lại "tinh thần cơ bản của Hội Quốc Liên" và Nhật Bản sẽ tiếp tục nỗ lực "vì lợi ích của nhân loại." Với sự mô tả một hành động tiêu cực hiển hiện như một việc làm tích cực và nhân đạo, nội dung của bức chiếu thư này là một mớ hỗn tạp những lời lẽ hoa mỹ cốt làm mọi chuyện trở nên rối ren hơn. Đây là một trong những ví dụ sơ khai về một thủ pháp mà chẳng bao lâu sau đã được coi là chuẩn mực, đó là giải thích các tranh chấp nội bộ chưa ngã ngũ bằng cách kết hợp những hành động và lời khẳng định trái ngược nhau trong một màn kịch đồng thuận nhạt nhẽo và mù mịt trong khi chẳng người nào thật sự nhất trí về điều gì cả.

Đáng nói là, cùng ngày, nội các đã tiến hành biểu quyết về Hội Quốc Liên, Makino đã viết trong nhật ký như sau:

"Tôi không tán thành việc từ bỏ Hội Quốc Liên . Bọn họ hành động cứ như là sau khi rút lui, chúng ta đã đạt được điều gì đó lớn lao hoặc giả họ tin rằng bản thân sự rút lui đã là một thành công không bằng. Báo chí thì hối hả … (cố thực hiện) mục tiêu đó. Những điều này cho thấy sự nông cạn của công chúng Nhật. Sau này rồi có lúc họ sẽ nhận ra mình đã nông nổi tới mức nào."

Có lẽ Makino đã hơi cường điệu vai trò của các phương tiện truyền thông trong việc ủng hộ cuộc chiến ở Mãn Châu nhưng ông không sai khi nói về phản ứng thiếu óc phê phán của công chúng trước sự tuyên truyền chống Hội Quốc Liên . Nhiều người dễ dàng bị thuyết phục ngả theo cánh tả, cánh hữu hay quay ngoắt 180 độ. Nhưng còn ông và Nhật Hoàng thì sao? Tin tưởng vào chính sách bành trướng, bất đồng về việc nên sử dụng quyền hạn của

tảisáchhay

triều đình ra sao để kiềm chế quân đội và lo sợ về sự bất ổn trong nước là tất cả những gì đằng sau sự nhân nhượng của triều đình đối với hoạt động lấn chiếm của quân đội. Là người đặc biệt nhạy cảm với nỗi lo sợ này, Makino đã đột ngột ngừng ủng hộ sự hợp tác Nhật – Anh – Mỹ khi phải đối mặt với những tín đồ của học thuyết Monroe ở châu Á . Thay vì đối đầu với phe Lục quân, ông lại từ bỏ sự tin tưởng từ lâu vào hệ thống Hiệp ước Versailles - Washington. Ông ủng hộ quyết định của Hirohito từ bỏ Hội Quốc Liên mà chính ông là người góp phần xây dựng. Hirohito và Makino, những người đứng đầu chính thể, xét về mặt nào đó đã trở thành những kẻ bội giáo đầu tiên trong một thập kỷ bội giáo.

Không có tài liệu nào chứng tỏ Hirohito hay các quân sư trong triều của ông đã cố gắng tìm giải pháp tránh sự đổ vỡ với Hội Quốc Liên bằng cách đề xuất các phương án về chính sách của quân đội đối với lục địa. Có lẽ do bị ảnh hưởng bởi phản ứng phấn khích của công chúng trước những hành động quả cảm của quân đội, Hirohito đã quyết định đánh cược. Hầu như không hỏi han gì về hậu quả từ sự cô lập về ngoại giao, ông chấp thuận quyết định của nội các. Duy trì vị thế trước phe Lục quân cứng đầu lúc này đối với ông còn quan trọng hơn so với thiện chí quốc tế. Hirohito đã không nhìn thấy rằng sự cô lập của quốc tế sẽ không thể hàn gắn sự rạn nứt cơ cấu nội tại giữa nội các và quân đội, và mối bất hòa này chỉ càng hằn sâu nếu ông cứ cố tình dùng quyền lực trực tiếp của người chỉ huy tối cao.

Thủ tướng Saito cũng thiển cận không kém. Báo cáo về Hội Quốc Liên trong một phiên họp kín của Thượng viện (ngày 21 tháng 2), cũng như Nhật Hoàng, Saito bày tỏ sự lo ngại về những hậu quả nhỏ nhặt, trước mắt có thể có từ việc rút lui chẳng hạn như liệu Hội Quốc Liên và Mỹ có cho phép Nhật Bản tiếp tục kiểm soát các hòn đảo được ủy thác tại miền nam Thái Bình Dương hay không. Lẽ ra Hirohito đã phải chất vấn Saito về những hậu quả lâu dài từ việc rút lui nhưng cho đến nay không có bằng chứng nào cho thấy ông đã làm như vậy.

Định hướng mới trong chính sách đối ngoại khuyến khích thay đổi nhận thức của người Nhật về bản thân và thế giới bên ngoài. Tầng lớp cai trị cũ đã không thể tạo dựng hy vọng và khích lệ người dân trong giai đoạn tồi tệ nhất của cuộc khủng hoảng. Cả dân tộc đã phản ứng bằng cách ủng hộ quân đội vì ít nhất họ cũng tỏ vẻ thấu hiểu nỗi thống khổ và sự giận dữ của dân chúng cũng như tỏ ra muốn giúp đỡ hơn. Một khi toàn dân đã ngả theo hướng bài ngoại chống Trung Quốc, chống phương Tây và ủng hộ việc chiếm đóng Mãn Châu thì cơ hội duy nhất để kiểm soát quân đội nằm trong tay phe triều đình. Nếu Hirohito và các cận thần giữ vững lập trường thì xu hướng ngả theo Học thuyết Monroe về châu Á , một cách gọi mỹ miều về quyền bảo hộ châu Á trước phương Tây của Nhật, có thể đã được duy trì. Nhưng phe triều đình và những người ủng hộ phe này cũng có xu hướng nhìn nhận những vấn đề quốc tế dưới góc độ kỳ thị đối lập, bất đồng ngay giữa bản thân họ về đường hướng phải đi cũng như là những kẻ đầy cơ hội. Kết quả là họ đã bắt tay với phe Lục quân.

Một chính sách bành trướng quân sự và kinh tế vào lục địa châu Á chống lại các đại cường quốc sẽ dễ thực hiện hơn bằng cách phát triển ra nước ngoài. Nội các của Saito có mặt trên chính trường khi phương Tây công nghiệp đang được đặc trưng bởi những hệ thống tổ chức quốc gia và hệ tư tưởng rất khác nhau. Ở Đức, Hitler và Đảng Quốc xã của ông ta, một phong trào mang tính cách mạng, vô chính phủ và phân biệt chủng tộc nhất từng có ở châu Âu, đang rập gót thẳng tiến tới quyền lực vào tháng Giêng năm 1933. Mưu đồ rõ ràng của

tảisáchhay

Hitler này là huỷ hoại hệ thống Versailles và tích luỹ sức mạnh quân sự của Đức để chuẩn bị chiến tranh.

Ở Anh, Đảng Bảo thủ có sự đối nghịch rõ ràng với Nhật Bản trong vấn đề kiểm soát thị trường Trung Quốc. Trong Hội nghị Kinh tế Thiên Hoàng ở Ottawa năm 1932, Đảng Bảo thủ tỏ ra thiên về chủ nghĩa bảo hộ và quyết tâm thành lập một khu vực đồng bảng Hoàng gia Anh được bảo hộ bằng chế độ thuế quan ưu đãi dành cho các thành viên của Đế chế Anh.

Ở nước Mỹ biệt lập, Franklin D. Roosevelt tuy mới bắt đầu nhiệm kỳ tổng thống của mình nhưng đã áp dụng một hướng đi khác trong khủng hoảng kinh tế. Ông ủng hộ tự do thương mại và mong muốn ký hiệp định thương mại qua lại với càng nhiều nước càng tốt nhằm hạ thấp thuế quan. Trên hết, ông đem lại hy vọng cho người dân bằng việc cải tổ một số lĩnh vực xã hội yếu kém nhất trong nước và dẫn dắt tình hình theo hướng đi mới. Nhưng các biện pháp khôi phục Duy tân của ông vẫn giữ nguyên chế độ phân biệt chủng tộc trong nước của Jim Crow ở miền nam đồng thời có thiên hướng cắt giảm thị trường thương mại của Nhật ở Tây Bán cầu và Philippines.

Về phần Liên Xô, nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung của nước này được đặc trưng bởi một nền công nghiệp nặng phi dân chủ. Năm 1932, chế độ Xô Viết quay trở lại vũ đài quốc tế sau khi đã hoàn thành kế hoạch năm năm đầu tiên của mình. Nước này cũng bắt đầu sản xuất máy bay quân sự và xe tăng để tăng cường trang bị cho "Binh đoàn Hồng quân đặc khu Viễn Đông", chủ yếu để phản ứng lại sự bành trướng của Nhật trên lục địa. Thật dễ tin khi lập luận rằng với tiềm lực quân sự hùng hậu, Liên Xô chính là rào cản đối với tham vọng chiến lược của Nhật cũng như chủ nghĩa cộng sản là một ý thức hệ nguy hại.

Những người ủng hộ sự bành trướng của Nhật trên lục địa còn viện dẫn đến sự xích mích với Mỹ và Anh. Tuy Anh và Mỹ bất đồng về cách thức đối phó với suy thoái và gặp vấn đề trong việc phối hợp chính sách đối phó với Nhật nhưng có thể nói các chính trị gia Anh và Mỹ là những kẻ dân chủ hình thức đạo đức giả ở trong nước và là người bảo vệ vị thế hiện có của đế quốc ở nước ngoài, và báo giới Nhật tỏ ra thích thú khi đưa ra sự lột tả này. Ngược lại, những người ủng hộ chủ nghĩa bành trướng ở Nhật cũng sớm cho rằng sự trỗi dậy của Chủ nghĩa Quốc xã ở Đức là dấu hiệu tốt cho nước Nhật. Đức đã theo chân Nhật rút khỏi Hội Quốc Liên và trở thành kẻ thù tiềm tàng của Anh, Mỹ và Nga. Hơn nữa, vào năm 1933, nước Đức Quốc xã đang trong tình trạng báo động và cũng như Nhật, đang hướng tới thời đại phục hưng của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và văn hóa.

Do vậy, những ý tưởng được các lãnh đạo Nhật đưa ra nhằm biện hộ cho hành động của mình ở Mãn Châu đã nhận được sự ủng hộ từ sự phân hóa của chủ nghĩa tư bản toàn cầu, sự xuất hiện của những khu vực tiền tệ và thương mại và những hệ tư tưởng, chính trị mâu thuẫn trong nước. Trong một bài diễn văn trình bày tại triều đình trước Hirohito và các cận thần ngày 28 tháng 1 năm 1932, nguyên Bộ trưởng Lục quân, Tướng Minami nhấn mạnh rằng an ninh quốc gia, nguyên liệu thô và nhu cầu mở rộng lãnh thổ là những lý do khiến quân đội lập nên quốc gia Mãn Châu độc lập. Ông này tâu với Nhật Hoàng: "Cơ chế đồng cai quản Nhật – Mãn Châu" cho phép Nhật "chống chọi với sự bao vây kinh tế của ngoại bang" và "(tiếp tục) mãi mãi là một đại cường quốc." Việc xâm chiếm hoàn toàn Mãn Châu cũng sẽ

tảisáchhay

giải quyết "vấn đề dân số" của Nhật, mở mang thêm đất đai cho dân số đang tăng nhanh của Nhật, tính tới cuối thập niên sẽ đạt 70 triệu người.

Tiếp theo, Matsuoka (một cựu quan chức Công ty Hoả xa Nam Mãn Châu) có bài diễn thuyết ngày 8 tháng 2 năm 1932 với tựa đề "Quan hệ Nhật Bản – Mãn Châu và Lịch sử đối ngoại Mãn Châu." Khi được Hirohito hỏi, Matsuoka đã nhấn mạnh về những khó khăn trong việc duy trì quan hệ hòa thuận giữa các dân tộc có huyết thống gần gũi như Nhật Bản và Trung Quốc. Ông thưa với vị quân vương vốn cũng là một nhà sinh vật học đại dương của mình rằng "đây là một nguyên tắc sinh học".

Thường xuyên có mặt trong các buổi thiết triều, Konoe nhìn nhận vấn đề xoay quanh quan hệ Trung – Nhật theo hướng xung đột giữa các chủng tộc người da trắng và da vàng và khẳng định sự ưu việt về tinh thần của người Nhật so với các đối thủ da trắng. Đối với Konoe, sự kiện Mãn Châu là một tia sét "xuyên thủng đám mây đen bao vây kinh tế đang siết chặt xung quanh nước Nhật." Konoe lý luận rằng: "Cho dù sự kiện này có không xảy ra hay diễn ra không theo cách thức như đã xảy ra thì sớm hay muộn vẫn phải có hành động nào đó để xua tan đám mây mù và mở ra con đường mới cho tương lai nước Nhật." Trong bài "*Sekai no genjo o kaizo seyo*" (Cải tổ trật tự thế giới) xuất bản tháng 2 năm 1933, Konoe cảnh báo về mối quan hệ giữa áp lực dân số và chiến tranh theo học thuyết Malthuse như sau:

"Sự phân bố không đồng đều đất đai và tài nguyên thiên nhiên dẫn đến chiến tranh. Không thể có hòa bình thật sự nếu chúng ta không thay đổi trật tự quốc tế phi lý hiện nay. Để làm điều đó, chúng ta phải … nhận thức rõ hai nguyên tắc chủ yếu. Thứ nhất là tự do trao đổi kinh tế - có nghĩa là phải loại bỏ những hàng rào thuế quan và giải phóng nguồn nguyên liệu thô. Thứ hai là tự do di dân. Tuy nhiên, trước mắt ít có khả năng thực thi những nguyên tắc này … Hậu quả của việc dân số nước ta mỗi năm lại tăng thêm một triệu người là đời sống kinh tế quốc dân sẽ chịu gánh nặng trầm trọng. Chúng ta không thể ngồi chờ thế giới tự thực hiện những điều chỉnh cho hợp lý. Vì vậy, chúng ta phải chọn cách tiến vào Mãn Châu và Mông Cổ làm phương cách duy nhất để sinh tồn."

Đối với Konoe, nhu cầu tự nhiên, tất yếu và sự tự bảo tồn là lý do chính đáng để Nhật Bản có quyền chinh phạt châu Á . Ông ta khinh miệt các nước phương Tây dám:

" … phán xét hành động của Nhật Bản ở Mãn Châu và Mông Cổ nhân danh hòa bình thế giới. Họ lấy cớ Cam kết Hội Quốc Liên và giương cao Hiệp ước không Chiến tranh làm tấm bình phong để soi mói chúng ta! Một số nước còn dám gọi chúng ta là kẻ thù của hòa bình hay của nhân loại! Nhưng chính họ, chứ không phải chúng ta, mới là những kẻ cản trở hòa bình thế giới. Họ không đủ tư cách phán xét chúng ta."

Đối với những người Nhật cảm thấy những quần đảo nước mình và thuộc địa Triều Tiên cần một vùng lãnh thổ "đệm" để đề phòng Cộng sản Liên Xô và một đất nước theo chủ nghĩa bài đế quốc như Trung Quốc thì ý tưởng về một quốc gia Mãn Châu "độc lập" rất có sức thu hút. Những kẻ bảo vệ Mãn Châu quốc còn viện dẫn những lợi thế kinh tế to lớn từ nguồn tài nguyên khổng lồ của miền đất này. Dần dần, Mãn Châu quốc sẽ trở thành một không gian sống, cung cấp đất đai, nhà ở và lương thực cho người dân nông thôn Nhật Bản, trong khi

tảisáchhay

than, sắt và nông phẩm từ nơi này sẽ giúp kinh tế Nhật Bản tăng trưởng, nhảy vọt để từ đó sẵn sàng cho bất kỳ cuộc chiến tranh trường kỳ nào sau này với Mỹ.

Ý tưởng biến nước Nhật quân chủ thành một "đế quốc" kinh tế tự tại có thể đánh bại những kẻ thù thực dân phương Tây về mặt quân sự ở châu Á ở một cấp độ nào đó, là sự nhai lại của "Chủ nghĩa Monroe châu Á "mà nội các Terauchi đã theo đuổi trong suốt Chiến tranh Thế giới thứ Nhất. Tuy nhiên, chủ quyền tuyệt đối này chỉ có được sự hưởng ứng rộng rãi của công luận khi các đại cường quốc phương Tây bị xem là đã cố tình bắt chẹt Nhật Bản. Khả năng tự cung tự cấp cũng rất hấp dẫn đối với giới tư bản Nhật trong thời điểm họ đang tìm cách giảm bớt sự lệ thuộc vào tài nguyên và công nghệ nước ngoài cũng như chuyển hướng đầu tư trong nước từ công nghiệp nhẹ sang công nghiệp nặng và hóa chất.

Trong số rất nhiều những bài diễn thuyết ngoa ngôn, vụ lợi về tình hình quốc tế mà các lãnh tụ tinh thần Nhật Bản đưa ra trong thời gian diễn ra biến cố, không lời nào có hiệu quả hơn trong việc tận dụng sự ủng hộ của giới Lục quân hơn là việc miêu tả vùng đất Mãn Châu – Mông Cổ như một "huyết mạch" kinh tế, chiến lược và tinh thần hay "phương thức duy nhất để sinh tồn" của Nhật Bản. Cụm từ ẩn dụ "huyết mạch" được Matsuoka sử dụng đầu tiên đã khơi gợi tinh thần yêu nước rộng khắp. Bị ám ảnh với những thông tin giả dối về hành vi của quân đội ở Mãn Châu, nhiều người Nhật còn sẵn sàng đối đầu với cả những Cường quốc lớn nhất để bảo vệ tổ quốc hay giữ gìn danh dự đất nước. Nếu sự cộng nhận Mãn Châu quốc và sự rút lui khỏi Hội Quốc Liên dẫn đến sự phủ định chính luật pháp quốc tế với lập luận rằng luật pháp quốc tế là do phương Tây đặt ra và chỉ để nhằm giữ nguyên trật tự thế giới theo hướng có lợi cho người Anh – Mỹ thì hãy cứ để sự việc diễn ra như vậy. Nhật Bản sẽ tự xây dựng hệ thống quốc tế có trên có dưới của riêng mình dựa trên những chuẩn mực của Thiên Hoàng, hiện thân của đạo đức và là còn người thật việc thật hơn cả những đạo luật trừu tượng mà những kẻ Anh – Mỹ kia luôn nâng niu.

Konoe là người tuyên truyền sâu sắc nhất tư tưởng về tinh thần dân tộc bị thương tổn này. Nhiều năm trước, trong bài viết nổi tiếng của ông này vào tháng 12, 1918, "Bài trừ chuẩn mực hòa bình Anh – Mỹ" (*Ei-Bei hon'I no hei-washugi o haisu),* ông lập luận rằng chủng tộc da trắng, bằng việc phân biệt đối xử với người da vàng cũng như các quốc gia phát triển như Anh và Mỹ, bằng việc trao quyền tự chủ cho các thuộc địa, đã vi phạm các chuẩn mực quốc tế về "công lý và nhân bản." Nước Nhật, "một nước chưa phát triển thuộc chủng tộc da vàng" không được phép ủng hộ một "trật tự theo kiểu nô lệ" như trên mà nên đi theo một "chuẩn mực hòa bình" đưa nước Nhật trở thành trung tâm của thế giới, để các sự kiện diễn ra theo trật tự như nước Nhật mong muốn.

Quan điểm theo luận thuyết Maniche này về thời đại với sự đối nghịch giữa các quốc gia giàu và nghèo cũng như các phe phái phân biệt chủng tộc đối lập giờ đây đã làm lộ rõ chân dung Konoe như một kẻ hậu thuẫn cho biến cố, ủng hộ việc dỡ bỏ không những cả cơ chế Versailles - Washington mà cả những điều ước quốc tế đi kèm. Trong một bài diễn thuyết vào tháng 11 năm 1935, Konoe lên án Hội Quốc Liên, Hiệp ước Kellogg-Briand, Điều ước Chín nước và Hiệp ước Hải quân London như sau: "Các lãnh đạo Ý đã trình bày một cách hết sức can đảm và thẳng thắn lý do vì sao nước Ý phải mở rộng. Các chính trị gia Đức đã tuyên bố công khai trong chương trình Quốc xã vì sao nước Đức cần thêm lãnh thổ. Chỉ riêng ở

tảisáchhay

Nhật là còn thiếu sự thẳng thắn này." Konoe phát hiện ra lý do của sự thiếu sót này nằm những "chuẩn mực Anh – Mỹ … đang lan tràn trong toàn bộ tư tưởng của người Nhật", từ đó củng cố "những thể chế được dựng nên để bảo vệ trật tự hiện có."

Tuy vẫn thường bị *nguyên lão* Saionji chỉ trích vì những tư tưởng cứng rắn này nhưng Konoe vẫn được Hirohito tin sủng. Không có bằng chứng cho thấy Konoe đã gây ảnh hưởng khiến Nhật Hoàng quyết định rút khỏi Hội Quốc Liên nhưng từ lâu Hirohito đã tiếp xúc nhiều với quan điểm cho rằng các đại cường quốc đều có động cơ phân biệt chủng tộc thù nghịch và luôn muốn ngăn cản Nhật Bản vươn lên hàng ngũ của một cường quốc thống trị ở châu Á. Hơn nữa, chúng ta đều biết tư tưởng của Konoe thật sự có ảnh hưởng đến những quan lại thân cận với Nhật Hoàng nhất, cũng như những nhân vật tai to mặt lớn khác mà những người này buộc phải cộng tác trong vai trò tham gia xây dựng sự đồng thuận.

Tuy vậy, xét cho cùng thì những suy xét chính trị ngắn hạn đã khiến Hirohito về hùa với phe Lục quân. Hirohito nhận thấy và ngày một vững tin rằng hầu hết các quốc gia đều đã chấp nhận việc đã rồi mà Nhật Bản gây ra. Cho đến lúc đó, chưa cường quốc phương Tây nào công nhận Mãn Châu quốc nhưng cũng chưa có nước nào bắt Nhật Bản phải chịu sự trừng phạt kinh tế vì hành động xâm lược đó. Theo quan điểm của Hirohito thì việc cần làm nhất là ổn định tình hình chính trị trong nước, vốn đã bị lung lay do những vụ ám sát thủ tướng, tấn công các quan cận thần của nhà vua và âm mưu đảo chính không thành. Đây là một ưu tiên buộc ông tránh đối đầu với các chỉ huy của Quân đoàn Quan Đông, đội quân bảo vệ Mãn Châu quốc.

* * *

Về đời tư của Hirohito trong giai đoạn diễn ra sự kiện Mãn Châu, hầu như không có tài liệu nào công bố ngoài một tư liệu gồm hai trang trong nhật ký của Kawai và một vài giai thoại của nhà văn Koyama Itoko, người tự nhận đã gặp riêng Nhật Hoàng và được xem các tài liệu của triều đình.

Tính đến năm 1932, Hirhito và Nagako đã kết hôn được tám năm. Bà sinh hạ bốn con gái, ba trong số đó còn sống và đang mang thai đứa con thứ năm. Mùa hè năm đó, khi tình hình Mãn Châu buộc họ phải ở yên tại thủ đô thay vì đi đổi gió ở Hayama, họ ở bên nhau nhiều giờ mỗi ngày và điều độ duy trì công việc hàng ngày. Đã thành lệ, Nhật Hoàng thức dậy lúc 7 giờ 30 còn Hoàng hậu dậy muộn hơn một chút. Họ tự mặc trang phục mà không cần người hầu và thường dùng bữa sáng với sữa và các món ăn do hai cung nữ chuẩn bị. Khi xong bữa, một cung nữ bấm chuông để quan thị thần túc trực biết và vào chào. Họ bắt đầu ngày mới bằng việc tắm và từng người tập thể dục riêng ngoài trời. Do Hoàng hậu Nagako đang có mang nên bài tập thể dục này có thể là chăm sóc vườn hoa hay chơi golf có y tá đi kèm. Đến trưa, Hirohito trở về phòng làm việc ăn trưa cùng vợ, sau đó đi lo công việc đến khoảng 4 giờ chiều mới trở về uống trà cùng Hoàng hậu. Hai người ăn tối cùng nhau lúc 6 giờ rưỡi và ăn nhẹ vào khoảng 9 giờ trước khi đi ngủ. Nếu Nagako không chăm sóc vườn hoa thì bà sẽ dành thời gian hàng ngày cuộn bông băng cho binh sĩ ở Mãn Châu.

Mùa hè và mùa thu năm 1932 là thời kỳ đặc biệt căng thẳng trong cuộc sống của hai người. Nhật Hoàng phải gồng mình chống chọi với cuộc khủng hoảng Mãn Châu còn Hoàng hậu thì

tảisáchhay

lo lắng không yên khi chưa sinh được một mụn con trai nào để nối ngôi Thiên Hoàng. Được giáo dục để sống theo khuôn phép Hoàng tộc, dưới áp lực của Chủ tịch hội đồng quân cơ Makino, Bí thư Kawai và Thượng thư Suzuki đã phải đồng ý để con gái cả, Công chúa Teru mới lên sáu tuổi chuyển ra ngoài cung sống ở một dinh cơ riêng nằm trong cấm thành. Cả hai người đều không vui vì việc này nhưng không muốn làm trái lại một quy định gần như bắt buộc trong triều.

Trong bầu không khí đó, vào một ngày cuối năm 1932, Hoàng hậu Nagako sảy thai. Sau này, áp lực dồn lên vai Hirohito trong việc hoàn thành trách nhiệm của thiên tử buộc ông phải nhận thêm phi tử. Bá tước già Tanaka Mitsuaki, nguyên Giám đốc Học viện Danh gia vọng tộc và Tổng quản nội thị, người từng hầu hạ cả Minh Trị và Đại Chính Thiên Hoàng, bắt đầu tìm kiếm một người thích hợp ở Tokyo và Kyoto. Mười quận chúa được chọn, cuối cùng ba người được giữ lại, và nghe đồn một người (có lẽ là người đẹp nhất) được đưa tới Hoàng cung và chơi bài với Hirohito (có mặt cả Nagako). Sau này, Nhật Hoàng đơn thê Hirohito cũng không đoái hoài gì đến nàng này nữa. Đầu năm 1933, Nagako lại có mang và ngày 23 tháng 12 năm 1933 sinh hạ Hoàng tử Akihito. Và thế là cuộc khủng hoảng cá nhân chấm dứt.

V

Sau cuộc xâm lăng Nhiệt Hà và sự kiện Nhật rút khỏi Hội Quốc Liên, quân Quan Đông tiếp tục mở rộng phạm vi chiếm đóng: đầu tháng 4 năm 1933, quân Nhật tiến vào tỉnh Hà Bắc, phía nam Vạn Lý Trường Thành, gần Bắc Kinh. Hirohito can thiệp, cuộc tấn công ngừng lại và quân Nhật rút khỏi Sơn hải quan. Nhưng vào ngày 7 tháng 5, quân Nhật một lần nữa lại tấn công miền bắc Trung Quốc. Lần này tuy Hirohito chấp thuận cuộc tấn công khi việc đã rồi nhưng cũng cảnh cáo Honjo rằng ông rất giận dữ. Honjo ghi lại trong nhật ký ngày 10 tháng 5 rằng: “Thiên Hoàng không định ngăn cản cuộc hành quân nhưng cũng không thể tự quyết định mà không hỏi ý kiến của ban chỉ huy tối cao.” Tất nhiên, Nhật Hoàng cuối cùng cũng đã cho phép vì chẳng còn lựa chọn nào khác.

Cũng trong tháng đó, phát ngôn viên của ban chỉ huy quân Quan Đông tuyên bố Nhiệt Hà đã được xáp nhập vào Mãn Châu quốc. Tuy không công bố nhưng sự xáp nhập này cũng bao gồm cả các huyện lân cận của tỉnh Hà Bắc và Trương Gia Khẩu, là những vùng nằm trên địa phận Trung Quốc chính quốc. Quyết định xáp nhập này không được nội các đưa ra từ trước và cũng không dựa trên “các quyền theo hiệp ước” nào. Vào ngày cuối cùng của tháng Năm, sứ giả của Quốc dân Đảng đã phải nhục nhã ký Hiệp định Đình chiến Đường Cô, công nhận trên thực tế nước Đại Mãn Châu và thiết lập một vùng phi quân sự ở phía nam Vạn Lý Trường Thành và phía đông tỉnh Hà Bắc. sự kiện Mãn Châu đến đây ít nhất tạm thời kết thúc và trở thành vấn đề của phương Tây.

Sau khi đã giải quyết được một cuộc bất ổn chính trị và quân sự sâu sắc, quân đội hai bên tạm ngừng các hoạt động giao tranh. Chỉ có quân khởi nghĩa Trung Quốc là vẫn tiếp tục chiến sự ở Mãn Châu quốc. Trong bốn năm tiếp theo, vùng “đệm” giữa Mãn Châu quốc và bắc Trung Quốc trở thành một căn cứ do quân Quan Đông dựng nên để gây áp lực không ngừng về chính trị, quân sự và kinh tế lên cả năm tỉnh phía bắc Trung Quốc nằm bên trong

tảisáchhay

Vạn Lý Trường Thành hơn là một khu vực hòa bình. Nhưng bản thân sự hiện hữu của khu phi quân sự này, cùng với việc Liên Xô sẵn sàng bán cho Nhật tuyến Hoả xa Đông Trung Quốc và những hoạt động của Anh nhằm cải thiện quan hệ đã khiến cho Nhật Hoàng tin rằng sự căng thẳng quốc tế sẽ sớm giảm bớt.

Về phần Tưởng Giới Thạch, sau khi đã chọn cách nhượng bộ quân Nhật trong ngắn hạn nhằm tranh thủ thời gian củng cố lực lượng và mở rộng tiềm lực kinh tế, Quốc trưởng Trung Quốc giờ đây có thể tập trung vào cuộc chiến chống Cộng sản Trung Quốc. Nhưng một khi một quân đoàn Nhật còn chiếm đóng Mãn Châu và sẵn sàng quét sạch ảnh hưởng của quân Quốc gia khỏi miền Bắc Trung Quốc thì quan hệ Trung – Nhật sẽ chẳng bao giờ trở lại bình thường hóa. Cả Tưởng lẫn công chúng Trung Quốc đều không hề mảy may có ý định để Nhật Bản được yên với sự xâm lược của mình.

Ở Nhật, các thế lực và phe nhóm đối lập cũng thu mình lại. Các tướng lĩnh phe triều đình và những người ủng hộ vẫn giữ nguyên vị trí cầm quyền, Lục quân và Hải quân vẫn ở thế bất Hoà. Hoàng thân 28 tuổi Takamatsu, sĩ quan trên chiến hạm *Takao* giãi bày trong nhật ký ngày 11 tháng 6 năm 1933 rằng phe Lục quân bị bao bọc trong một "tâm trạng phát-xít" mà các chính trị gia cần hiểu rõ. Hiệp định ngừng bắn tuy làm Nhật Hoàng hài lòng nhưng vẫn là chưa đủ. "Chúng ta phải bằng cách nào đó khôi phục sự đoàn kết, chấm dứt sự lấn át của quân đội và kiềm chế sự ích kỷ của các *zaibatsu* (tập đoàn)." Mấy tuần sau, Takamatsu viết "90% thu nhập quốc dân giờ đây đang tập trung trong khoảng 10% dân số." Ngày 21 tháng 7, nỗi lo của ông chuyển hướng sang những "công lao không được đánh giá đúng" của lực lượng Hải quân, không chỉ trong "trận bắn phá Sơn hải quan và sự kiện Thượng Hải" mà còn việc tạo điều kiện cho "lục quân và giới ngoại giao hành động" trong suốt thời gian diễn ra cuộc khủng hoảng. Trong mấy tháng sau đó, vị Hoàng thân này còn ghi chép lại những biểu hiện cấp tiến ngày càng tăng trong Hải quân và trong xã hội nói chung. Gần cuối năm 1933, việc Hoàng hậu Nagako sinh hạ Thái tử Akihito khơi gợi trong ông cả niềm vui lẫn sự nhẹ nhõm vì gánh nặng kế thừa Hoàng tộc cuối cùng cũng được dỡ khỏi đôi vai ông. Tin tức dòng máu Hoàng tộc sẽ được duy trì cũng là một sự giải toả đối với cả nước nói chung, dù chỉ trong thời gian ngắn.

Cho đến cuối năm 1933, chính sách quốc gia luôn ở trong trạng thái thay đổi, khi vấn đề Mãn Châu chưa lắng dịu và khí thế chiến tranh bắt đầu giảm sút mà đây là điều mà các lãnh đạo quân đội, quan lại và báo chí không hề muốn. Lo sợ xu hướng quân phiệt và hiếu chiến sắp bị đảo ngược, bộ máy tuyên truyền quân đội bắt đầu hoạt động. Bộ phận phim ảnh của các báo lớn bắt đầu cạnh tranh nhau sản xuất các "báo hình" hay phim thời sự về sự kiện. Ngay lập tức, công ty báo chí *Mainichi* ở Osaka nhìn thấy cơ hội đẩy mạnh kinh doanh và tăng lợi nhuận bằng cách sản xuất một loại phim ái quốc nhằm vạch ra hướng đi cho quốc dân trong thời gian sắp tới. Theo lời giải thích của nhà sản xuất Mizuno Yoshiyuki: "chủ nghĩa cộng sản và chế độ độc tài đang xung đột lẫn nhau. Nạn khủng bố thì tràn lan. Vì vậy chúng tôi nghĩ có thể sử dụng sức mạnh to lớn của phim ảnh để giúp dân tộc hiểu rõ sự nhầm lẫn về tư tưởng và tình hình thế giới." Kết quả là bộ phim *Nhật Bản trong tình thế báo động Quốc gia*, một bộ phim tài liệu được hoan nghênh rộng rãi, được sản xuất vào tháng 8 với sự hỗ trợ của Bộ Lục quân và công chiếu trên toàn quốc vào cuối năm 1933.

tảisáchhay

Phim *Nhật Bản trong tình thế báo động Quốc gia* có giá trị trong thời đại hiện hay chủ yếu ở chỗ nó đã soi rọi tư tưởng của Nhật Hoàng bằng những hình ảnh, những cảnh quay về lòng ái quốc từ 1931 đến đầu năm 1933. Trong bộ phim, các lực lượng vũ trang đã sử dụng quyền lực tinh thần của Hirohito để phú cho Đế chế cũng như chính bản thân họ một sứ mệnh nhân đạo khi tiến hành bành trướng. Bằng thủ pháp xử lý một loạt hình ảnh thể hiện sự đoàn kết dân tộc, bộ phim tái hiện triết lý của chủ nghĩa dân tộc cực đoan Nhật Bản những năm đầu thập niên 1930.

Bộ trưởng Lục quân Araki đọc lời bình sáu trong 12 tập của bộ phim với các phần trình bày cùng những bản đồ châu Á Thái Bình Dương lớn và một bức ảnh về Geneva. Araki cân bằng sức mạnh quân sự và tinh thần, sử dụng yếu tố thần bí làm khung tham chiếu để giải thích ý nghĩa của biến cố. Hai thuật ngữ mỹ miều chính mà ông này sử dụng là "sứ mệnh vĩ đại" mà thượng đế đã trao cho "mảnh đất thiêng liêng" và sự thù nghịch của Trung Quốc và các thế lực phương Tây nhằm cô lập Nhật Bản và ngăn cản "chủng tộc Yamato" thực hiện sứ mệnh thiêng liêng của mình là "gìn giữ hòa bình ở phương Đông." Cuối phim, Araki khẳng định cụ thể hơn vai trò của Nhật Bản cả về chiến lược và văn hóa. Trong đó, nhiệm vụ của Nhật là "tạo ra một miền đất lý tưởng ở Đông Á" tức là xây dựng Mãn Châu quốc và thực hiện tại đó một sự hòa hợp dân tộc. Trên thực tế, Araki đã trình bày giấc mộng bá vương của Đế chế như một hành động tối ưu để hiện thực hóa chủ nghĩa không tưởng chống phân biệt chủng tộc ở Mãn Châu quốc.

Đối với Araki, mối đe doạ từ bên trong mà Nhật Bản phải đối mặt cũng nghiêm trọng như hiểm họa đến từ bên ngoài. Ông tuyên bố: "Chúng ta đã chấp nhận một cách thiếu phê phán nền văn hóa (Tây phương) về mọi mặt và giờ đây chúng ta mới nhận ra mình đang mất dần đi những lý tưởng tự trị của dân tộc Nhật Bản". Khi ông nói, màn hình chuyển sang những hình ảnh thể hiện ảnh hưởng của văn hóa phương Tây đang ngày càng hấp dẫn người Nhật từ đầu những năm 1930 – những đôi trai gái khiêu vũ tại các sàn nhảy Ginza, dập dìu tay trong tay trên những con phố tấp nập, tối tăm của Tokyo, bên cạnh đó là những hình ảnh quân đội Thiên Hoàng chiến đấu trong giá lạnh và cái nóng thiêu đốt của vùng Mãn Châu, các bé gái viết thư khích lệ binh sĩ theo chỉ dẫn của thầy cô giáo, người đi lễ ở các đền thờ Thần đạo (Shinto)... Araki lên án hết thảy, từ khiêu vũ, chơi golf, phim ảnh Mỹ, phụ nữ trang điểm và hút thuốc nơi công cộng, cộng sản – tóm lại là bất cứ ai tiêm nhiễm sự suy đồi của phương Tây và những triết lý phương Tây về chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa khoái lạc và chủ nghĩa vật chất. Thế chỗ cho sự ô uế đó là những nhận thức truyền thống mà điển hình là đời sống thôn xã, sự tôn thờ Thần đạo và chấp hành nghĩa vụ quân sự. Cần cấp bách xoá bỏ sự theo đuổi khoái lạc cũng như chấp nhận mọi hy sinh và nỗi đau cá nhân để hoàn thành sứ mệnh vĩ đại của dân tộc.

Trong suốt bộ phim, Araki luôn cố gắng tinh lọc ý nghĩa của biến cố vừa qua. Đây là một "việc phúc đức trong trời đất" làm toát lên sức mạnh to lớn của người Nhật. Nhưng đó cũng là một "lời cảnh tỉnh từ thượng đế" rằng chúng ta phải quay về với những nguyên tắc "trung quân" vĩ đại đã ngự trị trên đất nước Nhật Bản kể từ khi lập quốc. Minh họa cho lời nói của Araki, trên màn hình là những hình ảnh liên tưởng tới các vị thần linh cổ xưa với hiện tại như Takachiho-no-mine, nơi các vị thần và nữ thần Izanagi và Izanami giáng thế, một biểu

tảisáchhay

tượng của việc Thần vũ Thiên Hoàng lên ngôi, đền thờ Ise, đền thờ Kashihara, đến Atsuta, đền Minh Trị, Hoàng cung ở Nijubashi và việc Hirohito lên ngôi vào năm 1928.

Trong những tập phim cuối, Araki định nghĩa nhiệm vụ quốc phòng và giải thích vì sao việc "động viên tinh thần" có thể giúp Nhật Bản phá vỡ "cuộc bao vây tấn công của toàn thế giới mà trung tâm là Hội Quốc Liên ", được hình tượng hóa bằng một "vòng kim cô" bao quanh Nhật Bản. Trong khi ông nói, khán giả xem phim sẽ nghe thấy tiếng hô *"Kimigayo"* và hình ảnh Chiêu Hòa Thiên Hoàng duyệt binh trong khi các đơn vị cơ giới diễu qua, chiến hạm hú vang còi biểu dương lực lượng và bắn pháo chào mừng. Trích lời Araki:

" … quân đội của Đế chế tồn tại như những thực thể tinh thần. Họ không chỉ bảo vệ nhu cầu về lãnh thổ của Nhật Bản (thực chất là "khả năng bành trướng lãnh địa"), mà còn đề cao tinh thần quốc gia và bản chất bất diệt trường tồn cùng trời đất của đất nước. Vì vậy, khi bàn về quốc phòng, tôi không thể đồng tình với những ai định nghĩa đất nước Nhật Bản một cách hạn hẹp về địa lý và trong tư thế đối phó (với các nước khác)… Các lực lượng vũ trang của ta vừa là lực lượng của Thiên Hoàng vừa là lực lượng của dân tộc. Do vậy, họ là … biểu tượng vĩ đại của tinh thần dân tộc. Chúng ta đang thực thi nề nếp trung quân ái quốc thể hiện bằng ba biểu trưng của Thiên Hoàng và sự trung thành với Thiên Hoàng chính là tinh thần cội nguồn của quân đội. Tinh thần của quân đội Nhật Bản thể hiện sự linh thiêng của Hoàng thượng, vị chỉ huy của quân đội Nhật Bản. Tôi tin tưởng rằng tinh thần của chúng tôi thể hiện ý chí của Thiên Hoàng, chính vì vậy mà quân đội Thiên Hoàng chỉ hành động khi có mệnh lệnh của Thiên Hoàng."

Sau khi khẳng định lực lượng vũ trang là hiện thân của "tinh thần dân tộc" và thể hiện "thần khí" của Hirohito bằng cách bành trướng ra cõi lân bang, Araki dẫn dắt khán giả tới luận điểm chính trong lập luận của mình, đó là Nhật Bản phải chuẩn bị sẵn sàng cho công cuộc huy động tinh thần. "90 triệu người phải đoàn kết như một và sát cánh với Thiên Hoàng trong công cuộc truyền bá tư tưởng đạo đức của Thiên Hoàng. Để làm được việc này, chúng ta phải đoàn kết và tiến lên phía trước cho đến phút cuối (trong chiến đấu). Nhờ thế mà chúng ta sẽ dành được thắng lợi vinh quang cuối cùng". Một loạt cảnh quay ngắn thể hiện hình ảnh các doanh nhân yêu nước quyên tặng máy bay cho quân đội, phụ nữ tập quân sự, xe gắn máy trên đường phố, đất nước đi vào công nghiệp hóa, ống khói nhà máy phả khói lên trời, người dân hối hả rảo bước. Trong hai tập phim sau, máy quay chiếu cảnh "ba viên đạn người" *(bakudan sanyushi)* hành quân ra chiến trường Thượng Hải và cho nổ một doanh trại địch. Một biểu đồ thể hiện những yếu tố tạo nên lòng dũng cảm của họ và cuối cùng là hình ảnh nấm mộ của họ.

Khi bộ phim sắp kết thúc, máy quay chiếu những hình ảnh khơi gợi tinh thần chiến thắng của người Nhật trước kẻ thù. Những người leo núi bền bỉ chống chọi với bão tuyết để leo lên đỉnh núi. Tướng Muto tới Mãn Châu quốc gặp Hoàng đế Phổ Nghi. Một đám mây đen bay lên trên bản đồ thành phố Geneva xa xôi, lan nhanh sang phía đông và vây quanh Nhật Bản. Đám đông ở Tokyo hò reo chào đón nhà ngoại giao Matsuika trở về từ Gieneve còn ông này thì gập người cúi chào về phía Hoàng cung trong khi một bản đồ khác chiếu hình ảnh Nhật Bản đang phá vỡ vòng kim cô. Kết thúc bộ phim, Minh Trị Thiên Hoàng quá cố trở về qua ba

tảisáchhay

vần chiến thơ của ông, đề cập đến yêu cầu động viên tinh thần và nhắc nhở người xem rằng không điều vĩ đại nào có thể đạt được nếu không có những nỗ lực và hy sinh lớn lao.

Nỗ lực nâng cao nhận thức thứ hai của quân đội là cuốn sách tựa đề *Hijoji kokumin zenshu* (Loạt bài tiểu luận về thời kỳ cấp bách mà dân tộc đang đối mặt), xuất bản tháng Ba năm 1934. Cuốn sách này là một phần trong tuyển tập gồm bảycuốn và được viết để trình bày ý tưởng của các chuyên gia quân sự và đối ngoại về mọi mặt của "tình thế khẩn cấp". Cuốn sách có sự tham gia 15 nhân vật quân đội, đại diện cho nhiều nhóm sĩ quan chủ chốt, nhằm nâng cao nhận thức công chúng về bản chất của chiến tranh hiện đại và những mối nguy hiểm nước Nhật đang phải đối mặt. Tuy nhiên, đa số những gì họ truyền đạt được chỉ là những bài học mà quân đội rút ra và chưa rút ra được từ Chiến tranh Thế giới thứ Nhất.

Lời giới thiệu của tân Bộ trưởng Lục quân, Tướng Hayashi, cho thấy phe Lục quân vẫn đang ôm ấp tư tưởng chiến thắng giản dị thái quá từ cuộc chiến tranh Nga – Nhật. Đối với Hayashi, những cuộc chiến tranh trong tương lai là sự tiếp tục các cuộc chiến trước đây của Nhật trên một quy mô rộng lớn hơn nhiều, đòi hỏi công cuộc tổng động viên toàn dân. Phó tổng tham mưu trưởng Lục quân Ueda Kenkichi giải thích rằng để dân tộc sẵn sàng trước chiến tranh thì phải tăng cường vũ trang, "đoàn kết chính trị, kinh tế, tài chính và tất cả các thể chế khác", cũng như hoàn thiện năng lực chỉ đạo tác chiến. Các tác giả khác coi việc nâng cao sức mạnh dân tộc chỉ là việc "hoàn tất công tác chuẩn bị cho chiến tranh" về mặt kỹ thuật." Không một ai cho rằng chiến tranh thời kỳ công nghiệp hóa giữa thế kỷ đòi hỏi phải có năng suất lao động cao, sản xuất hàng loạt và một nền kinh tế năng động không bị cản trở bởi sự lạc hậu trong khoa học kỹ thuật hay sự trì trệ trong nông nghiệp. Tuy vậy, các lãnh đạo Lục quân cũng chỉ rõ rằng sẽ có sự tái cơ cấu lớn bộ máy quan liêu trong xã hội Nhật.

Tướng Tojo khẳng định: "Chiến tranh quốc phòng hiện đại bao trùm rất nhiều lĩnh vực," đòi hỏi xây dựng "một quốc gia có khả năng đơn phương kiểm soát" chiến sự dưới mọi hình thức: quân sự, kinh tế, tư tưởng và chiến lược. Với thái độ bài xích phương Tây đầy căm phẫn, Tojo nhắc đi nhắc lại rằng các nền dân chủ giành chiến thắng trong Chiến tranh Thế giới thứ Nhất đã phát động cuộc chiến tranh tư tưởng chống lại Nhật Bản ra sao. Từ nay trở đi, Nhật Bản phải vươn mình đứng dậy và "truyền bá những nguyên tắc đạo đức (riêng) ra toàn thế giới", vì "cuộc chiến tranh văn hóa và tư tưởng về nề nếp 'trung quân' sắp sửa bắt đầu." Các tác giả khác trong cuốn *Hijoji kokumin zenshu* có xu hướng "quy đồng việc huy động toàn dân nhằm phát động chiến tranh tổng lực với vấn đề tìm kiếm nguồn lực" để tự cường. Hằn sâu trong tâm thức của những lãnh đạo Lục quân này là ảo tưởng về một cuộc chinh phạt lãnh thổ trên lục địa châu Á và khả năng chiến tranh với Anh và Mỹ.

Không nghi ngờ gì nữa, là một người thấm nhuần chiến thuật, chiến lược chiến tranh hậu Nga – Nhật, Nhật Hoàng Hirohito tin chắc rằng ưu thế quân sự chứ không phải ưu thế về năng lực sản xuất mới là yếu tố quyết định chiến thắng. Tuy nhiên, không như các tướng lĩnh của mình, ông vẫn tỏ ra miễn cưỡng khi tách khỏi Anh, Mỹ cũng như không cảm thấy nhu cầu phải cải tổ cấp bách, triệt để bộ máy chính phủ hay quân sự hóa ngay lập tức toàn bộ nền kinh tế. Sự khác biệt trong tư duy này ảnh hưởng đến cả phương hướng và tốc độ cải cách. Do vậy, để có thể tự do hành động và xây dựng một nền kinh tế hoàn toàn phục vụ

tảisáchhay

chiến tranh, nhóm cấp tiến trong quân đội sẽ phải trực tiếp đối diện với Nhật Hoàng và những người bảo hộ của ông.

tảisáchhay

8. Phục hồi và Suy thoái

Khi Nhật công nhận Mãn Châu quốc và rút khỏi Hội Quốc Liên, phần lớn người Nhật đều cảm thấy đã có sự chuyển biến căn bản nào đó. Nước Nhật cổ xưa và non trẻ vừa trải qua một cuộc chiến tranh "tự vệ" và đang trên con đường giành chiến thắng về quân sự trước chế độ bá chủ Trung Quốc và về tinh thần trước "sự băng hoại đạo đức phương Tây." Tự thân mình, nước Nhật đã mở ra con đường mới vươn tới hiện đại với tuyên bố sẽ trở nên vĩ đại và được kính nể hơn trên thế giới.

Đối với Tướng Araki và các sĩ quan hăng hái hoạt động chính trị khác trong quân đội, những mỹ từ như "khủng hoảng", "khôi phục thời đại Chiêu Hoà", "sự bao vây của người Anglo – Saxon",... chỉ là một phương tiện vận động rất hữu hiệu không thể bỏ qua mà thôi. Họ kéo dài sự ngọt ngào của chiến thắng và lợi dụng nó bằng việc tiếp tục chiêu bài Trung quân để củng cố ảnh hưởng của quân đội trên chính trường và khôi phục hình tượng Nhật Hoàng. Khái niệm đẹp đẽ về một nước Nhật bất khả chiến bại và chính nghĩa đối đầu với những nước ngoại bang vô đạo, xấu xa nhanh chóng lan rộng. Cả những khái niệm về "quốc gia phòng vệ dân tộc", "đế quốc," và "sứ mệnh thiêng liêng" nhằm truyền bá "sự nhân từ của Thiên Hoàng" cũng vậy. Những ý tưởng này khiến người dân nhìn nhận sự bành trướng ra nước ngoài của quân đội một cách tốt đẹp, cũng như củng cố khát vọng muốn vượt qua phương Tây về mọi phương diện và cũng bằng cách đó mà xây dựng nên một bản sắc cộng đồng mới mẻ, độc đáo hơn.

Dưới thời Minh Trị, Nhật Bản đã nông cạn "rời bỏ châu Á " *(datsu'A)*, du nhập những quan niệm cũng như công nghệ nhất định và trên phương diện nào đó là cả những đặc thù của xã hội phương Tây phát triển nhất. Hệ quả thực tế là một kiểu trạng thái hòa đồng trong hy vọng, hời hợt và phần nhiều là ghen tị với những cộng đồng phương Tây da trắng ở châu Á , cũng như sự thể hiện thái độ và tư tưởng phân biệt chủng tộc đối với người Trung Quốc và các dân tộc châu Á khác. Tuy nhiên, giờ đây nước Nhật đang lớn mạnh, tự cường và đang xây dựng và làm mới vai trò lãnh đạo thật sự của mình ở châu Á . Bởi vậy mà nhiều nhà tư tưởng giờ đây nhận thấy về cơ bản tư tưởng chính trị Tây phương chỉ đầy tính lợi dụng, bá quyền và hiếu chiến – nói tóm lại là một bệnh dịch dễ lây lan đã có thời tiêm nhiễm nước Nhật thiển cận và xúi giục nó đe doạ lợi ích của các nước châu Á láng giềng khác. Vì vậy mà nước Nhật phải hành động, không chỉ để "tự vệ" mà là để truyền bá tư tưởng của Chiêu Hòa Thiên Hoàng bằng cách thiết lập một xã hội vượt trội về đạo đức ở Mãn Châu quốc để "năm châu" có thể chung sống "oà hợp", có trật tự tuân theo "giáo lý Thiên Hoàng."

Mãn Châu quốc của Nhật – một minh chứng cho hình tượng dân tộc mới, cũng như một số đặc điểm tôn thờ quốc gia của nó, giống về nhiều mặt với nước Đức Quốc xã và Phát-xít Ý. (Trong đó nước Ý đã phát triển phần nào từ việc tìm kiếm một đối tác của thứ tôn giáo chính trị quốc gia tôn thờ Hoàng đế của Nhật Bản.) Với vụ bắt bớ 18.000 người chống đối năm 1933 và sự rút lui do bị ép buộc của nhiều lãnh đạo cánh tả, phong trào cộng sản ở Nhật dễ dàng bị dập tắt. Từ năm 1934 đến 1936, những tàn dư của nền dân chủ Đại chính và các thể chế tự do lập hiến cũng dễ dàng bị đàn áp bởi sự đe doạ và ám sát. Mặc dù sự không khoan nhượng và mù quáng về chủng tộc chưa đến mức trở thành quốc sách như

tảisáchhay

dưới chế độ Đức Quốc xã bài Xê-mít nhưng sự phân biệt chủng tộc đối với các dân tộc châu Á khác cũng đã rất phổ biến ở nhiều người Nhật trong thế kỷ 20, bắt đầu từ thời cuộc Chiến tranh Trung – Nhật 1894 – 95, cũng như sự bắt đầu của chủ nghĩa thực dân Nhật Bản. Hiệp định chống Quốc tế Cộng sản III ký kết với Đức và Ý tháng 11 năm 1936 du nhập vào Nhật Bản những nhà tư tưởng Quốc xã được nhiều người Nhật hưởng ứng, truyền bá những luận điểm bài Xê-mít kiểu Quốc xã vào những cuộc tranh luận chính thống công khai – trong đó sự phỉ báng người Do thái đã trở nên lan tràn. Từ đó về sau, tuy không đến mức đòi hành quyết nhưng tất cả các chính phủ ở Nhật đều đã cố tình bóp méo một cách vô liêm sỉ hình ảnh của người Do thái để củng cố sự đồng thuận tư tưởng trong nước.

Dù vậy, các nghiên cứu dân tộc học ở vùng nông thôn nơi quân đội tuyển mộ phần lớn binh sĩ của mình trong thập kỷ 1930 cho thấy bất chấp việc Bộ giáo dục đã làm hết cách nhưng nhiều người dân nông thôn vẫn khá thờ ơ với những luận điệu tuyên truyền của chính quyền. Đối với họ, giáo lý Thiên Hoàng cũng chẳng có nhiều ý nghĩa hay giá trị hơn là mấy so với tư tưởng họ mạc. Gia đình, làng xã vẫn là ưu tiên hàng đầu so với quốc gia. Trên thực tế, ngay từ đầu cuộc chiến tranh Trung Quốc từ giữa năm 1937, nhiều dân làng cho thấy họ chỉ chấp nhận ở mức thấp nhất quyền lực của Nhật Hoàng. Biết rõ điều này, quân đội luôn hành động theo phương châm tôn trọng cội nguồn mà cao hơn hết là gia đình và làng xã của binh lính. Luật quân nhân *(senjinkun)* ban hành ngày 08 tháng 1 năm 1941, nhấn mạnh rằng "người biết sợ sự nhục nhã là người mạnh mẽ. Luôn ghi nhớ giữ gìn thanh danh của gia đình và tôn trọng ý kiến của những người cùng quê" hay "không được tự hạ mình bằng cách bị bắt sống; hãy hy sinh để không làm vấy bẩn tên tuổi chính mình."

Số ít những người ở nông thôn ít thờ ơ với quyền hành của Nhật Hoàng chủ yếu là những người giữ các chức vụ ở địa phương. Chức sắc thôn xóm, giáo viên, cảnh sát, tăng lữ đạo Phật và Thần đạo, những chiến sĩ tuyến đầu của chủ nghĩa dân tộc Nhật Bản, thường lợi dụng quyền lực của Nhật Hoàng và quốc gia để củng cố quyền lực của họ tại địa phương. Lòng trung thành và sự tôn kính của họ đối với Nhật Hoàng thường mang tính tự phát và bề ngoài rất sâu đậm. Nhưng phần lớn dân làng đều không giữ chức vụ xã hội nào và chắc hẳn không phải những tín đồ thành kính của Nhật Hoàng. Lòng ái quốc của họ thể hiện dưới một dạng thức khác.

Năm 1935, các nhà nhân chủng học John và Ella (Lury Wiswell) Embree thực hiện phỏng vấn nông dân một làng nông nghiệp hẻo lánh ở Suye Mura trên đảo Kyushu. Khi tác phẩm của Ella Wiswell, *Những phụ nữ ở Suye Mura*, xuất hiện nhiều năm sau đó, cuốn sách mô tả một thế giới của những phụ nữ nhà nông thích chè chén, hay bộc trực và thường cười cợt sự khoa trương của Nhật Hoàng. Wiswell ghi lại cuộc nói chuyện với một phụ nữ có học trong làng như sau:

"Tôi lại nhà chị ta trò chuyện và hỏi: "Chị có phải là người tôn thờ Nhật Hoàng như thượng đế *(kamisama*) không?" và chỉ vào bức trướng vẽ hình Nhật Hoàng và Hoàng hậu treo trong *tokonoma* (hốc ban thờ trong gian chính). "Vâng, khi nào chúng tôi cúng lễ thần linh chúng tôi cũng cúng lễ Thiên Hoàng. Khi khấn vái trước các thần linh thì cũng như khấn vái Thiên Hoàng và chúng tôi còn dâng cả hoa lên ngài nữa." Tôi lại hỏi: "Vì sao?" Chị ta trả lời: "À, có lẽ là vì ông ấy là người đứng đầu *(taisho*) đất nước." Sau đó chị ta nói về hình vẽ trong bức

tảisáchhay

trướng: "Đấy, ở bên trái là Jimmu-tenno", người đầu tiên … và bên phải là vợ ông ấy. Sau đó là Taisho-tenno và Hoàng hậu. Phía dưới là Hoàng cung, sau đó là ba công chúa, Chichibu, Mikasa và Takamatsu-sama. Ở bên dưới, phía sau bình hoa (chị ta có một bình hoa lớn đặt trước bức trướng) là Thiên Hoàng và Hoàng hậu hiện nay. Họ đều là những người cao sang cả …" Tôi lại hỏi: "Kia là Amaterasu-Omikami … Bà ấy là nữ thần cao nhất. Vậy tại sao họ lại ở chung trong một bức hình? Giữa Amaterasu và Nhật Hoàng hiện nay có quan hệ gì?" "Tôi không biết, nhưng cả hai người đều có trong hình có lẽ do bà ấy là kamisama cao nhất còn ông ấy là người đứng đầu đất nước, hay là người cao quý nhất ở Nhật Bản." "Vậy Nhật Hoàng không phải là kamisama à?" "Không, ông ấy chỉ được tôn thờ như một vị thần thôi …, chứ không phải là thần thật. Ông ấy cũng là người, một người rất cao quý." … "Nếu cảnh sát nghe thấy những lời ta nói, anh ta sẽ trói tôi lại và cho tôi vào tù. Nhưng không có ai nghe thấy nhỉ?" Tôi nói rằng có lẽ chúng tôi không việc gì. Bà ấy lại ra ban công, quét dọn và phơi phóng đồ sơn mài. Ra là họ tôn thờ Nhật Hoàng thế đấy!

Cho dù đây chỉ là những câu hỏi nhập đề của Wiswell nhưng cuộc phỏng vấn được thực hiện trong thời điểm cao trào của "phong trào tuyên truyền về quốc thể" này cho thấy những hoạt động tuyên truyền đề cao sự sẵn sàng chiến đấu vẫn chưa thâm nhập sâu rộng trong dân chúng. Cuộc sống ở nông thôn vẫn chưa bắt kịp các mục tiêu chính trị của Lục quân và Hải quân. Sự bất kính phi lý tưởng đối với Nhật Hoàng và sự thờ ơ hay thiếu tin tưởng đối với các truyền thuyết nền tảng là thực tại đằng sau những cố gắng tuyên truyền về Thần đạo và đây là những trở ngại rất khó vượt qua.

Trước thềm cuộc chiến tranh tổng lực với Trung Quốc, theo lệnh của Bộ giáo dục, các trường công lập ở Nhật đã đưa các truyền thuyết Thần đạo vào giáo trình coi như những sự kiện lịch sử, giáo lý Thiên Hoàng đã hòa làm một với tinh thần bài xích phương Tây, từ đó xây dựng sẵn nền tảng tư tưởng để biến Hirohito thành một bậc hiền vương của toàn cõi châu Á, có trách nhiệm bảo vệ không chỉ Nhật Bản mà còn cả châu Á trước sự xâm lăng của phương Tây. Hình ảnh Minh Trị Thiên Hoàng như một vị vua có phong cách phương Tây đứng lên bảo vệ (một mình) nước Nhật trước chủ nghĩa đế quốc Tây phương cũng nhờ đó được nâng cao, thậm chí vượt quá cả thực tế. Từ lúc này trở đi, người ta thấy một cuộc xung đột sâu sắc trong hệ tư tưởng chính thống giữa việc nhấn mạnh sự độc tôn tuyệt đối của nước Nhật thiêng liêng và một bên là lý tưởng của cả châu Á chú trọng những đặc trưng cơ bản chung giữa người Nhật và các dân tộc châu Á khác.

I

Vào mùa xuân và mùa hè năm 1933, Hirohito phải đối mặt với những vấn đề về kỷ cương trong quân đội và những đợt công kích nhằm vào đám quan lại thân cận của ông từ phía quân đội, từ Đảng Seiyukai, từ hội đồng quân cơ và các tổ chức dân sự cánh hữu. Quân đội chỉ trích cá nhân Hirohito vì đã "cản trở Lục quân." Họ gọi ông là một "kẻ tầm thường" bất tài bị các cận thần thao túng. Số khác thì phàn nàn sau lưng rằng ông không coi trọng việc nước bằng những trò tiêu khiển riêng như nghiên cứu sinh học đại dương, chơi quần vợt, chơi gôn và thậm chí là cả mạt chược. Những sĩ quan tham mưu trẻ ở Mãn Châu rất bực bội khi nghe nói ông không ưa chiến tranh. Ngay người trong Hoàng tộc cũng tỏ ra chê trách. Em trai ông, Hoàng thân Chichibu và các Công chúa Higashikuni và Kaya thường xuyên kể

tảisáchhay

lại rằng các sĩ quan trẻ không bằng lòng với thái độ dựa dẫm của Hirohito vào các quan lại thân cận.

Một năm trước, năm 1932, Hoàng thân Chichibu, người thứ hai kế vị ngai vàng và cũng là người em trai mà Hirohito ít gần gũi nhất, liên tục khuyên ông thực hiện "quyền lực Thiên Hoàng trực tiếp" – cho dù điều đó có nghĩa là phải tạm huỷ bỏ hiến pháp. Lúc đó, Nhật Hoàng đã bảo với Nara về ý định của mình muốn thuyên chuyển Đại uý Chichibu khỏi Trung đoàn Bộ binh số 3 do ông này đã "trở nên rất cấp tiến" tại đây. Dưới quyền chỉ huy của Tướng Yamashita Tomoyuki (Hobun), trung đoàn này là nơi sản sinh ra nhiều sĩ quan trẻ theo chủ nghĩa dân túy, trong đó có Nonaka Shiro, người hai năm rưỡi sau đã tham gia lập kế hoạch và thực hiện cuộc binh biến tháng 2 năm 1936. Là người đứng đầu Hoàng tộc, Hirohito cho thuyên chuyển Chichibu về Tổng hành dinh Ban tham mưu Lục quân ở Tokyo, và sau đó tới một ban chỉ huy khu vực ở vùng Hirosaski xa xôi thuộc tỉnh Aomori.

Tháng 4 năm 1933, Hirohito phải cố tìm cách ngăn chặn phong trào của các sĩ quan trẻ bằng cách hối thúc Nara lệnh cho chánh thanh tra ban quân giáo, Hayashi Senjuro, một người đối nghịch với Bộ trưởng Lục quân Araki, thực hiện các "biện pháp giáo huấn" thích hợp nhằm chống chủ nghĩa cực đoan trong quân đội. Đây lại là một ví dụ nữa về cơ chế cai trị gián tiếp ba tầng. Tuy nhiên, Araki không dễ gì từ bỏ sự hậu thuẫn đối với các sĩ quan trẻ. Ông này chống đối Nhật Hoàng bằng cách vận động xin miễn tội cho các học viên sĩ quan, trung úy và thiếu úy Hải quân (cùng một thường dân) bị kết án trong cuộc đảo chính không thành ngày 15 tháng 5 và vụ ám sát Thủ tướng Inukai.

Trong suốt mùa hè, các báo đài đều tường thuật những vụ xét xử riêng rẽ của Lục quân và Hải quân đối với những kẻ bị kết án. Sự ủng hộ những "tín đồ *quốc thể* chân chính" này dâng cao và các quân nhân dự bị trên toàn Nhật Bản và các thuộc địa đã thu thập được hơn 75.000 chữ ký trong đơn kiến nghị kêu gọi giảm án cho họ. Ngày 11 tháng 9 năm 1933, một phiên tòa quân sự của Hải quân đã khép tội tử hình đối với Koga Kiyoshi và ba phạm nhân thuộc Hải quân khác nhưng sau đó đã giảm án xuống còn 15 năm tù giam. Một phiên tòa quân sự khác của quân đội còn đưa ra mức án nhẹ hơn (4 năm tù) cho 11 sĩ quan quân đội trẻ tham gia đảo chính. Phạm nhân dân sự duy nhất được xét xử tại một phiên tòa dân sự, không có sự hậu thuẫn của những tổ chức có thế lực đứng đằng sau và phải nhận án chung thân. Vào thời điểm này, các tòa án ở Nhật thường đối xử khoan hồng với những kẻ phạm tội binh biến và ám sát nếu họ chứng minh được hành động của mình hoàn toàn xuất phát từ lòng ái quốc trong khi những phạm nhân dân sự bình thường bị xử ở tòa dân sự hiếm khi có được sự khoan hồng đó.

Hai tuần sau phiên tòa quân sự của Hải quân, Hoàng thân Takamatsu, người từng đóng quân trên cùng một chiến hạm với một số kẻ phạm tội, ghi trong nhật ký của ông rằng những "hành động bạo lực" của họ là:

" … hoàn toàn tự giác … Là quân nhân, họ muốn kết thúc tình trạng tham nhũng của các đảng phái chính trị, sự ích kỷ của các *zaibatsu,* sự tê liệt của các làng xã nông nghiệp, sự băng hoại đạo đức xã hội và thái độ của các chính khách … Nhưng các vấn đề xã hội không phải là mục tiêu trước mắt của họ. Thay vào đó, mục tiêu chính của họ là chuyển hướng sự

tảisáchhay

bất mãn và bất tín đối với các lãnh đạo Hải quân thành một trật tự hoàn hảo. Nhiều người (trong Hải quân) coi cải cách xã hội là một vấn đề thứ yếu … Với tiền lệ đã có, nhiều khả năng các nhân sĩ trong Hải quân sẽ tổ chức một biến cố 15 tháng 5 thứ hai … chúng ta phải vãn hồi kỷ cương và trật tự trong Hải quân ngay lập tức."

Phục hồi kỷ cương và trật tự trong quân đội trở thành mối quan tâm chính của Hirhito và các quân sư trong triều sau sự thành lập của nội các Okada vào tháng 7 năm 1934. Bề ngoài, đây là một vấn đề hai mặt: một là ở biên ngoại, quân Quan Đông và số nhỏ Lực lượng Trấn thủ Trung Quốc đóng ở vùng Bắc Kinh – Thiên Tân đã bắt đầu bàn kế gây ảnh hưởng của Nhật ở miền Bắc Trung Quốc trong khi Tokyo chưa biết liệu họ có thành công hay không. Đồng thời, các sĩ quan quân đội cấp tiến mong muốn cải cách ngay đang tìm cách kích động mối bất hòa trong giới dân sự và chủ nghĩa cực đoan trong nước, coi đó là cách để tự mình thâu tóm quyền lực. Đòi hỏi phải có sự lãnh đạo mạnh mẽ từ trung ương trở nên rõ ràng trong năm 1935 nhưng cả triều đình và nội các Okada đều có phản ứng chậm chạp. Các sĩ quan triển khai chính sách quốc gia ở địa phương thường bất đồng với các sĩ quan thuộc bộ tổng tham mưu ở Tokyo, những người tham gia soạn thảo chính sách, trong khi những nhà hoạch định chính sách trong bộ tổng tham mưu lại hục hặc với những người đồng nhiệm trong các Bộ Lục quân và Hải quân cũng như Bộ ngoại giao. Nhiệm vụ của Nhật Hoàng là đứng ra giải quyết sự bất hòa này và kêu gọi đoàn kết nhưng thường không ra mặt trực tiếp. Đến tận năm 1935, ông vẫn đang mò mẫm tìm cách giải quyết vấn đề này.

Đặc biệt, những giao tranh nhỏ với quân kháng chiến chống Nhật ở khu phi quân sự giữa Mãn Châu quốc và miền bắc Trung Quốc khiến các tướng lĩnh mặt trận yêu cầu Tưởng Giới Thạch phải rút quân khỏi khu vực Bắc Kinh – Thiên Tân. Tưởng chấp nhận và vào tháng 6 năm 1935, phía Trung Quốc chấp thuận yêu cầu của quân Nhật sau khi ký Hiệp định Hà Ứng Khâm - Umezu Yoshijiro. Năm tháng sau, một ủy ban Tự trị Chống cộng sản ở tỉnh Hà Bắc Đông được thành lập tại khu phi quân sự dưới sự giám sát của quân Quan Đông. Các cơ quan tình báo quân đội sớm tận dụng "thành công" về ngoại giao này bằng cách ra mắt một chế độ bù nhìn thân Nhật thứ hai là ủy ban Chính sự Kisatsu ở Đồng Châu, dưới quyền Yin Ju-keng, một người Trung Quốc tốt nghiệp Đại học Waseda ở Tokyo có vợ là người Nhật.

Phản ứng của Hirohito với động thái ngoại giao tuỳ tiện này của các chỉ huy quân đội tại chỗ là chỉ định Makino, lúc này đã 74 tuổi, triệu tập một buổi thiết triều để tiến hành rà soát lại toàn bộ các chính sách đối với Trung Quốc. Theo những gì Makino ghi trong nhật ký ngày 15 tháng 6 thì Nhật Hoàng có nói: "Cho dù có hỏi *Trưởng lão* (Saionji) về vấn đề miền bắc Trung Quốc thì ông ấy cũng đang ở cách xa Tokyo và chính quyền. Trẫm không cho rằng ông ấy có thể cho ta lời khuyên bổ ích nào. Cần phải có một buổi lâm triều tuỳ theo tình hình (tại thời điểm xác định các chính sách quan trọng)." Nhưng do sự chia rẽ sâu sắc giữa các nhân vật chính trị lớn, chưa kể sự đối nghịch và phán đoán thường xuyên thiếu chính xác của Saionji và Makino, không có buổi thiết triều nào được triệu tập.

II

Những hành động của quân Quan Đông và Lực lượng Trấn thủ Trung Quốc nhằm chia cắt miền Bắc Trung Quốc chỉ càng làm tăng thêm sự phản kháng của Trung Quốc. "Học thuyết

tảisáchhay

Monroe" của Nhật về châu Á trở thành nguyên nhân xung đột trước mắt với Mỹ và Anh. Trong khi đó, những tranh cãi trong nước về quốc thể đang được nhen nhóm lại, dần dần dẫn đến sự mất lòng tin của đông đảo dân chúng vào những thế lực cầm quyền trong nước. Trong gần một thập kỷ, phe triều đình đã cố gắng "thanh lọc" chính thể quốc gia – nói cách khác là ngăn cản những tư tưởng chống quân chủ và truyền bá lý luận vào một mớ hỗn độn những tuyên bố và lập luận tri thức về bản chất quốc gia. Giận dữ trước sự chậm chạp trong cải cách chính trị, các lãnh đạo quân đội quyết định tiến hành chiến dịch riêng của mình để khuếch trương lý tưởng dân tộc Nhật Bản với khái niệm quốc thể và huyền thoại về dòng dõi Thiên Hoàng thiêng liêng.

Chiến dịch này khởi phát từ Hạ viện vào ngày 18 tháng 2 năm 1935 bằng một cuộc công kích "lý thuyết bản thể" của Minobe về vị trí của Nhật Hoàng và gọi đây là "tư tưởng phản quốc của một kẻ nổi loạn có học". Diễn giả là Nam tước Kikuchi Takeo, một vị tướng về hưu và là thành viên của Hội Dự bị Hoàng tộc cũng như Kokuhonsha, một tổ chức cấp tiến cánh hữu có vai vế trong nền chính trị chính thống Nhật Bản. Kikuchi yêu cầu chính phủ của Okada ra lệnh huỷ bỏ các tác phẩm của Giáo sư Minobe. Một tuần sau đó, Minobe lên tiếng tự bảo vệ trong khi bên ngoài nhà Nghị viện các nhóm cánh hữu liên kết với sĩ quan ủng hộ phe quân chủ biểu tình chống lại ông này.

Đầu tháng Ba, Thiếu tướng dự bị Eto Genkuro kết tội tại Hạ viện rằng ít nhất hai cuốn sách của Minobe là cuốn *Kenpo satsuyo (Trích yếu hiến pháp)* và cuốn *Tsuiho kenpo seigi (Bàn thêm về hiến pháp*) đáng bị coi là phạm tội khi quân. Không lâu sau, vào ngày 04 tháng 3, Thủ tướng Okada đành chấp nhận nhượng bộ phe quá khích bằng cách tuyên bố tại Nghị viện rằng "không có ai ủng hộ thuyết bản thể Thiên Hoàng".

Sang tháng sau, sau khi Nghị viện tạm nghỉ, Okada và các bộ trưởng nội các đã yêu cầu Minobe xin thôi giữ các chức vụ mà Thiên Hoàng ban cho và tiến hành các biện pháp hành chính đối với các ấn phẩm của ông này. toàn bộ hệ thống hành chính quốc gia được chỉ thị không được gọi Nhật Hoàng là một "bản thể" của quốc gia. Quan chức Bộ Giáo dục chỉ thị cho thống đốc các tỉnh và người đứng đầu các cơ sở giáo dục đại học tham gia đóng góp ý kiến làm rõ khái niệm *quốc thể* thiêng liêng, tiếp theo là một loạt các cuộc điều tra sách, báo, bài giảng của các giảng viên luật khoa ở các trường đại học quốc gia. Các ban, bộ trên toàn quốc tổ chức hội thảo bàn về ý nghĩa của khái nhiệm *quốc thể* và tinh thần dân tộc. Để phổ biến các bài giảng và đưa chương trình mới vào giảng dạy, họ tuyển dụng các chuyên gia về tư tưởng tự tôn dân tộc, các học giả chống chủ nghĩa tự do và những kẻ ủng hộ các luận thuyết Quốc xã.

Trên thực tế, để chống lại phong trào cấp tiến trái phép tố cáo Minobe xuyên tạc hiến pháp, Okada đã phát động cả một chiến dịch làm trong sạch *quốc thể* toàn quốc, được chính phủ bảo trợ, đồng thời thóa mạ các bài giảng của Minobe cũng như cấm một số sách và bài viết của ông. Chiến dịch danh chính ngôn thuận này được chính Hirohito ủng hộ. Để kiểm soát những phần tử cấp tiến trong lực lượng vũ trang và chống lại phong trào truyền bá *quốc thể* nhằm lật đổ Okada từ dưới lên, Nhật Hoàng đã trao quyền hành của mình vào một chiến dịch mang mầm mống cuồng tín không kiềm chế của chính phủ.

tảisáchhay

Ngày 6 tháng 4 năm 1935, Tướng Mazaki, Tổng giám thị quân giáo, một thành viên Kokihonsha của Hiranuma và cũng là người bí mật cấp vốn của quân đội cho các báo cánh hữu ra chỉ thị cho quân đội về vấn đề "làm rõ ý nghĩa của *quốc thể*". Trong đó, Mazaki nhắc nhở không chừa một ai rằng Nhật Bản là thánh địa nằm dưới sự cai quản của các Thiên Hoàng, cũng là những vị thần tiên trên trần thế. Vào thời điểm này, các nhóm dân sự cánh hữu về phe với quân đội cũng thành lập một Hội Quốc Liên nhằm Triệt tiêu Học thuyết Bản thể – Thiên Hoàng và "Hoàn thành việc làm sáng tỏ ý nghĩa về quốc thể". Thành viên của Hội Quốc Liên là ký giả Ioki Ryuzo và giảng viên luật khoa Nakatani Takeo cũng tán thành các tư tưởng chuyên chế trong việc tái thiết Nhật Bản theo mô hình của Đức. Tuy nhiên, mục tiêu trước mắt của Hội Quốc Liên này là loại bỏ Ichiki Kitokuro khỏi vị trí chủ trì hội đồng quân cơ của Nhật Hoàng và thủ tiêu ảnh hưởng của Makino và Saionji. Đảng đối lập Seiyukai với hy vọng lật đổ nội các của Okada cũng bắt tay với Hội Quốc Liên này.

Tình trạng công khai chống đối chính phủ trên toàn quốc về vấn đề quốc thể tiếp diễn trong suốt mùa xuân, hạ và thu năm 1935. Các sĩ quan cao cấp của Lục quân và Hải quân, Hội Dự bị Hoàng tộc với ảnh hưởng áp đảo trong quân đội (có chi hội ở tất cả các tỉnh) và một Hội Quốc Liên giữa nhiều nhóm cánh hữu nhỏ và một số nhóm lớn là những thành phần dẫn dắt cuộc chống đối này, đồng thời những phe phái tôn giáo bề ngoài tỏ vẻ khuất phục quốc gia, như nhóm "Trung quân Omotokyo", cũng tham gia chiến dịch. Vào tháng 8, khi các công tố viên huỷ cáo buộc phạm thượng với Minobe với lý do ông này không cố ý phạm tội thì phong trào chống chính phủ nhằm vào luận thuyết của ông lại dấy lên. Theo sau là đòi hỏi rằng không một ai được chối bỏ sự thật Nhật Bản là một "quốc gia vô song" dưới sự trị vì của một vị Hoàng đế linh thiêng, cao quý, uy nghiêm và cũng không ai được phép chỉ trích công khai chi tiêu ngân sách của quân đội".

Đằng sau những sự công kích này là cả một tham vọng về ý thức hệ nhằm hạ thấp uy tín của không chỉ một cách diễn giải hiến pháp Minh Trị cụ thể mà là mọi cách diễn giải về hiến pháp, dù là của Minobe hay đối thủ của ông, nếu những diễn giải đó nhằm cách ly Nhật Hoàng ra khỏi quốc gia. Các lãnh tụ của "Liên minh Đả phá Thuyết Bản thể Thiên Hoàng" ra sức tranh giành nhằm loại bỏ quyền cố vấn của các bộ trưởng trong quốc gia và quay trở về một cơ chế cai trị quyền biến hơn trong đó tiếng nói của quân đội sẽ được tự do chuyển hóa thành chính sách quốc gia. Ở vị trí cao nhất của Hội Quốc Liên là các tướng lĩnh trung quân Mazaki và Araki, Phó chủ tịch hội đồng quân cơ Hiranuma, một số chính khách Seiyukai và các đối tượng cánh hữu ngoài chính phủ như Ioki. Yêu sách của họ chính là các cải cách cấp tiến, như đã nêu trong khẩu hiệu của Ioki là "khôi phục thời đại Chiêu Hoà", khiến cho chiến dịch chống Minobe trở thành một hiểm họa đối với nội các của Okada và sau đó là bản thân Hirohito. Khi các Bộ trưởng Lục quân và Hải quân đăng đàn diễn thuyết trong hội nghị của phe Dự bị Hoàng tộc nhóm họp ở Tokyo cuối tháng 8 năm 1935, công khai bày tỏ sự ủng hộ phong trào cấp tiến chống Minobe thì cũng là lúc nội các Okada nhận ra rằng khủng hoảng đang cận kề và phải lập tức hành động.

Để kiềm chế sự chống đối, Okada buộc phải đưa ra một tuyên bố thứ hai định nghĩa rõ về *quốc thể*. Dựa trên bản thảo do Bộ Lục quân soạn thảo và sau đó được các quan chức dân sự chỉnh sửa sau khi thảo luận với các thứ trưởng Lục quân và Hải quân, tuyên bố này nêu rõ: "Ở nước ta, 90 triệu thần dân đều tin tưởng tuyệt đối rằng Thiên Hoàng là người thực thi

tảisáchhay

chủ quyền quốc gia. Về điểm này, không một ai trong chính phủ có bất đồng ý kiến nào dù là nhỏ nhất. Do đó, thuyết bản thể Thiên Hoàng không phù hợp với sự nhất trí này và phải bị bãi bỏ." Trên thực tế, Okada đã hai lần chính thức bài trừ luận thuyết hiến pháp của Minobe, coi đó là một học thuyết đối nghịch. Sau khi đưa ra lời tuyên bố thứ hai, các lãnh đạo quân đội cấp cao đã ngừng ủng hộ những hành động nhằm lật đổ nội các. Đến thời điểm này, Bộ giáo dục cũng bắt đầu xây dựng một hệ tiêu chuẩn đạo đức mới về các quan niệm xã hội Khổng giáo, thuyết siêu hình Phật giáo và chủ nghĩa sô-vanh dân tộc Thần đạo. Một mặt trận thống nhất của các tổ chức cánh hữu được hình thành, quyết tâm "Đả đảo!" các tư tưởng của Mỹ và châu Âu và "Hoan nghênh" sự hình thành các thể chế Nhật Bản trên cơ sở các nguyên lý trung quân.

Về mặt học thuyết, một trong những tội chính của Minobe trong mắt giới Lục quân và những kẻ đầu cơ chính trị là việc ông khẳng định (một cách chính xác) rằng quyền chỉ huy tối cao của Nhật Hoàng không phải là chức trách của các bộ trưởng nhà nước. Bởi vậy mà "phạm vi áp dụng" của điều khoản này phải được Nghị viện hạn chế chặt chẽ nếu như Nhật Bản muốn có một chế độ "hai nhà nước", có luật pháp, quy chế được xây dựng từ các luồng tư tưởng độc lập. Ông cảnh báo rằng trong trường hợp quá khích, quyền lực của quân đội có thể "kiểm soát chính phủ và sẽ không thể hạn chế được tổn thất do quân đội gây ra."

Minobe không chỉ dừng lại ở việc chỉ trích quân đội vì đã can thiệp vào công việc quốc gia mà ông còn diễn giải Điều 3 trong hiến pháp Minh Trị ("Thiên Hoàng là thiên tử và bất khả xâm phạm") theo ý nghĩa đơn giản là theo luật, Nhật Hoàng sẽ không bị xét xử vì những quyết định của mình trong công việc quốc gia. Nếu Nhật Hoàng được phép tự do điều hành nền chính trị theo ý mình "thì người không thể mong muốn rằng mình sẽ không bị trói buộc về trách nhiệm và kết quả tất yếu là sẽ làm tổn hại đến thanh danh của Hoàng tộc." Nói cách khác, Minobe cho rằng hiến pháp Nhật bản có đề ra những giới hạn về quyền lực của nhà vua cho dù bản thân Nhật Hoàng là bất khả xâm phạm. Vì không muốn coi Nhật Hoàng là người trị vì "tuyệt đối" với trách nhiệm chính trị, Minobe đã đưa ra lập trường phản đối quan niệm vương trị trực tiếp và chuyên chế mà các lãnh đạo quân đội ủng hộ. Ngoài ra, Minobe còn lập luận thêm rằng các chiếu chỉ của vua về các vấn đề quốc gia không phải là "thiên ý và bất khả xâm phạm" mà có thể bị Nghị viện và quốc dân góp ý, phê bình. Chỉ có những chiếu thư về các vấn đề luân lý và không có chữ ký của các bộ trưởng quốc vụ viện mới không thể bị bàn cãi.

Với mong muốn mọi việc phải diễn ra hoàn toàn theo ý mình, nhiều lãnh đạo quân đội đã phản đối Minobe bằng cách lật lại một lý thuyết trong hiến pháp về quyền thiêng liêng có ý nghĩa hoàn toàn đối lập với các khái niệm "thiêng liêng" và "bất khả xâm phạm". Họ tìm thấy cách diễn giải Điều 3 mà họ đang cần trong lời lẽ của Uesugi:

"Thiên Hoàng (của chúng ta) là thiên tử và là vị thần tiên sống cai trị đất nước. Người có nguồn gốc từ thần linh khác biệt với các thần dân … Như vậy rõ ràng Điều 3 trong hiến pháp nước ta có bản chất hoàn toàn khác so với nội dung tương tự trong hiến pháp của các nước khác."

tảisáchhay

Cách cắt nghĩa của Uesugi đã thắng thế vì nó không thừa nhận nền quân chủ lập hiến theo kiểu Tây phương cũng không phương hại đến ảnh hưởng của giới quân đội đối với quyền lực tối cao. Hơn nữa, quan điểm của ông này vốn đề cao vị trí tuyệt đối của Nhật Hoàng cũng gần gũi với thực tế hiến pháp 1889 hơn luận điểm của Minobe là đi tìm lý lẽ hợp lý hóa sự chuyển giao quyền hành từ tập đoàn cai trị Satsuma-Choshu sang nội các đảng phái.

Tuy nhiên, nhiều đối tượng cực hữu tin vào "sự sáng tỏ *quốc thể*" vẫn cố gắng tìm cách bãi bỏ lối diễn giải hiến pháp như trên. Trong khi Minobe đang vật lộn để không bị cuốn vào vòng xoáy tranh cãi về *quốc thể* điên rồ này cũng như các chiến dịch chống lại ông và Okada (bị coi là quá ôn hòa vì không quyết tâm thực hiện cải cách triệt để) đang lan rộng thì những sự công kích mị dân nhằm vào các quan cận thần trong triều cũng gia tăng. Trước đó, những lời cáo buộc các quan chức cấp cao trong triều có hành vi sai trái đã buộc Bộ trưởng Nội chính Hoàng gia Ichiki và thứ trưởng Sekiya từ chức. Kawai cũng từ chức và chuyển sang đảm nhiệm vị trí Chánh văn phòng tài vụ nội chính Hoàng gia. Kido, thành viên có năng lực chính trị nhất trong các quan lại triều đình tiếp tục giữ chức thư ký của Makino và từ tháng 8 năm 1933 đảm nhiệm thêm chức vụ chủ tịch Ban Hoàng tộc và Phù hiệu, với nhiệm vụ trông nom Hoàng tộc. Giờ đây, hai phong trào "định rõ *quốc thể*", một từ trên xuống và một từ dưới lên đã thúc đẩy hơn nữa quá trình tái cơ cấu. Makino từ chức vào cuối năm 1935; vài tháng sau Hiranuma đáp ứng mong ước của ông là kế nhiệm chức chủ tịch hội đồng quân cơ thay Ichiki. Tuy nhiên, những người theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan không thỏa mãn với sự xáo trộn này trong các chức vụ triều đình và sự suy yếu của nội các Okada. Chỉ khi tiếng nói của quân đội trong các công việc quốc gia được củng cố và giá trị lợi dụng của Nhật Hoàng được đẩy lên đến đỉnh điểm thì những người này mới chịu để tình hình ổn định trở lại.

Khi Chánh trợ lý Honjo thông báo cho Hirohito về những mũi dùi công kích đang lan rộng nhằm vào nội các của Okada và các tranh cãi tại Nghị viện về các luận thuyết hiến pháp thì Nhật Hoàng, lúc này đã 34 tuổi, đã không có hành động nào nhằm can thiệp hay kết thúc vòng xoáy điên cuồng mà bản thân ông không hề bị nhắc đến này. Ông ngầm phán bảo Honjo rằng "luận điểm về quyền quân chủ" là "tốt hơn". Nhưng ở một đất nước như Nhật Bản, "Thiên Hoàng và quốc gia nói chung là một nên dù (lý thuyết) thế nào thì cũng chẳng hề gì." Hàng thập kỷ công sức bỏ ra nhằm khẳng định cơ chế cai trị nghị viện theo hiến pháp Minh Trị đang có nguy cơ trở thành vô ích trong cuộc "tranh cãi" này, nhưng Hirohito vẫn tỏ ra thờ ơ. Hơn nữa, như Honjo đã cáo buộc trong nhật ký của mình, Hirohito bảo với ông rằng: "Khi xử lý các vấn đề quốc tế như hiệp ước lao động và các vấn đề về nợ thì lý thuyết bản thể sẽ có lợi."

Những lời nói thiếu nhất quán này cho thấy thái độ của Hirohito, đó là bảo vệ các quan lại triều đình như Ichiki Kitokuro nhưng né tránh sự gắn kết với những lối cắt nghĩa hiến pháp cụ thể về vai trò của ông trong cai trị đất nước. Sau chiến tranh, khi bàn về những cuộc công kích nhằm vào lối diễn giải duy lý của Minobe về hiến pháp Minh Trị, Hirohito nhận xét rằng:

"Dưới thời nội các Saito (nguyên văn: Okada) (năm 1935), lý thuyết hữu cơ Thiên Hoàng trở thành chủ đề bàn luận rộng khắp. Trẫm từng bảo Chánh trợ lý Honjo nói với Mazaki

tảisáchhay

Jinzaburo rằng trẫm muốn ví quốc gia như một cơ thể sống trong đó Thiên Hoàng là đầu não. Nếu sử dụng từ "bộ phận cơ thể" thay cho "bản thể" theo ngữ nghĩa xã hội thì sự liên hệ giữa trẫm và *quốc thể* sẽ không hề bị ảnh hưởng … Ngoài ra còn vấn đề về "thần thánh". Trẫm không rõ Honjo hay Usami (Okiie) có gọi trẫm là thánh sống hay không. Trẫm đã bảo với ông ấy rằng trẫm không muốn bị gọi như vậy vì trẫm cũng có một cơ thể như những người bình thường khác mà thôi."

Thực ra, quốc gia đối với Hirohito không phải là một thực thể tự tồn tại độc lập, có khả năng đáp ứng các yêu cầu của cả kẻ bị cai trị và người cai trị mà nó phải có một vị vua với chức năng như "bộ não" của cơ thể. Về điểm này, Hirohito luôn đứng giữa lý thuyết duy lý, hiện đại về quốc gia của Minobe và thuyết chuyên chế của Uesugi, luận thuyết mà dưới áp lực của quân đội đã trở thành giáo lý chính thống kể từ năm 1935. Hirohito cũng nhận ra rằng truyền thuyết về vị thánh sống cũng hữu ích trong việc nâng cao tiếng nói của ông trong quá trình quyết sách và củng cố sự trung thành với ông của quân đội. Hơn nữa, việc bãi bỏ luận thuyết của Minobe là một cách để kiểm tra xem còn ai có ý định sửa đổi hiến pháp Minh Trị qua diễn giải nữa hay không. Do đó ông đã cho phép Minobe, người phủ quyết quyền lực chuyên chế của ý chí Thiên Hoàng và truyền bá rằng Nghị viện có thể tự do cho ý kiến về luật pháp, quy chế mà Thiên Hoàng ban xuống, được rời bỏ đời sống xã hội. Và thế là người dân Nhật được khuyến khích tiếp tục sống với ý nghĩ Thiên Hoàng là một ông thánh sống.

Tuy thế, cá nhân Hirohito cũng không thể thoải mái với một phong trào đòi tước bỏ quyền tự do của ông. Ông cũng nhận ra rằng sự tham gia của dân thường vào những cuộc tranh luận chống chính phủ về việc cắt nghĩa *quốc thể* có thể làm suy giảm lòng tin vào những cá nhân nắm đặc quyền quốc gia và hạ thấp cả quyền lực nhiệm màu của chính ông. Tuy nhiên ông đã không làm gì để ngăn chặn cuộc tranh cãi ầm ĩ xung quanh ngôi báu của mình để nó không leo lên tầm mức mới của sự cuồng tín. Nếu Hirohito có lúc nào nghĩ rằng những phần tử cánh hữu trong quân đội đang suy nghĩ và hành động sai lạc thì ông cũng không bao giờ để lộ ra suy nghĩ đó. Những lời nói nhạo báng của ông với Honjo chủ yếu thể hiện tính trung dung, sự bực bội của ông với những lời công kích của quân đội đối với các cận thần của mình và ông tin rằng thể chế hiến pháp tạo dựng dưới thời ông nội ông phù hợp với mọi loại hình chính phủ độc tài. Ông được dạy dỗ để đóng vai trò tích cực trong quyết sách về chính trị và quân sự; ông cũng muốn làm như vậy và ông biết rằng nhiều người phản bác luận thuyết của Minobe cũng đang muốn tước bỏ chính cái quyền đó của ông.

Là một kẻ cuồng tín ngoan cố, Honjo liên tiếp gây áp lực để Nhật Hoàng thay đổi lối suy nghĩ về sự linh thiêng của mình. Trong phát biểu ngày 28 tháng 3 năm 1935, Honjo cho rằng: "Trong quân đội, chúng tôi luôn tôn thờ Thiên Hoàng như một vị thần thánh giáng thế nên nếu chỉ coi Hoàng thượng như người bình thường trong công tác quân huấn và chỉ huy, điều mà thuyết bản thể (của Minobe) mong muốn là vô cùng khó khăn." Hôm sau Hirohito cố giải thích thêm cho Honjo. Khi bàn về lời lẽ trong hiến pháp, ông chỉ ra rằng: "Điều 4 nói Thiên Hoàng là 'người đứng đầu quốc gia'. Đó cũng chính là điều thuyết bản thể nói. Nếu khanh muốn cải cách thuyết bản thể thì khanh không thể không cải cách hiến pháp".

tảisáchhay

Quan điểm của Hirohito về hiến pháp được nhào nặn bởi Shimizu Toru, người phản bác "thuyết bản thể Thiên Hoàng" nhưng đồng thời cũng phát hiện thấy khiếm khuyết trong lý thuyết của Uesugi. Cũng như Shimizu, Hirohito lưỡng lự giữa hai cách cắt nghĩa chính này. Ông không chịu ra mặt bảo vệ Minobe và vì vậy sự thắng thế của luận thuyết chuyên chế của Uesugi chỉ là vấn đề sớm muộn. Về cơ bản, Hirhito giữ quan điểm bảo vệ và củng cố Hoàng gia, giảm triệt để tầm ảnh hưởng của các chính trị gia chuyên nghiệp được bầu cử trong hoạch định chính sách và chỉ cho phép cải cách hạn chế khi cần để đối phó với khủng hoảng. Ông luôn coi mình ngang hàng với quốc gia, cũng như tình thế quốc gia nên ông có khuynh hướng coi tất cả những người chống đối trật tự hiện hành là kẻ đối nghịch với ông và là mối đe doạ với quốc gia.

Về điểm sau cùng này ông không sai. Nhiều kẻ ủng hộ nền quân chủ trực tiếp đã bác bỏ thẳng thừng quan điểm về một quốc gia dựa trên luật pháp và theo đuổi chế độ chuyên chế không bị ràng buộc bởi bất cứ sự diễn giải hiến pháp nào. Hirohito không hề có ý định đi xa đến vậy. Điều trớ trêu là ở chỗ khi hy sinh Minobe, ông và nội các Okada đã cho phép phát động một cuộc chiến tranh chống dị giáo không chỉ quét sạch nền tự do tri thức mà còn xúi bẩy chủ nghĩa cấp tiến quân đội trong khi đây chính là điều họ đang cố kiềm chế.

III

Cuối năm 1934, một số sĩ quan theo phái trung quân ở Trường Thiếu sinh quân bị bắt vì bị nghi ngờ có mưu đồ đảo chính. Tuy không có ai bị kết tội trong vụ này nhưng ngay năm sau hai người trong cùng băng nhóm là Isobe Asaichi và Muranaka Takaji bị bắt lại vì truyền bá một tài liệu cáo buộc rằng các sĩ quan thuộc phái cầm quyền như Thiếu tướng Nagata Tetsuzan từng ra lệnh thực hiện âm mưu đảo chính lật đổ chính phủ. Lần này thì giới chóp bu trong quân đội phản ứng. Lời buộc tội của Isobe và Muranaka bị quy kết là bất trung và cả hai sĩ quan này đều bị tước quân hàm. Các sĩ quan khác theo phái trung quân lập kế trả đũa nhằm vào một người ủng hộ tịch cực của phái cầm quyền là Chánh văn phòng Quân vụ Nagata Tetsuzan, theo tin đồn là người đang âm mưu tổ chức một cuộc thanh lọc lớn để xoá bỏ tình trạng bè phái trong quân đội.

Tháng 8, 1935, sáu tháng sau phong trào dân túy tố cáo việc Minobe suy diễn hiến pháp, Trung tá thuộc phái trung quân Aizawa Saburo bước vào văn phòng của Nagata và rút thanh kiếm samurai chém chết ông này. Vào thời điểm ấy, cuộc tranh đấu trong nội bộ quân đội về cải cách nhà nước và đòi hỏi tăng chi tiêu quân sự, những nguyên nhân sâu xa đằng sau phong trào tố cáo Minobe, đã bước sang một giai đoạn nguy hiểm hơn.

Các lực lượng chống Okada trong quân đội, vẫn với những khẩu hiệu như "làm sáng tỏ *quốc thể*" và "phản đối thuyết bản thể" bắt đầu đẩy mạnh công kích các quan cận thần của Nhật Hoàng và những người trong Hoàng tộc khác. Các tướng lĩnh cấp cao theo phái trung quân tổ chức một tòa án quân sự công khai xét xử Aizawa tại Sư đoàn Một, một ổ nhóm của các sĩ quan trung quân tại Tokyo. Khi phiên tòa trá hình xử Aizawa khai mạc ngày 12 tháng 1 năm 1936, các luật sư của ông này đã nhanh chóng biến sự kiện thành nơi đọc bản cáo trạng tinh thần đối với nội các Okada, các quan lại triều đình và học thuyết hiến pháp của Giáo sư Minobe. Họ không chỉ dành được sự ủng hộ rộng khắp ở nhiều nơi trên đất nước mà cả

tảisáchhay

những nơi ít người nghĩ đến như Hoàng cung, khi chính mẹ đẻ của Hirohito, Hoàng thái hậu Teimei Kogo, lúc đó là một người có tư tưởng cánh hữu sâu sắc, tỏ thái độ thông cảm với Aizawa. Tuy nhiên, trước khi phiên tòa tiếp tục thì bị một cuộc binh biến ở thủ đô làm gián đoạn. Việc Bộ trưởng Lục quân Hayashi sớm bãi chức Tổng giám quản quân giáo của Tướng theo phái trung quân Mazaki và việc ra lệnh thuyên chuyển toàn bộ Sư đoàn Một tới Mãn Châu đã châm ngòi cho cuộc binh biến lớn nhất trong lịch sự Nhật Bản cận đại.

Khoảng 5 giờ sáng ngày 26 tháng 2 năm 1936, cuộc khẩu chiến xung quanh *quốc thể* kéo dài suốt năm 1935 bùng phát thành một cuộc nổi loạn. Hai mươi hai sĩ quan quân đội cấp thấp, chỉ huy hơn 1.400 binh sĩ và hạ sĩ quan vũ trang đầy đủ từ ba trung đoàn thuộc Sư đoàn Một, cộng với một đơn vị bộ binh thuộc Cấm vệ quân dấy binh tại trung tâm thành Tokyo phù đầy tuyết trắng. Họ chiếm giữ Bộ Lục quân, Trụ sở Cảnh sát Đô thành và tiếp tục tấn công dinh thự, cả công lẫn tư, của các chính khách kỳ cựu và bộ trưởng nội các. Nhóm nổi dậy gồm 1.027 lính mới nhập ngũ từ tháng Giêng đã sát hại Tổng quản quốc ấn Saito Makoto, Bộ trưởng tài chính Takahashi và Chánh thanh tra Quân giáo mới bổ nhiệm, Tướng Watanabe Jotaro, một người ủng hộ có tiếng thuyết hiến pháp của Minobe. Họ còn giết hại 5 cảnh sát, làm bị thương Quan thượng thư Suzuki và nhiều người khác. Khi cuộc tàn sát đang tiếp diễn thì những kẻ khởi nghĩa khác tấn công văn phòng các báo *Asahi Shinbun* và *Tokyo nichi nichi shinbun*. Vừa hô to "Lũ phản bội!", họ vừa hất văng những khay kẽm và bắn súng lên trời.

Nhưng chỉ sau một vài giờ đầu của cuộc nổi loạn, tình hình bắt đầu xấu đi. Tuy các sĩ quan nổi dậy đã giết chết thư ký của Thủ tướng Okada nhưng Okada và Quan thủ ấn Makino trốn thóat. Quân khởi nghĩa không chiếm được Cổng Sakashita vào Hoàng cung và vì vậy mà trong cung vẫn liên lạc được với bên ngoài và họ cũng không có chuẩn bị gì để đối phó với Hải quân. Tại Yokosuka, chỉ huy căn cứ Hải quân, Thiếu tướng Yonai Mitsumasa và tham mưu trưởng Inoue Shigeyoshi ra lệnh cho thuỷ quân lục chiến trấn giữ văn phòng Bộ Hải quân và tập hợp chiến hạm tại Vịnh Tokyo để sẵn sàng dập tắt cuộc nổi loạn. Sáng ngày 28 tháng 2, sau khi đàm phán thông qua các sĩ quan thân cận trong trụ sở trung ương Lục quân không có kết quả, người chỉ huy thiết quân luật từ khu vực chiếm đóng truyền đi chiếu chỉ giải tán. Hầu hết binh sĩ đều trở về doanh trại, một sĩ quan tự vẫn, các lãnh đạo quân nổi dậy khác đầu hàng và cuộc nổi dậy bị dẹp tan mà không có thêm vụ đổ máu nào. Lệnh thiết quân luật ở Tokyo sau đó còn kéo dài thêm gần 5 tháng nữa.

Các sĩ quan nổi dậy ban đầu dự tính nhờ Tướng Kawashima, người có liên hệ với phe trung quân, bẩm báo chủ trương của mình lên Nhật Hoàng để sau đó Nhật Hoàng sẽ truyền chỉ tuyên bố "khôi phục chế độ Chiêu Hòa". Tuy có mục tiêu cấp tiến là lật đổ trật tự chính trị hiện tại nhưng quân nổi dậy (giống như những kẻ cực đoan thuộc quân đội và dân sự khác thời kỳ 1930) tự cho rằng hành động của mình là hợp pháp và chủ định hành động trong khuôn khổ chế độ quân chủ và *quốc thể*. Họ coi Nhật Hoàng chỉ là kẻ bù nhìn trong tay các quân sư của mình và không có quyền tự quyết thật sự. Họ cho rằng một khi Tổng quản quốc ấn và quan thượng thư bị loại bỏ thì có thể thuyết phục Nhật Hoàng ban chức Thủ tướng cho Tướng Mazaki, người anh hùng mà họ luôn tin tưởng có thể chấn hưng quân đội và giải quyết vấn đề Trung Quốc.

tảisáchhay

Ban đầu cuộc nổi dậy, họ đã có cơ hội thành công. Chỉ huy cảnh sát quân sự Tokyo, Tướng Kashii Kohei là một người ủng hộ phe trung quân; Chánh trợ lý, Tướng Honjo là bố vợ của sĩ quan nổi dậy, Đại uý Yamaguchi Ichitaro và trong các căn cứ quân sự trên khắp nước đều có những người ủng hộ quân khởi nghĩa.

Theo nhà sử học Hata Ikuhiko, quân nổi dậy đã liên hệ với Tướng Honjo cả bằng điện thoại và thư từ trước khi tấn công vào nội các Okada. Là người đầu tiên trong nhóm quan lại trong triều biết về cuộc binh biến, nếu muốn Honjo có thể cảnh bảo để những người là đối tượng của quân nổi loạn đề phòng nhưng ông này đã không làm như vậy. Khi Honjo tới nghị triều vào lúc 6 giờ sáng thì Chánh thư ký Kido, Bộ trưởng tổng quản triều đình Yuasa Kurahei và Phó thượng thư Hirohata Tadakata đều đã hay tin Saito bị sát hại và Suzuki bị thương nặng. Cả Nhật Hoàng cũng đã biết. Vào hồi 5:40 sáng, quan thị thần trực đêm Kanroji Osanaga đánh thức Hirohito và phi báo cho ông rằng các bộ trưởng và cố vấn cũ của ông vừa bị tấn công và bên ngoài đang có biến.

Từ lúc biết có chuyện xảy ra, Hirohito đã quyết tâm dập tắt cuộc nổi loạn, phần thì tức giận vì các bộ trưởng bị sát hại phần cũng lo sợ quân nổi dậy có thể đã thu nạp em mình, Hoàng thân Chichibu hòng buộc ông thoái vị. Ông mặc quân phục, triệu vời Honjo và ra lệnh cho ông này "lập tức chấm dứt cuộc nổi dậy và đưa tình hình trở lại bình thường". Sau khi Honjo lui ra, Hirohito ban bố chiến lược do Kido soạn thảo để bộ trưởng Tổng quản Hoàng gia Yuasa tấu đọc. Sáng hôm đó, Kido đã phản ứng rất nhanh khi Honjo vào triều bằng cách yêu cầu Chánh trợ lý lập tức quyết định hành động của Sư đoàn Cấm vệ quân nếu quân nổi dậy tiến đánh Hoàng thành. Kế sách của Kido là ngăn chặn việc thành lập một nội các mới và lâm thời trước khi quân nổi dậy bị đập tan. Lúc 9:30 sáng, Bộ trưởng Lục quân Kawashima, người vừa gặp Isobe, một trong những nhân vật chính tiếp sức cho các sĩ quan nổi dậy vào tháng Giêng, vào triều để thực hiện vai trò mà quân nổi dậy đã lên sẵn kịch bản là hối thúc Nhật Hoàng thành lập một nội các mới có khả năng "soi sáng *quốc thể*, ổn định đời sống quốc dân và hoàn thành nhiệm vụ quốc phòng". Sửng sốt vì sự trì độn của Bộ trưởng Lục quân của mình, Hirohito nhiếc móc Kawashima và lệnh cho ông này dành ưu tiên cho việc trấn áp quân nổi loạn. Buổi sáng hôm đó Hirohito còn nổi giận cả với Tổng tham mưu trưởng Hải quân, Hoàng thân Fushimi, một người ủng hộ phe Hạm đội, hôm đó cũng vào triều để thỉnh ý Nhật Hoàng về việc thành lập nội các mới để rồi được phán bảo, theo nghĩa đen, là hãy xéo đi cho khuất mắt.

Cùng ngày, Kawashima gặp Hội đồng Quân sự Tối cao, tên gọi của một nhóm sĩ quan quân đội cao cấp phi chính thức, phần lớn có cảm tình với quân nổi dậy. Có mặt và điều khiển cuộc họp là các tướng theo phái trung quân Araki, Mazaki và Yamashita cùng những người ủng hộ, trong đó có Hoàng thân Higashikuni Naruhiko và Trung tướng, Hoàng thân Asaka Yasuhiko. Hội đồng quyết định thuyết phục các sĩ quan nổi dậy trước rồi mới truyền mệnh lệnh của Nhật Hoàng, nói cách khác là làm trái hoàn toàn với mệnh lệnh của Hirohito. Theo sử gia Otabe Yuji, "chỉ thị của Bộ Lục quân" được truyền từ Hoàng cung tới các sĩ quân binh biến lúc 10:50 sáng, sau khi cuộc nổi dậy bắt đầu được 5 giờ 50 phút. Chỉ thị này tuyên bố: "(1) Lý do nổi dậy của các người đã được Thiên Hoàng ghi nhận; (2) Chúng tôi công nhận rằng hành động của các người xuất phát từ mong muốn thật sự muốn làm sáng tỏ *quốc thể* … (5) Ngoài ra, mọi chuyện đều tuỳ thuộc vào lượng khoan dung của Thiên Hoàng". "Chỉ

tảisáchhay

thị" này thể hiện sự chấp thuận không chính thức của giới chóp bu đối với cuộc nổi dậy, ngầm bảo với quân nổi dậy rằng Nhật Hoàng có thể sẽ khoan thứ và được chỉ huy thiết quân luật Tokyo, Tướng Kashii truyền đạt tới những kẻ cầm đầu cuộc nổi dậy.

Vào buổi tối ngày đầu tiên của cuộc binh biến, khi các bộ trưởng trong nội các của Okada vào triều để đệ đơn từ chức, Hirohito lần nữa từ chối chấp thuận và yêu cầu các bộ trưởng tiếp tục tại vị dù không có Thủ tướng cho đến khi binh biến chấm dứt.

Sáng sớm ngày thứ hai, 27 tháng 2, Hirohito tuyên bố "thiết quân luật" theo Điều 8 Hiến pháp Thiên Hoàng, căn cứ vào pháp lệnh tình huống khẩn cấp của triều đình. Ông chính thức kêu gọi các lực lượng trong chính phủ quân chủ của mình xử lý cuộc khủng hoảng. Trên thực tế, ông đang củng cố mệnh lệnh dập tắt nổi dậy với quyền tổng tư lệnh của mình và tự giải thoát khỏi quy định rằng phải có sự đồng ý của các bộ trưởng nội các mới được hành động.

Hirohito thể hiện sự năng nổ khác thường trong việc tìm cách dập tắt khởi nghĩa. Liên tục trong suốt ngày thứ hai đến sáng sớm thứ Ba ngày 28, Hirohito điều thị thần chạy nháo nhác khắp Hoàng cung để vời Honjo vào chầu. Lần nào ông cũng hỏi đã dẹp được quân phản loạn chưa. Nếu không hài lòng với câu trả lời của Honjo, ông lại doạ sẽ tự thống lĩnh Cấm quân ra dẹp loạn. Nhưng (theo lời ghi của Hata), Honjo cũng ương ngạnh không kém khi cố bảo vệ hành động của quân nổi dậy. Trên thực tế, chính ghi chép trong nhật ký của Honjo trong thời kỳ này cho thấy ông ta gần như là một kẻ phản bội Nhật Hoàng.

Trong cuộc nổi dậy, Hirohito gặp Hoàng thân Chichibu, người vừa trở về từ nơi đóng quân ở Hirosaki và có mối quan hệ không mấy hòa thuận với Nhật Hoàng. Sau cuộc gặp này, có tin rằng Chichibu đã tự xa lánh quân phiến loạn, chấm dứt quan hệ với các sĩ quan trẻ và các tướng lĩnh theo phái trung quân.Tuy nhiên, lời đồn về việc Hoàng thân có cảm tình với phe nổi dậy không bao giờ thật sự chấm dứt đến mức hai năm sau, Hoàng thân Saionji đã hai lần tiết lộ (cho thư ký của mình là Harada) rằng ông lo lắng mối hiềm khích anh em trong gia đình Hoàng tộc một ngày nào đó sẽ dẫn đến thảm sát. Cũng trong ngày thứ hai, hai sĩ quan Hải quân cao cấp là Thiếu tướng Yonai và tham mưu trưởng Inoue đã tự thể hiện bằng cách chứng tỏ lòng trung thành với Nhật Hoàng.

Vào sáng ngày khởi nghĩa thứ tư, 29 tháng 2, Nhật Hoàng đã hoàn toàn ổn định được quyền lực của mình, quân đội đã trở về doanh trại và hầu hết những kẻ cầm đầu đã bị bắt giữ. Bí mật bị đưa đi xét xử tại tòa án quân sự vào tháng Tư và không được quyền có luật sư bào chữa, 17 người trong số này bị hành quyết vào tháng Bảy bằng xử bắn. Không lâu sau, gần ngày lễ *obon* Phật giáo tưởng nhớ người quá cố, có tin đồn rằng Hirohito đã lệnh cho một trong những phụ tá quân sự của mình (cũng tình cờ là người trực đêm trong cung vào hôm xảy ra chính biến) đi tìm về 17 cây đèn *obon*. Viên trợ lý sau đó đem đèn treo ở trong cung. Hirohito không nói thêm gì về những chiếc đèn nữa và việc này cũng được giữ kín vì ông không muốn bị người khác cho là đã tha thứ cho cuộc nổi loạn. Có lẽ việc làm này khiến ông cảm thấy khuây khoả phần nào. Thậm chí sau khi ban lệnh tử hình nhằm loại trừ mối đe doạ với các cận thần của mình, ông vẫn có cảm giác rằng mình đang sống bằng niềm tin vào sự đồng cảm đối với thần dân của mình.

tảisáchhay

Khi điều tra cuộc nổi dậy tháng Hai, quân đội phát hiện ra rằng sự lo lắng của quân nổi dậy về một cuộc khủng hoảng đã bị phóng đại từ cuộc tổng tuyển cử ngày 20 tháng 2 khi cử tri bày tỏ những tình cảm chống lại quân đội bằng cách ủng hộ những ứng cử viên cánh tả. Hơn nữa, dù có xuất thân từ nông thôn và chịu ảnh hưởng từ những chiêu bài dân túy của những kẻ cầm đầu, hầu hết những người nổi dậy không làm cách mạng chống lại sự áp bức nông dân cũng như mục tiêu cuối cùng của họ không liên quan gì nhiều tới cải cách nông nghiệp như nhiều người đương thời tưởng tượng. Mục tiêu của những kẻ lãnh đạo khởi nghĩa là khuếch trương sự tốt đẹp của *quốc thể* theo cách hiểu của họ bằng cách tăng cường công cuộc tái vũ trang Nhật Bản. Ngân sách dành cho quân đội đã tăng đều đặn kể từ khi bắt đầu sự kiện Mãn Châu, từ 3,47% GNP năm 1931 lên 5,63% năm 1936. Trong thời kỳ này, Hải quân cũng đều đặn tăng cường quy mô chiến hạm; cả hai binh chủng đều bắt đầu xây dựng lực lượng không quân của mình nhưng phía Lục quân không tăng quy mô nhiều và vẫn giữ tổng quân số khoảng 233.365 sĩ quan và binh lính được biên chế trong 17 sư đoàn. Các sĩ quan nổi dậy quy trách nhiệm cho chế độ chính trị chứ không phải điều kiện kinh tế là nguyên nhân hạn chế ngân sách quân sự trong thời điểm phải đối phó với tình hình khẩn cấp quốc gia.

Đáng nói là trong quan niệm về chiến tranh tổng lực, suy nghĩ của những kẻ cầm đầu khởi nghĩa và các chỉ huy cấp cao của họ ở Bộ Lục quân và Ban tham mưu Lục quân gần như giống nhau: cả hai đều muốn nắm quyền kiểm soát quốc gia về công nghiệp và sản xuất nhằm huy động tối đa nguồn lực quốc gia. Ngoài sự thiếu hiểu biết thường thấy về những yêu cầu thật sự của một cuộc chiến tranh 'tổng lực', những kẻ lãnh đạo khởi nghĩa bị chia rẽ trong cả suy nghĩ và hành động trong suốt cuộc binh biến. Chỉ có ý tưởng về "khôi phục thời đại Chiêu Hoà" nhằm cải cách việc điều hành đất nước là có sự thống nhất rộng rãi. Nhưng trên thực tế, ngay quan niệm về sự "khôi phục" này giữa từng cá nhân cũng đã khác nhau. Đối với Isobe, kẻ cực đoan nhất trong số những lãnh tụ khởi nghĩa thì điều này có nghĩa là "thống nhất kinh tế quốc gia với việc hoàn thành công cuộc khôi phục Chiêu hòa và mở rộng công cuộc khôi phục ra toàn thế giới."

Cuộc binh biến tháng Hai khẳng định niềm tin của Hirohito vào tầm quan trọng của hiến pháp trong việc duy trì quyền chỉ huy quân sự của mình. Ông thấm thía bài học này một cách cứng nhắc đến mức khi Tướng Ishiwara Kanji phác thảo một kế hoạch xây dựng lực lượng không quân riêng, độc lập, Hirohito thậm chí đã không thèm xem xét vì lo sợ lực lượng không quan này có thể sẽ tuột khỏi tầm kiểm soát của ông do không được quy định trong hiến pháp.Tóm lại, toàn bộ diễn biến sự kiện đã củng cố cảm nhận về quyền lực to lớn mà ông có được khi nắm quyền chỉ huy quân đội. Ông quyết tâm không bao giờ tỏ ra thiếu quyết đoán khi đối mặt với các quyết định hành động và bắt đầu nhích lại gần hơn phe Cầm quyền trong quân đội cũng như cảm thấy tin tưởng khi phê chuẩn việc tăng mạnh chi tiêu quân sự. Nhưng ông không bao giờ giũ bỏ được ký ức về biến cố này và thường suy luận từ đó rằng ngai vàng của ông thực ra không được vững chắc như thoạt nhìn.

Sau Chiến tranh Thế giới lần thứ Hai, khi Hirohito đặc biệt lo lắng và muốn hạ thấp vai trò chỉ huy tối cao của mình, ông đã cố tình đưa ra một lời giải thích bóp méo về cuộc binh biến tháng Hai:

tảisáchhay

“Lúc đó, tôi đã ra lệnh trấn áp quân nổi dậy. Người tôi nghĩ đến là Machida Chuji, bộ trưởng tài chính. Ông ấy rất lo lắng về ảnh hưởng của cuộc nổi dậy đối với thị trường tiền tệ và cảnh báo tôi rằng có thể xảy ra tình trạng hỗn loạn nếu tôi không có biện pháp cứng rắn. Do vậy, tôi đã kiên quyết ra lệnh đàn áp cuộc nổi dậy.

Về nguyên tắc, do trấp áp cũng có nghĩa là áp dụng thiết quân luật và do không thể tự phát lệnh nên giới quân sự cần tìm kiếm sự phê chuẩn của chính phủ. Tuy nhiên, vào thời điểm đó không ai biết Okada ở đâu. Do Bộ Lục quân tỏ thái độ quá yếu mềm nên tôi đã mạnh dạn ban lệnh.

Sau những bài học cay đắng với nội các Tanaka, tôi quyết định rằng bằng mọi giá phải chờ ý kiến của các cố vấn trước khi đưa ra bất kỳ quyết định nào và không được làm trái ý họ. Chỉ có hai lần là lần đó và lúc kết thúc chiến tranh là tôi thật sự làm theo ý mình.

Ishiwara Kanji thuộc Văn phòng Tham mưu Lục quân cũng yêu cầu tôi thông qua trợ lý quân sự Chojiri (Kazumoto) ban lệnh trấn áp. Tôi không biết Ishiwara là loại người nào nhưng vào lúc đó ông ta có lý, cho dù ông ta có là kẻ kích động sự kiện Mãn Châu đi nữa.

Sau đó, Chánh trợ lý của tôi, Honjo, có trao cho tôi một bản kế hoạch do Yamashita Hobun soạn thảo, trong đó Yamashita yêu cầu tôi cử một thẩm vấn viên tới vì ba lãnh tụ quân nổi dậy đang định tự sát. Nhưng tôi nghĩ nếu cử một thẩm vấn viên tới thì sẽ làm cho bọn họ có cảm tưởng rằng mình đã hành động theo đúng lương tâm và đáng được tôn trọng …

Vì vậy, tôi bác bỏ đề xuất của Honjo và (thay vào đó) ra lệnh trấn áp. Tôi không nhận được báo cáo nào rằng các tướng lĩnh phụ trách các vấn đề quân sự đã tới và thúc giục quân nổi dậy đầu hàng.”

Khi Hirohito ra lệnh trấn áp lập tức quân nổi dậy vào sáng 26 tháng 2, ông đã rất tức giận vì quân nổi dậy sát hại những cố vấn thân cận nhất của mình cũng như việc các sĩ quan quân đội cao cấp trì hoãn tiến hành các biện pháp trấn áp. Sang ngày thứ hai, Bộ trưởng Công thương Machida được giao kiêm thêm chức vụ bộ trưởng tài chính. Ông này tỏ ra lo lắng rằng sự hoảng loạn, hỗn độn về kinh tế có thể trở thành một lý do, cho dù không phải là lý do chính khiến Nhật Hoàng hành động. Từ đó trở đi, Hirohito cảm thấy mỗi giờ trì hoãn thêm đều gây tổn hại đến hình ảnh của nước Nhật trên trường quốc tế.

Kể từ Biến cố Mãn Châu, Nhật Hoàng đã liên tiếp đụng độ với giới Lục quân trong vấn đề quyền hành của ông bị vi phạm nhưng chưa bao giờ về các chính sách thiết yếu. Đôi khi, đồng thời với sự gia tăng quyền lực của quân đội, ông đã mang quan điểm chính trị riêng của mình áp đặt vào quá trình quyết sách, giống như ông đã từng làm trước đây dưới thời nội các Hamaguchi. Cuộc binh biến ngày 26 tháng 2 dạy cho ông và quan thủ ấn Yuasa về tầm quan trọng của việc thực thi đầy đủ quyền chỉ huy tối cao của Nhật Hoàng khi tình hình đòi hỏi, đặc biệt là từ tháng 3 năm 1936 đến tháng 6 năm 1940. Bất chấp việc Honjo chống đối, Hirohito đã có được sự hậu thuẫn và áp dụng được đường lối của mình khi giữ vững lập trường. Sự quyết đoán của ông đã chấm dứt đột ngột một thời kỳ trong đó các “sĩ quan trẻ” cuồng tín định lợi dụng ông làm chiêu bài cải cách để làm suy yếu một cơ cấu quyền lực mà

tảisáchhay

họ không thể nắm trong tay. Tuy nhiên, Hirohito đã học được chính xác cách thao túng cơ chế đó trong hầu hết các trường hợp và tình huống.

Quá trình quyết sách đã tích tụ trong đó những bí mật, thói quanh co, thiếu phương hướng thông tin rõ ràng, sự mơ hồ trong xây dựng chính sách và những hành vi thao túng mạng lưới thông tin, nói tóm lại là sự mông muội, hiểu nhầm và nhu cầu muôn thuở cần đàm phán để có sự đồng thuận của giới chóp bu. Đó chính là lề lối làm việc của Tokyo, của Nhật Hoàng. Vậy là một lần nữa, ông lại nhắc nhở cho tất cả những thế lực đương quyền rằng *ông chính là lý do* để cơ chế vận hành suôn sẻ.

IV

Ngày 4 tháng 5 năm 1936, trong chiếu thư đọc tại lễ khai mạc phiên họp Nghị viện Hoàng gia lần thứ 69, khi Tokyo vẫn im lặng trong tình trạng thiết quân luật, Hirohito rốt cục cũng khép lại bức màn đối với cuộc binh biến tháng Hai. Trong thoáng chốc, ông đã định gửi đến giới Lục quân và quốc dân một diễn văn với những lời lẽ phê phán nghiêm khắc đối với quân đội nhưng sau khi suy nghĩ kỹ và trì hoãn tới hơn 3 tháng, ông chỉ buông một câu ngắn ngủn và hoàn toàn vô thưởng vô phạt rằng: “Chúng ta lấy làm tiếc về biến cố mới đây ở Tokyo”. Nhiều Nghị viên và chức sắc quân đội nghe xong đã kinh ngạc ồ lên, cũng có nhiều người kín đáo tỏ vẻ thất vọng. Một lần nữa, vào thời khắc quan trọng, Hirohito lại từ bỏ cơ hội công khai nắm lấy quân đội thông qua vai trò hợp hiến của mình. Tuy nhiên, do những hành động giật dây của ông đằng sau sân khấu mà sự lung lay của những chính sách đối nội gắn liền với nước Nhật kể từ sự kiện Mãn Châu đã được chấm dứt và trong vòng 14 tháng sau đó, Nhật Hoàng cùng hầu hết các cố vấn của ông đã nhất trí với yêu cầu của Lục quân và Hải quân về tăng cường vũ trang và phát triển công nghiệp theo định hướng quốc gia.

Nội các của Hirata Koki, thành lập ngay sau cuộc binh biến 26 tháng 2 theo kiến nghị của quan thủ ấn Yuasa, được biết đến vì đã tiếp tục duy trì ảnh hưởng của quân đội về chính trị đồng thời cho phép sự ganh đua, đố kị của các phe phái Lục quân tác động đến các mục tiêu quốc gia. Vào tháng 5 năm 1936, theo lời khuyên của các Bộ trưởng Lục quân và Hải quân, Hirota áp dụng lại chế độ chỉ bổ nhiệm các Bộ trưởng Lục quân trong số các sĩ quan cao cấp đương nhiệm. Ông tuyên bố đầy tự tin rằng biện pháp này sẽ ngăn chặn việc các sĩ quan theo phái trung quân đang thất thế một ngày nào đó sẽ giành lại quyền lực. Bằng cách thu hẹp phạm vi ứng cử viên và tăng cường quyền lực của quân đội trong thế đối cực với thủ tướng, hành động của Hirota đã mở đường cho các lãnh đạo quân đội sử dụng vũ khí này để lật đổ nội các của Đô đốc Yonai vào tháng 7 năm 1940.

Về chính sách đối với Trung Quốc, Hirota bác bỏ hợp tác trên cơ sở bình đẳng và ủng hộ kế sách của quân đội trong việc chia rẽ năm tỉnh miền Bắc Trung Quốc với dân số ước chừng hơn 80 triệu người, khỏi chính phủ Nam Kinh. Hirota từng làm bộ trưởng ngoại giao khi chỉ huy Lực lượng Trấn thủ Trung Quốc của Nhật đóng ở thành phố cảng Thiên Tân và Trưởng đặc khu Mục Thiên ký hiệp định với bộ trưởng quốc phòng Trung hoa Dân quốc, Tướng Hà Ứng Khâm, theo đó Tưởng Giới Thạch rút cả cơ quan chính trị và quân chính quy khỏi miền Bắc Trung Quốc. Cũng giống như Nhật Hoàng, Hirota sau đó đã không làm gì để phản đối những tuyên bố của chỉ huy Lực lượng Trấn thủ Trung Quốc và các tướng lĩnh khác khi họ

tảisáchhay

công khai thể hiện ý đồ chia cắt các tỉnh phía bắc giàu khoáng sản than và sắt khỏi Trung Quốc, đồng thời sáp nhập các tỉnh này vào thuộc địa của Nhật trên lục địa.

Cũng như Nhật Hoàng, Hirota có chung quan điểm mà nhiều sĩ quan Nhật cho là hiển nhiên: Trung Quốc không phải là một quốc gia hay dân tộc mà chỉ là một vùng lãnh thổ, do đó Nhật Bản có quyền phân chia lại vùng lãnh thổ đó và chiếm lấy bất kỳ chỗ nào mình muốn. Ngày 17 tháng 4 năm 1936, Nhật Hoàng Hirohito phê chuẩn yêu cầu của quân đội tăng gấp ba lần quân số lực lượng Trấn thủ Trung Quốc từ 1.771 lên 5.774 người. Ông cũng phê chuẩn việc thành lập một căn cứ quân sự mới ở Phong Đài, một điểm giao cắt đường sắt ở ngoại ô phía tây nam Bắc Kinh, cách cây cầu lịch sử Marco Polo không xa. Sự việc này kéo theo sự phản đối dữ dội của Trung Quốc nhưng hành động tăng quân đồn trú vẫn diễn ra bằng việc xây dựng doanh trại Phong Đài. Quân Nhật sau đó nhanh chóng tiến hành diễn tập bắn đạn thật gần các cơ sở quân sự của Trung Quốc nhằm sẵn sàng tiếp tục đụng độ với quân Trung Quốc.

Hirohito lẽ ra phải biết rằng Nhật Bản cần thêm thời gian, nguồn vốn và trình độ công nghiệp hóa cao hơn, tóm lại là một số năm hòa bình tối thiểu nếu muốn thu lời từ những lãnh thổ chiếm đóng mới trên lục địa và quá trình phát triển công nghiệp đang diễn ra. Đồng thời, Ban tham mưu Lục quân lẽ ra cũng cần đánh giá đúng sự thù nghịch và mất tín nhiệm nguy hiểm mà Nhật đang dấy lên trong cộng đồng công nhân, sinh viên, trí thức Trung Quốc có học thức, đặc biệt là những người Mãn Châu lưu vong như Trương Quốc Lâm và các sĩ quan thuộc cấp của ông này, những người xuất thân từ các tỉnh đông bắc và có quyết tâm cao kháng chiến chống Nhật.

Hirohito và các chiến lược gia của ông quan tâm nhiều hơn tới việc bảo vệ đường tiếp tế và liên lạc quá dài (và sơ hở) ở phía bắc trước khả năng can thiệp của Liên Xô hơn là "mặt trận đoàn kết" mà Tưởng Giới Thạch và đối thủ không đội trời chung Mao Trạch Đông đang thành lập trong suốt nửa đầu năm 1937. Kế hoạch khẩn cấp của Nhật dưới thời nội các Hirota tập trung vào việc đề phòng Liên Xô. Nhật không mong muốn hay sẵn sàng cho một cuộc chiến tranh lớn với Trung Quốc. Quan hệ của Nhật với Maxtcơva xấu đi nhiều kể từ khi quân Quan Đông củng cố lực lượng và mở rộng hoạt động ở vùng Nội Mông cũng như củng cố các vị trí tiền đồn dọc biên giới phía bắc bên ngoài Nội Mông.

Nội các của Hirota ủng hộ các chính sách tái vũ trang nhanh chóng trên quy mô lớn của Đức Quốc xã, chống Liên Xô, chính sách chủ quyền kinh tế tuyệt đối, chủ nghĩa chủng tộc và tín ngưỡng mù quáng và không khoan nhượng. Việc ký kết Hiệp định Chống Quốc tế cộng sản với Đức tháng 11 năm 1936 diễn ra sau hoạt động củng cố quan hệ quân sự giữa Lục quân và Hải quân Thiên Hoàng với bộ chỉ huy quân đội Đức và ngay sau đó là một loạt các biến động trong chính sách đối ngoại của Hít-le phá vỡ sự ổn định sau Chiến tranh Thế giới thứ Nhất ở châu Âu. Một nghị định thư bí mật kèm theo Hiệp ước được ký kết trong đó các bên cam kết không giúp Maxtcơva nếu xảy ra chiến tranh giữa một trong các nước ký kết hiệp ước và Liên Xô. Một năm sau, Ý tham gia hiệp ước. Bằng việc Hội Quốc Liên quốc tế với các chế độ độc tài Quốc xã và Phát-xít mới nổi, Đế chế Nhật Bản có thể mong đợi sự phối hợp hành động với các nước này về sau. Đối với các chính phủ được thành lập qua bầu cử dân

tảisáchhay

chủ ở Anh, Pháp và Mỹ, Hiệp ước chống quốc tế cộng sản đã hợp nhất những thế lực đang âm mưu gây ra khủng hoảng cả châu Âu và châu Á .

Hirota ban bố các chính sách đối ngoại quan trọng nhất vào giữa năm 1936, trong các phiên họp chính phủ chỉ có 4, 5 thành viên tham gia khác với thông lệ nhóm họp đầy đủ nội các nêu trong Hiến pháp Minh Trị. "Tiêu chí xây dựng Chính sách quốc gia" và "Chính sách đối ngoại của Đế quốc Nhật", ban hành ngày 7 tháng 8 năm 1936 đề ra một loạt các dự án và mục tiêu vĩ đại, khiêu khích và phi thực tế và nếu được triển khai đồng thời sẽ vượt xa khả năng tiềm lực của Nhật. Xây dựng Mãn Châu quốc, khai thác tài nguyên miền bắc Trung Quốc phục vụ đế quốc thông qua chế độ bù nhìn ở đây, chuẩn bị sẵn sàng chiến tranh với Liên Xô, kiểm soát khu vực phía Tây Thái Bình Dương và Đông Nam châu Á là những mục tiêu đề ra, đòi hỏi phải tăng cường lực lượng Hải quân để cạnh tranh với Mỹ, cũng như xây dựng các căn cứ không quân và trạm điện đài ở Đài Loan, quần đảo Mariana và Caroline (ở Trung Thái Bình Dương), đồng thời phải tăng cường binh lực của Lục quân, Hải quân cũng như bộ máy hậu cần.

"Tiêu chí xây dựng Chính sách Quốc gia" khẳng định xu hướng của tập đoàn quan liêu cầm quyền ở Nhật muốn chấn chỉnh đội ngũ, sát cánh bên nhau bằng những luận điệu chính sách mơ hồ được diễn giải theo ý muốn của những người soạn thảo. Đây cũng là mô hình quyết sách đề ra cho tất cả các giai đoạn khủng hoảng sau này trong chính sách ngoại giao của Nhật. Việc xu hướng này xuất hiện ngay trước cuộc chiến tranh với Trung Quốc có nhiều ý nghĩa vì nó giúp cho thủ tướng, bộ trưởng ngoại giao, các Bộ trưởng Lục quân và Hải quân, hai tổng tham mưu trưởng bỏ qua công đoạn tranh cãi để đi đến nhất trí bằng lý lẽ. Thay vì phải đi đến nhất trí thật sự, họ áp dụng một phương thức đơn giản, dễ dàng hơn. Họ gán sẵn quan điểm của mình trong các văn bản "chính sách quốc gia" cho phép trì hoãn xem xét việc sử dụng các nguồn lực cần thiết để thực hiện mục tiêu cũng như không nói rõ cần phải dùng vũ lực hay ngoại giao hay cả hai.

Những người soạn thảo chính sách quốc gia đồng nhất tiêu chí thứ nhất là "loại bỏ các chính sách bá quyền của các Cường quốc ở Đông Á" với việc "thể hiện tinh thần của Thiên Hoàng" trong chính sách đối ngoại. Vì thế mà các chính sách đối ngoại trở nên bành trướng và cấp tiến hơn vì "tư tưởng của Thiên Hoàng" về mặt quốc tế có nghĩa là phải mở mang "ơn mưa móc" của Thiên Hoàng cho tới khi vị trí chúa tể của người Nhật được hình thành trên toàn châu Á . Tiêu chí thứ hai trong chính sách đối ngoại đòi hỏi Nhật phải "trở thành một lực lượng bình ổn ở Đông Á cả trên danh nghĩa và thực tế" bằng cách vũ trang hóa. Các "tiêu chí chính sách quốc gia" thứ 3 và 4, cũng là trọng tâm của các chính sách là "duy trì chỗ đứng tại lục địa Đông Á, tiến bước và phát triển về phía biển Nam hải bằng việc kết hợp chính sách ngoại giao và quốc phòng."

Cụm từ "lục địa Đông Á" hợp với mong muốn của quân đội là tiến về phía bắc nhằm chống lại Liên Xô; "biển Nam hải" là một thuật ngữ địa lý lỏng lẻo chỉ mục tiêu của Hải quân là tiến về phương nam và sẵn sàng giành thế chủ động trước Mỹ và Anh trên cả khu vực Tây Thái Bình Dương. Không phe nào trong quân đội thỏa mãn với mục tiêu của phe kia và không bên nào tin tưởng bên nào. Bằng cách công khai kế hoạch cùng nhau, qua đó tránh việc phải

tảisáchhay

đưa ra một quyết định rõ ràng để bên nào nắm được ưu thế, hai phe này đã cố tránh sự đổ vỡ của cơ chế đa nguyên trong việc cố vấn Nhật Hoàng.

Nhật Bản giờ đây chỉ còn một năm trước khi tiến hành một cuộc chiến tranh toàn diện với Trung Quốc nhưng việc các cố vấn Thiên Hoàng do hiến pháp chỉ định và các tổng tham mưu trưởng không thể thống nhất được một chính sách quốc gia chung, hơn bao giờ hết đã trở thành một đặc điểm di truyền cố hữu trong thể chế chính trị. Những sự bất đồng, chia rẽ này giữa "chính phủ" và "giới quân sự" càng trở nên phức tạp hơn dưới cả thời Hirota lẫn những người kế nhiệm ông sau này bởi sự bất đồng triền miên giữa Bộ tham mưu Lục quân ở Tokyo và các sĩ quan đóng tại địa bàn triển khai chính sách.

Một khi Nhật Bản bước vào một tình thế chiến sự khẩn cấp, cùng với uy tín của ngai vàng càng được tán tụng quá mức bình thường, cơ cấu đa tầng trong những xung đột quan liêu này càng cho Hirohito nhiều khoảng trống để tăng tối đa ảnh hưởng của mình trong quá trình quyết sách. Ngày càng có nhiều kinh nghiệm trong việc đảm trách vai trò định sẵn về chính trị và quân sự của mình, Hirohito đứng ngoài quan sát trong khi các cố vấn xây dựng chính sách, lưu ý đến các ý kiến bất đồng, và sau cùng yêu cầu giải quyết các bất đồng và thống nhất các chiến lược chính trị và quân sự. Nhưng vì điều này là không thể nên áp lực mà ông tạo ra càng làm phức tạp thêm quá trình quyết sách vốn đã rối ren. Lá bài "đoàn kết" trở thành công cụ đặc biệt để Hirohito dẫn dắt sự việc theo quan điểm của mình, để chắc chắn rằng các sĩ quan "trung cấp" kia không thể chiếm ưu thế trong hoạch định quốc sách và để quy trình này được duy trì về căn bản theo hướng "từ trên xuống".

Hirohito càng gây áp lực đòi "đoàn kết" bao nhiêu đối với các đại diện của "chính phủ" và "bộ chỉ huy cấp cao" luôn chia rẽ kinh niên của mình thì họ càng cố gắng khoả lấp sự bất đồng của mình bấy nhiêu trong các văn bản chính sách mà nội dung hầu hết là bành trướng ra ngoại bang và sắp tới là chiến tranh không có hồi kết. Không chỉ riêng giới quân sự Nhật Bản là người duy nhất muốn gây hấn ở Trung Quốc trong thời kỳ từ giữa đến cuối thập niên 1930 mà cả nền quân chủ lợi dụng tôn giáo cũng đẩy mạnh hành động chiến tranh, đồng thời che chắn cho những kẻ hành động nhân danh mình trước mũi dùi công kích của dư luận.

Ngày 25 tháng 8 năm 1936, chính phủ Hirota tuyến bố hơn 69% tổng ngân sách của chính phủ trong năm 1937 (gần 33 tỉ yên) sẽ dành cho quân sự. Con số này gấp gần ba lần ngân sách quân sự năm 1936 khoảng 10 tỉ yên, hay 47,7% chi tiêu chính phủ. Để có tiền trang trải ngân sách này, thuế má và lạm phát sẽ tăng, những hãng sản xuất vũ khí và các *zaibatsu (tập đoàn*) lớn sẽ có cơ hội làm giàu và người dân sẽ được kêu gọi thể hiện lòng yêu nước trong khi đồng lương của họ ngày càng teo tóp.

Các chính sách này của nội các Hirota phản ánh, phần nào chịu áp lực bởi sự phản ứng dữ dội từ Hải quân trước các hành động của phía Lục quân cả trong và ngoài nước. Ngày 27 tháng 3 năm 1936, chỉ huy Hạm đội Ba, Đô đốc Oikawa Koshiro đệ trình Bộ trưởng Hải quân và Tham mưu trưởng Hải quân những "Quan điểm về Chính sách quốc gia xoay quanh Trung Quốc". Từ tàu chỉ huy *Izumo* ở Bến Thượng Hải, Oikawa viết trong thư rằng quân đoàn Quan Đông đang gấp rút thực hiện các "mưu đồ chính trị" nhằm "chia cắt năm tỉnh

tảisáchhay

phía Bắc Trung Quốc khỏi chính quyền Nam Kinh để từ đó thành lập một vùng đệm giữa Mãn Châu quốc và Trung Quốc".

Sau khi hối thúc Hải quân không cho phép quân Quan Đông đơn phương hành động làm tình hình thêm xấu đi, Oikawa đề xuất chính sách mở rộng về phía nam tới Đông Nam Á và tây nam Thái Bình Dương, đồng thời cũng dịch chuyển cả về phương bắc. Mặc dù ưu tiên là thực hiện việc này trong hòa bình nhưng Nhật Bản vẫn phải chuẩn bị để sẵn sàng một ngày nào đó tự giải phóng khỏi những rào cản thuế quan và trở ngại khác đối với tăng trưởng kinh tế "bằng cách sử dụng vũ lực". Do vậy, ngay cả nếu phải chiến tranh với Liên Xô và coi việc "chuẩn bị chiến tranh trên bộ" là mục tiêu quốc gia trước mắt thì Hải quân vẫn phải chuẩn bị cho cả chiến tranh trên biển. Oikawa còn nhấn mạnh việc hành xử cẩn trọng để không kích động các Cường quốc khiến các nước này "đoàn kết chống lại chúng ta".

Lời phúc đáp Đô đốc Oikawa của Bộ trưởng và tham mưu trưởng Hải quân sau đó được chính thức coi là "Tiêu chí xây dựng Chính sách quốc gia" và "Các nguyên tắc chung về chính sách quốc gia" của nội các Hirota và được thông qua vào tháng 8. Văn bản này đề cập vấn đề biến Nhật Bản thành "lực lượng bình ổn ở Đông Á" đồng thời tiếp tục bành trướng về phía nam. Tuy vậy, vào thời gian này, các chỉ huy cao cấp của Hải quân cũng đã nhận thức rõ sự bất hợp lý trong việc chia rẽ Lục quân và Hải quân, với lo ngại rằng điều này vượt quá nội lực của Nhật Bản và "rốt cuộc sẽ dẫn đến chiến tranh với nhiều hơn hai nước." Họ đề xuất một chính sách "mở rộng dần dần và hòa bình" về cả phía bắc và phía nam.

Đây thật sự là phần hợp lý trong một chính sách tham vọng mù quáng của nội các Hirota và người kế nhiệm sau này là Tướng Hayashi. Việc các nhóm có ảnh hưởng trong Hải quân, Lục quân, bộ ngoại giao và triều đình vẫn đủ sáng suốt để nhận định các vấn đề của Nhật Bản trong năm 1936 và nửa đầu năm 1937 là không thể chối cãi. Tuy nhiên, cũng chính các nhà lãnh đạo này đã dần dần bị làm lạc hướng bởi các quyết định của họ. Sớm hay muộn thì các mục tiêu chính sách của họ, tức là bành trướng quân sự trên lục địa, kiểm soát bằng Hải quân ở tây Thái Bình Dương và các tuyến đường hàng hải ở Đông Nam Á và tạo thế cân bằng trong quan hệ với các Đại cường quốc, sẽ khích động giao tranh quân sự với Trung Quốc và nghiêm trọng hơn là xung đột với Mỹ và Anh.

Đáng chú ý là vào mùa thu năm 1936, sau một vài sự kiện người Nhật sống tại miền trung và nam Trung Quốc bị tấn công, Hải quân bắt đầu nghiên cứu phương thức cải thiện năng lực về chính sách ở nam Trung Quốc. Lý thuyết về không lực của Thiếu tướng người Ý Giulio Douhet khi đó trở thành mốt thời thượng trong Hải quân và kết quả là một kế hoạch khẩn cấp bao gồm một chiến dịch trừng phạt bằng không kích đối với thường dân Trung Quốc ở các thành phố lớn cũng như chuẩn bị phong toả đường biển nếu cần.

Nhiệm kỳ thủ tướng của Hirota kết thúc vào ngày 23 tháng 1 năm 1937. Ngày 2 tháng 2 Tướng Hayashi lên kế nhiệm nhưng nội các của ông này chỉ tồn tại được bốn tháng. Hoàng thân Konoe sau đó tổ chức nội các đầu tiên của mình vào ngày 04 tháng 6. Ông là hậu duệ của dòng dõi Hoàng gia quý tộc Fujiwara danh tiếng. Phụ nữ trong dòng tộc này đã hàng thế kỷ chỉ kết hôn với các Hoàng thân và từng thống trị Nhật Bản thời kỳ Bình an thời đại (794 – 1185). Sự kết hợp của tư chất thông minh, sức lôi cuốn và dòng dõixuất thân, cũng như

tảisáchhay

mối liên hệ tốt với Hải quân và sự quyết chí vun đắp cho quân đội và phe dân sự cánh hữu đưa ông lên vị trí hàng đầu.

V

Sau cuộc nổi dậy ngày 26 tháng 2 năm 1936 dưới thời thủ tướng Hirota và Hayashi, Nhật Hoàng và các cận thần của mình tỏ ra ủng hộ việc củng cố quyền lực tối cao về lý thuyết của mình từ dưới lên. Trong bối cảnh này, Bộ giáo dục đẩy mạnh các hoạt động động viên tinh thần quốc dân chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh trường kỳ và vào ngày 31 tháng 5 năm 1937 đã phát hành và phân phối khoảng 300.000 cuốn *quốc thể no hongi (*Nội dung cơ bản về chính thể quốc gia) để dùng trong trường học. Tổng cộng có tới hơn hai triệu cuốn sách này được tiêu thụ trên toàn quốc.

Kokutai no hongi là một bản thuyết trình về *quốc thể* cũng như về vai trò lý tưởng và tinh thần của Nhật Hoàng như một khuôn mẫu về đức nhân từ, độ lượng của quốc gia. Là một sự chuyển tiếp về tư tưởng, cuốn sách này không phản bác hoàn toàn tư tưởng và thể chế phương Tây nhưng cũng không chỉ bó hẹp trong việc nhấn mạnh các đặc thù văn hóa của Nhật Bản. Bằng cách ca tụng "tinh thần trong sáng", "tinh khiết" và không vị kỷ của người Nhật, sự đối lập giữa *quốc thể* với chủ nghĩa cá nhân và "chế độ độc tài trừu tượng" Tây phương, cuốn sách nhấn mạnh tính ưu việt tuyệt đối của con người và nhà nước Nhật Bản đối với các quốc gia khác. "Các thần dân của Thiên Hoàng hoàn toàn khác biệt về bản chất với cái gọi là công dân ở các nước phương Tây … Chúng ta luôn nhìn thấy ở Thiên Hoàng nguồn gốc của sự sống và hoạt động."

Kokutai no hongi cũng nhấn mạnh tính tập trung của quốc gia, gia đình, tổ tiên và nhắc nhở người đọc rằng những ngọn "thần phong" *(kamikaze)* hai lần từng cứu nước Nhật trước cuộc xâm lăng của quân Mông Nguyên hồi cuối thế kỷ 13 không nghi ngờ gì nữa đã chứng tỏ sự thiêng liêng và bất khả chiến bại của nước Nhật. Trên hết, cuốn sách mô tả hình ảnh Nhật Hoàng như một đức quân vương và một "vị thánh sống cai trị đất nước phù hợp với mong ước nhân từ của người sáng lập đất nước và các bậc tổ tiên Hoàng tộc." Mọi thần dân Nhật Bản có nghĩa vụ phục tùng tuyệt đối Hirohito. Trên thực tế, điều đó có nghĩa là "sống vì niềm vinh quang và nhân phẩm của Thiên Hoàng, từ bỏ cái tôi nhỏ bé và thể hiện tinh thần đoàn kết như một." Đây thực chất là sự pha tạp quái gở giữa Thần đạo, Phật giáo, tân Khổng giáo và tư tưởng quân chủ phương Tây, cái gọi là *kodo* – "đạo trung quân", động lực cho sự hiếu chiến của Nhật Bản, được các lãnh đạo quân đội sử dụng để hăm doạ sự chỉ trích cũng như được những kẻ côn đồ cánh hữu dùng để bào chữa cho những hành động khủng bố của mình. Đối với Hirohito, giá trị chính của cuốn sách nằm ở chỗ nó kêu gọi đề cao tinh thần cống hiến vì cá nhân Nhật Hoàng, từ đó nâng cao ảnh hưởng của ông đối với giới quân sự.

Truyền thuyết về Nhật Bản như là một quốc gia và xã hội đoàn kết một khối được tô vẽ trong *quốc thể no hongi* được tái khẳng định bốn năm sau vào tháng 7 năm 1941 trong một cuốn sách ngắn quá khích khác về Thần đạo – Phật giáo được Bộ giáo dục xuất bản và phát hành. Đến lúc này, Hirohito đã trở thành biểu tượng của sự "giải thoát" nước Nhật khỏi phương Tây và Nhật Bản đang khởi động quá trình dẫn tới quyết định bước ngoặt là tuyên chiến với Anh, Mỹ. Lúc này ông càng cần hơn bao giờ hết ảnh hưởng chính trị đối với toàn

tảisáchhay

thể quốc gia. Nhật Bản đã lộ nguyên hình là một quốc gia phát-xít, thậm chí đã du nhập những luận điệu mê hoặc của chủ nghĩa phát-xít trong khi người dân lao động cực nhọc dưới gánh nặng của chế độ khẩu phần lương thực và nền kinh tế chiến tranh tổng lực; các chính sách đều hướng tới tăng sản lượng phục vụ chiến tranh bằng cách giảm mức sống; dưới danh nghĩa Thiên Hoàng, mọi sự bất mãn công khai đều bị dập tắt.

Trước tình hình này, cuốn sách *Shimmin no michi* (Đạo làm tôi) kêu gọi lật đổ "trật tự cũ dựa trên sự thống trị của chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa vật chất biện chứng", xây dựng một trật tự mới ở Đông Á dựa trên nguyên tắc cho phép "mọi dân tộc mưu cầu chỗ đứng của riêng mình". Cuốn sách kêu gọi xây dựng "một cơ cấu … đồng lòng" trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội để Nhật Bản hoàn thiện vai trò quốc gia chiến tranh tổng lực của mình và thiết lập "một cộng đồng thế giới dựa trên các nguyên tắc đạo đức". Cuốn sách kêu gọi mọi thần dân ra sức phục vụ Thiên Hoàng, xoá bỏ tư tưởng vị kỷ trong tâm hồn và thực hành mỗi ngày sự gắn kết với một quốc gia mà ở đó không có gì là "của riêng" và "ngay cả trong đời sống riêng, chúng ta vẫn phải luôn ghi nhớ sát cánh cùng Thiên Hoàng và phụng sự tổ quốc".

tảisáchhay

9. Cuộc Chiến tranh Thần thánh

Sáng sớm ngày 8 tháng 7 năm 1937, như một điềm báo trước, một sự kiện không dự kiến xảy ra cách Bắc Kinh khoảng 20 dặm về phía nam khi các đơn vị quân đội Nhật Bản đóng ở Phong Đài đụng độ với lực lượng đồn trú Trung Quốc ở Cầu Marco Polo (tiếng Trung Quốc là Lư câu kiều). Tổng hành dinh Lục quân ở Tokyo lập tức được tin và ra lệnh phải giải quyết vấn đề ngay tại chỗ. Nguyên nhân là do đêm trước hai bên có bắn nhau qua lại vài loạt đạn. Cuộc chiến diễn ra gần cây cầu nằm trên truyến hoả xa từ Bắc Kinh đi Hán Khẩu, thành phố nằm sâu trong đại lục này kéo dài ba ngày liền. Đến ngày 11, chỉ huy hai bên đàm phán và đi đến ký kết hiệp định đình chiến. Các lãnh đạo quân sự sau đó duy trì lệnh đình chiến này được khoảng ba tuần.

Hậu quả nghiêm trọng từ sự chia rẽ trong chính sách đối với Trung Quốc trong giới quân sự khiến Nhật Hoàng lúc đó đang đi nghỉ ở Hayama phải quay trở về Tokyo. Trong khi đó, một nhóm nhân vật một phần thuộc Ban Quân vụ Bộ Lục quân và một phần thuộc Ban hành quân bộ tổng tham mưu Lục quân, lại coi sự kiện ở Cầu Marco Polo như một cơ hội. Mãn Châu quốc chưa bao giờ được Trung Quốc chính thức công nhận; các điều khoản hiệp định ngừng bắn chấm dứt sự kiện Mãn Châu không được tuân thủ; khu phi quân sự chia cắt các tỉnh miền bắc Trung Quốc với Mãn Châu quốc thường xuyên bị xâm phạm và còn nhiều vấn đề nhức nhối khác. Nếu trận chiến ở gần Bắc Kinh được xem như một cái cớ thì mọi vấn đề tồn đọng với Trung Quốc có thể được giải quyết bằng một đợt tấn công quân sự mạnh mẽ bởi lẽ quân Trung Quốc chưa bao giờ là một đối thủ ngang tầm về quân sự. Do đó phải lập tức điều động quân đội tới khu vực gần Bắc Kinh để "bảo vệ sinh mạng, tài sản của người Nhật". Những sĩ quan mang quan điểm diều hâu này nhận được sự hưởng ứng của các sĩ quan tham mưu thuộc quân đoàn Quan Đông và một số quan chức dân sự ở Công ty Hoả xa Nam Mãn Châu (có vốn đầu tư lớn của ban tổng quản Hoàng gia) đang mong mở rộng tuyến lộ trình của công ty từ Mãn Châu quốc vào miền Bắc Trung Quốc và vì vậy cũng muốn biến cố lan rộng.

Một phe cánh khác, cao cấp hơn, gồm thành phần của Bộ tổng tham mưu Lục quân xung quanh Thiếu tướng Ishiwara, đứng đầu Phòng Một và Trưởng phân ban Hai, Kawabe Torashiro, lo ngại rằng việc dấn sâu vào chiến sự ở Trung Quốc sẽ làm phân tán lực lượng cần thiết để đối phó với Liên Xô. Vào ngày 9 tháng 7, khi nội các Konoe họp phiên khẩn cấp và đưa ra quyết định lâm thời tạm hoãn việc đưa thêm quân vào miền Bắc Trung Quốc thì quan điểm của nhóm thứ hai gồm những người không chủ trương bành trướng, kêu gọi ổn định tình hình tại chỗ đã có lúc thắng thế. Tuy nhiên, phe chủ trương bành trướng đã ngấm ngầm hành động, đặt các đơn vị trong nước trong tình trạng báo động và soạn thảo lệnh điều động thêm quân để đến khi nội các Konoe họp lại vào ngày 11, chính phủ đã đảo ngược quyết định ra ngày mùng 9 và quyết định điều động hàng nghìn quân tới miền Bắc Trung Quốc từ quân đoàn Quan Đông, quân đoàn Triều tiên và từ trong nước.

Trong lúc này, Hirohito phản ứng trước những sự kiện ở bắc Trung Quốc bằng việc xem xét trước tiên mối đe doạ từ phía Liên Xô. Trước đó một tuần vào ngày 30 tháng 6, Sư đoàn Một, đơn vị vừa gây ra cuộc binh biến ở Nhật, đã gia cố các vị trí phòng thủ ở đảo Kanchazu

tảisáchhay

trên sông Amur. Tại thời điểm đó, dọc theo đường biên giới không rõ ràng giữa miền bắc Mãn Châu quốc và Liên Xô, quân đội Nga đã độ bộ lên đảo kéo theo giao tranh, trong đó quân Nhật tiêu diệt được hai tàu chiến của Liên Xô. Người Nga tỏ ra kiềm chế nên dù đưa thêm quân và pháo binh đến nhưng không đáp trả ngay. Tokyo và Maxtcơva buộc tội lẫn nhau và nhiều khả năng một cuộc đấu trí sắp diễn ra. Liệu quân Nga có tấn công vào biên giới Mãn Châu quốc không? Nhật Hoàng triệu vời tổng tham mưu, Hoàng thân Kan'in, trước khi lần lượt gặp thủ tướng Konoe, tân Bộ trưởng Lục quân Sugiyama và tổng tham mưu Hải quân.

Ông hỏi Hoàng thân "Khanh sẽ làm gì nếu quân Liên Xô tấn công tập hậu ta?". Kan'in trả lời "Thần tin rằng quân đội sẽ đứng lên đánh trả." Nhật Hoàng lại hỏi: "Điều đó chỉ là lối giáo điều của quân đội. Khanh sẽ thật sự làm gì nếu chẳng may quân Nga tấn công?" Hoàng thân chỉ đáp rằng "Chúng ta không có cách nào khác." Nhật Hoàng tỏ vẻ rất thất vọng.

Hirohito muốn biết rõ kế hoạch dự phòng còn Kan'in thì lảng tránh. Tuy vậy, dù có thất vọng với báo cáo của Hoàng thân Kan'in nhưng Nhật Hoàng vẫn phê chuẩn quyết định của nội các Konoe điều quân tới miền bắc Trung Quốc khi triện ấn ngọc lên tờ quân lệnh để truyền đi.

Mặc dù biết đã có thỏa thuận đình chiến nhưng do nóng lòng muốn giải quyết cho xong mọi vấn đề tồn đọng với Trung Quốc chỉ bằng một trận đánh, nội các Konoe đã quyết định để sự kiện lan rộng còn Nhật Hoàng thì ngay từ đầu đã ngầm nhất trí với quyết định đó. Trình tự quyết định sau cuộc giao tranh ở Cầu Marco Polo do đó hoàn toàn khác với tình hình sự kiện Mãn Châu vì khi đó các sĩ quan chỉ huy tại chiến trường đã gây ra một sự đã rồi bất hợp pháp còn Nhật Hoàng thì công khai phê chuẩn hành động của họ sau khi sự việc đã diễn ra. Còn trong trường hợp này, nội các Konoe đã chủ động hành động cùng với nhóm chủ trương bành trướng trong quân đội, còn Hirohito thì ủng hộ quyết định đó ngay từ đầu, đối lập với nhóm phản đối bành trướng thuộc bộ tổng tham mưu Lục quân. Mặt khác, về khía cạnh nào đó, giai đoạn một của cuộc chiến tranh với Trung Quốc sau này khá giống với sự kiện được dàn dựng trước ở Mãn Châu. Vụ bắn nhau ở gần doanh trại quân Trung Quốc ở Phong Đài gần cầu Marco Polo ngày 09 tháng 7 là theo lệnh của một chỉ huy trung đoàn Nhật khi chưa có lệnh từ trung tâm chỉ huy nhằm đáp trả một hành động "xỉ nhục quân đội Nhật". Tuy hành động này không thật sự khơi mào chiến tranh nhưng Hirohito sau này đã coi đây là cái cớ để đỗ lỗi cho quân đội vì đã biến một cuộc giao tranh đã lắng xuống thành cuộc xung đột lâu dài và cay đắng với Trung Quốc.

Ba năm kể từ khi bắt đầu chiến tranh, Nhật Hoàng nhìn lại và liên tưởng đến những ý nghĩ và hành động vào cái ngày đầu tháng Bảy đó khi ông đang suy ngẫm phải làm gì với miền bắc Trung Quốc. Ưu tiên số một là phải sẵn sàng đối phó với Liên Xô. Do vậy ông tin rằng với Trung Quốc không còn cách nào khác là phải thỏa hiệp và hoãn binh; do vậy, ông thảo luận với Hoàng thân Kan'in và Bộ trưởng Lục quân Sugiyama về vấn đề ở đảo Kanchazu. Hai người này đã nói thẳng với Nhật Hoàng rằng quân đội thấy không có gì phải lo lắng: "Ngay cả nếu có xảy ra chiến tranh với Trung Quốc … thì cũng sẽ kết thúc chỉ sau 2 hoặc 3 tháng," và điều này nghe có vẻ hợp lý với Hirohito. Vì thế ông để ngỏ vấn đề này trong một thời gian ngắn, quyết định hỏi Thủ tướng Konoe, triệu tập một buổi thiết triều và đi đến quyết

tảisáchhay

định. Nếu giới quân sự phản đối quyết định này thì cũng mặc. Ông đã hỏi ý các bộ trưởng và tham mưu trưởng quân đội. Họ không thuyết phục ông theo cách này hay cách khác nhưng "nhất trí với nhau về yếu tố thời gian và đó là sự khác biệt lớn; vậy là được, chúng ta tiến hành thôi." Thế là cuộc chiến tranh với Trung Quốc bắt đầu. Nhưng không lâu sau, tình hình cho thấy lực lượng của Nhật ở Trung Quốc rõ ràng chưa đủ mạnh. Ông phán bảo: "Hãy điều quân từ biên giới Mãn Châu quốc và Liên Xô". Nhưng các tham mưu trưởng quân đội can: "Không, không thể làm như vậy." Hirohito đành im lặng vì sự thiển cận của mình khi đi tới quyết định này.

Thông cáo báo chí của nội các Konoe gửi quốc dân Nhật ngày 11 tháng 7 năm 1937 nói rằng quân đội được lệnh điều động tới miền bắc Trung Quốc vì "phía Trung Quốc" đã cố tình tấn công quân sự chống lại quân Nhật. "Mối quan tâm thường trực của Thiên Hoàng là duy trì hòa bình ở Đông Á nhưng chúng ta không từ bỏ hy vọng rằng đàm phán hòa bình vẫn có thể bảo đảm để xung đột không lan rộng". Báo chí Nhật Bản trong nước nhấn mạnh hy vọng của nội các Konoe trong việc kiềm chế giao tranh ở khu vực Bắc Kinh – Thiên Tân và không đả động gì đến tuyên bố rằng lỗi hoàn toàn thuộc về phía Trung Quốc. Lúc này đã có nhiều kinh nghiệm đối phó với bộ máy quân sự đầy chia rẽ và khiếm khuyết, Nhật Hoàng có lẽ cũng biết rõ nội tình. Thế nhưng biến cố đã xảy ra, đang tiếp diễn và cần phải được nhanh chóng chấm dứt.

Đồng thời, khi công tác chuẩn bị đang được xúc tiến cho một cuộc tổng tấn công đáp trả những hành động giao tranh quy mô nhỏ liên tục với quân Trung Quốc, nỗi lo của Hirohito về khả năng can thiệp của Liên Xô giảm dần. Ông tỏ ra hài lòng với việc nội các, gồm bộ trưởng ngoại giao Hirota, Bộ trưởng Lục quân Sugiyama, Bộ trưởng Hải quân Yonai và bộ trưởng tài chính Kaya Okinori, đã phản đối trên nguyên tắc việc mở rộng xung đột ra ngoài khu vực Bắc Kinh – Thiên Tân.

Hai tuần sau, khi quân tăng viện từ quân đoàn Quan Đông và quân đoàn Triều tiên hợp nhất với ba sư đoàn từ trong nước, một số cuộc giao tranh nhỏ với quân Trung Quốc đã nổ ra ở Lang Phường, gần Thiên Tân vào ngày 25 tháng 7 và Quảng An môn gần trung tâm Bắc Kinh vào ngày hôm sau. Lúc này Hirohito hối thúc quân đội đánh một trận quyết định để kết thúc chiến tranh và vào ngày 27 tháng 7, ban chiếu thư chỉ thị cho chỉ huy Lực lượng Trấn thủ Trung Quốc phải "đập tan quân Trung Quốc ở khu vực Bắc Kinh – Thiên Tân" và "đem lại ổn định cho các khu vực chiến lược chính trong vùng".

Đợt tấn công diện rộng của quân Nhật triệt để tuân theo mệnh lệnh được Nhật Hoàng phê chuẩn và phát đi từ Tokyo và chỉ sau hai ngày chiến đấu đã chiếm được Bắc Kinh và Thiên Tân, hai thành phố có các khu tô giới hải cảng mở quy mô nhỏ của Anh và Pháp. Với việc thay đổi nhiệm vụ của Lực lượng Trấn thủ Trung Quốc từ bảo vệ cư dân Nhật sang chiếm đóng lãnh thổ Trung Quốc, Hirohito đã xúi giục sự leo thang quân sự, dẫn tới một tình thế mới ở miền Bắc Trung Quốc.

Trong các ngày 29 – 30 tháng 7 đã diễn ra một sự kiện khác đúng lúc Nhật đang cần một cái cớ để tiếp tục chính sách hiếu chiến của mình dưới tên gọi mới là "đập tan bạo lực của Trung Quốc". Đồng Châu, một thành nhỏ ở phía đông Bắc Kinh nằm dưới quyền cai quản

tảisáchhay

của phần tử thân Nhật Yin Ju-keng và lực lượng an ninh Trung Quốc (do Nhật đào tạo). Vào ngày 29 – 30 tháng 7, lực lượng an ninh này nổi dậy và tấn công cộng đồng cư dân Nhật khi đó không có sự bảo vệ của quân đồn trú chính quy Nhật do đội quân này đã tiến về Bắc Kinh và Thiên Tân. Cuộc nổi dậy kích động sự giận dữ mù quáng chống lại những kẻ chiếm đóng Nhật. Với sự trợ giúp của sinh viên và công nhân, quân Trung Quốc tàn sát 18 lính Nhật, 9 sĩ quan quân báo và 223 trong tổng số 385 cư dân Nhật và Triều tiên, kể cả phụ nữ và trẻ em.

Ở Nhật, cuộc thảm sát Đồng Châu làm dấy lên làn sóng giận dữ sôi sục. Báo chí mô tả sự việc này như một "Nikolaevsk thứ hai" nhưng lại không thể tố cáo rõ sự tàn ác của người Trung Quốc khi nói rằng sự xâm lấn miền bắc của quân Nhật xuất phát từ khu phi quân sự là nơi Nhật và Triều Tiên sản xuất hê-rô-in và thuốc phiện để buôn lậu vào các tỉnh miền Bắc Trung Quốc. Kido đón nhận tin này với sự tức giận sâu sắc như hầu hết các sách lược gia khác. Hoàng thân Takamatsu thương nghị tình hình Đồng Châu với Nhật Hoàng vào ngày 02 tháng 8 và nhắc nhở ông rằng quan điểm của phái phản đối bành trướng trong quân đội không đại diện cho toàn thể quân đội. Takamatsu cũng có thể đã nói với anh trai mình, như ghi trong nhật ký, rằng "quân đội hôm nay tràn đầy sĩ khí đập tan quân Trung Quốc để mười năm sau chúng cũng không thể ngóc đầu lên được."

Với những biến cố như trên, khó có thể nói rằng chính phủ Nhật đã bị lôi kéo vào chiến tranh do hành động của quân đội. Đúng hơn là Konoe do được sự hậu thuẫn của một phe nhóm trong quân đội đã quyết chí khai thác một biến cố nhỏ nhằm một mục đích lớn hơn là trừng phạt quân Trung Quốc và nắm quyền kiểm soát khu vực Bắc Kinh – Thiên Tân. Trong vấn đề này, Konoe nhận được sự ủng hộ tích cực của Hirohito sau khi ông vừa rút ngắn chuyến nghỉ mát trở về Hoàng cung và đang chăm chú theo dõi diễn biến tình hình. Theo ghi chép của sử gia Fujiwara Akira: "chính chính phủ (Konoe) đã cố tình theo đuổi chiến tranh, điều động quân đội và mở rộng xung đột" còn Hirohito thì hoàn toàn ủng hộ việc làm này.

Tại thời điểm này, Tưởng Giới Thạch đã quyết định rời bỏ miền bắc và bằng cách chuyển địa bàn cuộc chiến xuống khu vực sông Dương tử, bắt đầu từ Thượng Hải, ông ta có thể lôi kéo các cường quốc khác vào cuộc khi phải bảo vệ các công dân của mình sống ở đô thành lớn và quốc tế hóa bậc nhất Trung Quốc này. Nhật cũng có gần 25.000 cư dân ở đây, người châu Âu khoảng 60.000 và người Mỹ khoảng 4.000. Hầu hết những người này đều sống trong khu Tô giới quốc tế. Trận chiến Thượng Hải bắt đầu từ ngày 13 tháng 8; ngày hôm sau, phi cơ của không quân Trung Quốc tham chiến bằng cuộc tấn công bộ binh và phi cơ của Hải quân Nhật trên mặt đất cũng như ném bom tàu đô đốc Izumo của Hạm đội Ba. Gần như ngay lập tức, Bộ Hải quân dưới quyền Đô đốc Yonai quay sang ủng hộ mạnh mẽ chủ trương mở rộng chiến sự, kể cả việc chiếm đóng Nam Kinh. Chuỗi hành động thứ hai này một phần xuất phát từ Tưởng Giới Thạch và một phần từ Hải quân Thiên Hoàng đã biến "Sự kiện Bắc Trung Quốc" thành cuộc chiến tranh Trung Quốc.

Ở Thượng Hải, những binh sĩ thiện chiến và trang bị tốt nhất của Tưởng cộng với "quân bổ sung" được sàng lọc, tổng cộng lên tới khoảng 110.000 – 150.000 người, đón đánh khoảng 12.000 thuỷ thủ và thuỷ quân lục chiến Nhật được tăng viện nhanh chóng. Tướng Matsui Iwane được Hirohito đề bạt làm chỉ huy chiến trường vào ngày 15 tháng 8 và năm ngày sau,

tảisáchhay

Lực lượng Viễn chinh Thượng Hải (chủ yếu gồm lính dự bị trên dưới 30 tuổi kỷ luật non kém) được điều động. Trung đoàn Bộ binh 11 và Tổng hành dinh Sư đoàn 10, Sư đoàn Bộ binh 11 được đặt trong tình trạng báo động ở Dairen trong trường hợp cần điều động đến Thượng Hải.

Đồng thời, 20 phi cơ Hải quân đóng tại Nagasaki lần đầu tiên cũng được điều động tiến hành một cuộc ném bom thủ đô Nam Kinh của Trung Quốc sau 4 giờ bay vượt đại dương. Các phi cơ này là loại phi cơ cường kích tầm xa kiểu 96, vừa được triển khai chế tạo theo chỉ thị của Đô đốc Yamamoto Isoroku để sử dụng trong chiến tranh sau này với Mỹ và Yamamoto đang nóng lòng muốn thử nghiệm. Ngày 17, với dự báo chiến thắng nhanh chóng, nội các Konoe chính thức quyết định bãi bỏ chính sách phi bành trướng và phát động chiến tranh với mục đích mập mờ là "đập tan" lực lượng vũ trang Trung Quốc. Trong tuyên bố viết: "Đế chế đã kiên nhẫn đến giới hạn cuối cùng và buộc phải có các biện pháp cương quyết. Vì lẽ đó, Đế chế sẽ trừng phạt những hành động phi luân lý của quân đội Trung Quốc, từ đó buộc chính phủ Nam Kinh phải tự nhìn nhận lại mình." Dĩ nhiên, đằng sau quyết định này là sự phán quyết và phê chuẩn của Nhật Hoàng và sẽ chỉ được thực thi bằng việc tăng cường thêm quân và ném bom chiến lược, nếu không sẽ không bao giờ được thông qua. Điều cũng đáng nói là sự khinh mạn của Nhật Hoàng và nội các đối với người Trung Quốc và sức kháng cự của họ.

Ngày 18 tháng 8, Hirohito triệu các tổng tham mưu trưởng Lục quân và Hải quân để bàn về một đề xuất táo bạo. Ông bảo với họ rằng "cuộc chiến đang lan rộng; vị trí của quân ta ở Thượng Hải vô cùng quan trọng; Thanh Đảo cũng đang gặp nguy hiểm. Nếu trong tình cảnh này, chúng ta cứ triển khai quân khắp nơi thì cuộc chiến tranh sẽ chỉ kéo dài mãi mà thôi. Liệu ta có nên tập trung một lực lượng lớn ở điểm trọng yếu nhất và giáng một đòn chí tử không? Ông nói tiếp: "Dựa trên quan điểm công bằng của trẫm, chỉ có thể đạt được hòa bình thông qua một chiến thắng lớn như vậy". Ông hỏi "Các khanh có kế sách hành động nào như vậy chưa? Nói cách khác là chúng ta đã có phương án nào khác chưa," tới đây Nhật Hoàng trở thành nạn nhân của chính những lời lẽ đao to búa lớn của ngài – "buộc người Trung Quốc nhìn nhận lại hành động của mình?"

Ba ngày sau khi diện kiến Nhật Hoàng, các tổng tham mưu trưởng trình báo cáo bằng văn bản. Một chiến dịch không kích lớn có thể tiêu diệt không quân Trung Quốc, các cơ sở quân sự, các ngành công nghiệp chủ chốt và các trung tâm chính trị. Nhưng không kích thôi là không đủ để làm quân đội và người dân Trung Quốc "mất hết nhuệ khí". Nhật Bản phải chiếm được một số địa điểm chiến lược ở miền Bắc Trung Quốc, đánh trực diện vào lực lượng quân sự chính quy quân Quốc gia, chiếm Thượng Hải và thiết lập một cuộc bao vây đường biển đối với miền duyên hải Trung Quốc. Chính sách này được sự ủng hộ mạnh mẽ nhất của Hải quân trong một thời điểm mà nhiều người thuộc phe Lục quân và chính phủ đang tìm cách tránh một cuộc chiến toàn diện và lại được Hirohito chuẩn tấu, dù với đôi chút e ngại về việc điều quân tới Thanh Đảo và việc chiếm đóng các căn cứ không quân gần Thượng Hải. Cũng vào thời điểm này, ông chấp nhận quan điểm của các đô đốc Hải quân một cách không hề miễn cưỡng mà đã chủ động hối thúc các tướng tá quân đội hành động một cách quả quyết.

tảisáchhay

Mệnh lệnh "Điều động quân đội khu vực bắc Trung Quốc" ngày 31 tháng 8 của Hirohito chứa đựng đầy những lời lẽ đanh thép như "đập tan ý chí kháng cự của quân địch" và "quét sạch quân địch khỏi miền trung tỉnh Hà Bắc", nhằm nhanh chóng kết thúc chiến tranh. Nhưng một số dòng đã bị xoá đi trong chiếu chỉ này theo ý của Nhật Hoàng, trong đó có lệnh triển khai quân ở Thanh Đảo. Trong hai tuần tiếp theo, Hirohito đã chuẩn tấu sáu đợt điều động quân đội để chuẩn bị tăng cường lực lượng ở khu vực Thượng Hải, nơi chiến sự đang dậm chân tại chỗ. Ngày 7 tháng 9, Nhật Hoàng chuẩn tấu việc triển khai ba sư đoàn và Lực lượng trấn thủ Đài Loan tới mặt trận Thượng Hải; đồng thời, do lo ngại Liên Xô mà ông cũng ra lệnh điều thêm các đơn vị tới Mãn Châu để canh chừng. Tuy kịch liệt phản đối việc tăng cường quân đội nhưng không thể làm gì để ngăn cản, Chỉ huy Phòng Một, Thiếu tướng Ishiwara từ chức và được bổ nhiệm làm phó tham mưu quân đoàn Quan Đông.

Ngay từ đầu cuộc chiến tranh với Trung Quốc, một vấn đề nổi lên là xác định mục đích chiến tranh của Nhật. Ngày 4 tháng 9 năm 1937, Bộ trưởng Lục quân Sugiyama ra chỉ thị cho các chỉ huy quân đội rằng "Tình hình hiện nay của chúng ta hoàn toàn khác với bất kỳ thời khắc nào trong lịch sử đế chế. Chúng ta phải ghi nhớ rằng cuộc chiến tranh này đã trở thành một cuộc chiến toàn diện". Cùng ngày, Hirohito thông báo cho Nghị viện Thiên Hoàng rằng mặc dù ông luôn lo lắng đến việc "gìn giữ hòa bình ở châu Á thông qua việc hợp tác với Trung Quốc … nhưng Trung Quốc …. Lại không thật sự hiểu rõ ý định của đế chế. Chúng ta rất lấy làm tiếc rằng họ đã liên tục gây khó khăn và nhiều vấn đề để chuốc lấy kết cục cuối cùng là diễn biến hôm nay. Quân đội của chúng ta đang thể hiện lòng trung thành và dũng cảm, đang chịu đựng mọi gian khổ chỉ cốt khiến Trung Quốc biết tự nhìn lại mình và nhanh chóng thiết lập lại hòa bình ở Đông Á".

Nhật Bản cần phát động chiến tranh mà không tuyên bố chiến tranh. Lệ thuộc vào nhập khẩu xăng dầu, sắt thép, bông và đồng từ Mỹ, các lãnh đạo Nhật biết nếu chính thức gây chiến, Mỹ sẽ từ chối bán các nguyên liệu chiến lược này. Bằng cách tạo ra một kiểu 'biến cố' chứ không phải một cuộc chiến tranh, Nhật có thể vận động các nhà xuất khẩu hàng công nghiệp và nguyên liệu thô của Mỹ bất chấp Đạo luật Trung lập của Mỹ năm 1935 và cả một đạo luật hà khắc hơn khác áp dụng từ tháng 5 năm 1937 để tiếp tục cung cấp bởi đây là một vụ làm ăn rất có lợi mà các doanh nghiệp Mỹ trong thời kỳ suy thoái mới này khó có thể bỏ qua.

Những lý do khác khiến Nhật không muốn nêu rõ mục đích chiến tranh như đã từng làm trong ba cuộc chiến tranh với ngoại bang khác mang ý nghĩa tinh thần nhiều hơn. Dù sau thì vẫn tồn tại một luận thuyết thần học chính thức với vô số tín đồ - các giáo sư đại học, các tăng lữ Phật giáo dòng Zen và Nichiren, các quan chức chính phủ, với lời diễn giải rằng Nhật Hoàng là một vị thánh sống, hậu duệ của Amaterasu Omikami; Nhật Bản là hiện thân của đạo đức và công lý; theo định nghĩa thì các cuộc chiến tranh của Nhật đều là chính nghĩa và nước Nhật không bao giờ gây chiến. Vì vậy, việc cố gắng hình thành "đạo trung quân" (*kodo*) ở Trung Quốc và khiến người dân nơi đây thần phục sự chiếm đóng của Thiên Hoàng nhân từ bằng cách "sát sinh nhân đạo" – tức là giết một số ít những kẻ gây rối để nhiều người khác được sống – chính là ơn mưa móc đối với những người dân bị chiếm đóng chứ không thể gọi là sự bành trướng thực dân. Hiển nhiên, những kẻ kháng cự phải được làm cho tỉnh ngộ. Nhưng về mặt chính thức thì không có "chiến tranh" mà chỉ là những "sự kiện" mà thôi.

tảisáchhay

Hệ quả là ngay từ đầu cuộc chiến tranh, chính phủ Nhật đã thường xuyên gọi "sự kiện Trung Quốc" là cuộc "đấu tranh thiêng liêng" hay "thánh chiến" *(seisen*). Cuộc đấu tranh càng kéo dài bao nhiêu thì những nhà lý luận càng muốn sử dụng nhiều thuật ngữ "thánh chiến" bấy nhiêu vì danh từ này thể hiện một sứ mệnh quốc gia là đoàn kết thế giới dưới sự cai trị nhân từ của Thiên Hoàng (*hakko ichi'u),* có như vậy tinh thần của ngài và của Amaterasu Omikami uy nghiêm mới được soi sáng toàn vũ trụ.

I

Đầu tháng 11, chiến sự ở Trung Quốc khiến Thủ tướng Konoe, Nhật Hoàng, bộ tham mưu Lục quân và Hải quân thấy rõ rằng cần phải có một cơ cấu chỉ huy tối cao hợp lý, hiệu quả hơn để kiểm soát các lực lượng trên chiến trường và triển khai chính sách quốc gia. Một Ban kế hoạch chính phủ đã được thành lập vào tháng 10. Ngày 27, với đề xuất của Konoe, Hirohito hạ chỉ thành lập "Đại bản doanh Thiên Hoàng" (*daihon'ei*) trong Hoàng cung, một công cụ quân sự thuần túy để ông thực thi vai trò hợp hiến của mình là người chỉ huy tối cao để Lục quân và Hải quân có thể hành động nhịp nhàng hơn. Kể từ đó cứ mỗi tuần vài ngày và kéo dài vài giờ trong buổi sáng, hai tổng tham mưu trưởng, Bộ trưởng Lục quân và Hải quân, chủ nhiệm các ban hành quân và chánh trợ lý của Hirohito lại bàn bạc công việc ngay tại Hoàng cung. Với tổng số nhân sự chỉ hơn 200 người, Đại bản doanh Thiên Hoàng ban đầu giống như một nhóm sĩ quan ô hợp hơn là một tổ chức hữu hiệu để điều hành chiến tranh và điều phối chính trị, chiến lược như Konoe ban đầu mường tượng.

Đồng thời, cũng do sự hối thúc của Konoe, người đang mong muốn các tổng tham mưu trưởng và phó tổng tham mưu Lục quân và Hải quân có quan hệ chặt chẽ hơn với chính phủ, một cơ quan liên lạc liên chính phủ được thành lập vào ngày 19 năm 11 năm 1937 với tên gọi là Hội nghị Đại bản doanh Thiên Hoàng – Ban liên lạc chính phủ. Với mục đích hỗ trợ việc hòa hợp các quyết định và nhu cầu của hai phe quân sự với các nguồn lực và chính sách của các bộ ngành khác trong chính phủ, hội nghị liên lạc này ban đầu cũng chỉ là một hình thức trao đổi thông tin tạm thời và hiếm khi được nhóm họp.

Các quyết định cuối cùng của hội nghị liên lạc được chính thức công bố trong các phiên họp đặc biệt có Hirohito đích thân tham gia. Các buổi lâm triều này *(gozen kaigi*) không được tổ chức theo quy định của chính phủ hay hiến pháp. Tuy nhiên, do đích thân Nhật Hoàng chủ trì và chuẩn tấu các quyết định nên người đương thời coi đây là hoạt động hợp pháp mặc dù chỉ có một số ít các bộ trưởng chính phủ như Thủ tướng và bộ trưởng tài chính là thật sự tham gia.Các buổi thiết triều này được nhóm họp ít nhất tám lần từ 11 tháng 1 năm 1938 đến 1 tháng 12 năm 1941. Ngoài Nhật Hoàng, những người tham gia các buổi họp này gồm tham mưu trưởng, phó tham mưu trưởng của hai ban tham mưu, các Bộ trưởng Lục quân và Hải quân, Thủ tướng, bộ trưởng tài chính, bộ trưởng ngoại giao, trưởng ban cơ yếu và trưởng ban kế hoạch. Chánh văn phòng Quân vụ Lục quân và Hải quân và các thư ký nội các không được phép tham dự các buổi nghị triều này. Chỉ trừ hai trường hợp quan trọng đều trong năm 1941 là có thông cáo báo chí công khai về các buổi họp ngay sau khi kết thúc. Các phóng sự này rất ngắn gọn, chỉ gồm tên người tham dự, trang phục họ mặc và luôn luôn nhấn mạnh sự đồng thuận của những người ra quyết định.

tảisáchhay

Trong các buổi thiết triều này, Hirohito thường chủ trì và phê chuẩn các quyết định không chỉ ảnh hưởng đến vận mệnh của Nhật Bản mà còn cả của Trung Quốc và các nước khác bị chính sách của Nhật chi phối. Do các buổi nghị triều này thường được nhóm họp sau các hội nghị liên lạc mà tại đó tất cả các bên liên quan đã đi đến các quyết định được Nhật Hoàng đồng tình nên ông đã biết hết nội dung của các vấn đề cần "quyết định". Chủ yếu các buổi nghị triều này được tổ chức để Nhật Hoàng tỏ rõ mình là một quân vương hợp hiến thuần khiết, tức là chỉ chuẩn tấu các vấn đề theo lời khuyên của các cố vấn nhưng không chịu trách nhiệm về hành động của mình. Tại các buổi họp này, các bộ trưởng dân sự mặc trang phục buổi sáng còn các sĩ quan quân đội thì mặc lễ phục quân nhân. Tuy vậy, yếu tố hình thức của các hoạt động này không hề làm giảm tầm quan trọng của chúng. Cũng như không phải tất cả các buổi nghị triều này đều giống nhau vì không phải lúc nào Nhật Hoàng cũng im lặng.

Các buổi nghị triều này là phương tiện để chuyển hóa một cách hợp pháp "ý chí của Thiên Hoàng" thành "ý chí của quốc gia". Và vì những người tham dự có thể tự nhận rằng đã hành động theo, với và dưới quyền hạn độc tôn của Thiên Hoàng trong khi Nhật Hoàng thì cho rằng mình đã hành động theo lời khuyên của các bộ trưởng nên các buổi nghị triều này sẽ xoá nHoà ranh giới trách nhiệm. Với ý nghĩa đó, đây chính là tột đỉnh hoàn hảo về lề lối vô trách nhiệm kiểu Nhật Bản, vì nó duy trì bốn loại ảo tưởng khác nhau: (a) rằng nội các thật sự có quyền hành; (b) rằng nội các là cơ quan cố vấn quan trọng nhất của Nhật Hoàng; (c) rằng nội các và ban chỉ huy quân sự cao cấp đã đạt được một sự nhất trí có thỏa hiệp về các vấn đề cùng quan tâm, cung cấp cho Nhật Hoàng một chính sách mà ông này (d) chỉ chuẩn tấu với vai trò thụ động của Thiên Hoàng. Thực tế hoàn toàn khác xa vì chỉ có: một nội các không quyền hành, một hiến pháp bị cắt xén và một Nhật Hoàng năng nổ tham gia vào quá trình lập kế hoạch chiến tranh và chỉ đạo quá trình đó, bởi một loạt các can thiệp thường là gián tiếp nhưng luôn luôn có tính quyết định.

Các thành viên cấp cao của Đại bản doanh Thiên Hoàng đều tư vấn cho Hirohito nhưng chỉ có các tổng tham mưu trưởng mới là người truyền mệnh lệnh của ông tới các chỉ huy chiến trường và hạm đội.35 Thông qua Đại bản doanh Thiên Hoàng, Hirohito thực hành quyền chỉ huy tối thượng đối với cả hai binh chủng quân đội, kể cả các quân đoàn ngoài mặt trận trực tiếp dưới quyền chỉ huy của ông, tức là quân đoàn Quan Đông và các quân đoàn tại chỗ ở Trung Quốc. Thông qua hội nghị liên lạc, ông và ban chỉ huy tối cao muốn điều hành chính sách với chính phủ dân sự. Nhưng Hirohito đã không thể có được quyền điều hành và sự thống nhất trong lãnh đạo chiến tranh vì Đại bản doanh Thiên Hoàng một lần nữa lại tạo ra sự hiềm khích giữa hai phe quân sự, trong khi hội nghị liên lạc này lại dựa trên, và cuối cùng bị phá hoại bởi nguyên tắc riêng rẽ và độc lập trong quyền tham gia cố vấn cho Nhật Hoàng của các bộ trưởng chính phủ.

Hơn nữa, (toàn thể) nội các không thể kiểm soát được các thành viên thuộc giới quân sự do yếu kém trong hợp nhất quyền lực và bởi vị trí đặc thù của các Bộ trưởng Lục quân và Hải quân trong thực thì quyền cố vấn độc lập đối với Nhật Hoàng. Theo đề nghị cương quyết của Hải quân do lo sợ sự kiểm soát quân đội của Đại bản doanh Thiên Hoàng và sự suy yếu trong "quyền chỉ huy tối cao" độc lập của mình mà Thủ tướng và các quan chức dân sự bị loại khỏi Đại bản doanh Thiên Hoàng. Tuy Hirohito chuẩn tấu quyết định này nhưng việc

tảisáchhay

làm này đã làm suy giảm hiệu quả và cản trở tiến trình trao đổi, điều phối với các cơ quan dân dự của nhà nước trong suốt cuộc chiến tranh.

Sau khi thành lập Đại bản doanh Thiên Hoàng, Hirohito thấy việc thực hiện vai trò của một tư lệnh tối cao một cách chủ động trở nên dễ dàng hơn, điều mà ông nội ông Minh Trị chưa từng được biết. Khi ông truyền đạt các mệnh lệnh tối cao của mình, còn gọi là Mệnh lệnh Lục quân từ Đại bản doanh Thiên Hoàng (*tairikumei*) và Mệnh lệnh Hải quân từ Đại bản doanh Thiên Hoàng (*daikairei)*, trực tiếp tới các chỉ huy chiến trường, chỉ huy quân đội tại chỗ, thường là các chỉ huy sư đoàn và các đô đốc hạm đội, các tổng tham mưu trưởng Lục quân và Hải quân của Hirohito chỉ còn đóng vai trò "người truyền lệnh". Tuy ông không thể nắm rõ tất cả các mệnh lệnh do Đại bản doanh Thiên Hoàng ban ra nhưng các mệnh lệnh thuộc ưu tiên cao nhất này, tức là các mệnh lệnh tối cao của ông, đều được Hirohito kiểm tra kỹ lưỡng trước khi chuyển giao cho các tham mưu trưởng để truyền đi.

Các lệnh và chỉ thị quan trọng của các tổng tham mưu trưởng dựa trên tairikumei và daikairei cũng được thực hiện theo cách này. Mệnh lệnh được dự thảo tại các ban quân hành của Lục quân và Hải quân, được trưởng ban, trưởng phòng chỉnh sửa, chuyển lên cấp trên cho phó tham mưu và tham mưu trưởng và cuối cùng được đệ trình lên Nhật Hoàng để chuẩn tấu trước khi được gửi đi.39 Do vậy, với tư cách không chỉ là một lực lượng điều khiển toàn bộ bộ máy chiến tranh của Nhật Bản mà còn là một cá nhân được tự do quyết định, Hirohito luôn kiểm tra kỹ lưỡng và phê chuẩn các chính sách, chiến lược và mệnh lệnh phát động chiến tranh và chính là người có trách nhiệm to lớn.

Hirohito trao đổi với Đại bản doanh Thiên Hoàng bằng các câu hỏi dò xét, những lời quở trách và cẩn thận nhắc đi nhắc lại những chỉ thị và câu hỏi của mình cho các tham mưu trưởng và bộ trưởng quân đội. Dần dần, ông cũng hiểu được cách tận dụng vị trí của mình để gây áp lực tâm lý liên tục lên những người này. Ông thường hành xử chừng mực, giống với phong thái lịch lãm của George C. Marshall nhiều hơn so với George S. Patton. Tuy vậy, những "câu hỏi" của ông có giá trị ngang với những mệnh lệnh và không được phép coi nhẹ. Có lúc ông cũng vấp phải sự phản đối khi muốn thực hiện những thay đổi trong quyết định hành quân nhưng chỉ cần hơi cả quyết là ông lại lấn lướt cho dù điều đó có nghĩa là các tổng tham mưu trưởng phải gạt đi mong muốn thực thi chính sách khác của các trưởng phòng và trưởng ban quân hành quan trọng. Nói tóm lại, các tham mưu trưởng phải chịu trách nhiệm trước một Nhật Hoàng năng nổ, tích cực, tóm lại là không thể phát động cuộc chiến tranh Trung Quốc theo ý họ. Các Bộ trưởng Lục quân và Hải quân cũng vậy. Họ bị Hirohito thẩm vấn và đôi lúc phải hứng chịu sự giận dữ của Nhật Hoàng.

Hơn nữa, vào những thời điểm trọng yếu có chứng cớ ghi chép cẩn thận, Hirohito không chỉ đích thân tham gia, nhiều khi là hàng ngày, vào việc xây dựng chiến lược, quyết định kế hoạch, thời điểm … của các chiến dịch quân sự mà còn can thiệp vào các sự kiện đang diễn biến trên chiến trường và tạo ra những thay đổi mà nếu không có sự can thiệp của ông sẽ không thể xảy ra. Ông còn giám sát và thậm chí có lúc bình luận về các mệnh lệnh mà các chỉ huy chiến trường truyền đạt tới cấp dưới, mặc dù không ai rõ ông có can thiệp sâu vào công việc này không.

tảisáchhay

Các buổi báo cáo không chính thức của nội các được tổ chức ngay từ khi Hirohito lên nối ngôi được Đại bản doanh Thiên Hoàng chỉ thị tăng cường từ cuối năm 1937 trở đi nhằm thường xuyên hỗ trợ Hirohito trong vai trò người chỉ huy tối cao. Nói chung, các buổi họp không chính thức này là các cuộc vấn đáp trong đó Nhật Hoàng hỏi (*gokamon*) và những người tham dự trả lời. Thành viên chủ yếu là các tổng tham mưu trưởng và một số bộ trưởng trong nội các. Đôi khi cũng có các phiên họp chính thức hơn trong đó Nhật Hoàng sẽ lặng lẽ nhận báo cáo bằng văn bản hay bằng lời (*joso)* của các bộ trưởng hay sĩ quan quân sự cao cấp. Trong các phiên báo cáo kiểu *naiso*, các thông tin và ý tưởng trao đổi sẽ được chuyển thành thảo luận chính sách, chiến lược, các vấn đề chiến thuật và các quyết định đưa ra theo kiểu 'đồng thuận' của người Nhật, mà kết quả là những quyết định của nội các chỉ là những "thành phẩm" được nhào nặn từ trước phản ánh suy nghĩ của Hirohito và vì thế hiếm khi được sửa đổi.

II

Cuối tháng 10, cuộc chiến tranh giành giật từng tấc đất ở giữa và xung quanh Thượng Hải có dấu hiệu sắp đi đến hồi kết. Ngày 09 năm 10, quân đội Trung Quốc bắt đầu rút quân một phần. Khoảng ba dặm vuông trong thành phố và một phần lớn khu vực xung quanh đã bị tàn phá bởi đạn pháo và các đợt oanh tạc của không quân và Hải quân. Gần 250.000 người Trung Quốc bị chết, trong đó có nhiều phụ nữ và trẻ em tham gia chiến đấu trên chiến tuyến. Phía Nhật chết 9.115 và bị thương 31.257 người. Khoảng giữa tháng 11, tuyến phòng thủ của quân Trung Quốc sụp đổ, sau khi Lực lượng Viễn chinh Thượng Hải thuộc Sư đoàn 16 dưới sự chỉ huy của Trung tướng Nakajima Kesago đổ bộ mà không gặp sự kháng cự nào tại Paimaoko trên bờ sông Dương Tử, lăm le hợp quân với quân đoàn 10, dưới quyền Trung tướng Yanagawa Heisuke, mới đổ bộ trước đó một tuần lên bờ phía bắc vịnh Hàng Châu. Rã rời và hỗn loạn trước bom đạn triền miên từ các phi cơ của Hải quân Nhật và đạn pháo từ các chiến hạm Nhật, binh sĩ của Tưởng Giới Thạch rút chạy tán loạn qua các làng bản dọc theo sông Dương Tử về hướng Nam Kinh nằm cách đó khoảng 180 dặm.

Được chi viện đầy đủ nhưng đang rất cần nghỉ ngơi và tăng cường quân nhu, từng đoàn quân Nhật truy quét ráo riết về hướng tây. Nhiệm vụ ban đầu của Lực lượng Viễn chinh Thượng Hải là chỉ tiến hành một cuộc chiến tranh nhỏ ở khu vực Thượng Hải và tránh va chạm với Anh, Mỹ. Những hạn chế này giờ đây bị phớt lờ và các chỉ huy chiến trường bắt đầu sử dụng quyền tự quyết của mình trái với mệnh lệnh của cấp chỉ huy ở Tokyo. Lần đầu tiên đối mặt trực tiếp với thường dân Trung Quốc, đội quân này (trong suốt thời gian diễn ra trận chiến ở Thượng Hải thường xuyên giết hại tù binh chiến tranh) được lệnh tiêu diệt không phân biệt lính hay dân thường. Trong lệnh tấn công của Tiểu đoàn Hai, Trung đoàn bộ binh 6, ngày 11 tháng 11 có ghi "Tất cả dân chúng tuân thủ pháp luật đã rút vào bên trong tường thành. Bất cứ kẻ nào còn ở bên ngoài tường thành đều bị coi là chống Nhật và phải bị tiêu diệt … Vì việc thiêu rụi nhà cửa, chuẩn bị nguyên vật liệu tiện lợi hơn trong hành quân truy quét."

Đốt phá, cướp bóc làng mạc, thị trấn trên đường tiến quân vào đất liền dọc theo đường cái và các tuyến xe lửa hướng tới Nam Kinh, các đơn vị của quân đội Nhật bám theo sau một cuộc di dân khổng lồ của quân và dân thường tị nạn Trung Quốc. Ngày 1 tháng 12, Đại bản

tảisáchhay

doanh Thiên Hoàng mới thành lập của Hirohito lệnh cho quân đoàn 10, Lực lượng Viễn chinh Thượng Hải áp sát thủ đô từ nhiều hướng. Hôm sau, Hoàng thân Asaka nắm quyền chỉ huy Lực lượng Viễn chinh Thượng Hải và Tướng Matsui, lúc này đang ốm, được phong chức lên làm chỉ huy quân đoàn Vùng Trung thổ Trung Quốc, bao gồm lực lượng Thượng Hải của chính ông này và quân đoàn 10. Ngày 8 tháng 12, binh sĩ dưới sự chỉ huy của Asaka bắt đầu tấn công quân trấn thủ Trung Quốc. Thành Nam Kinh có tường vây quanh với dân số khoảng bốn đến năm trăm nghìn người, thất thủ ngày 13 tháng 12, sau khi mới kháng cự được có năm ngày.

Không có lệnh "hãm hiếp" Nam Kinh nào được ban ra. Đại bản doanh Thiên Hoàng cũng không hề ra lệnh huỷ diệt toàn bộ quân địch như mục tiêu tối cao của chiến dịch bao vây Nam Kinh. Nhưng đúng là có lệnh không bắt giữ tù binh. Và ngay khi Nam kinh thất thủ, binh lính Nhật bắt đầu hành quyết hàng loạt các tù binh chiến tranh và lính đào ngũ không vũ khí đã đầu hàng. Lính Nhật điên cuồng hoành hành với mức độ chưa từng thấy và không lường trước với những hành động đốt nhà, cướp của, giết người, hãm hiếp. Cuộc thảm sát tiếp diễn trong nội thành và sáu làng ngoại ô lân cận trong ba tháng, với mức độ dã man vượt xa trận chiến Thượng Hải cũng như suốt dọc con đường tháo chạy đến Nam Kinh. Sư đoàn 16 của Tướng Nakajima chỉ trong ngày đầu vào thủ đô đã giết hại chừng 32.300 tù nhân chiến tranh và binh lính đào ngũ Trung Quốc. Một tính toán khác của Nhật đưa ra mức tổng số thấp hơn đôi chút là 24.000.

Khi các tướng Matsui và Asaka yêu cầu tổ chức diễu binh mừng chiến thắng trên lưng ngựa trên các đường phố chính ở Nam Kinh vào ngày 17 tháng 12, tham mưu trưởng của Asaka là Inuma Mamoru đã lệnh cho các Sư đoàn 16 và 9 tăng cường các chiến dịch càn quét trong nội đô thành phố bị chiếm đóng và các làng bản lân cận để bảo đảm không kẻ nào dám ám hại vị Hoàng thân quốc thích này. Thế là đêm 16 tháng 12 và rạng sáng ngày 17, sau khi trận chiến đã kết thúc thắng lợi và tàn quân Trung Quốc, hầu hết đều không có khí giới và quân phục đang cố chạy trốn một cách tuyệt vọng thì lính Nhật đã tập hợp và hành quyết hơn 17.000 nam giới và trẻ em trai chỉ tính bên trong tường thành Nam Kinh. Trong khi đó, Sư đoàn 9 tiến hành chiến dịch tàn sát ở các huyện hành chính xung quanh Nam Kinh.

Vào hồi 2 giờ chiều ngày 17 tháng 12, Tướng Matsui cùng Đô đốc Hasegawa kết thúc buổi lễ mừng chiến thắng bằng việc cúi chào về phương đông và kéo Lá cờ mặt trời mọc ngay phía trước trụ sở cũ của chính phủ Dân quốc. Matsui hô to ba lần: "Thánh thượng Hoàng, vị Chỉ huy tối cao muôn năm!" Hơn 20.000 binh sĩ tập hợp trong hàng quân, một phần ba tổng số quân chiếm đóng trong thành, đồng thanh hô vang theo sau.

Tổng số nạn nhân vụ thảm sát người Trung Quốc, tính cả bên trong tường thành và các huyện ngoại ô là bao nhiêu vẫn còn là một vấn đề tranh cãi. Ước tính gần đúng nhất của Nhật cho biết con số này "không dưới 200.000", đồng thời công nhận rằng có thể sẽ không bao giờ biết được con số chính xác. Phiên tòa Tội phạm Chiến tranh Tokyo sau chiến tranh chấp nhận con số ước tính "trên 200.000" thường dân và tù binh chiến tranh "bị tàn sát ở Nam Kinh và khu vực phụ cận trong 6 tuần đầu". Phiên xử tội phạm chiến tranh ở Nam Kinh chấp nhận con số "trên 300.000", sau đó các ước tính không chứng thực của Trung Quốc nâng con số này lên 340.000 nạn nhân. Tháng 12 năm 1937, bản tin đầu tiên của phương

tảisáchhay

Tây về vụ thảm sát Nam Kinh, dựa trên số liệu hạn chế của thành phố, ước tính có khoảng từ 10.000 đến hơn 20.000 người bị giết trong mấy ngày đầu. Trong số những yếu tố giữa bối cảnh chiến sự cụ thể lúc đó đã xui khiến binh lính Nhật phạm những tội ác khủng khiếp này, những yếu tố được các sử gia Nhật Bản thường xuyên nhắc tới là tình trạng vô kỷ luật, tư tưởng xô-vanh chủng tộc, sự trả thù và "tâm lý căm thù đến đỉnh điểm."

Vấn đề được tranh cãi nhiều không kém là con số nạn nhân bị hãm hiếp. Các quan sát viên nước ngoài lúc đó ước tính mỗi ngày có khoảng 1.000 phụ nữ và trẻ em gái ở mọi lứa tuổi đã bị bạo hành tình dục và hãm hiếp trong suốt giai đoạn đầu của cuộc chiếm đóng, khi quân đội Thiên Hoàng đã cô lập hoàn toàn Nam Kinh với các vùng khác của Trung Quốc. Các vụ hãm hiếp kéo dài đến tận cuối tháng 3, khi trận tự trong quân được khôi phục trở lại. Các "trạm sinh hoạt" nơi phụ nữ từ khắp nơi trên Đế chế Nhật bị đưa về làm nô lệ tình dục bắt đầu mọc lên khắp nơi; quân đội thành lập một "Chính phủ phục quốc" mới cho vùng trung thổ Trung Quốc tương đương với chính phủ mới lập khoảng 3 tháng trước ở Bắc Kinh. Nhưng những vụ bạo hành chống thường dân Trung Quốc vẫn tiếp diễn khắp nơi. Từ khi bắt đầu cuộc chiến tranh Trung Quốc vào tháng 8 năm 1937 đến cuối năm 1939, có tới 420 binh lính Nhật bị tòa án quân sự kết tội hãm hiếp và giết phụ nữ Trung Quốc. Nhưng không hề có một lính Nhật nào bị tử hình vì những tội ác này.

Hàng trăm phóng viên báo viết và phóng viên ảnh Nhật Bản đi theo quân đội ở Trung Quốc vào thời kỳ này cùng một số ít ỏi các nhà báo Mỹ và châu Âu. Nhưng chỉ có các phóng viên Mỹ và châu Âu là cho thế giới biết điều gì thật sự diễn ra. Báo chí Nhật do bị kiểm duyệt, bị cấm trích dẫn các nguồn tin nước ngoài chỉ trích Nhật Bản nên không dám bình luận về các vụ thảm sát, tội ác chiến tranh, khủng bố dân thường, hay hãm hiếp mà chỉ tường thuật rằng nhiều tù binh bị bắt ở Nam Kinh và rất nhiều dân Trung Quốc chết không được chôn cất. Tuy nhiên, câu chuyện kể về hai viên Trung uý Nhật thi tài dùng kiếm chém chết hàng trăm lính Trung Quốc đã xuất hiện vài lần trên tờ *Tokyo Nichi Nichi Shinbun* trước khi quân Nhật chiếm được Nam Kinh, như vậy bối cảnh bạo lực trên chiến trường Trung Quốc là có thật. Nhưng chỉ có những độc giả Nhật có lương tri và những người tiếp cận được với báo chí nước ngoài như học giả Ki-tô giáo Yanaihara Tadao là có liên hệ và nhận thức được rằng những kẻ sát nhân trong bộ quân phục đã phạm những tội ác không hề giống với chân dung lý tưởng về Nhật Bản.

Các thành viên Hoàng tộc, kể cả ông trẻ 50 tuổi của Hirohito, Hoàng thân Asaka, người chỉ huy cuộc tấn công vào Nam Kinh dưới quyền Matsui và là sĩ quan cấp bậc cao nhất trong thành phố tại thời điểm cao trào của thảm hoạ; Hoàng thân Tướng Higashikuni, 49 tuổi, tư lệnh không quân của Lục quân, chú của Hoàng hậu Nagako; và Hoàng thân Kan'in 71 tuổi, chú của Nhật Hoàng, tổng tham mưu trưởng Lục quân, tất cả đều biết về vụ thảm sát và tình trạng gần như hoàn toàn vô kỷ luật lúc đó. Bộ trưởng Lục quân Sugiyama tất nhiên cũng biết. Nhiều sĩ quan trung và cao cấp của Đại bản doanh Thiên Hoàng biết. Thiếu tướng quân dự bị Eto, thành viên của Hạ viện biết. Bộ ngoại giao chắc chắn biết. Trưởng văn phòng Đông Á bộ ngoại giao Ishigari Itaro, kể lại trong nhật ký rằng "Một bức thư gửi về từ Thượng Hải kể chi tiết những hành động tàn bạo của quân đội ta ở Nam Kinh. Trong thư mô tả tình cảnh cướp bóc, hãm hiếp khủng khiếp. Lạy trời, chẳng lẽ đây là hành vi của quân đội Thiên Hoàng?" Nhà ngoại giao và người am hiểu Trung Quốc Shigemitsu Mamoru kể lại

tảisáchhay

không lâu sau cuộc chiến ông đã làm thế nào vào thời điểm đó để "cố gắng xây dựng một chính sách tốt đối với Trung Quốc để bù đắp cho những tội ác (phạm phải) khi Nhật chiếm đóng Nam Kinh."

Có lẽ chính phủ Konoe không biết về những vụ hãm hiếp, cướp phá ở Nam Kinh nhưng Hirohito thì chắc chắn biết vì được báo cáo thường xuyên. Hirohito là người đứng đầu các cấp chỉ huy và dù cho hệ thống mệnh lệnh trong giai đoạn sơ khai này có hạn chế đến dâu thì ông cũng không thể dễ dàng không biết đến các quyết định của cấp chỉ huy trung và cao cấp. Ông theo dõi sát sao từng bước tiến của quân đội Nhật Bản, đọc các bức điện ngoại giao, đọc báo hàng ngày và thường hỏi han các phụ tá về những tin tức ông biết được. Là tổng tư lệnh phê chuẩn cuộc đánh chiếm thành Nam Kinh và là lãnh tụ tinh thần của quốc gia, người chính thức hóa chủ trương "đập tan" Trung Quốc, ông mang trên mình trách nhiệm đạo đức cũng như pháp lý tối thiểu để dự báo, cho dù không chính thức, một mối lo nhất định về nguy cơ đổ vỡ kỷ luật trong quân đội. Nhưng ông hầu như không làm gì.

Những sự phê phán ngày một tăng từ giới ngoại giao nước ngoài về hành vi của quân Nhật ở khu vực chiến sự Thượng Hải – Nam Kinh cũng có thể đã đến tai Hirohito. Chắc chắn, những lời này cũng đã đến tai bộ chỉ huy tối cao và Bộ ngoại giao, chưa kể một số thành viên của Nghị viện. Đại sứ Mỹ Grew hai lần chính thức phản đối hành động của quân đội Nhật cướp bóc tài sản của người Mỹ và sỉ nhục Quốc kỳ Mỹ ở Nam Kinh tới Bộ trưởng ngoại giao Hirota và ông này sau đó đưa vấn đề ra trước phiên họp nội các giữa tháng Giêng 1938.

Nhà ngoại giao Hidaka Shinrokuro đến Nam Kinh ngay khi mùa thu vừa kết thúc và cũng đã báo cáo chi tiết cho Hirota, thậm chí có thể đã báo cáo với Nhật Hoàng về tình trạng bạo hành vào cuối tháng Giêng, mặc dù những chứng cớ chỉ mang tính phỏng đoán. Hidaka nói thông thạo tiếng Anh. Ông quen thân đảng viên Quốc xã Đức John Rabe, một trong những người tổ chức An toàn khu quốc tế Nam Kinh, được người phương Tây thành lập gần trung tâm thành phố để làm nơi trú ẩn cho người tị nạn. Phóng viên báo *Người bảo vệ Manchester* Harold J. Timperley, tác giả cuốn *Nỗi kinh Hoàng Nhật Bản ở Trung Quốc* (1938), cuốn sách đầu tiên viết về cuộc thảm sát Nam Kinh, là bạn thân của ông. Ông cũng thảo luận các vấn đề về Nam Kinh với phóng viên tờ Thời báo *New York Hallett Abend*. Hidaka thâm chí còn điện về Bộ Ngoại giao thuật lại một số lời phê phán của các thành viên ủy ban Quốc tế An toàn khu Nam Kinh, kể cả những ý kiến của Rabe và giáo sư Đại học Nam Kinh Lewis Smythe. Nếu chỉ cần Hidaka hay bộ trưởng ngoại giao Hirota thông báo cho Hirohito về tình trạng bạo hành của quân đội thì Nhật Hoàng cũng đã đủ biết rất rõ.

Tuy nhiên, giả sử Hirohito không được thông báo chính thức bởi những người này hay bất kỳ ai khác có quyền hạn chính thức về quy mô thật sự của cuộc thảm sát mà binh lính của ngài đang tiến hành theo lệnh của sư đoàn, trung đoàn, thậm chí là ban tham mưu, đang vi phạm luật pháp quốc tế, thì Nhật Hoàng vẫn còn nguồn tin tức tình báo thứ cấp về tình trạng vô kỷ luật từ các nguồn ngoài quân đội như báo chí trong nước và ngoài nước hay có thể qua những người em của mình nhắn bằng miệng tới ông tin đồn về những gì đang diễn ra ở Nam Kinh bị chiếm đóng. Vì ông thật sự có nguồn thông tin thứ cấp này nên ông có thể ngầm ra lệnh bí mật điều tra. Nhưng không hề có dấu tích bằng văn bản nào về một mệnh lệnh điều tra của Nhật Hoàng. Thay vào đó, Hirohito tiếp tục im lặng về những hành vi tội ác

tảisáchhay

của quân đội Thiên Hoàng trong khi nhất cử nhất động của quân đội ông đều theo dõi sát sao cho tới tận lúc họ chiếm được thành phố. Thêm vào đó còn có một sự thật không thể chối cãi khác là trong suốt thời gian đầu diễn ra sự kiện và trong toàn bộ thời gian các vụ giết người, hãm hiếp diễn ra, thay vì có hành động *công khai* thể hiện sự không hài lòng, tức giận hay hối hận, thì ông lại tích cực hối thúc các tướng lĩnh, đô đốc của mình tiến lên giành chiến thắng to lớn hơn trong sự nghiệp quốc gia buộc người Trung Quốc "nhìn lại mình" này.

Ngày 20 tháng 11, hơn ba tuần trước khi thành Nam Kinh thất thủ và cũng là ngày Đại bản doanh Thiên Hoàng của ông được thành lập, Hirohito đã ban thánh chỉ đến chỉ huy Hạm đội vùng Trung Quốc, Đô đốc Hasegawa Kiyoshi. Ông khen ngợi các sĩ quan và quân nhân thuộc hạm đội đã cộng tác với Lục quân, kiểm soát vùng duyên hải của Trung Quốc và ngăn chặn con đường vận tải đường biển của Trung Quốc. Đồng thời ông cũng nhắc nhở "chúng ta vẫn còn một chặng đường dài phải đi trước khi đạt được mục tiêu. Hãy cố gắng giành nhiều thắng lợi hơn nữa".

Bốn ngày sau, trong lúc đang dự buổi họp đầu tiên của Đại bản doanh Thiên Hoàng, Hirohito đã chuẩn tấu theo kiểu sự đã rồi quyết định trọng đại của Tướng Matsui, Chỉ huy quân đoàn Trung thổ Trung Quốc về việc tấn công đánh chiếm thủ đô của Trung Quốc. Trong buổi họp này, người đứng đầu Ban quân hành Bộ tổng tham mưu Lục quân giải thích với ông rằng cả binh đoàn vận tải và các đơn vị pháo binh của Lục quân ở trung thổ Trung Quốc vẫn còn đang tụt lại khá xa sau các đơn vị tiên phong ở tiền tuyến và rằng trong khi đợi quân đội tập hợp lực lượng, "không lực của Lục quân và Hải quân sẽ … ném bom Nam Kinh và các khu vực chiến lược khác." Như vậy Hirohito biết rõ và đã phê chuẩn các kế hoạch ném bom, oanh tạc Nam Kinh và vùng phụ cận. Ông phê chuẩn (làm trước tấu sau) việc bãi bỏ mọi hạn chế về phạm vi hành quân của quân đội; ông đã không làm gì để kiềm chế Lục quân và Hải quân trong cuộc tấn công thần tốc về hướng Nam Kinh mà chưa được lệnh từ Tokyo. Ngày 1 tháng 12, nhiều ngày sau khi các vụ oanh tạc đường không và tấn công đường biển và trên bộ vào Nam Kinh bắt đầu, Hirohito chính thức lệnh cho Tướng Matsui tổ chức tấn công: "Chỉ huy quân đoàn Trung thổ Trung Quốc, phối hợp với Hải quân, tiến đánh và chiếm thủ đô của địch là Nam Kinh (Đại bản doanh Thiên Hoàng, Quân lệnh số 8)".

Hirohito nóng lòng muốn đánh một trận quyết định vào "thủ đô của địch" vì vào thời điểm đó, giống như hầu hết ban chỉ huy tối cao của mình, ông tán thành quan điểm rằng một đòn chí mạng sẽ buộc Tưởng Giới Thạch quỳ gối và chấm dứt cuộc chiến. Kết cục là bất chấp hậu quả về mặt ngoại giao mà hành động của Matsui và Asaka gây ra, Nhật Hoàng vẫn công khai khen ngợi hai người này. Ngày 14 tháng 12, sau ngày Nam Kinh thất thủ, Nhật Hoàng ban thánh chỉ tới các tổng tham mưu trưởng bày tỏ sự hài lòng khi biết tin đã chiếm được thành phố. Khi Tướng Matsui trở về Tokyo để rời khỏi chức vụ đang tạm giữ vào tháng Hai 1938, Hirohito đã ban thánh chỉ khen ngợi chiến công to lớn của ông này. Hoàng thân Asaka phải đợi đến tháng Tư 1940 mới vinh dự được trao Huân chương Hoàng Ưng. Đó là cách mà bằng quyền lực gián tiếp của mình, Hirohito đã tha thứ cho những hành vi tội ác của quân đội. Tuy có thể về mặt cá nhân, ông cũng thất vọng về những gì xảy ra ở Nam Kinh nhưng

tảisáchhay

ông không hề công khai bày tỏ sự quan tâm nào và cũng không làm gì để bù đắp bằng cách quan tâm hay sửa đổi chính sách của Nhật trong đối xử với tù binh chiến tranh.

Sĩ quan và binh lính của cả Lục quân lẫn Hải quân đều tham gia gây tội ác ở Nam Kinh. Hành động của họ trùng hợp với cuộc bắn pháo của quân đội Nhật nhằm vào thuyền của dân tị nạn Trung Quốc và các tàu chiến Anh *Lady Bird và Bee*. Cùng lúc này, hai phi cơ Hải quân Nhật cố tình ném bom tàu chiến Mỹ *Panay,* đang neo đậu trên sông Dương Tử cách Nam Kinh khoảng 27 dặm ở phía thượng nguồn, khi đó có cả các nhà ngoại giao cùng các ký giả và nhiếp ảnh gia Mỹ và châu Âu trên tàu. Như để xát thêm muối vào vết thương, sau khi thuỷ thủ đoàn và hành khách tàu *Panay* phải rời bỏ con tàu đang cháy, lính Nhật đi trên thuyền máy còn leo lên boong và bắn theo chiếc thuyền cứu sinh cuối cùng đang chèo vào bờ. Tin tức về những sự kiện này, trong đó có ba người Mỹ chết và ba người khác bị thương nặng, về tới phương Tây ngay khi báo chí Anh, Mỹ bắt đầu tường thuật những tin tức chấn động về vụ thảm sát Nam Kinh.Hai sự kiện trên khiến công chúng Mỹ bất bình với sự hiếu chiến, tàn bạo và trơ tráo của quân Nhật, những kẻ đã tấn công tàu chiến của hai cường quốc chỉ trích nhiều nhất hành động của Nhật ở Trung Quốc. Những sự kiện này càng làm nổi bật hình tượng nước Nhật như một mối đe doạ trực tiếp đối với an ninh nước Mỹ.

Tuy Konoe và Hải quân Thiên Hoàng đã lập tức xin lỗi và bồi thường hơn 2,2 triệu đô-la cho cái họ gọi là sự "nhầm lẫn" khi đánh đắm tàu *Panay* nhưng một lần nữa, Hirohito lại không đích thân có hành động nào để hạn chế thiệt hại, mặc dù ông có thể dễ dàng gửi điện xin lỗi tới Tổng thống Roosevelt và Nhà vua George VI. Rõ ràng, cả ông lẫn nội các của Konoe đều không nhận thức hết mức độ của sai lầm về quân sự và ngoại giao mà Nhật vừa phạm phải.

Vụ thảm sát và việc đánh đắm tàu USS *Panay* không hề bị lãng quên hay được tha thứ, cả ở Trung Quốc hay ở Mỹ. Tin tức về vụ "hãm hiếp" ở Nam Kinh lan rộng và được nhiều người Trung Quốc biến thành một sự kiện biểu trưng như một tấm lăng kính mà họ luôn nhìn vào trong suốt cuộc chiến tranh với Nhật cho đến rất lâu sau đó. Ở nước Mỹ đang điêu đứng vì suy thoái, các phóng sự về vụ thảm sát và đánh chìm tàu Panay gây sự chú ý hiếm hoi trên trang nhất.Tin tức từ châu Á nhanh chóng gây ra sự căng thẳng quốc tế, kích động một làn sóng chống Nhật và ủng hộ Trung Quốc không ngớt. Kể từ cuối thế kỷ 19, người Mỹ đã coi Trung Quốc không chỉ là một thị trường để khai thác mà còn là một nơi phù hợp để cụ thể hóa những lý tưởng và sự hào hiệp trong quan hệ với nước ngoài. Việc Tổng thống Roosevelt từ chối áp đặt lệnh cấm vận đối với nền kinh tế yếu ớt của Nhật Bản đã gặp phải sự chỉ trích từ phong trào tẩy chay hàng hóa nhập khẩu của Nhật mới nổi lên. Các quan điểm ủng hộ việc tăng cường sức mạnh Hải quân ở Mỹ cũng ngày một nhiều. Roosevelt lúc này đã làm tổng thống đến nhiệm kỳ hai nhưng vẫn chưa thể áp đặt được chính sách ngoại giao đã cử Đại uý Royal E. Ingersoll, Trưởng phòng Tác chiến Hải quân tới Luân Đôn để bàn bạc khả năng hợp tác với Anh chống lại sự gây hấn của Nhật ở châu Á và Thái Bình Dương.

Sự kiện tàu *Panay* cũng khiến Hirohito nhanh chóng được người Mỹ chú ý. Ngày 14 tháng 12, *Nhật báo Chicago* đăng dòng tít lớn cảnh cáo SẼ CHẤM DỨT QUAN HỆ VỚI NHẬT nếu "Hoàng đế Nhật" không có câu trả lời nhanh chóng với "đòi hỏi của Tổng thống Roosevelt yêu cầu Nhật phải xin lỗi, bồi thường và bảo đảm không tái diễn các hành động tấn công người Mỹ ở Trung Quốc". Dưới tiêu đề "Đòi hỏi của Mỹ đối với Mikado" là bức ảnh Hirohito

tảisáchhay

nhỏ bé, đeo kính, mặc quân phục cưỡi trên lưng con bạch mã to lớn. Tờ *Thời sự Nhật báo* còn ám chỉ Nhật Hoàng có quyền lực chính trị thật sự và do đó phải chịu trách nhiệm về vụ đánh đắm tàu chiến Mỹ. Tuy nhiên, những sự phơi bày của báo chí như thế còn rất hiếm.

Tờ *Thời báo New York và Bưu điện Oa-sinh-tơn* có thiên hướng coi Nhật Bản như một chính thể thống nhất hay chỉ chú trọng vào các "Tướng lĩnh Nhật Bản", "giới quân phiệt" và "những kẻ cực đoan trong quân đội". Tờ *Thời báo Los Angeles* đăng xã luận ngày 14 tháng 12 trong đó có đoạn thông điệp Roosevelt gửi Nhật Hoàng về sự kiện tàu *Panay:*

" … mong muốn kêu gọi sự quan tâm đến một thực tế là lực lượng vũ trang Nhật Bản chỉ phục tùng sự điều khiển của Nhật Hoàng và không … phục tùng chính phủ Nhật mà đại diện là Nội các … Bộ chỉ huy tối cao Nhật có thật sự tuân lệnh hay điều khiển Nhật Hoàng dĩ nhiên là một vấn đề khác. Nhưng tính hai mặt trong nhà nước Nhật khiến chính phủ Nhật rất khó tiếp xúc."

Như vậy, tờ *Thời báo Los Angeles* đã bỏ ngỏ vấn đề về quyền hành thật sự của Nhật Hoàng.

Xét theo nhận định của những tờ nhật báo lớn này thì Hirohito hầu như không liên quan đến quá trình hoạch định chính sách ở Nhật. Trong một số ít trường hợp ngoại lệ thì ông chỉ tồn tại (nếu có) trong tâm trí người Mỹ chủ yếu như một 'kẻ bung xung' không có quyền hành gì. Tình hình quan hệ với Nhật ngày một xấu đi sau năm 1937 càng tô đậm thêm hình tượng này. Hình ảnh khắc sâu đối với nước Mỹ về Hoàng đế Nhật Bản cho tới tận sự kiện Trân Châu cảng là một ông vua trị vì mà không có thực quyền – không hề tham dự vào quyết sách chính trị nhưng vẫn tại vị bởi các quyết định chính trị và dù không có ảnh hưởng gì đối với tư tưởng của các cố vấn nhưng luôn luôn và trong mọi việc đều ngoan ngoãn tuân theo lời khuyên của cố vấn. Những phỏng đoán này vừa sai lầm vừa ngoan cố. Do từ lâu hình ảnh sai lệch của Minh Trị Thiên Hoàng đã ghi khắc trong tâm trí người Mỹ nên những ý nghĩ này còn tồn tại lâu dài đến tận sau vụ Trân Châu cảng. Bị ám ảnh bởi hình tượng bất di bất dịch về một 'ông vua bù nhìn' nên nhận thức của Mỹ về Hirohito và quá trình hoạch định chính sách của Nhật dẫn tới cuộc chiến tranh Thái Bình Dương đã không hề xuất phát từ thực tế.

III

Cuộc chiến tranh không tuyên bố với Trung Quốc kéo dài tám năm, tạo cơ hội cho Cộng sản Trung Quốc giành thắng lợi và chỉ kết thúc sau khi Nhật bắt đầu tham gia Đại chiến Thế giới II và kết cục là thất bại của Nhật. Trong những năm này, Nhật Hoàng đã có một số cơ hội để xem xét ngừng bắn hay tái lập hòa bình sớm. Cơ hội đầu tiên và tốt nhất xuất hiện trong cuộc tấn công vào Nam Kinh, khi quân đội Quốc gia của Tưởng đang hoàn toàn tan rã. Tưởng hy vọng chấm dứt giao tranh bằng cách kêu gọi các nước thân thiện có hiệp ước quốc tế với Trung Quốc can thiệp. Tuy nhiên, các cường quốc này không hề sốt sắng ủng hộ Trung Quốc một cách tích cực vì ở châu Âu nguy cơ chiến tranh đang dần hiện rõ còn ở Mỹ, chủ nghĩa biệt lập đang thịnh hành.

Trong Hội nghị Hiệp ước 9 cường quốc ở Brúc-xen vào tháng 11, 1937 do Anh, Mỹ đề xướng và Nhật Bản tẩy chay, đại diện Quốc dân đảng thậm chí còn thất bại trong việc thuyết

tảisáchhay

phục các nước tham gia tuyên bố Nhật Bản là kẻ gây chiến. Khi Hội nghị Brúc-xen kết thúc mà không có lệnh cấm vận nào được đưa ra đối với Nhật Bản, chính phủ Konoe và Đại bản doanh Thiên Hoàng lập tức mở rộng khu vực chiến sự, bất chấp thiệt hại về người và của đối với các cường quốc có hiệp ước khác trong cuộc tấn công vào Nam Kinh. Cuối tháng 11, trước cố gắng tuyệt vọng hòng làm chậm bước tiến của quân Nhật bằng ngoại giao khi quân đội đang không còn sức bảo vệ Nam Kinh, Tưởng cuối cùng đành chấp nhận đề nghị trung gian hòa giải trước đó của Đức. Bộ tổng tham mưu Lục quân ở Tokyo cũng sẵn sàng chấp nhận. Sau đó, Oscar Trautmann, đại sứ Đức ở Trung Quốc đã cố gắng nối lại đàm phán hòa bình Trung – Nhật nhưng không thành công.

Một ngày sau khi Nam Kinh thất thủ, ngày 14 tháng 12, Konoe tiết lộ trong một cuộc họp báo sự thay đổi trong thái độ của chính phủ về hòa đàm như sau:

Trước khi chúng ta vui mừng với tin chiến thắng Nam Kinh, chúng ta không thể không lấy làm buồn vì 500 triệu người cùng chủng tộc, văn hóa đã bị lừa dối một cách vô vọng. Chính phủ Quốc dân đảng đã đi quá giới hạn cả về ngoại giao và những hành động của mình trong các phong trào chống Nhật. Thế nhưng họ đã không dám nhận trách nhiệm đối với hậu quả hành động của mình, từ bỏ cả thủ đô và chia tách chính quyền. Giờ đây, khi họ đang sụp đổ và chia rẽ thành những bè lũ quân sự, chúng ta đã thấy rõ rằng họ không có dấu hiệu tự nhìn lại mình nào. Do vậy, chúng ta buộc phải xem xét lại hành động của mình.

Konoe và nội các của ông này đề xuất các điều khoản hà khắc. Trung Quốc phải chính thức công nhận Mãn Châu quốc, hợp tác với chế độ này và Nhật Bản trong cuộc chiến chống Cộng sản, cho phép quân đội Nhật chiếm đóng vô thời hạn và bồi thường thiệt hại chiến tranh cho Nhật Bản. Phe phản đối leo thang chiến tranh trong Bộ tổng tham mưu Lục quân vẫn hy vọng sớm cắt giảm chi phí quân sự ở Trung Quốc và do đó muốn Trautmann sớm nối lại cuộc hòa đàm đã bắt đầu từ tháng 11. Họ chỉ ra một cách thực tế rằng nếu Nhật không công nhận chế độ Dân quốc thì sẽ dẫn tới việc (Tưởng) tập trung toàn lực chống lại Nhật … rõ ràng, việc này sẽ khiến Liên Xô, Anh và Mỹ càng chủ động hơn … Đế chế sẽ bị buộc phải dàn trải sức mạnh và tiềm lực quốc gia trong một thời gian dài nữa."

Ngày 9 tháng 1 năm 1938, Hội nghị Đại bản doanh Thiên Hoàng – Ban liên lạc chính phủ mới được khởi xướng quyết định áp dụng một chính sách giải quyết tình hình Trung Quốc. Sau khi gửi văn bản có tiêu đề "Chính sách cơ bản đối phó với tình hình Trung Quốc" đến nội các để đóng dấu bảo đảm tính pháp lý, Konoe báo cáo với Hirohito. Ngày hôm sau, ông này tấu trình xin Nhật Hoàng triệu tập một buổi thiết triều nhưng không cần bình luận gì vì "Chúng thần chỉ muốn chính thức quyết định vấn đề với sự có mặt của bệ hạ." Hirohito và Konoe không những chỉ muốn ngăn cấm quan điểm của những người chủ trương chống bành trướng trong Bộ tổng tham mưu Lục quân mà còn muốn ngăn cản ảnh hưởng quá mức của Đức đối với công việc nội bộ của Nhật Bản. Ngày 11 tháng 1, khoảng 30 phút trước khi buổi nghị triều nhóm họp trong cung, các thành viên đã tổ chức một buổi họp đặc biệt nhằm giải đáp các câu hỏi về văn bản chính sách mà Hiranuma Kiichiro, Trưởng ban quân cơ đã một mực yêu cầu. Sau khi các bộ trưởng chính phủ đã thỏa mãn thắc mắc của Hiranuma, buổi nghị triều bắt đầu lúc 2 giờ chiều với sự "có mặt uy nghi" của Nhật Hoàng và các đại biểu nghe Bộ trưởng ngoại giao Hirota lập luận rằng sự hòa giải của Trautmann

tảisáchhay

không có hy vọng thành công và do đó "chúng ta phải đề cao quyết tâm chiến đấu đến cùng với Trung Quốc." Phát biểu thay mặt Bộ tổng tham mưu Lục quân, Hoàng thân Kan'in bày tỏ "đôi chút bảo lưu về sự thận trọng trong chính sách coi chính phủ Dân quốc là một chế độ đã hoàn toàn bị đánh bại," nhưng cũng nhất trí với ý kiến của phiên họp. Sau đó, buổi nghị triều thông qua một văn kiện nói rằng nếu chính phủ Dân quốc từ chối chấp nhận hòa bình vô điều kiện theo những điều khoản đề ra thì Nhật bản sẽ rút bỏ sự công nhận và trao quyền đó cho một chế độ khác dễ bảo hơn. Chủ trì phiên họp trong bộ lễ phục quân đội, trong phiên thiết triều đầu tiên sau 25 năm kể từ khi cha ông chuẩn tấu cho Nhật tham gia Chiến tranh Thế giới lần thứ Nhất, Hirohito phê chuẩn quyết định. Suốt 70 phút ngồi yên trong buổi thiết triều không hề nói một lời, ông làm ra vẻ đang duy trì sự trung lập trong triều về vấn đề này mặc dù thực ra ông hoàn toàn ủng hộ một chính sách quân sự cứng rắn hơn đối với Trung Quốc so với đề nghị của Bộ tổng tham mưu Lục quân.

Khi phía Trung Quốc vẫn còn chần chừ chưa trả lời các điều kiện hà khắc của Tokyo thì nội các Konoe đột ngột cắt đứt đàm phán. Ngày 16 tháng 1 năm 1938, Konoe đưa ra tuyên bố như đã hứa rằng Nhật Bản không tiếp tục công nhận chính phủ Quốc gia. Hai ngày sau, Konoe tiếp tục cho phát đi một tuyên bố công khai nữa nêu rõ rằng mục đích chính khi rút lại sự công nhận là để "xoá bỏ" chính phủ Tưởng Giới Thạch, một mục tiêu mà Bộ trưởng Hải quân Yonai nhiệt tình ủng hộ. Đáng nói là trong cả hội nghị liên lạc và buổi nghị triều sau đó, Nhật Hoàng đều không ủng hộ Bộ tổng tham mưu Lục quân về vấn đề quan trọng là nối lại hòa đàm. Thay vào đó, ông tỏ ra ủng hộ chủ trương cứng rắn của phía Hải quân.

Những người thuộc phe Lục quân phản đối một "cuộc chiến tranh huỷ diệt" toàn diện với Trung Quốc vẫn cố gắng vận động. Trước hôm Konoe ra tuyên bố không công nhận, Hoàng thân Kan'in đã tìm cách thông báo trực tiếp với Nhật Hoàng trước khi Thủ tướng Konoe đệ trình báo cáo chính thức nhưng không được. Tuy nhiên, khi Hirohito gặp Kan'in lúc 9 giờ tối ngày 15 tháng 1 thì tâm trí ông cũng chỉ ám ảnh với việc tiếp tục chiến tranh chứ không muốn đàm phán. Ông hỏi Hoàng thân: "Chúng ta sẽ bỏ lại một lực lượng quân Trung Quốc chống Nhật ở miền Nam, vậy Lục quân sẽ làm gì?" Hirohito còn hỏi nhiều câu khác như có nên gián tiếp hậu thuẫn cho chế độ (hiện tại) ở miền Bắc Trung Quốc không bằng cách sử dụng các "cố vấn để gây chú ý" hay đã có kế hoạch gì để chuẩn bị đối phó với đợt "phản công của Trung Quốc" Các câu hỏi của Hirohito chủ yếu liên quan đến hành quân nhưng câu hỏi cuối có thể được coi là một lời trách mắng gián tiếp và lạnh lùng đối với những người chống bành trướng trong bộ tổng tham mưu vì cố lật lại một vấn đề đã được quyết định trong hội nghị liên lạc. Như vậy là một lần nữa phe chống bành trướng lại bị quở trách. Cùng chung quan điểm về cuộc chiến tranh Trung Quốc với Konoe và những phần tử cứng rắn chủ trương bành trướng trong Bộ Hải quân, Hirohito muốn đẩy nhanh một giải pháp cho vấn đề Trung Quốc.

Nội các của Konoe tiếp tục phát động giai đoạn khốc liệt thứ hai của cuộc chiến tranh Trung Quốc kéo dài hết tháng 12 năm 1938. Đến thời điểm này, con số thương vong của quân Nhật kể từ đầu trận đánh ở cầu Marco Polo đã lên tới 62.000 chết và 6.667 bị thương; số người chết do ốm đau ở cả Trung Quốc và Mãn Châu lên tới 12.605 người. Trong vòng hai năm sau, thương vong trong chiến trận của Nhật tuy có giảm nhiều nhưng vẫn ở mức cao. Từ 30.081 người chết và 15.760 người bị thương năm 1939 đã giảm gần một nửa xuống

tảisáchhay

còn 15.827 người chết và 8.000 người bị thương năm 1940. Số chết do ốm đau gần như không thay đổi, trung bình trên 11.500 người một năm. Nói cách khác, tính đến cuối năm 1938, cuộc chiến tranh Trung Quốc đã đạt mức không đổi về thiệt hại từ thương vong trong chiến trận là gần 24.000 mỗi năm. Số người chết trung bình cao gần gấp đôi số thương vong nghe khá kinh ngạc nhưng không rõ có thể rút ra kết luận chính xác gì từ tỉ lệ trái ngược này. Một điều quan trọng không kém khác là Nhật đã mất hết hy vọng kiểm soát cuộc chiến tranh Trung Quốc cả về quân sự lẫn chính trị.

Trong năm 1938, các thành phố lớn và tuyến hoả xa chính ở miền bắc, trung và nam Trung Quốc đều bị quân Nhật chiếm đóng trong khi vùng nội địa rộng lớn gồm các làng mạc và đồi núi ở khoảng giữa trở thành căn cứ của quân du kích Trung Quốc. Khắp mọi nơi trong bốn năm đầu của cuộc chiến tranh Trung Quốc, quân đội Nhật đều coi thường quân Cộng sản dưới quyền chỉ huy của Mao Trạch Đông, coi họ là quân "giặc cỏ" và tập trung hầu như toàn bộ binh lực đối phó với quân "Quốc gia" của Tưởng Giới Thạch. Không quân cũng có cùng chủ trương với năm chiến dịch ném bom tầm xa vào sâu trong lãnh thổ miền bắc và miền trung Trung Quốc trong thời kỳ này. Họ chỉ ném bom các cơ sở quân sự nằm trên căn cứ địa của Cộng sản ở Duyên An hai lần vào tháng 10 năm 1939. Mục tiêu chính của cuộc không kích luôn là Trùng Khánh. Chỉ đến tháng 10 năm 1941, quân Nhật mới tập trung nhiều máy bay ném bom hơn để tấn công Duyên An. Đồng thời, sau khi chiếm được Vũ Hán và Quảng châu vào tháng 10 năm 1938, cuộc tấn công trên bộ của Nhật đã đi tới điểm xa nhất và sau đó chuyển sang phòng thủ chiến lược.

Đối mặt với một cuộc chiến tranh bế tắc không có hy vọng chiến thắng trong trước mắt, các lãnh đạo Nhật vẫn cố tình theo lao như thể họ không thể chứ không phải không muốn thay đổi mục tiêu tối cao. Trong bối cảnh tổng động viên toàn quốc, kiểm duyệt báo chí ngày càng khắt khe và chi phí quân sự cao chưa từng có, họ bắt đầu một loạt các động thái hòa hoãn. Họ quay sang khai thác cuộc xung đột giữa Quốc dân đảng Trung Quốc và những kẻ thù trong nước của phe này. Tuyên bố nổi tiếng của Thủ tướng Konoe về một "Trật tự mới ở Đông Á" tháng 11 năm 1938 là bước đi đáng kể nhất trong số những sáng kiến này. Konoe bày tỏ hy vọng đạt được hòa bình ở Trung Quốc thông qua những kẻ thù của Tưởng Giới Thạch và lãnh tụ của chính phe cánh ông này trong Quốc dân đảng Uông Tinh Vệ. Kế hoạch bổ sung hành động quân sự bằng động thái chính trị này cuối cùng dẫn đến việc thành lập chế độ của Uông ở Nam Kinh vào cuối tháng 3 năm 1940 và việc ký kết Hiệp ước Sơ bộ Trung – Nhật vào tháng 11 năm 1940. Thế nhưng chính phủ Konoe không hề thật sự tin tưởng ở Uông cũng như khả năng kết thúc chiến tranh của ông này và vì vậy đã trì hoãn việc công nhận chế độ của Uông, sau đó buộc ông phải trả lại cho Nhật trên hiệp ước một loạt những đặc quyền lớn về quân sự, kinh tế và chính trị, biến chính phủ của ông thành một chế độ bù nhìn không có một chút giá trị nào trong con mắt của hầu hết người dân Trung Quốc.

Nhưng dù cho có tập trung vào thỏa thuận trực tiếp với Tưởng Giới Thạch ở Trùng Khánh hay vào việc thiết lập một chính phủ giả tạo ở Nam Kinh thì hành động của Nhật Bản nhằm kết thúc chiến tranh rút cục cũng chỉ nhằm mục đích bành trướng, củng cố và hợp thức hóa những thành quả thu được từ chiến tranh mà thôi. Các "nhà thương thuyết hòa bình" của Nhật không hề có ý định đề ra một hạn chót cho việc quân Nhật rút khỏi miền bắc Trung

tảisáchhay

Quốc chứ chưa nói gì đến việc buông tha quyền kiểm soát đối với quốc gia bù nhìn ở Mãn Châu quốc.

Cuộc tấn công mùa hè của quân Nhật vào Vũ Hán theo kế hoạch sẽ bắt đầu từ tháng 7 năm 1938 nhưng Bộ tổng tham mưu Lục quân đang lo lắng về động thái của Liên Xô. Ngày 11 tháng 7 năm 1938, chỉ huy Sư đoàn 19 hấp tấp thực hiện một cuộc đụng độ lớn với quân Liên Xô nhằm tranh giành một quả đồi nằm trên đường biên giới Mãn Châu quốc. Sự kiện này được biết đến với tên gọi sự kiện Trương Cổ Phong và kết quả là thất bại hoàn toàn và nặng nề của quân Nhật. Trong sử ký của mình Harada Kumao thuật lại lời quở mắng của Hirohito đối với Bộ trưởng Lục quân Itagaki: "Từ nay trở đi nhà ngươi không được điều động dù chỉ là một tên lính nếu không được ta cho phép". Nói cách khác, ông bảo với Bộ trưởng Lục quân của mình rằng ông mới là người có quyền chỉ đạo, nhưng sau đó ông cũng không có hành động kỷ luật nào đối với những sĩ quan đã khơi mào biến cố. Không lâu sau, khi biết rõ là quân Xô-viết sẽ không phản công vượt qua biên giới, ông mới chấp thuận cho tiến hành cuộc tấn công như đã lên kế hoạch ở Trung Quốc. Đây lại là một ví dụ nữa về sự lọc lõi của Nhật Hoàng trong việc sử dụng quyền hành của mình để can thiệp.

Một lần nữa, Nhật Bản mong muốn nhanh chóng đè bẹp quân Trung Quốc. Với ưu thế vượt trội cả trên bộ, trên biển và trên không, cuộc tấn công của Nhật cuối năm 1938 thắng lợi trong hầu như mọi trận đánh. Nhưng sức kháng cự của quân Trung Quốc cũng bền bỉ hơn, khiến quân Nhật ngày càng phải sử dụng nhiều vũ khí hóa học. (Về vấn đề này cũng đã có nhiều tiền lệ ở phương Tây: đáng kể nhất là việc quân Đức lần đầu tiên sử dụng khí độc trong Chiến tranh Thế giới thứ Nhất và phát-xít Ý sử dụng khí ga ở Ê-tiô-pia vào năm 1935). Đến tháng 11, quân Nhật đã đánh chiếm được "ba thành phố của Vũ hán" là Vũ Xương, Hán Khẩu và Hán Dương trên bờ sông Dương Tử ở vùng trung thổ Trung Quốc và Quảng châu ở tận miền nam; kiểm soát được tuyến đường sắt chính dọc đất nước và thiết lập một vành đai kiểm soát ở tất cả các tỉnh duyên hải giàu có và phát triển triển nhất Trung Quốc. Tưởng Giới Thạch vừa hô hào cuộc chiến tranh vẫn tiếp diễn vừa rút chạy cùng toàn bộ chính phủ của mình vào sâu hơn trong nội địa về hướng Trùng Khánh, thành phố miền núi, có tường thành kiên cố, vượt khỏi tầm truy đuổi của quân Nhật.

Đối với Nhật, Vũ Hán thật sự là đỉnh điểm của cuộc chiến tranh, là giới hạn tột cùng về khả năng tấn công của Nhật vào lúc đó. Khi tin tức thắng trận về đến Nhật, cả nước ăn mừng không khác gì khi báo chí đưa tin (sớm) về việc chiếm được Nam Kinh: còi hú vang, các báo đăng thêm trang, còn Nhật Hoàng, cũng như trong thời gian diễn ra sự kiện Mãn Châu, nai nịt quân phục chỉnh tề xuất hiện trên lưng bạch mã.

Konoe nhanh chóng phát đi lời tuyên bố thứ hai của mình về cuộc chiến tranh vào ngày 03 tháng 12 năm 1938. Vẫn giữ nguyên luận điệu rằng Nhật sẽ xây dựng một "Trật tự mới ở Đông Á", ông này còn tuyên bố không phủ quyết sự tham gia của chính phủ Trung hoa Dân quốc. Tám tuần sau, ngày 22 tháng 12, Konoe đưa ra tuyên bố quan trọng thứ ba, khởi xướng "ba nguyên tắc Konoe" mà sau này được chính thức coi là mục tiêu chiến tranh của Nhật. Thứ nhất là Trung Quốc phải chính thức công nhận Mãn Châu quốc và thiết lập quan hệ "láng giềng hữu nghị". Nguyên tắc này có nghĩa là Trung Quốc phải chấm dứt mọi hành động chống đối Nhật. Thứ hai là Trung Quốc phải cùng Nhật đấu tranh chống lại Chủ nghĩa

tảisáchhay

Cộng sản; có nghĩa là Nhật có quyền duy trì sự có mặt của quân đội tại Trung Quốc. Thứ ba là giữa hai chính phủ phải có sự hợp tác kinh tế sâu rộng, kể cả việc chấp nhận quyền của Nhật Bản được khai thác các nguồn tài nguyên ở miền bắc Trung Quốc và Nội Mông.

Với ba nguyên tắc này, Nhật hy vọng sẽ thiết lập được "Trật tự mới ở Đông Á" của mình. Tuyên bố của Konoe nhằm khơi sâu sự chia rẽ giữa các phe phái trong chính phủ Quốc dân đảng, giữa một bên là cựu thủ tướng Uông Tinh Vệ và một bên là Tưởng Giới Thạch. Kết quả cuối cùng sẽ là một chính phủ tay sai mới cai quản các tỉnh do Nhật kiểm soát kể từ thành Nam Kinh bị quân Nhật chiếm đóng.

IV

Ngày 4 tháng 1 năm 1939, Konoe từ chức do không có khả năng chấm dứt cuộc chiến tranh ở Trung Quốc hay đạt được sự đồng thuận ngay trong nội các đầy chia rẽ của mình về vấn đề Hội Quốc Liên quân sự với Đức Quốc xã. Sự thoái vị của ông này mở đường cho ba ứng cử viên kế nhiệm là cựu trưởng ban quân cơ Hiranuma, Tướng Abe Nobuyuki và Đô đốc Yunai, nhằm tiếp tục duy trì cuộc "thánh chiến". Thỏa hiệp với Uông Tinh Vệ nhằm thành lập một chế độ đối kháng ở Nam Kinh là điều nhãn tiền. Nhưng Nhật Bản cũng không đè bẹp được Tưởng Giới Thạch. Trái lại, Nhật Bản đã khơi dậy một tinh thần kháng chiến dân tộc sâu sắc ở bất cứ nơi nào đội quân tàn ác của mình bước chân qua. Do không thể duy trì kiểm soát đối với vùng lãnh thổ nông thôn rộng lớn, bị buộc phải dàn trải trên cả mặt trận cũng như các tuyến đường tiếp tế và liên lạc tới mức tối đa, quân Nhật ở Trung Quốc nhanh chóng nhận thấy tình cảnh bức bối vô vọng của mình, cả về quân sự và chính trị. Vào lúc này Chiến tranh Thế giới thứ Haiđã bắt đầu ở châu Âu và các phe nhóm cầm quyền ở Nhật bắt đầu mơ tưởng rằng thanh thế đang lớn mạnh của Đức sẽ mở ra con đường để họ thoát khỏi tình thế tiến thoái lưỡng nan này.

Theo lời tiến cử của thủ tướng từ nhiệm, đầu năm 1939, Nhật Hoàng chỉ định Hiranuma làm người kế nhiệm Konoe. Hiranuma là người ủng hộ nhiệt thành của phe Lục quân và là người mà Hirohito từng coi là một kẻ phát-xít thật sự. Tuy nhiên, kể từ cuộc binh biến năm 1936, ông này đã tự xa lánh đôi chút so với phe cấp tiến cánh hữu bằng việc giải tán Đảng Kokuhonsha theo yêu cầu của Hoàng thân Saionji và gây dựng quan hệ với các thành viên của phe triều đình, và dưới sự hướng dẫn của Bộ trưởng tài chính Ikeda Seihin và phe triều đình, ông này còn tiếp tục tái xây dựng chân dung của mình bằng cách hứa hẹn sẽ không trở thành kẻ thù của Anh và Mỹ bằng cách vội vã tham gia Hội Quốc Liên quân sự với Đức Quốc xã. Riêng sự thay đổi phần nào quan điểm về Hội Quốc Liên với Đức cũng đủ để ông được Hirohito tin dùng.

Suốt 9 tháng sau, Hiranuma phải vật lộn không chỉ với các vấn đề quân sự và ngoại giao phát sinh từ cuộc chiến tranh bế tắc ở Trung Quốc mà còn cả vấn đề đối phó với Liên Xô. Vào tháng 5, quân đoàn Quan Đông đụng độ với quân Xô-viết và quân Mông Cổ ở gần làng Nặc Môn Khâm, nằm trên biên giới giữa vùng tây bắc Mãn Châu quốc và Ngoại Mông (tức Cộng hòa Nhân dân Mông Cổ). Trận đánh nhanh chóng mở rộng thành một cuộc chiến tranh biên giới toàn diện, kéo theo sự tham gia của một số lượng lớn xe tăng, pháo binh và máy bay. Mặc dù quân Quan Đông có mang vũ khí hóa học ra trận nhưng không có bằng chứng

tảisáchhay

cụ thể cho thấy họ đã sử dụng chiến tranh vi trùng đối với quân Mông Cổ và Liên Xô như một số cáo buộc sau này. Chiến sự ở Nặc Môn Khâm tiếp diễn đến ngày 15 tháng 9 cho đến khi Bộ trưởng ngoại giao Xô-viết Vyacheslav Molotov và đại sứ Nhật Togo Shigenori ký hiệp định ngừng bắn ở Maxtcơva.

Thương vong của Nhật kể cả quân tăng viện từ Mãn Châu quốc lên đến 18.925 chết, bị thương hoặc mất tích, gần bằng cả một sư đoàn. Những sĩ quan gây ra sự kiện thảm kịch Nặc Môn Khâm là chỉ huy quân đoàn Quan Đông, Tướng Ueda Kenkichi và hai sĩ quan tham mưu cao cấp của ông này là Thiếu tá Tsuji Masanobu và Trung tá Hattori Takushiro, tuy vậy chỉ bị thuyên chuyển. Không sách lược hay phương pháp quân sự nào được hoạch định lại. Một lần nữa, Nhật Hoàng lại không chịu trừng phạt những kẻ có tội. Năm 1941, ông thậm chí còn cho Tsuji và Hattori thăng cấp và đảm nhiệm những vị trí quan trọng trong Bộ tổng tham mưu Lục quân, giống như ông đã cho bổ nhiệm và thăng chức cho những thủ phạm gây ra sự kiện Mãn Châu vào chỉ huy sở ở Tokyo.

Hơn nữa, có vẻ như các sĩ quan liên đới đã hành động hợp pháp dựa trên văn kiện "Sơ lược chính sách đối phó với tranh chấp dọc biên giới Mãn Châu – Liên Xô" mà Hirohito mới chuẩn tấu không lâu trước khi sự kiện nổ ra. Vì quân đội chỉ làm theo lệnh mà ông đã phê chuẩn nên chắc chắn ông không muốn trừng phạt ai cả, cũng như ban chỉ huy tối cao Lục quân cũng không thấy cần thiết phải chú ý thêm tới một hành động bất cẩn và có kết cục bi đát đến vậy.

Mùa hè 1939, nội các của Hiranuma lại phải đối mặt với một vấn đề ngoại giao nghiêm trọng khác xuất phát từ cuộc chiến tranh kéo dài ở Trung Quốc. Trong mấy tháng liền, Quân đoàn khu vực miền Bắc Trung Quốc tỏ ra không hài lòng với quyết định của Luân Đôn nhằm bình ổn đồng tiền của Trung Quốc. Với cáo buộc có sự hiện diện của quân khủng bố Trung Quốc hoạt động bên trong vùng tô giới của Anh ở thành phố Thiên Tân bị chiếm đóng, binh đoàn này bắt đầu gây áp lực lên khu nhượng địa. Quân Nhật bao vây toàn bộ khu tô giới bằng hàng rào điện và tiến hành khám xét người nước ngoài để tìm kiếm tiền Dân quốc đã bị cấm. Đến giữa tháng 6, quân Nhật leo thang hành động khiêu khích lên mức cấm vận đường toàn bộ và khám người các công dân Anh, cả nam lẫn nữ. Đồng thời, ở trong nước, phe Lục quân và cánh hữu phát động một chiến dịch tuyên truyền chống Anh. Trước sự hớn hở của các lãnh đạo Lục quân, Kido, bộ trưởng nội vụ và cố vấn thân cận của Hiranuma, từ chối trấn áp chiến dịch này cho dù có làm Hirohito hơi phật lòng.

Do quan hệ giữa Nhật và Anh trở nên xấu đi trong suốt mùa xuân và hè năm 1939 nên đã làm nảy sinh vấn đề tồn đọng là có nên thắt chặt quan hệ với Đức, một ý kiến bị Nhật Hoàng phản đối. Khi các đại sứ thân quốc xã là Tướng Oshima Hiroshi ở Béc-lin và Shiratori Toshio ở Rôma từ chối truyền đạt chỉ thị của Bộ trưởng ngoại giao yêu cầu phải xem xét cẩn trọng các điều khoản để Nhật gia nhập một hiệp ước phe Trục mới thì Hiranuma đã thật sự nổi giận. Ông này bẩm báo với Nhật Hoàng và Hirohito cũng tỏ ra bực tức nhưng vẫn quyết định không cho triệu hồi các đại sứ này.

Sau đó, vào ngày 26 tháng 7 năm 1939, phía Mỹ, sau nhiều lần liên tiếp phản đối hành động của Nhật ở Trung Quốc, thông báo cho chính phủ Hiranuma rằng Mỹ không muốn gia hạn

tảisáchhay

tiếp Hiệp ước Thương mại và Hàng hải Mỹ - Nhật, theo lịch trình sẽ hết hạn vào tháng 01 năm 1940. Cho đến thời điểm đó, chính quyền Roosevelt vẫn theo đuổi một chính sách nhẹ nhàng, xoa dịu đối với Nhật Bản nhưng chính sách cơ bản về châu Á của Mỹ vẫn luôn là duy trì nguyên trạng tình thế của các đế quốc như đã định trong hệ thống hiệp ước Oa-sinh-tơn. Do vậy, Mỹ giữ vững quan điểm không công nhận bất kỳ thay đổi nào mà Nhật đã bằng vũ lực tạo ra ở Trung Quốc. Roosevelt còn ủng hộ đồng nội tệ Trung Quốc bằng cách tiến hành mua bạc một cách thường xuyên, một chính sách sẽ dẫn đến kết quả là khiến ông góp mặt cùng với Anh trong cung ứng ngoại hối giúp Tưởng Giới Thạch ổn định tiền tệ, chống lại sự phổ biến của đồng tiền của quân đội Nhật Bản tại các vùng chiếm đóng và tiếp tục cuộc kháng chiến. Tuy nhiên, với dự đoán rằng chiến tranh sẽ sớm bùng nổ tại châu Âu, Mỹ cũng lưu ý Nhật rằng sẽ có những biện pháp cấm vận kinh tế nghiêm trọng nếu các hành động gây hấn vẫn tiếp diễn. Từ đó về sau, nếu các lãnh đạo Nhật Bản muốn tiếp tục cuộc chiến tranh ở Trung Quốc, họ sẽ phải thận trọng hơn với những phản ứng của phía Mỹ vì Nhật vẫn phải lệ thuộc vào các nguồn nhập khẩu quan trọng từ Mỹ để phát động chiến tranh.

Hirohito phàn nàn với Cố vấn trưởng Hata Shunroku ngày 05 tháng 8 ngay sau phản ứng của Mỹ rằng: "Đây có thể là một đòn nặng xét về phôi kim loại và xăng dầu. Cho dù ta vẫn có thể mua (xăng dầu và kim loại thô) trong 6 tháng tới nhưng chúng ta sẽ lập tức gặp phải khó khăn ngay sau đó. Trừ phi chúng ta cắt giảm quy mô quân đội và Hải quân xuống 1 năm 3 thì khó lòng mà duy trì được … Bọn họ (các lãnh đạo quân sự và Hải quân) đáng ra phải đề phòng tình huống này từ lâu rồi mới phải. Thật không thể chấp nhận được khi bây giờ họ mới làm rối lên thế này."

Nhưng dĩ nhiên là Hirohito cũng không chỉ thị cho các tham mưu trưởng của mình phải chấm dứt cuộc chiến tranh ở Trung Quốc hay cắt giảm quy mô gì mà thực ra ông chỉ tức giận vì những người này đã không lường trước được phản ứng của phía Mỹ mà thôi.

Vài tuần sau, ngày 23 tháng 8 năm 1939, trong khi hiệp ước đình chiến Xô – Nhật ở biên giới Mông Cổ - Mãn Châu quốc đang được thương thảo ở Maxtcơva thì Đức đã ký một hiệp định không xâm phạm với kẻ thù tư tưởng của mình là Liên Xô, đi ngược lại Hiệp ước chống Quốc tế Cộng sản Nhật – Đức năm 1936. Sau ba năm tìm kiếm nền "an ninh chung" không kết quả gì với phương Tây nhằm chống lại sự bành trướng lãnh thổ của Đức ở châu Âu, Xta-lin tuyên bố Liên Xô trung lập và trong một nghị định thư đi kèm hiệp ước, mặc cả với Hít-le để tiếp quản các quốc gia Ban-tích và cuối cùng là chia nhau lãnh thổ Ba-lan. Bất ngờ trước sự tráo trở ngoại giao này và không biết phải cắt nghĩa ra sao về sự tăng cường sức mạnh to lớn của cả Đức và Liên Xô do Hội Quốc Liên giữa Hit-le và Xta-lin đem lại, nội các Hiranuma từ chức vào sáng 28 tháng 8.

Hirohito vô cùng tức giận và nhân dịp thay đổi nội các này thông báo cho Cố vấn trưởng Hata rằng ông dự kiến chỉ định một người ông có thể đáng tin cậy làm Bộ trưởng Lục quân kế tiếp, mà nhất định không được là Rensuke hay Tada Hayao (các tướng lĩnh đã có tên trên mặt báo) và rằng Hata "phải truyền đạt lại điều đó cho Bộ trưởng Lục quân (Itagaki Seishiro)". Trong nhiều tháng qua, sự không hài lòng của Hirohito về các báo cáo của Itagaki ngày càng tăng và có lần ông đã nói thẳng với Itagaki rằng ông này là kẻ thiếu năng lực. Hôm đó là ngày 28, Hirohito bổ nhiệm Tướng Abe làm thủ tướng và bảo với ông này (theo

tảisáchhay

lời Konoe nói lại với Kido) hãy chọn Cố vấn trưởng của mình là Hata hay Tướng Umezu Yoshijiro làm Bộ trưởng Lục quân và hãy cố gắng hợp tác với Mỹ và Anh. Tuy vậy, "việc quan trọng nhất" là "duy trì trật tự trong nội bộ". Ông còn cảnh báo phải "rất thận trọng khi chọn bộ trưởng nội vụ và tư pháp".Đây có lẽ là sự thể hiện đúng bản chất thiếu tin tưởng đối với người Nhật của Hirohito; đồng thời nó cũng cho thấy dù không thật sự rõ ràng, sự lo lắng của ông về mối quan hệ hữu hảo giữa Đức và Liên Xô: chẳng có điều gì tốt lành từ một sự hợp tác bất bình thường như vậy cả, vậy nên hãy đề phòng bước đi tiếp theo của cả Liên Xô và Đức. Chiều hôm sau, Hirohito chính thức chỉ định Hata Shunroku, chuyên gia quân sự mà ông ưa thích và tin cậy làm Bộ trưởng Lục quân. Đô đốc đã về hưu Nomura Kichisaburo, người hứa tái thiết lập mối quan hệ tốt với Mỹ, được cử làm tân Bộ trưởng ngoại giao của Abe.

Trong lúc này, Hit-le đã tiết lộ cho các tướng lĩnh của mình vào tháng 5 chiến lược tấn công và tiêu diệt quân đội Đồng Minh và nắm quyền kiểm soát lục địa châu Âu. Lúc bấy giờ Đức đang ở đỉnh cao sức mạnh trong tương quan với Anh, Pháp, Ba-lan và Hit-le quyết định bắt đầu thực hiện một phần kế hoạch của mình. Ngày 1 tháng 9 năm 1939, ngày làm việc đầu tiên của nội các Abe, quân đội Đức xâm lược Ba-lan, bắt đầu một cuộc chiến tranh mới ở châu Âu. Hai ngày sau, Anh và Pháp can thiệp, tuyên chiến với Đức và vào ngày 8 tháng 9, Tổng thống Roosevelt, kẻ thù lớn nhất của Hít-le, tuyên bố tình trạng khẩn cấp hạn chế trên toàn quốc.

Không lâu sau, bất chấp việc tuyên bố trung lập, Mỹ vẫn chuyên chở tới Anh và Pháp ngày càng nhiều hàng tiếp tế quân dụng. Vào tháng 10, Roosevelt ra lệnh điều một phần lớn hạm đội của Mỹ đang đóng ở miền Nam California tới Ha-oai để giảm bớt sức ép đối với tuyến phòng thủ của Anh, Pháp, các thuộc địa của Hà Lan và khu vực Thái Bình Dương. Bằng cách đóng hạm đội tại Trân Châu cảng, ông hy vọng sẽ ngăn cản các thế lực xét lại ở Nhật Bản đảo ngược tình thế ở Đông Nam Á. Các sự kiện quan trọng này đều diễn ra trong mấy tháng đầu Abe nhậm chức, làm dấy lên nỗi lo sợ ở Tokyo rằng Mỹ cuối cùng sẽ nhảy vào cuộc chiến và về phe với Anh, Pháp cho dù nước này đã tuyên bố trung lập. Do không đủ sức đương đầu với tình thế quốc tế mới nên nội các của Abe sụp đổ vào ngày 14 tháng 1 năm 1940.

Lập tức, một đợt chạy đua ráo riết nhằm chọn ra những người kế nhiệm bắt đầu. Quan thủ ấn Yuasa tham vấn các chính khách cựu trào, thậm chí cả ngài Saionji đáng kính, nhưng trên hết vẫn tuân theo ý chỉ của Nhật Hoàng. Với sự cả quyết của Hirohito, Đô đốc dự bị Yonai, người mà ông đặt nhiều niềm tin, đứng ra lập nội các mới còn Hata được Hirohito yêu cầu ở lại và giúp Yonai trong cương vị Bộ trưởng Lục quân. Nhằm giảm bớt sự hiềm khích trong giới Lục quân do việc chỉ định một sĩ quan Hải quân, Hirohito còn chuẩn tấu phong Tướng Tojo lên giữ chức Thứ trưởng Lục quân.

Ngay từ khi ngồi lên ngai vàng, Hirohito đã thể hiện một vai trò tích cực trong việc chỉ định các nhân sự cao cấp. Những lúc đó, ông luôn áp đặt điều kiện, chỉ bảo thủ tướng kế nhiệm rằng phải làm thế này thế kia hoặc chỉ định ai đó vào bộ này bộ kia để những người này có thể kiểm soát một người đứng đầu lĩnh vực nào đó. Thực chất, chính ông và các cố vấn của mình đã gây bất ổn cho cơ chế chính phủ đảng phái bằng cách cương quyết chỉ định ai sẽ

tảisáchhay

làm thủ tướng kế nhiệm. Giờ đây, khi cuộc chiến tranh với Trung Quốc vẫn kéo dài và tình hình ngoại giao ở châu Âu đang căng thẳng, sự can thiệp của ông vào các vấn đề này lại càng gia tăng. Sự can thiệp đó xuất phát từ ý muốn của bản thân ông và được che dấu một cách có chủ ý trước công chúng. Khi có những đề xuất mới từ ban chỉ huy tối cao Lục quân về việc Hội Quốc Liên quân sự với Đức để Nhật Bản trở thành một bộ phận trong khối Hội Quốc Liên chống Anh-Mỹ, Hirohito vẫn tiếp tục phản đối. Ông một mặc cho rằng chính phủ phải tập trung vào việc sớm kết thúc cuộc chiến tranh với Trung Quốc và không được kết thân với Đức trừ phi để chống lại Liên Xô.

Ba tháng sau khi Yonai nhậm chức thủ tướng, bắt đầu từ tháng Tư, Đức xâm lược Tây Âu, hoàn tất việc tái cơ cấu mạnh mẽ các quan hệ quốc tế mà nước này bắt đầu từ 8 tháng trước bằng việc xâm lược Ba-lan. Lần lượt từng nước một, các quốc gia độc lập còn lại ở châu Âu thay nhau sụp đổ: Na Uy, Đan Mạch, Luých-xăm-bua, Bỉ, Hà Lan và cuối cùng là Pháp, dù cũng có một chút kháng cự và quân Anh chỉ rút lui ở những phút chót. Chỉ trong một đêm, quan niệm địa lý chính trị ở Tokyo thay đổi hẳn. Thắng lợi của Quốc xã ở châu Âu tạo ra thời cơ chưa từng có để Nhật tiếp quản các thuộc địa ở châu Á của Anh, Pháp và Hà Lan. Tham vọng thu lợi và bù đắp cho sự yếu kém do phải bám đuôi sức mạnh đang ngày một lớn mạnh của nước Đức, giờ đây đã kiểm soát hầu hết các nguồn tài nguyên ở châu Âu cho tới tận biên giới Liên Xô và đang chuẩn bị xâm lược Anh, tăng lên nhanh chóng. Do Yonai không chịu giải quyết vấn đề tồn đọng từ lâu về việc Hội Quốc Liên với Đức, phe Lục quân ép nội các của ông này từ chức và Hirohito chẳng làm gì để ngăn cản việc đó.

Trong toàn bộ chuỗi hỗn tạp các cuộc khủng hoảng quốc tế dưới thời ba thủ tướng Hiranuma, Abe và Yonai, Hirohito hài lòng đứng nhìn diễn biến của cả cuộc chiến tranh ở Trung Quốc và chính sách nam chinh. Không lần nào ông cho thấy nỗ lực cá nhân trong việc rút quân Nhật ra khỏi cuộc chiến đang bế tắc ở Trung Quốc. Và vì chính sách của Nhật đối với Trung Quốc không hề thay đổi nên quan hệ với Mỹ cũng không thể tiến triển. Với niềm tin rằng chính sách nam chinh là một sách lược đúng đắn, Hirohito chủ yếu chỉ lo ngại về phản ứng của Anh và Mỹ nếu Hải quân tiếp tục tiến về phía nam mà thôi.

Đến mùa hè 1940, hai yếu tố mới lại xuất hiện làm gia tăng áp lực đẩy Nhật Hoàng đến gần hơn với những kẻ ủng hộ Hội Quốc Liên với Đức. Một là cuộc chinh phạt Tây Âu của đội quân tử thần của Đức, khiến nước Anh giờ đây hoàn toàn đơn độc và đứng trước bờ vực bị xâm lược; thứ hai là sự điều chỉnh trong chính sách ngoại giao của Liên Xô dưới hình thức hiệp ước của Xta-lin với Hít-le. Động thái của Liên Xô dường như đã tiếp thêm sức mạnh cho Hội Quốc Liên phe Trục trong khi cũng làm tăng nỗi lo Nga sẽ tăng cường viện trợ quân sự cho Tưởng Giới Thạch. Trong bối cảnh của các cuộc chinh phạt quân sự chớp nhoáng và diễn biến ngoại giao căng thẳng này, Hirohito dao động, không biết nên giữ vững lập trường chống chủ trương của phe quân đội muốn tham gia hiệp ước ba bên chống lại Mỹ và Anh hay thay đổi lập trường và phê chuẩn ước muốn của phe quân đội. Dù thế nào đi chăng nữa thì quyết định của ông cũng không xuất phát nhiều từ các mục tiêu lý tưởng chung với phe Quốc xã mà chủ yếu từ mục tiêu bảo tồn sự thống nhất của Nhật Bản.

tảisáchhay

10. Bế tắc và Leo thang

Những tập đoàn cầm quyền Nhật Bản đã phát động cuộc chiến tranh ở Trung Quốc trong đó Hirohito và quyền lực của ngai vàng đóng vai trò cực kỳ quan trọng. Nói một cách chính thức thì quân đội của Nhật Hoàng đang trừng phạt quân đội của Tưởng Giới Thạch và gieo ơn mưa móc của Thiên Hoàng chứ không phải là gây ra sự hỗn loạn và gieo rắc sự tàn bạo. Vai trò mang tính hình tượng của Hirohito làm rối rắm mối quan hệ giữa các nguyên tắc của chính phủ về hòa bình và các chính sách về vũ lực. Cá nhân ông làm cho toàn bộ hành động quân sự trông có vẻ như vừa có đạo đức vừa hợp lý. Nhìn từ bên ngoài, ông là hình mẫu của giáo lý xã hội Nhật Bản, hiện thân của những truyền thống quý tộc và quốc gia, một biểu tượng của những ý định tự cho là nhân từ của mình. Vai trò người chỉ huy tối cao của ông trong việc vạch sách lược chiến tranh và chỉ đạo cuộc chiến từ đằng sau hậu trường đều được nguỵ trang một cách có chủ ý. Nhưng những kinh nghiệm mà ông thu lượm được khi đóng vai trò này trong bốn năm đầu của cuộc chiến tranh chống Quốc dân đảng đã làm thay đổi thái độ của ông về chiến tranh nói chung và cuối cùng khiến ông trở nên sẵn sàng mạo hiểm sự an toàn của đất nước vì những mục đích to lớn hơn.

Hirohito không coi Trung Quốc là một quốc gia "hiện đại" và có lẽ chưa bao giờ tin rằng cuộc xâm lược của Nhật ở đây là một sai lầm. Ông ủng hộ chính sách không tuyên chiến với Trung Quốc đồng thời ban hành và đích thân phê chuẩn quyết định bãi bỏ những hạn chế trong luật pháp quốc tế về đối xử với tù binh chiến tranh Trung Quốc như phó tham mưu trưởng Lục quân đã nêu trong một chỉ thị ngày 5 tháng 8 năm 1937: "Trong tình hình hiện nay, để phát động chiến tranh toàn diện ở Trung Quốc, Đế chế sẽ không áp dụng hay hành động tuân theo các điều khoản cụ thể của Hiệp ước về Luật pháp và Tập quán Chiến tranh trên bộ và các Hiệp ước khác về Luật lệ Chiến tranh." Cũng thông báo này đã chỉ đạo các sĩ quan tham mưu ở Trung Quốc ngừng sử dụng cụm từ "tù binh chiến tranh". Trong suốt cuộc chiến tranh ở Trung Quốc, quân đội Nhật đã bắt sống hàng chục nghìn binh lính Trung Quốc mỗi năm. Nhưng cho đến cuối cuộc chiến, khi chính quyền Nhật tuyên bố giam giữ hàng chục nghìn tù binh phương Tây nhưng chỉ thừa nhận giam giữ có 56 tù binh chiến tranh Trung Quốc.

Hirohito học luật quốc tế từ Tachi Sakutaro và ông biết rằng Nhật đã ký kết (nhưng không thông qua) Công ước Geneva năm 1929 về Hiệp ước Tù binh chiến tranh. Ông cũng đã đọc điều khoản kêu gọi tôn trọng luật pháp quốc tế trong chiến thư của ông và cha mình. Nhưng ông không hề ban ra mệnh lệnh nào cho lực lượng vũ trang của mình nhằm mục đích ngăn ngừa thảm sát hay ngược đãi tù nhân Trung Quốc. Sự bỏ sót này phản ánh một khuynh hướng lan tràn trong nhiều người thuộc giới quan liêu, trí thức và cánh hữu ở Nhật trong những năm 1930 khi coi luật pháp quốc tế chỉ đơn thuần là sự bịa đặt của phương Tây. Đối với họ, quy định của luật pháp quốc tế là một thứ gì đó mà, kể từ cuối Chiến tranh Thế giới lần thứ Nhất, Anh và Mỹ đã muốn soạn thảo và phổ biến vì những luật lệ đó chỉ phục vụ mục đích của họ chứ không phải của Nhật Bản.

Đối với nhiều người Mỹ, châu Âu và châu Á, yếu tố từ những hành động chiến tranh của Nhật Bản hơn bất cứ điều gì khác đã tạo nên một kiểu mẫu người Nhật vô lương tâm, tàn

tảisáchhay

bạo, một kiểu mẫu chưa bao giờ hoàn toàn bị lãng quên hay tha thứ, đó là sự tàn ác và ngược đãi đối với tù binh chiến tranh. Đằng sau sự tàn ác đó chính là sự khước từ áp dụng luật pháp quốc tế ở Trung Quốc vì điều đó xoá bỏ sự dính dáng trách nhiệm của Hirohito. Chỉ mình ông được tự do hành động trong vấn đề này và cần phải hành động nhưng đã không hành động. Nếu ông can thiệp và cương quyết đòi hỏi phải thiết lập luật lệ hay thậm chí là một tổ chức để xử lý tù binh chiến tranh thì kết quả hẳn đã khác.

Hirohito phải gánh nhiều trách nhiệm trực tiếp hơn đối với việc sử dụng khí độc, một vũ khí gây ra cái chết của nhiều binh lính cũng như thường dân Trung Quốc và Mông Cổ. Trước khi sự kiện Trung Quốc biến thành một cuộc chiến tranh toàn diện, ông đã chuẩn tấu việc điều động đến Trung Quốc nhân lực và thiết bị để tiến hành chiến tranh hóa học. Điều 171 Hiệp ước hòa bình Véc-sai và các thỏa thuận quốc tế khác mà Nhật Bản ký kết sau Chiến tranh Thế giới thứ Nhất cấm sử dụng hơi độc, kể cả hơi cay. Nhưng quân đội Nhật đã sẵn sàng vi phạm lệnh cấm này khi đối mặt với một đối phương thấp kém hơn về mặt công nghệ. Và rõ ràng là cả Hirohito cũng vậy. Chỉ thị đầu tiên của ông cho phép sử dụng vũ khí hóa học được ban hành ngày 28 tháng 7 năm 1937 và được Tổng tham mưu trưởng Lục quân, Hoàng thân Kan'in truyền đi. Trong đó có nói bằng cách chi viện cho khu vực Bắc Kinh – Thiên Tân, "các khanh có thể sử dụng hơi cay trong thời điểm thích hợp". Một thánh chỉ thứ hai, ban ra ngày 11 tháng 9 năm 1937 và cũng được truyền đạt qua Hoàng thân Kan'in, cho phép triển khai tới Thượng Hải một số đơn vị chiến tranh hóa học đặc biệt. Các mệnh lệnh này đã cho phép ngay từ đầu, ban đầu chỉ là những thử nghiệm trên quy mô rất nhỏ nhưng cho đến mùa xuân và hè năm 1938 đã là việc sử dụng tràn lan khí độc trên các chiến trường chính ở Trung Quốc và Mông Cổ.

Hơi độc là một loại vũ khí mà Hirohito, Đại bản doanh Thiên Hoàng và bộ chỉ huy tối cao nắm quyền kiểm soát chặt chẽ, hiệu quả trong suốt toàn bộ cuộc chiến tranh Trung Quốc. Các đơn vị tiền tuyến không bao giờ được tự ý sử dụng loại vũ khí hiệu quả cao này; ngay cả các sở chỉ huy quân đội tại chỗ cũng không đủ thẩm quyền cho phép sử dụng loại vũ khí này. Hơi độc chỉ được sử dụng sau khi có yêu cầu và nhận được sự cho phép rõ ràng của Ban Lục quân, Đại bản doanh Thiên Hoàng, thường dưới dạng "chỉ thị" do tham mưu trưởng ban hành sau khi đã được phép của chính Nhật Hoàng.

Trong cuộc tấn công Vũ Hán từ tháng 8 đến cuối tháng 10, 1938, Đại bản doanh Thiên Hoàng đã ra lệnh sử dụng hơi độc 375 lần. Trong cuộc tấn công đồng thời vào Quảng châu ở miền viễn nam Trung Quốc, cơ quan này đã cho phép chỉ huy Sư đoàn 21 sử dụng cả hơi cay và hơi độc. Vào tháng 3 năm 1939, Đại bản doanh Thiên Hoàng ủy quyền cho Tướng Okamura Yasuji sử dụng hơn 15.000 bình hơi độc trong đợt tấn công bằng vũ khí hóa học lớn nhất của cuộc chiến tranh. Okamura giải trình trong yêu cầu của mình rằng ông ta cần số bình hơi độc này để khôi phục uy danh của quân đội và tạo cho họ "cảm giác thắng trận". Ngày 11 tháng 4, Nhật Hoàng phê chuẩn Chỉ thị số 11, do tổng tham mưu trưởng Lục quân ban bố, cho phép quân đoàn miền Bắc Trung Quốc và Lực lượng Trấn thủ của binh đoàn này được tiếp tục sử dụng hơi độc ở vùng Nội Mông.

Đến tháng 5, khi trung tâm giao thông chính ở Tô Châu bị đánh chiếm, quân đội Nhật đã sử dụng vũ khí hóa học bất cứ khi nào có hiệu quả để đảo ngược kết cục của các trận chiến ác

tảisáchhay

liệt. “Mệnh lệnh quân sự của Đại bản doanh Thiên Hoàng số 301”, có con dấu của Hirohito ngày 15 tháng 5 năm 1939, cho phép tiến hành các nghiên cứu chiến trường về chiến tranh hóa học dọc biên giới Mãn Châu quốc – Liên Xô. Nội dung của các nghiên cứu này được giữ kín. Vào tháng 7 năm 1940, Hirohito chuẩn tấu yêu cầu của Hoàng thân Kan’in cho phép chỉ huy quân đoàn khu vực Nam Trung Quốc sử dụng hơi độc. Tuy nhiên, một năm sau, vào tháng 7 năm 1941, khi quân Nhật tiến vào phía nam khu vực Đông dương thuộc Pháp thì Tham mưu trưởng Lục quân Sugiyama lại ra một chỉ thị dứt khoát cấm sử dụng hơi độc. Có lẽ Hirohito và bộ chỉ huy tối cao lo ngại việc sử dụng hơi độc đối với các nước phương Tây có thể sẽ gặp phải sự trả đũa tương tự. Sự lo ngại hoàn toàn có căn cứ của Nhật rằng Mỹ có sở hữu (và tích trữ trước) vũ khí hóa học tiếp tục làm Nhật chùn tay trong việc sử dụng loại vũ khí này cho đến cuối Chiến tranh Thế giới lần thứ Hai.

Hirohito còn chuẩn tấu trong năm 1940 việc thử nghiệm lần đầu vũ khí sinh học ở Trung Quốc. Thực tế đến nay không còn tài liệu nào trực tiếp cho thấy ông có liên quan tới chiến tranh sinh học. Nhưng là một người có khiếu và phương pháp khoa học, một người luôn đặt câu hỏi một khi chưa hiểu rõ vấn đề và không bao giờ chịu ký tên vào quân lệnh nếu chưa xem xét kỹ, có lẽ ông hiểu được ý nghĩa của các mệnh lệnh ông phê chuẩn. Những “chỉ thị” chi tiết của Đại bản doanh Thiên Hoàng mà tham mưu trưởng Lục quân ban bố tới ban chỉ huy quân đoàn Quan Đông phụ trách mảng chiến tranh hóa học, Đơn vị 731, theo lệ phải trình cho Nhật Hoàng; cũng như các Mệnh lệnh quân sự của Đại bản doanh Thiên Hoàng – Quân đội, cơ sở của các chỉ thị kia cũng luôn được ông đọc qua. Vũ khí sinh học tiếp tục được Nhật bản sử dụng ở Trung Quốc cho đến năm 1942 nhưng hậu quả của việc Nhật Bản phụ thuộc vào cả chiến tranh hóa học và sinh học chỉ thấy rõ sau Chiến tranh Thế giới lần thứ Hai: thứ nhất là trong những hoạt động đầu tư của chính quyền Truman vào một chương trình chiến tranh sinh học, hóa học lớn, một phần dựa trên các khám phá và công nghệ sinh hóa của Nhật được chuyển giao; thứ hai là trong việc quân Mỹ sử dụng trên diện rộng vũ khí hóa học ở Việt Nam.

Mặc dù không có tài liệu nào cho thấy sự liên quan trực tiếp của Nhật Hoàng nhưng một điểm khác về cuộc chiến tranh tàn bạo ở Trung Quốc mà đáng ra Hirohito phải chịu trách nhiệm cá nhân là đợt ném bom chiến thuật ở Trùng Khánh và các thành phố khác được tiến hành tách rời các cuộc tấn công trên bộ và việc sử dụng nhiều loại chất nổ sát thương cá nhân. Bắt đầu từ tháng 5 năm 1938 và kéo dài cho đến đầu cuộc chiến tranh Thái Bình Dương, không lực Hải quân Nhật đã tiến hành ném bom không phân biệt thủ đô thời chiến của Trung Quốc là Trùng Khánh và các thành phố lớn khác. Chiến dịch ném bom này không có sự phối hợp với đợt ném bom chiến lược của Lục quân ở các thành phố Trung Quốc khác. Được sử gia quân sự Maeda Tetsuo nghiên cứu lần đầu tiên, các cuộc không kích của Hải quân này vào Trùng Khánh là sự tiên lượng các đợt ném bom của Đức và Ý lên các thành phố và cuộc ném bom chiến lược mà Mỹ triển khai lên các thành phố của Nhật trong giai đoạn cuối của cuộc Chiến tranh Thái Bình Dương. Ban đầu, Hải quân triển khai 72 máy bay ném bom (mỗi máy bay có phi hành đoàn gồm 7 người) tiến hành ném bom cháy cũng như bom thông thường. Trong hai ngày đầu của cuộc không kích, không quân Nhật đã giết chết hơn 5.000 thường dân Trung Quốc và gây thiệt hại nặng nề. Hai tháng sau, để đáp trả đợt ném bom bừa bãi này, Mỹ đã cấm vận xuất khẩu phụ tùng máy bay và đây là lệnh cấm vận kinh tế đầu tiên của Mỹ chống lại Nhật Bản.

tảisáchhay

Bên cạnh cuộc ném bom các thành phố của Trung Quốc, Hirohito cũng biết và đã phê chuẩn các chiến dịch "huỷ diệt" ở Trung Quốc. Các cuộc hành quân này đã gây ra chết chóc, tang thương với quy mô lớn hơn rất nhiều so với cuộc tàn sát điên loạn không trù tính trước ở Nam Kinh và sau này trở thành một biểu trưng của cuộc chiến tranh cũng như các con số về nó vẫn không ngừng tăng. Cuối năm 1938, quân đoàn khu vực bắc Trung Quốc bắt đầu chiến dịch đầu tiên trong số nhiều chiến dịch huỷ diệt tự phát đối với các căn cứ du kích ở tỉnh Hà Bắc. Các chiến dịch này có mục tiêu là tiêu diệt "quân địch giả dạng dân địa phương" và "tất cả nam nhân từ 15 đến 60 tuổi tình nghi là địch". Họ tiếp tục tiến hành theo kiểu đột xuất các chiến dịch này trong bốn năm tiếp theo, dầndần với quy mô ngày càng lớn, có tổ chức hơn, có hệ thống và rộng khắp hơn. Đến mức Đảng Cộng sản Trung Quốc đã phải gán cho các chiến dịch này biệt danh "chính sách ba tận": tức là "đốt tận, giết tận, cướp tận" hay trong tiếng Nhật là *sanko sakusen*. Hirohito được báo cáo về tính chất của vấn đề bình định ở miền bắc Trung Quốc và vào ngày 02 tháng 12 năm 1938, ký lệnh Tairikumei 241, chính sách tái định hướng dẫn tới các chiến dịch huỷ diệt trên.

Việc bình định năm tỉnh bị chiếm đóng ở miền Bắc Trung Quốc – Hà Bắc, Sơn Đông, Thiểm Tây, Sơn Tây và Trương Gia Khẩu, đến lúc này đã là mục tiêu chính của quân đoàn vùng bắc Trung Quốc. Trong năm 1939 và đầu 1940, binh đoàn khu vực này có vẻ không chú ý đến các hoạt động tổ chức của Cộng sản Trung Quốc mà chỉ nhắm tới việc tiêu diệt quân Quốc gia, tuy cũng có tổ chức một vài chiến dịch quy mô nhỏ ở khu căn cứ địa của Cộng sản ở Nội Mông vào mùa hè và đông năm 1939. Do khu căn cứ địa do Cộng sản kiểm soát ở các vùng núi hẻo lánh ngày một mở rộng trong thời gian 1939 – 1940 với dân số hàng chục triệu người nên binh đoàn địa phương này cuối cùng cũng để ý đến nhưng trước khi họ kịp hành động thì tình thế đã thay đổi nhanh chóng. Tháng 8 năm 1940, du kích thuộc quân đoàn Đường 8 Trung Quốc tổ chức hai cuộc đột kích, còn gọi là chiến dịch "Trung đoàn 100", vào các tuyến hoả xa, cầu, mỏ than, nhà cửa và trạm liên lạc của Nhật khắp miền Bắc Trung Quốc. Chiến dịch này gây thiệt hại lớn nhất về người và của đối với Nhật ở hai tỉnh Hà Bắc và Sơn Đông ở phía đông.

Đáp lại các cuộc tấn công gây nhiều thiệt hại này của quân du kích, Thiếu tướng Tanaka Ruykichi thuộc Quân đoàn khu vực bắc Trung Quốc, lập ra một trong những kế hoạch đầu tiên vào cuối năm 1940 nhằm tấn công và tiêu diệt hoàn toàn căn cứ của du kích Cộng sản để "quân địch không bao giờ có thể sử dụng lại". Chiến dịch "tổng tiêu diệt" đầu tiên của quân Nhật hướng đến căn cứ Cộng sản ở tỉnh Sơn Tây. Tuy nhiên, các cuộc hành quân huỷ diệt qui mô lớn, có tổ chức chặt chẽ của binh đoàn tại chỗ này mãi đến tháng 7 năm 1941 mới bắt đầu được triển khai, khi Tướng Okamura lên nắm quyền. Chỉ thị của Okamura đối với các sĩ quan cấp dưới là phải coi mục tiêu chính là quân Cộng sản, bao vây và dồn ép quân địch bằng cách xây dựng các chiến hào chia cắt và kiềm toả. Với mục tiêu đó, miền Bắc Trung Quốc bị chia cắt thành các khu vực bình định, bán bình định và chưa bình định. Các khu vực chưa bình định bị biến thành những nơi không có người ở, tách biệt với các khu vực bán bình định bởi các chiến hào. Hirohito chuẩn tấu chính sách này trong Quân lệnh số

tảisáchhay

575 của Đại bản doanh Thiên Hoàng ngày 3 tháng 12 năm 1941, ra lệnh cho binh đoàn tại mặt trận "tăng cường chia cắt quân địch và triệt tiêu ý chí chiến đấu của địch."

Kể từ đó, các "chiến dịch huỷ diệt" tiếp tục với việc đốt phá làng bản, tịch thu thóc lúa và cưỡng bức nông dân rời khỏi nhà cửa và điều động họ tới xây dựng các "làng tập thể". Chiến lược của Nhật cũng chú trọng việc thiết lập hệ thống lớn các giao thông hào, nhiều khi rộng tới 6m và sâu tới 4,5m, xây dựng hàng nghìn dặm tường và hào bao quanh, tháp canh, đường sá và đường dây điện thoại. Cảnh sát Nhật và lực lượng công an Trung Quốc phối hợp huy động hàng triệu nông dân Trung Quốc cho công việc này từng đợt hai tháng một. Nhưng ngoại trừ việc giết chóc trực tiếp hay gián tiếp người Trung Quốc thì những công sức to lớn đổ vào các chiến dịch luôn được Hirohito phê chuẩn này cuối cùng cũng chỉ là công dã tràng. Du kích Trung Quốc vẫn không ngừng trở lại những miền đất trống và nắm quyền kiểm soát sau khi quân Nhật rút đi.

Không có số liệu thống kê nào của Nhật về con số thương vong của quân Trung Quốc sau các chiến dịch *sanko.* Nhưng theo các ước tính gần đây của sử gia Himeta Mitsuyoshi thì "hơn 2,7 triệu" thường dân Trung Quốc đã bị chết trong các trận đánh này. Mặc dù các phân tích chi tiết dựa trên kinh nghiệm về lĩnh vực này của cuộc chiến tranh Trung Quốc của các học giả Nhật hiện vẫn đang tiến hành nhưng rõ ràng là những chiến dịch *sanko* có kế hoạch chu đáo này còn mang tính huỷ diệt to lớn hơn và trong thời gian lâu dài hơn nhiều lần so với hành động chiến tranh hóa học, sinh học cũng như vụ "hãm hiếp Nam Kinh". Nhưng ở Mỹ, sự kiện ở Nam Kinh, mặc dù vô cùng quan trọng và đáng chú ý, vẫn được coi là tâm điểm của sự lên án hành vi đạo đức thời chiến của Nhật và thậm chí còn được so sánh một cách thiếu suy nghĩ, thiếu liên hệ với mục đích, bối cảnh hay mục tiêu cuối cùng với cuộc tàn sát dân Do Thái ở châu Âu của Đức quốc xã.

I

Giữa mùa hè 1940, các phán đoán của Hirohito trong chỉ đạo quân đội Nhật chấm dứt cuộc chiến tranh ở Trung Quốc đều căn cứ vào nhận thức về diễn biến trong tình hình quốc tế ở châu Âu và phía Anh và việc Mỹ sẽ phản ứng thế nào với nhất cử nhất động của quân Nhật.

Ngày 22 tháng 7 năm 1940, Konoe thành lập nội các thứ hai của mình, với Matsuoka Yosuke làm Bộ trưởng ngoại giao và Tướng Tojo làm Bộ trưởng Lục quân. Năm ngày sau, Konoe chủ trì một Hội nghị Đại bản doanh Thiên Hoàng – Liên lạc chính phủ kéo dài. Trong suốt 90 phút nghị đàm, hội nghị chỉ bàn về việc quyết định một chính sách quốc gia mới nhằm tận dụng những thay đổi trong cơ cấu và biến động của hệ thống quốc tế do chiến thắng của Đức ở châu Âu mang lại.

Sự mơ hồ của văn kiện "chính sách quốc gia" ngày 27 tháng 7, được thông qua tại phiên họp này được thấy rõ qua sự nhấn mạnh vào việc chuyển hướng sang "khu vực phía Nam" nếu cuộc chiến tranh ở Trung Quốc không thể kết thúc nhanh chóng, sau đó sẽ quyết định các vấn đề bằng cách lợi dụng tình hình ngoại giao và tình thế trong nước. Sau cùng, Konoe và các tổng tham mưu trưởng chính thức báo cáo về văn kiện này (có tiêu đề "Đề cương biện pháp đối phó với những thay đổi trong tình hình quốc tế") lên Nhật Hoàng. Bản đề cương ngày 27 tháng 7 này cũng kêu gọi đưa quân đội vào khu vực Đông Dương thuộc Pháp nhằm

tảisáchhay

lập căn cứ ở đây và việc thu dụng bằng biện pháp ngoại giao nguồn nguyên liệu thô của lãnh thổ Đông Ấn thuộc Hà Lan. Nếu Nhật Bản phải sử dụng vũ lực để thực hiện các mục tiêu này thì sẽ chỉ đối đầu với Anh, trong khi sẵn sàng chiến tranh với Mỹ. Biết rõ rằng khi nào các chính sách cụ thể dựa trên văn kiện này được soạn thảo xong thì cũng sẽ được báo cáo để ông chuẩn tấu, Hirohito phê chuẩn đường lối tiếp tục chiến tranh chung này.

Mong muốn của phía quân đội muốn gia nhập Hội Quốc Liên quân sự với nước Đức Quốc xã ngày càng tăng cho đến 1938 khi đáp lại đề xuất của Đức, một chiến dịch vận động tích cực gia nhập Hội Quốc Liên được khởi xướng. Suốt năm 1939 và đầu 1940, Hirohito phản đối ý kiến của quân đội không phải vì ông cho rằng có bất kỳ điều gì không ổn về cơ bản trong chế độ phân biệt chủng tộc, chống Xê-mít của Hít-le hay cuộc chinh phạt của Đức nhằm nắm quyền kiểm soát châu lục mà vì ông muốn có một Hội Quốc Liên với mục đích duy nhất là chống Liên Xô. Các đô đốc trong bộ chỉ huy Hải quân tối cao cũng phản đối ý kiến này nhưng vì một lý do khác: họ cho rằng một hiệp ước quân sự với Đức sẽ buộc Anh và Mỹ tăng cường viện trợ Tưởng Giới Thạch và do đó sẽ trì hoãn giải pháp đối với sự kiện Trung Quốc. Cuộc chiến tranh ở châu Âu và sự phản ứng dữ dội của quốc tế đối với cuộc tấn công chớp nhoáng của Đức đợt xuân – hè 1940 đã làm thay đổi mọi chuyện. Một phản ứng dây chuyền rõ rệt xuất hiện. Em trai Hirohito, Hoàng thân Chichibu liên tục quấy rầy ông, đòi chấm dứt thái độ phản đối Hội Quốc Liên với Đức. Sau đó bộ chỉ huy Hải quân tối cao được Hirohito tin cẩn đột ngột từ bỏ thái độ hoài nghi trước đây và quay sang ủng hộ Hội Quốc Liên với Hit-le mà nếu tham gia Nhật Bản sẽ dấn sâu hơn vào phe chống Anh-Mỹ.

Thời điểm chính trong sự xoay chuyển thái độ của phe Hải quân là giữa tháng thứ chín của cuộc chiến tranh ở châu Âu, tháng 6 năm 1940, sau khi chính phủ Pháp đã rời Pa-ri, Ý đã bắt đầu tham chiến và Đức đã chiếm được Pháp cũng như kiểm soát nguồn tài nguyên của phần lớn lục địa châu Âu đến tận biên giới Liên Xô. Có một số yếu tố dẫn đến sự thay đổi thái độ này. Đô đốc Takagi Sokichi, một lãnh đạo Hải quân có quan hệ mật thiết với Hoàng cung, chỉ rõ trong một văn kiện chính sách nội bộ rằng Hải quân hy vọng một khi Đức vẫn còn Hội Quốc Liên với Liên Xô và nếu Nhật trở thành Đồng Minh quân sự của Đức thì chí ít sự sục sôi muốn gây chiến với Liên Xô của các tướng lĩnh Nhật sẽ giảm bớt. Các lãnh đạo của cả Hải quân và Lục quân cũng tin rằng Hit-le sẽ nhanh chóng đè bẹp Anh và khi đó bằng cách "gia nhập hiệp ước ba bên … Nhật sẽ hưởng ứng theo chiến lược của Hit-le và (nhờ đó) tham gia vào trật tự thế giới mới." Một yếu tố thứ ba dẫn đến việc phe Hải quân quay sang ủng hộ Hội Quốc Liên là các nhà thương thuyết hiệp ước đã xoá khỏi hiệp ước mọi điều khoản tự động tham chiến, do đó cho phép Nhật không bị cuốn vào cuộc chiến tranh của Đức chống lại Anh nếu Nhật không muốn.

Hơn nữa, các lãnh đạo Hải quân không những dự đoán cuộc chiến Đức – Anh sẽ sớm kết thúc mà có thể Liên Xô cũng sẽ chính thức gia nhập phe Trục và tạo ra một cơ cấu tứ siêu cường. Khả năng này, cho đến cuối mùa hè 1940 vẫn chưa phải là không thể xảy ra, cho thấy sự đánh giá chính xác vai trò của tư tưởng ở đất nước Liên bang Xô-viết của Xta-lin. Các lãnh đạo Hải quân còn vững tin hơn rằng Đức có thể giúp Nhật kết thúc sự cô lập về ngoại giao và đối đầu với cuộc chiến tranh ngoại giao của Mỹ với một vị thế mạnh mẽ hơn. Cuối cùng, nếu Nhật tham gia hiệp ước với Đức, các lãnh đạo Hải quân hy vọng sẽ loại bỏ được phần lớn hiềm khích dai dẳng với phe Lục quân. Khi đó, họ có thể kiềm chế sự thống trị của

tảisáchhay

phe Lục quân trên chính trường trong nước. Một khi phe Hải quân đã sẵn sàng ủng hộ hiệp ước và Đức đang thắng trận ở châu Âu, việc còn lại chỉ là thuyết phục Nhật Hoàng. Sự hoán đổi vị trí trưởng cố vấn chính trị của ông góp phần giải quyết vấn đề này.

Ngày 1 tháng 6 năm 1940, Nhật Hoàng thực hiện quyền tự quyết trong việc chỉ định quan thủ ấn mới. Bỏ qua nỗi băn khoăn của genro Saionji về thiên hướng thân hữu của Kido, thể hiện qua việc Saionji từ chối tiến cử, Hirohito quyết định nghe theo đề nghị của Konoe và Yuasa chỉ định Kido, một kẻ quan liêu xét lại và lãnh tụ đầy tư tưởng phân biệt giai cấp của giới quý tộc Hoàng triều, kế nhiệm Yuasa đang thất sủng trở thành cố vấn chính trị quan trọng nhất của mình. Là người trẻ nhất từng giữ vị trí này, Kido khi đó mới gần 51 tuổi còn Hirohito 39 tuổi. Hơn một năm trước, theo lời kể Kido có nói với Harada rằng Nhật Hoàng về bản chất là một "khoa học gia" và "đồng thời cũng rất phóng khoáng và ôn hoà".

Vậy là với Kido, người được giới quân sự tin tưởng và bản thân cũng hoàn toàn ủng hộ việc Hội Quốc Liên với Đức, vấn đề khuyên nhủ Nhật Hoàng nằm ở chỗ làm ông thay đổi ý kiến một chút để không xảy ra mâu thuẫn nào giữa Nhật Hoàng và một khái niệm mơ hồ về phe "cánh hữu". Hay như theo lời Kido là: "Như đã thấy ở Hiếu minh Thiên Hoàng trong những năm cuối đời, khi các cận thần của người đã hoàn toàn ngả về phe *bakufu* thì tình huống tương tự như vậy có thể sẽ xuất hiện. Chúng ta phải tỏ thái độ thông cảm hơn đối với quân đội và nắm quyền lãnh đạo trong khi làm ra vẻ đang bị lãnh đạo."

Kido phụng sự triều đình từ năm 1930 và chức trách cũng như ảnh hưởng của ông này ngày càng tăng cùng với quyền lực ngày một lớn của phe quân sự. Từng ủng hộ sự khai sinh ra nội các của Saito Makoto năm 1932, bước đầu tiên trong quá trình phó thác nền chính trị vào tay giới quân sự của triều đình, Kido đã xây dựng quan hệ ngày càng thân cận với cả nhóm quan liêu cải cách trong nhiều bộ của chính phủ lẫn nhóm cầm quyền trong quân đội mà trung tâm là các Tướng Tojo và Muto Akira. Trong thời gian phục vụ nội các Hiranuma, ông ta không thấy có lý do gì để phản đối Hội Quốc Liên quân sự với Đức quốc xã. Kido cũng rất bực tức với hành vi của quan thủ ấn đương nhiệm là Yuasa, người mà ông ta luôn chỉ trích là cái gì cũng bám vào luật và không được "tiến bộ" như "phe cánh hữu". Vào thời điểm ông được bổ nhiệm làm quan thủ ấn, Kido đã biết rằng quân đội rất bất mãn với Thủ tướng Yonai vì đã trì hoãn việc đàm phán với Đức. Cuối cùng, Kido hiểu được tâm lý khẩn trương của giới Lục quân và Hải quân trong việc chiếm lấy các thuộc địa của Anh, Pháp và Hà Lan ở Đông nam Á.

Sau khi trở thành thủ ấn quan, Kido tạo thói quen vào chầu hàng ngày gần gũi hơn với Hirohito so với bất kỳ cố vấn chính trị nào trước đây. Nhiệm vụ của ông ta là tìm hiểu chủ ý của Nhật Hoàng đồng thời báo cáo những vấn đề trước mắt trong thời điểm Nhật đang chuẩn bị tăng cường hơn nữa hành động quân sự. Xuất thân của Kido cùng quan hệ lâu dài của hai người từ 1930 đến 1938 càng giúp họ củng cố quan hệ. Hirohito cũng vững tin hơn vào sự đúng đắn của cuộc chiến tranh Trung Quốc và chiến lược "Nam chinh" hòa bình của mình. Kido bắt đầu vận động để Nhật Hoàng xích lại gần các lãnh đạo Lục quân và Hải quân hơn trong khi những người này không chịu từ bỏ cuộc chiến tranh Trung Quốc cũng như đang mơ tưởng rằng họ có thể tự giải thoát khỏi tình cảnh khó khăn bằng cách lợi dụng cuộc chiến tranh ở châu Âu mà nước Đức đang có vẻ thắng thế.

tảisáchhay

Trong một buổi thiết triều ngày 19 tháng 6 năm 1940, Hirohito hỏi Tổng tham mưu trưởng Kan'in và Bộ trưởng Lục quân Hata: "Khi hòa bình được tái lập sớm trong tình hình châu Âu, liệu ta có triển khai quân ở lãnh thổ Ấn Độ thuộc Hà Lan và Đông dương thuộc Pháp không?" Câu hỏi này không chỉ cho thấy Hirohito đang mong mỏi Đức sớm giành chiến thắng mà ông đã bắt đầu tính đến khả năng triển khai quân ở cả Đông dương và vùng Đông Ấn thuộc Hà Lan, vì Pháp và Hà Lan lúc đó đã bị Đức đánh bại, cho dù ý nghĩ này có bất chợt nảy ra từ bản năng cơ hội đi nữa.

Hôm sau khi vấn đề về Đông Dương thuộc Pháp được nêu lại trong một cuộc đàm đạo với Kido, Nhật Hoàng cho thấy cả sự quan ngại về danh tiếng lẫn sự do dự thật sự của ông về sách lược đối với các thuộc địa đã mất sự bảo hộ của các nước châu Âu. Nhận thức được lý tưởng mà ông với tư cách người bảo vệ tư tưởng đạo đức quốc gia cần gìn giữ, ông đưa ra một câu nói lịch sử rằng: "trước đây đã có những hành động như của Frederick và Napoleon." Nhưng "nước ta không muốn hành động một cách quỷ quyệt như vậy. Chẳng phải lúc nào ta cũng luôn khắc ghi trân giá trị về *hakko ichi'u* (đức cai trị nhân từ) vốn là chính sách của ta từ thời các thánh đế đó sao." Công nhận "đức cai trị nhân từ" và phủ nhận sự quỷ quyệt, trong khi đồng thời cho phép sử dụng hơi độc đối với người Trung Quốc – những hành vi mâu thuẫn này cho thấy bản chất chia rẽ của Hirohito. Trong trường hợp này, ông muốn nói một cách gián tiếp với Kido rằng ta là loại người tán thành hành động trên cơ sở lý tưởng nhưng khi tình hình yêu cầu và cơ hội nảy sinh thì … cũng đành vậy thôi. Không cần phải nói cũng thấy lối hành xử của Hirohito là huỷ diệt người khác trong khi tạo vỏ bọc cho mình trong những luận điệu đạo đức, nhân văn vừa mang hơi hướng phương Tây vừa rất Nhật Bản.

Ngày 10 tháng 7, khi Bộ trưởng Lục quân Hata và Tổng tham mưu trưởng Kan'in tới Hayama để báo cáo với Hirohito về tình hình chuẩn bị quân đội, Nhật Hoàng bảo rằng nếu "kế sách hòa hoãn" mới nhất ở Trung Quốc thất bại thì "chúng ta sẽ phải tìm kiếm sự hòa giải của một nước thứ ba … Trong phân tích cuối cùng, nước đó phải là nước Đức. Nhưng nếu quá tin họ và không cẩn thận, sau này họ có thể sẽ đưa ra những yêu sách bất hợp lý. Các khanh phải xử lý vấn đề này sau khi đã chuẩn bị thật kỹ". Cuộc đàm phán hòa bình được một trong nhiều phòng tình báo quân đội ở Trung Quốc bắt đầu ở Hồng Kông từ cuối tháng 12 năm 1939 nhằm vào Tống Tử Văn (Bộ trưởng tài chính của Tưởng Giới Thạch) và Tống Mỹ Linh (vợ của Tưởng). Khi Hirohito đưa ra phát biểu này, ông đã không còn coi trọng cuộc hòa đàm bí mật với Trùng Khánh vốn đã bị gián đoạn và nối lại nhiều lần. Các đợt đàm phán này đang trở nên rối ren với các vấn đề đồn trú quân Nhật ở Trung Quốc, công nhận Mãn Châu quốc, hiệp ước ngừng bắn và vai trò của chế độ tay sai Uông Tinh Vệ ở Nam Kinh. Mặt khác, ông cũng không hề chắc chắn rằng có thể lợi dụng Đức để giải quyết vấn đề của Nhật ở Trung Quốc nếu không trả một giá quá đắt.

Hôm sau, Kido, lúc này cũng đang ở Hayama, dò biết được mối lo của Nhật Hoàng về việc Mỹ có thể dễ dàng cắt nguồn cung cấp xăng dầu cho Nhật. Dự báo "Anh có lẽ sẽ từ chối yêu cầu của ta đòi đóng cửa các con đường tiếp tế cho Tưởng Giới Thạch", và rằng "chúng ta sẽ buộc phải chiếm Hồng Kông và rốt cuộc sẽ phải tuyên chiến", Nhật Hoàng nhận xét: "Nếu điều đó xảy ra, ta đoan chắc Mỹ sẽ sử dụng phương pháp cấm vận, khanh có đồng ý thế không?" Kido trấn an Nhật Hoàng, nói rằng Nhật Bản phải "quyết tâm chống địch", hành

tảisáchhay

động thận trọng và "không (để) bị lôi kéo vào các sự kiện âm mưu sẵn của các tổ chức ngoại bang."

Sáu ngày sau cuộc trao đổi này, Kodo chủ trì một cuộc họp ở Hoàng cung với trưởng ban quân cơ Hata Yoshimichi và 5 cựu thủ tướng là Wakatsuki, Hirota, Okada, Hayashi và Konoe. Với thời gian ngắn kỷ lục (chỉ trong vòng 30 phút), họ đề cử Konoe, vị Hoàng thân đáng mến từng mở rộng cuộc chiến Trung Quốc năm 1937, sau đó từ chức khi tình hình trở nên khó khăn, đứng ra kế nhiệm Đô đốc Yonai làm thủ tướng. Nhật Hoàng chuẩn tấu và ngày 17 tháng 7 năm 1940, ra lệnh cho Konoe thành lập nội các mới. Vậy là Konoe đã trở lại cương vị cũ do 5 cựu thủ tướng nhất trí đề cử và được sự hậu thuẫn của ông bạn Kido cũng như vẫn được Hirohito tiếp tục tin dùng.

Đối với chức bộ trưởng Lục quân, Konoe chọn Tướng Tojo, 55 tuổi, một nhân vật cứng rắn, đại diện hàng đầu của nhóm Lục quân hiếu chiến và phe chủ trương bành trướng, người có khuynh hướng hiện thực hóa lý tưởng vị chủng với sự "cai trị trực tiếp của Thiên Hoàng". Chức vụ Bộ trưởng ngoại giao được trao cho Matsuoka Yosuke, một người có tài ăn nói, ứng phó, không e sợ cả Nhật Hoàng lẫn giới quân sự và có chung nhiều quan điểm về trật tự thế giới với Konoe. Matsuoka hứa hẹn sẽ kiềm chế được quân đội ở ngoại biên.

Với nhiệm vụ mâu thuẫn đến vô lý phải cải thiện quan hệ với Mỹ, tăng cường hợp tác với Đức và loại bỏ các lợi ích kinh tế và chính trị của Anh ở Đông Á, Matsuoka tìm cách thu hút sự chú ý của công chúng Mỹ. ngày 21 tháng 7, một ngày trước khi ông này nhậm chức, ông tổ chức một cuộc phỏng vấn đột xuất, không chính thức với một nhà báo Mỹ, sau đó anh này lập tức cho đăng trên tờ *Diễn đàn Người đưa tin New York* Chủ Nhật. Với những lời lẽ bị đa số các ký giả và biên tập ở Mỹ (trừ Bộ ngoại giao Mỹ) phớt lờ, Matsuoka tuyên bố:

"Trong trận chiến giữa dân chủ và độc tài, chủ nghĩa chuyên chế nhất định thắng và sẽ thống trị thế giới. Thời đại dân chủ đã chấm hết và hệ thống dân chủ đã sụp đổ. Thế giới không thể có chỗ cho hai hệ thống đối lập hay hai nền kinh tế khác nhau … Chủ nghĩa phát-xít sẽ phát triển ở Nhật thông qua ý nguyện của người dân và xuất phát từ lòng kính yêu Thiên Hoàng."

Bài thuyết giáo của Matsuoka với người Mỹ về sự diệt vong của nền dân chủ thể hiện khuynh hướng muốn gây chú ý cho bản thân của ông này, "lòng kính yêu Thiên Hoàng" của ông ta thể hiện vai trò bất định của tư tưởng Thiên Hoàng trong suốt lịch sử cận đại của đế chế. Nhật Hoàng không chỉ được lấy làm cái cớ cho những tư tưởng quân sự và hiếu chiến mà trong thời kỳ này còn trở thành biểu tượng của chủ nghĩa phát-xít Nhật. Những người bảo vệ và phản đối thể chế chính trị hiện hữu nhân danh Nhật Hoàng biện hộ cho hành động của mình chính vì trong bản thân nền tảng tư tưởng chính thức luôn tồn tại song song quan niệm vị lợi thuần túy coi Nhật Hoàng là một "viên ngọc" có thể lợi dụng nhằm bảo đảm tính hợp pháp và quan điểm lý tưởng về Nhật Hoàng xuất phát từ truyền thống, nuôi dưỡng ảo tưởng về sự cai trị thật sự và trực tiếp của Thiên Hoàng. Khi thấy Tojo khước từ phương thức vị lợi và muốn Nhật Hoàng tiếp tục giữ vai trò tích cực của mình đằng sau hậu trường thì với lòng kính yêu Nhật Hoàng, Matsuoka đã chiều theo ý cả hai bên.

II

tảisáchhay

Không lâu sau khi nội các lần thứ hai của Konoe nhậm chức vào ngày 26 tháng 7 năm 1940, các bộ trưởng gặp gỡ và nêu quyết tâm kết thúc sự kiện Trung Quốc dựa trên nguyên tắc xây dựng một "Trật tự mới ở Đại Đông Á" và hoàn tất việc chuẩn bị chiến tranh trong "tình trạng quốc phòng". Ngày hôm sau, với hy vọng dùng quyền hành để tạo sự đồng thuận về những chính sách quốc gia mà các bộ trưởng trong nội các mới của mình vừa nhất trí xong, Konoe triệu tập một phiên họp với hội nghị liên lạc – hội nghị đầu tiên kể từ sau khi bị tạm dừng với tư cách là cơ quan chỉ đạo chiến tranh từ tháng 9 năm 1938, hai năm rưỡi trước đó. Ngày 27 tháng 7, hội nghị liên lạc thông qua một văn kiện với lời lẽ mập mờ có tên gọi "Nguyên tắc chính trong xử trí tình hình trước những thay đổi trong tình thế Thế giới", một sự khẳng định chính thức quá trình nam chinh và Hội Quốc Liên với các cường quốc phe Trục nhưng lại không nêu rõ liệu Nhật có sử dụng vũ lực trong công cuộc nam chinh này hay không.

Cụ thể, Nhật sẽ hợp nhất miền Đông Ấn thuộc Hà Lan, Malaya thuộc Anh và các khu vực Đông Nam Á giàu tài nguyên khác vào một "Trật tự mới", đồng thời củng cố quan hệ với các quốc gia phe Trục. Sau khi nghe báo cáo về các ý định này, Nhật Hoàng chuẩn tấu quyết định cuối cùng theo chính sách của Konoe, người được ông tin tưởng thay vì Matsuoka, kẻ mà ông không ưa. Những động thái này đặt Nhật Bản vào vị trí xung đột chiến thuật với Mỹ trong một thời điểm mà lần đầu tiên trong lịch sử, nước này đã trở thành một nước nhập khẩu thuần nguyên liệu thô và các chiến lược gia Mỹ cả trong và ngoài chính phủ đang lo ngại về việc ai sẽ kiểm soát khu vực Đông nam Á, một khu vực bắt đầu được coi là có vị trí trọng yếu đối với an ninh quốc gia của Mỹ. Chưa đầy hai tháng sau, theo các "quyết sách quốc gia" trên, Nhật Bản bắt đầu công cuộc "Nam chinh" đã chuẩn bị từ lâu vào tháng 9 bằng việc điều quân vào miền bắc Đông dương thuộc Pháp và ký kết Hiệp ước Hội Quốc Liên Ba bên với Đức và Ý.

Quan sát kỹ hơn quyết định của Nhật khi đóng quân ở miền bắc Đông dương, người ta thấy Hirohito đã được bộ trưởng Lục quân Tojo và các tham mưu trưởng Lục quân và Hải quân và nhiều người khác báo cáo từ trước về các kế hoạch lập căn cứ ở đây. Ông đồng ý phê chuẩn kế hoạch của họ vì nghĩ rằng việc lập căn cứ và đóng quân ở vùng Đông dương thuộc Pháp sẽ góp phần lật đổ chế độ Trùng Khánh và chấm dứt chiến tranh ở Trung Quốc. Nhưng ông cũng phê chuẩn việc đưa quân đội vào miền bắc Đông dương vì ông tin vào kết quả của chính sách nam chinh đã được quyết định tại hội nghị liên lạc, cho dù chính sách này tiềm ẩn nguy cơ chiến tranh với Anh và hiển nhiên là với Mỹ, những cường quốc đã có các căn cứ quân sự hiện đại ở Philipin, Singapo và Hồng kông. Dĩ nhiên, ông muốn thực hiện việc này mà không khiến Mỹ trả đũa. Với ảnh hưởng từ Bộ trưởng ngoại giao Matsuoka, có lẽ ông cho rằng có thể thực hiện việc này trong khi Roosevelt đang bận rộn với diễn biến ở châu Âu và trước biểu hiện khá dè dặt của ông này trong ứng xử với Nhật thời gian qua.

Ngày 29 tháng 7, nhiều tuần sau khi Pháp và Hà Lan bại trận, cuộc tấn công khổng lồ của Đức ở phương Tây đã đạt được mục tiêu thôn tính lục địa và Anh đang đứng trước nguy cơ bị xâm lược, Hirohito triệu vời các Tổng tham mưu trưởng và phó tham mưu trưởng vào cung. Khi mọi người tới, ông làm một cử chỉ khác thường mời các Hoàng thân Kan'in và Fushimi ngồi rồi mới bắt đầu hỏi Fushimi về triển vọng cuộc chiến với Mỹ. Fushimi trả lời rằng sẽ khó giành chiến thắng nếu chiến tranh kéo dài và do vậy, "trừ khi chúng ta hoàn

tảisáchhay

thành công cuộc chuẩn bị trong nước, nhất là chuẩn bị các nguồn nguyên liệu thì thần cho rằng ta không nên khinh suất phát động chiến tranh ngay cả khi một cơ hội tốt nào đó xuất hiện."

Tham gia buổi họp này còn có Phó tham mưu trưởng Sawada Shigeru. Theo lời kể của Sawada thì Nhật Hoàng hỏi han rất nhiều vấn đề. Hirohito hỏi họ có "kế hoạch gì để chiếm các địa điểm ở Ấn Độ, Úc và Niu Di-lân không". Ông muốn biết chắc quân đội sẽ xử lý ra sao vấn đề sư đoàn Trung Quốc tập trung dọc biên giới Đông dương thuộc Pháp và đang sẵn sàng tiến vào lãnh thổ thuộc địa này nếu Nhật tiến quân. Vấn đề chủ yếu mà Hirohito muốn biết là về Mỹ, Liên Xô và Đức. Ông hỏi, liệu Nhật có "giành chiến thắng về Hải quân trước Mỹ như chúng ta đã từng làm trong trận Biển Nhật Bản hay không? … Ta nghe nói Mỹ sẽ cấm xuất khẩu xăng dầu và phôi sắt (cho Nhật). Chúng ta có thể nhập xăng dầu từ các nguồn khác nhưng các khanh có nghĩ rằng ta sẽ gặp vấn đề về phôi sắt hay không?"

Quay sang vấn đề Liên Xô và Đức, Hirohito lại hỏi:

"Nếu hiệp ước không xâm lấn Nhật – Xô được ký kết và chúng ta mở rộng về phía nam thì Hải quân sẽ trở thành lực lượng chủ lực. Phía Lục quân đã suy tính đến việc giảm quy mô trong trường hợp này chưa? … các khanh đánh giá thế nào về tương lai sức mạnh của Đức? … Cả Đức và Liên Xô đều là những nước không đáng tin cậy. Các khanh có nghĩ sẽ nảy sinh vấn đề nếu một trong hai nước này bội ước và lợi dụng sự suy yếu của ta khi đang chiến tranh với Mỹ không?"

Khi buổi thẩm vấn các tham mưu trưởng sắp kết thúc, Hirohito phán:

"Có vẻ như các khanh đang định thực hiện kế hoạch này bằng vũ lực vì đây là cơ hội tốt để giải quyết vấn đề ở phía nam cho dù vẫn có những hiểm họa nhất định … Vậy cơ hội tốt nghĩa là gì? (Sawada trả lời: "Chẳng hạn, nếu Đức bắt đầu xâm lược Anh".) Trong trường hợp đó, liệu Mỹ có ra tay viện trợ Anh hay không? … Giờ ta đã nghe nhiều rồi. Tóm lại ta cho rằng các khanh đang định giải quyết vấn đề ở phía nam bằng cách tận dụng những cơ hội tốt hôm nay."

Những câu hỏi của Hirohito cho thấy sự tin tưởng của ông vào khả năng Anh-Mỹ tiếp tục hợp tác nhưng cũng cho thấy sự hoang mang của ông vào thời điểm đó về việc xác định thế nào là "một cơ hội tốt". Đối với Sawada và ban tham mưu Lục quân, cơ hội tốt phải là Anh bại trận và bị chiếm đóng; đối với Hirohito, cơ hội tốt lại có nghĩa là một dạng điều chỉnh nào đó quan hệ với Mỹ. Mặt khác, Hirohito biết rõ sự chia rẽ trong Lục quân, Hải quân và nội các của Konoe trong các chiến lược cơ bản để triển khai các quyết định của hội nghị liên lạc. Ông lấy làm phiền lòng về sự mất đoàn kết, tranh giành và tị nạnh trong việc giành quyền lãnh đạo giữa các cơ quan chính phủ và các đơn vị quân đội ở hải ngoại đang muốn thực thi chiến lược nam chinh. Hơn thế, Kido còn cho biết hôm sau, ngày 30 tháng 7 Nhật Hoàng đã bảo ông rằng:

"Thủ tướng Konoe … hình như muốn chuyển hướng sự bất bình trong nước do thành công hạn chế trong sự kiện Trung Quốc về phía nam. Nếu có cơ hội tốt, quân đội cũng muốn tiến về phía nam, để mặc tình hình sự kiện Trung Quốc như hiện nay. Phía Hải quân hình như lại

tảisáchhay

cho rằng nếu ta không giải quyết vấn đề Trung Quốc trước thì họ sẽ không triển khai quân ở phía nam."

Lời kể của Kido về những gì Nhật Hoàng nói với ông đã sai lầm nghiêm trọng khi cho rằng các đô đốc Hải quân sẽ không "triển khai quân ở phía nam" nếu cuộc chiến tranh Trung Quốc không được giải quyết. Thực chất, những người vạch sách lược chiến tranh trong bộ tham mưu Hải quân đã bắt đầu xây dựng các kế hoạch chiếm đóng Đông dương trong đó có tính đến khả năng chiến tranh với Mỹ và Anh nếu cần. Hải quân không lo lắng về sự sa lầy ở Trung Quốc mà chỉ lo về khả năng kích động chiến tranh với Mỹ mà thôi.

Trái với hy vọng của Nhật Hoàng và phe triều đình, những người chịu trách nhiệm ra quyết định tiến quân vào Đông nam Á, chính quyền Roosevelt lập tức coi hành động của Nhật là một sự thách thức trực tiếp. Các nhà hoạch định sách lược của Mỹ, cả trong và ngoài chính phủ, tin rằng khu vực này, tức Đông Nam Á và bán đảo Đông dương, khác với Trung Quốc, phải được giữ vững chủ yếu vì lợi ích của các Đồng Minh châu Âu đang bị vây khốn, nhưng đồng thời về lâu về dài và quan trọng hơn là vì thế lực của Mỹ về thương mại và tài chính. Và nước Nhật đã dấn thân vào một tình thế không thể mạo hiểm hơn.

Nội các Konoe tuyên bố lý do đưa quân đội và Hải quân vào miền bắc Đông dương hoàn toàn là nhằm bao vây Trung Quốc, nếu có thể thông qua thương thuyết hòa bình với các quan chức Pháp ở Hà Nội hay với chế độ thân Quốc xã ở Vichy, Pháp, nhưng nếu cần vẫn sẽ sử dụng vũ lực. Lý do thật sự chính là nhằm chuẩn bị căn cứ và tập trung binh lực, tàu bè để tiến đánh xa hơn về phía nam tới các nước lân cận nhiều dầu lửa, cao su, thiếc và các nguồn tài nguyên cần thiết để tự cung cấp trong thời gian chiến tranh tổng lực. Vai trò của Hirohito trong hành động bành trướng xâm lược này là đứng trên các xung đột giữa các phe phái trong quân đội và bộ ngoại giao dưới quyền Matsuoka đồng thời giúp đạt được sự đồng thuận để quy trình quyết sách không bị đổ vỡ.

Những dòng nhật ký quan trọng của Kido ngày 14 tháng 9 năm 1940 ghi nhận nỗi lo của Hirohito về sự bất hòa giữa bộ chỉ huy tối cao và Matsuoka, nhưng cũng tin tưởng rằng kế sách tốt nhất vẫn là bắt đầu triển khai cuộc nam chinh, vì "nếu ta chần chừ thì mưu toan của Anh và Mỹ sẽ ngày càng lộ rõ và có khả năng họ sẽ vào hùa với Pháp ở Đông dương hay với Trung Quốc." Không lâu sau, Nhật Hoàng ban Quân lệnh số 458 của Đại bản doanh Thiên Hoàng, lệnh cho quân đội tại chỗ bắt đầu tiến vào Đông dương thuộc Pháp. Một lần nữa, ông lại chọn cách đối phó với một vấn đề xung đột phe phái trong nước bằng cách chuẩn tấu một hành động xâm lược mới ở ngoại bang.

Không hề tuyên chiến nhưng giờ đây, Nhật đã mở rộng chiến tranh ở Trung Quốc bằng cách thật sự nhảy vào Chiến tranh Thế giới lần thứ Hai. Chính quyền Roosevelt, trước đó đã ra lệnh "cấm vận về nguyên tắc" xuất khẩu phụ tùng máy bay cho Nhật, lần này đáp trả một cách hình thức bằng việc cấm vận phôi sắt và xăng máy bay. Từ đó về sau, Roosevelt vẫn tìm cách ngăn cản Nhật Bản bằng cách áp dụng từ từ cấm vận kinh tế, thông qua việc viện trợ vừa đủ để Trung Quốc cầm chân quân Nhật, đàm phán với Nhật trên cơ sở không chính thức và quan trọng hơn cả là bằng cách nhanh chóng tái vũ trang và chuẩn bị sẵn sàng để quân đội và Hải quân Mỹ tham chiến với phe Trục.

tảisáchhay

III

Các lãnh đạo Nhật có bước đi tai hại thứ hai đẩy nước Nhật tiến gần hơn đến một cuộc chiến tranh lớn khi hội nghị liên lạc và nội các Konoe đạt được sự đồng thuận về Hội Quốc Liên quân sự với nước Đức Quốc xã và nước Ý phát-xít. Để bảo đảm tính hợp hiến của quyết định, một buổi thiết triều, buổi thứ ba của Hirohito, được tổ chức ngày 19 tháng 9 và không lâu sau ông chuẩn tấu hiệp ước này. Khi Kido gặp ông ngày 24 tháng 9, Hirohito phán rằng ông muốn "đích thân đến khấn vái tại *kashikodokoro* (Đền thờ thần) trong cung và cầu xin các thần thánh che chở vì "trong lúc này, chúng ta không chỉ đơn thuần đang kỷ niệm như ta đã từng làm khi ký hiệp ước Nhật – Anh mà chúng ta sắp phải đối mặt với một loạt những khủng hoảng sẽ diễn ra tuỳ theo diễn biến tình hình." Sau đó hiệp ước được chuyển tới Ban quân cơ và ban này hoàn tất việc xem xét một cách hình thức chỉ trong một ngày.

Ngày 27 tháng 9 năm 1940, các đại diện của Nhật ở Béc-lin ký Hiệp ước Ba bên với các chế độ độc tài Đức và Ý. Các nước chư hầu phát-xít Rumani và Hungari cũng hùa theo. Theo điều khoản trong hiệp ước, Nhật Bản công nhận sự lãnh đạo của Đức và ý trong "trật tự châu Âu mới" trong khi các nước này công nhận sự thống trị của Nhật ở "Đại Đông Á". Ba cường quốc cam kết "viện trợ nhau bằng mọi phương tiện chính trị, kinh tế và quân sự" nếu "bị một cường quốc hiện thời chưa tham gia vào cuộc chiến tranh ở châu Âu hay xung đột Trung – Nhật tấn công". Điều khoản cuối này nhằm mục đích kiểm soát Anh và ngăn chặn Mỹ tham chiến.

Sự suy xét trước khi có sự kiện quan trọng này đã diễn ra trong ba năm. Hirohito đã có nhiều cơ hội để suy ngẫm về ảnh hưởng của nó, trong đó có cả khả năng gần như chắc chắn rằng Nhật sẽ mất đi sự linh hoạt về ngoại giao và sự chấm dứt vĩnh viễn cơ hội để nước này hợp tác với Anh, Mỹ. Tuy ông không tin tưởng gì nước Đức quốc xã nhưng ông không bao giờ phản đối việc Hội Quốc Liên quân sự với Đức Quốc xã để chống lại áp lực của Liên Xô đối với Mãn Châu quốc mà chỉ lo ngại rằng Hội Quốc Liên này sẽ khiến Anh, Pháp và Mỹ trở thành kẻ thù chính của Nhật.

Do vậy, khi Konoe ngầm thông báo rằng ông sẽ từ chức hồi cuối 1938 đầu 1939, Hirohito bảo với cố vấn trưởng Hata rằng: "Nếu (quân đội) không muốn Thủ tướng Konoe từ chức đến thế thì thay vì thuyết phục ông ấy ở lại, hãy tán thành quyết định của Hội nghị Năm Bộ trưởng, và … hãy lập Hội Quốc Liên chống Cộng sản này chỉ để chống Liên Xô. Hãy đến bảo với Bộ tổng tham mưu như vậy". Như vậy, cá nhân Hirohito lúc đó rõ ràng không phản đối Hiệp ước Ba bên mà chỉ phản đối việc coi Anh và Pháp là những mục tiêu của Nhật mà thôi.

Một năm rưỡi sau, đúng lúc Tổng thống Roosevelt tăng cường hỗ trợ nước Anh đang chịu nhiều sức ép bằng việc ký kết thỏa thuận Cho mượn – Cho thuê khu trục hạm đổi lấy căn cứ, Hirohito, bất chấp mối nghi ngại, đã ngừng phản đối và chấp thuận hiệp ước. Đây là một bước đi đầy cơ hội và nguy hiểm, chắc chắn sẽ khắc sâu thêm những khó khăn của Nhật với phe Anh – Mỹ một khi Đức phát động lại cuộc chinh phạt ở châu Âu. Hơn thế nữa, đây là một sự cố ý phá vỡ quan hệ hữu nghị vốn có từ thời Minh Trị với phe Anh – Mỹ trong chính sách ngoại giao. Hirohito biết điều đó và đây cũng là một lý do nữa khiến ông lưỡng lự lâu như vậy trước khi quyết định.

tảisáchhay

Trong thời gian trước cuộc nói chuyện riêng giữa ông và phe quân sự về chính sách ngoại giao, Hirohito đã tự ví mình với ông mình là Minh Trị ngay trước thềm cuộc chiến tranh Nga – Nhật, khi Ito Hirobumi thề trung thành với Minh Trị cho đến chết nếu Nhật để thua trong cuộc chiến. Ông bảo Kido vào ngày 15 tháng 9 rằng "Khi sự việc đã đến nước này thì Konoe phải thật sự đồng cam cộng khổ với trẫm", liên tưởng tới lời thề của Ito với Minh Trị. Sau đó Konoe nói với Harada rằng: "Khi tôi tới Hoàng cung vào hôm sau (16 tháng 9), Thiên Hoàng phán rằng: 'Trong tình thế hiện nay, hiệp định quân sự với Đức không giúp ích được gì. Nếu không còn cách nào khác để đối phó với Mỹ thì đành phải như vậy.'" Konoe còn nói thêm rằng Nhật Hoàng cũng hỏi ông: "Chuyện gì sẽ xảy ra nếu Nhật thua? Là thủ tướng của trẫm liệu khanh có san sẻ gánh nặng với trẫm không?"

Hirohito đồng ý một cách thụ động với hiệp ước, sau đó lý giải hành động của mình như là sự thuận theo một tiến trình lịch sử tất yếu. Sự xung đột giữa các thế lực quan liêu, theo ông, đã buộc ông phải chấp thuận sự thay đổi cơ bản nhất trong lập trường của Đế chế về quan hệ đối ngoại kể từ khi ông nội ông chuẩn tấu Hội Quốc Liên giữa Nhật với Anh năm 1902. Nhưng vào thời điểm này, Hirohito hoàn toàn ý thức được rằng sự đổi ý của ông về Hiệp định Ba bên là một bước ngoặt quan trọng quyết định khả năng chiến tranh với Mỹ. Sau này, ông chủ yếu đổ lỗi cho Matsuoka, nhưng cũng trách cứ các em mình là Chichibu và Takamatsu, và không hề tự nhận rằng mình đã nhận định sai lầm khi phê chuẩn hiệp định.

Cũng trong khoảng thời gian này đã có một sự thay đổi nhạy cảm về thứ bậc trong nội bộ Hoàng tộc. Nhân vật hay công khai chỉ trích Hirohito nhất và là người đứng ở vị trí nối ngôi thứ hai, Hoàng thân Chichibu, bị ốm nặng vì bệnh lao. Sự rút lui của Chichibu khỏi chính trường có nghĩa là Hoàng thân Takamatsu sẽ trở thành người nhiếp chính trong tình huống khẩn cấp. Từ đó trở đi, ông sẽ phải đọc nhiều công văn hơn và nghe cả những lời khuyên vu vơ mà Hirohito thường bỏ ngoài tai. Không những không phối hợp chặt chẽ với Hirohito để đối phó với cuộc khủng hoảng chính sách đối ngoại của Nhật, Takamatsu còn ngả theo Chichibu. Hai anh em ông cùng tán thành Hiệp ước Ba bên coi đó như là cơ hội tốt nhất trong tình huống này và tiếp tục coi Hirohito là kẻ thiếu năng lực.

Về phần Kido, ông này về sau khẳng định rằng ông và Nhật Hoàng "phải áp dụng chính sách cân bằng quyền lực nhằm tránh bị cô lập và đồng thời để mình không bị lôi kéo vào (cuộc chiến tranh châu Âu). Không có cách nào để thương lượng với Mỹ nếu không có sức mạnh của Hội Quốc Liên hậu thuẫn. Lời giải thích của Konoe và Matsuoka đã thuyết phục được chúng tôi. Chúng tôi không muốn nhưng vẫn phải ký." Không như Nhật Hoàng, Kido phần lớn đổ lỗi cho quân đội về Hiệp ước Ba bên nhưng không hề thú nhận vai trò quyết định của Hải quân.

Ngày 27 tháng 9 năm 1940, Hirohito ban thánh chỉ quốc dân, trong đó trái với thường lệ, ông giữ nguyên những lời lẽ mà cấp dưới đã soạn sẵn. Chiếu chỉ viết:

"Nguyên lý vĩ đại đoàn kết bốn phương dưới cùng một mái nhà *(hakko ichi'u)* là lời dạy của các vị Thiên Hoàng đời trước. Chúng ta ngày đêm suy nghĩ về lời giáo huấn đó. Tuy nhiên, ngày nay khắp nơi trên thế giới đang bất ổn và sự hỗn độn dường như là bất tận. Những thảm họa mà loài người đang hứng chịu là vô cùng lớn lao và chúng ta thành tâm hy vọng

tảisáchhay

chấm dứt chiến tranh và khôi phục lại hòa bình, vì vậy mà chúng tôi đã lệnh cho chính phủ Hội Quốc Liên với Đức và Ý, những quốc gia có cùng lý tưởng như chúng ta..."

Không lâu sau khi thánh chỉ được ban bố, Hiệp ước Ba bên được ký kết và vào ngày 04 năm 10, Thủ tướng Konoe đưa ra một tuyên bố hiếu chiến trong một buổi họp báo ở Kyôtô rằng "Nếu Mỹ không chịu hiểu rõ lập trường của Nhật Bản, Đức và Ý và coi hiệp ước này là một hành động khiêu khích và nếu nước này tiếp tục có thái độ đối đầu thì cả ba nước chúng ta sẽ kiên quyết chiến đấu." Không nhiều nhà lãnh đạo Nhật Bản ở thời điểm này hiểu được ý nghĩa to lớn về tư tưởng của Hiệp ước Ba bên đối với Mỹ hay chính quyền Roosevelt sẽ lợi dụng hiệp ước này ra sao để khoét sâu thêm tâm lý chống Nhật. Trong khi đó, Nhật Hoàng cùng Kido đang có mặt tại cuộc tổng duyệt đặc biệt của Hải quân ngoài khơi Yokohama. Một tuần sau, trong khi vẫn chưa chắc chắn về rạn nứt với Anh, ông trình tấu với các thánh thần rằng mình đã lập Hội Quốc Liên với Đức và Ý và cầu các ngài phù hộ.

Trong tháng sau đó, cả nước kỷ niệm ngày lập quốc lần thứ 2.600 từ thời Thần vũ Thiên Hoàng theo truyền thuyết. Việc chuẩn bị cho dịp lễ *kigensetsu* này đã bắt đầu từ năm 1935. Ngày 09 năm 11, một ngày trước khi bắt đầu sự kiện chính thức, chính phủ ra quy định thành lập "Văn phòng Thánh đạo" đặt tại Bộ nội vụ nhằm tăng cường công cuộc "huy động tinh thần" dân tộc chuẩn bị cho chiến tranh toàn diện. Chiến dịch này đầu tiên được nội các Konoe khởi xướng vào thời kỳ đầu cuộc chiến tranh Trung Quốc, nhằm động viên sự tham gia của những thanh niên sắp được điều động ra trận, hô hào những người này "tôn kính các vị thần thánh", "phụng sự tổ quốc" và tiến tới thắng lợi nhanh chóng trong cuộc chiến tranh chống Trung Quốc.

Để tổ chức sự kiện, các cơ quan chính phủ khởi động 15.000 dự án và hoạt động lễ hội đa dạng, tiêu tốn tới 1,63 tỉ yên. Vào đỉnh điểm của lễ hội, tức các ngày 10 – 11 năm 11, có tới 5 triệu người tham gia các buổi tiệc. Thực phẩm được nấu nướng theo kiểu khẩu phần chiến trường của quân đội nhằm nhớ đến các binh sĩ ngoài tiền tuyến, được phục vụ cho những người tham gia lễ hội trong buổi dạ hội trong Hoàng cung. Trong số các hoạt động gợi nhớ đến chiến tranh này cũng như định hướng mới trong chính sách ngoại giao, ngày 10 năm 11, báo *Asahi shinbun* đăng một cột báo tựa đề "Vấn đáp về Trật tự mới", nhấn mạnh vai trò quan trọng của lớp trẻ trong trật tự thế giới mới này. Ngày 11, ảnh Nhật Hoàng Hirohito và Hoàng hậu Nagako được đăng khắp các trang báo lớn nhất. Thánh dụ của Thiên Hoàng ban ra trong ngày này nhắc nhở thần dân về "những biến động mạnh mẽ trên thế giới hôm nay" và chỉ thị cho dân chúng "phát huy cả trong và ngoài nước nguyên tắc vĩ đại của Lễ nghĩa thánh đạo, từ đó đóng góp cho hạnh phúc nhân loại." Mọi hoài nghi về việc Hirohito tự cho phép mình không chỉ trở thành một biểu tượng và người hợp pháp hóa "Trật tự mới" mà còn là người phát ngôn cho những luận điệu đó đều bị dập tắt. Lúc 11h25 sáng, khoảng 50.000 đại biểu từ khắp Nhật Bản và thế giới, kể cả các đoàn viên của Đoàn thanh niên Hit-le, đồng thanh hô vang "Muôn năm!"; chiến hạm thả neo trong Vịnh Tokyo bắn súng chào mừng; đài phát thanh loan tin về sự kiện suốt trong ngày.

Phản ứng của Anh với Hội Quốc Liên quân sự của phe Trục là việc mở lại Con đường Miến điện mà trước đó nước này đã nhất trí đóng lại và tìm kiếm phương kế "gây khó khăn cho Nhật nhưng vẫn luôn tỏ ra lịch thiệp". Tổng thống Roosevelt phản ứng bằng cách cấp tiếp

tảisáchhay

cho Tưởng Giới Thạch một khoản vay nhỏ đồng thời bảo đảm Mỹ sẽ tiếp tục ủng hộ để giúp Trung Quốc duy trì kháng chiến. Tháng 11, Roosevelt tán thành kế hoạch "Mãnh cẩu" của Đô đốc Harold Stark nhằm viết lại chiến lược phòng thủ của Mỹ trên quan điểm coi Đức là kẻ thù chính. Từ đó về sau, Mỹ luôn theo đuổi chiến lược đánh bại nước Đức trước, tập trung vào mặt trận châu Âu và viện trợ nước Anh. Nếu chiến tranh có xảy ra ở Thái Bình Dương thì trước tiên Mỹ sẽ phát động một chiến dịch phòng thủ nhưng sẽ không dốc toàn lực chống lại Nhật chừng nào Đức chưa thất bại.68 Ở Trung Quốc, Tưởng Giới Thạch quyết tâm đơn phương chống Nhật mà không cần lợi dụng sự viện trợ toàn diện của phe Anh – Mỹ nhưng cũng nhận định rằng chiến tranh ở Thái Bình Dương chỉ còn là vấn đề thời gian.

tảisáchhay

11. Trước thềm Trận Trân Châu cảng

Sau khi chiến tranh Xô-Đức bùng nổ vào mùa hè 1941, quân đội và các tổng tham mưu Nhật cùng với các cố vấn chủ chốt khác của Nhật Hoàng bắt đầu tích cực vào triều nhiều hơn. Đặc quyền chỉ huy của Hirohito thay đổi nhanh chóng và ông sắp trở thành một vị tổng tư lệnh theo đúng nghĩa của từ này. Hội nghị liên lạc, bắt đầu từ tháng 11 năm 1937 và tạm ngừng sau đó hai tháng đến tận tháng 07 năm 1940, được nối lại và nhóm họp thường xuyên hơn cũng như ngày càng được củng cố. Trưởng ban kế hoạch và Bộ trưởng nội vụ trở thành những thành viên hợp hiến thường trực của hội nghị liên lạc và chỉ trong vòng một năm, hoạt động này đã phát triển lên thành một cơ quan hội nghị thường xuyên quan trọng nhất đưa ra quyết định về các chính sách và hướng dẫn chính sách quốc gia.

Hội nghị liên lạc cũng chuyển chức năng thẩm định từ văn phòng Thủ tướng vào trong Hoàng cung. Cơ quan này làm lu mờ nội các, tiếm đoạt chức năng quyết sách của nội các và thực chất đã trở thành một diễn đàn để tranh luận về các vấn đề mà cuối cùng sẽ được đích thân Nhật Hoàng giải quyết. Từ giữa ngày 27 tháng 9 năm 1940 đến tháng 11 năm 1941, hàng chục phiên hội nghị liên lạc đã được tổ chức. Sau đó còn nhiều hội nghị khác được tiến hành cho đến tận đầu tháng 08 năm 1944, khi cơ chế hội nghị liên lạc được thay thế bằng Hội đồng Lãnh đạo Quân sự Tối cao.

Các quyết định cuối cùng của hội nghị liên lạc tiếp tục được chính thức tiết lộ thông qua các buổi lâm triều giờ đây được triệu tập ngày một thường xuyên hơn. Đại bản doanh Thiên Hoàng cũng được tái cơ cấu với các cơ quan hay bộ phận mới được bổ sung cho tới tận năm 1945 để xử lý các vấn đề tình báo, vận tải, khoa học công nghệ, vùng chiếm đóng, v.v. Đến tháng 05 năm 1945, số lượng nhân viên Đại bản doanh đã lên đến hơn 1.792 người, một số làm việc ngay trong cung còn đa số ở ngoài cung.

Tuy nhiên, một số đặc trưng chính trong cơ cấu bộ chỉ huy tối cao và phong cách làm việc của Hirohito vẫn được duy trì. Các lợi ích quan liêu riêng của các cơ quan quân sự và cố vấn dân sự của Nhật Hoàng vẫn tiếp tục là yếu tố hình thành chính sách. Các hướng dẫn tiến hành chiến tranh tiếp tục được soạn thảo từ cấp dưới rồi chuyển lên trên thông qua một quy trình thương thảo và đồng thuận. Trong khi đó, Hirohito vẫn luôn đầy lo âu và như mọi khi tiếp tục soi mói những mâu thuẫn và bất đồng trong mọi vấn đề được báo cáo cho ông. Vì vậy mà bất cứ khi nào các tham mưu trưởng Lục quân và Hải quân hay các Bộ trưởng quan trọng trong nội các có các báo cáo chính thức mâu thuẫn với nhau hoặc nhiều khi do những báo cáo này quá ăn khớp hay gần giống nhau, nếu Hirohito không tin tưởng vào ý kiến đưa ra thì ông sẽ phủ quyết ngay.

Khi nguy cơ chiến tranh với Mỹ và Anh đang đến gần và các sĩ quan tham mưu cao cấp (những người hay bị phạt vạ như Tướng Sugiyama) cũng hiểu rõ hơn tính nết của Hirohito và tầm hiểu biết quân sự của ông, những sĩ quan tầm trung chuẩn bị các báo cáo và tài liệu tham khảo cho ông cũng học theo cấp trên trực tiếp của mình để tránh bị quở mắng và bị hỏi những câu hỏi khó. Không ai có thể phủ nhận hoàn toàn khả năng ít nhất một số tài liệu nộp cho Nhật Hoàng để ông xem xét phê chuẩn (hay phủ quyết) các quyết định chỉ huy có

tảisáchhay

thể đã bị chỉnh sửa nếu không nói là bóp méo bởi những toan tính của các phe phái quân sự. Cơ chế quyết sách phức tạp thường tạo kẽ hở cho sự thao túng, ít nhất đó cũng là một cách để xác định ưu tiên và đơn giản hóa quy trình.

Mặt khác, Hirohito cũng hiểu rất rõ quy trình thẩm định chính sách vận hành ra sao. Ông biết rõ tên, chức vụ của hầu hết các trưởng phòng, ban, bộ phận quan trọng nhất trong Lục quân, Hải quân, Bộ Ngoại giao và khuynh hướng của họ. Văn phòng cố vấn trưởng của ông trong cung có đường dây nóng kết nối với văn phòng của các Ban Hành quân của Lục quân và Hải quân và các Phòng Một của các lực lượng này để các phụ tá của ông có thể truyền đạt trực tiếp những câu hỏi của Nhật Hoàng hay của chính họ. Hirohito biết ai là người đứng đầu Phòng Một trong Đại bản doanh Thiên Hoàng – Lục quân chịu trách nhiệm soạn thảo các kế hoạch hành quân và triển khai quân đội và ai trong Phòng Một chịu trách nhiệm về Nhóm 20 (ban kế hoạch chiến lược tổng thể) và Bộ phận 2 (hành quân). Hơn thế, ông cũng không lạ gì những thủ tục quan liêu với quy trình từng bước trong việc soạn thảo trực tiếp các văn bản "chính sách quốc gia" được xem xét trong các hội nghị liên lạc và được chính ông nghiên cứu.

Kể từ năm 1941, bộ máy chỉ huy tối cao ngày càng trở nên phức tạp hơn. Nhật Hoàng mở rộng tầm với của mình tới hầu như toàn bộ hoạt động tình báo quân sự. Các tài liệu vấn đáp được sĩ quân tham mưu thuộc các Ban hành quân soạn thảo và các báo cáo tình hình chiến sự phải được nộp cho ông hàng tuần, hàng ngày và nhiều khi là hai lần một ngày. Đánh giá tình hình chiến sự hàng tháng và hàng năm cũng được chuẩn bị để trình Nhật Hoàng xem xét, và như sử gia Yamada Akira ghi chép lại, Hirohito thường xuyên nhận các bản thảo kế hoạch quân sự và các bản giải trình đầy đủ kế hoạch hành quân, kèm theo là các bản đồ chi tiết cho ông biết lý do phải tiến hành chiến dịch và đơn vị nào sẽ triển khai.

Báo cáo chiến trận và báo cáo binh tình được gửi đến Hoàng cung hàng ngày và sau khi cuộc chiến tranh Thái Bình Dương nổ ra, những báo cáo này được đệ trình cho Nhật Hoàng vào bất cứ lúc nào cả ngày lẫn đêm. Nội dung các báo cáo gồm chi tiết về thiệt hại chiến trường, nguyên nhân, nơi nào quân Nhật đang thắng hay không thắng, thậm chí cả chi tiết về nơi các tàu vận tải bị đánh đắm, hàng hóa gì chở trên tàu. Đôi khi, "ngay cả những bức điện báo chuyển về Đại bản doanh Thiên Hoàng từ mặt trận" cũng được trình cho Hirohito bởi ba trợ lý Lục quân và năm trợ lý Hải quân của ông thay phiên nhau túc trực 24 trên 24 giờ. Một trong số nhiều nhiệm vụ của những phụ tá này là thường xuyên cập nhật bản đồ chiến dịch của Hirohito. Ngoài ra, trong suốt cuộc chiến tranh Thái Bình Dương, Tổng tham mưu trưởng Hải quân còn gửi về cho Nhật Hoàng báo cáo bằng văn bản, với tiêu đề "Tài liệu phúc trình Thiên Hoàng về Tình hình chiến sự". Những thông tin này, cộng với các nguồn thông tin khác, giúp cho Nhật Hoàng nắm bắt tình hình hết sức đầy đủ. Thế nhưng khiếm khuyết trong cơ chế tình báo này nằm ở chỗ Lục quân và Hải quân sửa soạn và đệ trình các thông tin mật lên Nhật Hoàng một cách riêng rẽ nên chỉ chính Nhật Hoàng mới biết được toàn cục, nhất là về tổn thất.

Khi các "sự kiện" từ tiền tuyến báo về không chính xác thì "thông tin" của Hirohito trở thành thông tin sai lệch. Thế nhưng như Yamada nhận xét, những người báo tin cho Nhật Hoàng vẫn "tin vào những gì họ báo cáo". Chắc chắn ý định của họ không phải là để lừa dối

tảisáchhay

ông mà là để trình bày các số liệu chính xác về tổn thất người và phương tiện của quân Nhật, cũng như những thiệt hại gây ra cho kẻ địch. Những tài liệu mà ông nhận được đều kịp thời, chi tiết và có chất lượng cao, và thực chất cũng không thể khác vì Nhật Hoàng không chỉ chỉ đạo kế hoạch chiến lược tiến hành chiến tranh tổng thể mà còn thúc ép đề ra các giải pháp đối phó với những biến cố và tính toán sai lầm không thể tránh khỏi của ban tham mưu và các chỉ huy chiến trường.

Ngoài ra, để kiểm tra tính chính xác của các báo cáo nhận được, Hirohito còn cử các phụ tá Lục quân và Hải quân cũng như các em trai mình tiến hành thị sát ở nhiều mặt trận nhằm thu thập thông tin ngoài các kênh thường xuyên. Theo Ogata Kenichi, trợ lý Lục quân của Hirohito từ tháng 03 năm 1942 đến 11 năm 1945, Nhật Hoàng đã "cử các phụ tá tới càng gần tiền tuyến càng tốt và chọn ra những mùa quân đội thường chịu nhiều tổn thất nhất. Khi trở về, Nhật Hoàng tiếp đón họ cứ như thể những tin tức báo cáo của họ quan trọng hơn bất cứ thứ gì khác vậy". Khi tham vấn các bộ trưởng trong nội các và các tham mưu trưởng, Hirohito thường xuyên trích dẫn từ các báo cáo này. Cũng bằng cách này mà ông luôn để mắt đến các chỉ huy quân sự của mình.

Sau cùng, Hirohito duy trì thói quen xem các phim thời sự và phim ảnh trong và ngoài nước được chiếu trong cung, thường là hai hoặc ba lần một tuần. Ông tiếp tục đọc các nhật báo có kiểm duyệt của Nhật và thường đưa ra những câu hỏi hóc búa đối với các lãnh đạo quân đội về những tin tức ông đọc được.Vì thế mà ông không những biết sự thật về cuộc chiến mà còn biết rõ về những phiên bản thiên lệch hay thậm chí có mục đích trắng trợn là "tẩy não" những người dân Nhật đón nhận tin này.

Ngay trước thềm sự kiện Trân Châu cảng, cố gắng to lớn, tốn kém nhiều thời gian này của bộ chỉ huy tối cao nhằm bảo đảm cho Hirohito có được thông tin đầy đủ bắt đầu làm giảm sút hiệu quả của các sĩ quan chủ chốt tham gia vào công tác hoạch định tác chiến và chiến lược. Ví dụ như do phải mất quá nhiều thời gian báo cáo tình hình cho Nhật Hoàng mà người đứng đầu Phòng Một thường không thể toàn tâm toàn ý với nhiệm vụ chính của mình là lập kế hoạch hành quân và chiến lược. Imoto Kumao, sĩ quan Bộ tham mưu Lục quân năm 1941, cho rằng hậu quả không lường trước từ cách làm của Hoàng cung chính là yếu tố khiến Nhật bại trận. Đảm bảo thông tin đầy đủ cho Nhật Hoàng là một công việc khổng lồ buộc các trưởng bộ phận phải bàn giao công tác ưu tiên hàng đầu của mình xuống cho các "cấp phó và cấp dưới" và ngay cả những người này cũng nhanh chóng bị cuốn vào các "hoạt động chỉ đạo quân sự của những người đứng đầu cơ quan. Khi phát sinh sự lúng túng này, những sĩ quan vẫn còn khả năng xử lý những công việc hành chính thường xuyên không còn sức để đáp ứng những nhiệm vụ hoạch định tác chiến của Đại bản doanh Thiên Hoàng nữa. Tôi cảm thấy họ đã gây ra một khoảng trống lớn trong công tác chỉ huy ở Đại bản doanh Thiên Hoàng."

I

Cho đến đầu năm 1941, các nhà hoạch định chính sách Nhật Bản, kể cả Nhật Hoàng, đã trở nên u mê bởi mối liên hệ giữa cuộc chiến sa lầy ở Trung Quốc và quá trình diễn biến sự kiện ở châu Âu. Quan hệ Xô – Đức được họ đặc biệt chú ý. Gắn bó với nhau bởi hiệp ước không

tảisáchhay

xâm phạm ký kết tháng 08 năm 1939, hai cường quốc này rõ ràng đang tìm cách mở rộng tầm kiểm soát ở châu Âu. Nhưng những phức tạp trong quan hệ của họ cũng ngày càng tăng. Hit-le đang bí mật chuẩn bị tấn công Đồng Minh mới của mình. Tuy biết Hit-le đang tập trung quân dọc biên giới phía tây Liên Xô nhưng không thể đoán trước một cuộc xâm lược sắp đến gần, Xta-lin vẫn đang nghiền ngẫm về chiến thắng chớp nhoáng một cách đáng sợ của cỗ máy chiến tranh của Đức ở phía Tây, chiến dịch quân sự của Đức ở vùng Ban-căng và sự tan vỡ tổng thể của mối quan hệ Nga – Đức. Ông cảm thấy cần khẩn trương phòng thủ biên giới của Nga ở viễn đông và cũng là để ngăn chặn mọi tiến triển sau này có hại cho Liên Xô từ trục Đức – Nhật. Đồng thời ông cũng nhận thấy rằng mình có thể tránh được cơn ác mộng khi phải đối phó cùng lúc với hai mặt trận bằng cách phản ứng với sáng kiến gia hạn hiệp định của nội các Konoe. Dự tính đánh lạc hướng Nhật khỏi vùng lãnh thổ viễn đông của Liên Xô và hướng sự chú ý đó tới khu vực lãnh địa của phe Anh – Mỹ là Đông nam Á và Nam Thái Bình Dương, Xta-lin đồng ý tham gia hiệp ước trung lập để đổi lấy cam kết của Nhật rằng sẽ buông tha các vùng tô giới nhiều than và dầu mỏ ở phía Nam Xakhalin của Liên Xô.

Ngày 07 tháng 4, Matsuoka Yosuke từ Béc-lin tới Maxtcơva. Tiếp đó là những ngày mặc cả căng thẳng trong đó ông này thừa nhận khả năng không thể bảo đảm một hiệp định không xâm phạm, sau đó chấp nhận các điều kiện của Xta-lin và đề xuất của Liên Xô. Một tài liệu mới tiết lộ từ kho lưu trữ của Bộ ngoại giao Nga cho biết trong thời gian diễn ra cuộc họp của ông này với Xta-lin tại điện Kremlinh ngày 12 tháng 4, Matsuoka đã đề nghị giải quyết vấn đề quan hệ Xô – Nhật "theo một quan điểm rộng mở hơn". Matsuoka nói: "Nếu các ngài muốn tiếp cận vùng Ấn độ dương ấm áp qua đất Ấn Độ thì tôi nghĩ điều đó là có thể. Còn nếu Liên Xô muốn có cảng Karachi cho riêng mình thì Nhật Bản cũng có thể nhắm mắt làm ngơ. Khi Đặc phái viên Heinrich Stahmer (đặc vụ Gestapo, sau này là Đại sứ Đức tại Nhật) tới thăm Tokyo, tôi đã bảo với ông ấy rằng trong trường hợp Liên Xô tiến ra miền đại dương ấm áp qua nẻo Iran, người Đức cũng sẽ xử lý vấn đề này đúng như người Nhật đã làm." Trở lại với chủ đề quen thuộc "cứu châu Á khỏi sự kiểm soát của Anh – Mỹ" và "quét sạch ảnh hưởng của chủ nghĩa tư bản Anh Mỹ khỏi châu Á ", Matsuoka cố thuyết phục Xta-lin hứa chấm dứt viện trợ của Liên Xô cho Tưởng Giới Thạch. Xta-lin đáp lại rằng Liên Xô có thể "lượng thứ cho sự hợp tác giữa Nhật, Đức và Ý về những vấn đề lớn hơn" nhưng "vào lúc này, tôi chỉ muốn bàn về hiệp ước trung lập với Nhật Bản vì không còn nghi ngờ gì nữa, về vấn đề này, thời điểm đã chín muồi".

Ngày hôm sau 13 tháng 4, Matsuoka và đặc phái viên toàn quyền Tướng Tatekawa Yoshitsugu ký kết với Molotov, trước sự hiện diện của Xta-lin, một hiệp ước trung lập 5 năm. Theo điều khoản của hiệp ước, hai nước "cam kết gìn giữ hòa bình và quan hệ hữu nghị", cũng như tôn trọng lãnh thổ của nhau. Trường hợp một nước thứ ba có hành động quân sự chống lại một hay cả hai nước thì nước kia phải "giữ vai trò trung lập trong suốt thời gian diễn ra xung đột". Hiệp ước này có hiệu lực kể từ ngày phê chuẩn và có giá trị trong 5 năm. Ngoài ra, người Nga còn cam kết trong một tuyên bố riêng rằng sẽ tôn trọng sự bất khả xâm phạm của Mãn Châu quốc trong khi Nhật công nhận quyền lợi của Nga ở "Cộng hòa Nhân dân Mông Cổ". Nếu cả Maxtcơva hay Tokyo không thông báo huỷ bỏ hiệp ước vào cuối năm thứ tư thì hiệp ước sẽ tự động được gia hạn thêm 5 năm nữa. Hirohito phê chuẩn hiệp ước ngày 25 tháng 4 và ngày hôm sau, báo chính thức của Nga, tờ Pravda tuyên bố hiệp ước trung lập với Nhật đã có hiệu lực.

tảisáchhay

Khoảng 9 tuần sau, ngày 05 tháng 6, Đại sứ Nhật ở Béc-lin, Tướng Oshima Hiroshi báo cáo cho Nhật Hoàng và bộ chỉ huy tối cao rằng Hít-le sắp sửa xâm lược Liên Xô. "Nhóm 20" của Bộ tổng tham mưu Lục quân lập tức phản ứng bằng cách soạn thảo một kế hoạch khai chiến với Liên Xô đồng thời tiến quân xuống phía nam vào lãnh thổ Đông dương thuộc Pháp. Phòng Quân vụ thuộc Bộ Lục quân cũng lập tức bắt tay ngay vào xây dựng một kế hoạch riêng, với nội dung là trì hoãn tấn công vào Liên Xô "cho đến khi thời điểm chín muồi". Do bất đồng tăng cao giữa Bộ tổng tham mưu Lục quân và Bộ Lục quân về quan điểm đánh giá yếu tố mới trong cuộc chiến tranh Xô – Đức nên một văn kiện mới – "Đề cương chính sách quốc gia của Đế chế trong tình hình mới" – bắt đầu được phôi thai.

Sau đó, vào ngày 22 tháng 6, tình hình đã thay đổi đúng như dự đoán. Hit-le trở mặt với Xta-lin và tiến hành xâm lược Liên Xô theo vết chân Napoleon Bonaparte một cách vô thức sau khi đã đối đầu với Anh.

Sáng hôm sau ngày 23 tháng 6, trong một cuộc họp của các lãnh đạo cao nhất của Bộ Hải quân và bộ tổng tham mưu Hải quân, có mặt cả các trưởng ban và trưởng phòng, lập trường của Hải quân được khẳng định: tiến chiếm các căn cứ và sân bay quân sự ở miền nam Đông dương thuộc Pháp cho dù có dẫn đến "nguy cơ chiến tranh với Anh và Mỹ". Bởi lẽ, theo lời giải thích vài ngày sau của một thành viên chính trong phiên họp, sĩ quan liên lạc Trung tá Fujii Shigeru thuộc Phòng quân vụ Bộ Hải quân, chiến tranh Nhật – Mỹ có thể không tránh khỏi nhưng vẫn có thể tránh được bằng cách thực thi "một đường lối cực kỳ cứng rắn" trước Mỹ và Anh, khiến những nước này sợ hãi và giữ vững thái độ cứng rắn đó một khi các nước này định đe doạ. Ông này ví phương pháp này với việc "đi trên dây" mà ngày nay ta gọi là "bên bờ vực chiến tranh".

Đối với tất cả những nước muốn tiến đánh lên phương bắc và triệt tiêu sức mạnh của Liên Xô qua vùng Xibêri ở phía đông tới tận Hồ Baikan, cuộc chiến tranh Xô – Đức rõ ràng mở ra một cơ hội đầy mời gọi. Những thành viên của các hội nghị liên lạc và hội nghị Thiên Hoàng, những cơ quan quyết định việc Nhật Bản tuyên chiến với Mỹ và Anh, cũng bị ảnh hưởng bởi việc Mỹ thắt chặt cấm vận kinh tế chống Nhật sau khi nước này tiến vào phía nam Đông dương và bởi việc Tổng thống Roosevelt cam kết bảo vệ Anh, Trung Quốc và Liên Xô. Do cuộc phong toả của Anh đối với các cảng của Đức đòi hỏi phải thắt chặt cấm vận kinh tế chống lại Đồng Minh của Đức là Nhật nên chính sách của Anh cũng góp một phần nhỏ làm xấu đi quan hệ giữa Nhật và các cường quốc trong phe Anh – Mỹ, từ đó thu hẹp thêm khả năng hòa giải về ngoại giao ở châu Á thời kỳ cuối 1941.

Trong số tất cả những yếu tố bối cảnh ảnh hưởng đến các quyết sách trong năm 1941, cuộc chiến tranh bế tắc ở Trung Quốc lúc này đã bước vào năm thứ tư là yếu tố quan trọng nhất. Tuy vậy, ở đây hình ảnh thông thường về một nước Nhật với quân đội "đã bị trói tay trói chân" ở Trung Quốc là khá sai lạc. Cuộc chiến tranh này thật sự đang khiến lực lượng lớn quân Nhật ở lục địa bị sa lầy. Nhưng cũng chính vì Nhật đang tham chiến ở châu Á nên Lục quân và Hải quân của nước này có thể mở rộng sản xuất công nghiệp, tích trữ vũ khí và chuẩn bị các nguồn vốn lớn để sẵn sàng đối phó với Mỹ và Anh trong mùa thu, đầu mùa đông 1941. Sau 4 năm 5 tháng chiến tranh ở Trung Quốc, quân đội đã phát triển từ 17 sư

tảisáchhay

đoàn với tổng cộng 250.000 quân vào tháng 07 năm 1937 lên tới 51 sư đoàn với 2,1 triệu quân vào 08 tháng 12 năm 1941.

Bằng việc triển khai các chiến dịch quân sự ở Trung Quốc chỉ với hỗ trợ hậu cần tối thiểu, tiến hành cướp bóc tràn lan, thiết lập các chế độ "bù nhìn" tay sai thay vì trực tiếp cai trị bằng quân đội ở các vùng chiếm đóng, đồng thời điều động hàng năm tỉ trọng lớn trong ngân sách quân sự khẩn cấp để tăng cường sức mạnh chiến tranh cơ bản, Lục quân và Hải quân đã đạt đến một trình độ mà họ nghĩ rằng đã đủ để mạo hiểm đối phó với cuộc chiến Thái Bình Dương. Xét trên khía cạnh này, Trung Quốc đã giúp xoá bỏ những hạn chế trong chi tiêu quân sự của Nhật. Đây không chỉ còn là cái cớ để Nhật Bản tăng ngân sách quân sự mà còn chính là nguồn cung của ngân sách đó. Nếu không có cuộc chiến tranh ở Trung Quốc thì cả Lục quân và Hải quân dù có muốn cũng không thể đặt cược vào việc tiến xuống phía nam bằng vũ lực vào cuối năm 1941.

II

Ngày 02 tháng 7 năm 1941, mười ngày sau khi Đức xâm lược Liên Xô, Konoe triệu tập một cuộc nghị triều để đối phó với các vấn đề còn đang tranh cãi nhưng chưa được giải quyết từ ngày 05 – 23 tháng 6 giữa Lục quân, Hải quân và các bộ tổng tham mưu, sau đó công bố tại hội nghị liên lạc các ngày 30 tháng 6 và 01 tháng 7. Hội nghị thống nhất rằng việc điều quân đội và máy bay vào miền nam xứ Đông dương thuộc Pháp sẽ không khiến Mỹ phản ứng bằng hành động chống Nhật mà ngay cả nếu có thì vì các mục tiêu quốc gia quan trọng, Nhật vẫn buộc phải chấp nhận rủi ro này.

Văn bản có tiêu đề "Đề cương Chính sách Quốc gia của Đế chế về Tình thế mới" được thông qua tại buổi nghị triều và được Nhật Hoàng lập tức chuẩn tấu đã mở ra những bước trù bị để tiến hành những cuộc chiến tranh mới với Liên Xô, Anh và Mỹ. Lần đầu tiên đã có một tuyên bố chính sách sử dụng cụm từ "chiến tranh với Anh và Mỹ". Đặc biệt, văn kiện ra ngày 02 tháng 7 này còn kêu gọi thành lập "Đại bán cầu Thịnh vượng chung Đông Á", ổn định tình hình chiến tranh ở Trung Quốc và tiến về "phía nam … nhằm hình thành một cơ sở vững chắc vì sự bền vững và an ninh của quốc gia (nguyên văn là 'tồn vong và tự vệ')". Văn kiện này còn quy định thêm rằng:

"Tuỳ theo tình hình thay đổi, chúng ta cũng sẽ giải quyết vấn đề ở miền bắc (tức là tấn công Liên Xô) … nhằm đạt được các mục tiêu trên ta phải tiến hành chuẩn bị chiến tranh với Anh và Mỹ … (và) Đế chế sẽ không bị ngăn trở bởi khả năng chiến tranh với Anh và Mỹ."

Từ đầu đến cuối, nội dung của văn bản đầy những nội dung như tình thế và tình trạng khẩn cấp bắt buộc.

"Nếu chiến tranh Xô – Đức diễn biến theo chiều hướng có lợi cho Đế chế thì chúng ta sẽ giải quyết vấn đề miền bắc bằng lực lượng của mình và bảo đảm an ninh cho vùng biên giới phía bắc của chúng ta … Nhưng nếu Mỹ tham chiến (ở châu Âu), (thì) Đế chế sẽ hành động theo Hiệp ước Ba bên. Tuy nhiên, chúng ta sẽ quyết định *một cách độc lập* về thời gian và phương pháp sử dụng vũ lực (nhấn mạnh)."

tảisáchhay

Đối với Đông dương thuộc Pháp, bản đề cương chính sách này dự báo việc di chuyển quân đội đến Vịnh Cam Ranh và khu vực Sài Gòn để lập căn cứ nhằm tiến hành các hoạt động tiếp theo. Văn kiện cũng nói về việc tịch thu ("vào thời điểm thích hợp") những tô giới theo hiệp ước của phương Tây còn lại ở Trung Quốc và nêu rõ việc hoàn thành công tác chuẩn bị để triệt phá sức mạnh quân sự của Anh – Mỹ ở châu Á . Mặt khác, trong văn kiện cũng không phê chuẩn việc can thiệp của Nhật vào cuộc chiến tranh Xô – Đức (như bộ trưởng ngoại giao Matsuoka và trưởng ban quân cơ Hara Yoshimichi đề nghị) hay loại trừ khả năng can thiệp này. Thực chất, cuộc nghị triều ngày 02 tháng 7 đã cho phép bí mật chuẩn bị tấn công Liên Xô, với mật danh "Đại chiến dịch đặc biệt của quân đoàn Quan Đông". Quyết định này dẫn tới một loạt các đợt huy động quân đội bí mật trong nước và cuộc điều động khoảng 7 – 8 trăm nghìn quân Nhật ở phía bắc Mãn Châu quốc trong tháng 7 và tuần đầu tháng 8. Nhiệm vụ của những đạo quân này là đến đầu tháng 9 phải sẵn sàng chiến đấu với Liên Xô, nhưng sẽ chỉ bắt đầu nếu quân Đức nhanh chóng đánh tan sự kháng cự của quân đội Xô-viết ở phía Tây.

Dù miễn cưỡng nhưng cuối cùng Hirohito vẫn phê chuẩn chính sách cứng rắn này. Ý tưởng mà ông phê chuẩn là "không bị ngăn trở bởi khả năng chiến tranh với Anh và Mỹ"; và việc ông chấp thuận cho quân Nhật đóng ở miền nam Đông dương đã rất nhanh kích động Mỹ và Anh có phản ứng quân sự. Về sau, ông có cho sửa đổi một phần chính sách quốc gia mới này. Tất cả những bên liên quan từ đó đều được nhắc nhở rằng quyết định đã đưa ra sau các cuộc nghị triều không phải là không thể thay đổi mà là ngược lại nếu Nhật Hoàng muốn.

Ngày 30 tháng 7, Hirohito thực hiện một bước can thiệp quan trọng trong tác chiến bằng việc yêu cầu Tướng Sugiyama ngừng tăng cường binh lực ở Mãn Châu quốc vì việc này sẽ có thể ngăn cản quân đoàn Viễn Đông của Xô Viết tái triển khai về mặt trận phía Tây. Về vấn đề này không hề có ý định nào liên quan đến viện trợ cho Đồng Minh Hit-le. Lúc này, Nhật Hoàng không muốn có chiến tranh toàn diện với cả Liên Xô hay Mỹ nhưng nếu phải chiến tranh thì ông muốn mạo hiểm tiến về phương nam là vùng lãnh thổ nhiều quyền lợi của Anh – Mỹ hơn là đánh nhau với Nga; và nếu Quân đoàn Viễn đông của Liên Xô di dời về phía tây thì tương quan lực lực của Nhật ở phía bắc sẽ lập tức được cải thiện. Nguy cơ quân Xô-viết tấn công nhằm lợi dụng chiến sự của Nhật ở Trung Quốc và phía nam sẽ là không đáng kể. Cuối cùng, dĩ nhiên cuộc cấm vận xăng dầu của Mỹ sẽ khiến việc bắc phạt trong ngắn hạn là không thể. Cũng vì lý do đó mà sự di chuyển về phía Tây của lực lượng viễn đông của Liên Xô sẽ rất có lợi. Vậy là, dù chỉ trong một thời gian ngắn đầu tháng 7, vị Hoàng đế "yêu hòa bình" đã dự tính xâm chiếm Liên Xô bằng quân sự dù mới ba tháng trước, ông vừa phê chuẩn Hiệp ước trung lập với Nga, nhưng ông lại thay đổi ý định, ban ra một mệnh lệnh hành quân và kết quả là hội nghị liên lạc ngày 09 tháng 8 đã huỷ bỏ "kế hoạch" xâm lược Liên Xô trong năm đó. Sự can thiệp của Hirohito vì thế đã ngăn cản Nhật Bản tham gia chiến tranh với Liên Xô như bộ chỉ huy tối cao Lục quân mong muốn. Vậy là lần này, một quyết định ban đầu của Thiên Hoàng đã không khống chế được quyết định cuối cùng.

Trong thời gian từ cuộc nghị triều ngày 02 tháng 7 đến cuộc họp tiếp theo ngày 06 tháng 9 đã có một số thay đổi quan trọng trong cơ cấu cai trị ở Nhật cũng như tình thế mà các nhà hoạch định chính sách nước này phải đối mặt. Mâu thuẫn gia tăng giữa Thủ tướng Konoe và Bộ trưởng ngoại giao Matsuoka, người ủng hộ ra mặt tích cực nhất cho chiến lược bắc phạt.

tảisáchhay

Khi Matsuoka khơi mào cuộc tranh cãi về vấn đề xử lý cuộc thương lượng với Mỹ, Konoe, với sự ủng hộ của các bộ trưởng Lục quân và Hải quân đã nhanh chóng tái cơ cấu nội các nhằm loại bỏ Matsuoka và đưa Đô đốc Toyoda Teijiro, một nhân vật ít lanh lợi hơn vào thế chỗ. Tuy nhiên, việc Konoe thành lập một nội các lần thứ ba làm dấy lên nỗi lo trong số các sĩ quan trung cấp trong Lục quân và Hải quân rằng Konoe sẽ nhanh chóng từ bỏ cả phe Trục lẫn kế hoạch nam chinh vào Đông dương. Kết quả là, các Bộ trưởng Lục quân và Hải quân Tojo và Oikawa đã ra điều kiện phải tăng cường chuẩn bị chiến tranh với Mỹ và Anh nếu muốn họ tham gia nội các. Và quan trọng hơn cả là Hirohito đã tin rằng phải mạo hiểm gây chiến với Mỹ và Anh dù ông vẫn hy vọng tránh được cuộc chiến này nếu có thể.

Trong khi đó, tuân theo chính sách quốc gia rối rắm, khó hiểu có hiệu lực từ ngày 02 tháng 7 và các chính sách ngoại giao vội vã, Lục quân và Hải quân vẫn tiếp tục đẩy nhanh hành động bành trướng ở Đông Nam Á. Các cuộc đàm phán với chế độ Vichy ở Pháp mở đường cho việc chiếm đóng hòa bình ngày 28 tháng 7 phần phía nam miền Đông dương thuộc Pháp chuẩn bị cho việc thâu tóm các nguồn tài nguyên ở lãnh thổ Đông Ấn thuộc Hà Lan và Malaya thuộc Anh. Cuộc xâm lược bất ngờ có sự tham gia của 40.000 quân Nhật nhưng sau đó đã tăng lên hơn 185.000 quân. Cuộc xâm chiếm tiếp tục, khiến Tổng thống Roosevelt và các cố vấn của ông đáp trả bằng việc áp dụng cấm vận kinh tế hà khắc đối với Nhật cùng một phản ứng quân sự chiếu lệ.

Ngày 26 tháng 7, Roosevelt ra lệnh tăng cường phòng vệ ở Philipin, lãnh địa chính của Mỹ ở Thái Bình Dương và hứa điều động sớm nhất 272 máy bay ném bom tầm xa B-17 và 130 máy bay chiến đấu P-40 loại mới sang bảo vệ. Ông cũng bổ nhiệm Tổng tham mưu trưởng quân đội đã về hưu, Tướng Douglas MacArthur làm tổng tư lệnh toàn bộ lực lượng quân đội Mỹ ở vùng Viễn Đông. Năm năm trước, để chuẩn bị cho việc chuyển Philipin thành một nước cộng hòa tự trị, Roosevelt đã cử MacArthur tới Manila với tư cách trưởng phái đoàn quân sự với nhiệm vụ bất khả thi là tổ chức lực lượng phòng ngự để quốc đảo chống chọi với đợt tấn công của Nhật sau này. Như vậy là trên thực tế, Tổng thống đã chuyển dịch vành đai phòng thủ vòng ngoài của Mỹ thêm 5.000 dặm về phía tây, tới một quần đảo tuy nằm trên đường tiến nam chinh của Nhật nhưng chỉ có tầm quan trọng chiến lược thứ yếu theo nguyên tắc đánh bại nước Đức trước tiên; đồng thời ông cũng cử một vị tướng oai phong, nổi tiếng với những phát ngôn đao to búa lớn và có khuynh hướng tự tung tự tác làm chỉ huy quân đội ở Thái Bình Dương.

Cùng ngày hôm đó, ngày 26 tháng 7, Roosevelt còn ký một mệnh lệnh chính phủ phong toả tài sản của Nhật ở Mỹ, qua đó tập trung "mọi giao dịch tài chính, xuất nhập khẩu liên quan đến lợi ích của Nhật dưới sự quản lý của Chính phủ". Các quan chức Mỹ ở Bộ Ngoại giao và Tài chính, cũng như Phòng Quản lý Kinh tế (chịu trách nhiệm phòng chống thiếu hụt nguyên liệu thô và điều phối hoạt động sản xuất quốc phòng của Mỹ) lập tức xúc tiến việc triển khai lệnh phong toả theo hướng áp đặt một cuộc cấm vận xuất khẩu dầu và xăng toàn diện đối với Nhật vào ngày 01 tháng 8.

Cuộc cấm vận kinh tế của Mỹ gây ra tình trạng gần như hoảng loạn trong chính phủ Konoe và khơi sâu sự chia rẽ ý kiến trong nội bộ Hải quân cũng như giữa Hải quân và Lục quân. Choáng váng trước áp lực kinh tế leo thang nhanh chóng từ phía Anh – Mỹ này, cũng như

tảisáchhay

những người khác, Hirohito đành ngồi nhìn các lãnh đạo Hải quân và Lục quân của mình tranh cãi để đạt được sự đồng thuận về một giải pháp cho cuộc khủng hoảng. Ông được thông báo rằng Tổng tham mưu Hải quân, Đô đốc Nagano đề nghị phát động chiến tranh chống Mỹ tại hội nghị liên lạc ngày 21 tháng 7, năm ngày *trước khi* Mỹ phong toả tài sản của Nhật và theo sau là cấm vận xăng dầu. Nagano tuyên bố trước cuộc cấm vận xăng dầu rằng nếu chiến tranh với Mỹ bắt đầu ngay thì Nhật sẽ "có cơ hội giành phần thắng" vì sự chênh lệch trong công tác chuẩn bị chiến tranh giữa hai nước. Tuy vậy, nếu để lâu thì "khả năng" này sẽ càng ít đi và tình thế sau đó sẽ "trở nên bất lợi cho Đế chế". Hơn nữa, ông này còn nói thêm rằng "nếu chiếm được Philipin thì sẽ dễ dàng hơn để Hải quân của ta tiếp tục cuộc chiến tranh. (Khi đó) chúng ta sẽ có thể phòng thủ vùng Nam Thái Bình Dương tương đối chắc chắn".

Biết rằng sự chuẩn bị của Hải quân còn xa mới đủ để đối chọi với Mỹ và đó cũng là lý do chính khiến ý kiến trong nội bộ Hải quân nhiều chia rẽ như vậy, Hirohito nổi giận trước những lời lẽ của Nagano tại hội nghị liên lạc. Ông cũng chẳng hề hài lòng với những báo cáo chính thức của vị đô đốc này gửi về gần đây. Ngày 30 tháng 7, đúng hôm ông ra lệnh dừng kế hoạch chiến tranh với Liên Xô, ông triệu vời bộ tham mưu Hải quân và bày tỏ sự không hài lòng của mình. Theo *lời ghi của Suggiyama*, Hirohito đã bảo thẳng ông này rằng "Hoàng thân Fushimi nói rằng ông ấy muốn tránh chiến tranh với Anh và Mỹ. Có phải khanh đã thay đổi chủ trương đó?" Nagano đáp rằng "Thần không thay đổi về nguyên tắc nhưng nếu tham chiến thì càng đánh sớm càng có lợi vì dù sao nguồn tiếp tế của chúng ta cũng đang eo hẹp dần". Theo nhật ký của Thứ trưởng Hải quân Sawamoto Yorio, Nhật Hoàng còn hỏi Nagano: "Khanh có kế hoạch chiến tranh lâu dài nào không?" Khi Nagano đáp rằng không thể nào chắc chắn giành thắng lợi nếu chiến tranh kéo dài và cũng cho biết ông tin rằng Hiệp ước Ba bên có ảnh hưởng bất lợi đến việc điều chỉnh quan hệ với Mỹ thì Hirohito chỉ ngồi im lắng nghe do không muốn tự đổ lỗi cho mình về vấn đề này.

Cuộc khủng hoảng chính trị nảy sinh từ đầu thời điểm thành lập nội các thứ ba của Konoe và trở nên căng thẳng do khủng hoảng trong quan hệ Nhật – Mỹ khơi lại nỗi lo của phe Hải quân rằng phe Lục quân có thể đơn phương hành động và phát động chiến tranh với Liên Xô. Trên thực tế, từ cuối tháng 7 đã có những ý kiến nhen nhóm trong nội bộ Lục quân về vấn đề này cũng như đề cao Hiệp ước Ba bên với Đức so với Hiệp ước Trung lập với Liên Xô. Tuy nhiên, ngày 30 tháng 7, như đã nói ở trên, Nhật Hoàng đã yêu cầu Sugiyama ngừng Chiến dịch đặc biệt của quân Quan Đông và không lâu sau, ngày 09 tháng 8, Bộ tổng tham mưu Lục quân cũng đã gác lại kế hoạch xâm lược Liên Xô trong năm 1941, tuy không thông báo chính thức cho phía Hải quân về quyết định của mình cho tới tận cuối tháng 8. Nhưng các nhà hoạch định chính trong quân đội vẫn giữ nguyên quan điểm rằng cuộc chiến tranh Xô – Đức sẽ sớm kết thúc với chiến thắng quyết định thuộc về Đức. Trong tình thế này, trong bộ chỉ huy tối cao Lục quân đã xuất hiện từ đầu tháng 9 một thái độ "giải quyết phía nam trước khi bắt đầu các chiến dịch ở phía bắc trong mùa xuân (1942)". Bởi vậy mà chỉ một tháng sau khi Mỹ cấm vận xăng dầu, phe Lục quân đã trở lại với ý muốn nhanh chóng giành thắng lợi trong chiến tranh với Mỹ để trong vòng một năm có thể quay về và "giải quyết phía bắc". Tất cả những sự chia rẽ và bất đồng này đã được gạt bỏ trong các hội nghị liên lạc trước khi được báo cáo không chính thức lên Nhật Hoàng vào ngày 05 tháng 9.

tảisáchhay

Trong khi đó, cuộc cấm vận kinh tế của Mỹ đang cho thấy tác động lên Thủ tướng Konoe. Anh cũng đã áp dụng các hạn chế kinh tế đối với Nhật vì là Đồng Minh của Đức; cuối tháng 7, Anh theo chân Mỹ phong toả tài sản của Nhật. Đàm phán của Nhật với chính phủ Đông Ấn thuộc Hà Lan để mua dầu lửa đổ vỡ; ngày 28 tháng 7 chính quyền Hà Lan cũng phong toả tài sản của Nhật. Vậy là Nhật buộc phải hạ thấp mức dự trữ xăng dầu và mức dự trữ các nguyên nhiên liệu chiến lược khác.

Mùa xuân 1941, Konoe hy vọng đàm phán để Mỹ có một thái độ thân thiện hơn với Nhật. Các "cuộc nói chuyện" bí mật, phi chính thức giữa Đô đốc Nomura Kichisaburo và Bộ trưởng ngoại giao Mỹ Cordell Hull, trong đó phía Nhật yêu cầu chính phủ Mỹ ngừng ủng hộ Tưởng Giới Thạch và tiếp tục cung cấp nguyên liệu chiến lược trong vài tháng nữa nhưng không đạt được kết quả nào. Giờ đây, do Nhật đã tiến vào miền nam Đông dương thuộc Pháp nên các cuộc nói chuyện này đang đứng trước nguy cơ đổ vỡ hoàn toàn cũng như hy vọng của Konoe đang tiêu tan dần. Thất vọng và cho rằng người mình từng bổ nhiệm làm Đại sứ ở Mỹ là kẻ thiếu năng lực, Konoe quyết tâm đích thân gặp Roosevelt để phá vỡ thế bế tắc.

Hồi 11:40 sáng ngày 04 tháng 8, Konoe tâu trình với Nhật Hoàng trong khoảng 40 phút và có lẽ đã được phê chuẩn sáng kiến tổ chức một cuộc gặp thượng đỉnh. Lý do là bởi Hirohito lúc này chưa hề quyết định tuyên chiến và mỗi khi ông cảm thấy chưa sẵn sàng quyết định thì ông thường muốn có một lý do dự bị để trì hoãn. Tối hôm đó, Konoe gặp các bộ trưởng Lục quân và Hải quân, thông báo cho họ sẽ tổ chức một cuộc họp thượng đỉnh các nguyên thủ quốc gia để mở lại đàm phán. Cả phía Hải quân lẫn Lục quân đều không muốn gánh trách nhiệm vào thời điểm này nếu phản đối Konoe, nhất là khi cho rằng ông này được Nhật Hoàng hậu thuẫn, nên cả hai đều đồng ý với ý kiến của ông. Sau đó, Konoe chỉ thị cho Nomura đề xuất với Tổng thống Roosevelt tổ chức một cuộc gặp giữa ông và Roosevelt (tại Honolulu hay trên biển giữa Thái Bình Dương) nhằm loại trừ nguy cơ chiến tranh. Do Hull không mặn mà gì với ý tưởng hội nghị thượng đỉnh này còn tổng thống đang trên tàu tới cuộc gặp lịch sử của ông với Thủ tướng Winston Churchill ngoài khơi Áchentina, tại Newfoundland mà kết quả của cuộc gặp này là bản Hiến chương Đại tây dương, nên Nomura mãi tới 17 tháng 8 mới truyền đạt được thông điệp.

Tuy nhiên đã không có cuộc gặp nào giữa Roosevelt và Konoe. Ngày 02 năm 10, chính phủ Mỹ gián tiếp từ chối đề nghị về hội nghị thượng đỉnh lấy lý do lập trường đàm phán của Tokyo chưa rõ ràng. Cho đến nay, một số nhân vật bảo thủ và biện hộ cánh hữu ở Nhật về "cuộc chiến tranh ở Đại Đông Á" vẫn tiếp tục coi sự khước từ này như một bằng chứng về việc Roosevelt đã cố tình "khiêu khích để Nhật Bản gây chiến". Nhưng Konoe chỉ chuẩn bị để nói rằng Nhật sẽ rút quân khỏi Đông dương thuộc Pháp sau khi sự kiện Trung Quốc đã được giải quyết. Còn đối với tất cả các vấn đề chính nảy sinh sau cuộc cấm vận xăng dầu, như vấn đề giải quyết cuộc chiến tranh Trung Quốc ra sao, rút quân Nhật khỏi Trung Quốc, Hội Quốc Liên của Nhật với phe Trục và cuộc nam chinh của Nhật thì kế hoạch đàm phán của ông này hoàn toàn trống trơn. Konoe đã phê chuẩn việc Nhật xâm lược Trung Quốc và những đặc quyền mà Nhật có được tại đây bằng vũ lực cũng như đã đưa vào hiệp ước sơ bộ với chế độ Uông Tinh Vệ ở Nam Kinh; ông muốn yêu cầu Mỹ khuyên Tưởng Giới Thạch ngừng chống đối Nhật Bản. Nếu cuộc họp thượng đỉnh được tổ chức thì hệ lập trường cũ

tảisáchhay

rích đang cho thấy sự bất hợp lý của Konoe cũng sẽ không dẫn đến một lối thoát nào, thậm chí còn có thể đẩy cuộc chiến tranh đến nhanh hơn. Hoặc giả có lẽ Konoe đang tính toán lừa phỉnh Roosevelt, vốn cũng là một bậc thầy về nghệ thuật vờ vĩnh, bằng cách làm mập mờ vấn đề.

Các lãnh đạo Nhật có thể đã chịu thua trước áp lực của Hội Quốc Liên chống phe Trục đứng đầu là Mỹ và Anh hoặc vẫn tiếp tục con đường họ đã đi. Cơn sốc từ cuộc cấm vận của Mỹ càng lan rộng, sự bất đồng bắt đầu xuất hiện trong nhóm triều đình và giữa các chính khách kỳ cựu (jushin) về giải pháp đối phó với khủng hoảng. Phe "chính thống" trong nhóm triều đình mà trung tâm là Nhật Hoàng và Kido, thiên về các lãnh đạo cao cấp có đường lối cứng rắn trong Lục quân và Hải quân, có thái độ tích cực hơn đối với chiến tranh với Mỹ và Anh. Konoe, Okada và những người ủng hộ tập trung thành một nhóm "phi chính thống". Giờ đây họ quay lưng lại với thái độ say đắm nước Đức phát-xít trước đây, họ ủng hộ phe Trung quân trong quân đội, họ không chấp nhận lập luận cho rằng tiếp tục trì hoãn công cuộc nam chinh sẽ có nghĩa là thất bại chắc chắn và họ muốn tiếp tục đối thoại với Mỹ càng lâu càng tốt. Những bất đồng này trong nhóm triều đình đã nảy mầm từ tháng 9 nhưng phải đến khi Konoe từ chức giữa tháng 10 mới lộ rõ.

III

Trong lúc này, căng thẳng gia tăng nhanh chóng trong quan hệ với Oa-sinh-tơn sau cuộc cấm vận xăng dầu đã làm lộ rõ sự lựa chọn cho các lãnh đạo Nhật Bản. Tài liệu của Takagi Sokichi làm sáng tỏ phần nào những gì mà chính phủ của Konoe, Hải quân và triều đình đã làm để kiềm chế nguy cơ chiến tranh đầu mùa thu 1941. Họ có thể đầu hàng trước sức ép kinh tế cho dễ thở hơn hoặc có thể theo đuổi một con đường khác đến cùng, hoặc trung lập hoặc tự thoát ra khỏi sức ép. Phát động chiến tranh, nếu đó là cách họ chọn, phải đem lại đầy đủ nguồn lực cần thiết để khiến Đế chế bất khả chiến bại. Trong bữa tối ngày 04 tháng 8 với Hosokawa Morisada, thư ký riêng của Konoe, Hosokawa hỏi Đô đốc Takagi rằng có phải "chúng ta phải phát động chiến tranh chống nước Mỹ (nhấn mạnh)". Takagi trả lời bằng việc so sánh Mỹ với Nhật về một số khía cạnh: Mỹ có nhiều tài nguyên nguyên liệu thô trong nước hơn, Hải quân Mỹ đang trải qua giai đoạn "phát triển chiến lược" và Mỹ đang củng cố sức mạnh phòng thủ ở Thái Bình Dương. Đô đốc Takagi còn nhắc đến "mối quan hệ viện trợ lẫn nhau giữa Anh, Mỹ và Hà Lan". Ông nhấn mạnh rằng Mỹ đang lớn mạnh hơn so với Nhật Bản. "Dần dần nếu tình hình này vẫn tiếp diễn, Đế chế của chúng ta sẽ thất bại hoàn toàn hoặc buộc phải tham gia một cuộc chiến tranh vô vọng. Do đó chúng ta phải theo đuổi cả chiến tranh và ngoại giao. Nếu không có triển vọng gì trong việc bảo đảm duy trì phòng tuyến cuối cùng cho sự tồn vong dân tộc thông qua đàm phán ngoại giao thì chúng ta phải quyết tâm chiến đấu".

Người đối thoại với Đô đốc Takagi biết đích xác ông muốn nói gì qua câu "phòng tuyến cuối cùng cho sự tồn vong dân tộc", đó là hệ thống chiến lược các căn cứ, tiền đồn, sân bay, công sự, thuộc địa của Hải quân và Lục quân ở các đảo lân cận, những lực lượng bảo vệ nguồn nguyên liệu thô mà Nhật bản không có trong nước cũng như bảo vệ những con đường hàng hải để chuyên chở những nguyên liệu thiết yếu này. "Phòng tuyến" này cũng bao gồm lực lượng phòng thủ trong nước và trên lục địa là một số khu vực duyên hải trải dài về phía

tảisáchhay

nam mà từ đây phi cơ của địch có thể tấn công các tuyến đường hàng hải nối liền các thuộc địa giàu tài nguyên ở Đông Nam Á với Nhật Bản.

Ngày 08 tháng 8, Đô đốc Takagi có một cuộc nói chuyện khác với đại diện của triều đình Matsudaira Yasumasa, chánh thư ký của Kido, vẫn với đề tài về phương án của Nhật có thể được bàn trong phiên nghị triều sắp tới:

Matsudaira: Hôm trước, tôi có cảm giác sau cuộc họp giữa Tổng tham mưu trưởng Hải quân (Đô đốc Nagano Osami) với Thiên Hoàng rằng bây giờ đã quá muộn để tránh cuộc chiến tranh với Mỹ cho dù đây sẽ là một cuộc chiến đẫm máu nhất.

Takagi: Chắc chắn không phải vậy. Tôi không biết (Nagano) nói gì nhưng tôi không thể tưởng tượng được rằng ông ấy lại báo cáo như vậy. Theo quan điểm của tôi, nếu Nhật Bản để thời gian trôi đi trong khi vẫn phải chịu sức ép do thiếu thốn nguyên liệu (cấm vận xăng dầu), chúng ta sẽ phải đầu hàng khi còn chưa kịp tham chiến. Nếu tấn công ngay bây giờ thì cục diện chiến tranh về quân sự là có thể tính toán được và không đến nỗi tuyệt vọng. Nhưng nếu ta chần chừ thì tình thế sẽ càng bất lợi cho ta hơn.

Matsudaira: Hoàng thân Takamatsu cũng nói thế.

Bế tắc trong cuộc tranh đấu vô vọng với Anh, Mỹ và chế độ Hà Lan ở Batavia, tất cả đều hợp lại dựng lên những rào cản chống lại sự bành trướng của Nhật Bản, nội các Konoe đành công khai chỉ trích cuộc "bao vây ABCD". Nhân vật chủ chiến Takagi kêu ca về nỗi khốn khó của Nhật do cấm vận xăng dầu và bế tắc trong đàm phán Nhật – Mỹ. Tương tự là Nhật Hoàng, người hiểu rõ những lập luận khoa học, có học vấn, có số liệu thống kê dẫn chứng và thích sự phân tích rõ ràng, chi tiết của các chuyên gia có năng lực. Hirohito đứng về phe Takagi và Hải quân, đồng thời không hề tỏ ra nhân nhượng khi đổ lỗi tình thế khó xử của Nhật Bản cho sự phá sản trong chính sách xâm lấn liên miên đối với Trung Quốc và bây giờ là Đông nam Á của nội các Konoe. Tuy nhiên, theo lời Kido, ông vẫn muốn: "chắc chắn hơn về thắng lợi trước khi ông sẵn sàng (đưa) đất nước ra trận".

Sau khi Hirohito phê chuẩn việc tiếp tục dấn sâu vào Đông nam Á, hội nghị liên lạc giờ đây với sự tiếm đoạt hoàn toàn quyền quyết sách của nội các nhóm họp tới hơn mười lần. Sau mỗi phiên họp, Hirohito lại nhận báo cáo về diễn biến cuộc khủng hoảng từ Thủ tướng và các tham mưu trưởng.

Em trai ông, Hoàng thân Takamatsu đang thuộc biên chế Ban tham mưu Hải quân cũng đóng góp ý kiến riêng về cách giải quyết tình hình. Cuối tháng 8, ông cảnh báo Nhật Hoàng rằng "Tháng 10 là tháng tối quan trọng đối với dự trữ xăng dầu của ta". Hirohito đáp rằng (theo Takamatsu): "chúng ta sẽ không có gì để mặc cả khi thời điểm đàm phán hòa bình đến nếu chúng ta không duy trì lực lượng của Hải quân". Hoàng thân vặn lại: "Tôi đã bảo với ông ấy rằng ý tưởng của ông là vô ích, lấy ví dụ về hạm đội của Đức vào thời điểm cuộc Đại chiến ở châu Âu. Hoặc có lẽ tôi đã nói rằng trữ lượng xăng dầu ở bắc Karafuto là không đủ".

Trong suốt tháng 8, Hirohito đã trở nên quá quen thuộc với lập luận của Hải quân rằng cần phải phát động chiến tranh sớm vì cấm vận xăng dầu của Mỹ sẽ dần dần làm suy sụp sức

tảisáchhay

mạnh quân sự của Nhật. Ông cũng nhanh chóng tin tưởng rằng quyết định khởi động một cuộc chiến tranh mới suy cho cùng phải dựa trên những căn cứ chiến thuật và kỹ thuật do các chuyên gia quân sự đưa ra với sự hỗ trợ của các sơ đồ chiến thuật của Hải quân. Những căn cứ này bao gồm cả quy mô của Lục quân và Hải quân Thiên Hoàng, chất lượng trang thiết bị, kinh nghiệm và sự sẵn sàng chiến đấu khá cao của quân đội, tinh thần đồng đội, mức ước tính tương đối lượng tiêu thụ và tái bổ sung nguyên nhiên liệu chiến tranh và bước tiến ở Trung Quốc và Đông nam Á.

Nhưng một yếu tố quan trọng không có trong tính toán của Hirohito và bộ chỉ huy tối cao là đánh giá về sức mạnh chính trị vô hình to lớn mà Roosevelt có trong tay và sự huy động lực lượng nhanh chóng để chuẩn bị chiến tranh với phe Trục. Với lực lượng quân nghĩa vụ mới mở rộng của Mỹ đang hoàn thành cuộc tập trận lớn chưa từng thấy, công chúng Mỹ đang dần ủng hộ chính phủ và cũng có tinh thần chiến đấu cao hơn trong ý thức về bản sắc dân tộc.

Ở Tokyo, các lãnh đạo Hải quân đang tiến dần đến việc sớm khai chiến đồng thời vẫn đẩy mạnh vận động tiếp tục đàm phán ngoại giao nhằm thuyết phục Mỹ thay đổi lập trường. Tuy nhiên, vào giai đoạn này, các lập luận của phe Hải quân không còn được chuyển hóa thành chính sách quốc gia nữa do những nhân vật chính trong cuộc, tức là các bộ trưởng, thứ trưởng Lục quân và Hải quân, tham mưu trưởng, phó tham mưu trưởng của hai ban tham mưu, Bộ trưởng ngoại giao Toyoda và Thủ tướng Konoe, không còn đạt được sự đồng thuận nữa. Không muốn rút khỏi Trung Quốc hay rời bỏ phe Trục vì phần lớn đều cho rằng phe này sẽ giành thắng lợi trước Anh và Liên Xô, các nhân vật ra quyết sách tiếp tục nhìn nhận những thay đổi trong tình hình quốc tế như yếu tố chính trong phương án chiến tranh hay ngoại giao của mình nhưng chưa một lần xem xét kỹ lưỡng toàn bộ các phương án chính sách họ có trong tay. Ngay cả Thủ tướng Konoe, người ủng hộ chính chủ trương tiếp tục đàm phán với Mỹ cũng nói: "Chúng ta phải rất thận trọng khi trì hoãn (bằng ngoại giao) nếu không sẽ có thể bị buộc phải tham chiến đúng vào khi ta đang 'suy yếu dần'".

Vậy là những nhà quyết sách vẫn tiếp tục cày ải về phía trước cứ như thể họ đeo băng bịt mắt và buộc phải đi theo những luống cày do chính họ tạo ra. Ngày 03 tháng 9, hội nghị liên lạc nhóm họp và thông qua một văn kiện ngắn với đoạn đầu nêu: "Vì sự tồn vong và để tự vệ, Đế chế sẽ hoàn thành công cuộc chuẩn bị chiến tranh vào khoảng cuối tháng 10 với quyết tâm không do dự chấp nhận chiến tranh với Mỹ (Anh và Hà Lan)". Điều khoản thứ hai viết: "Song song với (quyết định) này, Đế chế sẽ vẫn nỗ lực giành được những yêu cầu của mình đối với Mỹ và Anh thông qua các biện pháp ngoại giao". Điều khoản thứ ba chỉ rõ sự quyết tâm "không do dự tham chiến" của Nhật và có các nội dung về đáp ứng yêu cầu thời gian cần có để chuẩn bị của Lục quân và Hải quân. Văn kiện ghi "Trường hợp không có triển vọng đạt được những yêu cầu đưa ra vào đầu tháng 10, chúng ta sẽ lập tức quyết định phát động chiến tranh với Mỹ (Anh, Hà lan)".

Yếu tố thời gian giờ đây đã được đưa vào quy trình hoạch định chính sách, quyết sách. Nếu Nhật Hoàng phê chuẩn các thời hạn này thì chính phủ sẽ tiếp tục đàm phán với Mỹ đồng thời vẫn tiếp tục chuẩn bị chiến tranh; còn nếu các ước nguyện ngoại giao không được thỏa

tảisáchhay

mãn "vào khoảng đầu tháng 10" thì sẽ có một phiên nghị triều khác để đưa ra quyết định cuối cùng đầy định mệnh về việc khởi chiến hay không khởi chiến.

Vào hồi 5 giờ chiều ngày 05 tháng 9, Thủ tướng Konoe vào cung báo cáo với Nhật Hoàng về văn kiện "chính sách quốc gia" mới nhất đạt được qua hội nghị liên lạc mà nội các vừa đóng dấu cuối ngày hôm trước. Hirohito, lúc này đã 44 tuổi, đã biết trước tương đối về gánh nặng từ văn kiện này và hầu như không hề sửng sốt khi văn kiện được đưa tới hay trước đề nghị triệu tập một buổi thiết triều. Bộ chỉ huy tối cao đã thông báo cho ông chi tiết về tình hình cuộc khủng hoảng đang ngày càng xấu đi và các kế hoạch quân sự để đối phó với tình hình đó. Theo như nhật ký của Kido, ông biết rằng sẽ sớm bị yêu cầu phải "ra một quyết định thật sự trọng đại nếu phía Mỹ không chịu chấp nhận ngay và vô điều kiện đề xuất của chúng ta".

Giờ đây chính là thời điểm để ông tập trung vào quyết định trọng đại nhất trong cả cuộc đời mình. Ông đang chuẩn bị được yêu cầu phải giải thoát Nhật Bản khỏi chính sách ngoại giao bế tắc của mình bằng cách viện đến một chiến lược gây chiến chống lại một kẻ thù mạnh hơn rất nhiều và một lục địa khổng lồ, đó là nước Mỹ, mà trên thực tế Nhật Bản không thể đánh bại bằng quân sự.

Cuộc chiến tranh Nhật – Mỹ không phải đã được định đoạt trước. Hirohito không cần phải vội vã chấp nhận việc bộ chỉ huy tối cao áp dụng một thời hạn cho công tác ngoại giao với Mỹ và ông cũng không bắt buộc phải chấp nhận việc hạ thấp tầm quan trọng của ngoại giao so với chuẩn bị gây chiến. Trong bối cảnh cuộc xâm lấn của Đức vào Nga đã bước sang tuần thứ 6 và vẫn còn lâu để đi đến một chiến thắng quyết định, cũng như Anh và Đế chế của mình vẫn đang chiến đấu thì một người với chủ nghĩa hoài nghi được tôi luyện nhiều như ông phải dự đoán hợp lý được rằng Đức sẽ không dễ gì giành chiến thắng trước cả hai đối thủ của mình. Đại sứ tại Anh mới về nước Shigemitsu Mamoru, người nhiệt thành ủng hộ phong trào trật tự mới đã nói đích xác điều này với ông cả trong buổi chầu riêng và trong phiên thiết triều. Nhật vẫn có thể duy trì địa vị cường quốc của mình và gây ảnh hưởng lên nền chính trị sau chiến tranh nếu không tham gia cuộc chiến tranh ở châu Âu. Việc ông cần làm là kêu gọi "xem xét lại chính sách hiện hành".

Rõ ràng vào lúc đó Hirohito có nhiều lựa chọn. Ông có thể trì hoãn tiến trình phát động một cuộc chiến tranh mới bằng cách tập trung vào cuộc chiến đang diễn ra. Ông cũng có thể điều thêm vào Trung Quốc những quân đoàn lớn dọc theo khu vực biên giới Mãn Châu – Liên Xô. Ông cũng có thể chọn cách hưởng lợi thương mại từ cuộc chiến tranh ở châu Âu bằng cách đứng ngoài cuộc trong thời điểm đó như Luân Đôn và Oa-sinh-tơn đã cảnh báo. Điều đó cũng có nghĩa là phải dừng bước tiến về phía nam và rút quân khỏi khu vực Đông nam Á bị thực dân chia cắt, từ đó mất đi cơ hội thâu tóm vùng Đông Ấn thuộc Hà lan. Một số sĩ quan cao cấp nhất của Hải quân tỏ ra nghi ngại sâu sắc về việc tiến vào Đông dương và tất cả số này sẽ tán thành nếu Nhật Hoàng ra một quyết định như vậy.

Một văn kiện không có tiêu đề trong tài liệu của Takagi Sokichi thuật lại cuộc họp với Nhật Hoàng vào đêm hôm 05 tháng 9. Nếu đối chiếu tài liệu này với các bằng chứng cận đại khác thì có thể hình dung được điều gì đã thật sự diễn ra trong đêm Hirohito chính thức phê chuẩn quyết định phát động chiến tranh dưới những điều kiện nhất định. Không giống như

tảisáchhay

những lời ghi trong nhật ký của Kido và Konoe hay những "ghi chép" của Sugiyama, ghi chép của Takagi không chỉ gồm những lời quở mắng đầy giận dữ của Nhật Hoàng đối với Sugiyama mà cuối cùng còn cả những lời trao đổi quan trọng của ông với Konoe: người duy nhất trong phòng có trách nhiệm hợp hiến là cố vấn cho Nhật Hoàng.

Nhật Hoàng: Trường hợp chúng ta buộc phải khai chiến, liệu quân ta có khả năng chiến thắng không?

Sugiyama: Có thưa bệ hạ

Nhật Hoàng: Vào thời điểm diễn ra sự kiện Trung Quốc, quân đội đã nói với ta rằng chúng ta có thể chấm dứt chiến tranh ngay sau khi giáng cho quân địch một đòn với ba sư đoàn. Sugiyama, khanh lúc đó chính là bộ trưởng Lục quân …

Sugiyama: Trung Quốc là một lãnh thổ rộng lớn có nhiều ngõ vào và ra và chúng thần đã gặp phải nhiều khó khăn lớn không lường trước … (dấu chấm lửng trong bản gốc)

Nhật Hoàng: Chẳng phải lần nào ta cũng nhắc nhở khanh trước về những vấn đề đó hay sao? Sugiyama, phải chăng khanh đang dối gạt trẫm?

Sugiyama: Nếu Bệ hạ cho phép, thần mới dám thưa.

Nhật Hoàng: Nói đi.

Sugiyama: Khả năng chiến thắng đối với quân đội đóng tại đây là 100% … Tôn Tử dạy rằng trong chiến tranh giữa các nước có sức mạnh tương đương thì rất khó có thể tính toán được thắng lợi. Tuy nhiên, giả sử có một người ốm mà ta bỏ mặc người đó thì chắc chắn người này sẽ chết. Nhưng nếu thày thuốc chẩn bệnh và nói có 70% sống với điều kiện người bệnh được mổ thì chẳng lẽ bệ hạ không nghĩ rằng ta cũng nên thử phẫu thuật xem sao ư? Còn nếu sau khi mổ rồi mà người bệnh chết thì ta mới có thể nói đó mà số mệnh. Đây chính là tình thế mà ta đang đối mặt hiện nay … Nếu để lãng phí thời gian, để thời gian trôi đi và ta buộc phải tham chiến khi đã quá muộn thì ta sẽ không thể làm gì được nữa.

Nhật Hoàng: Được, ta hiểu. (Ông đáp lời có vẻ tươi tỉnh hơn).

Konoe: Liệu thần có thể tuyên bố các thay đổi trong chương trình nghị sự ngày mai? Bệ hạ dạy phải làm sao ạ?

Nhật Hoàng: Không cần phải thay đổi gì cả.

Konoe không tin vào triết lý của Nagano và đã trao cho Nhật Hoàng một cơ hội cuối để sửa đổi bản đề cương. Nhưng Hirohito đã bị những lập luận hiếu chiến của Nagano và Sugiyama thuyết phục và lờ đi.

Khi Đô đốc Nagano nhớ lại về buổi họp này trong một cuộc họp bàn tròn với các đồng nghiệp thời chiến trước đây ngay sau khi Nhật đầu hàng, ông nhớ Nhật Hoàng tối đó có vẻ "bực bội khác thường" và cũng nói rằng Hirohito không phải chịu áp lực nào phải phê chuẩn

tảisáchhay

bản đề cương "chính sách quốc gia". Hơn nữa, Nagano còn nói chính ông chứ không phải Konoe mới là người hỏi câu "Liệu thần có nên thay đổi thứ tự của các Điều 1 và 2 không?" Nhật Hoàng đáp: "Hãy giữ nguyên thứ tự đã ghi trong bản thảo". Việc ai trong Konoe, người phản đối chiến tranh với Mỹ hay Nagano, người ủng hộ chiến tranh, hỏi câu hỏi này không quan trọng. Vấn đề là ở chỗ Nhật Hoàng đã được báo trước, thậm chí không úp mở rằng đây là cơ hội để ngừng lại hoặc hãy từ từ hoặc kéo dài sự trì hoãn trước khi phát động cuộc chiến tổng lực, không giới hạn này. Thay vì tận dụng cơ hội theo cách sẽ làm mếch lòng các thế lực chủ chiến trong quân đội, Hirohito đã chấp nhận lối lý luận về sự "suy yếu nhanh chóng" và phê chuẩn những điều kiện về thời hạn – tức là cho phép khai chiến một khi những điều kiện nhất định được thỏa mãn. Đà chiến tranh đang ngày một tới gần.

Nhật Hoàng cũng không hề hài lòng với kế hoạch chính sách. Trong buổi họp ngày 05 tháng 9, ông tỏ ra bực tức với Sugiyama và bộ chỉ huy tối cao Lục quân nói chung, đồng thời tiết lộ những bất đồng trong tư duy chiến lược giữa ông này và các tổng tham mưu trưởng. Sự việc trở nên sáng tỏ bốn ngày sau khi Hirohito cảnh báo họ rằng tình hình thế giới vẫn chứa đựng rất nhiều khả năng; và việc ông quyết định khai chiến trong giai đoạn này là quá sớm.

Vào hồi 9:40 sáng ngày hôm sau, 06 tháng 9, 20 phút trước khi buổi thiết triều bắt đầu, Hirohito cho vời Kido vào và bảo ông này rằng ông sẽ nêu một số câu hỏi trong buổi thiết triều còn Kido đáp "Trưởng ban quân cơ Hara mới là người nêu những điểm quan trọng mà bệ hạ cần quan tâm". Do đó, "tốt nhất là bệ hạ nên đưa ra ý kiến vào cuối buổi thiết triều", bằng cách ban một câu đại loại như mọi người "phải tích cực hợp tác để bảo đảm thành công trong các cuộc đàm phán ngoại giao".

Các nội dung nghị sự chính hôm đó là chuẩn bị chiến tranh và khi nào thì ra quyết định khai chiến cuối cùng. Trong buổi nghị triều, Sugiyama đã chuẩn bị sẵn và thậm chí có thể đã trình lên Nhật Hoàng các tài liệu vấn đáp chuẩn bị trước. Những tài liệu này làm rõ hai điểm: một là Mỹ không thể bị đánh bại và do vậy không thể dự đoán trước khi nào cuộc chiến với Mỹ sẽ kết thúc. Tuy nhiên, nếu Nhật giành được một chiến thắng lớn ở phía nam thì Anh sẽ bị đánh bại và bị loại khỏi cuộc chiến, "tạo ra một chuyển biến lớn trong tư tưởng công chúng Mỹ. Do đó, kết luận có lợi về cuộc chiến không hẳn là không có hy vọng. Dù thế nào, chúng ta cũng sẽ phải chiếm được những khu vực chiến lược ở phía nam và đề ra các ưu tiên chiến lược. Đồng thời, ta phải khai thác các nguồn tài nguyên giàu có ở khu vực phía nam và lợi dụng tiềm lực kinh tế của lục địa Đông Á nhằm hình thành một vị thế kinh tế bền vững, tự chủ. Hơn nữa, ta phải hợp sức cùng Đức và Ý để bẻ gãy sự đoàn kết của Anh và Mỹ. Khi có sự liên kết giữa châu Âu và châu Á thì sẽ tạo được một tình thế không thể đánh bại theo hướng có lợi cho ta. Bằng cách này chúng ta có thể có hy vọng bước ra khỏi cuộc chiến (ít nhất trong thế ngang bằng với Mỹ)."

Đến phần kết của phần trình bày chính thức, Hirohito chuẩn tấu bản "Đề cương triển khai các Chính sách quốc gia của Đế chế", với sự e ngại, không chút triển vọng lạc quan nào về thắng lợi hay thậm chí không có khái niệm gì về sự dai dẳng của cuộc chiến. Tất cả các thành viên giờ đây phải hoàn thành công tác chuẩn bị chiến tranh với Mỹ, Anh và Hà lan trong 10 ngày cuối của tháng 10 và họ sẽ phải ra quyết định phát động cuộc chiến nếu

tảisáchhay

không còn hy vọng đạt được các yêu cầu đề ra thông qua cuộc đàm phán ở Oa-sinh-tơn theo một thời hạn không cụ thể vào đầu tháng 10.

Hirohito vào thời điểm này vẫn còn chần chừ. Để tỏ rõ sự lo ngại về vấn đề hòa hay chiến và để buộc bộ chỉ huy tối cao chấp nhận giành thêm thời gian cho hoạt động ngoại giao, ông lên tiếng (với sự dàn xếp của Kido) ngay trước khi phiên họp ngày 06 tháng 9 kết thúc. Ông chất vấn "Hai tổng tham mưu trưởng nghĩ sao? Chưa ai trong sô các khanh nói gì cả". Đoạn, rút từ trong túi ra một mảnh giấy, ông đọc to bài phú tanka nổi tiếng của Minh Trị Thiên Hoàng: "Anh em bốn bể là nhà. Đã như vậy sao còn sóng lớn, gió to?" Khi ông dứt lời, các tổng tham mưu trưởng cho biết đồng ý giành ưu tiên cho ngoại giao và phiên họp kết thúc trong căng thẳng.

Minh trị viết bài thơ trên vào thời kỳ đầu của cuộc chiến tranh Nga – Nhật để bày tỏ nỗi lòng lo lắng về kết cục cuộc chiến. Nhưng may mắn là năm sau ông lại có thể ngâm thơ mừng chiến thắng. Vì vậy, bài thơ của Minh Trị xuất phát từ lòng mong mỏi giành chiến thắng của ông. Khi Hirohito đọc to bài thơ cho hai vị tổng tham mưu trưởng chẳng mấy khi hòa thuận nghe, câu hỏi "Sao còn sóng lớn, gió to?" vang lên một thông điệp mạnh mẽ, rõ ràng. Khi phiên nghị triều kết thúc, các tổng tham mưu trưởng đã hiểu được Nhật Hoàng đang lo lắng rằng họ chưa thật sự sẵn sàng cho kết cục của chính sách hai chiều mà họ đang theo đuổi, và hứa sẽ ưu tiên ngoại giao trước, đồng thời trong mấy ngày sau đó, các tham mưu trưởng đã cố gắng xoa dịu sự nghi ngại của Hirohito về mối bất hòa cũng như công cuộc chuẩn bị chiến tranh chưa hoàn chỉnh và hành động vội vã của mình.

Ngày 09 tháng 9, tham mưu trưởng Lục quân Sugiyama trình Hirohito một báo cáo chi tiết về kế hoạch hành quân nam chinh. Một lần nữa, Nhật Hoàng lại muốn chắc chắn về phía Liên Xô và hỏi ông này sẽ làm gì "nếu áp lực nổi lên từ phương bắc?". Sugiyama đáp:

"Một khi quân ta đã bắt đầu chinh nam thì chúng ta không thể để tâm đến việc gì khác nữa mà ta sẽ phải vững bước tiến về phía trước cho đến khi đạt được mục tiêu đề ra. Tâu Hoàng thượng, chúng thần cần Hoàng thượng hiểu cho điều này. Nếu có biến ở phương bắc thì chúng ta sẽ điều quân từ Trung Quốc đến nhưng sẽ phải ngừng giữa chừng chiến dịch ở phía nam."

Nhật Hoàng: Được vậy thì trẫm thấy an lòng. Nhưng khanh không thấy rằng việc điều quân từ Trung Quốc là rất khó khăn sao?

Sugiyama: Thưa có. Vì binh lực của ta ở Trung Quốc sẽ suy yếu, ta sẽ phải thu hẹp phạm vi tham chiến và những việc khác nữa. Các vấn đề này đang được cân nhắc trong kế hoạch hành quân sắp tới. Dù trong bất kỳ trường hợp nào thì bệ hạ cũng không cần phải lo lắng về Trung Quốc

Ngày hôm sau, Sugiyama lại diện kiến Nhật Hoàng và một lần nữa bị ông chất vấn, lần này là về việc huy động binh lực cho chiến dịch nam chinh:

Nhật Hoàng: Khanh có thể tiến hành và huy động lực lượng. Nhưng nếu đám phán giữa Konoe và Roosevelt tiến triển tốt đẹp thì khanh sẽ ngừng ngay chiến dịch, phải vậy không?

tảisáchhay

Tổng tham mưu trưởng: Quả đúng vậy, thưa bệ hạ.

Nhật Hoàng: Ta muốn hỏi khanh một lần nữa: liệu có bất kỳ khả năng nào phương bắc (tức Liên Xô) sẽ xâm phạm nước ta khi chúng ta đang vướng vào chiến dịch ở phía nam không (nhấn mạnh)?

Tổng tham mưu trưởng: Thần không thể nói việc đó chắc chắn sẽ không xảy ra. Nhưng vì lẽ khó có khả năng địch sẽ dùng một lực lượng lớn để tấn công ta.

Chỉ trong vòng ba ngày, nguy cơ về cuộc chiến tranh với Mỹ mà Nhật Hoàng đã cố ngăn chặn vào hôm 06 tháng 9 bỗng trở thành một vấn đề ít đáng quan ngại hơn là một cuộc chiến tranh ở cả hai mặt trận.

Vài ngày sau, người từng lên kế hoạch tấn công Mỹ, chỉ huy Hạm đội Liên hợp, Đô đốc Yamamoto Isoroku tới thăm Thủ tướng Konoe trong khi ông này đang ngày càng tỏ ra thoái chí. Theo "ghi chép" cuộc nói chuyện của họ (thực hiện gần một tháng sau), Yamamoto đã cố trấn an Konoe rằng: "Tôi không rõ phía Lục quân thế nào nhưng ngài cứ việc lo chỉnh lý quan hệ ngoại giao (với Mỹ) và cứ việc yên tâm về Hải quân. Cuộc chiến sắp tới sẽ kéo dài và cam go nhưng tôi không định ngồi một chỗ trên tàu chỉ huy mà quên nhiệm vụ của mình đâu." Vị đô đốc này cố làm mọi cách để thúc đẩy một trận chiến sớm, quyết định và sống còn trong đó ông sẽ huy động toàn hạm đội, trong đó sẽ đặc biệt chú trọng sử dụng không quân và tàu ngầm. Nếu ông ta thắng trận này thì một cuộc chiến tranh kéo dài, tiêu hao sinh lực sẽ có thể tránh được, chưa biết chừng còn giành được phần thắng. Trong cuộc chuyện trò động viên tinh thần ở cấp tối cao này đối với vị thủ tướng đang hoang mang, cả hai đều dường như vẫn tin rằng cuộc gặp đang được mong đợi trên Thái Bình Dương giữa Hoàng thân Konoe và Tổng thống Roosevelt sẽ lại đến rồi đi mà thôi. Konoe muốn có một bước đột phá về ngoại giao nhưng vẫn lo sợ rằng cho dù có gặp được Roosevelt thì cũng sẽ không đạt được kết quả gì sau cuộc đàm phán và chiến tranh sẽ vẫn cứ nổ ra. Đô đốc Yamamoto gợi ý ông dùng cách nghi binh: "Nếu đàm phán Thái Bình Dương đổ vỡ, đừng tỏ thái độ cứng rắn. Hãy cứ để mọi chuyện mập mờ như vậy và ra về. Sau đó, hạm đội sẽ hành động ngay khi ngài đang trên đường trở về".

Nhưng Hoàng thân Konoe giờ đây thì đang nghĩ đến việc rời bỏ nội các mà ông đứng đầu chứ không phải cuộc gặp thượng đỉnh với Tổng thống Mỹ, người không hề có ý định giúp sức mà trái lại đang muốn bóp nghẹt Đế chế. Ngày 26 tháng 9, khi hạn chót được ấn định vào ngày 06 tháng 9 sắp kết thúc, ông ca thán với thủ ấn quan Kido rằng ông sẽ từ chức nếu quân đội cứ khăng khăng đòi quyết định khai chiến vào giữa tháng 10.

Thời hạn đầu tháng 10 để Hirohito "điều chỉnh" quan hệ với Mỹ qua đi mà không đạt được tiến triển nào trong đàm phán. Ngày 13 năm 10, ông bảo Kido: "Trong tình hình hiện nay, có lẽ chỉ còn ít hy vọng về đàm phán Nhật – Mỹ. Nếu chiến tranh nổ ra lúc này, tôi nghĩ sẽ phải tuyên chiến". Hôm sau, Konoe chủ trì phiên họp nội các cuối cùng của mình. Bộ trưởng Lục quân Tojo là người phát biểu nhiều nhất:

"Trong suốt 6 tháng qua, kể từ tháng Tư, Bộ trưởng ngoại giao đã có những cố gắng không mệt mỏi để điều chỉnh quan hệ (với Mỹ). Tôi rất kính trọng ông vì việc đó nhưng chúng ta

tảisáchhay

vẫn bế tắc … Quyết định của chúng tôi là "phát động chiến tranh … nếu đến đầu tháng 10, ta không thể đạt được các yêu cầu đưa ra thông qua đàm phán". Hôm nay là ngày 14 … chúng tôi đã huy động hàng trăm nghìn binh sĩ. Số khác đang được điều động đến từ Trung Quốc và Mãn Châu đồng thời đã trưng dụng tàu thuyền với tải trọng tương đương hai triệu tấn, gây khó khăn cho nhiều người. Ngay lúc này, các thuyền bè này đang trên đường tới điểm tập kết. Tôi không ngại phải ngăn họ lại và thực ra tôi sẽ phải bảo họ dừng lại nếu có cách nào để đạt được sự đột phá về ngoại giao … Cốt lõi của vấn đề là (áp lực buộc ta) phải rút quân (khỏi Đông dương và Trung Quốc) … Nếu ta nhượng bộ trước yêu sách của Mỹ thì sẽ huỷ hoại thành quả có được từ sự kiện Trung Quốc. Mãn Châu quốc sẽ ở vào thế nguy hiểm cũng như vị trí của ta ở Triều tiên cũng sẽ bị đe doạ."

Hai hôm sau, ngày 16 năm 10, Konoe từ chức và trở thành nạn nhân của điều kiện về thời gian đặt ra trong văn kiện chính sách quốc gia mà chính ông góp phần soạn thảo. Sau sự kiện Mãn Châu, Konoe đã lớn tiếng chống Anh – Mỹ và ủng hộ Đức. Ngày 21 tháng 1 năm 1941, ông tuyên bố chắc chắn trước một phiên họp kín của Nghị viện rằng "Đức sẽ thắng". Giờ đây, ông biết chắc rằng nước Đức sẽ thua cũng như biết rằng các sĩ quan cấp cao của cả hai phe quân đội cũng sẽ không thể bảo đảm được thắng lợi của Nhật. Chính sách tìm mọi cách chấm dứt áp lực quốc tế đối với Nhật thông qua đàm phán với Oa-sinh-tơn của Konoe đã chia rẽ các thế lực thân phe Trục trong chính phủ và quân đội. Ông đã đúng khi tin rằng Nhật Hoàng và Kido tán thành các lý do chủ chiến của Tojo, Sugiyama và Nagano, và rằng Nhật Hoàng không còn tin tưởng mình, Konoe đã chuẩn bị rời khỏi chính trường từ trước.

Một trong những hành động chính thức cuối cùng của Konoe với cương vị thủ tướng là cùng với Tojo tiến cử Hoàng thân Higashikuni thay thế ông. Nhiều người tin rằng Higashikuni sẽ có thể kiềm chế cả hai bên Lục quân và Hải quân, bảo đảm đến mức cao nhất sự đoàn kết dân tộc. Tuy nhiên, Hirohito lại gạt đi: cũng như ông đã từng làm thế trước đây, ông không muốn tương lai của Hoàng tộc bị liên luỵ một cách không cần thiết. Sau này chính ông đã thừa nhận: "Tôi bác bỏ sự tiến cử của quân đội và cho phép Tojo lập nội các mới" bởi lẽ mặc nhiên Tojo là người mà ông muốn và đặc biệt trong lúc này ông càng tin tưởng rằng sự ưu ái cá nhân của mình sẽ giải quyết được vấn đề. Trong đơn từ chức, Konoe chỉ ra rằng đã bốn lần ông cố gắng rút quân nhằm gìn giữ hòa bình với Mỹ, trong khi Tojo phản đối việc này cả về hành động và mục đích. Trong khi sự kiện Trung Quốc còn chưa được giải quyết thì "thần dân trung thành" này của Nhật Hoàng cũng không thể gánh vác trọng trách tham gia vào một cuộc chiến tranh lớn khác mà cục diện còn chưa thể đoán trước. Hirohito chấp nhận đơn từ chức của Konoe và quay sang ủng hộ Bộ trưởng Lục quân. Đồng thời ông cũng chấp nhận luôn lý lẽ của Tojo: Tinh thần quân đội phải được duy trì; rút quân sẽ không giải quyết được vấn đề quan hệ với Trung Quốc và nhượng bộ Mỹ cũng chỉ khiến Mỹ càng thêm kẻ cả.

Một phiên họp gồm những chính khách kỳ cựu được triệu tập trong cung nhằm quyết định ai lên kế nhiệm. Kido, với sự hậu thuẫn của các tướng Lục quân Hayashi và Abe, tiến cử Tojo còn Đô đốc Okada thì phản đối. Kido giải thích rằng Tojo, sau khi bãi bỏ thời hạn quyết định khai chiến sẽ xem xét lại toàn bộ vấn đề quan hệ với Mỹ. Ông này không nói Tojo sẽ nhất định phải coi việc tránh chiến tranh là lý do để xem xét lại chính sách quốc gia vì Nhật Hoàng chưa hề ra lệnh phải tránh chiến tranh, hay việc xem xét lại của Tojo sẽ có nghĩa là

tảisáchhay

Nhật Bản sẽ xem xét lại các phương án khác trước khi có quyết định ngày 06 tháng 9 trong buổi nghị triều.

Vậy là Tướng Tojo, kẻ đứng đầu phái chủ chiến trong lực quân và là nhân vật chính phản đối việc rút quân khỏi Trung Quốc đã nhận được sự đồng thuận tiến cử. Ngay ngày hôm đó, Hirohito không chút chần chừ phong chức cho Tojo lên làm Thủ tướng mới của mình và của quốc gia. Theo lời Tojo tả lại với thư ký của mình khi được bổ nhiệm: "tôi … lặng cả người". Sau đó mươi hôm, Hirohito bảo với Kido rằng "không vào hang cọp sao bắt được cọp con". Nhật Hoàng, Kido và những người thân cận giờ đây tin chắc rằng chiến tranh là không thể tránh khỏi. Vào hôm Tojo được bổ nhiệm, Hoàng thân Takamatsu giãi bày trong nhật ký của mình: "Chúng ta rút cuộc đã quyết tâm chủ chiến và giờ đây sẽ phải làm tất cả để xúc tiến mạnh mẽ việc này. Nhưng chúng ta đã vụng về để lộ ý định của mình. Chẳng cần phải thông báo về những việc chúng ta đang làm, chỉ riêng việc (tòan bộ nội các Konoe) từ chức thôi cũng là quá đủ. Trong tình hình này ta chỉ có thể giữ im lặng và không còn nghi ngờ gì nữa, chiến tranh sẽ nổ ra". Đó cũng là ý nghĩ của nhiều người trong chính quyền Roosevelt. Việc Konoe từ chức và Tojo nhậm chức dường như đã là một lời khẳng định.

Chánh thư ký nội các của Konoe, Tomita Kenji, sau này ghi lại hồi ức của Konoe về tình thế xung quanh việc ông từ chức, trong đó ông này ám chỉ rằng Hirohito rõ ràng đã phạm sai lầm:

"Tất nhiên, Hoàng thượng là người ôn hòa và không nghi ngờ gì ngài muốn tránh chiến tranh. Khi còn là thủ tướng, tôi từng tâu với ngài rằng khai chiến sẽ là một sai lầm và người cũng nhất trí. Nhưng ngay hôm sau, người lại bảo: "Hôm qua khanh còn lo lắng việc này nhưng khanh không cần phải lo lắng nhiều như vậy đâu". Thế là dần dần ngài bứt đầu ngả theo hướng chủ chiến. Lần sau tôi vào yết kiến, ngài còn nhất quyết chủ chiến hơn. Tóm lại, tôi cảm thấy dường như ngài đang bảo tôi: Thủ tướng của ta không hiểu chuyện trận mạc còn ta thì biết nhiều hơn. Nói tóm lại, Thiên Hoàng đã tiêm nhiễm quan điểm của bộ chỉ huy tối cao Lục quân và Hải quân. Kết quả là, tuy là thủ tướng nhưng không có thẩm quyền gì nhiều đối với bộ chỉ huy tối cao, tôi cũng không làm gì được hơn vì chính Thiên Hoàng, chỗ dựa cuối cùng của tôi, cũng đã trở nên như vậy."

Một ngày nào đó, trong suốt hành trình đẫm máu của Chiến tranh Thế giới lần thứ Hai, Nhật Hoàng có thể sẽ tuyên dương Tojo vì đã phụng sự trung thành trong khi nói rằng Konoe, người cố gắng ngăn chặn chiến tranh với Mỹ, là người thiếu "niềm tin vững chắc và sự can trường". Trớ trêu hơn, chính Konoe chứ không phải Nhật Hoàng lại là người bị bắt sau chiến tranh như một nghi phạm chiến tranh.

IV

Nội các mà Tướng Tojo thành lập ngày 17 năm 10 cam kết báo cáo đầy đủ cho Nhật Hoàng về mọi vấn đề quan trọng ngay khi những vấn đề đó còn đang trong giai đoạn xem xét. Kaya Okinori được chỉ định làm Bộ trưởng tài chính và Togo Shigenori làm Bộ trưởng ngoại giao. Trong thời gian hai tuần sau đó, cả hai người này tỏ ra vô cùng bi quan về triển vọng thắng lợi trong cuộc chiến tranh với Mỹ nhưng không ai chịu chấp nhận sự nhượng bộ ngoại giao

tảisáchhay

một chiều để thỏa thuận với phía Mỹ. Họ cũng không từng một lần công khai doạ từ chức hay làm đổ vỡ nội các nếu không thể theo đuổi chính sách của mình khi thật sự cần thiết.

Tại phiên họp lê thê kéo dài 72 giờ trong hội nghị liên lạc ngày 01 năm 11 về việc quyết định sửa đổi "Đề cương triển khai chính sách quốc gia của Đế chế", Togo đã cố sức kéo dài các cuộc thảo luận ở Oa-sinh-tơn quá thời điểm mà Lục quân và Hải quân mong muốn để tránh quyết định chiến tranh. Cuối cùng ông cũng phải nhượng bộ trước áp lực của quân đội và lý lẽ của Thủ tướng Tojo khi ông này nhất quyết rằng "khi khó khăn đến thì mọi người phải cùng xắn tay vào việc. Trong thời điểm chiến tranh Nga – Nhật, chúng ta đã hành động mà không có triển vọng thắng lợi nào, cũng như thời điểm một năm trước Trận đánh ở sông Yalu. Vậy mà ta đã thắng đấy thôi."

Togo đáp: "Liệu có cách nào để ta đánh một trận quyết định trong thời gian ngắn không?" Nhưng sau khi hội nghị liên lạc kết thúc, Togo vẫn nhất trí với Lục quân và Hải quân về một thời hạn chót để đàm phán với Mỹ, sau đó sẽ sử dụng các thủ đoạn ngoại giao. Kể từ đó, ông này liên tục khước từ yêu cầu của Đại sứ Nomura nhằm dành cho phía Mỹ những nhượng bộ đáng kể.

Ngày 02 năm 11, Tojo và các tham mưu trưởng quân đội, Đô đốc Nagano và Tướng Sugiyama báo cáo Nhật Hoàng về các chính sách quốc gia vừa được thông qua. Tojo cho biết đã xem xét lại 11 điểm, trong đó có tình hình nguyên vật liệu thô, bắt đầu từ 23 năm 10 và nhận thấy việc này không đem lại ích lợi gì và thời gian quý báu đã bị để mất. Nhật Hoàng tỏ vẻ hài lòng. Rõ ràng ông cảm thấy mình đã tiến thêm được một bước. Giờ đây ông đã có cơ hội để phê chuẩn quyết định khởi chiến. Tuy đã có thể thực hiện bước đi quyết định tiếp theo nhưng ông vẫn cần làm rõ một chi tiết nữa. Ông hỏi Tojo "Khanh định lấy gì để làm lý do (chiến tranh)?". Với ý đồ bảo tồn hình ảnh của mình trước công chúng, một hình ảnh khác xa so với những gì các lãnh đạo quân đội và nội các được biết và quan trọng hơn nữa là sự ủng hộ của đông đảo công chúng đối với cuộc chiến tranh sắp tới, Hirohito lệnh cho thuộc hạ trung thành Tojo viện ra một lý do hợp lý nhất để tiến hành chiến tranh. Tojo đáp: "Vấn đề này hiện đang được xem xét. Thần sẽ báo cáo sớm cho bệ hạ sau."

Cùng ngày hôm đó, Hirohito táo bạo đưa ra một đề nghị đầy ngạc nhiên với Tojo khi Nhật Hoàng bảo ông này vạch ra một kế hoạch hành động chấm dứt chiến tranh để có thể kiểm soát và lường trước được hành động cuối cùng. Liên hệ với "Giáo Hoàng La Mã" ở Vaticăng! Tojo hành động nhanh chóng để thể hiện sự đáng tin cậy của mình. Tuy nhiên, kế hoạch của ông này nhằm chuyển tiếp từ chiến tranh sang hòa bình được thông qua tại hội nghị liên lạc ngày 15 năm 11 lại không khác gì một phương án nắm bắt cơ hội để kết thúc một cuộc chiến tranh còn chưa bắt đầu (và dự báo sẽ kết thúc không khả dĩ hơn một kết quả chiến Hoà) một khi Nhật Bản và Đức đã giành chiến thắng. Nhưng như thế cũng đủ để Hirohito hài lòng.

Ngày 08 năm 11, Hirohito nhận thông tin chi tiết về kế hoạch tấn công Trân Châu cảng. Ngày 15, kế hoạch tác chiến tổng thể với toàn bộ chi tiết được trình cho Nhật Hoàng. Điểm quan trọng nhất trong kế hoạch hoàn hảo cuối cùng này là giả thiết rằng một cơ cấu quân sự "không gì lay chuyển nổi" nhằm bảo vệ khả năng tự lực tự cường về kinh tế cần cho một

tảisáchhay

cuộc chiến tranh kéo dài sẽ được thiết lập sau khi hoàn thành giai đoạn đầu của chiến dịch tấn công trên biển Nam Thái Bình Dương. Ngoài ra không có kế hoạch dài hạn, cụ thể nào cho giai đoạn chiến tranh kéo dài. Lục quân và Hải quân có những quan điểm chiến lược và mục tiêu riêng đối với giai đoạn tấn công. Chính vì lối tư duy phụ thuộc vào tình thế đã bao trùm cả quá trình xây dựng chính sách mà kết quả là việc ra quyết định gây chiến cho nên giờ đây, những điều kiện và hoàn cảnh tương lai chưa đoán định được sẽ quyết định chiến lược chiến tranh. Kế hoạch trên cũng không chỉ rõ ở đâu và khi nào giai đoạn tấn công đầu tiên sẽ kết thúc. Bất chấp khiếm khuyết lộ rõ đó, kế hoạch vẫn được vị tư lệnh tối cao Hirohito chấp nhận. Chính giai đoạn này sẽ dẫn đến sự chậm trễ tai hại của Nhật sau này khi chuyển sang thế phòng ngự trên Thái Bình Dương.

Đáng nói hơn là những đoạn giải trình kế hoạch hoàn chỉnh sau đây: "chiến dịch tấn công chớp nhoáng này, so với Trận Okehazama là một kế hoạch cực kỳ táo bạo. Dĩ nhiên thành công còn phụ thuộc chủ yếu vào may mắn trong trận chiến. Nhưng chỉ cần hạm đội địch còn neo đậu tại đó vào ngày tấn công thì sẽ có thể đánh chìm hai đến ba chiến hạm và mẫu hạm."

Những dẫn chứng thống kê do các tham mưu trưởng và trưởng ban kế hoạch, Tướng Suzuki Teiichi trình bày, cùng với những sự so sánh minh họa đầy cám dỗ từ lịch sử quân sự Nhật Bản có lẽ cũng phần nào làm Hirohito tin tưởng hơn rằng không những có thể tiến hành chiến tranh lâu dài mà còn có thể có được kết cục khả quan cho dù không có bất kỳ một kế hoạch thật sự nào để thực hiện điều đó.

Nhật Hoàng bàn bạc với các chỉ huy cấp cao vào ngày 03 năm 11. Đến trưa ngày mùng 4, ông bảo Kido rằng có hai vấn đề khiến ông vẫn không an tâm về chiến dịch:

"Giả sử ta đánh vào Thái Lan, chẳng lẽ ta không cần có lý do rõ ràng nào để làm việc đó hay sao? Tình hình nghiên cứu về vấn đề này tới đâu rồi? Trong trường hợp (địch dùng) máy bay và tàu ngầm ngăn cản (đường tiếp tế vận tải của ta) từ các căn cứ ở Úc thì ta có biện pháp gì đối phó để bảo đảm đường tiếp tế xăng dầu, khí tài không bị gián đoạn không?"

Đây thật sự là một vấn đề nghiêm trọng cho thấy sự nhạy cảm thái quá của Hirohito đối với yếu kém chiến lược trong vị thế của Nhật Bản ở Nam Thái Bình Dương. Nếu quyền kiểm soát các tuyến hàng hải bị các đợt tấn công bằng không quân và tàu ngầm của Anh – Mỹ làm suy yếu thì chiến lược chiến tranh lâu dài của Nhật sẽ lộ rõ khiếm khuyết. Những câu hỏi của Nhật Hoàng cũng thể hiện thói quen thâm căn cố đế luôn soi mói các tiểu tiết thủ tục và chiến thuật mà đôi khi bỏ qua vấn đề lớn, một thói quen nguy hiểm đối với một chỉ huy tối cao.

Chiều hôm đó, Hirohito phá vỡ tiền lệ bằng việc lần đầu tiên tham dự một buổi họp đầy đủ của Hội nghị Hội đồng quân sự. Suốt ba tiếng rưỡi đồng hồ, ông ngồi lặng lẽ lắng nghe các câu hỏi mà Hoàng thân Higashikuni và Asaka, các Tướng Terauchi Juichi, Yamada Otozo và Doihara Kenji, các Đô đốc Oikawa Koshiro và Yoshida Zengo đặt ra cho các tham mưu trưởng và thủ tướng Tojo. Mục đích của Hirohito khi có mặt tại phiên họp là để thấm nhuần về văn kiện chính sách quốc gia sắp tới với quyền hạn cao nhất có thể trước khi phê chuẩn. Buổi tối, Trung tá Tanemura Sataka ghi chép vào sổ nhật ký quân sự bí mật của Nhóm 20

tảisáchhay

rằng "Thiên Hoàng (okami) có vẻ vô cùng hài lòng. Giờ đây, quyết tâm của quốc gia càng được củng cố và thành quả sẽ tốt đẹp."

Nhật Hoàng: Trẫm biết khanh sắp tiến hành ở Hồng Kông sau khi Malaya bắt đầu. Vậy còn những khu tô giới ở Trung Quốc thì sao?

Sugiyama: chúng thần đang nghiên cứu khả năng tịch thu các tô giới này bằng quyền lực chiến tranh.

Nhật Hoàng: Vậy khanh sẽ lo liệu các tô giới này sau Hồng Kông phải vậy không?

Sugiyama: quả vậy thưa Thánh thượng. Nếu không làm vậy thì cuộc đột kích của ta ở Malaya sẽ thất bại.

Nhật Hoàng: Vậy khi nào khanh sẽ tiếp quản các tô giới của nước ngoài?

Sugiyama: Việc này có dính dáng tới ngoại giao nên thần sẽ phải báo cáo với bệ hạ sau. Nhưng chúng thần sẽ bảo đảm để không (tiếp quản) các khu tô giới trước.

Nhật Hoàng: Khanh nói cuộc đổ bộ sẽ khó khăn vì đây là mùa mưa. Ta vẫn có thể đổ bộ vào tháng 12 được ư? … Giờ ta tiếp nhé, khi nào Hải quân định bắt đầu chiến dịch?

Nagano: chúng thần dự định ngày 08 tháng 12.

Nhật Hoàng: Hôm đó là Thứ Hai (giờ Nhật Bản; chủ nhật ở Hawaii).

Nagano: Ngày đó càng tốt bởi (mọi người) sẽ mệt mỏi sau ngày nghỉ cuối tuần.

Rõ ràng là trong mấy ngày đầu tháng 11, tâm trí Hirohito đã gắn chặt vào cuộc chiến. Ông không còn day dứt về bế tắc trong đàm phán với Mỹ nữa. Trong các buổi báo cáo không chính thức hàng ngày của các tham mưu trưởng, ông đã phê chuẩn nội dung của văn kiện chính sách quốc gia sẽ được trình bày tại phiên thiết triều sắp tới; đồng thời Hội nghị Hội đồng Quân sự cũng phê chuẩn văn kiện này. Tất cả những quyết định này được đưa ra còn trước khi cả nội các nhóm họp để xem xét thông qua cho dù đây đều là những vấn đề có tính sống còn.

Ngày 05 năm 11, tại một buổi nghị triều không được đăng trên báo, Hirohito đã đưa ra quyết định khởi chiến thật sự (dù mới là quyết định tiền tối hậu) khi chuẩn tấu cả việc hoàn thành "công cuộc chuẩn bị cho chiến dịch" và thời hạn chấm dứt đàm phán ngoại giao ở Oa-sinh-toan vào hồi nửa đêm ngày 01 tháng 12. Các cuộc đàm phán sẽ tiếp tục trên cơ sở hai đề xuất A và B được lần lượt đưa ra.

Đề xuất A được phía Lục quân ủng hộ và được gửi đến phía Mỹ vào ngày 07 năm 11. Đề xuất này tìm cách giải quyết các bất đồng dựa trên sự sửa đổi các ý tưởng đã trình bày trong các giai đoạn đầu của cuộc đàm phán Nhật – Mỹ, kể cả vấn đề đóng quân ở Trung Quốc, nguyên tắc không phân biệt thương mại ở Trung Quốc và việc diễn giải Hiệp ước Ba bên. Lần này, phía Lục quân cho biết sẽ sẵn sàng hạn chế việc đóng quân ở các khu vực cố định tại miền

tảisáchhay

Bắc Trung Quốc và Mông Cổ trong một thời gian nhất định và sẽ không tự động hành động theo Hiệp ước Ba bên. Trên nguyên tắc không phân biệt trong thương mại, Togo cương quyết đòi gắn kèm các điều kiện chấp nhận được miễn là các điều kiện này không chỉ áp dụng cho Trung Quốc mà cả thế giới, có nghĩa là cả các lợi ích của phương Tây.

Đề xuất B được đưa ra vào ngày 20 tháng 12 không nhắc đến Trung Quốc và chỉ đơn giản tìm kiếm một tạm ước. Đề xuất này hứa hẹn Nhật sẽ không mở rộng bằng vũ lực quá khu vực Đông dương thuộc Pháp và sẽ rút quân về miền bắc thuộc địa này sau khi hòa bình được lập lại trong cuộc chiến tranh với Trung Quốc. Đổi lại, phía Mỹ phải khôi phục lại quan hệ như trước khi phong toả tài sản của Nhật, cung cấp cho Nhật một triệu tấn xăng máy bay và hỗ trợ Nhật trong nhập khẩu nguyên liệu thô từ vùng Đông Ấn thuộc Hà Lan. Mỗi đề xuất đều bao gồm một gói điều kiện; mỗi gói điều kiện có hiệu lực đến nửa đêm ngày 30 năm 11. Vì việc xúc tiến các công việc chuẩn bị cuối cùng cho chiến tranh đã được quyết định và chỉ còn vài tuần để giải quyết các vấn đề nên kết quả ra sao thì chắc ai cũng đoán được.

Ngày mùng 5, Kido viết:

"Chính sách của chúng ta đối với Mỹ, Anh và Hà Lan được quyết định tại các buổi thiết triều với sự hiện diện của Thiên Hoàng lúc 10:30 sáng và tiếp tục cho đến 3:10 chiều. Lúc 3:40 chiều, Thủ tướng Tojo tới văn phòng tôi và chúng tôi bàn về vấn đề tổ chức Quân đoàn khu vực phía Nam, việc cử Ông Kurusu (đặc phái viên) tới Mỹ và vân vân."

Cùng lúc đó, Đô đốc Nagano, tham mưu trưởng Hải quân, xem xét lại kế hoạch quân sự chi tiết với Nhật Hoàng. "Kế hoạch Hành quân của Hải quân Thiên Hoàng trong chiến tranh chống Mỹ, Anh và Hà lan"được ban tham mưu của Hạm đội Liên hợp soạn thảo trên chiến hạm Nagato, sau đó được chuyển trực tiếp tới bộ tổng tham mưu Hải quân trước khi được đưa lên cấp trên.91 Không có bộ trưởng chính phủ nào tham dự cuộc họp này, tuy vậy Hirohito vẫn đưa ra quyết định cuối cùng ra lệnh tấn công Trân Châu cảng.

Theo ghi chép của Sugiyama, Nhật Hoàng (đã biết trước giời gian, địa điểm tương đối và phương thức tấn công tại mọi thời điểm) lo lắng về việc giữ bí mật. Hirohito muốn biết khi nào các đơn vị chiến đấu sẽ xuất phát. Nagano thưa rằng ngày giờ chính xác sẽ được ấn định sớm. Bí mật là yếu tố trọng yếu do vậy họ phải đặc biệt cẩn trọng tránh triển khai quá sớm. Ngay cả khi hết sức thận trọng nhưng trong một chiến dịch có nhiều đơn vị đến vậy, không ai có thể biết chắc mọi việc sẽ được giữ kín trong bao lâu. Vẫn lo lắng như mọi khi về Liên Xô, Hirohito cảnh báo Nagano phải hết sức cẩn thận đối với phương bắc để không làm gì kích động Liên Xô.

Sau đó họ chuyển sang vấn đề Trung Quốc, nơi Nhật bản đã xây dựng được một lực lượng hùng hậu sau bốn năm và gần năm tháng chiến sự, và đang có đủ tiềm lực để đánh bại quân đội của Tưởng. Sugiyama bẩm với vị chỉ huy tối cao: "Vì giờ chưa phải lúc thích hợp để rút quân khỏi Di Lăng (một cảng sông chính gần ngõ vào hẻm sông Dương tử, một điểm xuất phát thuận lợi để tiến vào tỉnh Tứ Xuyên và tấn công Trùng Khánh), chúng thần thiết nghĩ sẽ sử dụng các đơn vị từ chính quốc để bổ sung cho mũi tấn công. Hiện chúng thần đang cân nhắc việc này". Tuy nhiên, Hirohito lại có ý kiến khác. "Có lẽ ta nên rút quân khỏi Di Lăng".

tảisáchhay

Lời nói cuối này có vẻ hơi khó hiểu nhưng cho dù Nhật Hoàng thật sự đang nghĩ gì thì ông vẫn muốn hạ thấp Di Lăng xuống hàng thứ yếu, dù nơi này kể từ năm 1940 đã trở thành khu vực dàn trận của Quân đoàn 11 của Nhật bản ở khu vực Vũ Hán nhằm tổ chức một đợt tấn công vào Trùng Khánh, ít nhất là trong một thời gian. Do vậy, ông để ngỏ khả năng trở lại Di Lăng một khi chiến dịch chính đã hoàn tất thành công. Tất nhiên, vấn đề chiến lược cốt yếu là ở chỗ Hirohito và bộ chỉ huy tối cao của ông đang đưa đất nước vào một cuộc chiến tranh hoàn toàn mới trong khi hơn nửa quân đội Nhật đã và sẽ tiếp tục bị trói chân trên lục địa.

V

Sau ngày 05 năm 11, mọi "cuộc đàm phán" của Nhật – dù vẫn có mục tiêu là bảo đảm nguồn cung ứng xăng dầu từ Mỹ và Đông Ấn thuộc Hà Lan hay ngăn chặn Mỹ và Anh không can thiệp vào hành động của Nhật ở Trung Quốc hay có bất kỳ hành động nào khác đe doạ chiến dịch của hạm đội Nhật ở Đông Nam Á, đều nửa hư, nửa thật. Trong nhiều tháng trời, các cuộc đàm phán này có một vị trí và tầm quan trọng cao nhất đối với các lãnh đạo Nhật, kể cả Hirohito, người biết rất chi tiết và luôn mong mỏi cho các cuộc đàm phán này thành công. Tuy Hirohito đặt nhiều hy vọng vào đề xuất B nhưng đồng thời ông cũng cảm thấy kế hoạch này sẽ không thành công và do vậy tốt nhất là hãy cố dắt mũi phía Mỹ cho đến tận thời điểm mà ông và bộ chỉ huy tối cao sẵn sàng cho cuộc chiến sinh tử. Đối với Roosevelt và các chiến lược gia của ông, các cuộc đàm phán là biểu hiện cho thấy thế yếu của Nhật. Đồng ý với bất kỳ một đề xuất nào của Tokyo sẽ bị cả nước Mỹ coi là một hành động "nhượng bộ". Quan trọng hơn là họ cũng chịu nhiều sức ép từ Anh và Trung Quốc nếu định thỏa hiệp với Tokyo. Do không đánh giá cao mối đe doạ quân sự từ Nhật, chính quyền Roosevelt cũng không đề cao cả phương án dự bị cho mối đe doạ đó, tức là việc tạm thời giải quyết bất đồng cho phép Nhật được bảo đảm cung cấp một lượng xăng dầu tối thiểu coi như một cách khuyến khích để tiếp tục đàm phán ở vào một thời điểm mà Hội Quốc Liên chống phe Trục đang ở vào lúc suy yếu nhất.

Hull đã tìm cách đọc được những bức điện ngoại giao mã hóa của Nhật (bằng cách chặn và giải mã bằng hệ thống có tên mã là MAGIC). Cũng như Roosevelt, ông đã biết thời gian biểu cho chiến tranh của nội các mới của Tojo và những di biến động của quân Nhật về phía Đông Nam Á. Ngày 26 năm 11, trái với lời khuyên của Đại sứ Grew ở Tokyo, Hull trao cho Đại sứ Nomura và trợ lý đặc biệt của ông này, Kurusu Saburo, một "bản thảo tuyên bố chính sách chung" và bản đề cương 10 điểm gồm nội dung nguyên tắc cho một hiệp định toàn diện thay vì một thỏa thuận đình chiến hay hoãn binh chiến thuật tạm thời. Văn kiện gồm hai phần này được ghi chú là "tuyệt mật, tạm thời và không cam kết". Phần thứ hai với tiêu đề "Đề cương Đề xuất Hiệp định sơ bộ giữa Mỹ và Nhật" không hề nhắc đến bất cứ phần nào trong đề xuất trước đó của Nhật về thỏa thuận đình chiến tạm thời. Phần này yêu cầu Nhật "rút toàn bộ quân đội, Hải quân, không quân và cảnh sát khỏi Trung Quốc và Đông dương" nhưng không định nghĩa rõ khái niệm "Trung quốc" trong cả sáu lần từ này xuất hiện trong văn kiện. Tài liệu cũng không hề nhắc gì đến Mãn Châu, vì Hull đã bác bỏ học thuyết bất công nhận trước đó của Stimson ngay từ đầu cuộc đàm phán. Quan trọng không kém là việc Hull không nói gì đến thời hạn rút quân. Mặt khác, văn kiện dự thảo này nói rất rõ rằng Mỹ

tảisáchhay

sẽ không ủng hộ bất kỳ một chính phủ nào ở Trung Quốc ngoài chính phủ Quốc gia của Tưởng Giới Thạch.

Khi bản "công hàm của Hull" này, theo cách gọi ở Nhật sau chiến tranh, đến được Tokyo vào ngày 27, Tojo đã hiểu nhầm hành động của Mỹ bằng cách thông báo với hội nghị liên lạc rằng Oa-sinh-tơn đã phát đi một "tối hậu thư cho Nhật Bản". Dĩ nhiên, Togo biết rằng tuyên bố của Hull thực ra không phải là một tối hậu thư vì đã ghi rõ chữ "tạm thời" cũng như không hạn định thời gian chấp thuận hay từ chối. Thế nhưng Togo lại im lặng. Về sau, một số thành viên ban quân cơ cũng chỉ ra rằng bản thông điệp của Hull không thể coi là một tối hậu thư của Mỹ vì những chữ ghi trong phần ghi chú, điều rõ ràng không có lạ gì đối với Togo. Nhưng sau đó ông này cũng nhanh chóng nhất trí với việc phát động chiến tranh cũng như hồi đầu tháng 11 khi ông chấp thuận yêu cầu của quân đội đòi Mỹ phải ngừng hậu thuẫn Tưởng Giới Thạch.

Có lẽ Togo cảm nhận được từ tinh thần của bản thông điệp của Hull một giọng điệu cao ngạo thực dân của một nước có vị thế như Mỹ. Cũng như những người khác trong phòng, ông chắc phải cảm thấy nhẹ nhõm vì chính lập trường cứng rắn của Mỹ xuất phát từ những nguyên tắc trừu tượng đã tạo cho họ cái cớ về trách nhiệm đạo đức đối với những gì họ sắp làm. Giờ đây họ có thể đổ lỗi rằng chính phủ Mỹ đã "buộc" họ phải chọn cách chiến tranh để tự vệ: Bản thân chúng tôi không muốn làm thế; chính "công hàm của Hull" đã kích động chiến tranh và từ giờ trở đi chúng tôi sẽ dùng văn kiện của Mỹ này để làm dẫn chứng cho điều đó".

Trong mọi giai đoạn của cuộc đàm phán bí mật giữa Hull và Nomura, dưới thời ba bộ trưởng ngoại giao Matsuoka, Toyoda và Togo, cả Bộ Lục quân, Hải quân và ngoại giao luôn thực hiện việc hoạch định chính sách bằng cách đình hoãn, trong đó không ai nhượng bộ và các bất đồng không được giải quyết nhưng vẫn được thông qua trên văn kiện. Cả ba bộ này đều cản trở và kiểm soát lẫn nhau, trong khi phía Lục quân đặc biệt không bao giờ có sự nhượng bộ nào đáng kể hay hành động theo hướng xây dựng bằng cách đề xuất một cách ứng xử mới. Cả ba bộ trưởng ngoại giao đều bám chặt lấy một luận điểm đã có là "Hiệp ước sơ bộ" với chế độ tay sai Uông Tinh Vệ, thứ bảo đảm cho việc quân Nhật chiếm đóng tại Trung Quốc. Hơn thế, họ còn khăng khăng bám lấy cơ chế hoạch định chính sách của mình, một cơ chế mà do sự xung đột và chia rẽ quan liêu không bao giờ có sự thống nhất và đến cuối năm 1941 chỉ còn tác dụng thúc đẩy diễn biến theo một hướng duy nhất là chiến tranh.

Suy cho cùng, sẽ chỉ dễ dàng hơn đối với mỗi thế lực trong bối cảnh này, kể cả Nhật Hoàng và Kido, nếu quay sang hướng mở rộng chiến tranh thay vì mạo hiểm làm tê liệt và đổ vỡ hoàn toàn cơ chế cai trị của mình. Điều này đặc biệt đúng với Hirohito, người mà trong nhiều thời điểm trong cả thập kỷ kể từ sau sự kiện Mãn Châu, đã tỏ ra lo sợ rằng nếu không có những hành động quân phiệt, như không tuyên truyền động viên quốc thể hay không trấn áp bất đồng thì sẽ làm tổn hại đến cơ chế quân chủ của chính quyền và sau cùng là hủy hoại chính thể chế quân chủ đó. Đối với Hirohito, những xung đột trong nước còn nguy hiểm hơn cả sự leo thang chiến tranh vì chúng mang lại nguy cơ làm xói mòn nền quân chủ. Trong cơ chế ra quyết sách thời chiến ở Nhật, những thế lực chính đạt đến sự đồng thuận bằng cách đặt lợi ích quốc gia dưới quyền lợi riêng đầy quan liêu, ích kỷ của mình trong khi

tảisáchhay

vẫn luôn miệng tuyên truyền luận điệu hòa hợp và đồng thuận. Hễ không đạt được sự nhất trí là họ lại bưng bít sự bất đồng của mình bằng những văn bản chính sách mơ hồ vừa xoa dịu tất cả các bên trong khi để mặc cho sự khẩn cấp của tình hình, việc chuẩn bị chiến tranh và những lợi ích đặc thù riêng của mình quyết định đường đi cuối cùng trong hành động.

Khi gần đến thời điểm ra quyết định tối hậu mở màn cuộc chiến, Hirohito yêu cầu triệu tập lần cuối phiên họp với các lãnh đạo chính phủ và các chính khách kỳ cựu. Ngày 27 năm 11, một lực lượng lớn quân Nhật gồm 6 hàng không mẫu hạm xuất phát từ Vịnh Tankan (Hitokappu) phía nam quần đảo Kurile nhằm hướng Hawaii thẳng tiến còn hội nghị liên lạc thì quyết định các "Quy trình thủ tục hành chính liên quan đến việc Tuyên bố Chiến tranh". Ngày 29 năm 11, các lãnh đạo nhóm họp trong cung để Nhật Hoàng lắng nghe các ý kiến của mình. Thủ tướng Tojo và các thành viên nội các phát biểu trước tiên. Sau đó đến lượt các chính khách cựu trào như Wakatsuki, Hirota, Konoe, Hiranuma, Okada, Yonai, Hayashi và Abe. Đa số lập luận rằng tốt nhất là nên giữ nguyên tình thế như hiện có và chịu đựng sức ép của Mỹ nhưng không một ai dám đứng lên thẳng thừng phản đối việc khởi chiến.

Ngày 30 năm 11, Hoàng thân Takamatsu vào cung để cố thuyết phục anh trai mình đừng đưa Đế chế vào một cuộc chiến tranh mới. Ông cảnh báo Hải quân đã dàn trải hết lực lượng của mình. Các lãnh đạo Hải quân không chắc chắn có giành được thắng lợi cuối cùng hay không và muốn tránh tham chiến với Mỹ nếu có thể. Tuy cuộc gặp của hai người chỉ kéo dài có năm phút nhưng Takamatsu sẽ không bao giờ quên được cố gắng phút chót vô vọng đó của mình để có được tiếng nói trong quá trình vạch sách lược. Sau đó, Hirohito bối rối hỏi Kido: "Chuyện gì đang xảy ra vậy?" còn Kido thì đáp: "Quyết định lần này (hôm sau) sẽ vô cùng quan trọng. Một khi bệ hạ đã xuống chiếu thì không thể thu hồi lại được nữa. Nếu còn chút nghi ngờ nào thì bệ hạ nên xem xét lại cho tới khi hoàn toàn chắc chắn". Sau khi hỏi han lại Tojo, Hirohito triệu tập các lãnh đạo Hải quân tối cao là Nagano và Shimada để thương nghị chung một lần nữa. Cả hai người này đều trấn an Nhật Hoàng rằng chiến dịch quân sự sẽ thắng lợi. Có điều không ai được biết liệu Hirohito có hỏi họ về sự tự tin của Hải quân sau hai năm đầu chiến tranh hay không – điều mà Takamatsu lo lắng.

Bước đi cuối cùng trong giai đoạn sẵn sàng bước vào cuộc chiến được thực hiện vào buổi chiều ngày 01 tháng 12. Mười chín vị lãnh đạo với vẻ ủ rũ, trong đó có toàn bộ nội các tập hợp; Nhật Hoàng bước vào, ngồi vào chiếc ngai cao trên bệ ở cuối phòng trước tấm màn màu vàng và phiên họp bắt đầu.

Một giờ sau, sau khi mọi người ngồi ở hai dãy bàn dài ở hai phía và góc bên phải Nhật Hoàng đã trình bày xong, Trưởng ban quân cơ Hara đứng lên xướng câu hỏi cho nội các và ban chỉ huy tối cao, có lẽ là nhân danh Nhật Hoàng. Ngày lời đầu tiên, Hara đã bóp méo tuyên bố của Hull khi nói rằng "Mỹ … yêu cầu chúng ta phải rút quân *toàn bộ* khỏi *Trung Quốc* (nhấn mạnh)", trong khi thực ra Hull chỉ dùng có một từ "Trung quốc". Hara nói "Tôi muốn biết Mãn Châu quốc có nằm trong phạm trù 'Trung quốc' không? Hai Đại sứ có khẳng định điểm này không?"

Togo đáp rằng hai đại sứ không làm rõ ý nghĩa của từ "Trung quốc" mà phía Mỹ nêu trong cuộc gặp với Hull ngày 26.

tảisáchhay

“Tuy nhiên … đề xuất của Mỹ (ngay từ đầu cuộc đàm phán) ngày 16 tháng 4 nói rằng họ sẽ công nhận quốc gia Mãn Châu quốc, như vậy Mãn Châu quốc phải là một bộ phận của Trung Quốc … Mặt khác … trong lập trường của họ đã có sự thay đổi … họ coi Trùng Khánh là chế độ hợp pháp duy nhất và … họ muốn thủ tiêu chế độ Nam Kinh, (vì vậy) mà họ có thể sẽ rút lại những tuyên bố trước đây.”

Câu trả lời của Togo đầy né tránh và phi lý một cách đáng kinh ngạc. Trong suốt cuộc đàm phán Nhật – Mỹ, vấn đề Mãn Châu luôn là một ưu tiên thứ yếu của Hull; chưa một lần nào ông này nêu ra vấn đề rút quân khỏi Mãn Châu. Cả Nomura cũng không hề nêu vấn đề Mãn Châu trong cuộc đàm phán với Hull khi bàn về “Trung quốc”. Cả hai người đều luôn tách biệt Mãn Châu khỏi Trung Quốc. Hơn nữa, như sử gia Sudo Shinji đã chỉ ra mới đây, nếu Hull muốn thay đổi hiện trạng ở Mãn Châu thì “ông ta đã đưa ra vấn đề Mãn Châu riêng rẽ trong quá trình đàm phán”. Togo biết điều này nhưng chọn cách nhấn mạnh rằng ngoại trưởng Mỹ đòi rút quân khỏi Mãn Châu vì Mỹ từ chối công nhận chính phủ Nam Kinh, một lập trường mà Roosevelt và Hull đều chưa từng thay đổi. Sau câu trả lời vô lý của Togo, không một ai có mặt tại phiên nghị triều tiếp tục truy cứu vấn đề Mãn Châu quốc vì tất cả họ đều có chung nhận thức sai lệch rằng Mỹ đang định thay đổi hiện trạng ở khu vực này cũng như ở lãnh thổ chính của Trung Quốc.

Hara kết luận phần đặt câu hỏi ngắn gọn với các chỉ huy tối cao bằng cách mô tả quyết định chiến tranh trong một bối cảnh lịch sử rộng lớn kéo dài từ cuộc chiến tranh 1894 – 95 đến sự kiện Mãn Châu năm 1931. Theo ý kiến của Hara, nên chọn cách chiến tranh thay vì chấp nhận đề xuất của Hull bởi lẽ:

“Nếu chúng ta đầu hàng (Mỹ) thì chúng ta cũng sẽ không những sẽ mất đi những thành quả từ cuộc chiến tranh Trung – Nhật và Nga – Nhật mà còn cả kết quả từ sự kiện Mãn Châu. Chúng ta sẽ không bao giờ chịu chấp nhận điều này … Rõ ràng sự tồn vong của Đế chế đang bị đe doạ; những thành quả vĩ đại của Minh Trị Thiên Hoàng đang có nguy cơ trở về con số không và chúng ta đang bó tay ngồi nhìn.”

Hara kết thúc phần phát biểu, Nhật Hoàng im lặng, và rồi Tojo lên tiếng: “Một khi Thánh thượng quyết định khai chiến thì chúng ta sẽ gắng sức hoàn thành nhiệm vụ đối với người, chính phủ và quân đội sẽ gắn bó với nhau hơn bao giờ hết; quyết tâm đoàn kết dân tộc đi đến thắng lợi, dốc toàn lực nhằm đạt được mục tiêu quân sự đề ra để thánh thượng an lòng. Đến đây tôi xin phép kết thúc phiên họp”.

Sau lời “kết luận” này, Sugiyama ghi lại rằng “Nhật Hoàng gật đầu đồng ý đối với mỗi lời phúc trình và không hề thể hiện sự nôn nóng nào. Dường như ngài đang trong tâm trạng vui vẻ còn chúng tôi thì lòng đầy lo sợ”.

Sau đó, ở một nơi khác trong Hoàng cung, Tướng Sugiyama tới gặp Nhật Hoàng và báo cáo với ông kế hoạch tấn công ngày 08 tháng 12.

Từ ngày 02 tháng 12 đến 08 tháng 12 tức “Ngày X”, trong khi người dân Nhật Bản hoàn toàn không hay biết gì, Nhật Hoàng Hirohito đã liên tục gặp các tham mưu trưởng, tham vấn các phụ tá về lực lượng phòng không trong nước, xem xét tổ chức của hạm đội, rà soát

tảisáchhay

các kế hoạch và bản đồ quân sự, nghe báo cáo về thực trạng của các đơn vị đang vào vị trí sẵn sàng chiến đấu trên nhiều mặt trận xâm lăng.

VI

Trong hầu hết mọi việc ông đã làm kể từ khi lên ngôi, Hirohito đã tách mình ra khỏi con đường mà ông nội ông, Minh Trị Thiên Hoàng đã định ra. Bản chiếu thư phát động chiến tranh do ông soạn đề ngày cuối tháng 10 cũng không phải ngoại lệ.

Những chiếu thư tuyên chiến trước đều có những lời lẽ thận trọng như "miễn là không mâu thuẫn với luật pháp quốc tế" và "trong khuôn khổ luật pháp quốc tế". Còn trong chiếu thư của Hirohito thì không có hạn chế nào như vậy vì nó phải khớp với những kế hoạch hành quân nhằm thực hiện hai cuộc tấn công bất ngờ đồng thời: một cuộc không kích hạm đội Mỹ và căn cứ Hải quân ở Trân Châu cảng tại Hawaii và một cuộc đổ bộ vào Kota Bharu ở Malaya thuộc Anh.

Từ Kota Bharu, quân Nhật sẽ đánh về phía nam dọc bờ biển phía tây Malaya, chủ yếu để tránh khu vực rừng rậm và núi non, để chiếm Singapo, nơi địa đầu của Bán đảo Malaya, điểm trọng yếu của Đế quốc Anh ở Đông nam Á và cửa ngõ tiến vào các nguồn tài nguyên ở Đông Ấn thuộc Hà Lan. Việc quân Nhật tiến đánh Singapo sẽ vi phạm sự trung lập của Thái Lan ở Singora (Songkhla), một cảng chiến lược ở phía bắc Kota Bharu trên Vịnh Thái Lan, nằm ở khu vực Kra Isthmus miền nam Thái Lan. Như vậy, toàn bộ chiến dịch ở phía nam đã được vạch ra dựa trên sự vi phạm luật pháp quốc tế đối với hai cường quốc lớn là Mỹ và Anh và một cường quốc nhỏ nhưng năng nổ về ngoại giao là Thái Lan. Biết rõ những yêu cầu bắt buộc cho hành động này và không rõ liệu Thái Lan sẽ đứng về phía Nhật hay phía Anh trong cuộc chiến, Nhật Hoàng và bộ trưởng ngoại giao Togo đã xoá khỏi bản dự thảo chiếu thư điều khoản về tôn trọng luật pháp quốc tế.

Một điểm khác cũng bị xoá là các tham chiếu đến khái niệm "Bán cầu Thịnh vượng chung Đại Đông Á" như một mục tiêu chiến tranh chính thức. "Nguyên tắc cơ bản Thực hiện Quản lý Khu vực chiếm đóng phía Nam", một văn kiện do Bộ ngoại giao soạn và thông qua tại hội nghị liên lạc ngày 20 năm 11 (trước khi có "công hàm của Hull" và quyết định khai chiến cuối cùng của Nhật Hoàng), nêu rằng để Nhật Bản có thể ủng hộ công cuộc "giải phóng các dân tộc ở Đông Á" khỏi ách thống trị và thực dân của người da trắng thì các mục tiêu quân sự phải "vị tha và có ít tác động thuyết phục đối với dân tộc … thế giới có thể coi đây là một cuộc đấu tranh chủng tộc. Tuy nhiên, có thể ủng hộ sự nghiệp này một cách không chính thức".

Vai trò tích cực của Nhật Hoàng trong soạn thảo và kiểm tra cặn kẽ bản chiếu thư trong mọi quá trình soạn thảo xuất phát từ tính cách của ông. Các quan chức Bộ ngoại giao với sự hỗ trợ của thư ký nội các Inada Shuichi, ký giả Tokutomi Soho và quan chức triều đình Yoshida Masuzo, một học giả chuyên về văn hóa cổ Trung hoa là những người thật sự soạn thảo bản chiếu thư.

Các sĩ quan Phòng quân vụ thuộc cả hai binh chủng quân đội cũng như các quan chức dân sự thuộc văn phòng Thủ tướng tham gia vào công đoạn hoàn chỉnh. Sau đó, Nhật Hoàng và

tảisáchhay

Kido cùng đọc lại các bản thảo. Phân tích của sử gia Okabe Makio về ba phiên bản được giữ lại – một bản không đánh số, một bản đánh số 4 và bản thứ ba đánh số 6 – cho thấy các chiếu thư này có thể có tới 10 hay 11 bản thảo khác nhau.109 Kido, Tojo, Togo và Nhật Hoàng đóng vai trò tích cực trong suốt quá trình này; Hirohito còn nhất định đòi thay đổi nhiều điểm quan trọng trong bản thảo.

Ước vọng hòa bình là một nhân tố kiên định trong hình ảnh công chúng của cha và ông nội ông và cũng được tượng trưng trong những văn bản chỉ thị quan trọng thời trẻ tuổi của ông. Giờ đây, Hirohito đang cẩn thận lặp lại chủ đề hòa bình trong thông điệp tuyên chiến duy nhất của mình. Bởi vậy mà trước câu "Đế chế của chúng ta đã buộc phải giao chiến với Mỹ và Anh", ông đã chỉ thị đưa thêm vào vài lời khuôn sáo để thể hiện rằng Nhật Hoàng không muốn chiến tranh ("Đây là một quyết định không thể tránh khỏi và hoàn toàn khác với mong muốn của chúng ta …"). Những lời lẽ này chỉ nhấn mạnh ao ước hòa bình ngoài mặt của ông – với nghĩa hòa bình toàn cầu giữa các đại bán cầu trên thế giới chứ không phải giữa từng quốc gia.

Thứ hai, dòng cuối trong bản chiếu thư tuyên chiến ban đầu có câu "Cổ vũ giáo lý Trung quân ra toàn thế giới *(kodo no taigi o chugai ni senyosen koto o kisu)*". Đối với Nhật Hoàng, trong Luật nghĩa vụ quân sự *(senjinkun)* của quân đội Thiên Hoàng không thể thiếu được cụm từ "Trung quân" *(kodo*) như một kiểu bùa hộ mệnh; hầu như mọi hành động bành trướng lãnh thổ của Nhật kể từ năm 1931 đều được thực hiện dưới chiêu bài này. Nhưng ông không muốn đưa những lời lẽ thể hiện sự bành trướng của Đế chế vào trong chiếu thư vì đây là cái để toàn thể người dân Nhật Bản và thế giới cùng đọc. Do vậy, theo chỉ thị của ông, Kido đã đổi dòng này thành "gìn giữ niềm vinh quang của Đế chế" *(teikoku no koei o hozen sumu koto o kisu)*. Không cần phải nói thì cũng có thể thấy không một sự thay đổi nào trong số này làm giảm bớt tinh thần toát lên từ nội dung chính, đó là "vì sự tồn vong và tự vệ", Nhật Bản đang lăm le chặt đứt cánh tay đế quốc của Anh – Mỹ ở châu Á .

Bước cuối cùng là các bộ trong nội các ký kết bản chiếu thư để giữ nguyên ảo tưởng rằng Nhật Hoàng Hirohito, vị quân vương chân chính và hợp hiến thật sự, chỉ chuẩn tấu những thay đổi chính sách lớn theo lời khuyên của các Bộ trưởng trong nội các. Đó cũng chính là công đoạn cuối gắn liền với cơ chế lảng tránh trách nhiệm trong chính quyền Nhật Bản có từ thời Minh Trị.

Rạng sáng ngày 08 tháng 12, giờ Tokyo, Hải quân và Lục quân Thiên Hoàng gần như đồng loạt bất ngờ tấn công Singora và Kota Bharu. Hơn nửa giờ sau, họ tấn công căn cứ Hải quân được phòng vệ nghiêm ngặt của Mỹ ở Trân Châu cảng và sau đó vài giờ là Căn cứ Không quân Clark ở trung tâm Luzon, đánh vào nguồn tiếp vận chính của thế lực đế quốc đang trỗi dậy của Mỹ ở châu Á . Tổng thống Roosevelt giờ đây phải đối mặt với cuộc chiến tranh mà ông không hề mong muốn, với một đất nước mà ông coi là mối đe doạ thứ yếu đối với an ninh của Mỹ.

Nhật ký của quan thủ ấn Kido và trợ lý Hải quân của Hirohito, Jo, cho chúng ta dõi theo bước đi của Nhật Hoàng từng giờ trong ngày đầu của cuộc "Chiến tranh Đại Đông Á". Theo Jo, "Các đơn vị tiến đánh Malaya bắt đầu đổ bộ lên Singora lúc 1:30 sáng và hoàn tất cuộc đổ

tảisáchhay

bộ vào lúc 4:30 sáng. Lúc 2:30 sáng, ngoại trưởng (Togo) trình lên Nhật Hoàng một bức điện của Tổng thống Roosevelt", mà (theo một thị thần nhớ lại) dường như đã làm ngài tức giận. Jo viết tiếp:

"4 giờ sáng (giờ Nhật Bản): Nhật hạ tối hậu thư lần cuối cho Mỹ. 3:30 sáng: cuộc đột kích ở Hawaii thắng lợi. 5:30 sáng: ném bom Singapo. Thành công lớn. Không kích Davao, Guam, Wake. 7:10 sáng: mọi tình hình được báo cáo với Thiên Hoàng. Chiến hạm Mỹ Wake bị bắt sống tại mặt trận Thượng Hải. Tàu chiến Anh Petrel bị đánh chìm. Từ 7:15 đến 7:30, tổng tham mưu trưởng Hải quân báo cáo tình hình chiến sự. 7:30, Thủ tướng báo cáo không chính thức với Thiên Hoàng về bản chiếu thư tuyên chiến. (Nội các họp từ 7 giờ sáng). 7:35, tổng tham mưu trưởng Lục quân báo cáo tình hình chiến sự. 10:45, Thiên Hoàng dự buổi họp khẩn cấp tại ban quân cơ. 11:00 sáng, chiếu thư tuyên chiến được ban bố. (11:40 sáng, Hirohito nghị bàn với Kido khoảng 20 phút). 2:00 chiều, Thiên Hoàng triệu vời các Bộ trưởng Lục quân và Hải quân vào ban thánh chỉ. Bộ trưởng Lục quân, thay mặt hai bộ quân sự vào chầu. (Lúc 3:05 chiều, Nhật Hoàng có buổi họp thứ hai với Kido, kéo dài khoảng 20 phút). 4:30 chiều, các tổng tham mưu trưởng báo cáo chính thức về bản dự thảo Hiệp ước Quân sự Ba bên (Đức – Ý – Nhật). 8:30 tối, tổng tham mưu trưởng Hải quân báo cáo kết quả đợt không kích ở Hawaii … Cả ngày Thiên Hoàng mặc lễ phục Hải quân và có vẻ rất phấn chấn."

tảisáchhay

12. Trọng trách của Chỉ huy Tối cao

Đối mặt với sự bóp nghẹt về quân sự do cuộc cấm vận xăng dầu và nguy cơ phải thừa nhận thất bại ở Trung Quốc, qua đó từ bỏ một phần lớn lãnh thổ trên lục địa của đế chế, có thể dẫn đến bất ổn đối với ngai vàng mà ông được thừa kế, Hirohito chọn phương án thứ ba là chiến tranh với Mỹ và Anh. Cũng như hầu hết các chỉ huy tối cao của mình, ông tin rằng Đức sẽ thắng Anh như đã từng thắng trước toàn bộ châu Âu. Nếu các kế hoạch chiến lược nhất định nhanh chóng được hoàn thành thì Nhật Bản sẽ có thể đương đầu với nước Mỹ có năng lực sản xuất vượt trội và ít nhất cũng tạo được thế ngang bằng với Mỹ. Sau khi đã quyết định, Hirohito toàn tâm toàn ý đứng ra chỉ đạo và dẫn dắt cuộc chiến tranh tới thắng lợi bằng mọi giá. Đây là một vai trò đầy khó khăn và vô cùng quan trọng.

Thế nhưng Hirohito hiếm khi tỏ ra có đủ những tố chất thích hợp khi cần phải có năng lực lãnh đạo cá nhân mạnh mẽ phi thường để điều hành và khống chế cơ cấu quyền lực phân cấp và giải quyết mâu thuẫn giữa các bộ tổng tham mưu và các bộ tương ứng. Do quá rụt rè và chậm chạp khi đưa ra các ý tưởng, ông chưa bao giờ đủ khả năng để giải quyết mối hiềm khích giữa hai phe quân sự, từ đó duy trì sự đoàn kết cả về mục đích và hành động. Khiếm khuyết này đã phải trả giá đắt. Những việc Hirohito làm là giám sát liên tục các tổng tham mưu trưởng dựa trên một tinh thần trách nhiệm cao đối với Đế chế và cao hơn hết là quyền lợi của triều đình. Ông cũng khiến họ vững tin hơn vào tính ưu việt vốn có của chiến lược tấn công so với phòng ngự. Với bản chất lạc quan, ông tiếp cận tình hình quân sự khó khăn bằng thái độ như thể chỉ cần cố gắng thêm một chút là quân đội sẽ chiến thắng. Mặt khác, trước khi phê chuẩn các kế hoạch chiến dịch, ông luôn có thói quen thận trọng. Ông không những soi mói để tìm ra những điểm bất ổn, cho rằng khả năng đó hoàn toàn có thể xảy ra mà thực ra là *tiên đoán* sự việc sẽ diễn ra như vậy nếu bộ chỉ huy tối cao không thực hiện những biện pháp mà ông đưa ra. Những kinh nghiệm xương máu biến ông thành một nhà lãnh đạo đầy đa nghi không tin tưởng hoàn toàn vào cách tiến hành chiến dịch của bộ chỉ huy quân đội tối cao của mình. Ông luôn châm chọc, đôi khi rất hà khắc, khi phê bình những sai lầm của bộ chỉ huy cũng như quở trách họ vì đã quá chủ quan.

Mặc dù Hirohito không bao giờ thị sát mặt trận như các vị tổng tư lệnh khác nhưng ông lại có ảnh hưởng quyết định và quyền kiểm soát các chiến dịch ngoài mặt trận, cả trong hoạch định và thực hiện, bất cứ khi nào ông muốn. Cũng như trong bốn năm đầu cuộc chiến tranh Trung Quốc, ông đã liên tục ban ra các mệnh lệnh quân sự tối cao từ Đại bản doanh Thiên Hoàng, và đôi khi còn tham dự các phiên họp đưa ra các quyết định nhân danh ông. Ông tiếp tục triệu kiến các tướng lĩnh, đô đốc làm nhiệm vụ trở về từ các chiến trường Thái Bình Dương và Trung Quốc. Ông công khai động viên và khen ngợi các đơn vị tiền tuyến (sau này là các tổ chức hậu phương). Ông liên tục gửi điện và sứ giả tới mặt trận cũng như ban thánh chỉ (còn vinh dự và cao quý hơn so với tuyên dương của tổng thống đối với các chỉ huy quân sự Mỹ) để khen ngợi các sĩ quan có công. Ông cẩn thận trau chuốt các chỉ dụ của mình để từ ngữ phải thật chính xác. Ông thị sát các căn cứ, chiến hạm và nhiều sở chỉ huy Lục quân, Hải quân. Ông tới kiểm tra các trường võ bị, nói chuyện với các lãnh đạo cơ sở công nghiệp nhằm khuyến khích sản xuất, tỏ ra hết sức quan tâm tới việc phát triển vũ khí và tuyên truyền khắp nơi tinh thần hy sinh vì quốc gia.

tảisáchhay

Nhưng ưu thế lớn nhất của Hirohito trong những năm chiến tranh có lẽ là khả năng chuyển hóa bản tính trầm lặng, rụt rè của mình thành một tố chất lãnh đạo. Sức cuốn hút ẩn dấu trong toàn bộ con người Hoàng gia của ông, khác xa với những phẩm chất bình thường của con người ông, từ truyền thuyết về dòng tộc xa xưa của ông, trong những truyền thống và nghĩa vụ nối nghiệp cha ông sau hàng thế kỷ, tới tận thời hiện đại khi hình ảnh của ông chỉ đơn thuần được tạo dựng và nhào nặn bởi kẻ khác. Theo nhiều cách, chính sự kiên trì và quyết tâm ngang bướng của ông để không trở thành một vị quân vương yếu ớt đã giúp ông tồn tại qua cuộc chiến tranh.

Những nhà kiến thiết bản hiến pháp Minh Trị năm 1889 chắc không thể nào tiên đoán được rằng một Hirohito với tính cách cứng nhắc đến vậy lại có khả năng chấp nhận những thay đổi hiến pháp. Cũng như các thày dạy của ông ở Ogakumonjo không thể nào đoán trước được cuộc đại chiến châu Á – Thái Bình Dương mà ông khởi xướng, chỉ đạo và cuối cùng là kết thúc, sau thời gian dài do dự. Tuy nhiên, chính với việc trao cho Nhật Hoàng quyền lực chỉ huy quân sự tối cao, trở thành người chịu trách nhiệm cao nhất và duy nhất cho việc tuyên bố và phát động chiến tranh hay thiết lập hòa bình, Ito và các đồng nghiệp của mình ngày từ hàng chục năm trước đã đặt lên đôi vai vị Chiêu hòa Thiên Hoàng lúc đó còn chưa ra đời những trách nhiệm to lớn mà ông không thể thoái thác nếu còn tại vị.

Ngoài ra còn những trách nhiệm tôn giáo khác từ chính bản chất của ngôi vị được kế thừa mà một số những người tiền nhiệm của ông cảm thấy quá nặng nề đến mức họ thà từ bỏ còn hơn là gánh vác lấy. Hirohito trung thành với những trách nhiệm tôn giáo của mình ngay cả trong thời chiến. Ông cũng tiếp tục tổ chức các buổi tế lễ như bữa tiệc thơ ca *utakai-hajime,* nơi ông và các quan khách ngồi bình các *waka* được các thần dân dâng lên.

Từ khi ông đặt vận mệnh dân tộc và ngôi báu của mình vào cuộc chiến tranh thì việc cầu xin các vị thần thánh Shinto càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Vì vậy mà trong nhật ký của Quan thủ ấn Kido Koichi có ghi chép lại sau một năm ba ngày kể từ cuộc tấn công Trân Châu cảng như sau:

"11 tháng 12 năm 1942: Hôm nay, Thiên Hoàng thân chinh ngự giá tới cúng tế tại đền Ise (thay vì ủy quyền cho người khác) …

12 tháng 12: Rời Cung Kyoto lúc 6:45 sáng … tới ga Yamada lúc 10:00. Thiên Hoàng đầu tiên cúng tế tại ngoại điện. Sau bữa trưa … ngài vào nội điện tế lễ … Trước nay chưa từng có Thiên Hoàng nào đích thân tế thần trong thời chiến. Tôi hết sức xúc động trước sự thành kính lớn lao này và cảm thấy vinh dự sâu sắc được là một thần dân trung thành và được hầu hạ buổi lễ trọng đại này."

Còn nhật ký của Trung tá Jo Eiichiro, phụ tá Hải quân của Nhật Hoàng thì ghi:

"11 tháng 2 năm 1942: Ngày Lập quốc … Trực đêm. Từ 9:45 đến 10:20, Thiên Hoàng cúng tế trong cung. Tôi biết trong lời khấn vái mà Thiên Hoàng gửi tới các Thánh thần, ngài đang báo cáo tình hình ngoài mặt trận.

tảisáchhay

12 tháng 12 năm 1942: 1:20 chiều, Thiên Hoàng cúng tế ở Nội đền (Kotai Jingu). Ngài cảm tạ các bậc thánh linh vì những thắng lợi ngoài chiến trường và cầu xin các vị che chở cho tương lai dân tộc để người dẫn dắt đất nước đi qua thời khắc vô cùng cấp bách này.

28 tháng 1 năm 1943: Lễ *outakai* bắt đầu. Tôi được vào (phòng) Hoonoma và hết sức xúc động trước những bài thơ của Thiên Hoàng và Hoàng hậu.

30 tháng 1 năm 1943: Hôm nay, trên triều, Thiên Hoàng thực hiện lễ thanh tịnh *yoori no gi*. Tôi biết ngài đã dặn chánh trợ lý (Hasunuma) rằng ngài cầu thanh tịnh cho tình hình chiến sự đang trì trệ."

Tuy địa vị của Hirohito đòi hỏi ông phải làm các nghi lễ Thần đạo và các buổi lễ triều đình hàng năm nhưng ông vẫn tự nguyện thực hiện các dịp lễ nghi truyền thống vào các ngày cụ thể vì trật tự cứng nhắc hợp với tính cách của ông cũng vừa là cách để ông giải toả sự giận dữ. Tuy nhiên, nhu cầu chủ yếu vẫn luôn xuất phát từ vai trò tổng tư lệnh của ông.

I

Chiến tranh Thế giới thứ Haiở Thái Bình Dương được chính phủ của Tojo chính thức gọi tên là cuộc "Chiến tranh Đại Đông Á" *(Dai To'A senso)*. Cuộc chiến kéo dài ba năm chín tháng. Chiến trường chính là phía Nam và Tây nam Thái Bình Dương, nơi Hải quân Thiên Hoàng và không lực Hải quân không hề dự đoán trước sẽ có các trận đánh quyết định. Thay vào đó, Hải quân phỏng đoán, còn Hirohito thì tin rằng Hạm đội Liên hợp sẽ chỉ giao chiến tay đôi với từng hạm đội và chiến hạm của quân Mỹ ở giữa Thái Bình Dương. Những gì diễn ra là một cuộc chiến tiêu hao sinh lực không được trù tính, không được chuẩn bị và ngày càng leo thang ở phía nam. Lục quân và Hải quân đánh trả từng đợt tấn công không lường trước, bổ sung lực lượng vừa chậm vừa thiếu, nhận ngày càng nhiều thất bại, mất ngày một nhiều máy bay và các phi công lão luyện, binh lính và lương thảo, tàu chiến và cả những đơn vị trên bộ.

Tại vùng biển phía nam, trong 26 tháng đầu của cuộc chiến, không lực Hải quân mất 26.006 máy bay chiến đấu, gần một phần ba toàn bộ lực lượng cùng hàng nghìn phi công dày dạn kinh nghiệm. Chiến hạm bị đánh đắm với tổng tải trọng lên tới hàng trăm nghìn tấn. Đặc biệt nghiêm trọng là việc để mất tuyến đường vận chuyển lương thực, phương tiện trên biển. Cuối năm 1943, khi lực lượng Mỹ dưới quyền Đô đốc Chester Nimitz, chỉ huy Khu vực hải phận Thái Bình Dương, mở đầu cuộc tổng phản công cuối cùng ở trung Thái Bình Dương thì quân Nhật đang tuyệt vọng tìm cách co cụm phòng ngự và thu nhặt binh lực không quân và Hải quân còn lại sau khi đã gần như bị tiêu diệt trong các chiến dịch khốc liệt ở Nam Thái Bình Dương.

Ngay từ đầu, Hirohito đã có chung những giả định chiến lược sai lầm của các đô đốc Hải quân cũng như những quan niệm sai lầm của các tướng lĩnh Lục quân về kẻ thù chính. Bộ tổng tham mưu Lục quân thì hướng trọng tâm đến Liên Xô, do đó đã duy trì hầu hết binh lực trên bộ của Nhật ở Triều tiên, Mãn Châu và Trung Quốc và không hề nghiên cứu hay chuẩn bị cho những cuộc giao chiến trên các hòn đảo rừng rậm hẻo lánh ở Thái Bình Dương ngay cả sau khi khu vực này đã trở thành trận địa chính. Bản thân Hirohito cũng chú trọng

tảisáchhay

vào Liên Xô, dù không sâu hay quá lâu như phía Lục quân. Hơn nữa, ông còn nhận thức được những hạn chế trong kế hoạch của Lục quân trước bộ chỉ huy tối cao và đã cố tìm cách khắc phục.

Trong hai tháng đầu của cuộc chiến tranh, từ 08 tháng 12 năm 1941 đến cuối tháng 01 năm 1942, các cuộc tấn công của Nhật vào những lực lượng thực dân chiếm đóng vừa yếu vừa thiếu chuẩn bị ở Đông nam Á diễn ra gần như đúng lịch trình và kế hoạch chỉ đạo tác chiến trước trận Trân Châu cảng mà Hirohito dựa vào để tiến hành những tra xét ban đầu. Trong thời kỳ này, Lục quân và Hải quân Thiên Hoàng liên tiếp giành thắng lợi. Sau khi tiêu diệt hay làm tê liệt phần lớn hạm đội Mỹ đóng tại Trân Châu cảng và đánh chìm chiến hạm Anh *Hoàng tử xứ Wale* và tuần dương hạm *Repulse* vào ngày 09 tháng 12 ngoài khơi Singapo, phi công Nhật bắt đầu cuộc chinh phạt Philipin bằng cách quét sạch phần lớn lực lượng không quân vừa tăng viện của MacArthur trên bộ. Guam, Đảo Wake và Hồng Kông lần lượt thất thủ. Lực lượng hải lục kết hợp chiếm được Celebes và các giếng dàu của Hà Lan ở Borneo ngày 16 tháng 12, đổ bộ và đưa máy bay đến các vùng phía bắc, nam và đông Philipin vào cuối tháng 12. Ngày 03 tháng 1, Nhật chiếm Manila, sau khi MacArthur tuyên bố đây là thành phố bỏ ngỏ, bề ngoài để bảo vệ thường dân nhưng cũng bởi lực lượng của ông quá mỏng không đủ sức chống cự.

Cuộc tấn công thần tốc của Nhật khiến phe Đồng Minh không kịp trở tay. Sau khi chiếm được các sân bay của Anh và Mỹ ở Đông Nam Á và Philipin, không lực Hải quân tiến từng bước một, chi viện trên không cho các hướng Hải quân và Lục quân. Trên đường tiến đánh về hướng tây nam Thái Bình Dương với mục tiêu chiếm quần đảo Java thuộc lãnh thổ Ấn độ của Hà Lan, một đơn vị Nhật chiếm được căn cứ Hải quân và không quân của Úc ở Rabaul, thuộc Tân Anh cát lợi vào các ngày 22 – 23 tháng 1. Hầu hết các mục tiêu hành quân tại Nam Thái Bình Dương đề ra trước trận Trân Châu cảng đều đạt được. Các khu vực chiến lược chủ yếu giàu tài nguyên ở phía nam đã nằm trong tay Nhật và giai đoạn đầu của cuộc chiến tranh đã hoàn tất theo tính toán ban đầu.

Với đà chiến thắng, sự quyết tâm dồn ép đối phương vào thế bị động và thiếu một kế hoạch chu toàn để kết thúc chiến tranh, Đại bản doanh Thiên Hoàng đã không dừng "cuộc tiến quân về phía nam" vào thời điểm này để chuyển sang một chiến lược linh hoạt hơn. Thay vào đó, vào ngày 29 tháng 1, Đại bản doanh Thiên Hoàng lệnh cho Hạm đội Liên hợp đánh chiếm các cứ điểm chiến lược ở Lae, Salamaua và cảng Moresby ở phần thuộc Anh trên đảo Tân Guinea (phía đông), từ đó triển khai bước đầu kế hoạch cô lập, tiến tới tấn công nước Úc. Ngày 07 tháng 2, Nhật Hoàng triện ấn ngọc lên lệnh *Daikairei* số 14, chỉ thị cho Hạm đội Liên hợp tấn công đảo Timor ở đông nam Inđônêxia. Hirohito lúc này cũng say chiến thắng không khác gì các chỉ huy cao cấp của mình. Lực lượng hải lục kết hợp chiếm được các lãnh thổ của Bồ Đào Nha và Hà Lan trên đảo Timor ngày 20 tháng 2, Batavia ở Java ngày 05 tháng 3 và ngay sau đó, đánh chiếm Bougainville, đảo lớn nhất trong chuỗi quần đảo Solomon, đe doạ đường tiếp tế của Mỹ và Anh cho Úc.

Ngày 07 tháng 3, hội nghị liên lạc chính thức hóa chiến dịch đang nhanh chóng lan rộng ở Thái Bình Dương thành một văn bản chính sách mới, trong đó Điều đầu tiên nêu "Nhằm buộc quân Anh đầu hàng và quân Mỹ mất hết ý chí chiến đầu, chúng ta sẽ tiếp tục mở rộng

tảisáchhay

các khu vực đã chiếm được", và đồng thời với việc "cố gắng lâu dài để củng cố vị trí chiến lược bất khả xâm phạm, chúng ta sẽ tích cực nắm lấy bất kỳ cơ hội nào có được để tấn công địch". Ngày hôm sau, Lae và Salamaua thuộc Tân Guinea bị chiếm. Tính đến tháng Tư 1942, quân Nhật đã chiếm được các cứ điểm chiến lược ở các quần đảo Andaman và Nicobar, là lãnh thổ thuộc Anh Ấn chạy dài suốt từ eo biển Malacca đến cửa Ấn Độ dương, từ đó buộc lực lượng hạm đội nhỏ của Anh ở Ấn Độ dương phải rút vùng khỏi bờ biển Đông Phi.

Trong lúc này, ở Đông nam Á, bộ binh Nhật đã sớm chiếm được Singapo thuộc Anh ngày 15 tháng 2, tràn vào Thái Lan và từ đây tiến đánh lãnh thổ của Anh ở Miến Điện, chiếm Rangoon (cảng chính của Miến điện) ngày 08 tháng 3, Lashio (điểm đầu tuyến đường quốc lộ Miến điện) ngày 28 tháng 4 và Mandalaya ngày 01 tháng 5. Tại Nam Thái Bình Dương vào đầu tháng 5, Lục quân và Hải quân Nhật tiến vào phía nam quần đảo Solomon (Guadalcanal và Tulagi), và đến khoảng 21 tháng 7 chiếm Buna ở cực đông Tân Guinea, sau khi trước đó đã chiếm được Hollandia. Cuối cùng, ngày 07 tháng 6, quân Nhật đã đẩy lùi phòng tuyến Thái Bình Dương rộng lớn về phía bắc đến tận Alaska với việc cho quân trấn giữ ở Kiska và Attu thuộc Aleutians.

Trong khi chiến dịch ở nam Thái Bình Dương đang tiến triển thắng lợi thì bước tiến trên bộ ở Philipin, tuy ban đầu đã có những chiến thắng nhanh chóng, giờ đang chậm lại. Quân Mỹ và Philipin rút về các vị trí chuẩn bị từ trước ở bán đảo Bataan và pháo đài trên đảo Corregidor, vịnh Manila và cố thủ tại đây. Cũng khoảng thời gian này, Hirohito có sự can thiệp đầu tiên vào chiến dịch đang diễn ra ở mặt trận Thái Bình Dương. Lo lắng về đà tiến công đang chững lại ở Luzon, ông hai lần hối thúc Tham mưu trưởng Lục quân Sugiyama vào các ngày 13 và 21 tháng 1 phải tăng cường binh lực và nhanh chóng hạ Bataan. Sugiyama dù thường đánh giá thấp sức kháng cự của quân địch nhưng trong trường hợp này đã nhận định chính xác rằng quân Mỹ cố thủ ở Bataan không hề đe doạ gì đối với chiến dịch của Nhật Bản ở mạn phía nam. Ngày 22 tháng 1, bất chấp sự thiếu thốn lương thực, đạn dược và quân số, quân Nhật tiếp tục tấn công bán đảo Bataan, trong lúc bộ chỉ huy tối cao tìm cách bổ sung quân tiếp viện nếu cần.

Trong các trận đánh sau đó, lực lượng Mỹ và Philipin với quân số khoảng 80.000 người đã gây tổn thất lớn cho quân Nhật. Ngày 09 và 26 tháng 2, Hirohito lại thúc giục Sugiyama về chiến dịch ở Bataan. Cuối cùng, vào ngày 09 tháng 4, nhiều tuần sau khi Tướng MacArthur rút lui bằng thuyền phóng lôi và máy bay ném bom B-17 tới Men-bơn, Úc, quân cố thủ ở Bataan mới đầu hàng. Lực lượng trấn giữ Corregidor đầu hàng sau đó một tháng. Cuộc cầm cự lâu dài của quân Mỹ - Philipin ở Bataan – Corregidor đã tạo lợi thế cho những trận đánh ở vùng Biển San hô và Midway sau đó do các phân tích viên của tình báo Mỹ đã chặn, giải mã và phân tích được các bức điện vô tuyến của quân Nhật.

Không rõ Hirohito có được thông báo về sự ngược đãi vô tội vạ của quân đội Thiên Hoàng đối với gần 78.000 tù binh chiến tranh Mỹ và Philipin trong cuộc 'hành quân tử thần' từ Bataan hay không. Tuy vậy, ông vẫn phải đối mặt với một vấn đề về tù binh chiến tranh ngay sau khi Bataan thất thủ. Mười sáu máy bay ném bom B-25 của Mỹ đã tiến hành một đợt không kích 'không lượt về' (chỉ đủ nhiên liệu để hạ cánh ở các sân bay Đồng Minh của Trung Quốc) từ mẫu hạm *Hornet* đánh thẳng vào Tokyo, Yokohama và Nagoya. sự kiện này

tảisáchhay

diễn ra ngày 18 tháng 4, chín ngày sau khi Bataan thất thủ. Tám phi công trong trận, dưới sự chỉ huy của Đại tá James Doolittle bị bắt sau khi máy bay của họ rơi trên lãnh thổ bị Nhật Bản chiếm đóng ở tỉnh Giang Tây, Trung Quốc. Bị chỉ huy mặt trận kết án tử hình theo "quy chế quân đội" vì "hành động chống nhân loại" của mình, các phi công Mỹ được nhanh chóng áp tải về Tokyo sau đó được chuyển giao cho Bộ Lục quân.

Ban đầu Tojo phản đối kết án tử hình các tù binh Mỹ do sợ Mỹ trả đũa người Nhật đang sinh sống ở Mỹ (điều này đúng). Tuy nhiên, Sugiyama và toàn bộ ban tham mưu lại nhất quyết đòi xử tử cả tám người để dạy cho Mỹ một bài học (trận ném bom của Mỹ làm chết khoảng 50 dân thường) nhằm ngăn ngừa nguy cơ Mỹ tiến hành thêm các đợt không kích khác. Vụ hành quyết sẽ được thực thi bằng một quy chế quân sự *hậu trình* được Bộ Lục quân soạn riêng. Tuy nhiên, Hirohito đã can thiệp và miễn tử hình cho 5 người. Không ai rõ lý do vì sao ông vẫn cho xử tử những người kia dù trái với luật pháp quốc tế vì cuối cuộc chiến tranh, Nhật đã tiêu huỷ toàn bộ tài liệu, giấy tờ liên quan đến tù binh chiến tranh. Có lẽ Hirohito muốn thể hiện lòng "nhân từ" của mình nhưng chỉ ở một mức độ chừng mực. Hoặc có lẽ sau khi đã chuẩn tấu quá nhiều hành động vi phạm luật pháp quốc tế cho tới thời điểm này, ông đâu còn bận tâm đến việc vi phạm thêm một điều luật nữa.

Ngoài việc thúc giục cuộc tấn công vào Bataan và can thiệp vào vụ các "phi công của Doolittle" ra, Nhật Hoàng vẫn theo dõi chặt chẽ các chiến dịch ở Miến điện và Trung Quốc và vẫn tin chắc rằng đây mới là những mặt trận chủ yếu. Trong ba lần cuối cùng trong năm 1942, vào các ngày 09 tháng 2, 19 tháng 3 và 29 tháng 5, Hirohito giục Sugiyama nghiên cứu khả năng mở một cuộc tấn công quyết định vào Trùng Khánh. Ông hỏi Sugiyama trong một lần triệu kiến ngày 29 tháng 5 "Khanh không thể nghĩ ra cách gì để kết thúc sự kiện Trung Quốc à?". Trước sự hối thúc của Nhật Hoàng, Sugiyama khởi động việc vạch kế hoạch tổng tấn công bằng 15 sư đoàn nhằm quét sạch quân chủ lực của Tưởng Giới Thạch khỏi tỉnh Tứ Xuyên và đánh chiếm Trùng Khánh (Chiến dịch Gogo).

Trong khi các kế hoạch này còn đang được xem xét thì Hải quân đã phải chịu hai thất bại liên tiếp để rồi Thái Bình Dương bỗng chốc trở thành mặt trận xung yếu trong cuộc chiến, cho dù Đại bản doanh Thiên Hoàng chỉ công nhận điều này hơn một năm sau đó. Ngày 7 – 8 tháng 5, khi các thắng lợi mới ở Philipin đang được bẩm báo lên Nhật Hoàng thì Trận chiến ở Biển San hô nổ ra, trong đó quân Nhật tuy giành được thắng lợi về chiến thuật (tính trên số tàu Mỹ bị tiêu diệt) nhưng lại gánh chịu một thất bại về chiến lược khi Hải quân Thiên Hoàng mất một mẫu hạm lớn cùng 104 phi công giỏi khiến Nhật phải hoãn kế hoạch tấn công đường biển căn cứ quân Đồng Minh ở Cảng Moresby thuộc Tân Guinea.

Một tháng sau, vào các ngày 5 – 6 năm -6, Hải quân lại chịu một tổn thất nữa sau khi mất 4 mẫu hạm lớn, một tuần dương hạm hạng nặng và gần 3.000 người, trong đó có 121 phi công lão luyện trong các trận đánh gần đảo Midway ở trung tâm Thái Bình Dương. Tinh thần quân Mỹ lên cao trong khi Tokyo coi nhẹ thất bại này. Ngày 10 tháng 6, Hải quân chuyển về hội nghị liên lạc một báo cáo tổng thể về kết quả trận đánh, trên cơ sở coi tổn thất thật sự là một bí mật quân sự và không được tiết lộ cho mọi thành viên. Chỉ có Nhật Hoàng là người được biết thông tin chính xác về tổn thất của các mẫu hạm và phi công nhưng ông đã không thông báo ngay cho phía Lục quân. Các sĩ quan vạch kế hoạch của quân

tảisáchhay

đội, do được thông báo thiếu chính xác về ảnh hưởng thật sự của thất bại ở Biển San hô và Midway, trong thời gian ngắn sau đó tiếp tục tin rằng Hạm đội Liên hợp vẫn đang toàn vẹn và đầy đủ lực lượng. Vậy bản thân Hirohito có nuốt trôi hai thất bại liên tiếp này không? Theo ghi chép của Kido hôm đó sau khi bàn bạc trận chiến của Hải quân ở Midway với Hirohito ngày 08 tháng 6:

"Tôi đã nghĩ tin tức về những tổn thất nghiêm trọng của không lực Hải quân sẽ khiến ngài vô cùng bất an nhưng tôi lại thấy ngài vẫn bình tĩnh như thường cũng như sắc mặt ngài không hề lộ chút thay đổi nào. Ngài nói đã dặn Tham mưu trưởng Hải quân rằng tổn thất này thật đáng tiếc nhưng cần chú ý giữ vững tinh thần chiến đấu của Hải quân. Ngài lệnh cho ông này phải tiếp tục triển khai mạnh mẽ các chiến dịch sau này. Khi chứng kiến sự can đảm và sáng suốt của Hoàng thượng, tôi tạ ơn trời Đế chế Nhật Bản của ta có được một vị vua anh minh như ngài."

Hải quân không thực hiện phân tích hậu kỳ nào về ảnh hưởng từ tổn thất ở Midway đối với các chiến dịch sau đó. Nhưng sau này Hirohito và bộ chỉ huy tối cao đã ra lệnh huỷ bỏ các kế hoạch đánh chiếm Fiji và Samoa đồng thời bắt đầu tiến hành kiểm soát Ấn độ dương. Trận Midway không khiến họ chấm dứt cuộc tấn công ở nam Thái Bình Dương. Nhưng Hạm đội Liên hợp đã buộc phải tiến hành các chiến dịch của mình xung quanh khu vực giữa và phía nam quần đảo Solomon mà không có đủ lực lượng không quân yểm trợ.

II

Một sĩ quan Hải quân theo hầu Hirohito qua nhiều thời khắc khó khăn của cuộc chiến tranh là Trung tá Jo Eiichiro. Là một phi công lão luyện từng tham gia vạch kế hoạch và chỉ đạo cuộc không kích đầu tiên vào các thành phố Trung Quốc từ mẫu hạm *Kaga* hồi cuối năm 1937, ông này còn là một khoa học gia nghiệp dư có hứng thú với khí tượng học. Khi trở về Nhật Bản, ông được biên chế tại Bộ tổng tham mưu Hải quân và giảng dạy tại các trường đại học Lục quân và Hải quân. Sau đó ông trở lại Trung Quốc với cương vị phó chỉ huy Đơn vị không lực Hải quân số 13, có nhiệm vụ ném bom luồn sâu trong lãnh thổ Trung Quốc. Sau một năm ở Trung Quốc, Jo được cử vào cung. Nhiệm vụ của ông là hàng ngày báo cáo tình hình chiến sự và trình các tài liệu, mệnh lệnh tối mật của Hải quân lên Nhật Hoàng. Ông còn trình báo các phúc đáp của tham mưu trưởng Hải quân và bộ trưởng Hải quân đối với các câu hỏi của Nhật Hoàng và trợ giúp Nhật Hoàng với tư cách là phái viên và người thu thập tin tức.

Jo mang dòng dõi chiến binh Cửu châu Kikuchi Takefusa và xuất thân võ sĩ đạo của ông chính là biểu thượng của một trong những sự kiện huy Hoàng nhất trong lịch sự quốc phòng của Nhật. Kikuchi (theo nhà bình luận Nomura Minoru) từng tham gia công cuộc cứu quốc trước hạm đội của Mông Cổ vào thế kỷ 13 khi những cơn "thần phong" bất ngờ (*kamikaze*) nổi lên đánh tan những kẻ xâm lược. Xuất thân này chắc chắn góp phần củng cố quyết tâm sau này của Jo trong việc giải cứu nước Nhật trước hạm đội Mỹ với việc vạch ra kế hoạch chi tiết đầu tiên của Binh chủng Đặc công "kamikaze" vào tháng 6, 1943. Ý tưởng của Jo trong việc tuyển mộ, huấn luyện các phi công trẻ sẵn sàng lao thẳng chiếc phi cơ *Số*

tảisáchhay

không của mình, mang theo 550 cân Anh bom lên boong chiến hạm Mỹ sau này được bạn ông, Phó đô đốc Onishi Takijiro áp dụng và đưa vào triển khai ở Philipin.

Hirohito rõ ràng rất thích Jo vì hai người có chung sở thích yêu khoa học và môi trường. Trong thời gian làm nhiệm vụ trong cung, Jo có giữ một cuốn nhật ký trong đó toát lên một bức chân dung rất nhân bản về Hirohito. Chẳng hạn, ông nói rằng Hirohito vô cùng ham thích các phim tài liệu của Nhật và Đức. (Ngay cả sau khi Nhật đã mất quyền kiểm soát trên không và trên biển ở Thái Bình Dương, các nhà quay phim Nhật ở mặt trận vẫn thường gửi về những thước phim mới). Jo miêu tả Hirohito lúc nghỉ ngơi, ăn mừng và thực hiện các công tác khác. Ngày 18 tháng 2 năm 1942, Nhật Hoàng tổ chức lễ mừng chiến thắng ở Thái Bình Dương đầu tiên bằng việc xuất hiện khoảng 10 phút trên lưng bạch mã trên cầu Nijubashi, cây cầu nổi tiếng dẫn vào Hoàng cung, vẫy chào đám đông đang tụ họp ở quảng trường Hoàng cung. Tối ngày 20 tháng 2, ông dành gần hai giờ nghỉ ngơi trong phòng trực của sĩ quan phụ tá.

Hoạt động thường xuyên mỗi tối của Hirohito trong suốt thời gian chiến tranh là xem phim, chơi bài và chơi cờ với các phụ tá quân sự hay giảng giải cho họ về những bộ sưu tầm côn trùng của ông. Chẳng hạn, ngày 20 tháng 5 năm 1942, theo ghi chép của Jo, buổi tối:

"Khi Thiên Hoàng vào phòng trực cùng chúng tôi, chủ đề câu chuyện chuyển từ côn trùng nói chung sang các loài bọ có tên là tamamushi zushi. Ngài sai một thị thần mang cuốn sách minh họa côn trùng của mình từ thư phòng lại và giảng giải cho chúng tôi. Lát sau, sau bữa tối, ngài lại cho gọi thị thần mang chiếc hộp đựng 3 loài bọ quý hiếm mà ngài sưu tầm được trong cung (một con màu đen). Ngài đã cho Mitsui và tôi xem chúng. Tôi vô cùng cảm động."

Đây là những ngày tháng đầy men say chiến thắng. Ban ngày, Hirohito thường hay cưỡi ngựa, làm việc trong phòng thí nghiệm hay tham dự các buổi thỉnh giảng trong cung bất cứ lúc nào công vụ cho phép. Ngày 24 tháng 2, Jo ghi lại rằng Nhật Hoàng có xem một đoạn phim tài liệu; hôm sau ông "vui vẻ đi trượt tuyết (ngoài trời) trong nội uyển" Hoàng cung.

Vào các ngày 26 và 28 tháng 2, phó tham mưu trưởng Hải quân báo cáo tình hình chiến sự và vai trò của "lực lượng tàu ngầm đặc công" với Hirohito. Vị Phó tham mưu này còn đưa cho ông xem "những bức ảnh về lực lượng đặc nhiệm này cũng như các thư từ (của những người lính xung phong cảm tử) trước khi xuất kích. Sau khi xem các bức ảnh và thư từ này, Nhật Hoàng tỏ vẻ rất hài lòng". Khái niệm "phi thân" *(taiatari)* tức là điều khiển một phương tiện nào đó với mục đích duy nhất là lao thẳng vào và tiêu diệt quân địch đến lúc này đã rất phổ biến nhưng phải hai năm sau mới được áp dụng cho chiến đấu cơ.

Ngày 09 tháng 3 năm 1942, trong khi Lục quân và Hải quân đang tiến đánh các đảo ở trung và nam Thái Bình Dương, quan chưởng ấn Kido viết trong nhật ký rằng:

"Thiên Hoàng có vẻ vui hơn ngày thường và tươi cười bảo tôi: "Chúng ta thắng nhanh quá". Ngài nói tiếp rằng quân địch ở Bandung trên mặt trận Java đã tuyên bố đầu hàng vào ngày 11 và quân ta sắp đánh bại hoàn toàn lãnh thổ Ấn độ thuộc Hà Lan. Quân địch ở Surabaya

tảisáchhay

cũng đã đầu hàng. Rangoon ở mặt trận Miến điện đã thất thủ. Nhật Hoàng vui mừng ra mặt. Còn tôi chỉ có thể nói lời chúc mừng ngài."

Hai ngày sau, Jo, phụ tá Hải quân của Hirohito đi Yokosuka trong chuyến thị sát 6 tuần các chiến trường trung và nam Thái Bình Dương. Lộ trình của Jo là bằng chứng cho thấy cách nghĩ của các lãnh đạo quân đội Nhật, như trong tài liệu "Đánh giá tình hình thế giới" của họ vào tháng Ba (và các tháng Bảy và 11) có dự kiến rằng quân Mỹ có thể phát động các cuộc phản công lớn sớm nhất là vào nửa cuối năm 1943; do đó, Nhật Bản vẫn có thể yên tâm tiếp tục cuộc tấn công của mình ở khu vực phía dưới đường xích đạo. Quân địch sẽ cho rằng không đáng để tái lập lại nguyên trạng như trước khi khoảng cách quá xa như vậy.

Đầu tiên Jo tới Saipan thuộc quần đảo Marianas, sau đó là Truk ở Carolines và từ đó tới Rabaul thuộc Tân Anh đảo trong quần đảo Bismarck, nơi Hải quân đang lập một căn cứ lớn nhằm hỗ trợ việc tiếp tục tiến đánh về phía tây nam. Từ đây, ông này tới đảo san hô Kwajalein thuộc quần đảo Marshall, sau đó là tới Wake, Guam, Palau (giờ là Belau), Peleliu và căn cứ hải không quân mới của Nhật ở Davao, trên đảo Mindanao thuộc phần phía nam quần đảo Philipin. Jo tiếp tục chuyến công cán tới Vịnh Subic và Manila ở Philipin và cuối cùng là lên máy bay trở về Yokohama (trên đường có ghé qua Saipan) vào ngày 23 tháng 4. Trong chuyến đi dài ngày này, Jo vẽ tranh các loài hoa nhiệt đới, sưu tập vỏ sò và phim ảnh Mỹ để Nhật Hoàng ngự lãm, trong đó có nhiều phim hoạt hình Walt Disney tìm thấy ở Guam. Trong nhật ký của Jo không thấy nói phòng tuyến vận tải và liên lạc của Nhật đã mở rộng nhanh chóng tới mức nào. Thực ra, ông ta đã hoàn toàn không nhận ra rằng gánh nặng hậu cần là quá lớn và không thể giải quyết nổi trong việc duy trì một hệ thống căn cứ nằm xa xôi đến như vậy đối với một đất nước có tiềm lực quân sự quá thua kém so với các đối thủ của mình.

III

Đúng lúc Đại bản doanh Thiên Hoàng còn đang chóang váng vì trận Midway thì Đức Quốc xã đã ra tay giải cứu Nhật bằng cuộc tấn công mùa hè Wehrmacht vào quân Nga ở Liên Xô và thắng lợi của Tướng Rommel trước quân Anh ở Bắc Phi. Như thể để bù đắp cho cơn chấn động Midway, Hirohito và các sĩ quan thuộc bộ chỉ huy tối cao một lần nữa lại đề cao quá mức tiềm lực quân sự và công nghiệp của Đức so với thực lực của nước này. Ngày 26 tháng 6 năm 1942, Hirohito hỏi Kido: "Quân Đức không chỉ chiếm được Tobruk ở bắc Phi mà còn tiếp tục thẳng tiến về phía Ai Cập và đã chiếm được Salum và Sidi Barrani. Ta có cần gửi ngự điện chúc mừng Fuhrer về những chiến thắng này không?" Kido ngăn Nhật Hoàng bởi lẽ Fuhrer chưa từng lần nào chúc mừng ông. Tuy vậy, Hirohito và bộ chỉ huy tối cao vẫn kết luận rằng Nhật có thể góp phần vào cuộc tấn công quyết định của Đức từ Trung Đông bằng việc tấn công vào Ceylon (Sri Lanka hiện nay) trên Ấn độ dương.

Ngày 11 tháng 7, Hirohito chuẩn tấu yêu cầu của Nagano đòi huỷ bỏ chiến dịch đánh chiếm các cứ điểm chiến lược ở Fiji và Samoa mà Đại bản doanh Thiên Hoàng đã ra quyết định, cũng như Nhật Hoàng đã phê chuẩn ngày 18 tháng 5. Trong buổi báo cáo Nhật Hoàng, Nagano đề xuất một chiến dịch tiêu diệt tàu chiến và trạm liên lạc của địch ở Ấn độ dương. Chiến dịch này sẽ "cắt đứt đường liên lạc giữa Mỹ và Úc, ngăn cản việc sử dụng nước Úc như

tảisáchhay

một căn cứ quân sự của Mỹ để tấn công Nhật Bản ... và khiến địch không thể xuyên thủng tuyến phòng thủ của ta".

Trong lúc này, cách Tokyo 5.000 hải lý, tại sở chỉ huy Hạm đội Liên hợp ở Rabaul, quân Nhật đang triển khai các kế hoạch đưa công binh và dân công tới xây dựng sân bay và các cơ sở quân sự ở Guadalcanal. Khi công việc này gần hoàn tất, ngày 06 tháng 8 (hai tháng sau trận Midway), Sugiyama vào cung trình báo Nhật Hoàng về tiến độ chiến dịch Tân Guinea. Nhật Hoàng nhân dịp này đưa ra một câu hỏi rối rắm: "Trẫm không chắc hải không quân có thể có được sự hỗ trợ hiệu quả của Lục quân trong các chiến dịch đổ bộ ở Tân Guinea. Liệu ta có cần điều thâm không lực Lục quân vào trận không?" Đây chính là kiểu câu hỏi mà Hirohito, một người biết rõ về tổn thất hoàn toàn của Hải quân về phi công thiện chiến, sẽ hỏi. Sugiyama thưa rằng phía Lục quân không dự tính làm như vậy. Có thể ông này còn nói thêm (mặc dù rõ ràng ông không làm vậy) rằng Ban Lục quân của Đại bản doanh Thiên Hoàng thực chất đang rút các đơn vị lục không quân từ phía nam về (chủ yếu từ Rabaul) nhằm bắt đầu cuộc tấn công vào Trùng Khánh mà Nhật Hoàng đã thúc giục từ tháng 5. Điều các phi công chiến đấu của Lục quân tới vùng Tân Guinea và quần đảo Solomon xa xôi chắc chắn không phải việc mà Lục quân muốn làm.

Hôm sau, ngày 07 tháng 8, quân Mỹ dưới quyền Đô đốc Nimitz và Tướng MacArthur, chỉ huy phụ trách khu vực Tây nam Thái Bình Dương, bắt đầu mở cuộc tấn công đầu tiên, hạn chế vào các vị trí vòng ngoài của Nhật ở phía nam. 19.000 thuỷ quân lục chiến Mỹ chia hai đường đổ bộ lên các hòn đảo nóng ẩm, đầy rẫy bệnh tật ở Tulagi và Guadalcanal lân cận, nằm dưới đường xích đạo 10 độ thuộc vùng phía nam chuỗi quần đảo Solomon. Hai ngày sau, một trận thuỷ chiến về đêm diễn ra ngoài khơi đảo Savo, gần Guadalcanal. Đạn pháo và ngư lôi Nhật đánh đắm 4 tuần dương hạm cỡ lớn của Mỹ. Các trận đánh trên bộ và trên biển sau đó ở Guadalcanal kéo dài trọn 6 tháng, làm tê liệt hoàn toàn không lực Hải quân của Nhật và tạo ra bước ngoặt thật sự đầu tiên trong cuộc chiến tranh Thái Bình Dương.

Ngay từ đầu, chiến dịch đổ bộ của Hải quân Thiên Hoàng lên Guadalcanal đã được lên kế hoạch không tốt và Nhật Hoàng cũng đã lo lắng về điểm này. Liệu các binh chủng có thể vượt qua mối hiềm khích và hợp tác để củng cố các vị trí mới chiếm được trên quần đảo Solomon và Tân Guinea ở phía đông làm cơ sở để chuẩn bị tiến đánh trên bộ vào Cảng Moresby hay không? Khi hải, lục, không quân Mỹ tấn công Guadalcanal, bộ chỉ huy tối cao ở Tokyo lấy làm sửng sốt. Các tham mưu trưởng và sĩ quan hành quân đã dự đoán chính xác rằng cuộc tổng phản công của quân Anh – Mỹ sẽ chỉ bắt đầu từ năm 1943. Nhưng họ hoàn toàn không thể ngờ được rằng trong thời điểm từ này đến lúc đó, quân địch lại có thể thực hiện với tốc độ không thể tin được cùng một bước tiến thần tốc mà chính Nhật đã từng làm được 7 tháng trước tại Trân Châu cảng.

Tổng tham mưu trưởng Lục quân Sugiyama đồng ý với yêu cầu của Hải quân triển khai ngay quân đội tới Guadalcanal nhằm ngăn chặn quân Mỹ tập trung lực lượng nhưng do không nhận thức hết được tính nghiêm trọng của tình hình, ông này chỉ cử một đơn vị nhỏ từ Guam đến. Phần lớn tiểu đoàn Ichiki này (xấp xỉ 1.500 quân) đã bị tiêu diệt chỉ ba ngày sau khi đặt chân lên đảo. Đầu tháng 9, Lục quân điều thêm một đơn vị nhỏ thứ hai, Lữ đoàn Kawaguchi (khoảng 3.000 quân) từ Palau tới tấn công các vị trí của quân Mỹ vào đêm 13

tảisáchhay

tháng 9 nhưng cũng bị tiêu diệt phần lớn. Sau đó, đầu tháng 10, Quân đoàn 17 ở nam Thái Bình Dương quyết định điều Sư đoàn 2, với khoảng 20.000 lính bộ binh thiện chiến tới Guadalcanal. Sau khi hội quân với số còn sót lại của các đơn vị trước đang trong cảnh thiếu đói, đơn vị này nhanh chóng mở hai đợt tấn công cảm tử vào các vị trí của Mỹ trong rừng sâu, nhưng một lần nữa, kết quả vẫn chỉ là thất bại. Sau đó, Lục quân còn điều thêm nhiều quân tiếp viện nữa, trong đó có cả quân của Sư đoàn 38.

Hirohito phản ứng rất mạnh với thất bại của quân Nhật trong những trận đánh trên bộ, trên biển và trên không ở Guadalcanal. Khi được thông báo về việc quân Mỹ đổ bộ, ngay lập tức ông đã nhận thấy nguy cơ tiềm ẩn – "Trẫm không rõ đây có phải là sự khởi đầu của đợt phản công của quân Anh – Mỹ không?" – nhưng vẫn cảm thấy Nhật phải duy trì đà thắng trận đồng thời củng cố dần các dự trữ sống còn về xăng dầu, cao su và các nguồn vật lực khác. Tuy cảm thấy nghi ngờ về nguy cơ bị cầm chân trong một trận chiến trên một hòn đảo cụ thể nhưng ông vẫn liên tục khuyến khích các chỉ huy ở quần đảo Solomon duy trì thế tấn công và đánh mạnh với toàn bộ vũ khí và nhân lực mà họ có. Sugiyama từng nói với Nhật Hoàng vào ngày 15 tháng 9, sau khi tiểu đoàn Ichiki gần như bị tiêu diệt hoàn toàn rằng "Thần chắc chắn ta có thể giữ được (Guadalcanal)". Hirohito đã tìm cách bắt ông này và Nagano phải giữ lời bằng khi giả cách nghi ngờ quyết tâm của Lục quân và Hải quân. Áp lực mà ông tạo ra khiến họ tăng thêm quyết tâm tái chiếm và giữ vững hòn đảo, và cũng từ đó góp phần tạo nên tình thế mà ông lo sợ nhất, đó là sa lầy vào một cuộc chiến tranh tiêu hao.

Đối với Hirohito và Thủ tướng Tojo, tháng đầu của trận chiến Guadalcanal cũng là một thời kỳ khủng hoảng chính trị. Từ nhiều tháng, phía Lục quân đã dự tính thành lập một Bộ Đại đông Á mới chịu trách nhiệm về toàn bộ các lãnh thổ bị Nhật chiếm đóng ở phía đông nam và Trung Quốc, trừ Đài Loan, Triều Tiên, Xakhalin. Bộ trưởng ngoại giao Togo không nhất trí với kế hoạch này và nhất quyết không chịu nhường thêm quyền lực chính trị nào cho phía Lục quân nữa. Hơn nữa, Togo cũng đã biết về những thất bại của Hải quân ở Midway và các trận đánh ở Guadalcanal, đồng thời có thể đang mưu toan bí mật cải tổ lại nội các do không đủ khả năng tăng cường đủ tiềm lực quân đội. Ngày 29 tháng 8 năm 1942, khi thư ký của Tojo thông báo cho Togo biết về kế hoạch thành lập Bộ Đại Đông Á của quân đội trong phiên họp nội các sắp tới, Togo cương quyết phản đối. Sau đó, Tojo tới Hoàng cung và giải trình cho Nhật Hoàng. Hirohito lập tức quyết định ngăn cản mọi nỗ lực của Togo hòng lật đổ nội các. Vậy là với Tojo, vấn đề đến đây đã được giải quyết.

Có được sự hậu thuẫn của Hirohito, Tojo đưa vấn đề lên ưu tiên hàng đầu trong phiên họp nội các ngày 01 tháng 9, trong khi Togo doạ từ chức. Trong thời gian tạm nghỉ giữa phiên họp, trong lúc Togo trở về Bộ ngoại giao thì Hirohito đã cử Bộ trưởng Hải quân Shimada Shigetaro tới làm trung gian hòa giải. Đến lúc đó, Togo mới đưa ra một kế hoạch thỏa hiệp nhưng Tojo lại kẻ cả từ chối xem xét, khiến Togo xin từ chức và Hirohito lập tức chấp nhận. Hôm sau, ông chỉ định Tojo (tạm thời) giữ chức Bộ trưởng ngoại giao. Với quyết tâm không để nội các đổ vỡ trong lúc quân Mỹ đang tấn công quần đảo Solomon, Hirohito kiên quyết ủng hộ Tojo. Với sự bảo trợ vững chắc của Hirohito, Tojo thoải mái củng cố "nền độc tài" của mình.

tảisáchhay

Trong suốt mùa thu năm 1942, trong lúc Hirohito đang bàn bạc với bộ chỉ huy tối cao và họp riêng với Kido thì trong chuỗi các trận đánh ở quần đảo Solomon, thiệt hại của Nhật về chiến đấu cơ, tàu chiến, lương thảo và thương vong ngày càng tăng. Mặc dù binh lính trên đảo Guadalcanal đang chết dần vì mắc các bệnh nhiệt đới, sốt cao không được cứu chữa và vì đói nhưng Hirohito vẫn tiếp tục đòi hỏi họ phải cố gắng hơn nữa. Chỉ đến tận cuối năm 1942, ông mới từ bỏ hy vọng đánh đuổi quân Mỹ khỏi Guadalcanal. Sự cương quyết và tinh thần tiến công của ông đã ảnh hưởng đến bộ chỉ huy tối cao và có lẽ cũng đã truyền cảm hứng cho những binh sĩ bệnh tật, thiếu đói đang cố thủ trên quần đảo Solomon, những người đã dũng cảm chiến đấu đến phút cuối. Đồng thời và đáng nói hơn là sự kiên quyết của ông trong việc giữ vững Guadalcanal cộng với quan điểm cứng nhắc của Hải quân về việc giành chiến thắng thông qua một trận thuỷ chiến quyết định cũng góp phần vào sự trì hoãn lâu dài của Nhật trước khi chuyển sang thế phòng ngự ở Thái Bình Dương.

Lần thứ hai Hirohito can thiệp vào mặt trận Guadalcanal là sau khi Quân đội Thiên Hoàng tổ chức một đợt tấn công không thành nữa vào các ngày 23 – 24 năm 10. Sau đó vài ngày là một trận thuỷ chiến lớn thứ hai trong đó Hải quân Thiên Hoàng đã chạm trán với hạm đội Mỹ, đánh chìm mẫu hạm Hornet và một tàu khu trục. Theo nhật ký của Phó đô đốc và Tham mưu trưởng Hạm đội Liên hợp Ugaki Matome, ngày 29 năm 10, Hirohito đã ra chiếu chỉ gửi Chỉ huy Hạm đội Liên hợp Yamamoto Isoroku. Chiếu chỉ viết: "Chúng ta vô cùng hài lòng rằng đến thời điểm này ở nam Thái Bình Dương, Hạm đội Liên hợp đã gây ra những tổn thất to lớn cho hạm đội địch". Hirohito còn thêm một dòng rằng: "Tuy nhiên, chúng ta cũng nhận thức được rằng tình hình chiến sự đang rất căng thẳng. Các chiến sĩ và sĩ quan cần cố gắng hơn nữa".

Ugaki còn viết thêm rằng sau đó đã có một bức điện vô tuyến gửi riêng đến cho ông này vào tối hôm đó nói sau khi Nhật Hoàng trao thánh chỉ cho Nagano để gửi cho Đô đốc Yamamoto thì thánh thượng có căn dặn: "Những gì trẫm muốn nói với khanh bây giờ liên quan đến phần sau trong thánh chỉ. Guadalcanal là một điểm xung yếu của cuộc chiến và một căn cứ quan trọng của Hải quân. Bởi vậy nên đừng tự mãn với những thắng lợi nhỏ. Hãy tiến đánh nhanh và tái chiếm hòn đảo". Khi bức thánh chỉ và lời căn dặn của Nhật Hoàng với Nagano được truyền bằng điện đài tới Chỉ huy sở Hạm đội Liên hợp ở Rabaul, Ugaki lập tức trả lời rằng "Chúng thần rất thất vọng đã khiến Thánh thượng lo lắng vì những thất bại ở Guadalcanal. Chỉ có hoàn thành các mục tiêu đề ra trong thời gian nhanh nhất mới có thể chuộc tội của chúng thần trước Thánh thượng". Hải quân không những không cải thiện được những "thắng lợi nhỏ" đó mà chỉ trong hai tuần còn mất thêm cả các chiến hạm *Hiei và Kirishima* trong trận đánh lớn thứ ba ở Solomon với một hải đội Mỹ trang bị ra-đa.

Trong suốt các trận đánh ác liệt trên bộ và trên biển nhằm giành giật Guadalcanal, Nhật Hoàng đã liên tục gây áp lực tâm lý lên các chỉ huy Hải quân buộc phải tái chiếm hòn đảo và đã ba lần vào các ngày 15 tháng 9, 05 năm 11 và 11 năm 11, ông đã ép bộ chỉ huy tối cao Lục quân điều thêm quân và máy bay tới hỗ trợ lực lượng Hải quân đang bị áp đảo. Đầu tiên, Sugiyama còn do dự, một phần vì các phi công Lục quân thiếu kinh nghiệm trong tác chiến trên biển nhưng cũng vì ông này đã dự tính tăng quân cho Quân đoàn khu vực phía bắc Trung Quốc và sử dụng Binh đoàn này, cùng với sự hỗ trợ của lục không quân mở một cuộc tấn công lớn vào Trùng Khánh. Tuy nhiên, sự cương quyết của Nhật Hoàng khiến các

tảisáchhay

tướng lĩnh cao cấp của ông chùn tay. Sau khi Nhật Hoàng yêu cần lần thứ hai điều không lực Lục quân tham chiến ở mặt trận Solomon, Sugiyama báo cáo với ông vào hôm sau rằng Lục quân đã quyết định triển khai không lực ở Tân Guinea và Rabaul. Sự thay đổi trong kế hoạch hành quân đang triển khai bị cả các sĩ quân cao và trung cấp phản đối. Tuy vậy, Hirohito vẫn bắt buộc phải thực hiện.

Ngày 15 tháng 9, khi Sugiyama báo cáo rằng "không thể mong đợi nhiều từ việc điều động" một đơn vị bộ binh thứ hai tới Guadalcanal thì Nhật Hoàng không những ép ông này phải ra lệnh điều lục không quân tham chiến mà còn đi xa hơn khi hỏi bao giờ thì chiếm được Rabi, điểm cực đông của Tân Guinea. Dù vẫn đang lo lắng về Guadalcanal, Hirohito đã dự tính mở đợt tấn công mới vào Tân Guinea.

Bằng cách truyền nhiệt huyết của mình tới các lực lượng ngoài mặt trận trong suốt mùa thu năm 1942, Hirohito nhiệt liệt biểu dương Hải quân đã giành được những thắng lợi trong các trận hải chiến ở phía tây nam Thái Bình Dương, do đó khiến Hải quân cảm thấy vô cùng khó khăn khi muốn dừng chiến dịch ở Guadalcanal. Hirohito cũng gây áp lực tương tự với Lục quân khi nói với các binh sĩ trong một bức chiếu thư: "hãy cố gắng không phụ niềm tin của Trẫm ở nơi các khanh", ngụ ý rằng quân đội vẫn chưa đáp ứng hoàn toàn mong đợi của ông. Tuy nhiên, đến tháng 11 năm 1942, cả Nhật Hoàng và Tojo đã thấy rõ việc tái chiếm Guadalcanal là không thể và dù có từ bỏ địa điểm này thì cũng không hẳn đã làm suy yếu toàn bộ mặt trận Solomon. Mà thực ra, điều này có khi còn tạo thuận lợi cho các hành động ở các cứ điểm chiến lược khác.

Nỗi lo lắng của Hirohito về chiến dịch ở Solomon và tình hình chiến sự ở châu Âu đang diễn biến xấu đi cho phe Trục khiến cho quân đội phải huỷ bỏ các hoạt động chuẩn bị cho Chiến dịch Gogo vào thời điểm này. Thế nhưng ở trụ sở Quân đoàn khu vực 8 ở Rabaul, nơi có sự bất tín cao đối với Hải quân, hầu hết các sĩ quan tham mưu cao cấp đều quá kiêu hãnh để có thể công khai thừa nhận ngay cả việc phải rút khỏi Guadalcanal chứ chưa nói gì đến việc tái cơ cấu lại toàn bộ quân đội để rút kinh nghiệm từ các thất bại của mình.

Sự hao hụt ngày càng nhiều về nhân lực, tài lực dẫn tới quyết định rút quân khỏi Guadalcanal mở ra một thời kỳ mâu thuẫn sâu sắc mới giữa các binh chủng trong việc phân bổ tàu bè và nguồn nguyên vật liệu thô khan hiếm. Tổn thất về tàu chiến của Nhật cũng tương đương với quân Mỹ. Tuy nhiên, chỉ sau hai tháng giao tranh xung quanh khu vực Guadalcanal, trong các tháng 10 và 11 năm 1942, Hải quân Thiên Hoàng đã mất tới 59 tàu hàng, với tổng trọng tải lên tới 324.000 tấn, so với 13 – 15 tàu, khoảng 61.000 tấn trọng tải tổn thất hàng tháng kể từ đầu cuộc chiến tranh vào ngày 08 tháng 12 năm 1941 đến cuối tháng 09 năm 1942. Hầu hết các tàu bị đánh đắm là tàu vận chuyển quân dụng chở binh lính, vũ khí và lương thực. Kết quả là mâu thuẫn lại nổi lên giữa Bộ Lục quân và ban tổng tham mưu Lục quân về việc có nên sử dụng các tàu quân dụng chuyên chở nguyên vật liệu thô từ vùng Đông nam Á để chở quân và vũ khí, khí tài hay không.

Ngoài tổn thất về tàu quân sự và hậu cần, Hải quân Nhật còn mất 892 máy bay và 1.882 phi công trong các trận đánh kéo dài ròng rã 6 tháng ở Guadalcanal từ tháng 08 năm 1942 đến

tảisáchhay

cuối thời điểm rút quân vào đầu tháng 02 năm 1943. Yamada ghi lại rằng con số này "gấp hai lần rưỡi số máy bay và 15 lần số phi công tổn thất trong trận Midway".

Thất vọng trước những thiệt hại to lớn trong trận chiến tiêu hao sinh lực mà ông muốn tránh nhưng trên thực tế lại góp phần tạo ra, Hirohito tổ chức một chuyến hành hương đặc biệt 2 ngày tới đền Ise vào ngày 12 tháng 12 năm 1942. Ngày 28 tháng 12, ông bảo chánh trợ lý, Tướng Hasunuma rằng ông không hài lòng với kế hoạch của các tham mưu trưởng, sau khi những người này vừa báo cáo tổng hợp chính thức tình hình chiến sự năm 1942. Nhật Hoàng phàn nàn rằng họ hứa nộp các kế hoạch rút quân khỏi Guadalcanal nhưng "điều trẫm muốn biết là họ đề xuất thế nào để buộc quân địch đầu hàng. Tình thế hiện nay thật sự đã hết sức cấp bách. Trẫm cho rằng chúng ta phải triệu tập ngay một buổi thiết triều có mặt trẫm, thời gian vào cuối năm nay hay đầu năm sau không quan trọng. Trẫm sẵn sàng tham gia bất cứ lúc nào".

Hội nghị Đại bản doanh Thiên Hoàng được triệu tập ngày 31 tháng 12 năm 1942. Các tham mưu trưởng báo cáo rằng họ sẽ huỷ bỏ kế hoạch tái chiếm Guadalcanal và việc rút quân sẽ bắt đầu vào cuối tháng Giêng. Hirohito phê chuẩn quyết định này nhưng cương quyết: "Thật không thể chấp nhận được nếu cứ thể bỏ Guadalcanal mà đi. Chúng ta phải mở một cuộc tấn công ở nơi khác". Sugiyama hứa "tổ chức tấn công ở khu vực Tân Guinea và khôi phục tinh thần quân sĩ". Bằng cách đặt hy vọng vào một cuộc tấn công mới ở Tân Guinea, Hirohito và Bộ tổng tham mưu một lần nữa lại trì hoãn sự chuyển hướng chiến lược của Nhật sang thế phòng thủ ở Thái Bình Dương.

Vào ngày đầu năm 1943, lãnh đạo mới của Phòng Một, Thiếu tá Ayabe Tachiki bay tới Rabaul để truyền đạt mệnh lệnh rút quân khỏi Guadalcanal của Nhật Hoàng. Theo chỉ thị của Hirohito, bộ chỉ huy tối cao giờ đây phải vạch kế hoạch chốt giữ các cứ điểm chiến lược ở quần đảo Solomon thuộc phía bắc Tân Georgia và Santa Isabel, và phía bắc dãy núi Stanley, xương sống của toàn bộ dải quần đảo Tân Guinea. Điểm nhấn của cuộc chiến đã chuyển sang Tân Guinea. Hải quân sẽ bảo vệ Tân Georgia, Santa Isabel và một số đảo nhỏ khác ở miền trung Solomon còn Lục quân thì bảo vệ khu vực phía bắc Solomon, trong đó có các đảo Buka, Bougainville và Shortland. Tojo trong vai trò kiêm nhiệm Bộ trưởng Lục quân và Thủ tướng phải gây áp lực lớn lên bộ chỉ huy tối cao để có được những chuyển biến mới. Hirohito chấp thuận, nếu không nói là mãn nguyện với những lời hứa hẹn của các chỉ huy quân đội, và cho phép rút nốt tàn quân Nhật khỏi Guadalcanal (hơn 11.000 quân, đa số bị thương tích, từ tổng số quân lúc cao điểm lên tới 30.000). Sau đó, ông còn theo dõi sát sao diễn biến cuộc rút quân đầy khó khăn được Hải quân hoàn tất vào ngày 07 tháng 2 năm 1943 này.

IV

Mỹ đã chấm dứt cuộc tấn công dai dẳng của Nhật ở Thái binh dương bằng việc chiếm Guadalcanal. Cuộc chiến tranh giờ đây bước vào giai đoạn kéo dài và phòng ngự. Tuy nhiên, Đại bản doanh Thiên Hoàng vẫn trì hoãn việc rút hẳn quân về bảo vệ các phòng tuyến ở Thái Bình Dương. Quân Mỹ, Úc và Niu Di-lân chạm trán với các cánh quân Nhật được tăng viện trong các trận đánh ở khu vực rừng rậm tại Lae, Salamaua và Finschhafen ở Tân

tảisáchhay

Guinea, đẩy quân Nhật vào thế phòng ngự trước khi Nhật có thời gian củng cố thành quả. Hirohito và các tham mưu trưởng nghiên cứu bản đồ và quyết định tăng cường các vị trí chiến lược còn lại ở Tân Guinea và Solomon. Tham mưu trưởng Lục quân ở Tokyo biết rõ binh sĩ của mình đang phải chiến đấu trong một địa hình và khí hậu đầy trắc trở cũng như sự thiếu thốn về điều kiện vận tải, yểm trợ của không lực, cung ứng, pháo binh và đạn dược. Hirohito cũng biết điều này nhưng theo một cách xa vời và trừu tượng hơn. Vậy nhưng ngày 26 tháng 1 năm 1943, ông vẫn phản đối việc rút quân khỏi sân bay Munda ở Tân Georgia (cách Guadalcanal khoảng 180 dặm) vì nếu làm vậy có nghĩa là sẽ phải lui quân khỏi phòng tuyến mới nhất trí được 3 tuần trước. Đô đốc Nagano, Tổng tham mưu trưởng Hải quân, xác nhận ý định của Hải quân muốn giữ Munda, dù trước đó ông đã gợi ý với Nhật Hoàng rằng có thể bỏ Munda vì nơi này luôn bị Hải quân mỹ đánh phá kể từ đầu tháng 01 năm 1943.

Vài tuần sau, vào giữa tháng Hai, Hirohito thúc ép Nagano tiến hành không kích và dùng Hải quân bắn phá Guadalcanal từ các căn cứ ở Munda và Koronbangara. Ông hỏi: "Trẫm chưa thấy dấu hiệu tấn công nào. Sao khanh không triển khai đi?" Đại bản doanh Thiên Hoàng nhanh chóng soạn thảo các kế hoạch cụ thể để phòng thủ lâu dài ở trung và bắc Solomon. Quân Mỹ đổ bộ lên Tân Georgia vào đầu tháng 6. Khoảng 10.000 quân Nhật cố thủ, và tuân theo lời dạy của Nhật Hoàng, cố cầm cự được gần 3 tháng. Sau đó, Bougainville là đảo lớn duy nhất còn nằm trong tay quân Nhật.

Trước tình hình toàn bộ tuyến phòng thủ của Nhật ở trung và bắc Solomon ngày càng tan rã, Nhật Hoàng tiếp tục yêu cầu Hải quân tiến hành các trận đánh quyết định, giành lại thế chủ động và cung cấp lương thảo, đạn được để các đơn vị phòng phủ trên các đảo không bị cô lập hoàn tòan. Trong một cuộc họp ngày 03 tháng 3 mà Nhật Hoàng được thông báo rằng Hải quân đã thất bại trong việc củng cố phòng thủ ở Lae, ông bảo: "Vậy tại sao các khanh không thay đổi ngay kế hoạch và đổ bộ ở Madan? Đây là một thất bại nhưng nó sẽ dạy cho ta một bài học tốt và là cơ sở để thắng lợi sau này. Hãy làm thế vì trẫm để trẫm được thảnh thơi một thời gian". "Hãy làm thế vì trẫm" đã trở thành một thông điệp trứ danh của vị quốc trưởng ưa chiến tranh.

Thất bại của Hải quân trong việc dốc toàn lực thuỷ chiến ở Guadalcanal và nhất là những tổn thất nặng nề đối với không quân trên toàn quần đảo Solomon làm Hirohito lo lắng. Ngày 30 tháng 3 năm 1943, Kido ghi chép lại nội dung cuộc gặp buổi sáng trong nhật ký rằng "Thiên Hoàng nói chuyện với tôi lâu hơn bình thường về triển vọng cuộc chiến tranh, về tương lai và các vấn đề khác". Hai người bàn về thiệt hại của Hải quân kể từ thất bại ở Midway và nỗi lo của Nhật Hoàng rằng nếu những thiệt hại này tiếp diễn thì Hải quân sẽ không còn kiểm soát nổi các tuyến đường biển và như vậy sẽ không thể duy trì tuyến phòng thủ vòng ngoài xa xôi này.

Càng ngày, sự thay đổi thái độ của Nhật Hoàng đối với Hải quân càng trở nên rõ ràng hơn. Những thắng lợi dễ dàng đã qua đi từ nhiều tháng trước còn bức tranh hiện tại chỉ toàn hết thất bại này đến thất bại khác. Khi lực lượng trấn thủ gồm 2.500 quân ở đảo Attu thuộc Aleutian bị tiêu diệt ngày 29 tháng 5, ông quở mắng Sugiyama và Nagano, bảo với họ trong các cuộc gặp riêng về mặt trận Aleutian rằng đáng lẽ họ phải thấy trước được kết cục chứ

tảisáchhay

không phải "sau khi địch đã đổ bộ vào ngày 12 tháng 5" thì họ mới "mất đến một tuần để nghĩ ra cách đối phó". Tầm quan sát yếu kém, xuất phát từ những nhận định sai lầm và sự khinh địch, khiến Nhật Hoàng nổi giận. Ông bảo với Tướng Hasunuma rằng "Họ còn dám lấy cớ rằng sương mù quá dày đặc nữa chứ":

"Phải dự đoán được trước tình trạng sương mù. Họ phải biết rõ ngay từ đầu chứ. Trẫm tự hỏi không biết Lục quân và Hải quân có thẳng thắn thảo luận về vấn đề này không. Có thể (thất bại) này là hậu quả của việc một bên thì yêu cầu chi viện còn bên kia thì hứa suông. Những gì đã nhất trí với nhau thì họ nhất định phải thực hiện. Không cần biết thỏa thuận giữa Lục quân và Hải quân là gì nhưng nếu không thực hiện thì thà không hứa gì còn hơn. (Nhật Hoàng đã kêu ca về việc này kể từ trận Guadalcanal)."

Đoạn Hirohito giận dữ nói về chiến thắng quyết định của Hải quân:

"Cách chúng ta phát động chiến tranh giờ còn nâng cao tinh thần của địch giống như ở Guadalcanal vậy. Chúng ta đang khiến các nước trung lập và nước thứ ba cảm thấy rất bất an; chúng ta khiến Trung Quốc trở nên ngang bướng; và còn làm suy yếu mọi nước khác trên Bán cầu Thịnh vượng chung Đại Đông Á. Liệu có cách gì, ở một nơi nào đó để ta thắng một trận thật sự trước quân Mỹ không?".

Để hiểu được mức độ thất vọng của Hirohito với Hải quân, cần nhớ rằng từ đầu những năm 1930, ông đã tự coi mình là một nhân vật tương đối ôn hòa trong môi trường chính trị Nhật Bản. Những người theo chủ nghĩa "tự do" và "ôn Hoà" mà ông ưu tiên như các thủ tướng (và đô đốc đã về hưu) Saito Makoto và Okada Keisuke và sau này là Yonai Misumasa và Suzuki Kantaro, thực ra đều là những người theo chủ nghĩa đế quốc cực đoan. Bằng việc bổ nhiệm họ, ông đã chắc chắn khẳng định lập trường ủng hộ việc bành trướng lãnh thổ và xâm lược Trung Quốc. Sau này các lãnh đạo Hải quân tỏ ra hăng hái hơn các đồng nhiệm bên Lục quân về việc mở rộng cuộc chiến ở Trung Quốc. Sự thay đổi quan điểm của họ ảnh hưởng đến thái độ của ông. Giờ đây, trong nửa cuối của năm 1943, tuy Hải quân vẫn còn rất mạnh mặc dù đã chịu nhiều tổn thất nặng nề nhưng Lục quân đang tiếp quản vai trò phòng thủ chính dọc vành đai Thái Bình Dương và lòng tin của Hirohito vào các đô đốc Hải quân đã giảm sút.

Trong thời gian tiến hành rút quân khỏi Solomon, Hirohito vẫn theo dõi sát sao chiến dịch này nhưng cũng để mắt tới các sự kiện ở xa như ở châu Âu và bắc Phi, nơi quân Đức và Ý đã bị đẩy lùi về thế phòng ngự. Linh cảm đầu tiên của ông rằng Đức sẽ thua đến khi quân Đồng Minh đổ bộ lên đảo Sicily ngày 10 tháng 7 năm 1943 và vài tuần sau là lên đại lục Ý. Mutxôlini trở thành lãnh đạo phe Trục đầu tiên sụp đổ và phải ngồi cũi đưa vào ngục. Ngày 08 tháng 9, nhà vua Ý Victor Emmanuel III và chính phủ của Tướng Pietro Badoglio chạy trốn khỏi Rôma tới miền nam và đầu hàng Đồng Minh vô điều kiện. Quân Đức tiến vào Rôma. Chỉ trong một đêm, phe Trục chỉ còn hai thành viên và lực lượng vũ trang Ý từ Đồng Minh đã trở thành kẻ thù, ít nhất là trên lý thuyết.

Tất nhiên, Hirohito đã đến Ý hồi ông hai mươi tuổi. Nhưng đã hơn 20 năm trôi qua kể từ chuyến thăm châu Âu đó và phản ứng đầu tiên của ông về việc Ý đầu hàng chủ yếu là mối quan tâm về các mỏ dầu của Rumani đang cung cấp nhiên liệu cho nền kinh tế chiến tranh

tảisáchhay

của Đức. Liệu những mỏ dầu này có bị quân Đồng Minh không kích ngay từ các căn cứ ở miền nam nước Ý hay không? Sự lo lắng của Hirohito về mỏ dầu của Hit-le ở Rumani có lẽ cũng là sự lo lắng về chính những nguồn tài nguyên dầu khí mà Nhật vừa giành được ở khu vực Ấn độ thuộc Hà Lan, chỉ có điều là ở những địa điểm khác nhau mà thôi.

Khi tuyến phòng thủ của Nhật ở Thái Bình Dương ngày càng thu hẹp, không gian được đánh đổi lấy thời gian; nhưng những thứ đánh đổi còn là những chiến hạm, tàu quân dụng đã mất và cả những phi đội bay kiệt quệ cũng những phi công dày dạn không gì thay thế được. Sự đánh đổi này không thể duy trì lâu hơn được nữa. Vào tháng 08 năm 1943, bước tiến của quân Mỹ vượt qua quần đảo Solomon được đẩy mạnh, bỏ qua nhiều đảo khiến các lực lượng cố thủ trên đảo bị cô lập và không còn nguồn tiếp tế. Ngày mùng 5, Tướng Sugiyama thông báo với Hirohito rằng tình hình ở khu vực Solomon và Biển Bismarck đang ở vào thế nguy ngập. Nhật Hoàng với chủ trương luôn tìm cơ hội để tấn công, tấn công và tấn công, hỏi: "Không còn nơi nào để ta tấn công Mỹ hay sao? … Khi nào và ở đâu trên trái đất này (các người) mới định đánh một trận cho ra trò đây? Và khi nào các khanh định đánh một trận quyết chiến?" Sugiyama xin lỗi vì tình thế đang diễn ra. Hirohito giận dữ đáp lại: "Hừ, trong lúc này đây, sau khi nhận mọi thất bại, tại sao khanh vẫn chưa học được cách không để người Mỹ lúc nào cũng hô 'Ta đã thắng! Ta đã thắng! hả (nhấn mạnh)".

Đối với Đô đốc Nagano, Hirohito cũng không còn che dấu sự thất vọng nữa. Ngày 24 tháng 8, ông nhiếc móc vị tham mưu trưởng Hải quân vì hành động hèn nhát của Hải quân trong trận thuỷ chiến ngoài khơi đảo Bela Bela: "(Này Đô đốc), hôm vừa rồi khi Lục quân triển khai một đơn vị lớn, trẫm nghe nói 4 khu trục hạm của khanh đang cảnh giới các tầu chở quân đã bỏ chạy". Sự chỉ trích của Hirohito ngày càng cụ thể và gay gắt hơn, như trong cuộc trao đổi với Tướng Sugiyama ngày 11 tháng 9:

Nhật Hoàng: Trẫm có nghe khanh đã điều động hầu hết Sư đoàn 17 tới Rabaul. Vậy khanh làm thế nào để tiếp tế cho quân ta? Trẫm sẽ không dung thứ một lần nữa cái kiểu "các chiến sĩ của ta đã anh dũng chiến đấu và hy sinh vì đói". Trẫm đồng ý với Minh Trị Thiên Hoàng: rằng người đàn ông ra trận phải đồng sinh đồng tử. Vậy khanh đã thỏa thuận ra sao với phía Hải quân? Trong đầu các ngươi đang nghĩ những gì đây?

Sugiyama: thứ nhất là lương thảo, thứ hai là làm sao có đủ tàu bè để vận chuyển những lương thảo đó. Rabaul là địa điểm trọng yếu đối với Hải quân và phía Hải quân cũng đã yêu cầu chúng thần giữ vững vị trí này bằng mọi cách. Nếu ta mất Rabaul, ta sẽ mất mọi đường tiếp vận (ở khu vực đó). Họ bảo với chúng thần rằng họ sẽ tìm mọi cách để có đủ lương thảo và phương tiện vận chuyển. Thần nghĩ chúng thần có thể thực hiện được vì họ có ý định đó nên chúng thần đã nhất trí như vậy.

Nhật Hoàng: Khanh nói đang điều quân tới Rabaul. Vậy khi nào khanh sẽ điều và điều ai tới tây Tân Guinea? Nếu khanh không điều động gì tới đó thì công tác chuẩn bị quân sự ở đó sẽ suy yếu.

Sugiyama: Chúng thần sẽ điều các đơn vị dự bị và sẽ đốc thúc khẩn trương để xây dựng sân bay, đường xá, sau đó sẽ triển khai các đơn vị tác chiến.

tảisáchhay

Nhật Hoàng: Khanh có định điều (quân) tới Truk không?

Sugiyama: Tâu có, các đơn vị giỏi nhất của Sư đoàn 52.

Nhật Hoàng: Phía địch có lực lượng đáng kể để phản công. Tình hình phòng thủ của ta ở Andaman, Nicobar và Sumatra ra sao?

Sugiyama: Dạ bẩm, ở Andaman và Nicobar, chúng thần vẫn đang trong giai đoạn vạch kế hoạch nhưng chúng thần sẽ hành động sớm nhất có thể ở đây. Ở *Palenbang* (ở Sumatra), chúng thần cũng đã có những biện pháp (sơ bộ) để củng cố tuyến phòng ngự.

Cho tới lúc này, Hirohito và Thủ tướng, Tướng Tojo đã xem xét lại toàn bộ cuộc chiến và đang suy tính rút toàn bộ Lục quân ra khỏi Rabaul trong khi đây lại là một nước đi mà bộ chỉ huy tối cao Hải quân cực lực phản đối vì sợ làm thế sẽ cắt đứt toàn bộ hệ thống tiếp vận ở Nam Thái Bình Dương. Nhưng Nhật Hoàng và Tojo đã nhất quyết phải củng cố lại quân Nhật về mặt chiến lược. Hai người đã xem xét lại các chủ trương quân sự và nhất trí cần phải thu hẹp mọi mặt trận ở Thái Bình Dương đồng thời mở một đợt tấn công mới ở phía đông Tân Guinea. "Tuyến phòng thủ tuyệt đối" mới sẽ được thiết lập nằm sâu phía sau tiền tuyến nơi tiếp giáp quân địch để từ đó, vào các thời điểm chiến lược thích hợp ở các khu vực hậu tuyến, Lục quân, Hải quân và lực lượng không quân của hai binh chủng sẽ tái cơ cấu, tái thiết, tập trung và chuẩn bị phòng ngự chủ động bằng các cuộc phản công tức thời.

Ngày 15 tháng 9, Nagano và Sugiyama viết báo cáo chính thức gửi Hirohito đề cập đến sự mâu thuẫn giữa các cách hiểu của hai bên về khái niệm "tuyến phòng thủ tuyệt đối". Tuy thừa nhận yêu cầu phải củng cố các vị trí phòng thủ ở "hậu tuyến" quanh quần đảo Caroline nhưng Nagano cũng nhấn mạnh rằng Hải quân cần phải tiếp tục tìm kiếm cơ hội ở một số khu vực ngoài Thái Bình Dương, những nơi mà tình hình chiến sự đã trở nên "khá bất lợi", có nghĩa là gần như vô vọng. Có điều là các khu vực nhất định cần cho một chiến thắng vĩ đại của Hải quân này nằm cách "phòng tuyến tuyệt đối" tới 1.200 dặm. Nói tóm lại, Hải quân vẫn muốn đánh trận quyết chiến ở khu vực quần đảo Marshall và Gilbert. Khái niệm của Hải quân về hậu tuyến đơn giản chỉ có nghĩa là một bàn đạp để tích trữ lực lượng để từ đó Hải quân mở các cuộc tấn công vào sâu sau tiền tuyến tiếp giáp với địch. Mặt khác, Tướng Sugiyama lại nhấn mạnh việc phòng ngự tích cực "các khu vực đang chiếm đóng" để tranh thủ thì giờ xây dựng các phòng tuyến phía sau vững chắc hơn, đó chính là "phòng tuyến tuyệt đối" mà lương thảo và quân sĩ được chuẩn bị sẵn sàng để phản công nhanh hay tấn công luồn sâu, như lệnh Nhật Hoàng đã ban.

Không rõ Hirohito phân xử mâu thuẫn giữa bộ chỉ huy tối cao Lục quân – Hải quân này ra sao nhưng không có tài liệu nào cho thấy ông đã can thiệp thô bạo nhằm thống nhất việc áp dụng khái niệm về "phòng tuyến tuyệt đối" của hai phía. Có lẽ Hirohito đã ngầm chấp thuận chủ trương tiếp tục tấn công của Hải quân, đồng thời cũng không phủ quyết ý định của Lục quân muốn thu hẹp tiền tuyến. Kiểu lập trường nước đôi này hoàn toàn hợp với tính cách của Nhật Hoàng. Trong hai tuần tiếp theo, hội nghị liên lạc nhóm họp nhiều lần bàn cách chuyển hướng sang thể phòng thủ. Cuối cùng, ngày 30 tháng 9 năm 1943, một cuộc họp của Đại bản doanh Thiên Hoàng được triệu tập với sự hiện diện của Hirohito.

tảisáchhay

Trong lúc Nhật Hoàng chỉ ngồi lặng lẽ lắng nghe, Trưởng ban quân cơ Hara thay mặt ông đưa ra những câu hỏi cho Tojo, Sugiyama, Nagano, Trưởng Ban Kế hoạch và Bộ trưởng công thương. Các câu hỏi của Hara cho thấy mặc dù chính phủ đã lên kế hoạch "sản xuất 40.000 phi cơ" trong năm 1944 nhưng sản lượng hàng năm hiện thời, như Tojo hờ hững thừa nhận là chỉ "17.000 – 18.000 máy bay". Khi Hara hỏi Nagano rằng ông này có "chắc chắn bảo đảm được phòng tuyến tuyệt đối" với 40.000 chiến đấu cơ hay không, tham mưu trưởng Hải quân "làm ngẹt bầu không khí hội nghị" bằng câu trả lời "Tôi không thể bảo đảm tình hình chiến sự trong tương lai". Tojo vội đứng lên đỡ lời, nói "Như đã ghi rõ trong thánh chỉ, cuộc chiến tranh này vô cùng quan trọng đối với công cuộc giữ nước và sự tồn vong của đất nước. Vì thế dù quân Đức có thắng hay thua, chúng ta cũng phải chiến đấu đến cùng cho dù tình hình chiến sự có diễn biến thế nào đi chăng nữa. Quyết tâm của chúng ta là chiến đấu cho đến khi đạt được mục tiêu không hề thay đổi".

Một cuộc trao đổi hiếu kỳ sau đó cho thấy, mặc dù sự chênh lệch lớn về tiềm lực công nghiệp quốc gia giữa Nhật và Mỹ đã thể hiện rõ ngoài mặt trận nhưng bộ chỉ huy tối cao vẫn gạt sang bên những tính toán lý trí và bắt đầu viện đến sức mạnh tâm linh:

Sugiyama: Ta cần 55.000 chiến đấu cơ để đáp ứng yêu cầu hành quân. Nhưng ta lại không thể đáp ứng nổi những yêu cầu đó cho dù có mạo hiểm huy động toàn bộ tài lực quốc gia. Vì vậy, chúng ta sẽ cố gắng đạt được các mục tiêu đề ra bằng cách sử dụng các lực lượng cơ động *(kidoryoku)* để bù vào sự thiếu hụt.

Hara: Chúng ta không phải thần thánh nên không thể tránh khỏi s.ai lầm. Nhưng bây giờ tôi thấy thật nhẹ cả người. Cả hai bên các vị (chỉ huy tối cao) có vẻ đều có lập luận vững chắc.

Kết thúc hội nghị, cả hai tham mưu trưởng thống nhất, ít nhất trên giấy tờ, ngăn chặn việc tiếp tục hao hụt về cả người và của bằng cách thiết lập "phòng tuyến tuyệt đối", tái thiết, củng cố, tái triển khai sẵn sàng nghênh tiếp cuộc tổng tiến công sắp tới của quân Đồng Minh.

Văn kiện chính sách thông qua ngày hôm đó viết:

" … chúng ta sẽ thiết lập vị trí chiến lược để đương đầu với cuộc tấn công của Mỹ - Anh, đặt thời điểm giữa năm 1944 làm mục tiêu tương đối để hoàn toàn sẵn sàng. Khi thời cơ đến, chúng ta sẽ bắt sống, tiêu diệt lực lượng tấn công của địch. Để tiến hành cuộc chiến tranh của Đế chế, khu vực chiến lược ở Thái Bình Dương và Ấn độ dương phải tuyệt đối được bảo đảm an toàn chính là phòng tuyến gồm quần đảo Kurile, Ogasawara, nội nam Thái Bình Dương (trung và tây), phía tây Tân Guinea, eo biển Sunda và Miến điện."

Bên trong phòng tuyến này là các đảo của Nhật, quần đảo Kurile, quần đảo Bonin (Ogasawara), Iwo Jima, Mariana, Philipin, lãnh thổ Đông Ấn thuộc Hà Lan, quần đảo Andaman và Nicobar ở Ấn độ dương. Bên ngoài là Rabaul, phần trung Solomon, phần đông Tân Guinea, quần đảo Marshall, Makin và Tarawa thuộc quần đảo Gilbert.81 Hơn 140.000 quân thuộc Quân đoàn Khu vực 8, chủ yếu đóng trên đảo Rabaul, cũng như các cánh quân ở đông Tân Guinea sẽ không còn được tiếp viện mà chỉ còn biết tự lo cho mình.

tảisáchhay

Trong ba tháng cuối năm 1943 và nửa đầu năm 1944, Đại bản doanh Thiên Hoàng đã liên tục rút các đơn vị từ lục địa tới nhằm thiết lập và giữ vững "phòng tuyến tuyệt đối". toàn bộ sư đoàn hay từng phần sư đoàn từ Trung Quốc, quân đoàn Quan Đông và quân đoàn Triều tiên được gấp rút điều động tới Trung Thái Bình Dương để bảo vệ các căn cứ và sân bay chiến lược nằm trên các hòn đảo xa xôi mà số phận cuối cùng đã được định đoạt. Nhưng các mũi tiến công của Mỹ luôn phát triển với tốc độ vượt xa khả năng củng cố và đáp trả hiệu quả của Lục quân và Hải quân Thiên Hoàng. Do không thể đọc được các bức điện vô tuyến của quân Đồng Minh (trong khi quân Anh, Mỹ có thể đọc được điện đàm của Nhật), bộ chỉ huy tối cao không bao giờ biết chắc phải tập trung lực lượng ở đâu để chặn mũi tiến công của quân Đồng Minh.

Bất chấp những tổn thất chồng chất, Hirohito vẫn không nao núng, kỷ luật cao đến cứng nhắc và vẫn hiếu chiến như thường. Ngày 21 tháng 9 năm 1943, khi trợ lý Hải quân Jo báo cáo với ông rằng "tàu quân dụng của địch đã tập trung ở khu vực đông bắc Tân Guinea và quân ta đã được đặt trong tình trạng báo động toàn tuyến", Hirohito (đã biết qua các tài liệu báo cáo rằng quân Mỹ đang tiến về Finschhaven) đáp "Chỉ sẵn sàng phòng ngự là không đủ mà ta phải biết tấn công".

Tính đến ngày 01 năm 11 năm 1943, Bougainville là đảo lớn ở Solomon duy nhất còn nằm trong tay Nhật nhưng các sân bay trên đảo thì đang bị Mỹ tấn công. Tám ngày sau, khi Nagano báo về tin tốt từ cuộc không kích thứ hai ngoài khơi Bougainville, Nhật Hoàng, theo nhật ký của trợ lý Hải quân Jo "tỏ vẻ hài lòng và nâng cốc chúc mừng với các trợ lý quân sự trong phòng trực". Báo cáo trước đó của Nagano về cuộc không kích đầu tiên ngoài đảo Bougainville gửi về Hoàng cung ngày 05 năm 11 năm 1943 đã phóng đại kết quả khi tự nhận đã đánh chìm mẫu hạm Mỹ *Độc lập* và *Đồi Bunker* trong khi trên thực tế chỉ có một tàu ngư lôi bị đánh chìm. Mặc dù không định lừa dối Nhật Hoàng nhưng Nagano và bản than Đại bản doanh Thiên Hoàng cũng tin tưởng vào các số liệu gửi về từ chiến tuyến đầu tiên, và điều này cho thấy những khó khăn ngày càng tăng mà Hirohito phải đối mặt khi muốn có được những báo cáo chiến sự chính xác từ Solomon.

Cuối tháng 12, sau khi mất quyền kiểm soát các eo biển Vitiaz và Dampier, vùng biển giữa đảo Tân Anh quốc và bờ biển phía bắc Tân Guinea, Hải quân Nhật rút khỏi Solomon. Tình hình chung của cứ điểm Lục quân ở Tân Guinea càng xấu thêm khi quân Mỹ và quân Úc dưới quyền Tướng Robert Eichelberger, chỉ huy mặt trận mới bổ nhiệm của MacArthur, chiếm được Buna vào ngày 02 tháng 1 năm 1944, sau đó tiếp tục tiến dần trong mấy tháng trời về phía tây dọc theo bờ biển Tân Guinea, và về phía đông qua khu vực trung và bắc Solomon. Khoảng 55.000 quân Nhật thuộc Quân đoàn 2 đóng ở phía tây Tân Guinea và 55.000 quân nữa thuộc Quân đoàn 18 đóng ở phần đông của hòn đảo nhiệt đới rộng lớn này bị chia cắt hay bỏ qua và cuối cùng cũng bị đánh bại tuy cũng tiêu diệt hoặc làm bị thương được khoảng 11.300 quân Mỹ. Trong lúc này, Rabaul đã bị bao vây. Hơn 130.000 quân bị cô lập tại đây và trên các đảo khác thuộc Solomon.

Mẫu hạm và các đơn vị thuỷ quân lục chiến Mỹ cũng đã tiến vào trung Thái Bình Dương và sau các cuộc tấn công trực diện ác liệt đã tiêu diệt các đơn vị cố thủ của Nhật ở Tarawa và Makin trên quần đảo Gilbert. Ngày 18 tháng 2 năm 1944, phi cơ Mỹ phá huỷ bãi neo đậu

tảisáchhay

chính của Hạm đội Liên hợp trên đảo Truk, buộc Hải quân phải tháo chạy, bỏ lại sau nhiều tàu chở xăng dầu, làm suy yếu thêm khả năng cơ động về sau của Nhật. Giấc mơ đánh một trận quyết định ở khu vực Trung Thái Bình Dương đã chính thức tan vỡ. Đại bản doanh Thiên Hoàng không thể làm gì nhiều ngoài việc đứng nhìn phòng tuyến mà mình đặt nhiều hy vọng bị đẩy lùi dần về phía quần đảo Mariana. Hai mũi tấn công hoàn toàn độc lập đang theo hai hướng tràn tới, một qua phía tây nam Thái Bình Dương và một qua Trung Thái Bình Dương, trong khi họ không thể làm gì hơn để ngăn chặn bước tiến của các mũi tấn công này.

Trong tình thế đó, Tojo tấu trình Hirohito xin thực hiện một đợt chỉnh huấn triệt để trong cơ cấu chỉ huy. Ngày 21 tháng 2 năm 1944, ông này ra một quyết định chưa từng có buộc tổng tham mưu trưởng Lục quân, Tướng Sugiyama từ chức để chính ông (Tojo) tiếp quản vị trí đó trong khi đang đồng thời vừa là Bộ trưởng Lục quân vừa là Thủ tướng. Cùng lúc, Bộ trưởng Hải quân, Đô đốc Shimada Shigetaro cũng ép Tổng tham mưu trưởng, Đô đốc Nagano từ chức để chính ông tiếp quản vị trí đó. Mặc dù hầu hết các sĩ quan của cả hai bộ tham mưu đều phản đối nhưng một lần nữa, Tojo lại được sự hậu thuẫn mạnh mẽ của Nhật Hoàng. Khi Sugiyama bày tỏ sự lo lắng về những thay đổi này thẳng lên Nhật Hoàng, Hirohito chỉ bảo ông này hãy cứ làm theo. Vậy là chấm hết bất đồng. Khi thấy cần, Hirohito sẵn sàng gác sang bên một trong những truyền thống quân đội thiêng liêng nhất có từ thời đại Minh Trị, đó là sự phân tách quyền lực giữa bộ chỉ huy và ban bệ hành chính trong quân đội.

Đằng sau hành động của Tojo nhằm thống nhất cơ chế hành quân và quản trị trong các binh chủng (và gián tiếp là các công việc của chính phủ và bộ chỉ huy quân sự) là bước tiến của quân Đồng Minh đang ngày càng áp sát gần hơn các hòn đảo của mẫu quốc Nhật và sự bất tín nhiệm ngày càng tăng trong giới cầm quyền về khả năng điều hành cuộc chiến của bộ chỉ huy tối cao. Sự nguy ngập của quân đội làm căng thẳng thêm tranh luận về chiến lược – liệu Mariana có giữ nổi khong? – cũng như về việc phân bổ các nguyên vật liệu khan hiếm để sản xuất máy bay và tàu chiến. Những tranh luận kiểu này trong nội bộ ban chỉ huy tối cao càng làm chậm tiến độ sản xuất. Nếu là một vị tổng tư lệnh khác, ít rụt rè và lo lắng hơn về hình ảnh của bản thân thì Nhật Hoàng đã phải can thiệp quyết liệt để phân xử các tình huống này nhưng không có dấu hiệu nào cho thấy Hirohito đã làm gì hơn ngoài việc giao phó việc phân xử cho vị Thủ tướng ưa thích của ông là Tojo. Và bởi lẽ Tojo luôn báo cáo với ông từng việc làm dù là nhỏ nhất của mình hoặc thậm chí những việc còn chưa thực hiện nên ông ta không bao giờ mắc sai lầm nào trong mắt Nhật Hoàng. Rút cục, sự vá víu của Tojo đối với cơ chế lãnh đạo và việc ông kiêm nhiệm cả ba chức vụ cùng lúc chỉ khiến cho ông thêm kẻ thù và chóng mất ghế.

Ngoại giao thời chiến, mà trong thời điểm này chủ yếu có nghĩa là quan hệ với Nam Kinh và đứng sau giật dây quan hệ của Nam Kinh với Trùng Khánh, cũng không nằm ngoài sự quan tâm của Nhật Hoàng, cũng như các hoạt động quân sự ở mặt trận Miến điện. Bắt đầu từ cuối năm 1943 và kéo dài đến đầu năm 1944, Hirohito và Tojo đích thân khuyến khích áp dụng một chính sách mới đối với Trung Quốc với hy vọng cho phép quân đội giảm bớt sự có mặt tại Trung Quốc, qua đó duy trì cầm cự trong cuộc chiến dai dẳng ở Thái Bình Dương. Chính sách mới này được bàn thảo tại các cuộc họp của Hội nghị liên lạc trong hơn một năm

tảisáchhay

nhưng việc triển khai bị trì hoãn do phản ứng lan tràn từ phía các nhân vật có thế lực đối với việc phải nhượng bộ các "quyền và lợi ích" của Nhật ở Trung Quốc.

Cuối cùng, vào ngày 09 tháng 1 năm 1944, chính phủ Tojo và chế độ Uông Tinh Vệ ở Nam Kinh cũng cho ra một tuyên bố chung loan báo với thế giới rằng Nhật Bản sẽ từ bỏ các cơ sở cảng mở và các đặc quyền ở Trung Quốc. Với chính sách mới này, quân đội được lệnh đối xử với chế độ tay sai "Trung hoa Dân tộc" ngang hàng với một quốc gia chủ quyền, sau khi chế độ này vừa tuyên chiến với Mỹ, Anh, đồng thời ngừng giám sát chính quyền Trung Quốc ở các vùng chiếm đóng. Để tạo điều kiện cho việc công nhận quyền tự chủ của Nam Kinh và khôi phục một phần chủ quyền của chế độ này, Hirohito còn cử em trai út của mình là Hoàng thân Mikasa tới Nam Kinh với tư cách thành viên ban tham mưu chỉ huy sở Quân đoàn Viễn chinh Trung Quốc. Nhiệm vụ của Mikasa là tham gia thảo luận với các sĩ quan tham mưu và tăng cường giác ngộ chính sách mới ở Trung Quốc. Đồng thời với chính sách này và các hoạt động hòa hoãn khác ở Trung Quốc, chính phủ Tojo còn chuẩn bị triển khai Chiến dịch Ichigo nhằm tiêu diệt các căn cứ không quân của Mỹ ở Trung Quốc, nơi cất cứ của máy bay B-29. Cuộc tấn công "Ichigo" diễn ra trót lọt từ tháng Tư đến tháng 10 năm 1944.

Bản thân Hirohito không ôm đồm nguyên tắc tự khẳng định dân tộc, một vấn đề chính trong ngoại giao thời chiến đối với các cường quốc Đồng Minh. Ông cũng không lần nào yêu cầu xem xét lại quan hệ của Nhật với các thuộc địa Triều tiên và Đài loan. Cũng như Ngoại trưởng Togo và người kế nhiệm Shigemitsu Mamoru, Hirohito tư duy theo quan niệm "chỗ đứng", có nghĩa là mỗi thực thể sắc tộc ở vị trí thích hợp trong một "bán cầu thịnh vượng chung" nhiều tầng nấc, dưới sự dẫn dắt của Nhật, với các đặc quyền của Nhật được đảm bảo bằng các hiệp ước. Tuy nhiên, do tình hình chiến sự xấu đi nên ông đành phải lựa theo tình thế khẩn cấp lúc bấy giờ và một lần nữa phải vận dụng sáng kiến chính trị. Hirohito bàn bạc với Tojo việc làm thế nào để tận dụng cơ hội từ thắng lợi của chiến dịch "Ichigo". Sau đó họ quyết định thay đổi chính sách đối với Duyên An, mà thực chất là ngầm công nhận chế độ Cộng sản của Mao Trạch Đông ở đây nhằm lợi dụng quân Cộng sản để chống phá Trùng Khánh, đồng thời bằng hành động này mong làm hài lòng Liên Xô.

Khu vực Đông nam Á cũng được Nhật Hoàng lưu ý. Ngày 07 tháng 1 năm 1944, ông phê chuẩn cuộc tấn công từ Miến điện vào tỉnh Assam, Ấn Độ. Mục tiêu là đánh phủ đầu cánh quân của Đồng Minh đang định lấy lại Miến Điện và nếu được sẽ kích động phe dân tộc chủ nghĩa Ấn độ nổi dậy lật đổ ách cai trị của Anh. Tuy không có tài liệu nào cho thấy chính Hirohito là người tích cực khuyến khích cuộc tấn công này nhưng đây chính là kiểu hành động mà ông luôn ủng hộ trong suốt toàn bộ cuộc chiến, tức là mang đậm tính hiếu chiến và thiển cận. Chiến dịch Imphal với mục tiêu một phần là phòng vệ Miến điện, phần khác là vực dậy tinh thần quân sĩ được khởi động từ ngày 08 tháng 3 để rồi bị sa lầy vào đầu tháng Tư. Tojo và Sugiyama, ngay từ đầu đã tỏ ra do dự về chiến dịch này, cử trinh sát tới chiến trường và thông tin thường xuyên cho Nhật Hoàng về tình hình ngày một xấu đi. Cuối cùng, ngày 05 tháng 7, Hirohito cũng đành chấp thuận đề nghị của Tojo ra lệnh dừng chiến dịch Imphal đang thất bại thảm hại. Tính đến lúc này, gần 72.000 quân Nhật đã bị chết hoặc bị thương.

tảisáchhay

V

Bất chấp áp lực ngày càng tăng từ liên tiếp thất bại lớn này đến thất bại lớn khác, quyết tâm của Hirohito và bộ chỉ huy tối cao vẫn không hề sứt mẻ. Khi một hạm đội lớn của Mỹ áp sát Saipan vào giữa tháng 6, bắt đầu tiến đánh các căn cứ chính của Nhật ở quần đảo Mariana, Hạm đội Liên hợp huy động một lực lượng mới tăng cường gồm 9 mẫu hạm và hơn 460 phi cơ nhằm đẩy lùi cuộc đổ bộ của quân Mỹ. Các trận đánh sau đó trên biển, trên không và trên đất liền ở Mariana từ tháng 6 đến tháng 8, 1944 là những trận chiến quyết định của cuộc chiến tranh đối với Hải quân và hải không quân Nhật. Ba mẫu hạm Nhật bị đánh đắm và 395 máy bay bị bắn rơi mà không gây ra được thiệt hại nặng nề nào cho lực lượng Mỹ tiến đánh. Sau các trận chiến vô vọng, trong đó các chỉ huy trên bộ của Nhật một lần nữa lại thể hiện sự yếu kém trong chuẩn bị phòng thủ chiều sâu, Saipan, Guam và Tinian lần lượt thất thủ và nhanh chóng trở thành các căn cứ quân sự tiền tiêu của Mỹ để máy bay ném bom tầm xa B-29 (Siêu pháo đài bay) cất cánh. Việc Mỹ chiếm được Saipan ngày 07 tháng 7 năm 1944 là một đòn nặng đối với bộ chỉ huy tối cao. Quân Nhật chống trả quyết liệt và khi các trận chiến kết thúc sau 3 tuần, phía Nhật đã mất gần như toàn bộ lực lượng phòng thủ gồm 23.811 người và 10.000 dân công. Nhật cũng mất quyền kiểm soát không phận và hải phận ở khắp mọi nơi trên Thái Bình Dương.

Saipan và các căn cứ khác của Nhật ở quần đảo Mariana hiện đã nằm trong tay địch. Ở châu Âu, quân Đồng Minh đã đổ bộ lên Normandy và đang tiến đánh về phía đông và phía bắc, trong khi quân Liên Xô tràn vào Ba Lan. Các sĩ quan tham mưu vạch kế hoạch ở Đại bản doanh Thiên Hoàng giờ đây phải tiên đoán được rằng Đức sẽ sớm bị đánh bại và lực lượng quân sự khổng lồ của Mỹ sẽ chẳng mấy chốc chuyển từ châu Âu sang Thái Bình Dương. Philipin, Đài Loan, Okinawa và quần đảo Bonin sẽ bị xâm chiếm. Và quan trọng hơn là ngay cả mẫu quốc cũng sẽ chắc chắn trở thành một bãi chiến địa, để rồi Tokyo tuy nằm cách xa Saipan 1.272 dặm cuối cùng cũng sẽ nằm trong tầm với của máy bay B-29.

Phản ứng của Hirohito đối với tình huống đáng buồn này là vô cùng quan trọng trong việc đánh giá vai trò của ông trong cuộc chiến tranh. Đối mặt với thất bại cầm chắc, ông vẫn ngoan cố không chịu chấp nhận. Ông phán bảo Phó tham mưu trưởng Đô đốc Shimada trong một buổi gặp mặt hôm 17 tháng 6: "Hãy đương đầu với khó khăn; hãy cố gắng hết sức; giành thắng lợi huy Hoàng như trận đánh trên biển Nhật bản năm xưa (trong chiến tranh Nga – Nhật)". Hôm sau ông nhắc nhở Tojo: "Nếu ta để mất Saipan, địch sẽ liên tiếp không kích Tokyo ngay. Dù bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải giữ vững vị trí này". Sau khi được các tham mưu trưởng thông báo trong hai ngày liền rằng tình hình ở Saipan đã trở nên tuyệt vọng, Hirohito vẫn bỏ ngoài tai lời khuyên của những người này và lệnh cho Shimada phải tái chiếm Saipan, khiến Phòng Một, bộ tổng tham mưu Hải quân phải lập tức dốc toàn lực vào giải quyết vấn đề này. Làm việc ngày đêm trong tình cảnh "tuyệt vọng cùng cực", các sĩ quan tham mưu cuối cùng cũng hoàn tất một bản dự thảo kế hoạch vào ngày 21 tháng 6. Tuy vậy, ba ngày sau, ngày 24 tháng 6, khi sở chỉ huy Hạm đội Liên hợp ra sức phản đối, Tojo và Shimada đành chính thức báo cáo lại rằng phải huỷ bỏ kế hoạch tái chiếm và thế là quân Nhật mất hẳn Saipan.

tảisáchhay

Thế nhưng Hirohito vẫn chưa chịu chấp nhận việc mất Saipan và lệnh cho Chánh trợ lý, Tướng Hasunuma triệu tập, với sự có mặt của ông, Ban Nguyên soái Mặt trận và Đô đốc Hạm đội để tham vấn. Các thành viên này gồm hai vị Hoàng thân lớn tuổi, cùng Nagano, Sugiyama, Hasunuma, các tham mưu trưởng, người đứng đầu các phòng ban hành quân, đã về nhóm họp tại Hoàng cung ngày 25 tháng 6. Sau khi họ trình bày quan điểm thống nhất rằng các báo cáo trước đó của các tham mưu trưởng là đúng và việc chiếm lại Saipan là bất khả thi, Hirohito bảo họ viết vào báo cáo và rời khỏi phòng họp.

Trong buổi thảo luận sau đó, Tojo thông báo với hội nghị rằng Lục quân đã thiết kế được "bom khinh khí" và đang dự tính thả 30.000 quả về hướng quân địch vào tháng 8. Nhiều khả năng Hirohito đã nhận được báo cáo không chính thức về chương trình phát triển vũ khí bom khinh khí khoảng từ tháng 12 năm 1943 đến tháng Giêng 1944 và sau đó đã rất quan tâm đến tiến độ của chương trình này. Trong thời điểm ảm đạm này của cuộc chiến, khi Đại bản doanh Thiên Hoàng của ông đang chuẩn bị lên kế hoạch cho các trận đánh trên đất liền nơi quê nhà, Hirohito vẫn có thể cảm thấy hài lòng khi được biết từ báo cáo của Ban chỉ huy tối cao rằng Lục quân và Hải quân đang tích cực chuẩn bị giáng trả các đợt ném bom bằng máy bay B-29 đã được dự đoán trước.

Sự trông mong vào một loại vũ khí trả đũa cụ thể như loại bom khinh khí thả theo gió trên là dấu hiệu cho thấy Hirohito đang ngày càng hoang mang. Việc để mất Mariana không chỉ là sự khởi đầu một giai đoạn mới của cuộc chiến mà còn cả một cuộc khủng hoảng chính trị mới ở Tokyo, trong đó bản thân ông sẽ lại là tâm điểm chỉ trích của các thành viên trong chính Hoàng tộc. Vào thời điểm này trong nhật ký của em trai Hirohito, Hoàng thân Takamatsu xuất hiện những câu như: Thiên Hoàng không nhận thức được tính nghiêm trọng của vấn đề; ông vẫn cứng nhắc bám lấy cơ chế tôn ti quan liêu và sẵn sàng đuổi bất cứ ai dám vượt quyền; ông "rất hay nổi cáu". Dĩ nhiên, sự chỉ trích từ các thành viên trong gia đình từ lâu đã đánh giá thấp năng lực làm vua của Hirohito cũng chẳng phải điều gì mới. Điều đáng nói hơn là những chỉ trích đến từ nội bộ giới cầm quyền chĩa thẳng vào Tojo, người mà chỉ một mình Hirohito cho phép tự do thâu tóm quyền hành.

Từ thời điểm các thất bại ở Solomon vào đầu năm 1943 đến thất bại ở Saipan tháng 7, 1944, một nhóm nhỏ các quan lại trong triều và chính khách kỳ cựu dẫn đầu là Konoe với sự ủng hộ của một nhóm thuộc Hải quân tập trung xung quanh Đô đốc Okada, đã ngấm ngầm mưu tính loại Tojo khỏi nhiệm sở. Biết rằng quyền hành của Tojo xuất phát từ sự hậu thuẫn cũng như quyền lực bao trùm của Nhật Hoàng, những người này không hề nghi ngờ rằng Hirohito sẽ cách chức thủ tướng bất cứ khi nào ông muốn. Như vậy, về thực chất trong mặt họ, Nhật Hoàng mới là cản trở chính trên con đường hướng tới hòa bình.

Bản thân vô cùng thất vọng với tình hình cuộc chiến, Hirohito cuối cùng cũng quyết định thôi ủng hộ Tojo, mở đường cho kẻ thù của Tojo đẩy nhanh sự sụp đổ của toàn bộ nội các Tojo vào ngày 18 tháng 7 năm 1944.

Hai ngày sau khi Tojo từ chức, Hirohito đích thân ban cho vị tướng quân thân tín của mình một chỉ dụ đặc biệt ân cần khen ngợi ông này đã có "những công lao to lớn và lòng tận tuỵ", và bảo ông rằng "Từ nay về sau, mong rằng khanh tiếp tục xứng đáng là chỗ dựa của triều

tảisáchhay

đình và có nhiều cống hiến hơn nữa cho quân đội". Tuy bức chỉ dụ này không được tuyên công khai nhưng những kẻ thù của Tojo trong chính phủ và giới chức triều đình vẫn biết và được lấy làm minh chứng về tình cảm của Nhật Hoàng đối với kẻ mà nhiều người Nhật thời đó coi không khác gì một tên độc tài.

Kido, nhân vật hậu trường tinh tuý, người từng có thời cũng ngưỡng mộ Tojo không kém gì Nhật Hoàng, chính là người đóng vai trò chính trong việc lật đổ Tojo. Thế nhưng trong nhiệm kỳ của người kế nhiệm Tojo là Tướng Koiso Kuniaki, cũng như Nhật Hoàng, Kido vẫn tiếp tục ủng hộ các bè phái hiếu chiến trong Lục quân và Hải quân. Nói cách khác, việc Tojo bị bãi nhiệm không hề cho thấy ý định của cả Nhật Hoàng lẫn Kido muốn chấm dứt chiến tranh.

Thái độ của Nhật Hoàng về cuộc chiến trở nên kém lạc quan hơn sau khi Tojo bị phế truất. Tuy nhiên, dù biết rõ máy bay B-29 sắp ném bom Tokyo nhưng cả ông và Kido đều không chịu xem xét phương án cầu hòa sớm. Nhiều chính khách cựu trào tham gia các "bước đi hòa hoãn" xung quanh Hoàng thân Konoe cũng có thái độ này.

Tuy vậy, về mặt chính trị, việc Hirohito phế truất Tojo lại báo hiệu một chuyển biến sâu sắc. Vào mùa thu 1941, cũng là thời điểm ra quyết định mở rộng chiến tranh với việc tấn công Trân Châu cảng, trưởng cố vấn chính trị của Nhật Hoàng Kido là người đóng vai chính trong việc thành lập một Hội Quốc Liên lỏng lẻo giữa một bên là phe nhóm triều đình và một số chính khách cựu trào và một bên là các thế lực chủ chiến gồm các sĩ quan quân đội cấp cao, những 'quan lại cách tân' và các lãnh đạo chóp bu trong giới doanh nhân. Đại sứ Mỹ Grew thậm chí chưa từng hình dung nổi một phe nhóm như vậy. Còn với Konoe, ông này đã từ chức trước khi bổ nhiệm Tojo và trở thành một người phản đối chiến tranh với Mỹ và Anh (tất nhiên là không công khai). Giờ đây, sau gần 3 năm, việc Tojo từ chức đã đưa Konoe và những người xung quanh ông, đại diện cho những lợi ích nhiều quyền lực nhất thuộc mọi lĩnh vực chủ yếu trong đời sống Nhật Bản, đã trở lại chính trường. Là người không bị mê hoặc bởi sự thần bí của Thiên Hoàng nhưng có cách nhìn thực tế về tình cảnh bi đát về quân sự của Nhật và có khả năng gây ảnh hưởng đối với các thành viên của nhóm triều đình và Hoàng tộc, Konoe sẵn sàng chủ động tìm cách chấm dứt cuộc chiến tranh vô vọng bằng cách tác động đến các thành viên trong nhóm triều đình và Hoàng tộc.

VI

Người kế nhiệm của Tojo, Thủ tướng Koiso, hầu như là một người chưa từng được biết đến và nhiệm kỳ của ông chỉ kéo dài trong 8 tháng nhưng đây chính là những tháng đầy cam go. Trong thời gian này, từ 22 tháng 7 năm 1944 đến 05 tháng 4 năm 1945, cuộc chiến tranh ngày càng trở nên tuyệt vọng và người dân Nhật bị buộc phải hy sinh ngày một nhiều hơn. Ngày 24 tháng 7 năm 1944, Nhật Hoàng phê chuẩn kế hoạch tiến hành những trận chiến sống còn ở Philipin, Đài loan, Nam Tây Chư đảo (Nansei), quần đảo Ryukyu và các đảo thuộc chính Nhật Bản trừ Hokkaido và Kurile. Hai ngày sau, ông bảo Koiso nán lại thủ đô càng lâu càng tốt và hãy để cục diện chiến tranh quyết định liệu có nên chuyển Đại bản doanh Thiên Hoàng vào lục địa hay không. Riêng với mình, ông muốn "ở lại trên mảnh đất thiêng liêng này và chiến đấu đến hơi thở cuối cùng".

tảisáchhay

Không lâu sau, ngày 04 tháng 8, nội các của Koiso quyết định vũ trang cho gần như toàn bộ đất nước và bắt đầu huấn luyện quân sự cho mọi thần dân (bằng giáo tre) ở nơi làm việc và các trường học trong cả nước. Hirohito đã chính thức xác nhận đợt chuẩn bị mới để bảo vệ đất nước chống lại các đợt tấn công sắp tới của quân địch trong buổi thiết triều trước đó hai tuần, chú trọng công tác phòng không, đánh địch "sâu trên đất liền" chứ không phải "ngoài bờ biển", phát triển nhanh các loại "vũ khí chắc thắng", tưc là sản xuất hàng loạt các vũ khí "phi thân" hay "vũ khí đặc công", với thiết kế để "đánh đổi" tính mạng của thủy thủ đoàn hay phi công vì một mục tiêu quân sự cụ thể nào đó.

Ngày 05 tháng 8 năm 1944, hội nghị liên lạc đổi tên thành Hội đồng Lãnh đạo Chiến tranh Tối cao và bắt đầu triển khai các sáng kiến ngoại giao mới nhằm buộc chính phủ Quốc gia ở Trùng Khánh công nhận "sự chân thành" của Nhật Bản. Hội đồng này còn lên kế hoạch đàm phán một cách mập mờ với Liên Xô. Kế hoạch này của Bộ ngoại giao bề ngoài là nhằm kêu gọi Liên Xô ủng hộ trong việc hòa giải giữa Cộng sản Trung Quốc và phe Quốc gia của Tưởng Giới Thạch. Sau đó Nhật Bản có thể giảng hòa với chế độ mới ở Trung Quốc để có điều kiện phát động "Cuộc chiến tranh Đại Đông Á". Đổi lại, Nhật sẽ cố gắng vận động khôi phục quan hệ, tức là nghị Hoà, giữa Đồng Minh của mình, Đệ tam Đế chế Đức Quốc xã và Liên Xô. Để làm gì? Lý do là nhằm ổn định lại quyền bá chủ đang lung lay của Nhật ở Đông Á. Kế hoạch cầu hòa lần đầu tiên coi Liên Xô là trọng tâm này không tiến triển nhiều và kết cục không đạt được gì.

Nhận thức về quyết tâm tiếp tục chiến đấu của Nhật Hoàng lan rộng trong chính phủ, nhất là sau chiếu thư ngày 07 tháng 9 năm 1944 của ông, nhân phiên họp lần thứ 85 của Nghị viện Thiên Hoàng. Sau khi lưu ý rằng thế tấn công của địch đang được tăng cường và tình hình chiến sự nói chung đang "trở nên cấp bách hơn", Hirohito tuyên bố "Hôm nay, Đế chế của chúng ta thật sự đứng trước thử thách đòi hỏi phải mạnh mẽ vươn tới một thắng lợi quyết định. Là những người lãnh đạo dân tộc, các khanh phải đề cao chí kiên cường, quyết tâm đạp tan mưu đồ đen tối của kẻ thù, mãi mãi giữ vững vận mệnh của Đế chế"

Có thể nhận thấy Hirohito vẫn hy vọng vào chiến thắng qua hành động của ông và của Đại bản doanh Thiên Hoàng trong Trận Leyte ở phía nam Philipin. Cuộc tấn công của Mỹ vào thuộc địa cũ của mình với cánh quân của Tướng MacArthur bắt đầu vào tháng 10 bằng cả đường không, thuỷ, bộ vào Leyte và Biển Philipin. Các trận đánh kéo dài sang tháng 11 và gần như tiêu diệt hoàn toàn những gì còn sót lại của Hạm đội Liên hợp và khoảng 80.000 quân Nhật cố thủ. Quyết định của Đại bản doanh Thiên Hoàng vào ngày 18 năm 10 nhằm đánh một trận quyết định ở Leyte khiến việc phòng thủ ở Luzon bị suy yếu. Sau cuộc chiến tranh, chính Hirohito cũng thừa nhận: "Trái với quan điểm của Ban chỉ huy Lục quân và Hải quân, tôi đã nhất trí tiến hành trận quyết chiến ở Leyte với suy nghĩ rằng nếu chúng tôi tấn công Leyte và quân Mỹ nao núng thì có thể chúng tôi sẽ có chút lợi thế để thương lượng". Lời nói của ông phản ánh những gì thật sự diễn ra: Hirohito và các ban tổng tham mưu của mình đã thúc ép chỉ huy chiến trường, Tướng Yamashita Tomoyuki phải tiến đánh quân đổ bộ Mỹ tại nơi mà Yamashita không hề muốn chiến đấu và cũng chưa sẵn sàng phòng thủ. Đây chỉ là một ví dụ nữa về ảnh hưởng tai hại mà Hirohito thường sử dụng để can thiệp vào các vấn đề hành quân.

tảisáchhay

Giao tranh ở Leyte tiếp diễn đến cuối tháng 12 năm 1944, cùng những cuộc tấn công cảm tử kamikaze thời gian đầu tỏ ra rất hiệu quả vì các máy bay bất ngờ xuất hiện từ phía sau các rặng núi. Cuối cùng, Đại bản doanh Thiên Hoàng cũng phải quyết định từ bỏ hòn đảo này. Chi phí tốn kém cho việc phòng thủ gây chậm trễ trong công tác chuẩn bị cho những trận đánh quan trọng khác ở khắp nơi, kể cả ở mẫu quốc. Tuy vậy, việc phát triển "bom khinh khí" làm vũ khí giáng trả mà Hirohito đã chuyển giao ngày 25 tháng 9 cho Tham mưu trưởng Lục quân Umezu và ra lệnh phải hoàn thành vào cuối tháng 10 vẫn được tiến hành theo kế hoạch. Đáp trả thất bại ở Leyte, đợt thả đầu tiên gồm hàng nghìn quả bom khinh khí hướng thẳng vào đất Mỹ sẽ được thực hiện vào quãng 03 năm 11, ngày tưởng nhớ Minh Trị Thiên Hoàng; tính đến tháng 03 năm 1945, có khoảng 9.300 quả bom đã được thả. Rất ít bom trong số này đến được lục địa Bắc Mỹ và nếu có đến được cũng chỉ gây thiệt hại không đáng kể.

Phụ nữ và người già, mọi người dân trên khắp nước Nhật tập trận bằng giáo tre; khinh khí cầu thả theo gió có thiết bị đốt gắn phía dưới; chắc chắn ý nghĩa quân sự của các biện pháp này chỉ mang tính tượng trưng nhiều hơn là thực tế. Tuy nhiên, các cuộc tấn công Kamikaze vào chiến hạm và tàu chở quân của Mỹ lại là một chuyện hoàn toàn khác, một mối đe doạ thật sự và nguy hiểm. Đây là thứ vũ khí mà người Mỹ, người Úc và người Anh thật sự không thể hiểu nổi và vì thế càng cảm thấy hoang mang hơn. Tuy vậy, Hirohito hiểu rõ chiêu bài về đức hy sinh và hy vọng chiến thuật kamikaze sẽ tỏ ra có hiệu quả về mặt quân sự. Vào ngày đầu năm 1945, khi thủ đô Nhật Bản đang bị không kích, Nhật Hoàng và Hoàng hậu vẫn tới kiểm tra khẩu phần ăn đặc biệt lần cuối dành cho quân nhân thuộc các đơn vị cảm tử. Sau đó, Hirohito tiếp tục tỏ lòng biết ơn với các "lực lượng đặc công" này dù ông luôn theo dõi mọi hành động của họ trên báo và trên phim kể từ mùa hè 1944 khi ông lần đầu theo dõi bộ phim tài liệu về trận đánh kamikaze ("Lực lượng đặc công Phong thần xuất kích").

Một hôm sau ngày 09 tháng 1 năm 1945, khi quân Mỹ bắt đầu tái chiếm Luzon và các hành động tự sát của các phi công kamikaze và những quả "ngư lôi người" gia tăng, trợ lý quân sự của Nhật Hoàng Yoshihashi Kaizo báo cáo về các trận đánh gần Vịnh Kingayen ở Philipin. Khi ông này vừa nhắc đến trận đánh cảm tử của một trong những "phi công đặc biệt" này thì:

"đột nhiên Thiên Hoàng đứng dậy gập người cúi chào thật sâu và im lặng. Khi đó, tôi đang chỉ tay vào bản đồ. Tóc Thiên Hoàng chạm vào đầu tôi khiến tôi cảm thấy cứ như có một luồng điện chạy qua cơ thể mình vậy. Một lần khác, khi tôi thông báo cho Thiên Hoàng về một hạ sĩ tấn công cảm tử máy bay B-29 trên bầu trời Nagoya, Thiên Hoàng cũng làm y như vậy: đứng thẳng dậy và cúi thấp mình kính cẩn chào. Cả hai lần chỉ có tôi và Thiên Hoàng đang ở trong phòng."

Mê muội chẳng khác gì toàn dân tộc vào chiêu bài hy sinh, Nhật Hoàng mở đầu một năm mới đầy định mệnh trong cuộc đời mình bằng cách vinh danh "tinh thần Yamato" đang được thể hiện dưới hình thức cực đoan nhất của nó.

Sau sáu tháng đầu năm 1945, quân Mỹ đã chiếm được gần hết Luzon, tuy chiến sự ở Philipin còn kéo dài đến gần hết cuộc chiến tranh. Mỹ cũng đã chiếm được Iwo Jima và

tảisáchhay

Ikinawa. Khắp nơi, quân Mỹ đều phải đối mặt với sự chống cự điên cuồng ngày một gia tăng trên mặt đất cũng như ngày càng nhiều các đợt tấn công kamikaze nhưng chiến thuật này cũng dần trở nên ít nguy hiểm hơn vì quân Mỹ đã biết triển khai các biện pháp đối phó. Trên hòn đảo nhiệt đới Iwo Jima thuộc quần đảo Bonin, sau ba ngày bắn phá dữ dội bằng Hải quân, hai sư đoàn thuỷ quân lục chiến Mỹ đổ bộ vào ngày 19 tháng 2 với quân số áp đảo quân cố thủ của Nhật và đây cũng là lần đầu tiên quân Nhật không tổ chức chặn đánh quân Mỹ đổ bộ ở bờ biển hay sử dụng cách xung phong ồ ạt. Thay vào đó, họ tìm cách cố thủ trong các hang động và công sự. Ngày 07 tháng 3, khi trận chiến trên đảo bước vào giai đoạn cuối, Nhật Hoàng nói: "Trẫm hoàn toàn hài lòng với các đơn vị Hải quân đảm trách việc phòng thủ và đang hợp tác rất tốt với Lục quân. Ngay cả sau khi địch đã đổ bộ, quân ta vẫn chiến đấu ngoan cường dù địch đông hơn nhiều và đã đóng góp lớn cho toàn bộ chiến dịch".

Báo chí Mỹ coi Iwo Jima là tượng trưng cho sức mạnh vượt trội của Mỹ về mọi mặt từ công nghệ, hoả lực, chiến thuật tới lòng quả cảm. Hình ảnh có phần không đúng sự thật về Thuỷ quân lục chiến Mỹ dương cao ngọn cờ trên đỉnh núi Suribachi thể hiện sự dũng cảm của lực lượng Thuỷ quân lục chiến trong quyết tâm đi đến chiến thắng. Ngự trong trung tâm chỉ huy tránh bom của mình ở Tokyo, Hirohito cũng coi Iwo Jima là biểu tượng về sự anh dũng và ý chí chiến đấu quyết tử của quân đội mình. Ông ra lệnh cho tất cả các đơn vị phòng thủ trên các đảo đào hào phòng thủ bên ngoài nhằm tranh thủ thời gian để chính quốc có thời gian chuẩn bị sẵn sàng cho trận đánh cuối cùng. Nhiệm vụ của họ là gây thiệt hại càng nhiều cho địch càng tốt. Tướng Kuribayashi, chỉ huy ở Iwo Jima, đã thực hiện đúng như vậy. Gần như toàn bộ lực lượng Nhật gồm 20.000 quân đã chiến đấu đến hơi thở cuối cùng và quân Mỹ cũng thiệt hại nhiều với gần 7.000 người chết, hơn 19.000 bị thương vong. Nhờ vậy Hirohito cũng cảm thấy khuây khoả khi biết đoàn quân tử thủ của mình đã gây tổn thất lớn hơn cho quân lính thuỷ đánh bộ Mỹ. Cũng như Guadalcanal, Iwo Jima trở thành nơi thử thách nhân cách. Và Hirohito đã khuyến khích việc chém giết bằng cách ngoan cố không chịu chấp nhận và đương đầu với thất bại của Nhật.

Trong cuộc phòng ngự ở Okinawa, một đảo khác mà ông xác định là một khu vực vòng ngoài có thể hy sinh, Nhật Hoàng cũng đã có những can thiệp sớm và thường xuyên vì như ông bảo với Tham mưu trưởng Umezu, ông tin rằng "Nếu trận này không tiến triển thuận lợi thì Lục quân và Hải quân sẽ mất lòng tin vào dân tộc. Chúng ta phải suy nghĩ về tác động của nó đối với tình hình chiến sự sau này". Có vẻ như ông không tài nào hiểu nổi điều gì đang diễn ra: "Tại sao quân đội chưa tấn công? Nếu không đủ quân số, tại sao các khanh không tổ chức đổ bộ đánh úp?" "Chính vì ta không đánh đắm được tàu chở quân của địch nên ta đã để địch đổ bộ. Không còn cách nào khác để bảo vệ Okinawa không cho địch đổ bộ ư?" Vị tổng tư lệnh Hirohito đã nói vậy trong ngày thứ hai quân Mỹ đổ bộ. Cùng ngày hôm đó, ông bảo với Thủ tướng Koiso rằng "Chẳng việc gì là diễn ra đúng kế hoạch cả".

Đến ngày thứ ba, Hirohito thúc ép Umezu lệnh cho Quân đoàn 32 ở Okinawa, dưới quyền Trung tướng Ushijima Mitsuru, phải tấn công hoặc đổ bộ đánh úp. Ushijima đã học được nhiều bài học từ những sai lầm của những người tiền nhiệm ở vùng trung Thái Bình Dương và đang áp dụng chiến lược rút lui chiến thuật, cố thủ và tiến hành chiến tranh tiêu hao từ trong các công sự kiên cố. Sau khi Hirohito can thiệp, Quân đoàn khu vực 10, đơn vị cấp

tảisáchhay

trên của Quân đoàn 32, lệnh cho Ushijima "tấn công các sân bay ở phía bắc và trung tâm". Ushijima chỉ còn cách tuân lệnh và điện đàm về Đại bản doanh Thiên Hoàng rằng "tòan thể tướng sĩ chúng tôi sẽ tiến lên phía trước và quét sạch lũ giặc xấu xa". Đợt tấn công được thực hiện nhưng "lũ giặc xấu xa" kia vẫn đứng vững. Hirohito cũng thúc giục Hải quân phản công yểm trợ cho quân cố thủ ở Okinawa bằng toàn lực có trong tay.

Khi Trận chiến ở Okinawa trở nên khốc liệt, Hirohito nhắc nhở Umezu về kế hoạch thu hẹp phòng tuyến của Lục quân ở Trung Quốc và tái triển khai quân về phía bắc để bảo vệ Mãn Châu và Triều tiên mà chính xác hơn là mẫu quốc. Ngày 14 tháng 4, ông nhắc Umezu: "Hãy cảnh giác .. với sự tuyên truyền của địch. Phá huỷ đường xe lửa và làng mạc trong vùng địch vào lúc này có thể ảnh hưởng xấu đến tâm lý dân chúng". Thế nhưng mối quan tâm chính của ông là làm sao "ta không bị thiệt hại" bằng cách rút ra và để cho quân Mỹ xây dựng các căn cứ không quân mới ở đây.

Đến 05 tháng 5, Nhật Hoàng vẫn nuôi hy vọng chiến thắng ở Okinawa và còn bộ đàm với Quân đoàn 32 qua điện đài rằng "Chúng ta thật sự muốn cuộc tấn công lần này thành công". Trận đánh ở Okinawa bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 và kéo dài đến tận giữa tháng 6, với thiệt hại khoảng 94.000 tới 120.000 binh lính Nhật và 150.000 – 170.000 dân công, trong đó hơn 700 dân Okinawa bị quân Nhật buộc phải tự sát tập thể. Phía quân Mỹ thiệt hại ước chừng 12.500 lính chết và hơn 33.000 bị thương; trong số thương vong có hơn 7.000 thuỷ thủ, chủ yếu trong các cuộc tấn công kamikaze. Cuộc chiến tranh đã thất bại và thất bại đó đã được định đoạt từ hơn một năm trước nhưng Nhật vẫn ngoan cố tiếp tục chiến đấu.

Vào thời điểm then chốt này, chính tính cách, phương châm sống và làm việc của Hirohito đã phản lại ông. Ông có thể nhìn thấy nhiều sự việc trước các tham mưu trưởng của mình nhưng luôn bám lấy những quy trình cứng nhắc thay vì tìm kiếm giải pháp linh hoạt. Cả cuộc đời mình, ông luôn nghiêm túc thái quá và để ý đến từng chi tiết. Giờ đây, khi đối mặt với những thất bại liên tiếp, ông càng đẩy sự nghiêm túc, thiếu linh hoạt và tỉ mỉ đó đến cùng cực. Giai đoạn cuối cùng, khủng khiếp nhất của cuộc chiến tranh sắp bắt đầu trong khi Hirohito, người cầm cương dân tộc, lại đang chối bỏ sự nhìn nhận lý trí, không chịu chấp nhận nó chứ chưa nói gì tới việc ngăn chặn thảm họa sắp đến gần.

tảisáchhay

13. Lần lữa trước khi Đầu hàng

Tháng Hai 1945, ngay trước khi Iwo Jima bị Thuỷ quân lục chiến Mỹ tấn công và 6 tuần trước khi Okinawa bị xâm chiếm, Hirohito đã hỏi ý kiến bảy vị chính khách cựu trào về cuộc chiến tranh. Trong số này có sáu cựu Thủ tướng là Hiranuma, Hirota, Wakatsuki, Okada, Konoe và Tojo cùng cựu thủ ấn quan Makino. Những cuộc họp này dù bị gián đoạn bởi các cuộc không kích, thể hiện một sự đồng thuận bao trùm rằng phải tiếp tục cuộc chiến đấu.

Ở châu Âu, Đức và chế độ Quốc xã đang đi đến gần thất bại. Chưa ai rõ Đệ tam Đế chế sẽ sụp đổ sớm hay muộn nhưng việc sự cáo chung của nó đang đến gần thì hầu như đã chắc chắn. Về phần Nhật Bản, tình hình cũng bi đát không kém. Binh lực của Nhật ở Miến điện đã bị tiêu diệt. Các binh đoàn ở Trung Quốc đại lục có khá hơn đôi chút. Đợt tấn công "Ichigo" năm 1944 đã mở ra một hành lang trên đất liền chạy dài theo tuyến đường hoả xa chính từ Bắc Kinh tới bắc Vũ Hán và từ đây tới Quảng Châu ở tỉnh cực nam Quảng Đông. Nhưng ở tất cả các tỉnh bị chiếm đóng, tình thế đã đảo ngược bất lợi cho các lực lượng của Nhật Bản. Quân Nhật phải dàn mỏng lực lượng và đối đầu với một cuộc chiến tranh du kích hao người tốn của mà chỉ riêng trong năm 1944 đã ngốn hết 64% ngân sách quân sự khẩn cấp của Nhật.

Giờ đây bước vào năm 1945, các binh đoàn ở Trung Quốc đã phán đoán và chuẩn bị trước cho việc quân Liên Xô xâm phạm từ phía bắc và quân Mỹ đổ bộ vào khu vực Thượng Hải. Trong khi không thể kéo quân đội trên lục địa ở cả Trung Quốc lẫn Mãn Châu về để chi viện cho lực lượng kỳ cựu đang bảo vệ quê nhà. Ngay cả Hải quân, bản thân đang chịu nhiều tổn thất nặng nề, cũng không thể làm được gì nhiều để thuyên chuyển quân đội tới bất cứ nơi nào.

Mặt khác, chiến thuật kamikaze được manh nha từ trước trận Leyte hứa hẹn là một biện pháp đầy sức mạnh. Bộ chỉ huy tối cao cũng đang tăng cường lực lượng lục không quân, tích trữ vũ khí đạn dược và biên chế thêm 29 sư đoàn, 51 trung đoàn bộ binh, nhiều trung đoàn pháo binh và xe tăng mới chuẩn bị bảo vệ đất mẹ. Trong năm 1945, 43% quân đội được đồn trú tại Nhật, Triều tiên và Đài loan. Những yếu tố này, cùng với niềm tin tưởng lạc quan vô căn cứ của Nhật Hoàng rằng những lực lượng này có thể thay đổi cục diện, cả ông và Kido không một lần mảy may suy nghĩ đến việc đàm phán hòa bình.

Theo lời khuyên của Wakatsuki, trước hết phải làm cho kẻ địch nhận thấy "sự bất lợi nếu tiếp tục cuộc". Makiko tuyên bố rằng "ưu thế tuyệt đối là triển khai tình thế chiến tranh có lợi". Okada thì nói Nhật Bản nên đợi chờ "thời điểm thuận lợi cho chúng ta" sau đó mới hòa đàm. Còn Hiranuma và Hirota thì khuyên Nhật Hoàng chiến đấu đến cùng.

Riêng Hoàng thân Konoe trong số các chính khách cựu trào là không đồng tình. Không hề nao núng giữa đám mây mù thành kính và nhiệt huyết bao quanh Nhật Hoàng, suốt 18 tháng trời ông đã cố gắng gửi đến Nhật Hoàng thông điệp về mối hiểm họa trước mắt nếu tiếp tục cuộc chiến tranh.8 Từ nhiều tháng trước, ông đã nói với em trai Nhật Hoàng là Hoàng thân Takamatsu rằng trong quân đội đang lan tràn một căn bệnh "ung thư" dưới hình thức phe cánh cầm quyền, nhưng "Kido và những người khác" không đồng tình (với

tảisáchhay

Konoe), còn "Hoàng thượng thì khá thờ ơ với các vấn đề tư tưởng". Ông tiếp lời rằng trong suốt bốn năm qua Nhật Hoàng đã được khuyên can nhưng vẫn tin rằng "những kẻ cực đoan chính là phe trung quân". Tuy vậy, mối đe doạ thật sự đối với *quốc thể* lại đến từ phía nhóm Cầm quyền. Konoe còn nói thêm rằng nếu tình hình chiến sự xấu đi thì những người này sẽ tìm cách thay đổi *quốc thể*. Dù mối nguy có đến từ cộng sản trong nước - ý ông muốn nói chủ yếu là những người cấp tiến cánh tả trong nhóm Cầm quyền – hay từ "kẻ địch Anh – Mỹ", Konoe vẫn phỏng đoán rằng cả hai kẻ thù này đều sẽ muốn kiềm toả Nhật Hoàng đồng thời sẽ cộng sản hóa đất nước.

Giờ đây, trong báo cáo gửi Nhật Hoàng trình bày ngày 14 tháng 2 với sự có mặt của Kido, Konoe cũng lý giải về âm mưu lật đổ trên. Ông tuyên bố rằng Liên Xô coi Nhật Bản như mối đe doạ lớn nhất ở Đông Á; liên kết với Cộng sản Trung Quốc, đảng Cộng sản lớn mạnh nhất ở châu Á và đang hợp tác với Mỹ và Anh để hất cẳng Nhật khỏi Trung Quốc. Nước này sẽ tham chiến nếu có cơ hội. Ông nói với Nhật Hoàng rằng thất bại là không tránh khỏi nếu tiếp tục cuộc chiến tranh, nhưng điều đáng sợ hơn thất bại chính là sự huỷ hoại *quốc thể*. Vì cuộc chiến tranh cũng đang làm xáo trộn tình hình trong nước và giải phóng những thế lực đe doạ Nhật Bản và triều đình từ bên trong cũng như bên ngoài. Mối nguy hiểm nằm ở sự tin tưởng của Nhật Hoàng và Kido vào những tướng lĩnh trong phe Cầm quyền đang vô tình đẩy Nhật Bản tới con đường cộng sản hóa. Konoe khẩn nài Nhật Hoàng nhanh chóng lập lại hòa bình trước khi một cuộc Cách mạng Cộng sản nổ ra khiến cho việc gìn giữ *quốc thể* không còn thực hiện được.

Hirohito thông cảm với nỗi lo của Konoe về quân đội và đồng ý rằng phải làm điều gì đó. Nhưng ông không đồng tình với quan điểm của Konoe về chủ trương của Maxtcơva vì ông có cùng suy nghĩ vọng tưởng với ban chỉ huy tối cao rằng Liên Xô vẫn cần Nhật Bản trong cuộc đối đầu sắp tới với Anh – Mỹ và sẽ không muốn triệt tiêu sức mạnh của Nhật ở Đông Á. Vì vậy, ông kiên quyết phản đối đề xuất của Konoe rằng phải hành động lập tức và trực tiếp để chấm dứt chiến tranh. Thay vào đó Hirohito đồng ý với những chính khách kỳ cựu khác rằng: Chấm dứt chiến tranh sẽ "rất khó khăn nếu ta không có được một lợi thế quân sự". Konoe đáp lại: "Có khả năng đó không? Nếu có thì phải thật sớm. Nếu ta phải chờ đợi lâu hơn … thì (một trận thắng) cũng sẽ chẳng còn ý nghĩa gì".

Dẫu vậy, Hirohito vẫn giữ vững quan điểm của mình. Cũng trong ngày hôm đó ông nói rằng: "Nếu ta cầm cự lâu dài trong cuộc chiến tranh này thì ta sẽ có cơ hội chiến thắng nhưng điều trẫm lo ngại là liệu quốc gia có đủ sức chịu đựng được đến lúc đó hay không". Xét về mặt nào đó, đây cũng chính là điều mà Konoe lo ngại. Tuy nhiên, xét một khía cạnh khác, Nhật Hoàng đang kích động truyền thống lâu đời về sức mạnh ý chí của người Nhật để chiến thắng bất lợi về vật chất: Thần dân của trẫm có khả năng làm những việc phi thường và chịu đựng những sự hy sinh lớn lao. Do vậy, cho dù ta đã mất nguồn cung xăng dầu và đang hứng chịu bom đạn mỗi ngày nhưng chúng ta vẫn sẽ chiến thắng. Triển vọng thương thuyết hòa bình có thể được cải thiện nếu Nhật Bản chiến thắng trong một trận đánh quyết định cuối cùng.

Hirohito cũng không lay chuyển sau khi các chuyên gia tình báo cảnh báo ông trong một cuộc họp của Hội đồng Lãnh đạo Chiến tranh Tối cao ngày 15 tháng 2, rằng Liên Xô đang dự

tảisáchhay

định "giành một chỗ đứng ở Đông Á trong tương lai" và như vậy rất có thể sẽ huỷ bỏ Hiệp ước Trung lập với Nhật Bản trong mùa xuân và tham chiến một khi nhận thấy sức mạnh của Nhật đã bị suy yếu đáng kể. Hôm sau, Ngoại trưởng Shigemitsu nhắc lại lời cảnh báo này. Ông này tuyên bố trong một cuộc họp kín rằng nước Đức Quốc xã đang ở vào giai đoạn cuối của mình và "Hội nghị Yalta" đã nêu rõ "sự đoàn kết giữa Anh, Mỹ và Liên Xô". Shigemitsu nhắc nhở Hirohito không nên trông cậy vào Hiệp ước Trung lập và cũng như Konoe, ông này nhấn mạnh hiểm họa từ phía Cộng sản. Nhưng Hirohito vẫn không chịu nhìn nhận sự vô lý trong nhận định của mình về Liên Xô. Cuối buổi họp kéo dài cả tiếng đồng hồ, ông phớt lờ Yalta và hỏi Shigemitsu một câu về "thái độ của sứ quán Đức". Mười ngày sau, Hirohito vẫn không chịu đổi ý khi Tojo, trong cuộc phỏng vấn chính thức tại Hoàng cung vào ngày 26 tháng 2, đồng ý rằng khả năng Liên Xô sẽ trở mặt với Nhật Bản là "50-50" trong việc.

Khả năng chịu đựng lâu dài càng của người dân Nhật dần trở nên mong manh khi mùa xuân 1945 qua đi. Trong các ngày 9 –10 tháng 3, Binh đoàn Không quân Thái Bình Dương của Mỹ huy động 334 chiếc B-29 tiến hành cuộc không kích ban đêm bằng bom cháy đầu tiên lên thành phố đông dân cư Tokyo, biến khoảng 40% thủ đô Nhật thành tro bụi và thiêu sống từ 80 đến 100 nghìn người. Trận bão lửa này nóng đến nỗi làm nước trong các kênh rạch sôi sục, làm chảy kính cửa và một số máy vừa ném bom còn bị chính ngọn lửa bùng lên từ phía dưới thiêu cháy. Chín ngày sau, vào ngày 18, Nhật Hoàng với một bác sỹ và một thị thần tháp tùng, tiến hành thị sát thủ đô bằng xe hơi. Trợ lý Yoshihashi đi cùng ông trong một chiếc xe khác, sau đó ghi lại rằng các nạn nhân:

"đang đào bới trong đống đổ nát với vẻ mặt thất thần bỗng tỏ vẻ đầy trách móc khi đoàn xe của Thiên Hoàng đi qua. Mặc dù chúng tôi không thông báo trước như thường lệ nhưng tôi cảm thấy những người này biết rằng chính ngài đang "ngự giá" trong đoàn xe *(gyoko)* vì dù sao cũng có tới ba bốn xe mang huy hiệu bông cúc đi qua. Có phải họ đang giận dữ với Thiên Hoàng vì bị mất người thân, nhà cửa, tài sản? Hay họ chỉ đang trong tình trạng kiệt quệ và hoang mang *(kyudatsu jotai)* mà thôi? Tôi thấy thông cảm với Hoàng thượng khi phải lại gần những nạn nhân xấu số này."

Nhận xét của Yoshihashi về sự "kiệt quệ và hoang mang" ở những nạn nhân kia thật đáng chú ý. Tính đến tháng ba, tình hình sản xuất của các nhà máy đã bắt đầu giảm sút, ngày càng nhiều người nghỉ không phép, những hiện tượng khi quân cũng xuất hiện và luôn nhằm vào Bộ Tổng quản Triều đình. Trong năm tháng sau, các thành viên trong gia đình Hoàng tộc quân phiệt cũng như các chính khách cựu trào luôn miệng nói về cuộc khủng hoảng *quốc thể*. Mối đe doạ từ bên trong mà Konoe cảnh báo đã hiện hữu. Nhưng mãi cho tới tận phút cuối cùng, hầu hết người dân Nhật dù sống ở nông thôn hay các vùng đô thị rộng lớn đều tỏ ra kiên trì quyết tâm chấp hành mệnh lệnh của lãnh đạo, làm việc và hy sinh cho chiến thắng mà người ta luôn nói rằng sắp đến gần.

Hai ngày sau khi Hirohito đi thị sát thiệt hại từ cuộc không kích ở thủ đô, một nhân vật nhiều ảnh hưởng là cựu Ngoại trưởng Shidehara Kijuro, một thời từng là biểu tượng của sự hợp tác với Anh và Mỹ, bày tỏ sự đồng cảm với quan niệm của phần lớn các thế lực cầm quyền Nhật Bản trong thời kỳ này, đó là Nhật Bản phải kiên trì và nhất quyết không đầu hàng dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Trước đó, Shidehara từng cố vấn cho Bộ trưởng ngoại

tảisáchhay

giao Shigemitsu rằng dân chúng sẽ phải quen dần với việc bị ném bom hàng ngày. Khi thời điểm đến, sự đoàn kết và quyết tâm của người dân sẽ lên cao và điều đó sẽ cho phép giới ngoại giao có "điều kiện để vạch kế hoạch cứu nước trong thời điểm khủng hoảng chưa từng có này".

Ngày 20 tháng Ba năm 1945, Shidehara viết thư gửi bạn thân Odaira Kimatsuchi, nguyên phó chủ tịch Công ty Hoả xa Nam Mãn Châu rằng "(nếu) chúng ta tiếp tục anh dũng đánh trả, cho dù hàng trăm nghìn dân công bị chết, bị thương hay bị đói, cho dù hàng triệu ngôi nhà bị phá huỷ hay đốt cháy", thì sẽ có cơ hội để tạo ra một tình thế quốc tế có lợi cho Nhật Bản. Trong khi đất nước đang đối mặt với thất bại cầm chắc đang đến gần, Shidehara vẫn nhìn thấy lợi thế bằng việc biến toàn bộ nước Nhật thành bãi chiến trường, vì khi đó đường tiếp tế của quân địch sẽ bị kéo dài khiến địch gặp khó khăn trong việc tiếp tục cuộc chiến và nhờ đó mà tạo điều kiện để giới ngoại giao đàm phán. Đó là ý kiến của một người theo chủ nghĩa ôn hòa như Shedehara và có lẽ Hirohito cũng có cùng ý đó.

Một ngày trước khi quân Mỹ đổ bộ lên Okinawa, trong lúc giới chức cấp cao triều đình đang rộ lên lời xì xào rằng sắp có thay đổi nội các thì có người nói Konoe đã bảo với Hosokawa thư ký của mình rằng chẳng mấy chốc "quân đội sẽ ngày càng giương cao chiêu bài chiến đấu đến cùng. Nhưng đầu óc Kido thì hoàn toàn chú tâm vào (Tổng tham mưu trưởng) Anami. Với *quốc thể* thì trừ phi Thiên Hoàng chấp thuận, chúng ta không thể làm gì được. Cứ nghĩ đến việc những kẻ điên rồ này đang lãnh đạo trong tình thế hiện nay là tôi lại cảm thấy không còn muốn sống nữa".

Lúc đó, rất có thể Konoe đã ám chỉ cả Hirohito trong số "những kẻ điên rồ" đó.

Ngày 5 tháng 4, chỉ ba ngày sau khi Hirohito ra lệnh chấm dứt đàm phán hòa bình ở Trung Quốc thông qua một cựu quan chức Dân quốc (một người tên là Miao Ping (Myo Hin), được Koiso nhiệt tình ủng hộ) và sau khi trận Okinawa đã diễn tiến được năm ngày, Nhật Hoàng và Thủ tướng Koiso đã đôi người đôi ngả. Hirohito trách cứ Koiso vì các thất bại liên tiếp của quân Nhật từ trận Leyte tới Iwo Jima và giải tán nội các của ông này. Sau đó ông chọn cựu đại thượng thư và cố vấn tin cẩn của mình, Thống chế Suzuki Kantaro, lúc này đã 78 tuổi, làm người lãnh đạo chính phủ mới. Vào thời điểm đó, cả Nhật Hoàng lẫn Suzuki đều chưa hề tính đến bất kỳ thay đổi chính sách nào để tiến tới kết thúc chiến tranh. Chỉ sau khi trận Okinawa diễn ra và thất bại thê thảm, mà hậu quả là hơn 60 thành phố Nhật Bản bị san phẳng phần lớn bởi các cuộc không kích bằng bom cháy của Mỹ, Hirohito bắt đầu muốn có hòa bình và tìm cách kết thúc chiến tranh.

Trong nhật ký của Kido, dấu hiệu rõ ràng đầu tiên cho thấy Nhật Hoàng đã được đề nghị suy nghĩ nghiêm túc về việc sớm thiết lập hòa bình xuất hiện ngày 8 tháng 6 năm 1945 khi Kido tự tay soạn thảo bản "Kế hoạch dự thảo Kiểm soát tình thế khủng hoảng". Thời điểm này là sau khi Hoàng cung đã vô tình bị ném bom, mọi hy vọng ở Okinawa đã tan biến và cũng là ngày Hội đồng lãnh đạo chiến tranh tối cao thông qua "Chính sách cơ bản chỉ đạo chiến tranh thời kỳ tới". Chiến tranh ở châu Âu đã kết thúc. Giờ đây Nhật Bản chỉ còn một mình. Bản "kế hoạch" u ám của Kido kêu gọi tìm cách tranh thủ sự giúp đỡ của Liên Xô trong vai trò trung gian để Nhật Bản có được nhiều lợi thế hơn trong đàm phán với kẻ địch. Khi viết

tảisáchhay

bản kế hoạch này, Kido muốn chứng tỏ rằng ông ta đã chấm dứt ảo tưởng với những kẻ chủ trương cứng rắn trong quân đội. Còn khi chấp thuận, Hirohito đã cho thấy rút cục ông cũng đã sẵn sàng thiết lập hòa bình sớm.

Trong khi Đế chế đang sụp đổ xung quanh ông, Hirohito bước vào một thời kỳ căng thẳng và ức chế tinh thần cao độ. Vào giữa tháng 6, không lâu sau khi nghe Kido trình bày về thực trạng các hầm trú ẩn ngầm trong lòng núi ở Matsushiro, tỉnh Nagano, được xây dựng để ông và Đại bản doanh Thiên Hoàng sơ tán, ông ngã bệnh và buộc phải huỷ các hoạt động đã lên lịch từ trước. Phải gắng gượng lắm ông mới giữ đúng lời hứa tới vấn an mẫu thân vào chiều ngày 15 tháng 6. Ngày 22 tháng 6, đích thân Hirohito cuối cùng cũng trực tiếp thông báo với Hội đồng lãnh đạo chiến tranh tối cao về ý định triển khai các bước đi ngoại giao nhằm kết thúc chiến tranh. Theo tóm tắt của Kido thì Nhật Hoàng đã phán bảo các lãnh đạo chiến tranh tề tựu đông đủ rằng quyết định tại buổi nghị triều ngày 08 tháng 6 thể hiện "sự lo ngại về công tác lãnh đạo chiến tranh". Ông muốn họ "nhanh chóng hoàn tất các nghiên cứu cụ thể về việc chấm dứt chiến tranh mà không cần bó buộc nhiều vào (quyết định) trước đó để thực hiện" ngay. Ông còn nói thêm rằng không được quá cẩn trọng mà đánh mất cơ hội thực hiện hòa bình. Nhưng không một ai, kể cả Hirohito lẫn những người có mặt hôm đó nghĩ đến việc lập tức đầu hàng mà chỉ nghĩa về việc lập lại hòa bình sớm và làm sao để dốc sức thực hiện việc này.

Đầu tháng 7, sau khi Đại sứ Liên Xô Jacob Malik hủy bỏ cuộc đàm phán không có kết quả ở Nhật với cựu Thủ tướng Hirota, lần đầu tiên Hirohito tỏ ra hết sức quan tâm đến việc tiến hành đàm phán trực tiếp với Liên Xô bằng việc cử một đặc phái viên tới Matxcơva. Nhưng cả Nhật Hoàng lẫn chính phủ của Suzuki đều không hề có kế hoạch cụ thể nào làm cơ sở để phía Liên Xô có thể dựa vào đó đứng ra trung gian chấm dứt chiến tranh, vói giả thiết Liên Xô thật sự muốn làm việc này, mà trên thực tế là không. Trong cách thức chấm dứt chiến tranh của Nhật, việc đàm phán với Liên Xô nhằm bảo đảm vị trí chính trị của Nhật Hoàng và tương lai của chế độ quân chủ luôn quan trọng hơn việc tìm kiếm hòa bình để chấm dứt giết chóc và khổ đau.

Từ ngày 8 tháng 4 năm 1945 cho đến tận khi đầu hàng, chính sách chiến tranh chủ yếu của chính phủ Suzuki là "Ketsugo", một sự hoàn thiện của kế hoạch *"Shosango"* (Chiến thắng thứ 3) nhằm phòng thủ đất nước. Đặc điểm chính của chính sách này là sự lệ thuộc lớn vào chiến thuật cảm tử và việc sản xuất vũ khí nhằm một mục đích duy nhất là sử dụng cho nhiệm vụ tự sát với số lượng lớn các máy bay "đặc công" thần phong, ngư lôi người phóng từ tàu ngầm, "thuyền cảm tử" chất đầy thuốc nổ chạy bằng động cơ xe tải, bom hoả tiễn người chở bằng máy bay và các đơn vị bộ binh được huấn luyện đặc biệt để mang bộc phá cảm tử. Trong khi công việc chuẩn bị cho Chiến dịch Ketsu vẫn tiếp diễn, ngày 09 tháng 6 trong một phiên họp Nghị viện Thiên Hoàng đặc biệt, Luật Biện pháp Khẩn cấp thời chiến được thông qua và năm chính sách khác được xây dựng để huy động toàn dân tộc vào trận chiến cuối cùng.

Cùng ngày hôm đó, Nhật Hoàng (vẫn chưa bắt đầu bắt tay vào việc chấm dứt chiến tranh) ban một đạo thánh chỉ mới liên quan đến việc triệu vời Nghị viện, lệnh cho toàn quốc "đập tan tham vọng quá quắt của các nước thù địch" và "hoàn thành các mục tiêu chiến đấu".

tảisáchhay

Đồng thời, bộ máy báo chí tuyên truyền cũng phát động một chiến dịch hy sinh vì Thiên Hoàng trên các báo hàng ngày, đề cao sự biết ơn đối với đức nhân từ của Thiên Hoàng và từ giữa tháng 7 trở đi phát động một chiến dịch nhằm "gìn giữ *quốc thể".*

Người Mỹ phản công bằng chiến dịch tuyên truyền riêng của mình nhằm bẻ gẫy ý chí chiến đấu của Nhật. Máy bay B-29 thả hàng chục triệu truyền đơn viết bằng tiếng Nhật, thông báo trước ngày giờ, mục tiêu máy bay B-29 sẽ tấn công hay kêu gọi đầu hàng đồng thời lợi dụng Nhật Hoàng để công kích các giới chức quân phiệt. Truyền đơn có huy hiệu bông cúc vàng lên án "bè lũ quân phiệt" vì đã "buộc cả dân tộc đi vào con đường tự huỷ diệt" và kêu gọi "mọi người thực hiện quyền hợp hiến của mình và thỉnh cầu trực tiếp (hoà bình) lên Thiên Hoàng. Ngay cả bè lũ quân phiệt đầy quyền hành cũng không thể ngăn cản cuộc tuần hành khổng lồ vì hòa bình của Thiên Hoàng và nhân dân". Trong đó có riêng 7 triệu tờ truyền đơn tiết lộ các điều khoản "tuyên bố chung" của chính phủ Mỹ, Anh và Trung Quốc. Truyền đơn viết: "Hôm nay chúng tôi tới đây không phải để ném bom các bạn. Chúng tôi thả truyền đơn này nhằm cho các bạn biết câu trả lời của chính phủ Mỹ đối với đề nghị của chính phủ các bạn về các điều kiện đầu hàng … Mọi việc phụ thuộc vào chính phủ của các bạn nếu muốn chiến tranh lập tức chấm dứt. Các bạn sẽ biết phải làm thế nào để thoát khỏi chiến tranh nếu đọc hai dòng thông báo chính thức này".

Bị thúc ép bởi các sắc lệnhcủa Thiên Hoàng phải tiếp tục công cuộc chuẩn bị cho trận chiến quyết tử trên đất mẹ và chỉ được nghĩ đến chiến thắng, giờ đây lại bị tấn công từ trên không với cả chiến dịch tâm lý chiến của Mỹ lẫn những cuộc ném bom, người dân Nhật vẫn cố tuân theo mệnh lệnh ở mức cao nhất. Cuối tháng Bảy và trong tháng Tám, khi thống đốc, trưởng ti cảnh sát và sĩ quan của lực lượng ''cảnh sát cấp cao đặc biệt'' của các tỉnh trong nước nộp về Bộ Nội vụ báo cáo về tình hình tinh thần dân chúng đang suy sụp nhanh chóng, trong những bản báo cáo dài gần 2.000 trang của họ không hề nói gì về xu hướng chấp nhận các điều khoản trong tuyên bố Potsdam đang lan rộng. Thậm chí ngay sau khi Mỹ ném bom nguyên tử Hiroshima và Nagasaki ngày 6 và 9 tháng 8 cùng việc Liên Xô tuyên chiến ngày mùng 8, dân chúng vẫn cố bám lấy hy vọng về một chiến thắng cuối cùng, với niềm tin rằng "mảnh đất thiêng liêng" của họ là bất khả chiến bại. Sự tưởng nhớ tập thể về những ngọn "thần phong" *(kamikaze)* được động viên ra trận để rồi hy sinh sẽ cứu rỗi nước Nhật là yếu tố góp phần duy trì ý chí để tiếp tục chiến đấu.

Trong khi đó các phân tích viên của tình báo Mỹ đang dõi theo toàn bộ những hoạt động chuẩn bị này trên đảo chính. Họ đã thấy quân Nhật chiến đấu và từng ngày hàng nghìn người đã ngã xuống trong ròng rã 82 ngày đêm ở Okinawa cũng như cả dân tộc này đang hướng theo ảo tưởng cứu nước bằng cách tự sát hàng loạt ra sao. Những lãnh đạo chính trị ở Oasinhtơn không hề phóng đại về những gì chính phủ và bộ máy truyền thông đại chúng Nhật Bản đã nói khi cho rằng người Nhật đang định chiến đấu đến cùng chứ nhất định không chịu đầu hàng.

I

Tuy quan tâm đến những sai lầm đã mắc phải trong ứng xử với nước Đức vào cuối Chiến tranh Thế giới thứ Nhất nhưng lo lắng hơn hết là việc làm sao duy trì nhiệt huyết yêu nước

tảisáchhay

cao độ và sự hợp tác quốc tế trong cuộc đấu tranh chống phe Trục, Tổng thống Roosevelt và Thủ tướng Churchill chọn cách sử dụng những khẩu hiệu chiến tranh trừu tượng như "đầu hàng vô điều kiện". Chính sách không chấp nhận đàm phán để kết thúc chiến tranh có mục tiêu là đập tan các quốc gia phát-xít để thành lập những chính thể phi phát-xít mới. Mục tiêu là chiếm đóng quân sự và cải cách chính trị, xã hội thời hậu chiến, đây luôn là hai mục tiêu song hành. Tư tưởng của chủ nghĩa phát-xít và quân phiệt phải bị loại trừ tận gốc và các nước bại trận phải được dân chủ hóa và tái thiết thành những xã hội tư bản yêu hòa bình.

Roosevelt tuyên bố tại Casablanca vào tháng Giêng năm 1943 rằng Đồng Minh sẽ trừng trị lãnh đạo của các chế độ phát-xít nhưng không huỷ diệt người dân các nước này. Nhưng cho đến khi giành được chiến thắng hoàn toàn trước phe Trục, ông và Churchill vẫn kiên quyết chống lại áp lực đòi làm rõ ý nghĩa của công thức đơn giản của mình. Tuy cần đến tiềm lực quân sự của Liên Xô nhưng cũng hiểu rõ sự nghi ngờ của Xtalin khi họ không chịu mở thêm mặt trận thứ hai ở châu Âu để giảm bớt gánh nặng cho Hồng quân, Roosevelt và Churchill có nhiều lý do để thể hiện thái độ không khoan nhượng đối với các quốc gia thù địch. Quyết tâm coi đây là cuộc chiến tranh toàn diện cuối cùng cộng với đòi hỏi hải giữ vững khối Đồng Minh chống phát-xít càng củng cố ý chí của họ trong việc bác bỏ bất kỳ đề nghị hiệp ước chính thức nào của lãnh đạo các nước gây chiến, duy trì quyền tự do chiếm đóng và cải cách các nước này sau khi tiêu diệt sức mạnh quân sự và lật đổ chính phủ ở đó.

Roosevelt cũng thể hiện chủ nghĩa lý tưởng Wilson của mình trong chính sách "đầu hàng vô điều kiện" và coi đây là phương tiện để thực hiện trật tự quốc tế tự do. Công thức đầu hàng vô điều kiện với mục tiêu tiến hành cải cách trong thời kỳ hậu đầu hàng, đề ra các điều kiện tiền đề cơ bản để xây dựng một trật tự thế giới mới sau khi chủ nghĩa phát-xít đã bị quét sạch. Đối với trường hợp Nhật Bản, chính sách này về cơ bản sẽ bảo đảm cho phe Đồng Minh quyền lực thực thi tối cao ngay trên đất Nhật "cao hơn cả thẩm quyền theo luật pháp quốc tế dành cho lực lượng quân sự chiếm đóng".

Sau khi quân đội Đức ký văn bản đầu hàng vô điều kiện với lực lượng Đồng Minh vào ngày 7 và 8 tháng 5 năm 1945, đồng nghĩa với việc Đệ tam Đế chế, theo như lời của ký giả Mỹ William L. Shirer, đã "không còn tồn tại", thì chỉ còn một mình nước Nhật đang duy trì chiến tranh. Vào thời điểm này, Trận Okinawa vẫn đang diễn ra ác liệt và tân Tổng thống Truman mới tuyên bố vào ngày 8 tháng 5 rằng việc Nhật đầu hàng sẽ không đồng nghĩa với sự "diệt chủng hay nô lệ hóa nhân dân Nhật". Tuyên bố của ông ngụ ý rằng các biện pháp chiếm đóng sau này sẽ được thực thi trên tinh thần không thù hận. Nhưng do nguyên tắc đầu hàng vô điều kiện vẫn không thay đổi nên cựu đại sứ Mỹ ở Nhật và cũng là lãnh đạo của "phe Nhật" trong Bộ Ngoại giao Joseph Grew đã thúc giục tổng thống công bố rõ định nghĩa khái niệm này nhằm thuyết phục Nhật đầu hàng.

Là một người theo Đảng Cộng Hoà, Grew coi Nhật Hoàng Hirohito là người nắm giữ chìa khóa việc Nhật đầu hàng. Ông là "con ong chúa trong tổ ong … được bao bọc bởi bầy ong". Vào nhiều thời điểm trước và trong cuộc chiến tranh, ông này đã mô tả Nhật Hoàng là "con rối" trong tay giới quân phiệt, một người theo chủ thuyết hợp hiến và là người ôn hoà. Grew tin chắc vào ảnh hưởng trong chính sách của những người mà ông gọi là "ôn hoà" xung quanh Nhật Hoàng. Vào mùa xuân 1945, khi sự sụp đổ cuối cùng của Đế chế Nhật đang đến

tảisáchhay

gần, Grew, người luôn cố tìm cách thâm nhập giới chức cao cấp triều đình và không biết tí gì về cơ chế chính trị Nhật Bản, lại sẵn sàng cho phép những cá nhân này "tự quyết định tương lai thể chế chính trị của mình".

Trong hồi ký của mình xuất bản năm 1952, rất lâu sau khi Tổng thống Harry S. Truman và Ngoại trưởng James F. Byrnes bác bỏ đề xuất đưa tuyên bố dự thảo Potsdam vào thành một điều khoản bảo đảm vị trí của Hoàng tộc, Grew viết:

"Về mặt lịch sử, điểm cốt yếu của vấn đề là liệu ngay sau những cuộc oanh tạc dữ dội Tokyo bằng máy bay B-29 vào tháng 5 năm 1945, Tổng thống đã ra một tuyên bố công khai rõ ràng rằng việc đầu hàng sẽ không đồng nghĩa với việc loại bỏ triều đình hiện tại nếu người dân Nhật mong muốn duy trì triều đình đó, việc Nhật đầu hàng sẽ được đẩy nhanh hay không … Theo những tuyên bố của một số cựu lãnh đạo ôn hòa của Nhật Bản gửi những quan chức Mỹ có thẩm quyền sau cuộc chiếm đóng của Mỹ, rõ ràng các cố vấn dân sự của Nhật Hoàng đã cố gắng thúc đẩy việc đầu hàng từ lâu trước khi có Tuyên bố Potsdam, thậm chí trước cả cuộc nói chuyện của tôi với Tổng thống vào ngày 28 tháng 5, vì khi đó họ đã nhận ra rằng Nhật đã thua. Vấn đề mà họ phải vượt qua là sự thống trị hoàn toàn của quân đội Nhật đối với chính phủ … Nhật Hoàng cần được hỗ trợ và ... nếu tuyên bố rõ ràng đó (của Truman) về số phận triều đình đã được đưa ra vào tháng 5 năm 1945 thì các thành tố chủ trương đầu hàng trong chính phủ hẳn phải có … lý do hợp thức và sức mạnh cần thiết để đi đến một quyết định dứt khóat từ sớm … Thủ tướng Suzuki (Kantaro) … đã chủ trương đầu hàng ngay từ trước tháng 5 năm 1945 và chỉ đợi xác nhận rằng việc đầu hàng sẽ không dẫn tới sự lật đổ triều đình mà thôi."

Lập tức, Grew gặp phải sự phản kháng dữ dội từ các đồng nghiệp ở Bộ ngoại giao – hay "phe Trung Quốc" – những người biện luận rằng việc giữ lại Nhật Hoàng và bảo đảm sự tồn tại tiếp tục của vương triều là một sự thỏa hiệp không hơn không kém đối với chủ nghĩa phát-xít Nhật. Những người này, gồm Dean Acheson, một thy sĩ và giám đốc tương lai của Thư viện Quốc hội Archibald MacLeish cùng James Byrnes, là những người biết rõ nhận định sai lầm trước đây của Grew về tình hình chính trị ở Nhật và xu hướng muốn bảo vệ Nhật Hoàng cùng những người "ôn Hoà" bảo thủ Nhật Bản của ông này. Họ không hề muốn đối xử với Nhật Bản và Nhật Hoàng, người mà họ coi là tâm điểm của tư tưởng quân phiệt và chiến tranh của Nhật nhân từ hơn so với Đức vì nếu làm như vậy sẽ để lại ấn tượng không tốt cả trong và ngoài nước rằng Mỹ đang xoa dịu. Những bất đồng trong giới quan liêu này thể hiện một sự thiếu sáng tỏ ở cấp cao nhất của Oasinhtơn về mục đích chiến tranh. Quan trọng hơn là vào mùa xuân và hè 1945, họ đã nhấn mạnh sự liên quan giữa các mục tiêu thời chiến và các chính sách thời hậu chiến.

Tuyên bố Potsdam được đưa ra vào ngày 26 tháng 7 năm 1945 dưới hình thức tối hậu thư nhằm mục đích đẩy nhanh việc Nhật đầu hàng. Tại Potsdam, Truman đã nghe theo lời khuyên của Churchill và tuyên bố các điều khoản để triển khai về nguyên tắc việc đầu hàng vô điều kiện. Để cứu những lãnh đạo Nhật khỏi những hành động điên rồ của mình, Tổng thống chấp thuận ban bố các "điều khoản đầu hàng vô điều kiện" trước khi Nhật đầu hàng và qua đó, giảm nhẹ mức độ cứng rắn của điều khoản thứ tư trong tuyên bố cho phép "lực lượng vũ trang Nhật, sau khi bị giải giáp hoàn toàn … được trở về nhà".

tảisáchhay

Chính phủ Nhật đọc bản tuyên bố và được thông báo rằng nếu hoàn thành các nghĩa vụ đơn phương nhất định mà các cường quốc thắng trận sẽ áp đặt sau khi chính phủ Nhật tuyên bố "sự đầu hàng vô điều kiện của toàn bộ các lực lượng vũ trang Nhật Bản" và chứng tỏ "sự bảo đảm thích đáng và đầy đủ tính chân thực trong các hành động đó", thì Nhật sẽ được phép duy trì các ngành công nghiệp hòa bình và tiếp tục tham gia thương mại thế giới trên cơ sở nguyên tắc tiếp cận bình đẳng đối với các nguồn nguyên liệu thô. Tuyên bố kết luận: "Lựa chọn khác dành cho Nhật Bản sẽ là sự huỷ diệt nhanh chóng và hoàn tòan". Tuyên bố này không đưa ra cảnh cáo nào về bom nguyên tử. Điều 12 ghi "Các lực lượng chiếm đóng của quân Đồng Minh sẽ được rút khỏi Nhật Bản ngay khi hoàn thành các mục tiêu và khi một chính phủ có thiên hướng hòa bình và có trách nhiệm đã được thành lập theo ý chí tự do của người dân Nhật Bản". Tuy nhiên, một câu mà Grew nhất quyết đòi đưa vào điều khoản này đã bị xoá đi, đó là "chính phủ này có thể bao gồm một chế độ quân chủ lập hiến dưới triều đại hiện hành". Như vậy là địa vị của Nhật Hoàng không được bảo đảm và chính sách đầu hàng vô điều kiện vẫn không suy chuyển.

Chính phủ Nhật nhận được tuyên bố vào ngày 27 tháng 7 nhưng không hề tỏ dấu hiệu muốn chấp nhận tuyên bố này. Ngược lại, nội các Suzuki lúc đầu còn lệnh cho báo giới đăng phiên bản đã được hãng tin Domei biên tập và giảm thiểu ảnh hưởng của tuyên bố bằng cách không bình luận gì. Tiếp đó, ngày 28 tháng 7, trước sự thúc giục của Bộ trưởng Lục quân Anami Korechida, Tổng tham mưu trưởng Hải quân Toyoda Soemu và những người khác, Thủ tướng Suzuki còn dứt khoát tuyên bố sự bác bỏ của Nhật Bản trong một cuộc họp báo buổi chiều rằng Tuyên bố Potsdam chỉ là một sự "xào xáo" *(yakinaoshi)* không hơn của Tuyên bố Cairo và rằng ông này sẽ "không thèm để ý" đến nó *(mokusatsu*). Sau tuyên ngôn của Suzuki là quyết tâm tiếp tục chiến tranh của Hirohito cũng như những kỳ vọng không tưởng của ông về việc đàm phán thông qua Liên Xô. Ngày nào cũng đọc báo, nếu Hirohito cảm thấy không bằng lòng hay thậm chí lo lắng về việc tuyên bố của Suzuki và nội các của ông này sẽ gây một ấn tượng không khoan nhượng cho toàn thể thế giới thì Kido chắc hẳn đã nhắc đến điều đó trong nhật ký chi tiết của ông ta về các cuộc trò chuyện với Nhật Hoàng. Nhưng ông không hề có ghi chép nào như vậy. Kido biết rằng Hirohito vẫn chờ đợi Liên Xô trả lời Nhật về đề xuất hòa bình và đang không thể quyết định được liệu nên đầu hàng hay tiếp tục chiến tranh nhằm giành lấy các điều khoản có lợi hơn.

Cũng trong ngày 28 tháng 7, khi chính khách kỳ cựu được cho là người ôn Hoà, bộ trưởng Hải quân Yonai được thư ký của mình, Thiếu tướng Takagi hỏi lý do tại sao thủ tướng lại được phép đưa ra một tuyên bố vô lý như vậy, Yonai đáp: "Nếu một người đưa ra tuyên bố trước thì người đó sẽ luôn ở vào thế bất lợi. Churchill đã suy sụp, Mỹ đang bắt đầu chia rẽ. Do vậy, chính phủ sẽ lờ tuyên bố này đi. Không có gì phải vội".

"Không có gì phải vội" đồng nghĩa với việc trực tiếp vi phạm Điều 5, Tuyên bố Potsdam ("Chúng tôi không cho phép trì hoãn") và là một lập trường củng cố thêm suy nghĩ tạm thời của phương Tây rằng cho đến ngày 28 tháng 7, người Nhật, dưới sự lãnh đạo của Nhật Hoàng chưa bao giờ đảo ngược quyết định của mình hay hạ thấp ý chí chiến đấu đến phút cuối, trong khi một mặt vẫn đưa ra những đề nghị mập mờ về hòa bình. Họ đã không hiểu sai ý định của Suzuki.

tảisáchhay

Lúc này Mỹ đang xúc tiến chuẩn bị việc sử dụng bom nguyên tử và đổ bộ lên phía nam Kyushu trong một chiến dịch có tên là Olympic, dự kiến bắt đầu từ ngày 01 năm 11. Vào 8:15 sáng ngày 06 tháng 8, phần lớn thành phố không được phòng vệ Hiroshima đã bị huỷ diệt bởi duy nhất một chiếc B-29, với khoảng 100.000 - 140.000 người chết ngay lập tức và khoảng 100.000 người khác chết trong thời gian năm năm tiếp theo. Ở tâm điểm của vụ nổ, một "chùm sáng gấp 3.000 lần ánh sáng mặt trời" và một quả cầu lửa xuất hiện, toả phóng xạ nhiệt hạch "thiêu cháy lập tức con người, cây cối, nhà cửa. Khi không khí nóng lên và bị đẩy lên cao, không khí lạnh lập tức tràn vào tạo ra một cơn bão lửa … (nhiều giờ sau), một trận gió lốc thổi bùng ngọn lửa lên đến đỉnh điểm cho đến khi cả 8 dặm vuông hầu như chỉ còn là tro tàn. Những hạt mưa màu đen, đầy bùn đất và phóng xạ bắt đầu rơi".

Hai ngày sau, viện cớ Nhật Bản bác bỏ Tuyên bố Potsdam, Liên Xô tuyên chiến với Nhật. Ngày 09 tháng 8, Mỹ thả quả bom nguyên tử thứ hai xuống Nagasaki, lập tức giết chết khoảng 35.000 – 40.000 người và làm bị thương hơn 60.000 người khác. Cùng ngày, trong một báo cáo trên đài phát thanh toàn quốc về Hội nghị Potsdam, Tổng thống Truman đã bày tỏ đây rõ ràng thái độ báo thù của đa phần người Mỹ:

"Chúng ta đã phát minh ra quả bom và đã sử dụng nó. Chúng ta sử dụng nó chống lại kẻ đã tấn công chúng ta mà không hề báo trước ở Trân Châu cảng, chống lại những kẻ bỏ đói, đánh đập và hành quyết tù binh chiến tranh Mỹ, những kẻ đã bỏ qua ngay cả việc vờ tuân thủ luật chiến tranh quốc tế. Chúng ta đã sử dụng nó nhằm rút ngắn nỗi đau của chiến tranh, nhằm giữ tính mạng của hàng nghìn hàng vạn thanh niên Mỹ."

Trong khi đó, ở Tokyo, trong thời khắc quyết định giữa Tuyên bố Potsdam và cuộc ném bom nguyên tử xuống Hiroshima ngày 06 tháng 8, bản thân Hirohito không hề có lời nói hay hành động gì về việc chấp nhận điều khoản Potsdam. Tuy nhiên, đã hai lần trong các ngày 25 và 31 tháng 7, ông nói rõ với Kido rằng những biểu trưng của Thiên Hoàng phải được bảo vệ bằng mọi giá. Ông muốn đưa chúng trở lại Hoàng cung. Vẫn lưu luyến với những biểu tượng ngôi vị của mình trong khi vấn đề lớn trước mắt là có chấp nhận đầu hàng lập tức hay không, Hirohito đã không sẵn sàng nắm lấy cơ hội để tự kết thúc chiến tranh.

Thủ tướng Suzuki sau khi bác bỏ tối hậu thư Potsdam cũng nhận thấy không cần phải làm gì thêm nữa. Hội đồng Cố vấn Nội các của ông, gồm chủ tích hãng Xi măng Asano, tiền thân của tập đoàn Nissan, phó chủ tịch Ngân hàng Nhật bản và các đại diện khác của giới doanh nhân hàng đầu đất nước, những người đã thu lợi lớn từ cuộc chiến tranh, nhóm họp sáng mùng 3 tháng 8. Họ đề nghị chấp nhận điều khoản Potsdam trên cơ sở Mỹ cho phép Nhật giữ lại các ngành công nghiệp phi quân sự và tham gia thương mại thế giới. Suzuki có câu trả lời cho những người này trong phiên họp nội các chiều hôm đó. Theo Bộ trưởng nông nghiệp và thương mại Ishiguro Tadaatsu, bạn và người bảo vệ Suzuki, Suzuki đã nói với trưởng Phòng Tình báo Nội các và thành viên hội đồng cố vấn Shimomura Kainan:

"Khi kẻ địch đã nói như vậy có nghĩa là tình thế cũng đã buộc chúng phải chấm dứt chiến tranh. Vì vậy mà chúng ta mới ở đây bàn về việc đầu hàng vô điều kiện. Chính trong những lúc như thế này, nếu ta kiên cường thì địch sẽ phải đầu hàng trước chúng ta. Đâu chỉ vì địch

tảisáchhay

loan báo tuyên bố của mình mà ta phải ngừng chiến đấu. Các vị cố vấn có thể yêu cầu tôi cân nhắc lại nhưng tôi không nghĩ có lý do gì phải ngừng (cuộc chiến tranh) cả."

Vậy là trong 10 ngày liền, trong khi Hirohito tỏ ra khá ẩn dật thì Bản Tuyên bố Potsdam bị "lờ đi". Bom nguyên tử được thả và quân Liên Xô thì xâm lấn suốt dải biên giới rộng lớn từ bắc Mãn Châu đến Triều tiên. Sau đó, Ngoại trưởng Togo Shigenori, người trước nay chưa từng tỏ ra yêu chuộng hòa bình theo bất cứ nghĩa nào, thuyết phục Nhật Hoàng rằng bản thân lời tuyên bố thực ra có hàm ý là đầu hàng có điều kiện, chứ không phải vô điều kiện, mặc dù chính ông này có lẽ cũng không tin vào sự diễn giải đó. Dường như đã giải toả được vướng mắc, Hirohito với sự hậu thuẫn mạnh mẽ của Kido, quyết định đánh cược và ủy quyền cho Togo thông báo với thế giới rằng Nhật Bản sẽ chấp nhận điều khoản của Đồng Minh chỉ với một điều kiện "rằng tuyên bố trên không bao hàm bất kỳ đòi hỏi nào làm ảnh hưởng tới đặc quyền của Hoàng đế trong vai trò quân vương". Hôm sau, ngày 11 tháng 8, Ngoại trưởng Byrnes đáp lại thông điệp đầu hàng đầu tiên này bằng cách ám chỉ quyền hành của Nhật Hoàng sẽ lệ thuộc vào người chỉ huy tối cao của các cường quốc Đồng Minh, qua đó giữ được nguyên tắc quan trọng nhất là đầu hàng vô điều kiện. Tuy nhiên, do Byrnes không trả lời rõ ràng với người Nhật về tình thế sau này của Nhật Hoàng nên câu trả lời của ông cũng có thể được coi là có hàm ý rằng vị trí của Nhật Hoàng có thể được giữ nguyên sau khi đầu hàng.

Đến lúc này, một cuộc tranh luận khác nổ ra giữa các lãnh đạo ở Tokyo về ý nghĩa câu trả lời của Byrnes, buộc Hirohito phải quyết định lần nữa vào ngày 14 tháng 8 ủng hộ việc chấp nhận. Sau đó ông tới trước micro và ghi âm lời tuyên bố đầu hàng sau đó được phát đi trên toàn nước Nhật vào buổi trưa ngày 15 tháng 8. Đến lúc đó, chiến thắng và thất bại đã bước vào một giai đoạn quan hệ không giao ước dựa trên nguyên tắc đầu hàng vô điều kiện, và mối quan tâm chính của những người ôn hòa đã chuyển hướng sang việc tách ông ra khỏi việc dính líu thật sự đến chiến tranh lẫn lối tư duy phi thực tế và những chính sách sai lầm đã dẫn nước Nhật đến thất bại.

Vì sao các lãnh đạo tối cao của Nhật lại trì hoãn lâu đến vậy trước khi nói với dân chúng rằng họ đã phải "chấp nhận điều không thể tránh khỏi" và đầu hàng mà không đàm phán gì? Nếu Grew và những lời chỉ trích đối với yêu cầu đầu hàng vô điều kiện thắng thế vào tháng 5, 6 hay thậm chí tháng 7 và ký kết một giao kèo về vấn đề bảo đảm sự tồn tại của vương triều Nhật Bản thì liệu các lãnh đạo Nhật Bản có đầu hàng ngay hay không? Hay còn nhiều chuyện khác nữa xung quanh vấn đề này?

II

Việc xử trí theo quy ước vai trò của Nhật Hoàng Hirohito trong chấm dứt chiến tranh dẫn đến việc Nhật đề nghị Liên Xô đứng trung gian hòa giải mà kết quả là cuộc đàm phán Hirota Koti - Jacob Malik, và những bức điện bí mật mà Ngoại trưởng Togo gửi cho Đại sứ Sato Naotake ở Matxcơva, và đây chính là những bước đi thật sự tiến tới việc đầu hàng. Nhưng những người tham dự vào những đề xuất hòa bình diễn tiến suốt các tháng 6, 7 và đầu tháng 8 này chỉ coi đây là một chiến thuật nhằm trì hoãn việc đầu hàng không thể tránh

tảisáchhay

khỏi. Chỉ có Hirohito, khi đó đang sầu não về khả năng mất vương quyền, và bộ chỉ huy tối cao quân đội là thổi phồng kỳ vọng vào Liên Xô mà thôi.

Sau chiến tranh, Nhật Hoàng đã đưa ra một lời lý giải ngắn và sai lệch về các cuộc nghị đàm với Liên Xô như sau:

''Chúng tôi chọn Liên Xô đứng ra làm trung gian hòa giải vì hai lý do. Tất cả các nước khác đều không có nhiều quyền lực. Do vậy, cho dù chúng tôi có nhờ những nước này hòa giải thì e rằng họ cũng sẽ bị phía Anh và Mỹ gây áp lực và khi đó chúng tôi sẽ phải đầu hàng vô điều kiện. Về tương quan, Liên Xô có cả quyền lực và nghĩa vụ do đã ký Hiệp ước Trung lập''.

Nhưng chúng tôi cho rằng Liên Xô không phải là một nước đáng tin cậy nên cần hiểu rõ ý tứ của họ trước đã. Cuối cùng, chúng tôi quyết định tiến hành các cuộc thương thảo Hirota – Malik, trong đó chúng tôi nói nếu họ cho chúng tôi nhập xăng dầu thì chúng tôi cũng sẽ không ngại ngần nhượng cho họ cả vùng nam Karafuto và Mãn Châu.

Hirohito đã không nhắc tới việc những nhượng bộ đất đai này của Nhật dành cho Liên Xô để đứng ngoài cuộc chiến hạn chế thế nào so với những gì phía Đồng Minh đã đề nghị với Xtalin để tham chiến. Ông cũng không nhắc tới những cố gắng trước đó, dưới thời Ngoại trưởng Shigemitsu, nhằm thúc đẩy hòa hoãn giữa Liên Xô và Quốc xã. chính sách của Nhật đối với Liên Xô chỉ nhắm đến việc duy trì sự "êm ấm" trong quan hệ với Maxtcơva, thúc đẩy hòa hoãn giữa Quốc xã và Liên Xô và kích động các nước Đồng Minh chống lại nhau. Chính sách này đã bắt đầu thay đổi từ năm 1943 và đến cuối 1944, sau khi ông biết Xtalin đã liệt Nhật Bản vào hàng "quốc gia gây chiến", thì Hirohito đã phê chuẩn một đề xuất mơ hồ và cử một đặc phái viên tới Maxtcơva. Cho đến khi chính phủ Suzuki quyết định nhờ cậy Liên Xô chấm dứt chiến tranh thì chính sách của Liên Xô đã chuyển từ trung lập sang chờ thời cơ tấn công Nhật Bản. Nhưng Hirohito không để ý gì tới lịch sử quan hệ Xô – Nhật gần đây. Ông đã phán đoán sai tình hình vì điều này mâu thuẫn với mục tiêu đàm phán chấm dứt chiến tranh giúp bảo đảm cơ chế quân chủ chuyên chế mà trung tâm chính là bản thân ông và ngôi báu đầy quyền lực.

Tiếp tục lời lý giải sau khi chiến tranh kết thúc về đề xuất của Nhật với Maxtcơva, Nhật Hoàng nói: "Tuy nhiên, cho tới tận đầu tháng 7 năm 1945 vẫn chưa có câu trả lời nào từ phía Liên Xô. Về phần mình, chúng tôi phải có quyết định trước Hội nghị Potsdam … Vì lẽ đó, tôi hỏi ý kiến Suzuki và quyết định huỷ bỏ các cuộc thương thuyết Hirota – Makik và đàm phán thẳng với Liên Xô".

Không kể việc chính Đại sứ Malik chứ không phải Nhật Hoàng mới là người thật sự chấm dứt cuộc thương thuyết thì vào đầu tháng 7, Hirohito thật sự có tỏ ra quan tâm hơn đến việc đàm phán nhằm chấm dứt chiến tranh sao cho các đặc quyền của Hoàng gia vẫn được duy trì. Quãng ngày 12 tháng 7, ông và Kido bắt đầu bí mật xúc tiến các cuộc đàm phán trực tiếp với Liên Xô bằng việc cử Hoàng thân Konoe tới Maxtcơva trong vai trò đặc phái viên của Thiên Hoàng. Tuy nhiên, chỉ ít ngày sau, trong báo cáo gửi ngày 9 tháng 7 tới Nhật Hoàng, cựu ngoại trưởng Arita Hachiro đã chỉ ra rằng: "Hầu như không còn cơ may nào để thuyết phục Trùng Khánh, Duyên An và Liên Xô về phe với chúng ta hay lợi dụng họ để nâng cao vị thế của ta … Nếu vẫn cố làm việc này thì chúng ta sẽ chỉ lãng phí thời gian quý

tảisáchhay

báu ở vào một thời điểm mà từng phút đều hệ trọng như hiện nay". Nhận định tình hình chung một cách lạnh lùng và hợp lý, Arita khẩn cầu Nhật Hoàng khi diện kiến rằng "kêu gọi giành thắng lợi tuyệt đối sẽ chẳng ích gì". Để giữ gìn "mảnh đất thiêng liêng … mãi mãi bất diệt", chúng ta phải "gắng chịu điều không thể chịu đựng nổi".

Quan trọng hơn, kể từ ngày 8 tháng 7, Đại sứ Saito ở Maxtcơva đã nói với Togo rằng thật khó mà tưởng tượng được Liên Xô sẽ giúp Nhật Bản. Ngày 13 tháng 7, Sato nhắc nhở Togo rằng mặc dù "chúng ta kính cẩn coi việc cử đặc phái viên là một ý chỉ của Thiên Hoàng" nhưng điều đó sẽ chẳng có nghĩa lý gì với Liên Xô và sẽ chỉ gây thêm rắc rối cho Hoàng gia mà thôi, "nếu đề xuất của chính phủ Nhật do đặc phái viên đưa tới vẫn chỉ là một loạt những khái nhiệm trước đây và vẫn thiếu sự cụ thể".

Ngày 20 tháng 7, một ngày sau khi Sato báo về Tokyo rằng Liên Xô quả thực đã từ chối tiếp đặc phái viên "với lý do mục đích chuyến đi không rõ ràng" (cũng như ông đã nói phía Liên Xô vẫn luôn như vậy), vị đại sứ gửi một bức điện thống thiết nhất tới Togo nêu tóm tắt cảm nghĩ của ông về toàn bộ tình hình. Sato (cũng như Arita vào ngày 9 tháng 7 và Hoàng thân Konoe từ tháng 2) đã khẩn nài việc đầu hàng lập tức vì quốc gia đang trên bờ vực bị huỷ diệt. Sato nhấn mạnh: "Vấn đề bảo vệ *quốc thể (kokutai)* này" có thể được coi là "một trong những vấn đề đối nội và do đó không nên đưa vào các điều khoản của một hiệp ước hòa bình". Nói cách khác, Nhật Bản không cần khăng khăng đòi nước ngoài phải bảo đảm sự tồn tại của nền quân chủ của mình: *quốc thể*, với ông có nghĩa là những đặc quyền của Nhật Hoàng, có thể giữ được mà không cần phải trì hoãn việc đầu hàng và sẽ được khôi phục lại một khi Nhật Bản được độc lập trở lại.

Tuy nhiên, do Hirohito một mực đòi hỏi nên Togo cũng khăng khăng nói với Sato rằng Nhật Bản không thể tiết lộ kế hoạch hòa hoãn của mình trước và rằng ông phải tập trung thăm dò ý tứ của Liên Xô và thuyết phục nước này tiếp đặc phái viên của Thiên Hoàng là Hoàng thân Konoe. Ngày 2 tháng 8, Togo gửi một bức điện khác tới Sato bảo với ông này rằng Nhật Hoàng, Thủ tướng và các lãnh đạo quân đội đang "đặt hy vọng vào vấn đề cụ thể này. Mặc dù ông có thể có ý kiến riêng của mình nhưng hãy hiểu rõ tình hình và làm sao kích động phía Liên Xô tiếp đặc phái viên của ta". Sau khi nhận được điện của Togo, Sato điện lại cho Bộ ngoại giao thúc giục chấp nhận Tuyên bố Potsdam.

Cả Sato lẫn các cựu ngoại trưởng Shigemitsu Mamoru hay Arita Hachiro đều không tin rằng cuộc chiến tranh sẽ có thể được kết thúc nhờ sự giúp đỡ của Liên Xô. Chính Ngoại trưởng Togo cũng không tin như vậy. Nhưng tuân theo ý chỉ của Nhật Hoàng, rằng ngài muốn các đặc quyền quân vương của mình được bảo đảm trên tầm quốc tế, nên Togo vẫn cố tìm mọi cách và không chịu chấp nhận đàm phán trực tiếp với các chính phủ Đồng Minh ngay cả khi Trưởng ban tình báo nội các Shimomura Kainan tới thăm ông tại tư dinh vào ngày 04 tháng 8 và khẩn nài: "Nhờ cậy vào một mình Liên Xô là không đủ. Chúng ta không còn hy vọng gì để tiếp tục như thế này mãi. Bằng một kênh cửa sau nào đó, chúng ta phải đàm phán với Mỹ, Anh và Trung Quốc."

Togo gửi bức điện cuối cùng tới Sato vào ngày 7 tháng 8 trong đó vẫn yêu cầu ông này tìm hiểu thái độ của phía Liên Xô. Nhưng đến lúc đó Xtalin đã biết về vụ ném bom nguyên tử ở

tảisáchhay

Hiroshima. Khi đại sứ Mỹ Averell Harriman gặp ông ở điện Kremlin vào tối ngày 08 tháng 8, Xtalin nói: "ông cho rằng người Nhật hiện đang tìm cớ để thay thế chính phủ hiện tại với một chính phủ khác đủ khả năng chấp nhận việc đầu hàng. Vụ ném bom có thể tạo cho họ cái cớ này".Bị kích động bởi tin Mỹ vừa huỷ diệt cả một thành phố của Nhật Bản, ngay hôm sau Xtalin đã chính thức quyết định tham gia cuộc chiến tranh, sớm hơn một tuần so với kế hoạch và cũng sớm hơn một tuần so với dự đoán của Tổng thống Truman. Bằng việc ném bom nguyên tử Hiroshima, Truman đã vô tình đào sâu sự nghi ngờ của nhà độc tài Xô-viết đối với Mỹ, từ đó góp phần vào sự mở màn của cuộc Chiến tranh Lạnh.

Vì các bức điện của Bộ ngoại giao Nhật Bản gửi tới Maxtcơva bị tình báo Mỹ chặn và giải mã, sau đó gửi cho Truman đọc, ít nhất một phần nên nhiều người đặt vấn đề rằng Tổng thống Mỹ có thể và nên nhượng bộ ở một chừng mực nào đó trong việc áp dụng công thức đầu hàng vô điều kiện. Nhưng những bức điện này rõ ràng luôn có nội dung quá thăm dò và mập mờ để có thể coi là những ý định muốn đàm phán kết thúc chiến tranh nghiêm túc.

Ngay cả bức thư mà Bộ Ngoại giao đã soạn sẵn cho Konoe trong sứ mệnh bí mật được trù tính (mà không được thực hiện) với tư cách đặc phái viên của Nhật Hoàng cũng chỉ có mục đích chính là đạt được sự bảo đảm của Liên Xô đối với tương lai của triều đại và Thiên Hoàng đương nhiệm. Việc bảo tồn *quốc thể* là mục tiêu cơ bản, là điều kiện duy nhất để thực hiện hòa bình. Hơn nữa, "lá thư của Nhật Hoàng" có hàm ý rằng cuộc chiến tranh nổ ra một cách ngẫu nhiên, cũng giống như một thảm họa tự nhiên vậy và nếu Mỹ và Anh cứ nhất quyết đòi Nhật đầu hàng vô điều kiện thì chính họ chứ không phải Nhật Bản mới là những kẻ cản trở hòa bình.

Dù không thể đi đến quyết định chấm dứt chiến tranh nếu tương lai của vương triều và các đặc quyền to lớn của người ngồi trên ngôi cao không được bảo đảm tuyệt đối, nội các Suzuki và Hội đồng Lãnh đạo Chiến tranh Tối cao cũng không hề vạch ra một chiến lược hòa bình dựa trên quan điểm là phải cứu người dân Nhật thoát khỏi cảnh hoạn nạn nếu chiến tranh vẫn tiếp diễn. Thay vào đó, họ chờ đợi cho đến khi kẻ địch ngoại bang đã tạo ra một tình thế cho phép họ có cớ đầu hàng mà vẫn giữ được thể diện nhằm tránh cho *quốc thể* khỏi bị huỷ hoại bởi những áp lực chống quân phiệt, chống chiến tranh từ chính người dân Nhật. Chính vụ ném bom và sau đó là việc Liên Xô tuyên chiến đã cho họ cái cớ họ cần. Chính vì vậy mà vào ngày 12 tháng 8, (theo Tanaka Nobumasa cho biết) Yonai Mitsumasa có thể nói với Thống chế Takagi Sokichi rằng:

"Tôi nghĩ có lẽ các điều khoản này không hợp lý nhưng vụ ném bom nguyên tử và việc Liên Xô tham chiến, về mặt nào đó, chính là một món quà trời cho *(tenyu,* hay "phước đức của ông trời"). Bằng cách này, chúng ta không cần phải nói rằng mình đã từ bỏ cuộc chiến vì các hoàn cảnh trong nước. Từ lâu tôi đã ủng hộ việc kiểm soát cuộc khủng hoảng nhưng không phải vì sợ địch tấn công hay vì bom nguyên tử cũng như việc Liên Xô tham chiến. Lý do chính là do sốt ruột vì tình hình quốc nội. Bởi thế, thật may là giờ đây ta có thể kiểm soát tình hình mà không phải để lộ tình thế trong nước."

Những toan tính chính trị tương tự cũng là lý do khiến Konoe gọi việc Liên Xô tham chiến là một "cơ hội trời cho để kiểm soát quân đội" còn Kido coi cả việc ném bom nguyên tử lẫn

tảisáchhay

việc Liên Xô tham chiến như những yếu tố "có ích" để thúc đẩy mọi việc tiến triển êm đẹp. Một cuộc đấu tranh quyền lực đang chớm nở và đối với những người tham gia vào đó, dù 100.000 hay 200.000 người chết cũng không nghĩa lý gì miễn là họ đạt được mục đích mong muốn, đó là một sự kết thúc cuộc chiến mà không tổn hại gì đến nền quân chủ, để có thể rảnh tay kiểm soát những thế lực bất mãn tất yếu sẽ nổi lên từ thất bại này. Trong màn cuối của tấn kịch chiến tranh, cũng như ở các màn trước đó, những người "ôn hoà" ở Nhật luôn cảm thấy dễ cúi đầu trước áp lực bên ngoài hơn là tự mình chủ động kết thúc chiến tranh.

Một ví dụ khác về lối tư duy của những tập đoàn cầm quyền về điều khoản đầu hàng là văn bản "yếu lĩnh trong đàm phán hòa bình" (*wabei kosho no yoryo),* một tài liệu do Konoe và cố vấn của ông, Trung tướng về hưu Sakai Koji, soạn thảo, sau khi Konoe miễn cưỡng chấp nhận sứ mệnh tới Maxtcơva. Bản "yếu lĩnh" dường như chưa từng được lưu hành này quy định việc bảo tồn thể chế Hoàng gia (bao gồm hầu hết các đặc quyền Hoàng tộc) coi đó là điều kiện tối thiểu bắt buộc để chấp nhận hòa bình. Trong văn kiện có nêu định nghĩa của các từ "lãnh thổ gốc" hay "chính yếu" gồm cả nửa phía nam quần đảo Kurile nhưng lại tỏ ra sẵn sàng nhượng cho đối phương toàn bộ lãnh thổ hải ngoại, kể cả Okinawa và quần đảo bị Mỹ chiếm đóng Bonin, cũng như nửa phía nam Xakhalin. Bản "yếu lĩnh" còn chấp nhận giải giáp hoàn toàn trong một thời gian không hạn định, qua đó thỏa hiệp về vấn đề giải ngũ và giải giáp các lực lượng vũ trang.

Đáng nói hơn, một bản "chú giải" kèm theo "yếu lĩnh" còn ghi rằng "mục đích chính là bảo đảm duy trì huyết thống Thiên Hoàng và vai trò chính trị của Thiên Hoàng. Tuy nhiên, trong trường hợp xấu nhất, việc chuyển giao ngai vàng có thể sẽ không thể tránh khỏi. Nếu điều này xảy ra thì phải được thực hiện dưới hình thức không ép buộc." Konoe và Sakai cũng sẵn sàng "trở lại chính trường như những *minpon seiji"* hay "các thần dân dưới bóng Thiên Hoàng". Họ dùng thuật ngữ có từ thời Đại Chính này để chỉ "nền dân chủ" trong thời điểm mà người dân Nhật coi dân chủ là văn hóa của kẻ thù. Đáng nói là Konoe không xin Nhật Hoàng phê chuẩn phần "chú giải" kèm theo.

Trong khi tìm cách thực hiện "Hoà bình trong danh dự" với điều kiện bảo tồn được ngai vàng, Konoe và Sakai cũng cho biết sẵn sàng cử đồng bào của mình đi lao động khổ sai thay cho bồi thường chiến tranh bằng vật chất nếu thỏa thuận đòi hỏi. Bản "yếu lĩnh" tuyên bố: "Chúng tôi sẽ giải ngũ quân đội đóng ở hải ngoại ngay tại chỗ và cố gắng đưa các quân nhân về nước. Nếu không thể làm việc này thì chúng tôi chấp nhận để lại một số quân nhân trong một thời gian nhất định". Lời chú giải về điểm này nêu: "Chúng tôi chấp nhận thực hiện lao động thay cho bồi thường chiến tranh". Rõ ràng ý tưởng giam giữ tù binh chiến tranh Nhật để lao động khổ sai phục vụ nền kinh tế Liên Xô (sau này được người Nga thực hiện trong các trại cải tạo ở Xibêri) không chỉ có riêng trong khái niệm của Liên Xô mà thực ra xuất phát từ những người thân cận của Nhật Hoàng.

III

Chấn động tâm lý kép từ vụ ném bom nguyên tử lần thứ nhất và việc Liên Xô tham chiến, cùng với những lo lắng của Kido và Nhật Hoàng về sự chỉ trích ngày càng lan rộng đối với ngai vàng và người đang ngự trên ngai vàng cũng như nỗi sợ hãi gần như hoang tưởng của

tảisáchhay

họ rằng sớm muộn gì, dân chúng cũng sẽ phản ứng gay gắt với giới lãnh đạo nếu tiếp tục kéo dài thêm cuộc chiến – những yếu tố này rút cục đã khiến Hirohito phải chấp nhận về nguyên tắc các điều khoản trong Tuyên bố Potsdam.

Trong phiên họp đầu tiên của sáu thành viên Hội đồng Lãnh đạo Chiến tranh Tối cao, từ 10 giờ 30 sáng đến 1 giờ chiều, ngày 9 tháng 8, Bộ trưởng Lục quân Anami Korechika, các Tổng tham mưu trưởng Umezu Yoshijiro đại diện cho Lục quân và Yonai đại diện cho Hải quân, cùng Togo đại diện cho Bộ ngoại giao theo nghị trình sẽ thảo luận về việc chấp nhận Tuyên bố Potsdam. Nhưng thay vào đó họ lại tranh luận nên đầu hàng với điều kiện gì, một điều kiện là bảo tồn *quốc thể* hay bốn điều kiện?

Sau khi Suzuki phát biểu trước phiên họp về vụ ném bom Hiroshima và cuộc tấn công của Liên Xô, theo lời kể của Tham mưu trưởng Hải quân Toyoda, Yonai là người đầu tiên đứng dậy phát biểu và gói gọn vấn đề trong 4 điều kiện. Ông nói: "Xin mời bắt đầu phần thảo luận. Chúng ta có nên chấp nhận Tuyên bố Potsdam vô điều kiện không …? Nếu không, và thực tế là chúng ta phải đòi hỏi quyền được hy vọng và đưa ra điều kiện, thì ta nên đi theo hướng này. Thứ nhất là bảo toàn *quốc thể*, sau đó đến những vấn đề còn lại, những điều khoản chính trong Tuyên bố Potsdam: đối xử với tội phạm chiến tranh, phương pháp giải giáp và vấn đề điều động quân đội chiếm đóng". Cứ như vậy các đại biểu trích dẫn ra những điều họ cho là chưa rõ ràng trong Tuyên bố Potsdam và lấy đó làm cơ sở để thảo luận.

Phía Lục quân nhất quyết đòi bốn điều kiện. Thứ nhất là bảo toàn *quốc thể*, cũng là điều mà mọi đại biểu cho là một điều kiện độc lập với Tuyên bố Potsdam. Các điều kiện khác là thứ hai, Đại bản doanh Thiên Hoàng phải chịu trách nhiệm giải giáp và giải ngũ; thứ ba, không chiếm đóng; và cuối cùng là ủy quyền cho chính phủ Nhật Bản việc trừng phạt tội phạm chiến tranh. Lục quân coi *quốc thể* ngang hàng với quyền chỉ huy tối cao của Nhật Hoàng. Mong muốn được trao quyền tự chủ trong xét xử tội phạm chiến tranh xuất phát từ việc họ cho rằng quân Đồng Minh sẽ sử dụng những phiên tòa này để kết án giới quân sự trên cơ sở chính trị. Vì vậy mà các lãnh đạo Lục quân muốn ngăn chặn trước việc mở các tòa án quốc tế bằng cách tổ chức các phiên tòa của riêng mình – đích xác là những gì mà nước Đức không bị xâm lược và không hề ăn năn đã làm sau Chiến tranh Thế giới thứ Nhất.

Ủng hộ quan điểm của quân đội trong các phiên họp nội các trong ngày này là ba thành viên dân sự của nội các Suzuki: Bộ trưởng tư pháp Matsuzaka Hiromasa, Bộ trưởng nội vụ Yasui Toji và Bộ trưởng y tế Okada Tadahiko. Trong phiên thiết triều trong đêm đó (kéo dài đến tận sáng sớm ngày mùng 10), Bộ trưởng ngoại giao Togo cho rằng điều kiện đầu hàng duy nhất phải đòi cho kỳ được là bảo toàn *quốc thể*. Trong suốt cuộc thảo luận, "bảo toàn *quốc thể*" đối với Togo chỉ có nghĩa là việc bảo toàn Hoàng tộc hay triều đình chứ không phải duy trì ngôi vị của Hirohito.

Nhưng đó không phải là ý nghĩa của *quốc thể* đối với những người khác. Hiranuma cũng là người ủng hộ quan điểm một điều kiện nhưng lại có một cách diễn giải rất khác về *quốc thể*, trong đó "quyền cai trị quốc gia tối cao của Nhật Hoàng không xuất phát từ luật pháp quốc gia". Do vậy, Hiranuma một mực cho rằng "Cho dù toàn bộ dân tộc phải hy sinh vì chiến tranh thì chúng ta vẫn phải bảo toàn cho được cả quốc thể lẫn sự an toàn của Hoàng tộc".

tảisáchhay

Nói cách khác, không có cách hiểu hoàn toàn thống nhất nào về ý nghĩa của quốc thể; cuộc tranh cãi về việc chọn một điều kiện hay bốn điều kiện thực chất là tranh cãi về hình thái quốc gia sau này của Nhật Bản nhưng ẩn dấu đằng sau nó là một cuộc cạnh tranh giành quyền lực chính trị tương lai đã nhen nhóm ngay từ bây giờ.

Không rõ Nhật Hoàng và Kido có về phe với Togo ngay từ đầu và phản đối chủ trương bốn điều kiện của các lãnh đạo quân sự cao cấp hay không. Có lẽ suy luận hợp lý hơn là hai người này vẫn còn đồng cảm với những kẻ cố chấp, kể cả trong giới quân sự và dân sự, những kẻ luôn muốn tiếp tục cuộc chiến tranh tự sát chứ không chịu đầu hàng lập tức và vô điều kiện. Có thể vì lý do này mà vào ngày 09 tháng 8, Konoe đã cử Hosokawa Morisada tới Đại bản doanh Hải quân để hối thúc em trai Nhật Hoàng, Hoàng thân Takamatsu thúc ép Hirohito (thông qua Kido) chấp nhận các điều khoản Potsdam và cũng là lý do mà chiều hôm đó, Konoe tiếp tục nhờ đến nhà ngoại giao Shigemitsu Mamoru thuyết phục Kido thay đổi lập trường theo hướng bốn điều kiện. Trước sự thúc giục của Takamatsu và Shigemitsu, Kido quả thực đã ngả theo quan điểm của Togo.

Thế hệ quan chức trẻ, trợ lý của các lãnh đạo trong triều đình cũng góp phần thúc đẩy việc chấm dứt chiến tranh, như thư ký của Kido, Matsudaira Yasumasa; thư ký của Suzuki, Sakomizu Hisatsune; thư ký của Togo và Shigemitsu, Kase Toshikazu và trợ lý của Bộ trưởng Hải quân Yonai, Thiếu tướng Hải quân Takagi. Những người này không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc hối thúc các phụ tá chính của Nhật Hoàng chấp nhận điều khoản Potsdam mà sau khi đầu hàng, họ còn có những vai trò quan trọng đằng sau hậu trường trong việc bảo vệ Nhật Hoàng trước hậu quả của việc bại trận.. Mong ước được bảo vệ Nhật Hoàng kể từ đó sẽ hạn chế và làm méo mó bức tranh về toàn bộ quá trình đầu hàng. Matsudaira thậm chí còn cố tình làm giả một tài liệu chính thức về vai trò của Nhật Hoàng trong chiến tranh để đưa vào trong *Báo cáo của Tướng MacArthur*.

Việc ngụy tạo những hồi ức lịch sử về thời điểm kết thúc chiến tranh bắt đầu ở Tokyo trong buổi lâm triều tổ chức vào đầu giờ sáng các ngày 9 – 10 tháng 8. Tại đây, Nhật Hoàng đã chính thức chấp nhận Tuyên bố Potsdam trong một diễn văn gửi các Bộ trưởng được Kido soạn thảo, sau khi lần lữa mãi đến tháng 6 mới gia nhập "trại hòa bình" khi bắt đầu kêu gọi đầu hàng sớm dù vẫn chưa phải đầu hàng lập tức rồi sau đó lại tiếp tục đắn đo. Ngay sau khi buổi nghị triều khai mạc, Suzuki tấu trình và được Nhật Hoàng chấp nhận cho phép Hiranuma, đại diện cho tư tưởng bảo thủ cực đoan được tham gia. Sakomizu biết trước rằng vị Nhật Hoàng lúc bấy giờ đã 44 tuổi sẽ đọc diễn văn trong đêm đó nên đã tới dự phiên họp đêm để sẵn sàng ghi chép. Ông này đã ghi lại những lời nói của Nhật Hoàng bằng thứ ngôn ngữ trôi chảy, thành thục.

Nhiều tháng sau chính Nhật Hoàng cũng thuật lại những điểm liên quan chính để có thể hiểu được động cơ dẫn đến "quyết định thiêng liêng" của ông *(seidan*) tại phiên họp Hội đồng Lãnh đạo Chiến tranh Tối cao đêm hôm 9 – 10 tháng 8 đó. Sau 2:00 sáng khi phiên họp đi đến bế tắc về việc có nên chấp nhận Tuyên bố Potsdam hay không:

Suzuki "bày tỏ mong muốn rằng tôi nên quyết định chọn lựa một trong hai ý kiến … Tuy mọi người đều nhất trí sẽ đưa vào điều kiện bảo toàn *quốc thể* nhưng ba người Anami,

tảisáchhay

Toyoda và Umezu vẫn nhất quyết phải thêm ba điều kiện nữa là không chiếm đóng với mục đích đạt được các điều khoản đầu hàng cụ thể và phải để chúng tôi đảm nhiệm các công việc giải giáp và trừng phạt tội phạm chiến tranh. Họ cũng một mực cho rằng việc đàm phán những vấn đề này cho tới thời điểm này của cuộc chiến vẫn còn khả thi. Nhưng bốn người gồm Suzuki, Hiranuma, Yonai và Togo lập luận ngược lại. Họ cho rằng không còn cơ hội đàm phán nữa.

Khi đó tôi chỉ nghĩ không thể tiếp tục cuộc chiến tranh này nữa. Toi đã được Tham mưu trưởng Lục quân thông báo rằng lực lượng phòng thủ ở Mũi Inubo và vùng đồng bằng ven biển Kujukuri (ở tỉnh Chiba) vẫn chưa sẵn sàng. Thêm nữa, theo Bộ trưởng Lục quân, sẽ không thể kịp bàn giao trang thiết bị cần thiết để vũ trang các sư đoàn sẽ tham gia vào trận chiến cuối cùng ở vùng Kanto trước tháng 9. Làm sao có thể bảo vệ thủ đô trong hoàn cảnh như vậy? Thậm chí đến một trận đánh cũng còn khó. Tôi thấy chẳng còn cách nào cả.

Tôi nói với họ rằng mình ủng hộ đề xuất của Bộ ngoại giao. Bản sửa đổi của Hiranuma từ bản thảo gốc của Bộ ngoại giao trong đoạn "vị trí của Thiên Hoàng trong luật pháp quốc gia" được chấp thuận nhưng sau suy ngẫm lại mới thấy là một sai lầm. Dù thế nào thì phiên họp này cũng sẽ quyết định chấp nhận Tuyên bố Potsdam dựa trên quyết định của tôi và sẽ gửi điện tín với nội dung đó thông qua Thụy Sỹ và Thụy Điển … Động cơ chính đằng sau quyết định của tôi vào thời điểm đó là nếu chúng tôi … không hành động thì dân tộc Nhật Bản có thể sẽ bị huỷ diệt và tôi sẽ không thể bảo vệ các thần dân trung thành của mình (sekishi – theo nghĩa đen là "con dân"). Thứ hai, Kido đã đồng ý với tôi về vấn đề bảo toàn *quốc thể*. Nếu quân địch đổ bộ gần Vịnh Ise thì cả đền Ise và Atsuta sẽ lập tức bị địch kiểm soát. Sẽ không đủ thì giờ để di chuyển các linh vật (biểu trưng) của Hoàng tộc cũng như không có hy vọng bảo vệ được những báu vật này. Trong hoàn cảnh đó, việc bảo vệ *quốc thể* sẽ gặp khó khăn. Ví những lý do đó mà tôi nghĩ rằng vào thời điểm đó tôi phải chấp nhận hòa bình cho dù có hy sinh bản thân mình."

Trong bài diễn văn này, Nhật Hoàng viện cớ Bộ trưởng Lục quân đã bảo với ông rằng thủ đô sẽ không thể được bảo vệ. Nhưng ngay từ tháng 6, ông đã biết rõ rằng nếu cứ tiếp tục cuộc chiến tranh thì sẽ càng nảy sinh nhiều vấn đề. Tại sao ông phải chờ đợi lâu đến vậy mà không ra quyết sách đầu hàng lập tức? Và nếu như Suzuki chỉ muốn một điều kiện duy nhất và thực tế là đa số đã nhất trí chứ không phải là bế tắc thì tại sao họ không quyết định kết thúc chiến tranh bằng cách bỏ phiếu đa số, sau đó Hirohito sẽ chuẩn tấu quyết định đó?

Trước khi Hiroshima bị ném bom, Nhật Hoàng đã biết rằng nội các của ông bị chia rẽ về vấn đề chấp nhận các điều khoản Potsdam. Ông cũng biết rằng chỉ có ông mới có thể thống nhất các vấn đề của chính phủ và bộ chỉ huy quân sự. Vậy thì tại sao ông vẫn chờ đợi cho đến tận đêm ngày mùng 9, tức là cho đến tận sau khi có một hành động gây sức ép chấn động từ bên ngoài, mới chịu triệu tập Hội đồng Lãnh đạo Chiến tranh Tối cao?

Bằng việc lý giải quyết định đầu hàng của mình, Hirohito đã coi Hiranuma là đối trọng đối với những phần tử cố chấp trong giới quân sự nhưng sau lại chỉ trích ông này vì đã sửa chữa nội dung bức điện mà Bộ ngoại giao gửi cho Đồng Minh chấp nhận có điều kiện Tuyên bố Potsdam. Nhưng Hiranuma vẫn tham dự hội đồng và cả phiên họp nội các sau đó, chính

tảisáchhay

là để bảo đảm diễn đạt đúng quan điểm của những người theo Thần đạo, cánh tả về *quốc thể*. Trong các phiên họp ngày 9 đến ngày 10 tháng 8, chính Hiranuma chứ không phải Togo đã lên tiếng thay đa số về đòi hỏi cơ bản phải bảo đảm quan niệm thần quyền về *quốc thể* chứ không phải quan niệm trần tục, văn hóa của Togo. Khi đó, Hirohito vẫn ủng hộ Hiranuma và không có phản đối gì đối với sự cảm tính đa số này vì ông tin rằng mình có quyền thiêng liêng được nối ngôi báu.

Không bình luận nào về bài diễn văn của Hirohito được phép bỏ qua việc ông không đề cập gì tới những chất vấn về trách nhiệm của ông trong thất bại này. Tướng Ikeda Sumihisa và Đô đốc Hoshina Zenshiro cũng có mặt tại buổi họp ngày 9 đến ngày 10 tháng 8 và cả hai sau đó đều nói Trưởng ban quân cơ Hiranuma có nêu vấn đề này ra. Theo lời kể của Ikeda, vào đầu giờ sáng ngày 10 tháng 8, Hiranuma đã quay sang Hirohito nói nhỏ "Tâu thánh thượng, người cũng phải chịu trách nhiệm *(sekinin)* về thất bại này. Bệ hạ định tạ lỗi *(moshiwake)* thế nào với hương hồn anh linh của tổ tông và các Thiên Hoàng đã quá cố?" Hoshina, Trưởng Ban quân vụ Hải quân, Bộ Hải quân, cũng cho biết Hiranuma đã nói gần đúng như vậy rằng "Thánh thượng có trách nhiệm báo cáo với tổ tông và các Thiên Hoàng đời trước. Nếu bệ hạ không nói rõ về (vấn đề) này thì trách nhiệm của người sẽ rất trầm trọng". Như vậy, trong phiên nghị triều ngày 9 đến ngày 10 tháng 8, Hiranuma có thể đã nêu vấn đề yêu cầu Hirohito chuộc lỗi do thua trận. Không hiểu sao họ không bàn luôn thể việc ông nên thoái vị.

Khi Nhật Hoàng đã đưa ra "quyết định thiêng liêng", phiên họp nội các liền cân nhắc đề xuất một điều kiện của Togo. Theo ý kiến của Hiranuma, họ nhất trí sửa lại lời chấp nhận như sau: "được hiểu rằng bản tuyên bố trên không bao hàm bất kỳ đòi hỏi nào ảnh hưởng đến đặc quyền của Thiên Hoàng với vai trò người trị vì tối cao *(tenno no kokka toji no taiken)"*. Vậy là khái niệm *quốc thể* của nhà lý luận cánh hữu Hiranuma đã đạt được sự đồng thuận trong khi quan điểm hợp lý hơn của Togo rằng chính triều đại Thiên Hoàng chứ không phải Hirohito, mới cần được bảo toàn, lại bị lờ đi.

Trên thực tế, điều này dẫn đến việc khẳng định rằng quyền lực tối thượng của Nhật Hoàng, kể cả quyền chỉ huy tối cao đầy oai phong, đã tồn tại từ trước hiến pháp và được các thánh thần quyết định từ thời xa xưa, như đã nói trong phần mở đầu của hiến pháp Minh Trị. Chính phủ Suzuki vẫn đấu tranh để duy trì quan niệm về *quốc thể* bao hàm các đặc quyền chính trị, quân sự và ngoại giao của Nhật Hoàng và bất chấp tất cả những gì đang diễn ra, họ vẫn yêu cầu Đồng Minh phải bảo đảm quyền cai trị của Nhật Hoàng dựa trên tiền đề quốc đạo là Thần đạo. Chắc chắn điều nội các Suzuki đòi hỏi Đồng Minh không phải là bảo đảm sự tồn tại của một nền quân chủ lập hiến mà là một nền quân chủ Nhật Bản dựa trên nguyên tắc chủ quyền thần bí, trong đó người dân Nhật tiếp tục là những thần dân hay *shimmin* và giới quân sự vẫn có một vai trò nào đó sau khi đầu hàng. Trong thời điểm khủng hoảng cực điểm, *quốc thể* đối với họ có ý nghĩa là quan điểm Thần đạo – Quốc học chính thống của quốc gia và sự duy trì quyền lực thật sự và đáng kể trong tay Nhật Hoàng, để ông và những người "ôn hoà" có thể tiếp tục sử dụng nó để cai trị các "thần dân" của Thiên Hoàng sau khi đã đầu hàng.

tảisáchhay

Nếu người theo chủ nghĩa bảo thủ Joseph C. Grew và "phe Nhật Bản" chiếm ưu thế và nguyên tắc đầu hàng vô điều kiện bị sửa đổi từ trước thì rất có thể những nhà lãnh đạo Nhật Bản sau khi đầu hàng, mà giờ đây đang là những người "ôn Hoà" vây quanh ngai vàng, sẽ không bao giờ huỷ bỏ hiến pháp Minh Trị và tiến hành dân chủ hóa thể chế chính trị. Grew và những người có cùng quan điểm với ông hiểu biết rất ít về chính thể ở Nhật Bản, cũng như không có chút niềm tin nào vào ý chí dân chủ của những người dân Nhật bình thường và chắc chắn là không hề mong muốn chứng kiến nền móng xã hội của chế độ quân chủ tan vỡ.

Thư trả lời của Bộ trưởng ngoại giao Byrnes ngày 11 tháng 8 đối với đề nghị đầu hàng đầu tiên của Nhật tái khẳng định không chút nhượng bộ nguyên tắc cơ bản của Mỹ là đầu hàng vô điều kiện. Thông điệp của Byrnes ghi rằng "thẩm quyền cai trị đất nước của Nhật Hoàng và Chính phủ Nhật Bản" nằm trong tay của Người chỉ huy tối cao của các Cường quốc Đồng Minh; Nhật Hoàng phải lệnh cho tất cả các quan chức quân đội cả trong và ngoài nước phải "ngừng các chiến dịch đang triển khai và hạ vũ khí đầu hàng"; thông điệp này cũng không nói rõ tình thế sau này của cả Nhật Hoàng lẫn thể chế triều đình. Chính sự chấp nhận của Nhật đối với nguyên tắc đầu hàng vô điều kiện không lay chuyển này và tình thế không rõ ràng của Nhật Hoàng là cơ sở để Tướng MacArthur thực hiện quyền lực tuyệt đối của mình và những cải cách thể chế được thực hiện trong thời kỳ đầu chiếm đóng.

Để thông điệp của Byrnes trở nên thuận tai hơn với Hirohito, các lãnh đạo quân đội cùng Hiranuma, Thứ trưởng ngoại giao Matsumoto Shinichi (sau khi thảo luận với Togo) và Chánh thư ký nội các Sakomizu đã quyết định dịch lái đi một số từ ngữ chính trong nguyên bản tiếng Anh. Trong câu quan trọng nhất là "Kể từ khi đầu hàng, thẩm quyền cai trị đất nước của Nhật Hoàng và Chính phủ Nhật Bản sẽ được định đoạt bởi người Chỉ huy tối cao của các cường quốc Đồng Minh", Matsumoto đã đổi đoạn "được định đoạt" *(reizoku subeki)* thành "được giới hạn" *(seigen no shita ni okareru).*

Sự thay đổi này có thể đã có tác dụng khiến Hirohito, lúc này vẫn đang phân vân cao độ, cuối cùng đã chấp nhận hòa bình. Hôm sau, ngày 12 tháng 8, Hirohito thông báo cho Hoàng gia biết về quyết định đầu hàng của mình. Khi Hoàng thân Asaka hỏi liệu có nên tiếp tục chiến tranh nếu không thể bảo toàn *quốc thể* hay không, Hirohito đáp "dĩ nhiên".

Cũng cùng lúc này, một nhóm nhỏ sĩ quan trung cấp ở Tokyo đã có hành động phản kháng thông điệp trả lời của Byrnes buộc Hirohito phải lặp lại quyết định thiêng liêng của mình vào ngày 14 tháng 8. Hành động binh biến vào phút chót này diễn ra tại Hoàng cung và căn cứ không quân Atsugi nhưng không có tác động đáng kể gì và cuối cùng cũng bị dẹp yên. Quyết định ngày 10 tháng 8 của Hirohito đã hoàn toàn làm nhụt chí các quan chức quân sự ở Đại bản doanh Thiên Hoàng khiến họ mất hết ý chí chiến đấu. Sau khi Tham mưu trưởng Lục quân Umezu giải thích cho cấp dưới rằng Nhật Hoàng "đã mất hết lòng tin vào quân đội" thì ngay cả những người vẫn còn sục sôi quyết tâm chiến đấu đến cùng cũng tức khắc từ bỏ ý định này.

IV

tảisáchhay

Giới quân sự Nhật Bản chưa bao giờ có được sự "áp đảo hoàn tòan" đối với tiến trình chính trị hay quyền chỉ đạo cuộc chiến như Grew nhận xét. Khi cuộc chiến tranh nặng nề tiếp diễn sau sự sụp đổ của nội các Tojo, các lãnh đạo cao cấp của Lục quân và Hải quân ngày càng chịu nhiều ơn huệ của nhóm triều đình và những người ôn hòa xung quanh Nhật Hoàng về vị trí quyền lực của mình. Nhóm ôn hòa không chỉ gần gũi với Hirohito hơn mà còn là những người điều hành việc trao đổi thông tin, có nhiệm vụ thu thập thông tin cho Nhật Hoàng, thậm chí còn hiệu quả hơn cả mạng lưới thông tin tình báo nội bộ của quân đội.

Trong giai đoạn cuối cũng như ngay từ đầu và từng giai đoạn của cuộc chiến tranh, Nhật Hoàng Hirohito đóng một vai trò rất tích cực trong việc hậu thuẫn các hành động được thực hiện nhân danh ông. Khi ông được khôi phục đầy đủ quyền lực chỉ huy tối cao trong bức tranh tổng thể thì sự thật trở nền hoàn toàn sáng tỏ: Hoặc là (a) người Mỹ không muốn đưa ra một tuyên bố chắc chắn, kịp thời bảo đảm sự tiếp tục tồn tại của chế độ quân chủ như Grew đã ủng hộ hay (b) chiến lược chống Liên Xô trong lập trường của Truman và Byrnes, những người thích sử dụng bom nguyên tử hơn là đàm phán ngoại giao, tự nó đã đủ biện hộ cho việc ném bom, hay vì sự đầu hàng chậm trễ của Nhật, chứ không phải sự trù trừ của Nhật Hoàng Hirohito khi đối mặt với một sự thất bại đã rồi để có hành động dứt khóat chấm dứt chiến tranh là lý do chủ yếu khiến cuộc chiến kéo dài, dù đây cũng không phải là nguyên nhân đầy đủ của việc ném bom. Trong phân tích cuối cùng, lý do thật sự một mặt không chỉ là ảnh hưởng rộng khắp của vương quyền mà là quyền lực, sự độc đoán cùng tính cách cố chấp của người nắm giữ vương quyền đó và một mặt là sức mạnh, sự kiên quyết và hung hăng của Harry Truman.

Ngay từ khi cuộc chiến tranh châu Á – Thái Bình Dương nổ ra, Nhật Hoàng đã là nhân vật chính trong những sự kiện diễn ra xung quanh ông. Trước trận Okinawa, ông còn liên tục hô hào giành thắng lợi quyết định. Sau này ông đã chấp nhận yêu cầu phải sớm chấp nhận hòa bình nhưng không phải ngay lập tức. Rồi sau đó ông lại lưỡng lự, đẩy Nhật Bản vào một cuộc chiến tranh kéo dài thay vì đàm phán trực tiếp với Đồng Minh. Và khi cuộc khủng hoảng tột cùng đã sừng sững trước mắt, lựa chọn duy nhất còn lại là đầu hàng vô điều kiện. Thậm chí đến tận lúc đó, ông vẫn còn chần chừ cho đến khi Mỹ ném bom và Liên Xô tấn công.

Nói chung, thực tế mọi đòi hỏi đầu hàng không thông qua đàm phán trước đều gây ra sự đình trệ trong tiến trình chấm dứt chiến tranh. Nhưng trong trường hợp này, nguyên nhân không phải do chính sách đầu hàng vô điều kiện hay "chiến thắng tuyệt đối" của Đồng Minh làm kéo dài cuộc chiến tranh châu Á – Thái Bình Dương mà là những hành động phi thực tế và bất lực của các lãnh đạo tối cao Nhật Bản. Lý tưởng thời chiến của Nhật Hoàng vốn là nguồn gốc ý chí của họ khiến họ hầu như không có cách nào thực hiện hành động đầu hàng. Biết rằng mình đã bị đánh bại một cách sòng phẳng nhưng vẫn bàng quan trước những nỗi thống khổ mà cuộc chiến tranh reo rắc lên chính người dân Nhật Bản, chưa kể các dân tộc châu Á , Thái Bình Dương hay phương Tây bị chiến tranh làm xáo trộn cuộc sống, Nhật Hoàng và những lãnh đạo chiến tranh của ông cố tìm cách thua trận mà như không thua – một cách để xoa dịu sự chỉ trích trong nước sau khi đầu hàng và cho phép cơ chế quyền lực của họ được tiếp tục tồn tại.

tảisáchhay

Vì quá lo lắng cho số phận của triều đình mà không còn nhìn thấy gì khác cũng như quá trông chờ vào giải pháp ngoại giao lạc quan với Liên Xô mà những lãnh đạo này đã để tuột một số cơ hội để có thể kết thúc cuộc chiến tranh mà họ đã là kẻ chiến bại. Hirohito và nội các chiến tranh riêng của ông – Hội đồng Lãnh đạo Chiến tranh Tối cao – đã có cơ hội đối mặt với thực tế và hành động dứt khoát để chấp nhận hòa bình trong tháng 2, khi Hoàng thân Konoe đưa ra báo cáo tình hình và cả ông này lẫn Ngoại trưởng Shigemitsu đã nhắc nhở Nhật Hoàng rằng Hiệp ước Trung lập không mang lại sự bảo đảm chắc chắn nào; Liên Xô sẽ không do dự can thiệp quân sự vào vùng Viễn Đông một khi tình thế thay đổi theo hướng có lợi cho họ ở châu Âu. Các sĩ quan tình báo quân đội cũng đã cảnh báo về khả năng Liên Xô tham chiến chống lại Nhật Bản vào giữa mùa hè. Tới lúc này, các đảo của Nhật mới chỉ bị ném bom quy mô nhỏ nhưng họ cũng biết rõ rằng các cuộc ném bom lên các thành phố của Nhật Bản sẽ chỉ ngày càng gia tăng.

Lần thứ hai cơ hội bị bỏ lỡ là vào đầu tháng 6 khi Nhật thua trong trận quyết chiến Okinawa, khi các phân tích của chính phủ cho thấy không thể kéo dài chiến tranh lâu hơn được nữa và khi tướng Umezu tiết lộ với Nhật Hoàng kết quả ảm đạm từ cuộc điều tra của cá nhân ông về tình hình ở Trung Quốc. Với việc Ngoại trưởng Molotov thông báo trước đó với Tokyo vào ngày 05 tháng 4 rằng Hiệp ước Trung lập Xô – Nhật sẽ không được gia hạn thêm và người Đức đã đầu hàng vô điều kiện vào ngày 7 đến ngày 8 tháng 5, bỏ lại Nhật thân cô thế cô thì đây chính là một thời điểm tràn trề cơ hội để họ mở cuộc đàm phán trực tiếp với Mỹ và Anh.

Thay vào đó, Hội đồng Lãnh đạo Chiến tranh Tối cao lại thực hiện hai bước đi nguy hiểm là chuẩn bị cho trận chiến sống mái tại quê nhà và cố gắng tìm kiếm sự trợ giúp của Liên Xô để chấm dứt chiến tranh bằng cách đề nghị nhượng một phần nhỏ đất đai cho Stalin. Với sự phê chuẩn của Hirohito, 6 thành viên hội đồng nhất trí quay trở lại tình thế từng tồn tại từ trước cuộc chiến tranh Nga – Nhật, trong khi vẫn giữ Triều tiên làm lãnh thổ của Nhật và biến miền nam Mãn Châu thành khu trung lập. Khi những cuộc đàm phán này còn chưa bắt đầu thì các thành viên hội đồng đã chọn cho mình một công thức không có tác dụng gì ngoại trừ việc lãng phí thời gian. Họ ủy quyền cho cựu Thủ tướng Hirota thương nghị với Đại sứ Malik nhằm tìm cách khai thác "ý định" của các lãnh đạo Xô-viết.

Cơ hội thứ ba bị bỏ lỡ là vào ngày 27 đến ngày 28 tháng 7 khi Tuyên bố Potsdam được đưa ra và nội các Suzuki, sau khi xem xét cẩn thận, đã hai lần công khai bác bỏ. Khi đó không một thành viên nào của "phe hòa hoãn" đưa ra được đề nghị chấp nhận các điều khoản Potsdam. Cố bám lấy hy vọng vào sứ mệnh còn chưa được thực hiện của Konoe ở Maxtcơva, Nhật Hoàng và Kido đã trì hoãn việc đầu hàng và để cuộc chiến tranh tiếp diễn. Trong khoảng thời gian từ khi nhận được Tuyên bố Potsdam ngày 27 tháng 7 và vụ ném bom Hiroshima ngày 6 tháng 8, Nhật Hoàng và Kido cứ đợi và đợi mãi một câu trả lời từ Maxtcơva, một câu trả lời mà Đại sứ Sato và những người khác đã liên tục nhắc nhở rằng sẽ không bao giờ có. Chỉ sau khi Hiroshima bị ném bom, Nhật Hoàng mới nói: "Chúng ta phải chấp nhận lẽ tất yếu" rằng lúc này "là cơ hội tốt để chấm dứt chiến tranh". Hơn 10.000 người Nhật đã chết do các cuộc không kích bằng bom đạn thông thường chỉ trong 10 ngày này.

tảisáchhay

Các đề nghị "Hoà bình" của Nhật Bản với Liên Xô sau khi Đức đã đầu hàng đều mập mờ, yếu ớt, phản tác dụng và chắc chắn không bao giờ thể hiện ý định nghiêm túc muốn đàm phán chấm dứt chiến tranh. Những ý đồ đằng sau những chiến thuật này không có tiến triển gì ngoài những quyết định được nội các nội bộ đưa ra vào giữa tháng 5 năm 1945. Như Konoe đã tiên đoán chính xác, cố gắng của Nhật Hoàng nhằm chấm dứt chiến tranh thông qua Maxtcơva cuối cùng chỉ là sự lãng phí thời gian mà kết quả là một quyết định của Nhật Hoàng nhằm trì hoãn việc phải đối diện với thực tế.

Liệu các lãnh đạo Nhật Bản có đầu hàng nhanh chóng hơn nếu chính quyền Truman "làm rõ" tình thế của Nhật Hoàng trước cơn địa chấn kép từ quả bom nguyên tử đầu tiên và việc Liên Xô tham chiến? Có lẽ là không. Một mặt, có thể họ sẽ đầu hàng nhằm tránh cho quốc thể bị hủy hoại từ bên trong. Các dẫn chứng cho thấy việc quả bom nguyên tử đầu tiên được thả và Liên Xô tuyên chiến khiến Hirohito, Kido và các thành viên khác trong nhóm triều định cảm thấy nếu tiếp tục cuộc chiến tranh thì sẽ dẫn tới chính sự huỷ hoại này. Họ biết người dân đã mệt mỏi vì chiến tranh và thoái chí cũng như sự phản đối của dân chúng đối với quân đội và chính phủ đang ngày một tăng cao, cùng với sự chỉ trích của người dân dành cho chính Nhật Hoàng. Cụ thể là Kido và Nhật Hoàng từng cùng đọc các báo cáo của Bộ nội vụ, trong đó có nói người dân bắt đầu bàn tán về Nhật Hoàng như một người lãnh đạo bất tài và phải chịu trách nhiệm về tình hình chiến sự đang xấu đi.

Vào thời khắc sống còn này, sự nhạy bén của nhóm triều đình với các nguy cơ từ bên trong rõ ràng do quá mẫn cảm đã phát tín hiệu báo động. Khi Nhật Hoàng phán bảo hồi tháng 2 rằng: "Điều trẫm lo lắng là liệu quốc gia (có thể) chịu đựng" được đủ lâu hay không để giành chiến thắng, ông không có ý lo lắng về sự chịu đựng của các con dân của mình mà chỉ lo rằng sự chịu đựng đó sẽ dẫn tới náo loạn xã hội – nói tóm lại là cách mạng. Vào thời điểm đó ông đã nói về những nỗi vất vả thường nhật, bình thường của thời chiến như thiếu lương thực, các trận ném bom, những đô thành bốc cháy, nhà cửa bị phá huỷ, sự khốn khó nói chung cũng như việc hàng ngày mất đi những người thân. Bom nguyên tử mang đến sự chết chóc, đau đớn và thống khổ ở mức độ không thể tưởng tượng nổi và vì thế cũng là một nguy cơ nội tại. Và dĩ nhiên, cũng có thể chỉ có một quả bom được thả nhưng rồi đột nhiên, một đám mây hình nấm bốc cao, một thành phố khác biến mất. Nhưng trong nguy cấp lại xuất hiện cơ hội: Hirohito giờ đây có thể cứu vớt những người dân khốn khổ để họ khỏi phải chịu đựng thêm nữa bằng cách đầu hàng và đồng thời giũ bỏ trách nhiệm dẫn dắt họ vào con đường đau khổ mà vẫn được tiếng là nhân từ và quan tâm. Quả thực Hirohito có quan tâm. Có điều không phải quan tâm đến người dân Nhật mà là cho triều đình và ngai vàng của ông mà thôi.

Ngày 16 tháng 7, ngày mà Mỹ thử nghiệm thành công quả bom nguyên tử đầu tiên, với linh tính về điều sắp xảy ra, Xtalin gọi điện khẩn cho chỉ huy lực lượng Xô-viết ở Viễn Đông, Thống chế A. M. Vasilievsky để hỏi tình hình chuẩn bị cho chiến dịch chống Nhật đã tiến triển đến đâu và liệu ông này có thể đẩy nhanh tiến độ lên 10 ngày được không. Vasilievsky trả lời rằng cần thêm thời gian để tập trung quân và lương thảo, đạn dược. Có thể nếu Xtalin khai chiến với Nhật trước khi Mỹ ném bom thì cuộc huỷ diệt nguyên tử ở Hiroshima và Nagasaki đã có thể được tránh khỏi. Hoặc nếu Nhật chấp nhận Tuyên bố Potsdam vào ngày

tảisáchhay

26 tháng 7 thì cả hai quả bom nguyên tử cũng như việc Liên Xô tham chiến cũng có thể đã được ngăn chặn.

Ngày 18 tháng 6, trong khi đang họp bàn tại Nhà Trắng với các tham mưu trưởng liên quân, Truman đã ra lệnh đổ bộ Kyushu bằng mọi giá, bất chấp mọi giá phải trả về thương vong, hậu cần và nhân lực nhằm kéo dài chiến dịch đến mùa xuân 1946, thời điểm tiến hành cuộc xâm chiếm Honshu. Lúc đó, trận Okinawa mới kết thúc vẫn còn chưa phai nhạt trong trí nhớ mỗi người nhưng Truman vẫn bình luận rằng có thể còn "nhiều trận Okinawa khác từ điểm đầu đến điểm cuối nước Nhật". Khi ông đến Potsdam, mức thương vong trong chiến trận của lính Mỹ trong cuộc đổ bộ ở Kyushu, dự kiến bắt đầu từ 1 tháng 11 năm 1945 ước tính lên tới 22.576 người chết, bị thương và mất tích trong 30 ngày đầu và tăng thêm gần 11.000 người nữa trong 30 ngày tiếp theo.

Không rõ liệu Truman có bận tâm đến mức độ thương vong khủng khiếp của thường dân Nhật do các cuộc ném bom thông thường của Mỹ - những hành động đáng được coi là tàn bạo - gây ra hay không, nhưng ông quan tâm đến các dự báo về mức thương vong cao của người Mỹ. Đối với ông, có một phương án khác thay thế cho việc ném bom nguyên tử là chờ đợi cho đến khi thiệt hại từ việc Liên Xô tấn công vào Mãn Châu và Triều tiên, kết hợp với việc ném bom, bắn phá bằng vũ khí thông thường các đảo trên đất Nhật, trở nên không thể chịu đựng nổi đối với các lãnh đạo Nhật. Tuy nhiên, với thứ vũ khí hủy diệt mới có trong tay, Truman đã thiếu sự kiên nhẫn và tầm nhìn xa để có thể chờ đợi. Mặt khác, các lãnh đạo Nhật Bản do mê muội bám lấy thứ lý tưởng lỗi thời và nguy hiểm, vẫn sẵn sàng hy sinh vô số người dân của chính mình nhằm duy trì quyền lực của bản thân họ và Thiên Hoàng của họ. Phần nào cũng với mục tiêu huỷ diệt tư tưởng đó – hay nói theo cách của Tham mưu trưởng quân đội, Tướng George C. Marshall năm 1957 là "làm cho địch kinh hãi mà phải hành động" – mà Truman và Marshall đã phê chuẩn việc ném bom nguyên tử.

V

Việc Hirohito đích thân thể hiện màn *seidan* (đọc tuyên bố đầu hàng) vào đêm 9 – 10 tháng 8, diễn lại lần nữa vào sáng ngày 14 và cuối cùng là việc tái diễn vở kịch *seidan* này qua đài phát thanh trên phạm vi toàn quốc, với sự tham gia của cả dân tộc vào trưa ngày 15 – những sự kiện củng cố hình tượng của ông đồng thời cũng chuẩn bị trước một vai cho ông trong một vở kịch có tên là hậu chiến giờ đây đã khai màn.

Sau vụ ném bom Hiroshima, Hirohito vẫn chần chừ thêm cả một ngày rưỡi nữa trước khi yêu cầu Kido ''kiểm soát tình hình" ngày 9 tháng 8 vì "Liên Xô đã tuyên chiến và hiện đã bắt đầu các hành động chiến tranh chống lại chúng ta". Kido lập tức liên hệ với Thủ tướng Suzuki để chuẩn bị triệu tập buổi nghị triều ngay đêm hôm đó. Sau vở *seidan* ngày 10 tháng 8, chánh thư ký nội các Sakomizu là người chịu trách nhiệm soạn thảo bản "Chiếu chỉ Đình chiến của Thiên Hoàng" dựa theo lời của Hirohito. Với sự trợ giúp của hai học giả văn học kinh điển Trung Quốc Kawada Mizuho và Yasuoka Masahiro, Sakimizu miệt mài trong hơn ba ngày mới hoàn thành xong bản thảo chiếu thư trình cho nội các Suzuki để sau đó nội các chỉnh sửa lại và thông qua sau 6 giờ tranh cãi gay gắt vào đêm 14 tháng 8. Hirohito lập tức

tảisáchhay

ký ngay bản chiếu thư. Sau đó Shimomura và Kido thuyết phục ông ghi âm một phiên bản mập mờ đã được chỉnh sửa một cách có chủ ý để phát thanh trên toàn quốc.

Đêm ngày 14 tháng 8, chính phủ Suzuki thông báo với Mỹ và các chính phủ Đồng Minh rằng Nhật chấp nhận cả Tuyên bố Potsdam và bức thư ngày 11 tháng 8 của Byrnes. Góp phần đẩy nhanh hành động của Nhật Hoàng trong thời khắc đỉnh điểm của vở kịch đầu hàng vô điều kiện là chiến dịch tâm lý chiến của Mỹ. Khi Kido nhận được một tờ truyền đơn thả từ máy bay B-29 vào đêm 13 tháng 8 hay sáng ngày 14, ông này đã vào gặp Nhật Hoàng và trình bày về tình thế nguy cấp. Những lá truyền đơn của địch đang tiết lộ cho người dân Nhật biết về cả thông báo đầu hàng của chính phủ với duy nhất một điều kiện cũng như toàn văn câu trả lời của Byrne. Nếu tình trạng này tiếp diễn thì sẽ làm bại lộ ý đồ che dấu của chính phủ đối với quốc dân bản chất thật sự của thất bại và lý do trì hoãn chưa chịu đầu hàng. Với những lo lắng của Kido và Nhật Hoàng về những dấu hiệu phản ứng ngày càng tăng đối với việc chiến bại, trong đó có cả những chỉ trích hướng về Nhật Hoàng, họ phải lập tức hành động để ngăn chặn hành vi bột phát của người dân. Và vì vậy mà có màn *seidan* thứ hai.

Vào trưa ngày 15 tháng 8, người dân Nhật tụ tập quanh các loa truyền thanh lắng nghe lần đầu tiên giọng nói the thé của Nhật Hoàng nói với họ rằng "Đế chế chúng ta chấp nhận các điều khoản trong tuyên bố chung của họ". Không có lời giải thích nào cho biết những điều khoản đó là gì nhưng trong những lời nói tiếp theo, Nhật Hoàng đã thừa nhận thất bại, tuy theo cách gián tiếp và không một lần dùng từ này, đồng thời lợi dụng lý lẽ đạo đức cao cả mà Đồng Minh đưa ra bằng việc tuyên bố ông đang hành động để cứu "nền văn minh nhân loại" khỏi "nạn diệt chủng hoàn toàn" bằng cách "mở ra con đường hòa bình rộng khắp cho tất cả các thế hệ tương lai". Cũng như trong bản chiếu thư đình chiến của mình, Hirohito nhấn mạnh mục đích của cuộc chiến tranh là vì sự "tồn vong và tự vệ" của quốc gia đồng thời ông bày tỏ sự đáng tiếc nhưng chỉ với các chính quyền bù nhìn và tay sai ở châu Á từng là Đồng Minh của Nhật.

Trong đoạn cuối đầy xúc cảm và có tính toán, Nhật Hoàng để lộ nhưng không trực tiếp nói ra mục đích thật sự của quyết định chấm dứt chiến tranh của ông. Là người dựng lên ý nghĩa và tính hợp lý của cuộc chiến tranh trước người dân Nhật Bản, ông muốn làm rắc rối vấn đề trách nhiệm, ngăn chặn biểu hiện bất hòa và giận dữ và củng cố sự đoàn kết trong nước xung quanh mình:

"Giờ đây khi đã có thể bảo vệ và duy trì thể chế quốc gia của Thiên Hoàng, triều đình luôn sát cánh cùng các khanh, các thần dân tốt và trung thành của trẫm, trông cậy vào sự nhiệt thành và kiên trinh của các khanh. Hãy hết sức đề phòng tránh mọi sự bột phát tình cảm có thể dẫn đến những rắc rối không cần thiết hay mọi hiềm khích, bất đồng giữa anh em có thể dẫn đến hiểu lầm, khiến các khanh đi trệch hướng và mất niềm tin vào thế giới này. toàn dân tộc hãy cũng vững bước dưới một mái nhà từ đời này qua đời khác, với niềm tin vững chắc hơn bao giờ hết vào sự bất diệt của mảnh đất thiêng liêng này, lo lắng hơn bao giờ hết trước gánh nặng trách nhiệm lớn lao và chặng đường dài phía trước."

tảisáchhay

Bản chiếu thư đầu hàng của Hirohito là văn bản đầu tiên tái thể hiện hình ảnh mới của ông trước quốc dân như một người ôn Hoà, chống quân phiệt, một người bàng quan thụ động hoàn toàn trước cuộc chiến tranh – trong khi trên thực tế hoàn toàn không phải như vậy. Văn bản này rõ ràng chỉ nhấn mạnh "đức nhân từ" và khẳng định chủ quyền của Thiên Hoàng trong khi khoả lấp đi sự do dự của ông trước đó khi cần hành động dứt khoát, chủ động để kết thúc chiến tranh. Nhưng đối với những người đã nghe qua bản chiếu thư thì đây là một việc làm kinh động, một tiếng sét giữa trời xanh khiến họ hoàn toàn bất ngờ. Để chắc chắn người nghe hiểu đúng nội dung của chiếu thư, vốn được viết theo văn phong khó hiểu của triều đình, phát thanh viên Wada Shinken phải đọc lại nguyên văn toàn bộ chiếu thư, sau đó là một tuyên bố của nội các, lên án Mỹ đã sử dụng bom nguyên tử, vi phạm luật pháp quốc tế và Liên Xô vì đã tuyên chiến chống Nhật. Sau đó, Wada bình luận:

"Chính chúng ta đã chuốc lấy một tình thế mà chúng ta không còn lựa chọn nào khác là phải hạ vũ khí. Chúng ta đã không xứng đáng với đức nhân từ cao cả của Thiên Hoàng vậy mà người không hề quở trách. Trái lại, người còn nói rằng cho dù điều gì xảy đến với người đi nữa thì "trẫm cũng không thể chịu đựng được việc đứng nhìn các thần dân của trẫm phải chết vì chiến tranh". Trước đức thánh hiền và tình yêu thương lớn lao đến vậy, ai trong số chúng ta có thể không tự kiểm điểm lại lòng trung thành của chính mình".

Wada kết luận bằng việc nhấn mạnh lại mục đích của thông điệp của Thiên Hoàng: "Khi tình thế đã đến nước này, toàn thể quốc dân hãy đoàn kết và vững tin vào sự bất diệt của mảnh đất thiêng liêng này và hãy vận dụng toàn bộ nghị lực vào việc xây dựng lại tương lai ". Khi bản tin đặc biệt tuyên bố đầu hàng gần kết thúc, một bài bình luận thời sự về Tuyên bố Potsdam lần nữa lại khuyên người nghe chấp nhận thất bại, thể hiện thái độ đúng đắn và đối diện với thực tại "với một tinh thần tự phê phán cao độ … Từng người một phải ghi nhớ kỹ rằng nếu ta đổ lỗi cho nhau thì sẽ dẫn đến sự rối loạn kinh tế, xã hội và đạo đức làm huỷ hoại quốc gia xã tắc".

Sau khi chấp nhận Tuyên bố Potsdam và những phán quyết tiêu cực về đạo đức mà mình phạm phải trong tất cả các cuộc chiến tranh hiện đại mà Nhật Bản tham gia, chính phủ Nhật giờ đây sẽ phải đối mặt với vấn đề tội phạm chiến tranh. Tuy vậy, bản chiếu thư và những bài bình luận thời sự kèm theo ngày 14 tháng 8 chỉ chủ yếu đề cập đến việc duy trì trật tự đồng

thời bảo toàn nền quân chủ và hệ tư tưởng hiện hành. Cuộc chiến tranh Trung Quốc không hề được nhắc đến, các hành động gây chiến bị lờ đi, quân đội được ngợi khen vì lòng trung thành. Với mục đích xoá nhoà trách nhiệm của những người ra quyết định, luận điệu được đưa ra là "cả dân tộc phải chia sẻ trách nhiệm".

Trong nhiều tuần và tháng sau đó, rất nhiều tài liệu mật liên quan đến tội ác chiến tranh và nghĩa vụ chiến tranh của các lãnh đạo tối cao của Nhật bị thiêu huỷ theo quyết định ngày 14 tháng 8 của nội các Suzuki. Trong lúc này, các phương tiện truyền thông và nội các của Hoàng thân Higashikuni Naruhiko, người vừa kế nhiệm Suzuki ngày 17 tháng 8, cố gắng thể hiện hình ảnh của Nhật Hoàng trước quốc dân như một vị thánh hiền và quân vương thờ ơ với chính trị, người vừa chấm dứt cuộc chiến tranh. Các "luận điệu" tuyên truyền đầu hàng

tảisáchhay

được phát đi khẳng định quyền kế vị của Hirohito trong việc tạo dựng một tình thế mới đầy tiến bộ. Giờ đây, người dân Nhật có thể quay về với cuộc sống mưu sinh hòa bình, với tâm niệm rằng Thiên Hoàng là người đã cứu vớt họ, cũng như cả thế giới này, trước thảm họa diệt chủng của bom nguyên tử.

Ngay cả tên gọi của sự kiện này cũng được xác định theo yêu cầu thời chiến của giới cầm quyền và ngay từ đầu đã ngăn cản việc hiểu sâu về sự kiện. "Quyết định thiêng liêng" của Hirohito vừa mô tả vừa hợp pháp hóa hành động chấm dứt chiến tranh của ông bằng cách đặt hành động đó dưới ánh sáng đạo đức dễ chấp nhận. Việc sử dụng màn seidan như một phương tiện đã ngăn chặn sự chỉ trích đối với những hành động của Hirohito trong các sự kiện ngày 9 đến ngày 10, 14 và 15 tháng 8. Đồng thời các hành động này cũng được gọt giũa cho phù hợp với nguyên văn bản chiếu thư của Nhật Hoàng. Màn seidan cuối cùng rõ ràng được dựng lên để phục vụ nhiều mục đích về chính trị cũng như để ghi nhớ.

Bản chiếu thư tuyên bố về seidan cũng kích động các đánh giá trái chiều về tác động của việc ném bom nguyên tử đối với việc đẩy nhanh tiến độ kết thúc chiến tranh. Chiếu thư của Nhật Hoàng ngày 14 tháng 8 không hề sử dụng từ "đầu hàng" và gián tiếp ám chỉ (bằng một cụm từ duy nhất, tối nghĩa) sự thất bại của Đức và việc Liên Xô tham chiến, với lời lẽ rằng "các xu thế chung trên thế giới đều đi ngược lại lợi ích của Nhật Bản". Tuy nhiên không thể nghi ngờ việc sử dụng sự kiện ném bom nguyên tử để khắc họa Nhật Bản như cả nạn nhân lẫn cứu tinh: "Hơn nữa, kẻ thù đã bắt đầu sử dụng một loại bom mới, vô cùng tàn ác có sức mạnh huỷ diệt vô hạn, loại bom này đã cướp đi nhiều sinh mạng vô tội. Nếu tiếp tục chiến đấu, (thứ bom này) sẽ đem lại kết cục là sự sụp đổ và diệt vong hoàn toàn của dân tộc Nhật Bản, và thậm chí là sự diệt vong hoàn toàn của nền văn minh nhân loại".

Rõ ràng, Hirohito đang tìm cách biện hộ cho quyết định đầu hàng của mình bằng cách viện dẫn việc ném bom nguyên tử. Đợt phát thanh bản chiếu thư ngày 14 tháng 8 của ông là sự xác nhận chính thức đầu tiên và công khai của Nhật về hậu quả của bom nguyên tử. Tuy nhiên, khó có thể nói Nhật Hoàng và các cố vấn của mình thật sự tin vào điều đó. Vì chỉ ba ngày sau, vào ngày 17 tháng 8, Hirohito lại hạ một chiếu thư thứ hai, "Chiếu thư gửi chiến sĩ và thuỷ thủ" ở khắp các chiến trường châu Á , Thái Bình Dương, lệnh cho họ ngừng bắn và hạ vũ khí. Lần này do đối tượng của ông chỉ là các lực lượng vũ trang nên ông nhấn mạnh mối liên hệ nhân quả giữa việc Liên Xô tham chiến và quyết định đầu hàng của mình, trong khi cố tình không nhắc đến vụ ném bom nguyên tử.

"Giờ đây khi Liên Xô đã tham chiến chống lại chúng ta, việc tiếp tục chiến đấu … trong tình hình hiện nay ở cả trong và ngoài nước sẽ chỉ khiến ta chịu thêm nhiều tổn thất vô ích, đe doạ đến sự tồn vong của chính Đế chế của chúng ta. Bởi vậy, cho dù Hải quân và Lục quân Thiên Hoàng vẫn tràn đầy tinh thần chiến đấu nhưng trẫm vẫn quyết định hòa hoãn với Mỹ, Anh và Liên Xô, cũng như Trùng Khánh, nhằm gìn giữ chính thể quốc gia huy hoàng của chúng ta".

Bản chiếu thư ngày 17 tháng 8 gửi Lục quân và Hải quân ít được biết đến này chỉ viện dẫn Liên Xô tham chiến như là lý do duy nhất khiến Nhật đầu hàng còn trọng trách duy trì quốc

tảisáchhay

thể là mục đích. Cố tình che đậy đến cùng và đến tận cả sau này, Nhật Hoàng đã viện ra hai lý do dẫn đến việc đầu hàng sau nhiều lần lữa của ông. Có lẽ cả hai đều đúng.

tảisáchhay

14. Tái tạo nền Quân chủ

Thái tử Akihito mười-một-tuổi đã phải đi sơ tán tới nơi an toàn tại một khách sạn ở thị trấn Nikkō, tỉnh Tochigi, để tránh bom của người Mỹ. Sau khi đầu hàng, Hoàng đế Hirohito và Hoàng hậu Nagako đã viết cho Thái tử một bức thư giải thích tại sao Nhật Bản đã bị thua nặng nề như vậy. Những bức thư của họ chan chứa tình cảm ấm áp, cung cấp khái quát tình hình căng thẳng tại thủ đô đang bị bao vây; quan trọng hơn, họ tiết lộ quan điểm của các nhà lãnh đạo Nhật Bản trước hậu quả tức thì của sự bại trận.

Ngày 30 tháng 8 năm 1945, Hoàng hậu Nagako kể lại: "Hàng ngày từ sáng tới tối, máy bay B29, máy bay ném bom của Hải quân và máy bay khu trục tự do bay lượn từ khắp mọi hướng trên cung điện, tạo nên một mớ âm thanh khủng khiếp.... Bất hạnh thay, B29 là một loại [máy bay] rất tối tân. Khi mẹ ngồi viết bên bàn và nhìn lên bầu trời, mẹ thấy chúng bay qua nhiều không đếm xuể." Nhật hoàng Hirohito cũng bị sức mạnh kỹ thuật của người Mỹ gây ấn tượng, được biểu hiện qua các "siêu pháo đài" của họ. Nhiều tháng trước đó ông đã kể ra cho Akihito biết ông và Hoàng hậu Nagako đã đi quanh vườn Gobunko như thế nào để "chọn ra rất nhiều bài báo liên quan đến máy bay B29."

Trong một bức thư gửi cho con trai đề ngày 9 tháng 9, Nhât hoàng đã bỏ qua quá trình hoạch định chính sách mà ông đã là người có vai trò trung tâm và đưa ra những nguyên nhân chính của việc bại trận:

Nhân dân ta quá tin tưởng vào đế quốc của chúng ta đã khinh thường nước Anh và nước Mỹ. Binh sỹ của chúng ta đã đặt quá nhiều vào sức mạnh tinh thần và quên mất khoa học. Trong thời kỳ Hoàng đế Minh Trị, chúng ta có những vị tướng vĩ đại như Yamagata, Ōyama và Yamamoto. Nhưng lần này, như thời với người Đức trong Chiến tranh thế giới I, binh sỹ chiếm ưu thế và không nghĩ gì về tình hình lớn hơn. Họ biết cách tiến lên nhưng không biết cách rút lui.

Nếu như chúng ta tiếp tục chiến tranh, chúng ta sẽ không thể bảo vệ được ba thần khí của đế quốc. Không chỉ có vậy, sẽ có nhiều người dân hơn nữa phải chết. Nén lại những tình cảm của ta, ta cố cứu lấy những hạt giống của dân tộc.

Một bài viết dài trong nhật ký của thái tử Akihito trẻ tuổi viết ngày 15 tháng 8 năm 1945 có tiêu đề "Xây dựng nước Nhật Bản mới" tiết lộ những nhân tố khác. Lặp lại những gì cha mẹ và các thầy giáo cung đình đang dạy mình về sự bại trận nhục nhã của đất nước, thái tử thú nhận rằng mình cảm thấy "thật sự nhục nhã" với hành động của cha mình đã phải thực hiện "nỗi xấu hổ của đất nước - đầu hàng vô điều kiện". Tuy nhiên, Nhật Bản đã bị đánh bại:

bởi vì sự vượt trội hơn hẳn về vật chất của nước Anh và nước Mỹ... và phương cách mà người Mỹ chiến đấu thật tài giỏi. [Người Mỹ gốc Anglo] đã thất bại lúc khởi đầu bởi vì họ đã không chuẩn bị đầy đủ. Nhưng một khi họ đã sẵn sàng, họ xông tới chúng ta như những con lợn rừng. Phương thức tấn công của họ rất tài giỏi và khoa học.... Cuối cùng, họ dùng bom nguyên tử và hàng vạn người Nhật đã bị chết và bị thương, nhiều thành phố và nhà máy đã

tảisáchhay

bị phá hủy.... Rốt cục, chúng ta không thể chiến đấu được nữa. Nguyên nhân dẫn đến kết cục như vậy là do sức mạnh quốc gia và sức mạnh khoa học của Nhật Bản kém cỏi hơn.

Akihito kết luận bằng việc đổ lỗi thất bại cho người dân Nhật chứ không phải do các nhà lãnh đạo cùng các cơ quan chính trị mà họ làm việc. "Người Nhật không thể chiến thắng cuộc chiến tranh tổng lực này bởi vì từ thời Đại Chính cho đến giai đoạn đầu của thời Chiêu Hoà , họ chỉ nghĩ đến những lợi ích của riêng họ chứ không nghĩ đến đất nước và họ đã đối xử một cách ích kỷ." Giờ đây đường lối duy nhất nằm ở trong những lời nói dưới đây của Hoàng đế:

... duy trì tinh thần bảo vệ quốc thể*, đoàn kết và dốc sức vượt qua thời điểm đen tối này. Cho dù người ta có nhìn nhận việc này như thế nào, dưới góc độ từng cá nhân riêng rẽ, người Nhật giỏi hơn người Mỹ về mọi mặt. Tuy nhiên, khi kết hợp thành một nhóm thì chúng ta kém cỏi hơn họ. Vì vậy, từ nay trở đi, chúng ta phải đào tạo hợp tác nhóm, khuyến khích khoa học và toàn bộ đất nước phải lao động cật lực để xây dựng một đất nước Nhật Bản mới, tốt đẹp hơn so với hôm nay."

Đất nước Nhật Bản mới phải khuyến khích khoa học, thắt chặt ràng buộc nhóm đối với các mục đích của đất nước và suy xét kỹ lưỡng về quá khứ. Ngay từ ban đầu, giới tinh hoa trong xã hội nhắc đi nhắc lại trách nhiệm đối với sự bại trận của cuộc "Chiến tranh Đại Đông Á". Việc mổ xẻ của họ phớt lờ sự mở rộng trước trận Trân Châu cảng ở Mãn Châu, hành động mà Hirohito đã xúi giục, cuộc xung đột phía bắc Trung Quốc năm 1937, với sự ủng hộ của Hoàng đế, nội các của Thủ tướng Konoe đã leo thang thành cuộc chiến tranh toàn diện và vai trò của chủ nghĩa dân tộc châu Á trong việc bại trận. Trách nhiệm tấn công Trung Quốc năm 1931 và tấn công Anh và Mỹ vào tháng 12 năm 1941 biến thành nguyên nhân thất bại cuối cùng, điều đã làm cho đất nước vô cùng nhục nhã và khốn khổ. Tất nhiên Hirohito bằng cách nào đó không coi bản thân mình hoặc triều đình chịu trách nhiệm đối với hậu quả này.

Thái tử Akihito cảm nhận rằng lợi ích cá nhân của người Nhật là ích kỷ được phản ánh qua một nhân tố nữa trong việc mổ xẻ chính thức về chiến tranh. Tính cánh và sự giáo dục của Hirohito làm cho ông có khuynh hướng ngờ vực việc đòi hỏi cá nhân. Nghe theo tiếng gọi lương tâm đặt ra, ông ta tin như vậy, một mối đe dọa đối với niềm tin về cái tôi được lý tưởng hóa của số đông và về quốc thể. Kể từ khi bắt đầu triều đại Shōwa, Hirohito và triều thần thân cận đã chủ động cổ vũ cho việc truyền bá thói quen tự khép mình và chấp hành mệnh lệnh các viên chức trên toàn quốc. Từ năm 1937 trở đi, họ đã ủng hộ những chính sách được hoạch định để hạ thấp mức sống một cách kham khổ nhằm xây dựng nhanh chóng sức mạnh chiến tranh. Đến lúc cần xem xét bằng cách nào xây dựng một đất nước mới, họ thoạt tiên tưởng tượng rằng họ có thể tiếp tục sự bối rối cũ này. Chống lại giải phóng, chủ nghĩa cá nhân và dân chủ, một mặt, họ chỉ trích xu hướng "tuân theo một cách mù quáng", và mặt khác, sự mù quáng đặt lợi ích cá nhân lên trên lợi ích của đất nước.

Những quan điểm rộng rãi về bản chất chiến tranh này đã ngăn cản Hirohito, những cận thần của ông và những nhà lãnh đạo trong việc theo đuổi mối liên hệ giữa nguyên nhân của thất bại và việc xây dựng một nước Nhật Bản mới. Họ cũng tô vẽ đường lối mà giờ đây họ thực hiện đối với đội quân chiếm đóng của người Mỹ.

tảisáchhay

I

Đã kết thúc sự liên hệ đối với những người kiên định ủng hộ quân sự do vậy đoàn kết được triều đình, Hirohito cố gắng hòa mình vào một giai đoạn giải trừ quân bị tạm thời và bị nước ngoài chiếm đóng. Một chiến dịch mới "huy động tinh thần" để bảo vệ nền quân chủ, dựa trên bản huấn lệnh của Hoàng đế vào ngày 15 tháng 8, việc gửi thông điệp tới đất nước, giờ đây thật sự cần thiết. Vị thủ tướng kế nhiệm cần giải thích cho một đất nước đang bị choáng váng, mất tinh thần và méo mó biết được chuyện gì đã xảy ra và tại sao tất cả các thần dân trung thành giờ đây phải thay đổi lối suy nghĩ của mình, lịch sự chấp nhận kẻ thù và không được hỏi ai là người chịu trách nhiệm đối với hoàn cảnh khốn khổ mà họ đang đối mặt. Những nhiệm vụ cấp thiết của nội các kế tiếp là phải chuẩn bị một cuộc tiếp đón hòa bình dành cho đội quân chiếm đóng khổng lồ của người Mỹ và động viên đất nước bằng cách duy trì mối ràng buộc với quá khứ. Chỉ duy nhất một thành viên của Hoàng gia trong chính quyền kế tiếp có thể thực hiện được những nhiệm vụ này.

Hành động với sự đề nghị của Kido, người đã bỏ qua không bàn bạc với những lãnh đạo cao cấp và chỉ tham vấn ý kiến của Hiranuma, ngày 17 tháng 8, Hirohito bổ nhiệm Hoàng thân Higashikuni làm thủ tướng. Vị Hoàng thân này có mối quan hệ gần gũi với Hoàng tộc. Vợ của ông là công chúa thứ chín của Nhật Hoàng Minh Trị, con trai ông kết hôn với con gái của Hirohito, công chúa Teru. Vào thời điểm đó không có lý do nào ngoài sự tin cậy đối với Higashikuni bởi thậm chí ông ta là người thiếu kinh nghiệm về chính trị, Hirohito giao nhiệm vụ cho Higashikuni trông nom việc giải ngũ Lục quân và Hải quân một cách mau chóng, hòa bình và khẩn thiết. "Nội các Hoàng gia" của Higashikuni, như báo chí ngay sau đó đặt tên như vậy, có trách nhiệm bằng hành động biểu thị với quân Đồng Minh rằng chỉ có nhà nước quân chủ mới có quyền giải ngũ quân đội Nhật Bản một cách hòa bình và kiểm soát được tình thế. Higashikuni lựa chọn Konoe làm phó thủ tướng và Ogata Taketora, phó chủ tịch tờ Agashi, làm thư ký trưởng của nội các. Cả hai người này đóng vai trò chủ chốt trong việc bảo vệ quốc thể, hợp pháp hóa những hành động của Hoàng đế và che chắn cho Hoàng đế trước những lời chỉ trích. Ogata đạo diễn chiến dịch phản công lại sự chỉ trích đối với các lãnh đạo trong cuộc chiến tranh; Konoe tập trung vào những chuẩn bị cho việc hiện diện của quân đội Mỹ và khối thịnh vượng Anh.

Mặc dù các cuộc tự sát xảy ra tại nhiều nơi khác nhau trên đất nước ngay sau khi đầu hàng, đại đa số người dân Nhật chấp nhận tình hình mới. Họ cũng phản ứng một cách tích cực đối với bài phát biểu chưa từng xảy ra của Higashikuni phát trên đài phát thanh tới khắp đất nước vào ngày 17 tháng 8 thông báo về những nguyên tắc chính của chính quyền. Hành động "theo sự mong muốn của Hoàng đế", ông ra chỉ thị, và "chúng ta sẽ … xây dựng một nền văn hóa tiến bộ nhất như bất cứ nền văn hóa nào trên thế giới… Hướng tới kết quả cuối cùng như vậy … tôi mong muốn cổ vũ sự phát triển của việc tranh luận có tính xây dựng và nhận biết sự tự do để hình thành những hiệp hội khỏe mạnh." Hòa bình có lẽ sẽ tạo nên niềm hy vọng cho những người yêu hòa bình và cũng làm cho một số người lột bỏ những sự đè nén thời chiến tranh.

Mặt khác, một số ít người Nhật chẳng có ý niệm nào về việc liệu sự chiếm đóng sẽ mang tới điều gì. Một số người, sống ở các vùng lân cận các doanh trại quân đội, lo sợ rằng liệu quân

tảisáchhay

đội Đồng Minh có đối xử với họ như những người lính Nhật của họ đã đối xử với người Trung Quốc: cướp bóc, chiếm đoạt và cưỡng hiếp, và có dư luận sợ hãi về một số thoái hóa chủng tộc qua các cuộc hôn nhân với dị tộc. Vấn đề bị cưỡng hiếp và nỗi lo sợ về bạo lực một khi quân đội chiếm đóng đổ bộ lên đất nước đã được giải quyết một cách nhanh chóng. Konoe đề nghị, và Hirohito phê chuẩn, huy động gái mại dâm để đối phó với quân đội Đồng Minh đang thèm khát tình dục, những người có lẽ chỉ trong vài tuần tới sẽ tấn công cả đất nước.

Vào ngày 19 tháng 8, Bộ Nội vụ ra lệnh cho chính quyền tại các địa phương thành lập "Hiệp hội Giải trí và Tiêu khiển" (RAA), được Bộ Tài chính tài trợ. Hầu hết các quảng cáo qua đêm xuất hiện trên các báo trong cả nước và bất kỳ chỗ nào khác thông báo cho tất cả phụ nữ mà đang cần thức ăn, quần áo và chỗ ở sẽ được chu cấp nếu họ sẵn sàng tình nguyện tham gia các hiệp hội này. Tại buổi tuyên bố mở đầu của RAA, đám đông xếp hàng trên quảng trường Hoàng gia và ước tính có khoảng một nghìn năm trăm cô gái tụ họp trên đường phố phía ngoài tổng hành dinh tạm thời của RAA tại Ginza 7 chōme (ở vùng phụ cận của cửa hàng bách hóa Matsuzaka ngày nay). Tại đó, họ lắng nghe khi một nhân viên của RAA đọc một bản tuyên bố bắt đầu rằng:

Bằng sự hy sinh của hàng ngàn các cô gái như Okichi của thời đại Shōwa (Chiêu Hoà), chúng ta sẽ xây nên một con đê để ngăn chặn sự điên cuồng (của đội quân chiếm đóng) và nuôi dưỡng, bảo tồn sự thuần khiết của chủng tộc chúng ta kéo dài trong tương lai…. Bằng cách này chúng ta sẽ đóng góp cho hòa bình của xã hội. Nói một cách khác, chúng ta sẵn sàng dâng hiến (thân thể của chúng ta) cho việc gìn giữ quốc thể.

Để đương đầu với những phản ứng thù địch có thể xảy ra đối với những biện pháp như vậy, vào ngày 23 tháng 8, Văn phòng Cảnh sát của Bộ Nội vụ đã ra "những nguyên tắc chỉ đạo" bí mật dành cho những cảnh sát trên khắp cả nước, cảnh báo họ không cho phép công luận chỉ trích những lãnh đạo cao cấp hoặc quyết định đầu hàng của Hoàng đế. Huấn lệnh của Hoàng đế đã được ban hành, giờ đây đất nước phải tiến lên, tuân theo những mệnh lệnh của Hoàng đế và "suy ngẫm một điều duy nhất rằng: sau cùng chúng ta làm phiền lòng Hoàng đế". Những nguyên tắc chỉ đạo cảnh báo lực lượng cảnh sát cần "ngăn ngừa những mâu thuẫn với lực lượng Đồng Minh bằng cách giữ kiềm chế, bình tĩnh, kiên nhẫn và thận trọng với tất cả các tình huống xảy ra. Bằng cách thực hiện những việc này, chúng ta sẽ làm dịu bớt sự lo lắng của Hoàng đế và duy trì niềm tin của thế giới". Nếu có bất kỳ xô xát nào xảy ra với quân đội Đồng Minh, "thì sẽ rất khó khăn để ngăn chặn đất nước và chủng tộc khỏi bị tiêu diệt".

Tuy nhiên, sự phản đối từ đội quân bại trận tỏ ra không tồn tại. Nhuệ khí trong quân đội trên các hòn đảo tại quê nhà xuống rất thấp trước ngày 15 tháng 8, trong ba tuần tiếp theo thì tan rã. Các báo cáo được chuyển đến văn phòng của quan giữ ấn Kido từ các lãnh đạo các tỉnh và các sỹ quan cảnh sát cho biết về những đơn vị cần được giải ngũ khẩn cấp, về những phi công lái máy bay cảm tử cho chất lương thực và những đồ quân nhu khác lên máy bay và bay về quê của họ, về những viên bác sỹ quân y và y tá tại một bệnh viện ở Kagoshima đua nhau bỏ trốn khỏi vị trí bỏ bệnh nhân ở lại. Vì cảnh hỗn loạn của quân đội, nạn trộm cắp những kho hàng của quân đội và sự bất tuân lệnh trong các lực lượng quân đội tăng lên

tảisáchhay

gấp bội, sự tôn trọng của thường dân đối với quân đội đã sụp đổ. Những người mang quân phục nhanh chóng nhận ra sự khinh thường trong dân chúng.

Higashikuni cũng phải đấu tranh với tình trạng trộm cắp ồ ạt của các quân nhân và các nhân viên tại các kho dự trữ những nguyên liệu thô và hàng hóa của chính phủ với mức độ cao nhất. Những báo cáo của cảnh sát mật trong tháng 8 chỉ ra hàng ngàn trường hợp quan chức nhà nước ở Bộ Quốc phòng, Bộ Công nghiệp và Thương mại cũng như Bộ Hải quân có dính líu tới những hoạt động của chợ đen và che đậy việc bán hàng hóa của chính phủ dưới các tập đoàn lớn.Những viên chức dân sự thi hành sự những biện pháp kiểm soát kinh tế thời chiến, nhưng chỉ bắt giữ những người buôn bán chợ đen nhỏ lẻ, làm trầm trọng vấn đề và góp phần làm mất tinh thần của quốc gia và làm xấu thêm hoàn cảnh kinh tế khó khăn của đất nước.

Higashikuni hoàn toàn không thể đưa ra những giải pháp đối với vấn nạn bùng nổ chợ đen. Trên thực tế, ở giai đoạn đầu của nội các của ông ta, ông ta bổ nhiệm Kodama Yoshio, một nhà buôn chợ đen và thuộc phe cánh hữu làm một thành viên nội các của mình. “Sau này chúng ta sẽ phải tuân lệnh tướng MacArthur, vì vậy hãy hành động một cách mau lẹ”, Kodama nói với một nghị sỹ đến từ thành phố Tsu trong lần ông nghị sĩ này đến thăm ông ta tại biệt thự của mình ở Tokyo đầu tháng 9. Kodama chịu trách nhiệm thành lập những câu lạc bộ giải trí và tình dục dành cho đội quân chiếm đóng. Bạn của ông ta, Sasagawa (Sasakawa) Ryōichi, lãnh đạo Hội Quốc Liên thời chiến, người không phải là thành viên nội các, cũng tiến hành thành lập các câu lạc bộ. Các câu lạc bộ dành cho người Mỹ của Sasagawa (Sasakawa) tại khu Minami, thành phố Osaka, là một trong những câu lạc bộ đầu tiên mở cửa sớm nhất tại thành phố này ngay sau khi những người lính Mỹ bắt đầu đến.

Dù cố ý hay không, nội các Higashikuni đang đưa ra một nền tảng đối với việc tái thiết thời hậu chiến những mối quan hệ giữa những nhà chính trị, những quan chức chính quyền và thế giới ngầm. Tuy nhiên, vấn đề quan tâm chủ yếu của vị thủ tướng là giành được sự ủng hộ đối với việc gìn giữ quốc thể. Để đạt được điều đó, ông ta bổ nhiệm trung tướng Ishiwara Kanji, một người đã nghỉ hưu từ năm 1941 và sau đó đã tự coi mình là người đối lập với nội các của thủ tướng làm “cố vấn chính phủ” thứ hai trong nội các của mình. Ishiwara là nhà lãnh đạo của phong trào tin vào thời đại Hoàng kim mới – phong trào Liên minh Đông Á - một tổ chức có các chi nhánh trải rộng khắp từ phía bắc đảo Honshū tới phía nam đảo Kyushū.

Giống như Higashikuni, Ishiwara đổ lỗi việc bại trận cho sự suy đồi về đạo đức của người dân Nhật. Trong những bài phát biểu của mình tại tổ chức Hội Quốc Liên Đông Á, ông ta đã chỉ trích kịch liệt ba chủ đề của đất nước: Các vị thần đã buộc nước Nhật bại trận để làm cho đất nước ăn năn và tái lập niềm tin vào quốc thể; quân đội, cảnh sát và bộ máy quan liêu, qua việc đàn áp nhân dân, chịu trách nhiệm chính đối với những điều đã xảy ra; và đất nước nên “làm kinh ngạc kẻ thù bằng cách tiến hành những cải cách” trước khi những luật lệ chiếm đóng bắt đầu. Bãi bỏ những lực lượng vũ trang trong suốt giai đoạn bị chiếm đóng; từ bỏ lực lượng cảnh sát đặc biệt; chấm dứt việc hạn chế về ngôn luận và niềm tin. Và trong những năm tiếp theo, trong khi rút quân trên thế giới, Nhật Bản nên học tập từ nước Mỹ và bắt chước theo cách của người Mỹ càng nhiều càng tốt.

tảisáchhay

Để giúp Ishiwara phổ biến thông điệp này, Higashikuni hướng những đoàn tàu chở các thành viên của Hội Quốc Liên tới các hội nghị được tổ chức tại các thành phố khác nhau. Tại Morioka, tỉnh Iwate, vào ngày 14 tháng 9 năm 1945, Ishiwara (theo một báo cáo của cảnh sát) kêu gọi toàn thể đất nước "ăn năn" cho việc đã bị thua trận. Ông ta nhắc các thính giả của mình rằng vào cuối thế kỷ hai mươi "trận chiến cuối cùng trên toàn cầu [giữa Hoa Kỳ và Liên Xô] sẽ nhờ vào chúng ta," và rằng nguyên tắc đạo đức *hakkō ichiu* (tám góc của thế giới dưới một mái nhà) vẫn còn nguyên giá trị.

Hirohito giám sát chặt chẽ những hành động và bổ nhiệm của Higashikuni và gặp gỡ ông ta ít nhất một hoặc hai lần mỗi ngày kể từ ngày 16 tháng 8 đến ngày 2 tháng 9. Trong suốt quãng thời giai hai tuần quyết định trước khi đội quân chiếm đóng ồ ạt đổ bộ, Hirohito, triều đình và nội các Higashikuni tập trung vào vấn đề thật sự quan trọng đối với họ: kiểm soát phản ứng của nhân dân đối với việc bị bại trận và giữ cho họ biết tuân thủ và không đề cập đến những câu hỏi về trách nhiệm giải trình. Tuy nhiên, dù cho họ có làm gì đi nữa, cảm giác lo sợ rằng một khi những kẻ chiếm đóng ngoại quốc đến, việc cải tổ chế độ quân chủ và hình phạt đối với những người đã lãnh đạo đất nước vẫn lan truyền. Có tin đồn rằng chính bản thân Hoàng đế có thể phải thoái vị để thừa nhận trách nhiệm đối với cuộc chiến tranh.

II

Ngày 30 tháng 8 năm 1945, tướng Douglas MacArthur, vừa được bổ nhiệm làm Tổng chỉ huy các lực lượng Đồng Minh (SCAP), đến Nhật Bản để lãnh đạo đội quân chiếm đóng của Đồng Minh. Ông ta đặt tổng hành dinh tạm thời của mình tại Yokohama. Ba ngày sau, ngày 2 tháng 9, đoàn đại diện của Hoàng đế do Bộ trưởng Ngoại giao Shigemitsu dẫn đầu đã ký văn bản đầu hàng vô điều kiện trên boong chiếc chiến hạm *Missouri* của Mỹ đang neo đậu trong vịnh Tokyo. Văn bản đó bao gồm câu trả lời của Ngoại trưởng Mỹ Byrnes đối với sự chấp thuận của Nhật Bản trong bản Tuyên bố Potsdam: "Quyền điều hành đất nước của Hoàng đế và chính quyền Nhật Bản phải được tuân theo Tổng chỉ huy các lực lượng Đồng Minh, người sẽ tiến hành các bước khi ông ta thấy thích hợp để thực hiện những điều khoản của văn kiện đầu hàng". Cùng trong ngày hôm đó, Bộ Ngoại giao thành lập một "Ủy ban Liên lạc chấm dứt Chiến tranh", đứng đầu là nhà ngoại giao Suzuki Kyūman để tiếp nhận thông tin từ MacArthur và tuyên bố những ý định của ông ta. Đối với nhiều người Nhật đây là những dấu hiệu chứng tỏ việc "gìn giữ *quốc thể*" khó khăn hơn so với sự tưởng tượng trước đây và sẽ phụ thuộc rất nhiều vào tướng MacArthur.

Ngày 17 tháng 9 năm 1945, MacArthur cuối cùng đã thiết lập tổng hành dinh (GHQ) của mình tại tòa nhà Dai Ichi Life Insurance ở trung tâm Tokyo, đối diện với cung điện Hoàng gia. Ngày 18 tháng 9, một bản chỉ thị mật được chuyển đến từ Lầu Năm Góc với phần đầu là kế hoạch chi tiết để cải cách Nhật Bản của chính quyền Truman. Ngày 20, MacArthur thông báo cho Bộ trưởng Ngoại giao Yoshida Shigeru rằng một chuyến viếng thăm không chính thức của Nhật Hoàng Hirohito là thích hợp. Cùng ngày hôm đó quan đại thị thần Fujita Hisanori viếng thăm tổng hành dinh mang theo thông điệp của Hoàng gia: Hoàng đế hy vọng rằng tướng quân khỏe mạnh; Hoàng đế mong muốn thông báo cho tướng quân biết rằng Nhật Bản có ý định thực hiện những điều khoản của Tuyên bố Potsdam.

tảisáchhay

Trong thời gian đầu của giai đoạn chiếm đóng này, "thư ký quân sự" của tướng MacArthur và là cựu lãnh đạo các chiến dịch tâm lý chiến, thiếu tướng Bonner F. Fellers, đã tái thiết lập mối quan hệ với hai nhân vật người Nhật theo tổ chức Quakers. Một người là Isshiki (Watanabe) Yuri, người mà ông ta đã biết từ khi ông ta theo học tại trường đại học Earlham tại Richmond, bang Indiana; người kia là Kawa Michi, cựu tổng thư ký của tổ chức YWCA và là người sáng lập trường nữ sinh Keisen tại Tokyo vào năm 1920, người mà ông ta đã gặp gỡ trong chuyến thăm đầu tiên đến Nhật Bản năm 1920. Trong suốt những buổi gặp lại lúc ban đầu của họ, Fellers nói thẳng mối quan tâm cấp thiết của ông ta để chứng minh rằng không có lý do gì để buộc Hoàng đế phải chịu trách nhiệm cho vụ tấn công Trân Châu cảng. Đóng vai trò là cố vấn và người cộng tác đối với Kawai, Fellers nhanh chóng bắt liên lạc với một người quen của bà ta, Sekiya Teizaburō, viên chức cao cấp nhất, kể từ giai đoạn cuối của thời Đại Chính, đã đóng vai trò chủ đạo trong việc liên lạc giữa triều đình với các bộ trong chính phủ Nhật Bản. Sekiya cũng muốn chứng minh rằng Hoàng đế là "một người yêu hòa bình".

Một giai đoạn hoàn toàn mới giữa hai quốc gia trong những động thái nhằm bảo vệ Hirohito giờ đây đã bắt đầu. Từ những nỗ lực có tác động lẫn nhau của tổng hành dinh, Hoàng đế, các nhà lãnh đạo chính phủ Nhật và những người Nhật theo đạo Thiên chúa với những mối quan hệ thời tiền chiến tranh tới những người Mỹ có thế lực, dẫn đến sự bảo vệ Hirohito trước trách nhiệm về chiến tranh, "quá trình con người hóa" của Hoàng đế và việc cải cách Hoàng gia. Từ nay về sau, trong quá trình lợi dụng vai trò quyền lực của Hirohito cho những mục đích riêng của mình, MacArthur và tầng lớp lãnh đạo Nhật sẽ phải bóp méo khía cạnh quan trọng của cuộc sống và cá tính của Hirohito như họ đã làm vậy trước khi chiến tranh xảy ra.

Để đáp lại sự chú ý của MacArthur về một chuyến viếng thăm của Hoàng đế, vào sáng ngày 27 tháng 9 năm 1945, Hoàng đế mặc bộ complê lễ phục trang trọng với mũ phớt chóp cao, đã rời Hoàng cung và đi đến Đại sứ quán Mỹ để viếng thăm xã giao tướng MacArthur. Người dân Nhật không được biết trước về chuyến thăm này. Họ cũng không biết về sự khủng hoảng nghiêm trọng của cá nhân hai người đàn ông đang đối diện nhau. Cách chỉ đạo trong quá trình chiếm đóng của MacArthur đã bị người Nga và người Anh chỉ trích tại Hội đồng các Ngoại trưởng trong hội nghị tại London. Ngoại trưởng James F.Byrnes đang chuẩn bị chịu thua trước sức ép của khối Đồng Minh đối với một số hình thức giám sát nhóm đối với vị tổng chỉ huy thái quá. Thủ tướng New Zealand đã cảnh báo Ngoại trưởng Mỹ rằng "ở đó không nên có hòa bình một cách yên ả"; "Hoàng đế phải đem ra xử như một tội phạm chiến tranh."

Hơn nữa, chính quyền Truman đã bị lúng túng trước những tuyên bố chắc chắn được phát đi (sau này được rút lại) từ tổng hành dinh của MacArthur đề cập đến thời gian chiếm đóng và khả năng rút quân mạnh mẽ các lực lượng Đồng Minh chiếm đóng tại Nhật Bản chỉ trong một năm. Quyền Ngoại trưởng Dean Acheson đã khiển trách công khai MacArthur khi nói "các lực lượng chiếm đóng là những công cụ của chính sách và không phải là những yếu tố quyết định [của chính sách đó]." Truman đặc biệt không hài lòng với MacArthur vì phớt lờ bản hướng dẫn chính sách của Bộ Ngoại giao và không gửi trả về Mỹ để hỏi ý kiến mặc dù đã hai lần Tham mưu trưởng Lục quân Marshall thúc giục cần phải làm như vậy.

tảisáchhay

Địa vị của Hirohito cũng u ám và không chắc chắn. Trách nhiệm của ông trong giai đoạn đầu cuộc chiến tranh đã trở thành một vấn đề gây tranh cãi trong phe Đồng Minh. Một cuộc thăm dò dư luận không công bố của viện Gallup được tiến hành vào đầu tháng 6 năm 1945 cho thấy 77% công chúng Mỹ muốn Hoàng đế Nhật phải bị trừng phạt nghiêm khắc. Ngày 11 tháng 9, tiếp sau loạt bắt giữ đầu tiên những nghi phạm chiến tranh người Nhật, báo chí ngoại giao bắt đầu đưa tin những tin đồn về việc thoái vị sắp xảy ra của Hoàng đế. Ngày 18 tháng 9, nghị quyết chung 94 được đưa ra tại hạ viện Mỹ (và đề cập đến một ủy ban), tuyên bố rằng Nhật Hoàng Hirohito sẽ bị đem ra tòa để xử như một tội phạm chiến tranh. Và nếu những điều này chưa đủ là những lý do để cho Hoàng đế lo lắng thì ngay trong bản Tuyên bố Potsdam đã để lại một cách có chủ tâm về thân phận trong tương lai của vị Hoàng đế cũng không rõ ràng: sẽ được quyết định bởi "nguyện vọng thể hiện tự do của người dân Nhật."

Nhưng địa vị của Hoàng đế không phải tất cả đều ảm đạm. Ông và nội các Higashikuni, bằng việc giữ vững quyết tâm bảo vệ *quốc thể*, đã bắt đầu giải trừ quân bị và cho giải ngũ đội quân tinh nhuệ gồm bảy triệu người của Lục quân và Hải quân còn trước khi MacArthur đến Tokyo. Sự chủ động của họ làm cho quá trình phi quân sự hóa của Nhật Bản được tiến hành dễ dàng hơn rất nhiều so với sự mong đợi thậm chí là sự tưởng tượng của người Mỹ. Tổng thống Truman đã ghi nhận thực tiễn quan trọng này vào ngày 6 tháng 9 năm 1945 khi ông tuyên bố "chính sách đầu tiên của nước Mỹ đối với Nhật Bản sau khi đầu hàng". Bản tài liệu này chỉ dẫn MacArthur thực thi quyền hạn của mình thông qua cấu trúc và cơ cấu cầm quyền hiện tại của Nhật Bản, bao gồm cả Hoàng đế, nhưng chỉ tới mức mà điều đó đẩy mạnh việc hoàn thành những mục đích của nước Mỹ.

Nhiều tháng trước đó, khoảng từ tháng 4 đến tháng 6 năm 1945, MacArthur và Fellers đã vạch ra phương pháp của riêng họ cho quá trình chiếm đóng và cải cách Nhật Bản. Theo quan điểm của họ, những nguyên lý của chiến tranh tâm lý mà Fellers đã tiến hành trong trận chiến ở Philippines và những nơi khác là hoàn toàn đúng đắn. Những nguyên lý đó đã đóng vai trò chủ chốt trong việc hạ thấp tinh thần chiến đấu của binh lính Nhật, đẩy nhanh việc đầu hàng và chuẩn bị tinh thần của người Nhật đối với việc bị chiếm đóng. Chỉ có những lãnh đạo quân sự Nhật Bản mới phải chịu trách nhiệm về cuộc chiến tranh, còn Hoàng đế, "những người ôn hoà" xung quanh ngai vàng và nhân dân đã hoàn toàn bị họ lừa gạt. Tất cả người dân Nhật tin tưởng vào Hoàng đế. Chiến tranh tâm lý của người Mỹ nên xây dựng trên niềm tin của họ và đổ lỗi cho các nhà lãnh đạo quân sự. Những quan điểm này, "ý niệm chung" của các chuyên gia tâm lý chiến người Mỹ ở Thái Bình Dương, không đề cập đến những nhà lãnh đạo cộng sản của Trung Quốc và Nhật Bản ở phía bắc Trung Quốc, đã trở thành những nguyên lý bất di bất dịch của MacArthur và được kết lại trong kế hoạch chiếm đóng lúc ban đầu của ông ta.

Mang mật danh Chiến dịch Blacklist (Danh sách đen), kế hoạch bắt đầu tách Hirohito khỏi những người theo chủ nghĩa quân phiệt, duy trì ông như một nhà quân chủ hợp hiến nhưng chỉ là một kẻ bù nhìn, sử dụng ông để gây nên sự chuyển đổi tinh thần mạnh mẽ của người dân Nhật. Bởi vì việc duy trì Hoàng đế có tính chất quyết định để đảm bảo cho việc kiểm soát dân chúng, các lượng chiếm đóng nhắm vào mục đích vô hiệu ông khỏi trách nhiệm đối với cuộc chiến tranh, không bao giờ làm mất phẩm cách của ông hay hạ thấp quyền lực của

tảisáchhay

ông và đồng thời lợi dụng tối đa các cơ quan của chính quyền Nhật hiện hành. Tóm lại, MacArthur làm thành công thức không có chính sách mới nào đối với Hoàng đế. Ông đơn thuần chỉ tiếp tục đóng vai trò như trong năm cuối cùng của cuộc chiến Thái Bình Dương, sau đó kéo dài sự dính líu khi hoàn cảnh thay đổi. Quan trọng hơn, vì MacArthur phải dưới những mệnh lệnh theo Tuyên bố Potsdam để đưa ra những trừng phạt nghiêm khắc đối với những tội phạm chiến tranh, sự vô tội của Hirohito nên được củng cố trước khi bộ máy thực thi nhiệm vụ này theo bản tuyên bố được thành lập.

Như vậy, tại thời điểm ngay khi bắt đầu bị chiếm đóng chiến lược bảo vệ *quốc thể* và chiến lược chiếm đóng của tướng MacArthur đã hợp nhau. Cả hai phía không biết suy nghĩ của nhau; tuy nhiên, chỗ nào có liên quan đến Hoàng đế, họ hành động song song cùng hướng với nhau.

III

Frank L. Kluckhohn, phóng viên tờ *New York Times*, trước đó đã phỏng vấn Hoàng thân Konoe, phó thủ tướng trong nội các Higashikuni. Anh ta đã đề nghị Konoe, khá rõ ràng là theo yêu cầu của tổng hành dinh, Hoàng đế hãy gửi một thông điệp gồm bốn điểm tới dư luận Mỹ thông qua tờ báo của Kluckhohn. Vì vậy ngày 25 tháng 9, hai ngày trước khi đến gặp MacArthur, Hoàng đế tiếp kiến hai nhà báo trong hai cuộc gặp mặt ngắn gọn và riêng rẽ với Kluckhohn và Hugh Baillie, chủ tịch Hội nhà báo Mỹ và là người quen cũ của Konoe. Hai nhà báo đệ trình những câu phỏng vấn được viết ra giấy. Họ nhận lại những câu trả lời bằng văn bản viết bằng tiếng Anh do Shidehara Kijurō dự thảo. Hai điểm căn bản được tiết lộ: (a) nền dân chủ và chủ nghĩa hòa bình (theo nghĩa không sử dụng vũ khí tạm thời của Nhật Bản) là những thành phần chính tạo nên hình ảnh Hoàng đế thời hậu chiến đối với công chúng nước ngoài; và (b) Hoàng đế mong muốn tránh những câu hỏi về trận Trân Châu cảng.

Kluckhohn hỏi "liệu [Hirohito] đã dự định sử dụng huấn lệnh trong chiến tranh [tháng 12 năm 1941] như tướng Tōjō đã sử dụng - để mở cuộc tấn công bất ngờ vào Trân Châu cảng hành động dẫn đến sự tham chiến của nước Mỹ." Hoàng đế trả lời "trên thực tế không phải là ý định của ông." Vì vậy, Tōjō, chứ không phải là Hoàng đế, mới là người phải chịu trách nhiệm đối với cuộc tấn công bất ngờ vào Trân Châu cảng, đây chính là thông điệp mà MacArthur muốn người Mỹ nghe thấy trước cuộc gặp của ông ta với Hirohito. Đó cũng là phòng tuyến bảo vệ đối với Hoàng đế mà Hoàng tử Konoe, Higashikuni và rất nhiều "người ôn hoà" xung quanh ngai vàng đã ủng hộ từ năm 1944.

Mặc dù Hirohito đọc và phê chuẩn bản trả lời do Shidehara viết, ông không tin vào điều đó vì cuộc tấn công vào Trân Châu cảng chỉ xảy ra tám giờ đồng hồ trước khi ông ký vào bản huấn lệnh của triều đình tuyên bố chiến tranh và cá nhân ông đã nỗ lực để đảm bảo rằng cuộc tấn công sẽ là một sự bất ngờ.Chính quyền Nhật Bản sau đó phát ra một tuyên bố, được báo *New York Times* đăng ngày 29 tháng 9, rằng sửa đổi lời nói của Hoàng đế để tránh sự chỉ trích của Tōjō. Không có nhiều thông tin được đề cập về sự hủy bỏ có phần thiên vị này, nếu không thì điều đó chỉ ra những mối liên hệ yếu kém giữa SCAP và chính phủ Higashikuni hoặc chính phủ Higashikuni đã không thực hiện đầy đủ chính sách gìn giữ *quốc*

tảisáchhay

thể của mình. Chính phủ Higashikuni đòi hỏi rằng Hoàng đế phải được bảo vệ bằng việc chọn lựa giữ địa vị trong Hoàng cung chứ không phải là vị tổng chỉ huy quân đội Tōjō.

Rất nhanh chóng sau buổi tiếp kiến Kluckhohn và Baillie, Hoàng đế đến thăm MacArthur với hy vọng sẽ biết được những chính sách gì MacArthur sẽ thực hiện đối với Hoàng gia. Hirohito cần sự ủng hộ của cá nhân MacArthur nếu ông muốn gìn giữ quốc thể và tránh phải chịu trách nhiệm mang tính pháp lý và đạo đức đối với những hành động trước kia của mình với tư cách là vị tổng chỉ huy tối cao và là động lực chính của hệ thống chính trị. Nếu MacArthur, với cương vị của mình, sử dụng Hoàng đế để hợp pháp hóa những cải cách trong thời gian chiếm đóng thì ông ta cần Hirohito từ bỏ hoàn toàn những cố vấn "quân phiệt xấu xa" của ông.

Những tính cách cá nhân cung cấp thêm những nền tảng đối với sự giúp đỡ lẫn nhau giữa hai người. MacArthur già hơn nhưng lại tận tâm đối với việc thể hiện bản thân mình là trẻ trung và đầy sinh lực. Hirohito vừa mới chớm tuổi trung niên nhưng quen làm việc với những cố vấn cao tuổi. Cả hai người đã được đào tạo về quân sự trong thời gian dài và khắc nghiệt và cả cuộc đời họ đều nổi bật hơn so với các bạn đồng lứa. MacArthur, con trai của một anh hùng trong cuộc nội chiến đã từng được tặng thưởng Huân chương Danh dự và sau đó là chỉ huy phó trong suốt cuộc chinh phục Philippines, là một sỹ quan quân đội chuyên nghiệp. Ông ta đã thăng tiến tới quân hàm cao nhất trong quân đội, trở thành vị tướng trẻ tuổi nhất và là vị tư lệnh trẻ nhất trong lịch sử quân đội Mỹ. Trong thời gian thăng tiến của mình, ông ta đã trở thành một bậc thầy về việc sử dụng đội ngũ sỹ quan tài năng dưới quyền. MacArthur luôn luôn cảm thấy mình đã được sinh ra để làm lãnh đạo, nhưng tin rằng tất cả danh tiếng và sự ca ngợi đối với thành tích mà ông ta đạt được sẽ đổ dồn lên mình ông ta. Cũng như vậy, khi ông ta thất bại thì không phải do ông ta mà là do hậu quả của sự giúp đỡ không thỏa đáng hoặc do âm mưu ở cấp trên. Cực kỳ tự cao tự đại, đôi khi vênh vang và kiêu ngạo, MacArthur bị di sản của gia đình ép buộc phải vượt trội trong bất kỳ việc gì ông ta làm. Nhưng không đâu ghi nhận rằng bất kỳ người trưởng thành nào gần gũi với vị tổng-chỉ-huy-tương-lai từng cố gắng dạy dỗ ông ta trở nên không ích kỷ và lễ phép đối với những quan điểm của người khác.

Cả Hirohito và MacArthur coi trọng lòng trung thành và nuôi dưỡng tình cảm với họ hàng xa. Họ coi bản thân họ như là tài sản hàng đầu của đất nước họ và biết cách lừa gạt – với MacArthur thì là đối với thượng cấp của ông ta trong mỗi một bước thăng tiến trong sự nghiệp; với Hirohito thì là đối với toàn thể đất nước. Cả hai người cùng kết hợp tính cách của họ dưới nhiều dạng thức quyền lực khác nhau và biết sử dụng chúng một cách hiệu quả. Mặc dù có những tương đồng như vậy, nhưng vẫn có những tính cách của một vị Hoàng đế so với một vị tướng. Hirohito không chia sẻ "mặt tối" của MacArthur – tính lập dị, tính ích kỷ cực đoan và tính tự cao tự đại. Ông thật sự khiêm tốn, quen với việc lãnh đạo thông qua người khác, bằng sự đồng lòng chứ không độc đoán; và ông là một người rất đường bệ.

Một nhân viên chụp ảnh người Mỹ đợi sẵn khi Hoàng đế đến đại sứ quán Mỹ. Anh ta chụp ba kiểu ảnh Hirohito đứng cùng với MacArthur trong đại sảnh của sứ quán, sau đó hai người lui vào một phòng đã được chuẩn bị đặc biệt. Tại căn phòng đó họ nói chuyện kín với nhau thông qua phiên dịch viên Okumura Katsuzō trong khoảng gần bốn mươi phút.

tảisáchhay

MacArthur hầu như nói suốt trong cuộc gặp gỡ và bởi vì cả hai đều rất quan tâm đến bảo vệ hình ảnh mà họ thể hiện nên họ nhấn mạnh rằng cuộc nói chuyện giữa họ không được ghi âm.

Vì không có bản ghi âm chi tiết, nhiều bài tường thuật đầy mâu thuẫn về cuộc gặp mặt kín này sau đó được MacArthur, các nhà báo Mỹ dựa vào các cuộc phỏng vấn cả Hoàng đế và MacArthur, các quan chức cũng như các nhà sử học Nhật Bản đưa ra. Có thể điểm quan trọng nhất được nói về cuộc gặp mặt đầu tiên của họ là hai người đàn ông gặp nhau trong một thời khắc mà không chắc được tổ chức lại với địa vị tương ứng của họ, và mỗi người đều có cảm giác cuộc gặp mặt đã thành công. Hirohito hài lòng là MacArthur sẽ sử dụng ông và không truy đuổi vấn đề trách nhiệm đối với cuộc chiến tranh. MacArthur, về phía mình, đã cảm động vì việc đánh giá cao đối với cách chỉ đạo việc chiếm đóng của mình và lời hứa sẽ hợp tác của Hoàng đế. Có lẽ cả hai người đều chẳng nói điều gì về những nỗ lực bắt đầu được các thuộc cấp của họ thực hiện để cứu Hirohito khỏi một bản cáo trạng như là một tội phạm chiến tranh.

Từ nay về sau vị tổng chỉ huy các lực lượng quân Đồng Minh sẽ sử dụng Hoàng đế và vị Hoàng đế sẽ hợp tác trong việc được sử dụng đó. Mối quan hệ của họ trở nên một sự bảo vệ lẫn nhau và đều có lợi và Hirohito được lợi nhiều hơn về chính trị so với MacArthur bởi vì Hirohito có nhiều thứ bị mất hơn – toàn bộ quyền sở hữu có tính biểu tượng và hợp pháp của ngôi vị Hoàng đế.

Nhưng đối với người những nhà lãnh đạo Mỹ và Nhật Bản ảnh hưởng lẫn nhau một cách thân tình và hợp tác, Hoàng đế sẽ phải cắt đứt hoàn toàn khỏi chủ nghĩa quân phiệt và những người theo chủ nghĩa quân phiệt như Tōjō, việc mà ông rất miễn cưỡng phải làm; MacArthur sẽ phải bảo đảm rằng Hoàng đế không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ hành động nào mà ông đã làm trong thời gian chiến tranh, đặc biệt là cuộc tấn công Trân Châu cảng; và cả GHQ và các chính quyền Nhật Bản kế nhiệm sẽ phải tiến hành một cuộc đấu tranh để định hình lại ý thức lịch sử của người dân Nhật liên quan đến bản chất của cuộc chiến tranh và vai trò mà Hoàng đế đã tham gia trong cuộc chiến tranh đó.

Đối với hầu hết người dân Nhật đang sống trong đống đổ nát vì bại trận, tầm quan trọng của cuộc gặp mặt đầu tiên giữa Hoàng đế với MacArthur không phải là tinh thần tôn trọng và hợp tác lẫn nhau mà hai nhà lãnh đạo thiết lập. Chẳng có bản thông báo chính thức nào về những điều mà hai người được cho rằng đã nói với nhau. Tuy nhiên, một bức ảnh được chụp rõ của tay chụp ảnh người Mỹ và được đăng tải trên tất cả các tờ báo hàng đầu của Nhật vào ngày 29 tháng 9 tạo ra một tin giật gân. Được chụp cận cảnh, bức ảnh cho thấy rõ vị Hoàng đế đeo kính, mặc áo choàng buổi sáng trang trọng, quần kẻ, đứng rất nghiêm trang, ca vát ngay ngắn và tay buông bên mình, trong khi bên cạnh và cao vượt hơn là tướng MacArthur rất thoải mái và tự nhiên mặc bộ đồng phục cổ mở, không đeo cà vạt và huân chương, tay chống nạnh và bị che khuất. Cả hai người đều nhìn thẳng vào ống kính máy ảnh.

Điều mà nhiều người Nhật nhìn thấy trong bức ảnh này dẫn đến những lời đồn mới rằng Hoàng đế sẽ sớm thoái vị. Ngày 15 tháng 8, bản tin phát đi lời tuyên bố đầu hàng của Hoàng

tảisáchhay

đế đã buộc thần dân của ông chấp nhận sự bại trận. Giờ đây một bức ảnh buộc họ đương đầu với hàm ý chính trị đau đớn về sự thất trận đó. Vị Hoàng đế mà họ trông thấy trong ảnh không phải là một vị thần sống mà là một con người có thể chết đứng bên cạnh một người khác già hơn nhiều mà trước người đó vị Hoàng đế giờ đây thật khúm núm. Hirohito là minh họa hoàn hảo cho quốc gia bại trận; MacArthur đứng hoàn toàn thoải mái và thể hiện sự tự tin đến từ đất nước chiến thắng.

Bức ảnh đó là một bước nhỏ đầu tiên được dùng trong việc thay thế Hoàng đế từ trung tâm nhân dạng của quảng đại dân chúng Nhật và giải thoát đất nước khỏi sự hạn chế của quá khứ.

Không người Nhật nào có thể chụp được một bức ảnh như vậy. Chỉ những thợ chụp ảnh được Bộ Nội vụ Hoàng gia chứng thực mới được phép chụp hình ảnh của Hoàng đế. Và họ phải sử dụng ống kính tele để chụp một khoảng cách ít nhất là hai mươi mét, và thường (không phải luôn luôn) chỉ chụp phần thân trên của Hoàng đế, không bao giờ chụp từ phía sau lưng Hoàng đế vì nó khá tròn. Hình ảnh chụp Hoàng đế không được cười, vì người ta không nghĩ rằng những vị thần sống cười. Hoàng đế chỉ được chụp ảnh đứng bất động hoặc nghiêm trang. Người ta có thể tin tưởng vào những người thợ chụp ảnh này không sử dụng những kỹ xảo nhiếp ảnh của mình để hủy hoại lòng trung thành của dân chúng đối với ngôi Hoàng đế. Hơn tất cả, người ta trông đợi họ bày tỏ lòng tôn kính của mỗi thần dân của chính họ. Nhưng lòng tôn kính dành cho Hoàng đế là một mối xúc cảm mà rất ít người Mỹ tại thời điểm đó hiểu được.

Chính phủ Nhật ngay lập tức cấm không được tái sử dụng bức ảnh đó. Thực tế về sự thất thế của Hirohito trước MacArthur đang gây quá xáo lộn. Khi không có một bức ảnh minh họa nào được đăng cùng các bài báo đăng vào ngày sau cuộc gặp mặt của hai nhà lãnh đạo, GHQ phản đối Bộ Ngoại giao Nhật. Ngày tiếp theo, 29 tháng 9, các tờ *Asahi, Mainichi* và *Yomiuri-Hōchi* phải đăng bức ảnh nhạy cảm đó với sự "chữa" lời của Hoàng đế trả lời những câu hỏi của Kluckhohn và "cuộc phỏng vấn" của Baillie. Bộ trưởng Nội vụ Yamazaki Iwao ngay lập tức can thiệp và tất cả những tờ báo của các báo này bị tịch thu vì lý do là Hoàng đế không chỉ trích các thần dân của ông và vì bức ảnh đó là phạm thượng đối với Hoàng gia và vì vậy sẽ có ảnh hưởng bất lợi cho đất nước.

Giờ đây xung đột nảy ra giữa chính quyền Higashikuni và GHQ và chỉ kết thúc khi GHQ không chỉ ra lệnh cho in bức ảnh mà còn hủy bỏ tất cả những cấm đoán trong xuất bản. Ngày 4 tháng 10, MacArthur ban hành chỉ thị "Các quyền tự do công dân", văn bản đó bãi bỏ một số cản trở chính đối với quá trình dân chủ hóa: Luật duy trì hòa bình, Luật an ninh bảo vệ quốc gia và "cảnh sát đặc biệt". Chỉ qua một đêm sự kiểm soát tư tưởng được nới lỏng, sự cấm kỵ của luật pháp đối với việc chỉ trích Hoàng đế đổ vỡ và toàn bộ hệ thống luật pháp và sắc lệnhđược thiết lập nhằm "bảo vệ *quốc thể*" bị phá sản. Nhân sự và công việc của lực lượng "cảnh sát đặc biệt" giữ nguyên, tuy nhiên, họ vẫn nghĩ họ là "cảnh sát của Hoàng đế".

Nội các Higashikuni từ chức ngay lập tức. Bốn ngày sau (ngày 8 tháng 10), MacArthur xiết chặt công tác kiểm duyệt của SCAP đối với báo chí ở Tokyo, trong khi tán thành sự lựa chọn của Hoàng đế đối với Shidehara Kijūrō, nhà cựu ngoại giao bảy-mươi-tư-tuổi và là người ôn

tảisáchhay

hòa thời tiền chiến tranh, để thay thế Higashikuni. Shidehara, ứng cử viên hàng đầu của "những người ôn hoà" kể từ thời những nội các chính phủ thời tiền chiến tranh của Koiso Kuniaki và Suzuki Kantarō, sẽ tiếp tục chính sách bảo vệ *quốc thể* nhưng vẫn tin tưởng vào phương pháp giảm đối đầu tăng linh hoạt.

Qua vài tuần tiếp theo GHQ bắt đầu tấn công "tàn dư phong kiến" và chế độ Hoàng đế. Ngày 10 tháng 10, tổng hành dinh cấm treo cờ mặt trời (*hinomaru),* một biểu tượng trở về thời cải cách Minh Trị, nhưng vẫn cho phép phần lời quan trọng hơn không bị xáo trộn của bản quốc ca ("Kimigayo"), bài hát ca tụng sự vinh quang của chế độ quân chủ mà đã trở thành một phần của dạy học tại các nhà trường trong năm 1931.

Ngày 10 và 11 tháng 10, GHQ thả tự do cho gần 500 tù nhân cộng sản và thông báo "5 cải cách vĩ đại": giải phóng phụ nữ; đẩy mạnh các hiệp hội lao động; và dân chủ hóa về các lĩnh vực giáo dục, pháp lý và kinh tế. Với việc tuyên bố những mục tiêu này, thời kỳ chiếm đóng đã chuyển sang một giai đoạn mới. Người dân Nhật được tự do chỉ trích chính phủ, Hoàng đế và thể chế quân chủ. Những đảng phái chính trị sớm hoạt động trở lại. Những người cộng sản bắt đầu công khai chỉ trích Hoàng đế và đeo đuổi vấn đề trách nhiệm pháp lý và đạo đức của Hoàng đế trong hơn một thập niên đối với cuộc chiến tranh vô ích.

Ngày 22 tháng 10, GHQ cho ra một chỉ thị yêu cầu cải cách giáo dục và giải tán tất cả giáo viên đã ủng hộ chủ nghĩa quân phiệt hoặc chống đối những chính sách của lực lượng chiếm đóng. Chính vì vậy những nhà lãnh đạo chiến tranh trong tất cả các lĩnh vực đều bị nguy hiểm. Ngày 30 tháng 10 năm 1945, GHQ công bố toàn bộ tài sản của Hoàng gia, dựa trên những con số được khai giảm đi do Bộ Nội vụ Hoàng gia cung cấp. Dân chúng biết rằng Hoàng đế sở hữu một khối tài sản trị giá hơn 16 tỷ yên. Khối tài sản khổng lồ thu được từ những vùng đất rừng màu mỡ; những nông trại chăn nuôi; những cửa hàng hợp doanh; trái phiếu quốc gia, trái phiếu các tỉnh thành, trái phiếu các khu đô thị, và với khối tài sản có giá trị lớn bằng vàng nén và tiền mặt, Hirohito là ông chủ đất sở hữu đất đai nhiều nhất và giàu có nhất trong cả nước. Với việc dân chúng biết được sự giàu có khủng khiếp của Hoàng đế cùng với việc chỉ trích đối với các nhà lãnh đạo chiến tranh nổi bật nhất được xuất hiện trên mặt các tờ nhật báo và lời kêu gọi của những người cộng sản đòi bãi bỏ "chế độ quân chủ", cả nội các Shidehara lẫn những chính trị gia trong quốc hội sớm trở nên không chắc chắn về việc liệu có gìn giữ được không chỉ *quốc thể* mà ngay cả đối với sự nghiệp của chính bản thân họ.

Cũng trong tháng 10, vấn đề thoái vị lại được xuất hiện trên báo chí Nhật. Ngày 12 tháng 12, Hoàng thân Konoe thông báo cho một phóng viên biết rằng Hoàng đế quan tâm đến vấn đề này. Ngày 21, Konoe nói với Rusell Brines của hãng tin AP rằng Luật Hoàng gia không quy định việc thoái vị; bốn ngày sau tờ *Mainichi shinbun* đăng tin rằng Hoàng đế không thể thoái vị bởi vì ông đã chấp thuận Tuyên bố Potsdam và ông có nghĩa vụ thực hiện bản tuyên bố đó. Những đồn đoán về việc thoái vị trong tháng 10 đã khuấy động sự lo lắng của những người bảo vệ triều đình Hirohito và giữ nguyên vấn đề trách nhiệm của Hoàng đế về các mặt đạo đức, chính trị và pháp lý đối với cuộc chiến tranh. Các quan lại triều đình phản ứng bằng cách tiến hành những cải cách nhỏ trong khi đánh tín hiệu cho đất nước biết ý định của Hoàng đế muốn giữ ngai vàng. Thêm nữa, kể lúc này trở đi những tranh cãi về việc thoái

tảisáchhay

vị của Hoàng đế bắt đầu giao nhau với việc tìm kiếm của những trí thức bảo thủ cho một nền dân chủ hóa có tính "bản xứ" dựa trên việc tái xây dựng đạo đức đất nước - điều chỉ có thể xảy ra trong khi Hirohito là quốc vương.

Trong khi đó những cơ quan quân sự đang dần dần bị loại bỏ. Ngày 13 tháng 9, Tổng hành dinh Hoàng gia, cơ quan đã tồn tại trong bảy năm mười tháng bị bãi bỏ. Ngày 10 tháng 10, hạm đội liên hợp và tổng hành dinh Hải quân chính thức bị giải tán. Năm ngày sau, tổng hành dinh của cả Lục quân và Hải quân đều đóng cửa, và ngày 1 tháng 12, cả hai bộ Hải quân và Lục quân cũng bị bãi bỏ. Vào cuối năm 1945, những lực lượng quân sự mà Hirohito đã chỉ huy không còn tồn tại nữa. Mặc dù ảnh hưởng rõ ràng của bức ảnh chụp Hoàng đế đứng cạnh MacArthur, hình ảnh vị tổng chỉ huy tối cao của đất nước mặc quân phục của Hoàng đế vẫn còn.

IV

Những cố vấn của Hoàng đế giờ đây tập trung vào việc làm lu mờ hình ảnh chỉ huy quân sự của ông. Lợi dụng sự rộng lượng của cá nhân MacArthur, họ thỉnh cầu và nhanh chóng được cho phép Hoàng đế đi lễ "mang tính cá nhân" đền thờ Ise tại tỉnh Mie.

Được các quan trong triều đình cũng như các nhà báo hiếu kỳ của lực lượng Đồng Minh đi theo, Hirohito rời Tokyo ngày 12 tháng 11 trong chuyến đi dài ba ngày đến khu đền thờ Shinto quốc gia nơi thờ tự tổ tiên của ông. Bề ngoài chuyến đi có vẻ là một việc đơn giản chỉ đơn thuần mang những mục đích tín ngưỡng. Ông đến thăm cả bên trong và bên ngoài đền Ise và lăng thờ vị Hoàng đế đầu tiên theo truyền thuyết, Jimmu (tại Nara) và lăng thờ Hoàng đế Minh Trị (tại Kyoto), qua đêm tại cố cung Kyoto trong cả hai chuyến viếng thăm hai lăng. Mục đích sâu xa của chuyến đi, trong hoàn cảnh mới vừa bị bại trận, là khẳng định khả năng tồn tại của lịch sử Hoàng gia dựa trên tín ngưỡng và thần thoại. Hirohito qua dịp này để thử dư luận công chúng và lột bỏ hình ảnh chỉ huy quân sự của ông. Chuyến đi là cơ hội đầu tiên để ông thể hiện bộ y phục Hoàng gia mới thời hậu chiến. Bộ y phục đó gần giống với bộ đồng phục của nhân viên phục vụ trên tàu lửa, cổ áo đóng kín và dựng đứng. Có thể hiểu được ông không bao giờ mặc lại bộ quần áo đó, nhưng bộ quần áo đó ăn nhập hoàn toàn với thường dân trong bộ trang phục trơn màu tồi tàn và chẳng phù hợp cho việc giao dịch. Việc tạo ra bộ đồng phục trông giống như nhân viên ngành hỏa xa của Hoàng đế có lẽ là tín hiệu tạo sự chú ý để gây ấn tượng với công chúng cả trong và ngoài nước về quyết tâm của ông vẫn duy trì ngai vàng chứ không thoái vị.

Tuy nhiên, tín hiệu mà Hirohito nhận được từ các thần dân của mình là rõ ràng. Khi con tàu của Hoàng gia dừng sáu phút tại ga Numazu vào ngày 12 tháng 10, quan giữ ấn Kido khá lo lắng liệu người dân sống ở khu vực bị đốt cháy quanh ga có "ném đá hay vật gì đó" không. Tuy nhiên, bất kỳ chỗ nào ở Ise và Kyoto mà Hoàng đế xuất hiện ông đều được nồng nhiệt đón chào, vì vậy nỗi lo sợ của Kido được giải thoát. Cho dù sự thần bí của ngai vàng đã bị đâm thủng do bị bại trận, các thần dân của Hoàng đế vẫn trung thành và nhiều người vẫn coi Hoàng đế là "thiêng liêng và không thể xúc phạm". Chuyến đi tới Ise-Kyoto vì vậy góp phần cho quyết định xuất hiện trước công chúng sau này của Hoàng đế, một điều mà trước đây ông không muốn làm và luôn luôn hạn chế tối đa. Một tháng sau khi quay trở về Tokyo,

tảisáchhay

Hirohito viếng thăm lăng mộ cha mình, Hoàng đế Taishō (Đại Chính). Chuyến đi bằng tàu hỏa vào tháng 10 và chuyến viếng thăm này là những chuyến đi đầu tiên của ông được thông báo trong thời hậu chiến.

Ngày 29 tháng 11 năm 1945, Hoàng đế nói với quan phó đại thị thần Kinoshita Michio rằng bảy Hoàng thân sẽ thay mặt mình đi viếng thăm lăng mộ Hoàng tộc và ông có ý định nói với họ rằng "chuyến đi cuối cùng của ông tới khu vực Kansai [tức chuyến đi tới Ise-Kyoto của ông] đã có hiệu ứng tích cực trong việc khuyến khích sự thân tình giữa các tầng lớp trong xã hội. Hoàng gia, nhân tố làm cầu nối giữa ông và các thần dân, nên nỗ lực mạnh mẽ [để ủng hộ sự thân tình đó]."

Đồng thời tiếp sau chuyến đi của Hirohito tới Kyoto, người dân Nhật hiểu rằng bức ảnh chân dung của Hoàng đế đang được treo tại tất cả các trường học, các cơ quan chính phủ, các đại sứ quán và lãnh sự quán tại nước ngoài sẽ bị dỡ bỏ. Bộ Nội vụ Hoàng gia dự định đưa ra một bức ảnh chân dung mới để thay thế, bức ảnh mà Hoàng đế cuối cùng có thể sẽ "ban tặng" cho đất nước, như ông đã làm trước kia. Tuy nhiên, việc lựa chọn ảnh chân dung mới của Hoàng đế sẽ không thể cẩu thả như đối với bức ảnh của Hoàng đế trong bộ quân phục. Nếu lại phạm phải sai lầm như vậy, mối quan hệ giữa Hoàng đế với thần dân của mình có thể sẽ bị yếu đi.

Ba tuần sau chuyến đi bằng tàu hỏa của Hoàng đế có vẻ ngoài là vì những mục đích tín ngưỡng cá nhân, bộ phận Giáo dục và Thông tin Dân sự (CIE) củaGHQ giới thiệu một chiến dịch được chuẩn bị kỹ lưỡng để định hướng dư luận Nhật về việc bại trận và những tên ''quỷ dữ'' theo chủ nghĩa quân phiệt. Bradly Smith, trưởng ban Kế hoạch của bộ phận CIE, viết một loạt gồm mười bài viết được hãng thông tấn chính thống, Kyōdō Tsūshinsha, dịch sang tiếng Nhật. "Lịch sử cuộc chiến tranh Thái Bình Dương: Nguyên nhân hủy diệt sự lừa gạt và chủ nghĩa quân phiệt ở Nhật Bản" được mô tả như là đã được "Tổng hành dinh các lực lượng Đồng Minh viết". Bài đầu tiên bắt đầu đăng trên tất cả các báo trong nước xuất bản ngày 8 tháng 12 năm 1945, ngày kỷ niệm trận chiến Trân Châu cảng. Bài viết đưa ra danh sách những tội phạm chiến tranh trùm sỏ của Nhật Bản và tuyên bố rằng "việc che đậy sự thật" của các chính quyền kế nhiệm thời chiến tranh đã tạo nên "những hậu quả nghiêm trọng nhất".

[Đối với] ngay cả sau khi Nhật Bản triệt thoái quân trên nhiều mặt trận và lực lượng Hải quân không còn tồn tại, tình hình thực tế đó không bao giờ được công bố rộng rãi. Gần đây, chính Hoàng đế nói rằng việc bất ngờ tấn công vào Trân Châu cảng không phải là ý nguyện của ông, nhưng lực lượng quân cảnh [kempeitai] đã ra sức ngăn cản [tuyên bố của ông] không đến được dân chúng .... Rõ ràng thật cần thiết để dân chúng được biết lịch sử đầy đủ về cuộc chiến này để họ có thể hiểu tại sao Nhật Bản bị bại trận và ... tại sao giờ đây họ phải chịu đựng hoàn cảnh khốn khổ này. Chỉ bằng cách này họ mới đạt được tri thức và sức mạnh để chống lại những hành động quân phiệt và xây dựng lại đất nước thành một thành viên của xã hội hòa bình quốc tế....

Loạt bài "Lịch sử cuộc chiến tranh Thái Bình Dương" nhấn mạnh: "những tội ác bị gây ra bởi chủ nghĩa quân phiệt Nhật" bao gồm những vụ hãm hiếp và thảm sát ở Nam Kinh, nhưng

tảisáchhay

cũng tóm tắt những nỗ lực vì hòa bình của "phái trung dung", tập trung vào Hoàng đế Hirohito. Ngược lại thời gian, bài viết đầu tiên mô tả Thủ tướng Shidehara (người bảo vệ quan trọng nhất đối với đội quân Quan Đông trong suốt thời gian xâm chiếm Mãn Châu năm 1931) như là người đã đánh giá cao "những nguyên tắc hòa bình và sự hợp tác quốc tế" trong suốt nhiệm kỳ làm bộ trưởng bộ ngoại giao. Nhưng bằng việc đặt trách nhiệm quan trọng nhất vào một nhóm nhỏ "những nhân vật quân sự", vì thế miêu tả dân chúng như là những nạn nhân bị lừa dối - như Hoàng đế đã từng bị lừa dối - điều mà sau cùng GHQ nỗ lực tái lập lại sự hiểu biết về lịch sử tập trung vào sự chấp nhận của Nhật Bản về trách nhiệm chiến tranh.

CIE tăng cường chiến dịch báo chí của mình với một chương trình tin tức được thành lập để định hướng dư luận Nhật. Từ ngày 9 tháng 12 năm 1945 đến ngày 10 tháng 2 năm 1946, đài phát thanh NHK phát đi một chương trình vào buổi tối dài 30 phút với tần suất ba lần mỗi tuần có tên gọi là "Shinsō wa kō da" [Giờ điều đó có thể được nói ra]. Được dựa trên loạt bài "Lịch sử cuộc chiến tranh Thái Bình Dương" và do người Mỹ sản xuất, chương trình phát thanh này được dự kiến như là phiên bản tiếng Nhật của chương trình thời sự nổi tiếng nhất của người Mỹ trong những năm 1930 có tên: "The March of Time". Mở đầu chương trình là giọng đọc hách dịch của phát thanh viên tuyên bố như kịch,

Chúng ta, nhân dân Nhật Bản, đã biết những nghi phạm chiến tranh. Những kẻ phản bội chúng ta giờ đây bị phơi bày ra dưới ánh sáng ban ngày.

Ai? Họ là ai?

Hãy kiên nhẫn và tôi sẽ nói cho các bạn biết. Hơn tất cả, tôi sẽ cho các bạn biết những sự thực để các bạn có thể tự rút ra kết luận.

[Âm nhạc nổi lên, rồi tắt.]

Phát thanh viên: Đây là bản tin đầu tiên trong loạt chương trình sẽ được phát thanh có tên gọi "Giờ điều đó có thể được nói ra". Qua những buổi phát thanh này các bạn sẽ hiểu được những sự thật về cuộc chiến tranh khủng khiếp này và những hậu quả mà cuộc chiến tranh đó gây ra.

Chương trình "Giờ điều đó có thể được nói ra" truyền đạt thông điệp mà Nhật Bản đã tiến hành cuộc chiến tranh gây hấn hơn là tự bảo vệ; những nhà lãnh đạo cuộc chiến tranh này đã lừa dối đất nước. Trái ngược hoàn toàn với với chương trình tuyên truyền quen thuộc thời chiến tranh về "Chiến tranh Đại Đông Á", chương trình này gây sự chú ý mạnh mẽ đối với thính giả Nhật, làm cho nhiều người tức điên lên. Hàng trăm lá thư đổ về trụ sở đài NHK phản đối thái độ gây hấn của chương trình và phong cách giáo điều được những phát thanh viên người Nhật chưa rõ danh tính thể hiện.

Những nhà chính trị xuất sắc của Nhật Bản cũng không thể nhìn nhận sự bại trận như là một sự gây hấn, vì thế họ lẽ ra họ nên bàn luận về trách nhiệm về sự khởi đầu và kết thúc nằm ở đâu. Họ có lẽ không thể đẩy toàn bộ trách nhiệm cho phe quân sự. Tuy vậy họ phải ngăn cản GHQ không chia rẽ phe quân sự với nhân dân, hoặc điều đó có thể sẽ ảnh hưởng

tảisáchhay

đến Hoàng đế. Kể từ buổi phát thanh phát lời tuyên bố đầu hàng của Hoàng đế, họ đã cố gắng chống lại thông tin của quân Đồng Minh về cuộc chiến bằng cách kiên trì tránh những vấn đề về giải trình trách nhiệm trong khi nhấn mạnh "sự xem xét độ lượng và lòng nhân từ của Hoàng đế đối với nhân dân". Thủ tướng Higashikuni phát biểu tại cuộc họp báo đầu tiên vào ngày 28 tháng 8:

Chúng ta đi đến kết cục này bởi vì những chính sách của chính phủ bị rạn nứt. Nhưng một nguyên nhân khác gây nên [sự thất bại] là sự suy tàn về ứng xử đạo đức của mọi người. Vì vậy vào thời điểm này tôi cảm thấy toàn bộ đất nước - lực lượng quân đội, các viên chức chính phủ và nhân dân - phải hết sức suy ngẫm và ăn năn. Sự ăn năn của toàn thể đất nước là bước đầu tiên trong việc xây dựng lại và là bước đầu tiên hướng đến sự đoàn kết quốc gia.

Sau đó, tại một cuộc họp báo vào ngày 4 tháng 9, Higashikuni đã nhắc lại thông điệp: sáng kiến của Hoàng đế đã kết thúc chiến tranh, sự ăn ăn của đất nước giờ đã được chuẩn bị và "việc bảo vệ chính thể đất nước" được kêu gọi. Cuộc chiến tranh kết thúc nhờ "sự nhân từ độ lượng của Đức Hoàng đế, người chỉ ra con đường tới hòa bình nhằm cứu nhân dân khỏi chịu đau khổ. Trước đây chúng ta chưa bao giờ cảm động sâu sắc về sự cảm thông của Đức Hoàng đế. Chúng ta thật sự hối tiếc đã gây cho Ngài nhiều lo lắng đến như vậy."

Lời yêu cầu khẩn thiết của Higashikuni đối với sự ăn năn đại chúng và sự đoàn kết đất nước đã gây ra những hệ quả khác nhau. Một số người Nhật ngay lập tức bị thuyết phục, nhưng sự phản ứng của đại đa số là bối rối hoặc giận dữ. Những giai đoạn kinh tế khó khăn, cộng với những trải nghiệm gần đây về sự bất bình đẳng trong việc đòi hỏi sự hy sinh của người dân trong cuộc chiến tranh, đã giảm bớt thông điệp của Higashikuni và góp phần tăng sự ngờ vực vào các nhà lãnh đạo đất nước. Sự thú nhận về nguyên nhân sự thất bại của Nhật Bản đã là một sự khác nhau một trời một vực giữa sức mạnh chiến tranh và sức mạnh quốc gia của nước Nhật so với những kẻ thù của mình, làm cho nhiều người nghĩ rằng những nhà lãnh đạo đã hành động một cách khinh suất trong việc tiến hành cuộc chiến tranh chống lại nước Mỹ và nước Anh.

Sau khi Higashikuni từ chức, Thủ tướng Shidehara đi xa hơn trong việc viết lại lịch sử. Ngày 5 tháng 5 năm 1945, nội các Shidehara thông qua một văn kiện về trách nhiệm chiến tranh mà rốt cuộc trở thành một mệnh đề chính trong quan điểm về chiến tranh của những nhà chính trị bảo thủ thời hậu chiến. Với nhan đề "Những vấn đề liên quan đến trách nhiệm chiến tranh và những vấn đề khác", bản văn kiện này chỉ ra những người bảo thủ tin tưởng rằng "Hoàng đế bị ép buộc lao vào cuộc chiến tranh Đại Đông Á bởi vì những hoàn cảnh xung quanh". Điều này có nghĩa sự tấn công bất ngờ vào người Mỹ và người Anh trong thời nội các Tōjō là hành động tự vệ. Bản văn kiện cũng khẳng định một cách sai lầm và chính thức rằng Hoàng đế đã luôn luôn là một người ủng hộ chủ nghĩa hợp hiến theo hòa bình, giữ kín những chi tiết có thật về cuộc tấn công vào Trân Châu cảng.

Nếu chương trình phát thanh của CIE "Lịch sử cuộc chiến tranh Thái Bình Dương" coi nhẹ cuộc chiến tranh của Nhật Bản chống lại nhân dân các nước châu Á thì văn kiện chính sách không trung thực của Shidehara đơn giản bỏ qua cuộc gây hấn của nước Nhật vào Trung

tảisáchhay

Quốc từ năm 1931, và vào vùng Đông Nam Á bắt đầu từ năm 1940. Đảo ngược nguyên nhân và kết quả, quyết định khôn ngoan ngày 5 tháng 11 về trách nhiệm chiến tranh bắt đầu sự bại trận từ sự khởi đầu bằng "cuộc bao vây của bốn nước", một thuật ngữ có nghĩa là lực lượng quân sự và áp lực về kinh tế mà Mỹ, Anh, Trung Quốc và Hà Lan đã gây ra cho Nhật Bản trong suốt giai đoạn cuối cùng trước khi cuộc gây hấn vào Trân Châu cảng xảy ra.

Cuối năm 1945, những tùy tùng của Hoàng đế và những thành viên của các nội các thời kỳ chiến tranh đang hành động một cách độc lập để bảo vệ Hirohito và *quốc thể*. Ví dụ như tờ *Asahi shinbun* đăng một loạt bài tường thuật về vai trò khác thường của Hirohito trong quá trình đầu hàng. Tác gải bài viết là Sakomizu và có tít bằng tiếng Nhật là "Trong thời khắc đầu hàng", loạt bài này được viết đồng thời với việc xuất bản loạt bài "Lịch sử cuộc chiến tranh Thái Bình Dương" của CIE, phản ánh sự thỏa thuận liên ứng cơ bản giữa GHQ và những nhà lãnh đạo "trung dung" Nhật về vấn đề bảo vệ Hoàng đế.

Vì vậy, trong việc bênh vực Hoàng đế, GHQ và những nhà lãnh đạo bảo thủ cũng đang đẩy mạnh lối giải thích của riêng họ về sự bại trận của Nhật Bản. GHQ thành công trong việc chỉ đặt những người theo chủ nghĩa quân phiệt mới là những kẻ xâm lược chứ không phải là Hoàng đế, người chỉ huy họ. Những nhà bảo thủ người Nhật không thể phủ nhận một cách công khai sự giải thích của người Mỹ về "Chiến tranh Thái Bình Dương". Tuy thế họ mong muốn ít nhất là giữ nguyên được lí do rằng cuộc chiến đã xảy ra là tự vệ, như trong lời công bố của Hoàng đế đã nói, và rằng Nhật Bản đã buộc phải dính líu vào cuộc chiến tranh. Rốt cuộc, cả hai phía đều thành công trong việc khắc sâu quan điểm của họ. Nhật Bản chưa bao giờ tự mình truy tìm tội ác chiến tranh với quan điểm tìm kiếm hình phạt dành cho những người đã phạm những tội ác đó và chính phủ Nhật chỉ bồi thường thiệt hại chiến tranh cho các chính phủ, không bao giờ cho các cá nhân.

V

Trong khi cuộc tranh đấu để định hình ý thức lịch sử chưa được mở ra, GHQ lại tiếp tục những cuộc bắt giữ những nghi phạm chiến tranh, mở rộng những cuộc điều tra kể cả Hoàng tộc, và tiếp tục chờ đợi những kế hoạch của chính phủ Nhật đối với việc sửa lại hiến pháp mà sẽ bắt đầu một kỷ nguyên mới về dân chủ. Những cuộc điều tra dư luận công chúng Nhật cho thấy một sự mong muốn mạnh mẽ về việc cần phải cải tổ chế độ quân chủ. Theo một trong số những cuộc điều tra như vậy, 15,9% "muốn chế độ thời trước chiến tranh được giữ nguyên"; 45,3 % muốn "trung tâm của đạo đức đứng ngoài chính trị; và 28,4% muốn một chế độ quân chủ kiểu Anh". Nhưng nội các Shidehara đang cố ý trì hoãn trong khi vạch ra một kế hoạch chỉ dành cho việc sửa đổi chiếu lệ hiến pháp thời Minh Trị hòng hầu như giữ nguyên được *quốc thể*. Theo dõi những sự biến chuyển này và mong muốn khuyến khích những nỗ lực "tự giác" của đại chúng có tổ chức, những nhà cải cách trong GHQ chuyển sự chú ý của họ sang "chế độ quân chủ".

Ngày 15 tháng 12 một chỉ thị của GHQ chấm dứt sự ủng hộ của nhà nước về những đền thờ Shinto (Thần xã) và xóa bỏ tín ngưỡng Shinto (Thần đạo) khỏi hệ thống giáo dục bằng việc cấm dạy những bài học về chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa dân tộc cực đoan có liên quan đến Shinto. Bản "Chỉ thị Shinto" đưa ra nguyên tắc về sự ngăn cách của nhà nước và tôn

tảisáchhay

giáo, do đó kết thúc một các có hiệu quả "sự hòa hợp về lễ nghi và chính trị" *(saisei itchi)* mà tất cả các chính phủ đã tự cho là tán thành kể từ thời kỳ đầu Minh Trị. Chỉ thị này cũng cấm việc sử dụng trong các tài liệu những thuật ngữ như là "Cuộc chiến tranh Đại Đông Á" và "tám góc thế giới dưới một mái nhà".

Ngày 1 tháng 1 năm 1946, báo chí Nhật đăng toàn bộ lời chúc mừng năm mới của Hoàng đế Hirohito gửi tới cả nước với tiêu đề chính thức "Huấn lệnh đẩy mạnh vận mệnh đất nước" nhưng thường được gọi là "Tuyên bố nhân gian" *(ningen sengen)*. Được diễn đạt bằng lối văn phong cổ ít người biết, bản tuyên bố trích dẫn hoàn toàn bản tuyên thệ năm điều của Hoàng đế Minh Trị, bắt đầu bằng: "Chúng ta phải quyết định tất cả các vấn đề của đất nước qua cách bàn luận công khai, sau khi các hội nghị được triệu tập ở khắp mọi nơi"; và kết thúc bằng: "Chúng ta phải tìm kiếm tri thức trên khắp thế giới và vì thế làm tăng cường những nền tảng cơ sở của đất nước này". Ẩn sâu dưới những ngôn từ đó là một sự phủ nhận rằng mối quan hệ của Hoàng đế với những thần dân của mình dựa trên "nhận thức sai" về ông như là "một vị thần sống" *(akisumikami).*

Được dự thảo trước đó tại GHQ, bản huấn lệnh đã được nội các Shidehara và triều đình dịch và sửa chữa. Quá trình sửa dịch-sửa chữa đã mô tả sinh động sự tác động lẫn nhau giữa triều đình, với ý định bảo vệ *quốc thể*, và những nhà hoạch định chính sách Mỹ, những người đầy mâu thuẫn về chế độ quân chủ nhưng tin tưởng rằng sự cải cách nền quân chủ đó là tốt nhất là đạt được một cách gián tiếp. Cả hai bên đều có ý định sử dụng bản huấn lệnh để mở ra một giai đoạn mới trong các chiến dịch của họ để khôi phục lại hình ảnh của Hirohito.

Nổi bật lên là sự thất bại của Hirohito trong việc phủ nhận dòng dõi danh tiếng của mình có nguồn gốc từ Nữ thần mặt Trời, Amaterasu Omikami. Để nhấn mạnh sự hợp nhất nền quân chủ và dân chủ từ thời Minh Trị, ông trích dẫn bản tuyên thệ mà Hoàng đế Minh Trị đã thề không phải với người dân Nhật mà với nữ thần Amaterasu Ōmikami. Bằng việc làm như vậy, ông đặt đằng sau đó một thông điệp rằng mối quan hệ của ông với nhân dân không dựa trên địa vị được cho là thần thánh của mình. Chắc chắn sự suy nghĩ của tập thể lãnh đạo Nhật, gồm cả Hoàng đế, đang thay đổi tại thời điểm này. Bằng việc đưa ra xem xét quan điểm cho rằng "niềm tin chung và tình cảm tôn kính" *(shin'ai to keiai)* giữa Hoàng đế và dân chúng là nền tảng của chế độ quân chủ, họ có thể làm giảm ý nghĩa, mà không từ chối dứt khóat, những huyền thoại tạo nên tín ngưỡng Shinto mà một số ít người Nhật vẫn còn tin tưởng trong chừng mực nào đó.

GHQ và những nhà báo phương Tây quyết định làm giảm tầm quan trọng căn bản nhất của bản huấn lệnh chúc mừng năm mới là tập trung vào sự liên tục về mặt chính trị và thay vào đó là đưa ra tầm quan trọng đối với việc bác bỏ chủ nghĩa sai lầm. Báo chí phương Tây đưa tin về bản huấn lệnh cũng phớt lờ những sai lầm của Hoàng đế liên quan đến học thuyết quyền lực tối cao bắt nguồn từ Nữ thần Mặt trời của ông, do đó địa vị thần thánh của ông là tối thượng. Việc bỏ sót của Hirohito không ngăn cản tờ *New York Times*, với vai trò là tờ báo hàng đầu, khỏi nói rằng bằng việc đưa ra bản huấn lệnh, Hoàng đế đã trở thành "một trong những nhà cải cách vĩ đại nhất trong lịch sử Nhật Bản". Họ cũng không ngăn cản tướng MacArthur tuyên bố mau lẹ rằng: "Lời tuyên bố của Hoàng đế nhân dịp năm mới làm tôi rất

tảisáchhay

hài lòng. Qua bản tuyên bố đó ông đóng vai trò quan trọng trong quá trình dân chủ hóa của dân chúng. Hành động của ông phản ánh ảnh hưởng mạnh mẽ của một tư tưởng đúng đắn. Một tư tưởng đúng đắn không gì có thể ngăn cản".

Điều MacArthur không thông báo cho công luận Mỹ và điều mà báo chí Mỹ cũng xem thường sự kết hợp sai của Hoàng đế Hirohito về quá khứ thời Minh Trị với chế độ dân chủ hậu chiến hiện tại. Trong thực tế Hoàng đế Minh Trị, mất từ năm 1912, là cha đẻ của chế độ chính trị sắp được sinh ra trong năm 1946. Sâu xa hơn trong lời tuyên bố kêu gọi giải phóng và tiến bộ mà MacArthur đưa ra, tuyên bố nhân gian là một sự nỗ lực nữa của Hirohito và những cố vấn của ông để hạn chế, chứ không phải dẫn dắt, "tiến trình dân chủ hóa của dân chúng", điều mà ông đã và đang làm trong trong suốt cuộc đời trưởng thành của mình.

Nỗ lực của Hirohito trong việc hợp nhất quan niệm dân chủ hóa với lịch sử Nhật Bản để tránh xung đột với quá khứ mà những kẻ thù của Nhật Bản đối với dân chủ hóa có thể nắm lấy và sau đó sử dụng để tranh luận rằng dân chủ hóa là một sự nhập khẩu ngoại lai, không quan trọng. Thay vào đó, "những gì trong quá khứ nên được ưu tiên áp dụng trong bối cảnh của 'Tuyên bố nhân văn' và tình hình chính trị hiện tại". Lực lượng cánh tả muốn lấy thời đại "dân chủ Đại Chính", thời kỳ hậu Chiến tranh Thế giới thứ Nhất làm nền tảng. Một số người thậm chí tìm kiếm kết nối khái niệm dân chủ với đức Phật Shinran ở thế kỷ 13. Hirohito thận trọng quan sát để giảm thiểu những khái niệm dân chủ cấp tiến hơn. Ba thập niên sau ông tiết lộ trong một bài phỏng vấn của báo chí rằng ông đã "chấp nhận dân chủ" không phải vì dân chúng có toàn quyền tối cao mà "bởi vì [dân chủ] là ý nguyện của Hoàng đế Minh Trị".

Những nhật báo hàng đầu ở Nhật Bản đưa bản huấn lệnh lên trang nhất và giới thiệu những phần đặc biệt nói về Hoàng tộc. Những tít báo chữ lớn chạy suốt trang nhất của tờ *Mainichi* công bố, CHÚNG TA ĐƯỢC BAN CHO BẢN HUẤN LỆNH NHÂN DỊP NĂM MỚI, BẰNG NIỀM TIN VÀ TÌNH CẢM, CHÚNG TA VÌ ĐẤT NƯỚC". Tờ *Asahi shinbun* đăng "những nhận xét kính cẩn" của thủ tướng Shidehara, được viết bằng một văn phong giản dị rằng:

Chúng ta thật sự cảm động trước những suy xét tốt lành của Hoàng đế. Mở đầu bản huấn lệnh đức Hoàng đế trích dẫn bản tuyên thệ gồm năm điều được công bố từ năm 1868, và dựa vào đó sự phát triển nền dân chủ trên đất nước chúng ta được thành lập. Mục đích của bản tuyên thệ đã dần trở nên rõ ràng: Đầu tiên là chỉ dụ của Hoàng đế năm 1881 để thành lập nội các; tiếp theo là việc công bố hiến pháp Minh Trị năm 1889; rồi đến sự pháp triển hoạt động chính trị tại nghị viện. Hoạt động chính trị tại nghị viện của chúng ta ban đầu đã dựa trên những nguyên tắc căn bản đó. Lời hứa đã được thực hiện và hoạt động chính trị tại nghị viện đã có thể phát triển một cách mạnh mẽ. Bất hạnh thay, trong những năm gần đây tiến trình này đã bị những lực lượng phản động đẩy lùi trở lại…. Mục đích nhân từ của Hoàng đế Minh Trị vĩ đại đã không còn được thấy nữa. Tuy nhiên, giờ đây chúng ta có một cơ hội mới để bắt đầu lại từ đầu…. Chúng ta sẽ xây dựng một đất nước mới hoàn toàn dân chủ, hòa bình và có lý trí. Do đó chúng ta phải làm cho đức Hoàng đế yên lòng.

Thủ tướng lựa chọn ngôn từ của ông ta một cách cẩn thận."Việc phát triển nền dân chủ ở đất nước chúng ta" tương phản nhưng hiệu quả giữa nền dân chủ quân chủ kiểu Nhật với

tảisáchhay

nền dân chủ kiểu Mỹ. Điều đó cũng làm cho việc chấp nhận nền dân chủ thành vấn đề tôn trọng "ước muốn của Hoàng đế" thay vì ước nguyện của dân chúng. Bằng cách này, Hirohito và Shidehara đã gián tiếp thử phản ứng của MacArthur, người đã hy vọng biến năm 1945 năm của những sự thay đổi quyết định trong văn hóa chính trị của Nhật Bản.

Tuy nhiên, con đường mới giờ đây mở ra cho người Nhật một quan niệm mới trong mối quan hệ của họ với Nhật hoàng. Bản huấn lệnh nhân dịp năm mới tạo ra một tác động sâu sắc và góp phần tái tạo hình ảnh của Hoàng đế. Bằng việc nhấn mạnh những phẩm chất của ông như là một con người và khẳng định rằng nền tảng của mối quan hệ giữa ông với dân chúng luôn luôn là một sự tin tưởng và yêu mến, trên thực tế, Hoàng đế đã mở đầu "sự quý mến" của chính ông. Thật thú vị, bài báo của tờ Asahi đăng bản huấn lệnh nhân dịp năm mới và những bình luận của thủ tướng cũng đề cao bài phỏng vấn của Hoàng thân Takamatsu, Hoàng đệ của Hirohito, mà những đoạn cụ thể có liên quan minh họa tính cách của Hoàng đế và chứa đựng những chủ đề sẽ hiện ra trong việc thể hiện mới của ông trong vài năm tiếp theo.

Những cuốn sách và bài báo nổi tiếng tiếp sau trong suốt thời kỳ 1946-1947 cung cấp cho công luận Nhật điều đã bị "giới quân sự" và những loại người xấu xa khác xung quanh ngai vàng ngăn cản: một cái nhìn toàn cảnh về cuộc sống riêng của vị "Hoàng đế con người" và gia đình của ông. Những bài viết này và những hình ảnh minh họa in kèm mô tả điển hình Hoàng đế như là một nhà khoa học tự nhiên kiệt xuất, một "hiền nhân", một "nhân cách vĩ đại" và trên hết là một "trí thức có văn hóa uyên thâm và yêu hòa bình" người "luôn luôn cùng với nhân dân".

Những tác giả uyên thâm cũng tham gia vào chiến dịch vì "biểu tượng" Hoàng đế mới. Ngay sau khi Hirohito đã từ bỏ nguồn gốc thần thánh của mình, một bài viết của nhà sử học Tsuda Sōkichi đăng trên số tháng 4 năm 1946 của tập san trí thức mới thời hậu chiến *Sekai* và nhanh chóng nhận biết như là lời bảo vệ đầy đủ đầu tiên của nền quân chủ mới. Tsuda tranh luận rằng các Hoàng đế tương hợp với nền dân chủ, và rằng qua hầu hết các triều đại ghi trong lịch sử, quyền lực đã luôn được phân chia giữa Hoàng đế và giai cấp lãnh đạo. Theo quan điểm của ông ta, nhà nước và dân chúng đã được hợp nhất lại từ thời kỳ rất sơ khai của lịch sử Nhật Bản, hoặc, như ông ta đưa ra, "Hoàng tộc Nhật Bản được sinh ra từ trong lòng người dân Nhật và thống nhất họ lại". Sự hợp nhất về Hoàng gia-chính quyền-đất nước của Tsuda là một sự biểu lộ của chủ nghĩa dân tộc lãng mạn thu hút một cách thú vị sự nhạy cảm của tầng lớp chính trị gia trong bối cảnh hậu quả của sự thất trận. Yoshida Shigeru lặp lại quan điểm của Tsuda khi ông ta khẳng định trong hồi ký của mình: "Theo những khái niệm về lịch sử và tinh thần truyền thống của chúng ta từ thời xa xưa, Hoàng tộc là tổ tiên của chủng tộc chúng ta".

Tsuda tiếp tục tranh luận rằng "đại đa số dân chúng" chủ yếu đổ lỗi cho việc đã dẫn dắt Nhật Bản đi chệch hướng. Trong khi đó Hoàng tộc "luôn luôn tự điều tiết để thay đổi và chấp nhận đối với nền chính trị của từng thời kỳ" thì dân chúng lại không làm như vậy; họ "tin tưởng vào những nhà lãnh đạo rốt cục đưa đất nước đến tình trạng khó khăn hiện nay" và họ nên "chấp nhận trách nhiệm cho điều đó" hơn là đổ lỗi cho Hoàng đế Shōwa (Chiêu Hoà). Ông ta kết thúc bài viết của mình bằng một lời hô hào hãy "yêu thương" và "ôm chặt"

tảisáchhay

Hoàng tộc và hãy đem tình yêu của họ làm cho Hoàng tộc trở thành "đẹp đẽ, an toàn và mãi mãi". Bởi vì "tình yêu là hình thái trọn vẹn nhất của nền dân chủ".

Bài viết được đọc và tranh luận rộng rãi của Tsuda làm thức tỉnh dân chúng về cuộc tranh luận của thủ tướng Higashikuni trong "việc ăn năn của một trăm triệu lần" đối với sự bại trận của Nhật Bản. Bài luận chiến của ông ta về lòng yêu kính đơn phương đối với Hoàng đế cũng nhắc nhở những độc giả rằng thuật ngữ nền quân chủ Nhật Bản thật phong phú với những khái niệm và cụm từ có thể dễ dàng phù hợp với một "đất nước văn hóa" phi quân sự và hòa bình. Rất nhiều những tranh luận của Tsuda trở thành cột trụ của tính thống nhất thời hậu chiến liên quan đến ngai vàng. Những người bảo vệ Hoàng tộc nói chung đồng ý với ông ta rằng "tình yêu" cực điểm, hướng tới Hoàng đế, là chìa khóa để cứu "Hoàng đế của chúng ta". Nhưng đối với những người chỉ trích thể chế quân chủ vấn đề , sự đồng ý đối với Hoàng tộc có thể gọi là "nhân đạo", làm cho dân chúng Nhật thấy khó khăn trong việc yêu kính vị Hoàng đế "trong giới hạn phép lịch sự [chỉ là] của con người".

Để kiểm soát được sự xung đột giữa những người bảo vệ nền quân chủ và những người chỉ trích-những người thông cảm với Hoàng đế và những người thấy Hoàng đế đáng ghét - câu trả lời của Tsuda đối với bản tuyên bố nhân gian nên được cân bằng với câu trả lời của tờ *Shinsō*, tờ tạp chí cánh tả khá nổi tiếng xuất hiện lần đầu tiên vào ngày 1 tháng Ba năm 1946. Bản "tuyên bố về mục đích" của tạp chí này khá thu hút được tinh thần thiếu sự tôn kính đối với ngai vàng:

"Ảnh hưởng dân chúng nhưng không thông báo cho họ biết" là lệnh huấn thị chính trị của chính trị gia vĩ đại có tư tưởng phong kiến Tokugawa Ieyasu. Kể từ thời Minh Trị, từ bản tuyên thệ năm điểm, chính quyền của Hoàng đế đã có ý định tiến hành dân chủ. Nhưng tất cả chúng ta biết rằng trong gần tám mươi năm, cho tới thời điểm tuyên bố đầu hàng không điều kiện vào mùa hè năm ngoái, chính quyền của Hoàng đế theo đuổi lệnh huấn thị của Ieyasu, và đã làm cho dân chúng trở nên ngu dốt.

Nhấn mạnh sự cần thiết phải "giải phóng dân chúng khỏi tư tưởng chính trị phong kiến này", bài tiểu luận biểu lộ một mong ước "vạch trần mọi sự dối trá từ thời cổ xưa cho tới ngày nay" và kiểm tra "bản chất chân thực của chính phủ dưới thể chế quân chủ" để quyết định liệu Nhật Bản đã thật sự tiến hành một "cuộc chiến tranh thần thánh". "Từ quan điểm như vậy, đặt quan điểm của chúng ta trên thực tế chứ không phải những lý do, chúng ta phải nghiên cứu một cách triệt để chế độ quân chủ *[tennōsei]* và cấu trúc của chủ nghĩa tư bản với quan điểm đóng góp đối với nền giáo dục dân chủ của các công dân Nhật chúng ta."

Một trong những đóng góp của tờ *Shinsō* để hủy hoại sự sùng kính Hoàng đế là cột tranh biếm họa coi vị Hoàng đế Shōwa luôn biến ảo như là người làm trò cười - một nạn nhân khôi hài của những người lính canh cung điện của ông, của những chính trị gia trong nghị viện và thậm chí của quảng đại quần chúng. Trò khôi hài của tờ *Shinsō* về vị Hoàng đế "vĩ đại" và "nhân đạo" làm nổi lên những tranh cãi trong những năm bị chiếm đóng: những lời kêu gọi Hoàng đế thoái vị, hiện tượng những người đòi hỏi không chính đáng đối với ngôi vua (ví dụ như ông chủ cửa hàng năm-mươi-sáu-tuổi Kumazawa Hiromichi, người mà báo chí đề cập đến như là "Hoàng đế Kumazawa"), chân dung Hoàng đế và những cuộc thăm

tảisáchhay

viếng của Hoàng đế, mà tờ *Shinsō* giễu cợt bằng cách vẽ Hoàng đế trong một bức tranh như là một "thủ trưởng mới". Trớ trêu thay, mặc cho mục đích hạ bệ của họ, những sự bất kính này, những sự miêu tả của phái tả về vị Hoàng đế "nhân đạo", trong áo choàng dài hay bộ com lê thương gia, một cách không chủ tâm lại tăng cường vị thế của chính phủ rằng Hoàng đế đã luôn luôn là một vị vua bình thường chứ không bao giờ là người tự ra các quyết định quan trọng cả.

VI

Không lâu sau bản tuyên bố nhân gian, một chỉ thị từ Washington về việc dự thảo bản hiến pháp Nhật Bản đã yêu cầu tướng MacArthur cổ vũ việc hủy bỏ bản "hiến pháp Hoàng đế" hoặc cải cách "với đường lối dân chủ hơn". MacArthur giờ đây bị buộc phải xác định rõ trách nhiệm của Hirohito đối với việc ra lệnh tấn công vào Trân Châu cảng đồng thời phải chấm dứt địa vị nhập nhằng của vị Hoàng đế. Ngày 25 tháng 1 năm 1946, ông ta gửi một bức điện tín "mật" cho đại tướng Dwight D. Eisenhower, lúc đó là Tham mưu trưởng Lục quân Hoa Kỳ, nói rõ niềm tin của mình vào sự vô tội tuyệt đối của Hoàng đế. Bức điện tín của MacArthur, được dựa trên bức thư báo mà đại tướng Fellers "chuyên gia" về Nhật Bản gửi tới cho ông ta ba tháng trước đó, quả quyết rằng:

Không phát hiện được một bằng chứng xác thực và cụ thể nào liên quan đến những hành động chính xác của [Hoàng đế] có thể kết nối ông ta dưới nhiều mức độ khác nhau với những quyết định chính trị của đế quốc Nhật Bản trong suốt thập niên vừa qua. Tôi đã có ấn tượng rõ ràng từ ngay khi hoàn thành việc điều tra rằng sự liên quan của ông ta với những vấn đề của đất nước cho tới thời điểm kết thúc cuộc chiến tranh chủ yếu là sự thi hành luật pháp và phản ứng một cách máy móc đối với lời khuyên của các thành viên hội đồng của ông ta…

Không một tài liệu chính thức nào của phía Mỹ cho đến lúc này được tìm thấy đã chỉ ra rằng MacArthur hay nhân viên dưới quyền của ông ta điều tra Hoàng đế về tội ác chiến tranh. Điều mà họ điều tra là những biện pháp bảo vệ Hirohito tránh khỏi phiên tòa xử tội ác chiến tranh. Ngay đầu tháng 10 năm 1945, trong một bản thư báo tóm tắt định gửi cho MacArthur, thiếu tá John E. Anderton đã trình bày những yếu tố chủ chốt cho một lời biện hộ: "vì lợi ích của việc chiếm đóng hòa bình và sự phục hồi của Nhật Bản, ngăn ngừa cuộc cách mạng và chủ nghĩa cộng sản, tất cả sự kiện xung quanh việc thực hiện lời tuyên bố chiến tranh và địa vị xảy ra sau đó của Hoàng đế mà có xu hướng chỉ rõ sự lừa gạt, mối đe dọa hay sự cưỡng ép đều phải được sắp xếp theo thứ tự". Và "nếu những sự kiện này đủ để củng cố cho một sự biện hộ vững chắc ngoại trừ mộ sự nghi ngờ hợp lý, [nên] tiến hành hành động tích cực để ngăn chặn sự buộc tội và khởi tố Hoàng đế như là một tội phạm chiến tranh".

Mưu toan gây bất ngờ đối với chính quyền Truman, MacArthur kết thúc bức điện tín của mình gửi cho Eisenhower bằng cách phỏng đoán những hậu quả kinh khủng nếu vị Hoàng đế bị đưa ra tòa xử như là một tội phạm chiến tranh:

Sự buộc tội ông ta chắc chắn sẽ gây ra một sự rối loạn khủng khiếp trong dân chúng Nhật, những tác động trở lại đối với việc làm đó không thể đánh giá quá cao. Ông ta là một biểu

tảisáchhay

tượng đoàn kết tất cả người Nhật. Tiêu diệt ông ta và nước Nhật sẽ tan rã…. Có thể sẽ phải cần tới một triệu quân và sẽ phải hiện diện trong một thời hạn không hạn định.

Ngày 29 tháng 1, MacArthur gặp gỡ một bộ phận của Ủy ban Viễn đông mới được thành lập tại văn phòng của ông ta tại Tokyo để trả lời những câu hỏi liên quan đến địa vị của Hoàng đế. Sau đó ngày 1 tháng 2, tờ *Mainichi shinbun* đăng tải bản dự thảo hiến pháp của chính phủ Nhật, dưới sức ép từ GHQ, được Bộ trưởng Matsumoto Jōji và ủy ban của ông ta soạn thảo. Một bản dịch tiếng Anh của bản dự thảo hiến pháp này tới tay MacArthur ngay trong ngày hôm đó. Nhận thấy bản dự thảo hiến pháp đó giữ nguyên địa vị của Hoàng đế, ông ta kết luận một cách đúng đắn rằng nội các Shidehara không đủ khả năng viết một bản hiến pháp dân chủ. Trừ phi chính bản thân ông ta hành động một cách mau lẹ, trước buổi họp chính thức đầu tiên của Ủy ban Viễn Đông (được lên lịch vào ngày 26 tháng 2), nếu không thế chủ động về việc sửa lại hiến pháp có thể biến mất khỏi tay ông ta và việc duy trì nền quân chủ có thể gặp nguy hiểm bởi các nước thù địch đối với ngai vàng của Nhật Bản.

Vị tướng gặp phải tình huống khó khăn khi chỉ giao cho chính quyền GHQ, đứng đầu là đại tướng Courtney Whitney, có một tuần (ngày 3 đến ngày 10 tháng 2) để hoàn tất bản dự thảo mới cho hiến pháp Nhật Bản. Những người dự thảo bản hiến pháp bắt đầu lao vào làm việc với quyết tâm ngăn cản Nhật Bản trở thành một mối đe dọa quân sự đối với Hoa Kỳ. Họ đầu tiên tập trung vào việc cải cách chế độ quân chủ. Hoàng đế, bị tách ra khỏi thực quyền về chính trị, và chỉ trở thành (và được xác định như) một "biểu tượng" của sự đoàn kết. Người ta biến ông thành một "biểu tượng"để ông hay thể chế của ông sẽ không bao giờ có thể trở thành công cụ hồi sinh của chủ nghĩa quân phiệt. Nhưng bản dự thảo cho phép Hoàng đế được thể hiện một số "hoạt động trong các vấn đề của đất nước" theo danh nghĩa Hoàng đế "dựa trên lời khuyên và sự phê chuẩn của nội các".

Tiếp đó, các lực lượng quân đội đế quốc bị loại trừ bằng việc cho vào hiến pháp một điều - Điều 9 nổi tiếng - phản đối chiến tranh:

Mong muốn một cách chân thành một nền hòa bình quốc tế dựa trên công bằng và trật tự, nhân dân Nhật Bản mãi mãi phản đối chiến tranh như là quyền tối cao của đất nước và sự đe dọa hoặc sử dụng sức mạnh như là một phương tiện tạo nên những xung đột quốc tế.

Để đạt tới mục đích của đoạn văn trên, các lực lượng không quân, Hải quân và Lục quân cũng như tiềm lực chiến tranh khác sẽ không bao giờ được duy trì. Quyền tham chiến của đất nước sẽ không được thừa nhận.

Nhờ có những nhà soạn thảo người Mỹ, sự bảo đảm về các quyền tự do của công dân được ghi thẳng vào trong bản hiến pháp; phụ nữ có quyền đi bầu cử. Cách làm việc của đất nước Nhật Bản được phục hồi một phần hình dạng. Bản dự thảo về lý thuyết làm suy yếu quyền lực của các quan chức nhà nước, tăng quyền lực của nghị viện và nâng cao quyền lực của bộ máy tư pháp. Kết quả cuối cùng cho phép Nhật Bản duy trì nền quân chủ của mình và chuyển giao quyền lực chính trị về cho nghị viện và chính phủ.

Bản hiến pháp mẫu được dự thảo và được cả lưỡng viện quốc hội thảo luận kỹ vào một thời điểm khủng hoảng nhất trong lịch sử thời hậu chiến. Sức mạnh của thường dân để hành

tảisáchhay

động từ dưới để nhận ra những khát vọng của họ vẫn còn yếu. Chẳng có phong trào chống chiến tranh nào ở trong nước trong suốt cả năm 1945, duy nhất chỉ có phong trào của những người cộng sản có thể đứng vững được. Tuy vậy không khí thần bí của nền quân chủ đã bị suy giảm. Nhiều người không còn đề cao Hoàng đế nữa. Tình cảm chống đối Hoàng đế của cánh tả không còn bị ngăn cản. Thậm chí những người cộng sản còn xác định những người Mỹ như là "đội quân giải phóng". Dư luận công chúng quan trọng nhất đang chuyển đổi một cách nhanh chóng, những người ủng hộ chủ nghĩa quân phiệt cực đoan trước kia chỉ qua một đêm đã trở thành "những nhà dân chủ" nhiệt thành.

Tuy nhiên, hầu hết những chính trị gia Nhật, ngoại trừ đáng kể những người cộng sản và một số người đả phá những tín ngưỡng lâu đời, vẫn tôn kính chế độ quân chủ. Thái độ bảo vệ giá trị cổ xưa của họ là xung đột căn bản với tinh thần dân chủ của bản dự thảo hiến pháp của người Mỹ. Mối quan tâm chính của hầu như tất cả các chính trị gia, những người bảo thủ, những nhà hoạt động xã hội và những người theo chủ nghĩa tự do đều là gìn giữ *quốc thể*. Theo quan điểm của họ cần có một vị Hoàng đế được trao quyền chính trị hợp pháp để điều hành đất nước trong bối cảnh đang khủng hoảng trong nước. Việc sửa lại phần không quan trọng có thể là cần thiết để ngăn chặn dư luận dân chúng không bị ngả theo việc đòi bãi bỏ nền quân chủ. Một số quyền lực của Hoàng đế có thể bị hủy bỏ nhưng không phải là tất cả; ít nhất ông nên trở thành "chỉ là một sự trang trí".

Vào thời điểm quyết định đó Hirohito không thể thăm dò được những khát vọng của những thần dân của mình đối với sự cải cách căn bản của xã hội. Ngày 12 tháng 2, ông nói với Kinoshita rằng "Matsumoto dường như muốn quyết định việc sửa đổi hiến pháp khi ông ta vẫn còn tại vị. Ta nghĩ rằng ta sẽ đề cập chuyện này với Shidehara. Không cần phải vội vã. Đơn giản hãy chỉ ra mong muốn cần sửa đổi là đủ".

Khi Bộ trưởng Ngoại giao Yoshida và Bộ trưởng Matsumoto nhận bản dự thảo hiến pháp mẫu của người Mỹ tại Bộ Ngoại giao vào ngày 13 tháng 2, họ đã bị sốc. Tận tâm gìn giữ *quốc thể* theo hiến pháp Minh Trị, họ tin rằng họ sẽ không thể lợi dụng một vị Hoàng đế trừ phi chính ông ta được phép trị vì và cai trị, kết hợp giữa quyền lực với quyền hạn. Trong vài tuần tiếp sau, hầu hết các thành viên nội các Shidehara thay đổi về điểm quan trọng này. Bản dự thảo tiến bộ của người Mỹ ít nhất giữ lại nguyên tắc cha truyền con nối và đảm bảo việc tiếp tục duy trì ngôi vua. Trong thời điểm này khủng hoảng của nền quân chủ, chỉ duy nhất Hoàng đế Hirohito lại chần chừ.

Nhật ký của Ashida Hitoshi, một người bảo thủ ôn hòa làm Bộ trưởng Bộ Phúc lợi xã hội của nội các Shidehara và là chủ tịch một tiểu ủy ban quan trọng tại hạ viện về sửa đổi hiến pháp, hé lộ rằng vào ngày thứ hai của cuộc bàn cãi trong nội các về bản dự thảo của người Mỹ, ngày 22 tháng 2, Shidehara thông báo trong chuyến thăm tới GHQ ngày hôm trước rằng: "MacArthur, như thường lệ, bắt đầu bài diễn văn. 'Từ đáy lòng mình tôi làm vì sự tốt đẹp cho Nhật Bản. Kể từ khi tôi tiếp kiến Hoàng đế, tôi đã nhủ lòng mình rằng tôi phải đảm bảo sự an toàn của ông ấy với bất cứ giá nào'". Tuy nhiên, vị tư lệnh tiếp tục cảnh báo về những cuộc bàn cãi "không dễ chịu" đối với Nhật Bản tại Ủy ban Viễn Đông ở Washington và việc không chắc chắn về nhiệm kỳ của chính ông ta.

tảisáchhay

Các thành viên nội các Shidehara không hài lòng với "nền quân chủ mang tính biểu tượng" và sự từ bỏ chiến tranh như là một quyền có chủ quyền của đất nước. Tuy nhiên, Ashida chỉ ra rằng "quan điểm về những tranh chấp quốc tế nên được giải quyết bằng điều đình và hòa giải mà không cần đến lực lượng quân sự như là một chính sách đã được chính quyền của chúng ta chấp nhận theo Hiệp ước Kellogg-Briand và Hiệp ước [của Hội Quốc liên]. Chắc chắn đó không phải là mới mẻ". Rõ ràng Ashida không nghĩ từ bỏ chiến tranh sẽ gây tổn hại cho quyền tự vệ vốn có của Nhật Bản hoặc ông ta không hình dung rằng việc soạn thành luật trong điều 9 của hiến pháp sẽ trở thành một điểm tranh cãi dữ dội trong thời kỳ hậu chiếm đóng. Điều mà Ashida và những thành viên khác chính phủ lo lắng là việc mất quyền lực chính trị của Hoàng đế.

Mong muốn tránh được một sự tranh chấp vô vọng với MacArthur, Shidehara và nội các của ông ta gần như chắc chắn chấp nhận bản mẫu của người Mỹ trước khi Hoàng đế cho phép. Bằng chứng này ám chỉ rằng Hirohito đã không đồng ý.Trong khi ông lần lữa, sức ép đối với việc thoái vị của ông ngày càng tăng. Ngày 27 tháng 2, Hoàng đệ út của Hirohito, Hoàng thân Mikasa ba-mươi-mốt-tuổi, đứng trước Hội đồng Cơ mật và gián tiếp thúc giục ông từ chức và chịu trách nhiệm đối với sự bại trận của Nhật Bản. Ashida tham dự cuộc họp đó cùng với Hoàng đế và các thành viên Hoàng tộc và ghi lại lời Mikasa như sau:

"Rất nhiều tranh cãi đang xảy ra liên quan đến Hoàng đế hiện tại cũng như Hoàng tộc. Tôi sợ chúng ta sau này sẽ hối tiếc nếu như chính quyền thất bại trong việc thực hiện hành động táo bạo ngay lập tức." Hàm ý của ông ấy là điều gì đó cực kỳ đáng tiếc nếu [chính quyền], bị ảnh hưởng bởi lối suy nghĩ cũ chi phối, tiến hành những biện pháp không thỏa đáng. Mọi người dường như suy nghĩ về những lời nói [của Mikasa]. Chưa bao giờ tôi thấy mặt Đức Hoàng đế tái nhợt đi như vậy.

Hơn nữa, cùng ngày hôm đó, tờ *Yomiuri-Hōchi* đăng một câu chuyện trên trang nhất về "việc thoái vị" của Hoàng đế, dựa trên cuộc phỏng vấn của phóng viên hãng AP Russell Brines với thủ tướng Higashikuni. Bài báo quả quyết rằng nhiều thành viên Hoàng tộc tán thành việc Hoàng đế từ chức để không phải thừa nhận về trách nhiệm lương tâm đối với cuộc chiến tranh. Bài báo ám chỉ rằng Hoàng đế bị cô lập. Duy chỉ có bộ trưởng nội vụ Hoàng gia và thủ tướng phản đối việc thoái vị. Một bài báo tương tự, dựa trên một cuộc phỏng vấn khác với cựu thủ tướng Hoàng thân Higashikuni, xuất hiện trên tờ New York Times hôm mồng 4 tháng Ba và ngụ ý rằng Hoàng thân Takamatsu, người đứng hàng thừa kế ngai vàng thứ hai, có thể sẽ phụng sự như là nhiếp chính cho đến khi thái tử Akihito trưởng thành. Thực tế, sức ép thoái vị đến từ Hoàng thân Higashikuni và những Hoàng đệ của Hoàng đế chắc chắn đã giúp Hirohito chiến thắng sự miễn cưỡng phải chấp nhận bản dự thảo của MacArthur. Sự kình địch của các anh em ruột trong Hoàng tộc, bị những kẻ quân phiệt lợi dụng trong suốt những năm 1930, giờ đây giúp ích cho việc cải cách hiến pháp của MacArthur.

Ngày 5 tháng 3, Shidehara đến gặp Hoàng đế đem theo bản dự thảo hiến pháp của MacArthur và một một bản dự thảo của thông điệp Hoàng gia tuyên bố Hoàng đế mong ước rằng hiến pháp được sửa đổi một cách mạnh mẽ. Nếu như Hirohito muốn duy trì mối quan hệ đối tác bất bình đẳng với MacArthur để có thể bảo vệ ông, đây chính là thời điểm để

tảisáchhay

hành động một cách dứt khóat. Như Kinoshita ghi lại trong nhật ký của ông ta, "lý do đối với một sự vội vàng lớn" về việc sửa đổi hiến pháp "là bài viết gần đây [ngày 27 tháng 2] của tờ Yomiuri mà trong bài báo đó Hoàng thân Higashikuni thảo luận vấn đề thoái vị của Hoàng đế với một nhà báo nước ngoài.... Ban đầu, M [MacArthur] đồng ý rằng bản dự thảo của Matsumoto có thể chuyển tới ông ta vào ngày 11 [tháng 3]. [Giờ đây] họ không thể đợi [lâu như vậy]".

Ngày hôm sau dân chúng Nhật đọc trên báo một bản đề cương về dự thảo hiến pháp của chính quyền Nhật Bản. Họ biết rằng chủ quyền sẽ đặt vào chính họ chứ không phụ thuộc vào ước nguyện của Hoàng đế và rằng Nhật Bản từ nay về sau sẽ từ bỏ chiến tranh. Ngày 9 tháng 3, tờ *Mainichi shinbun* đăng quan điểm của giới học giả theo chủ nghĩa tự do về luật quốc tế Yokota Kisaburō. Đã xem trước bản dự thảo hiến pháp được các nhân viên GHQ soạn thảo, Yokota giờ đây cho rằng điều khoản từ bỏ chiến tranh là tương đương với bản Hiệp ước Kellogg-Briand và rằng không thể không sử dụng lực lượng quân sự để tự phòng vệ hoặc "trong những trường hợp liên quan đến việc hợp tác quốc tế".

Quốc hội tranh luận và việc sửa đổi hiến pháp diễn ra từ tháng 4 đến tháng 8 năm 1946. Không có một bằng chứng nào chứng tỏ các thành viên của tiểu ủy ban hiến pháp quan trọng nhất trong Hạ viện, đứng đầu là Ashida, chấp nhận sự giải thích của Yokota rằng khả năng sử dụng lực lượng quân sự để tự phòng vệ và vì an ninh quốc tế là cố hữu như trong điều 9. Sự nhất trí rộng rãi là sự phủ nhận hoàn toàn và tuyệt đối về lực lượng quân đội với dư luận công chúng tại thời điểm này.

Bản hiến pháp mới của Nhật Bản được công bố tám tháng sau khi Hirohito chấp nhận bản dự thảo của MacArthur và có hiệu lực trong năm kế tiếp, ngày 3 tháng 5 năm 1947. Vào lúc đó, Bộ Nội vụ Hoàng gia đã trở thành Văn phòng Nội vụ Hoàng gia *(Kunaifu*), và số lượng nhân viên của bộ này đã được giảm mạnh. Giới quý tộc đã bị bãi bỏ. Ngân khố quốc gia đã quản lý ngân sách của Văn phòng Nội vụ Hoàng gia và nhà nước đã nắm quyền sở hữu những bảo tàng của Hoàng gia mà giờ đây trở thành những bảo tàng quốc gia.

Hầu hết ở các cơ quan địa phương, những thói quen cùng quyền lực của nền quân chủ cuối cùng cũng nhanh chóng bị xóa bỏ. Bị MacArthur và Shidehara gây sức ép, bị đe dọa từ cuộc nói chuyện về việc thoái vị với các Hoàng đệ và Hoàng thúc của mình và lo sợ cho phiên tòa Tokyo xử những tội phạm chiến tranh, Hirohito chống cự được hai tuần rồi quy phục. Thất vọng ông nói với Shidehara: "Vấn đề đã đi quá xa, không thể cứu vãn được nữa". Đó chính xác là sự nhận xét ông đã đưa ra tại mỗi một thời điểm quyết định của triều đại của ông: từ sự đồng ý của ông đối với việc ném bom ở Cẩm Châu tại nam Mãn Châu vào tháng 10 năm 1931 và sự Hội Quốc Liên quân sự với Hitler và Musolini vào tháng 9 năm 1940, đến sự chấp thuận của ông về vụ tấn công Trân Châu cảng vào tháng 12 năm 1941.

Yoshida Shigeru sau đó quả quyết trong cuốn hồi ký của mình rằng chính Hoàng đế đưa ra "quyết định thiêng liêng" chấp nhận bản dự thảo của MacArthur. Bởi vậy nội các chia rẽ của thủ tướng Shidehara thay đổi theo chiều hướng tích cực và đồng ý với bản dự thảo đó. Tác giả người Mỹ của chương về "Hiến pháp mới của Nhật Bản" trong lịch sử chính thức của GHQ trong thời gian chiếm đóng cũng cho rằng Hoàng đế là một người ủng hộ nồng nhiệt

tảisáchhay

đối với bản dự thảo hiến pháp của MacArthur và rằng ông truyền sự nhiệt thành của mình tới Shidehara, Yoshida và chánh văn phòng chính phủ Narahashi Wataru trong suốt cuộc tiếp kiến vào ngày 22 tháng 2 năm 1946.

Nhà sử học Watanabe Osamu, tuy nhiên, lại tiết lộ bằng cách nào lời giải thích những sự kiện của người Mỹ dựa trên cuộc tiếp kiến của Narahashi với Hoàng đế. Trên thực tế, không có cuộc tiếp kiến nào trong suốt quá trình chuẩn y manh tính quyết định của Hoàng đế vào ngày 22 tháng 2 cả. Ashida không ghi lại một cuộc gặp như vậy trong nhật ký của ông ta và chính bản thân Yoshida chối bỏ đã có cuộc yết kiến Hoàng đế trong ngày hôm đó. Nhiều năm sau, Yoshida tự đưa ra lời giải thích của bản thân về vai trò của Hoàng đế trong việc tăng cường sự chấp nhận của Nhật Bản đối với bản hiến pháp mới tại thời điểm đang chịu đựng sự tấn công từ những cựu nghi phạm chiến tranh loại A và những chính trị gia đã từng bị trừng trị, rồi được xin lỗi. Vào khoảng giữa những năm 1950, những chính trị gia (hợp sức với Hatoyama Ichirō của Đảng Dân chủ) đã trở thành những nhà bảo thủ chủ đạo trong quốc hội và dẫn dắt một đợt vận động sửa chữa hiến pháp một cách triệt để. Trong một cuộc phỏng vấn được ghi âm không chính thức vào năm 1955 với Kanamori Tokujirō, cựu bộ trưởng trong suốt nội các lần thứ nhất của mình, Yoshida chỉ ra rằng Hoàng đế không phải là người ủng hộ nồng nhiệt bản hiến pháp mà lại ngăn cản ông trước bất kỳ vai trò chính trị nào. Đề cập đến cuộc yết kiến của Shidehara vào ngày 5 tháng Ba năm 1946, Yoshida nói với Kanamori rằng Hoàng đế Hirohito chỉ nói rằng (đề cập đến mất mát của ông về tất cả các trách nhiệm chính trị) "một cái gì đó với hàm ý là 'hãy cho đi'".

Vì vậy, khi thời khắc lập hiến đến, Hirohito phê chuẩn cải cách tỏ ra tiến bộ nhất được đệ trình tới ông. Bằng việc tự đồng ý trở thành một biểu tượng của đất nước được quả quyết có nguồn gốc từ chủng tộc Yamato "thuần nhất" và cũng là một biểu tượng - không còn là người nắm giữ - chủ quyền. Sau khi kiên trì bám vào quốc thể lâu hơn bất kỳ ai khác, ông cuối cùng hành động vì sợ hãi, tại thời điểm ông cảm thấy cả thế giới chống lại ông: nỗi lo sợ ông sẽ bị ép thoái vị và hơn tất cả nỗi lo sợ rằng với sự thảo luận công khai kéo dài về sự lưỡng lự của ông sẽ dẫn tới một cuộc tranh cãi không kiểm soát được về chủ nghĩa cộng hoà, điều có thể chấm dứt chế độ quân chủ. Về sau, trong phần đời còn lại của mình, ông tiếp tục xung đột với địa vị mang tính biểu tượng của mình, về mặt tâm lý ông không thể thích hợp với điều đó được.

Chương Một, điều 1 của bản dự thảo cuối cùng của người Nhật về bản hiến pháp mới xác định lại Hoàng đế như là "biểu tượng của đất nước và của sự đoàn kết của đất nước, xuất phát từ địa vị của ông từ nguyện vọng của đất nước với người có quyền tối cao." Trong suốt những cuộc bàn cãi sau đó của nghị viện Hoàng gia thứ 99 (cũng là lần cuối cùng) về bản hiến pháp, các thành viên tuyên bố rằng chính họ là những thần dân trung thành của Hoàng đế và không coi trọng cơ sở hợp pháp mang tính chính trị mới này. Nhưng họ không cố gắng khôi phục lại quyền lực của Hoàng đế. Hoàng đế Shōwa (Chiêu Hoà) đã thất bại trong nhiệm vụ quan trọng nhất của ông - sắp xếp Lục quân, Hải quân và chính quyền và làm cho hệ thống đó hoạt động. Sự thất bại sẽ không được tưởng thưởng. Quan trọng hơn những chính trị gia chưa được minh oan không muốn quay lại với chế độ quyền lực thời tiền chiến tranh mà dưới chế độ đó ngay cả những đảng phái chính trị bảo thủ đã không thể thi hành đầy đủ quyền hạn của đất nước. Đối với điều 9, cho đến tận chiến tranh Triều Tiên mới thay

tảisáchhay

đổi tình hình, không chính trị gia nào dám đương đầu với công luận bằng việc tranh cãi rằng Nhật Bản đã giữ lại quyền duy trì sức mạnh chiến tranh để phòng vệ.

Cho tới năm 1947 sự tranh cãi thật sự về hiến pháp trong nước Nhật bị chiếm đóng đã làm cho những người ủng hộ *quốc thể* đối chọi nhau, trung tâm là nhóm những quan lại triều đình và những chính trị gia bảo vệ thể chế cũ đối chọi với một nhóm nhỏ những nhà cải cách Nhật, những người muốn có một chế độ quân chủ có tính nghi thức và một xã hội dân sự thật sự nhưng lại thiếu quyền lực chính trị để tự mình đạt được những mục tiêu đó. Nhờ có GHQ, những nhà cải cách chiến thắng, để lại độc nhất những thái cực trong cuộc tranh cãi: những người cộng sản cánh tả và những người bảo vệ *quốc thể* đến cùng thuộc cánh hữu, cộng thêm một số ít những học giả thời tiền chiến rất tận tâm với hiến pháp Minh Trị đến không thể có khái niệm về một đất nước dân chủ. Thầy dạy về luật hiến pháp của Hirohito, Shimizu Tōru, và giáo sư Minobe Tatsukichi đại diện cho những người cánh hữu. Shimizu đã tự tử vì quá chán nản với bản hiến pháp mới và những bài báo về những đám đông xô đẩy Hoàng đế trong những chuyến vi hành của Hoàng đế. Minobe, từng là người theo chủ nghĩa tự do có thế lực chính trị nhất trong nghị viện thời tiền chiến, đưa ra lý lẽ chống lại hiến pháp mới qua các bài viết đăng trên báo và tạp chí trong suốt năm 1946. Vẫn còn gắn bó với học thuyết của người Đức về luật hiến pháp, Minobe nổi lên trong chiến tranh như một kẻ thù của chủ quyền đại chúng và quy tắc đa số. Ông ta nhấn mạnh rằng cách duy nhất để hòa nhập đất nước và nhận biết "nền dân chủ đúng đắn"- tương phản với sự thực thi "kiểu Mỹ" mà rất dễ dẫn đến "chuyên chế"- cho Nhật Bản để có một vị quốc vương mà quyền lực chính trị tập trung vào vị quốc vương đó.

Tuy nhiên Hoàng đế Hirohito vẫn ngồi trên ngai vàng -không bị kết tội, không cảm thấy ăn năn, được hiến pháp bảo vệ cũng như bị làm cho tê liệt. Và nền quân chủ cũng giữ nguyên là một vấn đề chính trị, và hiến pháp cũ tiếp tục sử dụng ảnh hưởng thông qua tranh cãi về trách nhiệm chiến tranh của Hirohito. Đối với hiến pháp Minh Trị giờ đây cung cấp nền tảng học thuyết cho việc đổ tất cả lỗi lầm về chiến tranh cho phía quân sự. Từ đây trở đi cả những người biện hộ và những người chỉ trích thái độ của Hirohito trong thời chiến tranh sẽ nhiều lần sử dụng những sự giải thích khác nhau đối với những điều trong bản hiến pháp mới. Những người biện hộ (tất nhiên gồm cả Hirohito) sẽ dùng bản hiến pháp cũ để giải tội cho ông khỏi những trách nhiệm trên lý do nói chung rằng các vị quân vương theo hiến pháp, được xác định, là thụ động về chính trị và không chịu trách nhiệm cho những hành động của họ. Họ cũng sẽ viện dẫn chứng lý do đặc biệt rằng điều 3 và 55 làm ông mất quyền lực và đặt trách nhiệm vào tay của các cố vấn của ông.

Những người chỉ trích Hoàng đế sẽ phản đối tiền đề thật sự của nền quân chủ nghị viện. Tranh cãi rằng Hirohito có vẻ giống với một vị quân vương chuyên chế hơn, họ sẽ nhấn mạnh trách nhiệm đổ dồn vào ông với tư cách là vị tổng tư lệnh và là người duy nhất ban ra những mệnh lệnh quân sự và phải chịu trách nhiệm đối với việc quyết định tổ chức và duy trì các lực lượng vũ trang trong thời bình. Những người chỉ trích cũng chỉ rõ chế độ thời tiền chiến về "sự độc lập của quyền chỉ huy tối cao" và chỉ rõ quyền lực vô song của Hoàng đế được tuyên bố những mệnh lệnh quân sự. Cuối cùng họ chỉ trích rằng vấn đề tổng thể đã được để lại mà chưa được giải quyết cẩn thận bởi vì ông chưa bao giờ bị kết tội.

tảisáchhay

Hiến pháp Nhật Bản tước hết tất cả quyền lực về chính trị của Hoàng đế, loại bỏ ông ra khỏi quyền lực của chế độ và kết nối ông với khái niệm "nhà nước hòa bình". Bằng cách ấy điều này ngăn cản trước những tranh cãi của công luận về nền quân chủ trước khi nó thật sự bắt đầu. Cùng thời gian đó, bản hiến pháp mới thay giá trị tuyệt đối của Hoàng đế thành giá trị tương đối, từ một vị thần "linh thiêng và bất khả xâm phạm" thành một con người bình thường phải theo luật pháp. Từ nay về sau hiến pháp chứ không phải là Hoàng đế mới kết nối những lý tưởng cao cả nhất, những nguyện vọng và những mục đích lớn lao nhất của nhân dân Nhật Bản. Và thay vì Hirohito ban hành hiến pháp, nghị viện sẽ ra lệnh cho Hirohito. Ít nhất là trên giấy tờ, ông không có một đặc quyền nào về quyền lực giống như vua Anh và có thể bị chỉ trích như bất kỳ một cơ quan nào của đất nước. Căn cứ theo hiến pháp mà nói Nhật Bản đã thật sự tạo ra một biến thể mới về "nền quân chủ lập hiến"- một nền quân chủ lập hiến tiến từng bước với tính chất hiện đại, không giống với hiến pháp cổ xưa vẫn tồn tại mãi mãi ở nước Anh.

Tuy nhiên, hiến pháp là những thực thể hiện hữu, được đem áp dụng vào thực tiễn theo đúng những tục lệ, tiền lệ và niềm tin đang tồn tại. Ở mức sâu xa nhất của đặc tính đất nước, thể chế quân chủ giữ lại những ảnh hưởng của nó trong trí nhớ của nhiều người Nhật. Do đó mà nhiều người có thế lực trong Hoàng cung tin tưởng và bênh vực, Hirohito vẫn có thể gây ảnh hưởng đối với sự phát triển của nền chính trị Nhật Bản. Những rào cản đầy quyền lực và tham vọng trong việc chất vấn về cách chỉ đạo của ông và sự chỉ trích đối với địa vị của ông kéo dài trong suốt thời gian bị chiếm đóng và suốt cả phần đời còn lại của ông.

Hơn nữa, mặc dù nghị viện đã ban bố Luật Hoàng gia trong năm 1947 nhưng đạo luật mới vẫn giống với đạo luật cũ ở tên gọi và chỉ đơn giản là chỉnh sửa bằng cách xóa bỏ những điều khoản trong luật cũ có thể hiểu được là trái với hiến pháp 1947, ví dụ như hệ thống "những niên hiệu" và "đại lễ cúng thực". Việc cố gắng lồng vào một điều khoản về việc thoái vị của Hoàng đế bị chối bỏ tại nghị viện. Luật Hoàng gia mới không lâu sau ngang hàng với hiến pháp như là luật cũ đã từng như vậy. Tuy nhiên, sự tồn tại của nó cho phép một số học giả tranh cãi rằng vì căn bản chế độ thừa kế ngai vàng, Nhật Bản có một hiến pháp bất thành văn khác có trước đối với bản hiến pháp Nhật Bản.

Hiến pháp mới cũng sinh ra những vấn đề được cho là ngáng trở Nhật Bản trong những năm còn lại của thế kỷ 20. Một trong những vấn đề như vậy là sự phân chia sâu sắc giữa khái niệm lãnh đạo đất nước của những nhà lãnh đạo chính trị Nhật trong những năm 1946-1947 và khái niệm nhà nước dân sự phi quân sự hiện đại như được ghi trong bản hiến pháp mới với sự mong muốn và nguyện vọng của hầu hết dân chúng Nhật.

Những chính trị gia hàng đầu không phải là những người dự thảo đầu tiên bản hiến pháp mà họ có trách nhiệm thi hành. Giống như Hirohito, họ cũng không tin vào nhiều lý tưởng của bản hiến pháp đó, đặc biệt bao gồm khái niệm về quốc gia phi quân sự và nguyên tắc về nguyện vọng chính trị và tôn giáo.

Hiến pháp Nhật Bản cũng để lại những vấn đề chưa được giải quyết về địa vị của biểu tượng nền quân chủ mang đặc tính quốc gia của Nhật Bản. Làm thế nào để những nguyên tắc vốn đã xung khắc nhau về nền quân chủ và nền dân chủ được hòa hợp? Làm thế nào để những

tảisáchhay

công dân Nhật có thể kính trọng vị Hoàng đế thần thánh của họ người vẫn giữ ngôi báu, dẫu giờ đây chỉ là một "biểu tượng", và chưa bao giờ nhận trách nhiệm đối với thái độ trước đó của ông ta? Liệu những xung khắc này có ngụy tạo rằng sẽ không có sự xung đột nào?

Câu trả lời cho những câu hỏi này thay đổi khi những hoàn cảnh lịch sử thay đổi. Vào thời điểm tái sinh của nền quân chủ vào trong tháng 2 – 3 năm 1946, khoảng thời gian mà danh sách những người bị buộc tội là tội phạm chiến tranh đang được kết thúc và Hoàng đế cùng các cố vấn của ông đang chuẩn bị bảo vệ ông, quan phó đại thị thần Kinoshita trả lời một cuộc phỏng vấn của biên tập viên tờ tạp chí *Chōryū*. Khi được hỏi Hirohito nghĩ gì về dân chủ hóa của Nhật Bản, Kinoshita trả lời rằng:

Đức Hoàng đế nghĩ rằng để dân chủ hóa Nhật Bản phải tiến hành hoàn toàn dựa trên tinh thần của Hoàng gia kể từ thời cổ xưa. Cần nói rằng, đối với Hoàng đế trái tim của Hoàng gia là trái tim của nhân dân, và cách thức tiến hành dân chủ hóa Nhật Bản là tận dụng triệt để tinh thần này.

*Câu hỏi: X*in phép cho tôi đặt câu hỏi về trái tim của Hoàng gia trở thành trái tim của nhân dân, tôi nghì rằng trước hết hình thái chính trị phải cho phép trái tim của nhân dân phát triển.

Kinoshita: Đúng, rất đúng. Hoàng gia phải trở thành trung tâm tinh thần của nhân dân hơn là trung tâm chính trị. Đức Hoàng đế sẽ đảm bảo rằng chính trị do nhân dân, vì nhân dân không thể bị xóa bỏ khỏi đất nước này được.

Câu hỏi: Từ thể chế chính trị, dường như những quyền lực của Hoàng đế có thể bị thu hẹp lại. Những trên thực tế chúng thực ra lại được mở rộng ra.

Kinoshita: Đúng, đúng như vậy.

tảisáchhay

15. Phiên tòa Tokyo

Ngay từ năm 1942, Hoàng đế Hirohito đã biết được phiên tòa xử những tội phạm chiến tranh trùm sỏ là một mục đích chính thức của quân Đồng Minh. Vào tháng 11 năm 1943, tuyên bố Matxcơva đã xác nhận điểm này. Tuyên bố Potsdam vào tháng 7 năm 1945 cũng nhắc lại; và Hiến chương Tòa án Quân sự Quốc tế (IMT), được ký tại London vào ngày 8 tháng 8 năm 1945, nêu rõ chính sách đối với các tội phạm chiến tranh. Do đó vào ngày 9 và 10 tháng 8, đến lúc ông và các nhà lãnh đạo chính quyền xem xét việc đầu hàng, vấn đề tội phạm chiến tranh là một mối quan tâm hệ trọng. Mối quan tâm đó càng sâu sắc hơn vào ngày 11 tháng 9 năm 1945 khi MacArthur ra lệnh bắt giữ và tống giam trong đợt đầu tiên những nghi phạm chiến tranh, gồm cả vị thủ tướng được tin dùng của Hoàng đế - nhưng lại bị dân chúng Nhật căm ghét không chỉ vì sự đàn áp tàn bạo của lực lượng quân cảnh dưới quyền ông ta mà còn vì cách thức tiến hành chia khẩu phần thức ăn một cách bất công - tướng Tōjō.

Khá hoảng sợ về nguy cơ đối với giới lãnh đạo, nội các Higashikuni ngay lập tức biểu quyết để nắm lấy sáng kiến từ phe Đồng Minh bằng cách triệu tập một phiên tòa của Nhật để xử các tội phạm chiến tranh. Hirohito không hài lòng. Nếu những tội phạm chiến tranh bị trừng phạt theo luật pháp Nhật Bản, dưới tên của ông thì ông sẽ bị đặt vào một vị trí mâu thuẫn và thật sự khó xử. Cho đến thời gian đó, Higashikuni vẫn hàng ngày vào yết kiến Hoàng đế; đột nhiên những cuộc yết kiến của ông ta lại giảm xuống. Tuy nhiên, ngày hôm sau Bộ trưởng Ngoại giao Shigemitsu đề nghị GHQ cho phép được mở những phiên tòa độc lập. GHQ từ chối. Không có bất kỳ phiên tòa chính thức nào của Nhật Bản xử các tội phạm chiến tranh, không có quan tòa nào của Nhật tham gia trong phiên tòa Tokyo và không có phiên tòa nào xử binh lính Nhật Bản phạm tội chống lại chính người Nhật. Công việc bẩn thỉu được để lại cho những người nước ngoài.

Cá nhân MacArthur nhận thấy việc khởi tố các tội phạm chiến tranh là không vừa ý. Để cho các phiên tòa qua nhanh là phương châm xử thế của ông ta và ông ta không để ý và không quan tâm đến những lời gièm pha đang nảy sinh từ những luật lệ đơn lẻ được định nghĩa một cách lỏng lẻo về bằng chứng và thủ tục của GHQ. Khi ông ta xử những tướng lĩnh Nhật đầu hàng, những người đã chỉ huy quân đội chống lại ông ta tại chiến trường Philippines - Homma Masaharu và Yamashita Tomoyuki -công lý được thực thi mau lẹ. Sau phiên tòa, bản kết án tuyên tử hình đối với cả hai người đó vì đã không tiến hành những biện pháp để ngăn chặn binh lính dưới quyền chỉ huy của họ thực hiện những hành động tàn bạo, hai thẩm phán tòa án tối cao của Mỹ chỉ trích gay gắt thủ tục mà hội đồng quân sự ở Philippines đã tiến hành và tinh thần trả thù mà họ đã nhận thấy. MacArthur, rõ ràng rất giận dữ, đã phản pháo lại: “Những người phản đối một phương thức trung thực như vậy chỉ là thiểu số... không lời ngụy biện nào có thể hạn chế công lý với bất kỳ trường hợp [cụ thể] nào. Đó là một đặc tính. Sự trong sạch của công lý nằm ở mục đích chứ không ở chi tiết. Những quy luật của chiến tranh và luật quân sự... luôn luôn chứng minh mềm dẻo một cách thích đáng để thực thi công lý trong giới hạn phạm vi nghiêm ngặt của đạo đức”.

tảisáchhay

MacArthur phê chuẩn cả hai bản án tử hình và sau đó viết rằng "những trường hợp còn lại của loại này được Tòa án quốc tế mang ra xét xử tại Tokyo". Đối với ông ta dường như có một chút khác biệt giữa một Ủy ban quân sự của người Mỹ với một phiên tòa quốc tế xét xử tội phạm chiến tranh.

I

Chuẩn tướng Fellers đã tham gia Bộ tư lệnh Tây Nam Thái Bình Dương của MacArthur ở Australia vào cuối năm 1943, sau khi đã làm việc một năm trong Cơ quan Tình báo Chiến lược (OSS), tổ chức tiền thân của CIA. Ngay khi máy bay hạ cánh xuống Nhật Bản (trong cùng máy bay chở MacArthur), Fellers bắt tay vào việc bảo vệ Hirohito thoát khỏi vai trò mà ông ta đã nắm giữ trong suốt cuộc chiến tranh và trong giai đoạn cuối cuộc chiến tranh. Nhưng mục đích quan trọng hơn cả của Fellers là xác nhận tính hiệu quả của cuộc chiến tranh tâm lý chiến của chính bản thân mình và đồng thời bảo vệ Hirohito khỏi bị đưa ra tòa.

Fellers tiến hành những cuộc thẩm vấn bí mật với khoảng bốn mươi lãnh đạo cuộc chiến tranh người Nhật, trong đó có nhiều người sau đó bị kết tội là tội phạm chiến tranh loại A. Những cuộc thẩm vấn của ông ta được tiến hành chủ yếu qua những cuộc đến thăm nhà tù Sugamo ở Tokyo trong khoảng thời gian hơn năm tháng-từ ngày 22 tháng 9 năm 1945 đến ngày 6 tháng Ba năm 1946 - thông qua hai phiên dịch viên. Những hoạt động của Fellers đặt tất cả những nghi phạm chiến tranh chính yếu vào trạng thái báo động về phía những quan tâm của GHQ và cho phép họ sắp xếp những câu chuyện của họ làm sao để Hoàng đế sẽ thoát khỏi sự buộc tội. Do vậy, trong lúc các ủy viên công tố đang tìm kiếm bằng chứng để sử dụng cho việc xét xử những người này, Fellers tình cờ đang giúp cho họ. Không lâu sau các ủy viên công tố nhận thấy rằng tất cả các lãnh đạo cuộc chiến tranh đều khai hầu như giống nhau. Hoàng đế đã hành động một cách anh hùng và đơn thương độc mã để kết thúc cuộc chiến tranh. Đề tài này (họ không được biết) trùng khớp với mục đích của Fellers về việc chứng minh tính hiệu quả của cuộc chiến tranh tâm lý chống lại Nhật Bản của ông ta.

Cũng tương tự như với các lãnh đạo cuộc chiến tranh người Nhật trong việc bảo vệ Hirohito là những cuộc phỏng vấn được các thành viên quân sự và dân sự của Cơ quan Nghiên cứu Bom Chiến lược Hoa Kỳ (USSBS) thực hiện từ cuối tháng 9 đến tháng 12 năm 1945. Những mục đích của cơ quan này là đánh giá tính hiệu quả của việc đánh bom từ trên không đối với quyết định đầu hàng của Nhật Bản và ảnh hưởng của bom hạt nhân nói riêng. Các thành viên USSBS cũng tìm hiểu cách hoạt động của hệ thống chính trị thời chiến tranh của Nhật Bản. Không cần phải nói những nhà lãnh đạo quân sự và chính trị hàng đầu của Nhật Bản, ví dụ như quan giữ ấn Kido, các cựu thủ tướng Konoe, Yonai và Suzuki Kantarō cũng như Sakomizu thư ký của Suzuki, Matsudaira Yasumasa, thư ký của Kido và đô đốc Takagi Sōkichi, cũng nhìn thấy những sự ảnh hưởng lẫn nhau với cơ quan nghiên cứu này như là một biện pháp bảo vệ quốc thể. Cộng tác hoàn toàn trong việc trả lời các câu hỏi, họ trở thành nguồn chứng cứ chính về quá trình đầu hàng và có thể sử dụng những cuộc thẩm vấn này để định hướng nhận thức của người Mỹ về vai trò của Hirohito trong việc chấm dứt cuộc chiến tranh.

tảisáchhay

Cùng ngày Fellers kết thúc những cuộc thẩm vấn bí mật với những người bị buộc tội, ông ta triệu tập đô đốc Yonai Mitsumasa tới văn phòng của mình tại tòa nhà Dai Ichi Life Insurance. Yonai trước đó đã giữ cương vị là Bộ trưởng Hải quân trong nội các của thủ tướng Higashikuni và đã gặp MacArthur. Ngày 6 tháng Ba năm 1946, Yonai và người phiên dịch của mình, Mizota Shūichi, đến văn phòng của Fellers và được nói cho biết rằng một số nước Đồng Minh, đặc biệt là Liên Xô, muốn trừng phạt Hoàng đế như là một tội phạm chiến tranh:

Để chống lại tình huống này, sẽ thuận lợi nếu như phía Nhật Bản có thể chứng minh với chúng tôi rằng Hoàng đế hoàn toàn vô tội. Tôi nghĩ rằng những phiên tòa sắp tới đem đến cơ hội tốt nhất để làm việc đó. Cụ thể nên làm cho Tōjō nhận tất cả trách nhiệm tại phiên xử ông ta. Nói một cách khác, tôi muốn ông nói với Tōjō nói như sau:

"Tại cuộc họp của triều đình trước khi bắt đầu cuộc chiến tranh, tôi đã quyết định thúc đẩy chiến tranh cho dù đức Hoàng đế có phản đối cuộc chiến tranh với Hoa Kỳ."

Đô đốc Yonai trả lời rằng ông ta chắc chắn sẽ đồng ý như vậy. Cách tốt nhất để tạo nên sự vô tội của đức Hoàng đế sẽ là buộc Tōjō và Shimada nhận tất cả trách nhiệm. "Tuy nhiên, đối với Shimada, tôi tin rằng ông ta đã chuẩn bị nhận tất cả trách nhiệm."

Có một lý do lý giải cho sự tự tin của Yonai đối với đô đốc Shimada. Chính quyền Shidehara đang thi hành chính sách của mình trong việc ngăn ngừa trách nhiệm chiến tranh đối với Hoàng đế và qua Suzuki Tadakatsu, trưởng Văn phòng Liên lạc chấm dứt Chiến tranh tại Yokohama, đã bảo đảm việc Shimada đồng ý nhận trách nhiệm đối với việc phát động cuộc chiến tranh. Một sự đảm bảo tương tự từ Tōjō dường như chưa chắc chắn.Hai tuần sau Mizota chấp bút một bản thư báo liên quan đến cuộc đàm thoại thứ hai với Fellers vào ngày 22 tháng Ba mà trong đó Fellers nói:

Người ủng hộ có thế lực nhất không theo cách nghĩ của người Mỹ tại nước Mỹ là Cohen [đúng như nguyên văn] (một người Do thái đồng thời là một người cộng sản), cố vấn cao cấp của Ngoại trưởng Byrnes. Như tôi đã nói với Yonai .... vô cùng bất lợi đối danh tiếng của MacArthur tại Hoa Kỳ để đưa ra tòa xét xử vị Hoàng đế đã và đang hợp tác với ông ấy và đang làm cho việc điều hành trong giai đoạn chiếm đóng diễn ra một cách suôn sẻ. Đó là lý do đối với đề nghị của tôi.... "Tôi băn khoăn liệu điều tôi đã nói với đô đốc Yonai trước đây đã được truyền đạt đến Tōjō hay chưa?"

Quan điểm chống chủ nghĩa Xê-mít thẳng thắn của Fellers (giống như sự căm ghét của ông ta và MacArthur đối với Tổng thống Franklin D. Roosevelt, chính sách kinh tế xã hội mới của ông ta và tất cả những đảng viên đảng tự do) và cách thức ông ta và MacArthur truyền niềm tin mù quáng của họ tới các lãnh đạo đã không được phản ánh trong bản dự thảo hiến pháp mới và không ảnh hưởng tới việc sửa đổi nền quân chủ thành "biểu tượng". Nhưng những biện pháp thật sự phi thường của MacArthur để cứu Hirohito tránh bị đưa ra tòa như là một tội phạm chiến tranh đã có một tác động bóp méo một cách sâu sắc và dài lâu lên sự hiểu biết của người Nhật về cuộc chiến tranh thất bại.

tảisáchhay

Nhiều tháng trước khi phiên tòa Tokyo bắt đầu, những phụ tá cao cấp nhất của MacArthur đã làm việc để quy trách nhiệm cuối cùng đối với cuộc tấn công Trân Châu cảng cho tướng Tōjō Hideki. Tương tự chính các đồng nghiệp của Tōjō cũng làm như vậy. Quay trở lại tháng 9, Tōjō, khi nhận được tin tức rằng việc bắt giữ sắp xảy ra đối với mình, ông ta đã cố tự sát. Trong khi ông ta đang phục hồi trở lại, những cựu phụ tá của ông ta lại chuyển tin tới ông ta rằng ông ta cần phải sống để bảo vệ Hoàng đế. Tōjō hiểu ra và muốn thừa nhận điều ô nhục của mình bằng cách gánh vác tất cả trách nhiệm đối với sự bại trận. Vì lời khai của ông ta mang tính sống còn, cho dù bào chữa hay lôi kéo Hirohito, thì điều đó không thể để cho xảy ra một cách ngẫu nhiên được.

Có vẻ như chính thiếu tướng Courtney Whitney là người đầu tiên đối diện với vấn đề lời khai của Tōjō về trách nhiệm chiến tranh của Hoàng đế. Theo Shiobara Tokisaburō, luật sư biện hộ của Tōjō, trước kia trước khi Tōjō bắt đầu đưa ra lời cung khai (và có thể trước khi Yonai và phiên dịch viên của ông ta gặp Fellers), Whitney đã nói với Yonai rằng MacArthur và tổng thống Truman "muốn bảo vệ quốc thể bằng cách làm cho Hoàng đế không phải chịu trách nhiệm gì". Nhưng có "sự phản đối đáng kể" tại Hoa Kỳ đối với việc làm đó. Tōjō có thể trả lời những nhà thẩm vấn người Mỹ theo cách khuyến khích những địch thủ của Hoàng đế hoặc ông ta có thể giúp kiểm soát được tình hình. Những nhận xét của Whitney phản ánh sự nhạy cảm của MacArthur đối với bất kỳ sự can thiệp nào đến từ nước Mỹ trong cách quản lý, điều hành việc chiếm đóng cũng như quyết định của tổng tư lệnh sử dụng những phiên tòa tại Tokyo như là công cụ của mình đối với việc tiến hành hòa bình.

Yonai chuyển cuộc đối thoại này tới luật sư Shiobara và Shiobara hứa giúp Tōjō vạch kế hoạch bảo vệ ông ta trước công luận Mỹ. Rồi sau đó, cả trong bản cung khai của ông ta và trong lời khai trước tòa, Tōjō đi theo phương châm chính thức của chính quyền Nhật Bản về vai trò của Hoàng đế trong năm 1941: ấy là, chỉ có những cố vấn được Hoàng đế ủy quyền phải chịu trách nhiệm đối với những quyết định được đưa ra sau đó và "bởi vì những cơ quan cao nhất của đất nước đã quyết định không có sự lựa chọn nào khác, Hoàng đế đã phải phê chuẩn" chiến tranh.

Nhiều năm sau, luật sư biện hộ của Tōjō tiết lộ rằng tại thời điểm Whitney, Yonai và thậm chí công tố trưởng đã gây sức ép với Tōjō làm chứng theo cách mà MacArthur muốn, Hirohito đã kiểm tra quá trình thực hiện của họ trong một cuộc điện thoại gọi cho Hoàng thân Higashikuni

II

Một tình thế khó khăn đã xảy ra với công tố trưởng người Mỹ Joseph B. Keenan và nhân viên dưới quyền của ông ta khi họ tụ họp tại Tokyo vào hai ngày 6 và 7 tháng 12 năm 1945 để thành lập Tòa án quân sự quốc tế vùng Viễn đông (IMTFE) và Bộ phận Khởi tố quốc tế (IPS), hai nhóm có nhân viên là các thẩm phán và ủy viên công tố đến từ chín quốc gia. GHQ đã có đủ thời gian ra lệnh cho chính quyền Nhật Bản bảo vệ những văn bản chính thức tuyệt mật có chứa thông tin liên quan đến tội phạm chiến tranh. Bởi vì lực lượng chiếm đóng đang gián tiếp điều hành thông qua chính quyền Nhật Bản nên cho tới tận ngày 3 tháng 1 năm 1946 các nhân viên IPS mới có thể kiểm tra những báo cáo thích đáng của các bộ.

tảisáchhay

Quan trọng hơn, Keenan nhận thấy rằng MacArthur đã được chỉ thị thông qua một văn kiện hoạch định chính sách được Washington gửi tới ngày 12 tháng 9 và một mệnh lệnh của Bộ Tổng tham mưu dựa trên văn kiện này gửi tới ngày 6 tháng 10 cần soạn thảo một bản tuyên bố cho một tòa án quốc tế và thành lập một cơ quan khởi tố thống nhất (đó là IPS). Tài liệu chính sách (SWNCC 57 năm 3) giới hạn những việc IPS có quyền được tiến hành và dành riêng cho MacArthur "quyền giảm nhẹ, phê chuẩn hoặc … thay đổi" bất kỳ hình phạt nào được đưa ra. Đoạn cuối của bản tài liệu này, chỉ dẫn ông ta "không được tiến hành bất kỳ hành động nào buộc tội Hoàng đế là một tội phạm chiến tranh" mà không có chỉ thị rõ ràng từ Washington, do đó để ngỏ khả năng về bản cáo trạng của Hoàng đế. Tư lệnh tối cao phải hành động theo các chỉ thị của Washington và đồng thời cũng là một viên chức dân sự quốc tế, người đại diện cho các nước Đồng Minh đã ký văn kiện đầu hàng và giờ đây được yêu cầu cử các thẩm phán và các ủy viên công tố. Vai trò kép của MacArthur và cách thể hiện vai trò đó của ông ta làm tăng thêm sự phức tạp của phiên tòa tiếp sau đó. Nó làm mờ đi bản chất tự nhiên của quyền lực phiên tòa và làm cho chắc chắn xảy ra rằng bên biện hộ sẽ khẳng định rằng phiên tòa Tokyo, trên thực tế, là một vụ kiện của người Mỹ.

Vào đầu năm 1946, những nguồn tài chính của Bộ Nội vụ Hoàng gia đã bị đóng băng, đội ngũ nhân viên bị cắt giảm và những nguồn tin tức bị cắt bớt. Để Hirohito và các cố vấn của mình lên kế hoạch một cách có hiệu quả cho những phiên tòa xử các tội phạm chiến tranh sắp tới, những nguồn tin tức mới đã được khai thác. Vì vậy Matsudaira Yasamasa cầu đến ý kiến chuyên môn của một nhóm nghiên cứu bí mật của Bộ Lục quân mà kể từ khi đầu hàng vẫn tiếp tục công việc của nhóm nhưng chỉ bên trong bộ phận pháp luật thuộc Văn phòng Giải ngũ. Đại tá Matsutani Makoto, trưởng nhóm, đã tham gia vào việc lên kế hoạch trong chiến tranh và đã làm thư ký cho các Bộ trưởng Lục quân Sugiyama và Anami cũng như thư ký cho Thủ tướng Suzuki. Viên đại tá trước đây đã cố tiếp cận Hirohito nhưng bất thành, thông qua thư ký của Kido, với lời cầu xin rằng vì cuộc chiến tranh rõ ràng thất bại nên cần phải kết thúc nó. Giờ đây Matsutani và nhóm của ông ta đang nghiên cứu những biện pháp kiểm soát thiệt hại cho thử thách về tội phạm chiến tranh sắp đến.

Công việc của họ bắt đầu với một serie những cuộc thảo luận bí mật được tổ chức vào các ngày 3, 4 và 5 tháng một năm 1946 với sự tham dự của giới tinh hoa đến từ các trường đại học dân lập và đại học Hoàng gia, ngân hàng Tokyo, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Bộ Công nghiệp và Thương mại và Matsudaira thay mặt cho Hirohito. Cũng tham dự và đóng góp một cách đáng kể cho tính khách quan của các cuộc thảo luận là nhà sử học theo chủ nghĩa mác-xít Hirano Yoshitarō và nhà nghiên cứu khoa học chính trị Yabe Teiji – người đầu tiên, dù có theo chủ nghĩa mác-xít hay không, đã quả quyết ủng hộ cuộc chiến tranh Đại Đông Á, trong khi Yabe là một người từ lâu ủng hộ chủ nghĩa phát xít kiểu Nhật. Những người tham dự thảo luận kết luận rằng trong gian đoạn chiếm đóng của người Mỹ, nền chính trị, kinh tế và tư tưởng của Nhật Bản sẽ phát triển một cách vững chắc và tích cực trong khoảng hai năm. Tranh cãi về nền quân chủ sẽ dần dần tăng cao lên theo cùng với tốc độ lợi dụng hệ tư tưởng của Liên Xô.

Báo cáo cuối cùng của họ nhấn mạnh tầm quan trọng truyền bá nhưng có kiểm soát "nền dân chủ hợp tác" trong tất cả các khu vực. Giả định ôn hòa là bất kỳ một cuộc cách mạng thật sự nào trong tư tưởng công chúng có thể tránh được nếu Hoàng đế vẫn được giữ lại là

tảisáchhay

một "lực hướng tâm" và "biểu tượng" – nói một cách khác, như là một sự nhân nhượng đối với những khía cạnh manh tính truyền thống và phi lý của xã hội Nhật. Phiên tòa xét xử những tội phạm chiến tranh sẽ là một sự trình diễn "mang tính chính trị", được kết hợp hoàn hảo nhất với nhau một cách bí mật. Tình bằng hữu với các thẩm phán và các luật sư đại diện cho cả hai bên buộc tội và biện hộ nên được tăng cường. Phương châm cho bên biện hộ là nhấn mạnh trách nhiệm chiến tranh vào quân đội và không được phép để dấu vết nào về trách nhiệm chạm đến Hirohito. Phiên tòa nên được sử dụng để giữ gìn và bảo vệ đât nước và để đạt được kết quả này cá nhân các bị cáo nên được ưu tiên thứ yếu.Tuy nhiên, Hirohito và các cố vấn không chắc chắn là ông có thoát không bị thẩm vấn như là nhân chứng hay là bị cáo hay không, vì vậy trong tháng Ba năm 1946, năm cố vấn của ông giúp ông chuẩn bị phần biện hộ của ông. Báo chí Nhật sau đó tràn ngập những tin đăng tải suy đoán rằng những cáo trạng của tòa án chiến tranh sẽ tập trung chủ yếu vào trách nhiệm đối với việc mở rộng chiến tranh với Hoa Kỳ và Anh. Do đó Hirohito và các cố vấn của mình cảm thấy cần thiết phải tập trung bảo vệ vấn đề này hơn là tập trung vào vai trò của ông trong cuộc chiến tranh với Trung Quốc. Những câu hỏi mà tổng hành dinh của MacArthur muốn trả lời được chuyển đến cho họ thông qua nhân viên liên lạc giữa Hoàng cung và GHQ mới được bổ nhiệm, Terasaki Hindenari, người có vợ là người Mỹ đã sống những năm chiến tranh tại Nhật Bản và có họ hàng với tướng Fellers. Những cố vấn của Hoàng đế đệ trình những câu hỏi này tới Hoàng đế và ghi lại những câu trả lời của ông.

Có năm buổi hỏi và ghi chép kéo dài hơn tám tiếng đồng hồ. Terasaki sau đó viết ra, bằng bút chì, những phần nào đó trong bản dịch tốc ký dài này trên cơ sở những bản ghi chép chủ yếu được Inada Shūichi, giám đốc Văn phòng Hồ sơ Hoàng gia, biên soạn và lựa chọn. Bản tường thuật của Terasaki đề ngày 1 tháng 6, khi phiên tòa Tokyo đã diễn ra trong gần một tháng. Làm việc dựa trên bản thảo được đọc để ghi dài hơn – tiêu đề nguyên văn "Hồ sơ của Hoàng đế về lịch sử bí mật của Shōwa" – mà từ bản tài liệu này Inada đã ghi chép ra, vẫn tiếp tục cho đến tận cuối tháng Bảy. Sau thời gian đó bản tài liệu, bản mà Terakani không dính dáng vào và có thể chưa bao giờ được nhìn thấy, có tiêu đề "Hồ sơ về những cuộc hội thoại của Hoàng đế" *[Seidan haichōroku].*

Mục đích chính trị của "Tự bạch" ban đầu trước hết là để bảo vệ Hirohito tránh khỏi phiên tòa Tokyo và thứ hai là để phát ra thông tin mà người Mỹ có thể sử dụng để chống lại những ai sẽ thật sự tham gia tòa xét xử những tội phạm chiến tranh của Nhật Bản. Hirohito chấp thuận những mục đích này. Ông muốn quan điểm của mình chuyển một cách rõ ràng đến Tổng hành dinh, nhưng ông cũng muốn bảo vệ tướng Tōjō Hideki, người mà ông biết rằng đang được lựa chọn để nhận tất cả thay cho ông.

Trong suốt buổi làm việc đầu tiên vào ngày 18 tháng 3, Hirohito nhắc lại sự chú ý đối với những căng thẳng về chủng tộc trong bối cảnh dẫn đến cuộc chiến tranh Thái Bình Dương. Ông bắt đầu bằng việc chỉ ra rằng những cường quốc đã bác bỏ "lời kêu gọi của Nhật Bản đối với sự bình đẳng về chủng tộc được các đại diện ủng hộ tại Hội nghị hòa bình sau Chiến tranh Thế giới thứ Nhất. Sự đối xử phân biệt giữa người da vàng và người da trắng tồn tại khắp mọi nơi trên thế giới, như trong việc từ chối không cho nhập cư vào California và chính sách chỉ-dành-cho-người-da-trắng tại Australia. Những điều này là những lý do đủ đối với sự công phẫn của nhân dân Nhật Bản." Hirohito dường như đang bị chỉ trích nguyên

tảisáchhay

tắc về quyền tối cao của người da trắng mà ông tin ở bên dưới chính sách châu Á của Mỹ. Tất nhiên, ông phớt lờ điều mà những đại biểu của Nhật Bản đã thật sự ủng hộ tại hội nghị Versailles: bình đẳng về chủng tộc chỉ đối với người Nhật chứ không phải đối với những dân tộc da màu khác trên khắp thế giới.

Ông sau đó trình bày chi tiết về bảy câu hỏi mà các cố vấn của ông biết sẽ phải đối phó tại phiên tòa. Ông bắt đầu bằng một sự biến mà ông và chính quyền của ông, trước khi bị bại trận, đã chủ tâm thông tin sai cho dân chúng Nhật: vụ ám sát Trương Tác Lâm do các sỹ quan trong đội quân Quan Đông ở Mãn Châu thực hiện và việc từ chức của nội các Tanaka Giichi (1927 – 1929). Tiếp theo ông nói về Hội nghị Hải quân London năm 1930, sự biến Mãn Châu năm 1931 và sự biến Thượng Hải năm 1932. Ông tiếp tục về sự kiện ngày 26 tháng 2 năm 1936, quyết định "hạn chế các Bộ trưởng Lục quân và Hải quân đối với các sỹ quan đang-làm-nhiệm-vụ", và "đàm phán hòa bình với Trung Quốc và Hiệp ước Ba Bên".

Tại buổi thứ hai, Terasaki thông báo cho mọi người có mặt trong phòng biết rằng trong tháng Một, tướng MacArthur đã gửi một bức điện tín bí mật cho Washington giải tội cho Hoàng đế về tội ác chiến tranh. Hoàng đế có thể sẽ không bị kết tội nhưng có thể phải gọi ra tòa làm nhân chứng. Công việc chuẩn bị để làm mất tác dụng của tòa án Tokyo phải được tiếp tục. Ngày hôm đó, 20 tháng 3, Hirohito trả lời bảy câu hỏi được các cố vấn đem đến cho ông liên quan đến những nguyên nhân đổ vỡ các chính phủ của Abe và Yonai, Hiệp ước Ba Bên, các cuộc họp bàn của Hoàng gia vào ngày 16 tháng 6 và ngày 6 tháng 9, những câu hỏi về Tōjō và về kế hoạch tấn công Trân Châu cảng.

Trong suốt buổi làm việc thứ ba diễn ra hai ngày sau đó, Hirohito tiếp tục trình bày chi tiết về nội các Tōjō, những nỗ lực của của Tōjō nhằm ngăn chặn chiến tranh, huấn lệnh của Hoàng đế tuyên bố chiến tranh và tình trạng bất hòa giữa Lục quân và Hải quân. Ông không ngớt lời ca ngợi Tōjō, gọi ông ta là "một người hiểu biết" người "rõ ràng trở thành một kiểu người chuyên chế bởi vì ông ta nắm giữ quá nhiều vị trí, quá bận bịu để truyền những cảm nhận của mình tới những thuộc cấp và sử dụng quá mức lực lượng quân cảnh". Hirohito cũng thừa nhận rằng ông đã chống lại việc cách chức Tōjō bởi vì Tōjō "đã có mối liên hệ với tất cả các dân tộc trên khắp Đại Đông Á và nếu không có ông ta [chúng ta] sẽ mất khả năng kiểm soát trái tim của họ". Hai buổi đọc để ghi tiếp theo được tiến hành vào ngày 8 tháng 4, vào lúc đó năm cố vấn lại lắng nghe những điều hồi tưởng của Hirohito từ chiều cho đến tối. Cũng có buổi đọc để ghi thứ sáu, diễn ra vào ngày 9 tháng 4, nhưng không được đưa vào trong bản "độc bạch".

Vào thời gian này, Hirohito cũng đang chuẩn bị cho cuộc gặp mặt thứ hai của mình với tướng MacArthur, cuộc gặp mà ông muốn diễn ra trước khi phiên tòa Tokyo được mở. Ngày 23 tháng 4 tạm thời đã được đặt ra cho cuộc gặp mặt. Terasaki được tham dự là người phiên dịch. Nhưng vào ngày 22, Terasaki đã phải đề nghị Fellers hoãn lại vì sự từ chức bất ngờ của nội các Shidehara. Việc trì hoãn đã lấy đi cơ hội của Hirohito được gặp mặt MacArthur trước khi phiên tòa diễn ra và giải thích trực tiếp những mục đích của ông trong suốt hai mươi năm đầu trong triều đại của mình cho MacArthur được biết. Trong tình thế này (như nhà viết lời cho phim tài liệu của đài truyền hình NHK Higashino Shin đặt giả thuyết), Terasaki làm sẵn bản tóm tắt của riêng mình (không đề ngày và đặt tiêu đề), bằng

tảisáchhay

tiếng Anh, về những điểm chính được tóm tắt từ những buổi đọc để ghi trước đó của Hoàng đế để cho Fellers. Terasaki đã định sử dụng tài liệu này như là nguồn tham khảo để phiên dịch cho cuộc gặp mặt bị hoãn. Vì trách nhiệm cá nhân Fellers buộc lòng phải thông báo cho Hirohito biết một cách chính xác những vấn đề như vậy nên "có một khả năng rất rõ ràng rằng MacArthur đã đọc bản tiếng Anh". Ông ta cũng có thể đã đọc bản "độc bạch" dài hơn do Terasaki dịch, mặc dù bản tài liệu đó chưa được, cho tới lúc đó, xuất hiện trong đống giấy tờ của MacArthur hay những thành viên tham dự người Mỹ khác.

Trong bản tiếng Nhật dài hơn, Hoàng đế nói ra ba mươi đề tài; bản tiếng Anh ngắn hơn chỉ có mười đề tài và nhấn mạnh vào tình trạng không có quyền hành của Hoàng đế, bỏ qua hoàn toàn vai trò của ông trong cuộc chiến tranh Trung Quốc. Mục đích của hai bản tài liệu này rõ ràng đưa ra cuộc tranh luận rằng Hirohito đã không thể ngăn cản việc khơi mào chiến tranh và giải thích tại sao ông có thể hành động một cách độc lập chỉ khi nội các không thực hiện chức năng của mình.

III

Trong suốt tháng 2 và tháng Ba năm 1946, trong khi công luận Nhật đang được biết về bản hiến pháp mới, công việc của IPS tiếp tục được tiến hành. Ủy ban điều hành của IPS tạo ra chủ yếu là "các trợ lý luật sư" đến từ mỗi nước tham dự tòa án. Giữ vai trò chủ tọa là công tố trưởng Keenan và được các luật sư có kinh nghiệm nhất trong đội ngũ của ông ta trợ giúp, IPS tập trung vào việc thẩm vấn và lựa chọn những nghi phạm sẽ bị buộc tội là "tội phạm chống lại hòa bình". Ba mươi cái tên có trong danh sách nghi phạm loại A được những ủy viên công tố người Mỹ lập ra nhưng lại chỉ có mười một người xuất hiện trong danh sách của người Anh; trong cả hai danh sách này đều không có tên Hoàng đế. Tuy nhiên, người Úc lại đưa ra một "danh sách tạm thời gồm 100 người" có thể bị truy tố, bao gồm cả Hirohito vì là "những tội phạm chống lại hòa bình và tội phạm chống loài người". Người Úc cũng cung cấp một bản báo cáo chi tiết ủng hộ việc kết tội Hoàng đế. Không bao giờ "vào bất kỳ thời điểm nào", bản báo cáo nhấn mạnh, là Hirohito "bị ép buộc phải đưa ra sự phê chuẩn bằng văn bản" đối với bất kỳ hành động quân sự hung hăng nào. Bản báo cáo hỏi một cách tu từ là: "Liệu tội ác của ông ta không lớn hơn bởi vì ông ta đã phê chuẩn một cái gì đó mà ông ta đã không tin tưởng vào nó?"

Ủy ban điều hành cắt bớt số lượng những người bị truy tố xuống còn hai mươi tám. Trong số những người không bị đưa ra truy tố có Ishiwara Kanji, người đã vạch kế hoạch cho sự biến Mãn Châu. Ishiwara đã không bị phỏng vấn trong suốt giai đoạn mở đầu. Việc được đưa khỏi danh sách những người bị truy tố của ông ta có thể nhờ vào hình ảnh tích cực của mình đối với Keenan như là người đã chống đối Tōjō và đã cố gắng lật đổ chế độ của Tōjō. Nhưng nó dường như cũng phản ánh niềm tin sai lầm của các ủy viên công tố người Mỹ rằng những viên chức bậc trung, như những viên chức đồng cấp người Mỹ, chưa bao giờ là những động lực đầu tiên trong việc đề xướng việc xâm lược.

Cuối cùng chỉ có hai mươi sáu bị cáo bị truy tố. Không có ai là thương nhân, học giả trong các trường đại học, sư sãi, quan tòa hay phóng viên báo chí bị buộc tội đã có chủ trương theo chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa dân tộc cuồng tín. Khi những đại biểu Liên Xô đến

tảisáchhay

muộn vào ngày 13 tháng 4, họ cố đưa thêm vào ba thương nhân, những người đã đóng những vai trò chủ chốt trong việc tổ chức kinh tế cho cuộc chiến tranh, nhưng chỉ thành công trong việc đưa thêm được tướng Umezu Yoshijirō và nhà ngoại giao Shigemitsu Mamoru vào bản danh sách. Cựu thủ tướng Matsuoka Yōsuke và cựu tham mưu trưởng Hải quân Nagamo Osumi chết trước khi phiên tòa kết thúc. Một bị cáo – Ōkawa Shūmei - được tuyên bố là không đủ tính táo.

Một hiệu ứng xuyên tạc nguy hiểm về việc lựa chọn những bị cáo của phiên tòa Tokyo, và sau đó về chính phiên tòa này, nổi lên trong khắp quân đội Mỹ và các cường quốc kinh tế trong khu vực châu Á -Thái Bình Dương, những sự xuyên tạc xuất phát từ sự lệ thuộc của luật pháp đối với *chính sách thực dụng* của *tất cả* các chính quyền phe Đồng Minh. Các chính quyền này có khuynh hướng đặt những lợi ích quốc gia của họ lên trên hết, luật pháp và đạo lý xuống hàng thứ yếu. Hirohito và các cố vấn của mình cũng làm như vậy, họ lén lút làm việc đằng sau vở kịch hợp pháp không che dấu.

Vì vậy đoàn đại biểu Liên Xô, dưới những chỉ thị của Stalin, lựa chọn theo đuổi người lãnh đạo và kêu gọi việc truy tố Hirohito nếu như người Mỹ làm vậy. Những đại diện của duy nhất ba nước châu Á tham dự trong phiên tòa – Trung Quốc, Philippines và Ấn Độ - cũng nhận thấy nên tránh xung đột với chính sách của người Mỹ càng nhiều càng tốt và đeo đuổi những yêu cầu của riêng họ.

Không một quốc gia nào đã phải chịu đựng sự xâm lược của Nhật Bản nhiều bằng Trung Quốc; không một nhà lãnh đạo Đồng Minh nào hiểu mối quan hệ gần gũi giữa nền quân chủ Nhật Bản và chủ nghĩa quân phiệt bằng Tưởng Giới Thạch. Nhưng Tưởng cũng tin Hirohito là một phép thử của sự bành trướng chủ nghĩa cộng sản và vì vậy chọn không kết tội. Mặc dù những phiên tòa quân sự của chính ông ta kết tội và xét xử 883 người Nhật là tội phạm chiến tranh tại mười thành phố khác nhau, ông ta không nhất trí với sự ưu tiên cao đối với phiên tòa Tokyo. Cuộc chiến tranh của Tưởng với những người cộng sản dường như lại tiếp tục. Ông ta cần sự hỗ trợ về tài chính và sự trợ giúp về quân sự của người Mỹ và hy vọng thuyết phục nhân sự của lực lượng quân sự Nhật được giữ lại sau khi đầu hàng để ông ta có thể sử dụng hộ trong cuộc chiến tranh chống lại những người cộng sản.

Một nhóm đại diện pháp lý nhỏ được Tưởng cử đến Tokyo đến phản ánh những mối ưu tiên này: một thẩm phán (Mai Nhữ Ngao), một ủy viên công tố (Hà Ứng Khâm) và chỉ có hai viên thư ký. Sau đó Tưởng cử thêm nhân sự và có những tài liệu được thu thập có liên quan tới các tội phạm chiến tranh nhưng chưa bao giờ đủ để cho phép người Trung Quốc khởi xướng. Trong suốt thời gian phía Trung Quốc luận tội, trong mùa hè 1946, các ủy viên công tố người Mỹ tiến hành công việc chính của việc điều tra kết tội cách hành động phạm tội của người Nhật, ủy viên công tố Hướng chỉ trợ giúp. Mặt khác, Hướng hăng hái điều tra những hành động tàn bạo ở Nam Kinh và những vụ thảm sát dân thường và tước vũ khí quân lính tại nhiều thành phố khác của Trung Quốc. Ông ta cũng đưa ra chứng cớ về tội cưỡng hiếp, mặc dù không coi tội này như là tội chống lại loài người.

Quốc dân đảng Trung Quốc lựa chọn không trao cho những nhà điều tra của IPS khối lượng đồ sộ những dữ liệu về những nạn nhân chiến tranh người Trung Quốc mà "Ủy ban Bồi

tảisáchhay

thường" của Tưởng đã có số liệu kể từ năm 1938. Họ cũng không theo đuổi chính sách ép buộc dân thường tham gia lao công của Nhật Bản, những chiến dịch "giết sạch, đốt sạch, cướp sạch" (*sankō sakusen)* tại phía bắc Trung Quốc và việc dùng khí độc. "Những tội ác chống lại loài người" này (trừ tội cuối cùng vừa kể) đã xảy ra chủ yếu tại các khu vực là căn cứ của những người cộng sản, vì vậy Tưởng Giới Thạch không quan tâm đến những tội này. Điều này có lẽ giải thích tại sao tham mưu trưởng của Tưởng, tướng Hà Ứng Khâm, đối xử với tướng Okamura Yasuji, kiến trúc sư của những chiến dịch trừ khử, và những sỹ quan thuộc cấp của Okamura "tại và xung quanh Nam Kinh... như những vị khách danh dự thay vì là những kẻ thù bại trận".Khi một phiên tòa quân sự của Trung Quốc ở Nam Kinh kết án Okamura là tội phạm chiến tranh vào tháng 7 năm 1948, Tưởng bảo vệ viên tướng này, đầu tiên ra lệnh thả Okamura để ông ta có thể hồi phục bệnh lao tại một bệnh viện bệnh viện ở Thượng Hải, sau đó cho phép ông ta quay trở về Nhật Bản một cách an tòan. Một năm sau, trong khi GHQ giả bộ không thấy, viên tư lệnh tối cao Quốc dân đảng, hoạt động thông qua nhiệm vụ của họ tại Tokyo, bí mật tranh thủ sự phục vụ của Okamura trong việc tuyển mộ những sỹ quan cao cấp Nhật Bản làm các cố vấn quân sự để đi đến Đài Loan và giúp đỡ cho việc tái xây dựng những lực lượng quân sự của Đài Loan.

Philippines đã bị mất hơn một triệu người không tham gai chiến đấu và phải gánh chịu những tổn thất to lớn trong suốt cuộc chiến tranh. Hầu hết người dân Philippines quy trách nhiệm cho Hirohito. Chính quyền Philippines cử thẩm phán Delfin Jaranilla, một người đã tham dự "cuộc hành quân chết chóc" Bataan, làm đại diện của mình tại phiên tòa và sau đó chỉ định Pedro Lopez làm trợ lý công tố. Trong suốt giai đoạn của người Philippines, Lopez đưa ra 144 trường hợp về những hành động hung bạo mà các lực lượng Nhật phạm chống lại những người Philippines không tham gia chiến đấu và những tù binh người Mỹ và người Philippines, do đó dẫn đến cơ sở cho việc đòi bồi thường sau này. Về tổng tiền phải trả của chính quyền Mỹ, Lopez, giống như Jaranilla, không bao giờ làm cho việc không có tên của Hirohito trong danh sách những kẻ bị truy tố thành một vấn đề quan trọng.

Người được phía Ấn Độ bổ nhiệm tham dự phiên tòa là Radhabinod Pal sáu-mươi-tuổi của tòa tối cao Calcutta. Pal là một người ủng hộ nhà chủ nghĩa dân tộc Ấn Độ, Chandra Bose, và từ lâu đã là một người yêu thích những gì liên quan đến Nhật Bản. Không giống hầu hết những tinh hoa người Ấn khác, những người chỉ trích cả chủ nghĩa đế quốc Anh lẫn chủ nghĩa đế quốc Nhật và không bao giờ đón nhận tư tưởng Khu vực Đại Đông Á thịnh vượng chung, Pal là một người biện hộ triệt để cho chủ nhĩa đế quốc Nhật. Tới Tokyo vào tháng 5, ông ta chấp nhận sự bổ nhiệm dưới hiến chương với ý đồ xấu, không tin tưởng vào sự đúng đắn của phe Đồng Minh xét xử Nhật Bản, để tự pháp luật trừng phạt nước Nhật theo phương diện pháp lý. Quyết định cho thấy tòa án thất bại từ đầu, Pal định viết một quan điểm bất đồng ý kiến riêng cho dù các thẩm phán khác có phán quyết hay không. Không ngạc nhiên là ông ta từ chối ký vào một "bản phê chuẩn chung để thực thi công lý một cách công bằng".

Về sau, theo như đánh giá của luật sư bào chữa Owen Cunningham, Pal vắng mặt 109 trong 466 "ngày-xét-xử", cao gấp hai lần so với người hay vắng mặt nhất kế dưới, chủ tọa phiên tòa, chính là Sir William Webb (53 "ngày-xét-xử"). Bất kỳ khi nào Pal xuất hiện tại tòa, ông ta lúc nào cũng cúi chào các bị cáo, những người được ông ta coi như đã khởi xướng sự giải

tảisáchhay

phóng châu Á . Pal, thẩm phán độc lập về chính trị nhất, từ chối để cho những mục đích và những mối quan tâm chính trị của phe Đồng Minh, mà chỉ để cho riêng đặc quyền, ảnh hưởng tới sự phán xử của ông ta. Ông ta sẽ tạo ra sự phán xử chính trị gây xúc động nhất phiên tòa. Nhiều người phản đối phiên tòa Tokyo trong khi bám vào quan điểm chiến tranh tâm lý về "chiến tranh Đại Đông Á", tin tưởng rằng nguyên nhân chính mà châu Á phải chịu đựng là những người da trắng phương Tây – đó là, "những người chiến thắng" của Pal. Họ sẽ đồng tình trích dẫn những luận điểm của Pal. Những người khác nhìn nhận cuộc chiến tranh chủ yếu liên quan đến sự bóc lột của "người da trắng" đối với châu Á cũng trích dẫn như vậy.

Thông qua quá trình lựa chọn trong số những người bị buộc tội, các ủy viên công tố làm việc một cách luống cuống, họ phải để mắt đến đồng hồ và phiên tòa Nuremberg, họ lo sợ rằng sự chú ý của thế giới sẽ biến mất một khi phiên tòa xét xử hai mươi hai tội phạm chính người Đức kết thúc. Phiên tòa Nuremberg vừa là kiểu mẫu pháp lý của họ và là sức ép tâm lý đối với họ. MacArthur, thông qua Keenan, gây sức ép để đẩy mạnh quá trình chuẩn bị và bắt đầu thủ tục. Ông ta từ chối cho bên nguyên quyền thẩm vấn Hirohito; ông ta cũng quyết định rằng Hirohito sẽ chẳng phải khai trước tòa như là một nhân chứng cũng không bị yêu cầu đưa ra nhật ký của mình hoặc những giấy tờ riêng tư khác.

Những cuốn nhật ký và những lời cung khai trong tù của các nghi phạm, cả chính thức lẫn không chính thức, đóng một vai trò quyết định trong những quyết định phán xử bởi vì quá nhiều những tài liệu để buộc tội của người Nhật đã bị cháy hoặc đã bị chính phủ ra lệnh bằng lời đem hủy đi để tránh dấu vết bằng văn bản. Những báo cáo mật của các lực lượng quân sự Nhật cũng bị đem giấu đi mất. Hầu hết chứ không phải là tất cả những lời cung khai được hoàn tất vào ngày 9 tháng 4 - một tuần sau khi Keenan đã ra lệnh cho họ phải dừng lại. Tất cả những người làm chứng cố gắng bảo vệ Hirohito và đổ trách nhiệm đối với cuộc chiến tranh cho một nhóm rất nhỏ những sỹ quan quân đội, lựa chọn ra theo tên. Tham dự phía sau phiên tòa, qua những lời cung khai của họ, "những người ôn hoà" ủng hộ người Anh-Mỹ giờ đây trả thù giới lãnh đạo quân sự vì đã để bại trận. Những chính khách lâu năm, các đô đốc Yonai Mitsumasa và Okada Keisuke, giống như những người khác tại tòa là những người cung cấp tin tức cho bên nguyên, bảo vệ Hải quân, thổi phồng ảnh hưởng của Lục quân và giảm thiểu ảnh hưởng của Hoàng đế và những cận thần của ông.

IV

Ngày 3 tháng Ba năm 1946, phiên tòa mở ra trong một thính phòng rộng mới được sửa chữa của tòa nhà Bộ Chiến tranh tại Ichigaya, gần trung tâm Tokyo. Keenan đã cho chuyển đổi trung tâm đầu não của chủ nghĩa quân phiệt Nhật thành một phòng xử án, sửa chữa lại bằng những tấm gỗ sẫm màu và một cái ghế màu gụ rất dài và cao được dành cho các thẩm phán. Một chiếc micro được lắp chỉ để dùng riêng cho chủ tọa phiên tòa. Bục nhân chứng được bố trí gần giữa căn phòng, gần đó là những chiếc bàn và ghế ngồi dành cho các luật sư và các nhân viên tốc ký. Thợ mộc đã làm những chiếc bục cao dành cho công tố trưởng và trưởng luật sư bào chữa, những bệ dành cho các nhân viên ghi hình của Đồng Minh và thậm chí cả các nhân viên chụp ảnh những người ghi lại toàn bộ quá trình xét xử. Đặc biệt những khu vực rộng được bố trí sang một bên dành cho báo chí trong nước và quốc tế, các đài phát

tảisáchhay

thanh và khoảng ba mươi phiên dịch viên những người làm việc bằng hai ngôn ngữ chính thức của phiên tòa, tiếng Anh và tiếng Nhật. Các chỗ ngồi ở trên ban công phía sau cung cấp chỗ ngồi cho khoảng 660 người đến dự, trong khi ghế ngồi tầng một tăng lên đến tổng cộng là 1.000. Những nhân viên thư ký đi lại khắp phòng xử án để chuyển micro và đèn hồ quang cực mạnh treo trên trần nhà chiếu sáng rực rỡ toàn khung cảnh phiên tòa.

Ba ngày sau, vào phiên xử thứ ba, các bị cáo, thẩm phán, luật sư, quân cảnh đội mũ trắng và hàng trăm nhà ngoại giao và phóng viên báo chí đến từ khắp nơi trên thế giới nêm chật phòng xử vào lúc 9 giờ 15 để nghe lời biện hộ từ phía các bị cáo. Đầu tiên các luật sư bào chữa được giới thiệu, sau đó một cuộc bàn cãi nổi lên do dịch sai bản cáo trạng. Sau khi cuộc bàn cãi được dẹp yên, những người bị truy tố, bắt đầu là Araki Sadao, đứng lên khi tên của họ được đọc theo thứ tự abc. Tất cả đều cãi không phạm tội đối với từng tội bị truy tố. Một buổi diễn thử trong khung cảnh giáo dục tốt nhất – đó là một phiên tòa xét xử tội phạm chính nhằm mục đích giáo dục chứ không hợp lệ, như những phiên tòa xét xử mang tính thị uy, phô trương và lấy lệ của Stalin, nhưng những bài học tích cực về tính chất trọng tội của chiến tranh - giờ đây đã hết đối với một sự khởi đầu chậm chạp, với phòng xử bị nêm cứng và cả nước Nhật đang dõi theo,dù vẫn còn đang trong một cuộc khủng hoảng lương thực nghiêm trọng.

Nhóm khởi tố xem xét các việc tố tụng theo từng giai đoạn trong một khoảng thời gian gần tám tháng, bắt đầu bằng tuyên bố mở phiên tòa gây xúc động của Keenan vào ngày 4 tháng 6. Tòa án Tokyo đem ra xét xử những người đã "tuyên bố chiến tranh chống lại nền văn minh", bởi vậy sẽ được xem xét như là một phần của "cuộc đấu tranh của nền văn minh để bảo tồn toàn thể thế giới tránh bị tiêu diệt". Ông ta sau đó tiếp tục phác thảo nguyên lý khởi tố. Sau đó các nguyên cáo hàng ngày đưa ra các hiệp ước, các hiệp định và các văn bản khác để chứng minh những gì mà các chính sách ngoại giao mà Nhật Bản và Hoa Kỳ đã thực hiện. Quá trình khởi tố đã gọi 109 nhân chứng ra khai báo bằng lời tại tòa và đưa ra xem xét 561 lời khai bằng căn bản khác (dưới các dạng các bản tuyên bố, bản khai có tuyên thệ và các cuộc thẩm vấn). Từng bước từng bước một chứng cớ chống lại những người bị buộc tội được gom góp lại. Câu chuyện đầu tiên xuất hiện là những việc chuẩn bị cho chiến tranh của Nhật Bản thông qua việc tuyên truyền, kiểm duyệt và truyền bá qua giáo dục có kiểm soát; tiếp theo là tường thuật về cách chỉ đạo những cuộc chiến tranh xâm lược với sự tập trung cao độ vào các tội ác chiến tranh của các lực lượng quân sự của đế quốc Nhật phạm phải tại các quốc gia.

Ngay tuần thứ hai của phiên tòa, luật sư bào chữa người Mỹ thiếu tá Ben Bruce Blakeney chính thức phản đối sự tham dự của thẩm phán Liên Xô bởi vì chính quyền Xô Viết trước đó đã bị đuổi ra khỏi Hội Quốc Liên vì cuộc chiến tranh hạn chế xâm chiếm Phần Lan. Bên bào chữa đã đã đưa ra vấn đề thái độ của Đồng Minh trong kỷ nguyên vừa-mới-kết-thúc về thiệt hại toàn cầu (1938-1945); sau đó bên bào chữa bắt đầu đưa ra những tranh luận "anh cũng làm thế", với ý định làm giảm những lời buộc tội của bên nguyên mà không hoàn toàn bác những lời buộc tội đó. Thỉnh thoảng quan tòa bác bỏ những tranh luận đó – trong thực tế giải thích với bên bào chữa những hành động bạo lực nào là "gây hấn", là tội ác chiến tranh và những hành động nào không phải như vậy.

tảisáchhay

Ngày 13 tháng 6, trợ lý công tố Australia, Alan Mansfield, đưa ra những tài liệu làm rõ cả các hiệp ước Hague khác nhau mà Nhật Bản đã là một thành viên và chế độ chính trị quan liêu của Nhật Bản. Tiểu sử của từng bị cáo được đọc ra và các ủy viên công tố tóm tắt cuộc chiến tranh đã được chuâẩnbị như thế nào. Hai nhân chứng người Nhật Shidehara Kijūrō và Wakatsuki Reijirō, trong số những nhân chứng khác, mô tả một quân đội hầu như tự trị, một "đất nước cảnh sát" và đặc tính đã thể hiện nền chính trị của đất nước đó trong suốt những năm 1930. Ấn tượng được khoét sâu rằng "những người theo chủ nghĩa quân phiệt" đã tổ chức "những cuộc đụng độ", thách thức quyền lực của các chính phủ kế tiếp nhau và dần dần củng cố quyền lực. Nhưng bất cứ khi nào câu hỏi nảy sinh ai là người chịu trách nhiệm về hiến pháp và đạo đức đối với quyền tối cao chỉ huy quân đội thì không có câu trả lời, vì Hirohito đang được giấu "phía sau bức bình phong shōji".

Sau một quãng thời gian nghỉ ngắn vào mùa hè để máy điều hòa được lắp vào phòng xử án, phiên tòa triệu tập lại và bắt đầu nghe những lời khai về sự xâm lược của Nhật Bản ở Trung Quốc, được bắt đầu vào khoảng thời gian xảy ra sự biến Mãn Châu. Ngày 27 tháng 6, Inukai Takeru, con trai của thủ tướng bị ám sát Inukai Tsuyoshi, đứng ra làm chứng cho bên nguyên. Bằng việc đưa ra bằng chứng, ông ta ám chỉ trực tiếp và bất ngờ tới Hirohito, khẳng định rằng cha ông ta, người mà ông ta đã làm thư ký, đã được yết kiến mà trong cuộc tiếp kiến đó cha ông ta đã trực tiếp yêu cầu Hoàng đế ra lệnh cho quân đội rút lui khỏi Mãn Châu. Thay vì nói thẳng rằng Hoàng đế từ chối, Inukai lại tuyên bố rằng vị thủ tướng "không đạt được mục đích của ông ta". Trong cuộc thẩm vấn lại sau này đối với Inukai, Hozumi Shigetaka, luật sư bào chữa cho Kido và Tōgō, hỏi tại sao Hoàng đế đã không tiếp nhận đề nghị của thủ tướng Inukai về việc ban một bản huấn lệnh ra lệnh cho quân đội rút lui; thêm nữa, dù đọc bằng tiếng Anh hay tiếng Nhật thì "phát biểu của nhân chứng có thể có hàm ý rằng Hoàng đế đã chịu trách nhiệm đối với việc mở rộng sự biến Mãn Châu." Inukai cố sửa lời phát biểu của mình nhưng những người xét xử đã bị khuấy động bởi một chiều hướng bất ngờ và đột ngột mà trong đó trách nhiệm đã bị quy cho Hoàng đế.

Ngày tiếp theo Webb thông báo phiên tòa rằng một số thẩm phán "muốn nghe nhân chứng trình bày đầy đủ hơn về quan điểm của Hoàng đế để làm sáng tỏ sự mâu thuẫn, nếu như có, trong chứng cứ của chính ông ta". Inukai rút lại một phần lời phát biểu trong ngày hôm trước của mình bằng cách nói rằng khi ông ta và cha ông ta nói về "việc rút lui khỏi Mãn Châu" thì họ hàm ý ra lệnh quân đội Triều Tiên rút về Triều Tiên và đội quân tại nhà ga Garrison quay trở về khu vực nhà ga. Tuy nhiên, cuối cùng thì Inukai không làm sáng tỏ sự mâu thuẫn. Bảy tháng sau, khi giai đoạn buộc tội đã hoàn tất việc tường thuật âm mưu và kết thúc trường hợp này, câu hỏi về vai trò của Hirohito trong các sự kiện này vẫn treo lơ lửng như đám mây trên vụ kiện. Không một bị cáo nào đã dám bàn luận về trách nhiệm chiến tranh của Hoàng đế.

V

Bên bào chữa mất mười một tháng để cố tạo nên sự vô tội của mỗi một người bị buộc tội - gần hết năm 1947, dài hơn phiên xử đầu tiên của phiên tòa Nuremberg. Việc bào chữa đưa ra, thêm so với các bị cáo, 310 nhân chứng và 214 bản khai bằng giấy của những người khác. Bên bào chữa nói chung tuân theo việc tuyên truyền thời chiến tranh của Nhật Bản

tảisáchhay

bằng việc giải thích tại sao Nhật Bản đã tham gia vào cuộc chiến tranh chống lại Hoa Kỳ và Anh, và sử dụng vô số những bài viết thời hậu chiến chỉ trích chính sách ngoại giao của Roosevelt. Khi bên bào chữa tập trung vào việc bào chữa những hành động của Nhật Bản tại Trung Quốc và vùng Thái Bình Dương, bên nguyên vạch ra rất nhiều sai sót hiển nhiên về sự thật được bên bào chữa đưa ra một cách khó hiểu. Phiên tòa lặp đi lặp lại nhiều lần rằng phần chủ yếu những chứng cứ của bên bào chữa là không thích hợp hoặc không quan trọng. Bác bỏ những tài liệu có chứa những chi tiết của về nỗ lực của Nhật Bản chống lại chủ nghĩa cộng sản Liên Xô tại châu Á và những cuộc điều tra của quốc hội Hoa Kỳ về vụ tấn công Trân Châu cảng. Khi luật sư Blakeney cố gắng đệ trình một bản tóm tắt của bản báo cáo của cựu Bộ trưởng Chiến tranh Stimson về quyết định thả bom nguyên tử xuống Nhật Bản, phiên tòa, đa số, bác bỏ việc đó. Việc bác bỏ và kết luận của cả hai bên tiếp tục diễn ra qua mùa đông và đến mùa xuân năm 1948.

Các luật sư bào chữa người Mỹ và người Nhật thể hiện một cách kém cỏi ngay từ lúc bắt đầu. Trong lời khai của vị luật sư bào chữa hàng đầu và là cựu nghị sỹ quốc hội Kiyose Ichirō, họ cố "chứng minh là sai mỗi lời buộc tội giáng vào" các thân chủ của họ nhưng không thể đồng thuận về một chiến lược chung. Bài phát biểu mở màn dài dòng của Kiyose có chủ ý rằng những hành động tàn bạo trong chiến tranh "được viện lý là sự phạm tội đối với người Do Thái ở Đức [đã] chưa bao giờ xảy ra ở Nhật, [và] chúng tôi được chuẩn bị để tạo ra chứng cứ giải thích sự káhc biệt giữa những tội ác chiến tranh của người Đức và những hành động được dẫn chứng của người bị buộc tội". Tiếp theo, luật sư bào chữa Takayanagi Kenzō đứng lên và công kích tính hợp pháp của bản hiến chương. Nối tiếp nhau các sỹ quan quân đội cao cấp của Nhật Bản, một số đang bị thẩm vấn có khả năng chính họ là tội phạm chiến tranh, được gọi ra làm nhân chứng cho bên bào chữa. nhiều luật sư bào chữa khẳng định thân chủ của họ đã hành động theo những mệnh lệnh của cấp trên và năm hoặc phải chiến đấu để ngăn chặn sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản tại châu Á . Nhiều người đề cập đến "công hàm Hull", một thuật ngữ được đưa vào từ vựng tiếng Nhật trong suốt phiên tòa và mang nghĩa rộng là kẻ hiểm ác kể từ đó. Kẻ hung ác thật sự, họ khăng khăng, là Hoa Kỳ, quốc gia đã ép buộc Nhật Bản tham gia vào cuộc chiến tranh "tự bảo vệ". Các luật sư bào chữa cũng theo đuổi việc những sách lược trì hoãn, hy vọng rằng những xung đột về ý thức hệ đang xấu đi giữa Hoa Kỳ và Liên Xô sẽ giúp những người theo chủ nghĩa quân phiệt Nhật kết luận vụ kiện của họ.

Sự kiện nổi bật của giai đoạn bào chữa là những lời khai của nguyên quan giữ ấn Kido, nguyên Bộ trưởng Ngoại giao Tōgō và tướng Tōjō. Trong cuộc thẩm vấn lại do công tố trưởng Keenan tiến hành, cả ba người tình cờ lôi kéo vị Hoàng đế vắng mặt vào.

Trong suốt hai ngày đầu Kido đứng ra làm nhân chứng, từ ngày 14 đến ngày 16 tháng 10 năm 1947, luật sư bào chữa của ông ta, William Logan, đọc to toàn bộ lời cung khai dài 297 trang bằng tiếng Anh, không bỏ qua bất kỳ cái gì cho dù Keenan phàn nàn rằng lời cung khai đó chỉ là bản sao các tài liệu của phiên tòa. Khi Logan đọc xong, mười luật sư lần lượt chất vấn Kido trong khoảng thời gian gần năm ngày. Sau đó Keenan bắt đầu vài ngày để thẩm vấn lại, với mục đích xác minh rằng "ngay từ đầu sự nghiệp chính trị của [Kido] cho đến khi Nhật Bản đầu hàng", ông ta đã (như lời của Keenan) "liên tục chống lại bất kỳ hoạt động nào cản trở vai trò của Hoàng đế... bằng một cách thức thật sự để dẫn đến luật và mệnh lệnh... và

tảisáchhay

ngăn chặn tình trạng vô luật lệ và bạo lực....” Sử dụng cuốn hồi ký của Harada Kumao để chất vấn những điều khẳng định trong nhật ký của Kido, Keenan chỉ ra rằng Kido đã đồng ý với những người theo chủ nghĩa quân phiệt trong suốt cuộc chiến tranh Trung Quốc, thay vì chống đối lại; mặc dù ông ta khẳng định đã không làm việc gì dính líu đến hoạt động chính trị, Kido đã sử dụng quyền lực chính trị to lớn một cách bí mật.

Công tố trưởng cũng buộc tội Kido liên tục đổ lỗi cho các bạn của ông ta: Harada và Konoe - cả hai đã chết – và Makino Nobuaki già lão. Ngày 23, một vài căng thẳng xảy ra giữa Keenan và Kido: tập trung vào quyền lực của Hirohito trong những quan hệ ngoại giao và các hoạt động quân sự vào đêm xảy ra vụ tấn công Trân Châu cảng và tập trung vào lời khuyên của Kido với Hoàng đế, bao gồm vai trò của ông ta trong việc thi hành Hiệp ước Ba Bên; việc tiến cử Tōjō làm thủ tướng của ông ta và việc ông ta trao bức thư vào phút cuối của tổng thống Roosevelt cho Hoàng đế. Vào lúc Kido rời ghế nhân chứng, vấn đề trách nhiệm chiến tranh của Hoàng đế lại gây tranh cãi.

Trong cuối tháng 12 năm 1947, cựu Bộ trưởng Ngoại giao Tōgō ra làm nhân chứng và thu hút sự chú ý của cả nước Nhật bằng việc tuyên bố rằng Tōjō, Shimada Shigetarō và Suzuki Teiichi đã là những người chủ trương chính tuyên chiến năm 1941. Quan trọng hơn Tōgō cũng khẳng định rằng, vào ngày 26 tháng 12, Ngoại trưởng Mỹ lúc bấy giờ Hull đã yêu cầu một cuộc rút lui ngay lập tức và triệt để tất cả lực lượng quân sự và cảnh sát khỏi Trung Quốc và Đông Dương thuộc Pháp.

Không chỉ có thế, bản công hàm Hull... đã yêu cầu rằng chúng tôi cũng phải rút khỏi khu vực Mãn Châu, điều có lẽ sẽ ngay lập tức ảnh hưởng đến Triều Tiên, dẫn đến việc chúng tôi cũng phải rút khỏi đó. Tuyên bố một cách khác nhau, tôi có thể liều lĩnh tuyên bố tình thế ở bên ngoài của chúng tôi cũng sẽ giống như chúng tôi đang đối mặt hiện nay... Nói tóm lại, bản công hàm Hull đã yêu cầu Nhật Bản quay về hiện trạng trước cuộc chiến tranh Nga-Nhật [của mình]. Điều đó sẽ trở thành tự sát đối với Nhật Bản ở Đông Á. Nếu như chúng tôi đã làm như vậy thì về phương diện kinh tế chúng tôi đã không thể tồn tại được.

Tōgō ngụ ý rằng chính quyền bị buộc phải chọn chiến tranh sau khi đã nghiên cứu kỹ càng bản “công hàm Hull”. Trên thực tế chẳng có hồ sơ nào lưu lại việc nghiên cứu này cả. Điều mà Tōgō nhận thấy làm cho không rõ ràng về việc không đủ thẩm quyền chuyên nghiệp của những đồng nghiệp ngoại giao của ông ta tại Washington là Hull đã không bao giờ nghi ngờ sự kiểm soát của Nhật Bản tại Mãn Châu quốc; và rằng Tōgō, có thể đã, nhưng không, yêu cầu hủy bỏ cuộc chiến tranh với Hoa Kỳ tại thời điểm đó bằng cách tập trung đàm phán văn kiện của Hull.

Khi tướng Tōjō ra tòa vào ngày 27 tháng 12 năm 1947, chiến dịch vận động của cả GHQ và chính quyền Nhật Bản nhằm bảo vệ Hirohito trở nên căng thẳng cao độ. Tờ *Asahi shinbun* đăng trên trang nhất lời khai của Tōjō. Đầu đề trang nhất của tờ báo này ngày hôm đó viết: “Hoàng đế không chịu trách nhiệm gì. [Tōjō] khẳng định một cách cứng rắn rằng đó là cuộc chiến tranh tự vệ”. Ba ngày sau, ngày 30 tháng 12, sau khi luật sư người Mỹ của ông ta đã đọc để ghi làm tài liệu những đoạn trích từ trong những lời cung khai trước đó của ông ta, Tōjō bảo vệ không chỉ Hoàng đế mà còn cả toàn bộ tiến trình chính trị của Nhật Bản dẫn đến

tảisáchhay

quyết định tuyên chiến vào tháng 12 năm 1941. Chính trị Nhật Bản đã không bị trải qua bất kỳ một sự biến đổi có tính phản động nào, ông ta khẳng định, nhưng đã duy trì chính-quyền-như-thường-lệ-theo-hiến-pháp-Minh-Trị. Tất cả những hành động tàn bạo trong chiến tranh của Nhật Bản là ngẫu nhiên, không phải sự truyền bá hệ tư tưởng cũng chẳng phải đặc tính truyền cho các lực lượng quân sự đã gây ra những hành động đó. Diễn thuyết trước công luận rộng rãi của Nhật Bản, chứ không chỉ trước cử tọa trong phòng xử án, Tōjō miêu tả bản thân mình như là một nạn nhân đau khổ. Ông ta phủ nhận cuộc chiến tranh xâm lược là một tội và tuyên bố:

Tôi quả quyết rằng cho đến lúc cuối cùng này, đó là một cuộc chiến tranh tự vệ và không vi phạm bất kỳ luật quốc tế nào được biết đến vào thời điểm đó. Tôi chưa bao giờ tưởng tượng ra, thậm chí cho đến tận ngày hôm nay, rằng là một công dân và một quan chức của một quốc gia bị bại trận tôi sẽ bị những người thắng trận kết tội và bị buộc tội là một người vi phạm những hiệp ước và là một kẻ phạm tội theo luật pháp quốc tế bởi vì đất nước tôi đã chiến đấu trong cuộc chiến tranh đó.

Tōjō sau đó rất thông minh chuyển trách nhiệm của Hoàng đế và của ông ta vì đã làm cho cuộc chiến tranh nổ ra thành trách nhiệm vì đã để thua cuộc chiến tranh đó. Sự bại trận đã xảy ra trong một năm rưỡi cuối cùng của cuộc chiến tranh, khi Tōjō bị mất quyền lực. Trên bục tòa ông ta thật cao thượng: "Vấn đề thứ hai là trách nhiệm của tôi với tư cách là thủ tướng lúc đó đã để bị bại trận. Về ý nghĩa này, tôi không chỉ chấp nhận trách nhiệm của mình mà từ tận đáy lòng mình tôi vui sướng chấp nhận nó."

Kỳ tích của Tōjō gợi lên những mối xúc động mạnh mẽ và giúp phục hồi lại địa vị của ông ta trong mắt những người có thái độ thù địch với phiên tòa này và muốn nhìn thấy ít nhất một trong số những người bị buộc tội đứng lên như là một hình mẫu của một bậc tôi trung. Phản ứng lại của Keenan không có hiệu quả. Tuy nhiên, ngày tiếp theo, dưới chất vấn của luật sư bào chữa của Kido, William Logan, Tōjō tạo nên một sự rúng động bằng cách gián tiếp và không cố ý ám chỉ tới Hoàng đế.

Logan: Ông có nhớ thậm chí chỉ một ví dụ là Kido đã từng phản đối một điều gì đó hay có hành động chống lại mong ước hòa bình của Hoàng đế?

Tōjō: Như tôi được biết, ví dụ như vậy chưa bao giờ xảy ra. Không chỉ có thế, không một thần dân Nhật nào lại chấp nhận để một quan chức cao cấp của Nhật Bản, đi ngược lại mong muốn của Hoàng đế.

Sơ suất của Tōjō hủy hoại cuộc tranh luận rằng Hirohito không chịu trách nhiệm đối với quyết định tuyên chiến, ngay lập tức được chỉ rõ cho bên nguyên mà chủ tọa phiên tòa là Webb. Điều này không thể bị phớt lờ. Một trong số những cố vấn thân cận nhất của Hirohito ngay lập tức gửi vài chữ cho Kido ở nhà tù Sugano để ra lệnh Tōjō sửa lỗi của ông ta. Với sự giúp đỡ của công tố trưởng Keenan, vì vậy trong phiên ra tòa tiếp theo, ngày 6 tháng 1 năm 1948, Tōjō đã làm như được yêu cầu. Tuy nhiên, nhiều mối nguy hại đã nảy sinh: chứng cứ của bên nguyên và lời khai của Tōjō đã một lần nữa ám chỉ vị Hoàng đế, người không bị đem ra xét xử.

tảisáchhay

VI

Mối đe dọa bị ép phải thoái vị đã treo lơ lửng trên đầu Hirohito trước, trong và rất lâu sau phiên tòa xét xử các tội phạm chiến tranh. Mối nguy hiểm đến từ những thành viên gần gũi trong Hoàng tộc những người muốn có tiếng nói trong đời sống chính trị và đến từ tất cả những người tin rằng có những chuẩn mực đạo đức chỉ thích hợp đối với những nhà lãnh đạo của các quốc gia.

Hoàng thân Takamatsu là một người trong số những thành viên Hoàng tộc muốn Hirohito rời ngai vàng. Khoảng một năm sau khi Nhật Bản chính thức đầu hàng, ngày 20 tháng 9 năm 1946, ông ta giãi bày trong nhật ký của mình rằng thật Hoàng đế không khôn ngoan khi vẫn ngự trên ngai vàng đơn giản là vì Hoàng đế đã có nhiều năm kinh nghiệm làm một vị vua hoặc bởi vì việc thoái vị của Hoàng đế có lẽ sẽ gây bối rối cho MacArthur. Mong đợi một chế độ nhiếp chính nhưng không thể công khai đẩy mạnh sự ứng cử của chính mình, ông ta tán thành ý tưởng để Chichibu làm nhiếp chính. Trước đó, ngày 30 tháng 9 năm 1945, ông ta đã viết rằng việc quay về thủ đô của Hoàng thân Chichibu sau một thời gian dài dưỡng bệnh "có nghĩa ông ấy sẽ gặp gỡ dân chúng và khi thời gian đến ông ấy có thể trở thành nhiếp chính vương". Takamatsu, rõ ràng tin tưởng Hirohito không được phép ngồi trên ngai vàng mãi mãi, duy trì một luồng chỉ trích vững vàng đối với Hoàng đế. Những thành viên khác của Hoàng tộc, như các Hoàng thân Mikasa và Higashikuni, cũng ủng hộ việc thoái vị sớm.

Ngay sau đó một số trí thức nổi tiếng, như triết gia có tư tưởng giải phóng Tanabe Hajime, công khai kêu gọi Hirohito "tập trung dũng khí để thể hiện một cách ứng xử chân thành hơn về trách nhiệm" bằng cách thoái vị. Hiệu trưởng trường đại học Hoàng gia Tokyo, Mambara Shigeru, cũng đề nghị Hoàng đế từ chức. Trong số những người đầu tiên tuyên bố thái độ đạo đức chống lại Hoàng đế xuất phát từ quan điểm của những người lính đã phải nằm lại chiến trường vì Hoàng đế là nhà thơ nổi tiếng Miyoshi Tatsuji. Sẽ "không có đạo đức trên thế giới" trừ phi Hoàng đế thoái vị "sớm ngay khi hoàn cảnh cho phép", Miyoshi tuyên bố trong một loạt bài viết có ảnh hưởng trong suốt mùa xuân và đầu mùa hè năm 1946:

Là người đứng đầu đất nước, đức Hoàng đế phải chịu trách nhiệm chính đối với việc bại trận.... Hoàng đế chịu trách nhiệm vì hoàn toàn cẩu thả trong cách thể hiện những nghĩa vụ của ngài. Ngài đã để cho thái độ bạo lực của những bè phái quân sự và trong nhiều năm đã không làm những việc mà ngài đáng lẽ phải làm. Những thần dân trung thành của ngài tin tưởng ngài như là một người cha nhân từ như trong câu nói "con cái của Hoàng đế". Họ tin rằng là Hoàng đế ngài là vị chỉ huy tối cao lực lượng quân sự của Hoàng đế; họ chấp hành những quy định của quân đội được ban hành dưới tên của ngài; và họ đã ngã xuống trong chiến đấu và hô to: "Đức Hoàng đế vạn tuế!". Tuy nhiên vị Hoàng đế lại kêu than: "Quân đội là mối gây phiền toá...". Chính Hoàng đế là người phản bội lại những người lính trung thành.

Phó đại thị thần Kinoshita Michio cảm thấy bản chất đúng đắn lâu dài của mối nguy hại này. Trong một bản ghi không được ký tên và không đề ngày có trong nhật ký của mình, có lẽ được viết vào khoảng đầu mùa xuân năm 1946, tìm thất trong đống đồ dùng văn phòng Bộ Nội vụ Hoàng gia, Kinoshita (hay một ai đó cùng ý kiến với ông ta) viết rằng thậm chí Hoa Kỳ và MacArthur đã quyết định duy trì chế độ quân chủ:

tảisáchhay

Trong khi mà các phiên tòa xét xử tội phạm chiến tranh đang được tiến hành, vấn đề liệu có giữ lại vị Hoàng đế hiện tại hay đưa một người khác lên thay lại nảy sinh. Tôi chắc chắn [Hoa Kỳ và tướng MacArthur] lường trước tất cả những sự chống đối đến từ dân chúng Nhật nếu họ kêu gọi bãi bỏ chế độ Hoàng đế. Nhưng họ có lẽ không lường trước sự chống đối tương tự đối với việc kêu gọi việc thoái vị của vị Hoàng đế hiện tại và tôn một người khác lên ngôi. Tùy thuộc vào những hoàn cảnh, họ có thể bắt đầu ủng hộ tình huống xảy ra. Chúng ta sẽ phải được chuẩn bị.

Tầm quan trọng mang tính sống còn là không để cho họ nói về việc thoái vị của Hoàng đế. Cách làm như vậy là để gieo một ấn tượng rằng, đối với Hoa Kỳ, vị Hoàng đế hiện tại là người đáng ao ước và tin cậy nhất trong việc kiểm soát Nhật Bản và cũng [là người đáng tin cậy nhất] trong các mối quan hệ quốc tế, đặc biệt là tại phương Đông.

Vào tháng 7 năm 1946 thậm chí người ủng hộ Hirohito nhiệt thành nhất tại GHQ, tướng Fellers, cũng hối thúc ông nên ăn năn với đất nước vì lợi ích ngăn chặn mối gây hại kéo dài đối với nền quân chủ. Trong khi đó, Kido, bị giam giữ tại nhà từ Sugamo, cân nhắc về câu hỏi về trách nhiệm chiến tranh của Hirohito nhưng hoãn không đề nghị việc thoái vị cho đến khi việc thử thách của riêng ông ta và việc chiếm đóng kết thúc.

Ngày 4 tháng 11 năm 1948, quanh khoảng thời gian các cánh quân của Mao Trạch Đông chiếm giữ Thẩm Dương và Stalin đang thử thách "Học thuyết Truman" bằng cách phong tỏa Berlin, phiên tòa Tokyo đến hồi kết thúc sau một khoảng thời gian nghỉ sáu tháng.

Thẩm phán Webb tuyên đọc trong phiên mở đầu phán quyết của tòa, nhưng đầu tiên xem lại luật của bản Hiến chương - được MacArthur ban hành và sửa chữa – xác định ba loại tội phạm chính. Loại tội phạm đầu tiên là "vạch kế hoạch, chuẩn bị, khởi xướng hoặc tiến hành một... cuộc chiến tranh xâm lược, hoặc một cuộc chiến tranh vi phạm luật quốc tế, các hiệp ước, các hiệp định... hoặc tham gia vào một kế hoạch chung hoặc thông đồng với việc thực hiện bất kỳ những điều đã nói ở trên". Theo tiền lệ của phiên tòa Nuremberg, việc tiến hành một cuộc chiến tranh như vậy được cho là "tội ác chống lại hòa bình". Nhiều bằng chứng trong suốt phiên tòa được đưa ra chứng tỏ những sự vi phạm Hiệp ước của Hội Quốc Liên, Hiệp ước Chín cường quốc liên quan đến chủ quyền, nền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ Trung Quốc, Hiệp ước Kellogg-Briand phản đối chiến tranh xâm lược như là một công cụ của chính sách quốc gia. Không giống những tội ác chiến tranh bình thường, "những tội ác chống lại hòa bình" chỉ có thể do những nhà hoạch định chính sách phạm phải. Bên nguyên đã tranh luận rằng không phải cuộc chiến tranh xâm lược đó vốn đã bất hợp pháp những chỉ mỗi hành động của cuộc chiến tranh xâm lược mà Nhật Bản bị buộc tội đã được bao hàm trong các hiệp ước mà Nhật Bản là một thành viên. Bởi vì hành động theo đuổi sự buộc tội đã bắt buộc các công tố tiến hành điều tra những nguyên nhân của cuộc chiến tranh châu Á -Thái Bình Dương, một phản ứng thù địch về tranh cãi lịch sử chưa được giải quyết đã mở ra, đặc biệt là sau khi bên bào chữa không được phép đưa ra những bằng chứng bằng văn bản về việc đã phải đối phó với chủ nghĩa cộng sản tại châu Á . Mặt khác, cả phiên tòa Nuremberg lẫn phiên tòa Tokyo đều không tuyên án tử hình chỉ có dựa trên cơ sở "những tội ác chống lại hòa bình".

tảisáchhay

Phiên phán quyết thứ hai, gây ít tranh cãi hơn với tội "vi phạm những quy tắc hay luật pháp theo tục lệ về chiến tranh". Sự phạm tội được dựa vào Công ước Hague và Công ước Geneva dựa trên những quy tắc về vùng đất xảy ra chiến sự và đối với tù nhân chiến tranh. Cả hai công ước đều được coi là những quy tắc theo tục lệ biểu hiện những tiêu chuẩn tối thiểu của đạo đức con người, được áp dụng cho tất cả các quốc gia giao chiến trong cuộc xung đột quốc tế có vũ trang. Bên bào chữa cố gắng bác bỏ những lời buộc tội vì "những vi phạm những quy tắc và những luật pháp theo tục lệ về chiến tranh" thất bại hoàn toàn trước những chứng cứ khổng lồ mà bên nguyên sắp xếp theo thứ tự để chứng minh những sự phạm tội của người Nhật trong những lời buộc tội về chiến tranh.

"Những tội ác chống lại loài người" là loại thứ ba. Thuật ngữ (lần đầu tiên xuất hiện trong chiến tranh thế giới thứ I liên quan đến những hành động tàn bạo của người Thổ Nhỹ Kỳ chống lại những người Armenia) được định nghĩa một cách chính xác trong bản Hiến chương London mà phiên tòa quân sự quốc tế tại Nuremberg đã căn cứ vào. Hiến chương chỉ rõ "tội giết người, hủy diệt, nô dịch hóa, đày đọa và những hành động độc ác khác phạm phải trước hoặc trong cuộc chiến tranh, hoặc những sự ngược đãi vì lý do chính trị hay chủng tộc...." Những tội ác này, chủ yếu chống lại dân cư dân sự, "bị trừng phạt theo luật pháp quốc tế chỉ trong chừng mực" khi chúng bị phạm phải có liên quan đến những tội ác chiến tranh. Tại Tokyo những công tố viên, tuân theo năm mươi lăm bản cáo trạng, nêu bật tội ác chứa đựng toàn bộ tội giết người đã xảy ra một cách rộng rãi "như là kết quả đến từ chiến tranh không hợp pháp gắn với những cuộc tấn công xâm lược hoặc trong sự vi phạm những hiệp ước khi các quốc gia bị tấn công đang có hòa bình với Nhật Bản". "Tội giết người" được chỉ đạo là một cái ô khổng lồ có thể và đã bao trùm cả cuộc tấn công vào Trân Châu cảng và "vụ cưỡng hiếp Nam Kinh".

Thẩm phán Webb tiếp tục thảo luận cách chỉ đạo phiên tòa và những thực tế của những trường hợp cụ thể. Mặc dù phiên tòa tìm ra sự phạm tội của quân đội Nhật chiếm đoạt quyền lực bằng cách đe dọa và ám sát, nó giải tội cho dân chúng Nhật đối với thái độ của những lực lượng quân sự của họ. Phiên tòa cũng giảm thiểu rất nhiều số lượng luận điểm buộc tội trong bản cáo trạng đầu tiên mà được coi đã được chứng minh. Webb kết luận bằng cách tóm tắt quan điểm chính "rằng việc buộc tội thông đồng với việc tiến hành [một loạt] những cuộc chiến tranh xâm lược đã được đưa ra ... những hành động này là ... tội ác ở mức độ cao nhất."

Ông ta sau đó tuyên bố những phán quyết đối với tất cả hai mươi lăm bị cáo chính. Tōjō nhận án tử hình, cùng với năm tướng khác: Itagaki Seishirō, Kimura Heitarō, Doihara Kenji, Matsui Iwane và Mutō Akira. Một viên chức dân sự, nhà cựu ngoại giao và là cựu thủ tướng Hirota Kōki, cũng bị tuyên án tử hình. Sau khi MacArthur đã bác bỏ tất cả những kêu gọi việc hoãn thi hành án, bảy trong số những luật sư bào chữa thỉnh cầu lên tòa án tối cao Mỹ. Cơ sở của họ đúng với hiến pháp: Phiên tòa Tokyo thật sự là một phiên tòa của người Mỹ được thành lập mà không có sự đồng ý của quốc hội; nó đã bắt nguồn và được điều khiển hoàn toàn trên cơ sở của những quyền hành pháp của tổng thống Truman. Ngay trước khi các thẩm phán nghe "lời thỉnh cầu" của họ, MacArthur giận dữ nói với đại diện người Anh Alvary Gascoign, rằng ngay cả khi tòa tối cao ra một lệnh đình chỉ quyền giam giữ, ông ta sẽ "phớt lờ lệnh đó" và "giao cho Ủy ban Viễn đông". Ngày 15 tháng 12, trước ngày vụ xét xử

tảisáchhay

được tranh luận tại tòa án tối cao, Ủy ban Viễn đông vội vàng thông báo rằng tòa án "là một phiên tòa quốc tế được chỉ định và hành động dưới quyền hạn quốc tế". Năm ngày sau, phiên tòa quyết định rằng nó không có quyền lực hay quyền hạn để phản đối những án đã được tuyên.

Các luật sư bào chữa đã phải nêu bật bản chất chính trị của phiên tòa Tokyo. Họ chỉ thành công trong việc tiết lộ sự phức tạp của nó, và nhấn mạnh bản chất không rõ ràng về quyền hạn của MacArthur. Vị tư lệnh tối cao bấy giờ chấp thuận và ra lệnh cho thi hành treo cổ bảy bị cáo đã được phán quyết. Thi thể của những người này sau đó được hỏa táng và phần lớn tro cốt của họ được đem rải ở biển với niềm tin mù quáng rằng làm như vậy sẽ ngăn ngừa việc một ngày nào để tro cốt của họ có thể được đưa vào thánh đường như những anh hùng liệt sỹ. Một quan thị thần khẳng định là khi nghe tin tức về cái chết của Tōjō, Hirohito đi vào phòng làm việc của mình và khóc.

Mười sáu bị cáo, bao gồm cựu Quan giữ ấn Kido và cựu Thủ tướng Hiranuma, nhận án chung thân. Nguyên Bộ trưởng Ngoại giao Tōgō nhận án hai mươi lăm năm tù giam trong khi nhà ngoại giao Shigemitsu Mamoru, không được coi là một trong những nhân vật chính chịu trách nhiệm về việc tuyên chiến, nhận án bảy năm vì đã làm Bộ trưởng Ngoại giao trong nội các Kōiso và vì đã không nỗ lực ngăn chặn những hành động ngược đãi những tù nhân chiến tranh.

Trong quan điểm riêng bày tỏ sự đồng tình của mình, Webb nói chung đồng ý với lời tuyên án theo đa số nhưng cảm thấy rằng những người Nhật bị buộc tội nên được đối xử với một sự chiếu cố hơn so với các đồng phạm người Đức, những người mà "tội ác còn tàn ác, đa dạng và trên phạm vi rộng lớn hơn nhiều". Webb dành sự chỉ trích sắc bén nhất của mình cho sự miễn tội hoàn toàn dành cho vị Hoàng đế. Kiên quyết bác bỏ lý lẽ của bên bào chữa, ông ta tuyên bố: "Không một kẻ cai trị nào có thể phạm tội ban bố chiến tranh xâm lược rồi sau đó yêu cầu được tha lỗi vì đã phải làm như vậy chỉ vì mạng sống của ông ta có lẽ sẽ gặp nguy hiểm nếu làm khác đi."

Thẩm phán B. V. A. Röling đại diện cho phía Hà Lan nhận thấy không có lý do phản đối nào trong việc miễn tội của Hirohito vì ông ta tin vị Hoàng đế đã hoàn toàn là một kẻ bù nhìn. Röling đặt cơ sở bất đồng ý kiến của ông ta trên những thiếu sót của bản hiến chương mà ông ta đã chất vấn tính chất hợp lệ của nó ngay từ đầu. Ông ta bác bỏ khái niệm "xâm lược" như là một tội ác theo luật quốc tế và cảm thấy bốn trong số những bị cáo – Kido, Hata, Hirota, Shigemitsu và Tōgō – nên được tha bổng.

Thẩm phán Pal bổ sung ý kiến bất đồng của mình trong đầu tháng 8 và đề nghị Webb cho đọc toàn bộ nguyên văn tại phiên tòa công khai theo lệ thường của Ấn Độ. Đa số bỏ phiếu để có một bản duy nhất được công bố, bản mà Webb đọc trong ngày tuyên án, ngày 12 tháng 11.

Phán quyết của Pal, tuyên bố tất cả các bị cáo vô tội đối với tất cả các tội danh bị cáo buộc, là độc nhất, chẳng bằng cách nào đại diện cho chính quyền Ấn Độ hoặc bất kỳ chính quyền của các nước châu Á nào khác. Từ quan điểm lý luận pháp luật, ông ta phủ nhận (như Röling, người có quan điểm gần gũi với ông ta nhất, đã làm) sự phạm tội của việc tuyên bố và tiến

tảisáchhay

hành chiến tranh như là quyền chủ quyền của quốc gia. Thủ tục hợp pháp theo luật quốc tế như nó đã tồn tại trong thế kỷ mười chín không thể được phát triển và mở rộng; khái niệm "xâm lược" vẫn không thể định rõ một cách hợp pháp. Những phiên tòa Nuremberg và Tokyo, đã vượt quá khuôn khổ luật pháp quốc tế như nó đã tồn tại trước chiến tranh thế giới I, là bất hợp pháp. Vậy thì những bị cáo không vi phạm luật.

Những sai lầm nghiêm trọng về sự thật làm hỏng sự phân tích lịch sử của Pal về những hành động của Nhật Bản - yếu tố thứ hai của sự bất đồng ý kiến của ông ta. Ví dụ, ông ta quả quyết rằng Trương Tác Lâm đã không bị lực lượng quân sự Nhật ám sát và rằng "công hàm Hull" là một tối hậu thư của người Mỹ. "Ngay những nhà sử gia đương thời", ông ta viết, "có thể nghĩ rằng [về] cuộc chiến tranh này, công quốc Monaco [và] đại công quốc Luxembourrg cũng có thể đã cầm vũ khí để chống lại Hoa Kỳ khi nhận được một công hàm như đã được Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ gửi cho chính quyền Nhật Bản vào đêm xảy ra vụ Trân Châu cảng." Pal phản đối mục đích chính trị của phiên tòa và một trong những mục đích giáo dục chính của việc chiếm đóng: ấy là, làm cho người dân Nhật hiểu sự phạm tội chiến tranh. Mặc dù ý định công khai của mình, ông ta kết thúc việc tranh cãi về sự vô tội của Nhật Bản và mạnh mẽ tán thành quan điểm chính thức của Nhật Bản về lịch sử thời chiến tranh.

Mặc dù "chương trình phạm tội chiến tranh" của CIE ngăn cấm việc công bố đầy đủ những ý kiến bất đồng tại phiên tòa Tokyo nhưng thẩm phán Webb ghi nhớ ngay tại phiên tòa những ý kiến bất đồng của gần một nửa các thẩm phán tại phiên tòa. Sự độc lập của các thẩm phán nước ngoài và sự tồn tại những bản tuyên án của thiểu số gây ấn tượng cho công luận Nhật và góp phần vào sự chấp thuận các kết quả của phiên tòa.

VII

Phiên tòa Tokyo, mặc dù những thủ tục có phần thiếu sót và bản chất chính trị phức tạp của nó, tác động sâu và nhiều mặt tới người dân Nhật và quan điểm của họ về cuộc chiến tranh bị thất bại. Một số quan điểm của cánh hữu là chỉ trích rất mạnh, phẫn uất, tức giận và không bao giờ chỉ trích sự xâm lược của Nhật Bản. Kishi Nobusuke, trong nhật ký viết tại nhà tù Sugamo của mình mô tả phiên tòa xét xử các tội phạm chiến tranh là một "trò hề" và hiến dâng cuộc đời chính trị còn lại của mình để cố gắng xóa bỏ những ảnh hưởng của phiên tòa đó. Những người thuộc cánh hữu khác, cảm thấy rằng Nhật Bản bị lột trần đã xấu hổ trước cả thế giới, cố lờ đi phiên tòa, xóa khỏi đầu họ ký ức về phiên tòa, ngăn chặn sự truyền của bất kỳ bài học văn hóa và chính trị xác thực nào. Vị cựu thủ tướng có tư tưởng bảo thủ Ashida dự đoán rằng phiên tòa sẽ không gây những hậu quả lớn ở trong nước.

Những người cộng sản hầu như đã là những người duy nhất yêu cầu một cách mạnh mẽ việc theo đuổi trách nhiệm chiến tranh và sự trừng phạt nghiêm khắc đối với những tội phạm bị kết án. Nhưng trong giới học thuật, những nhà trí thức theo chủ nghĩa Mác có khuynh hướng bàn luận qua loa về phiên tòa như là một cơ hội đã mất để đẩy mạnh quá trình dân chủ hóa của Nhật Bản và coi phiên tòa là một sự kiện lịch sử tầm thường. Hiến chương dành cho phiên tòa đã được sửa đổi để cho phép những nhà lãnh đạo đất nước thoát khỏi trách nhiệm, và quá trình xét xử đã bị sửa đổi lại vì MacArthur ban cho Hirohito và các nhà lãnh đạo tài chính và các thương gia của Nhật được miễn tội hoàn toàn. Một số

tảisáchhay

nhà sử học Mác-xít cũng chỉ ra, một cách chính xác, rằng phiên tòa Tokyo đã đẩy mạnh quan điểm lịch sử tinh hoa nhấ trong chững mực nào đấy như nó làm cho cách giải quyết hướng về cuộc chiến tranh "xoay quanh mối xung đột giữa những người quân phiệt cực đoan và những nhà lãnh đạo chính trị ôn hoà". Tuy nhiên, bên ngoài các trường đại học, theo như một bản báo cáo của tình báo quân sự Mỹ chuẩn bị trong tháng 8 năm 1948, đa số người Nhật có thái độ "tiêu cực" đối với những nhà lãnh đạo đất nước bị buộc tội, những cũng cảm thấy họ đã nhận được một phán quyết công bằng trong hoàn cảnh như vậy. Sau khi các bản tuyên án được tuyên, phản ứng của dân chúng đối với phiên tòa được biểu lộ một cách tích cực trong những nỗ lực không ngừng để xây dựng lại, cải thiện và làm cho Nhật Bản trở thành một "đất nước thật hòa bình".

Đối với điều này có thể thêm: Thật nghi ngờ những bị cáo sẽ được đối xử một cách công bằng nếu như họ đã được xét xử tại một tòa án của Nhật vì coi thường "tinh thần hòa bình" của Hoàng đế như được mường tượng trong một tài liệu không đề ngày - bản chiếu chỉ khẩn của Hoàng đế được cung cấp cho phiên tòa và bản án tử hình - được tìm thấy trong đống giấy tờ tài liệu của Makino Nobuaki và người ta tin rằng chúng đã được viết trong giai đoạn nội các của thủ tướng Shidehara.

Quan trọng hơn, phiên tòa Tokyo chưa bao giờ là một vụ kiện cởi mở của hai bên thù địch, đưa những người chiến thắng ra đọ sức với những kẻ chiến bại. Lời cáo buộc "công lý của những người chiến thắng", chủ yếu bị Pal nhắm vào công kích một cách kịch liệt, là và vẫn tồn tại hoàn toàn giản dị thái quá và cản trở sự nhận biết điều gì thật sự đã xảy ra. Việc kiện tụng tại Tokyo, trên thực tế, rốt cuộc là một phiên tòa chính trị chung của người Mỹ và người Nhật Trong suốt giai đoạn chuẩn bị của phiên tòa này Hirohito và những người thân cận nhất của ông tham gia bí mật ở phía sau hậu trường, giúp chọn lựa và ảnh hưởng đến những nhân vật bị buộc tội là những tội phạm chiến tranh. Các cận thần của Hoàng đế, Terasaki và Matsudaira là những người cung cấp tin tức cho các thành viên của ủy ban điều hành của IPS, cơ quan lên danh sách những người bị truy tố. Những quan tùy tùng khác, những người cố gắng bảo vệ cả Hoàng đế và những chính khách cao cấp, cũng làm như vậy. Các cố vấn của Hoàng cung và các viên chức Bộ Ngoại giao chỉ thị cho các nghi phạm loại A bị giam tại nhà tù Sugamo được nói những gì; đồng thời họ nuôi dưỡng các mối quan hệ với Keenan và những vị luật sư của cả bên bào chữa lẫn bên buộc tội.

Các thành viên Hoàng tộc, đặc biệt là Hoàng thân Takamatsu, và các cố vấn của Hoàng cung như là Matsudaira mời những người đại diện cho nước Mỹ tại tòa tới dự những bữa tiệc cocktail, những buổi lễ đón tiếp và "những cuộc săn vịt" của Hoàng gia với mục đích giành lấy sự ủng hộ, nuôi dưỡng những cộng tác viên và thu được thông tin. Cá nhân Hirohito phê chuẩn việc tăng chi tiêu tại Hoàng cung một cách đúng đắn đối với những cuộc vui chơi như vậy. Các viên chức của ông hợp tác trong những cuộc thẩm vấn và cung cấp những bằng chứng bởi vì họ muốn trói chặt trách nhiệm đối với việc xâm lược vào một ít người của phe quân sự - trong khi để lại một ấn tượng rằng Hoàng đế và thần dân của ông ta đã hoàn toàn bị lừa gạt. Các thành viên của nhóm quần thần được tái tổ chức và mở rộng trong khoảng thời gian đầu sau khi đầu hàng thành công trong việc gài vào bản tiếng Anh chính thức về kết thúc chiến tranh thế giới thứ II một lời giải thích giả làm mờ vai trò của Hirohito trong việc trì hoãn sự đầu hàng. Những nhân vật tinh hoa bảo thủ này, những người mà Keenan

tảisáchhay

gọi là "những người yêu hòa bình", ở một mức độ nào đó gây ảnh hưởng tới quá trình buộc tội, quá trình xét xử và thậm chí là những lời tuyên án cuối cùng.

Phiên tòa Tokyo thành công trong việc tiết lộ cả sự lừa dối của các lãnh đạo cuộc chiến tranh lẫn sự miễn cưỡng chấp nhận trách nhiệm pháp lý đối với những hành động phạm tội của họ khi còn nắm quyền. Phiên tòa để lộ ra, lần đầu tiên tại Nhật Bản, những sự thật về cuộc ám sát Trương Tác Lâm và âm mưu của đội quân Quan Đông mà đã dẫn đến sự biến Mãn Châu. Phiên tòa cung cấp tài liệu về việc ngược đãi và tàn sát tù nhân chiến tranh thuộc quân Đồng Minh và các thường dân tại nhiều nơi ở châu Á và vùng Thái Bình Dương, gồm cả những nơi nổi tiếng nhất là Bataan và đường xe lửa Thái-Miến chạy qua sông Kwai. Bằng chứng về những hành động tàn bạo tại Nam Kinh được thừa nhận, và trong suốt phiên tòa xét xử tướng Matsui Iwane dân chúng Nhật được củng cố qua các bài báo viết về phiên tòa xét xử các tội phạm chiến tranh tại Nam Kinh, phiên tòa đã tuyên án tử hình đối với hai viên tướng Tani Hisao và Isogai Rensuke, trong số những kẻ phạm tội khác, vì vai trò của họ trong đa số những hành động tàn bạo xảy ra trong những năm 1937-1938. Cuộc tàn sát dân thường của quân Nhật tại Manila, nơi mà quân Mỹ pháo kích bừa bãi cũng làm tăng thêm số người chết, được mô tả chi tiết. Việc đưa ra bằng chứng về việc hãm hiếp các tù nhân nữ và phụ nữ tại các vùng bị chiếm đóng, và việc buộc tội hãm hiếp trong một phiên tòa quốc tế xét xử tội phạm chiến tranh, tạo ra những tiền lệ tích cực cho tương lai.

Sau cùng, phiên tòa Tokyo đã ảnh hưởng đến thái độ chính trị của người dân Nhật. Bị ảnh hưởng bởi những gì mà họ đã được giáo dục rằng chiến tranh là một việc làm khó khăn của quốc gia, nhiều người kiên quyết rằng Nhật Bản sẽ không bao giờ tham gia chiến tranh nữa và cống hiến cuộc đời cho việc tạo ra những lý tưởng dân chủ và những quy tắc quốc tế. Vì phiên tòa củng cố sự căm ghét của dân chúng đối với chủ nghĩa quân phiệt và chiến tranh, nó góp phần vào việc chấp nhận bản hiến pháp mới. Phong trào hòa bình của người Nhật đã sử dụng những chứng cứ của phiên tòa để loại bỏ cấu trúc giá trị xưa cũ của Hoàng gia Nhật. Báo chí Nhật, với sự nài ép của CIE, hàng ngày tường thuật về quá trình xét xử, và như thế là tuân theo cơ quan kiểm duyệt của quân đội chiếm đóng, đưa ra một lý do về con đường dẫn đến chiến tranh chính xác hơn nhiều so với câu chuyện mà người dân thường Nhật đã bị dẫn dắt để tin tưởng. Thêm nữa, một số lượng khổng lồ tài liệu được bên buộc tội và bên bào chữa tích lũy bảo tồn, và cho đến ngày nay vẫn cung cấp như là một nguồn tư liệu lịch sử vô giá.

Tuy nhiên, dưới con mắt của một số người Nhật và một vài nhà phê bình và quan sát viên nước ngoài, phiên tòa Tokyo là không hoàn thiện. Tòa án đã không bảo vệ một cách thỏa đáng những quyền của các bị cáo theo luật tội phạm quốc tế. Trong bản cáo trạng của mình, bên khởi tố nhấn mạnh vào việc buộc tội âm mưu - một khái niệm pháp lý vay mượn sử dụng trong hệ thống luật Anglo-Saxon khá phổ biến nhưng được các luật sư lục địa coi là mơ hồ và sai niên đại lịch sử. Keenan và MacArthur, tuân theo chính sách của Truman, làm rắc rối cho quá trình ra quyết định của người Nhật bằng cách bỏ quên một người nắm quyền lực trong suốt quãng thời gian 17 năm được cho là có âm mưu (từ ngày 1 tháng 1 năm 1928 đến ngày 2 tháng 9 năm 1945). Người đó là Hoàng đế: Chính ông ta có thể đã phê chuẩn cho sự nhất trí bí ẩn của những nguyện vọng để tiến hành một "cuộc chiến tranh xâm lược bất hợp pháp và vi phạm những luật pháp, hiệp ước, hiệp định và các cam kết quốc tế".

tảisáchhay

Hơn nữa, các nước Đồng Minh cũng đã phạm những tội ác chiến tranh nhưng lại từ chối áp dụng những nguyên tắc của phiên tòa Nuremberg đối với sự chỉ đạo của riêng họ. Trong thời gian hơn ba mươi mốt tháng phiên tòa được mở ra, cuộc chiến tranh lạnh giữa Hoa Kỳ và Liên Xô dần trở nên tồi tệ đi và điều này ảnh hưởng đến quá trình xét xử. Chủ nghĩa thực dân của phương Tây tại châu Á vẫn còn tồn tại sống động và sâu sắc. Điều này có nghĩa là phiên tòa Tokyo nêu bật, theo cách mà phiên tòa Nuremberg đã không nêu ra, mối quan hệ mơ hồ giữa chủ nghĩa đế quốc và luật quốc tế. Sự thật là không một thẩm phán nào đến từ "Đông Ấn thuộc Hà Lan" hay Triều Tiên vốn trước đó là thuộc địa tham dự phiên tòa xét xử lại có hiệu quả. Thậm chí những hành động của chính quyền Pháp và Hà Lan trong nỗ lực khôi phục lại sự thống trị thuộc địa của họ tại vùng Đông Nam Á và sự ảnh hưởng của người Mỹ ở khắp mọi nơi tại khu vực châu Á và Thái Bình Dương lại có hiệu quả hơn. Chính quyền Truman đã trợ giúp về kinh tế cho Pháp trong khi nước này đang đánh nhau với Việt Minh. Tại Trung Quốc, chính quyền Truman cho phép quân đội Nhật Bản đã đầu hàng chiến đấu bên cạnh phe Tưởng Giới Thạch và cung cấp cho lực lượng quân đội của Tưởng trang thiết bị và các cố vấn quân sự để giúp Tưởng hồi phục lại cuộc nội chiến chống lại những người cộng sản. Tại những phần chưa phát triển ở châu Á và Thái Bình Dương, những nhà lãnh đạo Mỹ dường như đi theo tiền lệ của Nhật Bản là giữ toàn thể các quốc gia đó trong "địa vị thích hợp" của họ.

Bản tuyên án cuối cùng, cùng với năm "bản phụ lục" chứa đựng những chi tiết dành cho tất cả các điểm buộc tội được viện ra chống lại những người bị buộc tội, đã được đưa ra tòa vào ngày 4 tháng 5 năm 1946. Bản tuyên án chỉ rõ việc sản xuất và phân phát các loại ma túy; bản phụ lục D, phần 9, ghi rõ những chiến dịch sử dụng khí độc của Nhật Bản tại Trung Quốc, cũng vi phạm luật pháp quốc tế. Bên khởi tố truy cứu vấn đề ma túy nhưng bỏ qua vấn đề khí độc.

Đại tá Thomas H. Morrow, vị luật sư mà Keenan đã giao trọng trách về "Tất cả các cuộc xâm lược quân sự tại Trung Quốc trong giai đoạn 1937-1945", đã tới Trung Quốc vào tháng Ba năm 1946 và điều tra về vấn đề này. Bản báo cáo của ông ta ngày 26 tháng 4 gửi cho Keenan gây ra một cuộc phản công bí mật từ Cơ quan Chiến tranh Hóa học (CWS) của Hoa Kỳ. Cơ quan này nhấn mạnh, dựa trên cơ sở của lập luận mang tính pháp lý, rằng Nhật Bản đã không hành động một cách bất hợp pháp trong việc tiến hành cuộc chiến tranh hóa học. Đã phát triển những kho khí độc tối tân nhất trên thế giới lúc bấy giờ và đã từ chối cơ hội sử dụng các vũ khí mới của mình trong Chiến tranh Thế giới thứ Hai, CWS muốn tòa án không tiến hành một hành động nào có thể dẫn đến việc quy là phạm tội sử dụng khí độc, đặc biệt khi cơ quan này tin rằng cuộc chiến tranh với Liên Xô là sắp xảy ra. Cho tới tận ngày nay vẫn không rõ liệu MacArthur hay một ai đó có chức vụ cao hơn trong số các tướng lĩnh quân đội có đưa ra quyết định thật sự không theo đuổi việc tuyên án đối với quân đội Nhật vì đã sử dụng vũ khí hóa học hay không. Nhưng trong suốt hai tháng đầu tiên diễn ra phiên tòa vấn đề này đã bị bỏ qua. Tổng thống Truman, người thiếu sự sáng suốt để nhận thấy quan hệ mật thiết của điều đang bị đe dọa, vì mục đích thiết thực cho phép chính sách thời chiến của Roosevelt kết tội việc sử dụng khí độc như là một phương thức phi nhân tính và bất hợp pháp của chiến tranh được hủy bỏ. Những sỹ quan người Nhật có liên quan đến chiến tranh hóa học và các nhà lãnh đạo quân đội Mỹ, những người không muốn tay họ bị trói bởi luật pháp quốc tế là những người được hưởng lợi nhất. Đồng thời thế giới mất đi cơ hội

tảisáchhay

ngăn chặn việc phổ biến vũ khí hóa học. Vào ngày 12 tháng 8 năm 1946, viên đại tá đầy thất vọng Morrow từ chức, có lẽ vì vấn đề này, và quay trở về Mỹ.

Trong số rất nhiều những người được miễn truy tố mà MacArthur và quân Đồng Minh ban ơn cho vì nhiều lý do lợi ích quốc gia có tướng Ishii Shirō và các sỹ quan và quân lính của đơn vị 731, những người đã phải chịu trách nhiệm đối với cuộc chiến tranh hóa học tại Trung Quốc. Số lượng được ước đoán rằng cứ ba trong số mười tù nhân chiến tranh chủ yếu là người Trung Quốc đã bị giết trong các cuộc thử nghiệm sinh học do Ishi tiến hành đã bị phớt lờ. Quyền tiếp cận nguồn dữ liệu về thử nghiệm trong các vụ giết người được tham mưu trưởng và MacArthur xem xét còn cao hơn cả công lý.

Sự hiểu biết còn rơi rớt lại về một "cuộc chiến tranh thần thánh" và việc tiếp nối cảm nhận xưa cũ về những giá trị trong nhiều người Nhật rõ ràng rút ngắn khoảng thời gian tự xem xét đã nối tiếp những sự phát giác tội phạm chiến tranh. Niềm tin lan truyền rộng rãi cho người Nhật rằng chiến tranh là một hiện tượng tự nhiên của xã hội, một cái gì đó chỉ xảy ra trong số các quốc gia thông qua không phải tội lỗi của chính quốc gia đó, ngăn chặn việc tự nhận xét về những hành động tàn bạo trong chiến tranh tại Trung Quốc; và dưới quan điểm của một số tác giả người Nhật cũng có một sự cảm nhận yếu ớt về tự do ý chí cá nhân và một cuộc sống hợp với luân thường đạo lý phụ thuộc một cách thái quá vào quan điểm của những người khác. Nhưng lý do chủ yếu tại sao các tội phạm chiến tranh người Nhật lại nhanh chóng bị lãng quên cần phải làm rõ với chính Hirohito. Tính hợp pháp của các cuộc chiến tranh xâm lược của Nhật Bản - niềm tin rằng Nhật Bản đã xâm chiếm rất nhiều quốc gia ở châu Á và Thái Bình Dương nhằm giải phóng cho các quốc gia đó – không bị làm mất thể diện hoàn toàn trừ phi ông ta phải bị đem ra xét xử và cuộc điều tra nào đó được tiến hành nhằm tìm hiểu về vai trò của ông ta trong các cuộc chiến tranh này, đặc biệt là sự bất lực hay bất đắc dĩ của ông ta nhằm giữ các lực lượng quân sự Nhật hành động có đạo đức ở một mức độ nào đó hơn là lòng trung thành và chiến thắng. Sau cùng, nhiều người Nhật đã đồng lõa với ông ta trong việc tiến hành chiến tranh và cả đất nước đi đến suy nghĩ rằng bởi vì Hoàng đế đã không chịu trách nhiệm, họ cũng không phải chịu trách nhiệm.

Người Nhật bắt đầu một cuộc đối chất cực kỳ nghiêm trọng với tội ác chiến tranh – nhưng quyết định ngay lúc ban đầu của MacArthur và Truman do không phân bổ trách nhiệm đúng cách, để cho Kido và Tōjō nhận phần trách nhiệm của Hoàng đế, đã giảm thiểu sự đối chất đó; những thay đổi mạnh mẽ trong chính sách của Truman trong những năm 1947 - 1948 cũng bị ảnh hưởng bởi quyết định này. Điều tương tự cũng xảy ra tại nước Đức bị chia cắt, nơi mà chính sách của Truman, được thực thi bởi viên cao ủy người Mỹ, John McCloy, hạn chế việc tiến đến chương trình xóa bỏ chủ nghĩa nazi bằng cách đánh giá lại chủ nghĩa đó để áp dụng cho một nhóm nhỏ những phạm nhân người Đức. Phiên tòa Tokyo, và những sự thanh trừng sau đó, thất bại trong việc giải quyết vấn đề nhiều mặt của Nhật Bản về trách nhiệm chiến tranh; bằng một cách nào đó chúng còn làm cho vấn đề trở nên khó khăn hơn.

Bảo vệ Hoàng đế và lưu ý hình ảnh của ông ta là những việc làm chính trị phức tạp có thể đạt được chỉ bằng cách cường điệu thô thiển mối đe dọa sự chấn động xã hội tại Nhật Bản, gian lận lời khai, hủy bỏ chứng cớ và bóp méo lịch sử. Người ta không biết rằng liệu

tảisáchhay

Hirohito có bị phạm tội bởi việc xáo trộn này với công lý, hay liệu ông ta có bao gồm nó trong các bản tấu trình lên các vong linh của các tổ tiên Hoàng tộc ông ta hay không. Chúng ta có thể chắc chắn rằng thông qua việc xử tử Tōjō, Hirohito không bao giờ đánh mất tầm nhìn về những mục đích lớn lao hơn của ông ta, những mục đích để ngăn chặn sức ép trong và ngoài nước đối với việc thoái vị của ông ta, để bảo tồn chế độ quân chủ, và do đó để duy trì một vương quốc ổn định và một nguyên tắc hợp pháp trong đời sống chính trị tại Nhật Bản.

tảisáchhay

16. Cứu vớt Không khí Huyền bí của Hoàng đế

Dịp đón năm mới 1946 đến vào tháng thứ năm bị chiếm đóng, nước Nhật dường như bị xé làm đôi. Một mặt những cựu bịn bị giải giáp và những công chức dân sự bị cách chức tiếp tục hồi hương về nước từ lục địa châu Á ; hàng triệu người lâm vào cảnh vô gia cư; chế độ phân phối khẩu phần ăn bị phá sản; và những khu chợ đen mọc lên ở khắp mọi nơi. Nông dân đã bắt đầu những cuộc đấu tranh chính trị để đạt được dân chủ hóa của chính quyền địa phương tại cấp thôn. Cải cách ruộng đất vẫn chưa được bắt đầu, nhưng tá điền và những người làm nghề trồng trọt nhỏ biểu tình biểu lộ mối bất bình của họ chống lại giới chủ đất - một cột trụ xã hội của chế độ quân chủ thời tiền chiến tranh kể từ thời Minh Trị. Một mặt khác sự hỗn loạn và mất tinh thần có thể thấy rõ trước đó bắt đầu tạo ra lối thoát cho sự hứng khởi và khích động của trí thức. Dường như đối với nhiều, không phải là tất cả những người phái tả, việc bị bại trận và bị chiếm đóng có thể sớm đưa đến cải cách triệt để và căn bản. Sự thay đổi mang tính tổ chức chính còn chưa định hình và có thể sắp xảy ra.

Ngày 13 tháng 1 năm 1946, một ông Reginald Blyth nào đó, giáo viên tại trường Peer cũng, một cách thân mật, là một cố vấn cho Bộ phận Giáo dục và Thông tin dân sự của GHQ, gửi cho quan đại thần của Hirohito một bức thư. Nhận thấy nguy cơ hệ thống phân phối thức ăn sắp sụp đổ, Blyth đề xuất rằng Hoàng đế chống lại vấn đề nghiêm trọng này:

Chỉ Hoàng đế có cơ hội để ... tạo ra động lực gây xúc cảm đối với việc phân phát thức ăn một cách đúng đắn mà không cần một thị trường chợ đen. Ông ta nên thực hiện một chuyến vi hành vòng quanh Nhật Bản, đến thăm những khu mỏ than và các quận làm nông nghiệp. Ông ta nên lắng nghe dân chúng, nói chuyện với họ, đặt ra các câu hỏi với họ. Khi quay trở về ông ta nên ban bố một bản tuyên bố liên quan đến,ví dụ, tích trữ lương thực, sự cần thiết của sự hy sinh tại thời điểm hiện tại, như đã xảy ra với thời chiến tranh. Ông ta nên thổ lộ tâm tình, cất lên tiếng nói của con người và yêu cầu người dân Nhật hãy chia sẻ nguồn dự trữ của họ.

Hirohito bắt đầu những chuyến đi để chống chọi với tình trạng khó khăn thông qua "những chuyến viếng thăm thần thánh" *(gyōkō*), được MacArthur và các cố vấn về quan hệ cộng đồng của ông ta trong GHQ nhiệt tình ủng hộ. Họ muốn vị Hoàng đế thể hiện rằng ông ta "thật sự quan tâm đến thần dân". Về phía Hoàng đế, sự khó xử tột cùng biểu thị trong những cuộc gặp gỡ ban đầu, và về phía dân chúng thì sửng sốt và không chắc chắn.

Ngày 26 tháng Ba năm 1946, nhà báo Mark Gayn gặp vị Hoàng đế đang đến thăm một bệnh viện dành cho những người bị thương trong chiến tranh tại thành phố Takasaki, tỉnh Gumma. Hirohito khi đó đang trong giai đoạn đầu trở thành "người bình thường" và muốn thúc đẩy quá trình đó tiến triển, Gayn đã kể lại cuộc gặp gỡ không thể nào quên như sau:

Tôi đã được nhìn rõ vị Hoàng đế, hay "Charlie", như chúng ta vẫn gọi ông ta. Ông ta là một người đàn ông nhỏ bé, cao khoảng năm feet hai inch, mặc áo complê kẻ sọc màu xám được cắt tồi, với chiếc quần ngắn khoảng vài inch so với ông ta. Ông ta có tật máy giật ở mặt rất

tảisáchhay

dễ nhận thấy và vai phải giật giật liên tục. Khi bước đi, ông ta đưa chân phải hơi sang ngang một chút như thể ông ta không điều khiển được nó. Ông ta rõ ràng bị kích thích và ốm yếu và không biết làm gì với cánh tay và bàn tay của mình.

Đầu tiên, ông ta lê chân qua đám bệnh nhân, thỉnh thoảng dừng lại để đọc các biểu đồ bệnh án. Sau đó ông ta hình như quyết định thời điểm nói lên vài lời. Ông ta cố đưa ra vài câu hỏi nhưng dường như tất cả các câu hỏi đó đều không đúng chỗ. Cuối cùng, ông ta dừng lại ở câu hỏi đơn giản "Ông từ đâu đến?". Ông ta giờ đây đi từ người này đến người kia, hỏi những câu hỏi, và khi bệnh nhân trả lời, vị Hoàng đế thốt lên: "À, thế à!" Giọng ông ta như thể ông ta ngạc nhiên khi biết bệnh nhân đó đến từ Akita hay Wakayama hay đảo Hokkaido. Giọng nói của ông ta cao và khi thời gian qua đi nó trở nên yếu hơn và cao hơn.

Những người Mỹ thiếu tôn kính tất cả giờ đây đang đợi cái âm thanh thiếu tính người "À, thế à" và khi nó phát ra họ lại thúc khủyu tay vào nhau, cười phá lên và nhại lại. Nhưng trò cười có vẻ kết thúc. Chúng ta giờ đây có thể nhìn thấy hình ảnh vị Hoàng đế đó là gì: một người đàn ông nhỏ bé, thảm hại và mệt mỏi, bị buộc phải làm một công việc khó chịu đối với ông ta và phải cố liều mạng để kiềm chế giọng nói, gương mặt và thân thể không tuân lời của mình. Không khí nóng và yên lặng, chẳng có âm thanh nào khác ngoài giọng nói the thé của vị Hoàng đế và những tiếng thở nặng nề của những người đi theo hộ tống ông ta.

Tuy nhiên, dân chúng nhanh chóng trở nên quen với việc nhìn thấy vị Hoàng đế đi thăm chỗ này chỗ kia trong bộ com lê không vừa vặn và có vẻ "dân chủ" của ông, đưa ra những câu đáp lời máy móc, thỉnh thoảng lại mỉm cười – cử chỉ cơ thể mà những vị thần sống được cho là không nên làm. Được sự trợ giúp của các quan lại trung thành đóng vai trò như cò mồi, GHQ và dư luận báo chí được kiểm duyệt của Nhật liên tục thổi phồng ý nghĩa của những chuyến đi của Hoàng đế, dần dần sự nhiệt tình của đại chúng tăng lên. Ở một mức độ nào đó, Bộ Nội vụ Hoàng gia cố gắng chìa tay ra với dân chúng trong năm 1946 bằng cách phân phát (với sự cho phép của MacArthur) tiền bạc, đất đai, nhà cửa và gỗ làm nhà cho những mục đích công cộng. Ở một mức độ hoàn toàn khác, một nền quân chủ mới đang trong quá trình được sinh ra tại một quốc gia cũng đã đổi tên của mình từ một cái tên mang giống đực "Đại đế quốc Nhật Bản" *(Dai Nippon teikoku*) thành một cái tên nữ tính hơn "Nhật Bản" *(Nihonkoku*).

Các viên quan triều đình lên kế hoạch cho những chuyến đi – Ōgane Masujirō và Katō Susumu - nhấn mạnh rằng đó là "ý định của đức Hoàng đế" và viện dẫn tiền lệ về những chuyến tuần du vĩ đại của Minh Trị trong giai đoạn từ 1872 đến 1885. Sự tương đồng là sai lạc. Hoàng đế Minh Trị đã tuần du trong một thời đại khủng hoảng được biểu thị bằng những xáo trộn mạnh mẽ và lo âu về chính trị đặt ra một mối nguy hiểm đối với nền quân chủ mới nổi lên. Những chuyến đi của ông là một phần của chương trình tuần du để tạo cho sự hiện diện của ông được nhận biết trong lòng dân chúng và thiết lập quyền lực của mình như là một quyền lực thật sự - nói ngắn gọn là tạo nên mối quan hệ vững chắc và không bao gồm tình cảm con người giữa Hoàng đế với thần dân, điều đó biểu hiện uy quyền của ông.

Ngược lại, chính Hirohito diễn tả mục đích của mình như là liệu pháp chữa bệnh. Ông muốn "an ủi dân chúng đang chịu đựng nỗi thống khổ của họ" và "động viên họ nỗ lực trong việc

tảisáchhay

tái thiết". Ông tin (như nhật ký của Kinoshita ngày 31 tháng Ba năm 1946 tiết lộ) rằng ông có thể thực hiện những chuyến đi tới khắp đất nước một cách nhanh chóng và hoàn thành nhiệm vụ của mình trong vòng một năm. Ông muốn chặn trước quan điểm có thể nổ ra của phe Cộng hòa bằng cách đảo ngược và làm dịu tính khắt khe của mối quan hệ Hoàng đế - thần dân trước kia và vì vậy tạo nên nền quân chủ trở nên bình dân và "dân chủ" hơn. Tất nhiên, so sánh giữa những chuyến đi của Hirohito với Minh Trị, không nên quên rằng sẽ không có bất kỳ chuyến đi nào mà lại không có sự ủng hộ mạnh mẽ của MacArthur.

Những chuyến đi ban đầu diễn ra khi GHQ đã kết thúc những nghi thức quốc gia để tỏ lòng trân trọng đối với những người tử trận trong chiến tranh bằng cách ra lệnh Hoàng đế, vào ngày 30 tháng 4 năm 1946, dừng việc thăm viếng hoặc cử những đại diện tới đền thờ Yasukuni. Khi những chuyến đi dần dần chiếm được sự hoan nghênh của công chúng, Hirohito và đội ngũ dưới quyền của ông nắm bắt lấy những khả năng được tạo ra không chỉ cho việc thể hiện sự yêu mến đối với Hoàng đế, và do đó sự hữu dụng đối với Tổng hành dinh và Ủy ban Viễn đông, mà còn đối với giành lại một số quyền lực của ông đã bị mất. Sự thờ ơ đối với vị Hoàng đế đã trở nên phổ biến tại những vùng thành thị nơi dân chúng bắt gặp những cảnh tranh giành thức ăn và nơi ở diễn ra hàng ngày. Nhưng trong số rất nhiều người dân, những cảm giác xưa cũ về sự sợ hãi và niềm tin vào Hoàng đế vẫn tồn tại, phức tạp bởi sự thương hại và cảm thông đối với ông như một con người, đã bị bại trận, giờ đây cần sự bảo vệ của MacArthur. Ngoài ra, do đã từ bỏ những huyền thoại về tính thần thánh của mình và phơi bày chính bản thân mình dưới ánh sáng của nền dân chủ dưới những điều kiện về tự do bày tỏ của họ hàng, cả Hoàng đế lẫn những quan tùy tùng của ông đều không thể dễ dàng kiểm soát những cuộc tiếp kiến đang ngày càng nhiều hơn.

Trong đầu tháng 10 năm 1946 Hirohito có cuộc hội kiến thứ ba đầy thận trọng với MacArthur. Ông bắt đầu cảm ơn vị tướng vì sự giúp đỡ hòa phóng về lương thực trong suốt tháng 5, sau đó ông đưa ra "tình cảm xấu" đối với Nhật Bản tại nước Mỹ so với những tình cảm thân thiện đang hiện hữu tại GHQ. MacArthur đáp lại rằng, với "sự giáo dục lại", dư luận công chúng Mỹ có thể cải thiện. Vị tướng mỉm cười nói thêm, "Tôi luôn luôn nói với những người Mỹ đến thăm rằng Hoàng đế là người dân chủ nhất [ở đây], nhưng không ai trong số họ tin tôi cả." MacArthur đề cập đến bản hiến pháp mới; Hirohito viện dẫn hoàn cảnh quốc tế phức tạp và bày tỏ mối lo sợ rằng Nhật Bản có thể gặp nguy hiểm. MacArthur phỏng đoán rằng một ngày nào đó thế giới sẽ ca ngợi bản hiến pháp mới và trong một thế kỷ Nhật Bản sẽ là "dân tộc lãnh đạo về đạo đức của thế giới". Hirohito tiếp đó bày tỏ những lo ngại của ông về tình trạng náo động của lực lượng lao động. Người Nhật là một dân tộc, ông phàn nàn, có nền giáo dục ở mức độ thấp và "thiếu một ý thức về tín ngưỡng". MacArthur nói ông không nên lo lắng: "Sức mạnh tự nhiên của người dân Nhật biểu lộ trong tình yêu của họ và tôn trọng ông, [giờ đây] cũng như trong quá khứ." Vào cuối buổi gặp mặt MacArthur động viên ông tiếp tục những chuyến đi.

Vào dịp đó và những dịp khác trogn năm 1946, Hirohito kể cho MacArthur rằng người dân Nhật là những đứa trẻ. Họ "thiếu sự bình tĩnh" và là "những kẻ bắt chước mù quáng", luôn sẵn sàng bắt chước những hình mẫu từ ngoại quốc. Ông nói lại những điều này với cả Inada và Kinoshita, những người ghi lại báo cáo bí mật về cuộc chiến tranh của ông. Thật riêng tư, ông thêm rằng bởi vì hiến pháp sửa đổi, "bại trận còn tốt hơn cho đất nước hơn là nếu như

tảisáchhay

chúng ta đã trở nên hoàn toàn quân phiệt như kết quả của chiến thắng." Sốt sắng nhìn sự bại trận trong một tia hy vọng, Hirohito liên tục nói với những nhà lãnh đạo cao nhất của đất nước điều mà họ đã biết rồi: thua trận có thể có một tác động tích cực miễn là họ hợp tác với kẻ thù và tọa điều kiện cho cải cách ôn hoà. Nên nhớ, ông ta cảnh báo họ tại nơi nghỉ dưỡng mùa hè tại Hayama nhân dịp lễ kỷ niệm đầu hàng lần đầu tiên, "Đây không phải là lần đầu tiên Nhật Bản bại trận. Cách đây từ rất lâu [trong thế kỷ thứ bảy sau công nguyên] chúng ta đã tiến đánh Triều Tiên và đã rút lui sau khi bị đánh bại trong trận chiến Hakusukinoe. Kể từ sau đó chúng ta đã tiến hành nhiều cải cách và những cải cách đó đã trở thành bước ngoặt đối với việc phát triển văn hóa Nhật."

I

Năm 1947 là giai đoạn quyết định thứ hai trong việc phát triển hình ảnh mới của Hirohito như là một vị Hoàng đế "dân chủ" và "người thường", người đã chịu đựng cùng với dân chúng của mình. Lúc này, Bộ Giáo dục biên tập và xuất bản một giáo trình vô cùng ảnh hưởng, *Atarashii kenpō no hanashi* (Câu chuyện về bản hiến pháp mới), nhấn mạnh những lý tưởng về dân chủ, chủ nghĩa quốc tế, chủ quyền đại chúng và việc cấm chiến tranh, trong khi sử dụng những từ ngữ kính cẩn nhất khi đề cập đến vị Hoàng đế. Các phương tiện truyền thông đại chúng Nhật đạt được sự đồng thuận với chính quyền về những luật lệ đối với việc sử dụng những lời lẽ kính cẩn nhất trong những tin tức liên quan đến Hoàng đế, trong khi triều đình phục hồi lại việc thực hiện những nghi lễ ban tước như thời trước chiến tranh. Vị Hoàng đế viết một bức thư cho tổng thống Truman thông qua công tố viên trưởng Joseph B. Keenan. Ông cho thi hành việc đón nhận những lời chúc mừng năm mới vào ngày 2 tháng 1 tại cầu Nijū trong Hoàng cung.

Khi Hirohito lại bắt đầu những chuyến đi trong năm 1947, những chuyến đi này trở thành những sự kiện này trong chốc lát gây cảm động của đông đảo người dân và vượt hơn cả sự mong đợi của những người tổ chức chúng. Các chuyến đi từ tỉnh này đến tình khác, từ thành phố này đến thành phố khác tương phản với những bài báo hàng ngày viết về phiên tòa xét xử các tội phạm chiến tranh và về mối quan hệ đang xấu đi giữa Liên Xô và Hoa Kỳ. Học thuyết Truman ngày 12 tháng Ba năm 1947, đánh dấu bước khởi đầu chính thức cho cuộc chiến tranh Lạnh tại châu Âu. Khi cuộc chiến tranh Lạnh căng thẳng, chính sách Hoa Kỳ - Nhật Bản càng trở nên bảo thủ, chuyển từ việc nhấn mạnh vào cải cách và dân chủ sang tái xây dựng và phát triển kinh tế - và khôi phục những đặc quyền quản lý tại nơi làm việc.

Những tín hiệu của một sự mềm hóa trong chính sách bồi thường của Mỹ: Vào ngày 17 tháng 3, MacArthur nói với các phóng viên báo chí nước ngoài rằng Hoa Kỳ không có ý định phá hủy khả năng công nghiệp của Nhật Bản. Bức thư của ông ta gửi cho Thủ tướng Yoshida yêu cầu chuẩn bị một kế hoạch toàn diện để tái khởi động nền kinh tế. Vào thời gian diễn ra cuộc tổng bầu cử thứ hai sau chiến tranh, ngày 25 tháng 4 năm 1947, GHQ đã đưa cho chính quyền Nhật một ưu tiên mới: Nhật Bản phải trở nên tự độc lập về kinh tế, có khả năng nắm lấy vỉtí của mình trong một trật tự thế giới được tái xây dựng dưới sự lãnh đạo của Hoa Kỳ.

Từ quan điểm của Hirohito, những phát triển này dường như ngụ ý rằng GHQ đang giảm sự kiểm soát và đưa ra những khả năng mà trước đây chưa từng tồn tại đối với ông để vận

tảisáchhay

động một cách độc lập. Ngày 6 tháng 5 năm 1947, ba ngày sau khi ban bố hiến pháp mới, Hirohito gặp lại MacArthur. Ông quan tâm đến những vấn đề an ninh hơn là thúc đẩy dân chủ. Theo nhà cựu ngoại giao Matsui Akira, Hoàng đế hỏi vị tư lệnh tối cao, "Sau khi Hoa Kỳ rút đi, ai là người sẽ bảo vệ Nhật Bản?" Không đếm xỉa gì đến độc lập của Nhật Bản, MacArthur trả lời, "Cũng giống như chúng tôi bảo vệ California, vậy chúng tôi sẽ bảo vệ Nhật Bản", và tiếp tục nhấn mạnh lý tưởng của Liên Hiệp Quốc. Hirohito khó được bảo hiểm lại. Nhưng tháng tiếp theo, trong một cuộc gặp gỡ một nhóm các nhà báo Mỹ, MacArthur tuyên bố rằng"[n]gười Nhật sẽ không phản đối người Mỹ giữ Okinawa bởi vì người Okinawa không phải là người Nhật." Vị tướng đã nghĩ rằng một nước Nhật Bản hợp hiến đã "mãi mãi từ bỏ chiến tranh như là một quyền chủ quyền của đất nước" có thể được bảo vệ bằng cách biến đổi Okinawa thành một căn cứ quân sự Mỹ to lớn và lâu dài.

Trong mùa hè năm 1947 Hirohito lại tiếp tục đi kinh lý. Những đoàn tàu Hoàng gia và xe mô tô hộ tống trở nên lớn hơn; mỗi một chuyến đi được chuẩn bị công phu hơn, tiêu tốn hơn và được biết đến nhiều hơn. Những thành viên quốc hội bảo thủ và những chính trị gia địa phương, với đánh giá cho rằng vị thế của họ trước công chúng sẽ có lợi từ mối giao thiệp gần gũi với Hoàng đế, chen nhau để leo lên toa tàu trần chở Hoàng đế. Khi Hoàng đế đến Osaka vào đầu tháng 6, những chuyến đi, được dự định để kiểm tra những khu vực bị thiệt hại, đã trở thành những cuộc diễu hành chiến thắng lớn. Cờ có hình mặt trời bị cắm tung bay trên các mái nhà và được hàng ngàn người dân nồng nhiệt cầm vẫy chào Hoàng đế. Một nhà quan sát khách quan có thể có ấn tượng rằng cả đất nước dường như đang ca tụng vị Hoàng đế, người mà giờ đây xuất hiện như là một người chiến thắng sau tất cả những gì đã xảy ra. Ngày 1 tháng 6 năm 1947, sau khi đã được quốc hội lựa chọn theo bản hiến pháp mới, Katayama Tetsu thành lập một chính phủ liên hiệp. Hirohito, không hài lòng với hiện thực rằng giờ đây ông đứng ngoài quá trình lựa chọn thủ tướng kế nhiệm, chỉ có thể biểu lộ sự không hài lòng của mình bằng cách nói rằng "Katayama không đủ mạnh." Sau đó, ông khăng khăng đòi vị thủ tướng mới phải gửi một bản báo cáo chính thức tới cung điện Kyoto cho mình. Ngày 24 tháng 7, ông yêu cầu bộ trưởng ngoại giao của nội các Katayama, Ashida Hitoshi, tiếp tục gửi cho ông những báo cáo chính thức về các vấn đề về chính sách đối ngoại. Ngay cả Ashida, một người rất trung thành, cũng cảm thấy rằng những yêu cầu của Hoàng đế vi phạm câu chữ và tinh thần của bản hiến pháp mới. Một cách miễn cưỡng, ông ta tuân theo và sau đó thường xuyên gửi báo cáo tóm tắt tới Hirohito, đặc biệt vào dịp chuẩn bị cho một bản hiệp định hòa bình sắp diễn ra và vấn đề an ninh trong tương lai của Nhật Bản.

Hirohito giờ đây đã tiến hành việc quay trở lại lần thứ hai với vai trò là một nhà hoạt động chính trị trong những công việc của đất nước, điều này vi phạm bản hiến pháp mới. Ngày 5 tháng 6 năm 1947, Bộ trưởng Ngoại giao Ashida lưu ý với các hãng truyền thông nước ngoài rằng nhân dân Nhật mong muốn Okinawa được trả về cho Nhật Bản. Câu trả lời của tướng MacArthur được đưa ra trong ba tuần sau, vào ngày 27, khi trong những nhận xét được biết rộng rãi gửi tới một nhóm những biên tập viên và nhà xuất bản, ông ta tuyên bố rằng "Quần đảo Ryuhyu là biên giới tự nhiên của chúng ta"; Nhật Bản không được phản đối sự có có mặt của Hoa Kỳ tại Okinawa, vì "người Okinawa không phải là người Nhật." Và thêm nữa, những căn cứ không quân của Mỹ tại Okinawa là quan trọng đối với chính nền an ninh của Nhật Bản. Về điểm này – sau khi cả Ashida và MacArthur đã tuyên bố công khai về

tảisáchhay

Okinawa, nhưng trước khi Bộ Ngoại giao và Lầu Năm Góc đã đi đến thống nhất và khẳng định chính sách của Mỹ liên quan đến hòn đảo chiến lược này – Hirohito can thiệp vào với một tuyên bố chính trị không hợp hiến xác nhận chủ quyền của Nhật Bản trong khi tán thành những quan điểm của MacArthur, người bảo hộ của nền quân chủ Nhật.

Ngày 20 tháng 9 năm 1947, Hirohito chuyển cho cố vấn chính trị của MacArthur, William J. Sebald, quan điểm của mình về tương lai của Okinawa. Tác động thông qua Terasaki, người phiên dịch của Hoàng đế và là liên lạc viên thường xuyên với các viên chức cao cấp tại GHQ, Hoàng đế đề nghị rằng, với quan điểm về mối xung đột ngày càng xấu đi giữa Liên Xô và Hoa Kỳ, việc chiếm đóng của quân đội Mỹ tại Okinawa và các đảo khác tại quần đảo Ryukuy tiếp tục trong chín-mươi-chín năm. Hirohito biết những quan điểm mới nhất của MacArthur về tình trạng của Okinawa khi ông đưa ra lời đề nghị này. Sự suy nghĩ của vị Hoàng đế về Okinawa là hoàn toàn hợp với tinh thần thuộc địa của những nhà chính trị tinh hoa bảo thủ cốt yếu, những người, cũng giống như cả đất nước nói chung, đã chưa bao giờ bị trao nền độc lập cho thuộc địa. Quay ngược trở về tháng 12 năm 1945, nghị viện Hoàng gia thứ tám-mươi-chín đã bãi bỏ những quyền bầu cử của dân chúng tại Okinawa cùng với những người dân tại những thuộc địa trước kia của Nhật Bản là Đài Loan và Triều Tiên. Chính vì vậy, khi nghị viện Hoàng gia thứ chín mươi đã họp trong năm 1946 để chấp nhận bản hiến pháp "hoà bình" mới, không một đại diện nào của Okinawa có mặt.

"Thông điệp Okinawa" của Hirohito chứng tỏ rằng ông ta đang tiếp tục đóng một vai trò bí mật trong cả công việc đối ngoại lẫn đối nội những công việc chẳng có gì liên quan đến vai trò mang tính nghi lễ mà nghị viện hạn chế ông ta. Nhưng điều đó cũng gợi ý sức mạnh to lớn mà ông đặt lên "sự lớn mạnh của những nhóm cánh tả và cánh hữu của [Nhật] những người có thể gây một xung đột mà Liên Xô có thể lợi dụng". Hirohito, giống như Bộ Ngoại giao, muốn duy trì sự có mặt của quân đội Mỹ bên trong cũng như xung quanh Nhật Bản sau khi ký kết một hiệp định hòa bình. Cùng lúc đó, ông cũng có thể cảm thấy sự cần thiết phải gần gũi hơn với Hoa Kỳ để được bảo vệ trong khi các phiên xử của tòa án Tokyo đang xảy ra. Nhưng trên tất thảy, thông điệp của ông cho thấy mối liên hệ giữa biểu tượng của nền quân chủ mới, điều 9 của bản hiến pháp mới sau chiến tranh, và quá trình quân sự hóa của người Mỹ tại Okinawa.

Ngày 10 tháng 10 năm 1947, trong khi Hirohito đang đi đến thành phố Nagaoka, tỉnh Niigata, công tố viên trưởng Joseph B. Keenan tuyên bố rằng cả Hoàng đế lẫn cộng đồng kinh doanh không phải chịu trách nhiệm về chiến tranh. Trong năm trước đó tại Hoa Kỳ, Keenan đã để lộ ra rằng "những nhóm chính trị cao cấp" đã quyết định chống lại việc xét xử Hoàng đế như là tội phạm chiến tranh. Việc nhắc lại công khai của Keenan về quyết định đối với Nhật Bản là tin tức tốt lành đối với Hirohito, người nhiều tháng trước đó, trong tháng Ba năm 1946, đã được biết một cách bí mật rằng ông ta sẽ không bị truy tố. Đối với các nhà lãnh đạo trong giới kinh doanh Nhật, những người sẽ sớm trở thành những người ủng hộ chính về tài chính cho nền quân chủ mới, tuyên bố của Keenan cũng là tin vui, nhưng được bù đắp một phần vì sự nhiệt tình vẫn tiếp tục của MacArthur đối với sự tan rã của những khối công nghiệp lớn của Nhật Bản và đối với sự dân chủ hóa có giới hạn về kinh tế.

tảisáchhay

Trong khi đó, sức ép đối với việc thoái vị của Hoàng đế và đối với việc cải tổ triều đình trong tương lai vẫn tiếp tục. Ngày 14 tháng 10 năm 1947, GHQ lại cắt giảm số lượng các thành viên Hoàng tộc, những người có thể chiếm giữ địa vị Hoàng gia. Tiếp theo đó là nhiều tin tức không tốt lành đối với Hirohito và những người ủng hộ ông. Bộ trưởng Ngoại giao Ashida ghi trong nhật ký của ông ta một buổi gặp mặt với cựu tướng quân Tanaka Ryūkichi, một người có "nhiều điểm tương đồng" với công tố viên trưởng Keenan. Tanaka nói với Ashida rằng Keenan từ chối giao phó việc thẩm vấn đới với Kido, Tōjō và Tōgō chobất kỳ ai khác ngoài ông ta ra, nhưng ông ta lo sợ nỗ lực của ông ta và những người khác có thể thành công cốc nếu như Hoàng hậu và Thái tử hành động "quá lộ liễu" trong việc đi khắp đất nước. Keenan (theo tướng Tanaka, qua Ashida) dự định đến thăm Hoàng đế sau phiên tòa để thảo luận về "vấn đề thoái vị và những vấn đề khác". Tanaka cũng nói rằng "MacArthur bị thuyết phục rằng luật của chế độ quân chủ là cần thiết để ổn định Nhật Bản và đàn áp Đảng Cộng sản." Một tháng sau, ngày 14 tháng 11 năm 1947, Hirohito gặp tướng MacArthur lần thứ năm. Chẳng có chuyện gì họ bàn luận trong cuộc gặp mặt kéo dài chín mươi phút được biết, mặc dù dường như những vấn đề chính trị sẽ được đề cập cũng giống như các cuộc gặp mặt trước. Ngày 26, ông khởi hành đến khu vực Chūgoku ở phía tây nam đảo Honshu trong chuyến đi cuối cùng trong năm.

Ngày 7 tháng 12 năm 1947 – sáu năm sau cuộc đột kích Trân Châu cảng và 26 tháng sau khi kết thúc chiến tranh – Hirohito và đoàn tùy tùng đến thành phố đã bị đánh bom nguyên tử Hiroshima. Đường phố đã được quét dọn sạch sẽ nhân dịp này. Đội chiếc mũ phớt màu xám đậm và mặc bộ quần áo mà dưới quan điểm của một nhà quan sát người Australia "có lẽ đã được chọn lựa một cách có chủ ý để không bị quá coi là quá thanh lịch", Hoàng đế dường như "đại diện cho người nghèo khổ nhưng tìm ra cái nhìn đặc trưng của Nhật Bản hiện thời." Hàng nghìn người lớn và trẻ em xếp thành hàng trên hành tuyến đường dài mà đoàn xe hộ tống ông sẽ đi vào thành phố. Tại điểm dừng chân đầu tiên, những trẻ em mồ côi vì chiến tranh trong những chiếc áo màu đen đang quỳ phục để đợi ông:

Và đang đứng bên cạnh chúng là một số rất ít các bà mẹ mặt đầy những vết sẹo, họ bế những đứa trẻ ít nhiều bị dị tật. Trong khi các máy ảnh chớp sáng và đám đông ngày càng phấn khích xô đẩy nhau, vị Hoàng đế lắng nghe, mũ cầm ở tay, một lời giải thích ngắn gọn về điều gì đã xảy ra với nhóm người này. Ông lẩm bẩm cụm từ ngắn "vậy à" và làm như thể nói vào một cái micrô được hướng về phía mình. Sau đó môi ông run run và khẽ cúi đầu chào ông quay trở về xe ô tô của mình. Vào thời điểm này, đám đông nổi cáu. Những tiếng hét to nổi lên, dân chúng xô đẩy nhau tiến lên phía trước, mắt họ sắng rực và tất cả những mặt nạ lãnh đạm của họ xóa sạch trên gương mặt họ. Những quan chức Bộ Nội vụ [Hoàng gia] và cảnh sát bị xô đẩy và giẫm lên trước khi ông quay lại xe. Không ai trong số đám đông dân chúng chạm được tay vào chiếc xe chở ông.

Đoàn chúng ta tiếp tục đi về điểm dừng chân thứ hai, tại quảng trường của thành phố nơi mà viên thị trưởng, các viên chức của thành phố và đám đông khoảng chừng 50.000 người - một phần tư dân số của thành phố lúc hiện thời, đang đứng đợi để đón chào ông.... Ở đây các bạn lạ thấy dân chúng khóc lóc đầy cảm động.... Hoàng đế leo lên một bục cao... và lại được chụp ảnh từ mọi phía. [Rút một miếng giấy nhỏ từ trong túi] ông đọc một bài diễn văn ngắn gọn, đơn giản.... Tại tòa thị chính thành phố, ông bước lên tầng cao, nơi mà viên thị

tảisáchhay

trưởng đang đợi với một tấm bản đồ chỉ cho ông biết thành phố đã, đang và sẽ được quy hoạch ... Một chiếc kính quan sát được đặt trên một chiếc khăn tay màu tím để dành cho Hoàng đế sử dụng, những ông không động đến nó. Đó là lần đầu tiên trong ngày hôm đó, ông hoàn toàn vượt qua nỗi lo sợ và dường như nóng lòng muốn thoát đi.

Vào thời điểm này GHQ đã bắt đầu đánh giá lại những chuyến đi của Hoàng gia để chống lại những chỉ trích đang tăng lên trong và ngoài nước cũng như những chỉ trích ngay chính tại GHQ. Paul J. Kent thuộc Ban Chính trị được cử đi cùng vị Hoàng đế đến khu vực Chūgoku. Báo cáo ban đầu của Kent, đề ngày 16 tháng 12 năm 1947, lưu ý số lượng khổng lồ trong phái đoàn của Hoàng đế: khoảng một trăm các quan chức và người phục vụ, cộng thêm vô vàn các nhà báo và các phóng viên ảnh của các tờ báo và tạp chí của Nhật, những người "bám theo phái đoàn của Hoàng đế ở mọi quãng đường của chuyến đi... [và] được cung cấp chỗ trên chuyến tàu chở Hoàng đế và có xe buýt hoặc xe ô tô đưa đón khi đi lại tại địa phương." Kent khiển trách "đám đông những người sùng kính, những người tùy tùng, những tên ăn trộm chó má và những người hầu" về "chi phí khổng lồ được lấy từ các quỹ của các chính quyền địa phương và các tập đoàn tư nhân. Ông ta tiếp tục lưu ý rằng:

Hầu như tất cả các đường phố mà phái đoàn của Hoàng đế đi qua đã vừa mới được sửa chữa lại... [và] những điểm mà ông ta đứng lên để quan sát các cánh đồng và các nông trang đều được lát nền và được làm mái che. Các cột trụ và các vòm cuốn, thường được treo đầy hoa và cành cây, được dựng ở lối vào các quảng trường , các góc phố và các lối dẫn lên các cây cầu. Các bao lơn mà ông ta đặt tay lên được phủ vải, các lối đi mà ông ta đặt chân lên ít khi được trải thảm. Nếu có một người quan tâm đến kết quả tập thể... người đó buộc phải kết thúc số tiền gây kinh ngạc được dành cho các hãng mà chẳng phục vụ cho bất kỳ mục đích hữu ích nào... hoàn toàn phi lý tại một quốc gia đang đứng trên bờ vực của sự sụp đổ về tài chính.

Vị Hoàng đế Kent nhấn mạnh "không nhìn thấy những điều kiện hiện tại" và những chuyến đi kiểm tra, những chuyến đi dường như giống các "chuyến đi vận động" hơn, được thực hiện chủ yếu để giữ hình ảnh của ông ta trong con mắt của công chúng. Tồi tệ hơn, thay vì dân chủ hóa nền quân chủ, những chuyến đi lại làm tăng thêm "quyền lực và sự ảnh hưởng của Hoàng đế."

Kent không dám chỉ trích bản thân Hirohito vì hoàn cảnh đáng tiếc của công việc nhưng thay vì vậy lại mô tả ông như sau:

Hay lo lắng về những dị tật về vóc dáng bên ngoài; những cử chỉ và hành động của ông ta thật ngớ ngẩn và không được phối hợp tốt với nhau. Ông ta lưỡng lự trước khi nói hay hành động. Nếu không hoàn toàn tự giác, ông ta chắc chắn không thoải mái.... Trong hầu hết tất cả các dịp bộ mặt của ông ta trống rỗng không có bất kỳ biểu cảm gì. Ông ta cười trong vài lần, khi nói chuyện với trẻ em, và khi tiếng hô vạn tuế giả bộ được hô to. Ông ta thậm chí còn ăn mặc thật tồi tàn.

Sau cùng Kent quy cho trạng thái không thoải mái của Hoàng đế là do thái độ của những quan chức Hoàng gia, những người cũng bị ông ta trách cứ vì hai việc đặc biệt rắc rối xảy ra. Một là chuyến đi của Hoàng đế đến Hirosihma vào dịp kỷ niệm lần thứ sáu trận chiến Trân

tảisáchhay

Châu cảng. Sự việc rắc rối thứ hai làm cho Kent tức giận là "việc treo cờ [có hình mặt trời] rộng rãi và có tổ chức'' diễn ra vào ngày 11 tháng 12, ngày cuối cùng trong chuyến đi đến Chūgoku.

GHQ nhanh chóng hành động. Ngày 12 tháng 1 năm 1948, bộ phận chính quyền của GHQ ra lệnh hủy bỏ những "chuyến đi vận động" của Hoàng đế tại những địa điểm quan trọng mà các viên chức của Văn phòng Nội vụ Hoàng gia đã vi phạm tinh thần của vô số các mệnh lệnh của GHQ. Họ đã làm cho chính bản thân họ trở nên kiêu căng và phi dân chủ, và bộ máy quan liêu của Nhật, sử dụng sai các quỹ công một cách trắng trợn, đã thu các khoản thuế bất chính để tài trợ cho các chuyến đi của Hoàng đế. GHQ cũng ghi nhận những lời đồn đại về âm mưu chống lại Hoàng đế, liên quan đến những người được cho là cộng sản Triều Tiên, những người bất mãn về Luật đăng ký người nước ngoài mới được ban hành. Mặc dù không nói rõ nhưng GHQ lo sợ rằng, thay vì loại bỏ tất cả các dấu vết về sự thần thánh của Hoàng đế và giải phóng toàn thể công dân Nhật khỏi thứ tình cảm thần dân của họ, những chuyến đi của Hoàng đế lại thực ra là cổ vũ cho sự sùng bái thần tượng cũ.

II

Ngày đầu năm mới 1948, Hirohito chào đón hàng vạn người người tụ tập tại quảng trường trước cung điện để chúc mừng ông. Trong giữa tháng Giêng, ông tổ chức "buổi đọc thơ đón năm mới của Hoàng gia" *(utakai hajime)* nổi tiếng tại cung điện. Nghi lễ này đã được tổ chức lần đầu trong năm thứ hai khôi phục lại chế độ quân chủ thời Minh Trị, năm 1869, và mỗi lần khuấy động nền dân chủ đã dần đàn được mở rộng cho các thần dân Nhật, tiếp đó các công dân. Những người tranh giải trình những bài thơ *waka* (Hoà ca) theo những đề tài đã được chọn và những bài thơ *waka* hay nhất được chọn ra. Đối với các quan lại triều đình và những nhà tư tưởng, những buổi đọc thơ mang tính nghi lễ như thế này có lợi cho việc làm tan những khác biệt về chính trị và xã hội trong người Nhật. Trên thực tế, hiệu ứng lại khá trái ngược. Bởi vì Hoàng đế hạ cố để nghe những bài thơ của dân thường và người dân tầm thường khiêm nhường lắng nghe những bài thơ của ông nên Hoàng đế và dân chúng trở thành một. Nhữnggiá trị vè chính trị và tư tưởng vì vậy được tái sinh thông qua các *utakai hajime*, và sự vờ hiểu đất nước như một khối không giai cấp được được tái tượng trưng hóa.

Sau đó trong năm 1948 Hirohito đóng góp từ thiện công khai rộng rãi và thử nghiệm ba kiểu viếng thăm mới được cắt ngắn: những chuyến đi ngắn để tham dự các buổi lễ trồng cây, hiện diện tại các sự kiện thể thao, các dự án xã hội và văn hóa được các tổ chức tư nhân tài trợ xảy ra gần Hoàng cung.

Khi Hoàng đế triệu tập quốc hội trong tháng 1 năm 1948, việc các thành viên quốc hội tiếp tục thực hiện "đi giật lùi" gây ra một rắc rối. Bất cứ khi nào Hoàng đế bước vào tòa nhà quốc hội qua lối cửa đặc biệt được dành riêng cho ông, đầu tiên ông sẽ tiếp những nhà lãnh đạo của lưỡng viện trong một khán phòng đặc biệt. Theo truyền thống, các thành viên quốc hội bước vào căn phòng đó để tiếp kiến Hoàng đế phải bước thẳng đến một điểm ngay trước mặt Hoàng đế, cúi gập đầu, rồi đi sang hai bên hay đi giật lùi ra cửa gần nhất, cách đi này tránh bị lộ gáy hay mặt nhìn nghiêng của họ về phía Hoàng đế, hành động bị coi là bất kính. Nhưng trong tháng 1 năm 1948, khi Hoàng đế bước vào khán phòng đặc biệt đó để tiếp

tảisáchhay

nhận những cái cúi đầu chào của chủ tịch và phó chủ tịch thượng viện và hạ viện, Matsumoto Jiichirō, phó chủ tịch thượng viện và là đảng viên Đảng Xã hội, lại không có mặt. Ông ta sau đó nói chuyện với các đồng nghiệp của ông ta: "Tại sao tôi phải bắt chước kiểu đi của con cua? ... Chẳng phải ông ta [mới] trở thành là một con người bình thường rồi sao?"

Matsumoto đã tiết lộ ra những phong tục thời tiền chiến không thích hợp như thế nào với thủ tục theo hiến pháp mới vẫn còn được tuân theo. Tuy nhiên, thay vì được kính trọng vì lòng can đảm của mình, ông ta lại bị trừng phạt. Hành vi và phát biểu của ông ta (như nhà báo Matsuura Sōzō ghi lại) hoàn toàn làm cho Yoshida Shigeru và những nhà bảo thủ trung thành khác xa lánh, những người đã và đang đấu tranh từ "sự cố cổ động" năm 1946 để phục hồi lại tội khi quân trong bộ luật hình sự mới. Trong một khoảng thời gian ngắn, Matsumoto bị GHQ thanh lọc, với sự trợ giúp từ Yoshida, và sự nghiệp chính trị tạm thời chấm dứt, trong khi kiểu"đi giật lùi" trước mặt Hoàng đế vẫn tiếp tục.

Rắc rối kiểu "đi giật lùi" rõ ràng nêu bật sự cần thiết đối với việc cải cách thêm các quy tắc ứng xử có liên quan đến nền quân chủ mới. mặc dù lệnh cấm đối với các chiến dịch của Hoàng gia và sự vắng bóng các bài báo viết về các chuyến đi của Hoàng đế trên mặt báo các tờ nhật báo lớn, những nỗ lực của Hoàng đế để tranh thủ sự ủng hộ của dân chúng vẫn tiếp tục; quá trình hạn chế chế độ quân chủ cũng tiếp tục.

Ngày 10 tháng 2 năm 1948, toàn thể nội các Katayama do đảng Xã hội lãnh đạo từ chức là kết quả tất yếu của xung đột giữa những bè phái cánh tả và cánh hữu của nó. Katayama ngay sau đó báo cáo việc từ chức của ông ta cho Hoàng đế, mặc dù hiến pháp mới không đòi hỏi ông ta phải làm vậy. Bốn tuần sau, ngày 10 tháng 3, Ashida Hitoshi thành lập nội các Hội Quốc Liên không ổn định mới lần thứ hai. Hirohito nói với ông ta với một kiểu cách Hoàng gia truyền thống "Hãy làm việc gì đó với Đảng Cộng sản." Ashida giải thích rằng đảng phái là hợp pháp và chính quyền không thể kiện những người cộng sản trừ phi họ hành động bất hợp pháp. Ông ta tiếp tục cảnh báo vị Hoàng đế rằng những chuyến đi của Hoàng đế đã và đang sinh ra "hàng núi thư từ" được gửi đến GHQ và đang gây nguy hiểm cho chế độ quân chủ mới. Bằng cách này, Ashida tiết lộ ý định sẽ tiếp tục nỗ lực bất thành của nội các Katayama để dân chủ hóa triều đình. Trong hai tháng Hirohito chống lại, kêu gọi "học thuyết quả lắc" cải cách từ từ yêu thích của mình. Nhưng cuối cùng, Ashida thuyết phục ông sa thải những cố vấn tối cao của ông. Trong suốt mùa hè, những người điều hành những chuyến đi quan trọng Ōgane, Katō và Matsudaira biến mất khỏi vũ đài.

Trong khi đó uy tín của Hoàng đế vẫn không bị lung lay.Trong tháng 4 phiên tòa xét xử các tội phạm chiến tranh ngừng lại để chuẩn bị cho những bản tuyên án cuối cùng. Những trí thức liên quan tới tương lai của nền quân chủ mới một lần nữa lại gọi việc tiếp tục lẩn tránh trách nhiệm chính trị và đạo đức của Hirohito đối với những hành động của ông trong suốt cuộc chiến tranh và đối với nỗi thống khổ mà ông ta đã gây ra cho đất nước. Một số người thậm chí mong đợi ông sẽ dùng kết luận của phiên tòa để tuyên bố từ chức.

Năm 1948 là quãng thời gian chuyển tiếp trong việc định hình nền chính trị của Nhật Bản do cuộcđối đầu Xô-Mỹ. Ngày 7 tháng 10, nội các Ashida sụp đổ sau bảy tháng tại nhiệm; vài ngày sau một người bảo thủ hơn, Yoshida Shigeru, thành lập nội các lần thứ hai của mình.

tảisáchhay

Một tháng sau phiên tòa Tokyo xét xử các tội phạm chiến tranh đi đến hồi kết. Những phán quyết được tuyên vào chiều ngày 12 tháng 11. Ngày 23 tháng 12 năm 1948, bảy bị cáo nhận tử hình bị treo cổ tại nhà tù Sugamo.

Ngày hôm sau, MacArthur phóng thích mười chín nghi phạm chiến tranh loại A ra khỏi nhà tù hoặc không bị quản lý tại gia, không người nào trong số này bị buộc tội hay xét xử. bao gồm trong số này là các cựu bộ trưởng như Kishi Nobusuke, người đã ký bản tuyên bố chiến tranh chống lại Hoa Kỳ trong năm 1941; Abe Genki, viên quan cảnh sát chịu trách nhiệm đàn áp những bất đồng chính trị dưới thời nội các của Tōjō và Suzuki; và những thủ lĩnh cánh hữu Kodama Yoshi và Sasagawa Ryōichi.

Trong vài năm tiếp theo những chính trị gia Nhật và chính bản thân Hoàng đế kêu gọi phóng thích tất cả các tội phạm loại A, B và C, và trong hầu hết các trường hợp MacArthur và người kế nhiệm ông ta, tướng Matthew B. Ridgway, đống ý. Vào lúc Hiệp ước hòa bình San Francisco ký với Nhật Bản có hiệu lực vào tháng 4 năm 1952, SCAP đã thả, với sự chấp thuận của Washington, tổng cộng 892 tội phạm chiến tranh, bao gồm những người bị tạm giữ loại B và C, những người chưa bao giờ được đem ra tòa xử. Việc phóng thích những người này, sau đó một số ít trong số họ nhanh chóng nổi lên nắm giữ những vị trí quyền lực cao nhất của đất nước trong thời hậu chiến, có một ảnh hưởng phân cực sâu sắc đối với nền chính trị Nhật trong suốt những năm 1950.

Ngày 1 tháng 12 năm 1948, văn bản số 13 năm 2 của Ủy ban An ninh Quốc gia được chuyển tới MacArthur. Nó chính thức xác nhận sự chuyển đổi trong chính sách chiếm đóng của Mỹ từ quá trình dân chủ hóa chính trị tới tái cấu trúc nền kinh tế và tái vũ trang. Từ nay trở đi Hoa Kỳ sẽ dính líu đến việc làm cho Nhật Bản lớn mạnh không chỉ về kinh tế và chính trị mà còn về quân sự - một sự vi phạm với hiến pháp hòa bình. Khoảng hai tuần sau khi nhận được văn bản này và một chỉ thị tiếp sau của Truman, ngày 18 tháng 12, MacArthur yêu cầu nội các thư hai của Yoshida thực hiện "chín nguyên tắc" được phác thảo để đảm bảo việc kiểm soát tiền công và giá cả và để gia tăng tối đa việc sản xuất để xuất khẩu. Đầu năm tiếp theo, ông chủ ngân hàng Detroit, Joseph M. Dodge, đến Nhật bản để thực thi chính sách giảm phát tài chính quyết liệt được hoạch định để làm sống lại chủ nghĩa tư bản Nhật Bản bằng việc tạo ra việc làm khổng lồ. Với những chuyển đổi chính sách được Washington ủy nhiệm, MacArthur bị mất quyền lực và "việc thay đổi hoàn tòan" trong nền chính trị Nhật đột nhiên tăng nhanh hơn.

III

Những chuyến đi của Hirohito lại tiếp tục dưới một giai đoạn điều hành mới trong năm 1949 và tiếp tục cho tới tận cuối năm 1951. Vào giai đoạn khởi đầu, GHQ nới lỏng những giới hạn của mình về việc bàn luận công khai những ảnh hưởng của hai quả bom thả xuống Hiroshima và Nagasaki, do đó khuyến khích những hoạt động hòa bình; vào giai đoạn cuối lực lượng chiếm đóng có một nhà lãnh đạo quân sự mới và việc chiếm đóng nhanh chóng đi tới hồi kết.

Trong suốt những năm này tình hình quốc tế tại vùng Đông Á thay đổi một cách mạnh mẽ. Trong năm 1949 người Nga phát triển và cho thử các loại vũ khí nguyên tử và quân đội của

tảisáchhay

những người cộng sản Trung Quốc dưới quyền lãnh đạo của Mao Trạch Đông đã đánh bại những người quốc dân đảng của Tưởng Giới Thạch tại đại lục Trung Quốc. Những người quốc dân đảng bỏ chạy sang đảo Đài Loan. Cuối tháng 2 năm 1950, Tổng tham mưu trưởng liên quân Hoa Kỳ, tướng Omar Bradley, bay tới Tokyo để bàn bạc với MacArthur về những kế hoạch phòng thủ trong trường hợp khẩn cấp tại vùng Viễn Đông. Chính quyền Truman tại thời điểm đó cho phép MacArthur mở rộng phạm vi quyền lực của ông ta và cho ông ta quyền kiểm soát một khu vực biển cả rộng lớn bao quanh Nhật Bản, bao gồm cả quần đảo Ruykyu. Đồng thời Truman chấp nhận và thực hiện một chiến lược khiêu khích đầy nguy hiểm, như đã được thấy lần đầu trong văn bản số 48 năm 2 của Ủy ban An ninh Quốc gia của tháng 12 năm 1949 và sau đó là văn bản số 68 của tháng Ba năm 1950. Ba tháng sau, ngày 25 tháng 6, chiến tranh Triều Tiên nổ ra. Đáp lại trên quy mô lớn đối với những diễn biến này, Nhật Bản tái vũ trang, tăng cường các lực lượng cảnh sát của mình và bắt đầu nhận được sự trợ giúp to lớn về kinh tế của Hoa Kỳ. Rất nhanh chóng Nhật Bản trải qua không chỉ sự bùng nổ về kinh tế đầu tiên sau chiến tranh mà còn trải qua sự khôi phục lại lần đầu tiên về chủ nghĩa dân tộc. Phản ứng rộng rãi đối với những phát triển này, phong trào hòa bình Nhật Bản được sinh ra, một chi nhánh của phong trào hòa bình quốc tế.

Ngày 17 tháng 5 năm 1949, đáp lại những lời kêu gọi đối với các chuyến viếng thăm của Hoàng đế từ các tỉnh, Hirohito khởi hành chuyến đi kéo dài 24 ngày đến Kyushu. Hai năm đã trôi qua, bản hiến pháp biến đổi vị quân vương từ nhà lãnh đạo thành một biểu tượng và tâm trạng của đất nước đã thay đổi. Yoshida Shigeru đã quay trở lại nắm quyền lực trong tháng 10 năm 1948. Trong tháng 2 năm 1949, ông ta thành lập nội các thứ ba của mình, nội các đầu tiên dựa vào đa số những người bảo thủ thống nhất. Nước Nhật Bản bị chiếm đóng, trên đường trở thành "công xưởng" của châu Á , không còn phải trả những bồi thường cho các nạn nhân của các cuộc xâm chiếm mà nó đã gây ra nữa. Những kẻ chiếm đóng người Mỹ không còn nỗ lực để dân chủ hóa nền kinh tế. Tuy nhiên, GHQ vẫn ra những chính sách và vẫn duy trì việc kiểm duyệt hậu xuất bản đối với giới truyền thông Nhật. Nhưng quyền điều hành dần được chuyển cho chính quyền Nhật, mà trong tháng 5 năm 1949, gánh vác toàn bộ trách nhiệm bảo vệ Hoàng cung và Hoàng đế. Trong tháng 6, Văn phòng Nội vụ Hoàng gia trở thành một cơ quan (*kunaichō)* trực thuộc Văn phòng thủ tướng.

Những chuyến đi đến Kyushu của Hirohito ít lãng phí hơn so với những chuyến đi trước đó của ông. Tuy nhiên, những chuyến đi đó được nồng nhiệt đón chào. Những lời kêu gọi của truyền thông đại chúng đã được phục hồi về việc ủng hộ nền quân chủ và những nỗ lực không ngừng nghỉ của chính quyền ở mọi cấp độ đảm bảo rằng những chuyến đi gợi ra mức độ cao nhất có thể về sự nhiệt tình rất đồng thuận nhưng "tự phát" của dân chúng. Mặc bộ quần áo công nhân, Hoàng đế đến thăm mỏ than Mitsui. Ông gặp gỡ các nhà báo, các viện sỹ và những nhân vật nổi tiếng về văn học. Tại Nagasaki, ông ngay tức khắc hướng sự chú ý vào các nạn nhân sống sót sau quả bom nguyên tử bằng cách cho phép chụp hình ảnh của ông tại bệnh viện Nagasaki đứng bên cạnh giáo sư Nagai Takashi - vị giáo sư ngành y - là nạn nhân của chất độc phóng xạ, đang hấp hối. Đầu năm 1949 những cái chuông Nagasaki [*Nagasaki no kane*], đã thu hút được dư luận của đất nước khi khẳng định rằng Nagasaki đã được thần linh lựa chọn là một vật hiến tế tinh khiết để kết thúc chiến tranh. "Bùng nổ Sakai", mà Hoàng đế đã khéo léo đề cập đến, là một phần của những trải nghiệm đau thương về vũ khí hạt nhân bị giữ kín của Nhật Bản.

tảisáchhay

Khi những ảnh hưởng của chiến tranh lạnh đang ngày càng sâu sắc, những công dân của đất nước Nhật Bản mới đã được trải nghiệm cảm giác là nạn nhân của bom nguyên tử. Những tác phẩm như là *Thành phố của các các xác chết [Shikabane no machi]* của Ōta Yōko, *Những bông hoa mùa hè [Natsu no hana]* của Hara Tamiki và *Những chồi xanh của Hiroshima [Hiroshima no midori no me]* của Imamura Tokyuuki và Ōmori Minoru trở thành những tác phẩm bán chạy tại Nhật Bản những năm 1949 – 1950. Sự kết hợp giữa nỗi lo sợ đang gia tăng về hạt nhân và cuộc chiến tranh lạnh đang ngày càng sâu sắc đem đến một sự đánh giá thích đáng hơn về nguyên tắc hòa bình trong bản hiến pháp mới. Nhưng hố sâu ngăn cách giữa quan niệm về đất nước của những chính trị gia bảo thủ những người đang nắm quyền lãnh đạo theo hiến pháp mới với quan niệm của đại đa số người Nhật vẫn còn khá lớn. Như thể phản ánh sự trái ngược giữa lý tưởng và thực tế của hiến pháp, công chúng, mặc dù tất cả đều được các quan lại triều đình lên kế hoạch và tổ chức cẩn thận, tiếp tục bất đồng về cách cư xử đúng mực đối với Hoàng đế. Một số muốn ông gần gũi hơn, những người khác cảm thấy rằng nếu như ông trở thành quá "con người" thì chính nền quân chủ sẽ bị mất uy tín.

Trong mùa hè năm 1949, các sự kiện thể thao quốc gia như giải thi bơi toàn Nhật Bản lần đầu tiên được tổ chức dưới thời bị chiếm đóng giúp nâng cao chủ nghĩa dân tộc. Hoàng đế và Hoàng hậu tham đến dự và Hirohito sau đó động viên các vận động động viên thi đấu. Khi nhà vô địch bơi Nhật Bản Furuhashi Hironoshin lập ba kỷ lục thế giới tại cuộc thi bơi của Mỹ tổ chức tại Los Angeles, anh ta và các đồng đội của anh ta sau đó được ban thưởng một cuộc tiếp kiến tại Hoàng cung và được thưởng trà cho vinh quang của họ. Niềm tự hào của đất nước tăng thêm trong năm đó khi giải thưởng Nobel về vật lý được trao cho giáo sư Yukawa Hideki. Một lần nữa sự hiện diện được báo chí đưa tin rộng rãi của Hirohito tại buổi tiếp kiến "những nhà lãnh đạo có tính biểu tượng" của một nước Nhật Bản mới.

Đầu năm 1950 Hirohito xuất bản những bài thơ viết về những chuyến đi của ông tới Kyushu và niềm tự hào của ông về giải thưởng Nobel của giáo sư Yukawa. Sau đó ông tiếp tục có một loạt những chuyến đi nữa. Chuyến đi dài mười chín ngày của ông qua Shikoku và Awajishima bắt đầu vào ngày 13 tháng 3. Ông đến thăm các văn phòng của chính quyền các tỉnh, các trường học và trường đại học công, các cơ sở thí nghiệm nông nghiệp, nơi ở cho trẻ mồ côi, các nhà máy giấy, nhà máy hóa chất, nhà máy dệt và nhà máy chế tạo thiết bị máy móc. Như lệ thường, dân chúng phản ứng lại rất khác nhau. Đa số thường nồng nhiệt đón chào vị Hoàng đế đang đi kinh ký như là hiện thân của tinh thần yêu thương, một người nhân từ và một nhân vật danh tiếng. Tuy nhiên, một thiểu số vẫn tin rằng sự xuất hiện của ông là linh thiêng, là sự hiện diện của một vị thần sống, một sức mạnh quá uy quyền cổ vũ những điệu bộ và phản xạ của họ. Khi nhìn thấy ông tiến đến, họ sẽ hô to những tiếng hô vạn tuế và cảm động ứa nước mắt. Cơ mặt của họ co lại, cơ thể họ rung lên và chân của họ run run như thể bị chạm phải một luồng điện mạnh. Tình trạng tê liệt cảm xúc sẽ đến và trong chốc lát họ sẽ đánh mất ý thức mình đang ở đâu. Hiện tượng này, sự biểu lộ cơ thể này là sự bảo tồn một cảm giác nguyên vẹn của phận thần dân, được mô tả lặp đi lặp lại trong sự hồi tưởng của những ai đã trải qua nó. Chủ đề phổ biến là cảm giác khẳng định người dân đã làm việc cật lực và chịu đựng đắng cay cùng với Hoàng đế.

tảisáchhay

Mặt khác, sự bóp méo hình ảnh nào không thể xóa được trách nhiệm chiến tranh của ông. Những tình cảm bàng quan dành cho Hoàng đế cũng lan rộng Và đối với một thiểu số những người cánh Tả, ông vẫn là trò cười và một mục tiêu chế nhạo được suy luận ra từ khả năng kém ăn nói của ông. Những việc chuẩn bị về ngoại giao của Mỹ và Nhật đang chuyển động một cách nhanh chóng để tiến đến một hiệp ước hòa bình mà sẽ sáp nhập Nhật Bản vào khối Hội Quốc Liên do Mỹ lãnh đạo chống lại Liên Xô và nền chuyên chính của những người cộng sản tại Trung Quốc. Hirohito giờ đây tự mình bí mật tham dự vào quá trình này, thúc đẩy nó diễn ra dễ dàng hơn so với tiến trình mà nó có thể xảy ra đối với Hoa Kỳ để thương lượng một mối Hội Quốc Liên quân sự không công bằng với Nhật Bản mà Hội Quốc Liên quân sự đó đem lại cho chính quyền Truman hầu như bất kỳ mà họ muốn.

Như được nhà sử học Toyoshida Narahiko thuật lại, những can thiệp ngoại giao của Hirohito bắt đầu ngay sau cuộc gặp thứ mười với MacArthur vào ngày 18 tháng 4 năm 1950. Vấn đề giữa hai nhà lãnh đạo (kể từ cuộc gặp thứ tư của họ vào ngày 6 tháng 5 năm 1947) vẫn là hiến pháp về từ bỏ chiến tranh và sức nặng mà mỗi người gắn liền với với đề đó. Theo người phiên dịch viên trong hai cuộc gặp thứ chín và thứ mười của họ, Matsui Akira, họ đã thảo luận "vấn đề hòa bình" vào ngày 26 tháng 11 năm 1949 khi tranh cãi gay gắt về hiệp định hòa bình và trong cuộc gặp ngày 18 tháng 4 vấn đề này là mối đe dọa đối với Nhật Bản đến từ phe cộng sản. Trong cả hai dịp gặp mặt này MacArthur theo như đưa tin đã thuyết giảng "tinh thần của điều 9". Hirohito, người trước đó chưa bao giờ có ý chấp nhận một cách hòa bình vì những mục đích quan hệ công khai, giữ vững lập trường rằng chỉ có sức mạnh quân sự mới bảo vệ được Nhật Bản. Có lẽ cảm thấy rằng những bất đồng của mình với vị tư lệnh tối cao về an ninh trong tương lai của Nhật Bản là không qua được, Hoàng đế cuối cùng quyết định đi đường vòng.

Hai nhân tố cơ bản có thể đã ảnh hưởng đến ông ta. Trong tháng 2 năm 1950, Liên Xô đã lại tiếp tục vấn đề phạm tội chiến tranh của Hirohito bằng cách đòi đưa ông ta ra tòa xét xử vì đã phê chuẩn chiến tranh hóa học và vi trùng trong Chiến tranh Thế giới thứ Hai.

Và vào ngày 6 tháng 4 vị luật sư theo đảng cộng hòa John Foster Dulles được chỉ định làm cố vấn đặc biệt cho ngoại trưởng Dean Acheason, làm tăng thêm suy đoán tại Tokyo và Washington rằng những cuộc đàm phán về hiệp ước hòa bình, bị trì hoãn từ mùa thu năm 1949 do những bất đồng giữa Lầu Năm Góc với Bộ Ngoại giao, sẽ lại bắt đầu tiến triển. Toyoshita phỏng đoán rằng ngay sau cuộc gặp thứ mười giữa Hirohito với MacArthur khi Bộ trưởng Tài chính Ikeda Hayato đến Washington, ông ta chuyển một thông điệp cá nhân bí mật từ Hoàng đế đến cho Joseph M. Dodge, cố vấn tài chính của MacArthur. Thông điệp của Hoàng đế gửi cho Dodge là "vì mục đích mà chính quyền [Yoshida] mong mỏi bản hiệp ước sớm nhất có thể". Bởi vì một hiệp ước như vậy có thể sẽ cần đến việc duy trì các lực lượng quân sự Hoa Kỳ hiện diện [trên đất Nhật Bản] ... nếu chính quyền Hoa Kỳ lưỡng lự trong việc tạo ra những điều kiện này thì [tự] chính quyền Nhật Bản sẽ cố gắng tìm ra cách để tạo ra chúng." Nói ngắn gọn Hirohito, chứ không phải Yoshida, là người đầu tiên nỗ lực thúc giục bản hiệp ước hòa bình, điều này sẽ kết thúc giai đoạn chiếm đóng để cho phép các lực lượng và các căn cứ quân sự Mỹ ở lại Nhật Bản và sẽ trả lại nền độc lập cho Nhật Bản.

tảisáchhay

Dulles đến Tokyo vào cuối tháng 6 để mở những cuộc đàm phán toàn diện về một hiệp ước an ninh và hòa bình để kết thúc giai đoạn chiếm đóng. Tại cuộc gặp đầu tiên với Yoshida, ông ta nhận thấy vị thủ tướng thật thất vọng. Không giống như Hirohito, Yoshida dường như không bị lay chuyển và không sẵn lòng cam kết về những vấn đề an ninh. Ba ngày sau, ngày 25 tháng 6, nhà lãnh đạo Bắc Triều Tiên Kim Nhật Thành, đã được Stalin và Mao Trạch Đông ngầm ủng hộ trước, cho quân đội tràn qua vĩ tuyến 38 vào sâu trong lãnh thổ Hàn Quốc. Cuộc xung đột cục bộ tại bán đảo Triều Tiên đã trở thành một cuộc nội chiến toàn diện. Chính quyền Truman, luôn luôn phản ứng nhanh, ngay lập tức ra lệnh can thiệp quân sự, trong một đêm quốc tế hóa cuộc xung đột. Bộ tư lệnh của MacArthur tại Tokyo, mặc dù nhận chưa được chuẩn bị về mặt tâm lý, phản ứng lại bằng những chiến dịch trên biển, trên bộ và trên không để chống lại Bắc Triều Tiên.

Trong khi đó, Hirohito đã biết về cuộc gặp không thành công của Yoshida với Dulles. Tối hôm sau, ông gửi đi một "khẩu dụ" tới Dulles thông qua Matsudaira Yasumasa, nhân viên Văn phòng Nội vụ Hoàng gia, ghi nhận sự mất tin tưởng của mình đối với Yoshida. Theo Dulles "điểm mấu chốt" là khi các nhân viên từ Hoa Kỳ "đến điều tra những điều kiện tại Nhật Bản, họ chỉ nhìn thấy những người Nhật làm việc trong bộmáy chính quyền Nhật Bản, những người đã chính thức được SCAP phê chuẩn. ... SCAP hình như sợ những mối liên hệ với một số những người Nhật lớn tuổi hơn vì quan điểm bị cho là quân phiệt trước kia của họ."

Hai nhà báo của tờ *Newsweek*, Harry Kern và Compton Packenham, đã sắp xếp một bữa tối và trong bữa ăn đó Matsudaira chuyển "khẩu dụ" này đến Dulles. Phê phán những cải cách kinh tế của MacArthur và việc thanh trừng các tội phạm chiến tranh của ông ta, hai năm trước đó, họ đã tổ chức một "Hội đồng Mỹ về Nhật Bản", cống hiến cho việc khuyến khích thương mại giữa Hoa kỳ và Nhật Bản. Hirohito có thể tin tưởng rằng, chỗ nào hiệp ước hòa bình và tái vũ trang được đề cập tới, "Shigeru trung thành" không còn là "đại diện thật sự của dân tộc Nhật Bản". Đối với ông, Kern và Packenham đại diện cho một kênh độc lập mới mà qua đó, việc này lung lạc vị thủ tướng của ông, như trước đó ông đã lung lạc MacArthur, ông có liên lạc được với Washington. Theo hiến pháp điều đó đáng khiển trách; đó là theo tính cách đặc trưng của Hirohito. Kết quả, ông đang làm sống lại truyền thống "ngoại giao hai mặt" thời trước chiến tranh.

Ngày 25 tháng 1 năm 1951, Dulles quay trở lại Tokyo để giải quyết những vấn đề còn tồn tại. Tại buổi làm việc đầu tiên với đội ngũ nhân viên, Dulles tuyên bố rằng điểm then chốt là "Liệu chúng ta có quyền đồn trú nhiều quân như chúng ta muốn, tại nơi chúng ta muốn và lâu như chúng ta muốn, hay không?" Mong muốn được tăng không giới hạn lực lượng quân sự tới tất cả các khu vực của Nhật Bản, Dulles lo lắng rằng người Nhật có thể cố gắng bòn rút nhượng địa. Nhưng Yoshida, thay vì nỗ lực, thậm chí chỉ là quy ước, để hạn chế những đặc quyền đặc biệt của người Mỹ trong thời hậu chiếm đóng Nhật Bản, lại hồn nhiên chấp thuận. Phía Hoa Kỳ sẽ có những căn cứ và những đặc quyền ngoại giao của họ; Nhật Bản thậm chí sẽ thành lập một lực lượng phòng vệ quốc gia "rất nhỏ" gồm năm-mươi-nghìn người. Yoshida rõ ràng lạc lõng. Nhưng sự thất bại của ông ta trong những cuộc đàm phán này - để đạt được tác dụng đòn bẩy từ những căn cứ và để phản đối lập luận của Dulles rằng Hoa Kỳ đang thể hiện một hành động rộng lượng bằng cách để lực lượng quân sự của mình

tảisáchhay

tại Nhật Bản – có thể phải làm nhiều việc hơn với sự ảnh hưởng của Hirohito so với sai lầm ngớ ngẩn của chính ông ta.

Hirohito và các cận thần của mình thường xuyên liên lạc với những thành viên quan trọng của Ủy ban Mỹ về Nhật Bản để tạo điều kiện cho các cuộc thảo luận và đàm phán không thể được quyết định. Một người nào đó không thể nhấn mạnh quá mức ảnh hưởng của họ. Nhưng vai trò của ông ta không thể bị phớt lờ. Ngày 10 tháng 2 năm 1951, Hirohito tổ chức một bữa tiệc chiêu đãi Dulles tại Hoàng cung. Ông cũng gặp ông ta trong ít nhất là hai dịp khác trong năm đó. Vị ngoại trưởng Mỹ tương lai chắc chắn coi Hoàng đế Chiêu Hoà còn hơn là một nhân vật mang tính nghi lễ đơn thuần.

Cuộc chiến tranh Triều Tiên đem lại một sự thay đổi đột ngột trong tâm trạng của cả dân tộc Nhật. Sự nhiệt tình lúc ban đầu về đẩy mạnh dân chủ bị giảm đi. Những liên đoàn lao động cánh tả ngừng công kích. Một bầu không khí chính trị kiềm chế của cánh tả xảy ra và chính quyền Yoshida và công chúng Nhật cho thấy một sự không dung thứ đang lớn mạnh về hoạt động hòa bình mới nảy sinh và về sự chỉ trích của Hoàng đế. Mùa hè năm đó, tờ tạp chí trào phúng *Shinsō* đưa tin rằng một chàng trai từ thành phố Sasebo thuộc tỉnh Nagasaki nhận mình là "con rơi" của Hirohito. Thủ tướng Yoshida, đại diện cho Hirohito, kiện tờ tạp chí. Ông chủ tờ *Shinsō*, Sawa Keitarō, ngay sau đó bị giam giữ vì đã cho đăng bài bôi nhọ. Thậm chí Hoàng đệ út của Hirohito, Hoàng thân Mikasa, bị chỉ trích sau khi công khai phản đối việc phục hồi "Ngày lập quốc" (Kigensetsu) và cảnh báo sự nguy hiểm của chủ nghĩa quân phiệt.

Vào cuối tháng 11 năm 1950, hai tháng sau khi nhận được sự cho phép từ Truman để vượt qua vĩ tuyến 38 và đánh chiếm Bắc Triều Tiên và nhiều tuần sau khi đã bị Trung Quốc đe dọa rằng một cuộc tấn công của quân đội Mỹ (không phải Triều Tiên) sẽ đe dọa an ninh của Trung Quốc và dẫn tới một phản ứng trực tiếp của Trung Quốc, MacArthur biết rằng phản ứng mà phía Trung Quốc đe dọa đã xảy ra. Một lực lượng gồm ba trăm nghìn quân Trung Quốc đã tiến vào Triều Tiên. Do dàn quân một cách khinh suất, quân Mỹ buộc phải thoái lui nhanh chóng trên diện rộng và bị tổn thất nặng nề. Vào tháng 1 năm 1951, vị chỉ huy tối cao giờ đây bị hoảng sợ và suy nhược đã ra lệnh quân lính vượt sông Áp Lục, trong con mắt của chính quyền Truman, đã trở nên nguy hiểm về chính trị và chẳng là gì hơn là "một kẻ bù nhìn hay tự ái phải chịu đựng."

Sau khi vị tướng chỉ huy mới của quân đoàn 8, trung tướng Ridgway, đã chặn bước tiến của quân Trung Quốc tại vĩ tuyến 38, MacArthur lại vượt quá quyền của mình bằng cách phát ra những lời tuyên bố công khai không được phép đe dọa Trung Quốc và tuyên bố "Không có gì thay thế cho chiến thắng." Ngày 11 tháng 4, Truman cuối cùng tức giận sa thải MacArthur vì đã liên tục không chịu phục tùng và vì có ý định mở rộng cuộc chiến đi xa hơn Triều Tiên. Bốn ngày sau, Hirohito thực hiện chuyến viếng thăm cuối cùng để nói lời tạm biệt người bạn của ông, vị tướng có thế lực người đã đánh bại ông trong cuộc chiến tranh và đã bảo vệ ông trong thời bình. Ngày 16 tháng 4 năm 1951, MacArthur trở về nước mà chưa bao giờ đến thăm Hoàng cung bất chấp tất cả những nỗ lực của các quan cận thần của Hirohito để ông tướng Mỹ làm việc đó. Nhiều đám đông trật tự xếp hàng dọc theo con đường mà xe chở

tảisáchhay

ông ta tới sân bay Haneda. Thủ tướng Yoshida và một đại diện của Văn phòng Nội vụ Hoàng gia có mặt để vẫy tay chào tạm biệt.

Douglas MacArthur đã là một người quan trọng nhất trong cuộc đời Hirohito trong quãng thời gian hơn sáu năm. Ông đã ngưỡng mộ tính kiên định về mục đích và của vị tướng và cho rằng ông ta là một diễn viên đóng vai thành công, có khả năng thích ứng với những hoàn cảnh mới. Việc MacArthur bị sa thải khiến Hirohito bị sốc. Liệu điều đó có báo trước một sự trì hoãn trong tiến trình đàm phán hiệp ước hòa bình? Liệu đó là một sự thay đổi có thể xảy ra trong chính sách căn bản của Hoa Kỳ? Một bước leo thang mới của cuộc chiến Triều Tiên? Ngày 22 tháng 4, Hirohito cố tìm ra câu trả lời bằng cách hai lần đặt câu hỏi trực tiếp với Dulles. Dulles bị làm phiền. Ông ta trả lời rằng ông ta "không được lệnh thảo luận về lẽ phải trái của vấn đề, nhưng ... ít nhất đã có một biểu hiện về ưu thế về quyền lực về dân sự so với quân sự dưới chế độ của chúng ta và ... phương diện đó của vấn đề có thể được cân nhắc một cách có ích tại Nhật Bản." Kết thúc cuộc thảo luận.

Trong tháng 10 năm 1951, Hirohito chuẩn bị tới thăm Kyoto và ba tỉnh khác nữa. Hơn một nghìn sinh viên trương đại học Kyoto triệu tập một cuộc họp hòa bình để phản đối Hiệp ước hòa bình San Francisco và Hiệp ước An ninh Mỹ-Nhật mà chính quyền Yoshida đã ký ngày 8 tháng 9. Họ ra một "thư ngỏ" kêu gọi vị "Hoàng đế người thường" và tập trung vào việc tái vũ trang: "Chúng tôi buộc phải nhận thấy rằng ngài, thông qua [hiệp ước] hòa bình đơn phương và việc tái vũ trang của đất nước Nhật Bản, giống như trong quá khứ, lại cố gắng hành động như là một rường cột mang tính tư tưởng về chiến tranh." Khi Hirohito xuất hiện tại trường đại học Kyoto, ngày 12 tháng 11, vô vàn áp phích đập ngay vào mắt ông: "Bởi vì ngài đã từng là một vị thần nên những người đã từng học tập tại đây trước chúng tôi đã chết trên chiến trường của ngài. Xin hãy đừng bao giờ trở lại là một vị thần; đừng bao giờ bắt chúng tôi hét lên 'Hãy lắng nghe! Những tiếng nói của biển cả! *[kike wadatsumi no koe*]."

Hơn hai nghìn sinh viên đón chào vị Hoàng đế tới thăm khu trường học, họ hát những bài hát hòa bình thay vì bài quốc ca truyền thống "Kimigayo". Bị sốc bởi hành động mang tính biểu tượng của sinh viên và sự vi phạm nghi lễ, khoảng năm trăm cảnh sát chính quy và chống bạo động có vũ trang xông vào khu trường học và bắt đầu đụng độ với sinh viên. Báo chí trong ngày hôm sau tường thuật rằng một "vụ xô xát ô nhục chưa từng thấy" đã xảy ra tại trường đại học Tokyo và lên tiếng ủng hộ cảnh sát chống lại sinh viên. Tám sinh viên bị đuổi học vì đã phản đối một cách hòa bình. Hội sinh viên bị giải tán. Trong nhiều tuần, nền báo chí tự kiểm duyệt và bị kiềm chế của Nhật xử lý vụ xô xát một cách giật gân, coi đó như là một hành động khi quân. Trên toàn quốc cũng như tại các địa phương, nhiều người kết tội các sinh viên như là "những tên đỏ nhẫn tâm" hoặc là những thanh niên thiếu nghi lễ đạo đức. Tuy nhiên, một số lượng tương đương những người bảo vệ các sinh viên lại bày tỏ ác cảm đối với vị Hoàng đế hoặc tuyên bố hoàn toàn không quan tâm đến ông ta.

Sự kiện phản đối tại trường đại học Kyoto đánh dấu việc tái khôi phục tội khi quân trên thực tế và việc phục hồi lại những cách thức bảo vệ Hoàng đế theo truyền thống. Nó tạo nên một kết cục bất ngờ đối với chiến dịch "Hoàng đế người thường". Nó cảnh báo những nhà lãnh đạo của Nhật Bản rằng thời thế đã thay đổi, tạo ra mối nguy hiểm thật sự đối với việc khôi phục bất kỳ phần nào quyền lực của nền quân chủ. Trong cuộc đọ sức căng thẳng này,

tảisáchhay

ai có thể nhìn thấy những vấn đề mà Hirohito có thể có trong việc thích nghi với chủ nghĩa chống quân phiệt đang nổi lên và chủ nghĩa hòa bình dân tộc của Nhật Bản.

IV

Cuộc gặp đầu tiên của Hirohito với MacArthur xác nhận niềm tin của vị tướng rằng Hoàng đế có thể được sử dụng như người Mỹ mong muốn. Hirohito bị thuyết phục rằng ông có thể được lợi thông qua việc hợp tác. Vì vậy bắt đầu sự thỏa hiệp lịch sử vĩ đại của giai đoạn chiếm đóng: việc sử dụng Hoàng đế của MacArthur và việc lợi dụng GHQ của Hoàng đế để làm lại vai trò của ông mà không hy sinh tất cả mọi thứ. Những chuyến đi của Hirohito là một phần của sự thỏa hiệp đó. Ông cả được và mất từ những chuyến đi đó. Với hình ảnh về chiến tranh vẫn hiện hữu trong ký ức của dân chúng, nhiều người ủng hộ vị Hoàng đế bị bại trận một phần không thấy mất thể diện và xấu hổ vì đã bị thua. Trong thực tế, họ sử dụng Hirohito để nói với thế giới rằng "chúng tôi đã bị đánh bại nhưng chúng tôi không mất tất cả; chúng tôi vẫn có Hoàng đế và niềm tự hào của chúng tôi." Vào lúc cao trào được nhân dân yêu mến trong năm 1947, "những chuyến viếng thăm thiêng liêng" là một cú đánh trả mạnh mẽ đối với phiên tòa xét xử các tội phạm chiến tranh, chuyển sự chú ý của công chúng vào cảnh tượng vui vẻ hơn về hình ảnh vị Hoàng đế đang bỏ mũ và tươi cười. Truyền thông trợ giúp bằng cách ca ngợi ông là một vị "Hoàng đế của tình yêu thương và hòa bình", và bằng cách diễn giải những việc mà ông thể hiện là khuyến khích nền dân chủ.

Vào năm 1948, cuộc chiến tranh lạnh tại châu Âu đã trở nên đối đầu hơn và sự thử thách cuối cùng giữa đôi bên Hoa Kỳ-Liên Xô đối với Berlin dường như có thể. Mối lo lắng của Hirohito về những vấn đề an ninh quốc gia càng tăng thêm. Bị cản trở vì thiếu quyền lực hợp hiến, ông hành động bí mật ở phía sau để giúp đỡ Hoa Kỳ vẫn duy trì Okinawa là một căn cứ quân sự và sau đó để củng cố mối quan hệ Đồng Minh về quân sự của Nhật Bản với Washington. Đối với ông, việc chống lại cộng sản và hợp tác với Hoa Kỳ và Anh là một bước ngoặt đối với chính sách mà từ nó sự chệch hướng lúc đầu của ông đã mang lại thảm họa cho đất nước Nhật Bản. Ông không thể để điều đó xảy ra lần nữa.

tảisáchhay

17. Những năm yên bình và Gia tài của Chiêu Hòa

Ông ấy nói rằng Hoàng đế đã lưu ý nhiều lần về đế hiệu Shōwa (Chiêu Hoà) - có nghĩa hòa bình sáng tỏ - giờ đây dường như là là một cái tên giễu cợt nhưng ông mong muốn giữ lại đế hiệu đó và hy vọng rằng ông sẽ sống đến lúc có thể đảm bảo rằng triều đại của ông sẽ thật sự là một triều đại "thái bình thịnh trị".

trích từ tài liệu của tướng Courtney Whitney

Ngày 28 tháng 4 năm 1952, Hiệp ước hòa bình San Francisco, Hiệp ước An ninh Nhật-Mỹ và Hiệp định Hành chính cho phép các lực lượng quân sự Mỹ tại Nhật Bản có những đặc quyền đặc biệt tất cả đều đồng thời có hiệu lực. GHQ bị bãi bỏ; giai đoạn chiếm đóng kết thúc. Hàng nghìn người thuộc các lực lượng quân sự Mỹ bắt đầu trở về nước.

Nhật Bản giờ đây cuối cùng đã lấy lại nền độc lập chính thức. Cuối cùng thì kỷ nguyên dài của nền cai trị kết hợp quân sự-dân sự, nền cai trị đã bắt đầu từ giữa những năm 1880 dưới triều Hoàng đế Minh Trị và kéo dài qua thời MacArthur và Ridgway, cũng đi đến hồi kết. Hirohito cuối cùng thực hiện được mong ước mà ông thường tuyên bố rằng thời gian chiếm đóng lâu dài và tiếp diễn bằng một quan hệ Đồng Minh với Hoa Kỳ để có thể bảo vệ Nhật Bản về mặt quân sự trong tương lai. Có lẽ Hoàng đế thậm chí đã nhìn thấy trước rằng mối Hội Quốc Liên (trái với sự hiện diện của một số lượng lớn quân lính Mỹ) sẽ được một nửa dân tộc đồng ý, như thực tế được chứng minh như vậy. Như thế hiệp ước hòa bình đã được ký kết với bốn mươi quốc gia nhưng không bao gồm Liên Xô, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Philippines và Ấn Độ không gây lo lắng cho Hirohito như với hầu hết các chính trị gia cánh tả và một số các chính trị gia bảo thủ. Họ phản đối cả hiệp ước hòa bình thiên vị và Hội Quốc Liên quân sự phòng vệ mà có mục đích chính là chính sách ngăn chặn Trung Quốc và Liên Xô.

Việc độc lập được trao trả lại cho Nhật Bản một lần nữa lại làm cho Hirohito thấy rõ những mát mát của cá nhân mà ông đã phải chịu đựng vì bị bại trận và những cải cách dan chủ của MacArthur. Những chuyến đi của ông đến khắp miền đất nước, được dùng để tăng cường sự hợp nhất trong nước và cứu vớt ngai vàng, đã kết thúc. Ông có thể sẽ thôi không can thiệp vào những công việc đối nội và đối ngoại thông qua việc bí mật truyền đạt những quan điểm của mình tới các viên chức người Mỹ nữa. Ông làm thế nào để có thể chuyển tới những người lãnh đạo của một nước Nhật Bản mới tầm nhìn của mình về hòa bình và an ninh qua mối Hội Quốc Liên quân sự và phát triển kinh tế? Ông vẫn muốn được coi là một nhân vật chính trị quan trọng và một lượng lớn các cử tri là những người yêu mến Hoàng đế tiếp tục tin tưởng rằng ông nên là một động lực trong hoạt động chính trị. Ông có thể điều chỉnh như thế nào với vai trò mà hiến pháp mới đòi hỏi là một vị quân vương chỉ mang tính nghi thức thuần túy?

Rõ ràng rằng những câu hỏi đó ám ảnh ông vào lúc mà cơ hội duy nhất của mình để đóng một vai trò chính trị thật sự trong việc tái xây dựng đất nước phụ thuộc vào lòng trung

tảisáchhay

thành của những chính trị gia bảo thủ. Vào thời điểm thành lập Đảng Cải cách Cấp tiến trong tháng 2 năm 1952, một số những nhà chính trị này bắt đầu chủ trương sửa đổi hiến pháp, những hy vọng của Hirohito bừng sáng. Một vài năm sau, những chính trị gia trong Đảng Tự do của Yoshida và các thành viên của Đảng Cải cách Cấp tiến phát động một phong trào để sửa đổi một phần hiến pháp mới nhằm loại trừ điều 9, cho ông quyền làm "người đứng đầu đất nước" và sửa lại một số quyền mà ông đã nắm giữ theo hiến pháp Minh Trị. Hirohito ủng hộ điều đó. Tuy nhiên, dân chúng tỏ thái độ chống đối mạnh mẽ và vào cuối những năm 1950, phong trào này bị thất bại.

Vào lúc được trao trả độc lập, Nhật Bản mê mải với việc tái xây dựng vật chất, khôi phục ngoại thương và phát triển kinh tế. Những vấn đề về lãnh thổ với Liên Xô về quần đảo Kurile và với Mỹ về các quần đảo Ruykyu và Ogasawara vẫn còn đang thương lượng. Ký ức về sự bại trận vẫn còn sâu sắc; nỗi sợ hãi chủ nghĩa quân phiệt vẫn còn nặng nề và lòng căm ghét những sỹ quan cấp cao trong lực lượng quân đội cũ vẫn phổ biến. Dân chúng nhớ rằng vị Hoàng đế đã ném những đứa con trai, những anh em, những người chồng và những người cha của họ vào chiến tranh. Tuy nhiên một số ít vẫn tranh cãi về trách nhiệm trực tiếp của ông vì đã tuyên bố chiến tranh hoặc về nhiều vi phạm luật pháp trong nước và quốc tế mà đã xảy ra trong suốt quá trình diễn biến. Chỗ nào "biểu tượng" của sự đoàn kết đất nước có liên quan thì hầu hết người Nhật miễn cưỡng thực hiện những sự tự do mới của họ. Việc Hirohito tiếp tục ngồi trên ngai vàng sau khi được độc lập rõ ràng hạn chế việc thực hiện của dân chúng về tự do suy nghĩ và diễn đạt được hiến pháp đảm bảo.

Ngay trước khi các hiệp ước có hiệu lực, ngày 31 tháng 1 năm 1952, Nakasone Yasuhiro, một chính trị gia bảo thủ 34 tuổi, tuyên bố trong khi đang chất vấn tại Ủy ban Ngân sách của Hạ nghị viên rằng "trách nhiệm đã làm mất thanh danh của đất nước Nhật Bản hiện đại là việc của Hoàng đế Shōwa." Nakasone muốn Hirohito, người mà ông ta gọi là "một người yêu hòa bình", thừa nhận "trách nhiệm của ông ta đã đưa Nhật Bản vào một cuộc chiến tranh liều lĩnh" bằng cách thoái vị để cho "thái tử [có thể] lên ngôi" và "nền tảng đạo đức của chế độ quân chủ bền vững và bất diệt." Thủ tướng Yoshida giận dữ gán cho Nagasone là "người chống Nhật Bản"; cả nước không để ý đến ông ta.

Hirohito cũng vậy. Ông không cảm thấy có trách nhiệm giải trình đạo đức đối với bất kỳ ai ngoài tổ tiên của mình và khi dưới sức ép buộc thoái vị, ông thỉnh thoảng tâm sự với các cố vấn rằng ông tiếp tục nghĩ về bản thân mình là một vị Hoàng đế do quyền thiêng liêng. Trong đầu năm 1952, trong những nhận xét riêng tư gửi tới quan đại thị thần Inada Shūichi, Hirohito nhận xét rằng không quan tâm đến việc những người khác đã nói về ông trong suốt gia đoạn bị chiếm đóng, chính bản thân ông không bao giờ nói ông sẽ thoái vị. Ông tin ông có một sứ mệnh thiêng liêng vẫn ngự trên ngai vàng và xây dựng lại đất nước Nhật Bản. "Hoàng đế Minh Trị đã nói rằng không giống như các bộ trưởng những người có thể từ chức, các vị Hoàng đế không thể thoái vị bởi vì họ phải thực hiện mệnh lệnh thiêng liêng như đã được ghi trong lịch sử các triều vua…. Nhiệm vụ của ta là truyền lại đất nước này, đất nước mà ta đã nhận từ tổ tiên của ta, cho con cháu ta." Sự tự nhận thức về bản thân mình của Hirohito có lẽ không phù hợp và không hiện thực lắm với một vị vua mang tính "biểu tượng" theo hiến pháp dân chủ. Những chuẩn mực đạo đức thời kỳ hậu chiến đang thay đổi; Hirohito thì lại không.

tảisáchhay

Trong khi Hirohito bám chặt vào sự tự nhận thức về bản thân mình, sự suy đoán rằng ông có thể thoái vị chấm dứt vào khoảng năm 1952, và sự chú ý của truyền thông Nhật chuyển hướng vào vị Hoàng tử 19 tuổi, thái tử Akihito. Vì chẳng có bóng ma phạm tội chiến tranh nào treo lơ lửng trên đầu, Akihito đã được hoan nghênh trên báo chí như là "niềm hy vọng tương lai của Nhật Bản". Thái tử đã được hưởng thụ nền giáo dục theo kiểu phương Tây, thoải mái với việc giao tiếp xã hội và nói tiếng Nhật bằng một giọng bình thường, với một ngữ điệu bình thường (cả hai điều này vua cha của anh ta đều không làm được). Thêm nữa, Akihito đã được dạy dỗ theo vua George V của Anh chứ không phải Hoàng đế Minh Trị và được một người theo giáo phái Quaker ở Philadelphia, bà Elizabeth Vining, dạy bằng tiếng Anh. Giờ đây anh ta đang chuẩn bị cho lễ truyền ngôi của mình, một "quốc lễ" được ấn định vào tháng 11 năm 1952, và báo chí đưa tin rằng anh ta sẽ sớm được phái ra nước ngoài để tham dự lễ lên ngôi của Hoàng hậu Elizabeth. Vào thời gian đầu của giai đoạn hậu chiếm đóng, Hirohito, Văn phòng Nội vụ Hoàng gia và nội các Yoshida cố gắng, thông qua thái tử, chuyển đến một thông điệp về tình hữu nghị với quốc đảo Anh, ca tụng như là một hình mẫu của chế độ quân chủ lập hiến phi chính trị.

I

So với những sự chiếm đóng quân sự của các quốc gia khác, việc bị chiếm đóng của Nhật Bản đã ôn hòa và đúng đắn; giờ đây hiệp ước hòa bình vô cùng rộng lượng và không mang tính trừng phạt. Thật sự những khoản bồi thường duy nhất mà Nhật Bản phải trả - một khoản chỉ trị giá 1,02 tỷ đô la được trả dần bằng hàng hóa và "dịch vụ" kéo dài trong nhiều năm – cho Philippine, Indonesia, Miến Điện và (sau cùng) Nam Việt Nam. Mặc dù vậy, vào cuối năm 1952, khoảng 260.000 lính Mỹ vẫn đóng tại các căn cứ trên khắp đất nước trong khi những quần đảo quan trọng có vị trí chiến lược Okinawa và Ogasawara tiếp tục bị chiếm đóng. Hoàng đế Hirohito với tư cách cá nhân đã đồng ý với những sắp đặt của cố vấn đặc biệt của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ về bản hiệp ước, John Foster Dulles. Vì Hirohito hiểu, tốt hơn so với hầu hết người Nhật tại thời điểm đó, mối liên quan không thể phá vỡ giữa sự hợp nhất lại về chiến tranh và vũ trang của Nhật Bản tại điều 9 của bản hiến pháp với tình trạng của đảo Okinawa đang tiến triển thành một căn cứ quân sự khổng lồ trực tiếp theo luật của quân đội Mỹ.

Trải nghiệm toàn bộ về chiến tranh, sự bại trận, bị nước ngoài chiếm đóng và cải cách khiếnNhật Bản chia rẽ sâu sắc về quá khứ vừa mới qua của nó và lo lắng về tương lai. Đối với nội các Yashoda hai nhiệm vụ cần ưu tiên: kiểm soát những phân chia sâu sắc về quan điểm trong nước về vấn đề bản Hiệp ước hòa bình mới và sửa chữa "những sự vượt quá giới hạn" của những cải cách trong kỷ nguyên bị chiếm đóng bằng cách theo đuổi một "tiến trình đảo ngược" do người Nhật khởi xướng. Những điều kiện quốc tế thuận lợi và một chiến lược khôn ngoan để tưởng nhớ những người đã chết vì chiến tranh tạo điều kiện cho việc đạt được cả hai nhiệm vụ này. Nói chung cuộc chiến tranh lạnh Hoa Kỳ-Liên Xô cho phép những nhà lãnh đạo bảo thủ Nhật mưu mẹo trong đối xử của họ với tội phạm chiến tranh và nó giải phóng họ khỏi những chỉ trích quốc tế vì ho dường như lại đánh tráo sự nhạy cảm về chiến tranh trong giáo dục ở chỗ nào mà liên quan đến chiến tranh và vai trò của Hoàng đế. Tại lễ ký bản hiệp ước hòa bình, thủ tướng Yoshida chỉ thừa nhận trách nhiệm chiến tranh tối thiểu của Nhật. Ông ta tán thành (tại điều 11) những cáo buộc chống

tảisáchhay

lại những người phạm tội đã bị kết án và chấp nhận những phán quyết được tòa án Tokyo và các phiên tòa xét xử tội phạm chiến tranh khác của Đồng Minh đưa ra. Tuy nhiên trong nước Yoshida có thể từ chối hoặc mặc không được giải đáp trách nhiệm của những nhà lãnh đạo chiến tranh và của nhà nước đối với đất nước và thế giới.

Sự từ chối này có thể nhận ra trong cách các quan chức chính quyền Nhật, cũng như một thiểu số ít các công dân có ảnh hưởng, không xét đến phiên tòa Tokyo vì là "công lý của người chiến thắng", chối bỏ việc tuyên bố và leo thang trong cuộc chiến tranh Trung Quốc và tránh tất cả các bàn luận về trách nhiệm chiến tranh. Giữa những năm 1951 và 1960, rất nhiều phong trào nổi lên để đòi phóng thích "những người bạn đang bị giam giữ" tại nhà tù. Tại nghị viện những người phe xã hội và những người phe bảo thủ thông qua những nghị quyết yêu cầu phóng thích những tội phạm bị kết án. Đồng thời chính quyền trả tiền lương còn nợ và trả lại lương hưu cho họ - dựa trên lý do rằng những người này không bị xét xử theo luật pháp của Nhật Bản và vì thế họ không nên bị đối xử như là những tội phạm trong nước thông thường. Một số rất ít người trong số họ đã bị bỏ tù như là tội phạm hoặc nghi phạm chiến tranh, như Shigemitsu Mamoru, Kaya Okinori và Kishi Nobusuke, thật sự thăng tiến tới những chức vụ cao trong trung tâm chính trị Nhật Bản. Bên ngoài thì chấp nhận trách nhiệm chiến tranh nhưng bên trong thì chối bỏ - hay như nhà sử học Yoshida Yutaka gọi là "tiêu chuẩn kép" - cả hai tiêu chuẩn được sử dụng trong việc đối xử thật sự với những người bị kết án là tội phạm chiến tranh, và như là khuôn khổ để nghĩ về cuộc chiến tranh bị thất bại, lần đầu tiên hình thành khi giai đoạn bị chiếm đóng kết thúc, sau đó lan truyền khắp xã hội Nhật trong và sau cuộc chiến tranh Triều Tiên.

Hirohito là biểu tượng lớn nhất của "tiêu chuẩn kép"này, chính ông là một phần nguyên của sự thăm dò ý kiến bảo thủ để ngăn chặn bất đồng quan điểm và giữ mọi người cùng hướng về mục tiêu phát triển kinh tế vững chắc. Ông đóng vai trò cốt yếu trong việc chứng minh cho cả dân tộc rằng các nhà lãnh đạo đất nước hiểu tầm quan trọng của việc đối xử công bằng với những người đã chết trong chiến tranh và gia đình của họ. Vào ngày quốc tế lao động đầu tiên sau khi được trả lại độc lập, ngày 1 tháng 5 năm 1952, những người biểu tình phản đối cả hiệp ước hòa bình và dự luật của quốc hội để "ngăn chặn những hoạt động phá hoại", xô xát với cảnh sát trước cung điện Hoàng gia. Hai người chết và khoảng 2.300 người bị thương. Ngày hôm sau, để chống lại tình trạng chia rẽ sâu sắc của dân chúng, chính quyền lần đầu tiên tổ chức quốc lễ tưởng niệm chiến tranh tại vườn thượng uyển Shinjuku ở Tokyo. Trước giai điệu của bản quốc ca cũ,"Kimigayo" (Chúc vương triều tồn tại mãi), Hirohito mặc bộ complê buổi sáng và đội mũ chóp cao, leo lên bục tưởng niệm cùng với Hoàng hậu Nagako và đọc to những dòng sau:

Vì cuộc chiến tranh, vô số người đã chết trên các chiến trường, hiến dâng cuộc đời của họ trong khi làm việc hoặc chết sớm. Từ đáy lòng mình ta khóc thương cho tất cả họ và luôn luôn thấy đau đớn khi ta nghĩ về gia đình bị mất người thân của họ. Nhân dịp này, ta chia sẻ với họ và ta nhắc lại lời chia buồn của ta với họ.

Bảy năm trước Hirohito đã nói những lời tương tự trong bản huấn lệnh tuyên bố đầu hàng. Lúc đó, ý định của ông là để bảo vệ quốc thể. Giờ đây, nó nhằm xích lại gần các gia đình bị

tảisáchhay

mất người thân và kết cả dân tộc lại với nhau trong khi cũng ngụ ý, một cách tế nhị và gián tiếp, rằng câu hỏi về trách nhiệm chiến tranh của ông không nên lại tiếp tục.

Theo một cách truyền đạt có ý nghĩa đặc biệt bài ca ngợi của thủ tướng Yoshida nhấn mạnh rằng những người chết trong chiến tranh đã đặt nền móng cho nền hòa bình và sự thịnh vượng trong tương lai của Nhật Bản. "Sự hy sinh" của họ cho đất nước, Yoshida nói, nhận cái chết cho con cháu đang sống của họ. Trong một phần tư thế kỷ tiếp theo, tất cả các chính quyền bảo thủ sẽ nhắc lại và lợi dụng mạnh mẽ từ "hy sinh" này.

Trong tháng 6 năm 1952, Hirohito viếng thăm ngôi đền Ise và trong tháng 7 là đền thờ Hoàng đế Minh Trị. Trong tháng 8, ông ban vinh dự cho những người chết trong chiến tranh. Giờ đây, ngày 16 tháng 10, ông lại tiếp tục đến lễ tại đền Yasukuni. Về sau, mãi tới năm 1975, Hirrohito viếng thăm ngôi đền này tám lần. Điều đó như thể chưa từng bị chiếm đóng hay ít nhất là chưa từng có cải cách gì. Ông hoàn toàn lãnh đạm đối với sự bãi bỏ của nhà nước đối với đền Yasukuni vì vai trò của nó trong việc chuyển khả năng tiềm tàng của tôn giáo thành chiến tranh.

II

Những người phái bảo thủ và những người phái cấp tiến bất đồng ý kiến trong những năm đầu của thập niên 1950 không chỉ về mô tả đặc điểm của cuộc chiến tranh châu Á – Thái Bình Dương mà còn về mối quan hệ quân sự quá phụ thuộc mà Hoa Kỳ đã ép buộc lên Nhật Bản. Hiệp ước hòa bình, bản hiệp ước được đưa tới nội các Yoshida như là một điều kiện tiên quyết để chấm dứt việc chiếm đóng, đưa Nhật Bản dưới "chiếc ô hạt nhân" của Mỹ và nhượng lại cho các lực lượng quân sự Mỹ nhiều quyền đặc biệt và đặc quyền. Về mặt quân sự, ngoại giao và tâm lý, Nhật Bản vẫn bị kẻ chinh phục cũ của mình chi phối - quốc gia chủ chốt trong mạng lưới các Đồng Minh và căn cứ quân sự của Mỹ tại khu vực châu Á –Thái Bình Dương.

Nhiều người Nhật nhận thức sự vướng mắc quân sự với Hoa Kỳ là rất nguy hiểm và một sự từ chối hiển nhiên về lý tưởng hòa bình được ghi trong hiến pháp mới của họ; những người khác, bao gồm cả Hirohito, nhìn nhận mọi việc lại khác. Họ có một cái nhìn "thực tế" và nhận ra những điều kiện quốc tế thuận lợi đối với việc tăng trưởng kinh tế được tạo ra bởi việc lệ thuộc vào cường quốc phương Tây hùng mạnh nhất. Hội Quốc Liên an ninh với Hoa Kỳ làm Nhật Bản giảm bớt chi phí cho quốc phòng của chính mình, giải thoát các ngành công nghiệp của mình hưởng lợi nhuận khổng lồ từ cuộc chiến tranh tại Triều Tiên và đảm bảo cơ hội gần gũi với Mỹ - những thị trường có kiểm soát, công nghệ và các nguyên liệu thô. Mặt khác là sự đối đầu Mỹ-Liên Xô đang chuyển thành một cuộc chạy đua vũ trang nguy hiểm trên thế giới và Nhật Bản đang bị lôi kéo vào cuọc chạy đua vũ trang đó đúng lúc mà nó đang mở rộng chủ nghĩa hòa bình và chủ nghĩa chống quân phiệt.

Thiếu tự tin trong khả năng của mình để cai trị một nền dân chủ bị xé rách bởi những xung đột xã hội dữ dội giữa các hiệp hội và các hãng kinh doanh, giới tinh hoa chính trị Nhật Bản cảm thấy một tình trạng thiếu chắc chắn khó lường. Những người bảo thủ (bao gồm một thiểu số rất nhỏ nhưng quan trọng những người đã bị giam tù trong những năm chiếm đóng), phác thảo những kế hoạch để sửa lại bản "hiến pháp hòa bình" và tăng cường quyền

tảisáchhay

lực của Hoàng đế bằng cách thay đổi địa vị của ông từ một "biểu tượng" mập mờ thành một "nhà lãnh đạo đất nước", người lại có thể có quyền tuyên bố những trường hợp khẩn cấp của đất nước và ban hành những chiếu chỉ khẩn cấp. Mục đích của họ không phải hồi phục lại "chế độ Hoàng đế" thời ký trước và trong chiến tranh. Mục đích đó cũng không nhằm giáo dục những thế hệ tương lai trong quan điểm lịch sử theo kiểu đế quốc cũ bám rễ vào thần thoại. Những người bảo thủ cố gắng ủng hộ quyền lực của Hoàng đế để họ có thể sử dụng quyền lực đó cho những mục đích cá nhân. Họ hy vọng hạn chế những điều khoản nhân quyền của bản hiến pháp vì "phúc lợi công cộng". Họ cũng muốn gài vào những điều khoản mới để bảo vệ những quyền thừa kế, do đó tăng cường chế độ gia đình, trong khi ngăn lại những quyền của phụ nữ đã đột ngột được mở rộng dưới thời bị chiếm đóng.

Quan tâm về mối ưu tư của dân chúng về các quyền của họ hơn là trách nhiệm, Hirohito hoan nghênh những nỗ lực của những ai theo Thuyết Thượng đế cứu vớt mọi người. Ông vui sướng một lần nữa lại phê chuẩn những văn bản chính thức và nhận quốc thư của các nhà ngoại giao nước ngoài trình lên ông. Những năm tham gia tích cực vào chính trị và đưa ra quyết định với tư cách cá nhân đã được đáp ứng và ông nóng lòng giành lại sự hoạt động chính trị đầy ý nghĩa. Nhưng địa vị theo hiến pháp của ông giờ đây chỉ là một "biểu tượng". Can thiệp vào các công việc quân sự, ngoại giao và chính trị là bị ngăn cấm đối với ông. Khi được thành lập trong tháng 6 năm 1954, "các lực lượng phòng vệ" và "Cơ quan Phòng vệ" được đặt dưới sự chỉ huy của thủ tướng với nguyên tắc quản lý dân sự được ghi trong luật pháp cho phép. Bị nghiêm cấm khắt khe việc can thiệp vào lực lượng quân đội Nhật Bản mới làm Hirohito đau khổ. Ngày càng không được dính dáng đến chính trị Nhật và ra các chính sách thậm chí còn làm ông đau khổ hơn.

Ông còn lại những gì? Chỉ còn những bản báo cáo vắn tắt ông bí mật nhận được từ các Bộ trưởng và những báo cáo cuối năm về an ninh trật tự từ Cảnh sát trưởng và Thị trưởng Tokyo. Tuy nhiên, cả những bản báo cáo vắn tắt lẫn những báo cáo đầy đủ đều không được quy định theo hiến pháp và mỗi loại này có thể kết thúc vào bất cứ lúc nào. Vì những tranh đấu chính trị trong những năm giữa và cuối thập niên 1950 mở ra, Hirohito chỉ có thể hy vọng rằng những chính trị gia có thế lực sẽ thỉnh cầu lời khuyên chính trị của mình, tiếp tục nhận những bản hướng dẫn và kiềm chế không khẳng định mình bị địa vị "biểu tượng" theo hiến pháp của mình trói buộc.

Sự rối loạn chính trị bắt đầu dưới thời chính quyền của người kế nhiệm Yoshida, Hatoyama Ichirō bảy-mươi-hai-tuổi, người cam kết (sớm như nó xảy ra) một chính sách độc lập về kinh tế và chính trị cho Nhật Bản. Vào ngày Hatoyama lập nội các đầu tiên của ông ta, ngày 10 tháng 12 năm 1954, Bộ trưởng Ngoại giao và Shigemitsu Mamoru trước-đây-bị-kết-tội đến Hoàng cung để báo cáo vắn tắt cho Hirohito biết. Là một người bảo thủ bẩm sinh nhưng cũng có đầu óc đổi mới và đầy Hoài bão, Shigemitsu trong những năm cuối của thập niên 1930 đã là một người ủng hộ "trật tự mới" và sự cai trị trực tiếp của Hoàng đế. Năm năm trong tù đã không làm thay đổi lòng đam mê đối với những kế hoạch trừu tượng của ông ta để tạo ra những trật tự mới. Nhà tù không làm cảm giác sống động về bản thân như là bầy tôi trung thành của Hoàng đế bị cùn đi, hoặc niềm tin của ông ta rằng Hoàng đế đang ở trong tình trạng thiếu quyền lực và có thể vẫn được sử dụng để phục vụ cho những mục đích của các bộ trưởng đúng như theo hiến pháp cũ.

tảisáchhay

Suốt năm 1955 Shigemitsu và Hirohito bàn luận những vấn đề ngoại giao quan trọng mỗi tháng khoảng hai lần. Sau khi những người xã hội đã chiếm áp đảo tại quốc hội và đạt được thống nhất trong đảng, những người bảo thủ kết hợp để lập nên Đảng Dân chủ Tự do (LDP), với chủ tịch đầu tiên là Hatoyama. Cũng trong năm 1955, nền kinh tế Nhật Bản cuối cùng đã vượt hơn so với sản lượng cao nhất thời trước chiến tranh và thậm chí trong thời chiến tranh trong hầu như tất cả các lĩnh vực ngoại từ duy nhất một ngành – thương nghiệp. Trong khi Hatoyama cố gắng sửa đổi hiến pháp để xóa bỏ điều 9 và để nâng địa vị của Hoàng đế lên, Shigemitsu kích động bình thường hóa quan hệ với Liên Xô và mở rộng buôn bán với Trung Quốc. Việc sau đặc biệt khó đạt được nếu như Hoa Kỳ vẫn còn dưới ảnh hưởng của chủ nghĩa McCarthy và từ chối ngay cả chấp nhận Trung Quốc trong khi đất nước đó đang theo đuổi một hình mẫu phát triển chủ quyền tuyệt đối kiểu Stalin.

Trong những cuộc gặp với Shigemitsu, Hirohito lo lắng thấy rõ về sự xâm nhập và những mối quan hệ của Cộng sản Nhật với Maxtcơva được hồi phục. Ông cảnh báo bộ trưởng ngoại giao tránh rơi vào một hoàn cảnh mà Nhật Bản có thể lại trở thành một đối thủ chiến lược của Hoa Kỳ. Trong cuối tháng 8 năm 1955, với việc Nikita Khrushchev nắm quyền và đang tìm kiếm một hiệp ước hòa bình với Nhật Bản, Hirohito nói với Shigemitsu tại lâu đài của mình ở Nasu, tỉnh Tochigi, và theo Shigemitsu nhấn mạnh "sự cần thiết của việc thân thiện với Hoa Kỳ và thù địch với chủ nghĩa cộng sản. Ông nói rằng quân đội [Mỹ] đồn trú tại Nhật Bản không được rút đi." Hatoyama và Shigemitsu nhanh chóng mệt mỏi với những lời nhắc nhở chống chủ nghĩa cộng sản không mong đợi của Hirohito và thôi không hỏi ý kiến nữa. Nỗ lực đàm phán với Liên Xô của họ về việc bình thường hóa quan hệ bất thành khi họ khăng khăng đòi Liên Xô trao trả phần phía nam quần đảo Kurile đã bị chiếm giữ vào cuối chiến tranh thế giới thứ II. Hirohito, không hài lòng với đường lối ngoại giao của họ, có thể hài lòng nhìn thấy cả hai người này đi chệch đường.

Vào năm 1956 ngày càng nhiều người Nhật ném bỏ những quan điểm chính trị độc đoán xưa cũ dưới ảnh hưởng của hiến pháp mới và những điều kiện kinh tế được cải thiện. Tuy nhiên, công chúng vẫn chưa sẵn sàng chấp nhận những cựu chiến binh Nhật những người viết ra những chuyện hoang đường về việc họ vô tội và cách họ bị đối xử tàn nhẫn thời chiến tranh. Năm đó, quyết định lấp đầy khoảng trống kiến thức về những chiến dịch của Nhật bản tại Trung Quốc, những cựu chiến binh tham gia những chiến dịch này những người đã bị bỏ tù vì phạm tội chiến tranh tại Trung Quốc quay trở về nước và bắt đầu thú nhận công khai những hành động diệt chủng. trong năm cuốn sách của họ có tựa đề bằng tiếng Nhật, *Sankō (Đốt sạch, giết sạch, cướp sạch),* trở thành cuốn sách bán chạy tại Nhật và đưa ra công luận thuật ngữ "những chiến dịch *sankō*". Dư luận nhanh chóng phản ứng lại. Những cựu chiến binh này bị buộc tội "làm ô nhục tất cả người dân Nhật". Họ bị quy là những kẻ bị cộng sản lừa bịp, "bị Đảng Cộng sản Trung Quốc tẩy não". Dưới áp lực đe dọa của những kẻ côn đồ phái hữu, nhà xuất bản đã nhanh chóng ngừng xuất bản cuốn sách. *Giết sạch, đốt sạch, cướp sạch* không còn trong đầu của người Nhật vào thời điểm khi chính quyền đang ủng hộ chính sách ngăn chặn Trung Quốc của Mỹ và tưởng nhớ tới những mất mát của người dân Nhật trong chiến tranh.

Hơn nữa, nhiều người vẫn còn gắn chặt với những hình thái dân tộc chủ nghĩa xưa cũ tập trung quanh Hoàng đế. Hirohito và Hoàng đệ của mình Takamatsu rất quan tâm đến những

tảisáchhay

tổ chức theo thuyết thượng đế cứu vớt mọi người được hình thành trong làn sóng dân tộc chủ nghĩa đầu tiên thời hậu chiếm đóng. Thỉnh thoảng, viên sỹ quan phụ tá quân sự trước kia của Hoàng đế, một ông Hayata Noboru nào đó, đến Hoàng cung báo cáo về các nhóm cựu chiến binh như là nhóm Hội Quốc Liên Thân hữu Cựu binh Nhật Bản, mà ông ta là phó chủ tịch, và nhóm Hiệp hội Các gia đình mất người thân trong chiến tranh Nhật Bản - một nhóm được thành lập từ giai đoạn đầu kỷ nguyên bị chiếm đóng đã ngày càng trở nên bảo thủ kể từ khi được tái tổ chức trong năm 1953.

Ngày 15 tháng 8 năm 1958, hai hiệp hội này kết hợp với Hiệp hội những đền thờ Shinto và vô số những tổ chức cánh hữu khác tổ chức một lễ tưởng niệm tại tòa lâu đài lớn Kudan, gần đền thờ Yasukuni. Mục đích của buổi lễ này là để "cất giữ những vong linh anh hùng [*eirei*] của tất cả các những người đã chết vì đất nước trong cuộc chiến tranh Đại Đông Á". Thuật ngữ "vong linh anh hùng", hàm nghĩa một người xuất chúng đã đạt được thành tích vĩ đại trong chiến tranh, một lần nữa được liên tưởng đến khái niệm "cuộc chiến tranh thần thánh". Nó cũng đã ngụ ý một thái độ rõ ràng hướng về đế quốc và một sự đánh giá phủ nhận những giá trị thời hậu chiến được ghi trong hiến pháp. Hirohito và Hoàng hậu Nagako gửi hoa và một bức thư của Hoàng đế tới những buổi lễ tưởng niệm được tổ chức không chính thức vào ngày 15 tháng 8 hàng năm. Tuy nhiên, họ không đích thân tham dự các buổi lễ hàng năm cho tới năm 1963, khi tên gọi của sự kiện này được đổi tên mang ít tính ý thức hệ hơn "Lễ tưởng niệm những người chết trong chiến tranh của dân tộc".

Ngay trong những cựu chiến binh và gia đình có người bị chết trong chiến tranh, những người tưởng nhớ những người chết trong chiến tranh đồng thời xác nhận lại một lần nữa tính đúng đắn về đạo đức của cuộc "Chiến tranh Đại Đông Á", có nhiều người cũng nhớ rằng Hirohito đại diện cho tất cả những nhà lãnh đạo mà chưa bao giờ thừa nhận trách nhiệm chiến tranh. Cảm nghĩ như vậy thường được biểu lộ một cách gián tiếp, như khi tờ *Shizuoka shinbun* trong tháng 10 năm 1957 phát động một chiến dịch thúc giục Hoàng đế đến thăm "đền thờ hộ quốc" *[gokoku jinja*], dạng đền thờ địa phương của đền thờ Yasukuni tại Shizuoka. "Bởi vì Hoàng đế là người đại diện cho cả dân tộc và là biểu tượng của đất nước, ông biểu lộ cảm nghĩ của cả dân tộc và vì vậy nên cúi đầu trước những vong linh của những người đã chết trong chiến tranh bằng cách viếng thăm *goguku jinja*.... Họ đã chết vì đất nước Nhật Bản, vì dân tộc và vì vị Hoàng đế này. Tại sao ông không nên cúi đầu trước họ, cho họ thấy lòng biết ơn của mình và cầu xin họ tha thứ?" Và tất cả lời yêu cầu Hirohito bày tỏ "lòng biết ơn" của ông và xin các vong linh đã chết trong chiến tranh "tha thứ", bao hàm khả năng nhen lại tranh luận về trách nhiệm chiến tranh của Hoàng đế.

Đáp lại phần nào đối với hành động khôi phục chủ nghĩa dân tộc này của các cựu chiến binh và các nhóm bảo thủ khác, một phong trào chính trị đối ngược mạnh mẽ của những người cánh tả nổi lên trong giữa và cuối những năm 1950. Một số ít những nghiên cứu lịch sử theo những quan điểm chỉ trích cuộc chiến tranh bị thất bại thu hút sự chú ý của cả nước. Tại các học đường đại học, sự chỉ trích nhen lại trong một số trí thức nổi tiếng đã ủng hộ mở rộng chiến tranh trong những năm của thập niên 1930 và những năm đầu thập niên 1940. Những người cộng sản, những nhà xã hội cánh tả và những người tự do và cả một số các nhóm sinh viên và các công nhân cổ-trắng-xanh đang lên án mạnh mẽ những nỗ lực của

tảisáchhay

đảng LDP để sửa đổi hiến pháp. Đổ thêm lửa vào sự chống đối của họ là những nỗi lo sợ của Nhật Bản bị lôi kéo vào cuộc chiến tranh giữa Hoa Kỳ và Liên Xô và nỗi lo sợ tái vũ trang.

Sự tái thành lập sự kiểm soát của nhà nước về giáo dục của chính quyền của đảng LDP và cố gắng mạnh tay của họ để làm sống lại lòng yêu nước cũng gây nên sự ngờ vực. Trong suốt những năm giữa thập niên 1950, Bộ Giáo dục kiểm tra sự ảnh hưởng của Hiệp hội Giáo viên Nhật Bản cấp tiến và công khai bãi bỏ những ban giám hiệu đã được bầu. Trong việc làm sau, nó thiết lập cơ chế các kỳ thi theo sách giáo khoa của trường - một phương kế lý tưởng để làm sống mãi "tiêu chuẩn kép". Chế độ kiểm duyệt sách giáo khoa được thực thi trong khoảng những năm từ 1956 đến năm 1958 cố làm cho chủ nghĩa thực dân châu Á hiếu chiến và các cuộc chiến tranh của Nhật Bản dường như kém nghiêm trọng hơn so với thực tế đã xảy ra. Bộ Giáo dục cũng cố yêu cầu các trường học cho treo cờ "mặt trời mọc" và dạy hát bài quốc ca "Kimigayo", mặc dù không việc nào trong số chúng được phê chuẩn hợp pháp, cả hai việc làm này liên quan chặt chẽ với đế quốc thời trước chiến tranh (Điều này cuối cùng đạt được vào năm 1999.)

Trong suốt thập niên đầu tiên được độc lập, Hirohito dần dần không còn là một mục tiêu thường xuyên chú ý của truyền thông. Ông tiếp tục xuất hiện trước công chúng tại các sự kiện thể thao và các dịp lễ trồng cây, đi đến các vùng khác nhau trên đất nước trong những chuyến đi rất ngắn và thể hiện những trách nhiệm hạn chế được ghi trong hiến pháp. Hai hình ảnh đối lập của Hoàng đế bắt đầu nhanh chóng nổi lên. Một là vị Hoàng đế "con người" thời hậu chiến, một "nhà khoa học", một "học giả" và một "người đàn ông của gia đình", gần gũi với thần dân của mình và hợp với những giá trị tự do và dân chủ được soạn thành luật lệ trong bản hiến pháp và được thực thi trong xã hội tiêu thụ đang nổi. Hình ảnh kia là vị Hoàng đế có giọng nói cao, gây kinh hoàng, cứng nhắc và xa cách, cứng nhắc gắn bó với Thần đạo (Shinto) và cấu trúc giá trị cổ xưa, và khuyến khích chế độ quân chủ không được cải cách. Những người trung niên và cao tuổi ủng hộ đảng LDP nắm lấy hình ảnh sau của Hoàng đế và giữ mãi những giá trị chính trị truyền thống.

III

Trong tháng 2 năm 1957, Kishi Nobusuke, người đã làm bộ trưởng thương mại và công nghiệp và sau đó là phó thủ tướng phụ trách quốc phòng của nội các Tōjō, thành lập một nội các nhất quyết xem lại Hiệp ước An ninh Nhật-Mỹ và phát triển một chính sách đối ngoại độc lập hơn. Những mục đích của Kishi bao gồm tái thánh lập những mối quan hệ kinh tế gần gũi với các quốc gia Đông Nam Á và đảm bảo việc phóng thích những tội phạm chiến tranh loại B và C vẫn đang bị giam giữ vì đã phạm những tội như là tra tấn, hãm hiếp và giết người. Một số đang bị giam tại nhà tù Sugamo; những người khác vẫn bị giam tại các nước Đồng Minh trước đây. Lời hứa danh dự và xin lỗi của họ, Kishi tranh luận, sẽ làm cho Nhật Bản dễ dàng hơn trong việc quên đi quá khứ xích lại gần Hoa Kỳ hơn. Chính quyền Eisenhower đồng ý và giúp xúc tiến việc phóng thích những tội phạm chiến tranh còn lại.

Giống như Hatoyama trước kia, Kishi hy vọng sửa đổi điều 1 và điều 9 hiến pháp (về Hoàng đế và từ bỏ chiến tranh) và mở rộng các lực lượng phòng vệ nhỏ bé. Lường trước những cuộc biểu tình của công chúng phản đối việc nối lại Hiệp ước An ninh, Kishi đưa ra một đạo

tảisáchhay

luật tăng cường quyền hạn của lực lượng cảnh sát. Vào cuối tháng 10 năm 1958 phương tiện truyền thông và hầu hết các hiệp đoàn lao động của đất nước chống lại dự thảo đạo luật cảnh sát và một Hội Quốc Liên quốc gia sớm xuất hiện kêu gọi cách chức Kishi.

Vào đầu tháng 11, liên đoàn lao động Sōhyō mạnh-mẽ-gồm-bốn-triệu-thành-viên đình công chống lại đạo luật cảnh sát. Vì sự chống đối Kishi leo thang, vào ngày 27 tháng 11, chính quyền của ông ta vui mừng thông báo việc hứa hôn của thái tử Akihito và Shōda Michiko, con gái của chủ tịch một công ty xay bột mỳ lớn và là kết quả của một sự giáo dục theo công giáo. Sự chú ý của công luận ngay lập tức chuyển từ đề tài chính trị kinh tởm sang chuyện tình yêu lãng mạn khi các quan chức Hoàng cung và truyền thông cẩn thận phối hợp với nhau trong tất cả các chi tiết. Một cơn sốt "Mitchii" kinh ngạc quét qua Nhật Bản và Kishi tạm thời an toàn thoát khỏi trang nhất các báo.

Việc hứa hôn và hôn nhân của thái tử đánh dấu một sự thay đổi quan trọng trong sự phát triển của chế độ quân chủ. Để nghe những từ "người bình dân" hay "tình yêu" nhập vào Hoàng gia rõ ràng rất mới và rất được yêu thích. Hoàng đế Hirohito và Hoàng hậu Nagako phản đối cuộc hôn nhân bởi vì họ tin Michiko có lẽ không thể xử lý được những điều phức tạp về tục lệ của Hoàng gia. Điều làm Hirohito lo lắng nhất chẳng phải là đạo thiên chúa của Michiko hay thậm chí là sự duy trì những mối quan hệ của Hoàng gia với Thần đạo mà là sự phá vỡ truyền thống mà cuộc hôn nhân bao hàm. Hirohito không hài lòng với chính khái niệm một "chế độ quân chủ được nhân dân yêu mến và mở rộng". Nhưng giống như mọi người, ông và Nagako cũng có thể hiểu rõ giá trị của mối quan hệ thông gia với một trong những gia tộc kinh doanh xuất chúng của đất nước có thể dùng để tăng cường về phương diện pháp lý và chính trị một chế độ quân chủ đã bị suy yếu.

Trong tháng 2 năm 1959, một cuộc thăm dò dư luận của Nhật cho thấy 87% ủng hộ cho lựa chọn của thái tử Akihito kết hôn với một người bình dân.Nhưng thêm vào sự đồng thuận chung, cũng có trạng thái không thoải mái của công luận về cuộc hôn nhân này. Một số lo lắng rằng một người phụ nữ hoàn toàn bình thường kết hôn với người của Hoàng gia có thể phải chịu đựng việc mất đi sự tự do đã thành thói quen của cô ta và sẽ bị bất hạnh. Một số ít những nhà phê bình văn học và nhà văn, bao gồm cả tiểu thuyết gia nổi tiếng Fukazawa Shichirō, nhấn mạnh rằng những người đàn ông của Hoàng tộc chưa bao giờ kết hôn với người bên ngoài hàng rào Hoàng cung vì thế tiếp tục lấy bà con họ gần sẽ dẫn đến sự tiêu diệt số mệnh của toàn bộ Hoàng tộc. Những người theo truyền thống và những người theo Thần đạo cũng phản đối. Đối với họ chỉ có một mối đe dọa trong xã hội mới chỉ biết tiêu dùng và hưởng thụ khoái lạc: những giá trị thời trước chiến tranh đang nhanh chóng bị xói mòn và cuộc hôn nhân gợi ý rằng nếu ngai vàng bị hạ bệ thì nó cuối cùng sẽ bị mất giá trị - bởi tiếng hoan hô và sự tán thành của dân chúng.

Thái tử Akihito và Michiko kết hôn vào ngày 10 tháng 4 năm 1959, trước một lượng khán giả truyền hình khoảng 15 triệu người; một nửa triêu người khác xếp hàng dọc theo tuyến đường mà đám cưới của họ diễu hành qua. Hai người mới cưới sau đó biến mất trong kỳ trăng mật của họ, và sự chú ý của công chúng giờ đây lại quay trở về những vấn đề chính trị trọng đại. Ngày 19 tháng 1 năm 1960, Kishi ký tại Washington, D.C. bản Hiệp ước An ninh Nhật Bản-Hoa Kỳ được thương lượng lại và công bằng hơn. Phía Hoa Kỳ hứa sẽ bàn bạc

tảisáchhay

trước khi giao phó quân đội của mình vào các hoạt động quân sự của Nhật Bản. Tuy nhiên, những căn cứ quân sự của Mỹ vẫn đóng trên đất Nhật và các lực lượng phòng vệ Nhật Bản có trách nhiệm trợ giúp các lực lượng quân đội Mỹ nếu Washington nhận thấy họ gặp chiến tranh với một quốc gia vùng Viễn Đông nào đó (Trung Quốc chẳng hạn) và nếu như một quốc gia nào đó tấn công các căn cứ quân sự Mỹ tại Nhật Bản.

Việc phê chuẩn đã bị các đảng đối lập bên trong quốc hội và các nhóm sinh viên và công nhân lao động có tổ chức bên ngoài quốc hội phản đối dữ dội. Ngày 19 tháng 5, năm trăm cảnh sát mặc thường phục được xông vào hạ nghị viện; việc bỏ phiếu phê chuẩn đúng là một cuộc bỏ phiếu bị ép buộc. Hành động này gây ra các cuộc biểu tình lớn nhất trong lịch sử Nhật Bản kéo dài trong một tháng, lên đến cực điểm vào ngày 15 tháng 6 với cái chết của một sinh viên biểu tình phản đối đụng độ với cảnh sát trước tòa nhà quốc hội, tiếp theo là những lời kêu gọi tổng đình công của liên hiệp các hiệp hội và các nhóm công dân. Kishi ngay lập tức hủy bỏ chuyến thăm đã lên lịch của tổng thống Eisehower tới Nhật Bản. Bốn ngày sau, Hiệp ước An ninh có hiệu lực và tháng tiếp theo Kishi và toàn thể nội các của ông ta từ chức sau khi đã hoàn thành sứ mệnh chính của mình.

Đối với Hirohito trải nghiệm toàn bộ quá trình phê chuẩn là một sự thử thách cảm động. Ông đã muốn những mối quan hệ với Hoa Kỳ được cải thiện và Hội Quốc Liên được tăng cường với bất kỳ giá nào. Cho tới phút cuối cùng ông đã hy vọng sẽ đi tới sân bay Haneda để đón chào chuyến viếng thăm của tổng thống Eisenhower và sẽ được nhìn thấy trở về Hoàng cung cùng với ông ta trên chiếc xe limousine vượt qua những đám đông đang hoan hô đón chào. Kishi sau đó sẽ có ký lại bản hiệp ước trong khi chuyến thăm của Eisenhower và giúp Hoàng đế nâng cao vị thế của mình là "người lãnh đạo đất nước" trên thực tế, mà không cần phải sửa đổi hiến pháp. Việc hủy bỏ chuyến thăm đã không cho ông làm điều đó trong khi cuộc đấu tranh về bản hiệp ước đã tạm thời làm cho đa số người dân chống lại bất kỳ xáo trộn đối với hiến pháp.

Vì vậy những kết quả của toàn bộ nỗ lực bị xáo trộn. Mong muốn của Hirohito và đảng LDP về một Hội Quốc Liên quân sự với Mỹ mà sẽ đảm bảo cho việc tiếp tục tiến trình ngoại giao của Nhật Bản trong phần còn lại của triều đại của ông đã được thực hiện. Nhưng cuộc đấu tranh về Hiệp ước An ninh, chống Kishi và đấu tranh dân chủ trong những mục đích của nó, đã là một tiến trình rèn luyện cho giới lãnh đạo tinh hoa. Họ đã vượt qua cuộc khủng hoảng lớn nhất của đất nước trong giai đoạn hậu chiếm đóng mà không cần đến sự giúp đỡ của Hoàng đế. Thế hệ những nhà lãnh đạo đang nổi của LDP rút ra bài học rằng chế độ quân chủ không cần thiết là một cơ chế kiểm soát khủng hoảng. Giấc mơ của Hirohito một ngày nào đó lấy lại được quyền lực chính trị mãi mãi chỉ là một giấc mơ.

Trong khi cuộc đấu tranh về bản Hiệp ước đang bộc lộ ở Nhật Bản, tại Nam Triều Tiên, sinh viên biểu tình đang lật đổ nhà độc tài được Mỹ bảo trợ Syngman Rhee. Trong bầu không khí cách mạng sôi nổi hy vọng nằm ở phe cánh tả và nỗi sợ hãi phản cách mạng thuộc về phe cánh hữu, Fukazawa Shichirō viết một câu chuyện nhại chính trị có nhan đề "Fūryūmuta" (Một giấc mơ thanh nhã). Trong tháng 12 năm 1960, ngay sau cuộc đấu tranh chống hiệp ước an ninh, *Chūō kōron* (Tập san Trung tâm), một tờ tập san nổi tiếng chuyên về quan điểm và nghệ thuật, đăng câu chuyện này. Câu chuyện bắt đầu khi người kể chuyện đầu tiên

tảisáchhay

mua một chiếc đồng hồ đeo tay mà nó lại chạy chỉ chạy đúng giờ khi anh ta ngủ. Vì giấc mơ của mình lộ ra anh ta chứng kiến một cuộc nổi loạn tại trung tâm Tokyo dẫn đến sự tiếp quản cung điện của những nhà cách mạng cánh tả. Tại quảng trường ở phía trước cung điện, đám đông vui thích ngắm nhìn khi "những cấp trên" của họ bị ốm. Kẻ mơ mộng vẩn vơ nhìn thấy Thái tử Akihito (mặc một chiếc áo ximốckinh) và Vương phi Michiko (mặc một chiếc áo kimono) đang nằm ngửa ở dưới đất chờ bị hành hình. Người kể chuyện nhận thấy rằng chính là cái rìu của anh ta đang được tên đao phủ sử dụng. Đầu của những người trong Hoàng tộc rơi xuống kêu đánh soạt, lăn qua quảng trường và biến mất khỏi tầm nhìn với một âm thanh như là tiếng ống bơ thiếc lăn.

Ngay sau đó người kể chuyện gặp một viên quan thị thần già nua, ông này thờ ơ nói với anh ta: "Bây giờ nếu anh đến đó, đức Hoàng đế và đức Hoàng hậu đang bị giết." Anh ta đi đến như được chỉ dẫn và anh ta nhìn vào đôi vua hậu đã chết, anh ta phát hiện ra nhãn mác "Sản xuất tại Anh quốc" đính trên bộ quần áo complê buổi sáng của Hirohito và váy của Nagako. Đỉnh điểm của giấc mơ là một cuộc đấu khẩu giữa vợ của Hoàng đế Minh Trị - đó là bà của Hirohito, người đã chết năm 1914, và người mà anh ta nhầm với Teimei Kōgō, mẹ Hirohito.

"Ngươi đồ cặn bã thậm chí sẽ không còn sống nếu đó không phải là để cho chúng ta! Ngươi nợ chúng ta tất cả mọi thứ."

"Sao ngươi dám nói như vậy, mụ mù thủy già xấu xa đê tiện kia? Nợ cái gì? Nợ ngươi hả? Tại sao, ngươi hút máu chúng ta và sống xa hoa trên tiền bạ của chúng ta."

"Cái gì! Vậy ngươi đã quên ngày 15 tháng 8 rồi sao? Khi mà Hirohito *của chúng ta* đã cứu tất cả các ngươi bằng việc đầu hàng hả? Và nó đã làm việc đó!"

"Đồ khốn kiếp! Cuộc đời của chúng ta được cứu bởi vì dân chúng quanh cháu trai của ngươi thuyết phục nó làm vậy! Dứt khoát!"

Sau đó bà Hoàng hậu thừa kế bướng bỉnh lẩm bẩm: "Tất cả dân chúng đều thanh nhã đối với chúng ta. Họ làm việc này họ làm việc kia cho chúng ta. Rồi sau cùng họ nói chúng ta đã là những kẻ hút máu những người đã bòn mót tiền của họ. Nhưng ai muốn chiến tranh? Ngươi, đồ ngu! Thật láo xược!"

Một cú tấn công châm biếm về hiến pháp của một chế độ quân chủ "biểu tượng", và về huyền thoại bịa đặt rằng Hirohito đã anh hùng cứu cả đất nước tránh bị phá hủy, "giấc mơ" có thể được nhìn thấy vì tiết lộ một sự hỗn hợp những sự công kích và những lời nói làm tổn thương tình cảm mà nói rất nhiều về vấn đề Hoàng đế khi kỷ nguyên tăng trưởng kinh tế nhanh bắt đầu. Vào thời điểm hầu hết người Nhật lựa chọn để tránh đe dọa trách nhiệm của Hoàng đế đối với cuộc chiến tranh xâm lược, các nhân vật trong câu chuyện của Fukazawa, bao gồm cả người kể chuyện, tất cả đều có một điểm trọc trên đầu của họ. Vết sẹo phổ biến đó, trơ trụi, là phép ẩn dụ của Fukazawa đối với vấn đề Hoàng đế được ẩn giấu sâu bên trong lương tâm của người Nhật. "Giấc mơ", trên thực tế, xác nhận một mối quan hệ qua lại về sự có tội được Hoàng đế và dân chúng cùng chia sẻ, hầu như tất cả những người đã hăng hái ủng hộ ông và hợp tác trong cuộc chiến tranh xâm lược bất công. Fukazawa bóng gió rằng đã làm chế độ quân chủ thành một "biểu tượng" thống nhất cho những mục

tảisáchhay

đích của chính họ, người dân vẫn chưa được giải phóng khỏi Hoàng đế. Bằng việc lờ đi không truy xét trách nhiệm chiến tranh của ông ta, họ tránh truy xét trách nhiệm của chính họ.

Cảnh giết "gia đình biểu tượng" đất nước được Fukazawa hư cấu gây ra những biểu lộ vui sướng và tán thành của các độc giả nhưng những điều này nhanh chóng nhường chỗ cho những tiếng khóc vì bị tổn thương của những người khác và cuối cùng là một vụ giết người thật sự. Văn phong Nội vụ Hoàng gia yêu cầu khởi kiện chống lại cả tác giả lẫn chủ tờ nguyệt san nhưng nội các Ikeda từ chối đảm nhiệm chuyện này. Những nhóm cánh hữu thấy cuộc đấu tranh chống Hiệp ước An ninh và "giấc mơ" của Fukazawa mà đang nổi lên từ cùng một nguồn - sự khát khao một cuộc cách mạng. Họ thành công hơn so với chính quyền đang thi hành những luật pháp chống lại đạo luật về "tội khi quân". Những người cánh hữu tụ tập bên ngoài trụ sở chính tại Tokyo của công ty Chūō Kōron để nhiếc móc và đe dọa những người đang làm việc cho công ty này. Sự giận dữ nổ ra cho đến ngày 1 tháng 2 năm 1960, khi một thành viên mười-bảy-tuổi của một đảng cánh hữu cấp tiến xâm nhập vào nơi ở của chủ tịch công ty, Shimanaka Hōji. Thấy ông ta không ở nhà, cậu thanh niên kia giết cô giúp việc của gia đình bằng một thanh kiếm ngắn và gây cho bà vợ của Shimanaka bị thương nặng.

Sau vụ giết người này, Fukazawa bỏ trốn trong năm năm. Hình như ông ta không bao giờ xuất bản lại nữa. Theo nhà nghiên cứu lịch sử văn học John W. Treat, ông ta hiến dâng "bản thân cho việc làm bột đậu" và sau đó "làm chủ một cửa hàng nhỏ bán bánh nướng – có tên tuổi đàng hoàng là Yumeya hay "Cửa hàng Giấc Mơ" tại một quận có nhiều dân lao động sinh sống của Tokyo." Shimanaka từ bỏ bất cứ mối liên hệ với tác giả. Thay vì chỉ trích những người phe cánh hữu vì đã gây ra vụ thảm sát tại nhà mình hay bảo vệ quyền tự do ngôn luận và thể hiện nghệ thuật, ông ta lại liên tục đăng những lời xin lỗi công khai trên các báo vì đã gây rắc rối cho ngai vàng. Sau đó, để xoa dịu phe cánh hữu và dư luận khá giống nhau hơn nữa, *Chūō Kōron* thay đổi phương hướng biên tập của mình và trở thành một phụ bản dành cho các bài viết mà làm cho thái độ về đất nước thời chiến tranh có vẻ ít có thể bị lên án. Những chủ báo thương mại lớn khác tự kiểm duyệt khắt khe hơn về những đề tài liên quan đến ngai vàng. Không từ báo nào (ngoại trừ một số ít các tờ báo nhỏ bí mật) kể từ đó trở đi dám cho đăng những bài viết nhại nhạo báng uy quyền của các Hoàng đế nữa.

Vụ "Fūryū mutan" và "các phốt Shimanaka" nêu bật những giới hạn tự do bày tỏ quan điểm trong một nước Nhật Bản mới khoan dung hơn. Trong nhận thức của họ, phương tiện truyền thông thôi không đăng những bài viết có thể được hiểu là chỉ trích hay làm mất phẩm giá của Hirohito và gia đình Hoàng đế. Phạm vi của điều "cấm kỵ hoa cúc" này mở rộng trong năm 1963 khi nhà xuất bản Heibonsha chấm dứt tạp chí đăng nhiều kỳ cuốn tiểu thuyết của Koyama Itoko, *Quý bà Michiko (Michikosama)* sau khi bị chỉ trích tại quốc hội là "trò giải trí" không phù hợp cho đất nước. Tuy nhiên, những hành động như vậy không làm cuộc tranh luận của giới trí thức về chế độ quân chủ phải im lặng và ảnh hưởng toàn thể của những hành động này lên phương tiện truyền thông là phù du. Trong một xã hội tiêu thụ của tầng lớp trung lưu đã xuất hiện từ cuộc chiến tranh và giai đoạn bị chiếm đóng, hiến pháp đã đạt đến một mức hợp pháp cao. Một thế hệ sau chiến tranh đã trở thành những

tảisáchhay

người quan trọng nhất mang những giá trị dân chủ và chống độc đoán, xung đột với những giá trị của các thế hệ lớn tuổi hơn đã được giáo dục dưới những chế độ trước và trong chiến tranh, những người mà đối với họ lòng trung thành không suy xét và sự tôn kính dành cho ngai vàng vẫn còn mạnh mẽ. Trong xung đột này, Hirohito đứng về phía thế hệ những người lớn tuổi hơn nhưng luôn luôn rất cẩn thận không bao giờ công khai bảo vệ quan điểm của họ về cuộc "Chiến tranh Đại Đông Á".

Khoảng chừng 233 nhóm của những người phe cánh hữu và tội phạm có tổ chức bị giải tán trong những năm đầu giai đoạn chiếm đóng. Giữa những năm từ 1958 đến 1961 chính sách khủng bố cánh tả quay trở lại sân khấu chính trị Nhật Bản. Không có bất bằng chứng rõ ràng nào cho thấy Kishi và tư tưởng bè phái "chủ đạo" của đảng LDP trực tiếp ra lệnh chính sách khủng bố chống lại những người đối lập chính trị. Tuy nhiên, những chính sách cứng rắn của họ hầu như chắc chắn tạo điều kiện thuận lợi cho một môi trường mà trong môi trường đó những biến cố như vậy có thể xảy ra trong khi lực lượng cảnh sát, tiêu cực nếu không nói là a dua, nhìn về phía khác. Cánh hữu vấp phải những người nghị sỹ quốc hội phe cánh tả và đe dọa những người chống đối Hiệp ước An ninh. Asanuma Inejirō, chủ tịch Đảng Xã hội, bị ám sát trong khi đang đọc một bài diễn văn trực tiếp trên truyền hình. Những người cánh hữu cấp tiến cũng mạo hiểm xông vào vũ đài văn hóa. Lần đầu tiên kể trong kỷ nguyên hậu chiến tranh, họ nhằm mục tiêu vào việc đe dọa và cái chết của những nhà văn như Fukuzawa những người có ảnh hưởng trong việc bày tỏ sự cần thiết đối cho cải cách được tiếp diễn của chế độ quân chủ.

IV

Rút ra một bài học từ sự sụp đổ của Kishi, người kế nhiệm của ông ta, thủ tướng Ikeda Hayato từ bỏ việc sửa đổi hiến pháp và nêu cao khẩu hiệu "Khoan dung và kiên nhẫn". Ikeda được nhớ tới chủ yếu vì kế hoạch "làm tăng gấp đôi" thu nhập của đất nước trong vòng một thập niên bằng cách tăng GNP (tổng sản phẩm quốc dân) hàng năm của Nhật Bản ở mức 9%. Trong suốt những năm dưới quyền của ông ta - từ tháng 6 năm 1960 đến tháng 11 năm 1964 - Nhật Bản bước vào một giai đoạn phát triển kinh tế đặc biệt và tiếp tục kéo dài đến "cuộc khủng hoảng dầu mỏ" đầu tiên vào năm 1973. Mặc dù tăng chậm lại vào thời gian đó, tốc độ tăng trưởng vẫn còn cao hơn so với tôc độ tăng trưởng của tất cả các nước phương Tây. Sự sụt giảm số lượng nhân công lao động tại các nông trang của Nhật cũng tăng nhanh hơn, từ khoảng 1 năm 3 trong tổng số người lao động trong năm xuống còn 1 năm 5 trong năm 1970 và xuống dưới 1 năm 10 trong năm 1980. Khi Hirohito 67 tuổi trong năm 1968, GNP của Nhật Bản đã đạt tới vị trí số hai trong thế giới tư bản; lúc ông 80 tuổi vào năm 1981, rất ít cộng đồng nông nghiệp mà những năm trước đó đã là những trụ cột quan trọng của chế đệ quân chủ vẫn còn tồn tại.

Trong năm 1963, Ikeda thành công trong việc biến ngày đầu hàng, ngày 15 tháng 8, ngày lễ tưởng niệm những người đã chết trong chiến tranh thành một ngày lễ chia buồn phi Thần giáo hoàn toàn thế tục. Để tránh tất cả đánh giá lịch sử về chính cuộc chiến tranh, cũng giống như Yoshida trước đây, Ikeda tuyên bố những người đã chết trong chiến tranh là "nền tảng của sự phát triển phi thường của nền kinh tế và văn hóa của chúng ta." Từ nay về sau Ngày tưởng niệm chiến tranh sẽ là một dịp để các vị thủ tướng khác gọi lên rằng câu

tảisáchhay

thần chú tưởng nhớ Yoshida-Ikeda: Từ sự hy sinh của những người đã chết trong chiến tranh đã dẫn đến sự thịnh vượng kinh tế thời hậu chiến. Trong những cách đó là những bước đi nhỏ được thực hiện về hướng bào chữa cuộc chiến tranh và tổ chức lại một cộng đồng bao gồm toàn bộ đất nước. Cũng trong năm 1963, chính quyền Ikeda thông qua một đạo luật về sách giáo khoa được soạn ra nhằm "tiêu chuẩn hóa giáo dục". Luật mới nhanh chóng dẫn đến việc sản xuất những sách lịch sử và sách hướng dẫn giảng dạy mà hoàn toàn đi ngoài rìa vấn đề về tội xâm lược của Nhật Bản và vai trò của Hirohito trong chiến tranh.

Ikeda cũng hồi phục việc thực thi, bắt đầu được quy định trong hiến pháp Minh Trị và bị cấm trong giai đoạn bị chiếm đóng, nghi lễ Hoàng đế ban tặng những phần thưởng của Hoàng đế cho những công dân đặc biệt đã có những cống hiến cho đất nước trong các lĩnh vực nghệ thuật và khoa học. Những buổi lễ ban thưởng, được tổ chức tại Hoàng cung, khẳng định một thứ bậc văn hóa dựa trên sự ưu tú và sự thích hợp chính trị và đồng thời tăng cường ảnh hưởng tối cao mà Hirohito còn ngồi trên ngai vàng Hoàng đế. Từ năm 1963, những phần thưởng dành cho những người còn sống sót trở về từ chiến trường cũng được bao gồm và từ tháng 4 năm 1964 là những phần thưởng truy tặng dành cho những người trong quân ngũ đã hy sinh trong trận chiến. Nhà lãnh đạo đảng LDP lập ra danh sách những người nhận phần thưởng hai lần mỗi năm từ năm 1963 trở đi và chuyển danh sách này tới Hoàng đế. Việc ban thưởng này luôn trước những ngày bầu cử để phục vụ không chỉ nhằm vinh danh những nghệ sỹ xứng đáng, những trí thức và những cựu chiến binh mà còn tạo ra sự ủng hộ của dân chúng đối với đảng LDP, đây mới chính xác là mục đích của họ. Truyền bá việc ban thưởng của Hoàng đế nhằm tăng cường cơ sở ủng hộ bầu cử của đảng cầm quyền chắc chắn là "một tập quán mới của thể chế đế quốc", mặc dù nó đã được thành lập giống hệt như ở nước ngoài.

Vào những năm giữa và cuối này của triều đại Shōwa (Chiêu Hoà), những năm 1960 và 1970, Nhật Bản đang nhanh chóng chuyển đổi thành một xã hội đô thị hóa dữ dội, được định hướng để đáp ứng những đòi hỏi khổng lồ của các hãng tư bản về cơ sở hạ tầng, tài chính, kỹ thuật và xã hội. Trên tất cả, Nhật Bản thời hậu chiến về mặt chính trị tận tâm ủng hộ việc kinh doanh lớn, sản xuất lớn và buôn bán lớn cho dù con người và môi trường phải chị trả giá ra sao. Và khi công việc kinh doanh lớn mở rộng và trở nên vững chắc, giới trung lưu Nhật cũng tăng lên. Trong giai đoạn bị chiếm đóng, những hãng kinh doanh lớn liên hiệp với nhau trong các liên đoàn kinh doanh. Đại diện những lợi ích tài chính và hợp tác với những đòi hỏi luôn luôn thay đổi, những liên đoàn này về cơ bản dàn xếp giữa những lợi ích hợp tác và những bộ quan trọng của đất nước như Tài chính, Bưu chính, Ngoại thương, Công nghiệp và Ngân hàng trung ương Nhật Bản, và sự thiết lập của đảng cầm quyền. Sự thịnh vượng giàu có và thống nhất trong xã hội Nhật mới này và vai trò được ấn định theo hiến pháp cho "biểu tượng" giờ đây chỉ là phụ.

Không giống như hầu hết các thế hệ thời chiến tranh những người đã đồng cam cộng khổ với Hoàng đế hay đã dành sự ủng hộ suông (nếu họ không thật sự tin tưởng vào) có ích cho những nguyên tắc tư tưởng của đất nước, "thế hệ trẻ hơn", ví dụ thế hệ sinh ra trong những năm 1970, đã được nuôi nấng trong một xã hội kinh doanh đang nổi. Họ đồng cảm với công ty, có khuynh hướng không tin tưởng đất nước, và khẳng định những giá trị về tăng trưởng kinh tế và dân chủ. Tuyên bố khác hẳn: Hàng loạt những thay đổi tư tưởng đã bị mất từ lòng

tảisáchhay

trung thành của các samurai thời tiền Minh Trị tới những lãnh chúa phong kiến và lòng trung thành thời hậu Minh Trị của tất cả "các thần dân" đối với Hoàng đế đã chuyển đổi thành lòng trung thành của người làm công đối với doanh nghiệp trong một xã hội lấy công ty là trung tâm. Với việc Nhật Bản đang nhanh chóng trở thành một cường quốc kinh tế quan trọng nhưng vẫn chưa đạt được vị thế là một cường quốc chính trị, nền quân chủ nhanh chóng cần chủ động định hình đất nước như dưới thời Minh Trị hoặc ngăn chặn và chế ngự thay đổi dân chủ như dưới thời Taishō (Đại Chính) và kúc ban đầu thời kỳ Shōwa (Chiêu Hoà). Tuy nhiên, bởi vì hiến pháp bảo vệ chế độ quân chủ và chế độ quân chủ vi phạm nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử theo pháp luật, nó vẫn tồn tại một sự kiềm chế đối với tự do của các công dân. Đó không phải là vì lực lượng chính trị bảo thủ trong những năm 1960 và 1970 ra lệnh nó thể hiện như là: xã hội kinh doanh tự thân nó sinh ra thứ bậc và sự phân biệt đối xử, và chế độ quân chủ, ở vị trí đỉnh cao của nó, thỏa mãn để phê chuẩn những nguyên tắc đó.

Sau Kishi không một chính quyền của LDP có thể phớt lờ sự chia rẽ trong các giá trị giữa những người tự do và cấp tiến ở một phía và những người bảo thủ ở phía kia, đặc biệt khi sự chia rẽ được biểu lộ tại những cuộc bầu cử. Vì vậy, những vấn đề chia rẽ về sửa đổi hiến pháp và tái quân sự hóa vẫn còn cách xa chương trình nghị sự của người kế nhiệm Ikeda, Satō Eisaku (em cùng cha khác mẹ của Kishi). Mục tiêu của Thủ tướng Satō là tăng trưởng kinh tế và đoàn kết dân tộc dựa trên sự giàu có về vật chất. Bằng việc theo đuổi "nền chính trị nhất trí" và khuyến khích tính hay quên về quá khứ thực dân và quân phiệt của Nhật Bản, ông ta có thể tại vị trong 8 năm, từ 1964 đến 1972, lâu hơn bất kỳ vị thủ tướng nào khác. Giống như người tiền nhiệm Ikeda, Satō sùng bái Yoshida Shigeru và ngay từ lúc đầu nhiệm kỳ của mình ông ta cố gắng chiều lòng vị Hoàng đế già cả, như Yoshida, bằng chính sách thân Mỹ và cũng bằng cách để Hirohito theo kịp với diễn biến chính trị.

Ngày 26 tháng 12, khoảng sáu tuần sau khi thành lập nội các của mình, Satō đến Hoàng cung để lần đầu tiên tóm tắt lại cho Hoàng đế biết. Họ sớm phát triển một mối quan hệ cá nhân nòng ấm. Từ đó trở đi (trừ khi đang đi chiến dịch hay đang công cán ở nước ngoài) Satō đều không nề hà báo cáo Hirohito những công việc quốc tế, chính trị trong nước, những vấn đề quốc phòng và giáo dục, kinh tế và chính sách nông nghiệp. Ông ta báo cáo thường xuyên và đầy đủ chi tiết, đôi khi thậm chí ngay khi đang đến Hoàng cung để dự các những buổi lễ phong chức và ban thưởng của Hoàng đế. Háo hức theo dõi và tham dự vào những công việc quốc gia, Hirohito dồn dập hỏi Satō.

Trong những năm giữa và cuối thập niên 1960 tổng thống Lyndon Johnson đang bắt đầu leo thang cuộc chiến tranh tại Việt Nam và những sinh viên Nhật phản đối chiến tranh đang tập trung tại các căn cứ quân sự Mỹ ở Okinawa mà từ những căn cứ đó các máy bay B52 cất cánh để ném bom miền Bắc Việt Nam. Satō hoàn toàn ủng hộ cuộc xâm lược của người Mỹ chống lại Bắc Việt Nam. Vì cuộc chiến tranh trở nên dữ dội, tầm quan trọng của cả Nhật Bản lẫn Okinawa đối với Hoa Kỳ càng tăng lên. Trong tháng 10 năm 1964, Trung Quốc thử quả bom hạt nhân đầu tiên của mình. Đúng hai năm sau, Trung Quốc, lúc này đang sa vào hỗn loạn vì cuộc Đại Cách mạng Văn hóa, phóng thử một tên lửa có khả năng mang một đầu đạn hạt nhân có thể tới bất kỳ mục tiêu nào ở Đông Á. Điều đó nhanh chóng trở nên rõ ràng đối với một số người tại Washington rằng vào một lúc nào đó Trung Quốc có-kích-thước-như-

tảisáchhay

một- lục-địa đạt được kho vũ khí hạt nhân. Điều này có nghĩa Okinawa sẽ quan trọng hơn đối với Hoa Kỳ. Một sự cân nhắc lại về những mối quan hệ Hoa Kỳ-Trung Quốc rõ ràng là cần thiết.

Những suy nghĩ cá nhân của Hirohito về quả bom đầu tiên của Trung Quốc và sau đó về vụ phóng tên lửa không được tiết lộ. Tuy nhiên, có thể cả Hirohito lẫn Satō đều không đặt câu hỏi về sự hữu ích của "chiếc ô hạt nhân" của người Mỹ mặc dù Trung Quốc giờ đây đã bắt tay vào phát triển tên lửa hạt nhân. Những câu hỏi của Hirohito, theo như Satō, tập trung vào quan hệ kinh tế đang ngày càng bị trục trặc với Hoa Kỳ. Vào những lúc như vậy, Satō sẽ cố để ông theo kịp với tiến trình mà ông ta đang thực hiện trong cuộc tranh chấp về ngành dệt. Họ cũng nói về quá trình diễn biến của cuộc chiến tranh tại Việt Nam, về vị thủ tướng đang đương đầu như thế nào với những phản đối của sinh viên và về những chính sách của Tổng thống Johnson và của vị tổng thống thậm chí khó hiểu hơn Nixon. Trong khi Hirohito đánh giá cao việc xử lý các những công việc đối nội và đối ngoại của Satō, ông thỉnh thoảng biểu lộ sự tức giận đối với tệ tham nhũng của các nghị sỹ quốc hội đảng LDP và các quan chức chính phủ.

Trong suốt nhiệm kỳ của Satō, Hirohito chuyển đến một cung điện mới có kích thước nhỏ hơn (1964), tham dự trong lễ đăng cai tổ chức đại hội Olympic tại Tokyo (cũng trong năm 1964), tổ chức những buổi lễ "kỷ niệm một trăm năm Minh Trị" (1968) kỷ niệm một thế kỷ "hiện đại hóa thành công", và triển lãm thế giớ tại Osaka nơi mà ông và Hoàng hậu đã hai lần đến dự (1970). Những sự kiện làm tăng lòng tự hào về những thành tựu kinh tế của Nhật Bản và khẳng định lòng tự trọng của dân tộc. Niềm tự hào và lòng tự trọng của dân tộc được nâng cao hơn nữa khi Satō đàm phán về việc trả lại Okinawa cho Nhật Bản quản lý (1972). Tuy nhiên, quân đội Mỹ được chấp nhận tiếp tục hiện diện trên diện rộng bở vì cả hai bên muốn hòn đảo vẫn là "Gibraltar ở Thái Bình Dương" của Mỹ. Trong lễ trao trả cuối cùng tại Tokyo, Hirohito gặp các vị khách nước ngoài quyền cao chức trọng và phát biểu ngắn gọn bày tỏ lời chia buồn của mình đối với những hy sinh của dân chúng tại Okinawa trong và sau cuộc chiến tranh.

Trong khi Satō và những người bảo thủ đảng LDP nắm quyền lãnh đạo, ông già Hirohito một lần nữa có thể mơ được trở nên chủ động hơn và thậm chí lại được là nguyên thủ quốc gia. Ông tiếp tục gặp gỡ các thành viên Hoàng gia và các vị quyền cao chức trọng nước ngoài. Vì trong những năm đầu của triều đại mình lúc còn trẻ trung, ông tổ chức các buổi đón tiếp tại Hoàng cung và những bữa tiệc tại vườn thượng uyển - mặc dù đó là những cuộc gặp gỡ tất nhiên khá khác nhau. Ông tham dự những sự kiện thể thao và giúp đảng LDP chuyển tới thế giới quan niệm của Nhật Bản về hòa bình và thịnh vượng. Trong năm 1970, Satō gợi ý Hirohito đi thăm lại châu Âu. Hirohito đồng ý và năm sau, sau khi đã 70 tuổi, ông và Hoàng hậu Nagako khởi hành. Năm mươi lăm năm về trước, những người cánh hữu đã phản đối chuyến đi trọng đại của ông. Lần này những người phản đối đến từ cánh tả và làm cho chuyến đi của ông đúng là sự thức tỉnh đột ngột đối với cả ông lẫn đất nước Nhật Bản. Tại 7 quốc gia mà ông đến thăm, nhưng đặc biệt là tại Hà Lan, Tây Đức và Anh, những người biểu tình giận dữ ném các đồ vật và những lời lăng mạ vào đoàn xe hộ tống ông. Họ rõ ràng không coi ông là một biểu tượng hòa bình hay coi người Nhật chỉ là hoặc chính là những nạn nhân chiến tranh – vào lúc đó, quan điểm này vẫn bị kìm nén khắp nơi tại Nhật Bản.

tảisáchhay

Hirohito và Nagako trở về nước nhưng những cuộc phản đối tại châu Âu nhắc nhở nhiều người rằng "trách nhiệm chiến tranh" không chỉ là một vấn đề của quá khứ.

Sau chuyến đi thăm châu Âu của Hirohito Nhật Bản quay sang bình thường hóa quan hệ với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, điều này đạt được dưới thời của người kế nhiệm Satō, Tanaka Kakuei (1972-1974). Dưới thời Tanaka, các chính trị gia Nhật tiếp tục thực thi "tiêu chuẩn kép" trong những bình luận công khai về bại trận. Ngày 2 tháng 2 năm 1973, khi một nghị sỹ quốc hội cộng sản hỏi Thủ tướng Tanaka liệu ông ta có nghĩ cuộc chiến tranh Nhật Bản-Trung Quốc là một cuộc chiến tranh xâm lược, ông ta ôn tồn và thẳng thừng đáp lại: "Đúng là Nhật Bản trước kia đã gửi quân đến Trung Quốc đại lục; đó là thực tế lịch sử. Nhưng khi ông thẳng thắn hỏi tôi nó có tạo thành, như ông nói, một cuộc chiến tranh xâm lược không thì tôi rất khó trả lời. Đây là câu hỏi dành cho các sử gia tương lai đánh giá." Ít người Nhật nhận ra sự lẩn tránh khó chịu của Tanaka. Ít người hơn nữa nhìn thấy mối liên hệ giữa lời nói vô lý của ông ta với một sự cần thiết bảo vệ Hirohito.

Hirohito đã tiếp tục nhận – như là một sự ưu đãi, mặc dù là một sự vi phạm hiến pháp - những báo cáo vắn tắt bí mật không chính thức về những công việc quân sự và quốc tế. Những cơ hội này dành cho ông truyền đạt những quan điểm của mình tới các nhà lãnh đạo chính quyền không bị lộ ra cho công chúng Nhật biết cho tới tận tháng 5 năm 1973, khi Masuhara Keikichi, người đứng đầu Cơ quan Phòng vệ trong nội các Tanaka, để lộ ra cho một nhà báo rằng Hoàng đế đã khuyên ông ta "kết hợp chặt chẽ [trong kế hoạch mở rộng các lực lượng phòng vệ] những điểm tốt của lực lượng Lục quân xưa và tránh những điểm xấu." Làn sóng chỉ trích của công luận nổ ra: Tại sao vị Hoàng đế "biểu tượng" bảy-mươi-hai-tuổi đã được bí mật báo cáo? Sự nhắc nhở của Hirohito về "những điểm tốt của lực lượng Lục quân xưa" ép Tanaka phải cách chức Masuhara và dẫn đến việc Hoàng đế rên rỉ "Nếu một sự việc như vậy có thể trở thành một vấn đề thế thì ta chẳng là gì ngoài một con búp bê bằng giấy."Tiếp theo sự việc này Tanaka và những người kế nhiệm ngay tiếp theo ông ta (Miki Takeo, Fukuda Takeo và Ōhira Masayoshi) chấm dứt việc người đứng đầu các lực lượng phòng vệ báo cáo về quân sự cho Hirohito, một việc đã được làm từ những năm đấu thập niên 1960. Tuy nhiên mối quan tâm nồng nhiệt của Hirohito về tất cả các vấn đề quân sự, chính trị và ngoại giao không bao giờ suy giảm. Trong những năm cuối của thập niên 1970, khi các công ty Nhật đang mở rộng những hoạt động của mình ở khắp Đông Nam Á và Trung Quốc, giúp cho Nhật Bản trở thành một "siêu cường" kinh tế, các quan chức chính phủ cao cấp tiếp tục báo cáo cho vị Hoàng đế già cả của họ về những vấn đề quân sự và ngoại giao và các giáo sư tại các trường đại học tiếp tục thuyết trình cho ông về quan hệ quốc tế.

Vào giữa năm 1975, khoảng một nửa dân số Nhật đã được sinh ra sau chiến tranh thế giới II. Quan điểm "những cái chết anh hùng trong chiến tranh" về cuộc chiến tranh thất bại, điều đã khẳng định những giá trị của đế quốc Nhật Bản, không còn quá phổ biến như nó đã từng tồn tại trong suốt hai thập niên đầu sau khi độc lập. Cho dù là những vị khách du lịch hay là những người hành hương nghiêm trang đến thăm lại những chiến trường xưa trong chiến tranh thế giới thứ II, ví như tới các đền thờ tôn giáo, để tìm kiếm xương cốt, thì người Nhật đang đổ xô đi ra nước ngoài nhiều chưa từng thấy. Tại Trung Quốc, Đông Nam Á và các hòn đảo ở Thái Bình Dương, họ dần dần khám phá ra người nước ngoài đã phải chịu đựng

tảisáchhay

như thế nào dưới tay của quân đội Nhật và biết bao người ở châu Á vẫn còn coi Nhật Bản vốn đã là một đế quốc hung hăng và quân phiệt. Họ bắt đầu vượt qua một sự tập trung hẹp hòi về những hy sinh trong chiến tranh của chính họ.

Trong tháng 9 năm 1975, Hoàng đế Hirohito và Hoàng hậu Nagako chỉ duy nhất đi thăm cấp quốc gia tới Hoa Kỳ. Năm năm trước , Thủ tướng Satō Eisaku và Hoàng đế đã thảo luận ý tưởng về một chuyến đi để làm dịu bớt những va chạm kinh tế. Kế hoạch thật sự của chuyến đi này không được bắt đầu cho đến tận năm 1973. Vào đêm trước hôm khởi hành, Hirohito bảy-mươi-tư-tuổi đã trả lời cuộc phỏng vấn độc quyền của phóng viên Bernard Krisher của tờ *Newsweek.* Như đã đăng tải trong bản tin buổi tối của tờ *Asahi* ngày 22 tháng 9 năm 1975, một trong số mười một câu hỏi của Krisher là: "Mọi người đều biết rõ rằng vào thời điểm kết thúc cuộc chiến tranh ngài đã đóng một vai trò quan trọng. Vậy ngài trả lời như thế nào đối với những người chỉ trích rằng ngài cũng đã tham dự vào việc tiến hành chính sách dẫn đến quyết định khai chiến?" Hirohito trả lời:

Đúng, chính tôi quyết định chấm dứt chiến tranh. Thủ tướng xin ý kiến tôi bởi vì ông ta không thể thống nhất các quan điểm trong nội các.... Nhưng vào thời điểm khai chiến, chính phủ tự quyết định và tôi không thể lật đổ điều đó. Tôi tin hành động của tôi đã phù hợp với những điều khoản của hiến pháp Nhật Bản.

Gần 7 năm sau khi cuốn hồi ký của Kido được xuất bản bằng tiếng Nhật, nó cho thấy Hoàng đế đã chưa bao giờ mù quáng tuân theo ước nguyện của bất kỳ ai, cả chính phủ lẫn giới quân sự, và cuốn *Sugiyamamemo* đã tiết lộ ông đã từng tích cực và là người hay can thiệp như thế nào, Hirohito vẫn máy móc nói lại lời cầu nguyện giả dối mà đã giúp kéo dài ông và nền chính trị bảo thủ qua suốt ba thập niên sau chiến tranh: Ông đã là một vị quân vương hợp hiến trung thành, người không phải chịu trách nhiệm vì đã phát động cuộc chiến tranh nhưng đã xứng đáng có công vì đã kết thúc nó; hiến pháp Minh Trị đã quy định ông chấp nhận lời khuyên của chính phủ khi thực thi quyền hạn của mình là tổng chỉ huy tối cao và có quyền tuyên bố chiến tranh và dàn hoà. Và cứ như thế.

Ngày 22 tháng 9, những nhà báo nước ngoài thường trú tại Tokyo đặt nhiều câu hỏi hơn với Hirohito. "Nhiều người Mỹ mong đợi đức ngài nói một điều gì đó về cuộc chiến tranh Nhật Bản-Hoa Kỳ trong những năm 1940. Ngài định trả lời câu hỏi này như thế nào?" Hirohito đáp "Tôi đang nghiên cứu câu hỏi này. Ngay bây giờ tôi không thích phải bày tỏ những quan điểm của mình hơn." Tóm lại, miễn bình luận. Đi sâu hơn nữa vào cuộc phỏng vấn, ông được hỏi: "Thưa đức hoang đế, ngài có nghĩ những giá trị của dân tộc Nhật đã và đang thay đổi trong hơn ba mươi năm qua?" Hirohito đáp "Tôi biết rất nhiều người đã tuyên bố nhiều quan điểm khác nhau kể từ khi chiến tranh kết thúc, nhưng nhìn chung tôi không nghĩ rằng có bất kỳ thay đổi [về những giá trị] nào từ thời trước chiến tranh tới thời kỳ sau chiến tranh." Sự nhấn mạnh của Hirohito về tính liên tục có thể được hiểu là một sự phủ nhận rằng việc bị nước ngoài chiếm đóng và cải cách đã thay đổi những yếu tố cần thiết trong cấu trúc giá trị của Nhật Bản. Tuy thế nó cũng có thể được hiểu như là một bày tỏ quyết tâm của ông xác nhận điều vô lý cũ của bản chất không thay đổi của chế độ quân chủ.

tảisáchhay

Vào cuối buổi phỏng vấn, Hirohito lại bị hỏi về vai trò của mình trong việc phát động và kết thúc chiến tranh. "Ngài nói rằng ngài đã hành động phù hợp với những quy định của hiến pháp [Minh Trị]. Phát biểu này dường như ngụ ý rằng ngài đã không phản đối phe quân sự tại thời điểm đó. Vậy thì tôi xin được hỏi đức vua liệu ngài, với tư cách cá nhân, có từng cảm thấy rằng những lãnh đạo quân sự Nhật đã đưa quân đội vào một cuộc phiêu lưu sai lầm và vô ích?" Hirohito trả lời: "Những sự thật có thể như ông vừa nêu ra nhưng vì những người đã tham gia vào những việc đó hiện vẫn đang còn sống, nếu bây giờ tôi bình luận coi như tôi đang chỉ trích những người đã là lãnh đạo ở thời điểm đó. Tôi không muốn làm như vậy." Thật không rõ vì những vị lãnh đạo mà ông đang đề cập tới, mặc dù rõ ràng không phải chính bản thân ông, mặc dù trong suốt giai đoạn bị chiếm đóng Hirohito đã chỉ trích mọi người xung quanh ông, ngoại trừ Tōjō và Kido, vì đã để thua trận.

Vài tuần sau loạt phỏng vấn này, trong khi đang trong cuộc viếng thăm chính thức cấp nhà nước đầu tiên tới Washington, Hirohito bày tỏ "nỗi đau buồn sâu sắc" của mình đối về cuộc chiến tranh thế giới thứ II tới Tổng thống Gerald Ford, người đã đến thăm Nhật Bản trong năm trước đó. Tại đó tiếp theo là một chuyến đi như gió cuốn ở Hoa Kỳ. Đỉnh điểm là tại Disneyland ở California, nơi mà vị Hoàng đế đng tươi cười cùng vi hành với chú chuột Mickey. Sau đó ông ôm một chú gấu túi tại vườn thú San Diego. Các bức ảnh chụp vị Hoàng đế già nua làm nhiều người Mỹ vui thích, và dường như củng cố khuôn mẫu giả của ông như là một vị quân vương đã luôn có đầu óc hòa bình nhưng bất lực.

Khi quay về Tokyo, Hirohito được phỏng vấn trên truyền hình (ngày 31 tháng 10). Đã đề phòng đối với đề tài trách nhiệm chiến tranh bởi những cuộc phỏng vấn của Hoàng đế với những hãng báo chí nước ngoài và lời bình luận của ông đối với Tổng thống Ford, một nhà báo người Nhật chộp ngay lấy, đặt câu hỏi "không đúng chỗ" và gây khó xử: "Thưa đức Thiên Hoàng, tại bữa tiệc ở Nhà Trắng ngài đã nói rằng, 'Tôi vô cùng lấy làm tiếc về cuộc chiến tranh đáng buồn đó.' Liệu đức Thiên Hoàng có cảm thấy trách nhiệm đối với chính cuộc chiến tranh đó, bao gồm việc khai chiến [không phải vì là thất bại]? Hơn nữa, đức Thiên Hoàng nghĩ gì về cái gọi là trách nhiệm chiến tranh?"

Gương mặt Hirohito cứng đờ: "Tôi không thể trả lời loại câu hỏi như vậy bởi vì tôi đã không nghiên cứu hoàn hảo tài liệu về lĩnh vực này và vì vậy không thật sự đánh giá đúng những sắc thái của những ngôn từ của ông." Khi được hỏi về vụ ném bom nguyên tử xuống Hiroshima, ông nói, "Thật đáng tiếc rằng những quả bom hạt nhân đã được thả và tôi cảm thấy đau buồn cho những công dân của Hiroshima. Nhưng thật vô phương cứu chữa bởi vì điều đó xảy ra trong thời chiến tranh." Sự giả bộ ngu dốt của Hirohito, như thể ông đã là một người ngoài cuộc vô tội đối với những sự kiện dưới triều đại của ông, là quá đủ đối với nhiều khán giả truyền hình Nhật. Lời nhận xét "vô phương cứu chữa" của ông, chối bỏ bất kỳ vai trò gì trong những sự kiện mà đã dẫn đến bi kịch Hiroshima, đặc biệt chọc tức những sử gia chuyên nghiệp. Năm đó Inoue Kiyoshi lần đầu tiên thận trọng công bố hồ sơ được dẫn chứng bằng tài liệu về những đóng góp của Hirohito tại mỗi giai đoạn của các cuộc chiến tranh Trung Quốc và Thái Bình Dương. Nezu Masashi tiếp bước với bản tiểu sử chỉ trích đầu tiên. Công việc lột mặt nạ vị Hoàng đế bắt đầu.

tảisáchhay

Ba tháng sau buổi phỏng vấn đó, hãng thông tấn Kyōdō tiến hành điều tra 3.000 đàn ông và phụ nữ về một đất nước theo chế độ quân chủ. Hơn 80% trả lời. Gần 57% những người trả lời hoặc tin rằng Hoàng đế chịu trách nhiệm chiến tranh hoặc không chắc chắn ông có chịu trách nhiệm hay không. Bằng những câu trả lời cho vô số câu hỏi phỏng vấn, Hirohito một lần nữa cho thấy rằng ông không cùng suy nghĩ với những tình cảm của đại đa số người dân Nhật.

V

Những chuyến viếng thăm Mỹ và châu Âu của Hirohito, cùng với rất nhiều cuộc trả lời phỏng vấn của ông, giúp cho người Nhật lại chú ý tới câu hỏi đã được chôn vùi từ lâu về trách nhiệm chiến tranh của ông. Những đối với Hirohito những chuyến thăm nước ngoài và những cuộc phỏng vấn chẳng có tác động đến như thế. Đối với ông sự kiện làm nổ ra sự đối đầu với quá khứ mang tính cá nhân nhiều hơn. Sự hồi tưởng chắc chắn về chiến tranh của em trai ông, Hoàng thân Takamatsu, đã xuất hiện trong số tháng 2 năm 1975 của tờ báo nổi tiếng *Bungei shunjū.* Hirohito dường như không biết gì về bài viết này cho đến tận tháng 1 năm 1976. Được nhà báo Kase Hideaki phỏng vấn về chiến tranh, Hoàng thân Takamatsu bóng gió rằng ông ta đã là một con bồ câu và Hirohito là một con diều hâu liều lĩnh. Ông ta kể về sự biến ngày 30 tháng 11 năm 1941, khi ông ta đã nói chuyện với Hoàng huynh của mình trong năm phút, cảnh báo ông rằng bộ tư lệnh tối cao Hải quân có thể cảm thấy tự tin chỉ khi nào cuộc chiến tranh kéo dài không qua hai năm. Takamatsu cũng nhớ lại việc cảnh báo Hoàng huynh chấm dứt chiến tranh sau trận chiến Midway. Và ông ta kể, trong tháng 6 năm 1944, ông ta đã gây sốc một cuộc họp của các sỹ quan tham mưu tại Tổng hành dinh Hải quân bằng việc nói với họ rằng "Bởi vì vành đai bảo vệ tuyệt đối đã bị phá hủy … mục tiêu của chúng ta nên tập trung vào cách thua trận tốt nhất." Cuối cùng, Takamatsu tiết lộ rằng ông ta và Hoàng thân Kone đã suy nghĩ về việc yêu cầu Hoàng đế thoái vị trước khi đầu hàng.

Biết được sự thật bị vạch trần, Hirohito trở nên rất buồn. Ông cảm thấy Hoàng đệ của mình đã đi quá xa. Ông có thể làm gì để cứu danh tiếng của mình như là Hoàng đế? Vì lần đầu tiên kể từ khi ông đọc bản "độc bạch" của mình và, cùng với Inada Shūichi và Kinoshita Michio, lập "Hồ sơ những cuộc nói chuyện của Hoàng đế" *(Haichōroku)* đầu tiên, Hirohito quay về công việc tự tay ghi chép hồ sơ lịch sử. Dự án ghi chép những sự kiện xảy ra trong triều đại của mình và định rõ vị trí mà ông sẽ chiếm trong lịch sử tập trung vào vai trò của ông trong suốt những năm chiến tranh và bị chiếm đóng. Điều này nhanh chóng trở thành một mối quan tâm chi phối ám ảnh ông trong suốt phần đời còn lại của ông. Vốn là người ít tự xem xét nội tâm nhất, Hirohito trở thành bị ám ảnh với quá khứ của mình.

Trong tháng 2 năm 1976, được quan đại thị thần cuối cùng của mình, Irie Sukemasa, trợ giúp Hirohito bắt đầu viết bản Haichōroku thứ hai. Irie sửa chữa cho đến khi chết, năm 1983. Điều đó thúc giục Hirohito tiếp tục, được một số cố vấn khác giúp đỡ, làm việc cho đến khi chính bản thân ông qua đời vào sáu năm sau. Quá trình đòi hỏi Hirohito đọc cho Irie viết, đề nghị ông ta thêm vào "những sự kiện" mới khi ông, vị Hoàng đế, nhớ ra chúng. Sau đó Hirohito đọc lại bản đã được Irie sửa sự kiện nào đấy, chỉnh sửa nó và đưa lại cho Irie trau chuốt và chép bằng mực ra giấy có chất lượng cao. Thỉnh thoảng Hirohito sẽ triệu Irie

tảisáchhay

đến hàng ngày hoặc hai ngày một lần để thay đổi câu chữ. Nhưng hầu như không một tuần nào trôi qua mà hai ông già lại không làm việc cùng nhau.

Ngày 10 tháng 11 năm 1976, Hirohito, giờ đây đã 75 tuổi, tạm thời ngừng dự án lịch sử bí mật của mình để kỷ niệm năm mươi năm ngồi trên ngai vàng. Quốc lễ được tổ chức tại tòa nhà Võ thuật (Budōnkan) được canh gác nghiêm ngặt tại Tokyo có khoảng 7.500 quan khách quyền cao chức trọng tham dự. Sự vắng mặt đáng lưu ý là những đại diện của đảng Cộng sản và đảng Xã hội và một số các quan chức cấp tỉnh những người nói chung đã phản đối việc vinh danh hai mươi năm đầu của triều đại "Shōwa", khi ông ở đỉnh cao quyền lực. Khi lễ kỷ niệm qua đi, Hirohito quay trở lại việc đọc của mình và tin tưởng vào những ký năng văn học của Irie. Vào cuối năm 1976, Irie đã ghi chép hơn "chín cuốn vở ghi cộng thêm một phần kết" có sự đánh giá các sự kiện đã được sửa chữa Hoàng đế.

Hirohito tiếp tục làm việc ghi chép hồi tưởng về triều đại của mình trong suốt các năm 1977, 1978 và 1979. Ông cứ nhất định tiếp tục công việc này trong những năm ông hơn tám mươi, đúng như là ông cứ nhất định phải cử hành một số nghi lễ triều đình mất nhiều sức lực và không để cho con trai mình đảm nhận với cương vị là nhiếp chính vương trong khi ông còn sống. Ông chưa bao giờ thấy mệt mỏi khi thực hiện dự án này. Irie, trong nhật ký của mình trong năm 1980, ghi rõ Hoàng đế đã lo lắng như thế nào về mục viết về Honjō Shigeru trong ngày 26 tháng 2 năm 1936, ngày quân đội nổi loạn. Tên của một số người đề xuất ý kiến cứu ông không bị thoái vị trong giai đoạn chiếm đóng được đề cập đến: Fellers, Terasaki, Keenan và cứ thế tiếp tục. Những tiếng nói từ quá khứ quay lại, như những sự kiện xảy ra năm 1941 đã từng. Mối bận tâm của ông về điều Hoàng đệ của ông Takamatsu đã nói về mình được viết ra giấy đã trở nên ám ảnh.

Trong khi Hirohito không một chút mệt mỏi đang dựng lại sự diễn tả những năm chiến tranh mà ông đã kể lại nhiều thập niên trước trong năm 1946, năm mà những người khác đã bắt đầu nghĩ về Nhật Bản sau triều đại Shōwa (Chiêu Hoà). Hiệp hội các đền thờ Shinto, những tổ chức của các cựu chiến binh và các gia đình có người thân bị mất trong chiến tranh, các nghị sỹ quốc hội bảo thủ và nhiều thành viên hội đồng cấp tỉnh đang vận động để tăng cường quyền lực cho chế độ quân chủ. Một trong số những mục đích của họ là quy định bằng luật cách sử dụng các đế hiệu (ví dụ như Minh Trị, Đại Chính, Chiêu Hoà) trong việc ghi thời gian trong các văn bản chính thức. Trong năm 1979, sau nhiều năm tranh cãi mà phe đối lập đối với cách xử trí luôn luôn thắng thế, quốc hội cuối cùng thông qua "Luật Niên hiệu" - một cách xử trí thoái lui mô tả cách sử đế hiệu của mỗi Hoàng đế để chỉ thời gian đương thời.

Khoảng ba thập niên trước, GHQ đã ra lệnh xóa bỏ thể chế "thời đế quốc" này khỏi Luật Nội vụ Hoàng gia sửa đổi. Khi những người bảo thủ cố đưa vào luật thông lệ này, GHQ đã tuyên bố chế độ đế hiệu không thích hợp với tinh thần của bản hiến pháp mới bởi vì Hoàng đế sẽ chẳng còn cai trị nữa. Giờ đây, năm 1979, dự luật đã trở thành bộ luật, bảo đảm rằng dân chúng sẽ tiếp tục nghĩ về các triều đại Hoàng đế mà được kết thúc khi mỗi một vị Hoàng đế băng hà. Quan điểm về tính duy nhất của người Nhật một lần nữa lại được tái khẳng định. Phản ứng của Hirohito về kết quả này không được tiết lộ nhưng ông khó có thể lại không

tảisáchhay

hài lòng. Việc thông qua Luật Niên hiệu tạo ra một phạm vi hoạt động cho một nỗ lực mới, trong suốt thập niên tiếp theo, để tăng cường quyền lực của ngai vàng.

Trong những năm đầu và giữa thập niên 1980, các quốc gia châu Á mà trước kia đã từng bị Nhật Bản xâm chiếm làm thuộc địa đang đạt được tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, đang thu lời lớn và đang tiến hành tìm lại tiếng nói của mình trong các vấn đề quốc tế. Khi Nhật Bản rơi vào sự chỉ trích gay gắt tại Hoa Kỳ vì những biện pháp kinh tế bảo hộ nền công nghiệp trong nước của mình, những chính sách trong nước của Nhật cũng bị các quốc gia Đông Á xem xét kỹ lưỡng. Bắt đầu từ mùa thu năm 1981, báo chí Hàn Quốc chỉ trích ngôn từ trong sách giáo khoa của Nhật Bản. Sách giáo khoa đã thanh minh cho sự xâm lược Trung Quốc của Nhật (gọi đó là "tiến quân" chứ không phải là "xâm lược") và miêu tả sai vai trò thực dân tàn nhẫn của mình tại Triều Tiên (gán cho phong trào độc lập 1 tháng Ba là một "cuộc nổi loạn"). Tuy nhiên, những mưu đồ đó của Bộ Giáo dục chỉ thu hút sự chú ý của toàn thế giới vào mùa hè tiếp theo khi Trung Quốc, vì những lý do về lịch sử và ngoại giao, tham gia vào việc bắt buộc Nhật Bản chịu trách nhiệm đối với cuộc chiến tranh châu Á -Thái Bình Dương.

Đằng sau những phản đối là mối quan ngại đến sức mạnh kinh tế của Nhật Bản nhưng cũng lo lắng về cách mà các quan chức cao cấp Nhật Bản kiên gan cố đề cao quyền lực của Hoàng đế, trong khi cho rằng Nhật Bản cần một đặc tính dân tộc mới dựa trắng sự vinh quang chứ không phải nỗi xấu hổ. Thủ tướng Suzuki Zenkō (1980 – 1982) nhanh chóng xoa dịu sự phản ứng quốc tế về những sửa đổi sách giáo khoa có thái độ thành kiến của Nhật Bản, và một số tiến bộ được ghi nhận trong mối quan hệ Nhật Bản-Trung Quốc. Nhưng trong nhiệm kỳ của người kế nhiệm Suzuki, Nakasone Yasuhiro (1982-1987), Nhật Bản tiếp tục ở dưới một đám mây ngờ vực trong con mắt của nhiều dân tộc ở châu Á và phương Tây. Đã kiên quyết để Nhật Bản đạt được sự tham dự lớn hơn vào cộng đồng quốc tế, Nakasone hứa sửa vấn đề sách giáo khoa, và qua suốt thập niên tiếp theo, vì những nhận thức của người Nhật về cuộc chiến tranh thất bại tiếp tục thay đổi, sự tiến bộ lớn lao được thực hiện dưới thời các thủ tướng khác nhau của đảng LDP.

Hirohito, giống như nhiều người Nhật khác, mối lo lắng về Trung Quốc không bằng về mối quan hệ đang xấu đi với Hoa Kỳ. Hoa Kỳ bị lạm phát tăng cao và công luận Mỹ đã đi đến cảm nhận rằng đất nước của họ đang đình đốn dưới thời Tổng thống Jimmy Carter. Trong năm 1980, họ bầu cho đảng viên đảng Cộng hòa Ronald Reagan làm tổng thống. Reagan và các cố vấn của mình ngay lập tức nhen lại cuộc chạy đua vũ khí hạt nhân với Liên Xô và cho thi hành một chính sách can thiệp đế quốc hiếu chiến. Giới tinh hoa Nhật phản ứng bằng việc tăng chi tiêu quốc phòng trên tiền đề rằng quyền bá chủ toàn cầu về quân sự và kinh tế của Hoa Kỳ đang suy tàn và đến lúc Nhật Bản chuẩn bị tự lực cánh sinh. Nakasone ngay lập tức cố gắng cải thiện quan hệ với chính quyền Reagan, tăng cường quốc phòng và nâng ngân sách quốc phòng hàng năm vượt quá mức trần 1% tổng sản phẩm quốc nội, đã chính thức được ấn định bằng một quyết định chính phủ sáu năm trước.

Đối với Hirohito, các chính sách của Reagan chứa đựng nguy cơ chiến tranh và những việc làm của nội các Nakasone đều có mặt tích cực lẫn tiêu cực. Như ông nói với Irie ngày 17 tháng 10 năm 1982, sau khi biết rằng chính quyền Reagan đã đề nghị rằng Nhật Bản không

tảisáchhay

chỉ chia sẻ gánh nặng phòng vệ trên không trên vùng biển của mình mà còn phong tỏa eo biển Sōya, "Nếu chúng ta làm như vậy, chẳng phải sẽ có một nguy cơ chiến tranh với Liên Xô ư? Đi nói với giám đốc [của Cơ quan Phòng vệ] rằng ta nghĩ như vậy." Ngày 26, ông thổ lộ với Irie mối bận tâm của mình rằng: "Nếu Nhật Bản tăng số lượng lực lượng vũ trang của mình thì Liên Xô có thể bị khiêu khích." Ba ngày sau, đi ô tô với Irie tới xem cánh đồng đầy chim và vịt, "Tất cả những điều ông nói trên đường đi đều là những vấn đề quốc phòng. 'Chúng ta không có chính trị gia nào có thể xem xét những vấn đề này từ một viễn cảnh rộng. Thật ngốc nghếch làm sao khi khiêu khích Liên Xô bằng việc tăng cường quốc phòng, trở nên quá bận tâm với phần trăm GNP mà chúng ta chi cho quốc phòng!'"

Quan đại thị thần Irie Sukemasa chết năm 1983. Hai năm cuối cùng trong nhật ký của ông ta ghi lại sự lo lắng của Hirohito về những vấn đề trong mối quan hệ Nhật Bản-Hoa Kỳ.

Một vấn đề chính trị nữa mà khuấy động sân khấu chính trị Nhật Bản trong những năm đầu và giữa thập niên 1980 là việc bảo vệ của nhà nước đối với đền thờ Yasukuni. Mặc dù Hirohito đã thôi không đến thăm đền thờ Yasukuni sau năm 1975, ông không phản đối các quan chức đến lễ ngôi đền thiêng nơi linh hồn của những người đã chết vì ông và đất nước Nhật Bản an nghỉ. Mặt khác ông không muốn đào sâu hơn những chia rẽ trong nước về vấn đề ủng hộ của nhà nước đối với đền thờ Yasukuni. Điều này cũng đúng với hầu hết các chính trị gia đảng LDP trong quốc hội. Lo sợ vẫn có sự ủng hộ của Hiệp hội những gia đình có người thân bị chết trong chiến tranh và Hiệp hội các đền thờ Shinto, trong khi cũng không xa lánh đảng đối lập, họ đã đưa vào chương trình nghị sự một "Dự luật bảo vệ đền thờ Yasukuni" năm lần trong những năm từ 1969 đến 1974. Vào mỗi lần dự luật này bị bác bỏ sau những tranh cãi với Đảng Xã hội đối lập; và tất cả những người để hết tâm trí vào nó thở phào nhẹ nhõm. Sau năm 1978, khi những tội phạm chiến tranh loại A, đã bị xử tử vì "những tội ác chống lại nhân loại", được bí mật cất giữ tại đền Yasukuni, vấn đề ủng hộ của nhà nước đối với tổ chức Shinto trở nên tranh cãi hơn bao giờ hết. Hơn nữa, hành động này thật sự làm cho Hirohito không thể đến viếng thăm ngôi đền này được nữa điều được coi là ca ngợi chủ nghĩa phân phiệt Nhật và cuộc "Chiến tranh Đại Đông Á".

Nakasone, giống như người tiền nhiệm của mình Suzuki, hy vọng đem lại một sự củng cố tượng trưng những ràng buộc với quá khứ. Công nhận sự ủng hộ của nhà nước đối với đền thờ Yasukuni và làm thành vĩnh viễn việc các bộ trưởng chính phủ đến lễ ở ngôi đền này là những cách thức để đạt tới mục đích đó. Ngày 15 tháng 8 năm 1985, Nakasone trở thành vị thủ tướng cuối cùng thời hậu chiến tới lễ tại đền thờ Yasukuni với tư cách chính thức của mình. Nỗ lực của ông ta nhằm nịnh hót các cử tri cánh hữu và bảo thủ bằng việc công nhận việc thờ chính thức tại đền Yasukuni gây chỉ trích mạnh mẽ bên trong Nhật Bản. Để hạn chế tối thiểu ý nghĩa hành động của mình Nakasone tuyên bố rằng ông ta đã chỉ cúi đầu một lần thay vì hai lần và vỗ tay chỉ một lần thay vì hai lần, do đó ngụ ý rằng viếng thăm một ngôi đền Shinto (Thần đạo) là không nhất thiết phải thể hiện một hành động tín ngưỡng. Nhưng lập tức các chính quyền Hàn Quốc và Trung Quốc góp tiếng nói của họ vào làn sóng chỉ trích, Nakasone chấm dứt việc đến viếng ngôi đền. Vấn đề này nhanh chóng chìm xuống, cùng với nó là sự ủng hộ của quốc gia cho một đạo luật cho phép nhà nước bảo vệ đền thờ Yasukuni.

tảisáchhay

Vì mối quan tâm về chính trị của Hirohito có xu hướng duy trì những mối quan hệ thân mật với Trung Quốc và Triều Tiên, ông hầu như chắc chắn an tâm khi thấy dự luật về đền thờ Yasukuni bị hoãn lại. Tuy nhiên, người ta nghi ngờ rằng Hirohito nghĩ nhiều về những khía cạnh hiến pháp và đạo đức của vấn đề. Vào thời gian này, bảo tàng chiến tranh Yasukuni đã biến đổi biểu tượng chiến tranh châu Á -Thái Bình Dương bằng cách bỏ đi hầu như tất cả các hình ảnh về vị Hoàng đế khỏi các vật trưng bày trong thời đại Shōwa. Hầu như tất cả sự liên quan giữa vị Hoàng đế, tư tưởng của ông với những cuộc chiến tranh trong những năm 1930 và đầu những năm 1940 đều xóa bỏ. Khách tham quan có thể đến thăm bảo tàng rồi đi mà không bao giờ nghi ngờ rằng Hirohito đã từng là nhà lãnh đạo quan trọng trong chiến tranh.

Dưới thời Thủ tướng Nakasone nắm quyền Hirohito già cả tìm thấy vị thế rõ ràng trong những quyền hạn của chế độ quân chủ trong một kỷ nguyên khi mà Nhật Bản đã đạt được vị thế là một cường quốc. Nakasone chỉ rõ rằng quyền lực và quyền hạn đã được tách rời ở Nhật Bản kể từ đời xưa; vì thế hình thức thật sự của Hoàng đế là một "biểu tượng" như đã được quy định trong hiến pháp. Tuy nhiên, Nakasone muốn nâng vị thế của Hoàng đế lên và nâng cao quyền hạn của Hoàng đế để ông có thể trở thành biểu tượng của "đất nước" hơn là biểu tượng của sự tăng trưởng kinh tế cao, biểu tượng đã gắn với ông từ những năm đầu thập niên 1960. Đó là điều mà ông không thể đạt được. Tất cả những điều mà Nakasone đã thành công, dưới góc độ những bài phát biểu về đề tài đất nước và Hoàng đế, là phục hồi sự phẫn uất kèm nén dài của những người theo chủ nghĩa dân tộc cánh hữu chống lại những phán quyết của tòa án Tokyo xét xử các tội phạm chiến tranh. Lặp lại những công kích trước đây về phiên tòa của những người đề xướng sửa lại hiến pháp, Nakasone buộc tội rằng phe cánh tả đã cố áp đặt một "quan điểm lịch sử về phiên tòa Tokyo" lên giới trẻ của đất nước. Trong những tháng cuối cùng còn tại vị - trong khi Hoa Kỳ và Liên Xô đạt được thỏa thuận về tên lửa hạt nhân tầm trung – ông ta lập lại quan điểm tư tưởng của mình, kêu gọi một "sự giải quyết tổng thể những vấn đề về quá khứ" và một sự tăng cường quyền lực của thủ tướng.

Khi Nakasone rời nhiệm sở, cuối tháng 10 năm 1987, cuộc sống của Hirohito đang dần kết thúc. Cuộc chiến tranh lạnh đã hầu như kết thúc. Các chính trị gia Nhật sẽ sớm nhận thấy thạt khó khăn hơn khi thực thi tiêu chuẩn kép về chính trị của mình đối với cuộc chiến tranh thất bại. Ngày 19 tháng 8 năm 1987, vị Hoàng đế tám-mươi-sáu-tuổi được thông báo bị một căn bệnh đường ruột không được tiết lộ. Ông nhanh chóng được đưa vào bệnh viện để phẫu thuật, đây là lần đầu tiên vị Hoàng đế trải qua một quá trình như vậy. Cuộc phẫu thuật thành công. Nhưng một năm sau, ngày 19 tháng 9 năm 1988, ông bị ốm trầm trọng. thái tử Akihito được thông báo rằng phụ Hoàng của ông ta bị ung thư; báo chí tha hồ suy đoán. Cả đất nước rơi vào một trạng thái đau buồn kéo dài. Trong 111 ngày Nhật Bản chăm chú theo dõi nhiệt độ, huyết áp và những chỉ dấu khác về sự sống của vị Hoàng đế già đang sắp chết. Người dân Nhật xếp thành những hàng dài để cầu nguyện cho ông và ký tên vào những cuốn sổ "cầu an" chính thức được các cơ quan chính phủ cung cấp. Những người cầu nguyện chia buồn đại diện cho một nhóm thiểu số ít và nhiều người ký tên bởi vì các lãnh đạo công ty họ ký trước. Tuy thế dường như cả đất nước đang cầu nguyện.Trong khi Hirohito nằm chờ chết ở sâu bên trong cung điện Fukiage, truyền thông Nhật tự kiểm duyệt những bài viết bàn luận về ông và vai trò của chế độ quân chủ trong trong cuộc xâm lược

tảisáchhay

bằng quân sự của Nhật Bản. Ở những nơi khác tại châu Á và châu Âu, tin tức báo chí tập trung hầu như hoàn toàn vào vai trò của ông trong chiến tranh và cách thức mà các quan chức Nhật tránh đương đầu với quá khứ. Thái độ của người Nhật đối với Hirohito trong những ngày ông sắp chết và cảm nghĩ của thế giới đối với ông không khác nhau nhiều.

Đầu tháng 12 năm 1988, một tâm trạng yên lặng và thờ ơ quay lại, làm dịu đi "sự tự kiềm chế" quá mức mà đã đột ngột tấn công cả đất nước khi tin tức về bệnh tật của Hirohito lần đầu tiên được công bố. Ngày mồng 7, thị trưởng thành phố Nagasaki Motoshima Hitishi, một người theo đạo Thiên chúa và là thành viên đảng LDP, diễn thuyết trước hội đồng thành phố Nagasaki, nói sự thực về "trách nhiệm chiến tranh" của vị Hoàng đế sắp chết. Lời nói của ông ta, được đăng tải trên truyền thông, gây ra sự phản ứng giận dữ từ những người phe cánh hữu. Ngay chính đảng LDP của ông ta cũng chống lại ông ta. Một năm sau, một kẻ sát nhân cánh hữu bắn Motoshima nhưng viên thị trưởng sống sót.

Hirohito trút hơi thở cuối cùng vào hồi 6 giờ 33 phút sáng ngày 7 tháng 1 năm 1989, với sự có mặt của các thành viên trong Hoàng tộc ở xung quanh. Các thầy thuốc túc trực ngạc nhiên về nghị lực sống của ông, cho sức chịu đựng của ông là do cuộc sống kỷ luật, giản dị mà ông đã có từ thời trẻ. Theo quan điểm của thầy thuốc chịu trách nhiệm chữa chạy chính Takagi Akira, Hoàng đế chống chọi được là bằng niềm tin của mình về sức mạnh tinh thần. Cuối cùng ông đơn giản đầu hàng.

Thủ tướng Takeshita đọc một bài tán dương chính thức. Ông ta nói lại hai điều không có thực mà nền chính trị Nhật trong suốt nửa sau của thế kỷ hai mươi đã dựa vào. "Hoàng đế vĩ đại", Takeshita tuyên bố, đã luôn là một người yêu hòa bình và là một vị Hoàng đế hợp hiến. Trong 62 năm hỗn loạn, ông "đã cầu nguyện cho hòa bình của thế giới và hạnh phúc của đất nước Nhật Bản" và ngày nào ông cũng thực hiện điều mà mình thuyết giáo. "Đối với cuộc chiến tranh vĩ đại, cuộc chiến tranh đã nổ ra trái ngược với những mong ước của mình, khi ông không thể đứng nhìn đất nước chịu đựng những con quỷ dữ của mình được nữa, ông đã đưa ra một quyết định anh hùng và, bất chấp hạnh phúc của chính bản thân mình, kết thúc nó."

Thái tử Akihito năm-mươi-sáu-tuổi nhận trọng trách những công việc của Hoàng đế vào ngày hôm sau. Một người cha có ba người con đã trưởng thành, hai Hoàng tử Hiro và Aya và công chúa Nori, ông ta không phải đối mặt với vấn đề kế vị như Hirohito đã từng phải chịu. Trong buổi lễ ngắn gọn, ông ta tuyên thệ trung thành với hiến pháp Nhật Bản.

Thời kỳ mới "Heisei" (Bình Thành) bắt đầu khi hai miền Đông và Tây Đức đã hợp nhất, cuộc chiến tranh lạnh đã kết thúc và Liên bang Cộng hòa các nước Xô Viết- Đế chế rộng lớn nhất của thế giới - bắt đầu sụp đổ. Chính trị ở khắp mọi nơi trở nên hay thay đổi hơn. Tại Nhật Bản, một cuộc khủng hoảng chính trị nhỏ, bị gây ra bởi nạn bê bối tham nhũng thường xảy ra, một lần nữa lại gây sốc cho nền chính trị. Lần này, lần đầu tiên xảy ra trong một cuộc bỏ phiếu tại thượng viện (tháng 7 năm 1989), đảng LDP bị tạm thời thất bại. Trong khoảng thời gian một năm, ba vị thủ tướng lên nắm quyền và bị vị phải từ chức. Đám tang của Hirohito và những nghi lễ để Akihito lên ngôi được tổ chức trong những tranh chấp nghiêm trọng giữa những nhà lãnh đạo tinh hoa. Nhiều tháng trôi qua trong một năm cả đất nước

tảisáchhay

để tang theo lệ thường trước khi Hoàng đế Akihito có thể bắt đầu những nghi lễ lên ngôi. Giống như các nghi lễ của Hoàng đế Shōwa trước kia, cảnh phô trương hào nhoáng đều được chính phủ tài trợ nhưng lần này đơn giản và ít được thổi phồng hơn. Công chúng cảm thấy hài lòng nhưng ít người dường như cảm động bởi sự phô trương đó.

Việc lên ngôi diễn ra trong một buổi lễ tổ chức tại Hoàng cung vào ngày 12 tháng 11 năm 1990. Khoảng chừng 2.500 vị quyền cao chức trọng tham dự, 1.500 người trong số đó đến từ 158 nước trên thế giới. Sau đó hai tuần là đến "đại lễ cúng thực" tại vườn thượng uyển, ngày 23 tháng 11, với 733 vị khách tham dự. Cả hai sự kiện này đều không là một sự tăng thêm hay một điềm báo yêu thích đối với nền dân chủ Nhật Bản. Tại lễ lên ngôi, chủ nghĩa tượng trưng như thời xa xưa- mang lễ phục thần thánh, Hoàng đế ngồi trên cao, thủ tướng như nô lệ đứng dưới thấp và khiêm nhường nhìn lên. Thậm chí ý nghĩa về quyền tối cao độc lập của nhân dân bị nhạo báng. Buổi lễ cúng thực sáu-tiếng-đồng-hồ được dựa trên một quy định của Hoàng đế từ năm 1909 mà chẳng có liên quan gì đến hiến pháp năm 1947 cả. Tuy nhiên, lời thề của Akihito là xác nhận bản hiến pháp đó.

Lễ *daijōsai* làm sống lại những nghi lễ Thần đạo của đất nước dựa trên văn hóa chính trị của chính thể chuyên chế thời kỳ Minh Trị. Dưới góc độ này, nó coi thường sự chia cách về chính trị và tôn giáo của hiến pháp. Khi chỉ trích nổi lên, người phát ngôn của chính phủ chỉ ra rằng đạo luật tôn giáo đầu tiên của triều đại mới không quy định sự chứng minh là đúng với hiến pháp. Lễ đăng quang của Akihito đơn thuần đã trao cho ông ta một cơ hội thay mặt cho dân chúng để cầu nguyện; nó đã chẳng bằng cách nào chuyển đổi ông ta thành một vị thần sống. Và trên thực tế, lễ đăng quang đã là một nghi thức Thần đạo không đầy đủ khi so sánh với lễ lên ngôi của Shōwa. Không một quan chức hay nhà báo nào sử dụng dịp này để đề cao ttính đại chúng của ông ta.

Trong tháng 12 năm 1990, khi thời kỳ chuyển giao của Hoàng đế đã qua và nhanh chóng bị quên lãng, Hoàng đế Akihito đồng ý trả lời một cuộc phỏng vấn. Trả lời những câu hỏi về cuộc chiến tranh thất bại, ông ta nói: "Thế hệ tôi đã sống trong một thời gian dài không có chiến tranh và vì vậy tôi đã không có cơ hội suy ngẫm về chiến tranh." Câu trả lời có thể là tiếng nói của Chiêu Hòa. Từ đó về sau, mặc dù một buổi họp báo vào lễ sinh nhật hàng năm trở thành truyền thống, không một câu hỏi nghiêm túc nào về chiến tranh được đặt ra nữa.

Hoàng đế Akihito và Hoàng hậu Michiko lại nhanh chóng tiếp tục những chuyến công du nước ngoài. Trong tháng 10 năm 1992, chuyến viếng thăm tới Trung Quốc, theo lời mời của chính quyền Bắc Kinh, gây chia rẽ quan điểm trong nước về giá trị của "ngoại giao Hoàng tộc". Trong tháng 8 năm 1995, tại lễ kỷ niệm đầu hàng lần thứ 55, họ dấn mình vào một "hành trình chia buồn" gây ít tranh cãi hơn tới các thành phố Hiroshima và Nagasaki và hòn đảo Okinawa. Theo cách đó chỉ tạ lỗi cho sự đau khổ do quá khứ thời chiến tranh gây ra, Akihito tránh bất kỳ thừa nhận nào về tội lỗi chiến tranh của cha ông ta.

Khi thế kỷ 20 kết thúc, mặc dù những phát triển tại Nhật Bản gợi ý rằng thay đổi về hiến pháp có thể xảy ra, dường như không chắc rằng Akihito sẽ được chuyển sang lãnh đạo đất nước đột ngột như Minh Trị hay thảm hại như Chiêu Hoà. Tính cách, những khả năng, học thức và những mối quan tâm của ông tất cả dường như loại trừ một vai trò như vậy. Nhiều

tảisáchhay

vấn đề vẫn chưa được giải quyết Chiến tranh Thế giới thứ Hai cũng như vậy - những vấn đề vốn có trong chính thể chế quân chủ Nhật Bản hơn là trong người nắm ngai vàng cụ thể. Tuy nhiên, giống như Itō và thể chế *nguyên lão (genrō)* với Minh Trị; và Kido, chủ nghĩa quân phiệt và MacArthur với Shōwa (Chiêu Hoà), sự lãnh đạo đất nước trong tương lai có thể nổi lên và tìm ra những cách thức hiệu quả để sử dụng vị quân vương mới hoặc những người kế vị ông ta. Không biết họ sẽ chuyển dịch thể chế như các bậc tiền nhân của họ đã làm - để ngăn cản việc làm tăng thêm chế độ dân chủ và sự lớn mạnh trong cảm nhận của dân chúng về việc trao quyền hợp pháp về chính trị - là một vấn đề cốt yếu đối với Nhật Bản trong thiên niên kỷ mới không.

Dự án 1.000.000 ebook cho thiết bị di động

Phát hành ebook: http://www.taisachhay.com

Tạo ebook: Tô Hải Triều

Ebook thực hiện dành cho những bạn chưa có điều kiện mua sách.

Nếu bạn có khả năng hãy mua sách gốc để ủng hộ tác giả, người dịch và Nhà Xuất Bản

tảisáchhay